

**A DI ĐÀ KINH SỚ SAO
DIỄN NGHĨA
QUYỂN V**

**Liên Trì đại sư chùa Vân Khê soạn sớ sao
Pháp sư Cổ Đức diễn nghĩa**

**阿彌陀經疏鈔演義
卷五**

明古杭雲棲寺沙門祿宏述
明雲棲寺古德法師演義
民國淨業學人釋淨空演講
越南譯本

Chủ giảng: Lão pháp sư Tịnh Không

A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa

A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa

Quyển V

阿彌陀經疏鈔演義

卷五

明古杭雲棲寺沙門祿宏述

明雲棲寺古德法師演義

民國淨業學人釋淨空演講

Chủ giảng: Lão pháp sư Tịnh Không

Địa điểm: Đài Loan Cảnh Mỹ Hoa Tạng Đồ Thư Quán

Thời gian: Tháng 12 năm 1984

Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Giảo duyệt: Minh Tiến - Huệ Trang - Đức Phong

Mục Lục

| | | |
|------------------------|--------------------------|------------------------|
| Tập 121.....3 | Tập 131 204 | Tập 141.....403 |
| Tập 122.....26 | Tập 132 221 | Tập 142.....421 |
| Tập 123.....47 | Tập 133 245 | Tập 143.....437 |
| Tập 124.....65 | Tập 134 264 | Tập 144.....458 |
| Tập 125.....87 | Tập 135 280 | Tập 145.....479 |
| Tập 126.....105 | Tập 136 304 | Tập 146.....500 |
| Tập 127.....129 | Tập 137 321 | Tập 147.....524 |
| Tập 128.....148 | Tập 138 343 | Tập 148.....545 |
| Tập 129.....166 | Tập 139 362 | Tập 149.....569 |
| Tập 130.....184 | Tập 140 385 | Tập 150.....586 |

Tập 121

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang hai trăm sáu mươi hai:

(Sớ) Hựu bất độc trí vi năng tín, Phật quả thành tựu, giai diêu trí cố.

(疏) 又不獨智為能信，佛果成就，皆繇智故。

(Sớ: Lại nữa, chẳng phải chỉ là do trí bèn có thể tin, mà thành tựu Phật quả cũng đều do trí).

Trong lời Sao, Liên Trì đại sư có giải thích mấy câu này.

(Sao) Hoa Nghiêm nhị thập nhị, kinh vân.

(鈔) 華嚴二十二，經云。

(Sao: Trong kinh Hoa Nghiêm quyển thứ hai mươi hai có nói).

Chư vị đồng học phải nhớ những câu giống như vậy. “*Nhị thập nhị*” là quyển thứ hai mươi hai. Kinh Hoa Nghiêm có tám mươi quyển, trong quyển thứ hai mươi hai có nói...

(Sao) Nhất thiết chư Phật trang nghiêm thanh tịnh, mạc bất giai dĩ Nhất Thiết Trí cố, tắc tri A Di Đà Phật diệc dĩ thử trí thành tựu Tịnh Độ công đức, nhi chư chúng sanh tu Tịnh Độ giả, dĩ trí sanh tín, tắc vi chánh tín, dĩ trí phát nguyện, tắc vi hoằng nguyện, dĩ trí khởi hạnh, tắc vi diêu hạnh.

(鈔) 一切諸佛莊嚴清淨，莫不皆以一切智故。則知阿彌陀佛亦以此智成就淨土功德。而諸眾生修淨土者，以智生信則為正信，以智發願，則為弘願，以智起行，則為妙行。

(Sao: Hết thấy chư Phật trang nghiêm thanh tịnh, không vị nào chẳng đều do Nhất Thiết Trí, nên biết A Di Đà Phật cũng dùng trí này để thành tựu công đức của Tịnh Độ, mà các chúng sanh tu Tịnh Độ do trí mà sanh lòng tin thì lòng tin ấy là chánh tín, dùng trí để phát nguyện thì nguyện ấy là hoằng nguyện, dùng trí để khởi hạnh thì hạnh ấy là diêu hạnh).

Trong một câu này bao gồm ba tư lương của pháp môn Tịnh Độ, [tức là] ba điều kiện tu hành cơ bản Tín, Nguyện, Hạnh. Ba điều kiện này đều được kiến lập trên trí huệ, nhằm phân biệt chẳng phải là mê tín, chẳng phải là xử sự theo cảm tình, nó là lý tánh, mong các đồng tu phải đặc biệt chú ý điều này, chúng ta mới thật sự hiểu rõ niêm Phật chẳng phải là mê tín. Trang nghiêm cõi nước Phật nhất định phải dùng trí huệ chân thật; do vậy, kinh Vô Lượng Thọ nói ba thứ chân thật, “*chân thật huệ*”, tức là trí huệ chân thật, “*chân thật chi tế*”, và “*huệ dĩ chúng sanh chân thật chi lợi*” (ban cho chúng sanh lợi ích chân thật), nói tới ba thứ chân thật, lấy “*chân thật huệ*” làm căn cứ bậc nhất. Chú giải kinh này, Liên Trì đại sư cũng dùng Nhất Thiết Trí, cho nên Ngài nói “*chẳng riêng gì Tín phải nương vào Trí*”, mà thành tựu Phật quả cũng nhờ vào trí huệ. Trong kinh Vô Lượng Thọ, chúng ta thấy chuyện này đặc biệt rõ ràng. Do vậy, người tu Tịnh Độ chúng ta, [hay nói rộng hơn] là hết thảy chúng sanh tu tập pháp môn Tịnh Độ “*dĩ trí sanh Tín*” (do trí mà sanh lòng tin) thì [lòng tin ấy] gọi là Chánh Tín. Trong Yếu Giải, Ngẫu Ích đại sư đã nói sáu thứ Tín, “*tín tự, tín tha, tín nhân, tín quả, tín Sự, tín Lý*”, nói đến sáu thứ. Do vậy, nhất định phải tin tưởng “*tâm này làm Phật, tâm này là Phật*”. Đây là căn cứ lý luận của toàn thể Phật pháp, bất luận tông nào hay phái nào, “*tâm này làm Phật*”, đặc biệt là pháp môn “*niêm Phật thành Phật*” này, niêm Phật thành Phật đây nhé! Niêm Phật vãng sanh, niêm Phật làm Phật; do vậy, phải tin tưởng chúng sanh và Phật bất nhị! Chỉ sợ quý vị không niêm Phật, chứ người niêm Phật quyết định làm Phật.

Mười pháp giới đều do tự tâm của chúng ta biến hiện, tâm chúng ta tưởng gì liền biến ra cảnh giới ấy. Cho nên, y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới do đâu mà có? Từ trong tưởng tượng biến hiện, sức mạnh của tưởng tượng rất lớn, tưởng điều gì liền biến hiện điều ấy! Chúng ta phải có trí huệ và tín tâm như vậy thì mới được coi là “*chánh tín*”. Nếu chẳng có trí huệ, nói thật ra, chánh tín sẽ chẳng thể sanh khởi; dẫu có tín tâm vẫn chẳng phải là chánh tín. Chẳng phải là chánh tín, người ấy sẽ thoái chuyển, sẽ thay đổi. Chúng tôi đã từng thấy không ít người niêm Phật, niêm vài chục năm, đến tuổi già bèn thay đổi, học pháp môn khác, điều ấy vô cùng đáng tiếc! Đây đều là vì trong tín tâm chẳng có trí huệ, là một thứ lòng tin theo cảm tình, nói khó nghe là mê tín, nên kẻ ấy mới thay đổi! Người thật sự có trí huệ chắc chắn sẽ không bị thay đổi!

“*Dĩ trí phát nguyện*” (dùng trí để phát nguyện), nguyện ấy là “*hoàng nguyện*”, nguyện ấy cũng chẳng kiến lập trên cơ sở cảm tình hay

mê tín! Nó là nguyện từ trong trí huệ Bát Nhã, tức là nguyện phát sanh từ lý trí, tuyệt đối chẳng phải là cảm xúc nhất thời, nên nguyện ấy là chân nguyện. Người ấy hiểu rõ ràng, minh bạch Sự và Lý của y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới, hiểu rõ vì sao phải chọn lựa Tây Phương. Trong Đại Kinh, chuyện này rất rõ rệt. Trong kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật, phu nhân Vy Đề Hy gặp nạn, con cái bất hiếu, giam chặt bà ta. Bà cảm thấy thống khổ, ở trong hoàng cung dõi nhìn Linh Sơn. Khi ấy, đức Phật ở núi Linh Thứu, núi Linh Thứu ở ngoài thành Vương Xá. Bà ở trong hoàng cung niệm Phật, cầu Phật đến cứu. Bà ta cảm thấy thế giới này rất khổ, con cái bất hiếu, làm phản. Nếu lúc ấy chẳng có mấy vị đại thần khuyên can, ngăn cản, con bà ta sẽ giết mẹ! Bà ta cảm thấy thế giới này chẳng có ý nghĩa gì, cầu Phật: “Các cõi Phật trong mười phương cõi nào tốt đẹp, con muốn sang đó, chẳng muốn ở trong thế gian này nữa!”

Bà ta có một niệm ấy, đức Phật liền biết. Do vậy, bà Vy Đề Hy dẫn mấy cung nữ hướng về phương hướng núi Linh Thứu lễ bái, vừa ngẩng đầu lên, Thích Ca Mâu Ni Phật đã dẫn nhiều người đến hoàng cung rồi, đến từ không trung. Đây là đức Phật hiện Thần Túc Thông. Đức Phật đáp ứng lời thỉnh cầu của bà ta, dùng thần lực của Phật hiện bày các cõi Phật trong mười phương khiến bà ta đều trông thấy. Sau khi bà ta đã thấy các cõi Phật, bèn hướng về Thích Ca Mâu Ni Phật thưa: “Con chọn lựa cõi Phật A Di Đà, muốn sanh về cõi Phật A Di Đà”. Xin Thích Ca Mâu Ni Phật dạy bà ta cách sanh về đó. Kinh ghi chép như thế, chúng ta phải tin tưởng điều này. Thuở ấy, trong hoàng cung, chẳng phải là một mình vua Ba Tư Nặc trông thấy, mà cả mấy trăm cung nữ của bà ta cũng đồng thời thấy, chuyện ấy chẳng phải là giả!

Trong kinh Vô Lượng Thọ, đức Phật giới thiệu Tây Phương Cực Lạc thế giới xong, bèn hỏi A Nan: “Ông có muốn thấy Tây Phương A Di Đà Phật hay không?” Ngài thưa: “Con xin được thấy”. Kết quả là Thích Ca Mâu Ni Phật dạy Ngài hướng về phương Tây lễ bái, xưng danh, nhất tâm xưng danh niệm A Di Đà Phật. A Nan vừa niệm A Di Đà Phật, lay xuống một lay, ngẩng đầu lên, A Di Đà Phật đã hiện trên không trung, Ngài được trông thấy. Không chỉ riêng A Nan trông thấy, mà có đến hơn một vạn người nghe giảng kinh trong pháp hội Vô Lượng Thọ lần đó thấy đều trông thấy! Đây chẳng phải là giả, chẳng phải là một người thấy, mà là nhiều người như thế trông thấy! Điều này cũng chứng thực lời Đại Thế Chí Bồ Tát đã nói trong chương Niệm Phật Viên Thông: “*Hiện tiền, đương lai, tất định kiến Phật*” (hiện tại, tương lai, nhất định thấy Phật), ở đây là hiện tiền thấy Phật. Ngài A Nan vừa thấy A Di Đà Phật liền phát

nguyện cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Do vậy, nếu các vị hỏi: “Hiện thời, ngài A Nan ở đâu?” Ngài ở trong Tây Phương Cực Lạc thế giới. Ngài là tổ sư đời thứ hai của Thiên Tông. Ma Ha Ca Diếp là sơ tổ Thiên Tông. Ma Ha Ca Diếp truyền cho Ngài, Ngài vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Do vậy, sự phát nguyện này là thật sự hiểu rõ, nguyện sanh Tây Phương, đây mới là đại nguyện.

Quý vị phát nguyện phổ độ hết thảy chúng sanh, đúng như Tứ Hoàng Thệ Nguyện: “*Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ, phiền não vô tận thệ nguyện đoạn*”, cho đến nguyện cuối cùng là “*Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành*”, quý vị “*thành*” bằng cách nào? Nếu quý vị chẳng thể vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, thưa quý vị, bốn nguyện ấy đều là rỗng tuếch, hữu danh vô thực. Quý vị mong độ chúng sanh, nhưng chẳng có năng lực, độ không được! Quý vị muốn đoạn phiền não, cũng chẳng đoạn phiền não được! Phiền não chẳng tăng trưởng thì coi như còn khá, sợ là phiền não mỗi ngày một tăng trưởng. Nếu chẳng đoạn, nó sẽ là tăng trưởng mỗi ngày, đáng sợ quá! Quý vị học pháp môn thì cũng chẳng học được! Trong thế gian hiện thời, chẳng có thầy tốt, đồng tham đạo hữu tốt đẹp cũng chẳng có, hoàn cảnh tốt đẹp cũng chẳng có, đến nơi đâu để học? Chẳng có chỗ nào để học! Chẳng cần phải nói đến chuyện thành Phật nữa! Vẫn luân hồi trong lục đạo y như cũ, chẳng thể thành Phật! Do vậy, muốn thực hiện Tứ Hoàng Thệ Nguyện, phương pháp duy nhất là cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới.

Vì thế, trong Yếu Giải, Ngẫu Ích đại sư đã giải thích thẳng thừng về “phát Bồ Đề tâm”, Ngài nói: Phát Bồ Đề tâm là gì? Tâm cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới chính là Vô Thượng Bồ Đề tâm. Từ xưa tới nay, các tổ sư đại đức chưa hề nói như vậy. Chúng ta hãy suy nghĩ xem Ngài nói có lý hay không? Đúng là có. Vì Khởi Tín Luận giảng Bồ Đề tâm là “*trực tâm, thâm tâm, đại bi tâm*”; trong Quán Kinh, đức Phật giảng Bồ Đề tâm là “*chí thành tâm, thâm tâm, phát nguyện hồi hướng tâm*”. Một niệm cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, ba tâm ấy đều trọn đủ. Ngẫu Ích đại sư thật tuyệt vời, một câu nói toạc ra, chúng ta nghe xong liền hiểu rõ ràng, minh bạch, chẳng có chút nghi hoặc nào! Lại còn cảm thấy chúng ta có thể làm được! Quý vị nói “*trực tâm, thâm tâm, đại bi tâm*”, nói cả nửa ngày, chúng ta vẫn chẳng hiểu rõ ràng, chẳng biết học từ chỗ nào? Càng giảng càng mơ hồ, chẳng thể hiểu rõ như cách giảng đơn giản của Ngẫu Ích đại sư, đây là ưu điểm!

Vì vậy, trong thời cận đại, các vị như Ấn Quang đại sư, các vị tổ sư đại đức đều công nhận sách Yếu Giải của Ngẫu Ích đại sư là sách chú giải

kinh Di Đà bậc nhất, là bản chú giải hay nhất, đơn giản, dễ hiểu nhất. Ân Quang đại sư tán thán: “*Cổ Phật tái lai, A Di Đà Phật tái lai để soạn chú giải cho kinh A Di Đà cũng chẳng thể hay hơn được!*” Đó là tán thán Yếu Giải đến tột bậc! Yếu Giải đơn giản, dễ hiểu, Sớ Sao rộng lớn, tinh vi, sâu xa. Nếu quý vị muốn biết tỉ mỉ, hãy học Sớ Sao; nếu muốn rất đơn giản nắm vững cương lĩnh của kinh A Di Đà, hãy tìm trong Yếu Giải. Hai loại chú giải này hay nhất, có thể tham chiếu lẫn nhau. Trong giảng tòa, chúng tôi cũng luân lưu giảng hai bản chú giải này. Giảng xong Sớ Sao bèn giảng Yếu Giải. Giảng Yếu Giải xong lại giảng Sớ Sao. Chúng tôi luân lưu giáp vòng giảng hai bản chú giải này!

Nếu chẳng có trí huệ chân chánh, nói thật thà, chân trí huệ là gì? Ta có trí huệ ư? Nào ngờ là khiêm hư quá lộ khi tự nói “ta chẳng có trí huệ!” Nếu lại học kinh giáo, tông phái khác, quả thật ta chẳng có trí huệ, trí huệ của chúng ta không đủ; nhưng nói theo pháp môn Tịnh Độ, trí huệ là gì? Quý vị có thể chọn lựa pháp môn Tịnh Độ, đó là trí huệ bậc nhất! Cách nói này chẳng quá lộ, chẳng sai tí nào! Vì sao? Mọi người công nhận Văn Thù Bồ Tát trí huệ bậc nhất, Ngài là vị trí huệ bậc nhất trong các vị Bồ Tát; Văn Thù Bồ Tát chọn lựa pháp môn Trì Danh Niệm Phật vãng sanh Tịnh Độ, chọn lựa bằng trí huệ! Ngày nay chúng ta cũng chọn lựa pháp môn này, chẳng khác gì Văn Thù Bồ Tát, Ngài chọn pháp này, ta cũng chọn pháp này! Ngoài chuyện chọn lựa này ra, ta thấy chúng ta chẳng có gì sánh bằng Văn Thù Bồ Tát! Những thứ khác chẳng sánh bằng không sao cả! Chỉ cần điều này chẳng sai khác cho mấy là được rồi, chắc chắn là khá lắm rồi! Do vậy, ta có thể biết: Chẳng chọn lựa pháp môn này tức là chẳng có trí huệ!

Trong Vô Lượng Thọ Kinh Mi Chú, thầy Lý đã chú giải rất hay, thầy viết: “*Chẳng cầu đời nghiệp vãng sanh, chẳng phải là ngu thì cũng là cuồng*”. Đó là thiếu trí huệ, chẳng phải là ngu si thì là cuồng vọng, đều là kẻ thiếu trí huệ! Một người có trí huệ chắc chắn chọn lựa pháp môn này. Mấy hôm nay, tôi cũng nói với quý vị chẳng ít, chọn lựa pháp môn này thì nhất định phải ghi nhớ lý luận, phương pháp, và cảnh giới được giảng trong pháp môn, phải thường ghi [những điều ấy] trong lòng, phải thời thời khắc khắc thực hiện, vận dụng vào cuộc sống của chúng ta, áp dụng vào việc xử sự, đãi người, tiếp vật, đây mới là người thật sự niệm Phật. Do vậy, chẳng có chân trí, nguyện sẽ chẳng thể phát khởi. Dầu có phát nguyện, vẫn chẳng phải là đại nguyện, cho nên kẻ ấy sẽ bị thoái chuyển, hoại nghi, đánh mất tín tâm!

Do vậy, một đạo tràng niệm Phật vì sao phải giảng kinh mỗi ngày? Nhằm khiến cho quý vị đoạn nghi sanh tín! Một đạo tràng niệm Phật thật sự sẽ giảng năm kinh Tịnh Độ từ đầu một lượt, như đối với kinh Di Đà bèn giảng Sớ Sao, giảng mỗi ngày thì phải giảng suốt một năm mới có thể giảng viên mãn. Năm kinh một luận đều giảng từ đầu đến cuối như vậy một lượt, ít nhất cũng phải mất năm sáu năm [mới hoàn tất]; nhưng năm sáu năm ấy quyết chẳng phải là lãng phí! Sau năm sáu năm ấy, tín tâm của quý vị nhất định kiên cố. Nói cách khác, nắm vững Tây Phương Tịnh Độ, quyết định chẳng có vấn đề gì! Vì thế, chẳng thể không giảng kinh này! Chẳng thể không niệm Phật! Niệm Phật quyết định phải có một Niệm Phật Đường, đạo tràng của chúng ta hiện thời bị thiếu sót, có giảng đường, nhưng thiếu Niệm Phật Đường, nên đạo tràng này chỉ có một nửa, vẫn còn thiếu một nửa. Đạo tràng này kiện toàn, tâm mọi người đều định, dễ thành tựu. Đạo tràng chẳng kiện toàn, tâm vẫn lao xao, nói chung là bất định, khó thể thành tựu!

Nói đến Hạnh, Hạnh cũng phải là “*dĩ trí khởi Hạnh*”, hạnh ấy mới là “*diệu hạnh*”. Trước hết, phải đại triệt đại ngộ, sự đại triệt đại ngộ này chẳng phải là triệt ngộ trong Thiên Tông, mà là thật sự hiểu rõ Tây Phương Tịnh Độ, hiểu rõ Sự và Lý ở hai nơi Sa Bà và Cực Lạc, đó gọi là “đại triệt đại ngộ”. Vì sao? Quyết tâm muốn rời khỏi Sa Bà, muốn đạt đến thế giới Cực Lạc, tâm ấy kiên định, tâm ấy quyết định chẳng thay đổi. Đó là sự triệt ngộ trong Tịnh Độ Tông. Sau đây, quý vị niệm một câu Phật hiệu sẽ giống như trong Niệm Phật Viên Thông Chương, Đại Thế Chí Bồ Tát đã nói: “*Đô nhiếp lục căn, tịnh niệm tương kế, bất giả phương tiện, tự đắc tâm khai*” (nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối, chẳng nhờ vào phương tiện mà tự đạt tâm khai), đó là diệu hạnh! Khăng khăng một mực niệm một câu Phật hiệu này, khăng khăng một mực tu pháp môn này, chúng ta giữ lấy một bộ Tịnh Độ Ngũ Kinh này là đủ rồi, quyết định đạt được Thượng Phẩm Thượng Sanh, đó là diệu hạnh. Những kinh điển khác đều có thể chẳng cần đến, Liên Trì đại sư nói: “*Tam Tạng mười hai bộ, nhường cho kẻ khác ngộ*”, ta chẳng cần đến, khăng khăng một mực có một thứ này là được rồi, một bộ kinh A Di Đà là được rồi! “*Tám vạn bốn ngàn hạnh, để cho người khác hành*”, để cho những người khác tu hành [các hạnh khác]!

Chúng ta chỉ chọn lấy trì danh niệm Phật, khăng khăng một mực, đó là diệu hạnh, là sự chọn lựa bằng trí huệ chân chánh. Chẳng có chân thật huệ thật sự, sẽ chẳng thể khăng khăng một mực! Nếu cái tâm [so đo, chộp giật, toan tính học pháp này, pháp nọ] chưa nguội lạnh, sẽ chẳng thể

khăng khăng một mực, dầu có tu hành, vẫn chẳng phải là diệu hạnh. Nếu kẻ ấy gặp duyên, vẫn bị thoái chuyển, vẫn thay lòng đổi dạ! Nghe người ta nói mấy câu, khuyên quý vị mấy lời, ngay lập tức ý niệm xoay chuyển, thay đổi, hạnh kiêu đó chẳng diệu! Thật sự là chẳng diệu! Ý niệm vừa chuyển, bèn vào trong ba ác đạo. [Chắc quý vị sẽ cãi] ý niệm vừa chuyển cũng chẳng đến nỗi đọa trong ba ác đạo, vì sao [pháp sư] nói nghiêm trọng đường ấy? Tôi thừa cùng quý vị, ý niệm xoay chuyển sẽ thật sự đọa trong tam ác đạo. Dầu quý vị nhân phẩm, đạo đức, học vấn, phước báo tốt đẹp cách mấy, vẫn đọa trong ba ác đạo, vì nguyên nhân nào? Quý vị đã phá hoại pháp Tịnh Độ!

Phá hoại như thế nào? Người ta thấy người ấy niệm Phật vài chục năm, quý vị thấy kẻ ấy [đến lúc] tuổi già tu pháp khác, [bèn tự nhủ] nói chung, chẳng thể học Tịnh Độ! Đây là quý vị đã phá hoại Tịnh Độ, sẽ là kẻ đọa trong địa ngục A Tỳ. Nếu quý vị chẳng tu Tịnh Độ, sẽ chẳng tạo nghiệp nhân này! Niệm Phật vài chục năm, lúc tuổi già đi học Thiên, học Mật, làm cho những kẻ học đạo khác trông thấy [hành vi của] quý vị, [bèn nghĩ]: Người này đã hành nhiều năm ngàn ấy [mà vẫn bỏ không tu Tịnh Độ nữa], đại khái là Tịnh Độ không được rồi, chẳng đáng trông cậy, vẫn là Thiên hay Mật tốt đẹp hơn! Quý vị phải hiểu: Quý vị vừa chuyển đã ảnh hưởng tới bao nhiêu người. Người đồng ngàn ấy chịu ảnh hưởng của quý vị, đều cùng bị lạc lối, kẻ mù dẫn lũ đui, quý vị phải chịu trách nhiệm nhân quả! Vì thế, phiền phức nảy sanh từ chỗ này!

Quý vị học Tịnh Độ vài ngày, chuyển sang học pháp khác, chẳng phạm lỗi lầm to tát đường ấy. Quý vị học đã lâu, sau đó chuyển ý niệm, đáng kinh hãi lắm! Đó là thiếu trí huệ. Không chỉ chính mình từ đường chánh đi vào nẻo tà, mà còn phải gánh lấy [trách nhiệm] nhân quả rất lớn. Nếu quý vị ảnh hưởng càng nhiều người, tội lỗi càng nặng, hết sức đáng sợ. Vì vậy, Tín, Nguyện, Hạnh đều nương vào trí huệ chân thật.

(Sao) Nãi chí thành Phật, hằng tất diêu chi.

(鈔) 乃至成佛，恆必繇之。

(Sao: Cho đến thành Phật, vẫn luôn cậy vào trí).

Từ Sơ Phát Tâm mãi cho đến lúc thành Phật đều phải nương vào trí huệ, trí huệ do đâu mà có? Trí huệ phát xuất từ tín tâm thanh tịnh. Kinh Kim Cang nói: “*Tín tâm thanh tịnh bèn sanh Thật Tướng*”. Thật Tướng là chân thật huệ, tín tâm thanh tịnh là gì? Trong tín tâm chẳng có mảy may hoài nghi, chẳng có mảy may đảm nhiệm, đó là “thanh tịnh”. Do vậy, cho

đến khi thành Phật đều phải cậy vào trí huệ, “*hằng tất diêu chi*” (luôn cậy vào), đều phải có trí huệ.

(Sao) Cái thông nhân triệt quả, thành thử thành chung chi yếu đạo dã, khởi độc vì tín giải chi môn nhi dĩ tai!

(鈔) 蓋通因徹果，成始成終之要道也，豈獨為信解之門而已哉。

(Sao: Bối lẽ, trí thông suốt nhân, thấu triệt quả, là đạo trọng yếu để thành tựu từ đầu tới cuối, há có phải riêng một môn Tín Giải mà thôi w!)

Lời kết luận này hay quá! Bối lẽ, kinh này do đức Phật gọi ngài Xá Lợi Phất để nói, trong các vị Thanh Văn, ngài Xá Lợi Phất đại biểu trí huệ bậc nhất. Pháp môn này là pháp khó tin, nếu chẳng phải là trí huệ bậc nhất, có giảng cho kẻ ấy cũng vô ích! Kẻ ấy chẳng tin, chẳng thể tiếp nhận. Chư vị nhất định phải biết: Nếu trong tương lai, quý vị gặp phải đại pháp sư, lão hòa thượng, hoặc thiện tri thức tu học đã lâu bảo quý vị đừng nên niệm Phật: “Pháp môn Niệm Phật không được đâu!”, khuyên quý vị tu Thiền, hay khuyên quý vị học Mật, tôi thấy rất nhiều kẻ như thế! Quý vị vừa nghe, [bèn nghĩ] vị lão hòa thượng này đức cao vọng trọng, chắc là Ngài nói chẳng sai! Nếu quý vị nghe lời người đó liền bị mắc lừa to lớn! Vì sao những người đó tu hành suốt đời mà vẫn chẳng tin tưởng [Tịnh Độ]? Kinh nói [pháp môn Tịnh Độ] là “pháp khó tin”! Nếu những kẻ đó đều tin tưởng, làm sao đức Phật có thể nói kinh này là “pháp khó tin” cho được! Pháp này chẳng phải là rất dễ tin tưởng ư? Khó lắm! Thật sự là khó! Những người hữu tu hữu học, ắt phải thật sự học thông suốt rồi mới tin tưởng. Do vậy, các vị Liên Trì, Ngẫu Ích thường trích dẫn [lời dạy của các ngài] Mã Minh, Long Thọ, Thiên Thân Bồ Tát, Trí Giả, Vĩnh Minh, những vị ấy Tông lẫn Giáo đều thông, thật sự thông đạt, các Ngài chọn lấy pháp môn Niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, thật sự thấu hiểu! Dẫu là người học Giáo Hạ đã lâu, kẻ ấy chẳng thật sự thông suốt. Chẳng thật sự thông suốt sẽ chẳng tin pháp môn này, chuyện này cũng chẳng kỳ lạ chút nào! Chưa thông hiểu, đích xác là chẳng tin.

Chính bản thân tôi là một thí dụ, lúc tôi mới học Phật, chẳng tin tưởng Tịnh Độ. Vẫn kẻ như rất may mắn là [cuối cùng] tôi tin tưởng Tịnh Độ, chẳng phải là nghe người ta khuyên, tôi tin liền, đâu có đơn giản như vậy! Người đầu tiên khuyên tôi là pháp sư Sám Vân, tôi chưa thể tiếp nhận; về sau là lão cư sĩ Lý Bình Nam, tôi bán tín bán nghi. Vì sao mới tin? Giảng kinh Hoa Nghiêm mười mấy năm rồi mới tin. Tôi giảng kinh Hoa

Nghiêm bắt đầu từ năm Dân Quốc 60 (1971) mãi cho đến hiện thời chẳng gián đoạn. Năm nay là năm Dân Quốc 77 (1988), đã giảng mười bảy năm. Do kinh Hoa Nghiêm, tôi thường nói: “Tôi đã khai ngộ, đại triệt đại ngộ!” Ngộ gì vậy? Ngộ tu pháp môn Tịnh Độ! Vì từ kinh Hoa Nghiêm, tôi đã thấy rõ ràng, rành rẽ: Văn Thù, Phổ Hiền, Thiện Tài đồng tử, bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ ai nấy đều niệm Phật cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới! Chuyện này đúng là giáng một gậy to vào đầu tôi, đánh thức tôi! Hoa Nghiêm là cảnh giới gì? Đến cuối cùng, thấy đều niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ.

Do vậy, tôi đọc chú giải kinh Vô Lượng Thọ của cư sĩ Hoàng Niệm Tổ, cụ trích dẫn lời các vị đại đức đời Đường nói Hoa Nghiêm và Pháp Hoa đều nhằm dẫn đường cho kinh Vô Lượng Thọ, tôi vừa đọc liền thừa nhận [lời đoạn quyết ấy] chẳng sai tí nào! Vì sao? Tôi tin tưởng pháp môn Tịnh Độ là nhờ kinh Hoa Nghiêm dẫn dắt. Chẳng có bộ kinh ấy dẫn dắt, dầu như thế nào đi nữa tôi cũng chẳng thể tin tưởng, cũng chẳng chịu tu học. Vì thế, tôi vô cùng cảm kích kinh Hoa Nghiêm. Nếu không nhờ Hoa Nghiêm, tôi sẽ chẳng tin tưởng pháp môn này. Nói thật ra, kinh Hoa Nghiêm là Tự Phần của kinh Vô Lượng Thọ, là phần dẫn nhập của kinh Vô Lượng Thọ. Kinh Vô Lượng Thọ và kinh A Di Đà là Chánh Tông Phần của kinh Hoa Nghiêm. “*Thập đại nguyện vương đạo quy Cực Lạc*” (mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc), chẳng sai, chỗ quy túc cuối cùng trở về kinh Di Đà. Liên Trì đại sư bảo hai bộ kinh Di Đà và Vô Lượng Thọ là đồng bộ, được gọi là Đại Bản và Tiểu Bản. Tiểu Bản giảng đơn giản, Đại Bản giảng chi tiết, nhưng nội dung hoàn toàn giống nhau, chẳng sai biệt!

“*Thông nhân triệt quả*”, từ tu nhân đến chứng quả đều cần đến trí huệ. “*Thành thi thành chung*”, “*thi*” (始) là quý vị bắt đầu tin tưởng, phát nguyện, trì danh, trọn đủ Tín, Nguyện, Hạnh, đây là “*thành thi*”; đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, quý vị viên chứng ba thứ Bất Thoái, thành Phật trong một đời, đó là “*thành chung*”. Thấy đều phải cậy vào trí huệ! Quý vị mới hiểu vì sao đức Phật gọi ngài Xá Lợi Phất để giảng [kinh Di Đà], chẳng gọi người khác. Đặc biệt là kinh Di Đà “*vô vấn tự thuyết*”, trong kinh này toàn là Thích Ca Mâu Ni Phật tự nói, những người khác chẳng nói xen vào một câu nào! “*Khởi độc vi tín giải chi môn nhi dĩ tai*” (há có phải riêng một môn Tín Giải mà thôi ư!).

(*Sớ*) *Xưng Lý*.

(*疏*) 稱理。

(*Sớ*): *Xét theo Lý*).

Đoạn Xứng Lý này là đoạn bàn luận tương xứng với Tánh. Vì vậy, bản chú giải này của Liên Trì đại sư chẳng giống với những bản chú giải thông thường, mỗi đoạn ngắn đều chỉ quy tợ tánh. Xứng Lý thường được gọi là Tiêu Quy Tợ Tánh, điều này rất ít thấy trong các bản chú giải thông thường, nhưng sau mỗi đoạn trong Sớ Sao đều có.

(Sớ) Tắc tợ tánh tợ nhiên trí, thị Phật tợ cáo Xá Lợi Phát nghĩa.

(疏) 則自性自然智，是佛自告舍利弗義。

(Sớ: Tợ nhiên trí trong tợ tánh chính là ý nghĩa của việc Phật tợ bảo Xá Lợi Phát).

Cách nói này hoàn toàn hội quy tợ tánh, nghĩa là gì? Chúng ta hãy nhìn lời giải thích trong phần Sao.

(Sao) Vô duyên nhi chiếu, phát lục nhi tri, diệu tánh thiên nhiên, bất tùng tha đắc. Thị cố kiến chùy vị động, khả tỉnh vô nhân, xí nhiên thuyết, vô gián yết.

(鈔) 無緣而照，弗慮而知，妙性天然，不從他得。是故捷椎未動，啟請無人，熾然說，無間歇。

(Sao: Vô duyên mà chiếu, chẳng suy nghĩ mà biết, diệu tánh thiên nhiên chẳng do điều gì khác mà đạt được. Do vậy, kiến chùy chưa động tới, chẳng có người khả tỉnh mà nói tràn trề, chẳng gián đoạn, ngưng nghỉ).

Mấy câu này có ý nghĩa rất sâu, “vô duyên nhi chiếu”, Chiếu là trí huệ khởi tác dụng. Công phu tu hành của nhà Thiền gồm ba giai đoạn: Giai đoạn thứ nhất là Quán Chiếu, giai đoạn thứ hai là Chiếu Trụ, giai đoạn thứ ba là Chiếu Kiến. Chiếu Kiến là kiến tánh. Trong Kim Cang Kinh Giảng Nghĩa, lão cư sĩ Giang Vị Nông đã nói về ba cảnh giới này rất rõ ràng. Chúng ta niệm Phật cũng có ba giai đoạn, ba giai đoạn ấy được nói theo cách khác, nhưng nói thật ra, ý nghĩa tương đồng. Quán Chiếu trong Thiền Tông được Tịnh Độ Tông gọi là công phu thành phiền. Chiếu Trụ trong Thiền Tông chính là Sự nhất tâm bất loạn trong Tịnh Độ. Chiếu Kiến như Thiền Tông đã nói chính là Lý nhất tâm bất loạn trong Tịnh Độ. Quán Tợ Tại Bồ Tát trong Bát Nhã Tâm Kinh là Quán Thế Âm Bồ Tát, Ngài đã tu hành tới giai đoạn cao tột, tức là Chiếu Kiến. “Chiếu kiến Ngũ Uẩn giai Không”, Chiếu Kiến là minh tâm kiến tánh. Chúng ta niệm Phật đạt đến Lý nhất tâm cũng là minh tâm kiến tánh. Do vậy, danh từ, thuật ngữ khác

nhau, nhưng cảnh giới giống nhau. “*Vô duyên nhi chiếu*”, những loại Chiếu thông thường nói chung là phải có duyên rồi sau đó mới khởi Quán Chiếu.

Nói tới Tri (知: hiểu biết) thì Tri nói chung là chúng ta phải suy nghĩ mới biết. “*Lự*” (慮) là suy nghĩ, suy xét, nghiên cứu, [sau đó] chúng ta hiểu rõ ràng, minh bạch chuyện này. [“*Phát lự nhi tri*”] ở đây là nói không có duyên, chẳng cần đến duyên, Chiếu là tự nhiên, chẳng cần phải suy xét mà biết. Ví dụ như A La Hán có thần thông, Bích Chi Phật có thần thông, Quyền Giáo Bồ Tát có thần thông, các Ngài có Tha Tâm Thông, nhưng nếu Ngài chẳng suy nghĩ, suy xét thì trong tâm người khác nghĩ gì Ngài sẽ chẳng biết. Do vậy, nếu quý vị hỏi Ngài chuyện quá khứ hay tương lai, trước hết, Ngài phải nhập Định, sau đây mới có thể bảo cho quý vị biết, tức là Ngài có duyên, có lự, chẳng thể lập tức nói với quý vị. Ngài phải nhập Định một chốc thì món thần thông ấy (Tha Tâm Thông) mới có thể khởi tác dụng. Nếu Ngài chẳng tác ý, thần thông chẳng khởi tác dụng. Những vị này chẳng bằng người sanh trong hạ hạ phẩm của Tây Phương Cực Lạc thế giới.

Người sanh trong hạ hạ phẩm của Tây Phương Cực Lạc thế giới, ở trong hoa sen còn chưa nở, nhưng người ta đã thấy thấu suốt, nghe thông suốt, thần thông và đạo lực đều chẳng khác biệt với Phật cho mấy, chắc chắn là Thanh Văn, Duyên Giác, Quyền Giáo Bồ Tát trong các thế giới phương khác chẳng thể sánh bằng, phải kém cõi hơn! Người ấy ở trong búp sen chưa nở, mọi người đừng nghĩ “búp sen chưa nở, nói chung rất mất tự nhiên, chẳng có tự do”, [hiểu như vậy là] sai mất rồi! Hoa sen ấy bao lớn? Kinh nói hoa sen bé là một do-tuần, một do-tuần (yojana) là bốn mươi dặm Tàu. Đó là nơi quý vị ở. Bốn mươi dặm! Gần như to bằng thành phố Đài Bắc. Nếu quý vị nói: Một mình ta ở trong đó, có phải là rất nhàm chán hay không? Chẳng phải vậy! Quý vị ở trong hoa sen ấy, A Di Đà Phật, Quán Âm, Thế Chí, đại chúng trong Thanh Tịnh Hải Hội thấy đều ở trong ấy, hóa thân ở trong ấy. Vì thế, trong ấy rất náo nhiệt, mỗi ngày giảng kinh, thuyết pháp, niệm Phật, kinh hành rất náo nhiệt! Đó là hoa sen bé. Hoa sen to sẽ lớn cả ngàn do-tuần, hoặc một vạn do-tuần! Hoa sen to còn lớn hơn địa cầu của chúng ta, bỏ địa cầu vào đó vẫn còn rộng thênh thang! Tình hình trong mỗi đóa hoa sen đều là như vậy.

Vì vậy, trong mỗi hoa sen đều là một thế giới, khi hoa nở, quý vị liền thấy Báo Độ của Tây Phương Cực Lạc thế giới, thấy Báo Thân Phật của A Di Đà Phật. Báo Thân Phật và vị Phật được thấy trong hoa sen khác nhau. Báo Thân Phật có vô lượng tướng, mỗi tướng có vô lượng hảo,

chẳng phải là ba mươi hai tướng, tám mươi thứ hảo. Báo Thân Phật to lớn, kệ Tán Phật có câu: “*Bạch hào uyển chuyển ngũ Tu Di, cảm mục trùng thanh tứ đại hải*”. Đó là Báo Thân Phật. Trong hoa sen quý vị chẳng nhìn thấy, chẳng thấy thân tướng Phật to dường ấy! Sau khi hoa nở, sẽ thấy thân tướng Phật lớn dường ấy, thân của chính mình cũng to, thân hình của chính mình cũng cao lớn. Do vậy, trong hoa và ngoài hoa là hai thế giới. Vì lẽ đó, đến nơi ấy chắc chắn chẳng tịch tịch, mà cũng vô cùng tự tại. Mỗi ngày có thể đi thăm viếng mười phương thế giới, cảnh giới được nói trong kinh Di Đà là cõi Phạm Thánh Đồng Cư, trọn chẳng phải là cảnh giới trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Đây cũng là cảnh giới của hạng đời nghiệp vãng sanh chúng ta trong hoa sen nơi ao bảy báu, đúng là đẹp đẽ khôn xiết!

Vì vậy, người sanh trong hạ hạ phẩm của Tây Phương Cực Lạc thế giới cũng chẳng cần đến duyên mà chiếu, chẳng cần suy nghĩ liền biết. Bởi lẽ, do duyên mà chiếu, do suy nghĩ mà biết đều là do ngoại cảnh mà đạt được, đó là “*trí huệ hữu tác vi*” (trí huệ phát sanh tác dụng do duyên theo cảnh trần), chẳng phải là Tự Nhiên Trí. Chẳng phan duyên, nhưng không gì chẳng chiếu, không cần suy nghĩ mà không gì chẳng biết, đây là chân trí huệ, đó mới là Tự Nhiên Trí, là Vô Sư Trí. Trí chẳng cần phải do thầy truyền dạy, mà tự nhiên khởi lên, không cần cậy vào ngoại duyên, trí huệ ấy tự nhiên hiện tiền, chẳng do cái khác mà có! Đã có diệu huệ, trí huệ chân thật như vậy, quý vị nghĩ xem: Cần gì mà phải gõ dẫn khánh, giống chuông để khai thỉnh Phật tới giảng kinh, thuyết pháp? Chẳng cần thiết! “*Thị cố kiên chùy vi động*” (do vậy, kiên chùy chưa động tới), “*kiên chùy*” là pháp khí. Chúng ta ngênh thỉnh pháp sư, ngênh thỉnh Phật, Bồ Tát thuyết pháp đều phải gõ hoặc đánh pháp khí, chẳng cần, không dùng đến, trí huệ của quý vị đã hiện tiền.

“*Khải thỉnh vô nhân, xí nhiên thuyết, vô gián yết*” (không người khai thỉnh mà nói tràn trề, chẳng gián đoạn, chẳng ngừng nghỉ), chẳng cần phải khai thỉnh! “*Xí nhiên*” và “*vô gián*” là nói sáu trần tận hư không khắp pháp giới đều đang thuyết pháp. Thế giới Tây Phương là như thế, có thế giới nào chẳng phải là như vậy? Sáu trần trong thế giới này của chúng ta cũng thuyết pháp, điều đáng tiếc là gì? Chúng ta chẳng có trí huệ, nên quý vị chẳng thể cảm nhận. Người trong Tây Phương Cực Lạc thế giới có trí huệ, tâm địa thanh tịnh, nên sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần [sẽ nhận biết] toàn bộ đều đang thuyết pháp. Đoạn này nhằm giải thích ý nghĩa được biểu hiện bởi chuyện đức Phật nói với ngài Xá Lợi Phất.

Nhị, thị pháp.

二、示法。

(Hai là dạy pháp).

“Thị” là khai thị, [“thị pháp”] là khai thị pháp môn này.

(Kinh) Tùng thị Tây phương, quá thập vạn ức Phật độ, hữu thế giới danh viết Cực Lạc.

(經) 從是西方。過十萬億佛土。有世界名曰極樂。

(Kinh: Từ phương Tây của thế giới này, đi qua mười vạn ức cõi Phật, có thế giới tên là Cực Lạc).

Mấy câu này là cương lĩnh của cả bản kinh, hãy chú trọng chữ Hữu. Nhìn từ thế giới Sa Bà của chúng ta về phương Tây, vượt qua mười vạn ức cõi Phật, bên ấy có một thế giới tên là thế giới Cực Lạc.

(Sớ) Độ thị sở y, danh y báo.

(疏) 土是所依，名依報。

(Sớ: Cõi nước là sở y (chỗ để nương vào), gọi là y báo).

Chúng ta sinh tồn phải nương cậy đại địa, đó là “y báo”. “Báo” là đền đáp. Trong quá khứ, chúng ta tu cái nhân này, hiện tại được đền đáp bằng điều này. “Chánh báo” là thân thể của chúng ta. Ngoài thân thể ra, những gì chúng ta nương nhờ vào để sống đều gọi là “y báo”. Y báo có hai loại lớn: Một là vật chất y báo, hai là nhân sự y báo. Chánh báo chỉ có một mình ta, chẳng thể tính nhiều người khác vào đó, người khác là y báo của ta. Chẳng thể nói chánh báo là hết thầy hữu tình chúng sanh, chẳng thể nói theo kiểu ấy. Chánh báo chỉ nói đến một mình ta. Chúng ta sống trong thế gian này, có hoàn cảnh nhân sự, có hoàn cảnh vật chất, thầy đều là y báo. Nay chúng ta nói về Tây Phương Cực Lạc thế giới, nói về A Di Đà Phật:

(Sớ) Phật thị năng y, danh chánh báo.

(疏) 佛是能依，名正報。

(Sớ: Phật là năng y (chủ thể nương tựa), gọi là chánh báo).

Hoàn cảnh là sở y (đối tượng để chủ thể nương tựa); đây là nói về y báo. Cõi nước là sở y, gọi là y báo. Phật là năng y (chủ thể nương tựa), gọi là chánh báo. Nay nói về y báo trước. Cương lĩnh của cả bản kinh gồm ba câu kinh văn, đây là câu đầu tiên. Câu thứ hai là “*kỳ độ hữu Phật, hiệu A Di Đà, kim hiện tại thuyết pháp*” (cõi ấy có Phật hiệu là A Di Đà, nay đang thuyết pháp), câu này thuộc kinh văn trong phần sau.

(Sớ) Thị giả, chỉ thử giới ngôn.

(疏) 是者，指此界言。

(Sớ: Chữ Thị là nói đến cõi này).

Trong câu “*tùng thị Tây phương*”, chữ Thị chỉ thế giới này, tức là thế giới Sa Bà, chúng ta hiện đang ở trong thế giới này. Chữ vị phải nhớ, [nói tới “thế giới” này] trọn chẳng phải là nói tới địa cầu. Nếu hiểu là địa cầu, trật mất rồi, sẽ có vấn đề to lớn. Nay chúng ta biết địa cầu tròn xoe, đi về phương Tây, đi hết một vòng lại trở về [chỗ cũ], rốt cuộc phương Tây ở chỗ nào? Hiện thời máy bay hết sức lẹ làng, loại máy bay tân tiến nhất trong tương lai bay một vòng quanh địa cầu chỉ cần sáu hoặc bảy giờ là đủ rồi! Máy bay tối tân nhất trong hiện thời, từ Mỹ bay sang Nhật Bản mất hai giờ, bay đến Nhật Bản hay [từ Mỹ] rồi lại bay sang Đài Loan, thời gian chẳng sai biệt cho mấy, hai giờ đã đến nơi rồi! Nước Mỹ hiện đang thí nghiệm, trong tương lai, tốc độ máy bay vận chuyển hành khách đều nhanh chóng như thế! Khoa học kỹ thuật phát triển, thế giới càng ngày càng bé lại. Sau này, sang Mỹ chỉ hai tiếng đồng hồ là đến rồi. “Tây phương” được nói ở đây là phương Tây của thế giới Sa Bà.

(Sớ) Tùng thử Sa Bà thế giới, hướng Tây nhi khứ.

(疏) 從此娑婆世界，向西而去。

(Sớ: Từ thế giới Sa Bà này, đi về hướng Tây).

“*Thế giới Sa Bà*” là tên của một đại thiên thế giới. Địa cầu của chúng ta thường được gọi là Diêm Phù Đề (Jambudvīpa). Nếu nói “*phương Tây của Diêm Phù Đề*” chính là nói tới địa cầu này, còn ở đây là nói đến thế giới Sa Bà. Thế giới Sa Bà là một đại thiên thế giới, là khu vực giáo hóa của Thích Ca Mâu Ni Phật, đại khái giống như hệ Ngân Hà chúng ta quan sát thấy trong Thiên Văn hiện thời. Nếu chúng ta lấy hệ Ngân Hà làm đơn vị để nói [thì phương Tây trong đoạn kinh Di Đà này] chính là phương Tây của hệ Ngân Hà [thuộc thế giới Sa Bà]. Nói như vậy sẽ hợp

lý, thật sự chẳng có vấn đề gì! Ngân Hà cũng đang chuyển động, nhưng thời gian để hệ Ngân Hà xoay một vòng cần phải dùng quang niên (năm ánh sáng) để tính toán. Pháp vận của Thích Ca Mâu Ni Phật tổng cộng chỉ có một vạn hai ngàn năm, khi đem so một vạn hai ngàn năm với sự chuyển động của hệ Ngân Hà, e rằng độ số chỉ sai lệch một hai độ, nên phương hướng chẳng sai, quả thật là [cõi Cực Lạc] ở phương Tây, nó di động rất nhỏ!

Đây là nói trong pháp vận dài một vạn hai ngàn năm của Thích Ca Mâu Ni Phật, độ số chuyển động của hệ Ngân Hà quá nhỏ, nhỏ chẳng đáng kể, trọn chẳng ảnh hưởng đến phương hướng. Nếu quý vị nghiên cứu Thiên Văn cận đại liền hiểu rõ, mới hiểu đức Phật thuyết pháp đúng là chẳng thể nghĩ bàn, phù hợp với khoa học cận đại. Do vậy, đây là nói về phía Tây của hệ Ngân Hà, đi về phía Tây như thế, đi theo hướng Tây.

(Sớ) Danh quá.

(疏) 名過。

(Sớ: Gọi là “vượt qua”).

Vượt qua! Vượt qua bao nhiêu? Vượt qua mười vạn ức cõi Phật.

(Sớ) Phật độ giả, nhất đại thiên giới danh nhất Phật độ.

(疏) 佛土者，一大千界名一佛土。

(Sớ: Phật độ (cõi Phật): Một đại thiên thế giới gọi là một Phật độ).

Một đại thiên thế giới là một khu vực giáo hóa của một vị Phật, được gọi là “một Phật độ”. Giả sử một Phật độ là một hệ Ngân Hà, từ hướng Tây của hệ Ngân Hà chúng ta, phải vượt qua bao nhiêu hệ Ngân Hà? Mười vạn ức hệ Ngân Hà. Các nhà Thiên Văn học hiện thời chưa thể quan sát tới, bất quá họ phát hiện vài trăm hệ Ngân Hà mà thôi, thua kém quá xa! Viễn vọng kính được dùng trong Thiên Văn hiện thời là loại viễn vọng kính sử dụng sóng vô tuyến điện, vẫn chưa đạt đến một ức [hệ Ngân Hà]. Mười vạn ức nhiều quá sức! Năng lực khoa học kỹ thuật của chúng ta chưa đạt được một phần vạn! Ở bên ấy có một thế giới.

(Sớ) Quá như thị Phật độ, chí thập vạn ức, ngôn khứ thử phương viễn chi viễn dã.

(疏) 過如是佛土，至十萬億，言去此方遠之遠也。

(Sớ: Trải qua các cõi Phật như thế tới mười vạn ức, ý nói xa cách phương này quá xa).

Khoảng cách này khá xa!

(Sớ) Phi Đàn Kinh thập vạn bát thiên chi độ dã.

(疏) 非壇經十萬八千之土也。

(Sớ: Chẳng phải là cõi nước ở ngoài mười vạn tám ngàn dặm như trong Đàn Kinh đã nói).

Đặc biệt nêu ra vì Đàn Kinh rất phổ biến tại Trung Quốc, người đọc [kinh ấy] rất nhiều. Trong Đàn Kinh, Lục Tổ bảo Tây Phương Cực Lạc thế giới cách chúng ta mười vạn tám ngàn dặm, Liên Trì đại sư giảng cặn kẽ câu nói này. Lục Tổ đại sư không biết chữ, Ngài chưa hề nghiên cứu kinh Di Đà, chủ yếu là dạy người đến học đạt được sự lãnh ngộ, thấu hiểu lẽ Thiên, chứ chẳng coi trọng Giáo. Vì thế, Ngài nói kiểu đó cũng là nói tùy tiện, chẳng dựa theo giáo nghĩa để giảng. Lục Tổ chủ trương “*duy tâm Tịnh Độ, tự tánh Di Đà*”, chẳng bàn đến sự tướng. Chúng ta phải liễu giải những ý nghĩa này. Lời Tổ Sư nói hoàn toàn chẳng sai, Ngài có kẻ đương cơ riêng, có dụng ý. Ngài một phen nói như vậy khiến cho hàng đương cơ ngộ nhập tự tánh, mục đích của Ngài là ở chỗ này, khiến cho kẻ khác khai ngộ, chẳng nhằm khuyên kẻ khác cầu sanh Tây Phương. Đây là do môn đình thiết lập khác nhau, cho nên chẳng thể dùng cách nói trong Đàn Kinh để giải thích kinh Di Đà. Vì thế, Tổ Liên Trì mới nói: Chẳng phải là nói đến cõi nước cách xa mười vạn tám ngàn dặm như Lục Tổ đã nói trong Đàn Kinh.

(Sớ) Nhược cứ Sự, cứ Lý, diệc vị vi viễn.

(疏) 若據事據理，亦未為遠。

(Sớ: Nếu xét đến Sự lẫn Lý thì [cõi Cực Lạc cách Sa Bà] cũng chẳng xa).

Chúng ta nghe “mười vạn ức cõi Phật” thường là chẳng có cách nào tưởng tượng được, khoảng cách quá xa! Nhưng “*cứ Sự, cứ Lý*”, chẳng thể coi là xa, vì sao chẳng thể coi là xa? Còn có chỗ xa hơn cõi ấy nữa! Kinh Hoa Nghiêm nói thế giới Hoa Tạng từ dưới lên trên có hai mươi tầng, giống như một cao ốc hai mươi tầng, thế giới Sa Bà của chúng ta và Tây Phương Cực Lạc thế giới cùng ở trong một tầng, tức tầng thứ mười ba.

Quý vị nghĩ xem thế giới Hoa Tạng lớn ngàn nào? Thật sự chẳng thể nghĩ bàn! Đức Phật nói “tận hư không khắp pháp giới”, đó có phải là một thế giới Hoa Tạng hay không? Chẳng phải! Trong vũ trụ có vô lượng vô biên những thế giới giống như thế giới Hoa Tạng. Đó là nói đại thế giới của chúng ta được gọi là thế giới Hoa Tạng. Nói đến đại thiên thế giới, nói đến thế giới Sa Bà thì vẫn là một tiểu thế giới, là khu vực giáo hóa của một đức Phật. Nhìn từ đại thế giới, [Cực Lạc] có xa hay không? Rất gần, cùng ở trong một tầng lầu, một ở phía Đông, một ở phía Tây, chẳng xa!

(Sớ) Thế dĩ thời ngôn, giới dĩ xứ ngôn.

(疏) 世以時言，界以處言。

(Sớ: Thế là nói theo thời, Giới là nói theo xứ).

Thế giới: “Thế” là nói tới thời gian. Thế là ba con số mười¹. Ba mươi năm là thế hệ, Trung Quốc cổ đại nói như vậy. “Giới” là giới hạn, bốn phương, bốn góc, trên, dưới, đây là giới hạn. Đây là nói theo nơi chốn.

(Sớ) Cực Lạc giả, Phạn ngữ Tu Ma Đề.

(疏) 極樂者，梵語須摩提。

(Sớ: Cực Lạc, tiếng Phạn là Tu Ma Đề).

Thế giới Cực Lạc là do chúng ta dịch nghĩa, đọc theo âm tiếng Phạn là Tu Ma Đề (Sukhāmatī, Sukhāvātī).

(Sớ) Thử vân An Lạc.

(疏) 此云安樂。

(Sớ: Cõi này dịch là An Lạc).

Ý nghĩa chính xác của từ ngữ ấy là An Lạc. “Thử” là Trung Quốc, [Tu Ma Đề] dịch sang nghĩa tiếng Hán là An Lạc.

(Sớ) Diệc vân An Dưỡng, diệc vân Thanh Thái, diệc vân Diệu Ý.

(疏) 亦云安養，亦云清泰，亦云妙意。

(Sớ: Còn dịch là An Dưỡng, còn dịch là Thanh Thái, hoặc còn dịch là Diệu Ý).

¹ Chữ Thế (世) do ba chữ Thập (十) ghép lại.

Có nhiều cách dịch như vậy, đều là dịch theo ý nghĩa.

(Sớ) Danh tuy tiểu thù, giai Cực Lạc nghĩa.

(疏) 名雖小殊，皆極樂義。

(Sớ: Danh xưng tuy sai khác đôi chút, nhưng đều có nghĩa là Cực Lạc).

Tuy danh tự khác nhau, ý nghĩa đều tương thông. Hợp chung mấy ý nghĩa này để xét, sẽ thấy càng viên mãn, rõ ràng hơn ý nghĩa được bao hàm trong từ ngữ Tu Ma Đề. Cưu Ma La Thập đại sư dịch kinh đã dịch từ ngữ này thành Cực Lạc.

(Sớ) Nhiên độ hữu đa chủng.

(疏) 然土有多種。

(Sớ: Nhưng cõi nước có nhiều thứ).

Thế giới Cực Lạc có bốn cõi, nên nói có nhiều thứ.

(Sớ) Tứ độ chi trung, kim thử Cực Lạc thị Đồng Cư độ.

(疏) 四土之中，今此極樂是同居土。

(Sớ: Trong bốn cõi, cõi Cực Lạc nay đang nói ở đây là cõi Đồng Cư).

“Kim thử” là gì? Chỉ kinh Di Đà. Thế giới Cực Lạc được nói trong kinh Di Đà là cõi Đồng Cư trong bốn cõi của thế giới Cực Lạc, chẳng phải là cõi Thật Báo Trang Nghiêm, chẳng phải là cõi Thường Tịch Quang. Vì sao nói là cõi Đồng Cư? Vì chúng ta đời nghiệp vãng sanh đều sanh vào cõi Đồng Cư, nói như vậy càng thêm thân thiết. Tuy là cõi Đồng Cư...

(Sớ) Nhi diệc thông tiền tam độ.

(疏) 而亦通前三土。

(Sớ: Nhưng cũng thông với ba cõi trước).

Trong các thế giới của mười phương chư Phật chẳng có điều tuyệt diệu này. Thế giới của mười phương chư Phật đều có bốn cõi, giống như thế giới nay chúng ta đang sống là cõi Phạm Thánh Đồng Cư của Thích Ca Mâu Ni Phật. Cõi Phương Tiện Hữu Dư và cõi Thật Báo Trang Nghiêm

[của thế giới Sa Bà] chẳng ở nơi đây, chúng ta chẳng thấy được! Điều mâu thuẫn của Tây Phương Cực Lạc thế giới là: Tuy là cõi Phạm Thánh Đồng Cư, nó thông với “*ba cõi trước*”. Do vậy, vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới là “*hoành siêu*” (vượt thoát theo chiều ngang), chẳng phải là “*thụ xuất*” (thoát ra theo chiều dọc), hoành siêu tam giới, tới Tây Phương Cực Lạc thế giới, sanh ngang vào bốn cõi, tuyệt diệu chẳng thể diễn tả được! Sanh về một là sanh trong hết thấy, sanh vào cõi Phạm Thánh Đồng Cư đồng thời cũng giống như sanh vào cõi Phương Tiện Hữu Dư, cõi Thật Báo Trang Nghiêm, cõi Thường Tịch Quang; vì sao? Vì trong cõi Phạm Thánh Đồng Cư thấy trọn Bồ Tát, thiên nhân đại chúng trong ba cõi trên. Nói cách khác, nếu các vị đại Bồ Tát ấy sanh vào cõi Thật Báo Trang Nghiêm thì cõi Thật Báo Trang Nghiêm và cõi này cũng dung thông, mỗi ngày cũng gặp mặt người trong cõi Phạm Thánh Đồng Cư, cũng là mỗi ngày sống với nhau, quá sức mâu thuẫn! Đúng là pháp khó tin. Chúng ta cũng chẳng có cách nào tỷ dụ sự khác biệt này!

Trước kia, tôi giảng kinh này, bắt đầu dĩ chỉ dành dùng học trò học hành trong nhà trường làm tỷ dụ. Giống như ngôi trường này của chúng ta, Tiểu Học chẳng phải là Trung Học, Trung Học chẳng phải Đại Học, trường học tách rời. Mỗi cấp lớp cũng tách rời, quyết định chẳng hỗn tạp. Tình hình trong Tây Phương Cực Lạc thế giới rất đặc thù, học trò Tiểu Học, học trò Trung Học, sinh viên Đại Học đều cùng học chung một phòng học, mâu thuẫn đến cùng cực! Vì thế, mọi người mỗi ngày gặp mặt, mỗi ngày cùng nhau nắm tay, chẳng thể nghĩ bàn! Trong các thế giới của mười phương chư Phật thế giới chẳng có tình hình như thế! Chư Phật, Bồ Tát và mọi người đều ở cùng một chỗ. Tuy mỗi cá nhân có báo độ [khác nhau], phẩm vị mỗi cá nhân khác nhau, nhưng cùng sống một chỗ chẳng trở ngại gì, hằng ngày qua lại chẳng trở ngại gì! Trong các thế giới của mười phương chư Phật chẳng có tình hình như vậy! Chỉ riêng thế giới ấy (Cực Lạc) là có; vì thế, vô cùng đặc biệt. Đó là nói “*thông tiền tam độ*” (thông với ba cõi trước).

(Sớ) Hựu Thụ Dụng, Pháp Tánh, Biến Hóa tam độ, diệc đồng thứ ý.

(疏) 又受用法性變化三土，亦同此意。

(Sớ: Lại nữa, ba cõi Thụ Dụng, Pháp Tánh, Biến Hóa cũng có cùng ý nghĩa này).

Trong lời Sao, Liên Trì đại sư sẽ giải thích rất tỉ mỉ ý nghĩa này. Lời Sao càng giảng tỉ mỉ, chúng ta càng biết rõ ràng. Không chỉ có thể đoạn nghi sanh tín, mà còn có thể giúp chúng ta quán tưởng.

(Sớ) *Hựu thập chủng độ, diệc đồng thứ ý.*

(疏) 又十種土，亦同此意。

(Sớ: *Lại nữa, mười loại cõi cũng có cùng ý nghĩa này.*)

“Mười loại cõi” được nói trong kinh Hoa Nghiêm. Kinh Hoa Nghiêm luôn dùng “mười” để biểu thị pháp.

(Sớ) *Hựu Phật tuy vô độ, vị hóa chúng sanh, bất phương thuyết độ.*

(疏) 又佛雖無土，為化眾生，不妨說土。

(Sớ: *Lại nữa, tuy Phật không có cõi nước, nhưng vì hóa độ chúng sanh, chẳng ngại nói đến cõi nước.*)

Câu này là nói xứng tánh, đúng như Phật chẳng có tướng, vì độ chúng sanh, chẳng ngại hiện các thứ tướng. Phật chẳng có danh hiệu, vì độ chúng sanh, cũng chẳng ngại thành lập các thứ danh hiệu. Có thể thấy cõi nước là để người khác thụ dụng, tự - tha bất nhị. Vì thế, chẳng ngại thuyết pháp như vậy, không ngại thị hiện. Điều này hiển thị Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại, chính là cảnh giới trong kinh Hoa Nghiêm.

Bản Sớ Sao chú giải [kinh Di Đà] của Liên Trì đại sư hoàn toàn dùng cảnh giới Hoa Nghiêm để chứng tỏ Tây Phương Cực Lạc thế giới là tinh hoa của thế giới Hoa Tạng. Vì thế giới Cực Lạc chẳng rời khỏi thế giới Hoa Tạng, [thế giới Hoa Tạng] giống như một cao ốc, phần đặc sắc nhất trong cao ốc ấy chính là một gian phòng của A Di Đà Phật trong tầng thứ mười ba. Gian phòng ấy là chỗ đặc sắc nhất, là nơi tinh hoa, gần như là có ý nghĩa này. Nói về cả thế giới Hoa Tạng là kinh Hoa Nghiêm, còn Di Đà Tịnh Độ là một bộ phận tinh hoa nhất trong thế giới Hoa Tạng. Do vậy, bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ trong thế giới Hoa Tạng đều phát nguyện cầu sanh về cõi Tịnh Độ ấy.

(Sao) *Y báo giả.*

(鈔) 依報者。

(Sao: *Y báo là...*)

Nhằm giải thích chữ “y báo” trong phần trên.

(Sao) Thân tạ độ cư, cố danh sở y. Tùy sở tác nghiệp, y hữu thắng liệt, cố danh vi Báo.

(鈔) 身藉土居，故名所依。隨所作業，依有勝劣，故名為報。

(Sao: Thân nương vào cõi nước để ở, nên gọi là “sở y” (chỗ để nương vào). Tùy theo nghiệp đã tạo, mà sở y có thù thắng hay hèn kém, vì thế gọi là Báo)

Chữ Độ có ý nghĩa dễ hiểu, chẳng dễ hiểu rõ chữ Báo. Chúng ta nói thông tục, Tây Phương Cực Lạc thế giới sản vật phong phú ngàn ấy, như bảy báu là những thứ thuộc loại hiếm có như vàng trong thế giới này của chúng ta, chúng ta coi những khoáng vật ấy là trân bảo, [có được] một tí xiu [những thứ ấy] đã là quý báu lắm, giá trị rất cao! Tây Phương Cực Lạc thế giới bảy báu quá nhiều, khắp nơi đều có, giống như đá tảng, bùn đất trong thế giới này, quá nhiều! Ngày nay chúng ta coi vàng ròng là bảo vật, người ta coi vàng ròng là thứ để lót đường. Hiện thời chúng ta nghĩ kim cương, phi thúy, trân châu, mã não là những thứ rất trân quý, người ta coi chúng là vật liệu xây dựng, dùng để cất nhà! Chúng ta đeo giắt những thứ ấy khắp thân, đến Tây Phương Cực Lạc thế giới người ta trông thấy sẽ cười quý vị! Đó là phước báo khác nhau.

Đừng nói chúng sanh trong hai cõi Sa Bà và Cực Lạc phước báo khác biệt, phước báo của người trong thế giới này cũng khác nhau. Từ TV chúng ta thấy bao nhiêu người chết đói tại Phi Châu, quý vị thấy hình tướng của họ là da bọc xương, chúng ta ở đây dư dả, ấm no, cùng sống trên địa cầu mà phước báo khác biệt! Vì sao có hiện tượng này? Đòi trước tu phước khác nhau. Quý vị đòi trước tu phước, đời này nhất định sanh trong cõi có phước; chẳng có phước báo, quý vị sẽ sanh về nơi chẳng có phước báo, nhất định phải hiểu đạo lý này, hiểu rõ chân tướng sự thật này. Vì thế, cùng là người một nhà, do mỗi cá nhân tu phước khác nhau, dẫu đời sau vẫn chưa thoát khỏi lục đạo luân hồi, dẫu cho cùng làm thân người như nhau, cũng chẳng thể sống cùng một chỗ, [bởi] phước báo khác biệt. Lại nhìn xưa nay, xưa nay phước báo khác nhau, nói thật thà, phước báo của cổ nhân vượt xa người hiện tại chúng ta. Chúng ta đọc lịch sử, thấy các đế vương thời cổ ban thưởng công thần, thưởng mấy chục “dật” vàng ròng. Một dật (鎰) là hai mươi bốn lượng, nhìn từ lịch sử, quý vị biết thuở

ấy vàng, bạc, châu bảo nhiều, hiện thời chẳng thấy nữa. Chúng sanh phước bạc, những thứ bảo vật ấy dần dần ít đi, chẳng còn nữa!

Kinh Phật nói Chuyển Luân Vương xuất thế, chúng sanh phước báo lớn, bảy báu xuất hiện trên mặt đất, trôi lên. Quả thật là cảnh chuyển theo tâm, chuyển theo phước đức và nhân duyên của quý vị. Hiện thời các nhà khoa học đã hiểu rõ sự tướng này, vì sao [những bảo vật] chẳng còn nữa? Đây là nói tới kết cấu hóa học, chúng bị biến hóa, tiêu mất. Khi con người có phước báo, nó lại biến hóa, lại kết tinh, hợp thành [bảo vật]. Cảnh chuyển theo tâm là thật, là sự thật ngàn vạn phần xác đáng! “Y báo chuyển theo chánh báo” là thật, ngàn vạn phần xác đáng! “Tâm chuyển theo cảnh” là giả, là hiện tượng thỉnh thoảng, tạm thời xảy ra, chẳng phải là hiện tượng chân thật, càng chuyển càng tệ! Đó là thiếu phước. Thật sự có phước báo thì xác thực là hoàn cảnh chuyển biến theo chánh báo của chúng ta.

Do vậy, chúng ta phải hiểu chữ Báo này, đã biết quả báo này, chúng ta liền biết tu nhân. Chúng ta mong quả báo tốt, nhất định phải tu nhân tốt, phải giữ tâm lòng tốt, phải làm chuyện tốt, phải làm người tốt, phải tích thiện tu đức, quả báo của chúng ta liền thù thắng, bất luận chánh báo hay y báo thay đều thù thắng. Vì thế, quả báo do chính mình tu, chính mình thụ dụng, tự làm, tự chịu, chẳng thể oán trời trách người, chẳng thể trách “trời già không công bằng”, chẳng thể trách Phật, Bồ Tát chẳng phù hộ. Nếu quý vị oán trời, trách người, trách Phật, Bồ Tát chẳng phù hộ, tội càng thêm tội, làm lẫn quá đời! Hoàn cảnh của chính chúng ta bất hảo, hãy tu đức, tu thiện, nghiêm túc tu dưỡng ba năm, hoàn cảnh của quý vị nhất định chuyển biến, chuyển thành mọi chuyện như ý, mọi chuyện vừa lòng, có thể chuyển được! Như trong Liễu Phàm Tứ Huấn, Viên Liễu Phàm là một thí dụ. Thuở ban đầu, ông ta bán tín bán nghi, cho nên phát tâm làm ba ngàn việc thiện. Làm mười năm mới xong, thật sự chuyển biến. Sau đó, lại phát tâm làm việc thiện rất dễ dàng, ông ta lại phát tâm làm một vạn điều thiện, chỉ một vài ngày đã viên mãn! Quý vị thấy trong Liễu Phàm Tứ Huấn có chép [chuyện này]!

Do vậy, càng có phước, lại càng tu phước dễ dàng. Những năm qua chúng tôi cũng giống như thế. Thuở đầu in kinh, chúng tôi phát tâm in một ngàn bộ khó khăn lắm! Chẳng dễ gì gom được một chút tiền để in một ngàn bộ! Hiện thời, chúng tôi in kinh, nói in một vạn bộ, tiền ngay lập tức đưa tới, chưa đầy vài ngày đã thành tựu. Do vậy nói: Ngày càng dễ dàng! Đó là cảm ứng chẳng thể nghĩ bàn. Trong quá khứ, qua sách vở, chúng ta thấy sự cảm ứng của cổ nhân, hiện thời bản thân chúng tôi đã làm như vậy

nhiều năm như thế, đích thân chúng tôi thể nghiệm, chẳng sai tí nào! Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng tôi giảng tới chỗ này!

Tập 122

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang hai trăm sáu mươi bốn.

(Sao) Y báo giả, thân tạ độ cư, cố danh sở y. Tùy sở tác nghiệp, y hữu thắng liệt, cố danh vi báo. Ngôn từng thị Sa Bà giả, Sa Bà, Cực Lạc tại Hoa Tạng trung, nhị độ tương vọng.

(鈔) 依報者，身藉土居，故名所依；隨所作業，依有勝劣，故名為報。言從是娑婆者，娑婆極樂，在華藏中，二土相望。

(Sao: Y báo là thân nương vào cõi nước để ở, nên gọi là “sở y” (chỗ để nương vào). Tùy theo nghiệp đã tạo, mà sở y thù thắng hay hèn kém, vì thế gọi là Báo. Nói “từ cõi Sa Bà này” là vì hai cõi Sa Bà và Cực Lạc đối diện nhau trong thế giới Hoa Tạng).

Chúng ta xem tiếp từ chỗ này.

(Sao) Kim vân “quá” giả, từng thử Tây hướng hoành cẳng nhi quá dã, Nhất đại thiên giả, tam thiên đại thiên thế giới dã, chí hạ lục phương trung biện.

(鈔) 今云過者，從此西向橫互而過也。一大千者，三千大千世界也，至下六方中辨。

(Sao: Nay nói là “vượt qua”, tức là từ phương Tây cõi này hướng theo chiều ngang mà đi. Một đại thiên là một tam thiên đại thiên thế giới, đến phần Sáu Phương [Phật Tán Thán] trong phần sau sẽ biện định).

Trong đoạn này đã nói đến vài chuyện, chúng ta nói từng chuyện một. Kinh Hoa Nghiêm nói thế giới Hoa Tạng có hai mươi tầng, thế giới Cực Lạc và thế giới Sa Bà chúng ta cùng ở trong tầng thứ mười ba của thế giới Hoa Tạng. Dùng viên vọng kính tân tiến nhất của thiên văn trong hiện thời, chúng ta vẫn chưa thể quan sát trọn hết tầng thứ mười ba, huống là bảy tầng phía trên và mười hai tầng phía dưới. Chúng ta đang ở tầng thứ mười ba, có thể thấy thế giới vô cùng to lớn. Trong kinh, đức Phật dạy: Tuyệt đối chẳng phải là cả vũ trụ là một thế giới Hoa Tạng, chẳng phải vậy! Kinh Hoa Nghiêm nói trong hư không có vô lượng vô biên thế giới

giống như thế giới Hoa Tạng, ta liền hiểu thế giới to lớn, thật sự chẳng thể nghĩ bàn. Những điều này quả thật còn phải chờ khoa học chứng thực, hiện thời, đích xác là đã chứng thực đôi chút.

“*Quá*” (過) là vượt qua, từ phương Tây của thế giới Sa Bà, chẳng phải là phương Tây của địa cầu. Chúng ta tu Tịnh Độ, vì sao hướng mặt về phương Tây là chỗ mặt trời lặn, đó chính là phương Tây của địa cầu, vì sao? Nói thật ra, đây là buộc tâm chuyên hướng đến một phương hướng, mang ý nghĩa ấy! Phương Tây của địa cầu chắc chắn chẳng phải là phía Tây của hệ Ngân Hà, chỉ cốt giữ lấy ý niệm ấy. Trên thực tế, chúng ta vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, đối với phương hướng chúng ta có thể chẳng cần lo ngại, vì sao? Chắc chắn là A Di Đà Phật đến tiếp dẫn quý vị, mang quý vị đi. Rốt cuộc phương hướng ở nơi đâu, quý vị chẳng cần phải tìm kiếm! Nếu chúng ta đi tìm, chắc chắn sẽ không tìm được, vũ trụ to như thế, đến đâu để tìm? Tìm chẳng ra! Nhất định là Quán Âm Bồ Tát, Đại Thế Chí Bồ Tát, A Di Đà Phật đến tiếp dẫn chúng ta, dẫn dắt chúng ta ra đi.

Nếu các Ngài chẳng đến tiếp dẫn, sẽ chẳng thể vãng sanh. Vì vậy, khi lâm chung, thụy tướng vãng sanh nhất định là thấy Tam Thánh đến tiếp dẫn. Lúc vãng sanh đâu có các thụy tướng khác, nếu chẳng có Phật đến tiếp dẫn, đều chẳng đáng tin. Quý vị nói “*biết trước lúc mất*” thì người có phước báo trong thế gian cũng có thể biết trước lúc mất. Biết trước lúc mất là người có phước báo rất lớn, đời sau kẻ ấy sẽ sanh vào đâu? Không nhất định, có kẻ sanh lên trời, có kẻ sanh trong loài người, có kẻ thành quý vương trong quý đạo. Phước báo rất lớn đều biết trước lúc mất. Nói thật ra, biết trước lúc mất chẳng nhất thiết là vãng sanh. Vãng sanh nhất định phải thấy Tây Phương Tam Thánh đến tiếp dẫn thì mới là đúng. Quý vị nói sau khi người ấy đã chết, chân tay rất mềm mại, đó cũng là hảo tướng. Nói ngắn gọn, từ những hảo tướng ấy đại đa số chúng ta có thể chứng thực người ấy chắc là chẳng đọa tam ác đạo, đời sau sanh trong hai đường nhân thiên. Dầu sanh trong ác đạo cũng chẳng sao, người ấy phước báo to lớn, người thế gian chúng ta nói “người ấy đi làm thân”, tôi thiểu là hạng như Thổ Địa Công, Thành Hoàng Gia, là đại phước đức quý trong quý đạo, được gọi là Đa Tài Quý, người ấy cũng có rất nhiều thụy tướng. Vì thế, những thứ ấy chẳng đủ để chứng thực. Dầu có lưu lại xá-lợi, lưu lại nhục thân [không hư hoại], vẫn chưa thể chứng thực. Thụy tướng vãng sanh quyết định là Tam Thánh đến tiếp dẫn, chúng ta phải nhớ điều này!

Tôi nhớ lúc mới học Phật chưa được bao lâu, quen biết lão cư sĩ Châu Kính Trụ. Vị lão cư sĩ này đã vãng sanh bốn năm rồi, thọ chín mươi

sáu tuổi. Cụ cùng một tuổi với thầy Lý, vãng sanh trước thầy Lý một năm. Tôi học Phật hết sức có duyên với cụ, cụ là đại biểu Quốc Hội. Thoạt đầu, mới vừa đến Đài Loan, cụ bèn sáng lập Đài Loan Ân Kinh Xứ, người in kinh Phật sớm nhất tại Đài Loan là cụ. Cụ đi khắp nơi hóa duyên in kinh Phật. Khi đó, số lượng in cũng ít, bản in cũng khá kém, nhưng đã là hết sức khó có! Do tôi có cơ hội quen biết cụ như vậy, nên cụ thường tặng kinh sách cho tôi đọc. Chỉ cần cụ in xong một cuốn sách, nhất định sẽ gửi ngay cuốn đầu tiên cho tôi. Cụ là con rể cụ Chương Thái Viêm. Cụ Chương Thái Viêm là Quốc Học đại sư đầu thời Dân Quốc, là một người rất lỗi lạc. Cụ Chương Thái Viêm từng làm phán quan của Đông Nhạc Đại Đế. Thuở ấy, cụ Châu trọn chẳng tin Phật, nghe bố vợ nói những chuyện ấy, cụ bán tín bán nghi, coi như chuyện thần thoại.

Thuở trẻ, cụ Châu từng thấy nhiều chuyện kỳ quái, cụ thường kể cho tôi nghe những chuyện cũ. Cụ nói có một lần, tôi ghi nhớ rất sâu, cụ sanh vào những năm cuối nhà Thanh. Trước cách mạng Tân Hợi, nhằm thời đại Tuyên Thống Hoàng Đế², đại khái là năm Tuyên Thống thứ ba (1911), cách cuộc khởi nghĩa Vũ Xương nhằm ngày mùng Mười tháng Mười năm Tân Hợi (1911) độ nửa năm, nhằm đúng năm Tuyên Thống thứ ba. Quê cụ có một vị Cử Nhân, cụ sống ở nông thôn, cụ là người Ôn Châu, tỉnh Chiết Giang. Tại quê nhà, có một vị Cử Nhân là con một, sau khi thi đỗ, hoàn cảnh gia đình cũng đủ sống, thuộc loại nhà có cửa ăn của để đôi chút, nên người ấy chẳng ra làm quan, sống với cha mẹ, vô cùng hiếu thuận.

Có một hôm, vào giữa trưa, trong khi nghỉ trưa, người ấy nằm mộng. Cảnh giới trong giấc mộng ấy hết sức rõ ràng, nói thẳng là chẳng giống như trong cảnh mộng, mà giống như cảnh giới trong hiện thực. Ông ta mộng thấy có người đưa thiệp mời, cưới một thót ngựa, gõ cửa. Ông ta đang ngủ trưa, chỉ cảm thấy có người gõ cửa, bèn tỉnh dậy ra mở cửa. Thật ra, ông ta vẫn còn trong giấc mộng, nhưng nghĩ mình đã tỉnh giấc, chồm dậy mở cửa. Mở cửa bèn thấy người ấy ăn mặc rất kỳ quái, không giống cách ăn mặc của người thời ấy, mà ăn vận giống như cổ nhân, cỡi ngựa, đưa thiệp mời cho ông ta. Trên thiệp mời đúng là tên ông ta. Người ấy bèn hỏi: “Ồ đây, có người này hay không?” Ông ta đáp: “Chính là tôi!” Kết

² Tuyên Thống (Gehungge Yoso) là niên hiệu của Phổ Nghi, hoàng đế cuối cùng của nhà Thanh. Nhà vua chỉ tại vị ba năm ngắn ngủi (từ năm 1908 đến năm 1912), rồi bị lật đổ bởi cách mạng Tân Hợi. Về sau, Phổ Nghi được Nhật đưa lên làm vua bù nhìn Mãn Châu Quốc sử dụng hai niên hiệu khác là Đại Đồng (1932-1934) và Khang Đức (1934-1945).

quả là người ấy bèn bảo ông ta: “Đại tướng quân của chúng tôi mời ông”. Ông ta nghe nói, cảm thấy lạ lùng, nói: “Tuy tôi đỗ Cử Nhân, trước nay chẳng qua lại với giới quan trường, rất ít người quen biết, ông có làm hay không? Có lẽ là trùng tên, trùng họ!” Kẻ đó nói: “Địa chỉ lẫn tên họ không sai, ông đi với tôi là được rồi”. Lôi phất ông ta lên ngựa, ông ta cũng chẳng thể tự chủ, phải đi theo kẻ đó!

Kết quả là ông ta nhận thấy thót ngựa ấy chẳng chạy trên mặt đất mà giống như bay trong không trung. Chừng độ nửa giờ đã tới nơi. Thấy một cung điện rất lớn, rất nhiều người đang chụm đầu kê tai bàn luận, dường như đã nảy sinh một biến cố trọng đại nào đó, nên họ đang thảo luận tại đó. Ông ta liền hỏi dò người khác, rốt cuộc đại tướng quân tên họ là gì? Kết quả người ta cho biết đại tướng quân là Nhạc Phi. Ông ta vừa nghe, liền nói: “Hồng bét! Chẳng lẽ là ta đã chết rồi ư?” Nhạc Phi là người đời Tống. Lúc ấy, ông ta mới tỉnh ngộ, bảo: “Không được! Nhà ta trên có mẹ già, vợ còn trẻ quá, con còn bé quá, ta chẳng thể chết được”.

Một lát sau, giống trống, đại tướng quân thăng đường, liền triệu kiến ông ta. Nhạc Phi đối với ông rất khách sáo, rất lễ độ, cho ông ta biết: Họ chuẩn bị chinh phạt miền Bắc, mời ông ta trông coi văn thư, giống như là mời ông ta làm Bí Thư vậy, giao cho ông ta một chức vụ như thế. Ông ta nghe xong cũng cảm thấy rất áy náy, nhưng cũng cảm thấy rất vinh dự, có thể thay Nhạc Phi lo việc mà! Ông ta nói: “Trong nhà còn có mẹ già, vợ, con, chẳng có cách nào, hiện thời nhất định chẳng thể đi”. Nhạc Phi liền nói: “Hiện thời cách thời gian xuất binh hãy còn bốn tháng, ta lập tức đưa ông trở về. Ông về nhà lo liệu hậu sự, đến hạn kỳ ước định vào bốn tháng sau, ta sẽ sai người đến đón ông”. Ông ta nghĩ thầm: “Chuyện này rất khó có! Có thể theo chân vị anh hùng dân tộc cũng rất vinh dự”. Vì thế, ông ta đồng ý, bèn được đưa về. Sau khi trở về, tỉnh giấc, kể lại chuyện ấy với cha mẹ. Cha mẹ ông ta nói: “Chuyện chiêm bao! Suy nghĩ lung tung, há có thật!” Ông ta cảm thấy chẳng giả, vì ông ta thấy cảnh giới quá chân thật, ghi nhớ quá rõ ràng. Do vậy, liền nghiêm túc lo liệu hậu sự.

Tới ngày ước định, ông ta phải ra đi, bèn báo tin cho thân thích, bằng hữu, mời khách đến nhà, giã biệt mọi người để ra đi. Ông ta sống ở đó, cách thôn trang của cư sĩ Châu Kính Trụ chỉ có mười mấy dặm đường. Họ nghe chuyện này, một người đang sống sờ sờ, tuổi trẻ măng lại chẳng có bệnh tật gì. Vì thế, mọi người đều đến xem náo nhiệt, xem rốt cuộc ông ta chết kiểu nào? Châu lão cư sĩ cũng đến xem tình hình ấy. Trong nhà ông ta cũng bày tiệc rượu mời thân thích, bằng hữu. Cơm nước xong xuôi, ông ta thấy thời thần sắp đến, bèn tắm rửa, thay y phục, ở trong phòng.

Đương nhiên, bạn bè chí thân cũng đều ở trong phòng trò chuyện với ông ta. Rốt cuộc chuyện này là thật hay giả? Há lẽ nào đáng tin? Có thể chẳng phải là sự thật! Chẳng mấy chốc, ông ta thưa với cha: “Người đến đón con đã tới rồi, đang ở ngoài cửa, con trông thấy người ấy”. Bố ông ta nổi cáu: “Tao chỉ có một thằng con này, chắc chắn chẳng để cho nó ra đi!” Người con khuyên bố: “Chớ nên chống đối! Chẳng chống lại được. Đó gọi là rượu mời chẳng uống, lại uống rượu phạt. Vẫn là cái được chẳng bù nổi cái mất”. Ông ta vừa khuyên giải, người cha cũng cảm thấy người dẫu sống một trăm tuổi cuối cùng cũng phải chết. Sau khi chết, nêu biết rõ ràng, rành mạch sẽ đi về đâu thì cũng là chuyện rất khó có! Bố ông ta chẳng còn có cách nào khác, liền thốt một tiếng: “Được!” Ông ta liền tắt thở, chết ngay!

Đích thân lão cư sĩ Châu Kính Trụ thấy chuyện này, đó là gì? Đền quỷ đạo. Như vậy là cho đến hiện thời Nhạc Phi vẫn còn ở trong quỷ đạo, làm quỷ vương! Vì sao Ngài chẳng thể sanh thiên? Đại khái là do cái tâm báo cừ rửa nhục quá nặng, nên chẳng thể sanh thiên. Cụ kể cho tôi nghe chuyện này, bảo: “Thế gian động loạn, quỷ thần loạn trước”. Người Kim là tổ tiên người Mãn Thanh³. Lúc cách mạng Tân Hợi lật đổ Mãn Thanh, trước đó nửa năm, quỷ thần đã lật đổ quỷ Mãn Thanh. Sau đấy, chúng ta mới có thể lật đổ họ. Cụ giảng rõ một đạo lý: “Thế gian này động loạn, quỷ thần loạn trước!” Nếu quỷ thần chẳng loạn, thế gian này sẽ thái bình, nhất định là quỷ thần loạn trước. Theo cụ, những chuyện quái lạ như vậy rất nhiều, muốn kể, cũng kể chẳng hết, hết sức thú vị, đều là sự thật.

Bản thân cụ tin Phật, cụ học Tài Chánh, trong thời Kháng Chiến làm cục trưởng thuế vụ hai tỉnh Tứ Xuyên và Tây Khang. Sau khi thắng lợi, cụ làm tài chánh sảnh trưởng (giám đốc sở tài chánh) tỉnh Chiết Giang;

³ Nhà Thanh do người Mãn Châu sáng lập nên gọi là nhà Mãn Thanh. Mãn Châu là tên gọi khác của dân tộc Nữ Chân (Jusen, còn viết là Jurchen), tuy có thuyết cho Mãn Châu và Nữ Chân là hai sắc tộc khác nhau. Đây là một dân tộc đã được sử sách nhắc đến khá sớm, đời Hán - Tấn gọi là Ấp Lâu, thời Nam Bắc Triều gọi là Vật Cát, đời Tùy - Đường gọi là Hắc Thủy Mạt Hạt. Danh xưng Nữ Chân (hoặc Nữ Trục) được sử dụng từ thời Liêu - Kim trở đi. Nhà Thanh thuộc bộ tộc Kiến Châu Nữ Chân. Vào thế kỷ 12, Hoàn Nhan A Cốt Đả (Wanyan Aguda) làm thủ lĩnh tộc Nữ Chân, sáng lập ra nhà Kim. Danh xưng Kim vốn là dịch nghĩa tên sông Anchuhu tại quê hương của họ. Dòng họ Aisinjoro (Ái Tân Giác La) của hoàng đế nhà Thanh cũng xuất phát từ chữ Anchuhu. Nhà Kim bị Mông Cổ diệt quốc vào năm 1234 dưới đời Kim Mạt Đế (Hoàn Nhan Thừa Lân). Đến thế kỷ 16, Nỗ Nhĩ Cáp Xích (Nurhaci) thống nhất các bộ tộc Nữ Chân, thành lập hệ thống quân đội Bát Kỳ, và lập ra nhà Hậu Kim. Danh xưng Hậu Kim được đổi thành Thanh dưới thời hoàng đế Hoàng Thái Cực.

về sau, theo chánh phủ đến nơi đây (Đài Loan). Đối với những chuyện quỷ thần, tuy thấy rõ ràng như thế, cụ vẫn chẳng tin Phật. Cụ tin tưởng quỷ thần là thật, chẳng giả, chính cụ đã thấy quá nhiều. Cụ kể nhân duyên học Phật là do tự mình thấy quỷ, lúc ấy mới phát tâm học Phật. Cụ nói hồi ở Trùng Khánh, tỉnh Tứ Xuyên, buổi tối cùng mấy người bạn họp nhau đánh mạt chược, chơi rất khuya. Tối tận khuya mới về nhà. Đêm khuya, trên đường cũng chẳng có ai, trên đường tuy có đèn đường, nhưng đèn đường có khoảng cách rất xa. Hơn nữa, bóng đèn có độ sáng là hai mươi watts, dường như có, dường như không. Cụ thấy trên đường ở phía trước có một phụ nữ, cũng chẳng chú ý. Phía trước có người ấy, cụ cứ đi theo sau. Đi gần độ nửa tiếng, cụ bỗng nhiên nghĩ: “Đêm khuya lơ khuya lác như thế này, có sao lại có một phụ nữ một mình ra khỏi cửa?” Cụ vừa nghĩ, bèn rợn da gà, thân tuôn mồ hôi lạnh. Nhìn kỹ, người phụ nữ đứng trước chỉ có nửa thân trên, chẳng có nửa người dưới, sợ gần chết! Chẳng mấy chốc, không thấy người ấy đâu nữa! Sau khi bị một mẻ hoảng hốt, cụ mới về nhà, xem kinh Phật, niệm Phật, học Phật. Cụ nói: “Đó có thể là Quán Âm Bồ Tát biến hiện. Nếu chẳng phải là tự mình gặp phải, ta vẫn chưa thể tiến vào Phật môn”. Cụ kể nhân duyên cụ học Phật như vậy, thật sự gặp gỡ. Nhân duyên học Phật của mỗi cá nhân khác nhau.

Vì thế, các thứ thụy tướng đều chẳng thể chứng tỏ [người đã mất] vắng sanh, ắt phải thấy Tây Phương Tam Thánh đến tiếp dẫn. Do vậy, chúng ta niệm Phật tâm phải khẩn thiết, phải chân thành thì mới có thể có cảm ứng.

“Nhất đại thiên giả, tam thiên đại thiên thế giới” (một đại thiên là một tam thiên đại thiên thế giới). Tam thiên đại thiên thế giới, trên thực tế là nói tới một đại thiên thế giới. Một đại thiên, vì sao gọi là tam thiên? Tam thiên là nói tới kết cấu, thành phần của nó. Cư sĩ Hoàng Niệm Tổ nói: *“Một hệ Ngân Hà là một đơn vị thế giới trong kinh Phật”*. Một ngàn đơn vị thế giới gọi là một tiểu thiên thế giới. Do vậy cũng biết: Một tiểu thiên thế giới do một ngàn hệ Ngân Hà hợp thành, rồi lại lấy một tiểu thiên thế giới làm đơn vị, một ngàn tiểu thiên thế giới là một trung thiên thế giới. Lại lấy trung thiên thế giới làm đơn vị, một ngàn trung thiên thế giới là một đại thiên thế giới. Phật pháp nói một đại thiên thế giới thì hình thức cấu thành của nó gồm có tiểu thiên, trung thiên, đại thiên, do vậy gọi là tam thiên đại thiên thế giới. Trên thực tế, tam thiên đại thiên thế giới là một thế giới, là khu vực giáo hóa của một vị Phật, gồm mười ức hệ Ngân Hà, có phạm vi lớn ngàn ấy! Đó là khu vực giáo hóa của một vị Phật, to dường ấy! Có những kẻ chẳng nghiên cứu Phật pháp, nhìn vào văn tự đoán

xằng ý nghĩa, cho rằng Phật pháp nói chỉ có ba ngàn thế giới, sai lầm rồi!
“*Chỉ hạ lục phương trung biện*” nghĩa là rút cuộc tới phần sau, trong đoạn kinh vẫn nói về sáu phương Phật sẽ giảng tỉ mỉ!

(Sao) *Thập vạn ức giả, tùng thử quá Tây chi trình, dĩ ức kế chi, dương hữu thập vạn. Vị quá nhất Phật độ, thập Phật độ, nãi chí ức Phật độ. Hựu tùng nhất ức Phật độ, thập ức Phật độ, nãi chí thập vạn ức Phật độ, cố viết viễn chi viễn dã.*

(鈔) 十萬億者，從此過西之程，以億計之，當有十萬。謂過一佛土，十佛土，乃至億佛土。又從一億佛土，十億佛土，乃至十萬億佛土，故曰遠之遠也。

(Sao: “*Mười vạn ức*”: Từ đây đi về phương Tây, dùng con số ức để tính, sẽ có mười vạn. Nghĩa là qua khỏi một cõi Phật, mười cõi Phật, cho đến một ức cõi Phật, lại từ một ức cõi Phật, mười ức cõi Phật, cho đến mười vạn ức cõi Phật, cho nên nói là đã xa xôi lại càng xa xôi hơn).

Tây Phương Cực Lạc thế giới tuy thuộc tầng thứ mười ba trong thế giới Hoa Tạng, diện tích của tầng ấy lớn bao nhiêu? Thực tại là chẳng thể nghĩ bàn. Từ phía Tây của thế giới Sa Bà chúng ta đang sống đây, trải qua một Phật độ là mười ức hệ Ngân Hà, mười Phật độ cho đến một ức Phật độ, mười ức Phật độ, trăm ức Phật độ, mãi cho đến mười vạn ức Phật độ, vẫn nằm trong tầng này. Quý vị nghĩ xem thế giới Hoa Tạng lớn cỡ nào? Quá u là lớn, chẳng thể nghĩ bàn! “*Cố viết viễn chi viễn dã*” (cho nên nói đã xa lại càng xa).

(Sao) *Nhiên Ưc hữu tứ chủng: Thập vạn, bách vạn, thiên vạn, vạn vạn.*

(鈔) 然億有四種：十萬、百萬、千萬、萬萬。

(Sao: *Nhưng Ưc có bốn loại: Mười vạn, trăm vạn, ngàn vạn, vạn vạn.*

Người Ấn Độ nói Ưc có quan niệm khác với Trung Quốc. Ưc [trong cách nói của người Ấn Độ] có bốn loại: Mười vạn là một Ưc, đó là số nhỏ, trăm vạn cũng gọi là Ưc, một ngàn vạn cũng gọi là Ưc, một vạn vạn cũng gọi là Ưc. Theo con số tính toán của người Hoa, một vạn vạn mới là Ưc.

(Sao) *Kim chi sở chỉ, vị khả tri dã.*

(鈔) 今之所指，未可知也。

(Sao: Nay kinh này nói đến loại Úc nào, cũng chưa thể biết được!)

Con số Úc nói trong kinh Phật, rốt cuộc là nói đến con số nào? Một Úc là mười vạn, hay trăm vạn, ngàn vạn, hay vạn vạn? Kinh trọn chẳng nói rõ ràng. Nói cách khác, tối thiểu, mười vạn gọi là một Úc. Mười lần mười vạn thì khoảng cách ít nhất cũng là một trăm vạn cõi Phật, vì nó là mười úc. Nói thật ra, đối với chuyện này, chúng ta chỉ hiểu là một khoảng cách khá xa xôi, rốt cuộc xa bao nhiêu, chúng ta không cần so đo.

Nói thật ra, vãng sanh, tốc độ vô cùng nhanh chóng! Trong quá khứ nói tốc độ ánh sáng lớn nhất, những phát hiện gần đây cho thấy quả thật có những thứ vượt trời tốc độ ánh sáng, vượt gấp mấy lần! Trong kinh Phật có nói tới Trung Âm của con người, tục ngữ gọi là “linh hồn”, kinh Phật gọi là “thần thức”, tốc độ vô cùng lớn. Trong phần Hệ Từ Truyện của kinh Dịch, Khổng Tử đã nói: “*Du hồn vi biến, tinh khí vi vật*”, hai câu này vô cùng phù hợp nguyên lý và nguyên tắc trong Phật pháp. Hồn chẳng linh! Nói “*du hồn*” rất chính xác, vì sao? Tốc độ của nó quá lớn, tốt bậc chẳng ổn định, đi lung tung khắp nơi. Nếu nó có thể định, tức là người có công phu tu hành rất cao, mới không đến nỗi đi lung tung khắp nơi. Thần thức của người bình phàm luôn đi lung tung bên ngoài, tốc độ lại còn lớn vô cùng. Vì thế, trong một khoảnh khắc ngón tay đến ngay Tây Phương Cực Lạc thế giới; chẳng cần đến một giây đã đến nơi, tốc độ ánh sáng há có thể nào sánh bằng! Do vậy, khoảng cách đâu xa tới mấy, chỉ trong khoảnh khắc ngón tay bèn tới ngay, có năng lực to như vậy.

(Sao) Đản Kinh thập vạn bát thiên giả.

(鈔) 壇經十萬八千者。

(Sao: Cõi nước cách xa mười vạn tám ngàn dặm trong Đản Kinh).

Đây là một cách nói sai lầm!

(Sao) Ngoa chỉ kim Tây Vực dã, diệc tường biện hạ lục phương trung.

(鈔) 訛指今西域也，亦詳辨下六方中。

(Sao: Lâm chỉ xứ Tây Vực hiện thời, [chuyện này] cũng được biện định tường tận trong phần Sáu Phương ở phần sau).

Lục Tổ nói tới [cõi cách xa] “mười vạn tám ngàn” [dặm] trong Đản Kinh chính là nói về Ấn Độ thuở đó. Khi ấy, [cổ nhân cảm thấy] Ấn Độ cách Trung Quốc rất xa, thuở đó, giao thông chưa phát triển. Nói “mười vạn tám ngàn dặm” để hình dung sự xa xôi, chẳng phải là nói tới Tây Phương Cực Lạc thế giới A Di Đà Phật Tịnh Độ. Đoạn này cũng được Liên Trì đại sư giảng rõ tỉ mỉ trong đoạn Sớ Sao của phần Sáu Phương Phật.

(Sao) Ngôn vị vi viễn giả, tự hữu nhị nghĩa.

(鈔) 言未為遠者，自有二義。

(Sao: Nói “chưa phải là xa” có hai ý nghĩa).

Tuy nói Sa Bà và Cực Lạc cách xa mười vạn ức cõi Phật, nói thật ra, trọn chẳng thể tính là xa xôi. Ở đây có hai ý nghĩa.

(Sao) Nhất giả, cứ Sự.

(鈔) 一者據事。

(Sao: Một là xét theo Sự).

Nói theo mặt Sự.

(Sao) Pháp Hoa minh Đông phương thế giới chi đa, nhi dĩ hạt thổ điểm trần kế chi.

(鈔) 法華明東方世界之多，而以抹土點塵計之。

(Sao: Kinh Pháp Hoa nhằm nói rõ các thế giới ở phương Đông rất nhiều, bèn dùng các hạt bụi nhỏ do đất bị mài nát ra để tính toán).

Thật là xa. “Thổ” là bùn đất, đem bùn đất [trong cả một đơn vị thế giới] mài nát như bột, mài thật mịn, cứ mỗi hạt như vậy, [tức là] đối với mỗi hạt bụi như vậy, ở đây, khi tính toán bèn dùng một hạt ấy, kinh Pháp Hoa nói: Coi mỗi hạt là một sát độ (cõi nước), tức một cõi Phật. Tây Phương Cực Lạc thế giới cách chúng ta chỉ có mười vạn ức cõi Phật, chúng ta vẫn có thể tính ra, kinh Pháp Hoa nói “các thế giới phương Đông rất nhiều”, lấy địa cầu mài thành bột, mỗi hạt bụi tính là một cõi Phật, quý vị nói xem là bao nhiêu? Nếu đem so với con số ấy, mười vạn ức quá ít! Nhìn từ tỷ lệ này, sẽ là khoảng cách rất gần, chẳng thể tính là xa!

(Sao) Tắc thập vạn ức giả, đặc chí thiểu nhĩ.

(鈔) 則十萬億者，特至少耳。

(Sao: Vậy thì mười vạn ức lại đặc biệt là ít nhất!)

Quá ư là ít, kinh Hoa Nghiêm nói:

(Sao) Hoa Nghiêm nhất thế giới chủng.

(鈔) 華嚴一世界種。

(Sao: Một thế giới chủng trong Hoa Nghiêm).

“Nhất thế giới chủng” là nói đến thế giới Hoa Tạng.

(Sao) Sa Bà chi ngoại, vi nhiều thập tam sát trần thế giới, kim Cực Lạc chỉ quá thập vạn ức độ, hà túc vi viễn.

(鈔) 娑婆之外，圍繞十三剎塵世界，今極樂止過十萬億土，何足為遠。

(Sao: Bên ngoài Sa Bà có mười ba sát trần⁴ thế giới vây quanh, nay Cực Lạc chỉ cách [Sa Bà] mười vạn ức cõi, nào đáng gọi là xa?)

Nói theo phẩm Thế Giới [Thành Tựu] trong kinh Hoa Nghiêm, một thế giới chủng có tất cả hai mươi tầng, thế giới Sa Bà thuộc tầng thứ mười ba, thế giới Cực Lạc cũng thuộc tầng thứ mười ba, tính ra chẳng xa! Trong vũ trụ, những thế giới chủng giống như vậy nhiều vô lượng vô biên, đây mới là xa thật sự. Thứ hai, nói theo Lý.

(Sao) Nhị giả cứ Lý, tắc sở vi thập vạn ức giả, đối phàm phu sanh tử tâm lượng ngôn nhĩ.

(鈔) 二者據理，則所謂十萬億者，對凡夫生死心量言耳。

(Sao: Hai là xét theo Lý, nói “mười vạn ức” là nói ứng theo tâm lượng sanh tử của phàm phu).

Vì sao? Phàm phu có phân biệt, có chấp trước, nên rõ ràng là có khoảng cách xa xôi như thế.

⁴ Sát trần: Số lượng vi trần trong một sát-độ (một cõi Phật).

(Sao) Tịnh nghiệp nhược thành, lâm chung tại Định chi tâm, tức Tịnh Độ thọ sanh chi tâm dã.

(鈔) 淨業若成，臨終在定之心，即淨土受生之心也。

(Sao: Nếu Tịnh nghiệp thành tựu, cái tâm Định trong lúc lâm chung chính là cái tâm sanh vào Tịnh Độ vậy).

“*Lâm chung tại Định chi tâm*” là cách nói trong tông Thiên Thai, [lời ấy do] Trí Giả đại sư nói. Trí Giả đại sư là tổ sư tông Thiên Thai, thành lập giáo nghĩa Tam Chỉ Tam Quán. Thuở ấy, nhiều vị cao tăng Ấn Độ đến Trung Quốc, thấy Ngài nói cách ấy đều vô cùng khâm phục. Đó chính là kiến địa của Ngài, do chính Ngài phát hiện. Các vị cao tăng Ấn Độ thuở ấy nghe Ngài nói như vậy đã nghĩ tới kinh Lăng Nghiêm, bảo Trí Giả đại sư: “Quan niệm, ý nghĩ, cách nói của Ngài hết sức gần gũi những điều được giảng trong hội Lăng Nghiêm”. Do vậy, người Hoa mới biết Ấn Độ còn có một bộ pháp bảo là Đại Phật Đảnh Thủ Lăng Nghiêm Kinh. Người Ấn Độ tiếc pháp, mọi người trên thế giới đến Ấn Độ du học, cầu Phật pháp, nhưng người Ấn Độ giấu kinh Lăng Nghiêm đi, không cho người khác xem. Vì thế, người ngoại quốc chẳng biết trong các kinh nhà Phật có kinh Lăng Nghiêm. Thuở ấy, họ lỡ miệng tiết lộ có kinh Lăng Nghiêm. Quý vị nghĩ xem, trong quá khứ, cao tăng đến Trung Quốc chẳng đem kinh này theo, vì sao? Hải quan của họ kiểm soát rất nghiêm, kinh này không được phép đem ra khỏi cửa ải, nó là vật bị cấm! Pháp sư Trung Quốc đến Ấn Độ chẳng thấy [kinh Lăng Nghiêm], họ (người Ấn Độ) đã cất giấu rồi không cho quý vị thấy. Quốc bảo của họ mà! Không chịu để dãi truyền cho người khác!

Tới khi ấy mới biết, sau khi đã biết, do Trung Quốc cách Ấn Độ xa xôi như thế, đi đường bộ phải một hai năm mới có thể đến nơi, chẳng phải là chuyện dễ dàng. Qua đó, chưa chắc người ta đã cho quý vị xem. Vì thế, lão nhân gia bèn dựng một đài bái kinh tại núi Thiên Thai, mỗi ngày hướng về phía Ấn Độ lễ bái, cầu cho bộ kinh này sớm có ngày truyền đến Trung Quốc. Trí Giả đại sư lay suốt mười tám năm, đã viên tịch, kinh vẫn chưa truyền đến Trung Quốc. Tinh thần bất phàm như vậy, lay suốt mười tám năm. Về sau, pháp sư Bát Lạt Mật Đế lén lút đem bộ kinh ấy vào Trung Quốc, Ngài chịu khổ nạn rất lớn. Thuở đầu, lén mang vài lần đều là bị hải quan xét thấy. Khi bị xét thấy, cũng phải chịu phạt, nhưng dẫu sao Sư là người xuất gia, xử tội nhẹ một chút!

Lần đem cuối cùng, chẳng biết Sư dùng thứ gì để sao chép bộ kinh ấy. Sao chép trên một tấm vật liệu rất mỏng, hình như chẳng phải là giấy,

mà là da dê hay là chất gì không biết, [chỉ biết] là một thứ rất mỏng để sao. Sao xong, Ngài cuộn lại, mở cánh tay mình, giấu kính vào đó, để cho vết thương liền lại. Làm như vậy để sang Trung Quốc, hải quan chẳng xét ra, Ngài giấu trong thịt mà! Ngài theo đường biển đến Quảng Châu. Sau khi đến Quảng Châu, mở cánh tay lấy kính ra, chẳng biết dùng chất thuốc gì để tẩy rửa, vẫn rất tốt, kính vẫn vẫn hiện ra rõ ràng. Vì thế, kính được dịch tại Quảng Châu. Sau khi dịch thành công, do kính này bị đưa ra khỏi nước, đem đến Trung Quốc, chính Ngài lại trở về tiếp nhận quốc gia xử phạt, Ngài phải chịu trách nhiệm; đem quốc bảo là vật phẩm nghiêm cấm truyền sang Trung Quốc, trở về tiếp nhận pháp luật của quốc gia xét xử. Trí Giả đại sư lạy kính này suốt mười tám năm có cảm ứng. Do lẽ đó, kính Lăng Nghiêm truyền đến Trung Quốc là chuyện khó khăn nhất.

Bản thân Thiên Thai Trí Giả đại sư chuyên tu Tịnh Độ, Ngài cầu sanh Tịnh Độ. Ngài chọn phương pháp tu Tịnh Độ theo Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh, dùng Quán Tưởng Niệm Phật, vì Ngài có chú giải kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật. Tác phẩm Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Sớ Sao còn gọi là Diệu Tông Sao, lời Sớ do chính ngài Trí Giả viết, lời Sao do đồ đệ của Ngài là tôn giả Tứ Minh soạn. Mãi cho đến hiện thời, bộ Sớ Sao này vẫn là tác phẩm chú giải Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh có uy tín nhất. Ngài sử dụng Quán Tưởng Niệm Phật thành công. Khi Ngài vãng sanh, các đệ tử hỏi Ngài: “Lão nhân gia vãng sanh, rốt cuộc phẩm vị cao đến đâu?” Ngài đáp: “Nếu ta không lãnh chúng, sẽ là Thượng Phẩm vãng sanh”. Vì Ngài lãnh chúng, lãnh chúng là làm Trụ Trì tự miếu, Ngài phải quản sự, do quản sự nên phân tâm, phải suy nghĩ. Vì thế, Ngài bảo mọi người Ngài chỉ là ngũ phẩm vị vãng sanh.

Ngũ phẩm vị là gì? Là đời nghiệp vãng sanh, sanh vào cõi Phàm Thánh Đồng Cư. Địa vị ấy chẳng cao, đó là bỏ mình vì người, hy sinh phẩm vị của chính mình để thành tựu đại chúng, ban cho bọn người đời sau như chúng ta một khả thị rất lớn. Bỏ mình vì người, chính mình phải quyết định có thể vãng sanh thì mới được! Nếu bỏ mình vì người, được lắm, nhưng tương lai chính mình vẫn luân hồi trong lục đạo, vẫn là ba ác đạo, như vậy là trật mất rồi! Ngài bỏ mình vì người, còn có thể vãng sanh cõi Phàm Thánh Đồng Cư, có thể đảm bảo điều này. Có năng lực như vậy thì mới có thể bỏ mình vì người. Chưa có năng lực như vậy thì vẫn phải ngoan ngoãn, thật thà niệm Phật. Quý vị mới biết những vị Trụ Trì, Đương Gia, chức sự trong các tự viện, từng lâm xưa kia đều là Bồ Tát tái lai. Phàm phu làm những chuyện tạp nhạp ấy, làm sao có thể vãng sanh cho được? Kẻ ấy tu gì đều chẳng tu thành công! Kẻ ấy tu Thiên chẳng thể đắc

Định, nghiên cứu Giáo chẳng thể khai ngộ, niệm Phật chẳng thể vãng sanh, nhất định là như thế! Những vị thường trụ chấp sự thay đại chúng phục vụ, bỏ mình vì người, là Bồ Tát tái lai, chẳng phải là phàm phu. Bản thân chúng ta hãy suy nghĩ, chúng ta là phàm phu, chẳng phải là thánh nhân, chẳng dám làm những chuyện ấy, thật sự chẳng dám!

Ấn Quang đại sư là Bồ Tát tái lai, đã nêu gương cho bọn chúng ta trong thời cận đại. Điều thứ nhất là Ngài không làm Trụ Trì. Thứ hai là Ngài không xây dựng tự miếu, suốt đời chẳng dựng một ngôi chùa nào, cũng chẳng tu bổ ngôi chùa nào. Ngài chẳng làm Trụ Trì, chẳng làm Đương Gia, chẳng làm Chấp Sự. Thứ ba là Ngài không thu nhận đồ đệ xuất gia. Thứ tư là không truyền giới, không làm thầy truyền giới. Nêu gương cho chúng ta, thật thà niệm Phật, như vậy thì chúng ta mới có thể có tương lai, mới có thể vãng sanh. Đích xác là chẳng thể dính dáng những sự vụ ấy được, nhưng người hiện thời liều mạng tranh giành, làm lẫn quá đổi! Giành được rồi, nếu quý vị làm chẳng tốt đẹp, sẽ vướng tội nghiệp suốt đời. Quý vị làm tốt đẹp, đó là bổn phận của quý vị, quý vị phải làm cho tốt! Làm chẳng tốt, quý vị mắc tội. Làm tốt đẹp thì là bổn phận, là chuyện nên làm, cũng chẳng thể cậy công được, chẳng có công lao gì để khoe khoang! Vì thế, đảm nhiệm chấp sự xác thực là phục vụ đại chúng, nhất định phải hiểu rõ nhân quả. Vì thế, tổ Ấn Quang nêu gương tốt nhất cho chúng ta, chúng ta phải nên học theo Ngài!

Thiên Thai Trí Giả đại sư nói, *“lâm chung tại Định chi tâm, tức Tịnh Độ thọ sanh chi tâm dã”* (lúc lâm chung, tâm định thì tâm ấy chính là tâm sanh về Tịnh Độ), hai câu này rất trọng yếu. Ngài là bậc tái lai, vãng sanh Tịnh Độ, trong Tịnh Độ Thánh Hiền Lục có chép truyện Ngài, trong Vãng Sanh Truyện cũng có. Lâm chung tâm định là công phu phải được bồi dưỡng trong lúc bình thường. Bình thường tâm chúng ta không định thì lúc lâm chung làm sao định nổi? Lại thưa cùng quý vị, bình thường định dễ dàng, lâm chung khó định, vì sao? Sanh ly tử biệt, quý vị có thể không động tâm hay chẳng? Quý vị có thể thật sự chẳng có may mắn vướng mắc nào ư? Ất phải thật sự chẳng động tâm, thật sự chẳng có vướng mắc, tâm mới định được!

Khi ấy, *“cử niệm”*, cử niệm là niệm A Di Đà Phật, bèn là lúc vãng sanh Tịnh Độ. Do vậy, ta có thể biết: *“Tịnh Độ thọ sanh, bất ly thử tâm”* (Thọ sanh Tịnh Độ chẳng lìa tâm này). Tâm chẳng có [so đo] đây kia, há còn có từ Sa Bà đến Cực Lạc! Đây là nói theo Lý. Tổ sư Tịnh Độ Tông có một quyển sách nhỏ mang tựa đề Tịnh Độ Sanh Vô Sanh Luận, cổ nhân nói: *“Sanh tắc quyết định sanh, khứ tắc thật bất khứ”* (sanh bèn quyết

định sanh, đi thì thật sự chẳng đi), [đó là] nói theo Lý! Sanh Vô Sanh Luận hết sức hay, nhất là bản chú giải của cư sĩ Quý Thánh Nhất, chú giải rất tỉ mỉ. Cổ đức có chú giải nhưng lời chú quá sâu, chúng ta chẳng dễ gì thấy rõ ràng. Cư sĩ Quý Thánh Nhất chú giải rất rõ ràng, rất dễ hiểu, Ấn Quang đại sư cũng rất tán thán, lại còn viết lời tựa [cho sách ấy]. Chúng tôi đem bộ sách ấy từ Hương Cảng về tái bản, hết sức có giá trị. Vì thế, các đồng tu thật sự muốn nghiên cứu Tịnh Độ, chúng ta phải đồ công nghiên cứu những kinh luận trọng yếu ấy. Luận ấy chuyên giảng về việc vãng sanh Tịnh Độ, dù Sự hay Lý đều phải hiểu rõ ràng!

Cổ nhân cũng có nói tỷ dụ, vì những kẻ bình phàm nhờ vào tỷ dụ sẽ dễ hiểu. Giống như một người nằm mộng, trong mộng chúng ta từ nơi này đến nơi khác, khoảng cách rất xa! Thật ra, mộng do tâm biến, chẳng rời khỏi cái tâm này! Sau khi quý vị tỉnh giấc, [những cảnh giới trong mộng] thấy đều do tâm biến hiện, há có xa gần? Hiện thời khoa học phát triển, tiến bộ hơn xưa. Chúng ta xem TV, trên màn hình chiếu cảnh Đài Bắc, cảnh tiếp theo là Âu Châu, chưa đầy mấy giây chúng ta thấy toàn bộ thế giới. Tuy thấy khắp toàn bộ thế giới, chẳng rời khỏi màn hình, chẳng đến, chẳng đi! Nói theo Lý, xác thực là như thế.

Y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới “*duy tâm sở hiện, duy thức sở biến*”, dấu hư không to đến mấy, giống như kinh Hoa Nghiêm đã nói, vô lượng vô biên thế giới chúng trong vũ trụ đều chẳng rời khỏi tự tánh của chúng ta, toàn là do tự tánh biến, toàn là do tự tánh hiện. Vì thế, trong một khảy ngón tay đều có thể đạt đến, trong một niệm bèn đạt ngay tới. Nói theo Lý, chẳng có xa hay gần, chẳng có cách ngăn, trở ngại.

(Sao) Hựu vị phân minh tại mục tiền thị dã, diệc hà thường viễn!

(鈔) 又謂分明在目前是也，亦何嘗遠。

(Sao: Lại nói “phân minh ở ngay trước mắt” là nhằm nói về ý này, cũng có bao giờ xa!)

Đây là nói theo Lý, giống như Sơ Tổ Viễn Công đại sư, thuở sanh tiền, Ngài niệm Phật, ba lần thấy Tây Phương Cực Lạc thế giới, giống như ở ngay trước mặt, hiển hiện ngay trước mặt, có thể thấy là [Cực Lạc] chẳng xa! Tâm đã thanh tịnh, [Cực Lạc] bèn ở ngay trước mắt. Nếu tâm chẳng thanh tịnh bèn xa tít tắp. Thật ra, trong Đàn Kinh, Lục Tổ đại sư nói “*mười vạn tám ngàn*”, nhằm nói đến ý nghĩa này, Ngài nói tâm xa hay gần. Ngài nói mười vạn là so với điều gì? “*Mười vạn*” là Thập Ác, “*tám ngàn*” là

Bát Tà (tương phản của Bát Chánh Đạo). So chúng với những thứ ấy, rất có lý! Trong tâm chúng ta rời khỏi Thập Ác, giống như mười vạn liên chẳng có, rời khỏi Bát Tà, tám ngàn cũng chẳng có, cảnh giới ấy ở ngay trước mắt. Vì thế, xét theo dụng ý của Ngài, Lục Tổ cũng chẳng nói sai, mà nói cũng rất có lý, chủ yếu dạy chúng ta trong tâm phải rời khỏi mười ác, tám tà, Tây Phương Tịnh Độ ở ngay trước mắt. Nếu mười ác, tám tà trong tâm quý vị không trừ, thật sự chẳng phải chỉ là mười vạn tám ngàn!

(Sao) Thời vị quá, hiện, vị lai, Xứ vị tứ duy, thượng, hạ.

(鈔) 時謂過現未來，處謂四維上下。

(Sao: Thời là quá khứ, hiện tại, tương lai; Xứ là bốn phương, trên, dưới).

“Thời” là nói đến thời gian, có quá khứ, hiện tại, tương lai. “Xứ sở” là nói đến bốn phương, trên, dưới.

(Sao) Đơn thời, đơn xứ, thế giới bất thành. Hợp thời dữ xứ, danh thế giới dã.

(鈔) 單時單處，世界不成，合時與處，名世界也。

(Sao: Chỉ có Thời hay chỉ có Xứ, thế giới chẳng thành. Hợp Thời và Xứ lại, sẽ gọi là Thế Giới).

Đây là giải thích thế giới, “Thế” là thời gian, ba mươi năm gọi là một Thế (một thế hệ). Chữ Thế trong tiếng Hán thuộc loại Hội Ý, Thế là ba chữ Thập. Ba mươi năm là một Thế. “Giới” là giới hạn.

(Sao) Cực Lạc dịch hữu đa danh.

(鈔) 極樂譯有多名。

(Sao: Cực Lạc được dịch thành nhiều danh xưng).

Thế giới Cực Lạc dịch [từ tiếng Phạn sang Hán] có rất nhiều danh xưng.

(Sao) Nhi cực chi vi ngôn, hiển chí cực chi lạc.

(鈔) 而極之為言，顯至極之樂。

(Sao: Nhưng nói là Cực thì đã chỉ rõ sự vui sướng [trong cõi ấy] đạt đến tột bậc).

Nhưng trong nhiều danh xưng được phiên dịch, hai chữ Cực Lạc được dùng phổ biến nhất, vì sao? Ở đây, đại sư cho chúng ta biết, ý nghĩa của hai chữ này có thể bao gồm tất cả những danh xưng phiên dịch khác. [Cực Lạc] có nghĩa là vui sướng đến tột bậc!

(Sao) Phi nhân thiên nhất thiết chư lạc chi tỷ.

(鈔) 非人天一切諸樂之比。

(Sao: Hết thấy niềm vui trong cõi trời, cõi người chẳng thể sánh bằng).

Mọi thứ vui sướng trong nhân gian, thiên thượng đều chẳng thể sánh bằng!

(Sao) Cố đặc tiêu dã.

(鈔) 故特標也。

(Sao: Vì thế, đặc biệt nêu ra).

Vì thế, trong nhiều danh từ phiên dịch, đặc biệt dùng chữ Cực Lạc. Tiếp đó là giải thích bốn cõi.

(Sao) Tứ độ giả, nhất viết Thường Tịch Quang độ. Kinh vân: “Tỳ Lô Giá Na biến nhất thiết xứ. Kỳ Phật trụ xứ, danh Thường Tịch Quang”, thị cực quả nhân sở cư.

(鈔) 四土者，一曰常寂光土。經云：毗盧遮那遍一切處，其佛住處，名常寂光，是極果人所居。

(Sao: Bốn cõi, một là cõi Thường Tịch Quang. Kinh dạy: “Tỳ Lô Giá Na trọn khắp hết thấy mọi nơi, trụ xứ của đức Phật ấy được gọi là Thường Tịch Quang”, là chỗ ở của bậc cực quả).

“Cực quả” là Phật. “Thường Tịch Quang” chính là bản thể của vạn hữu trong vũ trụ như trong Triết Học đã nói. Đây là thật sự đạt đến rốt ráo, đạt đến viên mãn, rốt ráo viên mãn, nên gọi là “cực quả”, tức là quả vị tột đỉnh rốt ráo viên mãn trong tu hành. Kinh dạy, đức Phật có danh hiệu là Tỳ Lô Giá Na. Kinh Hoa Nghiêm nói đến tam thân Phật: Tỳ Lô Giá Na là Pháp Thân Phật, Lô Xá Na là Báo Thân Phật, Thích Ca Mâu Ni Phật là Ứng Thân Phật. Tỳ Lô Giá Na có hai ý nghĩa, một ý nghĩa đã được nói ở đây, tức là Biến Nhất Thiết Xứ (trọn khắp hết thấy các chôn), ý nghĩa kia

là Quang Minh Biến Chiếu (quang minh chiếu trọn khắp). Nói thật ra, Quang Minh Biến Chiếu và Biến Nhất Thiết Xứ ý nghĩa vẫn giống nhau. Tận hư không khắp pháp giới là một Lý Thể, hết thủy vạn vật, vạn pháp đều chẳng rời khỏi nó, đều do nó biến hiện. Giống như chúng ta xem TV, Pháp Thân là gì? Màn hình. Bất luận quý vị hiển lộ hình tượng gì, bất luận quý vị biến như thế nào, quý vị chẳng thể rời khỏi màn hình! Ngay cả thái hư không (không gian, hư không) cũng chẳng rời khỏi nó! Đây chính là bản thể của vạn hữu trong vũ trụ, đúng như nhà Thiền đã nói: “*Điện mạo trước khi được cha mẹ sanh ra*”. Kinh thường nói: “*Thập phương nhất thiết Phật, cộng đồng nhất Pháp Thân*” (Mười phương hết thấy Phật, cùng chung một Pháp Thân). Phật có chung một Pháp Thân, chúng ta và Phật có chung một Pháp Thân hay không? Đương nhiên! Hết thủy chúng sanh, cho đến núi, sông, đại địa, hư không, đều là do nó hiện. Nó là căn bản thật sự, là bản thể thật sự [của vạn pháp]. Trong pháp môn Tịnh Độ, nó được gọi là cõi Thường Tịch Quang, cũng có nghĩa là Quang Minh Biến Chiếu, khắp hết thấy chúng sanh, khắp hết thấy quốc độ, khắp hết thấy thời gian và không gian, mang ý nghĩa này.

Vì sao gọi là Thường Tịch Quang? Trụ xứ của Phật, trên thực tế, Pháp Thân Phật chẳng có hình tướng, Pháp Thân há có tướng? Nếu quý vị nói Pháp Thân có hình dạng ra sao ư? Tận hư không khắp pháp giới là dáng vẻ của Pháp Thân, hư không thế giới là dáng vẻ của Pháp Thân. Nếu quý vị hiểu tận hư không khắp pháp giới vốn là chính mình, quý vị liền chứng đắc Pháp Thân. Người chứng đắc Pháp Thân tâm thanh tịnh, bình đẳng, biết Tự và Tha là một, chẳng hai! Chúng tôi nêu tỷ dụ, giống như nằm mộng. Trong mộng vừa giác ngộ “ta nay đang nằm mộng”, bản thân ta trong mộng do tâm của chính mình biến hiện, tất cả mọi người trong mộng cũng do tâm của chính mình biến hiện. Ngoài mộng chẳng có tâm, ngoài tâm chẳng có mộng. Toàn thể mộng cảnh là chính mình, kể cả núi, sông, đại địa, hư không trong mộng thấy đều là chính mình, mới hoát nhiên đại ngộ, nguyên lai tận hư không khắp pháp giới là ta, trừ ta ra, chẳng có ai khác, đó gọi là “*triệt ngộ thanh tịnh Pháp Thân*”. Khi ấy, quý vị sẽ dấy lên Đồng Thể Đại Bi, Vô Duyên Đại Từ đối với hết thủy chúng sanh. Tâm quý vị thật sự bình đẳng đối với hết thủy chúng sanh, vì sao? Nguyên lai đều là chính mình, trừ chính mình ra, chẳng có ai khác!

Thường Tịch Quang: Thường là nói tới Pháp Thân, Tịch là nói tới giải thoát, Quang là nói tới trí huệ. Ba đức của Niết Bàn là Pháp Thân, Bất Nhã, Giải Thoát. Pháp Thân là chân thân của chính mình, quyết định chẳng hư vọng, đó là chứng đắc chân thân của chính mình. Khẳng định

đích xác y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới là chính mình, chẳng phải là ai khác, đó là chúng đấng Pháp Thân. Pháp là hết thảy các pháp. Hiểu rõ triệt đề “hết thảy các pháp là một mình ta”. Đứng như đang nằm mộng, đột nhiên giác ngộ “ta đang nằm mộng”, đến rốt cuộc, mộng là chuyện gì, hoàn toàn hiểu rõ! Chẳng còn so đo hết thảy các cảnh giới trong mộng nữa, chẳng có chấp trước, phân biệt, kiến giải ấy gọi là “*Phật tri, Phật kiến*”, kinh Pháp Hoa gọi điều đó là “*nhập Phật tri kiến*”. Đó là Phật tri Phật kiến, tận hư không khắp pháp giới là một, chẳng hai.

Kiến giải của phàm phu phân chia Tự và Tha. Kinh Kim Cang nói: “*Tướng ta, tướng người, tướng chúng sanh, tướng thọ giả*”, phân biệt, chấp trước mới có [các tướng ấy]! Rồi khỏi hết thảy phân biệt, chấp trước, há còn có? Thế giới này vốn là một. Vì thế, sau khi chúng đấng Pháp Thân, thế giới này là Nhất Chân pháp giới, vốn là một, không hai. Một mới là thật, hai là giả, hai sẽ chẳng chân. Cảnh giới cao nhất của nhà Thiên là “*thực đắc nhất, vạn sự tất*” (biết được một, muôn sự hoàn thành). “*Thực đắc*” là quý vị thật sự nhận biết Một, giác ngộ “vạn pháp trong toàn thể vũ trụ vốn là một”, được lắm! Chuyện gì đều chẳng có nữa, quý vị tu hành đã đạt đến viên mãn rất ráo, chẳng còn gì nữa! Trong Đại Thừa, đã tốt nghiệp Nhất Thừa Phật pháp! Sở dĩ quý vị chẳng thể tốt nghiệp là do trong tâm quý vị còn có hai, còn chưa đạt đến một! Đã đạt đến Một, tức là đã tốt nghiệp Phật pháp liễu nghĩa rất ráo trong Nhất Thừa! Đây là cảnh giới cao nhất trong Phật pháp!

Danh từ này hiển thị Tam Đức trong Nhất Chân pháp giới chẳng thể nghĩ bàn. Thứ nhất là Thường, tức Pháp Thân, quý vị thật sự thấy chân tướng của vũ trụ và nhân sinh, tức là Thật Tướng. Triệt ngộ Thật Tướng, đó là Lý, là vĩnh hằng, cho nên Thường, vĩnh viễn không thay đổi. Tịch là Giải Thoát, đại tự tại, như Quán Tự Tại Bồ Tát được nói trong Tâm Kinh, tự tại! Sự tự tại ấy do từ Tịch mà đạt được! Tịch là gì? Trong tâm chẳng sanh một niệm, thanh tịnh, tịch diệt. Diệt gì? Diệt hết thảy phân biệt, chấp trước, vọng tưởng, tâm đã tịch. Đối với năm thứ Nhẫn trong kinh Nhân Vương, đức Phật chứng đắc Tịch Diệt Nhẫn, còn cao hơn Vô Sanh Pháp Nhẫn, vì Vô Sanh Pháp Nhẫn còn có Tự và Tha, vẫn chưa phải là một. Tịch Diệt là một, là cảnh giới cao nhất.

Do vậy, bất luận tông nào hay pháp môn nào trong Phật pháp, vì sao coi trọng Thiên Định như vậy là do đạo lý này! Thiên Định tương ứng với Tịch. Quý vị chẳng dùng đến công phu Định, làm sao đạt được tâm thanh tịnh? Vì thế, Phật pháp nhất định phải tu Thiên Định, nhưng tu Thiên Định cũng chẳng nhất định là Phật pháp, phải biết điều này, vì sao? Thiên

Định có sâu hay cạn khác nhau! Thế gian có Tứ Thiên, Bát Định, đó chẳng phải là Phật pháp. Tiểu Thừa có Cửu Thứ Đệ Định, chẳng phải là Phật pháp rốt ráo. Trong Đại Thừa, cũng có nhiều thứ Định, như đại định viên mãn rốt ráo được kinh Lăng Nghiêm gọi là Thủ Lăng Nghiêm Đại Định, trong kinh Hoa Nghiêm lại đổi thành một danh xưng khác, tức là Sư Tử Phấn Tấn tam-muội, trong pháp môn Niệm Phật là Lý nhất tâm bất loạn. Danh xưng khác nhau, nhưng thật ra là cùng một chuyện. Cùng một cảnh giới, cùng một chuyện, nhưng các tông phái gọi bằng các danh từ khác biệt. Vì thế, chúng ta phải đặc biệt coi trọng tu Định, người niệm Phật phải đặc biệt coi trọng tu nhất tâm. Người hiện thời tu hành chẳng thể thành công, đáng tiếc! Vì sao chẳng thể thành công? Tâm chẳng định, chẳng thật thà, đi lung tung mọi nơi, suy nghĩ nháo nhào!

Ấn Quang đại sư dạy các đồ đệ của Ngài, hễ ai nghe lời đều có thành tựu. Nếu chẳng nghe lời thì đều chẳng thành tựu. Kẻ nghe lời ít, kẻ chẳng nghe lời đông đảo. Nghe lời là như thế nào? Ấn Quang đại sư răn dạy các đồ đệ tại gia quy y: Quý vị trở về nhà hãy thật thà niệm Phật, chẳng cần đến chùa, chẳng cần tới tham gia pháp hội, chuyện gì cũng đều chẳng cần làm. Ngay cả đến chùa miếu thăm lão nhân gia, nếu quý vị tới mấy lần, Ngài sẽ hỏi quý vị: “Người đến làm gì?” “Con đến gặp sư phụ”. “Người đã gặp sư phụ rồi, còn có gì hay ho nữa đâu mà xem!” Chửi quý vị, đuổi về! Kể cả sư phụ của chính mình cũng chẳng cần gặp nhiều, hãy về nhà thật thà niệm Phật! Ngắm tượng Phật nhiều hơn, nghĩ tới Phật nhiều hơn, nhìn sư phụ chẳng thể vắng sanh, nhìn tượng Phật có thể vắng sanh. Trong tâm luôn nghĩ đến thầy sẽ là lục đạo luân hồi, niệm lục đạo luân hồi. Niệm A Di Đà Phật, quý vị có thể vắng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Đó là một vị thiện tri thức chân chánh!

Bởi lẽ đó, hễ nhắc tới Ấn Quang đại sư, chẳng ai không tôn kính! Ai hoàng dương pháp của Ngài? Không ai hoàng dương, vì sao? Vì nếu hoàng dương, đạo tràng chẳng có ai. Ngài chẳng bảo người khác đến đạo tràng, ngay cả đạo tràng của Ngài, Ngài cũng chẳng cho phép. Về sau, Ngài lập Niệm Phật Đường tại chùa Báo Quốc ở Tô Châu, quý vị đến đó để làm gì? Đến Niệm Phật Đường niệm Phật, thật thà niệm Phật. Quý vị đến niệm Phật, bèn hoan nghênh quý vị tới, chấp thuận! Quý vị chẳng phải là niệm Phật, đến nơi đây, nói là thăm sư phụ, hay gặp ai đó, chẳng được, quyết định sẽ bị xua đuổi, quở mắng, Ngài chẳng lưu tình mảy may nào! Do vậy, nhắc tới pháp sư Ấn Quang mọi người đều rất tôn kính, nhưng chẳng ai tán thán Ngài, nói thật đây! Y theo phương pháp tu hành của

Ngài, chẳng có ai không thành công! Thâm nhập một môn trọng yếu hơn bất cứ điều gì khác!

Do vậy, trong giảng tòa bấy nhiêu năm qua, tôi nhiều lượt khích lệ các đồng tu chúng ta: Hãy học một bộ kinh, niệm một bộ kinh tới rất ráo, chớ nên thay đổi! Chớ nên đi tham phỏng, hiện thời tham phỏng là gì? Ai là thiện tri thức? Trước kia, người ta triều sơn nhằm tham phỏng thiện tri thức, hiện thời đến đâu để tìm? Hiện thời, quý vị tham phỏng một người, [người ấy] giảng một cách, chỉ dạy quý vị một con đường. Tham phỏng một vị thầy khác, lại là một cách giảng khác, lại là một con đường khác. Tham phỏng bốn, năm vị thiện tri thức sẽ trở thành bốn, năm đường lối, kết quả chẳng biết đi theo con đường của người nào mới tốt, xong luôn! Không giống như thời cổ, bậc đại đức thật sự vào thời cổ chỉ dạy quý vị tuân theo một con đường. Tuy sở học của những vị đại đức ấy khác hẳn, môn đình tu tập khác nhau, nhưng Ngài quan sát căn cơ của quý vị, vẫn chỉ cho quý vị một con đường [phù hợp với căn tánh của quý vị]. Quý vị và Ngài có pháp môn khác biệt, Ngài quyết chẳng giữ quý vị lại, mà sẽ giới thiệu nơi tương ứng với pháp môn của quý vị. Đây là vị thiện tri thức chân chánh. Chính mình khiêm hư, tán thán người khác, chư vị phải hiểu rõ điều này!

Chính mình thật sự mong thành tựu, nhất định phải tu Định; hằng ngày đi lung tung, tâm chẳng định được. Trong Tây Phương Xác Chỉ, Giác Minh Diệu Hạnh Bồ Tát có nói, niệm Phật kỳ nhất là xen tạp. Xen tạp là gì? Ngài nêu ra vài thí dụ, đọc kinh là xen tạp. Chẳng phải là kinh điển của tông mình, ta là người tu niệm Phật, ta lại muốn xem kinh Hoa Nghiêm, lại muốn niệm kinh Pháp Hoa, lại muốn niệm kinh Đại Bát Nhã, lại muốn đọc Đại Trí Độ Luận, thôi rồi, xen tạp, quý vị chẳng chuyên! Tu Tịnh Độ, nói cách khác, năm kinh một luận Tịnh Độ đã đủ cho quý vị niệm rồi! Còn muốn tham Thiền, còn muốn niệm chú, thấy người khác học cái này cũng muốn học theo, [thấy người ta] học cái khác cũng mong học theo, xen tạp! Lại còn cử hành pháp hội, lại còn tạp tâm chuyện gẫu, gặp đạo hữu chẳng nói “chánh kinh thoại”. Chánh kinh thoại là gì? Một câu A Di Đà Phật là chánh kinh thoại, trừ A Di Đà Phật ra, chẳng có câu nào khác là chánh kinh thoại. Tạp tâm chuyện gẫu! Lại còn nói những chuyện cát, hung, họa, phước chẳng khẩn yếu. Nhất tâm nhất ý cầu sanh Tịnh Độ, bận tâm gì đến cát hung, họa phước, không quan tâm tới những chuyện ấy, những thứ đó đều là xen tạp. Xen tạp, tâm quý vị sẽ không thanh tịnh, chẳng đạt được nhất tâm bất loạn, mà công phu thành phiền cũng chẳng đạt được!

Chúng ta không chỉ niệm Phật muốn đắc nhất tâm bất loạn, mà niệm kinh vẫn cùng một mục tiêu “cầu nhất tâm bất loạn”. Chúng ta niệm Phật cầu khai ngộ, vì sao? Ngộ là Lý nhất tâm bất loạn, chúng ta niệm kinh cũng nhằm cầu khai ngộ. Muốn cầu khai ngộ phải cầu từ đâu? Cầu từ trong Định, cầu từ tâm thanh tịnh. Trong tâm quý vị suốt ngày từ sáng đến tối suy nghĩ loạn xạ, há cầu được ư? Do những tạp niệm, vọng niệm của chúng ta quá nhiều, phân biệt, chấp trước quá nặng; hãy niệm Phật nhiều, niệm kinh nhiều. Chọn lấy một bộ kinh, mỗi ngày đều niệm kinh ấy, niệm đến nhuần nhuyễn, đừng cầu thông hiểu: Kinh này có ý nghĩa gì? Trước kia, tôi đã từng nói với quý vị, toàn là lời thật thà, trong kinh chẳng có ý nghĩa gì. Quý vị cầu thông hiểu điều gì? Những gì quý vị “liễu giải” toàn là dấy vọng tưởng, chắc chắn chẳng liễu giải nghĩa chân thật. Bài kệ Khai Kinh có nói: *“Nguyện giải Như Lai chân thật nghĩa”*, những gì quý vị hiểu đều là suy nghĩ lung tung, chắc chắn chẳng phải là nghĩa chân thật của Như Lai.

“Như Lai chân thật nghĩa” là gì? Chẳng có ý nghĩa, đó là *“Như Lai chân thật nghĩa”*. Chẳng có ý nghĩa, tâm thanh tịnh, tâm đã định, đến lúc khởi tác dụng sẽ là vô lượng nghĩa; Trương Tam đến hỏi: Cõi Thường Tịch Quang giảng như thế nào? Quý vị giảng rõ ràng cho ông ta, ông ta hiểu rõ. Lý Tứ đến hỏi: Thường Tịch Quang giảng như thế nào? Quý vị lại giảng một cách khác, do cách giảng ấy, Lý Tứ khai ngộ, ông ta cũng hiểu rõ. Chẳng có ý nghĩa, nên khi khởi tác dụng bèn có vô lượng nghĩa. Mỗi ý nghĩa thích hợp đối với một người, có thể làm cho người ấy khai ngộ, khiến người ấy được thụ dụng. Nếu có ý nghĩa, hỏng rồi, kinh này chỉ thích hợp với một người, trừ người ấy ra, những người khác đều chẳng dùng được! Phật pháp màu nhiệm là màu nhiệm ở chỗ này! Do vậy, quý vị quyết định chớ nên tìm ý nghĩa của nó. Quý vị niệm kinh thì niệm kinh nhằm đắc Định, niệm kinh nhằm thanh tịnh tâm, tâm thanh tịnh sanh trí huệ. Kinh Kim Cang nói: *“Tín tâm thanh tịnh bèn sanh Thật Tướng”*, chúng ta niệm kinh nhằm mục đích này, cầu điều này, cầu thẳng thừng, thỏa đáng, tiến nhập cõi Thường Tịch Quang. Trì danh niệm Phật là phương pháp niệm Phật cao nhất, có mấy ai hiểu? Mấy ai chịu thật thà làm? Sau khi xếp kinh lại, vẫn suy nghĩ loạn xạ, vẫn là cái này được, cái kia khá, chùa này khá lắm, pháp sư nọ rất tốt! Đều vẫn là tạo nghiệp luân hồi, phiền phức to lắm! Nếu quý vị nghe lời tôi, các pháp sư trong rất nhiều chùa miếu sẽ hận tôi thấu xương! Tôi chẳng có cách nào, chỉ đành ngay lập tức đến Tây Phương Cực Lạc thế giới lánh nạn! Hôm nay đã hết thời gian rồi!

Tập 123

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang hai trăm sáu mươi sáu:

(Sao) Nhị viết Thật Báo Trang Nghiêm độ, hành chân thật pháp, cảm thù thắng báo, thất bảo trang nghiêm, cụ tịnh diệu ngũ trần cố. Diệc vân Vô Chướng Ngại độ, dĩ sắc tâm bất nhị, mao sát tương dung cố, thị Pháp Thân đại sĩ sở cư.

(鈔) 二曰實報莊嚴土，行真實法，感殊勝報，七寶莊嚴，具淨妙五塵故。亦云無障礙土，以色心不二，毛剎相容故。是法身大士所居。

(Sao: Hai là cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Hành pháp chân thật, cảm báo thù thắng. Bảy bảo trang nghiêm, trọn đủ ngũ trần tịnh diệu, còn gọi là cõi Vô Chướng Ngại, do sắc và tâm bất nhị, sợi lông và cõi nước chứa đựng lẫn nhau, là nơi ở của hàng Pháp Thân đại sĩ).

Đây là loại thứ hai trong bốn cõi, tức cõi Thật Báo Trang Nghiêm. “Thật” là chân thật, “Báo” là quả báo. Báo độ là chân thật, chẳng hư vọng. Bốn cõi đều là quả. Nói đến quả, đương nhiên nhất định phải nói đến tu nhân. Tu nhân như thế nào thì mới chứng quả như thế ấy. Ở đây nói là “hành chân thật pháp”, đây là tu nhân, nên cảm báo độ thù thắng. “Hành chân thật pháp” là gì? Câu này hết sức trọng yếu, vì chỉ cần cái nhân là chân thật thì quả báo là tự nhiên, chẳng cầu cũng đạt được. Nói thông thường, hễ là Bồ Tát thuộc địa vị tu nhân, còn chưa kiến tánh, chưa chứng đắc Pháp Thân, tu hành trong khi ấy đều chẳng thể nói là chân thật. Do vậy có thể biết, hễ nói đến chân thật, mức độ thấp nhất là phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân, Bồ Tát như vậy bất luận tu học pháp môn gì cũng đều là chân thật. Chưa đạt đến cảnh giới ấy thì đều gọi là Quyền Tiểu Bồ Tát, hay Quyền Thừa Bồ Tát, chẳng chân thật. Đối với tiêu chuẩn này, nếu chúng ta dùng tỷ dụ trong kinh Kim Cang để nhìn, sẽ lý giải rất dễ dàng! Nửa đầu kinh Kim Cang nói: “Nhược Bồ Tát hữu ngã tướng, nhân tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng, tức phi Bồ Tát” (Nếu Bồ Tát có tướng ta, tướng người, tướng chúng sanh, tướng thọ giả, bèn chẳng phải là Bồ Tát), nửa bộ sau nói: “Nhược Bồ Tát hữu ngã kiến, nhân kiến, chúng sanh kiến, thọ giả kiến, tức phi Bồ Tát” (Nếu Bồ Tát có

ngã kiến, nhân kiến, chúng sanh kiến, thọ giả kiến, bèn chẳng phải là Bồ Tát). Do vậy có thể biết, nếu quý vị có bốn tướng, bốn kiến; bốn kiến vi tế hơn bốn tướng rất nhiều, bốn tướng thô, bốn kiến vi tế. “Kiến” là kiến giải, hễ còn có những kiến giải như thế thì quý vị chẳng phải là Bồ Tát. Chẳng phải là hạng Bồ Tát nào? Chẳng phải là Bồ Tát chân thật như đang nói ở đây.

Nói thật thà, chẳng thể nói [vị ấy] không phải là Bồ Tát, vị ấy là Bồ Tát, nhưng chẳng phải là chân thật Bồ Tát, chẳng phải là Pháp Thân đại sĩ. Ở đây nói [cõi Thật Báo Trang Nghiêm là] “*Pháp Thân đại sĩ sở cư*” (là nơi ở của Pháp Thân đại sĩ), nhưng vị ấy (tức vị Bồ Tát chưa lìa bốn tướng và bốn kiến) chẳng phải là Pháp Thân đại sĩ. Nói cách khác, tuy chúng ta đã phát Bồ Đề tâm, nhưng bốn tướng chưa phá, bốn kiến chưa đoạn, vị Bồ Tát như vậy trụ ở đâu? Trong cõi Phạm Thánh Đồng Cư hay cõi Phương Tiện Hữu Dư. Tuy phát Bồ Đề tâm, nhưng chưa đắc Thiên Định, bèn trụ trong cõi Phạm Thánh Đồng Cư. Nếu đắc Thiên Định, sẽ là cõi Phương Tiện Hữu Dư. Nếu lại phá một phẩm vô minh, chứng một phần bốn tánh, tức là chứng một phần Pháp Thân, đó là chân thật Bồ Tát, trụ trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Nhân chân thật, quả báo cũng chân thật, có ý nghĩa như vậy. Do vậy có thể biết, niệm Phật đạt đến Lý nhất tâm bất loạn liền sanh trong cõi Thật Báo, đây là cách nói theo lẽ thông thường.

Mười phương chư Phật đều có bốn cõi Tịnh Độ, trọn chẳng phải là chỉ riêng Tây Phương Cực Lạc thế giới mới có bốn cõi Tịnh Độ, mà mỗi vị Phật trong mười phương ba đời đều có bốn cõi; nhưng bốn cõi của hết thầy chư Phật chẳng phải là xếp hàng ngang, mà có tầng lớp trên dưới, có thứ lớp cao, thấp, trọn chẳng phải ở cùng một chỗ. Bồ Tát trong cõi Thật Báo chẳng thấy Bồ Tát trong cõi Phương Tiện, Bồ Tát trong cõi Phương Tiện chẳng thấy Bồ Tát trong cõi Đồng Cư, ngoại trừ có nhân duyên đặc biệt. Nếu không, sẽ chẳng thấy nhau; bởi lẽ, giữa các cõi có chướng ngại. Thế giới Tây Phương đặc biệt, bốn cõi xếp hàng ngang kề nhau, chẳng phải là từng tầng một. Nói cách khác, sanh về một là sanh trong hết thầy. Chúng ta sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, dầu sanh trong cõi Phạm Thánh Đồng Cư, vẫn cùng với cõi Phương Tiện, cõi Thật Báo, cõi Thường Tịch Quang đều ở cùng một chỗ, nên hàng ngày gặp gỡ các vị đại Bồ Tát (Pháp Thân đại sĩ), cùng sống một chỗ, chẳng thể nghĩ bàn! Trong các cõi nước của mười phương chư Phật chẳng có tình hình như vậy, thế giới Tây Phương đặc biệt. Vì thế, chư Phật khuyên chúng ta cầu sanh Tây Phương Tịnh Độ, đạo lý ở chỗ này. Đó là “*hoành siêu tam giới*”, bên kia là “*luôn*

sanh trong bốn cõi”, đó là lợi ích, công đức thù thắng khôn sánh! “*Cảm thù thắng báo*”, người ấy cảm được quả báo thù thắng, do nội hạnh thù thắng, quả báo cũng thù thắng, thân tướng người ấy biến chuyển vi diệu.

“*Thất bảo trang nghiêm*” giống như trong kinh đã nói. Nói thật ra, Tây Phương Tịnh Độ không chỉ là cõi Thật Báo, kể cả cõi Phạm Thánh Đồng Cư cũng chẳng thể nghĩ bàn, hoàn toàn do A Di Đà Phật xứng tánh biến hóa tạo ra. Trong chú giải Đại Kinh, cổ đức bảo Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng phải là “nhất hợp tướng” như kinh Kim Cang đã nói, điều này rất đặc biệt. Các cõi Phật trong mười phương đều là “*nhất hợp tướng*”, tướng ấy là sâm la vạn tượng, chúng ta nói là “động vật, thực vật, khoáng vật”, sâm la vạn tượng. Bản chất của sâm la vạn tượng là một, do một vật hòa hợp biến hiện ra, khoa học hiện thời đã chứng thực điều này. Chúng ta phân tích tất cả vật chất, phân tích đến cuối cùng là nguyên tử, điện tử, hạt cơ bản, phân tích cho đến những thứ ấy, quả thật vạn vật giống nhau, vật chất cơ bản là một. [Vạn vật] do các vật chất cơ bản ấy hợp thành, nay chúng ta nói “chúng có công thức cấu tạo khác nhau”, nên mới có nguyên tố. Có nguyên tố nên mới hợp thành các vật chất. Hết thấy sâm la vạn tượng quả thật là “nhất hợp tướng”, cách nói ấy chẳng sai tí nào! Nhưng thế giới Tây Phương chẳng do các loại vật chất giống như vậy kết hợp, nó là cõi Pháp Tánh. Nói cách khác, nó là Tướng Phần của Chân Như bản tánh. Nhất hợp tướng: “Nhất” là vật chất cơ bản, nếu lại quan sát sâu hơn, nó sẽ là năng lượng, dao động, quả thật là “*Sắc tức là Không, Không tức là Sắc, Sắc chẳng khác Không, Không chẳng khác Sắc*”, đạt đến cảnh giới ấy, các nhà khoa học hiện thời đã chứng thực điều này.

Tướng Phần của mười phương thế giới là như thế nào? Trong Duy Thức đã giảng rất rõ ràng: “*Vô minh bất giác sanh tam tế*”. Trong ba tế tướng, thứ nhất là Vô Minh Nghiệp Tướng, tức là mê hoặc, vọng động; thứ hai là Chuyển Tướng, do có vô minh vọng động nên nó sanh khởi chuyển biến; Chuyển Tướng còn gọi là Kiến Phần, có thể thấy tướng. Đã có thể thấy tướng, nó có thể biến thành một tướng được thấy, tướng được thấy gọi là Cảnh Giới Tướng tức là Tướng Phần của các cõi nước Phật do đó mà có. Tướng ấy được gọi là “*chân vọng hòa hợp*”, nó chính là ý nghĩa “*nhất hợp tướng*” như kinh Kim Cang đã nói. Nói cách khác, sau khi Chân Như bản tánh khởi vô minh, sẽ biến hiện Cảnh Giới Tướng.

Cõi nước Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng khởi vô minh. Chẳng có vô minh sẽ là Tướng Phần của Chân Như bản tánh. Hiện thời, Tướng Phần của [thế giới Sa Bà] chúng ta là Tướng Phần của A Lại Da Thức. Các cõi nước của mười phương chư Phật là Tướng Phần của A Lại Da

Thứ. Tây Phương Cực Lạc thế giới, dầu là cõi Phạm Thánh Đồng Cư, vẫn là Tướng Phần của Chân Như bản tánh, [các cõi Phật khác] chẳng có cách nào so sánh được! Nếu đem so thế giới ấy với cõi nước của chư Phật trong mười phương, Cực Lạc thù thắng trang nghiêm khôn sánh! Do vậy, chư Phật khuyên chúng ta vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới là có lý, thật sự là đại từ đại bi, khiến cho chúng ta vĩnh viễn đạt tới giải thoát rốt ráo!

Chỉ cần quý vị cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, đức Phật đã yên tâm về quý vị, vì sao? Quý vị đã được giải thoát rốt ráo, đã đắc độ rốt ráo, Ngài chẳng còn phải bận lòng nữa! Chưa thể vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới thì chư Phật, Bồ Tát phải dòm chừng quý vị mỗi ngày, phải bận tâm mỗi ngày. Khi nào quý vị mới khiến cho chư Phật chẳng phải bận lòng? Giống như cha mẹ đối với con cái, con cái học hành thành tựu, sự nghiệp thành tựu, cha mẹ mới yên tâm. Nếu chẳng có thành tựu, cha mẹ sẽ luôn phải lo lắng, đạo lý là như vậy đó! Nếu chúng ta cầu vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, khác nào hết thầy đều thành tựu viên mãn rốt ráo, đến Tây Phương thế giới bảo đảm quý vị sẽ thành Phật. Chư Phật độ chúng sanh còn có chỗ nào phải bận tâm nữa ư? Chẳng cần! Chúng sanh ấy sẽ thành Phật. Ở đây, lời Sao nói “*cụ tịnh diệu ngũ trần*”, tức là nói rõ ngũ trần [trong cõi Cực Lạc] khác với [ngũ trần] trong các thế giới của mười phương chư Phật, khác hẳn!

“*Diệc vân Vô Chướng Ngại độ*” (còn gọi là cõi Vô Chướng Ngại), giống như cảnh giới Hoa Nghiêm, Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại, Tây Phương Cực Lạc thế giới là cõi Vô Chướng Ngại. “*Dĩ sắc tâm bất nhị, mao sát tương dung cố*” (do Sắc và Tâm bất nhị, sợi lông và cõi nước chứa đựng lẫn nhau), đây là cảnh giới Hoa Nghiêm. Trong Sớ Sao, chỗ nào Liên Trì đại sư cũng trích dẫn kinh Hoa Nghiêm để giải thích kinh A Di Đà, đưa kinh A Di Đà lên địa vị cao vời giống như kinh Hoa Nghiêm, nhằm chứng tỏ kinh Di Đà chẳng khác gì kinh Hoa Nghiêm. Kinh Hoa Nghiêm là vua trong các kinh, là Nhất Thừa liễu nghĩa. Kinh Di Đà cũng chẳng ra ngoài lệ ấy, là quy túc và tinh hoa của kinh Hoa Nghiêm. Nói cách khác, [kinh Di Đà] là Hoa Nghiêm của kinh Hoa Nghiêm, là Nhất Thừa của Nhất Thừa, là liễu nghĩa của liễu nghĩa. Đây là nâng bộ kinh điển này và pháp môn này lên cao như thế, nhằm khuyên chúng ta phải tin tưởng, phải phát nguyện, phải y giáo phụng hành. Lão nhân gia trọn chẳng nói tùy tiện, Ngài nói những lời ấy câu nào cũng đều có căn cứ, tuyệt đối chẳng phải vì chính Ngài tu Tịnh Độ mà bốc thơm Tịnh Độ lên cao như thế, chẳng phải vậy! Do vậy, Ngài phải dẫn chứng kinh điển nhằm chứng

tỏ cảnh giới Tây Phương Cực Lạc thế giới quả thật chẳng hai, chẳng khác cảnh giới Hoa Nghiêm.

Sắc là vật chất, Tâm là bản tánh. Đó gọi là “*Sắc ngoại vô Tâm, Tâm ngoại vô Sắc*” (ngoài Sắc chẳng có Tâm, ngoài Tâm chẳng có Sắc). Sắc cũng là cảnh giới, tâm và cảnh như nhau. Tâm Kinh dạy: “*Sắc tức thị Không, Không tức thị Sắc*”, ở đây có thể nói Sắc là Tâm, Tâm là Sắc. Sắc là Tướng Phần của Tâm, Tâm là Tánh Thể, bản thể của Sắc. Sắc là hiện tướng của Tâm, Sắc và Tâm là một, không hai. Do vậy, chúng chẳng có chướng ngại. Không chỉ là Lý Sự vô ngại, mà Sự Sự đều là vô ngại. Vì sao nay chúng ta đối với sắc tướng lại nảy sinh vô tận chướng ngại? Đó là do không thấu hiểu chân tướng tạo thành, tuyệt đối chẳng phải là trong Sắc ấy thật sự có chướng ngại, chẳng hề có!

Những chướng ngại ấy do đâu sanh ra? Từ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước của chúng ta sanh ra. Nếu chúng ta rời khỏi hết thảy vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, sẽ chứng đắc cảnh giới này, chúng đắc pháp giới “*Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại*”; chúng ta đọc kinh, đã hiểu rõ vọng tưởng, chấp trước, rất muốn trừ bỏ chúng, nhưng chẳng bỏ được. Vì sao chẳng bỏ được? Thâm căn cố đế! Sự chấp trước ấy chẳng phải chỉ là một đời, mà là đời đời kiếp kiếp từ vô thủy kiếp đến nay, chúng ta chấp trước như vậy, dưỡng thành một thói quen, muốn sửa cũng sửa chẳng được, phiền phức lớn lắm! Phân biệt, chấp trước, vọng tưởng nếu chẳng thể bỏ được, dầu chúng ta tu hành công phu tốt đẹp đến mấy vẫn chỉ có thể tu đến [các địa vị] Thanh Văn, Duyên Giác, Quyền Giáo Bồ Tát, chẳng thể nhập địa vị chân thật, vì sao? Trong pháp chân thật chẳng có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Điều này đáng cho chúng ta phản tỉnh, cảnh giác sâu xa!

Tuy chúng ta phản tỉnh, cảnh giác, trên thực tế, chúng ta vẫn làm không được, nhưng chúng ta phải biết đích xác là có một chuyện như thế. Trong hết thảy cảnh giới, chúng ta phải gắng hết sức giảm nhẹ phân biệt, chấp trước, để làm cái nhân chân thật hồng tiếp cận cõi Thật Báo. Nếu phân biệt, chấp trước của chúng ta vẫn nặng nề y như cũ, trọn chẳng giảm nhẹ mảy may, nói cách khác, chúng ta may mắn học pháp môn niệm Phật, nếu học pháp môn khác, có thể nói là một đời này chẳng có chút hy vọng nào! Học pháp môn này, niệm Phật đến mức công phu thành phiền, có thể vắng sanh cõi Phạm Thánh Đồng Cư, chứ nhất tâm bất loạn chẳng dễ gì đạt được! Phải giảm nhẹ vọng tưởng, chấp trước rất nhiều thì mới có thể đạt đến Sự nhất tâm bất loạn. Phân biệt, chấp trước, vọng tưởng đoạn rồi, thật sự chẳng còn nữa thì mới có thể đạt tới Lý nhất tâm bất loạn. Đó là

nói bên trong [nội tâm] hoàn toàn chẳng còn [vọng tưởng, phân biệt, chấp trước] nữa thì mới có thể đạt đến cảnh giới ấy.

“*Mao sát tương dung*” (lỗ chân lông và cồi nước chứa đựng lẫn nhau), nói rõ Sự Sự vô ngại. “*Mao*” (毛) [ở đây] là lỗ chân lông, lỗ chân lông trên thân chúng ta rất nhỏ. “*Sát*” (刹) là Phật sát độ (佛刹土: cồi nước Phật), tức đại thiên thế giới. Có thể lấy đại thiên thế giới bỏ vào một lỗ chân lông, lớn vào trong nhỏ. Nhỏ vào trong lớn thì chúng ta chẳng cảm thấy lạ lùng gì. Đại thiên thế giới dung nạp lỗ chân lông chẳng có vấn đề gì. Lỗ chân lông bé tí có thể dung nạp đại thiên thế giới, có cùng ý nghĩa với tỷ dụ “*giới tử nạp Tu Di*” (núi Tu Di nhét trong hạt cải) được giảng trong kinh. “*Giới tử*” (芥子) là hạt cải, hạt cải rất bé, còn bé hơn hạt mè. “*Tu Di*” là núi Tu Di, đem núi Tu Di bỏ vào hạt cải, hạt cải ấy chẳng phình to, núi Tu Di cũng chẳng rút nhỏ. Thử hỏi làm sao có thể nhét vào được? Chuyện này rất khó lý giải. Chuyện này nhằm hình dung Sự Sự vô ngại. “*Mao sát tương dung*” so với “*giới tử nạp Tu Di*”, cảnh giới này còn rộng lớn hơn nữa. Núi Tu Di bé hơn tam thiên đại thiên thế giới quá nhiều. Hạt cải so với lỗ chân lông còn to hơn quá nhiều! Chúng ta nhét hạt cải vào lỗ chân lông còn chưa được, làm sao có thể đem tam thiên đại thiên thế giới nhét vào trong đó? Những điều này toàn là cảnh giới trong kinh Hoa Nghiêm, chẳng thể nghĩ bàn! Trong kinh thường nói: “*Nhất nhất trần trung, nhất thiết trần*” (hết thấy các vi trần trong mỗi một vi trần), đó gọi là “*nhất mao đoan hiện bảo vương sát*” (trên đầu một sợi lông hiện cồi bảo vương). “*Bảo vương sát*” (寶王刹) là một cồi Phật, tức tam thiên đại thiên thế giới. [Sách Diễn Nghĩa giảng] “*cử nhất mao đoan, toàn chương pháp giới, cố năng pháp pháp tương tức, châu biến hàm dung*” (nêu ra đầu một sợi lông để phơi bày toàn bộ pháp giới; vì thế, các pháp chính là lẫn nhau, chứa đựng lẫn nhau trọn khắp), thấy đều là cảnh giới của Đại Phương Quảng Hoa Nghiêm Kinh, là cảnh giới Hiện Lượng được các vị Pháp Thân đại sĩ thuộc bốn mươi một địa vị đích thân chứng đắc, chẳng phải là tưởng tượng, mà là đích thân chứng. “*Thị Pháp Thân đại sĩ sở cư*” (là cồi để Pháp Thân đại sĩ ở), là cồi Tịnh Độ cư trú của các Ngài. Cối thứ ba...

(Sao) Tam viết Phương Tiện Hữu Dư độ, đoạn tứ Trụ Hoặc, thuộc phương tiện đạo. Vô minh vị tận, danh viết Hữu Dư, thị tam thừa thánh nhân sở cư.

(鈔) 三曰方便有餘土，斷四住惑，屬方便道。無明未盡，名曰有餘。是三乘聖人所居。

(Sao: Ba là cõi Phương Tiện Hữu Dư, đoạn bốn Trụ Hoặc, thuộc về đạo phương tiện. Do vô minh chưa hết nên gọi là Hữu Dư, là nơi ở của tam thừa thánh nhân).

Nhân của cõi Phương Tiện Hữu Dư là đoạn Tứ Trụ Phiền Não. Như cõi Thật Báo trong phần trước có nhân là “*hành chân thật pháp*”. Chúng ta đặc biệt chú trọng câu này, chú trọng phương diện tu nhân. Tứ Trụ Hoặc là gì? Chúng ta thường gọi Tứ Trụ Hoặc là Kiến Tư phiền não. Tư tưởng sai lầm là Tư Hoặc, kiến giải sai lầm là Kiến Hoặc. Ở đây, coi Kiến Hoặc là một Trụ, tức là Kiến Nhất Thiết Trụ Địa. Nếu đã đoạn Kiến Hoặc, tức là đã đoạn một Trụ trong Tứ Trụ Hoặc, quý vị chứng Tiểu Thừa Tu Đà Hoàn quả. Tư Hoặc được tách thành ba Trụ:

- Thứ nhất là Dục Ái Trụ Địa, tức là chín phẩm Tư Hoặc trong Dục Giới. Nếu đoạn hết, chẳng còn trở lại Dục Giới, tức là chứng Nhị Quả, chứng Tiểu Thừa Nhị Quả.

- Thứ hai là Sắc Ái Trụ Địa. Nói thật ra, ba điều này rất dễ nhớ, tức là Dục Giới, Sắc Giới, Vô Sắc Giới. Nếu quý vị đoạn sạch Sắc Ái Trụ Địa sẽ là Tứ Địa trong Sắc Giới, Tứ Địa là Tứ Thiên. Trong mỗi Thiên, có chín phẩm Tư Hoặc, quý vị đều đoạn sạch các thứ này, bèn chứng Tam Quả.

- Thứ ba là Vô Sắc Ái Trụ Địa, tức là Tứ Không Thiên. Tứ Không Thiên cũng gọi là Tứ Địa, trong mỗi tầng cũng là chín phẩm Hoặc. Bốn lần chín là ba mươi sáu, có thể đoạn sạch ba mươi sáu phẩm Tư Hoặc này, sẽ chứng quả A La Hán. Vì thế, Tiểu Thừa phá Tứ Trụ Hoặc.

Trong pháp môn theo đường lối thông thường, phải đoạn Tứ Trụ Hoặc thì mới có thể vượt thoát tam giới, vĩnh viễn thoát khỏi lục đạo sanh tử luân hồi. Nói cách khác, Kiến Tư phiền não thấy đều đoạn sạch. Nói dễ dàng, làm chẳng đơn giản! Nếu chúng ta hỏi “ai có năng lực?” Chẳng cần nói đoạn cả bốn Trụ Phiền Não, quý vị chỉ đoạn một Trụ thử xem! Ai có năng lực ấy? Trong một đời có thể đoạn một Trụ (tám mươi tám phẩm Kiến Hoặc trong tam giới)? Do vậy, Phật pháp tuy nói bình đẳng, mỗi tông phái, mỗi pháp môn đều bình đẳng, chẳng hai, chẳng khác; nhưng quý vị tu pháp môn khác, bất luận tu pháp môn nào thấy đều phải đoạn Hoặc. Nếu điều kiện là đoạn Hoặc chứng Chân, quả thật là chúng ta chẳng thể trông mong gì! Chỉ riêng pháp môn Tịnh Độ là chẳng cần đoạn Hoặc, mà nói đối nghiệp vãng sanh, “*đối nghiệp*” là mang Hoặc theo, tức là có thể

chẳng cần đoạn bốn Trụ Phiền Nã này, mang Hoặc đi vãng sanh, chúng ta mới có hy vọng! Chúng ta phải hiểu rõ đạo lý này. Chúng ta thật sự hiểu rõ, tu hành mới chẳng bị lạc lối, sau này chẳng phí ồng công phu tu hành trong cả một đời, trong tương lai quý vị nhất định có kết quả.

Tu học pháp môn này phải thâm nhập một môn. Trong quá khứ, quả thật có rất nhiều đồng tu hỏi tôi câu này: “Chúng tôi học Phật phải thực hiện từ chỗ nào?” Chuyện này thật sự là khó! Tôi cũng chẳng có cách nào dạy người ấy thực hiện từ chỗ nào. Hiện thời có thể nói là nhân duyên thù thắng, thấy chúng sanh đời này rất có phước báo, phước báo lớn hơn chúng tôi trong quá khứ. Hiện nay, nếu có ai tới hỏi tôi [câu ấy], sẽ rất đơn giản, tôi lập tức bảo kẻ ấy: “Hãy bắt đầu thực hiện bằng Vô Lượng Thọ Kinh Chú Giải (chú giải kinh Vô Lượng Thọ)”, bản chú giải ấy có lẽ sẽ xuất bản vào đầu tháng sau. Vô Lượng Thọ Kinh Chú Giải của lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ, bắt đầu từ đó là được rồi! Vì sao? Chú giải của cụ giống như một bộ đại từ điển Phật học, mỗi danh từ thuật ngữ trong kinh Vô Lượng Thọ đều được cụ giải thích rành rẽ, rõ rệt. Quý vị đọc bản chú giải ấy, nói cách khác, kiến thức Phật học thông thường của quý vị được trọn đủ, quý vị cũng thông hiểu rất nhiều thuật ngữ Phật giáo. Quý vị cũng hiểu rõ nghĩa lý trong pháp môn Tịnh Độ, tuyệt lắm! Thông đạt hết thấy danh tướng chính là liễu giải kiến thức Phật giáo thông thường.

Nói thật ra, trong quá khứ cũng có [tác phẩm chú giải cặn kẽ như vậy], như cuốn Kim Cang Kinh Giảng Nghĩa của cư sĩ Giang Vị Nông hay cuốn Tâm Kinh Thuyên Chú của cư sĩ Châu Chỉ Am, có tính chất tương tự. Trong quá khứ, tại Đại Chuyên Phật Học Giảng Tòa, lão cư sĩ Lý Bình Nam đã khuyến khích sinh viên các trường đại học và chuyên nghiệp hãy đọc Kim Cang Kinh Giảng Nghĩa của cư sĩ Giang Vị Nông. Nói thật ra, Kim Cang Kinh Giảng Nghĩa chẳng hay bằng Vô Lượng Thọ Kinh Chú Giải, vì sao? Kim Cang Kinh Giảng Nghĩa quá u huyền, nói thật thà là chẳng dùng được! Hiểu rõ Phật lý, nhưng lại chẳng ăn khớp với cuộc sống hiện thực của chúng ta, sẽ chẳng dùng được! Không như kinh Vô Lượng Thọ, học xong kinh Vô Lượng Thọ có thể áp dụng ngay lập tức, nó hòa làm một với cuộc sống của chúng ta, tốt đẹp ở chỗ này! Do có cuốn sách ấy, trong tương lai, người ta đến hỏi: Học Phật nên nhập môn từ chỗ nào? Quý vị giới thiệu cuốn sách ấy cho kẻ đó, nhập môn từ nơi ấy!

Nếu thật sự muốn nhập môn, thật sự nhập môn là nhập Giải môn, liễu giải bản chú giải ấy là được rồi. Đại khái, quý vị liễu giải Phật pháp là gì. Nếu muốn chứng quả, muốn vãng sanh, chỉ dựa vào Giải sẽ không được, phải nhập như thế nào? Nhất định phải tụng thuộc lòng kinh Vô

Lượng Thọ. Quý vị có thể niệm kinh văn mỗi ngày một lần. Mỗi ngày niệm một lần là mười năm, mỗi ngày niệm hai lần trong năm năm, mỗi ngày niệm ba lần là ba năm, đó là mức thấp nhất. Mỗi ngày niệm ba lần sẽ phải niệm ba năm, chẳng gián đoạn ngày nào, quý vị cũng rất có thể ngộ nhập. Vì sao? Niệm như vậy, tâm con người bèn định. Phải hiểu: Niệm kinh là “*Định Huệ đẳng học*” (học Định và Huệ cân bằng). Đức Phật dạy chúng ta tu Giới, Định, Huệ, niệm kinh là tu Định và tu Huệ. Ta chuyên niệm bộ kinh này, trong tâm chẳng có vọng tưởng, tâm đã định rồi. Sau khi niệm đã lâu bèn khai trí huệ, đúng như Đại Thế Chí Bồ Tát đã nói: “*Đô nhiếp lục căn, tịnh niệm tương kế, bất giả phương tiện, tự đắc tâm khai*” (nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối, chẳng nhờ vào phương tiện, tâm tự được khai ngộ), đạo lý là như thế đó, thâm nhập một môn! Trừ niệm kinh ra, chuyên trì thánh hiệu A Di Đà Phật. Sau khi đã niệm thuộc kinh, có thể đọc thuộc lòng, chẳng cần kinh bản mà vẫn có thể niệm, bất cứ lúc nào, bất cứ chỗ nào đều có thể niệm, chẳng hạn định phải đối trước Phật, mở kinh bản ra để đọc tụng. [Nếu vẫn phải mở kinh ra] đó là chưa thuần thực, chẳng có cách nào, phải mở kinh ra để đọc tụng. Sau khi đã thuần thực, chẳng cần nữa! Hiện thời chúng tôi in [kinh Vô Lượng Thọ] thành những cuốn sách nhỏ cúng dường quý vị, hy vọng quý vị mang theo cuốn kinh ấy bên người, tùy thời, tùy chỗ đọc tụng. Quý vị niệm càng nhiều càng hay!

Đoạn hết bốn Trụ Phiền Não, phiền não có tất cả năm trụ. Đoạn bốn trụ trước, sau đó còn có trụ nào? Chính là vô minh phiền não, chẳng đoạn tí nào, nên gọi là Hữu Dư. Trong năm trụ phiền não, chỉ đoạn bốn trụ trước, vẫn còn sót lại vô minh phiền não, nên gọi là “*Phương Tiện Hữu Dư độ*”, danh xưng cõi Phương Tiện Hữu Dư do vậy mà có! “*Tam thừa thánh nhân sở cư*” (là chỗ ở của tam thừa thánh nhân), tam thừa là A La Hán, Bích Chi Phật, Quyền Giáo Bồ Tát, tức là những vị Bồ Tát chưa phá bốn tướng và bốn kiến như kinh Kim Cang đã nói, những vị ấy vẫn trụ trong cõi Phương Tiện Hữu Dư. Nếu phá bốn tướng và bốn kiến, sẽ trụ trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm, chẳng còn trụ trong cõi Phương Tiện Hữu Dư. Nhưng chư vị phải ghi nhớ, điều kiện của cõi Phương Tiện Hữu Dư là phải đoạn Kiến Tư phiền não, còn Trần Sa và Vô Minh chưa đoạn, các vị ấy chỉ có Định, chẳng có Huệ. Thứ tư...

(Sao) Tứ viết Phàm Thánh Đồng Cư độ, thị tứ thánh lục phàm chi sở cộng cư.

(鈔) 四曰凡聖同居土，是四聖六凡之所共居。

(*Sao*: Bốn là cõi Phạm Thánh Đồng Cư, là chỗ tứ thánh và lục phàm cùng ở).

Cõi này rất đặc biệt, Phật, Bồ Tát cũng ở nơi đây, lục đạo phàm phu cũng ở đây. Đó là tứ thánh lục phàm tạp cư Tịnh Độ. “*Tứ thánh*” là Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, Phật, là bốn thánh pháp giới trong mười pháp giới. “*Lục phàm*” là lục đạo, nói cách khác, mười pháp giới đều cùng ở một chỗ.

(*Sao*) *Tứ độ tuy thắng liệt bất đồng, diệc khả các phân tịnh uế.*

(鈔) 四土雖勝劣不同，亦可各分淨穢。

(*Sao*: Bốn cõi tuy thù thắng hay kém hèn khác nhau, nhưng đối với mỗi cõi đều có thể chia thành tịnh hay uế).

“*Tứ độ tuy thắng liệt bất đồng, diệc khả các phân tịnh uế*”: Nếu so sánh, cũng thấy rõ cảnh giới đây kia có đẳng cấp sai biệt khác nhau. Ví dụ như Kiến Tư phiền não nhẹ hay nặng mà cõi Đồng Cư hiển hiện tịnh hay uế tương ứng. Cũng như vậy, đối với đoạn Kiến Tư phiền não, A La Hán tuy đoạn Kiến Tư phiền não, nhưng chẳng đoạn tập khí, Bích Chi Phật cũng đoạn Kiến Tư phiền não, nhưng do người ta chẳng có tập khí, nên [cõi nước] hiển hiện cao hơn A La Hán. Cũng như vậy, đối với cõi Phương Tiện Hữu Dư, A La Hán trụ trong uế độ, Bích Chi Phật trụ trong Tịnh Độ. Bồ Tát có năm mươi một giai cấp, cấp trên thấy cấp dưới trụ trong uế độ, phía dưới thấy phía trên trụ trong Tịnh Độ, họ thanh tịnh hơn ta. Đó là cách nói so sánh; vì thế, “*thắng liệt bất đồng, diệc khả các phân tịnh uế*”. Thí dụ như phàm phu, nếu Kiến Tư phiền não nhẹ một chút, ở trong cõi Đồng Cư bèn cảm thấy thanh tịnh. Do tâm thanh tịnh, hoàn cảnh cũng thanh tịnh. Nếu Kiến Tư phiền não rất nặng, tuy ở trong Đồng Cư, người ấy trụ trong uế độ, tâm chẳng thanh tịnh, sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần, người ấy luôn cảm thấy mê hoặc, luôn cảm thấy phiền não, đó là tâm địa chẳng thanh tịnh. Hàng Nhị Thừa, Thanh Văn, Duyên Giác dùng Thể Không Quán, cho thấy họ rất cao minh, thanh tịnh, hiểu rõ hết thấy các pháp, [nhận biết] bản thể [của các pháp] chính là Không, tâm các Ngài thanh tịnh.

Hàng A La Hán chậm lụt hơn một chút, dùng phân tích, giống như các nhà khoa học hiện thời dùng máy móc để phân tích, phân tích đến cuối cùng biết vật chất là Không, đó là Tích Không Quán. Từ nghiên cứu, phân tích để đạt được kết luận, so với Đương Thể Tức Không chậm lụt hơn rất

hiều! Như vậy thì cõi Phương Tiện Hữu Dư mà họ chứng đắc sẽ là uế độ; còn cõi chứng đắc bằng Thể Không Quán là Tịnh Độ. Đây là nêu một thí dụ để nói, cõi Thật Báo và cõi Tịch Quang cũng có tình hình như vậy. Như cõi Thật Báo, phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân, là Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo. Lại phá một phẩm vô minh, chứng thêm một phần Pháp Thân nữa, bèn là Nhị Trụ Bồ Tát. Sơ Trụ thấy Nhị Trụ là Tịnh Độ, Nhị Trụ thấy Sơ Trụ là uế độ. Đây là uế độ và Tịnh Độ trong cõi Thật Báo. “*Diệc khả các phân tịnh uế*” (trong mỗi cõi cũng đều có thể chia thành tịnh hay uế), mang ý nghĩa này, nói về tình hình trong các cõi Phật thông thường.

(Sao) Kim Cực Lạc quốc, ký viết Bồ Tát, Thanh Văn, chư thiên, nhân dân, thị dữ Sa Bà quân danh Đồng Cư.

(鈔) 今極樂國，既曰菩薩聲聞諸天人民，是與娑婆均名同居。

(Sao: Nay cõi Cực Lạc, đã nói là có Bồ Tát, Thanh Văn, chư thiên, nhân dân, tức là cũng như Sa Bà, đều gọi là Đồng Cư).

Nói đến Tây Phương Cực Lạc thế giới Tịnh Độ, nay chúng ta hiểu rõ: Tây Phương Cực Lạc thế giới là Bồ Tát thuần nhất, chẳng có Nhị Thừa, chẳng có trời, người, vì sao trong kinh Di Đà, đức Phật lại nói “*Bồ Tát, Thanh Văn, chư thiên, nhân dân*”? Nói những lời này nhằm tùy thuận [tri kiến của] chúng ta trong thế gian này trước khi đạt tới thế giới Cực Lạc. Ở trong các cõi Phật khắp mười phương, bèn nói là Thanh Văn, Bồ Tát, hay người, trời, nói tới các thân phận đó. Hễ vắng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, đã tới đó, thấy đều là Bồ Tát. Từ bốn mươi tám nguyện trong kinh Vô Lượng Thọ, chúng ta thấy rõ điều này! Nói đến những danh xưng này nhằm tùy thuận thân phận của quý vị trước khi đến thế giới Cực Lạc, nói tới những thân phận ấy, chứ không phải là nói đến [thân phận] sau khi đã đến Tây Phương Cực Lạc thế giới. Do vậy, cõi Đồng Cư của Tây Phương Cực Lạc thế giới rất đặc biệt, có danh xưng giống như trong thế giới Sa Bà là cõi Phạm Thánh Đồng Cư, nhưng trên thực tế chẳng giống nhau.

(Sao) Nhi thử phương tắc thổ, thạch, kinh cửc, tứ thú vân vân.

(鈔) 而此方則土石荊棘，四趣紜紜。

(Sao: Nhưng phương này thì đất, đá, gai góc, bốn đường lằng xằng)

“Đất, đá, gai góc” là nói tới y báo. “Bốn đường lãng xãng” là nói tới chánh báo. “Bốn đường” là trời, quý, súc sanh, gộp địa ngục vào trong quỷ đạo. Chia tỉ mỉ sẽ là năm đường, nói chi tiết hơn nữa sẽ là lục đạo. Nói cách khác, y báo lẫn chánh báo đều chẳng thanh tịnh. Cõi Phạm Thánh Đồng Cư trong thế giới Sa Bà chẳng thanh tịnh. Lại xem kinh điển nói về Tây Phương thế giới:

(Sao) *Bỉ quốc tắc bát đức, thất trân, nhân thiên tế tế, thị Đồng Cư tịnh dã.*

(鈔) 彼國則八德七珍，人天濟濟，是同居淨也。

(Sao: Cõi kia thì tám đức, bảy thứ quý báu, trời người đồng đảo, là cõi Đồng Cư thanh tịnh).

Đối với tình huống trong cõi Phạm Thánh Đồng Cư của thế giới kia, kinh Vô Lượng Thọ, kinh Di Đà, và kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật đều nói cõi Phạm Thánh Đồng Cư của Tây Phương Cực Lạc thế giới rất thù thắng. “*Bát đức*” là nói nước có tám công đức, “*thất trân*” là bảy thứ báu. Nước trọn đủ tám đức, “*thất bảo*” nơi đâu cũng đó. Ở nơi này, bảy báu là vật chất hiếm có, bên Tây Phương Cực Lạc thế giới bảy thứ ấy phổ biến, chỗ nào cũng có, giống như hiện thời chúng ta thấy bùn, cát, đá, chỗ nào cũng có! Chúng ta dùng hắc ín để lót đường, thế giới Cực Lạc dùng vàng ròng lót đường. Ở nơi đây, chúng ta coi trân châu, mã não, phi thúy là những món bảo vật dùng làm đồ trang sức, người ta dùng làm vật liệu xây dựng, quá ư là nhiều! Đất của chúng ta là bùn, cát, [đất trong] thế giới Cực Lạc là lưu ly, phi thúy, lục sắc ngọc, từ trên mặt đất có thể thấy [thấu suốt] dưới nền đất, trong suốt mà! “*Nhân thiên tế tế*” (trời người đồng đảo) đều là Bồ Tát, chẳng có tam ác đạo. “*Thị Đồng Cư tịnh dã*” (là cõi Đồng Cư thanh tịnh), y báo và chánh báo đều thanh tịnh.

(Sao) *Diệc thông tiền tam giả, tùy kỳ cơ dị, sở kiến diệc dị.*

(鈔) 亦通前三者，隨其機異，所見亦異。

(Sao: “Cũng thông với ba cõi trước”: Tùy theo căn cơ khác nhau mà cũng thấy khác nhau).

Đây là điểm đặc biệt của Tây Phương Tịnh Độ! Trong thế giới này, nay chúng ta đang ở trong cõi Phạm Thánh Đồng Cư, chẳng thấy các vị Bồ Tát trong cõi Thật Báo. Chẳng hạn như chúng ta biết bốn vị đại Bồ Tát

cũng ở trong thế gian này, Phổ Hiền Bồ Tát, Văn Thù Bồ Tát, Quán Âm Bồ Tát, Địa Tạng Bồ Tát, tại Trung Quốc đại lục có tứ đại danh sơn chính là đạo tràng của tứ đại Bồ Tát. Tứ đại Bồ Tát có hiện diện hay không? Hiện diện, chúng ta chẳng thấy, nhưng xác thực là có người đã từng thấy. Lại còn không phải chỉ là một người thấy, trong sử sách có ghi chép. Do vậy, chúng ta biết, Bồ Tát quả thật ở trên cùng địa cầu này với chúng ta, nhưng chúng ta chẳng thấy các Ngài. Các Ngài có thể thấy chúng ta, nhưng chúng ta chẳng thấy các Ngài, do vì trong ấy có chướng ngại.

Đời Đường, thiền sư Pháp Chiếu đã gặp hai vị Bồ Tát Văn Thù và Phổ Hiền tại núi Ngũ Đài, đó là một nhân duyên đặc biệt. Trong đời quá khứ, thiện căn sâu dày, có duyên với Bồ Tát nên Sư mới thấy. Cận đại cũng có chẳng ít người, như triều bái Phổ Đà sơn, cũng có những người thấy Quán Âm Bồ Tát. Tuy thấy, nhưng là đôi khi thấy một chút, chỉ thấy hình tướng Bồ Tát, chẳng được thưa chuyện với Bồ Tát, cũng chẳng nghe Bồ Tát khai thị, thấy chốc lát rồi chẳng còn nữa. [Nhân duyên của] thiền sư Pháp Chiếu còn khá lắm, Sư gặp Bồ Tát nhằm lúc Bồ Tát đang giảng kinh, nghe hết một buổi giảng. Sau khi nghe xong, còn thỉnh giáo mấy vấn đề, Bồ Tát còn trả lời Sư. Cơ duyên như thế rất khó có! Trong Từ Bi Tam Muội Thủy Sám, quốc sư Ngô Đạt gặp tôn giả Ca Nặc Ca, đó là một vị A La Hán. Ngài có duyên với tôn giả, khi Ngài gặp nạn, tôn giả giúp Ngài giải quyết. Tuy vậy cũng là thiếu số rất ít!

Chẳng giống như Tây Phương Cực Lạc thế giới. Chúng sanh trong cõi Đồng Cư của Tây Phương Cực Lạc thế giới gặp mặt các vị đại Bồ Tát hằng ngày. Hằng ngày ở chung một chỗ. Hằng ngày gặp mặt cũng là “*tùy kỳ cơ dị, sở kiến diệc dị*” (tùy theo căn cơ khác nhau mà thấy cũng khác nhau). Nói cách khác, tùy thuộc công phu tu hành của người ấy cạn hay sâu, mà thấy Phật, Bồ Tát khác nhau. Tây Phương Cực Lạc thế giới đích xác là thù thắng, vì sao? Tướng mạo đều tương đồng. Thưa quý vị, đại khái là giống nhau, nhưng tướng vi tế vẫn khác nhau. Đại khái là giống nhau, chẳng có sai biệt quá lớn. Nói cách khác, nếu phàm phu chúng ta nhìn, hời hợt nhìn lướt qua, sẽ thấy hoàn toàn giống nhau, chẳng khác gì nhau, nhưng trong mắt Phật, Bồ Tát là khác nhau; bởi lẽ, [hình tướng] vẫn có mối quan hệ mật thiết với công đức tu hành của chính mình.

Chẳng hạn như, nếu quý vị đoạn một phần vô minh, sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, tức là công phu niệm Phật của quý vị đạt đến mức Lý nhất tâm bất loạn, đầu quý vị đang ở trong cõi Phạm Thánh Đồng Cư của Tây Phương Cực Lạc thế giới, cõi ấy cũng đặc biệt thù thắng, cõi Phạm Thánh Đồng Cư ấy và cõi Thật Báo Trang Nghiêm chẳng khác biệt!

Nếu quý vị niệm đạt đến Sự nhất tâm bất loạn, quý vị ở trong cõi Phạm Thánh Đồng Cư chẳng khác gì cõi Phương Tiện. Chúng ta hiểu rõ những đạo lý này, hiểu công phu niệm Phật ở chỗ nào? Ở chỗ đoạn phiền não, trừ tập khí. Không chỉ trong tương lai, chúng ta vãng sanh phẩm vị cao, mà quả báo còn thù thắng. Ở chỗ này, kinh dạy rõ ràng:

(Sao) Hữu u Đồng Cư kiến Tịch Quang độ, hữu u Đồng Cư kiến Thật Báo độ, hữu u Đồng Cư kiến Phương Tiện độ, hữu u Đồng Cư dẫn kiến bốn độ.

(鈔) 有於同居見寂光土，有於同居見實報土，有於同居見方便土，有於同居但見本土。

(Sao: Có kẻ trong cõi Đồng Cư thấy cõi Tịch Quang, có kẻ trong cõi Đồng Cư thấy cõi Thật Báo, có kẻ trong cõi Đồng Cư thấy cõi Phương Tiện, có kẻ trong cõi Đồng Cư chỉ thấy cõi mình).

Đây là chỗ khác nhau so với bốn cõi trong các thế giới ở phương khác. Bồ Tát trong cõi Phạm Thánh Đồng Cư của Tây Phương thế giới đều có thể thấy ba cõi trên. [Chuyện này] lại còn rất phổ biến, chẳng có chút hiếm hoi, lạ lùng gì! Tuy cùng thấy ba cõi trên, nhưng ba cõi trên cũng hiển lộ tịnh hay uế, thù thắng hoặc hèn kém khác nhau, xác thực là cảnh chuyển theo tâm, trọn chẳng phải là những cõi ấy khác nhau, mà do tâm của chính mình khác biệt. Chẳng phải là Bồ Tát đỗi ngộ quý vị có sai biệt hay đỗi ngộ hết thấy chúng sanh sai biệt, chẳng phải vậy! Tâm Phật, Bồ Tát bình đẳng, nhưng tâm chúng sanh bất bình đẳng, nên thấy tướng cảnh giới khác nhau. Chúng ta phải hiểu rõ lý này! Ở đây, đại sư đã nêu tỷ dụ.

(Sao) Như Pháp Hoa vân: “Ngã thử độ an ổn, thiên nhân thường sung mãn”.

(鈔) 如法華云：我此土安穩，天人常充滿。

(Sao: Như kinh Pháp Hoa nói: “Cõi ta đây an ổn, trời người thường đông đầy”).

Hai câu này trích từ kinh Pháp Hoa để làm dẫn chứng. Trong kinh Pháp Hoa, đức Phật nói các thế giới thông thường đều có Tam Tai. Nói tới Đại Tam Tai và Tiểu Tam Tai thì Tiểu Tam Tai là đao binh kiếp, ôn dịch, đói kém (chết đói); Đại Tam Tai là hỏa tai, thủy tai, và phong tai,

những tai nạn lớn. Kinh nói: Hỏa tai cháy đến trời Sơ Thiên, thủy tai ngập chìm Nhị Thiên, phong tai có thể thổi tan Tam Thiên, đến Tứ Thiên mới tránh khỏi Tam Tai, nên Tứ Thiên được gọi là Phước Thiên, phước báo thật to! Đức Phật nêu tỷ dụ này: Trong lúc đại hỏa thiêu đốt, cối này của ta vẫn yên ổn. [Sách Diễn Nghĩa giảng]: “Đại hỏa sớ thiêu, thị Đồng Cư độ, ngã độ an ổn, thị Đồng Cư kiến Phương Tiện độ” (là cối Đồng Cư bị đại hỏa thiêu đốt. “Cối ta an ổn” là cối Đồng Cư thấy cối Phương Tiện). Đây là [Liên Trì đại sư] dùng kinh Pháp Hoa để chứng thực lời giải thích này chẳng phải do chính mình suy đoán, mà có kinh điển để làm căn cứ.

(Sao) Tượng Pháp Quyết Nghi kinh vân: “Kim nhật tọa trung vô vọng số chúng, hoặc kiến thử xứ, sơn lâm, địa thổ, sa lịch, hoặc kiến thất bảo, hoặc kiến thị chư Phật hành xứ, hoặc kiến tứ thị bất tư nghị chư Phật cảnh giới”, giai tùy cơ dị kiến nhĩ.

(鈔) 像法決疑經云：今日坐中無央數眾，或見此處山林地土砂礫，或見七寶，或見是諸佛行處，或見即是不思議諸佛境界，皆隨機異見耳。

(Sao: Kinh Tượng Pháp Quyết Nghi nói: “Vô vọng số đại chúng đang hiện diện trong pháp hội hôm nay, có người thấy nơi này là núi rừng, đại địa là đất, cát, sỏi, hoặc thấy là bảy báu, hoặc thấy là hành xứ của chư Phật, hoặc thấy chính là cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn của chư Phật”, đều do tùy theo căn cơ mà thấy sai khác vậy).

Kinh Tượng Pháp Quyết Nghi⁵ nói: Người trong cối Đồng Cư tuy cùng sống một chỗ, cảnh giới của mỗi cá nhân khác nhau. Có người thấy đại địa là sạn, sỏi, bùn, cát, nhưng có người thấy là bảy báu, cảnh giới khác nhau. Ý nghĩa này chẳng khó hiểu, chúng ta dùng Thập Lục Quán Kinh để nói. Nên chiếu theo Thập Lục Quán Kinh tu hành, tu thành tựu phép Quán thứ hai. Thập Lục Quán Kinh là mỗi phép Quán đều có thể tu đơn độc, mà cũng có thể tu theo thứ tự thuận, mà cũng có thể chẳng tuân theo thứ tự thuận, chỉ tu một, hai phép Quán trong ấy. Thông thường tu Quán, quá nửa là quán tượng Phật, quán tướng hảo của A Di Đà Phật, hoặc quán Tây Phương Tam Thánh, cách này [được áp dụng] nhiều nhất.

⁵ Kinh Tượng Pháp Quyết Nghi không rõ người dịch, nội dung nói về tình hình sau khi đức Phật nhập diệt một ngàn năm. Đức Phật giảng về tướng Phật pháp suy vi trong thời ấy, khuyên đại chúng tu bố thí đại bi. Kinh này được nói khi đức Phật sắp nhập Niết Bàn.

Nếu tu phép Quán thứ hai, tức là quán đại địa. Biển cả đóng băng, quán Tây Phương Cực Lạc thế giới là đất lưu ly. Nếu quán thành tựu phép Quán này, quý vị sẽ thấy đại địa trong hiện tại giống như đại địa bên Tây Phương Cực Lạc thế giới, là lưu ly. Chúng ta thấy đất nơi đây là bùn, cát, người ấy thấy là lưu ly! Tuyệt đối chẳng phải là người ấy nhìn sai, những gì người ấy trông thấy là thật, là sự thật, hoàn toàn dùng tâm lực của chính mình để biến đổi cảnh giới. Sức quán tưởng của tâm quý vị lớn lắm! Biển đại địa hiện tiền trở thành chẳng khác gì đại địa của Tây Phương Cực Lạc thế giới, đây là một thí dụ.

Đại chúng tham dự pháp hội tùy thuộc cảnh giới tu hành khác nhau, tùy thuộc mức độ đoạn phiền não khác nhau, mà họ thấy y báo và chánh báo cũng khác nhau. Chẳng hạn như trong kinh có nói “nước trong nhân gian”, chúng ta thấy nước vốn là cùng một thứ, nhưng loài người, quỷ, và súc sanh thấy khác nhau. Loài người chúng ta thấy là nước, những sinh vật sống trong nước như loài cá, tôm, thấy nước giống như không khí. Quỷ Diêm Khâu trong loài ngạ quỷ thấy nước là lửa. Quý vị cho quỷ nước để uống, trong miệng quỷ sẽ phun ra lửa. Cùng là một loại vật chất, hoặc là một vật giống nhau, mà người, quỷ, súc sanh nhìn thấy, cảm nhận khác nhau, chẳng phải là cùng một thứ. Đây cũng là chứng minh rất hay! Vì thế, có công phu tu hành tốt đẹp, cảnh giới vô cùng thù thắng, thấy đạo tràng này, thấy pháp hội này là hành xứ của chư Phật, là cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn của chư Phật. Vì sao thấy cảnh giới khác nhau, đạo lý ấy đã được nêu bày.

(Sao) Tam độ đồng thượng giả.

(鈔) 三土同上者。

(Sao: “Ba cõi có cùng một ý nghĩa với [bốn cõi] trong phần trên”).

Giải thích từ ngữ “tam độ” trong [lời Sớ] ở phần trên.

(Sao) Nhất, Pháp Tánh độ, tức thị Tịch Quang.

(鈔) 一、法性土，即是寂光。

(Sao: Một là cõi Pháp Tánh, tức là Tịch Quang).

Tây Phương Cực Lạc thế giới là cõi Pháp Tánh.

(Sao) Nhị, Thụ Dụng độ, phục phân tự tha, đồng hồ Thất Báo.

(鈔) 二、受用土，復分自他，同乎實報。

(Sao: Hai là cõi Thụ Dụng, lại chia thành Tự Thụ Dụng và Tha Thụ Dụng, giống như cõi Thật Báo).

Cõi Thật Báo Trang Nghiêm là cõi Thụ Dụng, trong ấy có Tự Thụ Dụng Tịnh Độ và Tha Thụ Dụng Tịnh Độ. Tự Thụ Dụng là để cho chính mình hưởng thụ, Tha Thụ Dụng dùng để giáo hóa Bồ Tát. Nói cách khác, tự độ gọi là Tự Thụ Dụng; độ kẻ khác gọi là Tha Thụ Dụng. Tự độ phải thanh tịnh, độ tha phải từ bi. Từ bi là đối với người khác, chẳng phải đối với chính mình; thanh tịnh là đối với chính mình, chẳng phải đối với người khác. Thanh tịnh là Tự Thụ Dụng, từ bi là Tha Thụ Dụng. Vì đại từ đại bi, nên giáo hóa chúng sanh không mệt mỏi, chẳng chán ngán, thật sự có thể tùy thuận chúng sanh, hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức, những điều ấy đều là biểu hiện cụ thể của đại từ đại bi. Về phương diện Tự Thụ Dụng sẽ là “*tùy duyên bất biến, bất biến tùy duyên*”, bất luận trong cảnh giới nào cũng có thể giữ gìn cái tâm thanh tịnh, quyết định chẳng mê hoặc, quyết định chẳng nhiễm ô. Đó là Tự Thụ Dụng.

(Sao) Tam, Biến Hóa độ, đồng tiền tam tứ Phương Tiện Đồng Cư.

(鈔) 三、變化土，同前三四方便同居。

(Sao: Ba là cõi Biến Hóa, giống như cõi thứ ba là Phương Tiện và cõi thứ tư là Đồng Cư trong phần trước).

Chính là cõi thứ ba Phương Tiện, và cõi thứ tư là Đồng Cư.

(Sao) Tắc Cực Lạc giả, tuy đương Biến Hóa, diệt khả Thụ Dụng cập Pháp Tánh dã.

(鈔) 則極樂者，雖當變化，亦可受用及法性也。

(Sao: Như vậy thì Cực Lạc tuy ở trong cõi Biến Hóa, vẫn có thể ở trong cõi Thụ Dụng và Pháp Tánh).

Đây là chỗ rất đặc biệt. Tuy Cực Lạc có bốn cõi, nhưng bốn cõi đều có thể nói là Tịnh Độ, bốn tức là một, một tức là bốn. Xác thực là có bốn, nhưng xét theo phương diện thụ dụng, những vị Bồ Tát trong cõi Phạm Thánh Đồng Cư nghiêm nhiên có sự thụ dụng của hàng Bồ Tát trong cõi Tịch Quang và Thật Báo. Đây là chỗ chẳng thể nghĩ bàn của Tây Phương Cực Lạc thế giới, mà cũng là điều khiến cho pháp môn này được gọi là

pháp khó tin, thật sự khó tin. Đối với những điều chư Phật, Bồ Tát đã dạy này, chúng ta chớ nên hoài nghi. Nếu hoài nghi sẽ bỏ lỡ lợi ích chân thật này. Nương theo phương pháp này để tu hành, nói thật thì chắc chắn là từ kinh bôn này chúng ta chẳng thể tưởng tượng được sự thù thắng thật sự! Tục ngữ thường nói: “*Bách văn bất như nhất kiến*” (trăm nghe chẳng bằng một thấy). Quý vị phải sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, mới biết sự chân thật trang nghiêm ấy. Sự thù thắng trang nghiêm trong Tây Phương Cực Lạc thế giới đúng như đức Phật đã nói, mười phương chư Phật khác miệng cùng tiếng tuyên dương tán thán đều chẳng thể tán thán trọn hết, chân thật chẳng thể nghĩ bàn. Những gì đức Phật đã nói với chúng ta [về cõi Cực Lạc] chỉ là một phần vạn, hoặc một phần vạn vạn mà thôi! Do vậy, tôi hy vọng mọi người phải cố gắng. Hôm nay tôi giảng tới đây!

Tập 124

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang hai trăm sáu mươi chín.

(Sao) Thập chủng độ giả, Táo Bá sở phân thập chủng Quyền, Thật, tuy Cực Lạc thị Quyền phi Thật, nhiên thị thả cứ Quyền, Thật đối đãi phân biệt ngôn nhĩ. Nhược luận tùy cơ, Quyền Thật vô định, sở dĩ giả hà? Bỉ vân Di Đà Phật độ, vì nhất phần thủ tướng phàm phu, vị tín Pháp Không thật lý, dĩ chuyên ức niệm, kỳ tâm phân tịnh, đắc sanh Tịnh Độ, thị Quyền phi Thật. Tắc tri tựu thủ tướng giả, phi tựu nhập Lý giả. Nhược Lý nhất tâm, tức Quyền, tức Thật, cố vân “vô định”.

(鈔) 十種土者，棗柏所分十種權實，雖極樂是權非實，然是且據權實對待分別言耳。若論隨機，權實無定，所以者何？彼云彌陀佛土，為一分取相凡夫，未信法空實理，以專憶念，其心分淨，得生淨土，是權非實。則知就取相者，非就入理者，若理一心，即權即實，故云無定。

(Sao: “Mười thứ cõi”, ngài Táo Bá chia [các cõi Tịnh Độ] thành mười thứ Quyền và Thật. Tuy [ngài Táo Bá phán định] Cực Lạc là Quyền, chẳng phải Thật, nhưng vẫn là xét theo đối đãi phân biệt Quyền hay Thật mà nói đó thôi. Nếu luận định theo căn cơ, [cõi Cực Lạc] là Quyền hay Thật không nhất định, vì sao? Ngài nói “cõi Tịnh Độ của Phật Di Đà là cõi Tịnh Độ do một số phàm phu chấp tướng, chưa tin thật lý Pháp Không, do chuyên ức niệm, tâm tịnh một phần, được sanh về đó, nên [Cực Lạc] là Quyền, chẳng phải là Thật”. Do đó ta biết [ngài Táo Bá luận định Di Đà Tịnh Độ là Quyền do xét theo trình độ của] kẻ chấp tướng, chưa nhập lý. Nếu là [người đã đạt] Lý nhất tâm, [Di Đà Tịnh Độ] sẽ vừa là Quyền vừa là Thật, vì thế, nói là “vô định”).

Đây là cách nói của Lý Trường Giả trong một đoạn trích từ Hoa Nghiêm Kinh Hợp Luận. Lý Trường Giả⁶ là một người rất lỗi lạc, tuy là

⁶ Lý Trường Giả tên thật là Lý Thông Huyền (635-730), có sách chép là Thông Nguyên, là một học giả của tông Hoa Nghiêm. Ông thuộc dòng hoàng tộc, bẩm tánh hết sức thông minh, tinh thông kinh điển Nho và Phật, thích ẩn dật. Năm Khai Nguyên thứ bảy (719), ông ẩn cư trong hang động thuộc rừng Phương Sơn thuộc Thọ Dương, phủ Thái Nguyên để nghiên cứu kinh Hoa Nghiêm. Ở trong núi, ông chỉ ăn táo dại, lá cây

tại gia cư sĩ, bản lãnh tu học vô cùng sâu. Ngài chú giải kinh Hoa Nghiêm, chúng ta biết Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh từ lúc được dịch ra cho tới nay chỉ có hai bản chú giải: Một là Sớ Sao của Thanh Lương quốc sư, bản kia là Hợp Luận của Lý Trường Giả.

Từ truyện ký, chúng ta thấy lão nhân gia muốn chú giải kinh Hoa Nghiêm, muốn tìm một hoàn cảnh thanh tịnh. Trên đường đi Ngài gặp một con cọp, người tầm thường chúng ta thấy cọp đều chuồn lẹ, Ngài chẳng vậy, Ngài gặp cọp bèn bảo nó: “Nay ta muốn chú giải kinh Hoa Nghiêm, chẳng có được một hoàn cảnh thanh tịnh, người hãy tìm giùm ta”. Con cọp ấy rất nghe lời, dẫn Ngài vào một nơi núi sâu, hoàn cảnh đích xác rất tốt, [nơi đó là] hang cọp, có nhiều cọp đang sống trong đó, ở trong một thạch động, động rất rộng rãi. Cọp dọn đi, nhường chỗ ấy cho Ngài. Chuyện cảm ứng như thế đúng là chẳng thể nghĩ bàn!

Sau khi Ngài đến ở nơi đó, tuổi tác cũng rất cao, chẳng có người chăm sóc. Mỗi ngày vào sáng sớm có hai bé gái đến đưa thức ăn, bút, mực, giấy cần thiết đều chuẩn bị đầy đủ, đến tối liền rời đi. Mãi cho đến khi Ngài viết xong [chú giải] kinh Hoa Nghiêm, chưa hề nói với hai cô ấy câu nào, chẳng hề nói: “Cô họ gì? Tên gì? Nhà ở nơi đâu?”, chưa hề nói! Ngài nhất tâm chú giải kinh, mọi việc đều do hai người ấy hầu hạ. Sau khi chú giải kinh xong, hai cô bé ấy cũng chẳng thấy đâu nữa, Ngài đến thôn trang phụ cận dò hỏi. “Hầu hạ ta đã lâu như thế, phải cảm tạ các cô”, đến thôn trang tìm cách nào cũng chẳng ra. Ngài mô tả diện mạo, người trong thôn cũng không biết. Đó là sự cảm ứng chân thật được ghi chép trong truyện ký, quyết định chẳng phải là giả. Do vậy, chúng ta biết Lý Trường Giả cũng chẳng phải là một người tầm thường.

Trong [chú giải] kinh Hoa Nghiêm, Ngài nói về pháp môn Tịnh Độ có chút khác biệt với chủ trương của mọi người. Ngài nói Tây Phương

bách nên dân chúng gọi ông là Táo Bách đại sĩ (ở đây, chúng tôi phiên âm là Táo Bá là thuận theo cách phiên âm thường dùng của các vị Thiền Tâm và Trí Tịnh). Ông đoan tọa thị tịch trong hang vào tháng ba năm Khai Nguyên thứ tám, hưởng thọ chín mươi sáu tuổi. Tống Huy Tông truy tặng danh hiệu Hiền Giáo Diệu Nghiêm Trường Giả nên kinh sách Phật giáo thường gọi ông là Lý Trường Giả. Trước tác về kinh Hoa Nghiêm của ông rất phong phú, như Tân Hoa Nghiêm Kinh Luận (40 quyển), Hoa Nghiêm Kinh Hội Thích Luận (14 quyển), Lược Thích Tân Hoa Nghiêm Kinh Tu Hành Thứ Đệ Quyết Nghi Luận, Thập Huyền Lục Tướng, Bách Môn Nghĩa Hải, Phổ Hiền Hạnh Môn, Hoa Nghiêm Quán v.v... Tác phẩm vĩ đại nhất là Hoa Nghiêm Kinh Hợp Luận gồm 120 quyển nhằm chú giải Bát Thập Hoa Nghiêm. Theo các nhà nghiên cứu nhận định: Ngài Thanh Lương Trừng Quán khi chú giải kinh Hoa Nghiêm đã thừa kế và phát huy rộng hơn tư tưởng của Lý Trường Giả.

Tịnh Độ là Quyền, chẳng phải là Thật. Ngài chủ trương như vậy, sau này, có nhiều vị tổ sư đại đức bác bỏ, như lời bác của Liên Trì đại sư khá hợp lý. Lý Trường Giả chia [các cõi Phật] thành mười loại Tịnh Độ, có Quyền, có Thật. Ngài nói thế giới Cực Lạc là Quyền, chẳng phải là Thật. Trong Hoa Nghiêm Hợp Luận có nói: Tịnh Độ được nói trong kinh A Di Đà và kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật đều là Quyền, chẳng phải Thật. Tịnh Độ như kinh Duy Ma và kinh Phạm Võng đã nói là chân thật. Tuy là chân thật, nhưng không rộng. Tịnh Độ trên cõi trời Ma Hê Thủ La và Tịnh Độ được giảng trong các kinh Niết Bàn và Pháp Hoa là Quyền, chẳng phải Thật. Cõi Tịnh Độ được nói trong hội Linh Sơn là Thật, chẳng phải là Quyền. Rốt cuộc như thế nào mới là Tịnh Độ thật sự? Lão nhân gia bảo “*duy tâm Tịnh Độ*” là Tịnh Độ chân thật. Tịnh Độ nơi Tỳ Lô Giá Na Phật ngự là Tịnh Độ chân thật, Ngài nói Quyền và Thật như vậy.

Ở đây, Liên Trì đại sư nói cũng rất có lý, “*niên thị thả cử Quyền Thật đối đãi phân biệt ngôn nhĩ*” (nhưng vẫn là xét theo đối đãi phân biệt Quyền và Thật để nói đó thôi). Đây là [tổ Liên Trì nhận định], trong Hoa Nghiêm Hợp Luận, Lý Trường Giả đã hoàn toàn dựa trên góc độ tương đối để xem xét Quyền và Thật. “*Nhược luận tùy cơ, Quyền Thật vô định*” (nếu luận theo căn cơ, Quyền và Thật chẳng nhất định), đây là Liên Trì đại sư bác bỏ thuyết của Lý Trường Giả. Nói cách khác, Liên Trì đại sư và Lý Trường Giả có cách nhìn khác nhau. “*Sở dĩ giả hà?*” là “vì sao?” “*Bỉ vân*” (ông ta nói), chữ “*bỉ*” chỉ Lý Trường Giả, tức Táo Bá đại sư. Lý Trường Giả nói “*Di Đà Tịnh Độ, vi nhất phần thủ tướng phàm phu, vị tín Pháp Không thật lý, dĩ chuyên ức niệm, kỳ tâm phân tịnh, đắc sanh Tịnh Độ, thị Quyền, phi Thật*” (cõi Tịnh Độ của Phật Di Đà là cõi Tịnh Độ do một số các phàm phu chấp tướng, chưa tin thật lý Pháp Không, do chuyên ức niệm nên tâm được thanh tịnh một phần, được sanh về đó, nên cõi ấy là Quyền, chẳng phải là Thật). Ngài (Lý Trường Giả) nói câu ấy có lý, chẳng phải là vô lý, nhưng đó là luận định theo các pháp môn thông thường, áp dụng vào Tịnh Độ của mười phương chư Phật thì ý nghĩa này sẽ hợp lý, chứ đem áp dụng cho Tây Phương Cực Lạc thế giới sẽ nói chẳng suông! Thế giới Tây Phương một thế giới vô cùng đặc biệt. Vì thế, nói theo Lý, tức là nói theo lẽ thông thường thì [nhận định của Lý Trường Giả] sẽ hợp lý. Chúng ta là những kẻ niệm Phật cầu vãng sanh, đối nghiệp vãng sanh, sanh về Tịnh Độ đương nhiên là Quyền, chẳng phải là Thật, [bởi lẽ], chúng ta chấp trì danh hiệu là chấp tướng.

Tây Phương Tịnh Độ có chân thật hay không? Có! Cõi Thật Báo Trang Nghiêm, cõi Thường Tịch Quang, những cõi đó là chân thật. Nói

cách khác, cõi Phạm Thánh Đồng Cư và cõi Phương Tiện Hữu Dư là Quyền, chẳng phải là Thật. Đây là cách nói theo lẽ thông thường, nhưng chúng ta dùng lý thông thường để nhìn Tây Phương Cực Lạc thế giới thì sai bét bè be mất rồi! Tây Phương Cực Lạc thế giới rất đặc biệt, đặc biệt ở chỗ nào? Nói theo lẽ thường, các thế giới của mười phương chư Phật đều có cõi Phạm Thánh Đồng Cư, nhưng trong cõi Phạm Thánh Đồng Cư của thế giới chúng ta đây, chúng ta có thể mỗi ngày gặp gỡ Quán Thế Âm Bồ Tát, Phổ Hiền Bồ Tát, Văn Thù Bồ Tát, Địa Tạng Bồ Tát, biết các Ngài ngự trong thế giới này, nhưng hằng ngày có thể gặp mặt các Ngài hay không? Hằng ngày có thể sống cùng một chỗ với các Ngài hay không? Chẳng thể nào! Những vị Đẳng Giác Bồ Tát trong Tây Phương Cực Lạc thế giới mỗi ngày ở cùng một chỗ, cùng chung sống [với nhân dân trong cõi Cực Lạc]. Vì thế, chắc chắn là chẳng thể dùng lẽ thường và sự thường [trong các thế giới] của mười phương chư Phật để phán xét Tây Phương Cực Lạc thế giới. Chúng ta phải nên hiểu điều này.

Đối với chú giải của những vị tổ sư đại đức lỗi lạc ấy, chúng ta rất vui thích, tán thưởng, chẳng thể nói ra nói vào được, bội phục năm vóc sát đất, nhưng trong các tác phẩm ấy cũng có chỗ các Ngài chưa nhìn thấu. Vì thế, trước khi đức Phật diệt độ, đã dạy mấy câu mong lũ chúng ta là người đời sau phải nhớ kỹ: “*Y pháp, bất y nhân*”, “*pháp*” là kinh điển, Lý Trường Giả là “*nhân*”. Các bản chú giải để cho chúng ta tham khảo, chỗ nào tương ứng với kinh điển thì chúng ta có thể sử dụng. Chỗ nào chẳng tương ứng với kinh điển, chúng ta thà bỏ qua [không dùng tới]. Do vậy, lời Ngài giảng tương ứng với kinh luận thông thường, dùng để giảng giải các kinh luận Đại Thừa thì được, chứ đối với Tây Phương Tịnh Độ, cách giảng của Ngài có vấn đề. Chúng ta phải hiểu điều này!

Cách nói này của pháp môn Tịnh độ không chỉ mình Liên Trì đại sư nói, những vị đại đức từ xưa đã có cách nhìn nhất trí đối với Tịnh Độ: Cõi ấy là Pháp Tánh độ, quyết định khác hẳn các thế giới của mười phương chư Phật. Nói cách khác, nó do Tướng Phần của Chân Như bốn tánh tạo thành cõi Tịnh Độ ấy; các thế giới của chư Phật hoàn toàn do Tướng Phần của A Lại Da biến hiện; đó là chỗ khác nhau. Vì thế, bốn cõi trong thế giới Tây Phương đều là cõi thuần tịnh, đều là chân thật, chẳng dối. Nếu đúng như cách nói của Lý Trường Giả, [Di Đà Tịnh Độ] là Quyền, chẳng phải Thật, thì nói cách khác, chúng ta hãy sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, làm sao có thể chứng ba món Bất Thoái? Chúng ta không nói gì khác, nếu người hạ hạ phẩm vãng sanh cũng [trọn đủ] ba thứ Bất Thoái, Tịnh Độ sẽ chẳng phải là Quyền. Vì sao? Quyền Giáo Bồ Tát chẳng thể trụ trong Tịnh

Độ chân thật. Tuy người ấy đời nghiệp, nhưng vẫn chứng ba món Bất Thoái! Chúng ta thấy điều này từ bốn mươi tám nguyện trong kinh Vô Lượng Thọ. Nếu nguyện này của A Di Đà Phật chẳng mãn, chắc chắn Ngài sẽ chẳng thành Phật! Nay Ngài đã thành Phật mười kiếp, nói cách khác, bốn mươi tám nguyện của Ngài nguyện nào cũng đạt được, đã viên mãn!

Do đó, chúng ta tu pháp môn Tịnh Độ, đối với bất luận kinh điển nào cũng thế, chú sớ của các vị tổ sư đại đức cũng thế, nhất định không thể mâu thuẫn với bốn mươi tám nguyện. Bốn mươi tám nguyện do A Di Đà Phật nói ra, Thích Ca Mâu Ni Phật kể lại những lời A Di Đà Phật đã nói. Do vậy, phải lấy bốn mươi tám nguyện làm căn bản để y cứ; [nếu kinh luận, chú giải nào] trái nghịch bốn mươi tám nguyện, chúng ta nhất định chẳng tin theo. Như cách giảng này của thiền sư Táo Bá trái nghịch bốn mươi tám nguyện, chúng ta tin tưởng bốn mươi tám nguyện của A Di Đà Phật câu nào cũng chân thật. Do vậy, đây là một pháp môn đặc biệt thù thắng, quyết định không thể dùng Tịnh Độ của mười phương chư Phật để so sánh, luận định Cự Lạc được!

Chúng ta là phàm phu chấp tướng vãng sanh, cũng rất đặc biệt, cũng vượt thoát [tam giới], ngoài ý liệu của Lý Trưởng Giả, Ngài chẳng nghĩ đến! Liên Trì đại sư nói cũng rất có đạo lý, Ngài nói “*tắc tri tữ thủ tướng giả, phi tữ nhập Lý giả*” (nên biết là kẻ chấp tướng, chưa nhập Lý), công phu niệm Phật của chúng ta có [hai loại] là chấp tướng và có nhập lý [khác biệt]. Công phu thành phỉến là chấp tướng, Sự nhất tâm bất loạn là chấp tướng, Lý nhất tâm bất loạn chẳng phải là chấp tướng, mà là nhập Lý! Nói theo phương diện này, người đạt Lý nhất tâm bất loạn sanh vào Tịnh Độ thì Tịnh Độ ấy là Thật, chẳng phải là Quyền. “*Nhược Lý nhất tâm, tức Quyền, tức Thật, cố vân vô định*” (nếu là [người đã chứng đắc] Lý nhất tâm thì [cõi Tịnh Độ mà người ấy sanh về] vừa là Quyền vừa là Thật, cho nên nói là “không nhất định”). Đây là Liên Trì đại sư phê bình [nhận định của ngài Táo Bá, Tổ khẳng định] “cũng chẳng thể nói nhất định [Di Đà Tịnh Độ là Quyền, chẳng phải là Thật] như vậy được!” Chúng ta lại xem mấy câu kế tiếp, chính là lời của Liên Trì đại sư chỉ dạy chúng ta.

(Sao) Hựu thượng tứ độ, diệt pháp nhĩ cụ túc, bất khả đản chấp Tịch Quang. Nhược chứng Tịch Quang, w hạ tam độ, tùy tâm ký thác, tữ bất bát vô, vị chứng Tịch Quang, bát vô hạ tam, tắc vô phục sở cư chi độ, thác chi thậm hĩ!

(鈔) 又上四土，亦法爾具足，不可但執寂光。若證寂光，於下三土，隨心寄託，自不撥無；未證寂光，撥無下三，則無復所居之土，錯之甚矣。

(Sao: Lại nữa, bốn cõi Tịnh Độ cũng là pháp vốn tự nhiên trọn đủ như thế, chớ nên chỉ chấp Tịch Quang. Nếu chứng Tịch Quang, đối với ba cõi dưới, sẽ tùy tâm nương gởi, chẳng bác bỏ là không có [những cõi ấy]. Chưa chứng Tịch Quang mà bác bỏ ba cõi dưới thì sẽ chẳng còn có cõi nào để ở, lầm lẫn quá mức!)

Ở đây, đại sư mới chính thức phê bình, chỉ ra đoạn văn ấy trong Hoa Nghiêm Kinh Hợp Luận chẳng khế Lý, mà cũng chẳng khế Cơ. Bốn cõi là cõi Thường Tịch Quang, cõi Thật Báo Trang Nghiêm, cõi Phương Tiện Hữu Dư, và cõi Phạm Thánh Đồng Cư, đó là bốn cõi của Tây Phương. Bốn cõi của Tây Phương “*pháp nhĩ cụ túc*”, “*pháp nhĩ*” là tự nhiên, Tướng Phần của Chân Như bản tánh vốn là như thế! Không cần phải chấp trước bốn cõi, “*bất khả đản chấp Tịch Quang*” (chớ nên chỉ chấp Tịch Quang), đây là sợ người ta nghe nói “Tịch Quang là Thật, ba cõi trước là Quyền” bèn chỉ chấp Tịch Quang, bài bác không có ba cõi trước! Chấp trước như vậy là trật rồi! Rành rành là A Di Đà Phật dạy chúng ta có bốn cõi! Không chỉ trong Chân Như bản tánh trọn đủ bốn cõi, mà y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới của Chân Như bản tánh cũng thấy đều trọn đủ. Trong Đàn Kinh, Lục Tổ đã nói rất hay: “*Nào ngờ tự tánh, vốn sẵn trọn đủ*”. Ở đây nói “*vốn sẵn trọn đủ*” là “*pháp nhĩ cụ túc*”. “*Pháp nhĩ cụ túc*” chính là như Lục Tổ đã nói: “*Nào ngờ tự tánh, vốn sẵn trọn đủ*”. Y báo và chánh báo trang nghiêm của mười pháp giới đã đều là “*vốn sẵn trọn đủ*”, bốn cõi Tây Phương có gì là hiếm lạ? Nói thật ra, Quyền hay Thật chẳng do cảnh, mà Quyền hay Thật là do tâm con người! Tâm quý vị chẳng thanh tịnh, đó là Quyền. Tâm quý vị thanh tịnh, nơi nào chẳng phải là cõi Thật Báo Trang Nghiêm? Nếu phân chia chỗ này là cõi Thật Báo, chỗ kia là cõi Phương Tiện, sẽ chẳng đúng như kinh Lăng Nghiêm đã giảng: “*Đương xứ xuất sanh, tùy xứ diệt tận*” (sanh ra ở chỗ nào sẽ diệt tận ngay nơi đó), cũng chẳng thể nói là “*pháp nhĩ cụ túc*”. Chỗ này có, chỗ kia chẳng có, làm sao có thể gọi là “*pháp nhĩ cụ túc*”? Pháp nhĩ cụ túc, nếu một đã là như vậy thì hết thấy cũng là như vậy, đây mới là pháp nhĩ cụ túc chân thật! Nhưng chúng sanh có vọng tưởng, chấp trước cạn hay sâu khác nhau, nên thấy khác nhau. Chẳng hạn như nhân gian chúng ta thấy là nước, chúng sanh trong quỷ đạo thấy là lửa. Cùng là

một thứ, nhưng chúng ta có cách nhìn khác nhau, thủy tộc thấy nước giống như không khí, đi lại trong ấy tự tại. Do điều này ta có thể biết, cảnh giới bên ngoài đích xác là một, gọi là Nhất Chân pháp giới, nhưng chúng sanh do vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, biến nó thành mười pháp giới. Mười pháp giới là phân chia đại lược, phân chia tỉ mỉ thì mỗi chúng sanh là một pháp giới. Hai người quý vị ở cùng một chỗ, đương nhiên là cách nhìn vũ trụ và nhân sinh có những điều giống nhau, có những điều khác nhau, chẳng thể nói là có cách nhìn hoàn toàn giống hệt nhau, chẳng có! Đến khi nào mới hoàn toàn giống nhau? Thành Phật! Phật Phật đạo đồng, Phật và Phật thấy pháp giới này giống nhau. Do vậy có thể biết, hai vị đều là Đẳng Giác Bồ Tát nhưng cách nhìn vẫn khác nhau! Ở đây, cũng cho thấy nếu chúng ta nói Liên Trì đại sư là Đẳng Giác Bồ Tát tái lai, Lý Trường Giả cũng là Đẳng Giác Bồ Tát tái lai, hai vị có cách nhìn khác nhau đối với Tây Phương Tịnh Độ. Vì sao? Vì còn có một phẩm sanh tướng vô minh chưa phá, nên các Ngài nhìn mọi vật đại đồng tiểu dị, chẳng phải là tuyệt đối giống nhau. Tuyệt đối giống nhau chỉ khi nào đã thành Phật! Do vậy có thể biết, địa vị trong mười pháp giới càng thấp thì nhìn sự, nhìn cảnh giới sai khác càng lớn, chẳng giống nhau! Vì vậy, chúng ta phải hiểu rõ điều này, chẳng đến nỗi chịu ảnh hưởng của họ khi đọc các bộ Đại Kinh.

Chúng ta tu pháp môn này mà dấy lên lòng hoài nghi, ta niệm Phật suốt đời, tương lai vẫn sanh Tịnh Độ là Quyền, chẳng phải là Thật. Nếu quý vị hoài nghi như thế sẽ là một vấn đề lớn, kẻ bị tôn thương, mắc hại chẳng phải là ai khác, mà là chính mình. Vì quý vị mang tâm hoài nghi đi vãng sanh, có thể vãng sanh hay không? Có thể! Kinh Vô Lượng Thọ đã nói, sanh vào trong biên địa của Tây Phương Cực Lạc thế giới. Sau khi đã ở trong biên địa năm trăm năm, mới có thể hoa nở thấy Phật, mới có thể nhập phẩm vị, biên địa chẳng có phẩm vị. Trong kinh Vô Lượng Thọ có nói điều này. Do vậy, chúng ta nhất định phải đoạn nghi sanh tín. Trong đoạn này, Liên Trì đại sư sợ [hành nhân Tịnh Độ] đọc [chú giải] kinh Hoa Nghiêm sẽ chịu ảnh hưởng của Lý Trường Giả, chính mình dấy lên lòng ngờ vực đối với pháp môn thù thắng như vậy, tổn thất ấy cũng rất to, nên lão nhân gia đại từ đại bi dạy cho chúng ta biết. Đúng như tông Thiên Thai có nói: *“Bách giới thiên như, ba ngàn tánh tướng”*, chẳng có gì không trọn đủ.

“Nhược chứng Tịch Quang, u hạ tam độ, tùy tâm ký thác, tự không bát vô” (nếu chứng Tịch Quang, đối với ba cõi dưới, tùy tâm nương ở, chẳng bài bác [ba cõi ấy] chẳng có), đây là nói về hàng Pháp Thân đại sĩ. Pháp Thân đại sĩ phần chứng Tịch Quang, đối với các cõi Thật Báo,

Phương Tiện, Đông Cư, các Ngài “*tùy tâm ký thác*”, câu này nên giảng như thế nào? Giống như trong phẩm Phổ Môn đã nói: “*Bồ Tát dùng ba mươi hai ứng thân*”, người ở nơi đâu có duyên chín muôi, Ngài bèn hiện thân hóa độ [nơi ấy]. Nếu người ấy phá một phần vô minh, chứng mấy phần Pháp Thân, sẽ ở trong cõi Thật Báo, Bồ Tát bèn hiện thân trong cõi Thật Báo để hóa độ người ấy. Nếu người ấy chỉ đoạn Kiến Tư phiền não, chưa kiến tánh, bèn trụ trong cõi Phương Tiện, Bồ Tát cũng hiện thân trong cõi Phương Tiện để hóa độ kẻ ấy. Đây là nói nên dùng thân phận gì để thị hiện, Ngài bèn thị hiện thân phận như thế ấy, trụ trong loại Tịnh Độ nào. Nếu Ngài thị hiện thân phận nhân thiên, sẽ an trụ trong cõi Phàm Thánh Đông Cư.

Thuở ấy, Thích Ca Mâu Ni Phật giáng sanh trong thế giới này, xuất hiện tại Ấn Độ, hiện thân phận chẳng khác người thế gian chúng ta, thọ mạng cũng tương tự người trong thế gian, Ngài thọ tám mươi tuổi. Lúc đức Phật xuất thế, lẽ ra Ngài trụ trong thế giới này một trăm năm, phải sống đến một trăm tuổi, nhưng khi Ngài tám mươi tuổi, Ma Vương đến thỉnh đức Phật nhập Bát Niết Bàn (Parinirvāna), thưa với Thích Ca Mâu Ni Phật: “Ngài hóa độ chúng sanh đã nhiều năm ngàn ấy, đã bốn mươi chín năm rồi, cũng đủ rồi, hãy nên nhập Niết Bàn đi!” Đức Phật rất từ bi, đã có người thỉnh, Ngài bèn đáp ứng, trụ thế ít hơn hai mươi năm, trong kinh điển đều nói tới chuyện này! Nói cách khác, đức Phật còn có hai mươi năm phước báo, nhưng Ngài chẳng hưởng, mà dành lại cho thế gian này. Đức Phật nói Ngài đem hai mươi năm phước báo ấy cúng dường hàng đệ tử xuất gia mai sau; nhưng hiện thời các đệ tử xuất gia không tin tưởng, không tin tưởng thì làm sao? Tự mưu sinh kiếm sống, chuyện này phiền phức to lớn! Nếu đệ tử xuất gia thật sự tin tưởng, nhất tâm vì đạo, tự nhiên sẽ có cúng dường. Sự cúng dường ấy là do phước của hai mươi năm thọ mạng dành lại của Thích Ca Mâu Ni Phật cúng dường, một mực chiếu cố mãi cho đến khi pháp diệt hết. Pháp vận của đức Phật là một vạn hai ngàn năm. Trong một vạn hai ngàn năm ấy, đệ tử xuất gia hưởng dùng bất tận. Do vậy, quý vị thật sự tin Phật thì mới được!

Đây là nói: Đức Phật và các vị đại Bồ Tát tùy thời ứng hiện trong ba cõi dưới, nơi nào có duyên, các Ngài bèn thị hiện trong loại Tịnh Độ ấy. Vì vậy, vãng sanh cõi Tịch Quang sẽ đắc tự tại. Cách giảng này cũng là cách giảng theo đường lối thông thường.

Kính cho chúng ta biết, người vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, tổ sư đại đức cũng bảo chúng ta, chúng ta vãng sanh từ cõi này là “*hoành siêu tam giới*” (vượt khỏi tam giới theo chiều ngang), chẳng phải

là “*thụ xuất*” (vượt ra theo chiều dọc). Trong hết thảy các kinh luận Đại Tiểu Thừa, nếu muốn thoát tam giới đều là thụ xuất. Nếu quý vị tu Thiền Định, từ Sơ Thiền tu đến Nhị Thiền, từ Nhị Thiền tu đến Tam Thiền, từ Tam Thiền tu đến Tứ Thiền. Lại tu Tứ Không Định, Tứ Thiền, Bát Định, đến Đệ Cửu Định bèn vượt thoát. Pháp tu của A La Hán được gọi là Cửu Thứ Đệ Định, đã vượt thoát, hết thảy đều tu theo phương pháp này. Trong pháp môn Niệm Phật, Định gì cũng đều chẳng cần, cũng chẳng cần tới Sơ Thiền, mà cũng chẳng cần tới Nhị Thiền, vượt thoát [tam giới] từ nhân gian, kể cả Dục Giới Thiên cũng không cần sanh lên, mà vượt ngang ra, nên gọi là “*hoành siêu tam giới!*” Điều này rất đặc biệt. Trong tám vạn bốn ngàn pháp môn, trong vô lượng pháp môn, chỉ có một môn này nói đến “*hoành siêu*”, trừ một môn này ra, [các pháp môn khác] chẳng có hoành siêu!

Tịnh Độ của mười phương chư Phật cũng chẳng phải là “hoành sanh”, mà là “thụ sanh”, cũng có từng tầng một. Chúng ta dùng tỷ dụ theo đường lối thông thường để nói thì Kiến Tư phiền não chưa đoạn, quyết định là cõi Phàm Thánh Đồng Cư. Kiến Tư phiền não đã đoạn, nhưng Trần Sa và Vô Minh chưa phá, đó là cõi Phương Tiện Hữu Dư. Phá một phẩm Vô Minh, chứng một phần Pháp Thân, quyết định là cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Đây là có giai cấp; nhưng Tây Phương Cực Lạc thế giới là “hoành sanh bốn cõi”, sanh vào một là sanh trong hết thảy, đồng thời đạt được. Nay quý vị vãng sanh trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư giống như quý vị đồng thời sanh trong cõi Phương Tiện, Thật Báo và Tịch Quang, điều này rất kỳ quái!

Tôi vừa mới nói với mọi người, vì sao Tây Phương Cực Lạc thế giới có thể đồng thời sanh? Chúng ta vãng sanh, hiện thời chưa đoạn tập khí phiền não, thật sự là cõi Phàm Thánh Đồng Cư; nhưng kinh nói Tây Phương thế giới có các vị A La Hán, các Ngài thuộc về cõi Phương Tiện Hữu Dư, chúng ta hằng ngày ở cùng chỗ với các Ngài. Các Ngài lại sống cùng chúng ta, nên cũng giống như chúng ta sanh trong cõi Phương Tiện Hữu Dư, chẳng có chướng ngại hay cách ngăn! Hằng ngày ở cùng chỗ với các vị Bồ Tát, Bồ Tát trụ trong cõi Thật Báo, nên cõi Thật Báo cũng ở cùng một chỗ. Nếu không cùng một chỗ, làm sao những vị La Hán, Bồ Tát có thể nhóm họp với chúng ta trong một nơi, hằng ngày cùng sinh hoạt chung với nhau? Thật sự chẳng thể nghĩ bàn! Do vậy, cổ đức bảo vãng sanh Tây Phương là “hoành sanh bốn cõi”!

Như trong thế gian này, rất nhiều đồng tu đã đọc Từ Bi Tam Muội Thủy Sám, quốc sư Ngô Đạt gặp tôn giả Ca Nặc Ca. Tôn giả Ca Nặc Ca

là A La Hán, trụ trong cõi Phướng Tiện Hữu Dư, chẳng có nhân duyên đặc biệt với Ngài, làm sao quý vị có thể thấy được? Chẳng thấy! Thiên sư Pháp Chiêu triều bái núi Ngũ Đài thấy Văn Thù và Phổ Hiền Bồ Tát, hai vị Bồ Tát ấy trụ trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Sư cũng có nhân duyên đặc biệt, chẳng phải là kẻ bình phàm mà hồng trình thấy, cũng chẳng phải là mỗi ngày đều có thể thấy. Đôi khi mới gặp một dịp như thế, lúc Sư rời khỏi bèn làm dấu ven đường, nhằm chuẩn bị lần sau trở lại sẽ dễ nhận lối, mới ghi được hai ký hiệu, quay đầu nhìn lại, nhà cửa, tự viện thấy đều chẳng còn, một giải núi hoang, chẳng thấy lần thứ hai!

Do vậy có thể biết, các thế giới của mười phương chư Phật đều chẳng khác biệt thế giới Sa Bà cho mấy! Chỉ riêng Tây Phương thế giới đặc biệt, bốn cõi ở cùng một chỗ. Do vậy có thể biết, đôi với chúng ta mà nói, bốn cõi ấy chẳng quan trọng, chúng ở cùng một chỗ, có quan trọng gì chẳng? Chẳng quan trọng! Nói theo lý luận, có chuyện như thế, nói theo sự tướng, chẳng có chướng ngại. Chỗ nào Liên Trì đại sư cũng dùng kinh Hoa Nghiêm để giải thích kinh Di Đà, Tây Phương Cực Lạc thế giới là Nhất Chân pháp giới, Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại! Ở đây, [tổ Liên Trì] nhắc tới Lý Trường Giả vì cách nhìn của Lý Trường Giả có thành kiến, nhìn [Tịnh Độ] theo đường lối thông thường, chẳng thật sự liễu giải cách nhìn của Tịnh Độ.

“Vị chúng Tịch Quang, bát vô hạ tam độ, tác vô phục sở cư chi độ, thác chi thậm hĩ” (Chưa chúng Tịch Quang, bài bác chẳng có ba cõi dưới, sẽ không còn có cõi nào để ở, làm lẫn quá mức). Giống như hiện thời chúng ta chưa chúng Tịch Quang, mà chúng ta chẳng thừa nhận có ba cõi dưới thì chúng ta sẽ trụ nơi đâu? Nơi để trụ đều chẳng có! Vấn đề này nghiêm trọng, làm lẫn càng nặng nề hơn!

(Sao) Cố bất tín tha phương hữu kim sắc thế giới, Lăng Nghiêm sở thâm ha dã.

(鈔) 故不信他方有金色世界，楞嚴所深呵也。

(Sao: Vì thế, chẳng tin phương khác có thế giới màu như vàng ròng, kinh Lăng Nghiêm quả trách sâu xa).

Đây là trích dẫn kinh văn từ kinh Lăng Nghiêm. Đoạn văn dạy về phá Tướng Âm trong kinh Lăng Nghiêm có nói: *“Đô chỉ hiện tại, tức vi*

Phật quốc, vô biệt tịnh cư, cập kim sắc tướng”⁷ (đều nói hiện tại chính là cõi Phật, chẳng có cõi cư trú thanh tịnh và thế giới có sắc vàng ròng), có bốn câu như thế nhằm chỉ trích tri kiến sai lầm. Kiến lượng (tầm nhìn, mức độ kiến giải) của chúng ta quá hạn hẹp, chỉ nhìn thấy trước mắt. Đương nhiên, chính Phật cũng nói Tây Phương Tịnh Độ là pháp khó tin, quá sức chẳng thể nghĩ bàn. Cảnh giới ấy, giống như Ngẫu Ích đại sư đã nói trong Yếu Giải, mười phương thế giới đều chẳng có, trong hết thảy các kinh luận cũng chẳng nói đến. Các vị Bồ Tát ấy, nếu chẳng từ Tây Phương Cực Lạc thế giới đến, họ không tin [pháp môn này] sẽ là chuyện rất hợp lý. Chỉ có [những ai] từ Tây Phương Cực Lạc thế giới quay lại, mới chẳng bàn cãi gì, họ tin tưởng! Chúng ta đọc kinh Vô Lượng Thọ, các đại chúng tham dự trong pháp hội ấy, mười sáu vị Chánh Sĩ và vô lượng vô biên các vị Bồ Tát, đều là những người đã vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, trở lại, thả chiếc bè Từ, chẳng phải là phạm nhân! Đối với kẻ chưa đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, quý vị nói với họ, họ rất khó tin tưởng. Đối với những người đã đến đó, sẽ chẳng có vấn đề gì!

(Sao) Phật vô độ giả, Thập Tứ Khoa Tịnh Độ Sao vân: “Bát Địa dĩ thượng, vĩnh thoát sắc lỵ, chiếu thể độc lập, thần vô phương sở, dụng độ hà vi?” Huống phục chư Phật. Phật thật vô độ, nhi ngôn hữu giả, dĩ chúng sanh giải vi, Hoặc trọng, cố dĩ phước lạc dẫn chi hành thiện, cái thánh nhân tiếp vật chi cận tích nhi, cố viết “bất phương thuyết độ”.

(鈔) 佛無土者，十四科淨土鈔云：八地以上，永脫色累，照體獨立，神無方所，用土何為？況復諸佛。佛實無土，而言有者，以眾生解微惑重，故以福樂引之行善，蓋聖人接物之近迹耳，故曰不妨說土。

(Sao: “Phật không có cõi nước”: Sách Thập Tứ Khoa Tịnh Độ Sao nói, từ Bát Địa trở lên, vĩnh viễn thoát khỏi sự ràng buộc của sắc, chiếu thể độc lập, sự thần biến không bị hạn cuộc bởi nơi chốn, dùng cõi nước để làm gì? Huống hồ chư Phật! Phật quả thật chẳng có cõi nước, nhưng

⁷ Đây là một đoạn trong phần nói về Tường Âm trong Ngũ Âm Ma. Người bị ma dựa cho rằng cái thân nhục thể chính là Pháp Thân, ngộ chính mình đã chứng đắc cảnh giới Tịnh Độ, chấp suông “tâm tịnh, ắt cõi tịnh”, mà chẳng hiểu lý. Tâm đầy phiền não mà cứ ngỡ là thanh tịnh, nghĩ nhục thân này thường trụ bất diệt, do nghe nói “tánh chẳng sanh, chẳng diệt” bèn nghĩ cảnh giới hiện tại chính là Tịnh Độ, chẳng còn tin có Tịnh Độ ở phương khác.

nói có, là vì chúng sanh tri kiến ít ỏi, phiền não nặng nề. Vì thế, dùng phước lạc để dẫn dắt họ làm lành, ấy là phương thức gần gũi của thánh nhân để tiếp độ chúng sanh, vì thế, nói: “Chẳng ngại nói đến cõi nước”).

Mấy câu này nhằm giải thích lời Sớ: “Phật tuy vô độ, vị hóa chúng sanh, bất phương thuyết độ” (Tuy Phật không có cõi nước, vì hóa độ chúng sanh nên chẳng ngại nói đến cõi nước). “Bát Địa dĩ thượng, vĩnh thoát sắc luy” (từ Bát Địa trở lên, vĩnh viễn thoát khỏi sự ràng buộc của Sắc), Bát Địa Bồ Tát là Bất Động Địa. Chúng ta thường nói “chuyển A Lại Da thành Đại Viên Kính Trí”, khi nào mới chuyển? Bát Địa Bồ Tát mới chuyển, [ở đây là nói đến] Bát Địa của Viên Giáo, chẳng phải là Biệt Giáo, địa vị này cao lắm! A Lại Da là ba tể tướng: Vô Minh Nghiệp Tướng, Chuyển Tướng, và Hiện Tướng (Cảnh Giới Tướng). [Sách Diễn Nghĩa giảng] “Bát Địa chuyển Hiện Tướng, đắc sắc tự tại. Cửu Địa chuyển Chuyển Tướng, đắc tâm tự tại. Thập Địa chuyển Nghiệp Tướng, rốt ráo thành Phật”. (Bát Địa chuyển Hiện Tướng, đắc sắc tự tại. Cửu Địa chuyển Chuyển Tướng, đắc tâm tự tại. Thập Địa chuyển Nghiệp Tướng, rốt ráo thành Phật). Do vậy, Bát Địa Bồ Tát bắt đầu chuyển A Lại Da, cảnh giới này quá cao. Cảnh giới đã chuyển thì Ngài trụ nơi đâu? Chúng ta thường nói là cõi Thường Tịch Quang, Ngài trụ trong Thường Tịch Quang. Thừa chư vị, Thường Tịch Quang là thân và cõi như nhau, tánh - tướng bất nhị! Nói đến cõi nước là vì tùy thuận bọn chúng sanh chúng ta mà nói. Nếu [xét] trong cảnh giới của Ngài (Bát Địa Bồ Tát), một pháp cũng chẳng lập, giống như Lục Tổ đã nói “vốn chẳng có một vật”. “Vốn chẳng có một vật” thì vẫn là nói thuận theo chúng ta. Nếu chúng ta chấp trước Ngài hãy còn có [ý niệm] “vốn chẳng có một vật” thì hóa ra Ngài còn có một vật, tức là có [ý niệm chấp trước] “vốn chẳng có một vật”, [như vậy thì] vẫn chưa thanh tịnh! “Vốn chẳng có một vật” cũng chẳng có thì mới thật sự là thanh tịnh. Điều này cũng phù hợp lời Lý Trường Giả đã nói: “Tâm tịnh ắt cõi tịnh”, đây là Tịnh Độ chân thật. Do vậy, nói: Chỉ có mình Phật ở Tịnh Độ. Đó là nói về đến Tịnh Độ chân thật. “Chiếu thể độc lập, thân vô phương sở, dụng độ hà vi? Huống phục chư Phật” (cái Thể có công năng Chiếu bèn độc lập, thân thông biến hóa chẳng bị hạn cuộc bởi nơi chốn, cần đến cõi nước để làm gì? Huống hồ là chư Phật), khi ấy, thân và cõi đối với Ngài (Bát Địa Bồ Tát) mà nói, trọn chẳng có mảy may ý nghĩa gì, huống là chư Phật! Cảnh giới của Phật cao hơn Bát Địa Bồ Tát nhiều, đương nhiên càng lại như thế.

Nhưng trong khi tu nhân, đức Phật đã từng phát hoảng thế đại nguyện, Ngài muốn độ chúng sanh, “*chúng sanh vô biên thế nguyện độ*”, nay thì được rồi, quý vị đã chứng Bát Địa, Cửu Địa, Thập Địa, Đăng Giác, thành Phật, thử hỏi lời quý vị đã nói trước kia có thực hiện hay không? Nếu nói mà chẳng thực hiện, sẽ là đại vọng ngữ! Nếu quý vị nói sao làm vậy, tốt lắm, quý vị phải giúp đỡ chúng sanh trong chín pháp giới. Do giúp đỡ họ bèn tùy loại hiện thân, cũng phải tùy loại hiện cõi nước.

“*Chúng sanh giải vi hoặc trọng*” (chúng sanh kiến giải ít ỏi, phiền não nặng nề). “*Giải*” (解) là tri kiến, tri kiến ít ỏi, chẳng sâu, chẳng rộng, mê hoặc rất nặng! Vì thế, đức Phật mới dùng phước lạc để dẫn dụ họ đoạn ác tu thiện. Đây là sự thực chân thật, Phật cũng chẳng hề lừa người. Tập khí phiền não của quý vị quá nặng, chẳng thể vượt thoát lục đạo luân hồi, quý vị tu phước bèn sanh trong ba thiện đạo. Quý vị đọa trong ba ác đạo là mạng vận của cá nhân, “*một miếng ăn, một hớp uống, không gì chẳng định sẵn*”.

Hiện thời thế giới hỗn loạn như vậy, dùng phương pháp gì có thể cứu vãn thế giới này? Thưa quý vị, chẳng có cách nào! Trên thế giới này, bất luận là triết gia, khoa học gia hay chính trị gia, muốn giải quyết vấn đề lúc này, chẳng có cách nào cả! Chỉ riêng Phật có phương pháp, nhưng hiện thời mọi người chẳng tin, vậy thì còn có cách nào nữa? Đức Phật dùng phương pháp gì? Nói cho quý vị biết chân tướng sự thật của lục đạo luân hồi, tâm quý vị tự nhiên định. Ta nghèo hèn, do kiếp trước chẳng tu bố thí, chẳng gieo nhân! Đời này ta bần cùng, đáng đời! Tâm người ấy đã định. Vì thế, người phú quý có thể an hưởng phú quý, kẻ nghèo hèn có thể an phận nghèo hèn, thiên hạ thái bình. Kẻ bần cùng biết người khác phú quý là vì trong đời quá khứ người ấy đã gieo phước, ta bần cùng là vì đời trước chẳng gieo phước. Ta muốn phú quý thì hãy gieo phước trong hiện tại, đời sau hưởng phước. Kẻ ấy biết nhân quả, chẳng làm càn, làm quấy! Chẳng phải là kẻ nghèo thấy người giàu bèn ghen ghét, nghĩ cách sung công tài sản của người ta, tạo tội nghiệp càng nặng nề hơn! Làm như vậy sẽ chẳng thể giải quyết vấn đề, mà còn gây ra hỗn loạn. Chỉ có Phật pháp mới có thể giải quyết vấn đề này.

Do vậy, chúng tôi nghĩ đến triều Thanh trước kia, chẳng thể không bội phục các vị đế vương nhà Thanh. Trong cung đình nhà Thanh trước kia, mỗi ngày đều thỉnh pháp sư niệm kinh Vô Lượng Thọ, khiến cho mọi người biết nhân quả báo ứng, nên trong triều ngoài nội đều yên ổn. Mỗi cá nhân đều biết giữ phận, đều biết tu phước, tích đức, nên quốc gia cường thịnh, nhân dân an lạc. Người phú quý có thể giúp đỡ kẻ bần cùng, có thể

bồ thí người khác. Người nghèo hèn biết nhân quả, chính mình cũng chịu tu phước, không oán trời, trách người. Hết sức đáng tiếc, một quy chế tốt đẹp như thế bị Từ Hy Thái Hậu phế trừ. Từ lời tựa kinh Vô Lượng Thọ chúng ta thấy rất rõ ràng. Trong cung Vạn Thọ của hoàng cung nhà Thanh, mỗi buổi sáng niệm kinh này, cách làm ấy thông minh tuyệt đỉnh, mọi người thật sự tâm phục, khẩu phục, học Phật đều tuân thủ giáo huấn của Phật, còn nói gì nữa? Đại công vô tư! Vì vậy, “Phật pháp khuyến thiện quy quá” (khuyên làm lành, sửa đổi lỗi lầm), là thật, tuyệt đối chẳng phải là dùng những điều ấy để dọa nạt kẻ khác, mà là chân tướng sự thật. Đây chính là “*thánh nhân tiếp vật chi cận tích*” (phương tiện gần gũi để thánh nhân tiếp độ chúng sanh), nhìn vào sự biểu hiện bên ngoài ấy.

“*Cổ viết bất phương thuyết độ*” (Vì thế nói “chẳng ngại nói đến cõi nước”), chúng ta nói tới Tịnh Độ cũng không trở ngại, nhất là Hoa Nghiêm giảng Sự Sự vô ngại.

(Sớ) Thiên chỉ Tây Phương giả, định xu hướng cố. Tây Phương thiên chỉ Cực Lạc giả, như hậu văn “vô khổ hữu lạc”, cập vãng sanh kinh trung thuyết.

(疏) 偏指西方者，定趨向故。西方偏指極樂者，如後文無苦有樂，及往生經中說。

(Sớ: “*Riêng chỉ Tây Phương*” nhằm nêu xác định chỗ hướng về. “*Riêng chỉ Cực Lạc tại Tây Phương*” là như trong phần kinh văn “*chẳng có khổ, chỉ có vui*” trong phần sau và các kinh vãng sanh đã nói).

Liên Trì đại sư giảng Tây Phương khẳng khẳng nói đến thế giới Cực Lạc, trong ấy bao gồm hai tầng ý nghĩa:

1) Ý nghĩa thứ nhất, “*thuần thị lạc cố*” (do thuần là vui). Thế giới ấy thật sự chẳng khổ. Những chuyện như tam khổ, bát khổ còn chưa nghe nói tới danh xưng, lấy đâu ra có sự thật? Vì thế gọi là Cực Lạc. Mười phương chư Phật tán thán, chân thật, chẳng dối. Điều này sẽ được giải thích trong phần kinh văn ở phía sau, “*như hậu văn vô khổ hữu lạc*” (như trong phần “*chẳng có sự khổ, chỉ có sự vui*” trong kinh văn ở phía sau).

2) Ý nghĩa thứ hai là “*nhân duyên giai thù thắng cố*” (do nhân và duyên đều thù thắng), như trong kinh vãng sanh đã nói là “*duyên thù thắng*”. Cũng có nghĩa là A Di Đà Phật có duyên vô cùng thù thắng với thế giới Sa Bà, do duyên thù thắng nên [chúng ta từ thế giới này sanh] sang bên kia sẽ thuận tiện, dễ dàng!

Lấy hoàn cảnh hiện tiền của chúng ta để nói, có những quốc gia chẳng có duyên rất thù thắng đối với chúng ta, chúng ta muốn đến du lịch văn cảnh, xin chiếu khán (visa) vô cùng khó khăn! Có những chỗ chúng ta đến chơi chẳng cần chiếu khán, duyên rất thù thắng, họ hoan nghênh quý vị đến, giống như chúng ta đến Tân Gia Ba, chỉ cần quý vị cầm hộ chiếu Trung Hoa Dân Quốc, mua vé máy bay rồi đi, chẳng cần đến chiếu khán, thuận tiện lắm. Tây Phương Cực Lạc thế giới có duyên thù thắng với thế giới Sa Bà, chẳng cần bất cứ điều kiện gì. Chỉ cần quý vị Tín, Nguyện, Hạnh là được! Cho nên nói “*vạn người tu, vạn người đến*”. Chỉ cần quý vị phát nguyện, chịu niệm Phật, khi lâm chung, chắc chắn Phật đến tiếp dẫn quý vị.

(Sao) Khủng hữu nạn ngôn.

(鈔) 恐有難言。

(Sao: Sợ có kẻ cật vấn).

Có ý đến bắt bẻ.

(Sao) Thập phương thế giới giai hữu Tịnh Độ, hà vi độc thị Tây Phương, giáo sanh bỉ quốc?

(鈔) 十方世界皆有淨土，何為獨示西方，教生彼國。

(Sao: Mười phương thế giới đều có Tịnh Độ, có sao riêng chỉ bày Tây Phương, dạy sanh về cõi ấy?)

Câu hỏi này cũng rất hay, mười phương thế giới rất nhiều, mỗi vị Phật đều có Tịnh Độ, vì sao cứ khẳng khẳng dạy chúng ta vãng sanh Tây Phương? Phương Đông cũng tốt lắm, phía Nam cũng rất tốt, cần gì nhất định phải đến Tây Phương? Những lời cố ý vấn nạn như thế này nhiều lắm! Xưa nay đều có, chúng tôi cũng thường gặp phải! Câu trả lời dưới đây rất hay!

(Sao) Lương diêu đạo dĩ đa kỹ vong dương, xạ dĩ chuyên chú trúnng cốt, tâm vô nhị dụng, công giới tạp thi. Thượng Đô Nghi vân: “Quy mạng Tam Bảo, yếu chỉ phương lập tướng, trụ tâm thủ cảnh, dĩ phàm phu hệ tâm, thượng nãi bất đắc, huống ly tướng da?”

(鈔)良繇道以多歧亡羊，射以專注中鵠，心無二用，功戒雜施。上都儀云：歸命三寶，要指方立相，住心取境，以凡夫繫心，尚乃不得，況離相耶。

(Sao: Ấy là vì đường lắm ngõ rẽ sẽ mất dê, bắn cung phải chuyên chú bắn trúng hồng tâm. Tâm không sử dụng vào hai việc, ngăn dè đừng làm nhiều chuyện một lúc. Thượng Đô Nghi nói: “Quy mạng Tam Bảo, phải chỉ phương lập tướng, trụ tâm bằng cách giữ lấy cảnh, vì phạm phu chuyên tâm vào một cảnh mà còn chưa làm được, huống hồ là tướng [mà hồng đạt được tâm bất loạn u]?)

Đoạn trả lời này rất hay, giảng rõ vì sao phải chuyên chú nơi một phương. Ở đây, Tổ đã dẫn một điển cố trong sách Liệt Tử, trong nhà Phật gọi [điền cố] là “công án”, “kỹ đồ vong dương” (ngõ rẽ mất dê). Quá nhiều ngõ rẽ, người chăn dê [chẳng biết] dê chạy đến đâu, chẳng tìm được! Điều này giống như học Phật, pháp môn rất nhiều, kinh điển rất nhiều, nếu quý vị đồng thời học rất nhiều pháp môn, đồng thời nghiên cứu rất nhiều kinh luận, đến cuối cùng chẳng tìm được một con đường để đi, đời này quý vị tu học rất khó có thành tựu. Đây là nêu ra một tỷ dụ để nói. “Xạ” (射) là nói đến chuyện bắn tên. “Cốc” (鵠) chính là cái hồng tâm trên bia bắn tên. Chúng ta bắn tên phải chuyên chú nơi hồng tâm thì mới có thể bắn trúng. Đây là nói rõ, “chuyên” có thể trúng mục tiêu, chứ “tán” sẽ chẳng có cách nào, chính mình chẳng có cách nào không chế! Đó là nêu lên hai tỷ dụ thế gian, nói rõ “tâm vô nhị dụng” (tâm không thể chia ra làm hai việc cùng một lúc), phải chuyên! Bất luận là pháp thế gian hay xuất thế gian đều phải chuyên thì mới có thể thành tựu. Nếu xen tạp sẽ vô cùng khó khăn!

“Thượng Đô Nghi vân: Quy mạng Tam Bảo, yếu chỉ phương lập tướng” (Thượng Đô Nghi⁸ nói: “Quy mạng Tam Bảo, phải chỉ phương,

⁸ Thượng Đô Nghi là Thích Quang Nghi, Sư trụ tại chùa Thanh Long ở Thượng Đô nên được gọi là Thượng Đô Nghi. Sư vốn thuộc hoàng tộc nhà Đường, là con trai của Lang Da vương Lý Xung. Khi Lý Xung dấy binh chống lại Võ Tắc Thiên, khiến Võ Tắc Thiên tàn sát tông thất nhà Đường, Sư còn chưa đầy năm, được nữ mẫu bồng chạy trốn. Võ Tắc Thiên nghe nói con của Lang Da vương còn lưu lạc nhân gian, hạ lệnh truy lùng rất gắt. Nữ mẫu phải trốn lánh khổ sở, lúc Sư lên tám tuổi, nữ mẫu tiết lộ thân thế, buộc tiền vào thắt lưng, bảo Sư hãy tự tìm lối sống, rồi treo cổ tự tử. Trẻ nhỏ ham chơi, Sư thấy một bầy trẻ nhỏ đang chơi đùa liền nhập bọn. Đến tối, không chỗ quay về, gặp một vị hòa thượng khuyên xuất gia. Sư vâng lời, hòa thượng dẫn đến một cây to, dạy lễ bái Tam Bảo, phát nguyện xuất gia, trao tặng phục cho mặc,

lập tướng”) đều nhằm dạy chúng ta, đặc biệt người tu Tịnh Độ như chúng ta. “*Chỉ phương*”, “*phương*” là phương hướng, “*lập tướng*” là hữu tướng, từ Hữu môn mà nhập, chẳng từ Không môn để nhập. Tây Phương Cực Lạc thế giới là tướng, Tây Phương Tam Thánh là tướng, y báo và chánh báo trang nghiêm là tướng. Thập Lục Quán Kinh lập tướng khiến cho chúng ta dễ quán tướng. Chỉ bày Tây Phương, đây là nơi chốn để tâm chúng ta có đối tượng hệ niệm. Điều này được gọi là “*trụ tâm thủ cảnh*” (trụ tâm bằng cách giữ lấy cảnh), đây là đối với ai? Đối với phàm phu mà nói. Trừ pháp môn này ra, muốn dạy phàm phu nhập môn sẽ rất khó khăn! Tây Phương Tịnh Độ là “*chỉ phương lập tướng, trụ tâm thủ cảnh*”, chọn dùng phương pháp này. Vì thế, mỗi cá nhân đều có thể tu, thật sự là thích hợp trọn khắp ba căn, thâm tóm toàn bộ lợi căn và độn căn, phương pháp hay khéo ở chỗ này, đáng tán thán cũng ở chỗ này!

Cư sĩ Hoàng Niệm Tổ chú giải kinh Vô Lượng Thọ đã nêu một tỷ dụ, rất nhiều người hiện thời thích dùng máy chụp hình, thường thích chụp ảnh. Cụ lấy ngay chuyện ấy để làm tỷ dụ. Cụ nói pháp môn của các tông khác giống như máy chụp hình chuyên nghiệp, phải có kỹ thuật [mới sử dụng được]. Kẻ tầm thường nếu cầm loại máy chụp hình đó, chụp mười tấm chẳng nhất định chụp hình ảnh sắc nét, hoặc chụp thành công. Người có kỹ thuật chuyên môn cao cấp, sử dụng máy chụp ấy, chụp tấm nào cũng đẹp. Pháp môn Tịnh Độ giống như máy chụp hình tự động, toàn bộ là tự động, cứ cầm máy nhấn nút là được rồi, tấm nào cũng đẹp đẽ! Quý vị chẳng thể nói máy chụp hình ấy không tốt! Ai cũng có thể dùng, tấm hình nào cũng đẹp! Pháp môn Tịnh Độ cũng giống như vậy, vạn người tu, vạn người đến, chẳng cần tới kỹ thuật! Quý vị chẳng thể nói pháp ấy không tốt đẹp, ai cũng đều có thể chụp, ai cũng sử dụng được!

Tiếp đó là nói rõ cái nhân, “*dĩ phàm phu hệ tâm, thượng nãi bất đắc, hướng ly tướng da*” (phàm phu chuyên tâm vào một cảnh còn chưa làm được, hướng hồ lìa tướng [mà hồng đạt được tâm bất loạn ư?]); thật vậy! Nay lập cho quý vị một phương hướng, bảo quý vị hãy chấp cảnh để trụ tâm, mà quý vị vẫn chưa thể làm được. Nếu bảo quý vị ly tướng, đơn giản là quý vị sẽ chẳng thể có hy vọng gì! Thiên ly tướng, nên khó khăn!

rời dặn hãy đi về phía Đông Bắc đến ngôi chùa thừa với trụ trì: “Vị hòa thượng ấy đã tiếp nhận con”. Nói xong, vị hòa thượng đó liền nhập diệt. Sư tìm đến nơi đó, hóa ra vị Trụ Trì là đồ đệ của vị hòa thượng ấy. Đến khi Đường Trung Tông lên ngôi, truy tìm con cháu Lang Da vương, tính ban tước cho Sư, nhưng Sư chỉ muốn tiếp tục xuất gia, tận lực cáo từ, chuyên tâm tu học và giảng dạy.

Tịnh Độ giữ lấy tướng, dùng trụ tâm chấp cảnh để tu hành. Do vậy, trong bốn loại niệm Phật, trì danh là diệu hạnh bậc nhất, phải biết điều này!

Trong quá khứ, ở Đài Trung, tôi đã từng thỉnh giáo thầy Lý vấn đề này, tôi hỏi: “Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật hay lắm, có chỗ nào không hay?” Thầy lắc đầu, bảo: “Chẳng hay bằng trì danh”. Tôi hỏi: “Vì sao?” Thầy dạy: “Anh phải hiểu, các phép Quán ấy chẳng dễ gì quán thành”. Thật vậy! Sau khi quán thành, vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới vẫn phải ly tướng, vẫn phải gạt bỏ tướng ấy. Ở nơi đây, quý vị thật vất vả quán thành công, ấn tượng khắc sâu, đến sau này phải bỏ ấn tượng rất sâu ấy đi, càng khó khăn hơn nữa! Nếu quý vị không thể bỏ sự chấp trước đối với tướng ấy, sẽ không thể sanh trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm, không thể sanh vào Thường Tịch Quang Tịnh Độ. Tôi nghĩ đúng vậy! Câu danh hiệu này dễ dàng gạt bỏ, danh hiệu là giả danh. Ngoài ra, ta còn thay đổi tên gọi dễ dàng, chứ tướng chẳng dễ gì gạt bỏ! Do vậy, cụ Lý nói trong bốn loại niệm Phật, Trì Danh rất gần với Thật Tướng! Vì trong quan niệm của mọi người, chúng ta đều hiểu danh là giả danh, ta tùy tiện thay đổi tên, đổi tên đều được, chẳng sao cả! Hiện thời mọi người đối với cái họ khá chấp trước, ta không thể sửa họ, nhưng tên có thể tùy tiện thay đổi, một ngày đổi mấy lần cũng chẳng trở ngại gì, nhưng chẳng thể sửa họ, vì chấp trước sâu đậm đối với cái họ. Đối với tướng, chấp trước càng sâu hơn! Vì thế, một câu danh hiệu A Di Đà Phật, danh là giả danh, dễ dàng vứt bỏ. Nếu quý vị nương theo Thập Lục Quán Kinh để tưởng, sau khi tưởng thành công, gạt bỏ ấn tượng rất khó khăn, còn khó hơn tu Quán! Cần gì phải tự chuốc phiền? Tôi nghe rồi cảm thấy rất có lý, vẫn giữ lấy trì danh niệm Phật.

Nhưng khi ấy, thầy khuyên tôi, thầy bảo vẫn có thể đọc Thập Lục Quán Kinh, đạo lý trong ấy hay lắm. Nay chúng tôi đã hiểu rõ, lý luận Tịnh Độ ở trong Quán Kinh, nhất là phần nhân quả của chín phẩm, chúng ta phải biết điều này. Tu Thượng Phẩm ra sao, tu Trung Phẩm như thế nào, sau khi chúng ta tự mình hiểu rõ, chúng ta tu trong cuộc sống thường nhật, tương lai vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới sẽ có phẩm vị tương ứng như thế nào, chính mình hiểu rõ ràng, rành rẽ. Bởi lẽ, kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật giảng cặn kẽ lý luận và nhân quả của chín phẩm.

(Sao) Nhược phù biến cúng thập phương chư Phật, hoàn quốc do tại thực thời, thị sanh Tây Phương dĩ hậu sự, sở vị kiến noãn nhi cầu thời dạ, hà thái tảo kế hồ?

(鈔) 若夫遍供十方諸佛，還國猶在食時，是生西方以後事，所謂見卵而求時夜，何太早計乎。

(Sao: Còn những chuyện như cúng dường trọn khắp mười phương chư Phật, trở về cõi ấy trong khoảng bữa ăn là chuyện sau khi đã sanh về Tây Phương. Đó gọi là thấy trứng bèn mong gà, há chẳng phải là tính toán quá sớm ư?)

Dụng ý của Liên Trì đại sư trong mấy câu này cũng rất sâu, sợ có người đưa ra nghi nan: Đã là chỉ phương, lập hướng, trụ tâm bằng cách giữ lấy cảnh, có sao trong kinh còn nói cúng dường mười vạn ức Phật trong các phương khác? Nêu ra câu hỏi này, kẻ ấy quả thật cũng rất thông minh. Chẳng phải là quý vị chuyên nói vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, vì sao người trong Tây Phương Cực Lạc thế giới mỗi ngày cúng dường trọn khắp mười vạn ức Phật nơi phương khác? Kinh này đã nói “mười vạn ức Phật nơi phương khác”, nay chúng ta cúng dường mười vạn ức Phật trong các phương khác cũng chẳng phải là tốt đẹp lắm hay sao? Mỗi ngày chúng ta lạy Vạn Phật Sám, mỗi ngày niệm kinh Vạn Phật Danh, chẳng cần phải chuyên chú Tây Phương, mà là mười phương chư Phật đều lạy! Ta đều kết duyên với mười phương chư Phật, đều quán tưởng, có được hay không? Điều này phù hợp với điều được nói trong kinh Di Đà mà! Nêu ra câu hỏi này, nói cũng rất có lý! Đây là những kẻ thông minh quá lố, tựa hồ đúng, nhưng trật lất! Do vậy, ở đây, Liên Trì đại sư đã giải thích rất hay, rất có lý. Cúng dường trọn khắp mười phương chư Phật là nói đến chúng sanh trong Tây Phương thế giới, hoàn toàn chẳng phải là nói đến chúng sanh trong thế giới Sa Bà. “Cúng khắp mười phương chư Phật, trở về nước trong khoảng bữa ăn” là chuyện sau khi đã vãng sanh thế giới Tây Phương, chẳng phải là hiện tại. Sau khi sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, thấy A Di Đà Phật, nghe A Di Đà Phật thuyết pháp, đặc Vô Sanh Pháp Nhẫn, đó là chuyện nhất định sẽ đạt được, từ trong kinh Vô Lượng Thọ chúng ta đã thấy. Trong bốn mươi tám nguyện cũng có, hễ sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, chắc chắn đặc đệ nhất nhẫn, đệ nhị nhẫn, đệ tam nhẫn. Trong chú giải của cổ đại đức, đệ tam nhẫn chính là Vô Sanh Pháp Nhẫn. Do vậy, Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng thể nghĩ bàn, dầu là người hạ hạ phẩm vãng sanh đều viên chứng ba món Bất Thoái. Có thể chứng ba món Bất Thoái, đương nhiên là Vô Sanh Pháp Nhẫn Bồ Tát, nên người ấy có năng lực cúng dường trọn khắp mười phương chư Phật.

“*Kiến noãn nhi câu thời dạ*” (thấy trứng bèn mong gà), “*thời dạ*” (時夜) là con gà, điển cố này xuất phát từ sách Trang Tử. [Câu ấy] có nghĩa là vừa thấy trứng bèn ngay lập tức nghĩ trứng biến thành con gà trống to, mỗi sáng gáy báo bình minh, quý vị nghĩ đến quá sớm, quá vội vàng! Điều này có nghĩa nói với quý vị: Cúng dường mười phương chư Phật là chuyện sau khi ta vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, chẳng phải là chuyện hiện thời. Nay quý vị làm chuyện ấy sẽ là quá sớm một chút, chẳng phù hợp giáo nghĩa. Hiện thời chưa đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, chúng ta phải nhất định phát tâm chuyên niệm như kinh Vô Lượng Thọ đã chủ trương: “*Phát Bồ Đề tâm, nhất hướng chuyên niệm*”. Đây là “*chỉ phương lập tướng, trụ tâm thủ cảnh*”. Chúng ta phải dùng phương pháp này để đạt tới Tây Phương Cực Lạc thế giới. Sau khi đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, cúng dường mười phương chư Phật là chuyện lúc ấy, chẳng phải là hiện tại. “*Hà thái tảo kế hồ*”: Quý vị đã toan tính quá sớm rồi!

(Sao) *Hựu vấn: Nhiên tắc Hoa Nghiêm hà dĩ phổ lễ sát trần Như Lai.*

(鈔) 又問：然則華嚴何以普禮剎塵如來。

(Sao: *Lại hỏi: Vậy thì vì sao kinh Hoa Nghiêm nói lễ trọn khắp các đức Như Lai nhiều như số lượng vi trần trong cõi nước?*)

Kinh của tông này (Tịnh Độ Tông) và kinh Hoa Nghiêm có mối quan hệ vô cùng mật thiết, nên cổ đại đức gọi kinh Vô Lượng Thọ là Trung Bản Hoa Nghiêm, gọi kinh Di Đà là Tiểu Bản Hoa Nghiêm, vì sao? Kinh Hoa Nghiêm đến cuối cùng Phổ Hiền Bồ Tát “*mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc*”, nên kinh này là chỗ quy túc của kinh Hoa Nghiêm. Có thể thấy trong toàn bộ Phật pháp, kinh này có địa vị cao cả khôn sánh! Thật sự là pháp môn bậc nhất để chư Phật độ chúng sanh, cao hơn kinh Hoa Nghiêm! Nguyện thứ nhất trong mười đại nguyện của Phổ Hiền Bồ Tát là “*lễ kính chư Phật*”, vì sao nay chúng ta chỉ lễ một mình A Di Đà Phật? Liên Trì đại sư trả lời rất tuyệt!

(Sao) *Đáp: Hoa Nghiêm nhất tức thị đa, đa tức thị nhất. Nhược tri thử nghĩa, hoặc phổ, hoặc thiên, thường dị, thường đồng, vô túc nghi dã!*

(鈔) 答：華嚴一即是多，多即是一，若知此義，或普或偏，常異常同，無足疑也。

(Sao: Đáp: Kinh Hoa Nghiêm một chính là nhiều, nhiều chính là một. Nếu biết nghĩa này, hoặc trọn khắp, hoặc thiên trọng [một vị Phật], thường khác nhau, thường giống nhau, chẳng có gì đáng để ngờ vực!)

Kinh Hoa Nghiêm nói: “*Nhất thân phục hiện sát trần thân, nhất nhất biến lễ sát trần Phật*” (mỗi thân lại hiện sát trần thân, mỗi thân lễ khắp sát trần Phật), tợ hồ chẳng phải là nói về chuyện sau khi vãng sanh Tây Phương, vì kinh Di Đà nói cúng dường mười phương Phật, đó là chuyện sau khi vãng sanh Tây Phương. Mây câu này trong kinh Hoa Nghiêm dường như chẳng phải là chuyện sau khi vãng sanh. Vì sao chẳng trụ tâm giữ lấy cảnh? Chẳng giữ lấy cảnh của mười phương sát trần Phật? Đại sư đáp rất tuyệt diệu, lấy nguyên tắc mười huyền môn để trả lời “*nhất đa tương tức*”, [nghĩa là] một tức là nhiều, nhiều tức là một, Ngài dùng lý luận này để trả lời. Đây là giáo nghĩa Hoa Nghiêm, tức là Nhất Đa Tương Tức Tự Tại Môn, [sách Diễn Nghĩa nói]: “*Lấy nhất vô thể toàn pháp giới làm Thể, ngoài pháp giới chẳng có pháp nào khác, nên một chính là nhiều*”, “*dùng nhiều để mong đạt được một*” cũng là đạo lý này, cho nên “*nhiều chính là một*”. Cổ đức giải thích như thế, rất khó hiểu rõ. Chúng tôi dùng tỷ dụ trong hiện thời để nói, chúng ta dùng màn hình TV để sánh ví với Nhất, trong ấy hiện nhiều tướng. Tướng đầu nhiều cách mấy, vẫn chẳng rời khỏi màn hình, chẳng hề có! Một chính là nhiều, nhiều chính là một. Hoa Nghiêm nói Một là nói Chân Như bản tánh có thể hiện tướng. Có thể hiện (năng hiện) là Một, sở hiện (cái được biến hiện) là Nhiều. Năng và Sở bất nhị, nên nói “*toàn thể vọng chính là chân, toàn thể chân chính là vọng*”, chân - vọng bất nhị. Những điều này đều là Nhất Đa Tương Tức Tự Tại Môn của Hoa Nghiêm, lý luận rất sâu, nhưng xác thực là sự thật, là sự thật rõ ràng bày ra trước mắt chúng ta, nhưng chúng ta chẳng thể nhận biết, lại càng chẳng thể thụ dụng, do nguyên nhân nào? Chúng ta mê mất cảnh giới ấy, đối với cảnh giới sẵn có bèn dấy lên phân biệt, chấp trước hư vọng, nên mê mất chân tướng của vũ trụ và nhân sinh. Kinh Hoa Nghiêm giảng tướng chân thật, tức Thật Tướng của các pháp vốn là như vậy đó.

“*Hoặc phổ, hoặc thiên, thường dị, thường đồng*”: Lễ khắp sát trần là Phổ. Ta chỉ niệm một vị Phật gọi là Thiên. [Sách Diễn Nghĩa giảng] “*hoặc thiên, hoặc phổ, thì gọi là thường dị; một và nhiều chính là lẫn nhau, nên gọi là thường đồng*”. Huống chi kinh luận thường nói: “*A Di Đà Phật chính là Pháp Giới Tạng Thân*”. Lại nói: “*Mười phương ba đời Phật, cùng chung một Pháp Thân*”, y báo và chánh báo trang nghiêm

trong mười phương thế giới như vậy có phải là cùng chung một Pháp Thân? Thừa quý vị, đúng vậy, chẳng sai tí nào! Nếu chẳng phải là cùng chung một Pháp Thân, trong Hoa Nghiêm và Viên Giác, đức Phật sẽ chẳng thể nói: “*Hết thấy chúng sanh vốn đã thành Phật*”, nhất là kinh Hoa Nghiêm nói: “*Tinh và vô tinh, đồng viên chủng trí*”, căn cứ trên điều gì để nói? Y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới là vật được biến hiện bởi tự tánh. Không chỉ chư Phật có chung một Pháp Thân, mà y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới cùng chung một Pháp Tánh. Do vậy, nói Một là nói đến Pháp Tánh, nói Nhiều là nói tới Pháp Tướng, tướng nhiều!

Cổ đức giảng khai thị nhằm làm cho mọi người dễ hiểu, đã dùng những món đồ bằng vàng để làm tỷ dụ. “*Dĩ kim tác khí, khí khí giai kim*” (dùng vàng làm đồ vật, món nào cũng đều là vàng), sánh ví vàng như Pháp Tánh, sánh ví các món đồ như Pháp Tướng, thấy đều là vàng ròng. Một thứ chất liệu có thể làm thành hàng ngàn, hàng vạn món có hình dáng khác nhau. Tất cả những thứ có hình dáng khác nhau đều là vàng, phân lượng như nhau, giá trị giống nhau. Dùng tỷ dụ này để làm cho quý vị hiểu mừng tượng đôi chút. Phạm phu chúng ta phân chia là khác hay giống, nói chung là phân biệt, chấp trước, chẳng thấy chân tướng sự thật. Quý vị thật sự liễu giải, sẽ chẳng hoài nghi, “*vô túc nghi dã*” (chẳng đáng để ngờ vực), “*Vô khổ hữu lạc, tường kiến hậu vãn*” (chẳng có khổ, có vui, xem giải thích tường tận trong phần sau), kinh văn có đoạn nói về điều này. Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng tôi giảng tới đây.

Tập 125

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang hai trăm bảy mươi hai:

(Sao) Hựu, Tùy Nguyên Vãng Sanh Kinh ngôn: “Phật quốc vô lượng, chuyên cầu Cực Lạc giả hà? Nhất, dĩ nhân thắng, thập niệm vi nhân, tức đắc vãng sanh cố. Nhị, dĩ duyên thắng, tứ thập bát nguyện, phổ độ chúng sanh cố.

(鈔) 又隨願往生經言：佛國無量，專求極樂者何？一以因勝，十念為因，即得往生故；二以緣勝，四十八願，普度眾生故。

(Sao: Lại nữa, kinh Tùy Nguyên Vãng Sanh⁹ nói: “Cõi Phật vô lượng, vì sao chuyên cầu [vãng sanh] Cực Lạc? Một, do nhân thù thắng, mười niệm làm nhân liền được vãng sanh. Hai là duyên thù thắng, vì bốn mươi tám nguyện phổ độ chúng sanh”).

Đoạn này là do sợ có kẻ vặn hỏi: “Trong mười phương, cõi nước của chư Phật vô lượng, vô biên, cần gì nhất định phải cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới?” Từ xưa tới nay luôn nghe thấy lời này, chính bản thân chúng tôi trong quá trình tu học cũng gặp chẳng ít kẻ nêu ra câu hỏi này. Thật ra, câu hỏi này là hý luận! Nếu chúng ta cầu sanh Đông Phương Lưu Ly thế giới [của Dược Sư Phật], kẻ ấy lại nói trong mười phương, cõi nước của chư Phật rất nhiều, có gì cứ phải nhất định cầu sanh về Đông Phương Lưu Ly thế giới? Nói chung, câu hỏi ấy chẳng có khi nào chấm dứt! Nói thật ra, [câu hỏi này] chẳng có ý nghĩa lớn lao gì, nhưng Liên Trì đại sư vẫn hết sức từ bi. Tây Phương Cực Lạc thế giới có rất nhiều ưu điểm, người tu Tịnh Độ chẳng ít, nhưng kẻ vãng sanh chẳng nhiều, nguyên nhân đương nhiên cũng chẳng rất đơn thuần. Nhất định phải hiểu rõ, phải thông đạt kinh luận này, chúng ta mới có thể thật sự nắm chắc sanh về thế giới Cực Lạc trong một đời này!

Ở đây, đại sư vì chúng ta nêu đại lược nhân duyên, “*nhân thắng, thập niệm vi nhân*” (nhân thù thắng, mười niệm làm nhân), đối với hết

⁹ Bộ kinh có tên gọi đầy đủ là Phật Thuyết Quán Đảnh Tùy Nguyên Vãng Sanh Thập Phương Tịnh Độ Kinh, hoặc còn gọi là Đại Quán Đảnh Thần Chú Kinh, hoặc gọi tắt là Đại Quán Đảnh Kinh, do ngài Bạch Thi Lê Mật Đa dịch vào thời Đông Tấn.

thầy các cõi nước của chư Phật, chúng ta mong vãng sanh đâu có dễ dàng như vậy! “*Thập niệm tất sanh*” (mười niệm ắt được vãng sanh) là nguyện thứ mười tám trong bốn mươi tám nguyện của A Di Đà Phật, đó là Di Đà bốn nguyện. Do vậy có thể biết, pháp môn này là đạo dễ hành, bao nhiêu tổ sư đại đức từ xưa tới nay bảo chúng ta đây là đạo dễ hành. Trong chú giải kinh Vô Lượng Thọ đã chú giải “mười niệm” rất nhiều, nhất định phải hiểu rõ. Mười niệm là niệm theo cách nào? Mười niệm có cách niệm bình thường và cách niệm khi lâm chung. Mười niệm, cứ hết một hơi là một niệm, đó là cách niệm bình thường. Lúc lâm chung, một tiếng Phật hiệu là một niệm. Nói cách khác, mười niệm khi ấy là niệm mười câu Phật hiệu.

Tuy kinh dạy chúng ta, kẻ Ngũ Nghịch, Thập Ác lâm chung gặp thiện tri thức dạy niệm Phật, kẻ ấy có thể tin nhận, sám hối, có thể chí tâm từ một niệm cho đến mười niệm bèn có thể vãng sanh; cổ đức nói: Chuyện này thoát nhìn rất dễ dàng, thật ra chẳng dễ dàng! Trong ấy, có nhân, có duyên, điều kiện nơi bản thân là khi quý vị lâm chung, thần thức rất sáng suốt, điều kiện này chẳng dễ dàng! Hễ là lâm chung mới nghe Phật pháp, mười niệm hay một niệm vãng sanh, chắc chắn người ấy chẳng phải là đời này mới tu hành, mà là đã thường tu hành nhiều đời nhiều kiếp trong quá khứ, nhưng chưa thành công. Trong một sát-na lâm chung, thiện căn và phước đức của kẻ ấy phát khởi, giống như kinh Di Đà đã nói: “*Chẳng thể do chút ít thiện căn, phước đức, nhân duyên mà được sanh về cõi ấy*”. Trong thời gian rất ngắn ngủi là một sát-na khi lâm chung, thiện căn, phước đức, nhân duyên của kẻ ấy thấy đều trọn đủ. Nếu chẳng do nhiều đời, nhiều kiếp tu hành, sẽ chẳng thể nào làm được, chúng ta phải hiểu chuyện này! Do vậy, đọc kinh văn này, chớ nên hiểu là chuyện cầu may, nay ta không niệm Phật chẳng sao, khi lâm chung vẫn còn kịp, hiện thời tạo ác nhiều thêm một chút cũng chẳng sao, lâm chung mười niệm vẫn có thể vãng sanh. Nếu quý vị nghĩ như vậy thì trật mất rồi!

Chúng ta hãy lắng lòng quan sát, bất luận xuất gia hay tại gia, lúc lâm chung có mấy ai thần trí sáng suốt? Điều này đáng cho chúng ta cảnh giác. Nếu lúc lâm chung mê hoặc, điên đảo, bất tỉnh nhân sự, thưa quý vị, Phật, Bồ Tát có đến trợ niệm cho quý vị cũng chẳng có cách nào, phải biết chuyện này! Có thể thấy là bình thường phải tu phước! Chết tốt lành là một trong năm thứ phước; người Hoa nói đến Ngũ Phước thì phước cuối cùng trong Ngũ Phước là “chết tốt lành”, [tức là] khi chết sáng suốt, tỉnh táo. Vì sao? Chết tốt lành, người ấy đời sau nhất định sẽ có cuộc sống tốt đẹp! Các vị hãy nghĩ xem có ai muốn sanh vào trong ba ác đạo? Chẳng ai muốn cả! Hễ đọa trong tam ác đạo đều là hồ đồ đi vào, có người nào tỉnh

táo mà biến thành súc sanh hay ngựa quý? Chẳng có lẽ ấy! Do vậy, lúc lâm chung mê hoặc, điên đảo cũng rất dễ dàng đọa trong tam ác đạo. Lâm chung nêu sáng suốt, tỉnh táo, dù người ấy chẳng gặp Phật pháp, suốt đời chưa học Phật, chắc chắn chẳng đọa trong tam ác đạo, đời sau sẽ hưởng phước báo nhân thiên. Vì sao? Người ấy tỉnh táo, sáng suốt, sẽ chọn lựa chỗ để đầu thai. Chỉ có kẻ mê hoặc, điên đảo mới chẳng chọn lựa, mặc cho nghiệp lực dẫn dắt. Người học Phật chúng ta phải đặc biệt chú ý điều này!

Thứ hai là duyên, duyên chẳng có vấn đề, Tha Lực quyết định đáng tin cậy, vấn đề là chúng ta có chuẩn bị đầy đủ Tự Lực hay không? Bốn mươi tám nguyện của A Di Đà Phật, nguyện nào cũng đều nhằm tiếp dẫn chúng sanh niệm Phật trong mười phương vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Trong bốn mươi tám nguyện có nguyện thứ mười lăm là “*văn danh đắc ích*” (nghe danh hiệu được lợi ích), [nghĩa là] nguyện thứ mười lăm có nói nghe danh hiệu A Di Đà Phật bèn đạt được công đức, lợi ích, thật sự chẳng thể nghĩ bàn! Vì thế, duyên thù thắng đáng trông cậy, chẳng có vấn đề gì, chúng ta phải có tín tâm, chớ nên hoài nghi. Điều trọng yếu nhất là chính mình phải có sự chuẩn bị đầy đủ. Vì thế, trì giới niệm Phật là điều hết sức tất yếu, phải nên tu phước.

(Sớ) Vấn: Quán Kinh vân, Cực Lạc bất viễn, kim ngôn thập vạn ức độ, nhị kinh viễn cận, hà dĩ bất đồng?

(疏) 問：觀經云，極樂不遠，今言十萬億土。二經遠近，何以不同？

(Sớ: Hỏi: Quán Kinh nói Cực Lạc chẳng xa, nay [kinh này] nói [cách đây] mười vạn ức cõi, vì sao hai kinh nói [khoảng cách] xa, gần khác nhau?)

“*Nhị kinh*” là kinh Di Đà và kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật. Tây Phương Cực Lạc thế giới cách thế giới Sa Bà mười vạn ức cõi Phật, hai kinh [thoạt nhìn tuy nói khác nhau, nhưng ý nghĩa] như nhau.

(Sớ) Đáp: Dĩ thị tức viễn chi cận, tức cận chi viễn cố. Nhược y Phật Địa, tắc Tịnh Độ viễn cận, bất khả tư nghị.

(疏) 答：以是即遠之近，即近之遠故。若依佛地，則淨土遠近，不可思議。

(Sớ: Đáp: Do gần là so với nơi xa, xa là so với nơi gần. Nếu xét theo luận Phật Địa thì Tịnh Độ xa hay gần [cũng đều] chẳng thể nghĩ bàn).

“Tức viễn chi cận” là nói theo kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật, “tức cận chi viễn” là nói theo kinh này. Cách nói này tùy thuận phàm tình, có thể suy tưởng, bàn luận được. Đoạn này sẽ được giải thích trong lời Sao.

(Sao) Khứ thử bất viễn giả, Quán Kinh vân: “Nhĩ thời, Phật cáo Vy Đề Hy ngôn, nhữ kim tri phủ? A Di Đà Phật khứ thử bất viễn”. Kim vị “tức viễn, tức cận” giả, lương dĩ khứ thử bất viễn, thị minh quá thập vạn ức chi Cực Lạc, khứ thử bất viễn dã.

(鈔) 去此不遠者，觀經云：爾時佛告韋提希言，汝今知否，阿彌陀佛，去此不遠。今謂即遠即近者，良以去此不遠，是明過十萬億之極樂，去此不遠也。

(Sao: “Cách đây chẳng xa”, Quán Kinh chép: “Khi ấy, đức Phật bảo bà Vy Đề Hy: - Nay bà có biết hay chăng? A Di Đà Phật cách đây chẳng xa”. Nay nói “gần chính là xa, xa chính là gần” là vì [Quán Kinh nói] “cách đây chẳng xa” nhằm nói rõ Cực Lạc cách [Sa Bà chỉ có] mười vạn ức cõi, [tức là so với các thế giới khác trong Hoa Tạng hoặc vô lượng thế giới hải sẽ thấy Cực Lạc] cách nơi đây chẳng xa!)

Mang ý nghĩa giảng rõ: Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật nói “cách đây chẳng xa”, nhưng vẫn phải đi là qua mười vạn ức cõi Phật! Trong quan niệm của lũ phàm phu chúng ta, mười vạn ức cõi Phật là khoảng cách khá xa xôi. Thật ra, nếu nói theo Lý thì “tâm bao pháp giới” [nên khoảng cách mười vạn ức cõi chẳng đáng gọi là xa]! Chúng ta hãy đọc đoạn văn kế tiếp.

(Sao) Quá thập vạn ức, thị minh khứ thử bất viễn chi Cực Lạc, quá thập vạn ức dã. Tâm bao pháp giới, hà cận nhi phi viễn, pháp giới duy tâm, hà viễn nhi phi cận, giao hỗ ngôn chi, cố vô ngại dã.

(鈔) 過十萬億，是明去此不遠之極樂，過十萬億也。心包法界，何近而非遠，法界唯心，何遠而非近，交互言之，固無礙也。

(*Sao*: “*Qua khỏi mười vạn ức*” là nói cõi Cực Lạc cách đây chẳng xa, [chỉ cách Sa Bà] mười vạn ức cõi Phật. Tâm bao trùm pháp giới có gì là gần, mà chẳng phải là xa? Pháp giới duy tâm, há có gì là xa, chẳng gần? Do nói đáp đối lẫn nhau nên vô ngại vậy).

Đây là nói theo Lý, y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới đều là “*duy tâm sở hiện, duy thức sở biến*”. Vì thế, nói “*ngoài tâm chẳng có pháp, ngoài pháp chẳng có tâm*”. Do vậy, một niệm của chúng ta có thể trọn khắp pháp giới, vì sao? Pháp giới duy tâm, mười vạn ức quá gần! Nói theo kinh Hoa Nghiêm, thế giới Tây Phương và thế giới Sa Bà của chúng ta cùng ở trong tầng thứ mười ba của thế giới Hoa Tạng, đúng là chẳng xa! Trong tầng ấy, thế giới nhiều chẳng thể nghĩ bàn. Tây Phương Cực Lạc thế giới ở phía Tây thế giới Sa Bà, giống như một tòa cao ốc, [cả hai thế giới] cùng ở trong một tầng lầu, một ở phía Đông, một ở phía Tây, thật sự chẳng xa! Nhìn từ thế giới Hoa Tạng gồm hai mươi tầng, đích xác là khoảng cách rất gần. Tận hư không trọn pháp giới có phải là một thế giới Hoa Tạng hay chẳng? Chẳng phải! Kinh Hoa Nghiêm nói trong hư không có vô lượng vô biên thế giới giống như thế giới Hoa Tạng. Nhìn theo kiểu ấy, Tây Phương Cực Lạc và Sa Bà gần nhất, đúng là giống như hàng xóm của nhau, ở trên cùng một con đường, qua lại chẳng xa, phải hiểu rõ đạo lý này! Xa hay gần là do phạm tình phân biệt, chấp trước.

Phàm phu vãng sanh chẳng cần phải lo nghĩ! Lúc lâm chung, Phật nhất định đến tiếp dẫn quý vị, quý vị chẳng cần phải tìm phương hướng, cũng chẳng cần phải tìm tòi: Rốt cuộc thế giới Cực Lạc ở chỗ nào? Quý vị chẳng cần đi tìm, A Di Đà Phật sẽ đến dẫn quý vị đi. Nói thật thà, chẳng cần phải biết đường, Ngài đến dẫn chúng ta đi, tiếp dẫn vãng sanh cũng là bản nguyện của A Di Đà Phật. Vì thế, người sau khi lâm chung, dầu có nhiều thụy tướng tốt đẹp, vẫn chưa thể chứng minh người ấy nhất định vãng sanh, chúng ta phải chú ý điều này. Thí dụ như tay chân rất mềm mại là thụy tướng, sắc mặt rất đẹp đẽ, thậm chí đỉnh đầu còn ấm cũng chẳng nhất định đã vãng sanh. Đối với các thứ thụy tướng, thậm chí lưu xá-lợi, hoặc lưu lại toàn thân [bất hoại], đều chẳng thể nào [dựa vào đó để] xác định người ấy đã vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Điều duy nhất có thể xác định là khi lâm chung, người ấy thấy A Di Đà Phật, đây là quyết định vãng sanh. Vì lúc lâm chung, Phật quyết định đến tiếp dẫn.

Từ Vãng Sanh Truyện, chúng ta thấy các vị đại đức từ xưa, phần lớn khi lâm chung chẳng khác nhau cho lắm, hoặc là bảy ngày hoặc hơn bảy ngày, hoặc là trong Định thấy Phật, khi tịnh tọa hoặc khi niệm Phật

bền thấy Phật, hoặc là trong mộng thấy Phật, bảo người ấy bảy ngày sau hoặc là vài ngày sau, ta sẽ đến tiếp dẫn ngươi. Đến khi đó, quả nhiên ra đi. Đó là thật. Do vậy, hễ vãng sanh thì đây mới là thụy tướng thật sự, đúng như kinh đã dạy. Nếu chẳng phải là thụy tướng như vậy hiện tiền thì chẳng thể chắc chắn cho lắm! Do vậy, nhất định phải chờ Phật đến tiếp dẫn. Lúc bình thời, tâm chúng ta phải khẩn thiết niệm Phật.

Trong Tịnh Độ Tông, hai vị đại sư Liên Trì và Ngẫu Ích là những nhân vật lỗi lạc, chúng ta chẳng biết các Ngài là vị nào tái lai, [nhưng có thể đoán quyết] các Ngài tuyệt đối chẳng phải là phạm phu tầm thường. Như chúng ta biết Ấn Quang đại sư lão nhân gia là Đại Thế Chí Bồ Tát tái lai. Ấn Quang đại sư tán thán Ngẫu Ích đại sư đến tột bậc. Ngài nói: “Dầu cổ Phật hay [đích thân] A Di Đà Phật đến soạn chú giải cho kinh Di Đà vẫn chẳng thể hay hơn tác phẩm Di Đà Kinh Yếu Giải”. Tán thán như vậy đó! Ngẫu Ích đại sư viết tác phẩm vĩ đại ấy chỉ trong thời gian chín ngày, quý vị nghĩ xem Ngài là hạng người nào? Tuyệt đối chẳng phải một kẻ bình phạm! Chúng ta hãy nên tin tưởng, từng câu từng chữ trong tác phẩm ấy đều phù hợp bốn nguyện của Phật Di Đà, và cũng tương ứng với tâm phổ độ chúng sanh của A Di Đà Phật.

Do vậy, có thể vãng sanh hay không là do tín nguyện quyết định. Người tin sâu, nguyện thiết, người như vậy nhất định vãng sanh. Trong Đại Bản kinh Vô Lượng Thọ đã nêu ra tông chỉ tu hành: “*Phát Bồ Đề tâm, nhất hướng chuyên niệm*”, phát Bồ Đề tâm là tín nguyện, nhất hướng chuyên niệm là chấp trì danh hiệu. Trong kinh Tiểu Bản Di Đà, hai câu này được nói là “ba tư lương Tín, Nguyện, Hạnh”, ba điều này thiếu một thứ cũng không được! Ngẫu Ích đại sư lại còn nói rất hay: “*Có thể vãng sanh hay không được quyết định bởi có tín nguyện hay không, phẩm vị cao hay thấp là do công phu niệm Phật sâu hay cạn*”. Chúng ta phải thật sự tu học pháp môn này, hy vọng đời này thật sự có thành tựu. Nói cách khác, nhất định phải buông vạn duyên xuống, tùy phận, tùy duyên sống qua ngày trong thế giới này, phải coi niệm Phật là đại sự bậc nhất của chúng ta trong một đời này!

Chúng ta chấp trì danh hiệu là niệm Phật, chúng ta niệm kinh Di Đà cũng là niệm Phật, chúng ta niệm Tịnh Độ Ngũ Kinh vẫn là niệm Phật y như cũ, thấy đều là cảnh giới y báo và chánh báo trang nghiêm trong Tây Phương Cực Lạc thế giới. Chúng ta nghiên cứu, đọc những bản chú sớ của các vị cổ đại đức vẫn là niệm Phật, những điều suy tưởng, suy niệm trong tâm, cho đến những điều đã làm đều chẳng rời khỏi phạm vi của y báo và chánh báo trang nghiêm trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, đó đều gọi

là niệm Phật. Do vậy, bằng lòng chấp trì danh hiệu rất tốt, quý vị niệm một câu danh hiệu đến cùng. Nếu niệm danh hiệu đã lâu, cảm thấy mệt mỏi, bèn đọc kinh, hoặc đọc các chú sớ của cô đại đức đều được, điều hòa thân tâm! Nói tóm lại, trong quá trình tu hành phải đạt được pháp hỷ, chẳng sanh phiền não. Có như vậy thì mới có thể thật sự tinh tấn.

(Sao) Bất khả tư nghị giả, Phật Địa Luận vân: “Nhu thị Tịnh Độ, siêu quá tam giới sở hành chi xứ”, vi dĩ tam giới đồng nhất xứ sở, vi các biệt da?

(鈔) 不可思議者，佛地論云：如是淨土，超過三界所行之處。為與三界同一處所，為各別耶？

(Sao: “Chẳng thể nghĩ bàn”, Phật Địa Luận nói: “Tịnh Độ như thế vượt trội chỗ sở hành của tam giới”, [như vậy thì Tịnh Độ] ở cùng một chỗ với tam giới, hay là khác biệt?)

“Siêu quá tam giới sở hành chi xứ”, “tam giới” ở đây là nói tới một Phật sát (một cõi Phật) giống như thế giới Sa Bà của chúng ta. Chúng ta thường gọi “tam giới” là lục đạo luân hồi, tức Dục Giới, Sắc Giới, và Vô Sắc Giới. Từ ngữ “tam giới sở hành chi xứ” chỉ lục đạo chúng sanh. Từ vô thủy kiếp tới nay, chúng ta chẳng thể vượt khỏi tam giới, luân luân chuyển trong lục đạo. Đúng như kinh đã dạy, mỗi cá nhân đều chẳng ra ngoài lệ này: Thời gian trong tam ác đạo dài lâu, thời gian trong đường trời, đường người ngắn ngủi! Đức Phật nói như vậy, chúng ta vừa nghe dường như có đôi chút chẳng phục, nhưng suy nghĩ cặn kẽ, lại thấy hữu lý! Chuyện này chẳng cần phải hỏi ai khác, chính mình hãy rất lắng lòng suy tưởng bèn hiểu rõ, suy xét những điều tâm chúng ta nghĩ ngợi, suy tưởng, nghĩ nhớ là gì, sẽ hiểu rõ ngay! Nếu chúng ta nghĩ tới tham, sân, si, mạn, đó chẳng phải là tam ác đạo thì là gì? Có mấy ai thật sự nghĩ đến Ngũ Giới, Thập Thiện, Tứ Vô Lượng Tâm? Mấy ai nghĩ đến chuyện tạo lợi ích cho người khác, có thể nghĩ giùm cho người khác? Chẳng nhiều lắm! Đại đa số mọi người đều suy nghĩ vì chính mình. Hễ là suy nghĩ vì chính mình, sẽ chẳng tránh khỏi tam ác đạo. Hết thầy đều có thể nghĩ giùm kẻ khác, nói chung là cơ hội sanh trong nhân thiên của kẻ ấy nhiều hơn một chút, điều này rất hiển nhiên. Suy nghĩ vì chính mình sẽ là tham, sân, si, mạn, tự tư tự lợi.

Nhất là người xuất gia, tục ngữ thường nói: “Địa ngục môn tiền Tăng đạo đa” (trước cửa địa ngục tăng nhân và đạo sĩ đông đảo), lời ấy chẳng phải là không có nguyên nhân. Người xuất gia trong tâm hiểu rõ “ta đích xác chẳng có giới, ta chỉ có hình dáng xuất gia, trên thực tế, ta vẫn

người tại gia”, người ấy sẽ tạo tội nghiệp cạn. Nếu tự cho rằng ta là người xuất gia, do ý niệm ấy sẽ đọa địa ngục, do nguyên nhân nào? Quý vị hãy mở giới luật ra đọc, [sẽ thấy chính mình là kẻ] phá giới. Người xuất gia chẳng có nhà, nay quý vị có nhà, quý vị có bất động sản, có giấy chứng nhận quyền sở hữu, có trương mục ngân hàng, quý vị là người xuất gia ở chỗ nào? Người xuất gia chân chánh ba y một bát, thứ gì cũng chẳng có! Hiện thời, nói thật thà, đi khắp cả thế giới, chẳng có người xuất gia nào!

Ngẫu Ích đại sư là một vị học Luật, thuở ấy, cũng có chẳng ít người gọi Ngài là Luật Sư, sau này, Ngài là nhất đại tổ sư của Tịnh Độ Tông. Trong trước tác, Ngài đã nói: “*Trung Quốc từ sau thời Nam Tống, chẳng có tỳ-kheo*”. Trong Ngũ Giới Tướng Kinh Tiên Yếu, Ngài đã giảng rất rõ ràng. Vì thế, bản thân Ngài sau khi thọ giới đã trả lại giới tỳ-kheo, suốt đời tự xưng là “*Bồ Tát sa-di*”, chẳng dám xưng là tỳ-kheo. Đồ đệ của Ngài là pháp sư Thành Thời cũng là một người rất lỗi lạc. Trước tác của Ngẫu Ích đại sư có thể lưu truyền hậu thế là do công lao của pháp sư Thành Thời, Sư đã thay Tổ biên tập, khắc ván, lưu thông. Trong Tịnh Độ Thập Yếu có bài tựa tiểu dẫn do pháp sư Thành Thời viết, Thành Thời tự xưng là “*xuất gia ru-bà-tắc*”. Gần đây, Hoàng Nhất đại sư cũng xưng là “*xuất gia ru-bà-tắc*”, danh chánh ngôn thuận, chẳng dám xưng là tỳ-kheo, kể cả sa-di cũng chẳng dám xưng. Vì sao? Thật sự là chẳng làm được, điều này chẳng giả! Mười giới sa-di chúng ta có thể làm được hay không? Chẳng làm được!

Ngày nay, nếu chúng ta có thể thực hiện Ngũ Giới, Thập Thiện, sẽ khá lắm, rất khó có, chẳng cần phải nói cao xa đường ấy! Vì thế, thọ giới đều là hình thức, chư vị phải biết chuyện ấy là hữu danh vô thực. Từ trong tâm, chúng ta phát nguyện, đối với những giới điều ấy, quý vị có thể làm được một điều tức là quý vị thọ một điều. Quý vị có thể làm được hai điều, quý vị thọ hai điều, hình thức chẳng quan trọng! Quan trọng là quý vị phải thật sự có thể làm được, niệm niệm đều có giới, trong mỗi hạnh đều có giới. Trong xã hội hiện thời chẳng có người xuất gia, nói thật ra, thời đại đã biến đổi! Nếu thật sự mong phát tâm xuất gia sẽ chẳng thể sanh tồn trong xã hội này, vì sao? Đi khát thực chẳng có ai cho! Thật sự có người xuất gia khát thực thì quý vị có thể cúng dường cơm cho người ấy hay không?

Chùa miếu hiện thời chẳng phải là thập phương đạo tràng, người ấy đến nơi đâu để trụ? Chẳng có chùa miếu nào để người ấy trụ được. Nói cách khác, người ấy chẳng có đường nào để đi. Xã hội đã khác rồi, chẳng giống như trong quá khứ, tự viện am đường của Trung Quốc đều là thập

phương đạo tràng; chỉ cần quý vị là người xuất gia, đã chánh thức thọ giới, bất cứ đạo tràng nào cũng có thể quải đơn, hiện thời [tình hình ấy] chẳng còn nữa! Tất cả tự viện, đạo tràng hiện thời đều là của tư nhân, đâu có những tổ chức về mặt hình thức như tài đoàn pháp nhân¹⁰, trên thực tế, họ mời những người làm Đồng Sự đều là người có quan hệ với chính mình. Đó là để đối phó với chánh phủ, trên thực tế, chính mình vẫn nắm quyền lực thao túng. Do vậy, chúng ta phải hiểu Phật pháp sa sút, đạo tràng chẳng còn nữa, chúng ta phải nhận biết rõ ràng điều này! Đây là do chúng sanh thiếu phước, thiên hạ đại loạn! Chỉ có một con đường sống duy nhất là niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, Tây Phương Cực Lạc thế giới là thập phương tùng lâm, [chúng sanh trong] các cõi nước của chư Phật trong mười phương chỉ cần phát nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, A Di Đà Phật thấy đều chiếu cố, nhất loạt bình đẳng. Hiện thời, thập phương tùng lâm duy nhất là Tây Phương Cực Lạc thế giới.

Ở đây, tổ Liên Trì nêu ra câu hỏi: Vượt trời chỗ sở hành của tam giới thì Tây Phương Cực Lạc thế giới do ở cùng một chỗ với tam giới của chúng ta nên nói là vượt trời, hay là do có một thế giới riêng nên nói là vượt trời? Hỏi rất hay, chúng ta hãy xem lời giải đáp của đại sư.

(Sao) Đáp vân: Hữu thuyết tại Tịnh Cư thiên, hữu thuyết tại Tây Phương đẳng. Nhiên diệc châu viên vô tế, biến pháp giới cố, bất khả thuyết ngôn lý tam giới xứ, tức tam giới xứ. Dẫn tùy Bồ Tát sở nghi hiện giả, hoặc tại Tịnh Cư, hoặc Tây Phương đẳng, tặc tri Cực Lạc Tịnh Độ, siêu xuất thường tình, phi phương, bất phương, vô tại, bất tại, vị khả khái dĩ Đồng Cư nhi vi định luận.

(鈔) 答云：有說在淨居天，有說在西方等。然亦周圓無際，遍法界故，不可說言離三界處，即三界處。但隨菩薩所宜現者，或在淨居，或西方等，則知極樂淨土，超出常情，非方不方，無在不在，未可概以同居而為定論。

¹⁰ Tài đoàn pháp nhân có thể hiểu đại lược giống như Board of Trustee của các cơ sở từ thiện hoặc vô vị lợi (bất vụ lợi, non-profitable) của Hoa Kỳ. Tài đoàn pháp nhân là một ban quản trị tài sản, trương mục của một tổ chức bất vụ lợi, như cơ quan từ thiện, tôn giáo, quỹ từ thiện v.v... với mục đích quản trị, giám sát, thanh tra các vấn đề tài chánh của tổ chức nhằm đảm bảo tài sản có được do quyên góp hoặc tích lũy sẽ được sử dụng minh bạch, đúng mục đích, ngõ hầu đảm bảo sự tồn tại của tổ chức cũng như ngăn tránh những người điều hành tổ chức trục lợi, thụt két hoặc sử dụng vào mục đích riêng tư hay vi phạm luật pháp.

(*Sao: Đáp rằng: Có người nói ở trong cõi trời Tịnh Cư, có người nói ở Tây Phương v.v... Nhưng [Tịnh Độ] cũng là trọn khắp, không ngăn mé, trọn khắp pháp giới, cho nên chẳng thể nói là “lìa tam giới” hay “ở ngay trong tam giới”. Chỉ tùy thuận Bồ Tát nên hiện như thế nào, [mà Tịnh Độ] hoặc ở Tịnh Cư, hoặc ở Tây Phương v.v... Vì thế biết Cực Lạc Tịnh Độ vượt trội thường tình, chẳng phải là có nơi chốn, chẳng phải là không có nơi chốn, chẳng phải là tồn tại, chẳng phải là không tồn tại, chẳng thể nhất loạt dùng cõi Đồng Cư để định luận được!)*

Đoạn này nêu lên ý nghĩa: Nói thật ra, kinh Lăng Nghiêm đã nói rất rõ ràng và chân thật về chân tướng của vũ trụ và nhân sinh, “pháp giới là một”, Nhất Chân pháp giới vốn là một. Kinh Hoa Nghiêm nói Nhất Chân pháp giới “*duy tâm sở hiện*”, hiện là Nhất Chân. Vì sao Nhất Chân pháp giới biến thành mười pháp giới? Mười pháp giới do sau khi đã mê mới hiện ra, đó là “*duy thức sở biến*”. Do vậy, Bồ Tát tu hành đến một mức độ khá, chuyển A Lại Da thành Đại Viên Kính Trí, phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân, bèn nhập Nhất Chân pháp giới, vượt thoát mười pháp giới. Địa vị Phật thuộc Phật pháp giới trong mười pháp giới chẳng cao, phải biết điều này. Tông Thiên Thai nói Tạng Giáo Phật, Thông Giáo Phật, và Biệt Giáo Phật chẳng cao! Biệt Giáo Phật chỉ bằng với hàng Bồ Tát thuộc địa vị Nhị Hạnh trong Viên Giáo; vì thế, [địa vị] Phật rốt ráo viên mãn là [địa vị Phật trong] Viên Giáo. Kinh nói: “*Tùy chúng sanh tâm, ứng sở tri lượng*” (tùy theo tâm của chúng sanh mà ứng với khả năng nhận biết của họ). “*Tùy chúng sanh tâm*” là gì? Nhất Chân pháp giới. Tùy chúng sanh tâm, tâm ấy là thức tâm. Thuận theo thức tâm của quý vị mà dấy lên biến hóa, biến thành Phật pháp giới, biến thành Bồ Tát pháp giới, biến thành lục phàm pháp giới, tùy tâm của chính quý vị mà biến ra. Tâm quý vị thanh tịnh bèn hiện Tịnh Độ, biến thành tứ thánh pháp giới. Tâm quý vị chẳng thanh tịnh, tâm nhiễm ô, bèn biến thành lục phàm pháp giới. Chẳng phải do người khác biến ra cho chúng ta hưởng thụ, mà do chính chúng ta biến ra để chính mình hưởng thụ. Nói thật ra đó là “*tự làm, tự chịu*”, chẳng liên quan đến kẻ khác. Pháp giới vốn là chuyện như thế đó! Kinh Lăng Nghiêm nói rõ ràng, đúng là kinh điển khai trí huệ.

Hiểu rõ đạo lý này, nói lời chân thật sẽ là: “*Ngôn ngữ dứt bật, tâm hành xứ diệt*”, chẳng thể nói là [Tịnh Độ] “*ly tam giới*”, mà cũng chẳng thể nói “*tức tam giới*”. Nếu nói “*ly tam giới*”, ắt nhiễm và tịnh cách biệt. Nếu nói là “*tức tam giới*”, [nghĩa là ở ngay] trong tam giới này, thì nhiễm và tịnh chẳng thể phân biệt, đều trở thành vấn đề! Chư vị phải hiểu chân

tướng, “một tịnh, hết thấy tịnh; một nhiễm, hết thấy nhiễm”, chẳng hề nói là “một nửa tịnh, một nửa nhiễm”, chẳng có chuyện ấy! Một mê, hết thấy mê, chẳng thể nói ta một nửa này mê, nửa kia chẳng mê. Chẳng có chuyện ấy, chẳng có đạo lý ấy! Nhưng mê và ngộ là một, chẳng hai. Vì sao? Mê là Nhất Chân pháp giới, ngộ vẫn Nhất Chân pháp giới, Nhất Chân pháp giới chẳng có mê hay ngộ, mê hay ngộ do tâm con người, pháp giới há có mê hay ngộ? Mê hay ngộ do tâm. “*Tâm tịnh, ắt cõi tịnh; tâm mê, ắt cõi nước uế*”, đích xác là chẳng nói tới tịnh hay uế. Chúng sanh thường chú trọng bề ngoài, chẳng hiểu chính mình. Tình hình ấy giống như nay chúng ta đeo một cặp kính râm màu đen, sẽ thấy [mọi vật] bên ngoài đều đen xì. Đeo một cặp kính râm màu xanh, sẽ thấy bên ngoài đều xanh rì. Thật ra, cảnh giới bên ngoài chẳng đen mà cũng chẳng xanh, đen hay xanh ở chỗ nào? Ở ngay trên cặp kính ấy. Vì vậy, nói nhiễm hay tịnh là do tâm của chính chúng ta mê hay ngộ mà phân định. Giác ngộ bèn thanh tịnh, mê hoặc bèn nhiễm ô. Do vậy, cảnh giới bên ngoài quả thật chẳng phân chia nhiễm hay tịnh, chẳng thể nói là nhiễm, mà cũng chẳng thể nói là tịnh. Đích xác như Lục Tổ đã nói: “*Phật pháp là pháp bất nhị*”, Nhất Chân mà! Nhất Chân sẽ bất nhị, nhị chẳng phải là Nhất. Do vậy, ở đây bảo “*bất khả ngôn thuyết ly tam giới xử, tức tam giới xử*” (chẳng thể nói [Tịnh Độ] là ở ngoài tam giới, hoặc ở ngay trong tam giới), chẳng nên nói như vậy. Nói như vậy là mê, là phân biệt, là chấp trước, tuyệt đối chẳng phải chân tướng sự thật.

“*Đản tùy Bồ Tát sở nghi hiện giả*” (chỉ thuận theo Bồ Tát nên hiện như thế nào), nên hiện như thế nào cũng chẳng phải là tùy theo tâm Bồ Tát hay tâm Phật ưa thích như thế nào mà hiện như thế ấy, chẳng phải vậy! Nếu Bồ Tát còn ưa thích điều gì, Bồ Tát đã biến thành phàm phu mất rồi, Ngài cũng chẳng có cách nào hiện. Chính vì Phật, Bồ Tát vô tâm, do vô tâm nên mới có thể “*tùy chúng sanh tâm, ứng sở tri lượng*” (thuận theo tâm của chúng sanh mà ứng với khả năng nhận biết của họ), các Ngài vô tâm! Vô tâm là thanh tịnh tâm. “*Hoặc tại Tịnh Cư*” (hoặc ở trong cõi trời Tịnh Cư): Ở trong cõi trời Tịnh Cư là ở cùng một chỗ với chúng ta trong thế giới này. Kinh thường nói thiên chúng Tịnh Cư thuộc về Tứ Thiên Thiên, Ngũ Bất Hoàn Thiên [trong Tứ Thiên Thiên] được gọi là Tịnh Cư Thiên, nơi đó chính là Tịnh Độ trong thế giới Sa Bà, đó là “*đồng*” (cùng ở trong tam giới). Nếu nói là Tây Phương, sẽ là khác nhau, chẳng ở trong cõi Sa Bà của chúng ta, mà thuộc về một cõi Phật khác, là một cõi Phật khác ở cách chúng ta mười vạn ức cõi Phật.

“*Tắc tri Cực Lạc Tịnh Độ, siêu xuất thường tình*” (Do vậy biết Cực Lạc Tịnh Độ vượt thoát thường tình), “*thường tình*” là phàm tình, tức kiến giải, kiến thức thông thường, quan niệm của phàm phu. Nói xuyên suốt là tình chấp, chấp trước của phàm phu. “*Phi phương, bất phương, vô tại, bất tại*”: Chẳng phải chính là nơi đây, chẳng lìa nơi đây, đó là “*phi phương*” (chẳng có nơi chốn). [Tịnh Độ] hoặc ở Tịnh Cư, hoặc ở Tây Phương, đó là “*phi bất phương*” (chẳng phải là không có nơi chốn). “*Bất tức, bất ly*” (chẳng phải là chính cõi này, chẳng lìa cõi này) là “*vô tại*” (chẳng ở nơi đâu), hoặc ở tại Tịnh Cư, hoặc ở tại Tây Phương, là “*vô bất tại*” (chẳng phải là không ở nơi đâu). Không chỉ là chư Phật, Bồ Tát, chánh báo, mà ngay cả y báo đều là như thế, tùy theo tâm [của chúng sanh ưa thích như thế nào] mà ứng hiện phù hợp. Nếu chẳng phải là ứng hiện phù hợp thuận theo tâm, làm sao có thể nói là “tâm chúng ta tịnh, ắt cõi Phật tịnh?” Có thể thấy tâm chúng ta tịnh, cõi nước cũng thanh tịnh. Cõi nước chẳng thanh tịnh, chúng tỏ tâm chúng ta chẳng thanh tịnh.

Trong phần trước, chúng tôi đã từng nói, người tâm thanh tịnh sẽ thấy Phật quang, quang minh của Tây Phương Cực Lạc thế giới chiếu vô lượng vô biên các cõi Phật, khi tâm chúng ta thanh tịnh sẽ thấy Phật quang. Tất cả hết thấy vật chất trong thế giới Tây Phương đều tỏa mùi thơm, hương thơm ấy xông khắp vô lượng vô biên đại thiên thế giới, khi tâm chúng ta thanh tịnh sẽ ngửi thấy mùi thơm. Do vậy, Tây Phương Cực Lạc thế giới hương quang trang nghiêm, đó là thật, chẳng phải giả. Khi tâm chúng ta thanh tịnh, quả thật ngửi thấy có mùi hương lạ, hương thơm ấy quyết định chẳng phải là những loại hương chúng ta đốt trong thế gian, mà cũng chẳng phải là những thứ nước hoa, phấn thơm trong thế gian. Tôi tin tưởng có khá nhiều đồng tu đã từng gặp cảnh giới như vậy. Lúc tâm quý vị thanh tịnh trong một sát-na thì trong sát-na ấy bèn có [dị hương]. Trong khi đang ngửi thấy, bèn cảm thấy là có, khởi lên phân biệt, chấp trước, “ta ngửi thấy mùi hương”, hương thơm bèn chẳng còn nữa, vì sao? Tâm quý vị lại chẳng thanh tịnh, do phân biệt, chấp trước nên nó chẳng thanh tịnh. Trong khi tâm quý vị nhất niệm thanh tịnh, quý vị sẽ thấy quang minh. Do vậy, quả thật là “*vô tại, vô bất tại*”.

Chẳng thể “*khái dĩ Đồng Cư nhi vi định luận*” (chẳng thể nhất loạt dùng Đồng Cư để định luận). Hai kinh ấy (Quán Kinh và kinh A Di Đà) nói xa hay gần, vì sao khác nhau? Đó là nhất loạt lấy cõi Đồng Cư để định luận. Phải hiểu Tây Phương có bốn cõi, nơi này của chúng ta cũng là bốn cõi, nhưng Tịnh Độ của mười phương chư Phật khác với Tây Phương Tịnh Độ. Tây Phương Tịnh Độ có những điểm thù thắng đặc biệt, quyết chẳng

phải là mười phương các cõi Phật có thể sánh bằng. Những điều này đều có [nói cặn kẽ] trong kinh Vô Lượng Thọ; vì thế, quý vị hãy đọc kỹ kinh Vô Lượng Thọ sẽ hiểu rõ. Thế giới Tây Phương là cõi Pháp Tánh được thành tựu bằng đại nguyện của A Di Đà Phật, từ trong Chân Như bản tánh hiển lộ. Các cõi nước của mười phương chư Phật là Tướng Phần của A Lại Da, Tây Phương Cực Lạc thế giới là Tướng Phần của Chân Như bản tánh, khác nhau! Vì thế, chẳng thể luận định nhất loạt như nhau được!

Trên thực tế, đương cơ của Quán Kinh là phu nhân Vy Đề Hy. Đức Phật dùng thần lực triển hiện vô lượng vô biên thế giới cho bà ta chọn lựa. Bà ta cảm thấy thế gian khổ sở, quá khổ, con cái bất hiếu, gây chánh biến, gần như giết cha, hại mẹ, nay chúng ta gọi [chuyện ấy] là “chánh biến” (đảo chánh). Bà ta cảm thấy đời người đau khổ, nên cầu sanh về Tịnh Độ của Phật. Thích Ca Mâu Ni Phật thị hiện Tịnh Độ của mười phương chư Phật trong không trung cho bà ta xem. Sau khi bà ta đã nhìn trọn khắp, tự mình muôn chọn Tây Phương Cực Lạc thế giới, chính bà ta chọn. Vì thế, bà ta thấy Tây Phương Tam Thánh, thấy y báo và chánh báo trang nghiêm trong Tây Phương Cực Lạc thế giới. Chẳng phải là một mình Vy Đề Hy trông thấy, trong cung còn có năm trăm cung nữ, mọi người đồng thời trông thấy. Chuyện ấy chắc chắn chẳng phải là bị hoa mắt!

Tây Phương Cực Lạc thế giới xa ngàn ấy, nhưng đức Phật thị hiện ở ngay trước mắt bà ta, có thể đối diện thưa chuyện cùng A Di Đà Phật, chuyện này chẳng thể nghĩ bàn! Trong kinh Vô Lượng Thọ cũng có tình hình này. Đức Thế Tôn giảng y báo và chánh báo trang nghiêm của Tây Phương Cực Lạc thế giới, hỏi tôn giả A Nan: “Ông có muốn thấy Bình Đẳng Giác Phật hay không?” Bình Đẳng Giác Phật là A Di Đà Phật. Tôn giả A Nan thưa: “Con mong được thấy”. Đức Phật bảo Ngài: “Ông hãy nhất tâm hướng về phương Tây lễ bái, xưng niệm thánh hiệu A Di Đà Phật”. Lúc Ngài đang lễ bái, vừa mới ngẩng đầu lên, A Di Đà Phật, Quán Âm, Thế Chí đã đứng ngay trước mặt, Ngài trông thấy. Tôn giả A Nan trông thấy, toàn thể mọi người trong pháp hội khi ấy đều trông thấy. Kinh nói một vạn hai ngàn người tham gia pháp hội ấy đều trông thấy, chẳng phải là giả! Chẳng phải là vài người thấy, mà là nhiều người như vậy trông thấy, chúng ta còn chẳng tin hay sao? Nếu chuyện này là giả, tức là đức Phật nói dối! Đức Phật dạy chúng ta đừng vọng ngữ, lẽ nào đức Phật lại nói dối? Chẳng thể nào có chuyện ấy, mà quả thật là đã trông thấy!

Lúc Viễn Công đại sư của Trung Quốc lập liên xã đầu tiên tại Lô Sơn, trước khi ông Lưu Di Dân vãng sanh, Tổ ba lần thấy A Di Đà Phật. Viễn Công thượng nhân ba lần thấy Tây Phương Cực Lạc thế giới, những

điều Ngài thấy hoàn toàn giống như kinh đã nói. Đây cũng chẳng phải là chuyện gạt người. Họ cùng nhau tu hành, đương nhiên có người vãng sanh trước, có người vãng sanh sau. Lưu Di Dân vãng sanh sớm, khi Viễn Công đại sư vãng sanh, Lưu Di Dân theo A Di Đà Phật đến tiếp dẫn. Khi tiếp dẫn, còn bảo Viễn Công đại sư: “Ngài đờ xướng niệm Phật, chúng tôi theo Ngài niệm Phật, tôi vãng sanh Tây Phương Tịnh Độ trước, sao Ngài đến muộn như thế?” “Muộn” bất quá là muộn vài năm mà thôi, chẳng thể coi là quá muộn! Quyết định chẳng thể muộn bao nhiêu đời, muộn bao nhiêu kiếp! Do vậy, quyết định phải thành tựu trong một đời!

Nếu muốn thành tựu trong một đời, trong tâm quyết định chớ nên có hoài nghi, hoài nghi sẽ phiền lắm. Nếu có nghi, nhất định phải tháo gỡ mỗi nghi ấy, phải hiểu rõ ràng. Nếu trong tâm còn giữ nghi vấn ấy, kinh Vô Lượng Thọ đã nói rất rõ ràng, trong tương lai quý vị vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới sẽ sanh trong nghi thành, biên địa, phải ở nơi ấy năm trăm năm mới có thể nhập phẩm vị, phải bỏ lỡ năm trăm năm! Vì vậy, quyết định chớ nên hoài nghi. Ở đây, đại sư chỗ nào cũng giải thích cặn kẽ cho chúng ta, đều nhằm mục đích dạy chúng ta hãy đoạn nghi sanh tín.

(Sớ) Xưng lý, tức tự tánh kiên cố thanh tịnh, thị Tây Phương nghĩa. Tự tánh ly chướng tuyệt phi, thị “quá thập vạn” nghĩa. Tự tánh hoành cai thụ triệt, thị “thế giới” nghĩa.

(疏) 稱理，則自性堅固清淨，是西方義。自性離障絕非，是過十萬義。自性橫該豎徹，是世界義。

(Sớ: Xưng lý, tự tánh kiên cố thanh tịnh là ý nghĩa của Tây Phương. Tự tánh ly chướng tuyệt phi là ý nghĩa “qua khỏi mười vạn”. Tự tánh theo chiều ngang trọn khắp, theo chiều dọc thấu triệt là ý nghĩa “thế giới”).

Đem đoạn kinh văn trên đây hoàn toàn tiêu quy tự tánh, tiêu quy tự tánh sẽ đạt được thụ dụng chân thật.

(Sao) Kiên cố giả, Tây thuộc kim thể, hữu kiên cố nghĩa.

(鈔) 堅固者，西屬金體，有堅固義。

(Sao: “Kiên cố”: Phương Tây thuộc về Kim thể, có ý nghĩa kiên cố).

Đây là nói tới Ngũ Hành, người Trung Quốc nói Ngũ Hành, mà cổ nhân Ấn Độ cũng nói. Dem Ngũ Hành phối hợp với phương vị, phương

Tây là Canh Tân Kim¹¹. Bản thể của Kim là kiên cố, vàng là một trong bảy thứ báu, dùng nó làm tỷ dụ, mang ý nghĩa kiên cố. Chữ Thủ Lăng Nghiêm (Śūrangama) trong kinh Lăng Nghiêm có nghĩa là kiên cố.

(Sao) Tức tự tánh chân thường bất dịch, vạn cổ như như cố.

(鈔) 即自性真常不易，萬古如如故。

(Sao: Tức là tự tánh chân thường, chẳng thay đổi, muôn đời như như).

“Kiên cố” là nói tới Chân Như bản tánh của chúng ta. Bản tánh vĩnh viễn chẳng thay đổi, có thể tùy duyên, làm Phật cũng thế, mà làm Bồ Tát cũng thế, biến thành súc sanh, biến thành ngựa quý, đọa địa ngục, tướng biến đổi, nhưng tánh chẳng thay đổi. Vì tánh chẳng thay đổi, nên trong kinh Hoa Nghiêm và Viên Giác, đức Phật mới bảo chúng ta: “*Hết thấy chúng sanh vốn đã thành Phật*”, vốn đã thành Phật là nói theo chỗ nào? Nói theo Chân Như bản tánh của quý vị, nhà Thiên bảo là “*minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật*”. Bản tánh của quý vị chưa từng biến đổi, biến là thức, thức đang biến. Tánh của quý vị chẳng biến, cho nên là thật; bị biến là giả, chẳng biến đổi là thật. Phật và chúng sanh sai biệt ở chỗ nào? Nếu quý vị biết dùng Chân, quý vị sẽ được gọi là Phật. Quý vị dùng Giả sẽ được gọi là chúng sanh, sai biệt ở chỗ này!

Trong kinh Lăng Nghiêm, tông chỉ của kinh nhằm nêu rõ điều này, dạy chúng ta “*bỏ Thức dùng Căn*”, căn tánh của sáu căn là thật (Chân). Chư Phật và các vị đại Bồ Tát dùng Chân, hàng đại Bồ Tát nào vậy? Từ Bát Địa trở lên, tức Bất Động Địa! Các vị Bồ Tát từ Bát Địa trở lên và Như Lai dùng Căn, chẳng dùng Thức. Phạm phu dùng Nhãn Thức để thấy, cái được thấy bằng Nhãn Thức là Sắc Trần. Mắt của Phật và các vị đại Bồ Tát cũng thấy, nhưng chẳng dùng Nhãn Thức, mà dùng tánh Thấy, tánh

¹¹ Có thể nói hầu như bất cứ khái niệm triết học hay vật chất nào (bốn phương, ngũ tạng, bốn mùa...) cũng đều được người Hoa gán ghép với Ngũ Hành Âm Dương. Thiên Can (Giáp, Ất, Bính, Đinh, Mậu, Kỷ, Canh, Tân, Nhâm, Quý) được phối hợp với Ngũ Hành như sau: Giáp Ất thuộc Mộc, Bính Đinh thuộc Hỏa, Mậu Kỷ thuộc Thổ, Canh Tân thuộc Kim, Nhâm Quý thuộc Thủy. Địa Chi cũng được ghép với Ngũ Hành như Tý Hợi thuộc Thủy, Dần Mão thuộc Mộc, Tỵ Ngọ thuộc Hỏa, Thân Dậu thuộc Kim, Thìn Tuất Sửu Mùi thuộc Thổ. Về bốn phương thì phương Nam thuộc Hỏa, phương Bắc thuộc Thủy, phương Đông thuộc Mộc, phương Tây thuộc Kim, chính giữa thuộc Thổ. Do vậy, ở đây hòa thượng đã nói kết hợp tất cả những cách phân định Ngũ Hành bằng câu “*phương Tây là Canh Tân Kim*”.

Thấy thấy Sắc tánh bên ngoài, minh tâm kiến tánh. Căn tánh và Sắc tánh là một tánh, chẳng phải là hai tánh. Nay chúng ta dùng tai để nghe, tức là chúng ta sử dụng Nhĩ Thức, Nhĩ Thức nghe Thanh Trần; người ta dùng tánh Nghe sẽ nghe Thanh Tánh, đây là chỗ khác biệt!

Phật, các vị đại Bồ Tát, và chúng sanh, rốt cuộc khác biệt ở chỗ nào? Sai biệt ở ngay chỗ này. Chúng ta cũng rất muốn học, nhưng học chẳng tới. Thật ra, không phải là học chẳng tới, mà do tật cũ chẳng sửa được, mấu chốt ở chỗ này. Vì thế, phải biết Căn và Thức rốt cuộc khác biệt ở chỗ nào? Nếu quý vị hiểu rõ điều này, sẽ không phải là học chẳng tới! “*Thức*” là phân biệt, là chấp trước, là vọng tưởng. Nếu sáu căn của chúng ta tiếp xúc sáu trần chẳng có phân biệt thì sáu căn của quý vị đã sử dụng Diệu Quán Sát Trí, chuyên thức thứ sáu tức Ý Thức thành Diệu Quán Sát Trí. Nếu chẳng chấp trước hết thấy các pháp, quý vị chuyển Mạt Na thành Bình Đẳng Tánh Trí, công phu ở chỗ này. Đúng như trong phẩm [N hư Lai] Xuất Hiện của kinh Hoa Nghiêm, đức Như Lai đã nói: “*Hết thấy chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của Như Lai, nhưng do vọng tưởng, chấp trước, nên chẳng thể chứng đắc*”, nói toạc ra căn bệnh của cửu giới hữu tình chúng sanh kể cả hàng Bồ Tát là vọng tưởng, chấp trước. Nếu chúng ta có thể phá sạch hết thấy vọng tưởng, chấp trước, khôi phục tự tánh kiên cố, sự thanh tịnh bèn được khôi phục. Hiện thời, chúng ta gặp khó khăn ở chỗ nào? Ở chỗ sáu căn tiếp xúc sáu trần, chẳng thể bỏ phân biệt, chẳng thể bỏ chấp trước! Chúng ta cứ nhất định phải phân biệt, chấp trước, suốt ngày từ sáng đến tối dấy lên vọng tưởng, chẳng có cách nào hết. Do vậy, Phật và chúng ta sai biệt ở ngay chỗ này!

Sau khi hiểu rõ, chúng ta phải học gì? Chúng ta rất muốn học chẳng phân biệt, chẳng chấp trước, chẳng khởi vọng tưởng đối với hết thấy các pháp, nhưng chúng ta chẳng làm được. Pháp môn này tốt đẹp, thù thắng, tốt đẹp ở chỗ nào? Khi sáu căn của chúng ta tiếp xúc cảnh giới sáu trần, vừa mới khởi tâm động niệm, chúng ta biết chính mình đang khởi tâm động niệm, đó là Giác. Cổ nhân bảo: “*Chẳng sợ niệm khởi, chỉ sợ giác chậm*”, chúng ta dấy lên phân biệt, chấp trước, vọng tưởng, đừng sợ! Vì sao chẳng sợ? Tập khí từ vô thủy kiếp tới nay, chúng ta biết tập khí lại khởi lên. Sợ gì? Sợ niệm chậm, sợ giác chậm trễ! Giác là gì? A Di Đà Phật là giác. Pháp môn này hay, tuyệt diệu! Chuyển biến tất cả hết thấy phân biệt, chấp trước, vọng tưởng thành A Di Đà Phật. Do vậy, bất luận ý niệm của quý vị là thiện là ác, là tịnh hay nhiễm, nhất loạt chẳng quan tâm tới, chớ nên nghĩ tới chuyện ấy. Niệm dấy lên, ta biết, ngay lập tức niệm thứ hai là A Di Đà Phật, trọn chẳng để cho niệm ấy tiếp nối! Nói cách khác, người

ấy chỉ có niệm thứ nhất, chẳng có niệm thứ hai, ý niệm chẳng tiếp nối, niệm thứ hai chuyển thành A Di Đà Phật. So với bất cứ tông phái nào, sánh với bất cứ pháp môn nào, [pháp môn Niệm Phật] luôn đơn giản, dễ dàng, ôn hòa, thích đáng, hữu hiệu. Đây là chỗ thù thắng của pháp môn Niệm Phật.

Vì thế, đối với niệm Phật, cổ đức đã nói chẳng chú trọng phải niệm bao nhiêu. Nếu nói nhất định phải niệm cho nhiều, các vị tổ sư đại đức thuở trước đã cười người niệm Phật “*hãm phá hầu lung dã uổng nhiên*” (gào toạc cổ họng vãn uổng công), lời này là thật, chẳng giả. Phải chú trọng đặc lực. Niệm Phật phải niệm cho đặc lực, đặc lực là gì? Có thể niệm đến mức phân biệt, chấp trước, vọng tưởng chẳng sanh, đó là “công phu đặc lực”. Vì thế, khóa tụng sáng tối, buổi sáng nhằm nhắc nhở quý vị, buổi tối là phản tỉnh, đó là “thực hiện công phu”. Trên thực tế, công phu ở chỗ nào? Ứng dụng trong cuộc sống hằng ngày. Nếu công phu chẳng thể ứng dụng trong cuộc sống hằng ngày, chẳng thể ứng dụng nơi sáu căn tiếp xúc sáu trần, công phu ấy chẳng đặc lực, tu hành như vậy chẳng thể thành tựu, chúng ta nhất định phải ghi nhớ điều này.

Bản thân chúng ta mong thành tựu, chớ nên bận tâm đến người khác, vì sao? Bất cứ người nào, cũng đều chẳng giúp ta được. Kinh thường dạy: “*Phụ tử thượng sơn, các tự nỗ lực*” (cha con lên núi, mỗi người phải tự gắng sức). Ai cũng chẳng thể giúp đỡ hoặc lo liệu cho ai khác được! Thật đấy, chẳng giả tí nào! Ất phải làm sao cho câu Phật hiệu này chế ngự phiền não của chúng ta, phiền não trọn chưa đoạn, nhưng phải chế phục nó! Ý niệm vừa mới dậy lên, bèn “A Di Đà Phật, A Di Đà Phật”, niệm ấy chẳng còn nữa, chế phục phiền não đấy! Thật sự có thể chế phục phiền não, đó là “công phu thành phiền”, đối nghiệp vãng sanh, sanh vào cõi Phạm Thánh Đồng Cư.

Công phu chế phục phiền não cũng có cạn hay sâu khác nhau; do vậy, trong công phu thành phiền cũng có ba bậc, chín phẩm. Phiền não hoàn toàn chưa đoạn, tùy thuộc sức chế phục phiền não của người ấy lớn hay nhỏ; trong công phu thành phiền, người công phu thượng đẳng, thừa quý vị, vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới không chỉ biết trước lúc mất, mà còn sanh tử tự tại, mong đi lúc nào bèn đi lúc ấy, muốn ở thêm mấy năm nữa cũng chẳng trở ngại. Đã liễu sanh tử, đã vượt thoát tam giới. Nếu nói nhất tâm bất loạn mới đạt đến trình độ ấy thì rất khó, mấy ai có thể niệm đến mức nhất tâm bất loạn trong một đời? Quá khó! Sự nhất tâm bất loạn thì phải đoạn Kiến Tư phiền não, công phu ấy chẳng khác A La Hán và Bích Chi Phật của Tiểu Thừa. Lý nhất tâm bất loạn là Sơ Trụ Bồ

Tát trong Viên Giáo của Đại Thừa hoặc Sơ Địa Bồ Tát trong Biệt Giáo, quả thật bọn tầm thường chúng ta chẳng thể tu thành tựu trong một đời!

Phẩm vị cao hay thấp, quý vị cũng đừng bận tâm. Nếu thường canh cánh nghĩ đến chuyện này, đó là “xen tạp, dấy vọng tưởng”. Nghĩ tới chuyện ấy để làm gì? Thật ra Tây Phương Cực Lạc thế giới là pháp giới bình đẳng, chúng ta từ nơi đây vãng sanh là “hoành siêu tam giới”, sanh sang Tây Phương Cực Lạc thế giới là “hoành sanh tứ độ”, đặc biệt lắm! Trong các thế giới của mười phương chư Phật chẳng có điều này, hoành sanh tứ độ! Trong quá khứ, lão pháp sư Đàm Hư đã nói rất hay: “*Dẫu là hạ hạ phẩm vãng sanh, sanh đến Tây Phương Cực Lạc thế giới cũng viên chứng ba thứ Bất Thoái*”. Sanh đến nơi ấy, suốt ngày từ sáng đến tối tụ hội cùng Quán Thế Âm Bồ Tát, Đại Thế Chí Bồ Tát, Văn Thù, Phổ Hiền, mỗi ngày đều cùng tụ hội. Nào ngờ hạ hạ phẩm vãng sanh trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư lại được quả báo thượng thượng! Trong hết thảy các thế giới của chư Phật chẳng có điều này! Do vậy, chư Phật không vị nào chẳng tán thán Tây Phương Tịnh Độ, chẳng có một vị Phật không khuyên chúng sanh vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới.

Do vậy, pháp môn này dễ hành nhưng khó tin, đích xác là khó tin, nghiên cứu kinh giáo càng nhiều càng chẳng tin tưởng, pháp khó tin mà! Cảnh giới của Ngài (A Di Đà Phật) hết sức chẳng thể nghĩ bàn. Do vậy, chúng ta là người tu học pháp môn này, tâm chúng ta phải giống như A Di Đà Phật, nguyện cũng giống như A Di Đà Phật, chúng ta hiểu, lý giải các pháp thế gian và xuất thế gian cũng phải giống như A Di Đà Phật. Chúng ta hành càng phải giống như A Di Đà Phật. Có thể làm như vậy, tâm đồng Phật, nguyện đồng Phật, giải đồng Phật, hành đồng Phật, không ai chẳng vãng sanh. Như vậy thì chúng ta chẳng luống uổng đời này, sẽ thực hiện ổn thỏa, thích đáng, chính mình hiểu rõ ràng, rành rẽ, có chốn quê nhà tốt lành để quay về.

Lý luận, phương pháp, và cảnh giới tu hành đều ở trong ba kinh hay năm kinh. Nhất định phải thường đọc, nghiên cứu thâm nhập ba kinh và năm kinh, hòng phá trừ hết thảy nghi lự, kiến lập tín tâm thanh tịnh. Hôm nay chúng tôi giảng đến đây!

Tập 126

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang hai trăm bảy mươi bốn:

(Sao) Kiên cố giả, Tây thuộc Kim thể, hữu kiên cố nghĩa.

(鈔) 堅固者，西屬金體，有堅固義。

(Sao: “Kiên cố”: Phương Tây thuộc về Kim thể, có ý nghĩa kiên cố).

Thời cô, Trung Quốc lần Ấn Độ đều nói tới Ngũ Hành, Ngũ Hành là Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ. Phối hợp với phương vị, phương Tây thuộc Kim, Kim có ý nghĩa kiên cố. Phối hợp với bốn mùa thì Kim ứng với mùa Thu, như thường nói “Xuân sanh, Hạ trưởng, Thu thâu, Đông tàng”. Mùa Thu là mùa thu hoạch nên khí trời khiến cỏ cây tàn rụng¹².

(Sao) Túc tự tánh chân thường bất dịch.

(鈔) 即自性真常不易。

(Sao: Túc là tự tánh chân thường, chẳng thay đổi).

Đây là ý nghĩa kiên cố.

(Sao) Vạn cổ như như cố. Thanh tịnh giả, phục hữu nhị nghĩa: Tây đương túc khí, hữu trừng thanh nghĩa.

(鈔) 萬古如如故。清淨者，復有二義：西當肅氣，有澄清義。

(Sao: Muôn đời như như. Thanh tịnh lại có hai nghĩa: Phương Tây có khí phạt nghiêm ngặt¹³, và có ý nghĩa trong lặng).

¹² Nguyên văn “Thu hữu túc sát chi khí”, Túc Sát (肅殺) là từ ngữ mô tả khí hậu lạnh, se sắt của mùa Thu khi sắp chuyển sang tiết Đông khiến cây cối tàn úa rồi rơi rụng.

¹³ Câu “Tây đương túc khí” nhằm diễn tả ý nghĩa “Tây đương túc sát chi khí” như đã nói trong phần trên. Do xét theo Ngũ Hành, mùa Thu ứng với phương Tây, thuộc về hành Kim. Gió Thu lạnh khiến lá cây đổi sắc, tàn rơi, giống như bị tàn sát nên gọi là “túc sát”, mang ý nghĩa diệt trừ, cắt chặt những phiền não.

Mùa Thu là lúc thu hoạch, gặt hái, thấy đều thu hoạch sạch cả rồi, dùng ý nghĩa ấy để tỷ dụ sự trong lặng.

(Sao) Túc tự tánh chư vọng bản không, thể lộ kim phong cố.

(鈔) 即自性諸妄本空，體露金風故。

(Sao: Túc là tự tánh vốn không có các vọng, bản thể được biểu lộ bằng gió Tây).

Chữ Túc Sát (肅殺) có ý nghĩa giống như Sát Tặc của A La Hán, tức là đoạn phiền não. Tất cả tập khí phiền não, vô minh đều đoạn sạch rồi, do vậy, mùa Thu có khí Túc Sát. “*Thể lộ Kim phong*”: Đây là một công án của thiền sư Vân Môn. Có một vị xuất gia thỉnh giáo Tổ, đại khái cũng nhằm tiết Thu, vị ấy nêu câu hỏi: “Trời Thu lá cây đều rụng, khi lá rụng hết sẽ như thế nào?” Tổ sư Vân Môn trả lời: “*Thể lộ Kim phong*”, cái có thể bị rơi rụng ví như phiền não, tập khí thấy đều hết sạch, khi [tập khí phiền não] hết sạch sẽ thành Phật! Mang ý nghĩa như thế!

(Sao) Tây đương bạch sắc, hữu khiết tịnh nghĩa.

(鈔) 西當白色，有潔淨義。

(Sao: Phương Tây màu trắng, mang ý nghĩa khiết tịnh).

Năm màu là đỏ, vàng, xanh, trắng, đen, phương Tây màu trắng, phương Bắc màu đen, trung ương màu vàng¹⁴. Màu trắng có ý nghĩa khiết tịnh.

(Sao) Túc tự tánh chư nhiễm bất sanh, bản lai nhất sắc cố. Ly chướng tuyệt phi giả, tự tánh bản vô phiền não, như Thập Khổ, Thập Ác, Thập Triền, Thập Sử đặng, tịnh siêu việt chi, hữu viễn quá nghĩa.

(鈔) 即自性諸染不生，本來一色故。離障絕非者，自性本無煩惱，如十苦十惡，十纏十使等，並超越之，有遠過義。

¹⁴ Đây là các màu sắc của Ngũ Hành, nói phương Tây màu trắng vì phương Tây thuộc Kim, Kim được quy định là có màu trắng trong Ngũ Hành. Nói chi tiết thì phương Nam thuộc Hỏa màu đỏ, phương Đông thuộc Mộc màu xanh, phương Tây thuộc Kim màu trắng, phương Bắc thuộc Thủy màu đen, trung ương thuộc Thổ màu vàng.

(*Sao*: Tức là tự tánh chẳng sanh các nhiễm, vì vốn là một sắc. “Ly chướng, tuyệt phi”): Tự tánh vốn chẳng có phiền não, như Thập Khổ, Thập Ác, Thập Triền, Thập Sử v.v... đều vượt thoát, nên có ý nghĩa “xa lìa lầm lỗi”).

“Quá” là lầm lỗi, “viễn” xa lìa, [“viễn quá”] có ý nghĩa xa lìa hết thấy lỗi lầm. Thập Khổ, Thập Ác, Thập Triền, Thập Sử đều là các danh từ Pháp Tướng, trong Phật Học Từ Điển và sách Giáo Thừa Pháp Số¹⁵ đều có [giải thích cặn kẽ], nên ở đây tôi chỉ nói đơn giản. Mười thứ khổ ấy, ai nấy đều có, chúng ta thường nói tám khổ, ở đây dùng “mười” để biểu thị sự viên mãn, nhằm tượng trưng cho tất cả hết thấy các nỗi khổ, chúng được quy nạp thành mười loại lớn. Trong ấy có sanh, lão, bệnh, tử, bốn nỗi khổ ấy ai nấy đều chẳng tránh được! Trừ bốn thứ ấy ra, còn có sầu, oán, ưu (lo nghĩ), khổ thọ (chịu đựng đau khổ), thống não (đau đớn, áo não), sanh tử lưu chuyển (tức là nỗi khổ luân hồi). Đó là Thập Khổ. Thập Ác là thân giết, trộm, dâm; miệng nói dối, nói đôi chiều, ác khẩu, nói thêu dệt; ý tham, sân, si. Đó là mười ác nghiệp.

Thập Triền: Triền (纏) là quấn trói, cũng mang ý nghĩa phiền não, tức là nó có thể trói buộc con người, giống như sợi thừng trói chặt quý vị, chẳng được tự tại. Thập Triền là:

- Sân Khuê, tức lòng sân hận rất nặng.
 - Phú: Ẩn giấu tội lỗi của chính mình.
 - Thùy và Miên, ngủ nghệ quá nhiều, thường ngủ gà, ngủ gật.
 - Hý: Đùa bỡn.
 - Trạo Cử (Điệu Cử): Trong tâm bất ổn, chẳng định được. Đây quả thật là chuyện rất khổ sở, chướng ngại tu hành.
 - Xan Lận (keo kiệt): Tuy kẻ ấy chẳng có tâm tham, nhưng đối với những gì mà chính mình có sẽ chẳng nỡ đem cho người khác.
 - Tật Đố (ghen ghét).
 - Vô Tàm (chẳng thẹn thùng).
 - Vô Quý (chẳng xấu hổ).
- Hợp những điều này lại thành Thập Triền.

¹⁵ Giáo Thừa Pháp Số là một loại tiêu từ điển giải thích các danh từ thuộc về Pháp Tướng trong Phật giáo. Tác phẩm này gồm bốn mươi quyển do ngài Viên Tịnh biên soạn vào đời Minh. Ngài Viên Tịnh pháp tự Tâm Nguyên, thân thể chẳng rõ, chỉ biết thuở đầu Ngài học Giáo Quán với ngài Vũ Ông thuộc tông Thiên Thai. Ngài cũng từng đảm nhiệm chức Tăng Lục Ty Hữu Thiện Thế thời Minh Tuyên Tông (1426-1435). Trong tác phẩm này, Ngài dùng giáo nghĩa tông Thiên Thai để giải thích pháp số.

Thập Sử là Kiến Tư phiên nào, gồm năm Lợi Sử và năm Độn Sử. Năm Lợi Sử là Thân Kiến, Biên Kiến, Kiến Thủ Kiến, Giới Thủ Kiến, và Tà Kiến, năm thứ kiến giải sai lầm ấy. Năm Độn Sử là tham, sân, si, mạn, nghi. Nghi là hoài nghi thánh giáo, như vậy thì đáng tiếc lắm! Quý vị hoài nghi Phật pháp, chắc chắn chẳng chịu tu học. Quý vị hoài nghi pháp môn Niệm Phật vãng sanh này, chắc chắn chẳng chịu niệm Phật, chẳng có phần đối với cơ hội vãng sanh thành Phật trong một đời này, quả thật hết sức đáng tiếc. Những thứ ấy đều là làm lỗi, có những thứ là làm lỗi nơi nhân, có những thứ thuộc lầm lẫn nơi quả. Trong tự tánh chẳng có những thứ ấy!

(Sao) Thị tri kiên tịnh vi Tây, phương tận Tây hĩ.

(鈔) 是知堅淨為西，方盡西矣。

(Sao: Nên biết “cứng chắc, trong sạch” là Tây thì mới là trọn hết ý nghĩa của chữ Tây vậy).

Do vậy có thể biết, ở đây nói tới phương Tây mang ý nghĩa biểu thị pháp, chẳng phải là nói tới phương vị. “*Tây Phương*” bao hàm nhiều ý nghĩa như vậy. Giống như trong kinh Hoa Nghiêm, Thiện Tài đồng tử tham học, mỗi vị thiện tri thức đều chỉ dạy Thiện Tài: “Ngươi hãy đi về phương Nam, tới chỗ X... ở phía Nam để tham phỏng thiện tri thức”. Chẳng lẽ các vị thiện tri thức ấy đều ở phương Nam hết? Trọn chẳng có ai trụ ở phương Đông, phương Tây, phương Bắc ư? Vì thế, chúng ta biết Nam là biểu thị pháp, chẳng phải là phương vị. Phương Tây thuộc Kim, phương Nam thuộc Hỏa, Hỏa tượng trưng quang minh. Vì thế, phương Nam là gì? Phương hướng quang minh! Nơi thiện tri thức trụ là nơi phóng đại quang minh, cho nên chẳng phải là phương Nam thật sự! Hễ thiện tri thức trụ nơi nào, nơi ấy đều gọi là “phương Nam”, có ý nghĩa như vậy. Ở đây, cũng dùng ý nghĩa như thế. “*Kiên cố, thanh tịnh*” là Tây, phương nào cũng đều là phương Tây, vì phương nào cũng đều có Phật trụ. Chỗ Phật trụ bèn gọi là Tây Phương, sử dụng ý nghĩa “*kiên cố, thanh tịnh*”.

(Sao) Khởi tất chuyên tiêu nhật lạc, huýnh tuyệt vi “quá”, vô phát quá hĩ! Thùy năng cánh kế đồ trình, hoành cẳng thập phương, thụ cùng tam tế, phi cận, phi viễn, tuyệt trung, tuyệt biên. Tắc tùng thị quá bất khả thuyết bất khả thuyết vi trần Phật độ, vô thể giới bất danh Cực Lạc, hà dẫn hữu thể giới danh vi Cực Lạc dã.

(鈔) 豈必專標日落，迴絕為過，無弗過矣。誰能更計途程，橫互十方，豎窮三際，非近非遠，絕中絕邊。則從是過不可說不可說微塵佛土，無世界不名極樂，何但有世界名為極樂也。

(Sao: Há có phải chỉ riêng nói về chốn xa xôi vời vợi phía mặt trời lặn mới là “vượt qua”. Ai có thể tính toán hành trình? Theo chiều ngang trải khắp mười phương, theo chiều dọc tột cùng ba đời, chẳng gần, chẳng xa, chẳng phải chính giữa, chẳng phải bên cạnh. Vì thế, vượt qua bất khả thuyết bất khả thuyết vi trần cõi Phật, chẳng có thế giới nào không gọi là Cực Lạc, há phải chỉ có một thế giới tên là Cực Lạc mà thôi?)

Mấy câu này nhằm giải thích “tự tánh hoành cai thụ triệt” (tự tánh theo chiều ngang trọn khắp, theo chiều dọc cùng tột) chính là ý nghĩa của thế giới Cực Lạc, giải thích rất rõ ràng, vì trong ấy nói đến “tự tánh Di Đà, duy tâm Tịnh Độ”. Nếu nói đến tự tánh Di Đà, duy tâm Tịnh Độ, sẽ là “hoành căng mười phương, thụ cùng tam tế” (theo chiều ngang trải khắp mười phương, theo chiều dọc cùng tột ba đời), có nơi nào chẳng phải là tự tánh Di Đà? Có nơi nào chẳng phải là duy tâm Tịnh Độ? Đích xác là không có nơi nào chẳng phải là như vậy, thấy đều do tự tánh biến hiện. “Duy tâm sở hiện, duy thức sở biến”, toàn là do tự tánh biến, nói lên ý nghĩa như vậy đó.

Trong kinh, đức Phật nói “mười vạn ức cõi Phật”, đó là nói theo Sự. Về mặt Sự, quả thật có đức Phật ấy tồn tại. Từ vô lượng kiếp trước, chúng ta đọc được lịch sử của thế giới Cực Lạc từ kinh Vô Lượng Thọ, Thế Nhiêu Vương nghe Thế Gian Tự Tại Vương Phật thuyết pháp, cảm động sâu xa, chẳng cần đến ngôi vua nữa, xuất gia tu đạo, đó là tỳ-kheo Pháp Tạng. Khi ấy, tỳ-kheo đối trước Phật phát thệ nguyện rất lớn, lại dùng thời gian năm kiếp để tu hành, kiến lập một cõi Phật chuyên tiếp dẫn hết thấy chúng sanh niệm Phật trong mười phương đến đó tu hành chúng quả. Thế giới ấy gọi là thế giới Cực Lạc, cõi ấy xác thực là có. Nhưng nói theo tự tánh, nói thật ra, chẳng có xa hay gần, nên chẳng có chính giữa hay bên cạnh. Hiểu rõ Lý, chúng ta sẽ chẳng hoài nghi, chúng ta phải tin tưởng Sự. Hiểu rõ Lý, đương nhiên sẽ tin tưởng Sự, chúng ta sẽ tin tưởng được.

Nhị, tiêu chủ hiển chánh.

(Kinh) Kỳ độ hữu Phật, hiệu A Di Đà, kim hiện tại thuyết pháp.

二、標主顯正。

(經) 其土有佛。號阿彌陀。今現在說法。

(Hai, nêu Chủ để hiển chánh báo.

Kinh: Cõi ấy có Phật, hiệu là A Di Đà, nay đang thuyết pháp).

Ở đây chúng ta phải chú ý, trong kinh văn ở phần trước, đức Phật đã nói: “*Tùng thị Tây phương quá thập vạn ức Phật độ, hữu thế giới danh viết Cực Lạc*” (từ phương Tây của cõi này qua khỏi mười vạn ức cõi Phật, có thế giới tên là Cực Lạc). Chữ Hữu đó là “có thế giới”. “*Kỳ độ hữu Phật*”, thật sự có, chẳng phải là giả có. Trước hết, nói ra thế giới, trong thế giới ấy có một vị Phật, vị Phật ấy là hiện tại Phật. “*Hữu Phật*”, đức hiệu của Ngài là A Di Đà. “*Kim hiện tại thuyết pháp*”, đức Phật nay đang thuyết pháp trong thế giới Cực Lạc, hiển thị rõ ràng cho chúng ta thấy, vị Phật ấy chẳng phải là quá khứ Phật, chẳng phải là vị lai Phật, mà là hiện tại Phật.

(Sớ) Kỳ giả, thừa thượng.

(疏) 其者，承上。

(Sớ: Chữ “kỳ” nhằm tiếp nối phần trước).

“*Thượng*” là một câu kinh văn trong phần trước.

(Sớ) Độ tất hữu nhân.

(疏) 土必有人。

(Sớ: Cõi nước ắt có người).

Trong phần trước nói “*hữu thế giới danh viết Cực Lạc*”, đã có cõi nước, đương nhiên phải có người.

(Sớ) Chỉ năng y chi nhân viết Phật, Phật tất hữu hiệu, xuất bản Phật chi hiệu viết A Di Đà. Tam thế giai hữu Phật, giản quá vị chi Phật, viết hiện tại Phật.

(疏) 指能依之人曰佛，佛必有號，出本佛之號曰阿彌陀。三世皆有佛，揀過未之佛曰現在佛。

(Sớ: Chỉ người năng y là Phật, Phật ắt có hiệu, nêu ra đức hiệu của vị Phật trong cõi ấy là A Di Đà. Ba đời đều có Phật, nhằm phân biệt với các vị Phật quá khứ và vị lai nên nói là “hiện tại Phật”).

Đây là vì sao đức Phật đã nói “kim” lại còn nói “hiện tại”. “Kim” và “hiện tại” chẳng phải là cùng một ý nghĩa hay sao? Nếu là cùng một ý nghĩa, dùng cả hai chữ ấy thì văn chương có chỗ vụng về, có thể sửa đổi bằng cách lược bớt. Vì sao Ngài chẳng nói “kỳ độ hữu Phật hiệu A Di Đà, hiện tại thuyết pháp”? Vì sao đã dùng “kim” lại còn “hiện tại” thuyết pháp? Lời chú giải cho chúng ta biết: “Hiện tại” là nói tới vị Phật hiện tại, chẳng phải là quá khứ Phật, mà cũng chẳng phải là vị lai Phật. Hiện tại Phật nay đang thuyết pháp ở nơi ấy, đang giảng kinh, thuyết pháp bên Tây Phương Cực Lạc thế giới. Điều này hết sức thu hút, nếu chúng ta muốn gần gũi Phật, Thích Ca Mâu Ni Phật đã khuất bóng, Di Lặc Phật còn chưa hạ sanh, chúng ta đến đâu tìm Phật để thân cận? Tìm chẳng ra! Thích Ca Mâu Ni Phật giới thiệu cho chúng ta một vị Phật hiện tại đang ngự trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, Ngài hết sức hoan nghênh chúng ta đến thân cận Ngài. Đây là cơ hội hy hữu khó có.

(Sớ) Phật giai độ sanh, chỉ độ sanh chi quỹ viết thuyết pháp. Hiện tại thuyết pháp, như Đại Bản cập Đại Vân trung thuyết.

(疏) 佛皆度生，指度生之軌曰說法。現在說法，如大本及大雲中說。

(Sao: Mỗi vị Phật đều độ sanh, khuôn phép độ sanh được gọi là “thuyết pháp”, “hiện tại thuyết pháp” là như trong kinh Đại Bản và Đại Vân đã nói).

Trước hết, Tổ dẫn kinh Đại Bản, Đại Bản là kinh Vô Lượng Thọ; tiếp đó, dẫn những điều được nói trong kinh Đại Vân.

(Sao) Đại Bản vân: “Bỉ Phật phi quá khứ, phi hiện tại, phi vị lai, dẫn dĩ thù kỳ chí nguyện, hiện tại Tây Phương, kỳ thế giới danh viết Cực Lạc, Phật hiệu A Di Đà”.

(鈔)大本云：彼佛非過去，非現在，非未來，但以酬其志願，現在西方，其世界名曰極樂，佛號阿彌陀。

(Sao: Kinh Đại Bản chép: “Đức Phật ấy chẳng phải là quá khứ, chẳng phải là hiện tại, chẳng phải là vị lai, chỉ vì đền đáp chí nguyện, mà

hiện thời ở bên Tây Phương, thế giới ấy tên là Cực Lạc, Phật hiệu là A Di Đà”).

Đoạn này trích từ kinh Vô Lượng Thọ. Chẳng phải là quá khứ, chẳng phải là hiện tại, chẳng phải là tương lai, nói thật thà với chúng ta, A Di Đà Phật vô thị, vô chung (không có khởi đầu, chẳng có kết thúc). Nói là hiện tại hay vị lai thì mới có thị, có chung, thọ mạng có hạn lượng! Lão nhân gia là vô lượng thọ, ở đây, chúng ta phải chú tâm thấu hiểu, Phật là vô thị, vô chung, Phật thọ vô lượng. Chúng ta vãng sanh đến chỗ Ngài, thọ mạng của chúng ta cũng là vô thị, vô chung, cũng là thọ mạng vô lượng. Đích xác là trong các thế giới của mười phương chư Phật chẳng tìm được điều này, chỉ riêng Tây Phương Cực Lạc thế giới mới có. Cho nên Đại Kinh lại tán thán tỷ-kheo Pháp Tạng thù thắng, siêu việt, lạ lùng bậc nhất, luôn dùng những danh từ ấy để tán thán. “Đản dĩ thù kỳ chí nguyện” (chỉ vì đáp tạ chí nguyện), trong đời quá khứ, Ngài đã từng phát nguyện muốn phổ độ hết chúng sanh. Hơn nữa, thế nguyện ấy của Ngài là vô tận, nên [biến hiện] thế giới ấy ở Tây Phương. Thế giới ấy là thị hiện, cõi nước là thị hiện, thị hiện thành Phật, thị hiện thuyết pháp độ sanh ở bên ấy. Lý - Sự trọn đủ, có Lý, có Sự, trọn chẳng phải là có Lý thiếu Sự, mà quả thật có chuyện ấy!

(Sao) Đại Vân giả, Đại Phương Đẳng Đại Vân kinh vân.

(鈔) 大雲者，大方等大雲經云。

(Sao: “Đại Vân”: Kinh Đại Phương Đẳng Đại Vân chép).

Trong kinh Đại Vân¹⁶ cũng có một đoạn ghi chép.

(Sao) Nhĩ thời Thế Tôn, hy di vi tiếu, tùng kỳ diện môn¹⁷ xuất vô lượng quang.

¹⁶ Kinh này có tên gọi đầy đủ là Đại Phương Đẳng Vô Tướng Đại Vân Kinh do ngài Đàm Vô Sám dịch vào thời Bắc Lương, gồm sáu quyển. Kinh còn được gọi bằng các danh xưng như Đại Phương Đẳng Vô Tướng Kinh, Đại Vân Vô Tướng Kinh, Đại Vân Kinh, Vân Mật Tạng Kinh, Vô Tướng Kinh v.v... Do lời khái thỉnh của Đại Vân Mật Tạng Bồ Tát, đức Phật giảng về các pháp như thông đạt đà-la-ni môn, Hải Ấn tam-muội, Như Lai thường trụ, Như Lai bảo tạng v.v... Kinh gồm có ba mươi bảy phẩm.

¹⁷ Chữ “diện môn” có ba cách giải thích: “Một là miệng, hai là khoảng giữa của mặt từ mũi đến miệng, ba là toàn bộ khuôn mặt”. Đây là quan điểm của sách Thám Huyền Ký.

(鈔) 爾時世尊，熙怡微笑，從其面門出無量光。

(Sao: Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn hoan hỷ mỉm cười, từ khuôn mặt tỏa ra vô lượng ánh sáng).

Trước tiên, đức Phật phóng quang, hiện điềm lành.

(Sao) Đại Vân Mật Tạng Bồ Tát vẫn cố.

(鈔) 大雲密藏菩薩問故。

(Sao: Đại Vân Mật Tạng Bồ Tát hỏi nguyên do).

Giống như tôn giả A Nan trong hội Vô Lượng Thọ, thấy Phật ngày hôm đó đặc biệt rạng rỡ, Đại Vân Bồ Tát bèn đứng ra khai thỉnh.

(Sao) Phật ngôn Tây Phương thế giới, hữu quốc danh An Lạc, Phật hiệu Vô Lượng Thọ, hiện tại thuyết pháp. Cáo nhất Bồ Tát ngôn: “Sa Bà thế giới Thích Ca Mâu Ni Phật, kim thuyết Đại Vân kinh, như khả vãng thính”, kim bỉ Bồ Tát tương lai chí thử. Tắc chánh đương Thích Ca thuyết pháp thời, Di Đà diệt tại bỉ thuyết pháp, cố tri phi quá, phi vị, hiện tại thuyết pháp.

(鈔) 佛言西方世界，有國名安樂，佛號無量壽，現在說法。告一菩薩言：娑婆世界釋迦牟尼佛，今說大雲經，汝可往聽，今彼菩薩將來至此。則正當釋迦說法時，彌陀亦在彼說法，故知非過非未，現在說法。

(Sao: Đức Phật nói: “Thế giới ở phương Tây có một cõi tên là An Lạc, Phật hiệu là Vô Lượng Thọ nay đang thuyết pháp, bảo một vị Bồ Tát rằng: ‘Trong thế giới Sa Bà, Thích Ca Mâu Ni Phật nay đang nói kinh Đại Vân, ông có thể đến đó nghe’. Nay vị Bồ Tát đó sắp đến nơi đây”. Có nghĩa là trong khi Phật Thích Ca thuyết pháp, Phật Di Đà cũng đang thuyết pháp bên đó, nên biết chẳng phải là thuyết pháp trong quá khứ hay trong tương lai, mà là thuyết pháp trong hiện tại).

Khoảng cách xa như thế, thưở ấy cũng chẳng có điện báo hay điện thoại. Lúc Thích Ca Mâu Ni Phật đang giảng kinh Đại Vân, bỗng cười, Đại Vân Bồ Tát liền hỏi: “Vì sao lão nhân gia cười?” Đức Phật liền giảng nhân duyên ấy. Khi ấy, Tây Phương Cực Lạc thế giới A Di Đà Phật đang thuyết pháp, Ngài bảo một vị Bồ Tát nơi ấy: “Trong thế giới Sa Bà, Thích Ca Mâu Ni Phật đang nói kinh Đại Vân, ông hãy nên đến nghe”. Đức Phật

nói do vị ấy sắp đến, đức Phật bèn cười. Đó là khi ấy hai vị Phật đang thuyết pháp cùng một lúc. Quý vị thấy khoảng cách mười vạn ức cõi Phật cũng giống như đang ở trước mặt.

Thích Ca Mâu Ni Phật thấy Tây Phương Cực Lạc thế giới rõ ràng như vậy, A Di Đà Phật đang nói gì, Phật Thích Ca đều nghe rõ ràng, minh bạch. A Di Đà Phật thấy thế giới Sa Bà của chúng ta cũng rõ rệt như vậy. Thích Ca Mâu Ni Phật giảng pháp gì, Phật Di Đà cũng nghe rõ ràng, Ngài còn sai một vị Bồ Tát đến nghe. Điều này chứng tỏ Ngài đang thuyết pháp trong hiện tại.

(Sớ) Phàm ngôn hiện tại, phục hữu nhị nghĩa, như Thích Ca, Di Đà, quân danh hiện tại, nhi tiểu bất đồng.

(疏) 凡言現在，復有二義，如釋迦彌陀，均名現在，而小不同。

(Sớ: Phàm nói là “hiện tại”, lại có hai nghĩa, như Thích Ca và Di Đà đều gọi là “hiện tại”, nhưng có chút khác biệt).

Hai ý nghĩa, thứ nhất là hiện tại, ý nghĩa thứ hai là “hiện tại của hiện tại”. Ví như nói chúng ta tu hành, niệm Phật là đường tắt để thành Phật, là một con đường gần nhất, nhưng Trì Danh Niệm Phật lại là con đường tắt nhất trong các con đường tắt, có ý nghĩa này. Chúng ta xem tiếp, chỗ khác nhau nhỏ nhất ấy, rốt cuộc là khác nhau ở chỗ nào?

(Sao) Tiểu bất đồng giả, Thích Ca Hiền Kiếp tứ Phật, thị danh hiện tại.

(鈔) 小不同者，釋迦賢劫四佛，是名現在。

(Sao: Chỗ khác nhau nhỏ nhất: Thích Ca là vị Phật thứ tư trong Hiền Kiếp, nên gọi là hiện tại).

Trong Hiền Kiếp, Thích Ca Mâu Ni Phật là vị thứ tư thị hiện thành Phật trong thế giới này, Di Lạc là vị thứ năm. Trong Hiền Kiếp có tất cả một ngàn vị Phật xuất thế.

(Sao) Nhi Song Lâm thị diệt, tướng hảo nan thân, đồ ngưỡng gia danh, căn tồn tượng giáo.

(鈔) 而雙林示滅，相好難親，徒仰嘉名，僅存像教。

(Sao: Nhưng Ngài đã thị hiện diệt độ tại Song Lâm, khó thể thân cận tướng hảo, chỉ dành ngưỡng mộ suông danh hiệu cao đẹp, chỉ còn lại Tượng Giáo).

Phật Thích Ca thị hiện trong thế gian này, tám mươi tuổi nhập diệt, thọ mạng chẳng khác với người bình phàm trong thế gian, Ngài thị hiện tịch diệt tại rừng Sa La Song Thọ. Do vậy, tuy thời đại hiện tại vẫn là thời đại của Thích Ca Mâu Ni Phật, nhưng nay đã là thời đại Mạt Pháp của Thích Ca Mâu Ni Phật. Trong thời đại Mạt Pháp, chúng ta chẳng gặp Thích Ca Mâu Ni Phật, chỉ có thể thấy hình tượng của Thích Ca Mâu Ni Phật, trông thấy tượng Phật, chứ chẳng thấy Phật. “*Cẩn tồn Tượng Giáo*”: Giáo pháp tương tự, Phật chẳng đích thân hiện diện.

(Sao) A Di Đà Phật, tác kim nhật kim thời, chánh w bỉ quốc, hiện tại thuyết pháp, thị Thích Ca hiện tại chi quá khứ, Di Đà hiện tại chi hiện tại dã.

(鈔) 阿彌陀佛，則今日今時，正於彼國，現在說法，是釋迦現在之過去，彌陀現在之現在也。

(Sao: A Di Đà Phật là ngay trong hiện thời ở ngay trong cõi ấy, hiện đang thuyết pháp, [do đó] Thích Ca là quá khứ của hiện tại, còn Di Đà là hiện tại của hiện tại).

Khác nhau ở chỗ này, điểm khác nhau nhỏ nhất là A Di Đà Phật chẳng diệt độ.

(Sao) Cổ nhân vân: “Phật tại thế thời, ngã trầm luân”.

(鈔) 古人云：佛在世時我沉淪。

(Sao: Cổ nhân nói: “Lúc Phật tại thế, ta trầm luân”).

Ở trong ác đạo, chẳng gặp Phật.

(Sao) Kim đắc nhân thân, Phật diệt độ.

(鈔) 今得人身佛滅度。

(Sao: Nay được thân người, Phật diệt độ).

Nay chúng ta được làm thân người, Phật chẳng còn trụ thế nữa, đã diệt độ rồi!

(Sao) Áo não tự thân đa nghiệp chướng, bất kiến Như Lai kim sắc thân.

(鈔) 懊惱自身多業障，不見如來金色身。

(Sao: Áo não thân mình nhiều nghiệp chướng, chẳng thấy Như Lai kim sắc thân).

Đúng vậy!

(Sao) Cảm mộ thương ta, nhất chí u thử.

(鈔) 感慕傷嗟，一至於此。

(Sao: Cảm mộ, than thở bi thương đến mức như thế ấy).

Cổ nhân có chuyện cảm khái, thương cảm như thế đó!

(Sao) Kim Thích Ca tuy diệt, Di Đà hiện tồn, dẫn dắt vãng sanh, tiện năng thân chá, nhi bất tín, bất nguyện, đồ vi vô ích chi bi, diệc hoặc hỹ!

(鈔) 今釋迦雖滅，彌陀現存，但得往生，便能親炙。而不信不願，徒為無益之悲，亦惑矣。

(Sao: Nay tuy Phật Thích Ca diệt độ, Phật Di Đà nay vẫn còn tại thế, chỉ cần được vãng sanh sẽ được thân cận, nhưng chẳng tin, chẳng nguyện, chỉ buồn rầu suông vô ích, cũng là mê hoặc lắm thay!)

“Hoặc” (惑) là mê hoặc, những kẻ đó mê hoặc. Câu này nhằm khuyến khích lòng, khích lệ chúng ta. Tuy Phật Thích Ca Phật đã diệt độ, A Di Đà Phật hiện đang tại thế, vì sao quý vị chẳng vãng sanh? Vì sao quý vị chẳng thân cận A Di Đà Phật? Thân cận A Di Đà Phật chẳng phải là chuyện khó khăn, mỗi người đều có thể làm được, vấn đề là quý vị có muốn vãng sanh hay không? Do vậy, [lời khai thị này] đã ban cho chúng ta một sự cổ vũ, khích lệ rất lớn!

(Sớ) Hựu thử hiện tại, thả cứ Thích Ca đương thời nhi ngôn, thật tắc triệt u tiền hậu, diệc phục hậu hậu vô tận, giai danh hiện tại.

(疏) 又此現在，且據釋迦當時而言，實則徹於前後，亦復後後無盡，皆名現在。

(Sớ: Lại nữa “hiện tại” ở đây là nói theo thời Phật Thích Ca, chứ thật ra, [chữ “hiện tại”] xuyên suốt trước sau, lại còn vô tận đời về sau đều gọi là “hiện tại”).

Ý nghĩa này càng giảng càng sâu, càng giảng cũng càng huyền!

(Sao) *Tiền hậu giả, Thích Ca vị xuất thế tiền, Di Đà diệt hiện tại thuyết pháp, Thích Ca ký diệt độ hậu, Di Đà diệt hiện tại thuyết pháp, nãi chí kim nhật, do vân “hiện tại”.*

(鈔) 前後者，釋迦未出世前，彌陀亦現在說法，釋迦既滅度後，彌陀亦現在說法，乃至今日，猶云現在。

(Sao: “Trước sau”: Trước khi Phật Thích Ca xuất thế, Phật Di Đà cũng hiện tại thuyết pháp, Phật Thích Ca đã diệt độ, Phật Di Đà cũng hiện tại thuyết pháp. Mãi cho đến ngày nay vẫn nói là “hiện tại”).

Đây là giải thích từ ngữ “*triệt ư tiền hậu*” (xuyên suốt trước sau), vì sao? Từ kinh điển, chúng ta đọc thấy A Di Đà Phật đã thành Phật tại Tây Phương Cực Lạc thế giới đến nay đã mười kiếp, trong mười kiếp ấy, Ngài thuyết pháp mỗi ngày. Mỗi ngày trong mười kiếp ấy đều là “*hiện tại thuyết pháp*”. Khi Thích Ca Mâu Ni Phật chưa xuất thế, A Di Đà Phật đã thuyết pháp bên đó, cho đến sau khi Thích Ca Phật diệt độ, A Di Đà Phật vẫn “*hiện tại thuyết pháp*”, triệt tiền triệt hậu (thông suốt trước sau) [là như vậy đó]!

(Sao) *Hậu hậu vô tận giả, dĩ Thích Ca thuyết pháp, chỉ ư tứ thập cửu niên, Ca Diếp nhi thượng, Di Lạc nhi hạ, tống niên số đa, diệt hữu hạn lượng.*

(鈔) 後後無盡者，以釋迦說法，止於四十九年，迦葉而上，彌勒而下，縱年數多，亦有限量。

(Sao: “Về sau vô tận”: Do Phật Thích Ca thuyết pháp chỉ trong bốn mươi chín năm, kể từ Phật Ca Diếp trở về trước, kể từ Phật Di Lạc trở về sau, dầu số năm có nhiều, vẫn là có hạn lượng).

Đây là nói về một ngàn vị Phật trong Hiền Kiếp, Ca Diếp Phật là vị Phật thứ ba trong Hiền Kiếp, Thích Ca Mâu Ni Phật là vị Phật thứ tư, Di Lạc Phật là vị Phật thứ năm, thời gian các Ngài trụ thế là hữu hạn.

(Sao) Vị nhược Di Đà thuyết pháp, chí vi cứu viễn, chư Phật mạc cập. Thị cố bất duy kim nhật do danh “hiện tại”, hậu hậu vô tận, giai khả danh vi “hiện tại thuyết pháp” dã.

(鈔) 未若彌陀說法，至為久遠，諸佛莫及，是故不唯今日猶名現在，後後無盡，皆可名為現在說法也。

(Sao: Chẳng như Phật Di Đà thuyết pháp tốt bậc lâu xa, chư Phật chẳng thể sánh kịp. Vì thế, chẳng phải là hiện thời mới gọi là “hiện tại”, mà vô tận về sau này đều có thể gọi là “hiện tại thuyết pháp” vậy).

Đây là ý nghĩa chân thật của sự thuyết pháp. Kinh nói “hiện tại thuyết pháp”, bất luận lúc nào, bốn chữ này quyết định là chính xác. Phật thọ vô lượng, bất luận trong thời đại nào, hay kiếp nào, A Di Đà Phật đều thuyết pháp nơi đó, “hiện tại thuyết pháp”.

Ở đây còn có một khái niệm rất lớn, đó là muốn thật sự kiến lập Phật pháp trong thế gian này, thật sự tiếp dẫn vãng sanh, cần phải có một đạo tràng, [tức là] cần có một đạo tràng để vĩnh viễn trụ tích¹⁸. Nếu A Di Đà Phật tận hư không trọn pháp giới, các cõi Phật rất nhiều, hôm nay đến nơi này thuyết pháp, ngày mai sang nơi kia thuyết pháp, Ngài sẽ chẳng thể độ chúng sanh! Đâu có chúng sanh nào nghe một hai lần bèn khai ngộ, bèn thành Phật, làm Tổ? Chẳng có chuyện ấy! Vì vậy, chúng ta thấy các vị tổ sư đại đức từ xưa tới nay luôn trụ một phương, vài chục năm chẳng ra khỏi sơn môn, chẳng xuống núi, nên mới có thành tựu rất vĩ đại.

Tôi nói như vậy, chắc quý vị cũng hỏi tôi: “Vì sao thầy không trụ tại một nơi nào?” Thưa cùng quý vị, tôi thiếu phước báo, chẳng có một đạo tràng. Nếu có một đạo tràng, tôi sẽ chẳng đi [khắp nơi], một đạo tràng cũng chẳng có! Ở đây chỉ có một giảng đường mà thôi, chẳng thể coi như một đạo tràng. Công việc của tôi hiện thời là đi khắp mọi nơi trên toàn thế giới khuyên lơn người khác hãy thật sự tu tập! Tôi chẳng có phước báo, hy vọng quý vị là người có phước báo hãy nỗ lực, phải phát tâm. Có phước báo là quý vị có tự viện, có đạo tràng, quý vị phải nỗ lực tu tập. Tôi đi khắp nơi, người ta cũng rất thích thân cận, vì sao? Tôi chẳng đến chiếm đoạt đạo tràng của người ta, tôi đi làm công tác tuyên truyền!

Hy vọng quý vị thật sự là những vị đại đức có đạo tràng, bất luận xuất gia hay tại gia, hàng tại gia có phước báo cũng chẳng ít! Tháng sau, tôi sang Canada giảng kinh, ba đạo tràng ở Ôn Ca Hoa (Vancouver),

¹⁸ Trụ tích: Tích ở đây là tích tụ. Một vị Tăng thường trụ ở nơi đâu trong một thời gian dài sẽ gọi là “trụ tích” hoặc “quái tích” tại nơi đó.

Canada, đều do cư sĩ chủ trì, các vị cư sĩ có phước báo. Các đạo tràng ấy có quy mô cũng khá. Vì thế, chúng ta phải phát tâm viên mãn, có phước báo to bao nhiêu thì làm chuyện to bấy nhiêu, chớ nên miễn cưỡng. Hễ miễn cưỡng, quý vị sẽ sanh phiền não. Đừng miễn cưỡng, thân tâm tự tại! Do vậy, nói chung, đời này tôi chỉ có cách đi khắp nơi tuyên truyền, chứ mong trụ một nơi sợ rằng chẳng hy vọng gì! Trước nay tôi cũng không muốn, cũng chẳng mong tương lai có một nơi để trụ, trọn chẳng mong muốn. Do vậy, phải hiểu rõ đạo lý này, đó là thật sự thành tựu chúng sanh. Đi khắp nơi giảng kinh, hoằng pháp, nói đến sự thành tựu cho chính mình thì không sao cả, chính mình hằng ngày niệm Phật, hằng ngày niệm kinh, trước nay chưa hề gián đoạn, đối với chính mình chẳng trở ngại tí nào, nhưng đối với đại chúng mà nói thì chẳng có cách nào độ chúng sanh. Muốn độ chúng sanh, ắt phải thường trụ tại một nơi.

Trong quá khứ, thầy Lý cũng từng bàn với tôi về vấn đề này. Trong quá khứ, trong một buổi học, lớp học có quy mô nhỏ, thầy hỏi các đồng học chí nguyện của mỗi người, hỏi đến tôi, tôi trả lời: “Đi khắp nơi giảng kinh, hoằng pháp”. Thầy cười: “Anh rất tự tại!”, thầy bảo tôi: “Nhưng như vậy thì anh chẳng thể độ chúng sanh”. Tôi hỏi: “Vì sao?” Thầy nói: “Độ chúng sanh phải trụ tại một nơi”. Thầy dạy tôi đạo lý ấy, tôi nghe thấy rất có lý, nhưng tuyệt đối chẳng phải là đơn giản như thế, phải có phước báo. Chẳng có phước báo sẽ chẳng được! Phước báo chẳng thể miễn cưỡng. Bản thân tôi trong quá trình tu hành, cuộc sống hết sức thanh bần, tôi chẳng muốn kiếm một người nào [để cầu cạnh], tôi thà chết đói, chẳng thể cầu cạnh người khác: “Hôm nay tôi không có cơm ăn, quý vị hãy giúp đỡ tôi”. Lời ấy tôi chẳng thốt ra được! Nay bảo tôi tìm tìn đồ hóa duyên: “Tôi muốn lập một đạo tràng ở nơi đây để độ chúng sanh”, lời lẽ ấy tôi cũng chẳng thốt ra được! Cho nên vẫn như lời thầy Lý nói, tiêu dao tự tại! Đó là chính mình tự tại, chẳng cần lãnh chúng, chẳng cần bận tâm, đến mọi nơi làm khách, đích xác là rất tự tại.

Nhưng tôi hy vọng chư vị đồng tu nhất định phải phát đại tâm, hễ có nhân duyên ấy, có phước báo ấy, phải lập đạo tràng phổ độ chúng sanh. Cư sĩ trụ trì đạo tràng rất nhiều, từ xưa tới nay có rất nhiều người đạt thành tựu. Thỉnh người xuất gia đến trụ trì cũng tốt, hoặc chẳng thỉnh người xuất gia, chính mình trụ trì thì cũng như nhau, quyết định phải đi theo con đường chính xác. Chúng ta nương theo Tịnh Độ Tam Kinh hoặc Tịnh Độ Ngũ Kinh để tu học, chẳng có ai không thành tựu. Kinh điển phải giảng mỗi ngày, phải niệm Phật mỗi ngày. Chúng ta ở đây mỗi tuần giảng kinh bốn lần, niệm Phật một lần, chưa đủ! Nói nghiêm ngặt, phải giảng kinh

mỗi ngày, phải niệm Phật mỗi ngày, quyết định chẳng thể gián đoạn, đó mới là một đạo tràng.

Quán trưởng của chúng ta rất phát tâm, bà ta thành lập đạo tràng này, mấy lần trước toan phát tâm muốn mua lại tầng sáu này, tôi nghe vậy kinh hãi. Tôi bàn riêng với bà ta, tôi nói: “Bà phải suy nghĩ kỹ, mua cả tầng sáu phải tốn hơn ba ngàn vạn, món tiền ấy lấy ở đâu ra? Tôi quyết định chẳng hướng về người khác hóa duyên một đồng nào. Nếu bà có cách thì bà làm”. Tôi nói: “Nếu bà sợ phiền não thì chẳng cần phải làm, chúng ta duy trì tình trạng hiện thời là được rồi!” Vì thế, bà ta suy nghĩ sắp xếp lại nơi này, cũng ổn thỏa rồi, cũng được rồi! Vì vậy, người có phước báo nói: “Hiện thời [món tiền] hơn ba ngàn vạn đích xác chẳng phải là chuyện to tát gì”, nhưng đối với chúng ta rất khó khăn, chúng ta tìm ở đâu ra? Đừng nói ba ngàn vạn, ba trăm vạn chúng ta kiếm còn chưa ra, chẳng có khả năng này!

Nói thật thà, người nghe kinh có thể nói đều là kẻ chẳng có tiền! “*Phú quý học đạo nan*”, kẻ có tiền chẳng nghe kinh. Người có tiền học Phật bằng cách nào? Bữa nào có đại pháp hội, mời họ đến dâng nén nhang đầu tiên, rất vinh dự, rất nở mày nở mặt, họ học Phật theo kiểu ấy! Đến chùa miếu để hưởng mọi sự cung phụng, đãi đằng, có chút gì trái ý họ, lần sau họ chẳng tới nữa! Đó là phương cách học Phật của kẻ có tiền, có phước báo; chuyện như thế là hiện tượng rất bình thường! Chính đức Phật đã nói, thời Mạt Pháp, ngoại đạo bất luận về hình tướng hay dung mạo đều trang nghiêm hơn Phật pháp. Đệ tử Phật đứng chung với ngoại đạo, thứ gì cũng đều chẳng bằng người ta, cho nên bị người khác khinh rẻ. Ngoại đạo giàu có mà!

Nhưng thật sự tiếp xúc Phật pháp, chúng ta hiểu những hiện tượng trước mắt ấy, đức Phật đã có nói. Nếu chẳng phải là hiện tượng như vậy, những điều Phật nói đều sai mất rồi. Nay chúng ta thấy tình cảnh như vậy, hiểu đức Phật nói chẳng sai câu nào, sự thật là như thế. Chúng ta nhận biết hoàn cảnh, chính mình nỗ lực tu học hòng đạt đến Tây Phương Tịnh Độ. Cơ sở này của chúng ta chẳng lớn bằng người ta, nhưng ở đây chúng ta có đạo, cơ sở của họ to hơn chúng ta, nhưng chỗ của họ chẳng có đạo, đó cũng là như trong quá khứ, cổ đức thường nói: “*Hữu miếu vô đạo, bất năng hưng giáo*” (có chùa chẳng có đạo, giáo pháp chẳng thể hưng khởi). Chùa dẫu to cách mấy cũng uổng công, cũng chẳng có tác dụng, trong ấy chẳng có đạo, giáo pháp chẳng thể hưng khởi. Muốn hưng giáo, nhất định phải có đạo. Cơ sở dẫu nhỏ đến đâu đi nữa, hễ có đạo là được, có thể hưng khởi giáo pháp. Vì thế, Di Đà thường trụ thế gian, lúc ấy mới có thể giúp

đỡ người vãng sanh ai nấy viên thành Phật đạo! Nếu Ngài chẳng thường trụ, chúng ta đến đó mong thành Phật đạo khá khó khăn. Vì thế, nhất định phải thường trụ. Ở đây, Liên Trì đại sư đặt ra một đoạn vấn đáp:

(Sao) Vấn: Di Đà chi hậu, thứ bổ Quán Âm, an đắc vô tận?

(鈔) 問：彌陀之後，次補觀音，安得無盡。

(Sao: Hỏi: Sau Phật Di Đà, Quán Âm sẽ bổ xứ thành Phật, lẽ đâu là vô tận?)

Câu hỏi này rất hay! Kinh nói rất rõ ràng, trong tương lai A Di Đà Phật diệt độ, Quán Thế Âm Bồ Tát thành Phật. Quán Thế Âm Bồ Tát thành Phật hóa độ chúng sanh, pháp duyên trọn hết, bèn diệt độ, Đại Thế Chí Bồ Tát nối tiếp thành Phật, kinh nói như vậy. Đã có nói lời ấy, ta có thể thấy thọ mạng của A Di Đà Phật vẫn là có hạn lượng, chẳng phải thật sự là vô lượng! Chúng ta hãy xem câu trả lời.

(Sao) Đáp: Di Đà trụ thế kỷ kiếp, Quán Âm bổ chi, tàng hữu số phủ?

(鈔) 答：彌陀住世幾劫，觀音補之，曾有數否。

(Sao: Đáp: Di Đà trụ thế mấy kiếp thì Quán Âm sẽ Bổ Xứ, có số lượng hay chăng?)

A Di Đà Phật ở trong thế giới Tây Phương, rốt cuộc thọ bao lâu? Trụ thế bao lâu thì Quán Âm Bồ Tát sẽ thành Phật, có số lượng ấy hay không?

(Sao) Bĩ Quán Âm thượng vân, trụ vô ương số kiếp.

(鈔) 彼觀音尚云，住無央數劫。

(Sao: Đức Quán Âm còn nói sẽ trụ vô ương số kiếp).

Có số lượng, nhưng con số ấy quá lâu! Trong kinh Vô Lượng Thọ, A Di Đà Phật đã nói: “*Nhất tứ thiên hạ chúng sanh*”, nói theo cách bây giờ, [một tứ thiên hạ] là một thái dương hệ, [nhất tứ thiên hạ chúng sanh] là tất cả chúng sanh thuộc bốn đại châu trong một thái dương hệ, thấy đều chứng quả Bích Chi Phật, thần thông, trí huệ giống như Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên, hợp nhau tính toán thọ mạng của A Di Đà Phật vẫn tính chẳng ra! Làm sao chúng ta tính ra được? Một tứ thiên hạ Bích Chi Phật

cùng nhau tính toán còn chẳng ra, quý vị nghĩ xem thọ mạng ấy đúng là quá dài, chẳng có cách nào nói! Vì thế, ở đây nói, ngay cả Quán Thế Âm Bồ Tát cũng nói là sẽ trụ thế vô lượng kiếp, Vô Lượng là vô lượng.

(Sao) Vô lượng kiếp, bất khả phục kế kiếp, bất khả phục kế kiếp, nãi thọ Thế Chí.

(鈔) 無央數劫，不可復計劫，不可復計劫，乃授勢至。

(Sao: Vô lượng kiếp, bất khả phục kế kiếp, bất khả phục kế kiếp mới truyền lại cho ngài Thế Chí).

Đây là lời Quán Âm Bồ Tát nói. Sau khi Quán Âm Bồ Tát thành Phật, thời gian Ngài trụ thế lâu dài như thế, huống gì A Di Đà Phật?

(Sao) Tắc Di Đà khả tri hĩ, khởi phi diệt thị hữu tận chi vô tận da?

(鈔) 則彌陀可知矣，豈非亦是有盡之無盡耶。

(Sao: Nên [từ những điều đó] có thể suy ra [tuổi thọ] A Di Đà Phật; há chẳng phải cũng là vô tận trong hữu tận ư?)

Thọ mạng ấy đúng là quá dài! Do vậy, nay chúng ta vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, quyết định sẽ thành Phật trong khi A Di Đà Phật tại thế, chẳng đợi đến khi Quán Âm Bồ Tát [thành Phật]. Dầu là kẻ chẳng dụng công, dầu giải đãi, dầu là kẻ biếng nhác, cũng nhất định thành Phật trong thuở A Di Đà Phật trụ thế. Vì sao? Nói thông thường, thành Phật là ba A-tăng-kỳ kiếp, rất ngắn. Nói theo Tây Phương Cực Lạc thế giới, thời gian ấy chẳng dài. Dầu nói như kinh Hoa Nghiêm, vô lượng kiếp mới thành Phật, thời gian vô lượng kiếp so trong Tây Phương Cực Lạc thế giới cũng chẳng bõ bèn gì! Vì thế, đến Tây Phương Cực Lạc thế giới quý vị quyết định thành Phật nhằm lúc A Di Đà Phật trụ thế!

Vì sao chúng ta biết? Cho đến hiện tại, A Di Đà Phật mới thành Phật bất quá mười kiếp, giống như Ngài vừa mới khai trương cửa tiệm chưa bao lâu, mới mở cửa được mười ngày, chúng ta đã đến đó rồi! Vì thế, trong tương lai đến Tây Phương Cực Lạc thế giới đều là bậc nguyên lão, có tư cách kỳ cựu! Thật vậy, chẳng giả! Ngài thành Phật đã mười kiếp, [chúng ta] đã đến đó rồi, thọ mạng của Phật là vô lượng vô lượng kiếp. Cơ hội này quá khó có, quá tốt đẹp!

(Sao) Huống Thế Chí chỉ bổ Quán Âm, vĩnh vô bát Nê Hoàn thời, tuy vân Thế Chí, thật Di Đà thuyết pháp vô dị dã.

(鈔) 況勢至之補觀音，永無般泥洹時，雖云勢至，實彌陀說法無異也。

(Sao: Huống chỉ ngài Thế Chí kế ngài Quán Âm, trọn chẳng có thời gian [Phật nhập] bát Nê Hoàn, [pháp vân trọn chẳng phải trải qua các giai đoạn chánh pháp, tượng pháp, mật pháp, Phật trước vừa nhập diệt, Phật sau liền thành Chánh Giác], nên tuy nói là Thế Chí [kế tục Quán Âm thành Phật], nhưng thật ra chẳng khác gì đức Di Đà thuyết pháp).

Những chuyện này đều được chép trong Quán Thế Âm Đắc Đại Thế Chí Thọ Ký Kinh¹⁹, khiến cho chúng ta thật sự liễu giải Tây Phương Cực Lạc thế giới, quyết định chẳng có nghi hoặc. Có thể nói là Di Đà, Quán Âm, và Thế Chí tâm - nguyện - giải - hành hoàn toàn giống nhau, Quán Thế Âm Bồ Tát là truyền nhân của A Di Đà Phật, Đại Thế Chí Bồ Tát cũng là truyền nhân của A Di Đà Phật, các Ngài thuyết pháp trọn chẳng khác gì. “*Tuy vân Thế Chí, thật Di Đà thuyết pháp vô dị*” (tuy nói là Thế Chí, nhưng thật ra chẳng khác gì đức Di Đà thuyết pháp). Chúng ta biết Quán Âm, Thế Chí và A Di Đà Phật nói cùng một pháp môn, cùng một lý luận, cùng một phương pháp, cảnh giới giống hệt như nhau, hoàn toàn chẳng khác biệt. Thầy truyền cho trò, lời trò giảng và lời thầy giảng giống y khuôn!

(Sao) Vị tri hậu hậu vô tận, phu hề bất khả!

(鈔) 未知後後無盡，夫奚不可。

¹⁹ Kinh Avalokiteśvara-bodhisattva-mahāsthāma-prāpta-bodhisattva-vyākaraṇa-sūtra có nhiều bản dịch:

1. Quán Thế Âm Bồ Tát Thọ Ký Kinh do ngài Đàm Vô Kiệt dịch vào đời Lưu Tống.
2. Quán Thế Âm Đắc Đại Thế Chí Bồ Tát Thọ Ký Kinh do ngài Trúc Pháp Hộ dịch.
3. Quán Thế Âm Thọ Ký Kinh do ngài Nhiếp Đạo Chân dịch.
4. Như Huyền Tam Ma Địa Vô Lượng Ân Pháp Môn Kinh do ngài Thi Hộ dịch.

Đức Phật giảng kinh này tại vườn Lộc Uyển nước Ba La Nại. Đức Phật vì Hoa Đức Tạng Bồ Tát giảng pháp Vô Y Chi để đắc Như Huyền tam-muội, đồng thời cho biết các vị như Văn Thù, Di Lặc, Quán Âm, Thế Chí đã đắc tam-muội này. Tiếp đó, đức Phật giảng về nhân duyên phát tâm tu tập chánh đạo của hai vị Quán Âm và Thế Chí, thọ ký bổ xứ thành Phật v.v...

(*Sao: Do vậy biết là vô tận đời về sau [đều gọi là “hiện tại”] có gì là không được?*)

Có gì mà chẳng thể nói là “*hậu hậu vô tận*”? Đương nhiên là có thể nói. Dầu cho hiện thời chúng ta thuộc địa vị phàm phu, nhưng nay chúng ta đọc Tịnh Độ Tam Kinh, nương theo lý luận và phương pháp trong ba kinh để tu hành, tự hành, hóa độ người khác, cũng đạt được đôi chút khí phận của Phật Di Đà, được A Di Đà Phật gia trì. Nói cách khác, cũng chẳng khác gì sự thuyết pháp của Di Đà, Quán Âm, Thế Chí cho mấy, đều là khuyên quý vị hãy tin thật sự, nguyện thiết tha, trì danh vãng sanh, đều nhằm khuyên những điều này, chẳng khác nhau. Nếu giảng các kinh luận khác, chúng ta chẳng sánh bằng các vị tổ sư đại đức, chẳng sánh bằng bậc Bồ Tát tái lai; nhưng giảng pháp môn này, đại khái chẳng sai biệt cho lắm! Quý vị hãy khéo suy nghĩ điều này!

Từ xưa tới nay, mọi người tôn xưng các vị tổ sư của Tịnh Độ Tông là “đại sư”. Hiện thời, danh hiệu này đã bị lạm dụng, chỉ cần là kẻ xuất gia, kẻ ấy bèn tự xưng là đại sư này nọ, nực cười thay! Chẳng thể nào [xưng hô như vậy]! “Đại sư” là từ ngữ tôn xưng Phật, quý vị chưa thành Phật, làm sao có thể gọi là đại sư? Ngay cả Quán Âm Bồ Tát cũng chẳng dám xưng đại sư, mà xưng là đại sĩ. Quý vị có thấy Bồ Tát dùng đức hiệu “đại sư” hay không? Chẳng có! Do vậy, hiện thời, những kẻ xuất gia bình phàm mà xưng là đại sư thì đã vượt trội Phật rồi, chẳng thể nào! Vì thế, tại Trung Quốc vào thời cổ, thầy của hoàng đế gọi là quốc sư, Thiên Tông xưng là thiên sư, Giáo Hạ xưng là pháp sư, hoặc luận sư, vị Tăng học giới luật xưng là luật sư. Tôn xưng thì gọi là Khai Sĩ hoặc Chánh Sĩ, như trong kinh Vô Lượng Thọ có nhắc tới mười sáu vị Chánh Sĩ hoặc Đại Sĩ, có thể xưng hô tôn kính như vậy, nhưng chẳng thể xưng là đại sư! Xưng “đại sư” tức là chửi người ta, ăn nói chẳng hợp lẽ! Quý vị là dân chúng bình phàm, nhưng tôi mỗi ngày gặp quý vị bèn nói “thưa ngài Tổng Thống”, quý vị nói xem có được hay không? Tôi gửi thư cho quý vị đề “[kính gửi] Tổng Thống X...”, tôi cảm thấy tôi rất tôn trọng quý vị, nhưng trên thực tế là châm biếm người ta! Chẳng thể được! Chỉ có tổ sư của Tịnh Độ Tông được mọi người công nhận là đại sư, điều này hợp lý, vì sao? Vì các Ngài dùng phương pháp này để tiếp dẫn chúng sanh, sử dụng [phương pháp] chẳng khác gì hết thảy chư Phật trong mười phương. Phương pháp giống hệt như nhau, chẳng khác gì Phật! Phương pháp bậc nhất để Phật độ chúng sanh là khuyên quý vị niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, nay quý vị cũng dùng phương pháp niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ này để khuyên nhủ người khác,

giáo hóa chúng sanh, [vậy là] quý vị giáo hóa chúng sanh chẳng khác gì chư Phật! Do vậy, được xưng là đại sư.

(Sớ) Hựu thử hiện tại, thả cứ Thích Ca đối bỉ nhi ngôn, thật tác Di Đà hiện tại, tức Thích Ca hiện tại.

(疏) 又此現在，且據釋迦對彼而言，實則彌陀現在，即釋迦現在。

(Sớ: Lại nữa, “hiện tại” ở đây là xét theo Thích Ca đối với [vị Phật ở thế giới] bên kia mà nói, thật ra Di Đà hiện tại chính là Thích Ca hiện tại).

Câu này có ý nghĩa gì? Chúng ta hãy xem chú giải.

(Sao) Trí Giác vân: “Tổng trì giáo trung, thuyết tam thập thất Phật, giai Tỳ Lô Giá Na nhất Phật sở hiện. Vị Giá Na nội tâm, chứng Tự Thụ Dụng, thành ngũ trí, tự đương trung ương Pháp Giới Thanh Tịnh Trí. Thứ từng tứ trí, lưu xuất tứ phương tứ Như Lai, kỳ Diệu Quán Sát Trí, lưu xuất Tây Phương Cực Lạc thế giới Vô Lượng Thọ Như Lai, tức nhất Phật nhi song hiện nhị độ dã. Cổ Thanh Lương vân: “Tức Bản Sư dã”.

(鈔) 智覺云：總持教中，說三十七佛，皆毗盧遮那一佛所現。謂遮那內心，證自受用，成於五智，自當中央法界清淨智。次從四智，流出四方四如來，其妙觀察智，流出西方極樂世界無量壽如來，則一佛而雙現二土也。故清涼云：即本師也。

(Sao: Ngài Trí Giác nói: “Trong giáo pháp Tổng Trì có nói ba mươi bảy vị Phật đều do Tỳ Lô Giá Na Phật hiện ra. Nghĩa là từ trong nội tâm, Tỳ Lô Giá Na Phật chứng Tự Thụ Dụng, thành năm trí, tự đảm nhiệm Pháp Giới Thanh Tịnh Trí ở trung ương. Kế đó, từ bốn trí kia lưu xuất bốn vị Như Lai ở bốn phương. Diệu Quán Sát Trí lưu xuất Tây Phương Cực Lạc thế giới Vô Lượng Thọ Như Lai, tức là một vị Phật mà hiện trong hai cõi”. Vì vậy, ngài Thanh Lương nói: “Chính là Bản Sư vậy”)

Đây là lời của Trí Giác đại sư, Trí Giác chính là Vĩnh Minh Diên Thọ đại sư. Chúng ta biết Trí Giác đại sư là Phật Di Đà tái lai, theo lịch sử Trung Quốc ghi chép, vị hóa thân đầu tiên của A Di Đà Phật là Thiện

Đạo đại sư. Hòa thượng Phong Can chùa Quốc Thanh núi Thiên Thai cũng là hóa thân [của A Di Đà Phật]. Ba vị này đều được ghi chép trong lịch sử. Trong bộ Di Đà Kinh Yếu Giải Thân Văn Ký, pháp sư Bảo Tĩnh có nói Vĩnh Minh Diên Thọ đại sư là A Di Đà Phật tái lai, nói rõ chuyện này.

“*Tổng trì giáo trung thuyết*”, Vĩnh Minh Diên Thọ đại sư có một tác phẩm là *Tông Kính Lục*, một trăm quyển, tác phẩm này do đại sư soạn. Trong *Tông Kính Lục* nói gì? Gộp Tam Tạng mười hai bộ kinh lại để nghiên cứu, thảo luận, vì thế, người đời sau gọi [*Tông Kính Lục*] là *Tiểu Tạng Kinh*. Đại Tạng Kinh quá nhiều, đọc không xuê. Trong *Tông Kính Lục*, giáo nghĩa của các tông, các phái đều có, [nên tác phẩm này] cũng có thể gọi là “*Phật pháp khái luận*”, phân lượng khá to lớn, hết sức hoàn mỹ. Ở đây, trích dẫn lời giảng trong quyển hai mươi bốn của *Tông Kính Lục*: “*Như tổng trì giáo trung, diệc thuyết tam thập thất Phật, giai Tỳ Lô Giá Na nhất Phật sở hiện*” (Trong giáo pháp Tổng Trì cũng có nói ba mươi bảy vị Phật đều do một vị Tỳ Lô Giá Na Phật hiện ra). Trong kinh Hoa Nghiêm, Tỳ Lô Giá Na Phật là Pháp Thân Như Lai, Lô Xá Na là Báo Thân Như Lai, Thích Ca Mâu Ni Phật là Ứng Thân Như Lai. Lô Xá Na Phật, Tỳ Lô Giá Na Phật, Thích Ca Mâu Ni Phật là một, một Phật ba thân, Pháp Thân, Báo Thân, Ứng Hóa Thân. Vì vậy, Ngài nói ba mươi bảy vị Phật đều là Ứng Hóa Thân của Tỳ Lô Giá Na Phật.

Nói tới “*Ngũ Phương Như Lai*”, đây chính là cách nói trong kinh Hoa Nghiêm. Từ Đại Viên Kính Trí lưu xuất Đông Phương A Súc Phật, từ Bình Đẳng Tánh Trí lưu xuất Nam Phương Bảo Sanh Phật, từ Diệu Quán Sát Trí lưu xuất Tây Phương Vô Lượng Thọ Phật, từ Thành Sở Tác Trí lưu xuất Bắc Phương Bất Không Thành Tựu Phật. Pháp Giới Thanh Tịnh Trí chính là Tỳ Lô Giá Na Pháp Thân Phật ở trung ương. Nói “ba mươi bảy” chính là mỗi vị Phật trong Ngũ Phương Như Lai trên đây có Tứ Đại Bồ Tát²⁰, bốn lần năm thành hai mươi. Cộng thêm Ngũ Phương

²⁰ Theo Kim Cang Đảnh Du Già Tam Thập Thất Tôn Xuất Sanh Nghĩa, mỗi vị trong Ngũ Trí Như Lai xuất sanh Tứ Thân Cận Bồ Tát.

- A Súc Như Lai (Bất Động Như Lai) xuất sanh bốn vị Bồ Tát là Kim Cang Tát Đỏa, Kim Cang Vương, Kim Cang Ái và Kim Cang Thiện Tai (Kim Cang Hỷ).

- Bảo Sanh Như Lai xuất sanh bốn vị Bồ Tát là Kim Cang Bảo, Kim Cang Tràng, Kim Cang Tiểu và Kim Cang Nhật (Kim Cang Quang).

- Vô Lượng Thọ Như Lai xuất sanh bốn vị Bồ Tát là Kim Cang Pháp, Kim Cang Trí (Kim Cang Lợi), Kim Cang Nhân và Kim Cang Mật Ngữ (Kim Cang Ngữ).

- Bất Không Thành Tựu Như Lai xuất sanh bốn vị Bồ Tát là Kim Cang Nghiệp, Kim Cang Hộ, Kim Cang Nha, Kim Cang Quyền.

Như Lai thành hai mươi lăm, lại thêm Tứ Nhiếp và Bát Cúng Dường thành ba mươi bảy. Mạn Đà La của Mật Tông sử dụng giáo nghĩa này. Vì sao Bồ Tát, Tứ Nhiếp, Bát Cúng Dường đều gọi là Phật? Vì đều do Tỳ Lô Giá Na Phật biến hiện. Nếu Tỳ Lô Giá Na Phật biến hiện chén trà này, chúng ta có thể gọi chén trà là Phật; biến hiện nền thì chúng ta cũng có thể gọi nền là Phật! Nó do đức Phật biến ra, nên là Hóa Thân của Phật. Hai mươi vị Bồ Tát cùng Tứ Nhiếp, Bát Cúng Dường đều gọi là Phật, cộng lại thành ba mươi bảy. Tứ Nhiếp chẳng phải là Tứ Nhiếp Pháp thông thường, mà Tứ Nhiếp là các món pháp khí dùng trong Mật Tông: Câu (móc), Tỏa (dây xích), Linh (chuông lắc), Sách (dây thừng), bốn thứ pháp khí ấy nhiếp thọ hết thấy chúng sanh. Bát Cúng Dường gồm Thiêu Hương (hương đốt), Tán Hoa (rải hoa) Đẳng (đèn), Đồ Hương (hương bôi), Hoa, Man (tràng hoa), Ca, Vũ. Những thứ này Hiền Giáo chỉ sử dụng chút phần, còn Mật Giáo sử dụng trọn hết. Các thứ cúng dường của Mật Tông trọn đủ, [Kim Cang Giới] Mạn Đà La được chiếu theo ý nghĩa của ba mươi bảy vị Phật mà lập ra.

Do vậy, Thanh Lương đại sư bảo chúng ta: Ba mươi bảy vị Phật chính là Bản Sư của chúng ta, A Di Đà Phật cũng ở trong đó, đích xác là A Di Đà Phật và Thích Ca Mâu Ni Phật chẳng khác nhau. Từ kinh Phạm Võng chúng ta thấy: “*Thiên bách ức hóa thân Thích Ca Mâu Ni Phật*” (một ngàn một trăm ức hóa thân Thích Ca Mâu Ni Phật). Nhìn từ góc độ ấy, “*hiện tại*” dùng chung cho chư Phật. Đối với các thân biến hóa của mỗi vị Phật, thân biến hóa này diệt độ, thân biến hóa kia vẫn tồn tại. Nói thật ra, Di Đà hiện tại là Thích Ca Mâu Ni Phật hiện tại. Nay chúng ta chẳng có cơ hội thân cận Thích Ca Mâu Ni Phật, Thích Ca Phật đã diệt độ rồi. Nếu chúng ta vắng sanh thân cận A Di Đà Phật, sẽ chẳng khác gì thân cận Thích Ca Mâu Ni Phật, vì Thích Ca và Di Đà đều là hóa thân của Tỳ Lô Giá Na Phật. Do vậy, ý nghĩa “*hiện tại*” được giảng rất sâu.

Kinh Pháp Hoa nói tới Bản Tích Nhân Duyên, ở đây là nói đến Bản, phần trước là nói theo “*dấu vết, hình tượng*” (Tích). Nói theo bản thể, sẽ biết chư Phật nhiều ngàn ấy đều là một thân của Tỳ Lô Giá Na Như Lai, đúng như kinh luận thường nói: “*Mười phương ba đời Phật, cùng chung một Pháp Thân*”. Nếu biết là cùng chung một Pháp Thân thì có thể biết hết thấy chư Phật thật sự là chẳng hai, chẳng khác. Một vị Phật này hiện tại, thì hết thấy các vị Phật kia đều là hiện tại. Do vậy có thể biết, Phật há có Niết Bàn? Chẳng có! Nhập Bát Niết Bàn là nói với kẻ căn tánh trung

- Tỳ Lô Giá Na Như Lai xuất sanh Kim Cang Ba La Mật, Bảo Ba La Mật, Pháp Ba La Mật và Nghiệp Ba La Mật.

hạ, chữ “*trung hạ*” chỉ Thanh Văn, Duyên Giác, Quyền Giáo Bồ Tát trở xuống, đối với Bồ Tát cấp cao sẽ chẳng nói chuyện này, chẳng có! Bồ Tát cấp cao chẳng có sanh tử, mà cũng chẳng có Niết Bàn. Kinh Đại Thừa nói Vô Trụ Niết Bàn, chẳng trụ sanh tử, chẳng trụ Niết Bàn. Niết Bàn và sanh tử là do tương đối mà thành lập, chẳng có bên kia, há có bên này? Nhị biên chẳng có, “*nhị biên chẳng lập, Trung Đạo chẳng còn*”, điều này gọi là “*nhập Nhất Chân pháp giới*”, thật sự là pháp giới thanh tịnh. Còn có đây, kia, còn có tương đối thành lập, nói chung đó là chuyện thuộc trong mười pháp giới, chẳng phải là Nhất Chân pháp giới. Trong Nhất Chân pháp giới, chẳng lập một pháp. Lý và Sự chúng ta đều phải hiểu rõ, đều chẳng còn có nghi hoặc. Hôm nay, chúng tôi giảng tới đây!

Tập 127

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang hai trăm bảy mươi tám.

(Sao) Trí Giác vân: “Tổng trì giáo trung, thuyết tam thập thất Phật, giai Tỳ Lô Giá Na nhất Phật sở hiện. Vị Giá Na nội tâm, chứng Tự Thụ Dụng, thành u Ngũ Trí, tự đương trung ương Pháp Giới Thanh Tịnh Trí. Thứ tùng tứ trí, lưu xuất tứ phương tứ Như Lai, kỳ Diệu Quán Sát Trí, lưu xuất Tây Phương Cực Lạc thế giới Vô Lượng Thọ Như Lai, tức nhất Phật nhi song hiện nhị độ dã”. Cố Thanh Lương vân: “Tức Bốn Sư dã”.

(鈔) 智覺云：總持教中，說三十七佛，皆毗盧遮那一佛所現。謂遮那內心，證自受用，成於五智，自當中央法界清淨智。次從四智，流出四方四如來，其妙觀察智，流出西方極樂世界無量壽如來，則一佛而雙現二土也。故清涼云：即本師也。

(Sao: Ngài Trí Giác nói: “Trong giáo pháp Tổng Trì có nói ba mươi bảy vị Phật đều do Tỳ Lô Giá Na Phật hiện ra. Nghĩa là từ trong nội tâm, Tỳ Lô Giá Na Phật chứng Tự Thụ Dụng, thành tự Ngũ Trí, tự đảm nhiệm Pháp Giới Thanh Tịnh Trí ở trung ương. Kế đó, từ bốn trí kia lưu xuất bốn vị Như Lai ở bốn phương. Diệu Quán Sát Trí lưu xuất Tây Phương Cực Lạc thế giới Vô Lượng Thọ Như Lai, tức là một vị Phật mà hiện trong hai cõi”. Vì vậy, ngài Thanh Lương nói: “Chính là Bốn Sư vậy”)

Trí Giác chính là Vĩnh Minh Diên Thọ đại sư, đoạn văn trên đây do Ngài viết trong quyển hai mươi bốn của bộ Tông Kính Lục, Tông Kính Lục tổng cộng một trăm quyển. Trong giáo pháp Đại Thừa thường nói: “Thập phương tam thế Phật, cộng đồng nhất Pháp Thân” (Mười phương ba đời Phật, cùng chung một Pháp Thân), hoàn toàn tương ứng với ý nghĩa trong cách nói này. Đại thế giới của chúng ta là thế giới Hoa Tạng, thế giới Sa Bà là một tiểu thế giới trong thế giới Hoa Tạng, chúng ta gọi [thế giới Sa Bà] là một tam thiên đại thiên thế giới. So với thế giới Hoa Tạng để nói thì tam thiên đại thiên thế giới này là một tiểu thế giới. Giáo chủ của đại thế giới này là Tỳ Lô Giá Na Như Lai, chúng ta gọi Ngài là Pháp Thân Phật. Kinh Hoa Nghiêm lấy Tỳ Lô Giá Na Phật làm chủ. Pháp Thân

chẳng thuyết pháp, Pháp Thân chẳng có hình tướng, là bản thể của vạn pháp trong vũ trụ, nên Ngài chẳng có ngôn thuyết. Chúng ta thấy trong kinh Hoa Nghiêm các vị Bồ Tát thuyết pháp, nhưng trên thực tế, các vị Bồ Tát ấy là Hóa Thân của Tỳ Lô Giá Na Phật. Pháp Thân chẳng thuyết pháp, bản thể chẳng thuyết pháp. Từ Thể khởi Dụng, hiện thân, hiện tướng, lúc ấy sẽ có ngôn thuyết, sẽ có thuyết pháp. Do vậy, kinh Hoa Nghiêm từ đầu đến cuối đều là Bồ Tát thuyết pháp.

Kinh dạy, đã lấy Tỳ Lô Giá Na Phật làm bản thể, tức Chân Như bốn tánh, sau đây, “*tùng tứ trí*” (từ bốn trí) “*lưu xuất tứ phương Như Lai*” (lưu xuất các vị Như Lai ở bốn phương). Bốn trí là Đại Viên Kính Trí, Bình Đẳng Tánh Trí, Diệu Quán Sát Trí, và Thành Sở Tác Trí. Tỳ Lô Giá Na ở trung ương. Chúng ta nói đến Ngũ Phật thì trung ương là Tỳ Lô Giá Na Phật, tức Pháp Thân Phật. Từ Đại Viên Kính Trí lưu xuất Đông Phương A Súc Phật, từ Bình Đẳng Tánh Trí lưu xuất Nam Phương Bảo Sanh Như Lai, từ Diệu Quán Sát Trí lưu xuất Tây Phương A Di Đà Phật, từ Thành Sở Tác Trí lưu xuất Bắc Phương Bất Không Thành Tựu Như Lai. Đó là nói tới Ngũ Phương Phật, gồm năm vị Phật. Mỗi vị trong năm vị Phật đều có “*Tứ Đại Bồ Tát*”, bốn lần năm là hai mươi, cộng thêm năm vị Phật là hai mươi lăm. Lại còn có Tứ Nhiếp, Bát Cúng Dường, tức là thêm mười hai vị nữa, do đó biến thành ba mươi bảy. Ba mươi bảy vị Phật do đó mà có! [Trong ấy], năm vị là Phật, hai mươi vị là Bồ Tát, nay chúng ta gọi Tứ Nhiếp và Bát Cúng Dường là “đạo cụ”, trong Phật pháp gọi [đạo cụ] là “pháp khí”. Những thứ Bồ Tát cầm trong tay được gọi là “pháp khí”, vì chúng đều nhằm biểu thị nghĩa lý giáo hóa chúng sanh rất sâu. Do vậy, đều được tính vào đây.

“*Nhất Phật nhi song hiện nhị độ*” (một vị Phật mà hiện trong hai cõi), “*nhất Phật*” là A Di Đà Phật, “*nhị độ*” là thế giới Cực Lạc và thế giới Sa Bà của chúng ta. Thanh Lương đại sư nói, Phật Thích Ca là Bổn Sư của chúng ta, A Di Đà Phật cũng là Bổn Sư. Vị thầy căn bản thật sự là A Di Đà Phật, Thích Ca Phật bất quá thay mặt A Di Đà Phật chiêu sinh trong thế giới Sa Bà mà thôi, hy vọng chúng sanh thật sự giác ngộ trong thế giới Sa Bà sẽ ngay lập tức cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Do vậy, A Di Đà Phật quả thật là Bổn Sư của chúng ta. Ý nghĩa này được thấy rõ ràng nhất trong kinh Hoa Nghiêm, kinh Hoa Nghiêm đến cuối cùng là “*mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc*”, có thể thấy A Di Đà Phật trong thế giới Cực Lạc thật sự là vị thầy căn bản của chúng ta.

(Sớ) *Nhiên chư Phật thuyết pháp, đa chủng bất đồng, kim thị y chánh giai thuyết, tường như thử kinh, cập Đại Bản, Quán Kinh trung thuyết.*

(疏) 然諸佛說法，多種不同，今是依正皆說，詳如此經，及大本觀經中說。

(Sớ: Nhưng chư Phật thuyết pháp có nhiều thứ khác nhau, nay là y báo và chánh báo đều cùng nói, nói chi tiết [về chuyện y báo và chánh báo đều cùng thuyết pháp] thì như trong kinh này, Đại Bản và Quán Kinh đã nói).

“*Đa chủng bất đồng*” (nhiều thứ khác nhau), tức là thuyết pháp không nhất định phải dùng ngôn ngữ; sáu căn, sáu trần đều có thể thuyết pháp. Do vậy, căn căn, trần trần chẳng có cùng tận. Ở đây chỉ là nêu thí dụ để nói. Nói tỉ mỉ thì như trong kinh này, đây là nói sáu trần trong Tây Phương Cực Lạc thế giới đều thuyết pháp. Đại Bản là kinh Vô Lượng Thọ. Quán Kinh là kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật. Tịnh Độ Tam Kinh đều nói “y báo và chánh báo trong Tây Phương Cực Lạc thế giới thầy đều đang thuyết pháp”. Trong lời Sao có giải thích đoạn văn này:

(Sao) *Đa chủng giả, như ngôn thuyết, chiêm thị.*

(鈔) 多種者，如言說瞻視。

(Sao: “Nhiều thứ” là như ngôn thuyết, chiêm ngưỡng, nhìn ngó).

“*Ngôn thuyết*”: Đối với chúng sanh Nhĩ Căn nhạy bén bèn dùng ngôn thuyết. Nhĩ Căn của đại đa số chúng sanh trong thế giới Sa Bà nhạy bén, đây là nói theo đại đa số. Có những người Nhĩ Căn nhạy bén hơn Nhĩ Căn, quý vị nói với kẻ ấy, kẻ ấy nghe mà chẳng hiểu rõ cho lắm. Quý vị viết cho kẻ ấy đọc, kẻ ấy vừa nhìn liền hiểu rõ. Có những kẻ dẫu quý vị viết rõ ràng cách mấy, họ đọc rồi cũng chẳng hiểu rõ, nhưng quý vị giảng giải, họ nghe bèn hiểu ngay! Đó là do căn tánh của chúng sanh khác nhau. Vì vậy, đức Phật xuất hiện trong thế giới này, giống như trong kinh Lăng Nghiêm, Văn Thù Bồ Tát chọn lựa pháp Viên Thông đã nói: “*Thử phương chân giáo thể, thanh tịnh tại âm văn*” (Chân giáo thể phương này, thanh tịnh nơi nghe tiếng). Thuở ấy, Thích Ca Mâu Ni Phật hóa độ chúng sanh sử dụng ngôn thuyết, giảng kinh, thuyết pháp mỗi ngày. So với Thích Ca Mâu Ni Phật, thời gian Khổng lão phu tử xuất hiện [trên thế gian] chẳng sai biệt mấy! Khổng Tử xuất hiện tại Trung Quốc, lão nhân gia dạy học cũng sử dụng ngôn ngữ; thuở đó, chẳng dùng văn tự để viết tài liệu giảng

dạy. Sau khi phu tử khuất bóng, các đệ tử mới ghi chép lại những lời Ngài đã nói trong một đời, tình hình chẳng khác Thích Ca Mâu Ni Phật cho lắm! Học trò của Thích Ca Phật đông đảo, ghi chép tường tận; đệ tử của Không Tử chỉ ghi lại những nét chánh yếu, như từng điều trong Luận Ngữ [chỉ là] đại cương! Phu tử giảng mấy tiếng đồng hồ, giảng mười mấy tiếng đồng hồ, giảng hơn một trăm tiếng đồng hồ, giảng những điều gì? Giống như ghi chép đề mục, chỉ có mấy chữ, nói đại cương. Luận Ngữ có ý nghĩa ấy, đều là đề mục, giảng đề (chủ đề giảng dạy), cương yếu trong sự giảng giải của phu tử. Chẳng giống như đức Phật giảng kinh, có thể nói kinh do đức Phật đã giảng đều được ghi lại toàn bộ đại ý, khá tường tận, điều này rất khó có.

“*Chiêm thị*”: Chẳng dùng ngôn thuyết, mà chúng ta dùng mắt để nhìn, xem sắc tướng, xem động tác, bèn hiểu rõ ý nghĩa, đó là người Nhãn Căn nhạy bén. Thiên Tông thường dùng phương pháp này, chẳng giảng nói, giơ năm tay lên, cuộn các ngón tay thành nắm đấm, giơ ngón tay bảo quý vị hãy nhìn, đối phương vừa nhìn bèn giác ngộ. Đó là do một động tác, hay ra hiệu khiến cho đối phương nhận biết ý nghĩa. Thở ấy, trong pháp hội, Thích Ca Mâu Ni Phật “*niêm hoa vi tiếu*” (giơ cành hoa lên, mỉm cười), đó là động tác, đại chúng nhìn nhưng chẳng hiểu ý Phật, chỉ có Ma Ha Ca Diếp hiểu được. Ma Ha Ca Diếp trông thấy bèn cười, Ngài đã hiểu. Do vậy, đức Phật trao cành hoa ấy cho Ngài: “*Ta có Niết Bàn diệu tâm truyền cho Ma Ha Ca Diếp*”, đó là tổ sư đời thứ nhất của Thiên Tông. Do vậy, Thiên Tông “*chẳng lập văn tự, chỉ thẳng tâm người*”, tức là từ sắc tướng, động tác, quý vị bèn thấu hiểu ý nghĩa ấy. Do vậy, họ chẳng dùng ngôn thuyết, mà là “*chiêm thị*” (nhìn ngắm), dùng phương cách như vậy!

(Sao) Nãi chí hương phạn đẳng.

(鈔) 乃至香飯等。

(Sao: Cho đến cơm thơm v.v...)

“*Hương phạn*” là mời quý vị ăn cơm. Ăn cơm là Thiết Căn tiếp xúc Vị Trần, người ấy vừa ăn bèn giác ngộ. Trong cõi Hương Tích, Hương Tích Như Lai độ chúng sanh trong thế giới ấy rất lạ lùng. Chính Ngài chẳng thuyết pháp, vị Phật ấy mỗi ngày sắp đặt nhiều món ăn ngon mời mọi người ăn. Ăn xong, ai nấy đều khai ngộ. Trong sáu căn, Thiết Căn của chúng sanh nơi ấy rất nhạy bén!

Trong kinh Lăng Già có một đoạn kinh văn, đức Phật bảo Đại Huệ Bồ Tát: Hoàn toàn chẳng phải là tất cả các thế giới Phật đều giảng kinh, thuyết pháp. Nếu chúng sanh trong thế giới ấy Nhĩ Căn nhạy bén, đức Phật mới dùng ngôn thuyết; Nhãn Căn nhạy bén, đức Phật sẽ dùng sắc tướng, hoặc động tác, chẳng dùng ngôn thuyết.

(Sao) Cô Cực Lạc thế giới, bất dẫn kim khẩu thuyết pháp, y chánh tất nhĩ.

(鈔) 故極樂世界，不但金口說法，依正悉爾。

(Sao: Vì lẽ đó, thế giới Cực Lạc không chỉ là kim khẩu thuyết pháp, mà y báo và chánh báo đều là như thế).

Thế giới Cực Lạc là một thế giới bình đẳng. Người trong thế giới Cực Lạc là chúng sanh từ vô lượng vô biên sát độ trong mười phương di dân tới. Do vậy, các đại chúng trong thế giới Cực Lạc, chư thượng thiện nhân từ các thế giới đến, căn tánh gì cũng đều có. Nếu Tây Phương Cực Lạc thế giới A Di Đà Phật cũng giống như Sa Bà thế giới Thích Ca Mâu Ni Phật giảng kinh hơn ba trăm hội, thuyết pháp bốn mươi chín năm, sẽ không thể phủ độ chúng sanh. Dùng phương pháp ấy chỉ có thể tiếp dẫn [các chúng sanh đến từ] thế giới Sa Bà. [Chúng sanh từ] các thế giới phương khác vãng sanh [Cực Lạc] quá nhiều; vì thế, Tây Phương Cực Lạc thế giới thuyết pháp nhiệt náo, sáu căn và sáu trần thảy đều thuyết pháp, y báo lẫn chánh báo đều thuyết pháp. Đạo lý ở chỗ này.

(Sao) Như Đại Bản vân.

(鈔) 如大本云。

(Sao: Như kinh Đại Bản nói).

Đại Bản là kinh Vô Lượng Thọ.

(Sao) A Di Đà Phật, vị chư Bồ Tát, Thanh Văn, chư thiên, thế nhân, quảng tuyên đại giáo, phu diễn diệu pháp, mạc bất hân nhiên duyệt thích, tâm đắc giải ngộ, các hữu sở đắc.

(鈔) 阿彌陀佛，為諸菩薩聲聞諸天世人，廣宣大教，敷演妙法，莫不欣然悅適，心得解悟，各有所得。

(Sao: A Di Đà Phật, vì các Bồ Tát, Thanh Văn, chư thiên, người đời rộng tuyên đại giáo, diễn bày diệu pháp, không ai chẳng vui sướng, thoải mái, tâm được giải ngộ, ai nấy đều có sở đắc).

Đoạn này nói A Di Đà Phật vì đại chúng, “*Bồ Tát, Thanh Văn, chư thiên, người đời*”, đó là thân phận của họ trước khi đến Tây Phương Cực Lạc thế giới. Sau khi đã đến thế giới Tây Phương, thân phận giống nhau, đều là Bồ Tát. Từ kinh Vô Lượng Thọ, chúng ta thấy Tây Phương Cực Lạc thế giới tuyệt đối chẳng còn có Tiểu Thừa, nhân, thiên, không có! Chư vị phải biết điều này! “*Phu diễn diệu pháp*”: Đức Phật thuyết pháp bên ấy. “*Các hữu sở đắc*”: Mỗi cá nhân do căn tánh, trình độ tinh tấn khác nhau mà ngộ nhập có sâu hay cạn.

(Sao) Hựu vân: “Đông phương Hằng hà sa số chư Phật, các khiến vô lượng Bồ Tát, Thanh Văn, chí A Di Đà Phật sở, thính thuyết diệu pháp”.

(鈔) 又云：東方恆河沙數諸佛，各遣無量菩薩聲聞，至阿彌陀佛所，聽說妙法。

(Sao: Lại nói: “Hằng hà sa số chư Phật ở phương Đông, mỗi vị đều sai vô lượng Bồ Tát và Thanh Văn đến chỗ A Di Đà Phật nghe giảng diệu pháp”).

Đây là nói cạn kể một phương, những phương sau đó đều nói tinh lược.

(Sao) Tứ duy, thượng hạ, diệc phục như thị.

(鈔) 四維上下，亦復如是。

(Sao: Bốn phương, trên, dưới cũng đều như thế).

Chư Phật trong các thế giới Phật khắp mười phương, mỗi vị đều sai các vị Bồ Tát, A La Hán và Bích Chi Phật đến Tây Phương Cực Lạc thế giới để nghe A Di Đà Phật thuyết pháp.

(Sao) Thị chánh báo thuyết pháp.

(鈔) 是正報說法。

(Sao: Đó là chánh báo thuyết pháp).

Những điều này được nói trong kinh Đại Bản.

(Sao) Thử kinh thủy, điểu, thụ lâm diễn sướng diệu pháp.

(鈔) 此經水鳥樹林演暢妙法。

(Sao: Trong kinh này, chim, rừng cây diễn nói thông suốt diệu pháp).

Nước là vô tình, chim là hữu tình, rừng cây cũng là vô tình. Tình và vô tình thay đều thuyết pháp. Đó là sáu trần thuyết pháp.

(Sao) Cập Đại Bản, Quán Kinh, như hậu văn trung tường dẫn, thị y báo thuyết pháp.

(鈔) 及大本觀，如後文中詳引，是依報說法。

(Sao: Và Đại Bản, Quán Kinh như sẽ trích dẫn tường tận trong phần sau. Đó là y báo thuyết pháp).

“Y báo” là hoàn cảnh vật chất.

(Sao) Hựu Đại Bản vân: “Bỉ quốc liên hoa xuất vô lượng quang”.

(鈔) 又大本云：彼國蓮華出無量光。

(Sao: Lại nữa, kinh Đại Bản nói: “Hoa sen trong cõi ấy tỏa vô lượng quang minh”).

Hoa sen tỏa ánh sáng, trong quang minh xuất hiện vô lượng Phật. Những vị Phật ấy là hóa Phật, từ trong hoa sen biến hóa ra.

(Sao) Nhất nhất chư Phật, giai thuyết diệu pháp, thị y chánh câu thời thuyết dã.

(鈔) 一一諸佛，皆說妙法，是依正俱時說也。

(Sao: Mỗi một vị Phật đều nói diệu pháp, đó là y báo và chánh báo đồng thời thuyết pháp).

Đây là y báo và chánh báo đều thuyết pháp. Hoa sen là y báo, trong y báo hiện Phật, Phật là chánh báo, chánh báo xuất hiện từ y báo. Đức Phật lại thuyết pháp, y báo đồng thời thuyết pháp.

Trong Sớ Sao, Liên Trì đại sư trích dẫn kinh Vô Lượng Thọ, đại đa số chọn lựa trích dẫn [kinh văn] từ bản hội tập của cư sĩ Vương Long Thư,

nay chúng ta gọi [bản hội tập ấy] là Đại A Di Đà Kinh. Bản hội tập ấy của Vương Long Thư tuy không hoàn toàn, đối với năm bản dịch gốc, ông ta chỉ chọn lựa từ bốn bản, chẳng chọn lọc kinh văn từ hội Vô Lượng Thọ của kinh Đại Bảo Tích, nhưng văn tự [trong bản hội tập ấy] hay hơn các bản dịch gốc.

(Sớ) Hữu vị thuyết pháp thị Ứng Thân, Báo Thân, hữu vị tam thân tề thuyết, các tùy cơ kiến.

(疏) 有謂說法是應身報身，有謂三身齊說，各隨機見。

(Sớ: Có người nói Ứng Thân và Báo Thân thuyết pháp, có người nói ba thân cùng thuyết pháp, [những cách nói ấy] đều là kiến giải thuận theo căn cơ).

Có người nói Ứng Thân Phật hoặc Báo Thân Phật thuyết pháp, Pháp Thân Phật chẳng thuyết pháp; cũng có người nói ba thân đều cùng thuyết pháp. Giảng giải điều này như thế nào? Dưới đây, [Liên Trì đại sư] đã chú giải rất tỉ mỉ:

(Sao) Ứng Thân thuyết giả.

(鈔) 應身說者。

(Sao: Ứng Thân nói là...)

Đây là những người có kiến giải chủ trương Ứng Thân và Hóa Thân thuyết pháp.

(Sao) Hữu vân: Pháp Thân nhất hướng bất thuyết, Báo Thân cụ thuyết bất thuyết, Ứng Thân định thuyết.

(鈔) 有云：法身一向不說，報身具說不說，應身定說。

(Sao: Có người nói: Pháp Thân một mực không nói, Báo Thân hoặc nói, hoặc chẳng nói, Ứng Thân nhất định nói).

“*Pháp Thân nhất hướng bất thuyết*” (Pháp Thân luôn luôn không nói); đây là nói về ngôn ngữ, văn tự. Văn tự là phù hiệu ngôn ngữ, tương đồng với ngôn ngữ. Pháp Thân là lý thể, Pháp Thân không có hình tướng, không có hình tướng thì thuyết pháp bằng cách nào? Do vậy, nói “*Pháp Thân nhất hướng bất thuyết*”, ý nghĩa ở chỗ này. Chúng ta phải thấu hiểu kỹ càng những chỗ này. Cách nói của mỗi vị cổ nhân đều rất có đạo lý,

nhưng quý vị hãy suy xét kỹ, [sẽ thấy nói theo kiểu này] đạo lý chẳng viên mãn, đều lệch lạc một bên, người nói như vậy chẳng ít!

“*Báo Thân cụ thuyết, bất thuyết*”: Cụ (具) là trọn đủ, [Báo Thân] có thuyết hoặc chẳng thuyết. Thế nào là có thuyết và chẳng thuyết? Báo Thân có Tự Thụ Dụng thân và Tha Thụ Dụng thân. Tự Thụ Dụng thân chẳng nói, nhưng Tha Thụ Dụng thân có thuyết pháp. Tha Thụ Dụng thân là như kinh thường nói: “*Phật vì hàng Thập Địa Bồ Tát hiện Báo Thân*”. Thập Địa, từ Sơ Địa đến Đẳng Giác, mười một địa vị ấy, thân của Báo Thân to lớn. Trong kệ Tán Phật có câu: “*Bạch hào uyển chuyển ngũ Tu Di. Cầm mục trùng thanh tứ đại hải*”, đó là nói về Báo Thân Phật. Nếu [thân] Phật ấy ở trước mặt chúng ta, chúng ta sẽ chẳng nhìn thấy, vì sao? Thân Ngài còn to hơn địa cầu, quý vị làm sao trông thấy Ngài cho được? Chẳng thấy được! Giống như con kiến bò trên thân chúng ta, kiến chẳng biết người là như thế nào. Nó không biết, chẳng thấy, tướng ấy quá ư to lớn. Do vậy, Phật muốn độ Địa Thượng Bồ Tát, phải hiện thân to lớn giống như họ để thuyết pháp cho họ. Hiện thân giống như họ, đó là thân Tha Thụ Dụng. Đúng như trong ba mươi hai Ứng Thân đã nói: “*Nên dùng thân gì để độ, Phật bèn hiện thân tướng ấy*”. Vì thế, Ngài (Báo Thân Phật) có nói và chẳng nói.

“*Ứng Thân định thuyết*” (Ứng Thân nhất định nói). “*Ứng Thân*” ứng hóa trên thế gian, vì Tam Hiền, Nhị Thừa, lục đạo phàm phu mà thuyết pháp. Như Thích Ca Mâu Ni Phật thị hiện trong thế gian này, tướng mạo, thân hình chẳng khác người thế gian chúng ta cho mấy. Tuy vóc dáng cao hơn một chút, nhưng cũng không cao lắm. Nếu rất cao, sẽ biến thành quái nhân mất rồi. Trong kinh thường nói thân Phật là “*trượng lục kim thân*”, thân Phật cao một trượng sáu thước. “*Trượng lục*” là một trượng sáu thước tính theo thước đời Châu, chẳng phải là thước hiện thời. Hoằng Nhất đại sư biên soạn tác phẩm Luật Học Tam Thập Tam Chung, trong ấy có một chương là Châu Xích Khảo (khảo cứu về thước đời Châu), đối với thước đời Châu, Ngài đã khảo cứu công phu. Một trượng sáu thước, gần như là một trăm chín mươi xăng-ti-mét hiện thời, dáng vóc cao như vậy.

Tướng hảo của Phật là quả báo do Ngài nhiều đời nhiều kiếp tu phước mà đạt được, Ngài có đầy đủ ba mươi hai tướng, tám mươi thứ hảo. Đây là những tướng tốt theo sách coi tướng của thế gian Ngài đều có, tất cả tướng tốt đều do Ngài tu được. Mỗi cá nhân chúng ta đều hy vọng chính mình tướng hảo, đều có thể tu được. Ngay cả thầy xem tướng cũng nói: “*Tướng chuyển theo tâm*”. Phải tu tướng hảo theo cách nào? Tuyệt đối chẳng phải là đến thẩm mỹ viện. Dựa vào thẩm mỹ viện để tu tướng hảo,

vấn đề sẽ nghiêm trọng, sẽ thường là một thân đầy bệnh tật, về sau, chẳng có thuốc nào chữa được! Chúng tôi đã thấy rất nhiều trường hợp [như vậy]. Đức Phật dạy chúng ta tu tướng hảo từ chỗ nào? Tu từ tâm địa. Tâm quý vị thật sự từ bi, thanh tịnh, bình đẳng, tướng tự nhiên tốt đẹp. Các nhà tướng số thường nói: Một người trước khi tròn bốn mươi tuổi, tướng mạo là bẩm sanh, tiên thiên, sau bốn mươi tuổi, tướng mạo là hậu thiên²¹, do tâm lý và hành vi của quý vị trong một đời này đã biến tiên thiên thành hậu thiên. Do vậy, tướng mạo sau bốn mươi tuổi là hậu quả của một đời này.

Trên thực tế, tướng mạo do tâm chính mình biến hiện, mỗi cá nhân tướng mạo bất đồng là vì khi kẻ ấy đầu thai, trong kinh, đức Phật đã nói rất hay: “*Ái chẳng nặng, chẳng sanh Sa Bà*”, quý vị đến thế gian này đầu thai như thế nào? Quý vị có ái dục! Lúc đầu thai, quá nửa là chọn lấy tướng mạo của cha mẹ, vì kẻ ấy ưa thích tướng mạo đó, nên biến thành dáng vẻ ấy. Tướng mạo ấy in hằn khá sâu trong tâm kẻ ấy. Vì thế, tướng sanh từ tâm tướng! Tâm tướng bèn hiện tướng. Tướng mạo do chính mình biến hiện, cha mẹ chỉ làm Tăng Thượng Duyên cho quý vị, làm khuôn mẫu. Quý vị trông thấy, ưa thích tướng này bèn chọn lấy tướng này, ưa thích tướng kia bèn chọn lấy tướng kia, tướng do đó mà có, chẳng phải do di truyền. Người bình phàm chúng ta hiện thời thường nói là “di truyền”, nói theo Phật pháp, điều này chẳng đúng, không có đạo lý ấy! Sau tuổi trưởng thành, chính mình hiểu chuyện, trong tâm có thiện, ác, tướng mạo bèn biến đổi theo tâm hạnh của quý vị. Do vậy, tướng mạo tuổi tráng niên và lão niên là do quý vị tu tích trong đời này. Đối với người học Phật [chuyện này] càng rõ ràng hơn, biến đổi rất nhanh, người ấy hiểu phương pháp và lý luận. Đó là nói về tu tướng hảo và quang minh, nhất định phải thực hiện từ nơi tâm. Ứng Thân Phật điều gì cũng giống như chúng sanh trong thế gian này, nên Ngài nhất định phải thuyết pháp.

***(Sao) Tắc bĩ Phật thuyết pháp, đương thị Ứng Thân, nhiên diệt
kiêm Báo, như Đại Bản, cao xuất nhất thiết thế gian chi thân, Quán
Kinh, lục thập vạn ức na-do-tha Hằng sa do-tuần chi thân, tắc khởi
định trượng lục.***

²¹ Tiên thiên (先天) là những gì do bẩm sinh, được thừa hưởng từ cha mẹ (Trung Y còn dùng từ ngữ “thai nguyên” (胎元) để chỉ điều này), còn hậu thiên (後天) là những gì đạt được do quá trình nuôi dưỡng, bồi bổ, tập luyện.

(鈔) 則彼佛說法，當是應身，然亦兼報，如大本，高出一切世間之身，觀經，六十萬億那由他恆沙由旬之身，則豈定丈六。

(Sao: Nên đức Phật ấy thuyết pháp sẽ là Ứng Thân, nhưng cũng có cả Báo Thân, như trong Đại Bản có nói [thân Phật] cao vượt hết thầy thân trong thế gian, hoặc Quán Kinh nói thân cao sáu mươi vạn ức na-do-tha Hằng sa do-tuần, há cứ nhất định phải là thân trượng sáu).

Chúng ta thấy những điều này từ kinh Đại Bản và Quán Vô Lượng Thọ Phật. Thân tướng của Phật vô cùng cao lớn, “*lục thập vạn ức na-do-tha Hằng sa do-tuần chi thân*” (thân cao sáu mươi vạn ức na-do-tha Hằng sa do-tuần), thân tướng ấy chẳng thể nghĩ bàn. Trong kệ Tán Phật có câu: “*Bách hào uyển chuyển ngũ Tu Di, cảm mục trùng thanh tứ đại hải*”, nói như thế vẫn là quá nhỏ. Trên thực tế, hai mắt đức Phật và tướng bạch hào vượt xa những lời chúng ta tán thán, nhưng nếu nói lớn hơn nữa, chúng ta sẽ chẳng nói được, vì trên địa cầu này, chúng ta thấy biển lớn nhất là đại dương, núi cao nhất là núi Hỷ Mã Lạp Nhã, đó chính là núi Tu Di trên địa cầu này, không có gì cao hơn nữa! Nêu những gì chúng ta có thể trông thấy trước mắt để làm tỷ dụ, trên thực tế không phải chỉ có vậy. Có thể thấy thân tướng của Phật to lớn [dường nào]!

(Sao) *Nhiên kinh vân: “Báo, Hóa phi chân Phật, diệt phi thuyết pháp giả”, hà đắc định ngôn Pháp Thân bất thuyết, đương thị tùy cơ sở kiến, tự bất đồng nhĩ.*

(鈔) 然經云：報化非真佛，亦非說法者。何得定言法身不說，當是隨機所見，自不同耳。

(Sao: Nhưng kinh nói Báo Thân và Hóa Thân chẳng phải là Chân Phật, cũng chẳng là người thuyết pháp, làm sao có thể nói khẳng định Pháp Thân chẳng thuyết pháp. [Do vậy] phải là tùy theo cái nhìn của từng căn cơ mà thấy khác biệt).

Câu này nói rất hợp lý, vì sao nói Báo Thân và Hóa Thân chẳng phải là Chân Phật? Trong kinh nói “*Báo Hóa phi Chân Phật, diệt phi thuyết pháp giả*” (Báo Thân và Hóa Thân chẳng phải là Chân Phật, cũng chẳng phải là người thuyết pháp), ở đây bao hàm hai ý nghĩa: Thứ nhất, Báo Thân Phật và Hóa Thân Phật đều do Pháp Thân biến hiện, từ Thể khởi Dụng, là tác dụng của Pháp Thân lý thể. Dụng không có tự tánh, tức là

Dụng không có tự thể, cho nên nói “*vạn pháp đều là Không*”; vì sao nói “*vạn pháp đều là Không*”? Vì hết thảy vạn pháp chẳng có tự tánh, toàn bộ Thể chính là Chân. Báo Thân, Ứng Thân, Hóa Thân đều không có tự thể, bản thể của chúng vẫn là Pháp Thân. Đây là một ý nghĩa.

Thứ hai, đối với hết thảy các pháp do Báo Thân và Hóa Thân đã nói, chúng ta quan sát sâu hơn một tầng, [sẽ thấy] ngôn thuyết, văn tự cũng chẳng có tự tánh. Trong Khởi Tín Luận, Mã Minh Bồ Tát đã bảo: “*Ly ngôn thuyết tướng, ly danh tự tướng, ly tâm duyên tướng*”. Xem kinh, nghe pháp như thế thì mới có nhập xứ, nhập xứ là ngộ xứ, quý vị mới có thể thật sự nghe [pháp] này nọ. Nói cách khác, khi quý vị đọc tụng, nghe giảng, nếu trong tâm quý vị chấp trước ngôn thuyết, chấp trước danh tướng, trong tâm còn có phan duyên, “tâm duyên” là trong tâm có phan duyên, trong tâm có ý nghĩ, có cách nhìn và cách nghĩ của ta, có đủ thứ kiến giải, những điều ấy gọi là “tâm duyên tướng”, quý vị chẳng có hy vọng khai ngộ! Quyết định chẳng thể khai ngộ, vì sao? Ngộ môn đã bị bít chặt rồi. Khai ngộ thì tâm nhất định phải thanh tịnh, tâm thanh tịnh mới có thể khai ngộ! Trong tâm có đôi chút chướng ngại sẽ chẳng thể khai ngộ.

Chúng ta đọc Đàn Kinh, thiên sư Pháp Đạt niệm ba ngàn bộ kinh Pháp Hoa, công phu rất sâu, vì sao Sư chẳng thể khai ngộ? Ba ngàn bộ kinh Pháp Hoa niệm mười năm, mỗi ngày niệm một lượt thì gần như ba ngàn biến là mười năm. Kinh Pháp Hoa bảy quyển, văn tự khá dài. Nguyên nhân khiến Sư chẳng thể khai ngộ là do có chấp trước, cảm thấy chính mình giỏi giang hơn người khác, đáng để kiêu ngạo, hồng hét rồi! Sư nhân duyên thù thắng, gặp gỡ Lục Tổ. Nếu Sư không gặp Lục Tổ, cả một đời chẳng thể khai ngộ, cuối cùng biến thành kiêu căng, ngã mạn. Niệm cả ba ngàn bộ kinh Pháp Hoa như vậy, thừa quý vị, đời sau chỉ thuộc vào phước báo hữu lậu trong tam giới lục đạo, Sư có thể sanh trong đường trời người hay không? Không chắc! Nếu tâm ngạo mạn rất nặng, sẽ chẳng sanh trong đường trời, người! Nhiều lắm là sanh trong Tu La đạo thì đã là tột bậc rồi! Hiếu thắng, ngã mạn, xem thường kẻ khác, tự cho mình là đúng, phước báo rất lớn, sanh trong Tu La đạo đã khá lắm rồi! Kẻ ấy thiếu đức hạnh của người, trời. Phước trời nhất định phải là trọn đủ từ, bi, hỷ, xả, tứ vô lượng tâm. Từ kinh điển Đại Tiểu Thừa, chúng ta thấy chư thiên từ Sắc Giới trở lên chẳng ngạo mạn, không có loại phiền não ấy, tâm địa luôn từ bi; tu từ, bi, hỷ, xả. Mạn chỉ có trong Dục Giới, chứ Sắc Giới và Vô Sắc Giới đều không có.

Có thể thật sự lìa khỏi tướng ngôn thuyết, tướng danh tự, tướng tâm duyên, tâm bèn thanh tịnh. Tâm thanh tịnh nghe pháp có thể khai ngộ.

Không chỉ nghe kinh có thể khai ngộ, mà thừa cùng quý vị, tâm thật sự thanh tịnh, nghe tiếng gió lùa, nghe lá rụng đều có thể khai ngộ, trong Thiên Tông có rất nhiều trường hợp [giống như vậy]. Chẳng phải là nói nhất định phải tham Thiên thì mới hồng khai ngộ! Không nhất định, chỉ cần tâm thanh tịnh sẽ có ngộ xứ. Trong quá khứ, tại Trung Quốc, một số các nhà văn, thi nhân, nghệ thuật gia, khá nhiều người thuận theo linh cảm, tâm địa thanh tịnh, thấy sắc, nghe tiếng trong thiên nhiên bèn đạt được linh cảm. Trong Phật môn, linh cảm được gọi là “ngộ xứ”. Do có chỗ lãnh ngộ, nên có thể viết ra văn chương bất hủ, soạn thành nhạc khúc hay thi từ bất hủ, đều do tâm thanh tịnh được cảm vờ bởi ngoại vật, đạo lý là như thế đó! Do vậy có thể biết tâm thanh tịnh trọng yếu như thế nào! Hiểu rõ tánh của văn tự là Không, tánh của ngôn thuyết cũng là Không, vậy thì chúng ta lấy gì làm pháp? Nhất định là tâm có sở ngộ, ngộ nhập Pháp Tánh là có pháp, nhập Pháp Tánh là có pháp, nhà Thiên gọi đó là “*minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật*”.

“*Đương thị tùy cơ sở kiến, tự bất đồng nhĩ*” (phải nên là tùy theo cách nhìn của từng căn cơ mà khác biệt). Phạm phu, Tiểu Thừa, Quyền Giáo chỉ thấy Ứng Thân Phật thuyết pháp; Đại Thừa, Biệt Giáo thì bậc Địa Thượng Bồ Tát, Viên Giáo thì từ Sơ Trụ trở lên, thấy Báo Thân Phật thuyết pháp. Nếu là viên đốn Bồ Tát, thừa cùng quý vị, sẽ thấy Pháp Thân cũng thuyết pháp, tuyệt diệu! Pháp Thân thuyết pháp như thế nào? Tây Phương Cực Lạc thế giới hữu tình và vô tình đều thuyết pháp, đó là Pháp Thân thuyết pháp. Vì thế, trước hết, chúng ta phải liễu giải Pháp Thân là gì? Ý nghĩa này rất khó hiểu. Có ai trong chúng ta chẳng có Pháp Thân? Tuy có Pháp Thân, nhưng chúng ta không nhận biết. Tuy có Pháp Thân, nhưng không thừa nhận, chẳng có cách nào cả! “Pháp” là vũ trụ vạn pháp, “Thân” là tự thân, toàn thể vũ trụ là tự thể, ai thừa nhận? Chẳng có ai thừa nhận! Nếu quý vị thừa nhận, quý vị đã là Pháp Thân Bồ Tát rồi.

Tôi thường dùng chuyện nằm mộng để tỷ dụ chuyện này, chỉ có dùng mộng cảnh để tỷ dụ, lãnh ngộ khá dễ dàng, do thời gian nằm mơ ngắn ngủi mà! Mỗi cá nhân đều có kinh nghiệm nằm mộng, mộng do tâm biến hiện. Cái tâm có thể nằm mộng ví như Chân Như bản thể, nó không có tướng, nó là Pháp Thân bản thể. Tuy nó chẳng có tướng, nhưng có thể hiện tướng, tùy duyên hiện tướng. Bình thường ta không hiểu, chẳng biết tâm có hình dạng ra sao? Lúc nằm mơ, nếu quý vị giác ngộ một thoáng, tâm ta giống như gì? Toàn thể cảnh trong mộng là Tướng Phần của cái tâm quý vị. Hình dáng của tâm quý vị trong khi ấy chính là những tướng trạng nơi mộng cảnh. Quý vị thật sự giác ngộ, cảnh trong mộng là hình

trạng của cái tâm, vậy thì quý vị hãy xét xem, có thứ gì trong mộng cảnh chẳng phải là chính mình? Ngoài tâm chẳng có mộng, ngoài mộng chẳng có tâm! Toàn thể tâm biến thành mộng, toàn bộ giác mộng là tự tâm của quý vị, là một, chẳng hai! Hễ giác ngộ, toàn thể mộng cảnh vốn là chính ta, điều này giống như quý vị đã chứng Pháp Thân. Quý vị mới biết đều là chính mình! Trong mộng có tự thân của chính mình thì tự thân ấy là chính mình, mà cả đồng người trong mộng vẫn là chính mình. Núi, sông, đại địa trong mộng vẫn là chính mình, chẳng có gì không phải là chính mình! Chắc chắn chẳng thể nào có thứ gì từ bên ngoài đi vào trong mộng cảnh của quý vị được, không thể nào có chuyện đó! Đều do chính quý vị biến ra!

Nếu bây giờ quý vị hỏi, Chân Như bốn tánh của chúng ta có hình dạng ra sao? Nay chúng ta thấy tận hư không khắp pháp giới, hình tướng ấy chính là Tướng Phần của Chân Như bốn tánh. Thế giới này, vũ trụ này, có pháp nào chẳng phải là chính mình? Thấy đều là! Do vậy, chúng sanh đáng thương, chúng sanh điên đảo, vốn là chính mình mà phân chia ta, người, hư vọng phân biệt, khởi phân biệt, chấp trước, tạo đủ mọi nghiệp trong ấy, hứng chịu đủ thứ quả báo, hoàn toàn do chính mình biến hiện! Sau khi đã thật sự giác ngộ, quý vị mới hiểu!

Người chứng đắc Pháp Thân, mức độ thấp nhất là quyết định không có bốn tướng, “*ngã tướng, nhân tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng*” như kinh Kim Cang đã nói, vì sao? Người ấy thật sự nhập cảnh giới Hoa Nghiêm, “*tình dữ vô tình, đồng viên chủng trí*”. Đó là thật sự chứng đắc Pháp Thân, nói theo người niệm Phật là Lý nhất tâm bất loạn. Khi ấy, kẻ mê tự vạch giới hạn trong đó, còn người tự mình đã ngộ, chẳng còn vạch giới hạn với người khác, mà là người khác vạch giới hạn đối với người đó. Những kẻ khác vạch giới hạn với người ấy, người ấy bèn có thể tùy thuận giới hạn của chúng sanh, chính mình chắc chắn chẳng có giới hạn. Nói cách khác, chính mình quyết định không có phân biệt, chấp trước, vọng tưởng, không có một vọng niệm nào, có thể tùy thuận sự phân biệt, chấp trước, vọng tưởng của hết thảy chúng sanh, hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức. Công đức ở chỗ nào? Trong tâm của chính mình hiểu rõ!

Trong kinh Pháp Hoa cũng có một tỷ dụ, tức là tỷ dụ về một vị trưởng giả, con ông ta bỏ trốn từ nhỏ, về sau lớn lên, ăn mày bên ngoài, nghèo khổ khôn cùng! Trưởng giả biết gã ấy là con mình, nhưng gã nghèo ấy thấy vị trưởng giả bèn sợ hãi, chẳng dám nhìn, chẳng dám nhận. Quý vị nói với hắn, hắn chẳng thể tin tưởng. Chính ông trưởng giả hiểu rất rõ. Vị trưởng giả trong kinh Pháp Hoa ví như đức Phật, hoặc ví như hàng đại

Bồ Tát đã kiến tánh. Đứa con bỏ trốn ví như lục đạo chúng sanh, hoặc Quyền Giáo, Nhị Thừa, họ chẳng biết vạn pháp trong vũ trụ là một, chẳng hai, chẳng biết hết thấy vạn pháp là chính mình. Khi nào quý vị thật sự hiểu rõ, thật sự giác ngộ, chuyển đổi quan niệm ấy, trong hết thấy các pháp giới, bốn tướng đều chẳng có, bốn kiến cũng không có, quý vị chúng đắc Thanh Tịnh Pháp Thân, sẽ thuộc vào địa vị nào? Quý vị là Pháp Thân đại sĩ, là Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo. Hàng Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo khác chúng ta ở chỗ này. Trừ điều đó ra, chẳng có gì khác biệt, Ngài cũng mặc quần áo, ăn cơm, đi ra ngoài phải ngồi xe, đều giống hệt, nhưng tư tưởng, kiến giải, quan niệm khác nhau. Điều khác biệt rất lớn so với người bình phàm chúng ta là Ngài thật sự chẳng có phiền não, không có tham, sân, si, ngã mạn, chẳng có tập khí phiền não! Chúng ta lại xem đoạn tiếp theo.

(Sớ) Sở tích giả, vạn lý bách thành, vị tham tri thức, thê sơn hàng hải, vân lễ đạo tràng. Khởi khả vạn đức Như Lai hiện tại thuyết pháp, mạc nhiên bất cố, cam đoạ thành Đông, thị tắc danh vi lân mẫn giả.

(疏) 所惜者，萬里百城，為參知識，梯山航海，云禮道場。豈可萬德如來現在說法，漠然不顧，甘墮城東，是則名為憐憫者。

(Sớ: Điều đáng tiếc là vượt muôn dặm, trăm thành để tham bái tri thức, trèo non, vượt biển hồng lễ bái đạo tràng, há đành đối với vạn đức Như Lai hiện đang thuyết pháp lại thờ hững chẳng đoái hoài, cam phận đoạ lạc ở phía Đông tòa thành, nên được gọi là “kẻ đáng thương xót” vậy!)

Trong đoạn này bao hàm rất nhiều điển cố. “*Vạn lý bách thành*” là nói về sự tham học, muôn dặm tìm thầy, đi qua trăm thành tham phỏng thiện hữu.

(Sao) Vạn lý giả.

(鈔) 萬里者。

(Sao: “Muôn dặm”).

Đây là công án “*vạn lý tâm sư*” (muôn dặm tìm thầy).

(Sao) Tăng vấn Đại Tỳ.

(鈔) 僧問大隨。

(Sao: Tăng hỏi ngài Đại Tỳ).

“Tăng” là người xuất gia, cũng là người đi khắp nơi tham học, hỏi hòa thượng Đại Tỳ.

(Sao) “**Kiếp hỏa đồng nhiên, vị thâm giá cá hoại bất hoại?**” **Đáp vân: “Hoại!”**

(鈔) 劫火洞然，未審這個壞不壞？答云：壞。

(Sao: “**Kiếp hỏa cháy rụi, chẳng biết là cái này hoại hay không?**”
Sư (ngài Đại Tỳ) **đáp: “Hoại”**).

Đây là gì? Nói về thân thể này. Kiếp hỏa cháy rụi, thân này có hoại hay không? Hoại!

(Sao) **Tăng viết: “Nhĩm ma tắc tùy tha khứ dã”**.

(鈔) 僧曰：怎麼則隨他去也。

(Sao: Tăng viết: “**Như vậy là để tùy ý nó ư?**”)

“**Nhĩm ma**” nói như bây giờ là “**như vậy**”. Vậy thì để mặc nó, Hoại thì sao? Hoại thì để mặc nó đi!

(Sao) **Đáp viết: Tùy tha khứ.**

(鈔) 答曰：隨他去。

(Sao: **Sư đáp: “Để mặc nó”**).

Hòa thượng Đại Tỳ trả lời: “**Để mặc nó**”.

(Sao) **Tăng nghi bất quyết.**

(鈔) 僧疑不決。

(Sao: **Vị Tăng ấy nghi ngờ, không giải quyết được!**)

Một hỏi, một đáp, trả lời thật sự chẳng sai, nhưng người hỏi đối với lời đáp bèn hoài nghi. Nói cách khác, lần tham phỏng này chẳng đạt được yếu lãnh!

(Sao) **Vãng hoàn vạn lý, quảng tham tri thức, thử đắc đại ngộ.**

(鈔) 往還萬里，廣參知識，始得大悟。

(Sao: Qua lại vạn dặm, tham phỏng rộng khắp tri thức, mới đắc đại ngộ).

Đây là một công án nổi danh trong Thiền Tông Trung Quốc. Trong một ngàn bảy trăm bài công án của sách Ngũ Đăng Hội Nguyên có ghi câu chuyện này. Sau khi người tham học ấy rời ngài Đại Tỳ, đến phương Nam gặp hòa thượng Đầu Tử, vị này cũng là một vị thiền sư đại triệt đại ngộ. Ngài Đầu Tử hỏi vị ấy: “Ông từ chỗ hòa thượng Đại Tỳ đến đây, Tỳ hòa thượng nói với ông điều gì?” Vị Tăng ấy bèn nhắc lại đoạn vấn đáp trên đây. Hòa thượng Đầu Tử sau khi nghe xong bèn hướng về phương Tây lễ bái (vì ngài Đại Tỳ trụ tại Tứ Xuyên), nói: “*Tứ Xuyên có cổ Phật xuất thế*”. Bào người xuất gia ấy: “Ông đến gặp tôi làm gì? Ngài [Đại Tỳ] là bậc lỗi lạc, ông hãy trở về”. Người ấy ra đi, trở về, “*vạn lý*” là từ ngữ hình dung, [trên thực tế] vẫn chưa đến vạn dặm, nhưng vài ngàn dặm thì có. Nhất là xưa kia chẳng có phương tiện giao thông [thuận tiện như hiện thời], người xuất gia tham học đều là đi bộ. Một lần đi về phải mất mấy tháng, vô cùng vất vả! Nghe lời ngài Đầu Tử, vị Tăng ấy trở về, sau khi trở lại Tứ Xuyên thì hòa thượng Đại Tỳ đã viên tịch, chẳng còn trụ thế nữa! Vị ấy vẫn hoài nghi y như cũ, chẳng thể giải quyết mối nghi tình, nghe những vị thiền sư ấy nói không đầu không đuôi, chẳng hiểu các Ngài nói gì!

Sau này, vị Tăng ấy lại tham phỏng thiền sư Long Nha, trình lên Sư những lời vấn đáp trước kia của các vị Đại Tỳ và Đầu Tử. Nhà Thiền nói: “*Đại nghi ắt đại ngộ, tiểu nghi ắt tiểu ngộ*”. Trong tâm có nghi tình, nghi tình khác với hoài nghi. Hoài nghi là phiền não, [hoài nghi chính là “nghi” trong Ngũ Độn Sử] tham, sân, si, mạn, nghi, vì sao? Hoài nghi là không tin, còn nghi tình là tin, tin tưởng lời hai vị ấy nói chắc chắn chẳng sai, nhưng ta không hiểu, chẳng biết các Ngài nói gì. Thường ghi nhớ những lời ấy trong lòng, nhà Thiền gọi chuyện này là “*tham thoại đầu*”, thường nghĩ đến. Nếu người ấy không tin, căn bản là sẽ chẳng nghĩ đến. Thiền sư Long Nha bảo: “*Giống như đại thiên*”. Nghe xong câu ấy, vị Tăng bỗng nhiên ngộ nhập, nói: “*Nhất cú tùy tha ngữ, thiên sơn tẩu nạp tăng*”, [nghĩa là] chỉ có một câu nói “*để mặc nó*” ấy khiến cho ta phải đi ngàn vạn sơn thủy, khổ gần chết! Trước khi ngộ, vị Tăng ấy hỏi: “*Lúc kiếp hỏa cháy rụi, chẳng biết cái này có hoại hay không?*” Sau khi ngộ, vị ấy soạn một bài kệ: “*Kiếp hỏa quang trung lập vấn đaoan*” (trong ánh lửa kiếp hỏa, đứng hỏi nguồn cơn), ta nêu ra nghi vấn này, “*nạp tăng do trệ lưỡng trùng quan*”

(ông tăng vẫn bị vướng mắc nơi hai tầng ải), chẳng hiểu thấu, “*chỉ nhân nhất cú tùy tha ngữ, vạn lý khu khu độc vãng hoàn*” (chỉ vì một câu “để mặc nó” mà một thân mãi miết qua lại vạn dặm). Một mình đi khắp nơi tầm sư phỏng đạo, mong giải quyết vấn đề này. Kể ra cũng khá lắm, thật sự giải quyết được vấn đề này, ngộ nhập, đó là cảnh giới minh tâm kiến tánh.

Ngài Long Nha nói: “*Giống như đại thiên*”, câu này đã nói xuyên suốt, mộng cảnh đây! Thấy đều thuộc về mộng cảnh. Nếu quý vị hiểu đều là mộng cảnh, há có sanh diệt? Há có đến, đi? Người ta nói chẳng sai, để mặc nó! Để mặc nó thì hết thấy đều buông xuống. Trong hết thấy hiện tượng, hết thấy sự vật, chớ nên chấp trước, đừng nên phân biệt. Quý vị có thể thứ gì cũng để mặc nó, tâm quý vị thanh tịnh, thản nhiên, tự tại giải thoát lắm! Hết thấy chúng sanh không chịu để mặc nó, nên tự tìm phiền phức, lúc ấy mới khổ não ngàn muôn, mới có lục đạo luân hồi. Quý vị hết thấy đều có thể để mặc nó, một câu “*để mặc nó*” chính là “*tùy hỷ công đức*” được nói trong mười đại nguyện vương, hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức, tự tại ngàn nào! Người thật sự ngộ nhập cảnh giới mới hiểu rõ.

(Sao) Bách thành giả, Thiện Tài Nam du bách nhất thập thành, tham ngữ thập tam thiện tri thức, dẫn thử dĩ hướng A Di Đà Phật thị tối thượng tri thức dã.

(鈔) 百城者，善財南遊百一十城，參五十三善知識，引此以況阿彌陀佛是最上知識也。

(Sao: “Trăm thành”: *Thiện Tài đi về phương Nam qua một trăm mười thành, tham bái năm mươi ba vị thiện tri thức, dẫn điều này để sánh ví A Di Đà Phật là bậc tri thức tối thượng*).

Trong kinh Hoa Nghiêm, Thiện Tài đồng tử tham phỏng năm mươi ba vị thiện tri thức, đi qua tất cả một trăm mười thành thị. “*Nam du*”: Nam không có nghĩa là phương hướng, mà Nam tượng trưng trí huệ, quang minh. Hết đại thiện tri thức cư trú nơi nào, nơi đó có người trí huệ, nơi đó được gọi là “*Nam phương*”, trọn chẳng phải là nói đến [các phương vị] Đông, Nam, Tây, Bắc, mà [Nam phương] tượng trưng trí huệ. Ở đây, đại sư trích dẫn đoạn công án này, nhằm tỷ dụ A Di Đà Phật là bậc tri thức tối thượng. Quý vị mong tham phỏng thiện tri thức, sao quý vị không tới thế giới Tây Phương? Đây là nói: “*Thập phương nhất thiết Như Lai, A Di Đà đệ nhất*” (mười phương hết thấy Như Lai, A Di Đà đệ nhất)! Trên thực tế,

A Di Đà Phật vượt trời hết thầy chư Phật, Ngài chẳng phải là thiện tri thức bậc nhất thì là gì? Đáng tiếc rất nhiều người chẳng nhận biết Ngài. Phải thật sự nhận biết Ngài, phải tham phỏng vị đại thiện tri thức ở Tây Phương này! Cách tham phỏng như thế nào? Ngay lập tức ra đi, cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Như thế nào mới có thể ra đi thành công? Ở đây nói, đối với hết thầy mọi thứ trong thế giới này hãy tùy thuận chúng là được, quý vị sẽ đến được Tây Phương Cực Lạc thế giới thành công. Trên thế giới này, nếu thứ gì quý vị cũng còn so đo, sẽ tạo thành chướng ngại cho việc cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Do vậy, đối với thế giới này, hãy đừng bận tâm, hãy để mặc nó! Chúng sanh có phước cũng thế, mà thiếu phước cũng thế, thầy đều để mặc, chẳng cần phải bận tâm đến!

Tuy là như vậy, đối với người hữu duyên, chúng ta vẫn giúp họ. Trong Phật môn có một câu nói thông dụng: “*Tổ nhất thiên hòa thượng, chàng nhất thiên chung*” (làm hòa thượng một ngày, gõ chuông suốt một ngày). Trọn hết bốn phận, trách nhiệm của chính mình. Bốn phận, trách nhiệm là hoằng dương Tịnh Độ. Giới thiệu pháp môn này với hết thầy chúng sanh, dâng lên hết thầy chúng sanh, chúng sanh nghe rồi, có thể tin, hiểu, hành, tức là duyên của người ấy đã chín muồi. Dầu cho người ấy chẳng tin, chẳng hiểu, chẳng hành, thì cũng đã gieo một chủng tử A Di Đà Phật vào A Lại Da Thức của kẻ ấy. Chúng ta có thể làm điều này trong hiện tiền, đó cũng là chuyện chúng ta nên nỗ lực thực hiện trong hiện tại. Đối với chính mình mà nói, công đức viên mãn. Công đức viên mãn, tâm địa vô cùng sung sướng, niệm niệm viên mãn công đức, phải tận tâm tận lực làm chuyện này. Hôm nay đã hết thời gian rồi!

Tập 128

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang thứ hai trăm tám mươi một:

(Sao) Nhiên cổ chi bạt thiệp, cái vị thân chá thánh hiền, kim nhật môn trì, chi thị dao chiêm ảnh tượng, nhi thả bị kinh hiểm trở, bất đạn cù lao, hà đắc hiện tại từ tôn, xả chi bất vãng.

(鈔) 然古之跋涉，蓋為親炙聖賢，今日奔馳，祇是遙瞻影像，而且備經險阻，不憚劬勞，何得現在慈尊，捨之不往。

(Sao: Nhưng thời cổ môn ba ngô hầu thân cận thánh hiền, ngày nay bươn bả chỉ là nhìn ngắm hình bóng từ xa, lại còn trải qua đủ mọi nỗi hiểm trở, chẳng sợ nhọc nhằn, có sao lại bỏ qua, chẳng tìm đến đấng Từ Tôn trong hiện tại?)

Đoạn này tiếp tục nói về sự tham học, trong quá trình tu học, tham học là chuyện vô cùng trọng yếu! Không chỉ người xuất gia phải tham học, mà trước đây kẻ tại gia cầu học cũng phải nhân mạnh chuyện tâm sư phỏng đạo, chẳng khác gì tham học trong Phật môn. Vì sư đạo là tôn kính nhất, đó gọi là “*chỉ văn lai học, vị văn vãng giáo*” (chỉ nghe nói trò tìm đến học, chưa nghe nói thầy phải đi đến dạy). Nghe nói chỗ nào có bậc hiền đức, chúng ta nhất định phải tự mình tới đó để hướng về vị ấy thỉnh giáo, chẳng thể tùy tiện mà mời người ấy: “Ông hãy đến chỗ này để dạy chúng tôi”. Đây là rất khinh suất, chính mình nhất định phải đến tham cứu, bái phỏng. Mục đích tham học của cổ đức đều là như thế, nhằm thân cận thánh hiền.

Hiện thời xu hướng triều sơn (triều bái danh sơn) rất thịnh hành. Triều sơn là di phong của sự tham học, triều bái thiện tri thức; nhưng hiện thời chúng sanh phước bạc, bậc thánh hiền chẳng còn nữa. Tại Đài Loan, khoảng cách giữa mấy đạo tràng đều chẳng xa lắm, triều sơn chỉ cần một, hai ngày là đủ thời gian rồi. Nếu ở Đại Lục, giao thông rất bất tiện! Liên Trì đại sư sống vào cuối đời Minh, lão nhân gia là người thuộc niên hiệu Vạn Lịch, Ngài nói những lời này vì thở ấy Phật giáo đã khá suy. Các vị được gọi là Minh Mạt Tứ Đại Sư (bốn vị đại sư vào cuối đời Minh), chính là bốn vị pháp sư Liên Trì, Ngẫu Ích, Tử Bách, Hám Sơn đã tái chấn hưng Phật giáo, đây là nhân duyên hy hữu rất khó có. Thở ấy, triều sơn đã trở thành hiện tượng như vậy, hiện tại còn gì để nói nữa đây? Còn nói gì được

nữa! Toàn là du lịch ngắm nhìn phong cảnh, ngắm nhìn hình tượng, pháp tướng trang nghiêm của Phật, Bồ Tát. Trong quá khứ, người triều sơn quả thật vô cùng nhọc nhằn!

Chúng ta đọc Hư Vân Lão Hòa Thượng Niên Phở, Ngài triều bái Ngũ Đài Sơn phải mất ba năm mới đến nơi. Tuổi tác cũng đã cao, thân thể cũng chẳng khỏe. Trên đường đi ngã bệnh, có lúc bệnh nặng đến mức gần như không trở dậy được, bệnh tình nghiêm trọng như thế ấy. Ngài có hăng tâm nghị lực, đáng khiến cho người khác bội phục. Cuối cùng, Ngài đạt được mục đích, đến tham lễ đạo tràng của Văn Thù Bồ Tát. Trên đường, Ngài bị bệnh nặng, gặp Văn Thù Bồ Tát đến cứu giúp. Lúc ấy, Ngài hoàn toàn chẳng biết đó là Văn Thù Bồ Tát. Văn Thù Bồ Tát hóa thành một người xuất gia nghèo khổ, nhếch nhác, mặc quần áo rách nát, tả tơi, giống như kẻ ăn xin bên ngoài. Mỗi lần Sư ngã bệnh, hoặc khi gặp đại nạn, người ấy đều xuất hiện trước mặt, đến giúp đỡ Sư, chăm sóc Ngài, cho Ngài uống thuốc, mãi cho đến khi hết bệnh mới ra đi. Người ấy bảo Ngài: “Tôi ở núi Ngũ Đài, có tên là Văn Cát”. Sau này, Ngài đến núi Ngũ Đài, hỏi dò về người ấy, có vị lão hòa thượng bảo: “Đó là Văn Thù Bồ Tát hóa thân”, Ngài mới biết!

Ở đây, Liên Trì đại sư khuyên chúng ta, chúng ta tham học là tham lễ thiện tri thức, nay A Di Đà Phật ở Tây Phương là hiện tại Phật, là vị thiện tri thức bậc nhất trong mười phương thế giới, vì sao quý vị không đến tham phỏng Ngài? Có nghĩa là: Vì sao chẳng cầu vãng sanh? Vì sao chẳng đến gặp A Di Đà Phật? Quý vị phải hứng chịu khổ cực nhiều ngàn ấy, đi ra ngoài triều sơn bái Phật, đi tham lễ, kết quả là điều gì quý vị cũng chẳng đạt được, đúng là đã tốn công triều bái vô ích! Có lúc không chỉ là triều bái suông, mà còn đạt hiệu quả trái ngược! Quý vị tham phỏng một vị thiện tri thức, Ngài chỉ dạy quý vị một đường lối. Quý vị tham phỏng hai vị thiện tri thức, bèn được chỉ dạy hai con đường. Quý vị tham phỏng ba bốn vị, sẽ đứng ở ngã tư, chẳng biết phải đi theo đường lối nào mới nên? Vậy là khổ rồi!

Rốt cuộc chúng ta học điều gì mới nên? Liên Trì đại sư nêu ra ý nghĩa này, nói thật ra, chẳng khác gì thái độ tiếp dẫn học trò của pháp sư Ấn Quang, bảo quý vị hãy thật thà niệm Phật, chẳng cần phải chạy Đông rảo Tây, khiến thời gian lẫn tinh lực đều bị lãng phí. Quý vị đã có thời gian và tinh lực như vậy, có sao chẳng khéo niệm Phật? Chúng ta phải thấu hiểu điều này, đoạn tiếp theo là nói...

(Sao) Thành Đông lão mẫu.

(鈔) 城東老母。

(Sao: Một bà cụ ở phía Đông thành).

Công án này nhằm thời Thích Ca Mâu Ni Phật tại thế.

(Sao) **Dữ Phật đồng sanh nhi bất kiến Phật, phi thử chi lưu da?**

(鈔) 與佛同生而不見佛，非此之流耶。

(Sao: Sanh cùng thời đức Phật mà chẳng thấy Phật, chẳng phải là loại người ấy ư?)

Bà cụ ở phía Đông thành sống cùng thời đại đức Phật, cũng ở không xa [tinh xá nơi đức Phật trụ], nhưng vô duyên với Phật, chẳng thích thấy Thích Ca Mâu Ni Phật. Trông thấy Thích Ca Mâu Ni Phật đi đằng trước, bà ta liền quay đầu, đi sang chỗ khác, luôn tránh né, chẳng gặp. Tuy bà ta không muôn thấy Phật, nhưng đức Phật thường hiện ra trước mặt bà. Hiện ra trước mặt, bà ta bèn tránh né. Bà già ấy từ phía Đông đi đến, đức Phật liền hiện tại phía Đông. Bà ta thấy Phật liền ngoảnh mặt, đi về phương Nam. Đức Phật lại hóa một thân khác tại phía Nam để chặn bà ta. Bà ta lại chạy về phía Tây, đức Phật lại hóa thân ở phương Tây, khiến cho bốn phía đều là Phật. Kết quả, bà ta khóc rống lên, lấy tay bưng mặt chẳng nhìn Phật. Kết quả là mỗi đầu ngón tay đều hóa hiện một vị Phật, mười đầu ngón tay là mười tượng Phật. Nghiệp chướng nặng nề dường ấy! Đây là giải thích câu “*tự cam đọa lạc, bất nguyện kiến Phật*” (tự cam đọa lạc, chẳng mong thấy Phật). “*Thị tắc danh vi khả lân mãn giả*” (do vậy, gọi là kẻ đáng thương xót), thật sự đáng thương. Chẳng có duyên với Phật, đích xác là Phật cũng chẳng có cách nào độ bà ta. Bà cụ ở phía Đông tòa thành cũng là một thí dụ rất hay!

(Sao) **Quá vị chi Phật, thế sở nan phùng.**

(鈔) 過未之佛，勢所難逢。

(Sao: Phật quá khứ và vị lai, đương nhiên khó gặp).

“Quá” là quá khứ, “vị” là vị lai. Quá khứ Phật, vị lai Phật, quả thật chúng ta rất khó gặp gỡ!

(Sao) **Hiện tại không quá, cố khả lân mãn.**

(鈔) 現在空過，故可憐憫。

(Sao: Bỏ qua vị Phật hiện tại, nên rất đáng thương xót).

A Di Đà Phật là hiện tại Phật. Nếu quý vị bỏ lỡ hiện tại Phật, thật sự là “kẻ đáng thương xót”! Do vậy, một người thật sự niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, trong mười hai thời, tâm quyết định chớ nên rời khỏi A Di Đà Phật. Phật hiệu chớ nên gián đoạn, miệng có thể gián đoạn, nhưng trong tâm chớ nên gián đoạn. Kinh Lăng Nghiêm nói rất hay: “*Ức Phật, niệm Phật, hiện tiền, đương lai, tất định kiến Phật*” (Nhớ Phật, niệm Phật, hiện tiền, tương lai nhất định thấy Phật). Ức Phật là trong tâm phải nghĩ tới Phật, chúng ta đọc kinh là nghĩ tới Phật. Đọc chú giải như bộ Sớ Sao của Liên Trì đại sư, hoặc chú giải kinh Vô Lượng Thọ đều là “*ức Phật*”, trong tâm chúng ta chẳng lìa Phật. Vì người khác diễn nói cũng là niệm Phật, ta giảng giáo lý Tịnh Độ cho người khác nghe, khuyên người khác tin tưởng, khuyên người khác phát nguyện, thấy đều là niệm Phật. Ất phải làm như vậy thì trong mười hai thời, trong tâm chúng ta đích xác chẳng hề rời lìa A Di Đà Phật. Như vậy thì trong tâm chúng ta mới chẳng có hoài nghi, mới nắm chắc chúng ta quyết định thành tựu trong một đời này, quyết định chẳng bỏ lỡ một đời này, chẳng có gì khăn yếu bằng chuyện này. Đoạn cuối cùng là xứng lý, tức là bàn luận xứng tánh.

(Sao) Xứng lý, tắc tự tánh thể tự linh tri, thị “kỳ độ hữu Phật” nghĩa; tự tánh tức kim hiển hiện, thị “hiện tại thuyết pháp” nghĩa.

(鈔) 稱理，則自性體自靈知，是其土有佛義；自性即今顯現，是現在說法義。

(Sao: Xứng lý thì Thể của tự tánh vốn linh tri chính là ý nghĩa “cõi ấy có Phật”, tự tánh nay hiển hiện là ý nghĩa “hiện tại thuyết pháp”).

Đây là nói xứng tánh. Tự tánh của chúng ta vốn là linh minh giác tri, cổ đức thường nói “*trạm tịch linh minh*” để hình dung tự tánh của chúng ta. Đó là “*kỳ độ hữu Phật*” (cõi ấy có Phật), cõi ở đây là cõi Pháp Tánh. Tận hư không, khắp pháp giới, thường nói là “*theo chiều ngang trọn khắp mười phương, theo chiều dọc cùng tột ba đời*”, nơi nào chẳng có Phật? Có! Nơi đâu cũng đều có, lúc nào cũng hiện diện, đó là tự tánh giác. Bất giác thì chúng ta sẽ mê mất vị Phật ấy, tìm Phật chẳng ra!

Tự tánh không mê là ý nghĩa “*hiện tại thuyết pháp*”. Câu cuối cùng là “*tự tánh tức kim hiển hiện*” (tự tánh nay bèn hiển hiện), “*hiển hiện*” là chẳng mê. Hiển hiện bằng cách nào? Trong tác phẩm chú giải kinh Lăng Nghiêm, Giao Quang đại sư đã bảo chúng ta hãy “*bỏ Thức dùng Căn*” thì sẽ chẳng mê. Thức là mê, nhưng tánh của Căn chẳng mê. Nếu chúng ta có

thể sử dụng tánh của Căn, sẽ chẳng khác gì chư Phật, Bồ Tát. Thấy sắc, chúng ta dùng tánh Thấy để thấy, nghe tiếng, chúng ta dùng tánh Nghe để nghe, chẳng giống như phàm phu, Nhị Thừa, Quyền Giáo Bồ Tát, họ dùng Nhân Thức thấy Sắc Trần, dùng Nhĩ Thức nghe Thanh Trần, đều là mê, chẳng giác. Phật, Bồ Tát khác chúng ta. Phật, Bồ Tát dùng tánh Thấy để thấy Sắc Tánh, minh tâm kiến tánh, dùng tánh Nghe để nghe Thanh Tánh, bên ngoài sẽ chẳng phải là sáu trần, mà là sáu tánh. Điều này gọi là “minh tâm kiến tánh”. Nói rất huyền, không chỉ là chúng ta chẳng có cách nào làm được, mà sợ rằng nghe cũng nghe không hiểu! Chúng tôi nói ý nghĩa này nông cạn hơn một chút để chư vị hiểu đại khái.

Lúc mắt chúng ta thấy sắc bèn có phân biệt, tâm phân biệt dấy lên, đó là Nhân Thức, thức thứ sáu là Ý Thức. Đó là thấy bằng Thức, trông thấy Sắc Trần. Trong sự thấy Sắc, dấy lên chấp trước, chấp trước là Mạt Na Thức, Mạt Na Thức chấp trước. Lúc thấy sắc bèn liên tưởng, nghĩ tới quá khứ, nghĩ tới tương lai, suy nghĩ liên tục nói tiếp dấy lên. Đó là cái Thấy do chủng tử trong A Lại Da Thức hiện hành, thấy bằng vọng tưởng, đó là tình thức, chẳng phải là tánh. Thấy bằng tánh Thấy là thấy như thế nào? Thấy rõ ràng, minh bạch, trong ấy chẳng có phân biệt, chẳng có chấp trước, chẳng có vọng tưởng. Nói cách khác, lìa hết thấy phân biệt, chấp trước, vọng tưởng là thấy bằng tánh Thấy. Thấy bằng tánh Thấy, sẽ thấy sắc tánh bên ngoài, tánh là bình đẳng, tánh là nhất như. Nếu trong ấy quý vị phân biệt xấu - đẹp thì trong thức mới có phân chia, trong tánh không có, trong tánh chẳng tìm được tốt - xấu! Tốt - xấu do tâm phân biệt và tâm chấp trước sanh khởi. Lìa khỏi hết thấy phân biệt, chấp trước, há chỗ nào còn có [phân biệt, chấp trước]? Chẳng còn nữa!

Cho nên nhìn bằng tánh Thấy, nghe bằng tánh Nghe, thế gian này sẽ là bình đẳng, thế giới đó gọi là Nhất Chân pháp giới. Do vậy, Nhất Chân pháp giới ở chỗ nào? Ở ngay trước mặt. Vì sao quý vị chẳng thấy? Vì quý vị có phân biệt, chấp trước, vọng tưởng, nên quý vị chẳng thấy. Quý vị lìa khỏi hết thấy phân biệt, chấp trước, vọng tưởng, cảnh giới hiện tiền là Nhất Chân pháp giới. Vì vậy, Phật, Bồ Tát khác với chúng ta, [các Ngài] vĩnh viễn chẳng có phân biệt, chấp trước, vọng tưởng, chẳng có! Đó là như trong [chú giải] kinh Lăng Nghiêm, pháp sư Giao Quang đã dạy chúng ta “*bỏ Thức dùng Căn*”. Bỏ hết thấy phân biệt là bỏ thức thứ sáu (Ý Thức). Thức thứ sáu tức Ý Thức phân biệt, thức thứ bảy chấp trước, thức thứ tám là căn nguyên của vọng tưởng.

Trong phẩm [Như Lai] Xuất Hiện của kinh Hoa Nghiêm, đức Phật cũng nói rõ ràng: “*Hết thấy chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của*

Như Lai”. Nói cách khác, hết thấy chúng sanh và Phật giống nhau, bình đẳng, chẳng có mảy may sai biệt nào! Trí huệ, thần thông, đạo lực chẳng có thứ gì bất bình đẳng. “*Nhưng do vọng tưởng, chấp trước, nên chẳng thể chứng đắc*”, đây là đã nói rõ gốc bệnh của hết thấy chúng sanh. Vì sao quý vị không thể chứng đắc? Do quý vị có vọng tưởng, chấp trước. Vì thế, sau đó, đức Phật có nói: Chỉ cần quý vị có thể lìa vọng tưởng, chấp trước thì tự nhiên trí, vô sư trí, trí huệ Bát Nhã thấy đều hiện tiền. Trong cảnh giới, sáu căn tiếp xúc sáu trần là chỗ chúng ta tu hành, vì sao vẫn muốn khởi phân biệt, chấp trước? Rốt cuộc người giác ngộ đã giác điều gì? Giác điều này. Giác rồi khởi tu, sau khi ngộ bèn bắt đầu tu, tu gì vậy? Tu sửa những sai lầm trong dĩ vãng, từ đó trở đi, thấy sắc, nghe tiếng, sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần, chẳng còn phân biệt, chấp trước nữa, như vậy thì sẽ chẳng khác gì Phật.

Trong hết thấy các pháp chẳng có lỗi, mà cũng chẳng có công. Công và lỗi là đối lập. Đã không có lỗi, lấy đâu ra công? Ác đã không có, lấy đâu ra thiện? Hết thấy thiện - ác tương đối thấy đều chẳng còn, do tương đối chẳng còn, nên mới gọi là Nhất Chân pháp giới. Do vậy, pháp giới chỉ có Nhất Chân. Vừa mới khởi tâm động niệm, Nhất Chân pháp giới liền biến thành đối lập, biến thành tương đối.

(Sao) Chung triêu thị Phật trắc, bất kiến kim dung, cánh nhật tọa pháp diên, vãng văn diệu đạo. Toại sử Ma Vương hỗn u Phật điện, tà pháp loạn hồ chân tông, dẫn năng phản chiếu tâm nguyên, Phật pháp nhất thời song túc.

(鈔) 終朝侍佛側，不見金容，竟日坐法筵，罔聞妙道。遂使魔王混於佛殿，邪法亂乎真宗，但能返照心源，佛法一時雙足。

(Sao: Trọn ngày châu hầu bên Phật, chẳng thấy kim dung; suốt ngày ngồi nơi giảng tòa, chẳng nghe diệu đạo, khiến cho Ma Vương trà trộn Phật điện, tà pháp rối loạn chân tông. Chỉ cần phản chiếu nguồn tâm, Phật và pháp sẽ cùng lúc trọn đủ).

Đoạn này giải thích vô cùng hay. “*Chung triêu thị Phật trắc*” (trọn ngày châu hầu bên Phật), đây là tỷ dụ, như tôn giả A Nan là thị giả của Thích Ca Mâu Ni Phật, suốt ngày từ sáng đến tối chẳng rời khỏi Phật Đà. Trong tỷ dụ này, Phật là gì? Là Chân Như bản tánh của chính mình, chúng ta có lúc nào lìa khỏi Chân Như bản tánh? Còn thân thiết hơn ngài A Nan

hầu Phật, chẳng có phút, giây, hay sát-na nào rời lìa! Trước nay chưa hề rời lìa, mang ý nghĩa này. “*Bất kiến kim dung*” (chẳng thấy dung mạo vàng ròng), tức là quý vị chưa ngộ! Vì sao quý vị chẳng thấy tánh? “*Cánh nhật tọa pháp diên, vãng vãn diệu đạo*” (Suốt ngày ngồi nơi giảng tòa, chẳng nghe đạo mầu): “*Cánh nhật*” là suốt ngày, “*pháp diên*” là giảng tòa, mỗi ngày đều nghe giảng trong giảng đường vẫn chẳng khai ngộ, tức là có mắt như mù, có tai như điếc, chẳng thấy, chẳng nghe. Chẳng thấy, chẳng nghe tức là quý vị chưa thể ngộ nhập tâm tánh, chưa thể minh tâm kiến tánh. Vì sao chẳng kiến tánh? Nếu dùng pháp môn Niệm Phật [để nói], sẽ rất đơn giản: Chưa thể đắc nhất tâm! Quý vị chưa thể đắc nhất tâm [nên chưa kiến tánh]. Hễ đắc nhất tâm sẽ thấy Phật, đắc nhất tâm bèn nghe diệu đạo, bèn ngộ đạo.

Nguyên nhân ấy là như chúng tôi vừa mới nói, chúng ta nhìn, nhưng chẳng thể thấy, nghe mà chẳng thể nghe. Vì sao? Thấy thì chúng ta dùng Nhãn Thức để thấy, dùng thức thứ sáu tức Ý Thức và thức thứ bảy để thấy, vĩnh viễn chẳng thấy “*kim dung*”. Nghe thì chúng ta dùng Nhĩ Thức để nghe, dùng thức thứ sáu tức Ý Thức và thức thứ bảy để nghe; do vậy, vĩnh viễn chẳng khai ngộ. Mắc khuyết điểm ở chỗ này! Trong Khởi Tín Luận và kinh Lăng Nghiêm, đức Phật đều dạy chúng ta như thế này: Phải “*lìa tướng ngôn thuyết, lìa tướng danh tự, lìa tướng tâm duyên*”. Thấy như vậy, nghe như thế, chẳng khác gì Phật, Bồ Tát! Lìa ngôn thuyết, lìa danh tự, lìa tâm duyên, tâm duyên là vọng tưởng, tức là trong tâm phan duyên (nắm níu), liên tưởng, những thứ ấy đều tách lìa. Nói cách khác, chẳng khác gì “*bỏ Thức dùng Căn*” như Giao Quang đại sư đã nói, quý vị hoàn toàn tương đồng! Nhưng chúng ta biết, tuy biết mà chẳng làm được, vì thế, vẫn là vô dụng! Biết là “giải ngộ”, làm được là “chứng ngộ”, như vậy thì mới hữu dụng. Giải ngộ vô dụng, ắt phải là chứng ngộ thì mới có thể thật sự làm được.

Hai câu kệ đó nói về trạng huống hiện tại của chúng ta. “*Toại sử Ma Vương hỗn u Phật điện*” (khiến cho Ma Vương trà trộn nơi Phật điện), Ma Vương là gì? Ma phiền não tham, sân, si, mạn, Ngũ Âm ma, sanh tử ma, đó là Ma Vương. Ma Vương lén chiếm Phật điện. Trạng huống hiện tiền của chúng ta là như thế, chẳng phải là Phật nắm quyền, mà là ma nắm quyền. Vì “*vãng vãn diệu đạo*” (chưa nghe diệu đạo), nên “*tà pháp loạn hồ chân tông*” (tà pháp rối loạn chân tông), “*tà pháp*” là tà tri tà kiến. Tà tri tà kiến là gì? Chỉ cần quý vị có tư tưởng, có kiến giải, thấy đều gọi là tà tri tà kiến. Nếu chúng ta hỏi: Phật có tư tưởng hay không? Có kiến giải hay không? Thừa với quý vị, Phật không có. [Nghe nói như vậy, quý vị

bền bất bề]: Đức Phật nói các pháp, nói kinh điển nhiều ngàn ấy, chẳng phải là có rất nhiều tư tưởng, kiến giải trong ấy hay sao? Quý vị đọc kinh Kim Cang, [sẽ thấy] đức Phật chẳng thuyết pháp, Ngài phủ nhận hết thảy. Nếu kẻ nào nói Thích Ca Mâu Ni thuyết pháp, kẻ đó được gọi là “báng Phật”! Đức Phật chẳng thuyết pháp. Lời này là thật, chẳng giả. Do vậy, sự thuyết pháp của đức Phật thường được nói là “*chẳng nói mà nói, nói nhưng chẳng nói*” quý vị phải hiểu ý nghĩa này.

Vì sao là “chẳng nói”? Vì Phật không có tư tưởng, chẳng có kiến giải, đối với bất cứ vấn đề gì, Phật đều không có cách nhìn [riêng biệt]. Quý vị nhìn như thế nào, Ngài nhìn như thế ấy, Phật chẳng có cách nhìn [của riêng mình]. Tâm Phật thanh tịnh, chẳng nhiễm mảy trần, há Phật có pháp? Há có pháp để có thể nói? Ma mới có pháp để có thể nói, Phật chẳng có pháp nào để có thể nói. Chẳng có pháp? Vì sao thuyết pháp nhiều dường ấy? Đức Phật vì chúng sanh tháo khăn, cởi trói²². Nói cách khác, giống như thầy thuốc chữa bệnh, thấy kẻ này có bệnh, được rồi! Tôi kê một toa thuốc, cho quý vị một ít thuốc, quý vị uống vào bèn khỏi bệnh. Đã khỏi bệnh thì thuốc cũng chẳng còn! Người khỏe mạnh há dùng thuốc? Người bệnh mới dùng thuốc! Người khỏe mạnh chẳng dùng thuốc. Đức Phật tùy thuận chúng sanh, kê toa cho những kẻ bị bệnh, Phật có phải dùng thuốc hay không? Chẳng có!

Nói cho quý vị biết phương pháp này, quý vị nghe xong, đã ngộ, quý vị cũng chẳng có chuyện gì, mà Phật cũng chẳng có chuyện gì! Nếu quý vị chưa ngộ, chuyện của quý vị chẳng giải quyết, nhưng Phật vẫn chẳng có chuyện gì! Đức Phật quyết định chẳng nói: “Quý vị chưa xong thì ta vẫn còn có chuyện này nọ”. Chẳng có! Phật vẫn là chẳng có chuyện gì. Từ đầu đến cuối, Phật đều chẳng có chuyện gì. Vì thế, Phật chẳng có pháp nào để có thể nói, xác thực là như thế! Chính vì như thế, nên người nghe kinh chúng ta phải biết nghe, biết nghe là nghe như thế nào? “*Thính nhi vô thính, vô thính nhi thính*” (nghe mà chẳng nghe, chẳng nghe mà nghe) thì mới có thể tiến nhập. Chúng ta có nghe, hổng rồi! Có nghe sẽ ra sao? Rơi vào trong Ý Thức, rơi vào tri kiến. Hễ có nghe bèn tăng trưởng tà tri tà kiến. Vậy thì được rồi, tôi chẳng nghe gì hết, tức là “*vô thính*”. “*Vô thính*” như thế cũng không được! Vô thính bèn đọa trong vô minh, tăng trưởng vô minh. Đây là chỗ khó khăn trong Phật pháp!

²² Nguyên văn “*giải niêm khử phược*”. Thuở xưa viết thư, nhằm bảo đảm người chuyên thư không lén xem thư, người viết thường dán lại bằng sáp rồi đóng dấu lên. Đó gọi là Niêm (粘, ta thường gọi là “dấu khăn”).

Thiên Thai đại sư giảng Tam Đê Tam Quán, tức là “*tức Không, tức Giả, tức Trung*”. Tam Đê Tam Quán đồng thời, chẳng có trước, sau, nên mới có thể tương ứng với chân tướng sự lý của tâm tánh. Chuyện này vô cùng khó khăn! Kể bình phàm chúng ta luôn tách Không, Giả, Trung thành ba chuyện, chẳng coi chúng là một chuyện. Hơn nữa, còn luôn coi chúng gồm ba giai đoạn, chẳng biết chúng là đồng thời. Do vậy, chẳng dễ dàng khế nhập, nguyên nhân là ở chỗ này. Trong cuộc sống, đối với đức Phật, Không, Giả, Trung như nhau, diệu là diệu ở chỗ này! Sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần, trong hết thấy thời, hết thấy chỗ đều là tức Không, tức Giả, tức Trung. Nói Không là nói theo Thể, như Thích Ca Mâu Ni Phật thuyết pháp, nói mà chẳng nói, chẳng nói là Không, nói là Giả, giả hữu, chân không (Có là giả, Không là thật). Không và Có đồng thời, nói và chẳng nói là một, chẳng hai. Phàm phu chúng ta nghĩ “có nói” chẳng phải là “không nói”, “không nói” bèn chẳng phải là “có nói”, biến Có và Không thành hai điều đối lập, chẳng biết Có và Không chẳng phải là đối lập, Có và Không đồng thời, Có và Không là một Thể, đó là Trung Đạo. Đúng như kinh Hoa Nghiêm đã nói “*Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại*”. Vô ngại là Trung Đạo, hữu ngại chẳng phải là Trung Đạo, vì nó có chướng ngại. Do vậy, hết thấy các pháp đều không có chướng ngại.

Nếu chúng ta nhập từ chỗ này, sẽ có thể tiến nhập, sẽ có thể thấu hiểu. Do đó, chúng ta mới đạt được Chân Như bản tánh, Pháp Thân lý thể, nhất tâm bất loạn. Nếu chẳng hiểu chân lý này, không biết phương pháp này, chúng ta muốn nhập cảnh giới này, rất khó! Vì thế, “nói mà chẳng nói, chẳng nói mà nói”, “nghe mà chẳng nghe, chẳng nghe mà nghe” là một nguyên tắc rất cao. Nếu hiểu rõ nguyên tắc này, vận dụng vào sáu căn, áp dụng vào cuộc sống hằng ngày, thấy mà chẳng thấy, chẳng thấy mà thấy, tiếp xúc mà chẳng tiếp xúc, chẳng tiếp xúc mà tiếp xúc thì sẽ không gì chẳng tự tại! Đó là thật sự giải thoát, chân thật tự tại. Tâm địa quyết định thanh tịnh, chẳng có vướng mắc, tâm và cảnh giống nhau! Vừa mới có phân biệt, chấp trước, bèn rơi vào tà kiến, rơi vào vô minh.

“*Tà pháp loạn hồ chân tông*” (tà pháp rối loạn chân tông), chữ “*tà pháp*” trọn chẳng phải là nói về các pháp ở ngoài Phật giáo. Nếu quý vị chẳng hiểu ý nghĩa này, tất cả hết thấy kinh điển đều gọi tà pháp! Thí dụ như niệm Phật, chúng ta niệm Phật chưa thể đạt đến tâm địa thanh tịnh, nói cách khác, chưa thể niệm đến mức độ công phu thành phẩm thì chúng ta niệm Phật cũng gọi tà pháp. Nếu niệm Phật là chánh pháp, quý vị nhất định phải niệm đến mức công phu thành phẩm, niệm đến nhất tâm bất loạn, đi vào khuôn khổ, nhất định có thể đạt đến mục tiêu ấy. Quý vị niệm Phật

vài chục năm, chẳng đạt tới mục tiêu ấy, nhất định là đã lạc lối mất rồi! Do vậy, [nói tới] Phật pháp thì Pháp có nghĩa là “*quỹ trì*”, giống như “*quỹ đạo*”. Xe lửa chạy trên quỹ đạo (đường rầy). Chỉ cần nó đừng trật đường rầy, chúng ta biết xe lửa lái từ nơi đây, mấy giờ, mấy phút sau sẽ nhất định đến trạm kế tiếp. Quý vị lái xe ở đây, lái bao nhiêu năm, chẳng đến trạm kế tiếp, điều này đúng là có vấn đề, vấn đề to lớn. Chắc chắn là đã trật quỹ đạo rồi. Do vậy, chắc chắn là tà pháp, chẳng phải là chánh pháp. Chư vị nhất định phải hiểu rõ đạo lý này. Các pháp môn khác đều nói “minh tâm kiến tánh”, nếu quý vị chưa thể minh tâm kiến tánh thì sẽ là tà pháp. Trong pháp môn Niệm Phật thì nói vãng sanh Tịnh Độ; nếu quý vị chưa vãng sanh thì cũng là tà pháp, chẳng phải là chánh pháp. Tà và chánh phân định theo cách như vậy.

Do đó, mục tiêu thứ nhất của niệm Phật là niệm đến mức tâm chúng ta thanh tịnh, trong “mười hai thời” là suốt ngày từ sáng đến tối, trong tâm niệm Phật chẳng ngừng, “*chẳng gián đoạn, chẳng xen tạp, chẳng hoài nghi*”, thật sự làm được chín chữ ấy, đó là công phu thành phiền, đời nghiệp vãng sanh, quyết định vãng sanh. Trong công phu thành phiền cũng có ba bậc, chín phẩm. Ba phẩm thượng không chỉ biết trước lúc mất, mà còn sanh tử tự tại, muốn đi lúc nào thì đi lúc đó, muốn trụ thêm mấy năm cũng chẳng trở ngại gì, sanh tử tự tại! Công phu thành phiền bèn có thể sanh tử tự tại. Nhất tâm bất loạn thì càng chẳng cần phải nói nữa. Từ đó (công phu thành phiền) lại nâng cao hơn sẽ là nhất tâm bất loạn. Trong nhất tâm bất loạn có Sự nhất tâm, Sự nhất tâm bất loạn là đoạn Kiến Tu phiền não. Nếu nói theo công phu tu chúng thì bằng với A La Hán, Bích Chi Phật. Tiểu Thừa sau khi tu thành Tu Đà Hoàn phải qua lại trong nhân gian hoặc cõi trời bảy lần mới có thể chứng quả A La Hán. Người niệm Phật chúng ta có thể chứng đắc trong một đời, hàng Tiểu Thừa chẳng thể sánh bằng. Do vậy, pháp môn này là đại pháp viên đốn. Công phu vẫn không phải chỉ là như vậy, mà còn nâng cao hơn một tầng là Lý nhất tâm bất loạn. Lý nhất tâm là phá một phẩm vô minh, thấy một phần chân tánh, ở đây nói là quý vị thấy “*kim dung*”, nghe “*diệu đạo*”. Nếu không, sẽ là “*Ma Vương hỗn u Phật điện, tà pháp loạn hồ chân tông*” (Ma Vương trà trộn trong điện Phật, tà pháp rối loạn chân tông), nhất định là hiện tượng này. Hàng phàm phu, Nhị Thừa, Quyền Giáo Bồ Tát đều có hiện tượng như vậy.

Hai câu tiếp đó dạy chúng ta cách đối trị như thế nào. Bất luận tà ma nhiễu loạn như thế nào, tâm tánh và chánh pháp của chúng ta quyết định chẳng bị dao động. Nếu nó thật sự bị nhiễu loạn, dao động, sẽ chẳng

gọi là Chân Như hay bốn tánh. Chẳng động! Đại sư dạy chúng ta “*đản năng phản chiếu tâm nguyên*” (chỉ nên phản chiếu nguồn tâm), “*phản chiếu*” là hồi quang phản chiếu, quý vị chịu quay đầu. Đó là phương pháp! Phương pháp này tuyệt diệu! Đặc biệt là kẻ sơ học hãy nên hiểu, nên biết sử dụng. Phương pháp này thường được nói là “quay đầu là bờ”, quay gì vậy? Quay tâm niệm lại, tức là xoay chuyển ý niệm. Hữu niệm thì niệm ấy bèn hướng ra ngoài rong ruổi, rong ruổi bên ngoài là phan duyên. Quay đầu là thu hồi ý niệm ấy, đó là “quay đầu”. Tam Quy Y mang ý nghĩa này: Quy y Phật, từ mê quay về nương theo giác. Hễ quay lại bèn giác. Tà, quay trở lại bèn là chánh; nhiễm, quay trở lại bèn là thanh tịnh, tức là quý vị có thể hồi quang phản chiếu hay không!

Chiếu theo tâm nguyên của quý vị, tâm nguyên là bốn tánh. Chân Như bốn tánh là như Lục Tổ đã nói: “*Vốn chẳng có một vật, chỗ nào nhuộm bụi trần*”. Vốn chẳng có một vật, cũng là lúc một niệm chẳng sanh. Một niệm chẳng sanh, hiểu rõ ràng, rành rẽ bên ngoài, đó là “*tâm nguyên*”. Nếu một niệm chẳng sanh, nhưng thứ gì bên ngoài đều chẳng hay biết, đó là vô minh, chẳng phải là tâm nguyên. Một niệm chẳng sanh, thứ gì bên ngoài cũng đều biết rõ ràng, thứ gì cũng đều hiểu rõ; không chỉ hiểu rõ chuyện trước mắt, mà quá khứ, tương lai thấy đều hiểu rõ, đó là tự tánh giác. Chúng ta muốn phản chiếu, nhưng phản chiếu chẳng được, chẳng thể phản chiếu, làm thế nào đây? Thưa cùng quý vị, pháp môn này tuyệt diệu, thù thắng, quả thật chẳng giống những pháp môn khác. Vì sao? Dễ dàng! Các pháp môn khác khó khăn. Pháp môn này hồi quang phản chiếu tức là quý vị ngay lập tức quay trở lại nghĩ đến một câu A Di Đà Phật, [như vậy là đã] quay về rồi!

Khi sáu căn của chúng ta tiếp xúc sáu trần, dấy lên tham, sân, si, mạn, đó là mê, tà, nhiễm. Trong khi ấy, bỗng nhiên một niệm giác ngộ, niệm một tiếng A Di Đà Phật bèn là quay về, phản chiếu. Cổ đức bảo: Chúng ta khởi tâm niệm một câu A Di Đà Phật thì niệm ấy là Thi Giác, tức là bắt đầu giác ngộ. Câu A Di Đà Phật được niệm chính là tâm nguyên, là Bản Giác của chúng ta. Thi Giác và Bản Giác là một, chẳng hai, được gọi là Cứu Cánh Giác. Bản thân năng niệm (cái tâm niệm Phật) và sở niệm A Di Đà Phật (đức Phật A Di Đà được niệm) cũng chẳng tách rời, trong ấy chẳng có giới hạn. Vì thế, xác thực là Pháp Tánh, là bản thể, là tâm nguyên. Trong pháp môn Niệm Phật, điều này dễ hiểu, dễ làm. Nói cách khác, ngay trong lúc chúng ta khởi tâm động niệm chính là cửa ải trọng yếu, có thể lập tức giác ngộ, lập tức chuyển niệm ấy thành A Di Đà Phật, như vậy là được rồi, đó chính là “*phản chiếu tâm nguyên*”.

Khi ấy “*Phật pháp nhất thời song túc*” (Phật và pháp đồng thời trọn đủ). “*Phật*” là đại trí đại giác, “*Pháp*” là chánh tri chánh kiến. Đại trí đại giác và chánh tri chánh kiến đồng thời hiện tiền. Hai thứ ấy đều cùng viên mãn, trọn đủ. Ở đây toàn là nói về tâm niệm của chúng ta, đừng để tâm niệm chạy rong bên ngoài. Đại Thế Chí Bồ Tát bảo: “*Nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối*” chính là chú giải câu “*phản chiếu tâm nguyên*”. Chúng ta nhiếp trọn sáu căn, chẳng để cho sáu căn rong ruổi, phan duyên theo cảnh giới sáu trần bên ngoài, thấu hỏi chúng, thấu tóm tất cả trong một câu Phật hiệu là được rồi!

Nhị, biệt thích. Sơ y báo, nhị chánh báo.

Sơ, tổng minh Cực Lạc

(Kinh) Xá Lợi Phất! Bỉ độ hà cố danh vi Cực Lạc? Kỳ quốc chúng sanh, vô hữu chúng khổ, dẫn thọ chư lạc. Cố danh Cực Lạc.

二、別釋。初依報，二正報。

初、總明極樂。

(經) 舍利弗。彼土何故名為極樂。其國眾生。無有眾苦。但受諸樂。故名極樂。

(Hai, giải thích riêng biệt, một là y báo, hai là chánh báo.

Trước tiên, giảng tổng quát về [danh xưng] Cực Lạc.

Kinh: Nay Xá Lợi Phất! Cõi ấy vì sao tên là Cực Lạc? Chúng sanh trong cõi ấy chẳng có các nỗi khổ, chỉ hưởng niềm vui, nên [cõi ấy] tên là Cực Lạc).

Đoạn này trước hết giới thiệu tổng quát thế giới Cực Lạc. Chúng ta xem lời chú giải:

(Sớ) Tiên thích y giả, thuận thượng văn cố, diệt linh chúng sanh sanh hân nhạo cố. Khổ giả, bức não chi nghĩa, vi Tứ Đế thủ.

(疏) 先釋依者，順上文故，亦令眾生生忻樂故。苦者，逼惱之義，為四諦首。

(Sớ: Trước hết, giải thích về y báo là thuận theo [thứ tự] trong đoạn văn trước, mà cũng nhằm làm cho chúng sanh sanh trưởng lòng ưa thích. Khổ có nghĩa là bức não, đứng đầu trong Tứ Đế).

Y báo là hoàn cảnh, chánh báo là bản thân chúng ta. Đây là kiến thức Phật học thông thường, là thuật ngữ Phật giáo, chúng ta phải hiểu ý

nghĩa chính xác. Hễ nói đến chánh báo tức là nói đến một mình ta, một cái thân thể của ta. Người khác sẽ được gọi là y báo của ta, chẳng phải là chánh báo. Y báo là hoàn cảnh sống của chúng ta, trong hoàn cảnh sống có hoàn cảnh nhân sự và hoàn cảnh vật chất. Nói cách khác, người khác thuộc vào hoàn cảnh sống của chúng ta, chẳng phải là bản thân ta! Ngàn vạn phần đừng nên nghĩ chánh báo đại khái là hữu tình chúng sanh! Cách nhìn ấy, cách hiểu đó, ý nghĩ ấy đã trật mất rồi! Từ ngữ “*chánh báo*” chỉ là một mình ta. Trước hết, nói về y báo và chánh báo trang nghiêm. Đầu tiên nói đến hoàn cảnh trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, trong hoàn cảnh bao gồm hoàn cảnh vật chất và hoàn cảnh nhân sự.

“*Linh chúng sanh sanh hân nhạo cố*” (khiến cho chúng sanh sanh tâm vui thích), khiến cho chúng sanh hoan hỷ, yêu chuộng. Trước tiên nói đến y báo, rồi mới giới thiệu chánh báo. Thế giới ấy chẳng có các nỗi khổ, chỉ có vui, không khổ, chỉ hưởng những niềm vui. Khổ có nghĩa là bức bách, áo não. Trong pháp Tứ Đế, tức Khổ, Tập, Diệt, Đạo, Khổ xếp hàng đầu.

(Sớ) Chúng khổ giả, chư kinh luận khai hữu tam khổ, bát khổ, thập khổ, bách nhất thập khổ.

(疏) 眾苦者，諸經論開有三苦、八苦、十苦、百一十苦。

(Sớ: “Các khổ”: Các kinh luận giảng rộng ra thì có ba khổ, tám khổ, mười khổ, một trăm mười nỗi khổ).

Đây là cách giảng “*khai hợp*” khác nhau. “*Khai*” là nói triển khai, nói cặn kẽ. “*Hợp*” là quy nạp lại, nói giản lược.

(Sớ) Hựu ước nhị chủng sanh tử.

(疏) 又約二種生死。

(Sớ: Lại nữa, nói ước lược thì có hai thứ sanh tử).

Sanh tử là nỗi khổ to lớn. Trong các nỗi khổ, chẳng có gì khổ hơn sanh tử. Phật pháp nói có hai loại sanh tử, một loại là Biến Dịch sanh tử, loại kia là Phần Đoạn sanh tử.

(Sớ) Tác biến dịch diệc khổ.

(疏) 則變易亦苦。

(Sớ: *Biến Dịch [sinh tử] cũng khổ*).

Không chỉ Phần Đoạn là khổ, mà Biến Dịch sinh tử cũng khổ. Dưới đây có giải thích:

(Sớ) *Hưởng kỳ dư giả, dĩ khổ sự phi nhất, cố viết “chúng khổ” dã.*
(疏) 況其餘者，以苦事非一，故曰眾苦也。

(Sớ: *Hưởng hồ các thứ khác. Do chuyện khổ chẳng phải chỉ là một, nên nói là “các khổ”*).

Chuyện khổ quá nhiều, chẳng phải chỉ là một chuyện, nên gọi là “chúng khổ”. Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng có [những sự khổ ấy]. Những chuyện khổ mà quý vị có thể chỉ ra, nghĩ đến, trong Tây Phương Cực Lạc thế giới đều chẳng có. Không chỉ là chẳng có những chuyện ấy, mà tên gọi của chúng cũng chẳng nghe tới. Chỉ hưởng các sự vui, sự vui cũng rất nhiều, cũng chẳng phải chỉ là một điều!

(Sớ) *Chư lạc giả, như kinh sở trần nhị chủng thanh tịnh trang nghiêm. Diệt dĩ lạc sự phi nhất, cố viết “chư lạc” dã. Cực Lạc giả, dĩ chư quốc khổ lạc hữu kỳ tứ chủng: Hữu khổ đa lạc thiểu giả, hữu khổ lạc tương bán giả, hữu khổ thiểu lạc đa giả, hữu vô khổ thuần lạc giả, kim đương đệ tứ cố.*

(疏) 諸樂者，如經所陳二種清淨莊嚴。亦以樂事非一，故曰諸樂也。極樂者，以諸國苦樂有其四種：有苦多樂少者，有苦樂相半者，有苦少樂多者，有無苦純樂者，今當第四故。

(Sớ: “Chư lạc”: *Như kinh đã nêu bày hai thứ thanh tịnh trang nghiêm. Cũng do chuyện vui chẳng phải chỉ có một nên nói là “chư lạc”*. *Cực Lạc: Do các cõi nước khổ vui gồm bốn loại, có cõi khổ nhiều vui ít, có cõi khổ vui ngang ngửa, có cõi khổ ít vui nhiều, có cõi chẳng có khổ, thuần là vui. Nay Cực Lạc thuộc loại thứ tư*).

Đây là nói tới các thế giới của chư Phật. Đại đa số các thế giới của chư Phật chẳng khác thế giới Sa Bà cho mấy. Thế giới Sa Bà là khổ vui xen lẫn, hoặc có thể nói là “khổ nhiều, vui ít”, là một thế giới như vậy.

(Sao) *Tứ Đế giả, Khô, Tập, Diệt, Đạo, Khô cư tối tiên.*

(鈔) 四諦者，苦集滅道，苦居最先。

(Sao: Tứ Đế là Khổ, Tập, Diệt, Đạo, Khổ đứng trước tiên).

Pháp Tứ Đế là hai tầng nhân quả ba đời. Khổ và Tập là nhân quả thế gian, Diệt và Đạo là nhân quả xuất thế gian. Chúng ta nhất định phải hiểu đức Phật thuyết pháp luôn nói quả trước rồi mới nói tới nhân, vì [nói tới] quả chúng ta liền hiểu, ấn tượng khắc sâu nhất, vừa nói liền lập tức cảm nhận. Nay chúng ta trong thế gian này chỉ hứng chịu khổ, chẳng vui sướng. Phải giác ngộ điều này! Nếu quý vị nghĩ trong thế gian này hãy còn có vui, như vậy là quý vị mê hoặc, điên đảo, chẳng giác ngộ. Người thật sự giác ngộ hiểu thế gian này là khổ. Không chỉ loài người chúng ta khổ sở, mà lục đạo đều khổ. Trước mắt dường như vẫn sống khá lắm, còn tự tại lắm, nhưng trong thực tế là gì? Sự khổ tạm thời ngưng dứt chốc lát, quý vị cảm thấy vui là do khổ tạm dừng, trọn chẳng phải là ngưng dứt vĩnh cửu, chẳng còn khổ nữa, chẳng phải vậy! Thí dụ như chúng ta hiện thời cảm thấy rất tự tại, ta ăn no, ăn ngon lắm, ăn rất thoải mái, nhưng có thể duy trì bao lâu? Mấy tiếng đồng hồ. Trong mấy tiếng đồng hồ ấy, quý vị chẳng cảm thấy khổ. Sau mấy tiếng đồng hồ ấy, quý vị chẳng ăn tiếp một bữa nữa sẽ bị khổ liền, khổ vì đói. Mỗi cá nhân đều có bệnh, bệnh gì vậy? Bệnh đói! Ba bữa cơm là ba bữa thuốc, Phật pháp gọi chúng là “dược thạch”. Quý vị một bữa chẳng ăn, bệnh đói liền phát tác, hai bữa chẳng ăn, bệnh tình nghiêm trọng, ba bữa chẳng ăn, bệnh càng nặng nề! Quý vị hãy suy nghĩ kỹ lưỡng, có ai chẳng khổ? Không có ai chẳng khổ! Vì thế, chúng ta phải tự mình giác ngộ, thế gian này thật sự là khổ.

Nhất là có sanh ắt có tử, mỗi cá nhân không thể tránh được sanh, lão, bệnh, tử. Lão khổ, bệnh khổ, quý vị có thể tránh khỏi hay chẳng? Có những người xem sanh tử rất nhạt, chết cũng chẳng bận lòng, kể như khá lắm, có thể thấy thông suốt rồi! Nhưng sau đây còn có nỗi khổ luân hồi, quý vị chết là hết chuyện ư? Nếu chết là hết chuyện thì cũng được lắm! Vậy thì chúng ta chẳng cần phải học Phật, chết là hết mà! Trên thực tế thì sao? Chết chẳng phải là hết! Rắc rối ở chỗ này! Trong kinh Địa Tạng có nói, trong bốn mươi chín ngày sau khi chết, lại đầu thai. Tuyệt đại đa số chẳng lâu hơn bốn mươi chín ngày. Bốn mươi chín ngày đầu thai thì đầu thai trong đường nào? Chẳng biết! Không biết, nghiệp lực dắt quý vị đi. Ba thiện đạo, ba ác đạo, [đầu thai trong đường nào không biết]. Quý vị phải hiểu rõ chân tướng này, hết thấy chúng sanh trong lục đạo gọi là “*sanh tử bì lao*” (sống chết nhọc nhằn), chẳng ngưng dứt, khổ quá! Chẳng phải là khi chúng ta chết, phiền não sẽ được giải quyết. Chẳng có cách nào

hết! Vĩnh viễn chẳng thể giải quyết. Đòi đòi kiếp kiếp chẳng có cách nào giải quyết.

Khổ do đâu mà có? Tập. Tập là phiền não, tức cái nhân, tham, sân, si, mạn, khởi Hoặc, tạo nghiệp, nên quý vị mới có quả báo. Khổ và Tập là nhân quả thế gian, Khổ là quả, Tập là nhân. Diệt và Đạo là nhân quả xuất thế gian, Diệt là quả. Tiếng Phạn gọi Diệt là Niết Bàn, Niết Bàn dịch sang nghĩa tiếng Hán là Diệt, diệt gì vậy? Diệt sanh tử, diệt phiền não, diệt vô minh, diệt tà kiến. Phật và các vị đại Bồ Tát đắc quả báo ấy, quả báo ấy do đâu mà đạt được? Phải tu Đạo. Đạo là nhân. Nương theo các lý luận và phương pháp do Phật Đà đã dạy, chúng ta phải nghiêm túc thực hiện. Tuy Khổ, Tập, Diệt, Đạo là pháp Tiểu Thừa, nhưng nó thông với Đại Thừa, là giáo nghĩa căn bản trong Phật pháp. Các học giả tông Thiên Thai đã phối hợp pháp Tứ Đế với bốn giáo Tạng, Thông, Biệt, Viên. Khổ, Tập, Diệt, Đạo trong Tạng Giáo là Tiểu Thừa; Khổ, Tập, Diệt, Đạo của Thông Giáo, Biệt Giáo và Viên Giáo là pháp Đại Thừa thuần túy. Do vậy, [Tứ Đế] trọn chẳng phải là pháp riêng biệt của Tiểu Thừa.

(Sao) Tri Khổ, nãi đoạn Tập, tu Đạo, chứng Diệt dã.

(鈔) 知苦，乃斷集修道證滅也。

(Sao: Biết Khổ là đoạn Tập, tu Đạo, chứng Diệt).

Nhất định là trước hết phải “tri Khổ” (biết Khổ). Chúng ta biết cái quả khổ thì mới thật sự phát tâm đoạn cái nhân của sự Khổ. Đức Phật dạy chúng ta trì giới, trì giới là đoạn khổ nhân. Giết, trộm, dâm, dối, uống rượu là khổ nhân lớn nhất, là căn bản của sanh tử luân hồi. Giới luật nhà Phật chẳng phải là cố ý bó buộc chúng ta, khiến chúng ta nghe rồi sợ hãi, chẳng tự do, chẳng được tự tại, chẳng phải vậy! Giới luật nhằm làm cho quý vị thật sự liễu giải, nếu chẳng ngưng dứt những thứ ấy, sẽ chẳng có cách nào miễn trừ khổ quả, tự làm tự chịu! Quý vị thật sự dẹp trừ chúng từ trong tâm, tâm quý vị bèn thanh tịnh. Chẳng sát sanh, chẳng trộm cắp, chẳng tà dâm, chẳng nói dối, chẳng uống rượu, làm khá lắm, nhưng tâm địa chẳng thanh tịnh, có tác dụng hay không? Vô dụng! Vẫn chẳng tránh khỏi sanh tử luân hồi. Quý vị mới hiểu vì sao hàng Tiểu Thừa chẳng bằng Đại Thừa Bồ Tát? Nguyên nhân là do Tiểu Thừa tu giới nơi mặt Sự, tức là trên mặt sự tướng. Hàng Tiểu Thừa luận sự, chẳng luận tâm. Trong tâm khởi vọng niệm, họ chẳng màng đến, giống như pháp luật trong thế gian. Pháp luật thế gian luận sự, chẳng luận tâm. Tâm ta nghĩ muốn giết ai đó, nhưng ta chưa giết kẻ ấy, quyết định chẳng phạm pháp! Quý vị thật sự giết kẻ ấy

thì mới bị phán tội, chịu phạt, đây là luận sự, chẳng luận tâm. Đại Thừa Bồ Tát giới luận tâm, bất luận sự, nên Bồ Tát giới khó khăn!

Bồ Tát giới kết tội từ nơi khởi tâm động niệm, chẳng kết tội nơi hành trì, nên khó khăn! Trong các vị cổ đức, vị rất quen thuộc đối với đại chúng là Đạo Tuyên Luật Sư núi Chung Nam vào đời Đường, Ngài trì giới Tiểu Thừa. Khuy Cơ đại sư hành trì rất tùy tiện. Trong mắt Đạo Tuyên luật sư, [ngài Khuy Cơ] chẳng phải là kẻ trì giới, nhưng người ta (tức ngài Khuy Cơ) trì tâm địa giới, khác hẳn! Quả báo khác nhau. Lúc Đạo Tuyên luật sư thấy Khuy Cơ đại sư đến [thăm viếng], rất muốn khoe khoang một chút cho Sư thấy, vì Ngài tự nghĩ chính mình giới hạnh rất lỗi lạc. Ý niệm ấy là sai mất rồi, thiếu tâm cung kính, dấy tâm ngạo mạn. [Ngài Đạo Tuyên] biết ngài Khuy Cơ học vấn khá lắm, nhưng thiếu đức hạnh, cảm thấy Sư chẳng coi trọng giới luật, thiếu đức hạnh, chính mình giới hạnh tinh nghiêm cảm động chư thiên đến cúng dường. Ngài mỗi ngày ăn một bữa giữa Ngọ, bữa ăn ấy do một vị trời dâng cúng. Ngài rất muốn khoe khoang trước mặt pháp sư Khuy Cơ một chút: “Ông thấy đó, chư thiên đến cúng dường ta”. Nào ngờ hôm ấy chẳng có vị trời nào dâng cúng. Ngày hôm sau, Ngài hỏi vị trời ấy: “Vì sao hôm qua ông chẳng đến cúng dường?” Vị trời ấy trả lời: “Ngày hôm qua có bậc Đại Thừa Bồ Tát trên núi này, khắp núi toàn là thần hộ pháp hộ vệ, chẳng dám tiến vào”. Đạo Tuyên luật sư nghe xong, mình mây dầm mồ hôi, thật sự sám hối, biết chính mình sai quấy. Do vậy [chuyện này] chứng tỏ giới Đại Thừa và giới Tiểu Thừa khác nhau. Giới Đại Thừa khó khăn, rất ư là khó, tâm địa thật sự thanh tịnh, quang minh.

Ở đây, chúng ta phải giác ngộ, nói thật ra, giới Đại Thừa kẻ sơ học chẳng thể làm được, mà người bình phàm cũng chẳng thể làm được! Do vậy, chúng ta nhất định phải thực hiện trên mặt sự tướng. Từ Ngũ Giới, Thập Thiện, thực hiện từ chỗ này. Có thể tu tập tốt đẹp Ngũ Giới, Thập Thiện, tôi cảm thấy coi như đã khá lắm rồi. Còn như Sa Di giới, tỳ-kheo giới, Bồ Tát giới đều là có cái tên mà thôi! Trên thực tế, làm không được! Chính chúng ta phải hiểu rõ, đừng tự gạt mình, đó là thật sự chẳng vọng ngữ! Chính mình lừa gạt chính mình, còn nói gì đến giới luật nữa? Điều gì cũng chẳng cần phải bàn đến nữa! Vì thế, đầu tiên là học chẳng dối gạt chính mình.

Chúng ta thật thà thực hiện Ngũ Giới, có thể niệm tốt đẹp một câu Phật hiệu, niệm đến mức tâm ta thanh tịnh, thành tựu Niệm Phật tam-muội. Đắc Niệm Phật tam-muội, giới luật của quý vị viên mãn, vì sao? Có Định Cộng Giới. Tất cả giới luật đều nhằm giúp quý vị đắc Định. Nay quý vị

đã đắc Định, đã đạt được, thấy đều trọn đủ, nên có Định Cộng Giới. Có thể niệm đến Lý nhất tâm bất loạn, bèn có Đạo Cộng Giới. Vì thế, chỉ cần niệm đến mức công phu thành phỉến, quý vị trọn đủ giới luật. Một thiên Niệm Phật Khai Thị của Ngẫu Ích đại sư nói như thế, chẳng phải là giả, mà là thật. Do vậy, niệm tốt đẹp một câu Phật hiệu, sẽ như Liên Trì đại sư đã nói: “*Viên nhiếp ngũ tông, cai la bát giáo*” (nhiếp trọn năm tông, bao trùm tám giáo). Năm tông là [năm pháp phái trong] Thiền Tông, tám giáo là hóa nghi tứ giáo và hóa pháp tứ giáo, bao gồm trọn vẹn Phật pháp. Niệm tốt đẹp một câu Phật hiệu này, nghiêm túc tu Ngũ Giới, Thập Thiện Nghiệp Đạo, đó là chuyện rất quan trọng, phải tận tâm tận lực thực hiện. Ngày hôm nay chúng tôi giảng tới chỗ này.

Tập 129

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang hai trăm tám mươi ba:

(Sao) Tam Khổ giả, nhất, Khổ Khổ, vị thọ hữu lậu thân, dĩ danh vi Khổ, cánh gia chủng chủng bức não, tác khổ nhi phục khổ dã, thị vi Dục Giới Khổ.

(鈔)三苦者，一、苦苦，謂受有漏身，已名為苦，更加種種逼惱則苦而復苦也，是為欲界苦。

(Sao: Ba khổ là: Một, Khổ Khổ, ý nói mang thân hữu lậu nên gọi là Khổ, lại còn thêm đủ mọi thứ bức bách, não hại, nên đã khổ lại càng thêm khổ. Đó là nỗi khổ trong Dục Giới).

Giải thích Khổ, Tập, Diệt, Đạo trong Tứ Đế, trước hết nói về Tam Khổ. Đức Thế Tôn quy nạp khổ báo trong tam giới thành ba loại lớn. Trong Dục Giới, ba thứ khổ ấy đều có, tức là Khổ Khổ, Hoại Khổ và Hành Khổ, ba loại khổ này đều trọn đủ. Cách giải thích này rất đơn giản, nhưng hết sức ngắn gọn. Chúng ta nhận quả báo trong tam giới, đương nhiên trọng yếu nhất là thân thể, thân thể này là “hữu lậu thân”, Lậu (漏) là gì? Đây là một thuật ngữ trong Phật học, nó là tên gọi khác của phiền não. Nói cách khác, quý vị có thân bèn có phiền não, có thân thể bèn có đau khổ. Đạo gia Lão Trang của Trung Quốc đã hiểu đến trình độ này nên nói: “Ngô hữu đại hoạn, vị ngô hữu thân” (ta có mối lo âu lớn vì ta có thân). Ta có nỗi lo âu lớn nhất là gì? Có thân thể! Có thân thể bèn có ưu hoạn. Có thể thấy khi Phật giáo chưa truyền đến Trung Quốc, cổ thánh tiên hiền Trung Quốc cũng nhận biết vấn đề này. “Lậu” là tỷ dụ, thí dụ như một chén trà. Nếu cái chén này hư nứt, đem nó đựng nước sẽ bị rò rỉ mất. Đức Phật sánh ví thân thể như một thứ pháp khí chẳng toàn vẹn, dầu chúng ta hằng ngày tu công tích đức đều bị rỉ mất!

Trong kinh, đức Phật thường nói “hỏa thiêu công đức lâm” (đốt trụi rừng công đức), mọi người phải nhớ điều này: Quý vị vừa nổi nóng, công đức liền cháy sạch. Do vậy, quý vị phải nghĩ rốt cuộc ta tu tập, tích lũy bao nhiêu công đức? Quý vị phải suy tính từ lúc ta chẳng nổi nóng cho đến hiện tại. Nếu trong một sát-na lâm chung, quý vị vẫn nổi nóng một trận thì chuyện gì cũng coi như xong, đã thiêu sạch rừng công đức! Do

vậy, người tu hành sợ sần khuê nhất, như thường nói: “*Nhất niệm sần tâm khởi, bách vạn chướng môn khai*” (một niệm sần tâm dậy, trăm vạn cửa chướng mở), tất cả hết thảy chướng ngại đều cùng kéo đến, nghiệp chướng đều hiện tiền; nhưng có mấy ai có thể chẳng nổi nóng? Nhìn từ chỗ này, như thường nói “*người niệm Phật nhiều, kẻ vãng sanh ít*” là vì lẽ nào? Hễ nổi nóng là không được rồi, sẽ trở thành chướng ngại. Do vậy, người niệm Phật sau khi thật sự giác ngộ, đối với hết thảy những người và sự trên thế gian này đều để mặc, tốt cũng được, xấu cũng xong, dầu như thế nào cũng đều chẳng liên can đến ta. Ta khuyên nhủ họ, họ nghe lời thì ta khuyên. Họ không nghe thì thôi, chẳng cần phải quan tâm đến nữa, phải giữ gìn sự thanh tịnh nơi thân tâm của chính mình. Kinh thường nói “*tích công lũy đức*”, công đức ấy mới có thể tích lũy.

Trong quá khứ, tôi có một người bạn. Ông ta tuổi trẻ đã bị bệnh phổi, chẳng thể tức giận. Hễ nổi nóng, căn bệnh ấy sẽ phát ra. Vì thế, suốt đời ông ta giữ cho tâm mình chẳng nóng giận, vì sao? “Ta chẳng có sức nóng giận”. Đến cuối cùng, chuyện ấy quả thật rất hữu ích cho sự tu hành của ông ta. Về sau, ông ta học Phật. Tuy ông ta mắt sớm, nhưng lúc chết cũng chẳng rất đơn giản. Ông ta thân mang bệnh nặng, tự mình ngồi xe bus đến bệnh viện Vinh Dân vào phòng cấp cứu. Sau khi ghi danh xin nằm phòng cấp cứu, vào phòng cấp cứu chưa đầy nửa giờ bèn mất, tỉnh táo, sáng suốt, đó là chuyện hết sức chẳng dễ dàng

Do vậy, nói cách khác, đối với cái thân này, hễ có cảm tình thì cảm tình là phiền não, là hữu lậu, rất khổ! Nói cách khác, chẳng có cách nào tích lũy công đức, khá là khổ sở. Lại còn thêm “*chủng chủng bức não*”, “*chủng chủng bức não*” (các thứ bức bách, khổ não) là nói tám thứ khổ trong phần sau. Nếu nói chi tiết, Khổ Khổ gồm tám loại lớn: Sanh, lão, bệnh, tử, ái biệt ly (yêu thương mà phải chia lìa), oán tăng hội (oán ghét mà phải gặp gỡ), cầu không được, Ngũ Âm lừng lẫy. Có thể nói là đối với tám loại lớn này, mỗi chúng sanh trong Dục Giới đều phải hứng chịu, chẳng ai có thể trốn tránh. Đây là loại thứ nhất, là sự khổ trong Dục Giới.

(Sao) Nhị, Hoại Khổ, vị đương lạc hoại thời, bất thắng ưu não dã, thị vi Sắc Giới Khổ.

(鈔) 二、壞苦，謂當樂壞時，不勝憂惱也，是為色界苦。

(Sao: Hai là Hoại Khổ, ý nói trong lúc vui sướng mà bị hư hoại bèn ưu não khôn xiết, đó là nỗi khổ trong Sắc Giới).

Trong Dục Giới tuy cũng có sáu tầng trời, phước trời cũng rất lớn, thọ mạng cũng khá dài, nhưng chỉ cần ở trong Dục Giới sẽ chẳng thể tránh khỏi tám nỗi khổ ấy. Đến Sắc Giới Thiên, nói cách khác, nếu kẻ ấy chẳng có một chút công đức, sẽ chẳng đến được Sắc Giới Thiên. Chúng ta thấy kinh luận Đại Thừa nói: Trong Kiến Tư phiền não của chư thiên Sắc Giới và Vô Sắc Giới chẳng có sân khuê, điều này đáng để cho chúng ta phản tỉnh thật sâu! Nếu quý vị có tâm sân khuê, dẫu quý vị tu tập tốt đẹp cách mấy, chẳng thể đến Sắc Giới Thiên. Sắc Giới Thiên mà còn chưa đến được, huống gì những nơi khác? Nói cách khác, đạo nghiệp của quý vị không thể thành tựu. Do vậy, có thể biết, phiền não sân khuê thật sự vô cùng nặng nề, nhất định phải ngăn ngừa, dứt trừ. Sanh vào Sắc Giới phải cạy vào Thiên Định, Tứ Thiên, Bát Định, bốn thứ Thiên Định từ Sơ Thiên, Nhị Thiên, Tam Thiên, đến Tứ Thiên. Tu Thiên Định thành công xong lại phải tu Tứ Vô Lượng Tâm, tức Từ, Bi, Hỷ, Xả thì mới có thể sanh vào mười tám tầng trời thuộc Sắc Giới. Mười tám tầng ấy cũng tùy thuộc công phu của mỗi cá nhân, tùy thuộc công phu Thiên Định của quý vị. Do Tứ Vô Lượng Tâm cạn hay sâu sẽ sanh lên các tầng trời khác nhau.

Chư thiên Sắc Giới chẳng có tám khổ, họ hóa sanh, nên chẳng có sanh, lão, bệnh, tử, cũng chẳng có cầu bất đắc, oán tắng hội, ái biệt ly, chẳng có những thứ ấy, nên rất tự tại. Tuy rất tự tại, nhưng thọ mạng vẫn có hạn. Khi hết tuổi thọ, vẫn phải chết, vẫn phải đọa lạc. Khi ấy, họ cảm thấy khổ sở. Lúc bình thường, họ chẳng cảm thấy, đến khi công phu định lực mất đi, lúc sắp đọa lạc xuống dưới, lúc đó sẽ bắt đầu cảm thấy rất khổ. Đó là Hoại Khổ.

(Sao) Tam, Hành Khổ, thử khổ xử trung, tức bất khổ, bất lạc, niệm niệm thiên lưu dã, thị vi Vô Sắc Giới Khổ.

(鈔) 三、行苦，此苦處中，即不苦不樂，念念遷流也，是為無色界苦。

(Sao: Ba là Hành Khổ, ở trong loại khổ này, sẽ chẳng khổ, chẳng vui, nhưng niệm niệm đổi dời, là nỗi khổ trong Vô Sắc Giới).

“*Bất khổ, bất lạc*”: Đối với ba thứ khổ, đem phối hợp với ba thứ cảm nhận để nói, Khổ Khổ ứng với Khổ Thọ, Hoại Khổ ứng với Lạc Thọ mà sanh ra, còn Hành Khổ tương ứng với chẳng khổ, chẳng vui. Chẳng khổ, chẳng vui tốt lắm, cái tâm bình lặng, an tĩnh, hết sức tốt đẹp, vì sao người ấy cảm thấy khổ? Do cảnh giới ấy chẳng thể vĩnh viễn duy trì, sẽ dần dần bị mất đi. Vì vậy, kẻ ấy cảm thấy đau khổ. Chư thiên Vô Sắc Giới

thọ mạng dài nhất là tám vạn đại kiếp, thọ mạng trong Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ Thiên là tám vạn đại kiếp! Tuy tám vạn đại kiếp khá dài, vẫn có lúc hết. Đến lúc đó, vẫn phải đọa lạc. Họ không thể thường ở trong cảnh giới này, đó là Hành Khổ. Ba thứ khổ này là nói phân biệt theo tam giới.

(Sao) Hữu, Dục Giới cụ tam.

(鈔) 又欲界具三。

(Sao: Lại nữa, Dục Giới có đủ cả ba).

Trong Dục Giới, cả ba thứ khổ đều có.

(Sao) Sắc kiêm hậu nhị.

(鈔) 色兼後二。

(Sao: Sắc Giới có hai thứ sau).

Sắc Giới có Hoại Khổ và Hành Khổ; Vô Sắc Giới chỉ có Hành Khổ, kể cả Hoại Khổ cũng chẳng có, vì sao? Vì họ chẳng có thân. Chư thiên Vô Sắc Giới chẳng cần đến thân thể, nên họ chẳng có sắc tướng. Nói theo kiểu bây giờ, họ được gọi là “*linh giới*” (spirit world). Họ chẳng có thân thể, là phàm phu cao cấp trong tam giới, nhưng vẫn là phàm phu! Họ thông minh, trí huệ cao nhất, kể cả thân thể cũng chẳng cần, đắc tự tại! Có thân thể sẽ bị trói buộc, chẳng tự tại. Chẳng có thân thể thì mới thật sự tự tại, nhưng họ có Hành Khổ.

Đối với Khổ Khổ, chúng tôi nêu một thí dụ đơn giản, sanh, lão, bệnh, tử, ái biệt ly, oán tăng hội, nào ngờ oan gia đối đầu ở cùng một chỗ, chẳng có cách nào cả, sống trong cùng một nhà, chẳng tách lìa được, chán ghét mà cứ phải gặp gỡ! Cầu chẳng được, Ngũ Âm lừng lẫy, đó là những khổ báo hết sức thô thiển, rõ ràng. Đối với Hoại Khổ, chúng tôi nêu một tỷ dụ, giống như nay đang làm quan, được thăng chức, hỷ sự ulla vào cửa, vui sướng lắm! Đến ngày nào đó ngã ngựa, khô lắm! Hề mất chức tước, cửa nhà liền quanh quẽ²³, thân thích, bằng hữu nào cũng đều chẳng đặt chân đến. Có thể thấy thói đời bạc bẽo, kể ấy lập tức cảm nhận khi thăng chức và khi ngã ngựa hoàn toàn khác hẳn nhau! Hoại Khổ đấy!

²³ Nguyên văn “*môn khả la tước*” (ngoài cửa chim sẻ đậu đây), đây là một cách nói dựa theo thành ngữ “*môn kham la tước*” hình dung sự vắng vẻ, điêu linh, chẳng có ai lui tới.

Đối với Hành Khổ, thí dụ rõ rệt nhất là chúng ta không thể giữ mãi tuổi thanh xuân. Mỗi người đều muốn mỗi năm đều là mười tám, nhưng đâu có được! Già thì chẳng phải là mỗi mười năm mỗi già, chẳng phải vậy! Cũng chẳng phải là mỗi năm mỗi già, mà là mỗi ngày một già hơn, chẳng có cách nào cả, ai hòng giữ mãi [tuổi xuân]! Nói thực tại, mọi người phải giác ngộ điều này, đòi người trên thế giới chẳng có ý nghĩa gì. Từ ngày quý vị được sanh ra, chỉ có một mục tiêu, một phương hướng, đi tới đâu? Tiên đến mộ phần! Mỗi ngày đều tinh tấn, chẳng chịu chừa một phút, một giây nào, chẳng chịu ngừng nghỉ tí nào! Quý vị nghĩ xem có ý nghĩa gì hay không? Tuy người thế gian nói ba điều “bất hủ” (không hư nát) là lập công, lập đức, lập ngôn, nhưng nói theo Phật pháp, những điều ấy đều là hư vọng, vì sao? Thế giới có Thành, Trụ, Hoại, Không, thứ gì cũng chẳng giữ lại được! Đúng như kinh luận đã nói: “*Vạn ban tương bất khứ, duy hữu nghiệp tùy thân*” (muôn thứ chẳng mang được, chỉ có nghiệp theo thân). Cần gì phải tạo tội nghiệp? Cái quý vị có thể mang theo được là quý vị tạo một ít thiện quả. Tạo thiện nghiệp sẽ có thiện báo, tạo ác nghiệp ắt có ác báo, quyết định chẳng thể tránh được. Người thật sự giác ngộ hiểu rõ. Đức Phật dạy: “*Thân người khó được, Phật pháp khó nghe*”, được thân người chẳng dễ dàng. Được làm thân người đáng quý nhất là nghe Phật pháp. Phật pháp giảng rõ ràng cho chúng ta biết chân tướng của vũ trụ và nhân sinh. Đã hiểu rõ chân tướng, chúng ta sẽ biết cách nên làm như thế nào, sống cuộc đời trước mắt ra sao, xử sự, đãi người, tiếp vật như thế nào? Đã hiểu rõ, từ nay trở đi quyết định chẳng tạo ác nghiệp.

Trong Phật pháp, pháp thù thắng bậc nhất là niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, pháp môn này quá thù thắng! Rất đáng tiếc là quá ít người biết đến pháp môn thù thắng hy hữu như vậy. Không chỉ người thế gian chẳng biết, mà người tu Phật pháp đã lâu, những vị đại đức xuất gia lẫn tại gia thật sự hiểu rõ cũng chẳng nhiều! Cổ nhân thấy sự tương này đều hết sức cảm thán! Liên Trì đại sư nhọc nhằn viết một bộ chú giải kinh Di Đà vĩ đại như vậy, nhằm mục đích khuyên chúng ta hãy nên tin tưởng pháp môn này, y chiếu pháp môn này để tu học, có công huân không gì lớn hơn đối với Tịnh Độ giáo. Nhưng Liên Trì đại sư là người sống vào cuối đời Minh, văn tự [trong tác phẩm này viết bằng] thể văn Văn Ngôn, người hiện thời chẳng đọc văn chương Văn Ngôn nữa, điều này rất đáng tiếc!

Trong tương lai, thể văn Văn Ngôn dần dần thất truyền, đó là nỗi bất hạnh cho toàn thể dân tộc. Tôi cảm thấy tổ tiên lưu lại di sản lớn nhất, kho báu phong phú nhất là văn chương Văn Ngôn, bất cứ dân tộc nào thuộc quốc gia nào trên toàn thế giới đều chẳng có điều này. Phát minh

này thật sự lỗi lạc! Tổ tiên biết ngôn ngữ, văn tự sẽ biến đổi theo thời đại, nếu muốn lưu truyền trí huệ và kiến thức của người đương thời cho người đời sau làm tham khảo, dùng phương pháp gì mới có thể bảo tồn, khiến cho người đời sau đọc đến sẽ giống như đối diện đàm thoại, nên mới sáng chế thể văn Văn Ngôn. Ngôn ngữ có thể biến đổi theo thời đại, nhưng thể văn Văn Ngôn vĩnh viễn chẳng thay đổi.

Ngày nay, chúng ta đọc sách của Không Tử, giống như bạn bè viết thư cho nhau. Tuy đọc sách vở đã lâu hơn hai ngàn năm, vẫn giống như đối diện trò chuyện, chẳng đến nỗi hiểu sai ý nghĩa, đó là chỗ tuyệt diệu của thể văn Văn Ngôn. Chúng ta xem cổ văn của các quốc gia khác, xem những văn tự từ hai ngàn năm trước, đều phải cần đến những nhà khảo cổ học và chuyên viên thì mới có thể đọc hiểu, chẳng tiện lợi nhiều bề như người Trung Quốc. Đó là tổ tiên người Trung Quốc đã nghĩ thật chu đáo cho con cháu đời sau, cả thế giới chẳng có chuyện này! Nếu ngày nay chúng ta vứt bỏ thể văn Văn Ngôn, há chẳng có lỗi với tổ tiên? Đối với tư tưởng, kiến giải, và trí huệ trong mấy ngàn năm của các bậc thánh hiền, nếu chúng ta có thể thông đạt thể văn Văn Ngôn, kho báu ấy sẽ thuộc về bản thân chúng ta, quả thật sẽ tăng trưởng học vấn và kiến thức.

Nói thật ra, tu học thể văn Văn Ngôn chẳng có bí quyết gì, từ xưa tới nay chỉ có một phương pháp là học thuộc lòng. Trong quá khứ, thầy Lý dạy học tại Đài Trung, lão nhân gia bảo chúng tôi: *“Các anh có thể học thuộc năm mươi bài trong bộ Cổ Văn Quán Chỉ, sẽ có khả năng đọc được văn chương Văn Ngôn. Có thể đọc thuộc lòng một trăm bài Văn Ngôn, sẽ có thể viết bằng Văn Ngôn”*. Có thể thấy từ xưa tới nay, Tiểu Học của Trung Quốc dạy gì? Học thuộc sách. Lợi ích của việc thuộc sách là ở chỗ này, tạo lập cơ sở về thể văn Văn Ngôn. Thời đầu Dân Quốc, trẻ nhỏ mười một, mười hai tuổi viết văn chương Văn Ngôn đều viết hết sức trôi chảy. Hiện thời sinh viên đại học khoa Hán văn viết không nổi!

Tôi nhớ có một lần trong khóa Đại Chuyên Giảng Tòa, tôi photopcopy bài văn mẫu của học trò Tiểu Học thời đầu Dân Quốc thành mấy bản dán ở nơi ấy cho các sinh viên đại học xem. Vì sao chúng nó viết khá như thế? Do học thuộc cổ văn rất nhiều! Con người hiện thời chẳng chịu học thuộc sách, hễ nghe nói phải học thuộc sách bèn nhúc đầu! Chẳng có cách nào, nhất định phải học thuộc sách. Hiện thời, chúng tôi cổ vũ, khích lệ các đồng tu học Phật phải xem trọng văn chương Văn Ngôn. Vì sao? Tất cả kinh điển đều viết bằng văn chương Văn Ngôn. Nếu chúng ta lười nhác, chẳng muốn đọc văn chương Văn Ngôn, mà đọc những kinh điển được dịch sang Bạch Thoại của người hiện thời thì những bản kinh

điền dịch sang Bạch Thoại ấy sai sót trăm bề, tuyệt đối chẳng phải là ý nghĩa gốc. Vì thế, quý vị muốn thật sự đạt được lợi ích từ Phật pháp, chính mình phải cần đến công cụ này.

Chúng ta có phải học thuộc lòng cổ văn hay không? Tôi cảm thấy chẳng cần. Kinh điển đều là cổ văn, học thuộc kinh điển là được rồi. Nhất là kinh Vô Lượng Thọ, phân lượng chẳng dài, chẳng ngắn, tất cả chỉ có bốn mươi tám thiên, tức bốn mươi tám chương, thầy Lý định tiêu chuẩn là năm mươi bài [cổ văn], kinh này có bốn mươi tám thiên, hết sức gần gũi. Có thể học thuộc lòng kinh Vô Lượng Thọ từ đầu đến cuối, quý vị sẽ chẳng có vấn đề gì đối với thể văn Văn Ngôn. Vì văn tự trong kinh Vô Lượng Thọ là Hán văn tiêu chuẩn, kinh được phiên dịch từ thời đại Hán - Đường. Học văn chương Văn Ngôn lẫn học kinh đều được, lại còn là kinh bậc nhất trong các kinh Phật, công đức lợi ích thật sự chẳng thể nghĩ bàn. Điều này rất đáng chú ý, phải tận lực tuyên dương, phổ biến khuyến dạy hết thầy mọi người, nhất là đối với kinh Vô Lượng Thọ, chúng ta phải gắng sức lưu thông. Tiếp theo đây là nói về Tây Phương Cực Lạc thế giới:

(Sao) Nhi bỉ quốc ly dục thanh tịnh, tắc vô Khổ Khổ.

(鈔) 而彼國離欲清淨，則無苦苦。

(Sao: Nhưng cõi kia ly dục thanh tịnh, nên không có Khổ Khổ).

Nói về Tây Phương Cực Lạc thế giới. Trong thế giới Tây Phương chẳng có tám thứ khổ được kể trong Khổ Khổ. Thế giới Tây Phương là liên hoa hóa sanh, chẳng có Sanh Khổ. Người trong thế giới Tây Phương ai nấy đều là thân thanh hư, thể vô cực, nên chẳng có Lão Khổ. Người nơi ấy chẳng già, dung mạo vĩnh viễn chẳng thay đổi. Chúng ta thật sự mong trường sanh bất lão, hãy cầu về Tây Phương Tịnh Độ.

Trong Phật môn, Tịnh Độ Tông có một vị đại đức là ngài Đàm Loan, sống vào thời Bắc Ngụy²⁴, vốn là một đạo sĩ, theo đuổi thuật trường sanh

²⁴ Bắc Ngụy (386-534) là triều đại đầu tiên trong thời Nam Bắc Triều do Thác Bạt Khuê sáng lập, đóng đô tại Bình Thành (nay là thành phố Đại Đồng, tỉnh Sơn Tây). Năm 439, nhà Bắc Ngụy thống nhất Hoa Bắc. Năm 493, nhà Ngụy thiên đô về Lạc Dương, đổi họ từ Thác Bạt sang Nguyên, nên sử gọi giai đoạn từ năm 493 trở đi là nhà Nguyên Ngụy. Về sau, vào năm 534, Bắc Ngụy suy yếu, bị tách ra thành Đông Ngụy và Tây Ngụy. Nhà Đông Ngụy về sau lại bị quyền thần Cao Dương phế trừ Ngụy Hiếu Tĩnh Đế, lập ra nhà Bắc Tề vào năm 550. Còn nhà Tây Ngụy bị quyền thần Vũ Văn Hộ phế trừ Ngụy Cung Đế, lập ra nhà Bắc Châu vào năm 557. Thác Bạt Khuê là người Tiên Ty. Tiên Ty là một bộ tộc du mục cổ, sống ở Mãn Châu, Nội Mông và phía Đông

bất lão. Có một hôm Ngài gặp một vị pháp sư Ấn Độ đến Trung Quốc hoàng dương Phật pháp, bèn hỏi Sư: “Trong Phật môn có phương pháp trường sanh bất lão hay không?” Sư đáp: “Nếu mong thật sự trường sanh bất lão, chỉ Phật môn mới có! Cõi trời tuy trường thọ, dẫu thọ mạng rất dài, đến cuối cùng vẫn phải chết! Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ Thiên thọ mạng tám vạn đại kiếp, hết tám vạn đại kiếp thì sao? Có thể thấy trọn chẳng phải là trường sanh bất lão thật sự. Thật sự trường sanh bất lão thì Tây Phương Cực Lạc thế giới là vô lượng thọ”. Vị này thiện căn hết sức sâu dày, sau khi nghe xong, bèn lập tức tiếp nhận, bỏ Đạo giáo, quy y Tịnh Độ, chuyên tu pháp môn Tịnh Độ. Ngài có soạn An Lạc Tập và Vãng Sanh Luận Chú, người đời sau tôn xưng Ngài là Thần Loan. Đây là một vị thật sự tu trường sanh bất lão, thật sự đạt được. Bởi lẽ, trong thế giới ấy chẳng có sanh, lão, bệnh, tử.

Thế giới ấy là một pháp giới bình đẳng, chẳng có ái biệt ly, mà cũng chẳng có oán tăng hội. Chúng ta đọc kinh phải lưu ý những chỗ như thế này. Trong thế gian này, chúng ta thấy người này đáng ưa, kẻ kia đáng ghét, tâm thái ấy chớ nên có, vì sao? Chớ ngại quý vị vãng sanh Tịnh Độ. Quý vị chán ghét kẻ đó, người ta mỗi ngày đều niệm Phật, nếu trong tương lai đến Tây Phương Cực Lạc thế giới gặp mặt vẫn cãi cọ một trận, há lẽ nào có chuyện như thế? Cãi nhau thì cả hai người đều cùng bị đuổi ra. Bình thời, chúng ta phải nghiêm túc tu dưỡng, hạ cái tâm yêu thích, chán ghét xuống mức thấp nhất thì mới không đến nỗi nảy sanh chớ ngại đối với sự vãng sanh của bản thân chúng ta. Chuyện này thoát nhìn tưởng chừng là chuyện nhỏ nhặt, nói thật ra, rất nghiêm trọng, cả đồng kể suốt đời niệm Phật do vì việc nhỏ nhặt này mà lỡ làng, cái tâm bất bình đẳng mà!

Mông Cổ. Họ là một trong các bộ tộc cổ của Mông Cổ, hiện thời những người Mông Cổ thuộc bộ tộc Mengwu Shiwei thường được coi là hậu duệ của người Tiên Ty. Thoạt đầu, bộ tộc Thác Bạt người Tiên Ty chiếm lãnh miền Bắc tỉnh Sơn Tây và Mông Cổ lập ra nước Đại, về sau nước Đại bị nhà Tiên Tần (Phù Tần) diệt. Mãi đến năm 356, dưới sự lãnh đạo của Thác Bạt Khuê, người Tiên Ty trở nên hùng mạnh, chiếm được Hoa Bắc và lập ra nước Ngụy. Đây là một trong các triều đại không phải người Hán lại bị Hán Hóa mạnh nhất khi xâm chiếm Trung Nguyên. Đây cũng là thời kỳ Phật giáo phát triển mạnh mẽ tại Hoa Bắc. Hoàng tộc nhà Ngụy áp dụng chính sách “*tử quý, mẫu tử*” tức là nếu phi tần hay hoàng hậu sanh con trai liền bị giết chết, để tránh nạn ngoại thích (dòng họ bên vợ) cướp ngôi vua. Do vậy, khi hoàng thái tử lên ngôi, sẽ tôn nữ mẫu làm Hoàng Thái Hậu, rốt cuộc vẫn dẫn đến nạn Thái Hậu và ngoại thích lạm quyền, lũng đoạn triều chính, khiến nhà Ngụy bị suy yếu nhanh chóng. Hủ tục này mãi đến đời Ngụy Tuyên Vũ Đế mới bị chấm dứt.

Thế giới Tây Phương hết thảy đều được biến hóa ra, chẳng có nỗi khổ Cầu Bất Đắc, hết thảy nguyện vọng của quý vị đều được thỏa mãn. Đó gọi là “*tu y đắc y, tu thực đắc thực*” (nghĩ đến áo được áo, nghĩ đến ăn liền được ăn). Ý niệm vừa mới dấy lên, quý vị muốn thứ gì, [thứ ấy] đều hiện trước mặt. Chẳng cần nữa thì cũng chẳng có rác rưởi, chẳng cần thì chúng liền biến mất, hay lắm! Hiện thời chúng ta chẳng cần thì cũng phiền phức, rác rưởi rất khó xử lý. Các nhà khoa học hiện thời đã hiểu đạo lý này, đạo lý gì vậy? Năng lượng và vật chất có thể chuyển biến [thành lẫn nhau]; khi cần bèn biến năng lượng thành vật chất, đúng là “lấy chẳng hết, dùng mãi không cạn!” Không cần nữa, vật chất lập tức biến thành năng lượng, chẳng còn nữa. Đúng là sạch sành sanh, chẳng nhiễm mảy trần. Chỗ tốt đẹp này chúng ta hằng ngày đều mong muốn, nhưng muốn mà chẳng đạt được! Tây Phương Cực Lạc thế giới thứ gì cũng đều có.

(Sao) Y chánh thường nhiên, tắc vô Hoại Khổ.

(鈔) 依正常然，則無壞苦。

(Sao: Y báo và chánh báo thường hằng nên chẳng có Hoại Khổ).

Trong Đại Kinh nói càng thấu triệt hơn nữa. Y báo và chánh báo vĩnh viễn chẳng suy, chẳng kém đi, chẳng biến đổi. Thật sự là một thế giới trường sanh bất lão.

(Sao) Siêu quá tam giới, tắc vô Hành Khổ.

(鈔) 超過三界，則無行苦。

(Sao: Vượt trời tam giới, nên chẳng có Hành Khổ).

Đại Kinh đã giảng Tây Phương Cực Lạc thế giới rất rõ ràng, vượt trời hết thảy các thế giới chư Phật. Hết thảy các thế giới của chư Phật đều chẳng thể sánh bằng, cho nên gọi là Cực Lạc. Do cõi ấy chẳng có ba thứ khổ này, nên mới gọi là thế giới Cực Lạc.

(Sao) Bát khổ giả, sanh cư thai ngục.

(鈔) 八苦者，生居胎獄。

(Sao: Tám khổ, [sự khổ thứ nhất] là sanh trong thai ngục).

Đây là nói về Sanh Khổ. Trong kinh, đức Phật đã giảng rất chi tiết, Ngài nói khi loài người chúng ta đầu thai, ở trong thai mẹ mười tháng,

cảm nhận mười tháng ấy giống như trong địa ngục, đúng là sống một ngày bằng cả năm! Mẹ uống một chén nước nóng, [con có cảm giác] giống như ở trong tám địa ngục nóng. [Mẹ] uống một chén nước lạnh, [con cảm giác] giống như ở trong tám địa ngục lạnh. Đức Phật hình dung sự thống khổ này là “*thai ngục*”, địa ngục là nơi khổ nhất. Thoạt nhìn, mười tháng kể ra chẳng dài lắm, nhưng đứa bé trong thai cảm thấy chịu không nổi, cảm nhận thời gian quá dài. Đó là nói về “*sinh cư thai ngục*”. Vừa sinh ra, thân thể tiếp xúc cảnh giới bên ngoài, kinh Phật hình dung sự cảm thụ ấy là “*lãnh phong xúc thân dữ địa ngục vô dị*” (gió lạnh chạm thân chẳng khác gì địa ngục), giống như đao bén cắt thịt. Vì thế, trẻ sinh ra liền khóc, khóc là vì nó quá đau khổ, chẳng có cách nào chịu đựng! Nếu sinh ra rất vui, chẳng khổ, trẻ nhỏ được sinh ra chẳng nên khóc, lúc nó vui sướng sẽ cười. Các vị có thấy trẻ nhỏ sinh ra mà cười khanh khách hay không? Điều này chứng tỏ đức Phật nói đúng. Sinh, xác thực là khổ!

(Sao) Lão yếm long chung.

(鈔) 老厭龍鍾。

(Sao: Già cả chán ngán run rẩy).

Đây là Lão Khổ. Chúng ta có thể trông thấy, hiện tại tuy chính mình chưa già, nhưng trông thấy chỗ khổ sở của người già, chính mình phải có tâm cảnh giác, vì sao? Trong tương lai, bản thân chúng ta cũng có ngày đó. Nếu quý vị không muốn già thì chỉ đành đoản mạng. Quý vị lại không thích đoản mạng, lẽ nào chẳng già? Quyết định phải thừa nhận Lão Khổ. Lúc già có phước chính là thật sự có phước báo; chứ tuổi trẻ có phước, chẳng coi là phước báo.

Cha tôi có một người bạn học, lúc còn trẻ, trong thời Kháng Chiến, ông ta làm tướng quân, rồi làm quân trưởng²⁵, tổng tư lệnh, hô một tiếng, trăm người dạ. Làm quân trưởng tại Đại Lục thuở ấy, lừng lẫy lắm! Không giống như hiện thời, làm quan chẳng đáng kể chi! Quyền uy rất lớn, trong nhà mấy chục kẻ hầu. Đến lúc cao tuổi, sang Đài Loan, xuất ngũ; khi đó, cụ đã ngoài bảy mươi tuổi. Trong nhà chỉ có hai người là cụ và vợ, mỗi ngày phải tự mình xách giỏ đi mua thức ăn, tôi nhìn [tình cảnh ấy] lắc đầu,

²⁵ Quân Trưởng là chức vụ chỉ huy quân sự thời Quốc Dân Đảng, cấp bậc thấp hơn tư lệnh quân khu, nhưng cao hơn Sư Trưởng. Tùy theo cách tổ chức của từng quân khu mà có cấp bậc sĩ quan khác biệt, nhưng quân trưởng tối thiểu phải là thiếu tướng.

so với cuộc sống trong quá khứ đúng là khác biệt một trời một vực! Com phải tự mình nấu lấy, tôi thấy cũng rất khổ sở.

Lúc ấy, tôi vừa mới xuất gia chưa được bao lâu, tôi đến thăm cụ, khuyên cụ học Phật. Cụ nói: “Học Phật hay lắm! Hiện thời tôi đang kinh doanh một nông trại. Sau khi làm xong chuyện này, tôi sẽ học Phật đàng hoàng”. Một người chẳng có con cái, tuổi tác đã cao dường ấy, vẫn không chịu buông xuôi, vẫn không chịu niệm Phật, mà làm nông trại. Làm chưa được mấy năm, tôi nghe cụ đã mất, đúng là đáng tiếc! Vị này căn bản Hán học tốt đẹp, viết chữ cũng hết sức đẹp đẽ. Đáng tiếc là phước báo hưởng hết sạch trong tuổi trung niên, lúc có địa vị, có của cải, có quyền thế chẳng chịu tu phước nữa, cho nên hưởng hết phước báo, đến tuổi xế chiều khổ sở ngàn ấy! Tình hình giống như vậy tôi đã thấy rất nhiều.

Do vậy, phải giác ngộ, tuổi trẻ có phước chẳng phải là phước. Tuổi trẻ có phước chớ nên hưởng phước, hãy dùng trọn phước báo của quý vị để vun bồi phước, dùng để tu phước. Ta chẳng hưởng phước báo, tuy phước đưa đến, ta chẳng tiếp nhận! Không tiếp nhận, nó sẽ chẳng mất đi, vĩnh viễn tồn tại, đến tuổi xế chiều, ta lại hưởng thụ, đó là phước báo chân chánh. Tuổi trẻ có thể lực, chịu khổ đôi chút cũng chẳng sao, chứ người tuổi tác đã cao sẽ không kham nổi. Tuổi trẻ chẳng cần người khác hầu hạ, thứ gì cũng tự mình làm, đúng đấy! Tuổi tác đã cao, thể lực suy yếu, có người đến chăm sóc, đó là phước báo! Vì thế, phải biết tu phước. Nhất là chúng ta thấy những người già cả, đừng ghét bỏ họ. Nếu quý vị ghét bỏ họ, trong tương lai, quý vị già cả, người trẻ tuổi sẽ ghét bỏ quý vị, vì sao? Nhân quả báo ứng! Đối với người già, chúng ta nên tôn trọng, nên thương yêu, tùy thời, tùy chỗ giúp đỡ họ thì đến lúc tuổi già quý vị cũng sẽ có những người trẻ tuổi đến chăm sóc quý vị. Quý vị gieo nhân như thế nào, trong tương lai sẽ có quả báo như thế ấy. Đúng là nhân duyên quả báo chẳng sai sẩy mảy may! Trong thế gian này, chúng ta chẳng tránh khỏi Lão Khô, vậy thì hãy lo toan cho lúc tuổi già. Nói cách khác, tận hết sức giảm nhẹ Lão Khô, phương pháp là hiện thời chúng ta có thể tôn kính, giúp đỡ người già, có thể tu phước nhiều hơn, chớ nên hưởng phước.

(Sao) Bệnh thọ thống kha.

(鈔) 病受痛疴。

(Sao: Bệnh tật phải chịu đau đớn, dầy dụa).

Đây là Bệnh Khô. Tôi nghĩ mỗi người đều từng ngã bệnh, đều có kinh nghiệm, chẳng cần phải rườm rà. Trong xã hội hiện thời, các chứng bệnh lạ lùng đặc biệt nhiều, chúng ta phải cẩn thận. Cô nhân đã nói: “Họa

tùng khẩu xuất, bệnh tùng khẩu nhập” (họa từ miệng ra, bệnh từ miệng vào). Do vậy, chúng ta ăn uống, sinh sống hằng ngày phải có quy luật, phải chú trọng vệ sinh. Chẳng phải là chuyện bất đắc dĩ, chớ nên ăn uống bên ngoài. Thầy Lý đến lúc tuổi già, tôi tới thăm Ngài, mỗi lần gặp Ngài, Ngài đều khuyên tôi đừng ra ngoài ăn này nọ, vì nguyên nhân khiến cho chính Ngài bị nhiễm bệnh là do trúng độc âm thực. Do vậy, Ngài cảnh cáo chúng tôi: “Cuộc sống của con người hiện thời trong thế gian này rất đáng thương, ba bữa cơm toàn ăn thứ độc địa”. Ngài bảo: “Nói thẳng thừng, chúng ta chẳng phải là ăn cơm, mà nuốt chất độc. Một ngày phải nuốt chất độc ba lần, lẽ nào thân thể này chẳng bị ngã bệnh?” Ngài bảo ăn thịt thì trong đó chẳng biết họ đã chích những thuốc gì, đó là chất độc. Những loài lợn, bò, gà, vịt đều sanh trưởng bất bình thường. Như những con gà từ lúc đẻ ra cho đến khi bị giết luôn bị nhốt trong lồng, giống như cả đời nó bị giam trong tù ngục, oán khí trong tâm chẳng phát ra được, đó là có chất độc. Trước kia, gà được thả cho sanh trưởng tự nhiên bên ngoài, chỉ có lúc nó bị giết thì sân hận mới dấy lên, chứ bình thường chẳng có! Hiện thời, gà, vịt suốt ngày từ sáng đến tối oán khí ngút trời, quý vị ăn vào lẽ nào chẳng trúng độc? Lợn bị chích thuốc, bò cũng bị chích thuốc, đến cuối cùng, thầy Lý kể cả sữa bò cũng chẳng dám dùng, do bò bị chích thuốc, nên sữa cũng có chất độc!

Ngài nói: Rau dưa tốt hơn một tí, nhưng thuốc trừ sâu nhiều quá. Ăn rau dưa là ăn thuốc trừ sâu. Trong gạo tằm chất hóa học để gạo trắng hơn một tí, trông đẹp mắt hơn một chút. Ngài nói: “Chẳng có thực phẩm nào sạch sẽ!” Nói thật ra, thầy Lý hoàn toàn chẳng có bệnh gì, thứ gì thầy cũng chẳng dám ăn, đến cuối cùng là chết đói. Thật vậy, chẳng giả tí nào, đích xác là Ngài bị chết đói!

Trong âm thực, sinh hoạt hằng ngày, Trung Quốc chẳng bằng ngoại quốc, thật đấy! Rau dưa ngoại quốc tuy có thuốc trừ sâu, nhưng chánh phủ của họ hết sức có trách nhiệm. Nếu phân lượng thuốc trừ sâu có hại cho thân thể, chắc chắn sẽ cấm ngặt. Ở Trung Quốc thì thuốc diệt trùng vừa phun ra, gián chết ngay, nồng độ quá cao! Ở ngoại quốc, tôi đã từng mua thuốc đem phun gián, cả nửa ngày nó cũng không chết, phun hồi lâu, thấy nó bất tỉnh chừng một hai tiếng đồng hồ rồi trở mình chạy mất. Quý vị biết loại thuốc sát trùng ấy chẳng có hại cho sức khỏe của thân thể con người. Sở Y Tế đương cục và chánh phủ hạn chế rất nghiêm ngặt. Do vậy nói về điều này thì Trung Quốc chẳng bằng ngoại quốc. Nói tới bệnh thì hiện thời các thứ bệnh tật kỳ quái quá nhiều! Có những người đang mắc

bệnh, nói thật ra, tốt nhất đừng nên dùng chung chén uống nước, khăn mặt, nhất định phải chú trọng vấn đề vệ sinh hồng giảm bớt tật bệnh.

(Sao) Tử bi phân tán.

(鈔) 死悲分散。

(Sao: Chết thì buồn bã vì chia ly).

Đây là Tử Khổ. Nay chúng ta tuy còn chưa chết, chưa nếm trải mùi vị cái chết, nhưng thấy cả đồng người chết như vậy, quý vị thấy đáng vẻ, tướng mạo chẳng dễ coi của họ khi chết, mới biết đích xác là họ phải chịu đau khổ. Những điều này đều chẳng thể tránh được!

(Sao) Ái tắc dục hợp thiên ly.

(鈔) 愛則欲合偏離。

(Sao: Yêu thương thì mong muốn quây quần lại cứ phải chia lìa).

Đây là Ái Biệt Ly Khổ. Những người quý vị ưa thích chẳng thể thường ở cùng một chỗ với mình, vật quý vị ưa thích cũng chẳng thể thường ở cùng một chỗ, Ái Biệt Ly mà!

(Sao) Oán tắc dục đào thiên ngộ.

(鈔) 冤則欲逃偏遇。

(Sao: Oán ghét thì muốn trốn tránh mà cứ gặp gỡ).

Đây là Oán Tăng Hội Khổ. “Oán” là oan gia trái chủ, chẳng mong ở chung với họ, mà cứ phải thường gặp gỡ. Oán do đâu mà có? Oán do yêu mà có. Yêu quá biến thành oan gia đối đầu. Do vậy, ái là giả, oán là thật. Chúng ta thấy khá nhiều oan gia đối đầu, quý vị xét coi, thoát đầu vừa quen biết họ đều là bạn tốt. Nếu vừa bắt đầu đã là oan gia đối đầu, họ sẽ chẳng thể ở cùng một chỗ. Trước tiên, tốt đẹp khôn cùng, đến cuối cùng biến thành oan gia đối đầu, một mất một còn! Oan gia đời đời kiếp kiếp đều chẳng trốn thoát, vì thế, đức Phật dạy chúng ta “oan gia nghi giải, bất nghi kết” (oan gia nên cởi gỡ, đừng thắt buộc). Chớ nên kết oán với bất cứ ai. Không chỉ chẳng thể kết đại oán, mà sự khó chịu nhỏ nhoi, trong lòng bực bội đều chớ nên có, vì sao? Có tiểu oán sẽ dần dần kết thành đại oán, phải cảnh giác điều này.

Vì sao chúng sanh tu hành không thể chứng quả? Vì sao không thể vượt thoát tam giới? Do oan gia trái chủ của quý vị quá nhiều, chẳng cho quý vị ra đi. Quý vị muốn đi, họ nói: “Người còn nợ mạng của ta chưa đền, mắc nợ ta chưa trả xong xuôi, người đã muốn đi, há có chuyện tiện nghi như vậy?” Từ lịch sử, chúng ta thấy ngài An Thế Cao là cao tăng thật sự đắc đạo, còn phải hai lần trả nợ mạng tại Trung Quốc! Kiếp trước ngộ sát kẻ khác, kiếp này đến nơi đây trả nợ. Người thật sự đắc đạo hiểu nợ mạng chẳng thể không đền. Chẳng đền, sẽ đời đời kiếp kiếp chẳng xong! Do vậy, có thể biết, kết oán đáng sợ lắm! Vì thế, chớ nên kết oán cừu với kẻ khác! Cũng đừng nên ân ái triền miên với kẻ khác, vô dụng, vì sao? Đều là giả, chẳng phải thật. Trên thế gian này, người và người ở chung với nhau, nói thật thà chẳng có ái, ái là giả, chẳng phải là thật sự. Nếu quý vị ngộ ái là thật sự có, tức là ngu si mất rồi! Vì sao biết là giả? Ái có thể biến đổi. Ngày hôm nay yêu thương, ngày mai chẳng còn yêu nữa. Ngày hôm nay yêu thương khôn cùng, hai người kết hôn. Hai ngày sau bèn ly hôn, kéo nhau ra tòa ly hôn, đủ thấy [tình yêu ấy] là giả, chẳng chân thật. Vì thế, đức Phật bảo chúng ta: Trước khi chúng đắc A La Hán, chớ nên tin vào ý nghĩ của chính mình. Ý nghĩ của chính mình còn chẳng thể tin tưởng được, làm sao có thể tin tưởng người khác? Chẳng thể tin tưởng ý nghĩ của chính mình, nó thiên biến vạn hóa!

Do vậy, Phật pháp nói tới tu hành thì điều thứ nhất đòi hỏi chúng ta phải phát Bồ Đề tâm. Bồ Đề tâm là chân tâm, tâm chân thành vĩnh viễn không thay đổi. Hễ tâm có thể biến đổi, tâm ấy là giả. Bởi lẽ, người thế gian chẳng có chân tâm, chẳng có thành ý, luôn là hư tình giả ý. Nếu quý vị nhìn thấu suốt, thấy rõ ràng là hư tình giả ý, chúng ta cũng hư tình giả ý với họ đôi chút là được rồi, cần gì phải nghiêm túc! Hiểu rõ người ta đều là hư tình giả ý, nếu thứ gì quý vị cũng coi là thật, sẽ chịu khổ chẳng dứt. Quá khổ sở!

Nói đến chân ái, trong Phật pháp gọi [chân ái] là từ bi, từ bi là lòng yêu thương thật sự. Lòng yêu thương vĩnh viễn không thay đổi gọi là từ bi, nó sanh khởi từ tâm chân thành. Đó gọi là “*trong cửa nhà Phật, chẳng bỏ một ai*”. Phật, Bồ Tát độ chúng sanh, bất luận chúng sanh ở trong đường nào, bất luận dưới tình huống nào, Phật nhãn trông thấy rõ ràng, rành rẽ. Quý vị khởi tâm động niệm, các Ngài cũng đều biết rõ ràng, rành rẽ. Khi nào quý vị thật sự giác ngộ, thật sự cần đến Phật, Bồ Tát giúp đỡ, các Ngài sẽ tới, cảm ứng đạo giao, tuyệt đối chẳng luống qua. Nay chúng ta yêu cầu Phật, Bồ Tát đến độ chúng ta, Phật, Bồ Tát có đến hay không? Không đến. Vì sao chẳng đến? Phật, Bồ Tát thấy rất rõ ràng: “Giả trá!

Miệng có, tâm không!” Quý vị nói “ta muốn vãng sanh”, đó là lời giả. Phật, Bồ Tát thật sự đến tiếp dẫn quý vị vãng sanh, [quý vị bèn giã nầy]: “Không được! Con không thể chết được!” Kẻ ấy lại không chịu ra đi, có thể thấy chẳng phải là thật sự. Nếu quý vị phát tâm chân thật, Phật, Bồ Tát sẽ đến. Do vậy, chúng ta khởi tâm động niệm các Ngài liền biết, thậm chí, bản thân chúng ta cũng chẳng biết, tưởng chính mình rất có thành ý, chân tâm, nhưng Phật, Bồ Tát biết quý vị là giả, nên các Ngài không đến. Chẳng phải là Phật, Bồ Tát không ứng, mà do chúng ta dùng tâm hư ngụy để cầu cảm! Tâm chân thật mới có thể cảm ứng đạo giao. Đây là nói về Oán Tăng Hội Khô, chớ nên kết oán cừu với bất cứ ai. Thời gian chúng ta ở trên thế gian này không dài, dầu sống đến một trăm năm vẫn là một sát-na bèn qua.

Tôi đến Đài Loan bốn mươi năm, nghĩ lại chuyện bốn mươi năm trước giống như ngày hôm qua, bất tri bất giác đã bốn mươi năm rồi. Còn có thể có bốn mươi năm nữa hay không? Chẳng thể nào! Quang âm quá ngắn ngủi, mọi việc nhần nại một chút là được rồi, chẳng cần phải xử sự cứng nhắc, chớ nên so đo. Người khác có nói ta này nọ, đừng nên nghĩ rằng đó là thật. Nói láo mà chơi, nghe láo chơi!²⁶ Mọi người đều tốt đẹp cả! Chớ nên xử sự cứng nhắc, chẳng kết oán cừu với chúng sanh.

(Sao) Cầu tắc dục đắc thiên thất.

(鈔) 求則欲得偏失。

(Sao: Cầu thì mong được mà cứ bị mất đi).

Đây là Cầu Bất Đắc Khô. Người trong thế gian phú quý, cùng quẫn, hanh thông đều là nhất định, nói thông tục là “con người có vận mạng” chẳng phải là giả. Trong một đời quý vị, các nhà tướng số thường nói, mạng vận con người cứ năm năm thay đổi một lượt. Trong cuộc đời quý vị, nhất định có năm năm cực thịnh, đó là lúc vận mạng của quý vị tốt

²⁶ Nguyên văn “*cô vọng ngôn chi, cô thính chi*” là một thành ngữ, hàm nghĩa người nói tùy tiện, chẳng có đạo lý gì, người nghe cũng là nghe qua rồi bỏ, chẳng tin tưởng hay so đo lời đó. Ở đây, chúng tôi dựa theo cách dịch của cụ Tản Đà khi dịch bài thơ do Ngự Dương Vương Sĩ Trinh đề tựa cho bộ Liêu Trai Chí Dị của Bồ Tùng Linh: “*Cô vọng ngôn chi, cô thính chi, đậu bằng qua giá vũ như ty, liệu ung yếm tác nhân gian ngữ, ái thính thu phần quý xướng thi*”. Thi sĩ Tản Đà dịch thơ như sau: “*Nói láo mà chơi, nghe láo chơi. Giàn dưa lún phún hạt mưa rơi. Chuyện đời chán hẳn, không thèm nhắc. Thơ thần nghe ma đọc mấy lời*”. Nghiêm Đàm dịch: “*Nói phiếm nhảm chơi, nghe nhảm chơi; giăng giăng giàn đậu hạt mưa rơi, chuyện người nghe mãi thêm nhảm chán, ưa quý thu ngâm, mộ vắng lời*”.

nhất. Trong một đời cũng có năm năm tẻ nhất. Giai đoạn cực thịnh trước hay sau [giai đoạn tẻ tẻ] không nhất định, mỗi cá nhân khác nhau. Nếu chúng ta cực thịnh vào lứa tuổi thiếu niên hay trung niên, chẳng tốt đẹp đâu. Nếu chúng ta giác ngộ, chẳng hưởng thụ, để dành lúc tuổi già, đó là thông minh nhất.

Cầu, chắc chắn là cầu không được. Dầu là phát tài bất ngờ, nói thật thà, phát tài ngang xương cũng là trong mạng quý vị có sẵn. Trong mạng quý vị chẳng có thì muốn phát tài ngang xương cũng không được. Ví dụ như cường đạo cướp đoạt, có kẻ đoạt được, nói thật ra, [nguyên nhân là do] trong mạng gã ấy phải có. Có kẻ làm cường đạo chẳng cướp đoạt được! Không chỉ chẳng cướp đoạt được mà còn phải ngồi tù, [là vì] trong mạng chẳng có! Thật sự hiểu đạo lý này, cô nhân nói: “*Quân tử vui vẻ làm bậc quân tử, kẻ tiểu nhân oan uổng làm phường tiểu nhân*”. Kẻ ấy cưỡng cầu! Nếu cưỡng cầu mà có thể cưỡng cầu được, tôi thấy chư Phật, Bồ Tát đều bái quý vị làm thầy, vì sao? Các Ngài không làm được! Do vậy, chuyện này chẳng thể nào xảy ra!

Mọi người thật sự hiểu đạo lý nhân quả báo ứng, tâm chúng ta bèn an, tâm an lý đắc. Chúng ta nghèo hèn có thể an phận nghèo hèn, phú quý có thể yên hưởng phú quý. Do vậy, mấy ngàn năm qua, Trung Quốc tuy giàu nghèo chẳng đều nhau, xã hội an bình vô sự là do đạo lý nào? Do tiếp nhận giáo hóa của Nho gia và Phật gia, mọi người đều hiểu nhân quả báo ứng. Ta nghèo hèn, biết đời trước ta chẳng tu phước, chẳng hãm mộ hoặc ghen ghét kẻ phú quý, vì sao? Kẻ ấy phú quý ắt hẳn do đời trước gieo phước, đáng nên hưởng thụ. Ta đời trước chẳng gieo phước! Ta mong hưởng phú quý, đời này phải gieo phước, tu phước cho nhiều! Do hiểu đạo lý này, xã hội có thể ổn định lâu dài. Điều này nhằm nói rõ Cầu Bất Đắc, trong mạng chẳng có, quyết định chẳng thể đạt được!

Đối với điều này, nếu chúng ta đọc Liễu Phàm Tứ Huán, sẽ thấy đạo lý này rõ ràng, minh bạch. Tiên sinh Liễu Phàm gặp một người cao minh, là thầy tướng số, đã đoán định số mạng suốt đời của ông, từ lúc sanh ra cho đến ngày chết, tính sẵn ngày giờ nào ông ta sẽ chết. Mỗi năm, ông ta được thăng chức, của cải thu vào số lượng bao nhiêu đều đoán định, chẳng sai chạy tí ti nào. Do vậy, ông ta đúng là khẳng khẳng một mực tin tưởng. Từ đây trở đi, chẳng còn có vọng niệm, vì sao? Biết năm sau được thăng quan, đến năm sau vào lúc nào đó, nhất định được thăng chức, sang năm tiền lương của ta sẽ tăng thêm bao nhiêu, đến lúc nào đó nhất định tăng thêm. Nếu ta mong cầu cũng chẳng cầu được. Ta muốn cầu nhiều

hơn một chút cũng chẳng cầu được. Do vậy, chẳng cần suy nghĩ nữa, cũng chẳng mong cầu, an phận thủ thường.

Ông ta và hòa thượng Vân Cốc hai người ngồi ba ngày ba đêm trong Thiên Đường, chẳng khởi một niệm nào. Thiên sư Vân Cốc xuống tòa, nói với ông ta: “Ông giỏi quá! Ba ngày ba đêm ngồi ở chỗ này chẳng khởi một vọng niệm, chẳng phải là kẻ tầm thường có thể làm được”. Sư hỏi ông ta tu hành đã bao lâu, ông ta thưa: “Con có công phu chi đâu! Mạng của con đã được người khác tính sẵn rồi, con khởi vọng niệm cũng vô dụng. Vì thế, hiển nhiên là chẳng cần phải khởi vọng niệm”. Thiên sư Vân Cốc nghe lời ấy cười ha hả: “Ta vốn nghĩ ông là thánh nhân, rốt cuộc đâu biết ông vẫn là phàm phu!” Chúng ta gọi hạng phàm phu ấy là “phàm phu tiêu chuẩn”, còn như chúng ta thì chẳng đủ tiêu chuẩn. Ông ta là phàm phu tiêu chuẩn, tin tưởng mạng vận, “*một miếng ăn, một hớp uống, không gì chẳng được định sẵn*”. Vì thế, tâm ông ta an định, chẳng có vọng tưởng, chẳng vọng cầu, hết thầy thuận theo mạng vận. Đó là phàm phu tiêu chuẩn!

Thiên sư Vân Cốc quả trách Liễu Phàm: “Vận mạng do chính mình tạo. Đã do chính mình tạo, đương nhiên chính mình có thể thay đổi, tự mình có thể sáng tạo vận mạng mới”. Trước nay, cư sĩ Viên Liễu Phàm chưa nghe ai nói, bèn thỉnh giáo thiên sư Vân Cốc. Thiên sư Vân Cốc dạy ông ta phương pháp cải tạo vận mạng, dạy ông ta sám trừ nghiệp chướng, tích công lũy đức. Sau khi ông ta tu ba năm, quả nhiên sửa đổi [vận mạng], [số mạng] chẳng còn giống như Khổng tiên sinh đã tính nữa. Chúc vị được nâng lên cao hơn so với số mạng đã định, thu nhập lại nhiều hơn số mạng đã định, vận mạng đã được biến cải rồi. Về sau, phạm vi thay đổi ngày càng to, bản thân ông ta tràn trề tin tưởng, nỗ lực đoạn ác tu thiện, đã thế, người trong cả một nhà đều làm theo. Đó là một tấm gương rất tốt, chẳng phải là giả, mà là sự thật thiên chân vạn xác! Ai làm theo phương pháp này, sẽ nắm quyền điều khiển vận mạng của chính mình, tự mình có thể thay đổi hết thầy những gì thuộc về mình. Đúng như Phật giáo đã nói: “*Trong cửa nhà Phật, có cầu ắt ứng*”. Chẳng phải là cầu không được, mà là có cầu ắt ứng, nhưng quý vị phải cầu đúng lý, cầu đúng pháp. Quý vị cầu chẳng hợp lý, chẳng hợp pháp, sẽ chẳng thể có cảm ứng. Cầu đúng lý, đúng pháp, chắc chắn là có cảm ứng, kể cả cầu vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, hoặc cầu thành Phật, thành Bồ Tát đều có thể đạt được, huống hồ những thứ khác!

(Sao) Nãi chí Ngũ Âm xỉ thịnh.

(鈔) 乃至五陰熾盛。

(Sao: Cho đến năm Âm lừng lẫy).

Bảy điều trước nói về khổ quả, điều cuối cùng nói về khổ nhân. Ngũ Âm là Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức, nói về thân thể của chúng ta. Đối với thân thể của chúng ta, bộ phận vật chất là Sắc, thuộc loại Sắc pháp; bộ phận tinh thần gồm Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Thọ là cảm nhận, tức là những cảm nhận khổ, sướng, buồn, vui, xả. Tưởng là phân biệt, suy lường. Hành ở đây có phạm vi hết sức rộng lớn. Trong năm mươi một pháp tâm sở thuộc Bách Pháp, trừ hai pháp Thọ và Tưởng ra, bốn mươi chín pháp còn lại đều thuộc về Hành. Thức là tám thức. Ngũ Âm là Ngũ Uẩn, tức Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức, triển khai thành một trăm pháp, nếu mở rộng ra sẽ là toàn thể vũ trụ, nhân sinh. Trạng huống của thân tâm chúng ta có thành phần cấu tạo như vậy. Thành phần này rất phức tạp, trong tâm sở pháp thì phiền não tâm sở gồm hai mươi sáu loại, [chia ra] sáu căn bản phiền não và hai mươi tùy phiền não. Trong có phiền não, ngoài có dục hoặc, Ngũ Âm lừng lẫy, nên quý vị mới khởi Hoặc tạo nghiệp, mới cảm vơi, hứng chịu bảy quả báo phía trước! Do vậy, những khổ quả phía trước đều có một khổ nhân chính là điều này. Những điều được nói trong Phật pháp đều gom về nhân quả, chỉ nói quả báo, chẳng nói nguyên nhân, sẽ chẳng thể giải quyết khổ. Muốn giải quyết khổ, trong Tâm Kinh có nói: “Chiếu kiến Ngũ Uẩn giai không, độ nhất thiết khổ ách”. Dùng gì để chiếu? Dùng trí huệ. “Quán Tự Tại Bồ Tát, hành thâm Bát Nhã Ba La Mật đa thời”, trí huệ rất sâu có thể phá Ngũ Âm, vĩnh viễn thoát ly tam khổ và bát khổ.

(Sao) Tổng thành thượng thất, danh bát khổ dã.

(鈔) 總成上七，名八苦也。

(Sao: Gộp chung [điều này] với bảy điều trên, gọi là “tám khổ”).

Trong Phật môn thường nói “bát khổ giao tiên” (tám khổ xen nhau nung nấu), hôm nay chúng tôi giới thiệu đơn giản ở đây. Hôm nay giảng tới chỗ này!

Tập 130

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang hai trăm tám mươi bốn, đoạn này giảng về y báo trang nghiêm trong Tây Phương Cực Lạc thế giới.

(Kinh) Vô hữu chúng khổ, đản thọ chư lạc.

(經) 無有眾苦。但受諸樂。

(Kinh: Chẳng có các nỗi khổ, chỉ hưởng những sự vui).

Lần trước đã giới thiệu ý nghĩa “vô hữu chúng khổ” rồi, hôm nay, đoạn này nói đến [y báo trang nghiêm] trong Tây Phương Cực Lạc thế giới.

(Sao) Nhi bỉ quốc liên hoa hóa sanh, tắc vô Sanh Khổ.

(鈔) 而彼國蓮華化生，則無生苦。

(Sao: Nhưng cõi ấy là liên hoa hóa sanh nên chẳng có Sanh Khổ).

Tây Phương Cực Lạc thế giới là liên hoa hóa sanh.

(Sao) Hàn thử bất thiên, tắc vô Lão Khổ.

(鈔) 寒暑不遷，則無老苦。

(Sao: Lạnh nóng chẳng dời đổi, nên chẳng có Lão Khổ).

Đây là nói trong thế giới của chúng ta, bốn mùa biến hóa, Xuân, Hạ, Thu, Đông, giáp vòng xoay vùn, nên mới có Lão Khổ. Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng có [bốn mùa biến hóa], thế giới ấy là một thế giới quang minh. Thân thể mỗi cá nhân đều tỏa quang minh, hết thủy vạn vật đều có quang minh; do vậy, thế giới ấy chẳng có ngày hay đêm. Ở nơi đây, địa cầu hướng về mặt trời là ban ngày, xoay lưng về mặt trời là ban đêm, [nên ngày đêm, thời tiết] tự xoay chuyển. Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng cần đến mặt trời, mặt trăng, vì cõi ấy chẳng có ngày hay đêm, chẳng có lạnh, nóng, tất cả hết thủy khí hậu biến hóa đều thuận theo lòng mong muốn, thuận theo tâm nguyện của chính mình mà có thể thích hợp, hoàn toàn đạt đến “cảnh chuyển theo tâm”. Không chỉ là tất cả hoàn cảnh có thể chuyển theo tâm, mà thân thể cũng chuyển theo tâm. Thân thể có thể

chuyên theo tâm, sẽ không già. Nếu quý vị muốn già, sẽ hiện tướng già. Quý vị chẳng muốn già, vĩnh viễn chẳng có tướng già xuất hiện. Nói thật ra, trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, những danh từ “sinh, lão, bệnh, tử” đều chẳng nghe nói tới, vì thế giới ấy chẳng có những chuyện đó, như Cầu Bất Đắc, Ái Biệt Ly, Oán Tăng Hội chẳng tìm thấy tại Tây Phương Cực Lạc thế giới, quyết định chẳng có những chuyện ấy. Vì thế, danh từ cũng đều chẳng có.

(Sao) Thân ly Phần Đoạn, tắc vô Bệnh Khổ.

(鈔) 身離分段，則無病苦。

(Sao: Thân lìa Phần Đoạn, nên không có Bệnh Khổ).

Thế giới này của chúng ta mới có Phần Đoạn sanh tử, Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng có. Do vậy, người trong Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng ngã bệnh.

(Sao) Thọ mạng vô lượng, tắc vô Tử Khổ, vô phụ mẫu thê tử, tắc vô Ái Biệt Ly Khổ.

(鈔) 壽命無量，則無死苦，無父母妻子，則無愛別離苦。

(Sao: Thọ mạng vô lượng nên chẳng có Tử Khổ, chẳng có cha, mẹ, vợ, con nên chẳng có Ái Biệt Ly Khổ).

Đến Tây Phương Cực Lạc thế giới là hoa sen hóa sanh, nên chẳng có cha, mẹ, người nhà, quyền thuộc, chẳng có những điều này. Do vậy, quý vị chẳng có Ái Biệt Ly Khổ, chẳng có những niềm ân ái ấy.

(Sao) Chư thượng thiện nhân đồng hội nhất xứ, tắc vô Oán Tăng Hội Khổ.

(鈔) 諸上善人同會一處，則無冤憎會苦。

(Sao: Các vị thượng thiện nhân cùng ở một chỗ, nên chẳng có Oán Tăng Hội Khổ).

Tây Phương Cực Lạc thế giới đều là thượng thiện nhân, nói cách khác, quyết định chẳng có oan gia. Dầu là oan gia của quý vị trong đời quá khứ hay trong kiếp này, nếu cùng sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, hết thấy oán nghiệp trong đời quá khứ đều là một nét bút sỏ toẹt, tâm

đã thanh tịnh. Tâm chẳng tịnh, chẳng sanh Tịnh Độ! Điều này rất khẩn yếu. Trong thế gian này, chúng ta chớ nên mê hoặc, điên đảo nữa, càng phải nên hiểu rõ vì sao chúng ta học Phật? Nếu thật sự vì liễu sanh tử, thật sự vì vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, đối với hết thảy sự vật trước mắt trong thế gian này chúng ta phải thấy thấu suốt, coi nhẹ, chớ nên coi chúng quá nghiêm túc. Hễ coi chúng quá nghiêm túc, sẽ là chướng ngại lớn nhất cho việc liễu sanh tử, vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới của quý vị. Mục đích của ta là mong cầu sanh về Tây Phương, kết quả là chẳng thể vãng sanh thì đáng tiếc quá! Do vậy, thật sự phát nguyện vãng sanh, ắt phải đừng nên so đo hoàn cảnh nhân sự và hoàn cảnh vật chất trong thế gian nữa. Điều gì cho qua được hãy cho qua, tùy duyên sống qua ngày, chẳng cần so đo với kẻ khác.

Ngoài việc chính mình một mực chuyên niệm ra, chúng ta ắt phải tận tâm tận lực giới thiệu pháp môn này với người khác, đó là đường lối duy nhất để chúng ta báo ân Phật. Trừ cách ấy ra, chúng ta chẳng có cách nào báo đáp đại ân đại đức của Phật. Ân đức ấy to lớn, nếu chư vị suy nghĩ cận kề, [sẽ thấy ân đức ấy] quả thật chẳng thể nghĩ bàn. Từ vô thủy kiếp tới nay sanh tử luân hồi trong lục đạo, khổ lắm! Chẳng có phương pháp nào xuất ly, chẳng có nhân duyên giải thoát, rất khó đạt được trong một đời, không chỉ có thể giải quyết vấn đề sanh tử, mà còn đạt được lợi ích thành Phật rốt ráo. Chuyện này các vị Bồ Tát, Thanh Văn, Duyên Giác trong mười phương thế giới có mơ vẫn chẳng thể cầu được, [thế mà] ngày nay chúng ta gặp gỡ, đạt được. Kinh này đúng như kinh Đại Bản đã nói, Đại Bản là kinh Vô Lượng Thọ, kinh Vô Lượng Thọ và kinh này đồng bộ, một kinh nói tỉ mỉ, một kinh nói đơn giản: Đức Phật giảng cho chúng ta “*điều lợi chân thật*”, chân thật nhất trong các thứ chân thật. Cái được gọi là “*điều lợi chân thật*” chính là lợi ích thành Phật. Nếu chẳng phải là thành vị Phật rốt ráo viên mãn, đều chẳng thể coi là chân thật!

Vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, hết thảy điều thiện viên mãn trọn đủ, hết thảy điều ác đều đoạn sạch sành sanh. Chẳng vãng sanh, đoạn ác tu thiện chẳng dễ dàng! Chúng tử tập khí ác trong A Lại Da Thức từ vô thủy kiếp tới nay chẳng thể đoạn ngay trong một lúc được! Chỉ có đến thế giới Tây Phương mới có thể đoạn hết. Vì sao? Vì cảnh giới Tây Phương chẳng có ác duyên, dầu quý vị có chúng tử tập khí ác, nhưng chẳng có duyên, chúng sẽ chẳng thể dấy lên hiện hành, sẽ chẳng thể kết quả. Vì thế, tới đó mới thật sự đoạn hết. Trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, hết thảy thiện pháp, tất cả thiện duyên đều trọn đủ; do vậy, chúng tử thiện đều có thể dấy lên hiện hành, hết thảy thiện pháp đều trọn đủ viên

mãn. Đích xác là các vị Bồ Tát trong các thế giới phương khác có mơ cũng chẳng thể cầu được điều này! Chúng ta đời đời kiếp kiếp cũng mong cầu, nhưng đều chẳng cầu được, [thế mà] trong một đời này gặp được! Gặp gỡ, nói thật ra, chẳng phải là ngẫu nhiên, Đại Kinh nói: “*Nhược phi vãng tích tu phước huệ, ư thử đại pháp bất năng vãn*” (nếu chẳng tu phước huệ trong quá khứ, chẳng thể nghe đại pháp này). Đó là phước huệ chúng ta đã tu trong đời quá khứ, tới lúc này [phước huệ] hiện tiền bèn gặp gỡ pháp môn này. Gặp pháp môn này, chúng ta có thể thành tựu hay không, sẽ tùy thuộc phước huệ trong đời quá khứ của chúng ta dày hay mỏng. Nếu thiện căn quá khứ thật sự sâu dày, sau khi quý vị được nghe bèn quyết định nghiêm túc tu học, chẳng dám buông bỏ, không dám biếng trễ, chẳng dám buông lung, nghiêm túc tu học, quyết định thành tựu trong một đời này. Vì thế, nhân duyên này quả thật chẳng dễ dàng.

(Sao) Sở dục tự chí, tức vô Cầu Bất Đắc Khổ.

(鈔) 所欲自至，則無求不得苦。

(Sao: Những điều mong muốn đều tự đưa tới nên chẳng có Cầu Bất Đắc Khổ).

Trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, hết thảy thụ dụng thuận theo lòng mong muốn, chẳng có Cầu Bất Đắc. Đàm lão pháp sư có nói: “*Nghĩ đến áo bèn được áo, nghĩ đến ăn bèn được ăn*”. Nghĩ tới gì, thứ ấy bèn hiện tiền, chẳng cần phải lo toan, chẳng cần phải tạo tác, thế giới tốt đẹp dường ấy! Vì thế, cõi ấy chẳng có Cầu Bất Đắc, trong tâm vừa dấy một niệm, cảnh giới bèn hiện tiền.

(Sao) Quán chiếu không tịch, tức vô Ngũ Âm Thịnh Khổ.

(鈔) 觀照空寂，則無五陰盛苦。

(Sao: Quán chiếu không tịch nên chẳng có Ngũ Âm Xí Thịnh Khổ).

Từ một câu này, ở đây chúng ta có thể thấu hiểu người trong Tây Phương Cực Lạc rất ráo thuộc về cảnh giới nào. Đối với bảy loại đau trong tám khổ, do người bên ấy phước báo to lớn, và cũng nhờ vào thần lực của A Di Đà Phật gia trì nên chẳng có bảy thứ khổ ấy. Còn nỗi khổ này, tức Ngũ Âm Xí Thịnh Khổ (khổ vì năm âm lừng lẫy) chẳng có thì phải dựa vào công phu của chính mình. Công phu như thế nào? Mọi người đọc Tâm Kinh, thấy trong Tâm Kinh có nói: “*Quán Tự Tại Bồ Tát, hành thâm Bát Nhã Ba La Mật Đa thời, chiếu kiến Ngũ Uẩn giai Không*”, chính là cảnh

giới này, tức là quán chiếu Bát Nhã. Cảnh giới của Tâm Kinh là cảnh giới của Quán Thế Âm Bồ Tát, cảnh giới của Đẳng Giác Bồ Tát. Nếu chúng ta hạ thấp [mức độ] xuống, hạ đến mức độ thấp nhất, [cảnh giới ấy] cũng là [cảnh giới của] Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo, hoặc Sơ Địa Bồ Tát trong Biệt Giáo thì mới tương ứng. Nói cách khác, chẳng cần nói đến địa vị rất cao, “*vị tề Đẳng Giác*” (địa vị ngang với bậc Đẳng Giác), chúng ta chẳng thể tin tưởng, mức độ thấp nhất là vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, địa vị sẽ là Sơ Địa trong Biệt Giáo hoặc Sơ Trụ trong Viên Giáo. Điều này chẳng có mảy may nghi vấn gì!

Rõ ràng là một gã phàm phu, trong chốc lát được nâng cao lên tới mức cao dường ấy, đích xác là trong hết thảy các kinh điển chẳng có cách nói này, trong các thế giới của mười phương chư Phật cũng chẳng có sự thật này, chỉ riêng thế giới Tây Phương là đặc biệt. Rành rành là một gã phàm phu, đã thế, kẻ phàm phu ấy thậm chí là phàm phu Ngũ Nghịch, Thập Ác, nguyện thứ mười tám trong đại nguyện của Phật Di Đà đã có nói: “*Mười niệm nhất định vãng sanh*”, kẻ Ngũ Nghịch, Thập Ác lúc lâm chung mười niệm cũng có thể vãng sanh. Trong bốn mươi tám nguyện của kinh Vô Lượng Thọ chỉ nói một điều kiện, nếu quý vị chẳng thể tin nhận, vãng làm, sẽ chẳng thể vãng sanh, kinh nói “*duy trừ hủy báng*” (chỉ trừ kẻ hủy báng) là chẳng thể vãng sanh. Nếu có thể tin nhận, vãng làm, phùng Ngũ Nghịch, Thập Ác lúc lâm chung thật sự sám hối đều có thể vãng sanh. Vãng sanh đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, thụ dụng giống như những điều được nói ở đây! Rõ ràng là một chúng sanh trong địa ngục, thoáng chốc liền có thể nâng cao, lên cao tới địa vị Sơ Địa Bồ Tát trong Biệt Giáo, điều này chẳng thể nghĩ bàn!

Chúng ta đọc chú sớ của kinh văn, thấy những chỗ như thế này phải đặc biệt lưu ý, phải cẩn thận lãnh hội, mới biết pháp môn này thù thắng, mới biết pháp môn này chẳng thể nghĩ bàn. Bản thân chúng ta cảm thấy đặc biệt may mắn, trong một đời này, chúng ta học Phật vì sao có thể gặp một pháp môn như vậy, đúng là giống như trúng giải độc đắc, lẽ nào chẳng hoan hỷ? Trúng giải độc đắc thì chúng ta hãy khéo gìn giữ, chớ nên vứt bỏ. Nếu vứt bỏ thì quá đáng tiếc, quyết định chớ nên vứt bỏ. Từ nay trở đi bèn thật thà niệm Phật, y giáo tu hành. Trên đây là giảng về tám khổ, phần dưới đây giải thích mười khổ:

(Sao) Thập khổ giả, Bồ Tát Tạng kinh, vị nhất sanh khổ, nhị lão khổ, nữ chí thập sanh tử lưu chuyển khổ. Bách nhất thập khổ giả, Du Già Luận, nhất vô sai biệt lưu chuyển khổ, nhị dục khổ si khổ, nữ chí

ngũ thập ngũ khổ, thứ cửu chủng khổ, u cửu chủng trung, hựu thứ đệ điệp khai thành ngũ thập ngũ, hợp chi vi bách nhất thập khổ. Kim bỉ quốc giai vô dã.

(鈔) 十苦者，菩薩藏經，謂一生苦，二老苦，乃至十生死流轉苦。百一十苦者，瑜伽論，一無差別流轉苦，二欲苦痴苦，乃至五十五苦；次九種苦，於九種中，又次第疊開成五十五，合之為百一十苦。今彼國皆無也。

(Sao: Mười khổ là theo kinh Bồ Tát Tạng, một là sanh khổ, hai là lão khổ, cho đến mười là sanh tử lưu chuyển khổ²⁷. Một trăm mười khổ: Theo luận Du Già, một là vô sai biệt lưu chuyển khổ, hai là dục khổ si khổ, cho đến sự khổ thứ năm mươi lăm, tiếp đó là chín thứ khổ, trong chín thứ ấy, [mỗi thứ] lại lần lượt tách ra thành năm mươi lăm thứ, hợp lại thành một trăm mười thứ khổ. Nay cõi kia đều chẳng có [những thứ khổ ấy]).

Chúng ta có thể tỉnh lược đoạn này, đoạn này nhằm giải thích “tam khổ, tám khổ, mười khổ, một trăm mười thứ khổ” trong lời Sớ. Nếu chư vị muốn biết rõ chi tiết, xin xem Du Già Sư Địa Luận. Du Già Sư Địa Luận gồm một trăm quyển, đoạn này thuộc quyển bốn mươi bốn. Quyển bốn mươi bốn của Du Già Sư Địa Luận đã giảng rất tỉ mỉ một trăm mười thứ khổ. Nói thật ra, khổ quá nhiều, quy nạp phân loại sẽ thành một trăm mười thứ khổ, khổ quá nhiều, nói chẳng xiết! Có tám vạn bốn ngàn nỗi khổ. Đoạn này nhằm nói rõ Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng có [những nỗi khổ ấy]. Bất quá chư vị ghi nhớ một nguyên tắc, nói mười khổ cũng thế, mà nói một trăm mười thứ khổ cũng vậy, nói tám vạn bốn ngàn nỗi khổ, hoặc là vô lượng vô biên nỗi khổ, quy nạp lại sẽ là tam khổ và tám khổ, quyết định không ra ngoài phạm vi ấy. Đại cương tổng quát là tam khổ, [tức là] Dục Giới Khổ, Sắc Giới Khổ, và Vô Sắc Giới Khổ. Nói tám khổ là nói tới Khổ Khổ trong Dục Giới, Khổ Khổ lại chia thành tám loại. Vì thế, chúng tôi nói tỉ mỉ về Tam Khổ và Bát Khổ, những thứ khác đều có thể tỉnh lược, Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng có [những nỗi khổ ấy].

(Sao) Nhiên ước chi bất xuất tam khổ, bát khổ, nhiếp chủng chủng khổ.

²⁷ Thập Khổ là sanh khổ, lão khổ, bệnh khổ, tử khổ, sầu khổ, oán khổ, khổ thọ (cảm nhận sự đau khổ, đây là Khổ Thọ trong ba thứ Thọ), ưu khổ, bệnh não khổ (sự đau khổ do bệnh tật bức bách), sanh tử lưu chuyển khổ.

(鈔) 然約之不出三苦八苦，攝種種苦。

(Sao: Nhưng nói tóm lại, chẳng ra ngoài ba khổ và tám khổ, [các loại khổ ấy] nhiếp các thứ khổ).

“Ước” (約) là quy nạp, quy nạp lại thì chẳng ngoài tam khổ và bát khổ.

(Sao) Nhị chủng sanh tử giả, vị Phần Đoạn, Biến Dịch. Phần Đoạn giả, Tứ Đại sở thành, hữu phân tề đoạn lạc, như thượng bát khổ trung thuyết. Biến Dịch, tức Nhị Thừa Bồ Tát, tuy ly Phần Đoạn, vị miễn tứ tướng thiên lưu, nhân di quả dịch, diệc danh vi Khổ.

(鈔) 二種生死者，謂分段、變易。分段者，四大所成，有分齊段落，如上八苦中說。變易，則二乘菩薩，雖離分段，未免四相遷流，因移果易，亦名為苦。

(Sao: Hai thứ sanh tử là Phần Đoạn và Biến Dịch. Phần Đoạn: Do Tứ Đại hợp thành, tồn tại một khoảng thời gian, như trong tám khổ ở phần trên đã nói. Biến Dịch: Nhị Thừa và Bồ Tát tuy đã lìa Phần Đoạn, nhưng chẳng tránh khỏi bốn tướng đời, nhân đời, quả đời, cũng gọi là Khổ).

Phần Đoạn là từng phần, từng đoạn. Nói theo cách phân chia đại lược thì giống như thế gian này của chúng ta, từ sanh ra cho đến khi chết đi là một giai đoạn, một đời là một giai đoạn. Sau khi đã chết, quý vị thấy kinh Địa Tạng nói, chẳng quá bốn mươi chín ngày kể ấy lại đầu thai. Từ khi người ấy đầu thai đến khi tử vong lại là một giai đoạn nữa. Sanh tử như vậy là sanh tử trong lục đạo luân hồi, được gọi là Phần Đoạn sanh tử. Đây là nói thô thiển. Nếu nói tỉ mỉ, sẽ là Phần Đoạn sanh tử trong từng sát-na. Con người hiện đại hiểu điều này, thân thể của chúng ta do các tế bào hợp thành. Tế bào thay cũ, đổi mới, trong từng sát-na có rất nhiều tế bào tử vong, và có rất nhiều tế bào mới hình thành. Kinh giảng rất khoa học, kinh dạy thân thể này của chúng ta là thân thể vật chất, tuần hoàn mỗi bảy năm. Nói cách khác, bảy năm trước so với hiện tại là bảy năm sau, các tế bào cũ chẳng còn nữa. Bảy năm là một chu kỳ tuần hoàn, [thay đổi] dần dần giống như thay linh kiện, thông thả thay đổi, thay đổi trọn hết, tất cả đều đổi thành mới. Những tế bào mới này có những cấu trúc chẳng bằng tế bào cũ, nên chúng già yếu, chẳng được tốt đẹp như cái cũ. Chúng ta thích đổi lấy linh kiện mới, hay là đổi lấy thứ cũ kỹ người khác chẳng cần nữa? Đổi cái cũ, càng đổi càng tệ, tuổi càng cao, lão bệnh đều xảy đến.

Quý vị đôi linh kiện, nhưng đôi lấy thứ rất kém cõi. Tuổi trẻ thân thể khỏe mạnh, đôi lấy toàn là thứ mới. Thừa cùng quý vị, điều này có quan hệ rất lớn đối với tâm cảnh của chúng ta.

Người có tâm tình, tình tự tốt đẹp, tuy tuổi tác đã cao, chẳng lộ vẻ già nua, người ấy tuổi già chứ tâm người ấy chẳng già! Tâm không già nên thân cũng chẳng già, thân thể chuyển theo tâm! Tuy người chẳng già, nhưng kẻ ấy tự cảm thấy mình đã lớn tuổi quá, ta sắp chết rồi, thân thể người ấy sẽ tự nhiên lão hóa. Thật vậy! Thân thể là chánh báo, biến hóa theo tâm lý và tình tự của chúng ta. Người tuổi cao tâm tình khác với thuở thanh niên và tráng niên. Nếu người già giữ được tâm thái thanh thiếu niên, người ấy sẽ chẳng già! Do vậy, [những gì] Phật pháp nói đích xác là rất khoa học! Nói tỉ mỉ thì Phần Đoạn sanh tử cũng là sanh tử trong từng sát-na, tức là nói các tế bào trên thân thể chúng ta thay cũ đổi mới, đó là một loại. Người có Phần Đoạn sanh tử nhất định có Biến Dịch sanh tử; nhưng người có Biến Dịch sanh tử chẳng nhất định có Phần Đoạn sanh tử.

Biến Dịch là gì? Nói thật ra, Biến Dịch chẳng có sanh tử, xác thực là chẳng có sanh tử. Sanh tử có nghĩa là khổ. Tuy chẳng sanh tử, nhưng kẻ ấy có khổ, nên tỷ dụ Biến Dịch như sanh tử. Biến Dịch là [quá trình] nâng cao [cảnh giới] trong sự tu hành chúng quả. Thí dụ như Sơ Quả trong Tiểu Thừa phải trải qua công phu tu hành kha khá mới có thể chứng đắc Nhị Quả. Sau khi chứng đắc Nhị Quả, lại phải tu hành mới có thể chứng đắc Tam Quả. Sự tu hành này cũng khổ. Người ấy chẳng chịu nổi khổ đó, sẽ không thể tiến lên, chuyện như thế được gọi là Biến Dịch. Từ Sơ Quả lên đến Nhị Quả là một sự biến hóa, nói tới ý nghĩa ấy. Giống như học trò học hành trong nhà trường, học lớp Một, phải học đàng hoàng suốt một năm mới có thể lên lớp Hai, học lớp Một rất nhọc nhằn mới có thể lên lớp Hai. Lại nhọc nhằn học lớp Hai suốt một năm mới có thể lên lớp Ba. Mang ý nghĩa đó: Biến hóa. Người ấy hoàn toàn chẳng phải là thật sự có sanh tử, chẳng rõ rệt giống như Phần Đoạn sanh tử đã được nói trong phần trước, chẳng phải vậy! Ở đây là nói tu hành chúng quả cũng phải trải qua một phen rèn giũa thì mới có thể đạt thành tựu. Đây là Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát; từ Bồ Tát mãi cho đến Đẳng Giác Bồ Tát vẫn còn có Biến Dịch. Đẳng Giác Bồ Tát phải trải qua một lần Biến Dịch nữa bèn thành Phật. Nói nghiêm ngặt, ai chẳng có Biến Dịch sanh tử? Thành Phật mới chẳng có. Đẳng Giác Bồ Tát vẫn còn có một lần Biến Dịch sanh tử. Chúng ta nói những vị như Văn Thù, Phổ Hiền, Quán Âm, Thế Chí vẫn còn có một lần Biến Dịch sanh tử.

(Sao) Bỉ quốc liên hoa hóa sanh, nhất sanh bất thoái, hà lục nhị chủng khổ dã.

(鈔) 彼國蓮華化生，一生不退，何慮二種苦也。

(Sao: Cõi ấy liên hoa hóa sanh, hễ sanh về đó liền bất thoái, còn lo gì hai thứ khổ nữa!)

Bất luận là người như thế nào, bất luận người ấy thuộc địa vị ra sao, sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới đều viên chứng ba món Bất Thoái. Không chỉ chẳng có Phần Đoạn sanh tử, như trong phần trước đã nói, người ấy chẳng có sanh, lão, bệnh, tử, mà cũng chẳng cần quan tâm đến Biến Dịch sanh tử. Nhưng ngoài Tây Phương Cực Lạc thế giới ra, Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát [trong các thế giới khác] đều rất quan tâm đến Biến Dịch sanh tử, vì sao? Vì họ bị mê khi cách ám, bị thoái chuyển, đây là chuyện rất phiền phức. Do vậy, tu hành phải trải qua nhiều kiếp dài lâu. Vì sao bị thoái chuyển? Bên trong chẳng đoạn sạch phiền não, bên ngoài nếu gặp duyên [thì những phiền não ấy] lại dậy lên hiện hành, sẽ phiền phức, bị thoái chuyển liền. Hễ thoái chuyển thì sẽ rất tai hại. Vừa lui sụt liền lui sụt rất nhiều, chẳng phải là lui sụt một bước! Sau khi thoái chuyển thì đời sau chẳng bằng đời trước.

Thí dụ như từ lịch sử Trung Quốc, chúng ta thấy thiền sư Ngũ Tổ Giới của Thiên Tông, thưở ấy Sư tu trì khá lắm, thấy những hộ pháp trai chủ trong chùa có những người làm quan to. Sư trông thấy, trong tâm hâm mộ, dậy lên ý niệm này, phiền phức ngay! Đời sau bèn làm quan, bị thoái chuyển. Đời sau làm người nào? Tô Đông Pha, hậu thân của thiền sư Ngũ Tổ Giới là Tô Đông Pha. Tô Đông Pha bị biếm trích về phương Nam, chỉ mang theo một cuộn tranh vẽ hình tượng A Di Đà Phật, nói: “*Thử Thức sanh Tây Phương công cử dã*” (đây là Tây Phương công cử của Thức²⁸ trong đời này). Từ ngữ “*Tây Phương công cử*” do Tô Đông Pha nói ra. Về sau, Tô Đông Pha mất, ông ta cũng suốt đời học Phật, cũng là cả đời niệm Phật, đáng tiếc do tập khí quá sâu, chẳng thể vãng sanh. Nếu ông ta vãng sanh thì sẽ không có chuyện gì! Lịch sử có ghi chép hậu thân của ông ta, là một viên quan rất nhỏ có tên tuổi đảng hoàng, giống như khoa trưởng hoặc khoa viên trong chánh phủ hiện thời. Đúng là mỗi đời một

²⁸ Tô Đông Pha tên thật là Tô Thức (蘇軾), tự là Tử Chiêm, một tên tự khác là Hòa Trọng, có hiệu là Đông Pha Cư Sĩ. Do chống đối chính sách kinh tế và chính trị của Tể Tướng Vương An Thạch (thường được gọi là Tân Đảng), ông bị vu cáo nhiều tội và bị vua đày (biếm trích) xuống Hàng Châu.

kém hơn, sụt lui trên một mức độ to lớn! Chúng ta chẳng biết đời kế tiếp nữa [của Tô Đông Pha]. Từ lịch sử, chúng ta thấy Giới thiên sư sụt lui hai lần; thậm chí Bồ Tát còn bị mê khi cách âm. Do vậy, vãng sanh Tây Phương sẽ chẳng gặp nỗi khó khăn này!

Đôi với tiếng tăm, lợi dưỡng, tài, sắc, danh vọng, ăn, ngủ trong thế gian hễ động tâm đôi chút sẽ biến thành chướng ngại, Tô Đông Pha cũng là một người niệm Phật nhưng chẳng thể vãng sanh. Lúc tôi vừa mới học Phật, gặp thầy Lý, thầy Lý khuyên tôi, vì khi đó tôi vẫn chưa xuất gia, còn dùng thân phận cư sĩ theo học với thầy Lý. Cụ bảo tôi: “*Cổ nhân chẳng học Tô Đông Pha, người đời nay chẳng học theo Lương Khải Siêu*”. Cụ giảng giải, hai người ấy đều là đại Phật học gia, nhưng đều chẳng thể thành tựu, vẫn y như cũ chẳng thể thoát ly lục đạo luân hồi. Do vậy, phải đào thải sạch sành sanh hết thấy tập khí thế gian, nhất tâm hướng theo Phật đạo, nhất tâm giữ lấy Tịnh Độ, chúng ta suốt đời nỗ lực như vậy mới hòng có thành tựu. Phải coi nhẹ duyên thế gian, chớ nên so đo, bất luận chỗ nào cũng đều là chỗ để chúng ta an thân lập mạng, chẳng cần phải chọn lựa, điều khẩn yếu là giữ gìn thân tâm thanh tịnh. Câu Phật hiệu chẳng gián đoạn, chẳng xen tạp, chẳng hoài nghi, rõ ràng, minh bạch, chỉ cần công phu sâu xa, tự nhiên biết trước lúc mất, như vậy thì đời này chẳng bị luống uổng!

(Sao) Đại Bản vân: “Bỉ quốc bất văn khổ danh, hà hưởng thật khổ?” Cổ vân “vô hữu chúng khổ”.

(鈔) 大本云：彼國不聞苦名，何況實苦。故云無有眾苦。

(Sao: Kinh Đại Bản nói: “Cõi ấy chẳng nghe danh tự sự khổ, hưởng hồ có khổ thật sự?” Vì thế nói “chẳng có các khổ”).

Kinh Vô Lượng Thọ nói: Bên Tây Phương Cực Lạc thế giới, ngay cả những danh xưng của sự khổ còn chẳng có, há có những sự ấy? Ở nơi đây, Tổ đã vì chúng ta giải thích cặn kẽ, thấy đều nhằm làm cho chúng ta đoạn nghi sanh tín, thế giới ấy quả thật chẳng giống các thế giới của mười phương chư Phật. Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng có tất cả các sự khổ như trong mười phương thế giới; do vậy, mới gọi là thế giới Cực Lạc.

(Sao) Nhị chủng thanh tịnh giả, luận minh nhất giả khí thế gian thanh tịnh, nhị giả chúng sanh thế gian thanh tịnh. Tức y chánh nhị

báo, công đức trang nghiêm, như hạ văn trung, cập Đại Bản, Quán Kinh tường biện.

(鈔) 二種清淨者，論明一者器世間清淨，二者眾生世間清淨。即依正二報，功德莊嚴，如下文中，及大本觀經詳辯。

(Sao: Hai thứ thanh tịnh: Luận nói [hai thứ thanh tịnh] thì một là khí thể gian thanh tịnh, hai là chúng sanh thể gian thanh tịnh, tức là y báo và chánh báo công đức trang nghiêm, như trong phần kinh văn ở phía sau, Đại Bản và Quán Kinh sẽ nói tỉ mỉ).

Tây Phương Cực Lạc có hai thứ thanh tịnh, hai thứ ấy là y báo và chánh báo, tức là khí thể gian và chúng sanh thể gian. Hai thứ đều thanh tịnh, đó là “y chánh trang nghiêm”. “Hạ văn”: Phần sau kinh này sẽ nói đến. Đại Bản là kinh Vô Lượng Thọ, Quán Kinh là kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật. Trong Tịnh Độ Tam Kinh, Đại Bản và Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh giảng giải tỉ mỉ [y báo và chánh báo trang nghiêm]. Ở đây, đại sư giả thiết một đoạn vấn đáp:

(Sao) Vấn: Tịnh Danh vân, nhất thiết chúng sanh tức tịch diệt tướng, bất phục cánh diệt, tắc nhất thiết quốc độ tức Cực Lạc tướng, hà cánh hữu lạc. Kim khai khổ lạc, tự vi bỉ kinh?

(鈔) 問：淨名云，一切眾生即寂滅相，不復更滅，則一切國土即極樂相，何更有樂。今開苦樂，似違彼經？

(Sao: Kinh Tịnh Danh nói hết thấy chúng sanh chính là tướng tịch diệt, há còn có tịch diệt, hết thấy cõi nước chính là tướng Cực Lạc, há còn có lạc? Nay kinh này tách bạch khổ và vui, dường như mâu thuẫn với kinh ấy).

Tịnh Danh là kinh Duy Ma Cật. Dùng ý nghĩa trong một đoạn kinh Duy Ma Cật để đối chiếu với đoạn này, dường như cách nói trong kinh này mâu thuẫn kinh Duy Ma, nên nêu ra một nghi vấn như thế. Ý nghĩa của lời hỏi là “hết thấy chúng sanh chính là tướng tịch diệt, há còn có diệt”, đó chính là như kinh Duy Ma đã nói: “Sanh tử tức Niết Bàn, phiền não tức Bồ Đề”, là một, chẳng hai. Nếu dựa theo nguyên lý này, chúng sanh trong chín pháp giới, tức hết thấy hữu tình chúng sanh trong chín pháp giới sanh tử chính là tu ác, tu ác là tánh ác, tánh ác dung thông, mặc tình nhiếp trì sự tu thiện trong Phật pháp giới, nên mới nói là “tu thiện”. Vì thế nói: “Sanh tử tức Niết Bàn tướng”, chẳng cần phải diệt sanh tử,

chứng Niết Bàn. Nói cách khác, ở ngay trong sanh tử mà chứng Niết Bàn. Đây là trước hết từ kinh Duy Ma kiến lập một đại tiền đề, sau đây mới gộp chung ý nghĩa trong kinh này để nói thì hết thấy các cõi nước chính là tướng Cực Lạc, còn có thể giới Cực Lạc nào nữa? “*Kim khai khổ lạc, tự vi bỉ kinh*” (nay tách ra thành khổ và lạc, dường như mâu thuẫn với kinh ấy), bắt bẻ: Kinh Duy Ma nói khổ và lạc chẳng hai, khổ và lạc như một, trong kinh này chúng ta nói khổ và lạc đối lập, khổ lạc rạch ròi, khác với kinh Duy Ma, có mâu thuẫn hay không? Dưới đây là lời giải đáp rất hay!

(Sao) Đáp: *Hiền Thủ đại sư thích bỉ kinh ý, vị thị dẫn dĩ mê đảo, vọng kiến sanh tử, danh tại thử ngạn; ngộ sanh tử không, bản lai viên tịch, tức danh bỉ ngạn.*

(鈔) 答：賢首大師釋彼經意，謂是但以迷倒，妄見生死，名在此岸；悟生死空，本來圓寂，即名彼岸。

(Sao: Đáp: *Hiền Thủ đại sư giải thích kinh ấy có ý nói: Chỉ vì mê hoặc, điên đảo, lầm lạc thấy có sanh tử, nên gọi là “ở bờ này”. Ngộ sanh tử là Không, vốn sẵn viên mãn, vắng lặng, bèn nói là “bờ kia”.*

Kinh Duy Ma nói chẳng sai, mà kinh này cũng chẳng nói trệt. Những điều được nói trong kinh Duy Ma hoàn toàn là nói xứng tánh, là cảnh giới của Phật và đại Bồ Tát, chẳng phải là cảnh giới của phàm phu. Không chỉ chẳng là cảnh giới của phàm phu, mà Nhị Thừa và Quyền Giáo Bồ Tát đều chẳng thấy được, vì sao? Chưa kiến tánh. Chưa kiến tánh bèn gọi là mê, kiến tánh mới gọi là ngộ. Trong đoạn trả lời này, [Liên Trì đại sư] lại dẫn lời Hiền Thủ đại sư. Ngài Hiền Thủ²⁹ là thầy ngài Thanh Lương,

²⁹ Hiền Thủ (634-712) là cao tăng đời Đường, pháp danh Pháp Tạng, pháp tự Hiền Thủ, hiệu là Quốc Nhất pháp sư. Ngài còn được gọi là Hương Tượng đại sư, hoặc Khang Tạng Quốc Sư. Ngài vốn là người xứ Khang Cư, đến đời ông nội, cả họ di dân vào Trung Thổ, sống ở Trường An. Sư thông minh, mẫn tiệp từ nhỏ. Sư y chỉ ngài Vân Hoa Trí Nghiêm, nghe giảng kinh Hoa Nghiêm bèn thâm nhập huyền chỉ. Sau khi ngài Trí Nghiêm thị tịch bèn y chỉ ngài Bạc Trần. Do tinh thông các thứ tiếng Tây Vực, Sư vâng mạng tham gia dịch trường của ngài Nghĩa Tịnh, dịch các bộ Tân Hoa Nghiêm, Đại Thừa Nhập Lăng Già v.v... Sở học uyên bác của Sư về kinh Hoa Nghiêm đã khiến các vị sư huynh cao túc của Sư tiên cử Sư giảng kinh cho hoàng đế trong khi Sư chỉ là một sa-di. Khi giảng mười huyền môn của kinh Hoa Nghiêm cho Võ Tắc Thiên, Sư đã dùng con sư tử vàng trong điện làm tỷ dụ, Võ Tắc Thiên lãnh ngộ, sau đây, Sư vâng mệnh soạn bài Sư Tử Chương để ghi lại bài giảng ấy. Về sau, Sư trụ tại chùa Vân Hoa, Võ Tắc Thiên truyền mười vị đại đức chôn kinh thành cùng truyền đại giới cho Sư, ban tặng kinh Hoa Nghiêm, trên đề chữ Hiền Thủ Bồ Tát (ngụ ý ca ngợi Sư giống như

là tổ sư đời thứ ba của tông Hoa Nghiêm. Tông Hoa Nghiêm thật sự do ngài Hiền Thủ kiến lập; vì thế, Hoa Nghiêm Tông còn gọi là Hiền Thủ Tông. Sơ Tổ là hòa thượng Đỗ Thuận, nhị tổ là Vân Hoa đại sư, Hiền Thủ là đời thứ ba, vị này là một người rất lỗi lạc. Thời Hiền Thủ quốc sư, kinh Bát Thập Hoa Nghiêm còn chưa được dịch ra. Ba vị tổ sư từ ngài Hiền Thủ trở về trước đều dùng bản Lục Thập Hoa Nghiêm được dịch vào đời Tấn. Hiền Thủ quốc sư soạn một bản chú giải cho kinh Hoa Nghiêm, có tựa đề là Hoa Nghiêm Kinh Thám Huyền Ký. Ngài Thanh Lương tiếp nối đạo mạch của ngài Hiền Thủ, tông Hoa Nghiêm đến đời ngài Thanh Lương đích xác đã phát dương quang đại đến mức tột bậc.

“*Hiền Thủ đại sư thích bí kinh ý*” nghĩa là giải thích kinh Duy Ma, lão nhân gia nói: “*Đản dĩ mê đảo, vọng kiến sanh tử, danh tại thử ngạn*” (chỉ vì mê hoặc, điên đảo, lầm lạc thấy có sanh tử, nên gọi là “ở bờ này”), mê hoặc, điên đảo! Điều này có nghĩa là “*sanh tử vốn là không, vốn chẳng có tự tánh*”. Nếu nói cặn kẽ, một bộ kinh Lăng Nghiêm nhằm giảng chuyện này. Thoạt đầu dậy lên vô minh, do vô minh dẫn khởi ba tế tướng, từ Cảnh Giới Tướng lại hiện ra sáu thô tướng, tạo nghiệp, chịu báo qua lại trong lục đạo, chuyện là như thế đó. Thật tại là: Trong vô sanh tử, lầm lạc thấy có sanh tử. Giống như một người nằm mộng, tâm địa thanh tịnh căn bản là chẳng có mộng, nhưng mê rồi sẽ nằm mộng. Tuy nằm mộng, mộng cũng chẳng phải là thật. Ngày nay, chúng ta luân hồi trong lục đạo, nói thật thà, đó chẳng phải là thật sự. Quý vị ngỡ là thật, chứ nó chẳng thật. Thiển sư Vĩnh Gia nói rất hay: “*Mộng lý minh minh hữu lục thú, giác hậu không không vô đại thiên*” (trong mộng rành rành phô sáu nẻo, giác rồi ba cõi rỗng toang hoang). Ý nghĩa này tương thông với kinh Duy Ma.

Nhưng chúng ta phải suy nghĩ, tuy mộng là giả, chẳng thật, nhưng nếu một người mỗi ngày đều gặp ác mộng, cũng rất khó chịu! Chúng ta chưa thoát ly lục đạo luân hồi là đang mơ một giấc mộng lớn, Phật, Bồ

Hiền Thủ Bồ Tát trong kinh Hoa Nghiêm). Vì thế, Sư được gọi là Hiền Thủ quốc sư. Cả đời Sư giảng kinh Hoa Nghiêm hơn ba mươi lần, kiến lập giáo nghĩa tông Hoa Nghiêm. Ngoài chú giải kinh Hoa Nghiêm, Sư còn chú giải các kinh Lăng Già, Mật Nghiêm, Phạm Võng và Khởi Tín Luận. Ngài cũng đưa ra cách phán giáo chia giáo nghĩa nhà Phật thành năm giáo mười tông. Sư trước tác vô cùng phong phú, các tác phẩm của Sư được hậu thế nghiên cứu, học tập nhiều nhất là Hoa Nghiêm Kinh Thám Huyền Ký, Hoa Nghiêm Liễu Giải, Hoa Nghiêm Nhất Thừa Giáo Nghĩa Phân Tề Chương (Hoa Nghiêm Ngũ Giáo Chương), Hoa Nghiêm Kinh Chỉ Quy, Hoa Nghiêm Sách Lâm, Hoa Nghiêm Kinh Vân Đáp, Đại Thừa Mật Giáo Kinh Sớ, Phạm Võng Kinh Sớ, Đại Thừa Khởi Tín Luận Sớ, Hoa Nghiêm Cương Mục, Hoa Nghiêm Huyền Nghĩa Chương, Tu Hoa Nghiêm Áo Chi Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán v.v...

Tất trông thấy [phải than thở] oan uổng quá! Chuyện gì cũng đều chẳng có, nhưng do đang mộng nên ngỡ mộng là thật, chẳng biết chính mình đang nằm mộng, giấc mộng ấy càng mộng càng tệ hại hơn, nhân duyên quả báo diễn ra càng thảm thiết hơn! Thê thảm nhất không gì bằng sát sanh! Trong kinh, đức Phật dạy chúng ta: “*Người chết làm dê, dê chết làm người*”. Đây là nói người mô dê, dê sau khi bị giết lại đầu thai làm người, người đã giết dê ăn thịt sau khi chết lại biến thành dê, oan oan tương báo [dây dưa] chẳng xong. Mỗi lần báo thù cũng đều quá mức; do vậy, oán cừ càng kết càng sâu. Đức Phật đã nói toạc sự thật này, nếu bản thân chúng ta suy nghĩ kỹ càng, đọc lịch sử [sẽ thấy] từ xưa đến nay, chiến tranh mỗi lần một thảm khốc hơn. Thời cổ, chư vị đọc lịch sử đều biết rõ [mức độ thảm khốc của mỗi cuộc chiến], còn trong thời cận đại thì so sánh giữa Thế Chiến lần thứ nhất và Thế Chiến lần thứ hai, Thế Chiến lần thứ hai thảm khốc hơn Thế Chiến lần thứ nhất rất nhiều! Có thể nào có Thế Chiến lần thứ ba hay không? Thừa cùng quý vị, chắc chắn là có! Thế Chiến lần thứ ba sẽ vượt xa Thế Chiến lần thứ hai. Hiện thời các quốc gia đều biết, Thế Chiến lần thứ ba bùng nổ sẽ chẳng có kẻ thắng cuộc mà sẽ là cùng nhau chết sạch.

Vì sao có chuyện “cùng nhau chết sạch”? Sát nghiệp của chúng sanh quá nặng, nghiệp báo mà! Chẳng có cách nào tránh khỏi. Đức Phật dạy chúng ta, nếu muốn thế gian chẳng có đao binh kiếp, trừ phi chúng sanh chẳng ăn thịt. Nếu chúng sanh trên cả thế giới đều giác ngộ, chúng ta đều chẳng ăn thịt chúng sanh. Nếu chẳng sát hại hết thảy chúng sanh, có lẽ đao binh kiếp sẽ có thể tránh khỏi. Chúng ta thấy sau Thế Chiến lần thứ hai, chúng sanh trên thế giới này sát sanh, ăn thịt vượt xa xã hội trước thời Thế Chiến thứ hai, vượt trội quá nhiều! Do cái nhân ác dướng ấy, có thể nào tránh khỏi ác quả? Nhân quả báo ứng là chân lý, chẳng có cách nào thay đổi! Nếu chúng ta nhìn lại tình hình sau Thế Chiến thứ hai, lòng người trong xã hội thuở ấy so với hiện thời đã bị biến đổi hoàn toàn! Trong khoảng bốn mươi năm đầu thời Dân Quốc, lòng người còn khá thuần phác, đều còn rất thật thà, rất trung hậu. Con người hiện thời khác hẳn! Trong những năm Dân Quốc 38, 39, 40 (1951), chúng ta lạc đường, hỏi bất cứ ai trên đường, người ấy không chỉ rất nhiệt tình chỉ đường, mà còn dẫn quý vị đi, sợ quý vị lạc đường. Hiện thời, quý vị lạc đường, hỏi người ta, chẳng ai ngó ngang!

Ngoại quốc cũng giống như thế. Trong quá khứ, tiên sinh Phương Đông Mỹ nói: “Năm mươi năm trước, người Mỹ hết sức đáng mến”. Nói cách khác, năm mươi năm sau, người Mỹ chẳng còn đáng ưa nữa! Hiện

thời, các vấn đề trong giới trẻ của Mỹ hết sức nghiêm trọng. Giáo dục tự do, giới trẻ sa đọa là điều rất phổ biến, chẳng chịu học hành, hút xách. Nước Mỹ là nước tiêu thụ các chất nghiện ngập cao nhất thế giới. Chín mươi phân trăm sản phẩm ma túy đều do người Mỹ tiêu thụ, quá sức! Vấn đề này nghiêm trọng lắm! Đối với người hiểu rõ hoàn cảnh hiện thực trên thế giới này, đúng là không ai chẳng lo nghĩ, không có cách nào tránh khỏi, dứt trừ tai nạn!

Tuy là giả, chẳng thật, nhưng quý vị coi nó là thật, quý vị vẫn phải chịu nỗi khổ này. Quý vị chẳng thể nói nó là giả, ta sẽ không phải hứng chịu. Quý vị vẫn phải hứng chịu, mà còn phải chịu đựng vô cùng đau khổ. Đó là “*vô sanh tử trung, hôn mê, điên đảo, vọng kiến sanh tử, danh tại sanh tử thử ngạn*” (ở trong không sanh tử, hôn mê, điên đảo, lầm lạc thấy có sanh tử, gọi là ở bên này bờ sanh tử). “*Ngộ sanh tử không, bốn lai viên tịch, tức danh bỉ ngạn*” (Ngộ sanh tử là Không, vốn viên mãn, vắng lặng, gọi là bờ kia). Nếu quý vị thật sự khai ngộ, “*sanh tử bốn không, bốn lai Niết Bàn, tức sanh tử thử ngạn, tiện danh bỉ ngạn*” (sanh tử vốn là Không, vốn là Niết Bàn, nên bờ này sanh tử liền gọi là bờ kia), giữa đây và kia trọn chẳng có giới hạn. Bờ này và bờ kia, sanh tử và Niết Bàn, trong ấy chẳng có giới hạn, chỉ là mê hay ngộ sai khác. Mê bèn gọi là sanh tử, ngộ bèn gọi là Niết Bàn. Nói cách khác, Sa Bà và Cực Lạc cũng là như thế, mê bèn gọi là Sa Bà, Sa Bà là thế giới cực khổ, ngộ bèn gọi là Cực Lạc, đều là nói theo quả. Nếu nói theo nhân, mê là phiền não, vô lượng vô biên phiền não. Ngộ rồi sẽ chẳng gọi là phiền não, mà gọi là Bồ Đề, đúng là một, chẳng hai.

Nhưng có mấy ai giác ngộ? Có sức giác ngộ, tốt lắm! Chẳng còn chuyện gì nữa. Không có năng lực giác ngộ thì phải sanh về Tây Phương, vẫn phải nói tới cực khổ và Cực Lạc. Chẳng thể bảo cách nói này là sai, vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới là ngộ; chưa thể vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới là mê! Nay chúng ta nói thật thà, phá mê khai ngộ là cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, đó là thật sự khai ngộ. Nếu quý vị chẳng cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, muốn khai ngộ trong thế gian này, chẳng dễ dàng đâu nhé! Trong ngàn vạn người, khó có được một kẻ, chẳng đơn giản! Dầu quý vị thật sự khai ngộ ở nơi đây, nhưng tập khí phiền não chưa đoạn hết, vẫn luân hồi trong lục đạo, tuyệt đối chẳng phải là nói “một ngộ, hết thủy ngộ, một ngộ liền rốt ráo ngộ” [như trong Tây Phương Cực Lạc thế giới]! Chẳng có chuyện dễ dàng như vậy! Như vậy thì mới rõ ràng đôi chút, muốn cầu đại triệt đại ngộ rốt ráo viên mãn, nguyên lai vẫn là phát nguyện sanh về thế giới Tây Phương.

Do vậy, Ngẫu Ích đại sư mới nói: “*Tâm phát nguyện vãng sanh là Vô Thượng Bồ Đề tâm*”, chúng ta suy nghĩ sẽ thấy Ngài nói lời ấy rất có lý. Tuy cách nói ấy, trong hết thầy kinh luận và hết thầy các vị tổ sư đại đức xưa nay chưa hề nói như thế, người đầu tiên nói như vậy là Ngẫu Ích đại sư, nhưng suy nghĩ cặn kẽ sẽ thấy hay lắm, càng suy nghĩ càng thấy hợp lý, Ngài nói chẳng sai! Tâm phát nguyện vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới không chỉ là Vô Thượng Bồ Đề tâm, [mà còn] là tâm đại triệt đại ngộ, là thật sự giác ngộ, viên mãn giác ngộ, triệt để giác ngộ. Do vậy, người phát nguyện cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới là người thật sự lỗi lạc. Quý vị vừa phát cái tâm ấy, mười phương chư Phật tán thán, long thiên thiện thần đều cung kính, chúng ta có thể thấu hiểu sự thật này. Do vậy, bản thân chúng ta sẽ đạt được lợi ích sâu xa, thù thắng khôn sánh ấy trong một đời này. Chúng ta nhất định phải đem lợi ích ấy cho hết thầy chúng sanh cùng hưởng, như vậy thì mới có thể báo ơn Phật, mới chẳng có lỗi với A Di Đà Phật, không có lỗi với Bồ Sư Thích Ca Mâu Ni Phật, mới thật sự thực hiện “*thượng báo tứ trọng ân, hạ tế tam đồ khổ*” như trong bài kệ Hồi Hướng đã nói, chẳng phải là mỗi ngày đều hô khẩu hiệu, mỗi ngày luôn xướng cao giọng! Chúng ta phải thật sự thực hiện, tận tâm tận lực làm.

(Sao) Kim vị diệc dĩ mê đảo, vọng kiến Ngũ Trược, danh trụ Sa Bà; ngộ Ngũ Trược không, bản lai thanh tịnh, tức danh Cực Lạc. Quốc độ thường tịnh, chúng sanh tự mê, mê đa, ngộ quả, thị khổ, thị lạc, bất dung dĩ dã.

(鈔) 今謂亦以迷倒，妄見五濁，名住娑婆；悟五濁空，本來清淨，即名極樂。國土常淨，眾生自迷，迷多悟寡，示苦示樂，不容已也。

(Sao: Nay nói: Cũng do mê hoặc, điên đảo, lầm lạc mà thấy có Ngũ Trược nên gọi là “trụ trong Sa Bà”. Ngộ Ngũ Trược vốn là Không, vốn sẵn thanh tịnh, bèn gọi là Cực Lạc. Cõi nước thường tịnh, chúng sanh tự mê, mê nhiều, ngộ ít, nên chẳng thể nào không chỉ bày sự khổ, nêu ra sự vui).

Đoạn này là Kết Đáp (đúc kết lời đáp), căn cứ trên vấn đề được nêu ra ở phía trước. Chúng ta hiểu cõi nước nói thật ra là “*thường tịnh*”, nên thế giới vốn là Nhất Chân, Nhất Chân pháp giới, Hoa Nghiêm là Nhất Chân pháp giới. Kinh này cũng là Nhất Chân pháp giới, sau khi đã mê mới

có mười pháp giới. Trong mê thì Phật pháp giới thuộc mười pháp giới vẫn chưa phải là Nhất Chân pháp giới, đừng nên cho rằng sau khi đã mê thì hẳn chúng ta nói tới Phật pháp giới bèn đại khái là Nhất Chân pháp giới, chẳng phải vậy. Tạng Giáo Phật, Thông Giáo Phật và Biệt Giáo Phật như đã nói trong tứ giáo của tông Thiên Thai tuy là Phật pháp giới, nhưng so với các địa vị trong Viên Giáo hoàn toàn chẳng cao! Biệt Giáo Phật bất quá là địa vị Nhị Hạnh Bồ Tát trong Viên Giáo, Thập Trụ, Thập Hạnh, [Biệt Giáo Phật] là địa vị thứ hai trong Thập Hạnh, nên có thể thấy địa vị của Ngài chẳng cao, Biệt Giáo mà! Tạng Giáo và Thông Giáo lại càng chẳng cần phải nói nữa, ngay cả [đem so với] Sơ Trụ Bồ Tát vẫn chẳng sánh bằng!

Pháp giới vốn là Nhất Chân, bản tánh của chúng ta vốn sẵn thanh tịnh, Lục Tổ nói rất hay: “*Vốn chẳng có vật, chỗ nào nhuộm bụi trần*”, vốn sẵn thanh tịnh! Do vậy, thanh tịnh là chân tướng, thật tướng. Vốn sẵn thanh tịnh, nay chẳng thanh tịnh, thừa cùng quý vị, chẳng thanh tịnh là giả, thanh tịnh là thật. Vốn sẵn thanh tịnh, nhưng thanh tịnh biến thành chẳng thanh tịnh, đó là Chân Như bản tánh có vấn đề, thật sự có ô nhiễm. Đức Phật thường dùng tỷ dụ, sánh ví Chân Như bản tánh như mặt trời, sánh ví mê tình, nhiễm ô của chúng ta như mây. Mây che lấp mặt trời, nhiễm bản bản tánh, chúng ta nghĩ xem mây có che khuất mặt trời hay chẳng? Che chẳng được! Mây che được gì? Che mắt chúng ta, trọn chẳng che mặt trời, tình hình thực tế là như vậy.

Vì thế, kinh Lăng Nghiêm và Viên Giác nói rất hay, mê vốn là giả, vốn trống không, chẳng phải là thật, ngộ mới là thật. Trong Khởi Tín Luận, Mã Minh Bồ Tát cũng nói hết sức rõ ràng, “*Bổn Giác vốn có*”, Bổn Giác là ngộ, là bản tánh, là Nhất Chân pháp giới, vốn có! “*Bất Giác vốn không*”, Bất Giác là mê, mê vốn không! Giống như một kẻ nằm mộng, cái tâm có thể nằm mộng là vốn có, mộng cảnh vốn là không! Nhưng mộng cảnh rất ngắn ngủi, tạm thời, mộng cảnh có trở ngại chân tánh hay không? Không trở ngại. Chỉ cần quý vị giác ngộ, nó vốn sẵn chẳng trở ngại; đó gọi là “*chân - vọng bất nhị, tánh - tướng như nhau*”. Kinh Hoa Nghiêm kiến lập tứ vô ngại pháp giới, [tức là] Sự vô ngại, Lý vô ngại, Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại, pháp giới chẳng có chướng ngại! Tất cả hết thảy chướng ngại đều do quý vị mê mất tự tánh, mê mất Nhất Chân, sanh ra vô lượng vô biên chướng ngại. Do vậy, có thể biết, tứ vô ngại pháp giới là Nhất Chân pháp giới, pháp giới có chướng ngại sẽ là mười pháp giới, do đâu sanh ra? Do mê hay ngộ mà sanh. Mười pháp giới là giả, Nhất Chân pháp giới là thật. Một pháp giới là thật, mười pháp giới là giả, cho nên gọi Nhất Chân!

Chúng sanh tự mình mê hoặc, điên đảo, rốt cuộc mê như thế nào? Trong quyển thứ tư của kinh Lăng Nghiêm, tôn giả Phú Lô Na thỉnh giáo Thích Ca Mâu Ni Phật, Ngài thưa hỏi vô minh sanh ra như thế nào? Vì sao có vô minh? Khi nào vô minh sẽ sanh? Thành Phật là đã đoạn vô minh, khi nào lại dấy lên vô minh? Hỏi những vấn đề ấy. Đức Phật nói về cội nguồn của vô minh: “*Tri kiến lập tri, thị vô minh bốn*” (từ trong tri kiến lại lập ra một cái biết nữa, đó là cái gốc của vô minh), tám chữ của đức Phật đã trả lời rõ ràng, minh bạch. Vô minh do đâu mà có? Quý vị nghĩ chính mình hiểu biết, đó là vô minh! “*Tri kiến*” [trong câu “*tri kiến lập tri, thị vô minh bốn*”] là chánh tri chánh kiến, Phật tri, Phật kiến, từ trong chánh tri chánh kiến, quý vị lại lập ra một thứ tri kiến nữa, trật rồi! Đó là vô minh. Nếu chẳng lập một tri kiến nào, thiên hạ thái bình, chuyện gì cũng đều chẳng có. Lập ra tri kiến như thế nào? Phân biệt, chấp trước, vọng tưởng, quý vị chắc chắn lập ra ba thứ này!

Thí dụ như Thiên gia thường dùng phương pháp này, [hòa thượng cầm cái thẻ kẹp sách] giơ lên, quý vị đã trông thấy rõ ràng, rành rẽ, đây là gì? Cái thẻ kẹp sách. Đó là quý vị lập tri kiến, đó là vô minh. Nó vốn chẳng có tên, quý vị gán cho nó một cái tên. Quý vị gọi nó là “thẻ kẹp sách”, người khác gọi nó là “một mảnh giấy”, mỗi người gán cho nó một cái tên khác nhau, quý vị chỉ đành tranh cãi, dấy lên tranh chấp. Đó là căn bản của vô minh. Chúng ta mắt có thể thấy, tai có thể nghe, sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần đều hiểu rõ ràng, minh bạch. Nếu trong ấy chẳng có phân biệt, chẳng có chấp trước, chẳng có vọng tưởng, đó là Phật tri Phật kiến. Kinh Pháp Hoa nói “*nhập Phật tri kiến*”, quý vị vốn có tri kiến, chánh tri chánh kiến! Vừa mới dấy lên một tí phân biệt, chấp trước, tri kiến liền bị biến chuyển, biến thành vô minh, phân biệt, vọng tưởng, chấp trước, biến thành sanh tử luân hồi, Nhất Chân pháp giới lập tức bị biến thành mười pháp giới. Kinh Lăng Nghiêm đã dạy chúng ta đạo lý này.

Giao Quang đại sư chủ trương người thật sự tu hành “*bỏ Thức dùng Căn*”, “*dùng Căn*” là dùng căn tánh của sáu căn, chúng ta mắt thấy, dùng nên dùng thức thứ sáu tức Ý Thức, dùng nên dùng thức thứ bảy, chớ nên dùng thức thứ tám, là được rồi! Dùng gì để thấy? Thấy bằng tánh Thấy. Tôi vừa mới nêu ra một thí dụ, nay quý vị thấy rõ ràng, minh bạch như vậy, đó là quý vị thấy bằng tánh Thấy. Quý vị lại lập một tri kiến trên đó, nó sẽ biến thành cái thấy bằng Ý Thức tức thức thứ sáu và thức thứ bảy. Quý vị chấp trước đây là cái thẻ kẹp sách, đó là [sự nhận biết bằng] thức thứ sáu, cho rằng nó nhất định là cái thẻ kẹp sách, chứ chẳng phải thứ gì

khác! Đó là thức thứ bảy. Thức thứ sáu phân biệt, thức thứ bảy chấp trước, thức thứ tám lưu ấn tượng, sai biệt ở chỗ này!

Như thế nào sẽ khiến cho chúng ta thấy sắc, nghe tiếng, nhưng trong tâm thật sự chẳng có phân biệt, chấp trước, vọng tưởng? Sáu căn của chúng ta tiếp xúc cảnh giới sáu trần thì căn tánh của sáu căn khởi tác dụng, chẳng sử dụng tám thức. Vậy thì quý vị là Phật, Bồ Tát, là người thật sự giác ngộ. Chúng ta nghĩ người như vậy sẽ biến thành cái gì cũng chẳng biết, người ta đưa ra thứ gì đó, hỏi quý vị cái gì đây? Không biết! Không biết cũng là vô minh. Quý vị cũng nổi lên phân biệt, chấp trước. Quý vị nói “ta biết” thì biết là tà kiến, tà tri tà kiến; “không biết” thì không biết là vô minh, vấn đề này to lớn, ngay lập tức xảy ra vấn đề! Chúng ta hỏi chuyện gì, hỏi Phật thì đức Phật cũng nói. Bởi lẽ, trí huệ có hai thứ:

- Một là Căn Bản Trí, [còn gọi là] Thật Trí, tức trí huệ chân thật, thấy bằng tánh Thấy. Trí huệ chân thật thì trong tâm trong sạch, đích xác là “vốn chẳng có một vật”.

- Loại trí huệ thứ hai phát sanh từ loại trí huệ chân thật thứ nhất, được gọi là Hậu Đắc Trí, hoặc Tha Thụ Dụng Trí, chẳng phải để cho chính mình thụ dụng. Người ta hỏi quý vị: “Đây là gì?” Cái thẻ kẹp sách. Không phải là tôi chấp trước cái thẻ kẹp sách, mà do quý vị đều chấp trước nó là cái thẻ kẹp sách, tôi thuận theo sự phân biệt của quý vị mà phân biệt, tùy thuận sự chấp trước của quý vị mà chấp trước, bản thân tôi quả thật chẳng có phân biệt, chấp trước, đó là Tha Thụ Dụng Trí.

Do vậy, đức Phật vì chúng ta giảng kinh, thuyết pháp, giảng suốt bốn mươi chín năm, nhưng Ngài nói “ta chẳng nói một câu nào”, đúng vậy! Chẳng giả! Vì sao? Những gì Ngài đã nói đều là tùy thuận chúng ta mà nói. Nếu [tùy thuận] chính Ngài mà nói, Ngài chẳng nói một câu nào! Nói “Phật chẳng nói một câu nào” là nói theo phía bản thân Ngài, “thuyết pháp bốn mươi chín năm” là nói theo phía chúng sanh. Chúng ta phải học lấy điều này, làm thế nào để có thể giữ gìn thân tâm của chính mình thanh tịnh, chẳng nhiễm mảy trần trong cảnh giới, quyết định chẳng có phân biệt, vọng tưởng, chấp trước. Đối với cảnh giới bên ngoài, bất cứ gì cũng đều rõ ràng. Vì sao? Tám gương của quý vị trong sạch, chẳng bị nhiễm bản. Không chỉ là hiểu rõ cảnh giới trước mắt, mà quý vị còn biết quá khứ, tương lai cũng biết. Hết thấy chúng sanh tới thỉnh giáo quý vị, sẽ tùy cơ, tùy duyên chỉ dạy họ, [sự chỉ dạy ấy] nhất định là hay khéo, có thể khiến cho chúng sanh khai ngộ.

“*Kim vị diệc dĩ mê đảo*” (nay cũng vì mê hoặc, điên đảo), là mê hoặc, điên đảo, “*vọng kiến Ngũ Trược, danh trụ Sa Bà; ngộ Ngũ Trược*

không, bốn lai thanh tịnh, tức danh Cực Lạc. Quốc độ thường tịnh, chúng sanh tự mê, mê đa ngộ quả” (lầm lạc thấy Ngũ Trược, nên gọi là “trụ trong Sa Bà”. Ngộ Ngũ Trược là Không, vốn sẵn thanh tịnh, nên gọi là Cực Lạc. Cõi nước thường tịnh, chúng sanh tự mê, mê nhiều, ngộ ít), kẻ mê quá nhiều, người giác ngộ quá ít, giống như lông phượng, sừng lân, “*thị khổ, thị lạc, bất dung dĩ dĩ*” (chẳng thể nào không chỉ khổ, nêu vui). Nói thật ra, vì có gì phải chia thành khổ, vui, khuyên dạy hết thấy chúng sanh phải nhàm lìa Sa Bà, phải ưa cầu Cực Lạc? Thực tại là vì thế giới này, chúng sanh độn căn đông đảo, quá nhiều kẻ mê, nên mới bắt đắ dĩ tùy thuận chúng sanh mà thuyết minh chỗ khác nhau, sự khổ, điều vui giữa hai thế giới, khiến cho họ có cái để chọn lựa, có thể chán khổ, có thể ưa vui, giúp họ nhập Nhất Chân pháp giới, giúp họ thật sự triệt để giác ngộ. Vì thế, đây là một pháp phương tiện bất đắ dĩ. Phật độ chúng sanh, nếu chẳng có phương tiện sẽ chẳng thể độ chúng sanh. Đó gọi là “*đại khai phương tiện chi môn*” (mở toang cửa phương tiện). Pháp môn này là phương tiện nhất trong các phương tiện, là môn phương tiện bậc nhất! Bất luận người nào nếu nương theo môn này, chắc chắn sẽ đắ độ, quyết định giác ngộ, quyết định thành Phật.

Pháp phương tiện này có công đức, lợi ích rất lớn, hết sức có giá trị, chẳng thể nói phương pháp này không hay. Người đã giác ngộ chẳng cần đến pháp này, nhưng đối với kẻ chưa triệt để giác ngộ, pháp môn này hữu dụng. Không chỉ hữu dụng đối với phàm phu chúng ta, mà quý vị thấy trong hội Hoa Nghiêm, đối với bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ cũng hữu dụng, vì sao? Tuy họ giác ngộ, nhưng chưa triệt để giác ngộ, chưa đạt đến giác ngộ rốt ráo viên mãn, vẫn phải dạy họ ghét khổ, chuộng vui, cầu sanh Tây Phương Cực Lạc, chúng Vô Thượng Bồ Đề rốt ráo viên mãn. Ngay cả bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ mà còn như thế, huống gì chúng ta nay đang ở trong lục đạo, thuộc địa vị phàm phu. Do vậy, câu hỏi này hỏi rất cao. Nếu chẳng giảng rõ ràng viên mãn, nói chung, nó sẽ trở thành một nghi vấn. Nghi vấn sẽ sanh ra chướng ngại cho người tu hành. Hôm nay chúng ta đọc đến đoạn này!

Tập 131

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang hai trăm tám mươi sáu:

(Sớ) Khổ lạc tương đối, chánh dĩ bỉ thử nhị độ, giáo lượng thắng liệt, linh sanh hân yếm, như nan dị thập chủng đẳng.

(疏) 苦樂相對，正以彼此二土，較量勝劣，令生忻厭，如難易十種等。

(Sớ: Đối chiếu giữa khổ và lạc, tức là so lường sự hơn và kém giữa cõi này và cõi kia, khiến cho [người nghe] sanh lòng ưa thích, chán nhàm, như mười thứ khó, dễ v.v...)

Đoạn văn này giảng rõ sự so sánh giữa hai thế giới là Tây Phương Cực Lạc thế giới và thế giới Sa Bà của chúng ta, chỉ ra [hai cõi] khổ và vui khác nhau. Vì thế, kinh này mới gọi cõi kia là thế giới Cực Lạc.

(Sao) Tương đối giả, dĩ thử cực khổ đối bỉ Cực Lạc, nhất thắng, nhất liệt, thiên nhưỡng giáo nhiên, hân yếm tự sanh, thử xả tự định.
(鈔) 相對者，以此極苦對彼極樂，一勝一劣，天壤較然，忻厭自生，取捨自定。

(Sao: “Đối chiếu”: Dem sự cực khổ trong cõi này sánh với Cực Lạc trong cõi kia, một đằng thù thắng, một đằng kém hèn, khác biệt một trời một vực, lòng yêu thích hoặc chán nhàm tự sanh, lấy - bỏ tự định).

Lời này là sự thật. Nếu chúng ta chẳng có một mức nhận thức khá khá về hai thế giới ấy, chẳng so sánh một phen, sẽ chẳng hiểu công đức lợi ích vãng sanh, thậm chí thường sao nhãng ý niệm cầu sanh Tịnh Độ, đấy cũng là do giác tánh chưa đủ. Nếu so sánh giữa hai cõi, nói thật ra, có lẽ là người từ lứa tuổi trung niên trở lên trong thế giới này bèn có thể lãnh hội khá khá. Chúng ta chưa thấy thế giới Tây Phương, so sánh bằng cách nào? Do vậy, tuyệt đối chẳng phải là ai nấy đều có thể so sánh được, chẳng phải là người bình phàm mà hòng nói được!

(Sao) Thập chủng giả, Từ Vân Sám Chủ, khai thử độ, bỉ độ nan dị thập chủng.

(鈔) 十種者，慈雲懺主，開此土彼土難易十種。

(Sao: “Mười thứ”: Từ Vân Sám Chủ đã nêu ra mười thứ khó - dễ giữa cõi này và cõi kia).

Ở đây nêu ra mười thứ [so sánh khó - dễ] do Từ Vân Sám Chủ đã nói. Trong lịch sử Phật giáo, vị này khá nổi tiếng. Từ Vân là danh hiệu do hoàng đế ban tặng. Hoàng đế tôn trọng Ngài, gọi Ngài là Từ Vân đại sư. Ngài có pháp danh là Tuân Thức, là người sống vào thời vua Chân Tông đời Tống. Khi ấy, Ngài trụ tại chùa Linh Ân, Hàng Châu. Tể Công hòa thượng được dân gian sùng bái cũng sống tại chùa Linh Ân thuở ấy. Đích xác là trong lịch sử Trung Quốc, Linh Ân Tự đã xuất hiện không ít cao tăng. Vị pháp sư này lúc tuổi già cũng chuyên tu Tịnh Độ, chuyên hoằng dương Tịnh Độ. Ngài biên soạn Tịnh Độ Sám Nghi, tức là Tịnh Độ Sám Pháp, nên người đời sau tôn xưng Ngài là Từ Vân Sám Chủ. Ngài vì chúng ta nói ra mười thứ khó - dễ giữa hai cõi Sa Bà và Cực Lạc, nêu ra mười lượt so sánh.

(Sao) Kim dĩ khổ lạc đối chi, nhất giả thử độ hữu bất thường tri Phật khổ.

(鈔) 今以苦樂對之，一者此土有不常值佛苦。

(Sao: Nay so sánh giữa khổ và lạc thì một là cõi này có nỗi khổ chẳng thường gặp Phật).

Đây là điều thứ nhất. Trong thế gian này, chúng ta rất khó gặp Phật xuất thế. Đức Phật chẳng xuất thế, chúng ta chẳng được nghe Phật pháp. Chẳng nghe Phật pháp thì nói cách khác, vĩnh viễn không thể liễu giải chân tướng của vũ trụ và nhân sinh. Tuy trong thế gian này cũng có các nhà khoa học, triết gia, tôn giáo gia rất lỗi lạc, thông hiểu vũ trụ và nhân sinh cũng chẳng ít, nhưng họ hoàn toàn chẳng [thông hiểu] rốt ráo. Thậm chí có rất nhiều [điều do họ nêu ra] chẳng phải là chân tướng sự thật, mà là suy đoán, phỏng đoán, hoàn toàn chẳng xứng hợp chân tướng sự thật. Dẫu là những nhà tôn giáo bậc cao, tu hành có công phu kha khá, biết được đôi chút, chẳng phạm sai lầm lớn, thông hiểu tình huống đại khái, nhưng sau khi đã hiểu, vẫn chẳng thể giải quyết vấn đề. Thí dụ như tại Ấn Độ có nhiều tôn giáo cao cấp, đích xác vượt xa Cơ Đốc Giáo và Thiên Chúa Giáo trong hiện thời, họ có thể thật sự thấy được tình huống trong lục đạo, có năng lực đến Tứ Thiên Thiên và Tứ Không Thiên, có năng lực giao tiếp với quỷ và địa ngục, liễu giải tình huống trong các nơi ấy, nhưng

họ chẳng có cách nào khiến cho kẻ đáng đọa địa ngục chẳng đọa địa ngục, chẳng có cách nào! Chư thiên hết thọ mạng ắt phải đọa xuống, họ cũng chẳng có cách nào khiến cho chư thiên chẳng đọa lạc. Điều này được gọi là “*tri kỳ đương nhiên, bất tri kỳ sở dĩ nhiên*” (biết tình trạng đương nhiên, chẳng biết nguyên nhân dẫn đến tình trạng đó), thấy được sự thật, nhưng chẳng hiểu rõ lý.

Chỉ riêng Phật pháp là có thể nói rõ ràng với chúng ta về chân tướng của vũ trụ và nhân sinh. Phân tích thấu triệt Sự - Lý và nhân quả của hết thảy vạn pháp, chỉ có mỗi Phật pháp! Trừ Phật pháp ra, chẳng ai có thể làm được! Chúng ta hiểu rõ triệt để Sự - Lý, nhân quả, sẽ làm được, tự mình có thể giải quyết vấn đề ấy. Vì thế, chẳng gặp Phật là khổ! Quá khổ! Vĩnh viễn là mê hoặc, điên đảo. Đó là nói về thế gian này của chúng ta.

Nay chúng ta may mắn sanh nhằm thời kỳ Mạt Pháp của Thích Ca Mâu Ni Phật, kể như là một may mắn to lớn trong sự bất hạnh. Pháp vận của Thích Ca Mâu Ni Phật là một vạn hai ngàn năm, Chánh Pháp một ngàn năm, Tượng Pháp một ngàn năm, đều đã qua, hiện thời là Mạt Pháp, Mạt Pháp gồm một vạn năm. Bất luận chiếu theo cách tính của người Trung Quốc, hay theo cách tính của người ngoại quốc, hiện nay đều nhằm thời kỳ Mạt Pháp. Theo cách tính của người Trung Quốc, Thích Ca Mâu Ni Phật diệt độ cách nay ba ngàn lẻ mười lăm năm, theo cách tính của người ngoại quốc là hơn hai ngàn năm trăm năm, chênh lệch sáu trăm năm, nhưng chúng ta chẳng cần quan tâm chuyện này. Nói chung, chúng ta có thể khẳng định, hiện nay đang nhằm thời kỳ Mạt Pháp của Thích Ca Mâu Ni Phật. Theo cách tính của người Trung Quốc, Mạt Pháp hãy còn chín ngàn năm nữa. Trong chín ngàn năm, Phật pháp có lúc hưng, suy, thăng, giáng, cũng chẳng phải là một mực suy bại, vẫn có lúc hưng khởi. Lên cao hay xuống thấp không nhất định, tùy thuộc phước đức và nhân duyên của chúng sanh.

Sau chín ngàn năm ấy, thế gian này chẳng có Phật pháp, pháp đã diệt. Không có Phật pháp, con người càng khổ hơn. Sau khi pháp diệt hết, kinh đã nói rất rõ ràng: Kinh A Di Đà diệt cuối cùng, hết thảy các pháp đều bị diệt. Kinh A Di Đà còn lưu lại thế gian này một trăm năm [sau khi các kinh khác đã bị diệt]. Trong một trăm năm cuối cùng ấy, nếu ai có phước gặp kinh điển này, trọn đủ ba điều kiện Tín - Nguyện - Hạnh thì vẫn có thể vãng sanh. Quý vị mới biết kinh điển này chẳng thể nghĩ bàn, kinh điển này là kinh điển bậc nhất để chư Phật độ sanh. Sau khi toàn bộ Phật pháp đã diệt, thế gian này chẳng còn Phật pháp nữa, ắt phải đợi đến lúc vị Phật kế tiếp xuất thế, trong thế gian này mới có Phật pháp. Vị Phật

kế tiếp là Di Lặc Phật. Phật Di Lặc xuất thế khi nào? Trong kinh, Thích Ca Mâu Ni Phật đã dạy là năm mươi sáu ức bảy ngàn vạn năm sau. Quý vị nghĩ xem: Thời gian thế gian này có Phật pháp quá ngắn ngủi, tạm bợ; một vạn hai ngàn năm so với năm mươi sáu ức bảy ngàn vạn năm, chẳng thấm vào đâu! Thời gian không có Phật pháp quá ư là dài, chúng ta phải hiểu chuyện này. Đó là khổ, chúng sanh đúng là khổ.

(Sao) Bỉ độ vô chi.

(鈔) 彼土無之。

(Sao: Cõi kia chẳng có nỗi khổ này).

Tây Phương Cực Lạc thế giới không có nỗi khổ này, bên ấy, Phật thường trụ thế gian.

(Sao) Nhi đản hữu hoa khai kiến Phật, thường đắc thân cận chi lạc.

(鈔) 而但有華開見佛，常得親近之樂。

(Sao: Chỉ có niềm vui hoa nở thấy Phật, thường được thân cận).

Phước đức và nhân duyên của hai thế giới ấy khác nhau. Chúng ta nghĩ: Tây Phương Cực Lạc thế giới người đông ngàn ấy, người niệm Phật trong mười phương thế giới thấy đều vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, A Di Đà Phật chỉ có một mình, người đông dường ấy đều mong gặp Ngài, Ngài có đủ thời gian hay không? Chúng ta chẳng có cách nào tưởng tượng được chuyện này. Kinh đã nói rất hay, quý vị đọc kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật, trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, hóa thân của Di Đà, Quán Âm, Thế Chí đầy khắp cõi nước, chỗ nào cũng đều thấy, giống như hiện thời chúng ta dán các bức hình Phật [chung quanh giảng đường]. Ở bên ấy là chân Phật, là vị Phật có thể nói, cười, là [vị Phật] thật sự, do Phật Di Đà hóa thân. Nơi các cây báu trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, dưới mỗi gốc cây, Phật đều ngự tại đó thuyết pháp. Phật hóa thân trọn khắp pháp giới, cơ hội thấy Phật của chúng ta là bình đẳng. Nếu Phật chẳng hóa thân, cơ duyên thấy Phật thật sự vẫn là khó có. Ngài có năng lực hóa thân, do vậy, chúng ta đến Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng sợ không gặp A Di Đà Phật, cũng chẳng sợ “chúng ta vãng sanh, rốt cuộc đức Phật có đến tiếp dẫn hay không?” Có lúc tự mình hoài nghi, người vãng sanh đông như thế, sợ rằng đức Phật quá bận bịu, lo không xuể, quên bẵng chúng ta! Chúng ta làm lụng trong thế gian này, nhiều việc quá, do công chuyện quá

nhieu, do bận bịu nên thường quên khuấy các chuyện. Tây Phương Cực Lạc thế giới quyết định chẳng có chuyện ấy, trí huệ và thần thông của Phật chẳng thể nghĩ bàn.

(Sao) Nhị giả, thử độ hữu bất văn thuyết pháp khổ.

(鈔) 二者此土有不聞說法苦。

(Sao: Hai là cõi này có nỗi khổ chẳng nghe thuyết pháp).

“*Bất văn thuyết pháp*” (chẳng nghe thuyết pháp), nói thật ra cũng là “chẳng thường gặp Phật”, Phật pháp khó nghe mà! Nếu chẳng nghe Phật pháp, xác thực là muôn kiếp ngàn đời như điếc, như mù, thật đấy! Phật pháp mở mang đạo nhãn cho chúng ta, khiến cho chúng ta thật sự hiểu rõ Thật Tướng của vũ trụ và nhân sinh, biết quá khứ, hiện tại, vị lai, khiến cho chúng ta tự mình có cái để chọn lựa. Nghe Phật pháp vô cùng trọng yếu!

(Sao) Bĩ độ vô chi.

(鈔) 彼土無之。

(Sao: Cõi kia chẳng có nỗi khổ này).

Tây Phương Cực Lạc thế giới không có tình hình này.

(Sao) Nhi dẫn hữu thủy, điều, thụ lâm giai tuyên diệu pháp chi lạc.

(鈔) 而但有水鳥樹林皆宣妙法之樂。

(Sao: Nhưng có niềm vui nước, chim, rừng cây đều tuyên diệu pháp).

Tây Phương Cực Lạc thế giới lục trần thuyết pháp. Ở cõi này, nói thật ra, chúng ta chẳng gặp Phật mà có thể gặp Bồ Tát, La Hán thì cũng được lắm. [Nhưng] Bồ Tát, La Hán cũng chẳng gặp được, [những người mà chúng ta] có thể gặp được toàn là phàm phu tăng. Phàm phu tăng thuyết pháp có thể chẳng nói sai hay không? Đích xác là chẳng đáng tin cậy! Phải như thế nào thì mới có thể nói kinh này không sai? Nói đơn giản thì nếu tương ứng với đạo, sẽ chẳng nói sai. Đạo là gì? Nếu nói thô thiển một chút, sẽ như kinh Kim Cang đã nói “*vô ngã tướng, vô nhân tướng, vô chúng sanh tướng, vô thọ giả tướng*” thì được; đó là đạo. Nếu chúng ta vẫn chấp

tướng, khó lắm, sẽ chẳng tương ứng, cơ hội nói sai rất nhiều. Nếu bốn tướng đều không, sẽ chẳng giảng sai kinh giáo. Nếu chúng ta phát nguyện muốn báo ơn Phật, muốn giúp hết thảy chúng sanh lý giải Phật pháp, giới thiệu Phật pháp với hết thảy chúng sanh, chính mình nhất định phải phá Ngã Chấp, niệm niệm đều nghĩ tạo lợi ích cho chúng sanh. Chính mình bất luận chịu đựng nỗi khổ như thế nào, nguyện luôn giống như A Di Đà Phật đã phát trong lúc tu nhân, quyết chẳng thoái chuyển. Chỉ cần khiến cho chúng sanh đạt được lợi ích nơi Phật pháp, có thể nghe pháp môn Tịnh Độ, bất luận chúng ta phải hy sinh to lớn đến mấy, đều là đáng giá, đều là đáng nên làm. Tâm như vậy là tương ứng, tâm ấy tương ứng với nguyện, chúng ta mở quyển kinh [ra đọc hay giảng] mới chẳng đến nỗi hiểu sai ý nghĩa trong quyển kinh.

Ở đây nói, trong thế giới ấy lục trần thuyết pháp. Ngoài lục trần ra, các vị thượng thiện nhân thảy đều thuyết pháp. Trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, các vị Đẳng Giác Bồ Tát như Quán Âm, Thế Chí, Văn Thù, Phổ Hiền chẳng biết là bao nhiêu! Chẳng có cách nào tính toán, những vị ấy đều thay Phật thuyết pháp. Nếu quý vị chê bai: “Họ là Đẳng Giác Bồ Tát, vẫn chưa thành Phật, tôi muốn đích thân nghe A Di Đà Phật thuyết pháp cho tôi”, ngay lập tức A Di Đà Phật ở trước mặt quý vị. Quý vị vừa dấy tâm niệm ấy, Ứng Thân của Ngài bèn ở ngay trước mặt, đúng là cảm ứng đạo giao! Đúng như kinh Lăng Nghiêm đã nói: “*Tùy chúng sanh tâm, ứng sở tri lượng*” (thuận theo tâm chúng sanh mà ứng với khả năng lãnh hội của họ). Do tùy tâm ứng lượng, nên ngay lập tức hiện tiền.

Nhưng có những người cảm thấy Phật đến thuyết pháp, ta luôn phải đứng quy củ ngồi nghe, cảm thấy rất tù túng, vẫn là [nghe] Bồ Tát [thuyết pháp] dễ chịu hơn, ta có thể thoải mái đôi chút, được lắm, Phật liền biến mất, Bồ Tát bèn đến [thuyết pháp]. Bồ Tát thuyết pháp thì cũng phải nên giữ đúng quy củ ngồi đó. Quý vị nói ta vừa đi vừa nghe, hoặc ta nằm ở đó, ngả ngón ở đó, có được hay không? Được chứ! Chẳng còn Bồ Tát nữa, mà rừng cây, chim, nước thuyết pháp cho quý vị. Được lắm! Ta nằm ở nơi đó, chim đến đậu trên tay ta, hoặc nhảy trên thân ta, thuyết pháp cho ta nghe, chẳng bó buộc gì! Những thứ ấy hoàn toàn do A Di Đà Phật biến hóa ra. Bởi lẽ, A Di Đà Phật rất thông hiểu tâm lý con người, điều này khó có lắm! Nói cách khác, đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, quý vị mong người như thế nào thuyết pháp cho quý vị, A Di Đà Phật bèn biến hiện dáng vẻ ấy để thuyết pháp, khiến cho tâm quý vị hoan hỷ.

(Sao) Tam giả, vô ác hữu khiên triển khổ.

(鈔) 三者無惡友牽纏苦。

(Sao: Ba là không có nỗi khổ vì bạn ác lôi kéo, trói buộc).

Trong thế gian này, chẳng có cách nào tránh khỏi bạn ác, đó là “oán tắng hội” (oán ghét mà vẫn phải gặp gỡ), đó gọi là “bất thị oan gia, bất tu đầu” (chẳng phải là oan gia, sẽ không tu hội), chuyện này rất phiền phức! Họ luôn chướng ngại quý vị, tức là chướng ngại quý vị học Phật, niệm Phật, thậm chí chướng ngại quý vị vãng sanh, chuyện này phiền toái to lớn. Sợ nhất là chướng ngại vãng sanh! Trong sát-na quý vị vãng sanh, oán thân trái chủ thấy đều kéo đến, kẻ này khóc một chập, kẻ kia nước mắt đầm đìa, kẻ nọ lại kêu réo, thôi rồi, quý vị bị nhiễu loạn mất rồi! A Di Đà Phật cũng chạy lẹ, quý vị bỏ lỡ cơ hội vãng sanh này, phiền quá! Chuyện này phiền toái to lớn.

Những bạn ác ấy là ai? Có thể là cha mẹ, vợ, con, người nhà, quyến thuộc của chính quý vị. Năm xưa, tôi giảng kinh tại Cựu Kim Sơn (San Francisco), bà Cam ở Cựu Kim Sơn kể cho tôi nghe một câu chuyện. Thân thích của bà ta cũng là một bà cụ vãng sanh. Mọi người đều biết bà cụ ấy học Phật, nhưng cũng chẳng thấy bà có thụy tướng tốt lành gì, mà cũng chẳng thấy bà suốt ngày từ sáng đến tối sớt sắng niệm Phật. Bà rất thông dong, cụ già ở nhà quán xuyến việc nhà. Mỗi sáng sớm, do cụ già dậy sớm, nên cụ nấu bữa sáng, chăm sóc cháu nội. Cụ vãng sanh vào buổi tối, đại khái mọi người đều đã ngủ rồi, vãng sanh trong đêm. Rốt cuộc cụ vãng sanh vào giờ nào chẳng ai biết. Đến sáng ngày hôm sau, do cụ chẳng trở dậy, mỗi ngày cụ đều dậy sớm nấu bữa sáng, sáng hôm ấy cụ chẳng dậy. Vì thế, người nhà sau khi thức dậy, gõ cửa phòng cụ [không thấy ừ hử gì], tại Mỹ, phòng người già không khóa. Vì thế, họ mở cửa, thấy bà cụ ngồi xếp bằng trên giường, gọi thì cụ cũng chẳng trả lời, nhìn kỹ, cụ đã mất, chẳng biết mất lúc nào! Hay lắm! Người nhà chẳng trở ngại cụ, phương pháp của cụ rất hay. Càng khéo hơn nữa là cụ còn có di chúc, đã viết từ trước đặt ở trước mặt. Không chỉ có di chúc, mà áo tang của kẻ lớn người nhỏ trong nhà chẳng biết cụ đã may từ lúc nào, mỗi người một bộ đều xếp bên giường, mọi người mới biết cụ biết trước lúc mất. Vì sao? Cụ may những bộ tang phục ấy nhất định là may lén lút, nhất định là khi người nhà đều ngủ cả rồi, may trong đêm tối. Muốn may vài bộ quần áo như vậy, cũng phải tốn khá nhiều thời gian, ít nhất là cụ đã biết trước ba tháng. Chuẩn bị hậu sự kỹ càng, cụ ra đi, chẳng hé răng, cũng chẳng nói câu nào mà ra đi!

Phương pháp này rất diệu, vì sao? Ác hữu chẳng có cách nào lôi kéo quý vị. Nếu quý vị bảo họ: “Ta sẽ vãng sanh vào lúc nào đó”, sẽ bị phiền phức to lớn. Họ quyết định chẳng để quý vị ra đi, sẽ làm âm ỉ, gây náo loạn. Phương pháp ấy của bà cụ rất tuyệt, rất đáng cho chúng ta tham khảo, đó là một gương tốt. Cụ chẳng ngã bệnh, chẳng bị bệnh khổ, ra đi tự tại. Ở ngoại quốc, trợ niệm là chuyện không thể được, quý vị tìm không ra người trợ niệm. Chỉ có phương pháp này của cụ, chính mình công phu thật sự thành tựu, bèn ra đi rất tiêu sái, vô cùng tự tại. Thế giới Tây Phương chẳng có ác hữu chèo kéo.

(Sao) Nhi hữu chư thượng thiện nhân câu hội nhất xứ chi lạc.

(鈔) 而有諸上善人俱會一處之樂。

(Sao: Nhưng có niềm vui các vị thượng thiện nhân cùng nhóm họp một chỗ).

Ở bên kia đều là thượng thiện nhân. Thế giới Tây Phương là một thế giới bình đẳng, đến nơi ấy, tướng mạo và hình dáng của mọi người đều giống nhau, tâm cảnh đều là bình đẳng. Trong Đại Kinh, chúng tôi đã giới thiệu, ở bên ấy, [tất cả mọi người] đều là ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp, đều chẳng sai khác Phật cho mấy!

(Sao) Tứ giả, vô quần ma não loạn khổ.

(鈔) 四者無群魔惱亂苦。

(Sao: Bốn là không có nỗi khổ bị các loại ma não loạn).

Trong thế gian này, kinh thường nói bốn loại ma là Ngũ Âm Ma, Phiền Não Ma, Tử Ma, và Thiên Ma. Yêu ma quỷ quái bên ngoài muốn đến não loạn quý vị, rất khổ! Dẫu chính mình có đạo tâm, Thiên Ma bên ngoài chẳng thể nhiều loạn, nhưng Ngũ Âm, Phiền Não, và Tử Ma đều ở trong chính mình, chẳng có cách nào tránh khỏi. Do vậy, chúng ta có thể hiểu, muốn thành tựu trong các tông các phái Đại Tiểu Thừa, hay trong vô lượng pháp môn, đều quá khó khăn. Khó khăn ở chỗ nào? Quý vị chẳng có cách nào thoát khỏi quần ma, nhất định bị chúng nó quấy nhiễu. Ngay cả Bồ Tát đến thị hiện thành Phật trong thế gian này, trong tám tướng thành đạo, ma vẫn đến quấy nhiễu, trong tám tướng thành đạo còn có một cửa ải “hàng ma”. Vì thế, có thể rời khỏi sự nhiễu loạn của ma chẳng phải là chuyện dễ dàng.

Chỉ riêng pháp môn Niệm Phật này là có thể tránh khỏi ma sự, nhưng tâm quý vị phải kiên cố, phải thanh tịnh, nhất tâm nhất ý, chỉ cầu vãng sanh thế giới Cực Lạc, phải như vậy thì mới được. Nếu chúng ta tu pháp môn Niệm Phật, trong tâm vẫn tham cầu tiếng tăm, lợi dưỡng thế gian, nói cách khác, quý vị chẳng có cách nào thoát khỏi ma chướng. Nếu quý vị lại ham chuộng thân thông, ham thích chuyện kỳ quái, yêu ma quỷ quái sẽ càng nhiều hơn! Nếu chúng ta dùng cái tâm thanh tịnh, ý nguyện kiên định, nhất tâm cầu sanh Tây Phương, kinh đã nói rất hay: “*A Di Đà Phật sai hai mươi lăm vị Bồ Tát ngày đêm bảo hộ người ấy*”. Do vậy, ma chẳng có dịp thuận tiện [hãm hại], chúng muốn đến quấy nhiễu quý vị, nhưng quý vị đã có Bồ Tát hộ pháp, chẳng phải là thần hộ pháp thông thường, mà là Bồ Tát hộ pháp, do A Di Đà Phật sai đến, chúng ta phải tin tưởng.

(Sao) Nhi hữu chư Phật hộ niệm, viễn ly ma sự chi lạc.

(鈔) 而有諸佛護念，遠離魔事之樂。

(Sao: Mà có niềm vui được chư Phật hộ niệm, xa lìa ma sự).

Tây Phương Cực Lạc thế giới không có ma. Trong thế giới ấy, không chỉ do oai đức và quang minh của chính A Di Đà Phật khiến cho ma không thể đến gần, mà thế giới ấy là thế giới được mười phương chư Phật hộ niệm, lẽ nào có ma sự? Trong mười phương thế giới chư Phật đều có ma sự, nhưng Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng có ma sự.

(Sao) Ngũ giả, vô luân hồi bất tức khổ.

(鈔) 五者無輪迴不息苦。

(Sao: Năm là không có nỗi khổ luân hồi chẳng ngừng).

Ở nơi chúng ta, luân hồi trong lục đạo chẳng có lúc ngưng dứt, nỗi khổ ấy được gọi là “*sanh tử bì lao*” (sinh tử mệt nhọc). Vì thế, người học Phật phải có tầm mắt xa rộng, chớ nên chỉ thấy trước mắt. Vì có những đồng tu sau khi học Phật, đương nhiên hiểu nhân quả đôi chút, chẳng dám làm chuyện ác nữa. Xét theo phương diện cuộc sống thì chẳng bằng các đồng học, bạn bè của chính mình, thấy họ sự nghiệp ngày càng phát đạt, của cải cuồn cuộn đưa tới, còn chính mình thu nhập mỗi năm chỉ gượng gượng sống qua ngày, gặp mặt các bạn bè cũ, cảm thấy rất khó chịu, cảm thấy chính mình thua kém kẻ khác! Quan niệm ấy là ma chướng của chính

quý vị, là phiền não chướng hiện tiền, là nghiệp chướng hiện tiền, chính quý vị mê hoặc, điên đảo.

Phú quý vinh hoa trên thế gian này như mây khói trôi qua trước mắt, là giả, chẳng thật, chẳng đáng hâm mộ! Chính mình thật sự học Phật, nhất là tu pháp môn Tịnh Độ này, quý vị có thể vĩnh viễn thoát khỏi luân hồi, thật sự đạt được sự sống đời đời. Trong thế gian này, đừng nói là đế vương trong thế gian hay tổng thống, [ngay cả] thiên vương cũng chẳng làm được! Có ai có thể sánh bằng quý vị? Chẳng thể so sánh! Chúng ta cảm thấy chẳng bằng người thế gian, tức là đạo nghiệp của chính quý vị chưa đạt căn bản. Nếu quý vị đạt được, dẫu quý vị ăn mặc rách nát, đứng cùng chỗ với các vị đế vương trong thế gian, khí thế của quý vị vượt trời họ, chắc chắn chẳng thua kém họ chút nào! Vì sao? Xác thực là vượt trời họ, ta tự tại, họ chẳng tự tại, ta chẳng có phiền não, họ có phiền não; ta chẳng có ưu lự, họ có ưu lự. Xét về những điều này, họ chẳng bằng ta!

Quý vị nói quý vị lười tiên nhiều của, tôi chẳng có của cải gì, nói thật ra, chúng ta bằng nhau! Quý vị có tiền của thì mỗi ngày cũng ăn ba bữa. Tôi chẳng có tiền của, mỗi ngày vẫn ăn ba bữa. Quý vị chú trọng phải ăn như thế nào đi nữa, bất quá là ăn no mà thôi, tôi cũng ăn no bụng, cho nên bình đẳng. Tôi ăn no nhưng chẳng tạo tội nghiệp, quý vị ăn no, chẳng biết đã tạo bao nhiêu tội nghiệp. Tôi ăn no, đó là công đức; quý vị ăn no bèn là tội nghiệp, chẳng thể sánh bằng! Thật đấy, chẳng giả đâu! Do vậy, người thật sự học đạo nhất định phải đạt được pháp hỷ, pháp hỷ sung mãn. Quý vị vào trong bất cứ nhóm người nào, người ta tự nhiên hâm mộ quý vị: “Vì sao anh có thể vui sướng dường ấy?” Học Phật bèn sung sướng.

Thế gian tuy có phú quý, giàu có, nhưng chẳng vui, tuy sang quý mà cũng chẳng vui! Do vậy, cổ nhân nói: “*Bát như bàn nhĩ lạc*” (chẳng bằng nghèo mà vui), cuộc đời này mới có ý nghĩa, mới có giá trị. Tuy sống cả đời phú quý, nhưng suốt đời chẳng vui sướng, người ấy rất đáng thương, trong Phật pháp gọi là “*khả lân mãn giả*” (kẻ đáng thương xót). Càng đáng thương hơn là chẳng thể thoát ly lục đạo luân hồi, thật sự đáng thương! Bản thân chúng ta hãy khéo tu hành, chính mình hiểu rõ đời này, kiếp này là thân cuối cùng luân hồi trong lục đạo, chẳng có lần sau, tự tại lắm! Đúng là Đại Phạm Thiên Vương vẫn chẳng thể sánh bằng. Tây Phương Cực Lạc thế giới...

(Sao) Nhi hữu hoành tiệt sanh tử, vĩnh thoát luân hồi chi lạc.

(鈔) 而有橫截生死，永脫輪迴之樂。

(*Sao*: Nhưng có niềm vui cắt ngang sanh tử, vĩnh viễn thoát luân hồi).

Đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, vĩnh viễn thoát khỏi luân hồi. Thế giới Tây Phương rất chẳng thể nghĩ bàn. Chúng ta tu hành trong một đời này, vượt thoát tam giới theo chiều ngang. Hễ sanh về thế giới Tây Phương bèn “hoành sanh tứ độ” (sanh vào bốn cõi theo chiều ngang), chẳng thể nghĩ bàn! Điều này chẳng giống với các cõi nước của hết thầy chư Phật, hoành sanh tứ độ mà! Vì vậy, hạ phẩm vãng sanh cũng là “vị tề Đẳng Giác” (địa vị ngang với bậc Đẳng Giác).

(*Sao*) *Lục giả, vô nan miễn tam đồ khổ, nhi hữu ác đạo vĩnh ly, danh thả bất văn chi lạc.*

(鈔) 六者無難免三塗苦，而有惡道永離，名且不聞之樂。

(*Sao*: Sáu là không có nỗi khổ khó tránh tam đồ, mà có niềm vui vĩnh viễn lìa khỏi ác đạo, lại còn chẳng nghe đến tên gọi của ác đạo).

Trong bốn mươi tám nguyện của A Di Đà Phật, nguyện thứ nhất là “quốc vô ác đạo” (cõi nước không có đường ác). Ngài đã tham phỏng hai trăm mười ức cõi nước của chư Phật. Theo chú sớ của cổ đức, “hai trăm mười ức” không phải là một con số, mà là biểu thị pháp, tượng trưng cho tất cả các cõi Phật trong mười phương ba đời, chẳng sót một cõi Phật nào! A Di Đà Phật đúng như cổ nhân đã nói: “Độc vạn quyển sách, đi vạn dặm đường”. Dích xác là Ngài đã đến khắp nơi khảo sát, tham quan hết thấy những điều bất hảo trong thế giới của chư Phật, Ngài đều sửa đổi, chẳng còn, hết thấy những điều tốt đẹp thấy đều trọn đủ. Do vậy, trong các cõi Phật, thế giới ấy được gọi là thế giới Cực Lạc, nó bao gồm những ưu điểm của người khác, chẳng có khuyết điểm!

Ngài biết trong mười phương thế giới khổ nhất là tam đồ, nên Ngài kiến lập Tây Phương Cực Lạc thế giới, nguyện thứ nhất là “cõi nước của tôi chẳng có địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh”, phát nguyện này đầu tiên. Không chỉ chẳng có chuyện ấy, ngay cả tên gọi [ác đạo] cũng chẳng nghe thấy. Đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, muốn nghe những danh xưng như địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, cũng chẳng nghe thấy tên gọi! Thế giới ấy không có ác đạo. Nếu chúng ta hỏi vì sao thế giới ấy chẳng có ba ác đạo? Đó là vì người trong Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng tạo cái nhân tam ác đạo và chẳng có duyên tam ác đạo. Nhân lẫn duyên đều không có, há có quả báo? Vì thế, chẳng có quả báo ấy. Nghiệp nhân của tam ác

đạo là tham, sân, si, người trong Tây Phương Cực Lạc thế giới không có tham, sân, si. Chúng ta thường nói “đời nghiệp vãng sanh”, nghiệp nặng nhất là tham, sân, si. Chúng ta chưa đoạn tham, sân, si, chưa đoạn mà vẫn có thể vãng sanh. Tuy chưa đoạn, nhưng trong sát-na vãng sanh, tham, sân, si của quý vị tuyệt đối chẳng thể hiện hành, quý vị sẽ ra đi ổn thỏa, thích đáng. Nếu trong sát-na lâm chung, tham, sân, si hiện hành, sẽ chẳng thể vãng sanh. Phải cảnh giác chuyện này!

Đối với người vừa qua đời, vì sao nhà Phật có thói quen trong tám tiếng đồng hồ chẳng được đụng chạm người ấy? Sợ người ấy dậy tâm sân khuê. Sân tâm dậy lên sẽ phiền toái to lớn. Nếu một niệm cuối cùng là sân khuê, nhất định đọa vào ác đạo, sân khuê đọa địa ngục! Vì thế, chẳng động đến người ấy. Lúc lâm chung, sợ người ấy khởi tâm tham, người ấy còn có vàng bạc, của cải cất giấu ở đâu đó, còn chưa nói với ai, phải chờ gặp người tin cậy mới nói với kẻ ấy. Có tâm tham trong ấy, đó là ngu si. Người ấy vẫn chưa gặp mặt kẻ thân ái nhất, vẫn mong thấy mặt một lần. Những điều này đều thuộc về tâm tham. Do lúc lâm chung, tham, sân, si dễ hiện tiền nhất, khi ấy, ắt phải dùng một câu Phật hiệu để khuất phục tham, sân, si. Điều này được gọi là “chế ngự, khuất phục phiền não”, chưa đoạn, sanh vào cõi Phạm Thánh Đồng Cư trong Tây Phương. Nếu đã đoạn phiền não, sẽ sanh vào cõi Phương Tiện Hữu Dư, địa vị đã cao rồi!

Người thật sự niệm Phật, thật sự mong sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, ắt phải trong xử sự, đãi người, tiếp vật hằng ngày, điều gì cũng đều nên coi lợt lạt một chút, đừng quá chấp nhặt, chuyện gì cho qua được bèn cho qua luôn! Điều khẩn yếu là gì? Trong quan hệ với con người, chẳng dậy lên ý niệm tham, sân, si. Quý vị có thể nắm chắc điều này, trong tương lai vãng sanh sẽ giảm bớt khá nhiều chướng ngại. Điều này rất trọng yếu, ngàn vạn lần chớ nên sơ sót, chớ nên coi thường. Bởi lẽ, công phu cả đời quý vị được quyết định trong một sát-na cuối cùng lúc lâm chung, quý vị sẽ vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới hay lại quay vào lục đạo luân hồi? Trong khoảng một sát-na! Do vậy, lúc bình thường chẳng thể nào không lưu ý.

(Sao) Thất giả, vô trần duyên chướng đạo khổ, nhi hữu thụ dụng tự nhiên, bất sĩ kinh doanh chi lạc.

(鈔) 七者無塵緣障道苦，而有受用自然，不俟經營之樂。

(Sao: Bảy là chẳng có nỗi khổ trần duyên chướng đạo, mà có niềm vui thụ dụng tự nhiên, chẳng cần phải lo liệu.)

“*Trần duyên*” chỉ cuộc sống trong thế gian của chúng ta, ăn, mặc, ở, hành động. Chúng ta sống trong thế gian này, [chuyện ăn, mặc, ở, hành động] là chuyện khô sở, nên quý vị phải lo toan, phải mưu sinh. Nhất là ở thành phố Đài Bắc của Đài Loan, chỗ ở thật là khổ! Tối hôm qua, Giản cư sĩ bảo tôi: Căn nhà của chúng tôi ở Hàng Châu Nam Lộ hiện thời là ba mươi vạn một bình³⁰. Giảng đường của chúng ta rộng một trăm bình, tức là ba ngàn vạn, [tương đương] một trăm vạn Mỹ Kim. Ở Gia Châu (California) của Mỹ, năm mươi vạn đã mua được một căn nhà rồi, còn có hồ bơi nữa. Tại thành phố Đài Bắc, một trăm vạn chỉ mua được một tầng trong cao ốc. Chỗ ở chẳng dễ dàng, mà cơm áo cũng khó khăn! Chúng ta thấy người trên cả thế giới, có ai chẳng bươn chải vì cuộc sống? Đã thế, lại còn hết sức nhọc nhằn! Theo như tôi thấy, kiêu bào tại Mỹ còn khổ sở hơn người trong nước rất nhiều, nói chung họ có cảm giác “ăn nhờ, sống gửi”, chẳng phải là quốc gia của chính mình. Cuộc sống bận bịu, bất luận là tinh thần hay vật chất đều chịu áp lực rất nặng. Quyết định không thể thất nghiệp, hễ thất nghiệp sẽ khôn đốn ngay!

Cuộc sống tại Mỹ toàn là nợ nần tín dụng, người Trung Quốc thường nói: “*Vô trái nhất thân khinh*” (thân không nợ nhẹ nhàng). Nước Mỹ là xã hội mang nợ. Thí dụ như quý vị có việc làm, ngay lập tức phải mua nhà, căn nhà ấy là năm mươi vạn. Trên thực tế, quý vị chỉ cần trả trước một phần năm [món tiền ấy] là được rồi, hoặc chỉ trả trước một phần mười. Nếu tín dụng của quý vị tốt, đóng một phần mười, chỉ cần trả năm vạn đồng đã mua được nhà. Sau đây là trả góp trong ba mươi mấy năm, mỗi tháng phải trả mấy ngàn đồng. Một căn nhà giá năm mươi vạn, ước chừng mỗi tháng phải đóng hai ba ngàn, tiền quý vị kiếm được đều lo trả nợ nhà hết sạch. Quý vị mua xe hơi, thì xe hơi cũng do trả góp. Thứ gì cũng đều là trả góp. Đâm ra, thứ gì trên đường phố cũng đều có thể xách về nhà hưởng thụ, nhưng tất cả đều là trả góp! Tiền lương của quý vị mỗi tháng trừ chỗ này một chút, trừ chỗ kia một chút, trừ sạch bách! Đại khái là ở bên đó, người mỗi tháng kiếm được ba ngàn đồng đều bị trừ sạch, mỗi

³⁰ Bình (坪, tsubo) là đơn vị đo lường diện tích thông dụng tại Đài Loan (thường chỉ dùng cho nhà cửa, đất đai). Đây vốn là đơn vị đo đạc của Nhật, cách tính này thông dụng kể từ thời Nhật Bản chiếm đóng Đài Loan vào cuối thế kỷ 19. Vào năm 1945, chính quyền Dân Quốc đã buộc mọi cơ quan địa ốc phải dùng mét vuông để tính toán diện tích, nhưng dân chúng vẫn quen sử dụng Bình. Một Bình bằng khoảng 3,3 mét vuông. Đơn vị đo lường diện tích này cũng được sử dụng tại Đại Hàn với tên gọi là Pyeong.

tháng chỉ có được chừng sáu trăm bạc làm tiền chi dụng. Vì thế, tôi thấy họ khổ quá, rất u là khổ!

Chúng ta ở Đài Loan, bỏ phong bao cúng dường trong nhà Phật năm trăm hoặc một ngàn đồng, chứ ở ngoại quốc chẳng có. Ở ngoại quốc, người ta biếu phong bao, năm đồng là đã khá lắm rồi! Còn có người cúng một hai đồng. Biếu quý vị mười đồng tức là thể diện lớn lắm, mười đồng bằng với hai trăm tám mươi mấy đồng ở đây. Do vậy, người từ ngoại quốc về, chúng ta cười họ, cười gì vậy? “*Thổ khí, dương khí, tiểu khí*”³¹. Thật sự là tiểu khí, vì sao? Họ chẳng có cách nào, chẳng thể không tiểu khí! Chớ nên thấy họ mỗi tháng kiếm được mấy ngàn đồng Mỹ kim, thật ra, bị khấu trừ chỗ này một chút, khấu trừ chỗ kia một chút, mỗi tháng có thể còn được sáu trăm đồng coi như khá lắm rồi, rất khó có rồi! Chúng tôi thường ở ngoại quốc, hiểu rõ cuộc sống của họ rất khổ sở. Vì thế, tôi đến đó hay khuyên họ quay về Đài Loan, cần gì phải sống chịu khổ, chịu tội ở nơi ấy? Xác thực là Đài Loan tốt đẹp hơn.

Cuộc sống tại Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng có vấn đề gì, nghĩ áo có áo, mong ăn có ăn, muốn có thứ gì, hết thầy đều được biến hóa ra, chẳng cần phải lo toan, tự tại lắm!

(Sao) Bát giả, vô thọ mạng đoản xúc khổ.

(鈔) 八者無壽命短促苦。

(Sao: Tám là chẳng có nỗi khổ thọ mạng ngắn ngủi).

Mỗi người chúng ta đều kinh sợ chuyện này, thọ mạng trên thế gian này ngắn ngủi, mấy ai có thể sống đến một trăm tuổi? Thật ra, sống đến trăm tuổi có vui sướng hay không? Chẳng vui sướng gì, vì có lão khổ, thứ gì cũng đều bất tiện, chuyện gì cũng cần phải có người khác chăm sóc,

³¹ Đây là những từ ngữ mang tính cách châm biếm những người Hoa từ ngoại quốc trở về. Do người Đài Loan sống lâu ở ngoại quốc, Đài ngữ không kịp cập nhật với những từ ngữ trong nước, hoặc ngữ âm mang đậm sắc thái của vùng đất họ sống trước khi ra ngoại quốc, nên bị chê là “*thổ khí*” (土氣), giống như ta chê người khác nói giọng quê mùa vậy. “*Dương khí*” là nhiều người Hoa sống ở những vùng ít người Hoa, thường ngày phải dùng tiếng Anh, Pháp, Đức, Tây Ban Nha v.v... để giao tiếp với người ngoại quốc, vô hình trung cách phát âm không chuẩn xác hoặc nhân nhá theo thói quen nói tiếng ngoại quốc, nên bị người Đài Loan chê là nói tiếng Hoa giống như Tây nói. “*Dương*” (洋) là từ ngữ chỉ chung người Tây Phương. “*Tiểu khí*” (小氣) là chê cách ăn xài bủn xỉn, dè xẻn, không rộng rãi như người trong nước.

khiến cho kẻ khác ghét bỏ. Vì vậy, thọ mạng dài cũng chẳng vui gì, vẫn là khổ!

(Sao) Nhi hữu thọ dữ Phật đồng, cánh vô hạn lượng chi lạc.

(鈔) 而有壽與佛同，更無限量之樂。

(Sao: Nhưng có niềm vui tuổi thọ giống như Phật, lại còn là chẳng có hạn lượng).

Tây Phương Cực Lạc tốt đẹp, ai nấy đều là vô lượng thọ, thọ vô lượng bằng với A Di Đà Phật, vô lượng thọ! Người trong Tây Phương thế giới vĩnh viễn chẳng già, đúng là “*năm nào cũng là mười tám*”, vĩnh viễn chẳng già yếu. Chúng ta chẳng thấy Quán Âm Bồ Tát đầu tóc bạc phơ, chẳng thấy A Di Đà Phật râu ria dài thướt, chẳng có! Vĩnh viễn chẳng già, đó là chân lạc! Điều này chính là niềm vui căn bản trong thế giới Cực Lạc, mười phương chư Phật thế giới xác thực chẳng có [niềm vui này]!

(Sao) Cửu giả, vô tu hành thoái thất khổ, nhi hữu nhập Chánh Định Tu, vĩnh vô thoái chuyển chi lạc.

(鈔) 九者無修行退失苦，而有入正定聚，永無退轉之樂。

(Sao: Chín là chẳng có nỗi khổ tu hành lui sụt, mà có niềm vui nhập Chánh Định Tu, vĩnh viễn chẳng thoái chuyển).

Chúng ta ở trong thế gian này tu hành chẳng dễ gì thành tựu, tiến ít, lùi nhiều; vì vậy, thành tựu khó khăn! Tây Phương Cực Lạc thế giới có tiến, chẳng có lùi. Hễ sanh về nơi ấy, kinh nói ai nấy đều là “*viên chứng Tam Bất Thoái*”. Từ bốn mươi tám nguyện, chúng ta thấy trong bốn nguyện của A Di Đà Phật có nguyện: Hễ sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới thấy đều là A Duy Việt Trí Bồ Tát, [trong tác phẩm mi chú kinh Vô Lượng Thọ], thầy Lý còn chú thích bên cạnh: “*A Duy Việt Trí Bồ Tát là từ Thất Địa trở lên*”. Do vậy, cổ nhân nói “*viên chứng Tam Bất Thoái*” là có lý, chẳng phải là tùy tiện thốt ra lời ấy. Kinh có nói, mà cổ đức cũng nói “*vị tề Đẳng Giác*” (địa vị ngang với bậc Đẳng Giác), chúng ta cũng có thể tin tưởng. Đó là do sức bốn nguyện của A Di Đà Phật gia trì nên mới có công đức thù thắng chẳng thể nghĩ bàn như vậy.

(Sao) Thập giả, vô trần kiếp nan thành khổ, nhi hữu nhất sanh hành mãn, sở tác đắc biện chi lạc.

(鈔) 十者無塵劫難成苦，而有一生行滿，所作得辦之樂。

(Sao: Mười là chẳng có nỗi khổ trải qua số kiếp nhiều như vì trần khó thành tựu, mà có niềm vui trong một đời tu hành viên mãn, đạo nghiệp hoàn thành).

Đây là điều cuối cùng. Trong thế gian này, chúng ta tu hành thành Phật khó lắm! Phải là nhiều đời, nhiều kiếp. Đã chứng đắc Tu Đà Hoàn, từ Tu Đà Hoàn muốn chứng đắc A La Hán thì phải bảy lần qua lại trong cõi trời hay trong nhân gian. Nhân gian thọ mạng ngắn ngủi, cõi trời thọ mạng dài lâu, bảy lần qua lại phải mất bao nhiêu thời gian mới có thể chứng đắc A La Hán? Nếu lại muốn chứng đắc Tạng Giáo Phật, kinh dạy phải mất ba A-tăng-kỳ kiếp. Nếu muốn thành Viên Giáo Phật, kinh Hoa Nghiêm nói phải mất vô lượng kiếp mới có thể thành tựu, đúng là khó! Tây Phương Cực Lạc thế giới thành tựu trong một đời, họ có thọ mạng dài, vô lượng thọ mà! Vì thế, vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới quyết định thành Phật trong một đời.

Lại thưa rõ cùng quý vị, chúng ta đến Tây Phương Cực Lạc thế giới là ra đi trong khi còn sống, không phải là đã chết rồi mới đi. Đã chết sẽ không đi được, phải đi trong khi còn sống. Quý vị lâm chung chưa tắt thở, thấy Phật đến đón tiếp quý vị, đi theo Ngài, đi trong khi còn sống. Vì thế, pháp môn này muôn vàn đích xác là pháp môn bất tử, thật sự bất sanh, bất diệt. Do vậy, nó là “nhất sanh hành mãn”, tu hành viên mãn [ngay trong một đời], “sở tác đặc biệt” là chứng Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, mà cũng là chứng Phật quả trong Viên Giáo, đó là đạt được niềm vui, niềm vui rốt ráo. Từ Vân Sâm Chủ đã nêu ra mười niềm ấy vui trong thế giới Tây Phương. Nhìn lại thế gian này, hoàn toàn chẳng có mười điều ấy, chỉ có mười nỗi khổ. So sánh khổ - vui [như thế đó].

(Sao) Đẳng giả, như An Quốc Sao, khai vi nhị thập tứ lạc, Quân Nghi Luận quảng vi tam thập ích, giai cử lạc, minh khổ, cử ích, minh tôn, đại ý đồng tiền, tư bất phồn tải.

(鈔) 等者，如安國鈔，開為二十四樂；群疑論，廣為三十益。皆舉樂明苦，舉益明損，大意同前，茲不繁載。

(Sao: “Đẳng”: Như An Quốc Sao nêu ra hai mươi bốn niềm vui, [Tịnh Độ] Quân Nghi Luận giảng rộng ba mươi điều lợi ích, đều là nêu ra niềm vui, nói rõ sự khổ, nêu lên điều lợi ích, giảng rõ sự tổn hại, đại ý giống như phần trên đây, nên ở đây không chép cho khỏi rườm rà).

“*Dăng giả*”: Như An Quốc Sao đã nói rất nhiều, nói đến hai mươi bốn thứ, Từ Vân Sám Chủ chỉ giảng mười loại, trong Tịnh Độ Quán Nghi Luận nói ba mươi thứ. Đề là nêu ra sự khổ - lạc, lợi - hại, được - mất trong hai thế giới, so sánh cận kề hồng làm cho chúng ta tỉnh ngộ, để cho chúng ta chọn lựa. Đã hiểu rõ chân tướng sự thật của hai cõi, chúng ta tự nhiên bằng lòng cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Nói thật ra, chuyện này chẳng khó, khó ở chỗ bản thân chúng ta có quyết tâm ấy hay không? Ngẫu Ích đại sư đã nói: “*Có thể vãng sanh hay không là do có tín nguyện hay không? Phẩm vị cao hay thấp là do công phu niệm Phật sâu hay cạn*”. Nhất định phải tin tưởng, nhất định phải phát nguyện, quyết tâm đến Tịnh Độ, chẳng bỏ uổng một đời này! Hôm nay, chúng tôi giảng đến đây!

Tập 132

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang hai trăm tám mươi tám.

(Sớ) Tứ độ khổ lạc, lược như Thiên Thai giáo trung thuyết.

(疏) 四土苦樂，略如天台教中說。

(Sớ: Sự khổ - vui trong bốn cõi đại lược như trong giáo pháp của tông Thiên Thai đã nói).

Chúng ta đọc xem trong lời Sao, Liên Trì đại sư đã trích dẫn [như thế nào].

(Sao) Sở vị Kiến Tư khinh trọng, Đồng Cư khổ lạc.

(鈔) 所謂見思輕重，同居苦樂。

(Sao: Đó là [dựa trên] Kiến Tư nhẹ hay nặng [để phán định] cõi Đồng Cư là khổ hay vui).

Nói thật ra, chúng ta tu học pháp môn Tịnh Độ, nhất định phải lấy bốn mươi tám nguyện trong kinh Vô Lượng Thọ làm căn bản. Không chỉ là đối với lời nói của các vị Bồ Tát, tổ sư đại đức, mà ngay cả đối với lời Phật dạy trong các kinh điển khác, chúng ta đều phải lấy bốn mươi tám nguyện làm chuẩn. Bởi lẽ, bốn mươi tám nguyện do đích thân A Di Đà Phật nói ra, Thích Ca Mâu Ni Phật thuật lại, cho nên [những nguyện ấy] đều là ý tứ của chính A Di Đà Phật. Chúng ta gọi điều này là “*y pháp, bất y nhân*”, bởi lẽ, chúng ta hiểu đức Phật thuyết pháp, do đối tượng thuyết pháp khác nhau, nên Ngài giảng pháp khác nhau, ứng cơ thuyết pháp mà! Bốn mươi tám nguyện là bốn nguyện của Phật Di Đà, chẳng phải là ứng cơ thuyết pháp, Thích Ca Mâu Ni Phật chẳng thể bảo chúng ta hãy sửa đổi bốn nguyện của A Di Đà Phật, không thể nào! Vì thế, nhất định phải lấy bốn mươi tám nguyện làm căn bản.

Trong bốn mươi tám nguyện, chúng ta thấy trên thực tế, thế giới Tây Phương là thế giới thuần nhất Bồ Tát, [các vị Bồ Tát ấy chính là] chúng sanh từ mười phương thế giới sanh về. Do trong bốn mươi tám nguyện hoàn toàn chẳng nói có thượng, trung, hạ phẩm vãng sanh, chẳng có, chẳng nói đến chuyện ấy, cũng chẳng nói tới bốn cõi, chỉ nói sanh về đó, đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, đều là A Bệ Bạt Trí Bồ Tát. Căn cứ theo kinh luận thường giảng, A Bệ Bạt Trí thì mức độ thấp nhất là từ

Thất Địa trở lên, cho nên cô đức nói “*hễ sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới thì địa vị bằng với Đẳng Giác*”, thật sự là một pháp môn chẳng thể nghĩ bàn!

Tông Thiên Thai nói “khô - lạc” thì cũng là nói phương tiện. Nói thật ra, nếu chúng ta chẳng thật sự đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, nói chung là chẳng có cách nào tưởng tượng sự trang nghiêm trong cõi ấy, đó gọi là “*trăm nghe chẳng bằng một thấy*”. Thật sự đến Tây Phương Cực Lạc thế giới để nhìn, khi đó mới hiểu những gì Phật, Bồ Tát, các vị tổ sư đã nói đúng là chẳng bằng một phần trăm, một phần ngàn, nói quá ít! Nếu chẳng thù thắng như vậy, [cõi Cực Lạc] làm sao được mười phương chư Phật đều tán thán? Ngay cả bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ trong thế giới Hoa Tạng cũng đều ưa thích vãng sanh, có thể thấy thế giới ấy thật sự chẳng thể nghĩ bàn. Những điều tông Thiên Thai nói ở đây là nói theo Lý, luận định theo lý luận. Nói thật ra, thế giới Tây Phương vượt ngoài những lý luận ấy, vượt khỏi sự tưởng tượng và suy lường của chúng ta. Cách nói này của họ nếu áp dụng vào Tịnh Độ của mười phương chư Phật sẽ chẳng sai chút nào!

Trong cõi Đồng Cư, Kiến Tư phiền não nhẹ nhàng thì là vui sướng, Kiến Tư nặng nề bền khổ sở. Nay chúng ta đang ở trong cõi Phạm Thánh Đồng Cư của Thích Ca Mâu Ni Phật, thật vậy, có chẳng ít người trong thế gian rất sung sướng. Quý vị hỏi họ: “Vì sao các vị sung sướng?” Kiến Tư phiền não của họ nhẹ nhàng, tham, sân, si, mạn của họ đều nhẹ, nên họ sung sướng. Vì sao phiền não rất nặng? Kẻ ấy tham, sân, si, mạn rất nặng, chẳng thể buông xuống! Chuyện nhỏ tí tẹo vẫn so đo, nên rất khổ. Sự khô - lạc trong các cõi nước của mười phương chư Phật vô cùng rõ rệt, nên nói “*từ độ khổ lạc*” (sự khổ và vui trong bốn cõi).

(Sao) Thễ Tích xảo chuyết, phương tiện khổ lạc.

(鈔) 體析巧拙，方便苦樂。

(Sao: [Dựa trên] Thễ Không và Tích Không khéo hay vụng, mà [phán định] sự khổ vui trong cõi Phương Tiện).

Người tu hành trong cõi Phương Tiện Hữu Dư chẳng phải là phạm phu. A La Hán và Bích Chi Phật, Quyền Giáo Bồ Tát, những vị này quá nửa là tu Không Quán. Thi Giáo là nhập môn Đại Thừa tu Không Quán, Tiểu Thừa cũng tu Không Quán. Trong Không Quán, có Thễ Không và Tích Không, Tích (析) là phân tích, Thễ (體) là “*đương Thễ tức Không*” (ngay nơi bản thể chính là Không). “*Đương Thễ tức Không*” là người

thông minh, vị ấy tự tại! Tích Không là gì? Phải nghiên cứu, phải phân tích, đến cuối cùng mới hiểu rõ, người ấy có vẻ chậm lụt một chút. Khổ và lạc từ chỗ này mà có! Đây là nói về cõi Phương Tiện Hữu Dư.

(Sao) Thứ Đệ, Nhất Tâm, Thật Báo khổ lạc.

(鈔) 次第一心，實報苦樂。

(Sao: [Dựa trên] Thứ Đệ và Nhất Tâm Tam Quán để [phán định] sự khổ vui trong cõi Thật Báo).

Đây là cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm, tông Thiên Thai giảng Tam Chi, Tam Quán. Người thông minh là Nhất Tâm Tam Quán, chẳng có thứ đệ (thứ tự), cao lắm! Người căn tánh trung hạ tu Thứ Đệ Tam Quán, chiếu theo thứ tự thuận để tu, tu chứng dần dần. Nhất Tâm Tam Quán là đốn tu, trong ấy có Đốn và Tiệm. Nhất Tâm là vui, Thứ Đệ khổ hơn. So sánh giữa hai thứ [mà nói là sướng hay khổ].

(Sao) Phần Chứng, Cứu Cánh, Tịch Quang khổ lạc.

(鈔) 分證究竟，寂光苦樂。

(Sao: [Dựa trên] Phần Chứng và Cứu Cánh để phán định sự khổ vui trong cõi Tịch Quang).

Thường Tịch Quang Tịnh Độ có Phần Chứng và Cứu Cánh, Cứu Cánh là Phật, Phần Chứng là Bồ Tát. Nói thật ra, Tịch Quang Tịnh Độ và Thật Báo độ là một mà hai, tuy hai mà một, hai cõi này không thể tách rời, thường nói là “*phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân*”. Phá một phẩm vô minh mới sanh vào cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Nếu chia tỉ mỉ, cõi Thật Báo Trang Nghiêm từ Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo cho đến Đẳng Giác Bồ Tát tổng cộng là bốn mươi một địa vị. Bốn mươi một địa vị ấy đều là Phần Chứng. Cuối cùng là Phật quả trong Viên Giáo, chúng ta còn gọi là địa vị Diệu Giác, đó là Cứu Cánh. Do vậy, từ Sơ Trụ trong Viên Giáo cho đến thành Phật trong Viên Giáo, đều trụ trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm, phần chứng Tịch Quang Tịnh Độ.

(Sao) Văn phiền bất tự.

(鈔) 文繁不敘。

(Sao: Do kinh văn rườm rà nên chẳng thuật chi tiết).

Tông Thiên Thai giảng rất nhiều, ở đây chỉ trình bày đơn giản đôi chút!

(Sớ) Vấn: Bồ Tát quyên khí ngũ dục, tuy Luân Vương bất dĩ vi lạc, mãn niệm chúng sanh, tuy địa ngục khăng đại kỳ khổ, hà đắc xả khổ chúng sanh, tự thủ lạc độ?

(疏)問：菩薩捐棄五欲，雖輪王不以為樂，憫念眾生，雖地獄肯代其苦，何得捨苦眾生，自取樂土。

(Sớ: Hỏi: Bồ Tát vứt bỏ ngũ dục, dầu [ngôi vị] Luân Vương cũng chẳng coi là vui, nghĩ thương chúng sanh, dầu [phải vào] địa ngục vẫn chịu khổ thay cho họ, há nên bỏ chúng sanh khổ sở, tự giữ lấy cõi vui?)

Đây là lời vấn đáp giả thiết, hỏi rất hay! Học Phật, bất luận Đại Thừa hay Tiểu Thừa, điều đầu tiên là phá Ngã Chấp. Trước khi phá Ngã Chấp thì điều thứ nhất là phá Thân Kiến, tức là chẳng còn chấp trước thân này là Ngã. Thân Kiến là một trong năm thứ Kiến. Năm Kiến Hoặc là Thân Kiến, Biên Kiến, Kiến Thủ Kiến, Giới Thủ Kiến, và Tà Kiến, đó là năm loại Kiến. Thứ nhất là phá Thân Kiến! Năm thứ Kiến Hoặc đều phá trừ thì mới chứng quả Tu Đà Hoàn trong Tiểu Thừa, trong Đại Thừa Viên Giáo là địa vị Sơ Tín Bồ Tát, tức địa vị Sơ Tín trong Thập Tín. Nói cách khác, nếu Thân Kiến chưa phá, ngay cả địa vị Sơ Tín vẫn chưa đạt được, người ấy chẳng có phần nơi địa vị Bồ Tát! Địa vị Sơ Tín giống như lớp Một, người ấy chưa có đủ tư cách vào lớp Một.

Hiện thời, mấy ai có thể phá Thân Kiến? Khởi tâm động niệm, điều đầu tiên là nghĩ đến chính mình. Chư vị phải biết: Đây là một chướng ngại rất lớn, chướng ngại này chắc chắn khiến cho quý vị suốt đời học Phật chỉ có thể tu được một chút phước báo nhân thiên, chẳng thể thành công, vì sao? Ngã Chấp quá nặng! Phá Ngã Chấp, thật sự đạt được vô ngã như kinh Kim Cang đã nói: “*Vô ngã tướng, vô nhân tướng, vô chúng sanh tướng, vô thọ giả tướng*”. [Người] thật sự đạt được vô ngã, trong Tiểu Thừa là A La Hán, trong Đại Thừa Viên Giáo là địa vị Thất Tín Bồ Tát. Địa vị Thất Tín Bồ Tát bằng A La Hán trong Tiểu Thừa, mới có thể thoát khỏi tam giới, mới coi như là tu hành có kết quả. Nếu chẳng ra khỏi tam giới, [tức là] chúng ta tu hành chẳng có kết quả, vẫn phải luân hồi. Chỉ cần luân hồi, tức là đã phí công tu hành, tu cả đời này uổng công, chẳng có kết quả!

Chỉ riêng pháp môn Tịnh Độ là còn được, có thể đời nghiệp vãng sanh. Trừ pháp môn này ra, quý vị muốn tu bất cứ pháp môn nào đều chẳng thể thành tựu. Chúng ta có thể thí nghiệm xem! Ca tụng kẻ ấy dăm

câu, kẻ ấy rất hoan hỷ; chửi kẻ ấy mấy lượt, kẻ ấy bèn nóng máu, liền biết kẻ ấy cái Ta rất nặng! Người chẳng có Ngã Chấp, quý vị chửi người ấy, người ấy chẳng tức giận, vì sao? Người ấy vô ngã! Nói cách khác, quý vị chửi người ấy, người ấy chẳng tiếp nhận, nghe giống như quý vị đang chửi người khác. Quý vị tán thán người ấy, người ấy cũng chẳng vui vẻ. Đây là như Phật môn thường nói: “*Bát phong xuy bất động*” (tám gió thổi chẳng động). “Tám gió thổi chẳng động” là công phu vừa mới đắc lực, trọn chưa thể xem như là thành tựu! Người tám gió thổi chẳng động vẫn chưa có cách nào thoát ly tam giới luân hồi; nhưng thật sự đạt được “tám gió thổi chẳng động” thì niệm Phật vãng sanh Tịnh Độ nói chung chẳng có vấn đề gì rất to lớn, đó gọi là “đổi nghiệp vãng sanh”. Do người ấy hoàn toàn chưa đoạn Kiến Tư phiền não, nên ở đây mới đưa ra câu hỏi này.

“*Bồ Tát quyên khí ngũ dục*” (Bồ Tát vứt bỏ ngũ dục), Ngũ Dục là tài, sắc, tiếng tăm, ăn uống, ngủ nghỉ, Bồ Tát đều bỏ hết, đúng là ly dục. “*Luân Vương bất dĩ vi lạc*” (chẳng coi ngôi Luân Vương là vui), cho Ngài làm Chuyển Luân Thánh Vương, Ngài cũng chẳng cảm thấy vui sướng. Vì cả năm thứ cảm nhận “khổ, lạc, ưu, hỷ, xả” đều trừ bỏ, tâm đã thanh tịnh. “*Mãn niệm chúng sanh*” là thương xót hết thấy chúng sanh. Vì độ chúng sanh, dầu địa ngục Ngài cũng đồng ý bước vào. Địa Tạng Bồ Tát là một tấm gương [điền hình]: “*Địa ngục chẳng trống, thể chẳng thành Phật*”. Chúng sanh đang chịu khổ, mắc nạn ở nơi ấy, chúng ta nên phát tâm đến giúp họ. Trừ phi chẳng có duyên phận, chứ hễ có duyên phận, nhất định phải đến. Nếu không đến, nói thật ra là đã trái nghịch với nguyện do chính mình đã phát. Bất luận quý vị [phát nguyện] thật hay giả, quý vị đã đối trước Phật phát thệ tổng quát Tứ Hoàng Thệ Nguyện, “*chúng sanh vô biên thệ nguyện độ*”, nay có chúng sanh khổ sở mong mỗi quý vị độ họ. [Nếu tự nhủ] “nơi đó khổ quá, ta chẳng đến”, nói cách khác, lập tức vi phạm thệ nguyện của chính mình. Có thể thấy thệ nguyện chúng ta đã phát trước Phật là giả, chẳng thật, mang tánh chất bõn cợt! Nói khó nghe hơn là lừa gạt Phật, Bồ Tát, tội lỗi ấy rất lớn! Nói rồi chẳng giữ lời, chẳng thể thực hiện!

Chúng sanh luôn khổ! Chỉ cần có cơ hội, chúng ta bèn giúp đỡ họ, chúng ta dùng gì để giúp họ? Chúng ta dùng phương pháp Niệm Phật để giúp họ, khiến cho họ biết pháp môn Tịnh Độ, khiến cho họ phát tâm niệm Phật. Dầu họ vẫn chẳng chịu câu vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, từ bốn mươi tám nguyện chúng ta thấy, chỉ cần họ nghiêm túc, tin tưởng, chịu niệm, tuy chẳng vãng sanh Tây Phương Tịnh Độ, đời sau người ấy

cũng có phước báo nhân thiên. Kinh dạy: “*Sanh tôn quý gia, lục căn bất khuyết*” (sinh trong nhà tôn quý, sáu căn chẳng thiếu khuyết), vẫn còn có thể tiếp tục học Phật, điều ấy rất khó có! Do được oai thần của A Di Đà Phật gia trì, trong đời sau, người ấy vẫn có thể hưởng phước báo. Chúng ta nhất định phải đọc kỹ càng, rõ ràng Di Đà bốn nguyện. Đó là kẻ thật sự có thành tâm thành ý, nhưng chưa bỏ duyên trong cõi đời được; nói khó nghe hơn là người ấy nghiệp chướng rất nặng, phiền não rất sâu, chẳng có cách nào vãng sanh. Người ấy có chướng duyên, đời sau vẫn có thể có phước báo. Do vậy, Bồ Tát nhất định phải thực hiện nguyện do chính mình đã phát, phải tận hết sức làm, ta có thể làm bao nhiêu bèn làm bấy nhiêu, tận tâm tận lực, chỉ cần làm được bốn chữ ấy bèn gọi là “công đức viên mãn”. Ta đã tận tâm tận lực rồi, đó là công đức viên mãn. Vì thế, để độ chúng sanh, dầu đến địa ngục Ngài vẫn không sợ, vẫn cam tâm tình nguyện đến đó.

“*Hà đắc xả khổ chúng sanh, tự thủ lạc độ*” (há nên bỏ chúng sanh khổ sở, tự giữ lấy cõi vui?). Ý nói vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, Tây Phương Cực Lạc thế giới rất tốt đẹp! Nơi ấy chỉ có vui, chẳng có khổ. Có sao những vị Bồ Tát ấy đều vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới? Bỏ mặc những chúng sanh khổ sở, chẳng độ họ, mà đến Tây Phương Cực Lạc thế giới để hưởng thụ, chẳng phải là đã trái nghịch với bốn nguyện của họ ư? Dưới đây là lời giải đáp.

(Sớ) Trí Giả Thập Nghi Luận trung tường minh.

(疏) 智者十疑論中詳明。

(Sớ: Trong Thập Nghi Luận của ngài Trí Giả đã giảng tường tận).

Trí Giả đại sư có một tác phẩm mang tựa đề Tịnh Độ Thập Nghi Luận, trả lời câu hỏi này rất cặn kẽ. Tịnh Độ Thập Nghi Luận được đưa vào bộ Tịnh Độ Thập Yếu.

(Sớ) Hựu cánh hữu thủ xả đa thuyết, bất khả bất biện.

(疏) 又更有取捨多說，不可不辯。

(Sớ: Lại có nhiều thuyết lấy - bỏ, chẳng thể không biện định).

Nhất định phải hiểu rõ điều này. Dưới đây, Ngài trích dẫn Thập Nghi Luận của Trí Giả đại sư để nói rõ.

(Sao) Luận vân.

(鈔) 論云。

(Sao: Luận nói).

“Luận” là Tịnh Độ Thập Nghi Luận.

(Sao) Bồ Tát vị đắc Vô Sanh Pháp Nhân, bất năng độ sanh.

(鈔) 菩薩未得無生法忍，不能度生。

(Sao: Bồ Tát chưa đắc Vô Sanh Pháp Nhân, chẳng thể độ sanh).

Phải ghi nhớ điều này, vì sao? Chưa đắc Vô Sanh Pháp Nhân sẽ bị thoái chuyển.

(Sao) Dụ như phá châu chửng nịch.

(鈔) 喻如破舟拯溺。

(Sao: Ví như [dùng] chiếc thuyền rách đi cứu kẻ chết chìm).

Người ấy ngồi thuyền toan đến cứu người chìm trong nước, nhưng chiếc thuyền ấy là cái thuyền rách nát.

(Sao) Tự tha câu hãm.

(鈔) 自他俱陷。

(Sao: Ta và người đều bị hại).

Không chỉ chẳng độ được người, mà chính mình cũng phải chết theo! Sự phát tâm ấy vô dụng; vì thế, chúng ta phải hiểu rõ đạo lý này. Nếu dùng pháp môn khác, bản thân chúng ta không hội đủ các điều kiện ấy, chẳng có cách nào lợi ích chúng sanh. Chúng ta dùng pháp môn Tịnh Độ để lợi ích chúng sanh, chính chúng ta dốc hết tánh mạng học pháp môn này, mà cũng dạy người khác học pháp môn này. Bản thân chúng ta đạt được lợi ích thù thắng trong pháp môn này, nên cũng hy vọng chia sẻ lợi ích này cùng mọi người.

Nhưng chúng ta có phải đến Tây Phương Cực Lạc thế giới hay không? Phải đến! Vì sao phải đến? Nếu chẳng đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, dầu đời sau có đôi chút phước báo nhân thiên, vẫn là phải có nhân hạnh nhân thiên, phải thật sự tu tốt đẹp Ngũ Giới, Thập Thiện thì đời sau mới có thể làm thân người. Nếu nhân hạnh ấy chẳng trọn đủ, người niệm Phật vẫn phải đọa địa ngục! Trong đoạn cuối cùng của bộ Đại Thế Chí Bồ Tát Niệm Phật Viên Thông Chương Sớ Sao, pháp sư Quán Đảnh đã nói một trăm thứ quả báo khác nhau của người niệm Phật. Niệm Phật như

nhau, nhưng đạt được kết quả khác nhau. Điều thứ nhất là đọa địa ngục, người niệm Phật đọa địa ngục, điều thứ hai là đọa ngạ quỷ đạo, điều thứ ba là đọa súc sanh đạo. Tam ác đạo được xếp vào ba điều đầu, đúng là khiến cho người ta kinh hãi! Niệm Phật có thể thành Phật, mà niệm Phật cũng có thể đọa địa ngục! Vì sao người niệm Phật bị đọa tam đồ? Giả dối mượn chuyện niệm Phật để lừa mình, dối người, lường gạt chúng sanh, tham cầu tiếng tăm, lợi dưỡng, đó là chẳng đúng pháp! Quả báo ở trong A Tỳ địa ngục, chúng ta phải biết điều này hoàn toàn trái nghịch bốn mươi tám nguyện của A Di Đà Phật. Do vậy, chúng ta phải cầu vãng sanh. Vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, quý vị lập tức trở về độ chúng sanh cũng được, kinh Vô Lượng Thọ có nói chuyện này. Quý vị bi tâm rất nặng, nóng lòng muốn độ chúng sanh, đã tới Tây Phương Cực Lạc thế giới, quý vị bèn đi ngay, có thể được! Thần lực của A Di Đà Phật gia trì quý vị, tuy quý vị tới thế giới phương khác để độ chúng sanh, vĩnh viễn chẳng đọa trong tam ác đạo, chẳng bị thoái chuyển. Lợi ích ấy quá lớn. Chẳng sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới một phen, sẽ bị thoái chuyển! Đến Tây Phương Cực Lạc thế giới một phen sẽ chẳng thoái chuyển. Vậy thì lẽ nào chẳng nên đến?

(Sao) Cầu sanh Tịnh Độ, đắc Vô Sanh Nhẫn dĩ, hoàn lai thử thế, cứu khổ chúng sanh, nãi khắc hữu tế.

(鈔) 求生淨土，得無生忍已，還來此世，救苦眾生，乃克有濟。

(Sao: Cầu sanh Tịnh Độ, đắc Vô Sanh Nhẫn rồi, trở về cõi đời này, cứu chúng sanh khổ sở, ắt sẽ cứu được).

Đó là đúng, đến Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng phải để hưởng thụ! Bồ Tát chẳng có quan niệm hưởng thụ hay hưởng phước. Bồ Tát niệm niệm đều mong mỗi giúp đỡ, thành tựu chúng sanh, căn bản là không quan tâm đến hoàn cảnh cư trụ của chúng sanh, không để ý đến điều ấy. Quý vị ở trong thiên đường cũng thế, mà ở trong địa ngục cũng thế, chỉ cần có duyên, Bồ Tát sẽ đến. Nói theo cách bây giờ, “duyên” là cơ hội. Chỉ cần có cơ hội, Bồ Tát sẽ đến. Chẳng có cơ hội, chẳng có cách nào! Không có cơ hội là bị chướng ngại, Bồ Tát chẳng có cách nào đến được! Có cơ hội, tức là chẳng có chướng ngại, đương nhiên phải đến.

(Sao) Cố Sơ Tâm Bồ Tát, tất tiên xả thử khổ xứ, sanh bỉ lạc xứ.

(鈔) 故初心菩薩，必先捨此苦處，生彼樂處。

(Sao: Do vậy, Sơ Tâm Bồ Tát trước hết ắt phải bỏ cõi khổ này, sanh về cõi vui kia).

Đặc biệt là nói về Sơ Phát Tâm Bồ Tát, nhất định phải bỏ thế giới Sa Bà, cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới thì mới có thể thành công.

(Sao) Cí thử.

(鈔) 據此。

(Sao: Căn cứ theo đó).

Căn cứ trên đạo lý ấy.

(Sao) Tác xả khổ giả, chánh ư bạt chúng sanh chi khổ.

(鈔) 則捨苦者，正於拔眾生之苦。

(Sao: Bỏ cõi khổ chính là để dẹp trừ nỗi khổ cho chúng sanh).

Chúng ta đến Tây Phương Cực Lạc thế giới nhằm thành tựu trí huệ và đức năng của chính mình. Đến Tây Phương Cực Lạc thế giới để làm gì? Chính là vì muốn cứu độ chúng sanh khổ nạn trong thế giới này.

(Sao) Thủ lạc giả, chánh dục dĩ chúng sanh dĩ lạc giả.

(鈔) 取樂者，正欲與眾生以樂也。

(Sao: Giữ lấy cõi lạc chính là để ban sự vui cho chúng sanh).

Chúng ta khuyên hết thầy chúng sanh vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới là “dĩ lạc” (ban cho niềm vui), nhằm khiến cho chúng sanh là rốt ráo khổ, đắc rốt ráo lạc.

(Sao) Tự lợi lợi tha, thị Bồ Tát đạo, khởi Nhị Thừa độc thiện chi khả trừ hồ.

(鈔) 自利利他，是菩薩道，豈二乘獨善之可儔乎。

(Sao: “Tự lợi, lợi người” là Bồ Tát đạo, há sự “mưu cầu tốt lành cho riêng mình” của hàng Nhị Thừa có thể sánh bằng ư?)

Nhị Thừa là người Tiểu Thừa. Nói thật ra, người Tiểu Thừa là “độc thiện kỳ thân” (chỉ mưu cầu tốt lành cho riêng mình), chẳng chịu giúp người khác. Nói thật ra, đối với bản thân chúng ta, phải nghiêm túc phản

tỉnh. Trong quá khứ, khi thầy Lý giảng kinh hoặc giáo học, thường nhắc nhở chúng tôi, bảo chúng tôi phải tự mình nghiêm túc phản tỉnh: “Chúng ta có giống như Bồ Tát hay không?” Suy nghĩ cẩn kỹ thì không chỉ chẳng giống Bồ Tát, mà ngay cả Nhị Thừa cũng chưa thể nói là bén gót họ được! Thật đấy! Hàng Nhị Thừa đúng là “*độc thiện kỳ thân*”, nhưng chúng ta kể cả “*độc thiện kỳ thân*” vẫn làm chưa được! Khởi tâm động niệm không gì chẳng phải là tội nghiệp như kinh Địa Tạng đã nói. Có những người tạo tội nghiệp, nhưng chính họ có thể giác ngộ, tốt lắm, còn có cơ hội được cứu. Có lắm kẻ tạo tội nghiệp, dầu chết vẫn chẳng thừa nhận, kinh Phật gọi loại người như vậy là Nhất Xiển Đề, chẳng cứu được, vì sao? Chính họ đã gây tạo làm lỗi, nhưng chẳng biết, chẳng hiểu, chẳng thừa nhận chính mình không biết. Bối lý, biết chính mình làm lỗi thì là tự giác, là Thi Giác, tức là bắt đầu giác ngộ, sau khi đã biết làm lỗi thì mới có thể sửa đổi. Kẻ chẳng biết chính mình làm lỗi, luôn tự cho là đúng, nói cách khác, chẳng có ý niệm sửa lỗi. Nói khác đi là hễ làm lạc bèn làm lạc đến cùng, vĩnh viễn một mực làm lỗi, kẻ như vậy đáng thương nhất, mà cũng là kẻ đáng buồn nhất! Kinh Phật thường gọi họ là “*khả lân mãn giả*” (kẻ đáng thương xót), Phật cũng chẳng thể độ họ vì họ [cứ tưởng họ] chẳng có làm lỗi gì! Nói thật ra, không có làm lỗi thì chỉ có Phật mới không có làm lỗi, Đẳng Giác Bồ Tát hãy còn làm lỗi, vì sao? Đẳng Giác Bồ Tát còn có một phẩm vô minh chưa phá, nên còn có làm lỗi. Do đó, Bồ Tát sám trừ nghiệp chướng, từ Sơ Phát Tâm cho đến Đẳng Giác đều phải tu sám trừ nghiệp chướng.

Mỗi người trong Tây Phương Cực Lạc thế giới đều tu mười đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ Tát, nên sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, A Di Đà Phật dạy chúng ta, chúng ta có thân không chỉ giống như Phật, mà còn đều là thân Kim Cang bất hoại, là Kim Cang Tát Đỏa. Kim Cang Tát Đỏa (Vajrasattva) là Phổ Hiền Bồ Tát. Vì vậy, Tây Phương Cực Lạc là một thế giới thuần nhất Bồ Tát. Bồ Tát gì vậy? Phổ Hiền Bồ Tát, ai nấy đều là Phổ Hiền Bồ Tát. Kinh Hoa Nghiêm “*mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc*”, kinh Vô Lượng Thọ “*đều tuân theo đức của Phổ Hiền đại sĩ*”, hợp lại để xem, chẳng sai! Từ bốn mươi tám nguyện, chúng ta biết Tây Phương Cực Lạc thế giới là thế giới của Phổ Hiền Bồ Tát. Đẳng Giác Bồ Tát còn phải sám trừ nghiệp chướng, nay chúng ta nghiêm nhiên chẳng có nghiệp chướng để có thể sám hối, nói theo tiêu chuẩn trong kinh Phật thì là một gã Nhất Xiển Đề! Nhất Xiển Đề là kẻ đoạn thiện căn, nói theo Phật pháp là chẳng cứu được! Chúng ta phải đặc biệt cảnh tỉnh, răn dè điều này.

Chúng ta hãy tự khéo suy nghĩ, đúng là ngay cả Nhị Thừa ta cũng không bằng! Phải phát tâm chí thành sám hối. Đối với giáo huấn trong kinh Phật, chúng ta làm được câu nào? Chúng ta thật sự hiểu rõ câu nào? Hiểu rõ là giải ngộ, làm được là chứng ngộ! Ở đây, có trường hợp là giải ngộ trước rồi có chứng ngộ sau, có trường hợp là làm được trước rồi sau đó bèn hoảng nhiên đại ngộ. Điều này chẳng nhất định! Không nhất định là phải liễu giải trước rồi mới làm sau, có những người làm được trước rồi sau đấy mới hiểu rõ. Sau khi đã làm được, người ấy bèn hoảng nhiên đại ngộ, căn tánh của chúng sanh mỗi người mỗi khác!

(Sao) Hựu đa thuyết giả, Khuê Phong thích Viên Giác, chứng chủng thủ xả, giai thị luân hồi, vị như thử xả Sa Bà, thủ bỉ Tịnh Độ.

(鈔) 又多說者，圭峰釋圓覺，種種取捨，皆是輪迴，謂如此捨娑婆，取彼淨土。

(Sao: Lại nữa, “nhiều thuyết”: Ngài Khuê Phong giải thích kinh Viên Giác, [phán định] các thứ lấy - bỏ đều là luân hồi, chẳng hạn như bỏ cõi Sa Bà, lấy cõi Tịnh Độ kia [vẫn là tâm lấy - bỏ, cho nên vẫn luân hồi]).

Khue Phong đại sư là tổ sư đời thứ năm của tông Hoa Nghiêm, là học trò của Thanh Lương đại sư, húy là Tông Mật. Ngài suốt đời dốc sức nơi kinh Viên Giác. Cổ nhân học Phật thấy kinh luận quá nhiều, chẳng biết phải dụng công từ đâu, Khuê Phong đại sư cũng như vậy. Ngài chí thành lễ bái cầu nguyện, lạy Phật, lạy suốt bảy ngày, đối trước Phật rút thăm. Ngài rút được kinh Viên Giác. Sau khi Ngài rút được, bèn suốt đời chuyên nghiên cứu kinh Viên Giác, Ngài đích xác là bậc giảng giải kinh Viên Giác đầy uy tín. Mãi cho đến nay, hơn một ngàn năm qua, không ai có thể giảng giải kinh Viên Giác vượt hơn Ngài. Ngài chú giải kinh Viên Giác bốn lần, Viên Giác Kinh Lược Sớ, Viên Giác Kinh Lược Sớ Chi Sao, Viên Giác Kinh Đại Sớ, Viên Giác Kinh Đại Sớ Chi Sao. Kinh Viên Giác chỉ có hai quyển, [đại sư] chú giải hết sức tỉ mỉ, quả thật rất lỗi lạc! Nói thật ra, có thể nói là nội dung kinh Viên Giác và kinh Lăng Nghiêm hoàn toàn tương đồng. Lăng Nghiêm là nói rộng, nói chi tiết, Viên Giác là nói đại lược, nội dung [hai kinh] có rất nhiều chỗ giống nhau, cảnh giới hết sức cao, là kinh điển của Đại Thừa Viên Giác.

Trong Viên Giác Kinh Sớ Sao, Ngài nói: “*Chúng chủng thủ xả giai thị luân hồi*” (các thứ lấy - bỏ đều là luân hồi), câu này xác thực là đúng như vậy. Lấy - bỏ bèn có được - mất, tâm “lấy - bỏ, được - mất” là tâm luân hồi, không thoát khỏi lục đạo luân hồi. “*Xả thử Sa Bà, thủ bỉ Tịnh*

Độ” (bỏ cõi Sa Bà này, lấy cõi Tịnh Độ kia) vẫn là tâm lấy - bỏ! Tâm như vậy vẫn luân hồi trong lục đạo, không ra khỏi tam giới. Đúng hay không? Đúng, chẳng sai! Nếu quý vị dùng cái tâm lấy - bỏ tức là trật rồi, Khuê Phong đại sư nói chẳng sai!

Người vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, chẳng ra đi bằng cái tâm lấy - bỏ đối với thế giới Sa Bà và Cực Lạc, mà dùng cái tâm gì để vãng sanh? Đến Tây Phương Cực Lạc thế giới để cầu học, du học. Sau khi học thành công, sẽ lập tức trở về độ chúng sanh, tâm như vậy đó! Nếu người ấy thật sự bỏ Sa Bà, sau này còn có thể trở lại hay chẳng? Chẳng trở lại! Nếu người ấy lấy Tịnh Độ, trong tương lai còn có thể bỏ Tịnh Độ hay không? Có thể thấy là lời ngài Khuê Phong nói chẳng sai. Nếu chúng ta cảm thấy ở đây khô, bên đó vui, lần này ta sang Tây Phương Cực Lạc thế giới là tốt đẹp rồi, ta cũng chẳng còn phải chịu khổ nữa, cũng chẳng muốn quay lại thế giới này! Nếu quý vị có tâm lý ấy, sẽ chẳng thể vãng sanh, vì sao? Chẳng tương ứng với bốn mươi tám nguyện của A Di Đà Phật.

Do vậy, đối với những vị Bồ Tát trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, từ kinh điển chúng ta có thể thấy và từ bốn mươi tám nguyện của A Di Đà Phật ta cũng thấy, sau khi các Ngài vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, ở trong Tây Phương Cực Lạc đến đến, đi đi. Mười phương thế giới chư Phật nơi nào có duyên bèn đến đó, đi chẳng bao lâu lại trở về, trở về ở được vài ngày rồi lại đi, đến đến, đi đi! Đi để làm gì? Tiếp dẫn chúng sanh; chính mình đã đến Tây Phương Cực Lạc thế giới thành tựu, chúng sanh trong mười phương thế giới có duyên, có quan hệ với chính mình, [chẳng thể không đến tiếp dẫn]. Kinh Phật thường nói: “*Phật chẳng độ kẻ vô duyên*”, vì sao? Chẳng có quan hệ với quý vị, quý vị thuyết pháp cho họ, họ chẳng nghe, chẳng tiếp nhận. Nếu họ rất vui vẻ, hoan hỷ nghe, hoan hỷ tiếp nhận, tức là trong đời quá khứ đã có duyên phận với quý vị nên họ mới vui vẻ lắng nghe. Thuyết một pháp giống hệt như vậy, nhưng thay bằng một vị pháp sư khác, họ chẳng vui lòng, phàm phu mang nổi chấp trước ấy! Họ thích vị pháp sư này, chẳng thích vị pháp sư kia, tức là trong đời quá khứ có duyên hay vô duyên.

Đời quá khứ của chúng ta rất nhiều, chẳng kể xiết! Quá khứ còn có quá khứ, quá khứ vô thì! Chúng ta cũng không chỉ sống trên quả địa cầu này, mà mười phương thế giới trong quá khứ chúng ta đều đã từng ở đó. Nói theo thuật ngữ hiện thời [mười phương thế giới] là những tinh cầu khác ở ngoài vũ trụ, trong đời quá khứ chúng ta đều đã từng sống ở đó. Vì thế, trong bất cứ cõi Phật nào, cũng đều có cha mẹ, anh em trai, chị em

gái, thân thích, bằng hữu của chúng ta trong quá khứ. Những người có quan hệ ấy chính là người hữu duyên, bất luận trong quá khứ kết thiện duyên hay ác duyên đều được! Chẳng cần biết thiện hay ác, đều là người hữu duyên, ta có thể giúp đỡ họ.

Hễ các vị Bồ Tát trong Tây Phương Cực Lạc thế giới đến mười phương thế giới độ chúng sanh, đều khuyên họ niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Như trong kinh này, trong phần trước đã nêu ra mười sáu vị tôn giả và bốn vị Bồ Tát, trong kinh Vô Lượng Thọ, chúng ta thấy mười sáu vị Hiền Hộ Chánh Sĩ. Những vị ấy đều là Bồ Tát trong Tây Phương Cực Lạc thế giới thả chiếc bè Từ mà đến nơi đây, có thể thấy các Ngài đến đi rất nhiều lượt. Chẳng phải là bất động trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, chẳng phải vậy, mà là đến đến, đi đi. Do đó, nhất định phải hiểu rõ đạo lý này.

Khuê Phong đại sư nói lời này chẳng sai, nếu quý vị dùng cái tâm lấy - bỏ, sẽ chẳng thể vãng sanh. Trong thế gian này, nếu chúng ta chỗ nào cũng đều có ý niệm lấy - bỏ, chắc chắn chẳng thể lợi ích chúng sanh, vì sao? Lấy - bỏ là tư tâm, chúng ta nói thông tục là “tự tư tự lợi”. Bồ Tát luôn vì chúng sanh, chẳng lấy - bỏ vì chính mình, vì chúng sanh mà lấy - bỏ thì đúng. Vì chúng sanh thì như Trí Giả đại sư đã nói trong phần trước: Do chúng sanh khổ nên ta mới lìa Sa Bà đến Cực Lạc, vì sự vui sướng của chúng sanh mà chúng ta mới lấy thế giới Cực Lạc, chẳng phải vì chính mình; lấy - bỏ là vì hết thảy chúng sanh! Giúp họ lấy - bỏ, chẳng phải lấy - bỏ cho chính mình. Mỗi người vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới đều có tâm thái như vậy, thật sự là vĩ đại, chẳng thể nghĩ bàn.

(Sao) Nhi Đại Mai diệc vân.

(鈔) 而大梅亦云。

(Sao: Ngài Đại Mai cũng nói).

Đại Mai là một vị Đại Đức trong Thiên Tông.

(Sao) Xả cầu thủ tịnh, thị sanh tử nghiệp.

(鈔) 捨垢取淨，是生死業。

(Sao: Bỏ cầu, lấy tịnh là nghiệp sanh tử).

Theo Khuê Phong đại sư giảng giải, “*sanh tử nghiệp*” có nghĩa là luân hồi, hai vị này có kiến giải giống nhau.

(Sao) Cố kim biện vân.

(鈔) 故今辯云。

(Sao: Nên nay biện định rằng).

Ở đây, sợ người ta nghe hai câu ấy sẽ nảy sanh sai lầm, sai lầm gì vậy? Chẳng dám vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, lỗi lầm ấy rất to. “Cố kim biện vân” (cho nên biện định rằng).

(Sao) Thử đẳng ngữ ngôn, phi bất cực trí, đản đắc chỉ tắc hiệu Đề Hồ, thất ý tắc thành độc dược.

(鈔) 此等語言，非不極致，但得旨則號醍醐，失意則成毒藥。

(Sao: Loại ngôn ngữ ấy không lời nào chẳng nói đến lẽ tột cùng, nhưng lãnh hội ý chỉ bèn gọi là Đề Hồ, nếu chẳng hiểu ý sẽ trở thành thuốc độc).

Hai câu ấy quả thật là như thế. Nếu quý vị thật sự hiểu rõ ý chỉ của các vị Khuê Phong và Đại Mai thì những lời ấy sẽ là Đề Hồ. Hai vị đại sư đều là bậc đại đức lỗi lạc trong nhà Thiên, đều là hàng Bồ Tát minh tâm kiến tánh. Những lời ấy đều nhằm sám trừ tình chấp và chấp trước của kẻ tu hành, dụng ý ở chỗ này, cũng là do các Ngài thấy những kẻ tu hành có ý niệm “lấy - bỏ, được - mất” quá nặng, nên mới nói như vậy. Đúng là ứng bệnh cho thuốc, thuốc uống vào liền khỏi bệnh. Nếu chúng ta chẳng có chấp trước ấy, nay nghe những lời này của ngài Khuê Phong và Đại Mai bèn ngược ngạo chấp trước cách nói ấy, hại chúng ta cũng chẳng dám phát nguyện cầu sanh Tây Phương, như vậy là hỏng rồi! Do thuốc mà lại đổ bệnh, “chấp dược thành bệnh” (chấp thuốc thành bệnh), ngược ngạo biến [thuốc hay] thành độc dược! Vì thế, phải hiểu rõ ràng, minh bạch lời các Ngài nói chẳng sai!

Nay chúng ta thấy có những vị tổ sư nói “bỏ Sa Bà, lấy Cực Lạc”, nói như vậy cũng chẳng sai! Sự lấy - bỏ ấy có cùng một ý nghĩa với những vị tổ sư bảo “chẳng lấy, chẳng bỏ”. Do đó, quý vị phải hiểu ý nghĩa của chúng. “Không lấy, không bỏ” là chẳng có chấp trước, “bỏ Sa Bà, lấy Cực Lạc” cũng chẳng chấp trước. Bỏ chẳng phải là thật, tôi vừa mới nói đó, tạm thời bỏ, lấy Cực Lạc chẳng phải là thật sự lấy. Đến thế giới Cực Lạc xong bèn lập tức lại rời khỏi. Trọn chẳng phải là đã tới Tây Phương Cực Lạc thế giới, nơi ấy quá vui sướng, ta vĩnh viễn chẳng muốn rời khỏi, vĩnh

viễn hưởng thụ ở nơi đó, chẳng phải vậy! Nếu có ý niệm ấy, sẽ chẳng thể vãng sanh, do chẳng tương ứng với bốn nguyện của A Di Đà Phật.

(Sao) Tận linh nhi hành, hà đản xả Sa Bà cầu, thủ Cực Lạc tịnh, vi thủ xả dã! Túng vị ngã độ duy tâm, nhi xả cảnh thủ tâm, diệc thủ xả dã. Túng vị ngã vô thủ xả, nhi xả thủ hữu thủ xả, thủ bỉ vô thủ xả, diệc thủ xả dã, diệc luân hồi sanh tử nghiệp dã.

(鈔) 盡令而行，何但捨娑婆垢，取極樂淨，為取捨也。縱謂我土惟心，而捨境取心，亦取捨也。縱謂我無取捨，而捨此有取捨，取彼無取捨，亦取捨也，亦輪迴生死業也。

(Sao: [Nói “lấy, bỏ, ưa, chán”] nhằm khiến cho trọn hết chúng sanh đều tu hành [pháp môn Tịnh Độ này], sao lại chỉ coi “bỏ Sa Bà nhờ, lấy Cực Lạc sạch” là “lấy, bỏ”. Dầu nói cõi của ta (Sa Bà) là duy tâm thì “bỏ cảnh, lấy tâm” vẫn là “lấy, bỏ”. Dầu nói “ta không có lấy - bỏ”, nhưng bỏ cái “có lấy - bỏ” này để giữ lấy cái “không lấy - bỏ” kia thì vẫn là lấy - bỏ, vẫn là nghiệp sanh tử luân hồi vậy).

Đây là lời biện bác của Liên Trì đại sư cũng nhằm giúp cho chúng ta kiến lập một tri kiến chính xác. Mấu chốt là tâm, nên nói rõ ràng, minh bạch, đơn giản hơn một chút thì tổ sư nói: Vì chính mình mà lấy - bỏ thì là sai lầm, quyết định là nghiệp luân hồi. Vì chính mình mà chẳng lấy, chẳng bỏ thì vẫn là lấy - bỏ. Quý vị bỏ cái “lấy - bỏ” để giữ lấy một cái “chẳng lấy, chẳng bỏ”, đó vẫn là lấy - bỏ! Nói tóm lại, hễ quý vị vì chính mình thì chắc chắn là sanh tử luân hồi. Nếu chúng ta vì hết thấy chúng sanh, chẳng có lỗi làm gì, mấu chốt ở ngay chỗ này. Mong mọi người hãy khéo lưu ý!

Vì hết thấy chúng sanh chính là phước báo chân thật, vì sao? Bản thân chúng ta phước báo rất hữu hạn, quý vị phát đại tâm vì chúng sanh, sẽ biến phước báo của chúng sanh thành phước báo của chính mình, do chính mình và chúng sanh đã hòa lẫn thành một Thể. Chúng sanh có phước thì ta có phước. Lại còn hòa thành một khối với chư Phật, Bồ Tát, chư Phật, Bồ Tát có phước, ta cũng có phước. Ta chẳng vạch giới hạn giữa mình và các Ngài, nhận biết ta và các Ngài đồng nhất. Nếu chẳng nhận thấy ta và các Ngài đồng nhất, tự khoanh một ranh giới nhỏ bé, ta độc lập, ta không phải là quý vị, quý vị chẳng phải là ta, phước báo của ta rất hữu hạn. Dần dần phước báo do chính mình đã tu tích trong đời quá khứ và

đời này bị hao tổn hết sạch. Vì thế, các đồng tu học Phật, bất luận xuất gia hay tại gia đều phải hiểu rõ đạo lý này!

Thừa nguyện tái lai, cũng không hoàn toàn có nghĩa là vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới rồi quay về, [những vị đã vãng sanh Tây Phương Cực Lạc rồi quay trở về] đương nhiên là thừa nguyện tái lai. Đối với những kẻ nay còn chưa vãng sanh mà cũng có thể coi là thừa nguyện tái lai, thì phải nói như thế nào? Nay chúng ta ở trong thế gian này là do nghiệp lực mà thọ sanh, chẳng phải là thừa nguyện tái lai. Chúng ta do nghiệp lực mà đến [thế gian này], chẳng muốn đến cũng không được, muốn chạy cũng chạy chẳng khỏi! Chẳng có tự do, tự mình chẳng thể làm chủ; nhưng chúng ta thật sự giác ngộ, từ nay trở đi phát nguyện, ta vì hết thấy chư Phật, Bồ Tát, vì hết thấy chúng sanh, quên sạch chính mình, đó là chuyển biến nghiệp lực của chính mình thành nguyện lực, sẽ giống như bậc thừa nguyện tái lai.

Trí huệ và phước đức của quý vị quyết định tăng trưởng, trí huệ do Tam Bảo gia trì, phước đức cũng do Tam Bảo gia trì, tùy thuộc quý vị có muốn hay là không. Như tôi vừa mới nói, có bằng lòng nhận biết mình và hết thấy chư Phật đồng nhất hay không, có nhận thấy chính mình và hết thấy chúng sanh đồng nhất hay không! Thật ra chữ Nhận (認) này là từ ngữ hiện thời, [dùng từ ngữ này] cho mọi người dễ hiểu, đúng ra là phải như Quán Thế Âm Bồ Tát đã nói trong kinh Lăng Nghiêm: “*Thượng hợp thập phương chư Phật bốn diệu giác tâm, dữ Phật Như Lai đồng nhất từ lực; hạ hợp thập phương nhất thiết lực đạo chúng sanh, dữ chư chúng sanh đồng nhất bi ngưỡng*” (trên là hợp với cái tâm bốn diệu giác của mười phương chư Phật, có cùng một từ lực với Phật Như Lai. Dưới là hợp với mười phương hết thấy lực đạo chúng sanh, có cùng một tấm lòng bi ngưỡng như chúng sanh). Ý nghĩa này, nếu nói theo cách bây giờ, sẽ là trên, Ngài nhận thấy chính mình và mười phương chư Phật đồng nhất, dưới là nhận thấy chính mình và hết thấy chúng sanh đồng nhất, thật sự quên bằng chính mình, đó là Quán Thế Âm Bồ Tát, chúng ta phải nên học tập điều này.

Trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, Quán Thế Âm Bồ Tát cũng là đến đến, đi đi, chẳng phải chỉ cứu độ các chúng sanh ở chỗ chúng ta. Chúng ta thường nói Quán Âm Bồ Tát đặc biệt có duyên với chúng ta. Không sai, Quán Âm Bồ Tát và mỗi thế giới trong mười phương thế giới đều có duyên. Trong bốn mươi tám nguyện, A Di Đà Phật đã nói, Ngài đã thành Phật, tiếng tăm của những vị thầy trong thế giới của A Di Đà Phật đều là “*phổ văn thập phương*” (lừng danh khắp mười phương). Quán Âm

và Thế Chí là các vị giáo sư trong thế giới Cực Lạc! Mười phương thế giới chẳng ai không biết hai vị đại Bồ Tát ấy. Hai vị đại Bồ Tát ấy dùng phương pháp gì để tiếp dẫn chúng sanh? Dùng phương pháp Niệm Phật.

(Sao) Ninh tri lý vô phân hạn, sự hữu sai thù. Lý tùy Sự biến, tác vô thủ xả xứ, thủ xả uyển nhiên; Sự đắc Lý dung, tác chánh thủ xả thời, liễu vô thủ xả. Cố Bồ Tát tuy tri nhất thiết pháp bình đẳng bất nhị, nhi thị khổ lạc cảnh, khai thủ xả môn, Quyền Thật song hành, Lý Sự vô ngại.

(鈔) 寧知理無分限，事有差殊。理隨事變，則無取捨處，取捨宛然；事得理融，則正取捨時，了無取捨。故菩薩雖知一切法平等不二，而示苦樂境，開取捨門，權實雙行，理事無礙。

(Sao: Chẳng biết Lý chẳng có phân biệt, giới hạn, nhưng Sự có sai khác rạch ròi. Lý biến đổi theo Sự, nên trong chỗ không có lấy - bỏ mà lấy - bỏ rành rành. Đã hiểu Sự, Lý dung thông thì ngay trong lúc lấy - bỏ, trọn chẳng có lấy - bỏ. Vì thế, Bồ Tát tuy biết hết thảy các pháp bình đẳng chẳng hai, nhưng chỉ bày cảnh khổ, cảnh vui, mở ra môn lấy - bỏ, Quyền Thật cùng hành, Lý Sự vô ngại).

Trong đoạn này, đại sư đã chỉ dạy cảnh giới và cách nhìn chính xác. “Lý vô phân hạn”, “phân” là phân biệt, “hạn” là giới hạn. “Lý” là nói tới Chân Như bản tánh, là chân tâm lý thể. Xác thực là trong chân tâm bản tánh, tịnh và uế thảy đều chẳng có. Đó là như kinh Hoa Nghiêm đã nói: “*Pháp giới nguyên bốn thị Nhất Chân*” (pháp giới vốn là Nhất Chân), trong Nhất Chân chẳng có hai pháp. Tịnh và uế là hai pháp, lấy - bỏ là hai pháp, hai pháp chẳng phải là Phật pháp. Trong Đàn Kinh, khi ngài Ấn Tông gặp Lục Tổ lần đầu, Ấn Tông thỉnh giáo Lục Tổ, thưa: “Ngài Hoàng Mai (tức Ngũ Tổ) có giảng Thiền Định, giải thoát hay không?” Lục Tổ vừa nghe bèn ngay lập tức bảo Sư: “*Thiền Định và giải thoát là hai pháp, Phật pháp là pháp bất nhị, hai pháp chẳng phải là Phật pháp*”. Ngài chẳng nói với Sư điều gì khác, đó là gì? Đó là Ngài thật sự khai ngộ, thật sự biết quy vào tự tánh. Đây là nói theo Lý, lời hỏi của ngài Ấn Tông là hỏi theo mặt Sự. Lời đáp của Lục Tổ chẳng trả lời theo mặt Sự, mà giải đáp theo Lý.

Ở đây, [Liên Trì] đại sư giảng theo Lý, xét về Lý chẳng có tịnh hay uế, mà cũng chẳng có lấy hay bỏ. Lý là Nhất Chân, nhưng trên sự tướng

bèn có sai biệt, sai biệt do đâu mà sanh? Chẳng sanh từ Lý, sai biệt là do vọng tưởng, chấp trước của hết thảy chúng sanh mà chia ra. Trong kinh Hoa Nghiêm, đức Phật đã giảng điều này rất rõ ràng. Mười pháp giới do đâu mà có? Do vọng tưởng và chấp trước của hết thảy chúng sanh biến hiện. Rời khỏi vọng tưởng, chấp trước, Nhất Chân pháp giới sẽ khôi phục. Do đã có nhiều chúng sanh có bệnh, mê hoặc, điên đảo, từ trong “chẳng có tịnh uế” lại phân biệt tịnh và uế, đối với chẳng có lấy - bỏ, lại phân biệt lấy - bỏ, đó là “*Sự hữu sai thù*” (về Sự bèn có sai khác rạch ròi), tịnh - uế rành rành, lấy - bỏ rành rành. Chẳng thể nói là không có “lấy - bỏ”, nó xác thực tồn tại.

“*Lý tùy Sự biến*”, tức là nói theo Lý thì chẳng có lấy hay bỏ, nhưng trong “không lấy - bỏ”, nay chúng sanh có lấy, có bỏ, đúng như trong kinh luận đã nói: “*Tuy biết là chẳng có vọng để có thể đoạn, nhưng cũng chẳng ngại đoạn trừ vọng tưởng. Tuy biết chẳng có Chân để có thể chứng, nhưng cũng chẳng ngại chứng chân tâm*”. Đó là nói rõ Lý Sự vô ngại, như vậy thì mới có thể viên dung. “*Sự đắc Lý dung, tắc chánh thủ xả thời, liễu vô thủ xả*” (đã hiểu được Sự Lý dung thông thì ngay trong khi lấy - bỏ, trọn chẳng có lấy - bỏ). Dùng cảnh giới trước mắt chúng ta để nói thì cảnh giới trước mắt chúng ta là cảnh giới của hạng phàm phu lè tè sát đất, chúng ta phải “bỏ Sa Bà, lấy Cực Lạc”, đó là lấy - bỏ. Đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, thế giới ấy là Nhất Chân pháp giới, sau khi đã đến bên ấy mới hiểu “chẳng lấy, chẳng bỏ”. Từ “lấy - bỏ” mà nhập “chẳng lấy, chẳng bỏ”, nói cách khác là từ mười pháp giới mà nhập Nhất Chân pháp giới. Đó là phương tiện nhất trong các phương tiện, là thiện xảo nhất trong các điều thiện xảo, có thể khiến cho hạng phàm phu lè tè sát đất thoáng chốc thành Phật. Đích xác là trong tám vạn bốn ngàn pháp môn chẳng có điều này!

Đối với pháp môn này, chúng ta phải đặc biệt tuân thủ “*y pháp, bất y nhân*”, chớ nên bận tâm đến lời lẽ của những vị tổ sư, đại đức. Các Ngài nói ý nghĩa này, ý nghĩa nọ, chúng ta chẳng hiểu ý nghĩa thật sự, nghe câu nói đó bèn hiểu lệch lạc, tạo thành tổn hại hết sức to lớn đối với chính mình, như thế là làm lẫn to lớn. Chúng ta luôn phải y pháp, pháp là Tịnh Độ tam kinh, nhất là bốn mươi tám nguyện của A Di Đà Phật, đó là pháp căn bản trong các pháp, nhất định phải nương theo.

“*Quyên Thật song hành, Sự Lý vô ngại*” (Quyên Thật cùng hành, Sự Lý vô ngại), “*tri nhất thiết pháp bình đẳng bất nhị*” (biết hết thảy các pháp bình đẳng, chẳng hai), đó là thật, là Lý. Chư Phật Bồ Tát cũng thị hiện cảnh giới khổ - lạc. Không chỉ giảng giải bằng ngôn thuyết, các Ngài còn thể hiện hình tướng bằng cách biến hiện cảnh giới cho chúng ta thấy.

Đó là “*khai thủ xả môn*”, dùng lấy - bỏ làm pháp phương tiện để hướng dẫn hết thảy chúng sanh, đó là Quyển, là Sự. Chúng ta kết hợp Lý và Sự lại để nhìn thì bình đẳng là khô - lạc, khô - lạc là bình đẳng, bất nhị là lấy - bỏ, lấy - bỏ là bất nhị. Đó là “*song hành vô ngại*”. Cuối cùng nói, tuy Bồ Tát biết hết thảy các pháp bình đẳng, bất nhị, nhưng Ngài có thể thị hiện cảnh giới khô - lạc, mở môn phương tiện “lấy - bỏ” nhằm giúp chúng ta chúng nhập Nhất Chân pháp giới.

Bốn cõi của Tây Phương Cực Lạc thế giới đều là Nhất Chân pháp giới. Cổ đức bảo chúng ta từ thế gian này vãng sanh là “*hoành siêu tam giới*”, tới Tây Phương Cực Lạc thế giới là “*hoành sanh tứ độ*”. [Nghe nói] hoành sanh tứ độ, quý vị bèn nghĩ bên ấy là Nhất Chân pháp giới; nếu chẳng phải là Nhất Chân pháp giới, bốn cõi bèn có sai biệt, làm sao có thể đồng thời sanh vào? Có thể đồng thời sanh vào thì có thể thấy nơi ấy là cảnh giới vô sai biệt. Chúng ta từ một cảnh giới sai biệt, nhập cảnh giới vô sai biệt; thật sự là “*Quyển Thật song hành, Lý Sự vô ngại*”. Tiếp đó, đại sư nêu một thí dụ để chúng ta khéo suy xét một phen!

(Sao) Tư luận thả trí.

(鈔) 斯論且置。

(Sao: Tam gác sự luận định ấy lại).

“*Thả trí*” là tạm thời chúng ta gác lại, chẳng bàn đến.

(Sao) Kim nhữ tự thâm.

(鈔) 今汝自審。

(Sao: Nay ông hãy tự xét).

Nay bản thân chúng ta hãy khéo suy nghĩ, xem xét chính mình.

(Sao) Quả năng.

(鈔) 果能。

(Sao: Thật sự có thể).

“*Quả năng*”: Quả nhiên có thể.

(Sao) Tao khang xú hủ dĩ vi ẩm thực, bất dị cao lương phủ?

(鈔) 糟糠臭腐以為飲食，不異膏粱否。

(Sao: Cõi thức ăn từ những thứ vụn vặt, hư nát, hôi thối, chẳng khác gì cao lương mỹ vị hay không?)

Chúng ta có làm được hay không? Đây là hai thứ cảnh giới khô và lạt. “*Tao khang xú hủ*” là thức ăn dở nhất, “*cao lương*” là thức ăn ngon tuyệt nhất. Có thể coi chúng là bình đẳng, chẳng hai hay không? Chẳng làm được! Trên lý luận là bình đẳng, nhưng trong sự thật, chúng ta chẳng có cách nào đạt được bình đẳng. Điều này nói rõ Lý là Lý, Sự là Sự. Khuê Phong và Đại Mai nói theo Lý, các Ngài đã quên chân tướng sự thật. Cảnh giới của Khuê Phong và Đại Mai là cảnh giới Bồ Tát, là cảnh giới minh tâm kiến tánh, các Ngài quên bằng cảnh giới của hàng phàm phu lè tè sát đất như chúng ta! Vì thế, nhất định phải hiểu rõ đạo lý này. Lờ các Ngài nói chẳng phải là thiếu đạo lý, nhưng chúng ta chẳng dùng được. Chúng ta dùng lời khai thị của Ngài là sai mất rồi! Thuốc của Ngài để trị loại bệnh đặc biệt, chẳng nhằm trị chúng bệnh của chúng ta. Nếu chúng ta dùng thuốc của Ngài, sẽ bệnh càng thêm bệnh, uống vào sẽ ô hô, ai tai, quyết định chẳng thể dùng! Tiếp đó lại có một tỷ dụ.

(Sao) Xí hõn khanh tinh dĩ vi sàng tháp, bất dị hoa đường phủ?

(鈔) 廁溷坑窾以為床榻，不異華堂否。

(Sao: Cõi chuồng xí, hầm hố như giường, chõng, chẳng khác nhà cửa tráng lệ hay không?)

Trong phần trước là nói đến chuyện ăn uống, ở đây nói về chỗ ở, so sánh giữa hai cực đoan. “*Hoa đường*” là cung điện, cung điện là chỗ ở sang trọng, tráng lệ. Lều tranh vừa dơ bẩn vừa hôi hám, có thể sánh bằng điện đường rực rỡ hay không?

(Sao) Mộc bì, thảo diệp dĩ vi y phục, bất dị la y phủ?

(鈔) 木皮草葉以為衣服，不異羅綺否。

(Sao: Cõi quần áo bằng vỏ cây, lá cỏ, chẳng khác lụa là hay chẳng?)

Thời đại thượng cổ chẳng có quần áo để mặc, chỉ dùng da thú hay lá cây bện thành khổ để quấn, hiện thời mặc lụa, là, the, đoạn. Đó là nói về cái mặc. Trong ăn, ở, mặc, quả thật có sai biệt, quý vị có thể chẳng phân biệt, chẳng chấp trước nơi ấy, thật sự đạt được bình đẳng hay không? Nếu [làm được] như vậy, chúc mừng quý vị, quý vị là đại Bồ Tát, chắc

chấn chẳng phải là kẻ tâm thường. Đây là cảnh giới của bậc Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo trở lên, là pháp môn Bất Nhị. Nếu đối với những sự khổ - lạc đối lập này, quý vị vẫn cảm thấy có khổ, có vui, nói cách khác, quý vị vẫn chưa nhập pháp môn Bất Nhị, mà cũng là nói là quý vị chưa minh tâm kiến tánh. Dầu quý vị tu giỏi giang cách mấy, cũng bất quá giống như Thanh Văn, Duyên Giác, Quyền Giáo Bồ Tát. A La Hán, Bích Chi Phật có lấy, có bỏ, có khổ, có lạc, vẫn chưa thể đạt đến khổ - lạc bất nhị, lấy - bỏ bất nhị.

(Sao) Hổ, hũy, hùng, bi³² dĩ vi bạn lữ, bất dị phụ mẫu, huynh đệ phũ?

(鈔) 虎兇熊羆以為伴侶，不異父母兄弟否。

(Sao: Cõi hổ, tê giác, gấu như bạn bè, chẳng khác cha mẹ, anh em hay không?)

“Hổ, hũy, hùng, bi” là dã thú hung mãnh, nay chúng ta có thể nói [tổng quát] là “độc xà, mãnh thú”. Quý vị có thể ở chung với chúng giống như [sống cùng với] cha mẹ, anh em trai, chị em gái hay không? Ở đây, dùng [những loài mãnh thú ấy] để tỷ dụ kẻ ác.

(Sao) Đông tọa băng tuyết, bất dị tăng khoáng phũ? Hạ bạo liệt nhật, bất dị lương phong phũ?

(鈔) 冬坐冰雪，不異繒纊否；夏暴烈日，不異涼風否。

(Sao: Mùa Đông ngồi trên băng tuyết chẳng khác mền nệm mịn màng hay không? Tháng Hạ nhằm ngày nóng gắt, chẳng khác gì gió mát hay không?)

Chỗ nào cũng đều nêu ra hai trường hợp cực đoan, cực bất bình đẳng. Xác thực là chúng ta chẳng thể làm được!

(Sao) Nãi chí địa ngục trung tảo thiêu thung ma.

(鈔) 乃至地獄中銼燒舂磨。

(Sao: Cho đến cửa, đốt, giã, xay trong địa ngục).

³² Bi (羆) là một loại gấu. Từ điển Khang Hy giảng Bi có thể hiểu theo hai nghĩa:

1. Bi giống như gấu, lông có vân trắng và vàng.
2. Bi giống như gấu nhưng đầu dài, chân cao, có sức mạnh có thể nhổ bật cây cối.

Theo từ điển trực tuyến Bách Độ, Bi được hiểu là loại gấu nâu, có tên khoa học là Ursus Arctos.

Đó là nổi khổ trong địa ngục.

(Sao) Bất dị nhập Đệ Tam Thiên phủ?

(鈔) 不異入第三禪否。

(Sao: Chẳng khác nhập Đệ Tam Thiên ư?)

Trong thế giới Sa Bà, Đệ Tam Thiên vui sướng nhất. Cảnh giới sung sướng nhất là Đệ Tam Thiên. Tam Thiên Thiên là “thế giới Cực Lạc” trong thế giới Sa Bà. Địa ngục khổ nhất, Tam Thiên sướng nhất.

(Sao) Dị loại trung hành, bất dị du hý phủ?

(鈔) 異類中行，不異遊戲否。

(Sao: Đi trong dị loại, chẳng khác dạo chơi hay không?)

“Dị loại” là nói tới lục đạo. Chúng ta và quỷ, súc sanh ở cùng một chỗ, có thể coi như lúc chúng ta cùng bạn tốt chơi đùa hay không? Nêu ra nhiều thí dụ ngàn ấy.

(Sao) Như kỳ bất nhiên, uyển nhĩ phạm phu.

(鈔) 如其不然，宛爾凡夫。

(Sao: Nếu chẳng được như vậy thì rành rành là phạm phu).

Quý vị ở trong các cảnh giới cực đoan ấy vẫn có phân biệt, vẫn có chấp trước, chưa thể thật sự thanh tịnh, bất nhị; nói cách khác, quý vị là phạm phu!

(Sao) Hà đắc vọng dĩ đại thánh nhân quá lượng cảnh giới nhi vi kỷ hữu.

(鈔) 何得妄以大聖人過量境界而為己有。

(Sao: Há có nên làm lạc lấy cảnh giới từng trải của bậc đại thánh nhân làm cảnh giới sở hữu của chính mình!)

Sai mất rồi, Khuê Phong và Đại Mai nói đến cảnh giới của bậc từ Sơ Trụ trong Viên Giáo trở lên. Đó cũng là cảnh giới của Pháp Thân đại sĩ, chẳng phải là cảnh giới của phạm phu chúng ta. Đối với bậc Pháp Thân đại sĩ, chúng ta nghe lời Ngài thấy hay lắm, cao lắm! Nhưng chẳng dùng được, vô dụng!

(Sao) Thủ khoái nhất thời, lưu hại vô tận.

(鈔) 取快一時，流害無盡。

(Sao: Được sướng khoái một chốc, gây hại vô tận).

Đúng vậy! Đây là như người thế gian chúng ta đã nói, ăn nói đao to búa lớn, lớn lối! Dường như phô bày cảnh giới của chính mình ghê gớm lắm, nhưng sẽ làm hại chúng sanh, vì thính chúng chưa đạt đến cảnh giới ấy. Cách nói này thiếu lòng từ bi.

(Sao) Ứng văn thử ngữ, sanh đại hối hận, khởi đại giác ngộ, thế lệ bi khắp, cầu sanh Tịnh Độ.

(鈔) 應聞此語，生大悔恨，起大覺悟，涕淚悲泣，求生淨土。

(Sao: Hãy nên nghe lời này bèn sanh lòng hối hận to lớn, khởi lên sự giác ngộ to tát, nước mắt chứa chan, cầu sanh Tịnh Độ).

Đây là đúng. Chúng ta nghe những lời của các vị ấy, giọng điệu quá cao. Người thật sự hiểu lý sẽ thấu hiểu, những vị ấy nói có sai hay không? Chẳng sai! Nhưng đối với chúng sanh chẳng có lợi, chỉ có hại. Sở dĩ kinh Phật được gọi là Khế Kinh [là vì] “*thượng khế chư Phật sở chứng chi Lý, hạ khế chúng sanh khả độ chi cơ*” (trên khế hợp với Lý được chứng bởi chư Phật, dưới hợp với căn cơ của chúng sanh đáng độ), như vậy thì mới được! Lời của các vị Khuê Phong và Đại Mai là “*thượng khế chư Phật sở chứng chi Lý*”, nhưng dưới thì chẳng khế cơ, chẳng có lợi ích cho chúng sanh. Vì vậy, Phật pháp phải khế cơ, khế lý thì mới thật sự là thiện xảo. Nếu chỉ khế lý, chẳng khế cơ, cổ nhân gọi [những lời lẽ ấy] là “*nhàn ngôn ngữ, phế thoại*” (lời lẽ thừa thãi, vô ích), chúng sanh chẳng đạt được lợi ích. Nếu chỉ khế cơ mà chẳng khế lý, chỗ tai hại còn lớn hơn nữa, đó là ma thuyết!

Người hiểu rõ ràng, nghe lời này nhất định sẽ “*sanh đại hối hận, khởi đại giác ngộ, nước mắt chứa chan, cầu sanh Tịnh Độ*”. Vì sao? Nếu từ Tây Phương Tịnh Độ quay lại, vì hết thầy chúng sanh thuyết pháp, tất nhiên là khế cơ, khế lý, quyết định chẳng có làm lỗi. Dẫu là Bồ Tát thuyết pháp, chẳng khác gì Phật! Do vậy, ta có thể biết: Chẳng thể không sanh về Tịnh Độ! Nếu không, những vị đại thiện tri thức, nhất đại tổ sư như thế, lời nói vẫn còn chẳng tránh khỏi khuyết điểm! Nghĩ đến pháp môn Sám

Hồi, Đẳng Giác còn phải sám hối, đạo lý này cũng rất hiển nhiên. Chúng ta muốn lợi lạc chúng sanh chẳng phạm lỗi thì chẳng thể nào không vãng sanh! Đại Mai, Khuê Phong đều là những nhân vật lỗi lạc trong lịch sử Phật học Trung Quốc mà lời nói còn phạm khuyết điểm! Hôm nay, chúng tôi giảng đến đây!

Tập 133

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang hai trăm chín mươi.

(Sao) Cố Thiệu Thủy bình Khuê Phong Sớ, vị hân yếm thủ xả, tuy vị mê chân khởi vọng, diệc năng thuận giáo thành công, dẫn tri toàn tu tức tánh, tức hân yếm bản không.

(鈔) 故苕水評圭峰疏，謂忻厭取捨，雖謂迷真起妄，亦能順教成功，但知全修即性，則忻厭本空。

(Sao: Vì thế, ngài Thiệu Thủy bình luận Khuê Phong Sớ, bảo: “Ưa, chán, lầy, bỏ, tuy nói là mê chân dấy vọng, nhưng cũng có thể thuận theo lời dạy mà thành công. Chỉ biết toàn tu chính là tánh thì ưa - chán vốn là Không”).

Nay trong đoạn văn này, [Liên Trì đại sư] dẫn lời cổ đại đức để chứng minh, chỗ này cũng là một câu tổng kết, nhằm vào ý nghĩa dạy chúng ta phải tùy thuận giáo lý thì mới có thể đạt được thành tựu. “*Thuận giáo thành công*”, Công (功) là công đức, Thành (成) là thành tựu. Khuê Phong đại sư là tổ sư đời thứ năm của tông Hoa Nghiêm, tức là Tông Mật đại sư, Ngài [Thiệu Thủy] nói: “*Hân yếm thủ xả, tuy vị mê chân khởi vọng, diệc năng thuận giáo thành công*” (Tuy nói “*ưa, chán, lầy - bỏ*” là mê chân, dấy vọng, nhưng vẫn có thể thuận theo lời dạy mà thành công). Lời này nói hết sức hay, vì sao? Ưa, chán, lầy, bỏ đều là chấp tướng, đương nhiên là “*mê chân, khởi vọng*”, đích xác là mê chân khởi vọng, chẳng thể đem so với Tánh Tông để luận định được! Nhưng quý vị tùy thuận phương pháp này thì sẽ quyết định có thể thành công; nương theo phương pháp này để tu học, quyết định chẳng phí uổng. “*Phá mê, chứng chân*”, lời ấy nói nghe rất êm tai, nhưng trên thực tế chẳng làm được. Lão pháp sư Đàm Hư nói: “*Tham Thiền có thể đắc Thiền Định, nhưng chẳng có cách nào khai ngộ*”. Người khai ngộ đúng là như lông phượng, sừng lân. Chẳng khai ngộ sẽ chẳng thể liễu sanh tử, thoát tam giới. Nói cách khác, tu Thiền thật sự giỏi giang thì bất quá vãng sanh Tứ Thiên Thiên mà thôi.

Vãng sanh Tứ Thiên Thiên thua kém Tây Phương Cực Lạc thế giới rất xa! Trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, dầu là hạ hạ phẩm vãng sanh trong cõi Phạm Thánh Đồng Cư cũng vĩnh viễn bất thoái chuyển, cũng là

viên mãn thành tựu Vô Thượng Bồ Đề trong một đời. Sinh vào Tứ Thiên Thiên, khi thọ mạng trong Tứ Thiên Thiên đã hết, vẫn luân hồi trong lục đạo. Do vậy, mọi người chớ nên hâm mộ Tứ Thiên Thiên hoặc Tứ Không Thiên, vì sao? Vì trong đời quá khứ, quý vị đã từng sống ở những nơi đó rất lâu, nay quý vị lại đọa lạc đến nơi đây, có còn muốn đến đó nữa hay chẳng? Sau khi đến đó, vẫn phải luân hồi, vẫn phải đọa lạc đến nơi đây. Vì thế, Tứ Thiên Thiên và Tứ Không Thiên đều chẳng cần phải sinh về. Tứ Thiên mà còn chẳng nên sinh vào, huống gì Dục Giới Thiên? Do vậy, nhất định phải hạ quyết tâm trong một đời này nhất định phải vãng sanh Tịnh Độ. Tuy nói “trong hết thảy các pháp môn Đại Thừa, vãng sanh Tịnh Độ là đạo dễ hành”, nhưng người niệm Phật rất đông, rốt cuộc người vãng sanh vẫn là rất hiếm, nguyên nhân ở chỗ nào? Do chúng ta phát tâm niệm Phật không đúng pháp, nên mới tạo thành nông nổi ấy. Miệng niệm “câu vãng sanh”, trong tâm vẫn lưu luyến thế giới này, đối với ngũ dục, lục trần, tham, sân, si, mạn vẫn chẳng buông xuống được nên chẳng thể thành tựu. Người nào vãng sanh? Người thật sự bỏ hết ngũ dục, lục trần.

Ở đây nói “*hân, yếm, thủ, xả*”, Hân (忻) là vui vẻ, thật sự phát khởi tâm vui thích, mong cầu đối với Tây Phương Cực Lạc thế giới, hy vọng ta thật sự có thể sanh về Tây Phương Tịnh Độ, hy vọng chính mình thật sự có thể gặp A Di Đà Phật, quý vị phải có cái tâm này. Yếm (厭) là chán lìa thế giới Sa Bà, đối với thế giới Sa Bà chớ nên có mảy may lưu luyến nào, như vậy thì mới có thể vãng sanh. Tuyệt đối chẳng phải là nói một mặt vãng sanh, một mặt vẫn nghĩ tưởng, vẫn lưu luyến thế giới này, mong đạt được cả hai, há có chuyện tiện nghi như vậy? Nhất định phải bỏ Sa Bà, lầy Cực Lạc. Cách lầy - bỏ như thế nào? Lầy - bỏ nơi nhân thì quả sẽ tự nhiên đạt được. Nhân của thế giới Sa Bà là gì? Là tham, sân, si tam độc phiền não, nhất định phải bỏ. Đối với Tây Phương Cực Lạc thế giới, đương nhiên [cái nhân] trọng yếu nhất là “*phát Bồ Đề tâm, nhất hướng chuyên niệm*”, chúng ta phải giữ lấy điều này. Bồ Đề tâm là giác tâm, giác chứ không mê. Khó khăn lớn nhất của chúng ta trong hiện thời là hễ cảnh giới vừa hiện tiền bèn mê, mê chứ chẳng giác, như vậy thì sẽ chẳng thể vãng sanh. Vì thế, đối với bốn mươi tám nguyện trong kinh Vô Lượng Thọ, tôi đã từng bảo quý vị: Mọi người nhất định phải nhớ kỹ, phải niệm kinh nhuần nhuyễn thì trong cảnh giới chúng ta mới khởi tác dụng được, tức là lúc thấy sắc, nghe tiếng, bèn ngay lập tức nghĩ đến những giáo huấn trong kinh.

Đặc biệt rất đáng cảnh giác là trong bốn mươi tám nguyện có hai đoạn nói rất rõ ràng: Đoạn thứ nhất nói A Di Đà Phật thọ mạng vô lượng.

[Điều khiển cho] Tây Phương Cực Lạc thế giới thù thắng nhất, hết thảy các cõi Phật trong mười phương chẳng thể sánh bằng, chính là do thọ mạng vô lượng, đó là nguyên nhân thù thắng căn bản. Dầu sung sướng đến mấy mà thọ mạng ngắn ngủi, sẽ là chỗ khuyết hãm, chẳng phải là chân lạc! Thọ mạng vô lượng, là vô lượng chân thật, tuyệt đối chẳng phải là vô lượng trong hữu lượng³³. Kế đó, chẳng ai có thể tính biết rõ ràng số người trong thế giới Cực Lạc! Trong kinh, đức Thế Tôn đã bảo chúng ta: Giả sử hết thảy chúng sanh trong tam thiên đại thiên thế giới, đây là tỷ dụ, thảy đều chứng quả Bích Chi Phật, tuyệt diệu thay! Đã thế, họ đều có thần thông giống như ngài Mục Kiền Liên, ngài Mục Kiền Liên thần thông quảng đại, cùng nhau tính toán số người trong Tây Phương Cực Lạc thế giới. Người đông ngàn ấy thảy đều cùng nhau tính toán, tính toán bao lâu? Rất nhiều kiếp, chẳng phải là một hai ngày, lấy kiếp làm đơn vị. Để cho họ tính toán trong thời gian lâu ngàn ấy, đức Phật nói số người họ tính ra giống như một giọt nước trong biển cả dính trên một sợi lông, họ có thể biết, có khả năng tính được chừng ấy, còn [số lượng] họ không biết giống như nước trong biển cả! Đức Phật dùng tỷ dụ ấy để dạy chúng ta, quý vị bèn hiểu số người trong Tây Phương Cực Lạc thế giới quá nhiều, chẳng có cách nào tưởng tượng được, đúng là chẳng thể nghĩ bàn!

Thần thông và đạo lực của những người ấy chẳng khác A Di Đà Phật cho mấy, tức “*thiên nhãn đồng thị*” (thiên nhãn thấy thấu suốt). Trong mười phương thế giới, quá khứ, hiện tại, vị lai, hết thảy các động tác của quý vị, dầu là động tác nhỏ nhất đến đâu đi nữa, người ta đều thấy rõ ràng, rành rẽ. Quý vị nói năng, nói thật khế, họ vẫn nghe rõ rệt, chẳng giấu được một ai! Trong tâm quý vị khởi tâm động niệm, họ biết toàn bộ. Vậy thì chính chúng ta phải khéo phản tỉnh một phen, chúng ta có đủ tư cách ở trong Tây Phương Cực Lạc thế giới hay không? Miệng nói “ta muốn cầu sanh Cực Lạc Tịnh Độ”, nhưng trong tâm chẳng phải là chuyện như vậy! Thậm chí ác niệm trong tâm chúng ta, chúng ta chẳng biết, nhưng Phật, Bồ Tát biết rõ ràng!

Tu hành là tu ở chỗ nào? Tu nơi tâm. Khi quý vị không tu ở nơi ấy, nói cách khác, quyết định chẳng tránh khỏi tam đồ! Tam đồ là địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Quý vị đã tạo tham, sân, si, giết, trộm, dâm, dối, lẽ đâu

³³ Vô lượng trong hữu lượng: Vô lượng có hai cách hiểu:

1. Không thể tính đếm được nên gọi là vô lượng.
2. Vô lượng là tên một trong mười con số lớn theo toán pháp của cổ Ấn Độ. Dầu con số ấy lớn đến mấy, vẫn tính được, vẫn có số lượng nhất định nên gọi là “vô lượng của hữu lượng”

chẳng đọa tam đồ? Chớ nên nói “ta niệm Phật”, niệm Phật vẫn đọa tam đồ y hệt! Quý vị hãy đọc tác phẩm chú giải Đại Thế Chí Bồ Tát Niệm Phật Viên Thông Chương của pháp sư Quán Đảnh, sách ấy có nói một trăm thứ quả báo khác nhau của người niệm Phật. Loại thứ nhất là đọa A Tỳ địa ngục. Niệm Phật suốt một đời, niệm đến cuối cùng vào trong A Tỳ địa ngục, rất oan uổng! Niệm Phật là niệm giác, dạy quý vị niệm niệm giác chứ không mê, đó là niệm Phật. Nếu miệng gào “*nam-mô A Di Đà Phật*”, trong tâm mê hoặc, điên đảo, thườ Hàn Sơn và Thập Đắc tại thế, các Ngài là hóa thân của hai vị đại Bồ Tát Văn Thù và Phổ Hiền, các Ngài đã châm chọc: “*Hãm phá hầu lung dã uổng nhiên*” (Gào toạc cổ họng cũng uổng công). Mỗi ngày niệm mười vạn tiếng Phật hiệu, gió thổi chẳng lọt, mưa tạt chẳng ướt, vẫn đọa A Tỳ địa ngục, vẫn phải đọa y hệt, chẳng sai! Hết toạc cổ họng cũng uổng công! Hàn Sơn và Thập Đắc là hai vị đại Bồ Tát Văn Thù và Phổ Hiền [hóa thân]. Trong kinh Hoa Nghiêm, hai vị đại Bồ Tát ấy đều phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ .

Kinh Vô Lượng Thọ đã dạy rõ ràng, minh bạch, Tây Phương Cực Lạc thế giới là thế giới của Phổ Hiền Bồ Tát, ai nấy “*đều cùng tuân tu đức của Phổ Hiền Đại Sĩ*”, nên thế giới ấy là thế giới của Phổ Hiền Đại Sĩ. Bốn mươi tám nguyện đã nói rất rõ ràng, Tây Phương Cực Lạc thế giới toàn là Bồ Tát. Trong kinh nói có người, trời, có La Hán, đó là nói tùy thuận người trong các thế giới ở phương khác, chứ người ở bên đó (Cực Lạc) quyết định chẳng có A La Hán thật sự, chẳng có trời hay người thật sự. Vì thế, đối với mười pháp giới, Cực Lạc chỉ có hai pháp giới là Phật pháp giới và Bồ Tát pháp giới, những pháp giới khác thảy đều chẳng có!

Quý vị hãy suy nghĩ, cõi Phạm Thánh Đồng Cư bên ấy và cõi Phạm Thánh Đồng Cư của chúng ta khác nhau. Cõi Phạm Thánh Đồng Cư của chúng ta thật sự có người, trời, bên Cực Lạc chẳng có! Đã chẳng có, có sao gọi là cõi Phạm Thánh Đồng Cư? [Cõi nước cư trụ của] Sơ Tín vị Phổ Hiền Bồ Tát được gọi là cõi Phạm Thánh Đồng Cư, vì sao? Họ chưa đoạn hết Kiến Tư phiền não, giống như trời, người trong thế giới này, nói theo cách ấy! Thật ra, họ chẳng phải là trời, người thật sự, mà đều là Bồ Tát. Ở bên ấy, từ địa vị Sơ Tín cho đến Đẳng Giác Bồ Tát là năm mươi một địa vị. Chương Đại Thế Chí Viên Thông trong kinh Lăng Nghiêm nói “*năm mươi hai đồng luân*”, lời ấy nói chẳng sai, có cùng một ấn chứng với kinh Hoa Nghiêm, chẳng sai chút nào! Đồng luân (同倫) là gì? Đồng loại! Đại Thế Chí Bồ Tát cũng tu hạnh Phổ Hiền, nên nói thật ra, Ngài là Phổ Hiền Bồ Tát. Nói “*năm mươi hai*” tức là [năm mươi một địa vị Bồ Tát] kể cả Đẳng Giác, [tức là] kể cả A Di Đà Phật trong đó! Nơi ấy là pháp giới bình

đăng, nên cõi Phạm Thánh Đồng Cư của Cực Lạc chẳng giống cõi Phạm Thánh Đồng Cư trong hết thảy các cõi Phật ở mười phương. Bốn cõi trong mười phương thế giới có mê, có ngộ. Bốn cõi trong Tây Phương Cực Lạc thế giới đều chẳng mê, thù thắng ở chỗ này. Điều này đáng cho chúng ta cảnh giác.

Chúng ta khởi tâm động niệm, Phật, Bồ Tát đều biết, chẳng thể giấu một ai! Chính mình phải tin tưởng điều này; quý vị không tin thì chính quý vị bị thua thiệt, chứ Phật, Bồ Tát chẳng bị thiệt thòi. Chúng ta tin tưởng điều này, đương nhiên chúng ta đồng thời cũng tin tưởng, dấy lên chân tâm, phát nguyện thật sự, cầu sanh Tịnh Độ. Phật, Bồ Tát cũng hoàn toàn hay biết, lúc lâm chung nhất định đến tiếp dẫn. Do vậy, chúng ta vỗ ngực nói “tôi nhất định vãng sanh”, vì sao? Tôi tin tưởng! Tôi khởi tâm động niệm, A Di Đà Phật biết, Quán Âm, Thế Chí biết, chư thượng thiện nhân chẳng có vị nào không biết! Tôi cầu sanh Tịnh Độ, lẽ đâu các Ngài chẳng đến tiếp dẫn tôi? Đương nhiên đến nghênh tiếp, chẳng hoài nghi tí nào! Vì thế, tâm, nguyện, và hành trì của chúng ta đều phải tương ứng với kinh điển. Kinh giảng như thế nào, chúng ta bèn làm theo cách ấy, nỗ lực thực hiện sao cho mỗi điều giáo huấn đều làm được. Đây là tiền vốn vãng sanh của chúng ta, là điều kiện quyết định để vãng sanh. Trừ nguyện vọng ấy ra, chẳng còn có nguyện vọng nào khác. Tới Tây Phương Cực Lạc thế giới, đoạn phiền não, học pháp môn, thành Phật, làm Tổ, lại quay về giúp đỡ hết thảy hữu tình chúng sanh.

Ở đây nói “*mê chân, khởi vọng*” thì nói cách khác là “đói nghiệp vãng sanh”, mang theo nghiệp ấy, [nghiệp ấy] là mê Chân! Do vậy, chẳng sao cả! Pháp môn này là đói nghiệp vãng sanh. Đói với chuyện đói nghiệp, phải đặc biệt ghi nhớ, chỉ mang theo cữ nghiệp, chẳng mang theo tâm nghiệp. Chớ nên nghe nói “*đói nghiệp vãng sanh*”, [bèn nghĩ] nay ta tạo nhiều nghiệp đói chút cũng chẳng sao, vẫn có thể vãng sanh!” Chẳng có lẽ ấy, chỉ mang theo cữ nghiệp! Cổ nhân thường dạy, thường khuyến khích, cô vũ chúng ta chớ nên tạo nghiệp mới. Bởi lẽ đó, “*diệc năng thuận giáo thành công*” (cũng có thể thuận theo lời dạy mà thành công). Cảnh giới tất nhiên là mỗi năm một tầng cao hơn. Chỉ cần quý vị nghiêm túc thực hiện, tu tập nửa năm, sẽ có cảm ứng. Cảm ứng chẳng phải là những thứ thần thông bình phàm, mà cảm ứng là phiền não nhẹ nhàng, trí tuệ tăng trưởng, thấy hết thảy sự vật rõ ràng hơn trước nhiều lắm, đó là cảm ứng, là hảo tướng. Nói cách khác, chẳng mê như trước kia, chẳng chấp trước như trước kia, mê chấp dần dần phai nhạt, trí tuệ tăng trưởng, thông đạt Sự, Lý. Đó là thụy tướng (tướng lành), là hảo tướng. Ngàn vạn phần

chớ nên cầu các tướng trạng kỳ quái, [chẳng hạn như thân hình lơ lửng trên không] cách mặt đất ba thước, trên thân tỏa ánh sáng, thấy thần, thấy quỷ, [cầu các tướng trạng kỳ dị ấy] sẽ bị phiền toái! Nếu có những hiện tượng ấy xuất hiện, người ấy sẽ bị phiền phức to lớn, sợ rằng trong vòng một năm hay nửa năm sẽ phải vào nhà thương điên, vấn đề nghiêm trọng lắm! Do vậy, chúng ta chẳng cầu những tướng kỳ dị, lạ lùng ấy! Dầu những tướng ấy hiện hữu, phải coi tướng lạ như chẳng có gì lạ lùng! Kinh Lăng Nghiêm đã dạy chúng ta: Những tướng ấy hiện tiền, chẳng quan tâm tới chúng! Chỉ cần quý vị không để ý tới chúng, những tướng ấy sẽ dần dần ít đi, dần dần chẳng còn nữa.

“*Đản tri toàn tu tức tánh, tắc hân yém bốn không*” (chỉ biết “toàn tu chính là tánh” thì ưa, chán vốn là Không), đó là Lý. Phải làm sao mới có thể toàn tu? “*Toàn tu*” là tu viên mãn, một tu là hết thấy tu, cảnh giới ấy cao lắm! Đó là Viên Giáo Đại Thừa Bồ Tát, chẳng phải là cảnh giới của bậc Bồ Tát bình phàm, thường nói là Viên Giáo Nhất Thừa. Đương nhiên, nguyên lý ấy có thể bao gồm tất cả các pháp môn Đại Thừa, nhưng nếu quý vị chưa ngộ nhập cảnh giới ấy thì sẽ không được, vẫn thường là “*lấy một, sót cả vạn*”, đó là hiện tượng rất bình thường! Nhưng trong hết thấy các pháp môn, chẳng có pháp môn nào thù thắng hơn Niệm Phật. Ngẫu Ích đại sư đã nói rất rõ ràng: Cái tâm chúng ta có thể niệm Phật là Thi Giác, câu Phật hiệu được niệm là Bản Giác. Trong lúc chúng ta khởi tâm niệm Phật, Thi Giác hợp với Bản Giác, Thi và Bản chẳng hai, sẽ là “*toàn tu tức tánh*”, quý vị mới có thể thật sự chứng đắc “*hân yém bốn Không*” (ưa - chán vốn là Không). Đó là nói theo Lý; nhưng chúng ta chưa nhập cảnh giới ấy sẽ làm không được. Đến khi nào quý vị mới hiểu cảnh giới ấy đôi chút? Đến khi công phu thành phiến. Lúc công phu thành phiến, [vẫn là] hoàn toàn chưa chứng đắc, giống như chúng ta thấy lửa, chỉ đến gần, cảm nhận một chút hơi ấm. Trong địa vị ấy, trọn chẳng tiếp xúc với lửa, chỉ cảm thấy có chút hơi ấm. Khi nào mới nhập cảnh giới ấy? Niệm đến Lý nhất tâm bất loạn. Lý nhất tâm bất loạn, quý vị bèn chứng đắc cảnh giới ấy, ưa - chán vốn là Không!

Ưa - chán vốn là Không, chúng ta đọc mấy câu kinh Kim Cang một lượt, chư vị sẽ thể nghiệm sâu hơn một chút. Kinh Kim Cang dạy: “*Phàm tất cả những gì có tướng đều là hư vọng*”. Ưa - chán là tướng, “*vốn Không*” là hư vọng. “*Hết thấy các pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng*”, ưa - chán là pháp hữu vi, nên nó là mộng, huyễn, bọt, bóng. Chúng ta ai nấy đều biết niệm kinh Kim Cang, nhưng chẳng nhập cảnh giới ấy! Nhập cảnh giới ấy sẽ đại tự tại, giống như trong Tâm Kinh, “*Quán Tự Tại Bồ Tát*

hành thâm Bát Nhã Ba La Mật Đa thời”, tức là khi đã chứng đắc “*toàn tu tức tánh, wa - chán vốn không*” chính là lúc “*hành thâm Bát Nhã Ba La Mật Đa, chiếu kiến Ngũ Uẩn giai không, độ nhất thiết khổ ách*”. Hết thầy khổ là đối với những nỗi khổ của lục đạo phàm phu, Thanh Văn, Duyên Giác và Bồ Tát, người ấy thầy đều chẳng còn nữa, đã thành Phật! Nỗi khổ của chúng sanh trong chín pháp giới, người ấy đều rời khỏi, đều thoát sạch. Tuy Tâm Kinh chỉ có hai trăm sáu mươi chữ, nhưng cảnh giới ấy rất cao, đó là cảnh giới nơi quả địa Như Lai, thật sự chẳng thể nghĩ bàn!

Nói đến đây, chúng ta hãy nên hiểu sự thù thắng của pháp môn này, thù thắng ở chỗ nào? Là dùng niệm Phật, niệm một câu A Di Đà Phật bèn có thể đạt tới cảnh giới ấy, quá thù thắng! Đại Thế Chí Bồ Tát đã nói: “*Bát giả phương tiện, tự đắc tâm khai*”, [nghĩa là] chẳng cần nhờ đến sự giúp đỡ của pháp môn nào khác, một câu Phật hiệu cứ niệm đến cùng, thành tâm thành ý niệm, thật thà niệm Phật, hãy chú trọng hai chữ Thật Thà. Thật Thà là dùng tâm chân thành để niệm một câu Phật hiệu; tâm chân thành chính là bốn tánh của quý vị. Tám thức là vọng tâm, thật thà, chân thành là chân tâm. Chân tâm là bốn tánh, là Chân Như, Chân Như bốn tánh. Dùng Chân Như bốn tánh để niệm câu A Di Đà Phật này, há lẽ nào chẳng phải là Thi Giác hợp Bốn Giác ư? Sách Yếu Giải đã giảng rõ ràng, thấu triệt như thế!

(Sao) *Huống An Dưỡng nhất môn, chư Phật cộng tán.*

(鈔) 况安養一門，諸佛共讚。

(Sao: *Huống chi một môn An Dưỡng được chư Phật cùng khen ngợi.*)

“*An Dưỡng nhất môn*” là pháp môn Tịnh Độ. Người thế gian học Phật rất nhiều, người không học Phật chẳng nói làm chi, họ chẳng biết Tịnh Độ tốt đẹp! [Người học Phật mà] chẳng biết Tịnh Độ tốt đẹp, nói thật ra là do xem nhẹ kinh điển Tịnh Độ, chẳng nghiêm túc nghiên cứu, chẳng đổ công sức nơi đó, nên chẳng biết những điều hay trong các kinh ấy. An Dưỡng là Cực Lạc, là thế giới Cực Lạc. “*Chư Phật cộng tán*” (chư Phật cùng khen ngợi), mười phương ba đời hết thầy chư Phật chẳng vị Phật nào không tán thán Tây Phương Cực Lạc thế giới, chẳng có vị Phật nào không tán thán A Di Đà Phật. Kinh Vô Lượng Thọ ca ngợi A Di Đà Phật “*quang trung cực tôn, Phật trung chi vương*” (quang minh tôn quý nhất, vua của chư Phật). Thật sự học Phật thông đạt thì không ai chẳng quay về chuyên tu Tịnh Độ, cầu sanh Tịnh Độ.

Cổ đức như Mã Minh, Long Thọ Bồ Tát đều là đại thông gia, bậc trí huệ. Ngài Vĩnh Minh, tức Vĩnh Minh Diên Thọ đại sư, là bậc đại triết đại ngộ trong Thiên Tông quay trở lại nghiên cứu Giáo. Chúng ta nhìn vào Đại Tạng Kinh, cảm thấy [đô sộ] đáng sợ, lão nhân gia có khả năng cô đọng Đại Tạng Kinh thành một bộ Tông Kính Lục. Tông Kính Lục do Vĩnh Minh Diên Thọ đại sư soạn được gọi là Tiểu Tạng Kinh. Tông Kính Lục là gì? Là cô đọng của toàn thể Đại Tạng Kinh. Bậc thông Tông, thông Giáo quay về chuyên tu Tịnh Độ, chuyên hoằng dương Tịnh Độ, trở thành tổ sư đời thứ sáu của Tịnh Độ Tông. Tổ thứ sáu của Tịnh Độ Tông là Vĩnh Minh Diên Thọ đại sư, là bậc trí huệ trong tông Hoa Nghiêm.

Cận đại, cư sĩ Hạ Liên Cư, bản kinh Vô Lượng Thọ chúng ta đang nghiên cứu hiện nay là bản hội tập của cư sĩ Hạ Liên Cư. Trong quá khứ, chúng tôi chỉ biết Hạ cư sĩ là một vị rất lỗi lạc. Trong thời Kháng Chiến, trong giới Phật giáo có câu nói: “*Nam Mai, Bắc Hạ*”, [có nghĩa là] phía Nam [Trung Hoa, người thâm nhập Phật giáo bậc nhất] là Mai Quang Hy, ở phương Bắc là Hạ Liên Cư. Thuở ấy, họ được giới Phật giáo gọi là “*nhị đại sĩ*”. Đại Sĩ là danh hiệu tôn xưng Bồ Tát, nhị đại sĩ! Đối với cư sĩ Mai Quang Hy, chúng tôi cảm thấy quen thuộc đôi chút, chứ đối với Hạ cư sĩ thì xa cách, nguyên do là chúng tôi ở Đài Loan, lão cư sĩ Lý Bình Nam có công đức rất to đối với Phật giáo Đài Loan, cụ ở Đài Trung giáo hóa suốt bốn mươi năm. Lão cư sĩ Lý Bình Nam là học trò của cụ Mai Quang Hy, nên chúng tôi cảm thấy cụ Mai khá thân thuộc.

Lần này, tôi từ Mỹ quay về, đọc lá thư đầu tiên của lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ viết cho các đồng tu tại Mỹ, họ có đưa bản photocopy cho tôi xem. Ở Bắc Kinh, tôi và cụ đã gặp mặt nhưng chưa trò chuyện [về vấn đề này]. Trong thư ấy, [cụ Hoàng] viết như thế nào? Cụ cho biết, lúc tuổi già, thầy Mai còn bái cụ Hạ Liên Cư làm thầy, chúng ta phải đặc biệt chú trọng câu này. Cư sĩ Mai Quang Hy là cậu của cụ Hoàng Niệm Tổ, cậu của cụ Niệm Tổ gọi cụ sang chỗ cụ Hạ Liên Cư để học Phật. Cụ Hoàng theo cư sĩ Hạ Liên Cư hai mươi năm, nên thật sự đạt được chân truyền của Hạ cư sĩ. Không ngờ cậu cụ Hoàng đến lúc tuổi già vẫn bái cụ Hạ Liên Cư làm thầy! Quý vị liền hiểu: Đối với sự thành tựu của cư sĩ Hạ Liên Cư, có thể nói khẳng định chắc chắn là cụ đã có sở đắc.

Hai vị này đều là đại thông gia, họ đã học Thiên, học Mật, học Giáo, thứ gì cũng đều thông đạt, vào tuổi già chuyên tu Tịnh Độ, chuyên hoằng dương Tịnh Độ. Nhất là cư sĩ Hạ Liên Cư, không chỉ hội tập kinh Vô Lượng Thọ được cả cõi đời tán thán, mà còn đặc biệt san định một phương pháp và nghi thức tu Tịnh Độ, lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ trao cho tôi

phương pháp ấy, hy vọng tôi sẽ ấn hành, lưu thông tại Đài Loan. Vì ở Đại Lục chưa từng có, nên cụ đem mấy tác phẩm của thầy Hạ giao cho tôi. Lần này tôi trở về, thấy vậy, bèn [ấn hành] một bản in gộp chung hai nghi thức do cư sĩ Hạ Liên Cư biên soạn: Tịnh Tu Tiếp Yếu là một phương pháp tu hành đơn giản nhất, Bảo Vương Tam Muội Sám phức tạp hơn một chút. Có thời gian thì quý vị dùng Bảo Vương Tam Muội Sám. Nếu công việc hết sức bận rộn, hãy dùng Tịnh Tu Tiếp Yếu.

Nội dung sách Tịnh Tu Tiếp Yếu tuân theo kết cấu trong bộ Vãng Sanh Luận của Thiên Thân Bồ Tát, luận ấy là một thứ trong Tịnh Độ Tam Kinh Nhất Luận. Do trong Vãng Sanh Luận, Thiên Thân Bồ Tát đã nói tu Tịnh Độ có ngũ niệm pháp, nên cụ Hạ bèn căn cứ trên ngũ niệm pháp. Trong ngũ niệm pháp, có lễ bái, quán tưởng, phát nguyện, xưng danh, hồi hướng, cụ Hạ dựa trên năm loại phương pháp ấy. Năm loại phương pháp ấy đều được bao gồm trong mỗi lay lễ Phật, [Tịnh Tu Tiếp Yếu] có tổng cộng ba mươi hai lay, không nhiều lắm, vô cùng hay, sáng tối đều có thể dùng phương pháp này. Ba mươi hai lay, trong mỗi lay đều có quán tưởng. Sau khi quán tưởng xong, xưng Phật hiệu ba lượt, tức là niệm ba câu Phật hiệu bèn lễ một lay. Trong quán tưởng, đương nhiên bao gồm phát nguyện và hồi hướng. Nội dung quán tưởng của cụ dựa trên kinh Vô Lượng Thọ, quán tưởng công đức cùng với y báo và chánh báo trang nghiêm của Tây Phương Cực Lạc thế giới Di Đà, Quán Âm, Thế Chí, cũng có thể nói: Suy ra, toàn bộ ba mươi hai lay ấy là ôn tập kinh Vô Lượng Thọ từ đầu đến cuối một lần, đúng là tuyệt diệu! Tôi xem xong, rất bội phục, trong một thời gian ngắn ngủi đã ôn tập kinh này một lần. Mỗi sáng, quý vị tụng niệm khóa sáng, buổi tối niệm khóa tối, tức là buổi sáng ôn tập một lần, buổi tối ôn tập một lần, vô cùng hay, thật sự khó có!

Bảo Vương Tam Muội Sám còn gọi là Trường Thọ Sám vì Tây Phương Cực Lạc thế giới trường thọ! Bản ấy so ra phức tạp hơn một chút, khi lay sợ phải mất chừng một tiếng rưỡi! Hy vọng các đồng tu có thể luyện tập nghi thức này. Nếu luyện tập rất thuần thục, vào dịp Tết năm nay, những năm trước chúng ta luôn lễ một ngàn vị Phật, năm nay có thể lay theo nghi thức này, nhưng nghi thức nhất định phải thuộc. Không quen thuộc thì lễ bái rất loạn, chẳng đúng pháp. Đây là một cách tu hành hoàn toàn tương ứng với kinh luận, vô cùng khó có!

Tôi đọc những trước tác của Hạ cư sĩ, cảm thấy chúng sanh chúng ta trong đời này có phước. Sau khi cụ soạn xong, tại Đại Lục chẳng có cách nào lưu thông, bản gốc của cụ ở Đại Lục, tôi đem về một bản chép tay. Tôi cầm bản chép tay về vì ở Đại Lục chưa hề in, có rất nhiều người

phát tâm chép lại, nói chung cũng chép được chẳng ít bản. Tịnh Tu Tiệp Yếu in bằng ronéo, tạo bản gốc bằng giấy sáp (Stencil), chữ viết bằng bút sắt³⁴ rồi đem in ronéo, ở Đại Lục vẫn chưa có sách. Nay chúng ta đã in thành sách, gửi về Đại Lục cúng dường hộ tu hành, chúng ta có phước báo! Tôi nghĩ họ trông thấy [những cuốn sách ấy], nhất định sẽ vô cùng hoan hỷ!

Chú giải kinh Vô Lượng Thọ, chúng ta in một vạn cuốn, mỗi vị đồng tu đều có thể thỉnh một quyển về nhà. Về nhà đọc bản chú giải ấy, thứ Tư, thứ Bảy tới đây nghe giảng, tôi giảng không giống với lời chú giải cho lắm, có thể để cho quý vị tham khảo. Cụ có báo cáo tâm đắc của cụ, tôi cũng có báo cáo tâm đắc của tôi, có thể tham cứu lẫn nhau. Vì thế, quý vị đọc những kinh luận ấy thông suốt rồi mới hiểu [vì sao] chư Phật tán thán. Vì thế, chúng ta có thể khẳng định một câu, “*pháp môn này là pháp môn bậc nhất để mười phương ba đời hết thấy chư Phật độ chúng sanh thành Phật đạo*”, thế mà chúng ta có được, chẳng dễ dàng! Tuyệt đối chẳng phải là may mắn, mà là do thiện căn, phước đức, nhân duyên trong đời quá khứ của mọi người đã hiện tiền, được Tam Bảo gia trì, được oai thần của Phật Di Đà gia trì, nên chúng ta mới có thể gặp pháp môn bậc nhất này, gặp gỡ pháp môn thành Phật chân thật này. Đúng như cổ nhân đã nói “*vô lượng kiếp dĩ lai hy hữu nan phùng chi nhất nhật*” (một ngày hiếm có, khó gặp từ vô lượng kiếp đến nay), chúng ta đã gặp!

Nhân duyên của Hạ lão cư sĩ chín mươi ở chỗ chúng ta, nên ở mỗi nơi trên cả thế giới, tôi thường nói, chúng tôi đem những bộ sách này tặng họ. Đã tặng rồi, còn phải đích thân tới đó giới thiệu, thuyết minh. Nếu không, họ chẳng biết giá trị! Họ chẳng biết đây là pháp bảo bậc nhất trong hết thấy các pháp, phải đến đó, buốt lòng rất miệng giới thiệu với họ, họ mới hiểu rõ, mới chịu tu tập! Nếu không, quý vị tặng sách cho họ, họ bày ở kệ sách giống như các sách Phật thông thường, thấy một cuốn sách dày cộp như vậy, vừa nhìn đã thấy ngán ngẩm, chẳng dám đọc! Người hiện thời thích gì? Đơn giản, dễ hiểu, tập sách nhỏ mỏng mảnh được hoan nghênh nhất!

Do vậy, tôi vẫn mong các đồng tu nếu có thời gian, tốt nhất là quý vị viết một bản trích lược những chỗ trọng yếu, gần gũi, dễ hiểu trong chú giải kinh Vô Lượng Thọ, rất thích hợp để thế hệ hiện thời ứng dụng, tuyển chọn lần nữa từ bản chú giải này để biên soạn thành một cuốn sách nhỏ. Thích đơn giản bèn có bản đơn giản. Chẳng sợ rườm rà bèn có bản chi tiết,

³⁴ Gọi là bút sắt (thiết bút) là các loại bút thông thường, không phải là bút lông (mao bút) truyền thống chuyên dùng để viết chữ Hán.

có bản gốc. Nhưng những phần trích lục giản lược ấy nhất định phải trung thực, đều là những câu trong bản chú giải, đừng nên thêm vào ý kiến của chính mình, chớ nên tự mình tăng thêm chữ, thật sự là một bản tiết lược. Chẳng hạn như một câu kinh văn có một đoạn giải thích rất dài, chúng ta chỉ lấy một hai câu là được rồi để soạn thành bản trích lược, làm như vậy để chính mình đọc sẽ rất hữu dụng. Bản tiết lược như vậy một khi được phổ biến, quý vị sẽ có thể tự giảng kinh này, xác thực là tự lợi, lợi tha. Đối với cái hay của kinh, đích xác phải thật sự thông đạt Đại Thừa Phật pháp thì mới liễu giải!

(Sao) Vãng lai pháp giới, di hiển duy tâm, thác bĩ thắng duyên, tốc đăng bảo giác.

(鈔) 往來法界，彌顯唯心，託彼勝緣，速登寶覺。

(Sao: Qua lại pháp giới, duy tâm càng rõ rệt. Nhờ vào duyên thù thắng ấy để mau lên bảo giác).

“Bảo giác” là thành Phật. “Vãng lai pháp giới”, vãng như thế nào? Lai như thế nào? “Vãng” là nói chúng ta cầu sanh Tịnh Độ, “lai” là từ Tây Phương Cực Lạc thế giới nương theo nguyện trở lại, giúp hết thảy hữu tình chúng sanh phá mê khai ngộ. Đối với “phá mê khai ngộ”, tôi phải nói với quý vị, chẳng phải là “phá mê khai ngộ” như trong Thiên Tông đã nói, cũng chẳng phải là phá mê khai ngộ trong hết thảy [các pháp môn] Đại Thừa, tôi nói tới [phá mê khai ngộ] trong tông này. Tông này phá mê gì? Hoài nghi, chẳng tin tưởng Tịnh Độ cho lắm, đó là mê. Khai ngộ gì? Thật sự nhận thức pháp môn này là pháp môn bậc nhất để chư Phật độ sanh thành Phật, hạ quyết tâm nỗ lực tiêm tu, niệm một câu Phật hiệu này đến cùng, chẳng hoài nghi, không gián đoạn, không xen tạp, đó là đại triệt đại ngộ, là người thật sự giác ngộ. Khăng khăng một mực tu pháp môn này bèn là giác ngộ chân chánh, giác ngộ chân thật. Thưa cùng quý vị, sự giác ngộ này vượt trội sự giác ngộ của Thiên Tông.

Tuy nói sự giác ngộ trong Thiên Tông là minh tâm kiến tánh, “đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh”, nhưng đã kiến tánh thì sẽ như thế nào? Đã kiến tánh vẫn có thể bị thoái chuyển, cho nên chẳng bằng triệt ngộ trong Tịnh Độ! Triệt ngộ trong Tịnh Độ là hề vãng sanh liền bất thoái chuyển, hạ hạ phẩm vãng sanh cũng viên chứng ba món bất thoái, Thiên làm sao có thể sánh bằng?

Kinh Vô Lượng Thọ đã nói rất rõ rệt, vương tử A Xà Thế và năm trăm vị đại trưởng giả trong đời quá khứ trụ Bồ Tát đạo, từng cúng dường

bốn trăm ức Phật. Có thể thấy thuở ấy, họ là Bồ Tát, nay biến thành vương tử, trưởng giả, đã lui sụt, thoái chuyển rồi, quên hết chuyện quá khứ, bị mê khi cách âm. [Đã minh tâm kiên tánh] lại bị mê khi cách âm, lại bị thoái chuyển, làm sao có thể sánh bằng người trong Tây Phương Cực Lạc thế giới? Người từ Tây Phương Cực Lạc thế giới đến ứng hóa trong bất luận thế giới nào đều chẳng bị mê khi cách âm, chẳng bị thoái chuyển! Người ấy chỉ thị hiện, chẳng phải là thoái chuyển; chẳng thể nào sánh bằng! Cảnh giới đại triệt đại ngộ của Tịnh Độ Tông và đại triệt đại ngộ của Thiên Tông khác nhau, cách nói khác nhau! Do vậy, thật sự hiểu rõ, khẳng khái một mực tu học môn này, quyết tâm vãng sanh Tịnh Độ trong một đời này, đó là triệt để giác ngộ. Người như vậy được chư Phật tán thán, hộ pháp thiện thần ủng hộ, quyết định ủng hộ, nên quý vị chẳng gặp hết thấy tai nạn. Huông chi kinh đã nói rõ ràng, A Di Đà Phật phái hai mươi lăm vị Bồ Tát ngày đêm bảo hộ người như vậy, chúng ta phải tin tưởng điều này! Do vậy, Vãng là vãng sanh, Lai là quay trở về phổ độ chúng sanh, trở vào Sa Bà.

Sa Bà, Cực Lạc, cho đến vô lượng vô biên cõi nước trong tận hư không khắp pháp giới đều do nhất tâm của chúng ta hiện ra, “*duy tâm sở hiện, duy thức sở biến*”. Nói theo tâm tánh, chẳng có đến hay đi. Vì thế, theo Lý thì chẳng có vãng lai, nhưng trên mặt Sự bèn có vãng lai. Trên mặt Sự thì có vãng, có lai, nhưng theo Lý thì chẳng có. Phật pháp thường nói “*bất nhất, bất dị*” (chẳng một, chẳng khác), “*bất nhất*” là có vãng lai, “*bất dị*” là chẳng có hai thứ. Vãng Lai xét về Sự lẫn Lý đều chẳng có, như vậy thì mới có thể thật sự thấu hiểu rõ rệt “*duy tâm*”. Nếu chẳng có những hiện tượng ấy, dựa vào đâu để hiểu “*duy tâm sở hiện, duy thức sở biến*”? Nhất định phải có dấu vết, hình tượng để tìm kiếm, từ những dấu vết, hình tượng ấy bèn ngộ nhập, ngay lập tức hiểu rõ. Vì thế, vãng lai mà thật ra chẳng vãng lai. Tịnh Độ Sanh Vô Sanh Luận có nói: “*Sanh tắc quyết định sanh, khứ tắc thật bất khứ*” (sanh thì quyết định sanh, nhưng đi thì thật sự chẳng đi). “*Khứ tắc thật bất khứ*”: Nói theo Lý là “*duy tâm sở hiện, duy thức sở biến*”, chẳng có vãng lai. “*Sanh tắc quyết định sanh*” là nói theo Sự, quyết định là có! Nói theo Lý là nhất như, vạn pháp nhất như; vì thế, nói theo Lý bèn chẳng có sanh diệt, chẳng có vãng lai. Phải biết điều này tuyệt đối chẳng phải là mâu thuẫn.

Hai câu tiếp đó rất trọng yếu, “*thác bỉ thắng duyên, tốc đặng bảo giác*” (dựa vào duyên thù thắng ấy, mau chóng lên bảo giác), chữ Duyên đặc biệt chỉ tăng thượng duyên. Duyên phận ấy quá thù thắng, đó là nói “*niệm Phật thành Phật*”. Người thật sự tu Tịnh Độ, tôi vừa mới thừa cùng

chư vị, ở ngoại quốc chúng tôi thành lập bảy Tịnh Tông Học Hội, bản thân chúng tôi đương nhiên muốn thành lập, chẳng thành lập sẽ không an lòng. Tịnh Tông Học Hội do cư sĩ Hạ Liên Cư đề xướng, cụ hy vọng dùng tổ chức ấy để chuyên tu Tịnh Độ, chuyên hoằng dương Tịnh Độ, ý tưởng ấy vô cùng hay. Tịnh Tông Học Hội đề xướng “*giải hành tương ứng*”, không chỉ cầu giải, mà còn coi trọng chân tu. Giải chủ yếu là nương theo năm kinh một luận, lý luận, phương pháp, và cảnh giới để chúng ta nương theo là năm kinh một luận của Tịnh Độ. Trong hành môn bèn có thứ lớp, trước tiên phải nương theo tam phước. Trong quá khứ, chúng tôi đã giảng kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật. Đức Thế Tôn khai thị cho phu nhân Vy Đề Hy, trước khi giảng phương pháp tu hành, bèn trước hết nói về ba thứ Tịnh nghiệp, tức là tam phước. Trong phần tổng kết, Ngài cho biết ba thứ ấy (ba phước) là “*chánh nhân Tịnh nghiệp của tam thế chư Phật*”, cái nhân ấy thù thắng. Ba điều ấy gồm mười một câu, chúng ta nhất định phải làm được, đó là tu hành! Đó là đại căn đại bản trong tu Tịnh Độ, là cơ sở của “*phát tâm Bồ Đề, một bề chuyên niệm*”. “*Phát tâm Bồ Đề, một bề chuyên niệm*” được kiến lập trên cơ sở ba món Tịnh nghiệp, mỗi câu Phật hiệu của quý vị đều tương ứng, quý vị mới có thể nói “*một câu Phật hiệu diệt trừ trọng tội trong tám mươi ức kiếp sanh tử*”, mới có thể diệt được! Quý vị niệm câu Nam-mô A Di Đà Phật hằng ngày, nhưng chẳng có ba thứ Tịnh nghiệp ấy thì Phật hiệu chẳng có sức mạnh, chẳng khởi tác dụng.

Điều thứ nhất trong tam phước gồm bốn câu, “*hiếu dưỡng phụ mẫu*”, chúng ta có tận tâm tận lực thực hiện hay không? Nếu quý vị chẳng thể tận tâm tận lực hiếu thuận cha mẹ, quý vị niệm A Di Đà Phật ổng công, chẳng thể vãng sanh! “*Phụng sự sư trưởng*”: Hiếu thân, tôn sư, mở đầu bằng hai câu ấy, vì sao phải hiếu thảo với cha mẹ? Vì sao phải tôn kính thầy? Chư vị phải hiếu: Hiếu thân tôn sư là Tánh Đức, là phẩm đức trong bốn tánh. Chỉ có Tánh Đức mới có thể khai phát quang minh trong tự tánh, mới có thể khai phát vô lượng công đức trong tự tánh, đó là công cụ! Quý vị chẳng dùng công cụ của Tánh Đức, làm sao quý vị có thể khai phát Tánh Đức? Chẳng hiếu thảo với cha mẹ, chẳng tôn kính thầy, sẽ chẳng có tác dụng! Phật đến dạy quý vị, quý vị vẫn chẳng có cách nào thành tựu. Chúng ta hiểu ý nghĩa thật sự của việc “*hiếu thân tôn sư*”, thật sự có lý, mới bèn khăng khăng một mực thực hiện, chẳng phải là miễn cưỡng nữa!

Chẳng hiểu rõ đạo lý này, ta tôn kính thầy để làm gì? Mọi người đều chẳng tôn kính thầy, vì sao ta phải kính thầy? Mọi người đều chẳng hiếu thuận cha mẹ, vì sao ta phải hiếu thuận cha mẹ? Mọi người đều đọa

tam ác đạo, quý vị có muốn đọa tam ác đạo hay không? Mọi người đều đọa tam ác đạo, đương nhiên ta cũng phải đến đó! [Nếu trả lời] như vậy thì chẳng còn nói gì nữa, chẳng cần phải bàn luận nữa! Mọi người đều đến tam ác đạo, mọi người luân hồi trong lục đạo, quý vị muốn thành Phật, thành Bồ Tát, vậy thì quý vị chẳng thể làm gì khác hơn là hiếu thuận cha mẹ, tôn kính sư trưởng, chẳng còn bàn cãi gì nữa! Chẳng giống như mọi người! Xác thực là khác nhau. Do vậy, nhất định phải hiểu rõ lý luận, mới biết vì sao chúng ta phải làm theo cách như vậy. Cách làm ấy có lý, có công đức chân thật. Sau đây mới là “*từ tâm chẳng giết chóc, tu mười thiện nghiệp*”. Vì thế, hai câu đầu tiên là đại căn đại bản.

Phước thứ hai là “*thọ trì Tam Quy, trọn đủ các giới, chẳng phạm oai nghi*”, điều này cũng có vấn đề rất lớn. Nay chúng ta nói đến Tam Quy, rất nhiều người nói: “Quy y một vị pháp sư nào đó”, sai mất rồi! Tam Quy là Tam Tự Quy, tức là quy y Tự Tánh Tam Bảo, đó là Tam Quy chân chánh. Quy y Phật là giác chứ không mê, từ mê hoặc, điên đảo, quay lại nương theo giác, tức là nương theo tự tánh giác, đó là quy y Phật. Quy y Pháp, Pháp là chánh tri chánh kiến, cũng là tư tưởng và kiến giải được nói trong kinh điển. Chúng ta niệm mỗi ngày, đối chiếu tư tưởng và kiến giải của chúng ta với các điều ấy; nếu giống nhau thì tư tưởng và kiến giải của chúng ta chính xác. Nếu khác nhau, chúng ta phải sửa đổi tư tưởng và kiến giải của chính mình, chiếu theo kinh luận để tu chỉnh tư tưởng và kiến giải của chính mình, đó là “chánh chứ không tà”. Đối với các pháp thế gian và xuất thế gian, đối với vũ trụ và nhân sinh, qua xử sự, đãi người, tiếp vật trong cuộc sống hằng ngày, chúng ta phải có cách nghĩ và cách nhìn tương ứng với kinh điển, tri kiến ấy là chánh tri chánh kiến, đó là quy y Pháp. Quy y Tăng, Tăng có nghĩa là thanh tịnh, sáu căn thanh tịnh, chẳng nhiễm mây trần. Tăng nghĩa là hòa hợp, Lục Hòa Kính. Như thế mới là Tam Quy Y! Chẳng phải là bái một vị pháp sư, “ta đã quy y rồi, ta quy y pháp sư X...”, đó là mê hoặc, điên đảo. Quy y kiểu ấy là quy y để vào tam đồ, đáng sợ quá! Do vậy, chúng ta nhất định phải hiểu rõ ràng, nhất định phải thật sự giác ngộ.

“*Trọn đủ các giới*”, hiện thời rất ít người nói tới giới. Có phải là chúng ta phải đọc giới kinh, niệm giới bốn hằng ngày hay không? Chiếu theo nghi thức để làm sẽ là giới Tiểu Thừa. Giới Tiểu Thừa trọng hình thức, Tiểu Thừa luận sự, chẳng luận tâm. Sự là hình thức, họ rất coi trọng hình thức, chẳng coi trọng tâm. Giới Đại Thừa luận tâm, chẳng luận sự, không đặt nặng hình thức, mà chú trọng tâm lý. Do vậy, tinh thần giới luật của Đại Thừa và Tiểu Thừa khác nhau. Lại thừa cùng chư vị, [tông phái]

coi trọng nghi thức nhất trong Phật môn là Mật Tông, nghi thức trong bất cứ tông nào cũng chẳng rắc rối bằng. Những nghi thức phức tạp của họ thoát đầu có dụng ý rất hay, vì sao? Nghi thức, lễ tiết quá nhiều, khiến cho quý vị chẳng thể suy nghĩ loạn xạ, tinh thần đều tập trung hồng thực hiện nghi thức ấy, nhằm vào dụng ý ấy; nhưng pháp ấy thực hiện đã lâu tự nhiên biến thành hình thức, trong tâm chẳng còn nữa, chỉ có bề ngoài. Vì thế, đâm ra chẳng bằng không cần đến những hình thức ấy.

Lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ cũng giống như thầy của cụ, thông Tông, thông Giáo, Hiền Mật viên dung. Cụ là Kim Cang Thượng Sư trong Mật Tông, có viết một tập sách nhỏ nhan đề Tịnh Độ Tư Lương Cốc Hưởng Tập. Sách ấy cũng được in rất nhiều, mỗi vị đồng tu nhất định phải đọc, vì sao? Sau khi quý vị đọc cuốn sách ấy, mới hiểu chân tướng Mật Tông và thói tẻ trong Mật Tông hiện thời. Cụ là Thượng Sư trong Mật Tông, nhưng chẳng đề xướng Mật Tông, quá nửa [tác phẩm ấy] nhằm khuyên người học Mật hãy tu Tịnh Độ. Cho dù quý vị học Mật, cụ chỉ định ba bộ sách nhất định phải đọc: Thứ nhất là kinh Vô Lượng Thọ, thứ hai là Di Đà Kinh Yếu Giải của Ngẫu Ích đại sư, bộ thứ ba là Phổ Hiền Hạnh Nguyên Phẩm. Cụ nói: *“Quý vị học Mật nhất định phải đọc ba bộ sách ấy. Chẳng đọc ba bộ sách ấy, rất dễ đi vào Tà Mật”*. Nói cách khác, dùng ba bộ kinh ấy để sửa đổi cho đúng quan niệm và tư tưởng của quý vị, chẳng đi vào ngõ rẽ. Đọc thông suốt ba bộ sách ấy, tôi nghĩ người ấy nhất định niệm A Di Đà Phật, cầu sanh Tịnh Độ. Bởi lẽ, một câu Nam-mô A Di Đà Phật là đại thần chú, đại minh chú, vô thượng chú, vô đẳng đẳng chú, đều là gì? Nam-mô A Di Đà Phật, chẳng sai chút nào! Do vậy, trước tác của Hoàng lão cư sĩ đáng để cho chúng ta nghiên cứu.

Lần này tôi ở Washington DC, có một vị đồng tu từ Bắc Kinh đến Mỹ, Hoàng lão cư sĩ đặc biệt bảo người ấy mang theo một bộ băng âm, gần đây cụ giảng Hoa Nghiêm Niệm Phật Tam Muội Luận, giảng hết sức hay, giảng đặc sắc tốt bậc. Hoa Nghiêm Niệm Phật Tam Muội Luận do cư sĩ Bàn Tế Thanh biên soạn trong niên hiệu Càn Long nhà Thanh. Cả một bộ Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh đã được ông ta đưa về niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, đúng là đơn giản, ngắn gọn, dựa theo lý luận trong kinh Hoa Nghiêm để niệm Phật cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, mà cũng là phương pháp tu hành trong kinh Hoa Nghiêm, đúng là phương pháp tu hành *“thác bỉ thắng duyên, tốc đẳng bảo giác”* của kinh Hoa Nghiêm.

Cô đức cũng nói rõ, *“thắng duyên”* có hai thứ:

- Một thứ là bản thân quý vị trọn đủ, kinh Di Đà nói là “thiện căn, phước đức, nhân duyên”: “*Chẳng thể do chút thiện căn, phước đức, nhân duyên mà được sanh về cõi ấy*”. Chư vị đang hiện diện trong hội này đều là thiện căn, phước đức, nhân duyên trọn đủ, khó có lắm, thù thắng khôn sánh!

- Nhân duyên thứ hai là chư Phật, Bồ Tát làm tăng thượng duyên cho chúng ta. Không chỉ là Thích Ca Mâu Ni Phật, không chỉ là A Di Đà Phật, mà mười phương chư Phật đều làm tăng thượng duyên cho chúng ta. Quý vị mở Di Đà kinh ra, [sẽ thấy] sáu phương Phật đều khuyên chúng ta niệm Phật, cầu sanh Tây Phương Cực Lạc Tịnh Độ. Trong kinh Vô Lượng Thọ, mười phương Phật khuyên chúng ta tu hành, đấy là chư Phật, Bồ Tát trợ duyên cho chúng ta. Chúng ta chuyên tu, kết duyên này, chúng ta chuyên hoằng, tức là nói giống hệt như chư Phật, Bồ Tát, chí đồng đạo hợp! Vì thế, chúng ta hãy lắng lòng suy nghĩ, cá nhân chúng ta đời đời kiếp kiếp có bao nhiêu thời gian để làm một chút chuyện cho chư Phật, Bồ Tát, điều này thật sự có ý nghĩa! Làm thay cho chư Phật, Bồ Tát như thế nào? Hoằng dương Tịnh Độ là làm thay cho chư Phật, Bồ Tát. Chư Phật, Bồ Tát thuyết pháp độ sanh trong vô lượng vô biên thế giới, pháp bậc nhất phải nói là pháp môn này. Kinh Di Đà, kinh Vô Lượng Thọ là những kinh phải nói bậc nhất, mong nói đầu tiên. Nói thật ra, pháp môn này đã dạy rõ ràng, mọi người đã có thể tiếp nhận thì hết thảy các kinh khác chẳng cần phải giảng nữa! Do họ chưa thể tiếp nhận pháp môn này, nên lại giảng kinh khác, dẫn dụ từ từ, vẫn là khuyên dụ quý vị trở về kinh này. Đó gọi là “*ngàn kinh vạn luận, chỗ nào cũng chỉ về*”, đều quy về chỗ này.

Dầu cho quý vị tu học pháp môn khác, tu đến cuối cùng, đến thế giới Hoa Tạng, Nhất Chân pháp giới, chứng đắc Địa Thượng Bồ Tát, đã đăng địa, là Đại Bồ Tát, Ma Ha Tát. Đăng địa bèn như thế nào? Đăng địa bèn niệm Phật, thật thà! Trước khi đăng địa, chẳng thật thà, đăng địa chắc chắn là thật thà! Kinh Hoa Nghiêm nói “*Thập Địa Bồ Tát từ đầu đến cuối chẳng lìa niệm Phật*”, đầu là Sơ Địa, cuối là Pháp Vân, tức Thập Địa. Sau khi đăng địa, đại triệt đại ngộ, hiểu pháp môn này là pháp môn thành Phật; do vậy, đăng địa mới là thật thà niệm Phật. Chưa đăng địa, giống như quý vị trong hiện thời, chưa thật thà, xét ra vẫn có thể khoan dung được, đó là chuyện phải như vậy! Quý vị mà thật thà sẽ là chuyện kỳ quái! Hễ quý vị thật thà, sẽ chẳng kém các vị Địa Thượng Bồ Tát. Địa Thượng Bồ Tát cũng bội phục quý vị, vì họ mới vừa đạt thật thà! Nếu quý vị đạt đến trình độ như các Ngài thì cũng thật thà, tuyệt lắm! Thiện căn chẳng thể nghĩ

bàn đã phát hiện! Do vậy, khi đấng địa bèn hiểu rõ triệt đê, như Mã Minh, Long Thọ đều là Địa Thượng Bồ Tát. Chúng ta nhất định phải hiểu rõ ràng, minh bạch những điều này, sẽ có thể phát tâm làm việc thay cho Phật, Bồ Tát. Nhân duyên như thế đúng là chỉ có thể gặp, chẳng thể cầu. Được gặp tức là đại phước đức, đại nhân duyên, chớ nên coi rẻ, bỏ lỡ!

Trong tam phước, nói đến trì giới, nói thật ra, trì giới là vâng giữ pháp tắc, tuân thủ quy củ. Tuân thủ những giáo huấn do đức Phật đã ban bố trong kinh điển, chúng ta đều có thể thực hiện được, đó là trì giới, không tất yếu phải cầu tìm các giới điều, vì sao? Rất nhiều điều trong giới kinh đều là phong tục, tập quán xa xưa của Ấn Độ từ ba ngàn năm trước. Nay quý vị có đọc cũng chẳng hiểu, làm sao thực hiện được? Vì sao? Cách sống của chúng ta trong hiện thời hoàn toàn khác hẳn họ. Do vậy, thật sự trì giới, nói thật thà là chỉ cần trì Sa Di Luật Nghi tốt đẹp là được rồi. [Sa Di Luật Nghi] gồm mười giới điều và hai mươi bốn oai nghi.

Trong mười giới điều, vẫn có mấy điều ta không làm được. [Chẳng hạn như] “*thủ bất trì kim ngân*” (tay không cầm vàng bạc), trên thân quý vị không đem theo tiền thì hiện thời quý vị đi đường sẽ bị trở ngại, quý vị chẳng thể không đem theo. Hễ đem theo tức là phá giới mất rồi! Thích Ca Mâu Ni Phật sống vào thời đại đó, nếu sống trong thời đại hiện tại này, có lẽ sẽ hủy bỏ giới điều này, vì sao? Giới điều này chẳng thể thực hiện được, hình thái xã hội đã khác hẳn. Trong xã hội trước kia thì được, chẳng có vấn đề gì, người xuất gia có thể không cầm tiền theo, vì sao? Đi tới đâu, người ta thấy người xuất gia đều cúng dường quý vị. Hiện thời thì chẳng được, xã hội khác hẳn, điều này gọi là “*khai giới*”. Sa Di Luật Nghi thì chúng ta có thể đều làm được, như vậy sẽ rất tốt đẹp. Ấn Quang đại sư dùng Cảm Ứng Thiên, Liễu Phàm Tứ Huấn, và An Sĩ Toàn Thư thay cho giới luật. Khá nhiều đồng tu đều biết lão pháp sư Ấn Quang là Tây Phương Đại Thế Chí Bồ Tát tái lai. Ngài dạy chúng ta điều này chắc chắn là chẳng sai lầm, chúng ta có thể làm theo phương pháp ấy!

Trong phước thứ ba, điều đầu tiên là nói “*phát Bồ Đề tâm*”, điều này chẳng cần phải rườm rà! Điều thứ hai là “*tin sâu nhân quả*”. Câu này rất đáng nghiên cứu, vì phước thứ ba là phước báo của Bồ Tát, nhằm nói với Bồ Tát. Bảo Bồ Tát “*tin sâu nhân quả*” thì nhân quả ấy chẳng phải là nhân quả thông thường, vì nhân quả thông thường thì Bồ Tát đã biết rồi. Nhân quả gì vậy? “*Niệm Phật là nhân, thành Phật là quả*”, đích xác là rất nhiều Bồ Tát không biết loại nhân quả này. Nếu Bồ Tát đã biết, sẽ chẳng đi theo rất nhiều con đường oan uổng, trong một đời bèn thành Phật, quyết định thành Phật. Vị ấy sẽ chẳng còn tu pháp môn khác. Vẫn muốn tu pháp

môn khác, tức là vẫn chưa biết nhân quả này, vẫn chưa tin tưởng, chưa thể tiếp nhận. Do đó, suốt đời này, vị ấy vẫn chưa thành Phật, vẫn chẳng thể đến Tây Phương. Chẳng thể đến Tây Phương, dầu là Bồ Tát, vẫn bị mê khi cách âm, còn bị thoái chuyển, điều này rất đáng sợ! Vì thế, nhất định phải giác ngộ, trong một đời này, phải phát nguyện quyết định vãng sanh.

Quay lại làm người, có rất nhiều người phát tâm muốn đời sau làm pháp sư hồng vân hoằng pháp lợi sanh, đều là đang nằm mơ! Đều là mê hoặc, điên đảo. Đời sau lại làm pháp sư phổ độ chúng sanh thì phải nên làm như thế nào? Tới thế giới Cực Lạc trước, sau khi gặp A Di Đà Phật bèn tái lai, có được hay không? Được chứ! Kinh Vô Lượng Thọ đã giảng rất rõ ràng: Chỉ cần quý vị gặp mặt A Di Đà Phật, quý vị lại quay về Sa Bà, có lợi ích gì? Thân lực của A Di Đà Phật gia trì khiến quý vị bất thoái chuyển, chẳng bị mê khi cách âm, do chiếm được sự tiện nghi ấy, quý vị chẳng vãng sanh sẽ không được! Do đó, bốn hoặc năm nguyện cuối trong bốn mươi tám nguyện đều là vì các vị Bồ Tát trong các phương khác mà phát. Họ chưa vãng sanh Tây Phương Tịnh Độ, nhưng được thân lực của A Di Đà Phật gia trì. Đó là “*thác bỉ thắng duyên*” (dựa vào nhân duyên thù thắng ấy), đó là nhân duyên thù thắng nhất, “*tốc đặng bảo giác*” (mau chóng lên ngôi bảo giác), chẳng có gì nhanh hơn được, thành Phật trong một đời.

(Sao) Thật sanh vật quy thê chi chánh lộ.

(鈔) 實生物歸棲之正路。

(Sao: Đúng là chánh lộ để mọi loài chúng sanh quay về nương tựa).

“*Sanh*” là chúng sanh, “*thật*” là thực tại. Xác thực là hết thảy chúng sanh, vì sao không nói người mà nói Vật? Nếu nói người thì chỉ có một đường trong lục đạo, nói Vật sẽ bao quát lục đạo. Chữ này có bao hàm ý nghĩa rộng rãi, không chỉ bao gồm lục đạo, mà còn bao gồm chín pháp giới. Bồ Tát, Thanh Văn, Duyên Giác, lục đạo chúng sanh, dùng một chữ Vật để đại diện trọn khắp. Do vậy, [câu này] ý nói [pháp môn Tịnh Độ] thật sự là “*quy thê chi chánh lộ*” của hết thảy chúng sanh trong chín pháp giới. “*Quy*” (歸) là quy túc (歸宿: quay về an trú), Thê (棲) là Thê Túc (棲息), [nghĩa là] nghỉ ngơi, [pháp môn Tịnh Độ] thật sự là con đường chánh đáng để quy túc, thật sự nghỉ ngơi! Niệm Phật vãng sanh Tịnh Độ là một con đường chân chánh.

(Sao) Nãi thánh nhân cấp dẫn chi diệu quyền dã.

(鈔) 乃聖人汲引之妙權也。

(Sao: Là phương tiện quyền biến khéo léo để dẫn dắt của thánh nhân).

Hai chữ Diệu Quyền được dùng rất khéo! Quyền (權) là phương tiện, do đối ứng với chân thật mà nói. Diệu Quyền là chân thật, chẳng khác phương tiện, mà phương tiện chẳng khác chân thật. Nguyên lai Quyền và Thật là một, chẳng hai, đây mới là Diệu! Đúng như trong phần trên đã nói “*toàn tu tức tánh, toàn tánh khởi tu*”, đó là Diệu Quyền! Vì vậy, thật sự làm được viên mãn hai câu ấy, đích xác là chỉ có một câu A Di Đà Phật, đúng là “*toàn tánh khởi tu, toàn tu tức tánh*”. Nhưng quý vị chưa thể thông đạt lý luận và cảnh giới Tịnh Độ, quý vị niệm câu Phật hiệu này, tuy niệm nhưng vẫn hàm hồ, chẳng hiểu rõ ràng cho lắm. Năm kinh một luận quý vị đều hiểu rõ ràng rồi, từng tiếng Phật hiệu sẽ rõ ràng, rành rẽ, xác thực là đều có thể cảm ứng đạo giao với mười phương chư Phật và hết thấy chúng sanh. Đó là “*một niệm tương ứng một niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật*”, trên tương ứng với chư Phật, dưới cũng tương ứng với hết thấy chúng sanh. Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng tôi giảng tới đây.

Tập 134

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang hai trăm chín mươi một.

(Sớ) Xưng Lý, tắc tự tánh vô nhiễm, thị vô hữu chúng khổ nghĩa; tự tánh thường tịnh, thị đản thọ chư lạc nghĩa.

(疏) 稱理，則自性無染，是無有眾苦義；自性常淨，是但受諸樂義。

(Sớ: Xưng Lý tự tánh vô nhiễm là ý nghĩa “chẳng có các nỗi khổ”, tự tánh thường tịnh là ý nghĩa “chỉ hưởng các niềm vui”).

Đoạn này giải thích y báo trong thế giới Cực Lạc, “*bí độ hà cố danh vi Cực Lạc? Kỳ quốc chúng sanh, vô hữu chúng khổ, đản thọ chư lạc, cố danh Cực Lạc*” (vì sao cõi ấy tên là Cực Lạc? Chúng sanh trong cõi ấy chẳng có các nỗi khổ, chỉ hưởng các niềm vui nên gọi là Cực Lạc), giải thích đoạn văn ấy. Hôm nay, chúng ta đọc một đoạn nhỏ này là luận định xưng tánh. Lý là tánh thể. “*Vô hữu chúng khổ*” là “*tự tánh vô nhiễm*”. “*Tự tánh*” là nói tới Chân Như bản tánh của đương nhân chúng ta. Bản tánh trước nay chẳng bị nhiễm bần. Nếu bị nhuộm bần, sẽ chẳng phải là thật. Đã là thật, đương nhiên sẽ bất nhiễm.

Phật môn thường nói nhiễm và tịnh, đặc biệt là pháp môn Tịnh Độ gọi thế giới Sa Bà là uê độ, Tây Phương Cực Lạc thế giới là Tịnh Độ, tức là có nhiễm, có tịnh, thật sự có khổ, có lạc. Nếu nói “chẳng có nhiễm - tịnh, chẳng có khổ - lạc”, chúng ta sẽ không hiểu; nhưng nói chân thật thì sẽ là chẳng có nhiễm - tịnh, mà cũng chẳng có khổ - lạc. Khổ - lạc, nhiễm - tịnh do Tình sanh ra, Tình là gì? Là mê, đã mê bèn gọi là Tình. Nếu đã đoạn mê thì là ngộ, đã ngộ bèn gọi là Trí. Có thể thấy, nói thật ra, trong Phật pháp chỉ có mê và ngộ. Đã ngộ thì là tự tánh, đã mê bèn gọi là tám thức. Có thể thấy tám thức và tự tánh là một vật, nhưng có hai tên gọi. Do đó, ngộ là tự tánh, mê vẫn là mê tự tánh. Bản thân tự tánh chẳng có mê hay ngộ, mê hay ngộ do con người! Ý nghĩa này là nghĩa lý căn bản trong Phật pháp. Vì thế, chúng ta phải hiểu, phải thấu hiểu. “*Tự tánh thường tịnh*”, tự tánh vĩnh viễn bất biến, vĩnh viễn là thanh tịnh viên mãn. Đó là “*thọ chư lạc nghĩa*” (ý nghĩa hưởng các niềm vui). Lạc và khổ được kiến lập tương đối; do có khổ nên mới có lạc hiển hiện. Chẳng có khổ thì lạc cũng chẳng hiển lộ được! Do vậy, hết thấy các pháp do từ tương đối mà kiến lập.

(Sao) Nhiễm thị khổ nghĩa, tịnh thị lạc nghĩa.

(鈔) 染是苦義，淨是樂義。

(Sao: Nhiễm là ý nghĩa khổ, tịnh là ý nghĩa lạc).

Nhiễm ô là mê hoặc, mê hoặc là chính mình chẳng thể làm chủ, ở chỗ nào cũng bị hoàn cảnh bó buộc. Trong hoàn cảnh, có hoàn cảnh nhân sự và hoàn cảnh vật chất. Nếu quý vị bị hoàn cảnh bức bách, đó là khổ. Do vậy, nói phiền não nhiễm bản tâm thanh tịnh, nên mới cảm nhận có khổ. “*Tịnh thị lạc nghĩa*” (tịnh là ý nghĩa của lạc), Tịnh là thanh tịnh. Nói cách khác, xa lìa hết thảy phạm nhiễm, tự tánh thanh tịnh.

(Sao) Tự tánh vô nhiễm thường tịnh.

(鈔) 自性無染常淨。

(Sao: Tự tánh vô nhiễm thường tịnh).

Đây là nêu bày tướng trạng của Chân Như bản tánh. Chân Như bản tánh xác thực là thường tịnh, vô nhiễm, chẳng có nhiễm ô.

(Sao) Thị vô khổ thường lạc dã.

(鈔) 是無苦常樂也。

(Sao: Là chẳng khổ, thường vui).

Mấy câu này rất trọng yếu, chúng ta nhất quyết chớ nên sơ sót. Tây Phương Tịnh Độ chẳng giống Tịnh Độ của mười phương thế giới chư Phật. Nếu chúng ta hỏi khác nhau ở chỗ nào ư? Tây Phương Cực Lạc thế giới là cõi Pháp Tánh, các thế giới chư Phật ở phương khác là Ngũ Dục Lục Trần, đây là chỗ khác biệt to lớn. Thế giới Cực Lạc từ trong Pháp Tánh biến hiện, là Tướng Phần của Chân Như bản tánh. Cõi nước của mười phương chư Phật là Tướng Phần của A Lại Da Thức, là Tướng Phần của Duy Thức, đó là chỗ khác nhau! Tướng Phần do A Lại Da Thức biến hiện thì có khổ, có lạc. Tướng Phần do Chân Như bản tánh biến hiện sẽ giống như trong kinh Vô Lượng Thọ đã nói “*kiến lập (hiển hiện) thường nhiên*” (kiến lập (hiển hiện) thường hằng), đó là chỗ khác nhau. Bản thể của hai thế giới ấy được hiển hiện khác nhau, nên mười phương chư Phật mới thật sự tán thán! Tiếp đó, đại sư trích dẫn giáo nghĩa kinh Hoa Nghiêm để giảng rõ.

(Sao) Hoa Nghiêm Lục Địa quán sát vô minh, dĩ Vô Minh chí Lục Nhập thị Hành Khổ, Xúc Thọ thị Khổ Khổ, dư thị Hoại Khổ. Ngã kim thử tâm, vô vô minh, nãi chí vô lão tử đặng, thành vô khổ nghĩa. Vô thử thập nhị chi, tức chân giải thoát, thành thọ lạc nghĩa.

(鈔)華嚴六地觀察無明，以無明至六入是行苦，觸受是苦苦，餘是壞苦。我今此心，無無明，乃至無老死等，成無苦義。無此十二支，即真解脫，成受樂義。

(Sao: Bạc Lục Địa Bồ Tát trong Hoa Nghiêm quán sát vô minh, do từ Vô Minh đến Lục Nhập là Hành Khổ, Xúc và Thọ là Khổ Khổ, những điều còn lại là Hoại Khổ. Nay cái tâm này của ta chẳng có vô minh cho đến chẳng có già, chết v.v... tạo thành nghĩa “vô khổ”. Không có mười hai chi ấy chính là chân giải thoát, tạo thành nghĩa “hưởng các niềm vui”).

Thành tựu nghĩa “thọ lạc” (hưởng vui). “*Hoa Nghiêm Lục Địa*” là nói tới Lục Địa Bồ Tát. “*Quán sát vô minh*”: Vô Minh là nói tới điều thứ nhất trong mười hai nhân duyên. Vô Minh duyên Hành, Hành duyên Thức, nói tới điều này. Lục Địa Bồ Tát “*dĩ thập chủng tướng*” (dùng mười loại tướng), quán duyên khởi của hết thấy các pháp. Đó gọi là “*tinh la thập môn, nguyệt mãn Tam Quán*” (mười môn la liệt như sao, Tam Quán như trăng tròn đầy). Ở đây, trích dẫn một đoạn văn [từ kinh Hoa Nghiêm nói về mười tướng để quán của Lục Địa Bồ Tát] là “*đệ thất, tam khổ tụ tập quán*”³⁵, Tam Khổ là Khổ Khổ, Hoại Khổ và Hành Khổ. Vô Minh là gì? Chân tánh vốn là minh, giống như Khởi Tín Luận đã nói “*Bốn Giác vốn có*”. Bốn Giác là bốn minh, vốn sẵn hiểu rõ, hiểu rõ gì vậy? Quá khứ, hiện tại, vị lai, mười phương, ba đời hết thấy sự lý, hiện tượng, chẳng có thứ gì quý vị không hiểu rõ. Ý nghĩa này giống như những người theo tôn giáo đã tán thán Thượng Đế là “*toàn tri, toàn năng*”. Nói theo Phật pháp, ai là toàn tri toàn năng? Chính chúng ta. Bản thân chúng ta vốn sẵn toàn tri toàn năng, nhưng hiện thời vô tri, vô năng, phiền toái to lớn. Vì sao từ toàn tri toàn năng biến thành vô tri vô năng? Điều này được gọi là “*khởi lên vô*

³⁵ Đây là mười đề mục quán tướng trong Duyên Khởi Quán của bậc Thất Địa Bồ Tát được giảng trong phẩm Thập Địa của kinh Bát Thập Hoa Nghiêm. Mười đề mục quán tướng ấy là Hữu Chi Tương Tục Môn, Nhất Tâm Sở Nhiếp Môn, Tự Nghiệp Sai Biệt Môn, Bất Tương Xả Ly Môn, Tam Đạo Bất Đoạn Môn, Tam Tế Luân Hồi Môn, Tam Khổ Tụ Tập Môn, Nhân Duyên Sanh Diệt Môn, Sanh Diệt Hệ Phục Môn và Vô Sở Hữu Tận Quán Môn.

minh”, vốn là minh mà nay quý vị chẳng còn minh, nên gọi là vô minh. Nhưng chư vị phải biết: Bôn minh là thật, vô minh là giả. Nếu vô minh là thật, chúng ta còn thể thành Phật được chăng? Còn có thể khôi phục toàn tri toàn năng được sao? Chẳng thể nào! Do vô minh là giả, là hư vọng, bản năng (năng lực sẵn có) là thật, nên Mã Minh Bồ Tát nói: “*Bôn Giác vốn có, bất giác vốn không*”. Bất giác là vô minh, vô minh vốn không; minh là vốn có! Vốn có thì đương nhiên có thể khôi phục, đương nhiên có thể chứng đắc. Vốn không thì đương nhiên có thể đoạn trừ. Phật pháp thường nói “*đoạn vô minh, thấy bốn tánh*”, chúng ta có thể nói là từ vô thi kiếp đến nay đã dấy lên vô minh, dấy lên vô minh như thế nào? Do nguyên nhân gì mà dấy? Trong Phật giáo, câu hỏi này được gọi là “*căn bản đại vấn*” (câu hỏi căn bản to lớn).

Một câu hỏi căn bản to lớn là vô minh do đâu mà có? Do lý do gì mà dấy lên? Dấy lên khi nào? Có thể trả lời chỉ bằng một câu, nhưng nói ra sẽ chẳng có ích gì cho mọi người. Sau khi cổ nhân nói ra, ngộ môn của quý vị bị đóng lấp, quý vị vĩnh viễn chẳng thể khai ngộ. Do vậy, chính quý vị phải tự mình thấu hiểu câu trả lời, đó là “hoát nhiên khai ngộ”, chính quý vị sẽ đạt được thụ dụng chân thật. Nói cho quý vị nghe, nghe xong, [quý vị gật gù] hay quá, nhưng vẫn chẳng ngộ, vẫn là mê hoặc. Vì thế, cái khéo trong nhà Thiền là chẳng nói toạc câu trả lời cho quý vị, mà để cho quý vị [tự ngộ], sau khi đã ngộ, bèn ấn chứng rồi lại nói rõ với quý vị. Do vậy, thường là tham Thiền mười năm, hai mươi năm, ba mươi năm mới hoảng nhiên đại ngộ, ngộ [như vậy] sẽ đạt được thụ dụng chân thật. Chư vị phải hiểu: Câu trả lời ở trong quyển thứ tư của kinh Lăng Nghiêm, tôn giả Phú Lô Na đã hỏi chuyện này, Thích Ca Mâu Ni Phật đã giải đáp. Quý vị đọc kinh Lăng Nghiêm xem thử có thể khai ngộ hay không? Thật sự là trong kinh Lăng Nghiêm, đức Phật đã giảng thật rõ ràng, đã trả lời câu hỏi căn bản to lớn ấy.

Có Vô Minh sẽ phải tạo nghiệp, đó là Hành. Hành mang ý nghĩa động. Nói thật ra, Vô Minh là động, Minh sẽ không chuyên động, đó gọi là “*giác tâm bất động*”. Phật pháp bất luận một tông nào, Hiền Giáo, Mật Tông, các tông, các phái đều coi trọng Thiền Định. Tách lìa Thiền Định sẽ chẳng có Phật pháp, đủ thấy Thiền Định vô cùng trọng yếu! Chúng ta niệm Phật, [các mức độ] “công phu thành phiền, Sự nhất tâm bất loạn, Lý nhất tâm bất loạn” như được nói trong niệm Phật đều là Thiền Định. Không chỉ nhất tâm bất loạn là Thiền Định, mà công phu thành phiền cũng là Thiền Định, chỉ là danh từ khác nhau, nói theo thực tế thì công phu và cảnh giới [giữa Thiền và Tịnh Độ] hoàn toàn giống nhau. Do vậy mới hiểu

rõ Định là tất yếu, vì sao? Giác tâm bất động! Chỉ cần quý vị định tâm, sẽ tương ứng với giác tánh.

Học Phật thì bắt đầu học từ đâu? Nhất định phải học từ trì giới. “*Nhân Giới sanh Định, nhân Định khai Huệ*”, đó là lịch trình, đường lối nhất định phải trải qua từ phàm phu cho đến khi thành Phật, cũng như từ phá mê cho đến kiến tánh. Quý vị không trải qua con đường này, chắc chắn chẳng thể khôi phục bản tánh, khôi phục bản tánh bèn gọi là “thành Phật”. À! Chúng ta trì giới, năm giới, mười giới, giới Bồ Tát, giới tỳ-kheo, các vị hãy xem thử quý vị có thể đắc Định hay không? Những thứ ấy là Giới, chẳng sai! Nhưng còn có một giới cơ sở nhất, nhưng do quý vị không biết, nên chẳng có cách nào thọ trì giới ấy. Giống như trèo lên thang lầu, nhưng bậc thang thứ nhất ở đâu chẳng biết. Cái thang ấy được nói trong kinh Phật, thấy được phía trên, nhưng chẳng thấy phần dưới. Do vậy, vĩnh viễn chẳng thể bước một bước nào trên cái thang ấy.

Bậc thang đầu tiên ở đâu? Trong tam phước đã nói rất hay, đó là bước đầu tiên, giới luật là bước đầu tiên. “*Hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng*”. Gạt bỏ “*hiếu thân, tôn sư*” để trì giới, quả thật giống như trèo lên thang lầu, người ấy chẳng cần đến bậc thứ nhất mà muốn lên tầng thứ hai, lên lầu bằng tầng thứ hai, làm sao lên được! Chư vị chỉ cần chú tâm xem xét những người tu học trong quá khứ, hãy đọc Cao Tăng Truyện hay xem Cư Sĩ Truyện, sẽ thấy những người đó vì sao thành tựu? Tất cả những người thành tựu đều có sư thừa. Sư thừa là bậc thang giới luật thứ nhất. Thầy dạy dỗ người ấy, đó gọi là Giới, giáo giới (dạy răn). Có thể tuân thủ lời thầy răn dạy, y giáo phụng hành. Do vậy, trong Phật môn, thầy là lớn nhất!

Người hiện thời thấy chính mình lớn nhất, chẳng để ai vào mắt. Đối với người trong quá khứ, thầy là lớn nhất. Đại sư Âu Dương Cán Hộ đã viết tác phẩm Nội Học Viện Huấn. Vào cuối đời Thanh, đầu thời Dân Quốc, ông ta mở một Phật Học Viện tại Nam Kinh gọi là Chi Na Nội Học Viện. Trong bản giáo huấn của Nội Học Viện đã nói rất rõ ràng, Nội Học Viện do cư sĩ Âu Dương Cán Hộ điều hành, trong học viện ấy có không ít người xuất gia tham gia, pháp sư Thái Hư còn là học sinh dự thính ở đó. Tuy học viện ấy chỉ hoạt động hai năm, nhưng có công hiến vô cùng to lớn đối với Phật giáo cận đại Trung Quốc. Có nhiều vị cao tăng đại đức đều xuất thân từ Phật Học Viện này, Lương Khải Siêu cũng là học trò của Nội Học Viện.

Viện trưởng viện ấy là tại gia cư sĩ. Ông ta nói lời ấy tuyệt đối chẳng phải vì chính mình là tại gia cư sĩ nên đòi hỏi quý vị là người xuất gia phải

tôn kính ông ta. Người ta dẫn chứng kinh điển để làm căn cứ, chẳng phải là tùy tiện nói lời ấy. Dùng Phật pháp để dạy bảo chúng sanh, bất luận tại gia hay xuất gia, bất luận nam, nữ, già, trẻ, đều mang thân phận thầy. Quý vị lại xem năm mươi ba lần tham học của Thiện Tài đồng tử trong kinh Hoa Nghiêm, đối với năm mươi ba vị thiện tri thức, người Trung Quốc gọi thiện tri thức là thầy, Ngài đến bái sư. Trong năm mươi ba vị thầy, hàng xuất gia chỉ có sáu vị, ngoài ra đều là người tại gia. Những vị ấy đều đại diện cho các ngành nghề, đại diện cho nam, nữ, già, trẻ, dụng ý rất sâu, nhằm dạy chúng ta hãy thật sự học nguyện thứ nhất, tức “*lễ kính chư Phật*” trong mười đại nguyện của Phổ Hiền Bồ Tát. Vì thế, bảo chúng ta: Người tu hành thật sự ở trên đường Bồ Đề luôn dùng thân phận học trò, người học Phật chỉ có mình ta [là học trò]. Trừ chính mình ra, ai nấy đều là thầy ta, đều là thiện tri thức của ta.

Chẳng lẽ những người ấy đều là thiện nhân, chẳng có kẻ ác hay sao? Trong năm mươi ba lần tham học có kẻ ác, chẳng hoàn toàn là thiện nhân. Quý vị thấy trong năm mươi ba lần tham học, bà-la-môn Thắng Nhiệt ngu si, Cam Lộ Hỏa Vương sân khuyển, hễ bực bội một chút liền lập tức giết người, trong cái nhìn của chúng ta hiện thời [nhà vua] là đại ma vương! Do vậy, ta thấy trong ấy có thiện, có ác, nói cách khác, là xã hội hiện thực của chúng ta. Bồ Tát dạy chúng ta: Trong xã hội này, tham học như thế nào? Thiện hạnh thì chúng ta học tập; thấy người thị hiện ác hạnh, chúng ta hãy phản tỉnh, sửa lỗi. Do vậy, thiện nhân hay ác nhân, nghịch cảnh hay thuận cảnh, đều là thiện tri thức, một lòng bình đẳng cung kính tu lễ kính, đây mới là “*lễ kính chư Phật*” trong mười đại nguyện vương, quả thật rất khó tu học! Nhưng nếu chúng ta muốn cầu sanh Tịnh Độ, nếu muốn tăng cao phẩm vị, nhất định phải tu học như vậy! Vì sao? Vì Tây Phương Cực Lạc thế giới là một pháp giới toàn là Phổ Hiền Bồ Tát. Kinh Vô Lượng Thọ đã nói rất rõ ràng, người nơi đó “*hàm cộng tuân tu Phổ Hiền đại sĩ chi đức*” (đều cùng tuân tu đức của Phổ Hiền đại sĩ), ai nấy đều tu mười đại nguyện vương. Nay chúng ta vẫn chưa vãng sanh, bắt đầu nỗ lực tu học, sẽ nhất định nâng cao phẩm vị vãng sanh. Vì thế, chớ nên không biết điều này, chớ nên không tu học!

Kinh này có nói, đối với hết thầy Sự, Lý, quá khứ, hết thầy nghiệp quả hiện tại, vị lai, chúng ta đều không biết thì gọi là Vô Minh. Hết thầy tạo tác của chúng ta là Hành, bao gồm cả khởi tâm động niệm. Trong mười hai nhân duyên, hai điều này (Vô Minh và Hành) là nói về quá khứ. Vô Minh duyên Hành, Hành duyên Thức, Thức duyên Danh Sắc, Danh Sắc duyên Lục Nhập, Lục Nhập lại duyên Xúc, Xúc duyên Thọ, Thọ duyên

Ái, Ái duyên Thủ, Thủ duyên Hữu, Hữu duyên Sanh, Sanh duyên Lão - Tử, đó là mười hai nhân duyên. Mười hai nhân duyên cho thấy nhân quả ba đời. Vô Minh và Hành là đời quá khứ, từ Thức đến Ái, Thủ, Hữu là đời này, Lão - Tử là đời sau. Trong đây đã nói về nhân quả ba đời.

Thức là nói đến đầu thai, chúng ta gọi là “thần thức”, gọi thông tục là “linh hồn”. Nói thật ra, hồn chắc chắn chẳng linh. Nếu nó thật sự linh, đi đầu thai nhất định sẽ chọn lựa cha mẹ đại phú đại quý, sanh ra bèn hưởng phước thì nó mới linh! Ai bằng lòng đầu thai nơi biên địa, suốt đời sống khốn khổ dường ấy? Có thể thấy hồn chẳng linh! Thậm chí đầu thai trong tam ác đạo. Nếu nó thật sự linh, làm sao nó có thể vào tam ác đạo cho được? Chẳng linh! Vì thế, nói thật thà, hồn là mê hồn, mê hoặc, điên đảo, hồ đồ đi đầu thai! Không lão phu tử đã nói hết sức hay, Ngài gọi cái hồn ấy là “*du hồn*” (cái hồn lang thang). Phần Hệ Từ Truyện trong kinh Dịch có câu: “*Du hồn vi biến, tinh khí vi vật*” (hồn lang thang biến hóa, hợp với tinh và khí thành vật). Vận dụng khoa học hiện tại để xem xét thì Không lão phu tử đích xác rất giỏi. “*Vật*” là gì? Vật chất! Vật chất do đâu mà có? Tinh khí. Không lão phu tử nói là Khí, nhưng nói theo các nhà khoa học hiện thời thì hết thảy vật chất về căn bản chẳng tồn tại, chúng là ánh sáng, là dao động, căn bản là chẳng có vật chất. Không lão phu tử gọi điều đó là “*tinh khí*”, Ngài coi tinh khí là vật.

Cuối bản chú giải kinh Vô Lượng Thọ của cư sĩ Hoàng Niệm Tổ, trong phần ghi chép phụ lục, cụ đã trích dẫn, vận dụng khoa học hiện đại để giải thích hết thảy các hiện tượng được nhắc tới trong kinh Phật. Hiện thời, rất nhiều nhà đại khoa học phương Tây biết vật chất chẳng thật sự tồn tại, nó là giả. Kinh Kim Cang dạy: “*Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng*”, họ đã chứng thực. Tâm Kinh nói: “*Sắc chẳng khác Không, Không chẳng khác Sắc*”, họ cũng gần như đã chứng minh được. Đến hiện thời, người phương Tây mới phát hiện, nhưng từ ba ngàn năm trước, đức Phật đã giảng rõ chân tướng này!

Thần thức có tốc độ vô cùng to lớn, nên Không lão phu tử gọi nó là “*du hồn*”. Khoảng cách giữa Tây Phương Cực Lạc thế giới và cõi này đã được kinh dạy rõ ràng, minh bạch “*mười vạn ức cõi Phật*”, xa xôi như thế đó! Chẳng phải là cái thân nhục thể của ta sanh sang đó, mà là thần thức đến đó. Tốc độ của thần thức hết sức to lớn, như thường nói: “Trong một cái khảy ngón tay đã đến nơi!” Giống như chúng ta đi đường, chưa bước xong một bước, đã đến Tây Phương Cực Lạc thế giới! Vì thế, nói với quý vị: “*Chẳng xa*”! Quý vị đừng sợ! Nghĩ: “*Xa dường ấy! Làm sao ta có thể đến được*” Thực tại chẳng xa! Không chỉ chẳng xa, lại thừa cùng quý vị,

tận hư không khắp pháp giới, trong khoảng một niệm có thể đến trọn khắp, “đến trọn khắp” là mỗi cõi Phật đều đạt đến, đó là diệu! Đến bằng cách như vậy!

Chúng ta chỉ có thể đến một nơi, chẳng thể đến nơi thứ hai, vì quý vị đang mê! Nếu quý vị đã ngộ, sẽ đến trọn khắp. Vì sao có thể đến trọn khắp? Vì tận hư không khắp pháp giới do Chân Như bản tánh biến hiện, há lẽ nào chẳng đến trọn khắp? Phật môn thường nói: “*Ngoài tâm chẳng có pháp, ngoài pháp chẳng có tâm*”, đó là cảnh giới bất tư nghị giải thoát. Nay chúng ta rất bất hạnh, đã mê rồi, bản tánh biến thành thần thức, thần thức là do mê mất bản tánh mà biến hiện. Vì vậy, nhà Thiền nói “minh tâm kiến tánh”, Nho gia nói “*minh Minh Đức*”. “*Minh Minh Đức*” có cùng một ý nghĩa với “minh tâm kiến tánh” của nhà Thiền, [chân tánh] vốn sẵn là Minh Đức. Hiện thời, Minh Đức chẳng minh, cho nên nếu khôi phục Minh Đức thì sẽ là “*minh Minh Đức*”. Nhà Phật nói “phá vô minh, kiến bản tánh” chính là ý nghĩa này.

Đây là nói rõ vì sao có hết thấy hữu tình chúng sanh? Thần thức đến đầu thai trước tiên. Thần thức đến đầu thai cũng có điều kiện, cũng chẳng phải là vô điều kiện. Trong Phật pháp, [điều kiện ấy] được gọi là Duyên. Bản thân thần thức trong kiếp trước đã tạo thiện hay làm ác, đó là nghiệp nhân. Có nhân mà chẳng có duyên, sẽ không thể kết quả. Do đó, từ nhân đến quả phải có duyên trong ấy. Cha mẹ là duyên, thần thức sẵn có là nhân, mượn cha mẹ làm duyên để đến đầu thai, biến thành một người. Biến thành người chính là quả, đã kết thành quả rồi. Trong đời trước, người ấy và cha mẹ có duyên. Nếu chẳng có duyên, thần thức sẽ chẳng thấy cha mẹ. Giống như loài người chúng ta chẳng thấy thần thức, thật ra, thần thức ở khắp trong không gian, nhưng chúng ta chẳng thấy, giống như con người chẳng thấy quỷ và chẳng thấy thiên thần! Nó (thần thức) cũng chẳng thấy chúng ta, chúng ta cũng chẳng thấy nó, nhưng hễ có duyên bèn thấy. Do lẽ đó, có rất nhiều người nói họ thấy quỷ, thấy những thứ kỳ quái gì đó, có thật đấy! Người ấy có duyên với chúng nên [trông thấy]. Nếu chẳng có duyên, sẽ không thấy! Vì vậy, thần thức có duyên với cha mẹ, nó sẽ trông thấy họ, thấy được cha mẹ.

Duyên ấy có bốn loại:

1) Đức Phật dạy chúng ta, loại thứ nhất là Báo Ân. Kiếp trước quý vị kết thiện duyên với kẻ ấy, nên kẻ ấy đến báo ân. Đứa con ấy nói thông tục là “*hiếu tử, hiền tôn*” (con hiếu, cháu hiền), do thiện duyên mà đến.

2) Loại thứ hai là Báo Oán, ác duyên! Oan gia đôi đầu trong quá khứ, gặp gỡ lần này là đến báo cừu, đến trả đũa. Đứa con này gọi là “*bại gia tử*”. Đứa nhỏ ấy lớn lên sẽ khiến cho quý vị cửa nát nhà tan.

3) Loại thứ ba là Thảo Trái (đòi nợ), còn gọi Thảo Trái Quý. Do kiếp trước, quý vị mắc nợ nó, nó phải đến đòi nợ. Nếu nợ ít, chẳng bao lâu nó đòi xong, bèn chết đi. Hoặc là một, hai, tuổi, ba bốn tuổi, nó sẽ chết. Nợ quá nhiều, đại khái là mười mấy tuổi, hai mươi mấy tuổi, đã học xong đại học bèn chết. Nợ quá nhiều, quý vị đã trả sạch rồi, nó bèn bỏ đi.

4) Loại thứ tư là Hoàn Trái (trả nợ). Nó mắc nợ quý vị. Khi đứa bé ấy lớn lên, tùy thuộc nó nợ bao nhiêu. Nếu nó nợ quá nhiều, nó sẽ cung phụng quý vị một cuộc sống rất dư giả. Nó mắc nợ quý vị nên phải trả nợ. Nợ ít thì cung phụng vật chất khó khăn, ít ỏi hơn một chút.

Bốn thứ duyên mà! Chẳng có bốn duyên ấy sẽ không gặp được. Do vậy, báo ân, báo oán, đòi nợ, trả nợ, quý vị phải nhìn thấu suốt người thế gian là như thế đó, quan hệ giữa người và người cũng là như thế. Không chỉ cha con là bốn thứ duyên, mà vợ chồng cũng là [bốn thứ duyên], thân thích bằng hữu cũng giống như vậy, nhưng nhạt hơn một chút, nhưng tất cả đều là [bốn thứ duyên]. Đức Phật đã giảng rõ chân tướng của cõi người. Nếu chẳng có duyên, đúng là “đôi diện, thấy nhau, nhưng vẫn chẳng gặp gỡ”, nên gọi người xa lạ. Có duyên này, người ấy sẽ đầu thai.

Thần thức đến trước hết để đầu thai. Sau khi đầu thai, sẽ gọi là Danh Sắc (名色). Phôi thai ấy vẫn chưa tăng trưởng thành hình người, nên chẳng thể gọi nó là Người. Lúc ấy, kinh Phật gọi nó bằng danh từ Danh Sắc. Sắc là vật chất, Danh là nó có tinh thần. Có thần thức trong ấy, là sống, chẳng phải là chết, nên gọi là Danh Sắc. Ở trong thai mẹ, lại tăng trưởng một chút, trở thành hình dáng con người, sáu căn trọn đủ, tức là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân [và ý] trọn đủ, nên gọi là Lục Nhập (六入), nay chúng ta gọi là “thai nhi”. Cho đến Thọ (受) là lúc ra khỏi thai, vừa lọt lòng mẹ bèn có cảm nhận, tiếp nhận [hoàn cảnh] bên ngoài. Trẻ nít vừa sanh ra bèn tiếp nhận gió lạnh bên ngoài, tiếp nhận sự cảm thụ bên ngoài, chỉ có tiếp nhận, chứ nó vẫn chưa có tâm phân biệt. Đến khi trẻ nhỏ lớn dần lên, chúng ta nói là đứa nhỏ ấy đã hiểu chuyện, hiểu chuyện gì? Nó có phân biệt, có chấp trước, tức là có Ái và Thủ, đã có Ái rồi.

Trong lúc chỉ có Thọ, còn chưa có Ái, Thủ, ta có thể thí nghiệm. Quý vị thấy trẻ nít, cho nó ăn kẹo, nó rất vui vẻ. Nó bốc phân ăn, quý vị để mặc cho nó ăn, nó cũng rất thích thú. Khi ấy, quý vị mới hiểu nó chỉ thuộc vào giai đoạn Thọ, vẫn chưa có Ái (愛). Khi có Ái, nó bèn có phân biệt, có cái nó muốn, có cái nó chẳng muốn. Nó bèn có chọn lựa, phân

biệt, chấp trước ngày càng nặng. Nếu lớn hơn chút nữa, sẽ có tâm được - mất, có thói chiếm hữu. Thích thì muốn chiếm hữu, chẳng thích thì bài xích. Đó gọi là Thủ (取). Thọ là quả báo, Ái, Thủ và Hữu là tạo nghiệp, và cũng là tạo tác. Nay chúng ta nói tạo nghiệp là gì? Ái, Thủ, Hữu (有) là tạo nghiệp, lại tiếp tục tạo nghiệp.

Chúng ta là người học Phật, sau khi đã hiểu rõ chân tướng sự thật này, chúng ta sẽ Ái gì? Thủ gì? Hữu gì? Trọng yếu lắm! Đối với người tu Tịnh Độ, trong kinh luận, cô đại đức đặc biệt dạy chúng ta, chúng ta Ái thì phải Ái Tây Phương Cực Lạc thế giới, chúng ta phải Thủ chín phẩm vãng sanh thì là được. Trừ điều đó ra, hết thảy đều chớ nên Ái, chớ nên Thủ, chớ nên Hữu! Người như vậy quyết định vãng sanh. Đối các pháp thế gian và xuất thế gian, hễ có mảy may tham ái, tức là vãng sanh bị chướng ngại, chẳng thể đi được! Do vậy, quý vị phải thật sự xả, phải xả sạch sành sanh, chỉ giữ lấy Tây Phương Cực Lạc thế giới, trong tông này gọi là *“phát Bồ Đề tâm, nhất hướng chuyên niệm”*.

Ở đây, đại sư đã nói rất rõ ràng, mười hai nhân duyên đem phối hợp với ba thứ khổ chính là cảnh giới của Lục Địa Bồ Tát. *“Từ Vô Minh cho đến Lục Nhập là Hành Khổ, Xúc và Thọ là Khổ Khổ”*. Xúc (觸) là xuất thai, Thọ là cảm thụ, cả một đời đều là Thọ. Cả một đời chúng ta đều cảm nhận, khổ thọ, lạc thọ, đó là Khổ Khổ. Ngoài ra, Ái, Thủ, Hữu là Hoại Khổ. Nhìn từ mười hai nhân duyên, đời người há có vui chi? Chỉ có khổ, chẳng có lạc. Đó là nói rõ không chỉ riêng thế giới Sa Bà, mà mười phương thế giới của hết thảy chư Phật đều chẳng thoát ly mười hai nhân duyên. Vì thế, các thế giới của hết thảy chư Phật chẳng khác thế giới Sa Bà của Thích Ca Mâu Ni Phật cho mấy, đều là Khổ Khổ, Hoại Khổ, và Hành Khổ.

“Ngã kim thử tâm, vô Vô Minh, nãi chí vô Lão Tử đẳng” (nay cái tâm ta đây chẳng có vô minh cho đến chẳng có lão tử v.v...), thành tựu trọn chẳng có khổ, Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng có khổ. Có hai cách hiểu ý nghĩa này của cổ đức:

1) Một là nói theo bốn tánh, hai là nói theo sự tu trì. Nói theo bốn tánh bèn dễ hiểu, vì sao? Chân tâm vốn thanh tịnh, vốn chẳng có ý niệm, há có khổ! Như trong phần trước đã nói!

2) Ý nghĩa thứ hai là do tu được, đó là như kinh điển đã nói. Nếu nói *“Vô Minh diệt, Hành diệt, cho đến Lão Tử diệt”*, đó là phương pháp để Bích Chi Phật đoạn phiền não, chứng quả Bích Chi Phật. Ba thứ khổ ấy đều đoạn, phương pháp này của Ngài cao minh hơn A La Hán tu Tứ Đế.

Nhưng chư vị phải biết: Phương pháp cao minh nhất, rốt ráo nhất, viên mãn nhất, còn thù thắng hơn phương pháp của Bích Chi Phật, đó là niệm một câu A Di Đà Phật, quý vị có biết niệm hay không? Quý vị chẳng biết niệm. Vì sao nói quý vị chẳng biết niệm? Vì trong niệm của quý vị vẫn dấy lên tham, sân, si, mạn, quý vị niệm câu Phật hiệu này chẳng thể diệt Vô Minh, chẳng thể diệt Hành, mà cũng chẳng thể diệt Ái, Thủ, Hữu. Do vậy, quý vị niệm Phật hiệu chẳng hữu dụng! Nếu câu Phật hiệu của quý vị có năng lực tiêu diệt Ái, Thủ, Hữu thì một tiếng Phật hiệu sẽ diệt trọng tội trong tám mươi ức kiếp sanh tử. Cách niệm là như vậy đó!

Chư vị phải hiểu, chúng ta nhất định phải niệm sao cho đoạn sạch hết thảy các tâm sở phiền não của chính mình. Nói cách khác, bất luận trong cảnh giới nào, thuận cảnh cũng thế, mà nghịch cảnh cũng thế, phải giữ vững cái tâm bình thường của chính mình. Bình là bình đẳng, Thường là vĩnh viễn bất biến, phải gìn giữ cái tâm ấy. Tâm ấy là Phật tâm, tâm ấy là chân tâm của chính mình, chân tâm lưu lộ! Tâm ấy là tâm của chư Phật, Bồ Tát, quý vị phải nên gìn giữ. Dùng phương pháp niệm Phật, cũng có thể nói là bất luận dấy lên niệm nào, ngay lập tức đổi nó thành A Di Đà Phật, khôi phục bình thường, quyết định chẳng để cho vọng niệm nối tiếp nhau dấy lên, [nếu để vọng niệm dấy lên] tức là mê rồi, càng mê sâu hơn!

Nói đơn giản, rõ ràng hơn một chút thì nhất định phải niệm sao cho chấp trước, phân biệt của chính mình bị trừ sạch, phải biết tất cả hết thảy tội nghiệp đều do phân biệt và chấp trước dấy lên. Quý vị chẳng chấp trước, sẽ chẳng có chuyện gì. Vì chấp trước kiên cố, nên mới tạo thành vô lượng vô biên tội nghiệp. Phật pháp từ đầu tới cuối là phá chấp trước mà thôi! Phá Ngã Chấp, quý vị sẽ chứng quả A La Hán. Phá Pháp Chấp, quý vị là Bồ Tát. A La Hán khác với chúng ta ở chỗ nào? A La Hán chẳng có Ngã Chấp nên là A La Hán; chúng ta có Ngã Chấp nên là phàm phu. Vì sao vị ấy là Bồ Tát? Ngài chẳng có Pháp Chấp nên là Bồ Tát; chúng ta có Pháp Chấp. Pháp Chấp và Ngã Chấp đều trọn đủ, nên chúng ta chẳng phải là A La Hán hay Bồ Tát. Chư vị phải hiểu rõ những đạo lý sau đây: Như thế nào sẽ là niệm Phật hiệu đạt được công phu? Niệm đặc lực là gì? Niệm Phật hiệu như thế này thì mới là hữu dụng, hiện tiền có thể diệt tội, diệt tội bèn sanh phước, trí tuệ và phước đức hiện tiền, quả báo tương ứng với Tây Phương A Di Đà Phật, trong tương lai, khi xá báo, chắc chắn vãng sanh.

“Vô thử thập nhị chi, tức chân giải thoát, thành thọ lạc nghĩa” (không có mười hai chi ấy, chính là chân giải thoát, trở thành ý nghĩa “hưởng các sự vui”). Mười hai nhân duyên đã đoạn, đã đoạn bèn thật sự

giải thoát. Có thể thấy trong sự giải thoát ấy, đã giải gì? Thoát gì? “Giải” đối với mười hai chi, [tức là] cả mười hai chi đều giải trừ sạch. Mười hai chi ấy giống như mười hai sợi dây thừng trói thít chặt chúng ta, chẳng thể cựa quậy! Nay đã cởi trói rồi. Thoát là thoát sanh tử luân hồi, thoát phiền não tập khí, đều thoát cả rồi. Đó mới là “thọ lạc” chân chánh.

(Sao) Kinh vân: Vô Thượng Bồ Đề giác pháp lạc, vô thượng Niết Bàn tịch tĩnh lạc, giai lạc nghĩa dã.

(鈔) 經云：無上菩提覺法樂，無上涅槃寂靜樂，皆樂義也。

(Sao: Kinh dạy: “Vô Thượng Bồ Đề giác pháp lạc, Vô Thượng Niết Bàn tịch tĩnh lạc, đều là ý nghĩa của chữ Lạc”).

Đây là nói về ý nghĩa của Lạc. “Vô Thượng Bồ Đề”, Bồ Đề dịch là Giác, [Vô Thượng Bồ Đề là] Vô Thượng Giác. Người Trung Quốc thường nói là Đại Giác, Đại Giác là Vô Thượng Bồ Đề. Đó là Trí Đức, là trí huệ viên mãn. Kinh Vô Lượng Thọ nói tới năm thứ trí huệ bất khả tư nghị của A Di Đà Phật, khi ấy [người đã chứng Vô Thượng Bồ Đề] thấy đều trọn đủ [năm thứ trí huệ ấy].

“Vô Thượng Niết Bàn”, Niết Bàn là tiếng Phạn, dịch sang nghĩa tiếng Hán là Diệt, tức là Diệt trong Khổ Tập Diệt Đạo. Vì thế, nó là Đoạn Đức, đoạn phiền não, đoạn Kiến Tư, đoạn Trần Sa, đoạn Vô Minh. Niết Bàn dịch là Đoạn Đức, Bồ Đề được dịch là Trí Đức, là trí huệ. Vô Thượng Niết Bàn là Đại Niết Bàn rốt ráo viên mãn nơi quả địa Như Lai, cũng chính là Bồ Tát đã đoạn sạch một phẩm sanh tướng vô minh cuối cùng, chẳng còn có gì để có thể đoạn nữa! Đẳng Giác Bồ Tát còn có một phẩm sanh tướng vô minh phải đoạn. Ở đây là ngay cả một phẩm sanh tướng vô minh cuối cùng cũng đoạn sạch, nên gọi là Vô Thượng Đoạn Đức.

“Giác pháp lạc” là đối với hết thấy vạn pháp, quá khứ, hiện tại, vị lai, không gì chẳng biết! Sự biết này chẳng phải là sự hiểu biết bình phàm, hời hợt, mà là hiểu rõ rốt ráo triệt để. Trong Phật pháp nói Thể, Tướng, Dụng, tức là thể tánh, tướng trạng, tác dụng, quá khứ, hiện tại, vị lai, nhân nhân, quả quả, chẳng có gì không minh bạch, chẳng có gì không hiểu rõ, đó là Lạc. Điều này được gọi là “giác pháp lạc”. Có thể biết hết thấy các pháp, chẳng bị hết thấy các pháp mê hoặc, chẳng bị hết thấy các pháp lay động, biết hết thấy các pháp như huyền, như hóa. Kinh Kim Cang nói: “Hết thấy pháp hữu vi, như mộng, huyền, bọt, bóng”, nên trong hết thấy các pháp chẳng có lấy - bỏ. Chúng ta lấy pháp này, ý niệm ấy đã sai rồi.

Ta muốn bỏ nó thì cũng trật luôn, chẳng có lấy, há có bỏ? Lấy - bỏ là tương đối. Có lấy thì mới có bỏ, chẳng có lấy, lẽ đâu có bỏ? Do đó, trong hết thầy pháp chẳng có lấy - bỏ, đó là Lạc!

Vì thế, Bồ Tát chẳng có lấy - bỏ, Ngài tự tại! Phàm phu lấy rồi không chịu bỏ, thứ gì cũng đều muốn chiếm hữu. A La Hán muốn bỏ, A La Hán cao hơn chúng ta, nhưng thua xa Bồ Tát. A La Hán muốn bỏ, lục đạo phàm phu muốn phải có, muốn lấy, nên [A La Hán và lục đạo phàm phu] đều vướng vào một bên. Bồ Tát là Trung Đạo, Trung Đạo là như thế nào? Chẳng lấy, chẳng bỏ, nên đối với hết thầy các pháp, Ngài có thể thuận theo tự nhiên. Do đó nói: “*Tùy duyên bất biến, bất biến tùy duyên*”. Tùy duyên là không lấy, không bỏ, nên trong hết thầy các pháp được thụ dụng tự tại. Lấy là sai lầm, mà bỏ cũng là sai lầm. Vì chúng ta lấy nên chẳng thể phá Ngã Chấp, chẳng thể phá Pháp Chấp. A La Hán và Bích Chi Phật bỏ, bỏ thì sẽ như thế nào? Tuy có thể phá Ngã Chấp, nhưng chẳng thể phá Pháp Chấp. Phải là hai bên lấy - bỏ đều chẳng chấp trước, đều buông xuống, thì mới có thể phá Pháp Chấp. Vì thế, đây là nói tới Bồ Đề giác pháp, Niết Bàn tịch tĩnh. Tịch tĩnh là rời khỏi lấy - bỏ, thật sự tịch tĩnh. Sự tịch tĩnh của hàng Tiểu Thừa là Thiên Chân Niết Bàn, chẳng phải là pháp tịch tĩnh rốt ráo viên mãn.

(Sao) Dĩ thượng thả thuận kinh văn khổ lạc đối đãi, như thật nhi thuyết, nhiệm ký bất lập, tịnh diệt hà tồn?

(鈔) 以上且順經文苦樂對待，如實而說，染既不立，淨亦何存？

(Sao: Trên đây là thuận theo kinh văn [để biện định] sự đối đãi giữa khổ và lạc, nếu nói theo lẽ thật thì nhiệm đã chẳng lập, làm sao tịnh còn tồn tại cho được?)

Những điều nói trên đây đều là nói tương đối, có khổ, có lạc, nay nói chân thật, “*như thật nhi thuyết*” nghĩa là chúng ta nói thật, nói chân thật thì khổ và lạc chẳng tồn tại. “*Nhiệm ký bất lập*” (nhiệm đã chẳng lập), chẳng có nhiệm, lấy đâu ra tịnh?

(Sao) Tịnh uế song vong, khổ lạc bình đẳng, như tư chi lạc, nãi sở dĩ vi Cực Lạc dã.

(鈔) 淨穢雙忘，苦樂平等，如斯之樂，乃所以為極樂也。

(Sao: Tịnh lẫn uế cùng mất, khổ và lạc bình đẳng, vui sướng như thế nên gọi là Cực Lạc).

Nêu rõ thể tánh của Cực Lạc. Bồ Tát trong thế giới Cực Lạc, ai nấy đều nhập cảnh giới chân thật, nên thế giới Cực Lạc là Nhất Chân pháp giới trong các Nhất Chân pháp giới. Pháp giới ấy tuyệt đối chẳng phải là phàm phu và Nhị Thừa mà hồng chứng đặc! Chúng ta có thể vãng sanh Tây Phương, chư vị phải hiểu, hoàn toàn là nương theo đại nguyện lực của A Di Đà Phật gia trì, nên chúng ta mới có thể từ địa vị phàm phu mà lập tức siêu nhập, cũng như là từ hạng phàm phu lè tè sát đất mà ngay lập tức siêu sanh đạt đến địa vị Pháp Thân đại sĩ, thật sự hy hữu, thật sự khó có! Trừ một môn này ra, trong bất cứ môn nào cũng đều chẳng có sự thật này, mà cũng chẳng có cách thuyết pháp này. Tịnh Độ thù thắng là thù thắng ở chỗ này!

(Sao) *Thánh giải hoàn thành ma cảnh, Phật kiến tảo đạo Thiết Vy.*

(鈔) 聖解還成魔境，佛見早墮鐵圍。

(Sao: Đối với thánh giải lại trở thành cảnh ma, do sự thấy biết của Phật mà sớm đọa trong Thiết Vy).

Đối với người tu hành chân chánh, hai câu này hết sức trọng yếu. Nay quý vị cầu hiểu kinh: Kinh này giảng theo cách nào? Có ý nghĩa gì? Nhọc nhằn dùi mài, người sơ học đều theo phương cách ấy, dùi mài! Đó gọi là “*cùng niên toản cố chỉ*” (quanh năm miệt mài nơi trang giấy cũ), khi nào quý vị mới có thể xuất đầu lộ diện? Nếu thật sự ngộ nhập hai câu trên đây, sẽ xuất đầu lộ diện được! Tôi thường bảo các đồng tu, kinh Phật chẳng có cách giảng [cố định nào], kinh Phật chẳng có ý nghĩa gì. Hai câu này đã chứng minh cho tôi. Nếu kinh Phật có một cách giảng [nhất định], giảng pháp, còn có ý nghĩa, vì sao “*thánh giải*” biến thành “*ma cảnh*”? “*Thánh giải*” chẳng phải là lời giảng của phàm nhân, mà là lời giảng giải của Phật hay Bồ Tát. Nếu quý vị chấp trước, mê mờ nơi hết thảy các pháp do Phật đã nói, Phật cũng biến thành ma, học Phật trở thành vướng vào ma. Mỗi ngày đều nghiên cứu kinh, nghiên cứu đến cuối cùng bị ma dựa. Ma dựa là gì? Quý vị giảng kinh này chỗ nào cũng là đạo, giảng đến nổi hoa trời rơi lá tả, nghe nói dường như chẳng sai tí nào, nhưng bị ma dựa rồi! Chẳng sai thì có sao bị ma dựa? Kẻ ấy chẳng khai ngộ, chưa thấy tánh. Chưa thấy tánh nên gọi là ma dựa. Ma gì dựa kẻ ấy? Ma chấp trước vẫn

tự, ma chập vào kinh Phật! Kinh Phật giống như một tấm lưới, kẻ ấy miệt mài trong đó, giống như ở trong mê cung, lần mò chẳng ra, đi trong mê muội, mê trong kinh Phật, đã vướng phải ma!

Phương pháp đọc tụng kinh điển của cô nhân là dạy quý vị chớ nên có tâm phân biệt, mở kinh ra bèn một mực niệm, chẳng có phân biệt, chẳng có chập trước, chẳng có vọng tưởng. Do vậy, đọc kinh là tu Giới, Định, Huệ, sẽ chẳng bị ma dựa! Đọc kinh là một phương pháp tu Giới, Định, Huệ. Dùng phương pháp này nhằm hoàn thành Tam Học Giới, Định, Huệ một lượt. Quý vị mỗi ngày niệm kinh một giờ, tức là quý vị tu Giới, Định, Huệ một giờ. Quý vị niệm kinh hai giờ là tu Giới, Định, Huệ hai giờ. Quý vị chớ nên nghiên cứu! Hễ nghiên cứu là hỏng rồi, trật rồi! Hễ nghiên cứu bèn rơi vào thức thứ sáu, tức Ý Thức. Thức thứ sáu (Ý Thức) là ma chướng, hành như thế nào? Kinh Lăng Nghiêm dạy: “*Bất tác thánh tâm, danh thiện cảnh giới. Nhược tác thánh giải, tức thọ quần tà*” (nếu chẳng nghĩ là tâm đã chứng đắc cảnh giới thánh nhân thì gọi là cảnh giới tốt lành. Nếu nghĩ là đã thông hiểu cảnh giới của thánh nhân bèn rớt vào các thứ tà). Đó là đã vướng vào ma! Bất luận cảnh giới nào hiện tiền, đặc biệt là năm mươi thứ Âm Ma tức là năm mươi thứ cảnh giới được nói ở phần cuối kinh Lăng Nghiêm.

Hiện thời, trong thế giới này, kẻ bị ma dựa rất nhiều, đều do ham kỳ chuộng lạ, kẻ này thấy quang minh, kẻ kia thấy Phật, thấy Bồ Tát, [pháp sư giảng kinh hoặc hành nhân hiện thân lơ lửng] lìa khỏi mặt đất ba thước, có hiện tượng ấy hay không? Thừa cùng quý vị, có thật! Kẻ ấy nói [những chuyện lạ lùng ấy] tôi đều thừa nhận, quyết định chẳng phải là giả, đúng là có những hiện tượng ấy, nhưng thấy những hiện tượng ấy thì sao? Đức Phật dạy chúng ta đừng quan tâm đến nó thì quý vị sẽ chẳng có chuyện gì. Nếu quý vị bận tâm, hoặc là hoan hỷ, hoặc là sợ hãi, quý vị sẽ bị ma dựa. Hiện thời có nhiều kẻ chuyên môn học những thứ đó, người bị mắc hại rất nhiều! Học Phật như vậy, nếu kẻ ấy thật sự dụng công, thật sự tinh tấn, thật sự nghiêm túc tu học, đại khái chưa đến một hai năm sẽ bị bệnh thần kinh. Người thế gian chúng ta gọi kẻ ấy là “thần kinh phân liệt” (Schizophrenia), trong Phật pháp gọi là “ma dựa”, rất đáng thương, mà cũng rất đáng tiếc! Vì vậy, đối với hết thảy cảnh giới đều chẳng quan tâm tới, giữ gìn tâm cảnh của quý vị bình thường, như vậy là tốt!

“*Phật kiến tảo đọa Thiết Vy*”: Trong kinh có một công án, Văn Thù Bồ Tát nói tối hôm trước Ngài thấy Phật, thấy Pháp, tức là thấy Phật nghe pháp, Thích Ca Mâu Ni Phật bảo: “*Ta đã sớm đánh văng ông ta xuống Thiết Vy rồi*”. Há có thấy Phật? Há có thấy Pháp? Chẳng có Phật, mà cũng

chẳng có Pháp! Phật là giác, Pháp là chánh tri chánh kiến. Phật là giác chứ không mê, “*Giác chứ không mê, chánh chứ không tà, tịnh chứ không nhiễm*”, là một mà ba, tuy ba mà một, lấy đâu ra thấy Phật, thấy Pháp? Thừa cùng quý vị, nói theo Tông Môn, hai câu ấy là “*hướng thượng nhất trước*” (hướng tới cảnh giới tối cao), là cảnh giới cao nhất. Chúng ta không đạt được, vẫn phải đọc kinh, vẫn phải nghiên cứu, nhưng phải hiểu [đọc kinh, nghiên cứu] là thứ bậc trung hạ trong Phật pháp, chẳng phải là Phật pháp tối cao. Trong Phật pháp tối cao thì những việc ấy đều chẳng có, quý vị mới có thể thật sự chứng đắc “*vạn pháp như một, chúng sanh và Phật bất nhị*”, chúng sanh và Phật là một, chẳng hai. Đó là nói đến cảnh giới cao nhất.

(Sao) Thị cố ngã quán Cực Lạc, thật vô khổ lạc. Nhược hữu khả lạc, dĩ khổ hà biệt?

(鈔)是故我觀極樂，實無可樂，若有可樂，與苦何別。

(Sao: Vì thế, ta quán cõi Cực Lạc thật sự không có gì để có thể vui. Nếu có thứ gì để có thể vui thì cùng với khổ có khác gì đâu?)

Nói với quý vị lời chân tâm và cảnh giới chân thật. Tây Phương Cực Lạc thế giới có lạc hay không? Nếu quý vị nghĩ nó thật sự có lạc thì lạc và khổ có gì khác nhau? Lạc là khổ, lạc là Hoại Khổ! Do vì đạt đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, cảnh giới ấy chẳng có khổ mà cũng chẳng có lạc, nên gọi là Cực Lạc! Chư vị phải hiểu, khổ và lạc là tương đối, chẳng có bên này sẽ chẳng có bên kia. Có lạc sẽ tất nhiên sẽ còn có khổ tồn tại! Hiện thời, quý vị tu hành đến một giai đoạn kha khá, quý vị sẽ hiểu, trong thế gian này chẳng có khổ mà cũng chẳng có lạc, đó là thoải mái nhất. Có khổ bèn mong lạc, nhưng có lạc, ắt phải có khổ. Do vậy, quý vị đừng nghĩ thế giới Cực Lạc rất vui sướng. Nếu quý vị nghĩ như vậy, tức là đã nghĩ lầm, hoàn toàn hiểu lầm mất rồi! Khổ, lạc, ưu, hỷ, xả thảy đều chẳng có, sẽ là chân lạc, là Cực Lạc! Hôm nay đã hết thời gian tới rồi, chúng tôi giảng tới đây!

Tập 135

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang hai trăm chín mươi ba:

Nhị, biệt thị trang nghiêm.

二別示莊嚴。

(Hai, nêu bày riêng biệt từng sự trang nghiêm).

Đây là đoạn kinh văn thứ hai, Biệt Thị Trang Nghiêm. Đoạn văn lớn này được chia thành bốn tiểu đoạn, khoa đề (tiểu đề) của bốn tiểu đoạn được nêu ra như dưới đây. Sau đây là tiểu đoạn thứ nhất trong bốn tiểu đoạn.

Sơ lan võng, hàng thụ.

初，欄網行樹。

(Đầu tiên là lan can, lưới, hàng cây).

Chúng ta đọc kinh văn:

(**Kinh**) **Hựu Xá Lợi Phất. Cực Lạc quốc độ, thất trùng lan thuẫn, thất trùng la võng, thất trùng hàng thụ, giai thị tứ bảo châu táp vi nhiều.**

(**經**) 又舍利弗。極樂國土。七重欄楯。七重羅網。七重行樹。皆是四寶周匝圍繞。

(**Kinh**: Lại này Xá Lợi Phất! Cõi nước Cực Lạc bảy tầng lan can, bảy tầng lưới màn, bảy lớp hàng cây, đều bằng bốn báu vây quanh trọn khắp).

Xin xem chú giải.

(**Sớ**) **Thử chánh minh lạc sự dã. Lan thuẫn vi w thụ ngoại, la võng phú w thụ thượng, trùng trùng tương gián, kỳ số hữu thất dã. Tứ bảo giả, thất bảo tiền tứ dã. Châu táp giả biến mãn, vi nhiều giả hồi hộ, ngôn trùng trùng giai tứ bảo sở nghiêm sức dã.**

(疏) 此正明樂事也。欄楯圍於樹外，羅網覆於樹上，重重相間，其數有七也。四寶者，七寶前四也。周匝者遍滿，圍繞者迴護，言重重皆四寶所嚴飾也。

(Sớ: Đây là chánh thức nói rõ các sự vui [trong cõi Cực Lạc]. “Lan thuẩn” (lan can) là thứ [vây quanh] phía ngoài hàng cây, “la võng” (lưới màn) là thứ phủ trên cây, tầng tầng lớp lớp xen kẽ, số lượng có bảy lớp. “Tứ bảo” là bốn thứ đầu trong bảy báu. “Châu táp” là trọn khắp, “vi nhiều” là bao quanh. Ý nói mỗi tầng đều được trang hoàng bằng bốn thứ báu).

Đoạn này hoàn toàn thuật bày sự tướng, chẳng khó hiểu, nhưng ý nghĩa được bao hàm trong ấy vô cùng phong phú, trong ấy có nhiều ý nghĩa biểu thị pháp mà chúng ta cần phải biết. Đầu tiên là nêu nguyên do vì sao Tây Phương thế giới được gọi là “thế giới Cực Lạc”, đương nhiên giảng tỉ mỉ và thấu triệt nhất là kinh Vô Lượng Thọ; tuy kinh này (kinh A Di Đà) nói giản lược, nhưng bản chú giải này của Liên Trì đại sư có thể nói là đã chú giải rất tường tận. Ở đây là nói về nghĩa lý của các sự vui trong thế giới Tây Phương.

“Lan thuẩn”, lan (欄) là [thanh] nằm ngang [trong lan can], thuẩn (楯) là [các thanh] thẳng đứng. Tại Trung Quốc và ngoại quốc, hết sức chú trọng cách trang hoàng bằng lan thuẩn như vậy. Tại Bắc Kinh, nhìn vào hoàng cung, sẽ thấy từng đoạn Lan Thuẩn đều vô cùng đẹp mắt. “La võng” chẳng thường thấy. Xưa kia, các kiến trúc như cung điện nhất định có la võng. Hiện thời, trong rất nhiều tự viện có quy mô lớn ở Nhật Bản có la võng; quá nửa là dùng sợi dây đồng để bện thành, có tác dụng bảo vệ các tác phẩm nghệ thuật, vì các cột, kèo đều là những tác phẩm nghệ thuật cao cấp, thường được gọi là “điều lương, họa đồng” (xà chạm, kèo vẽ), sợ chim chóc làm tổ gây hư hại, nên dùng lưới đồng để bảo vệ. Quý vị có thể thấy [các kèo cột chạm vẽ công phu ấy] từ bên ngoài, nhưng chẳng thể đụng chạm, có tác dụng như vậy đó. Giữa các lưới cũng rất chú trọng, trang hoàng bằng bảo châu và phong linh nên vô cùng đẹp đẽ.

Từ Đại Kinh, chúng ta đọc thấy cây cối trong Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng phải là cây cỏ thông thường. Cây cối trong thế giới ấy bằng bảy báu, là “bảo thụ” (cây báu). Do vậy, trên cây đều có giảng la võng. Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng có tam ác đạo, tuyệt đối chẳng phải nhằm ngăn ngừa chim chóc làm tổ. Lưới màn thuần túy thuộc loại trang sức phẩm. Không chỉ là trang sức, mà còn có tác dụng hết sức kỳ diệu. Từ

Đại Kinh, chúng ta thấy các lưới ấy có thể tỏa ánh sáng, trong ánh sáng có thể hiện hình tượng của các cõi Phật trong mười phương, giống như hình ảnh trong TV. Quý vị muốn thấy nơi nào trong hết thấy các cõi Phật khắp mười phương, hình tượng nơi cõi ấy bèn hiện trong quang minh tỏa ra từ lưới.

Ánh sáng tỏa ra từ lưới hiển hiện hình tượng, khoa học kỹ thuật hiện thời cũng dần dần đạt tới cảnh giới này, nhưng hiện thời chưa phổ biến, chúng ta gọi kỹ thuật ấy là “*lập thể điện thị*” (3DTV). Ở Mỹ, tôi đã từng xem qua, chẳng cần màn ảnh. Quý vị thấy người trong ấy cử động giống như thật, hoàn toàn là hình bóng, quyết định chẳng phải là chân thật, nhưng quý vị thấy hoàn toàn giống như thật, chẳng cần đến màn hình, hoàn toàn là [hình ảnh] lập thể. Trong tương lai, khi kỹ thuật này dần dần phổ biến, chẳng cần tới máy TV nữa! Hình người có thể phóng lớn hay thu nhỏ, thậm chí chúng ta đi tới đó, bản thân chúng ta bị chiếu lên, thấy chính chúng ta đi trong đó, người biến thành nhỏ xíu, mặc quần áo chẳng khác chính mình chút nào! Do vậy, chúng ta có thể tưởng tượng, đại khái lưới và cây nơi Tây Phương Cực Lạc thế giới giống như 3DTV, hết thấy các cõi nước trong mười phương quý vị đều có thể tiếp xúc, đều có thể thấy bất cứ lúc nào. Người nhà, quyền thuộc bất luận ở trong thế giới nào, bất luận ở trong đường nào, có thể nói là thời thời khắc khắc đều có thể gặp mặt. Tây Phương Cực Lạc thế giới thù thắng khôn sánh!

“*Kỳ số hữu thất*” (số lượng đến bảy [lớp, tầng, hàng]), “bảy” mang ý nghĩa biểu thị pháp, chẳng phải là con số. Nếu là con số, quý vị nghĩ xem, thế giới Cực Lạc có gì đáng vui thú để nhìn! Mỗi thứ đều là bảy lớp, chẳng có kiểu cách nào khác, cứng ngắc, rập khuôn, chẳng có ý nghĩa gì hết! “Bảy” tượng trưng cho sự viên mãn, viên mãn là gì? Phải tùy thuận ý nghĩ của chính mình, đó là viên mãn. Ta ưa thích ra sao, nó bèn biến ra như thế, đó mới gọi là “viên mãn”. Con số Bảy tượng trưng cho bốn phương, trên, dưới và chính giữa, viên mãn! Nó biểu thị pháp. Giống như trong kinh Hoa Nghiêm đã dùng Mười để biểu thị pháp. Mười là con số viên mãn, tượng trưng sự viên mãn về phương vị, nên nó chẳng phải là con số. “*Thất trùng*” là viên mãn, quý vị thích dạng thức nào, nó bèn [biến hóa] dạng thức đó, thích bao nhiêu tầng bèn hiện bấy nhiêu tầng. Nói chung, Tây Phương Cực Lạc thế giới không có chuyện gì chẳng phải là “thuận theo lòng ưa muốn”, đó mới là tự tại.

“*Tứ bảo*” cũng là nêu lên đại lược. Liên Trì đại sư bảo chúng ta [“tứ bảo”] là “*thất bảo tiền tứ*” (bốn thứ đầu trong bảy báu), bốn thứ đầu tiên. Trong Đại Kinh đã chỉ dạy rõ ràng, Tây Phương Cực Lạc thế giới có

vô lượng vô biên vô tận kho báu, nên Thất trong “*thất bảo*” tượng trưng cho sự viên mãn. Nói cách khác, tất cả hết thảy bảo vật Tây Phương Cực Lạc thế giới đều có, chẳng thiếu khuyết, đó mới là viên mãn.

(Sao) Lan Thuần giả, hoành viết Lan, trực viết Thuần. Thử phương hoa mộc, diệc tác lan thuần.

(鈔) 欄楯者，橫曰欄，直曰楯，此方花木，亦作欄楯。

(Sao: Lan Thuần: Thanh nằm ngang gọi là Lan, thanh thẳng đứng là Thuần. Đối với hoa cỏ, cây cối, cối này cũng làm lan can [bao quanh]).

Đối với hoa cỏ, cây cối trong cõi này, chúng ta cũng dùng lan can để bao quanh.

(Sao) Nhất, phòng vật tổn.

(鈔) 一防物損。

(Sao: Lý do thứ nhất là để ngăn ngừa các con vật làm hư hại)

Ngăn ngừa tổn hại.

(Sao) Nhị, thị mỹ quan. Bỉ độ tuy ngưư dương tuyệt mục.

(鈔) 二示美觀。彼土雖牛羊絕牧。

(Sao: Hai là do vẻ mỹ quan. Tuy cõi ấy trọn chẳng chăn nuôi trâu, dê).

Thế giới ấy chẳng có súc sanh, lan can hoàn toàn nhằm tạo vẻ mỹ quan.

(Sao) Ngoạn hảo vô tâm, nhi vạn hạnh công đức chi sở trang nghiêm, nhậm vận thành tựu dã.

(鈔) 玩好無心，而萬行功德之所莊嚴，任運成就也。

(Sao: Mà cũng không nhằm thỏa lòng ưa thích, mà là do được vạn hạnh công đức trang nghiêm nên tùy ý thành tựu).

Phải ghi nhớ câu này, Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng có một thứ nào là kiến tạo. Chúng ta phải thiết kế, lo toan, chế tạo ư? Chẳng hề có! Hết thảy vạn vật, hình tượng trong thế giới Tây Phương đều là tự nhiên biến hiện, giống hết như Tha Hóa Tự Tại Thiên trong thế giới Sa Bà của

chúng ta. Đó là tầng trời cao nhất trong Dục Giới. Tầng trời thứ sáu [trong Dục Giới] là Tha Hóa Tự Tại Thiên (Parinirmita-vaśavartin). Nói thật ra, Tha Hóa Tự Tại Thiên chẳng cần tự mình biến hóa. Tầng trời thứ năm là Hóa Lạc Thiên (Nirmānarati) muốn dùng thứ gì thì chính mình phải biến hóa. Phước báo của Đệ Lục Thiên to hơn họ, hoàn toàn chẳng cần tự mình biến hóa, trong tâm vừa đầy một niệm, những thứ ấy đều hiện tiền. Vì vậy, Tây Phương Cực Lạc thế giới là tùy ý hiện tiền.

(Sao) La võng nghĩa đồng thứ.

(鈔) 羅網義同此。

(Sao: Lưới màn có cùng ý nghĩa ấy).

Hết thầy biến hóa đều là tự nhiên, đó gọi là “*vạn đức trang nghiêm*”, tự nhiên trang nghiêm.

(Sao) Hàng thụ giả, thứ đệ thành hàng, vô thác loạn dã.

(鈔) 行樹者，次第成行，無錯亂也。

(Sao: “Hàng thụ”: Xếp thành hàng trật tự, chẳng rối loạn).

Chỉnh tề, đẹp mắt, lại còn là từng loại một [phân minh], cho thấy vô cùng đẹp mắt.

(Sao) Thất trùng giả, nhất trùng lan võng, vi phú nhất trùng hàng thụ, cố viết trùng trùng tương gián dã.

(鈔) 七重者，一重欄網，圍覆一重行樹，故曰重重相間也。

(Sao: Bảy lớp: Một lớp lan can và lưới màn bao quanh, vây phủ một tầng hàng cây, nên nói là “tầng tầng lớp lớp xen kẽ”).

Lưới màn và hàng cây cũng trùng trùng vô tận, tầng tầng lớp lớp xen kẽ nhau.

(Sao) Tam sự tuy thử phương diệc hữu.

(鈔) 三事雖此方亦有。

(Sao: Tuy phương này cũng có ba chuyện ấy).

Trong thế gian này của chúng ta cũng có lan can, lưới mảnh, hàng cây, nhưng tánh chất của chúng chẳng sánh bằng Tây Phương Cực Lạc thế giới.

(Sao) Nhi chất duy mộc thạch.

(鈔) 而質唯木石。

(Sao: Nhưng chất liệu chỉ là gỗ, đá).

Đây là nói đến phẩm chất.

(Sao) Bỉ thuần dĩ bảo dã.

(鈔) 彼純以寶也。

(Sao: Cõi kia [những thứ ấy] thuần bằng chất báu).

Hàng cây, lan can, lưới mảnh trong Tây Phương Cực Lạc thế giới đều bằng chất báu.

(Sao) Thất bảo tiền tứ giả, kim, ngân, lưu ly, pha lê.

(鈔) 七寶前四者，金銀琉璃玻璃。

(Sao: “Bốn chất đầu trong bảy báu” là vàng, bạc, lưu ly và pha lê).

Bốn loại đầu trong bảy báu, là “hoàng kim, bạch ngân, lưu ly, pha lê”. Thời cổ chẳng có Pha Lê (Sphatika), Pha Lê được phát minh cách đây cũng chẳng lâu lắm. Pha Lê nói trong kinh Phật nay ta gọi Thủy Tinh. Trước đây chẳng thấy từ ngữ Thủy Tinh, người đời Đường nói Pha Lê thì đó là Thủy Tinh thiên nhiên. Thủy tinh hiện thời [được chế tạo bằng phương pháp] hóa học, do chính sức người làm ra. Lưu Ly (Veluriyam, Vaidūrya, Lapis Lazuli) là Phi Thúy, nay chúng ta gọi là Lục Sắc Ngọc, so với các loại ngọc thông thường có giá trị cao hơn rất nhiều. Ở Tây Phương Cực Lạc thế giới, bốn thứ báu này hết sức phổ biến, hết sức nhiều!

(Sao) Châu táp vi nhiều giả, như Thụy Tướng Kinh vân.

(鈔) 周匝圍繞者，如瑞相經云。

(Sao: “Châu táp vi nhiều” là như kinh Thụy Tướng nói).

Kế đó, Liên Trì đại sư dẫn kinh để chứng minh, Ngài trích dẫn tổng cộng chín đoạn, đều nhằm chứng tỏ ý nghĩa “châu táp vi nhiều”. Đoạn

thứ nhất nói về lưới mảnh, chúng ta đọc đoạn văn ấy, tức là đoạn kinh văn được chép trong kinh Thụy Tướng.

(Sao) Vô lượng bảo võng, giai dĩ kim lữ trân châu, bách thiên tạp bảo, trang nghiêm hiệu sức, châu tạp tứ diện, thù dĩ bảo linh, quang sắc hoa diệu, la phú thụ lâm.

(鈔) 無量寶網，皆以金縷珍珠，百千雜寶，莊嚴較飾，周匝四面，垂以寶鈴，光色華耀，羅覆樹林。

(Sao: Vô lượng lưới báu đều dùng sợi bằng vàng [để xuyên kết] trên châu, trăm ngàn các thứ báu khác nhau trang hoàng, tô điểm, vây kín bốn phía, linh báu treo rủ, ánh sáng và màu sắc rực rỡ, chói lọi, che phủ rừng cây).

Đây là tiêu đoạn thứ nhất, chúng ta đọc xong bèn tưởng tượng cảnh giới ấy vô cùng đẹp đẽ, giống như trong tranh vẽ vậy. Có thể thấy thế giới Cực Lạc vật chất dồi dào, sung túc, chẳng có gì mà hồng sánh bằng. Tuy nói là “kim”, có danh xưng giống như vàng ròng trong thế gian này, thực chất hoàn toàn khác hẳn. Trong kinh, đức Phật đã dạy, nói theo nguyên lý là “cảnh chuyển theo tâm”, “cảnh” là hoàn cảnh, [“cảnh chuyển theo tâm” là] hoàn cảnh vật chất chuyển theo tâm. Nghiệp do tâm tạo, tâm tạo nghiệp. Nếu hết thấy chúng sanh đều tạo thiện nghiệp, vật chất trong thế gian này sẽ biến đổi, biến thành khá nhiều thứ trân bảo. Những thứ kim, ngân, thất bảo ấy, chỗ nào cũng đều có. Nếu lòng người tạo ác nghiệp, những thứ trân bảo ấy chẳng còn nữa, chúng cũng bị biến đổi, biến thành cát, đất, đá, biến thành những thứ ấy.

Đại địa trong thế giới Cực Lạc thấy đều là bảy báu. Đại địa trong thế giới của chúng ta cũng là bảy báu, nhưng bảy báu đã bị biến chất. Biến như thế nào? Biến theo lòng người. Có thể thấy vật chất chẳng phải là thật, vật chất là giả, duy tâm sở hiện, duy thức sở biến, do chính mình biến hiện. Chính mình biến ra để chính mình hưởng dụng. Nếu quý vị không tin, tôi nêu một thí dụ cho quý vị nghe, quý vị hãy khéo suy nghĩ kỹ sẽ dần dần tin tưởng. Ví dụ như quý vị là một người tâm địa hết sức thiện lương. Hằng ngày đều nghĩ đến chuyện tốt, đêm ngủ luôn là mộng đẹp, những vật chất hưởng thụ trong mộng đều đẹp đẽ vô cùng. Nếu quý vị hằng ngày nghĩ tới chuyện ác, mỗi đêm đều gặp ác mộng, cảnh giới trong mộng là nga quỷ, địa ngục, sợ đến nổi khắp thân đầm mồ hôi lạnh, kinh hoàng tỉnh giấc. Quý vị hãy xem cảnh giới ấy, thiên đường và địa ngục trong mộng do đâu mà có? Chẳng có [thứ gì đến từ bên ngoài], mà do trong tâm của

chính quý vị biến hiện. Thiện tâm biến thành thiện cảnh giới, ác tâm biến thành ác cảnh giới.

Từ cảnh mộng mỗi đêm, có thể trải nghiệm công phu và cảnh giới của chính mình. Trước kia, chưa học Phật, ác mộng thật nhiều, học Phật mấy năm, tuy vẫn nằm mơ, nhưng ác mộng dần dần ít đi, đó là tiến bộ. Lại tiến hơn bước nữa, ác mộng trọn chẳng có, nằm mộng chẳng rất loạn, sẽ hiểu rõ ràng, minh bạch. Lại càng thù thắng hơn nữa là thường xuyên mộng thấy Phật, Bồ Tát, mộng thấy giảng kinh, mộng thấy nghe kinh, mộng thấy niệm Phật, dự Phật Thất, nằm mộng những chuyện ấy. Tốt lắm! Ban ngày tu hành, buổi tối vẫn tiếp tục không ngừng. Đó là cảnh giới tốt đẹp, thường nói là “*nhật hữu sở tư, dạ hữu sở mộng*” (ngày nghĩ gì, đêm mộng đó). Cùng một đạo lý, vì sao Tây Phương Cực Lạc thế giới tốt đẹp ngàn ấy? Lòng người tốt đẹp! Tâm chẳng tốt đẹp sẽ không thể vãng sanh, không thể đến đó, đạo lý là như vậy đó! Vì thế, thời cổ, vàng, bạc, bảy báu nhiều, hiện thời ít ỏi, hiện thời những thứ này [hầu như] chẳng còn nữa. Vì sao chẳng có? Biến chất rồi! Biến đổi theo lòng người mất rồi. Chúng ta nhất định phải hiểu rõ ràng đạo lý này!

Vì thế, nếu muốn vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, đối với chúng ta mà nói thì chỉ một câu A Di Đà Phật chưa đủ dùng, nhưng có một hạng người [đối với họ, câu niệm Phật] rất hữu dụng, người như thế nào? Người thật thà. Chúng ta là những kẻ chẳng thật thà, cho nên đối với chúng ta [chỉ một câu Phật hiệu đơn độc] sẽ vô dụng. Vì sao nói là chẳng thật thà? Niệm câu A Di Đà Phật vẫn dấy lên vọng tưởng, một hồi nghĩ chuyện này, một hồi nghĩ chuyện khác, chẳng thật thà! Nếu quý vị thật thà, nói thật ra, kinh luận gì cũng đều chẳng cần, một câu A Di Đà Phật niệm đến cùng, quyết định vãng sanh, vọng niệm gì, nghi lự gì đều chẳng còn nữa! Vì sao tôi biết các vị chẳng thật thà? Vì các vị thường đến hỏi tôi, hỏi này, hỏi nọ, tức là chẳng thật thà. Người thật thà chắc chắn chẳng có nghi vấn. Hễ quý vị có câu hỏi, sẽ là chẳng thật thà! Người chẳng thật thà bèn làm như thế nào? Phải cậy vào kinh giáo! Nói cách khác, kinh giáo giúp chúng ta học thật thà. Hiện thời, chúng ta lắm nỗi nghi lự, nhiều câu hỏi; hễ các đạo lý trong kinh điển đều hiểu rõ ràng thì những câu hỏi ấy đều chẳng còn nữa, đoạn nghi sanh tín mà! Sau đó, mới học làm một kẻ thật thà, chắc chắn có thể thành tựu. Do vậy nói “có thể vãng sanh hay không là do hai chữ Thật Thà!” Thật thà bèn có thể vãng sanh, không thật thà sẽ chẳng thể vãng sanh, rất trọng yếu! Đó là nói về vật chất chuyển biến, vì sao Tây Phương Cực Lạc thế giới tốt đẹp dường ấy là có đạo lý.

Còn về phương pháp tu hành, thưa cùng quý vị, Phật pháp và hết thảy các pháp thế gian chỉ khác nhau ở một chỗ, tức là Phật pháp chú trọng tu Định. Bất cứ tôn giáo nào, bất cứ học thuật nào trong thế gian đều chẳng nói đến tu Định, chỉ có Phật pháp chú trọng tu Định. Vì sao? Định mới có thể sanh ra trí huệ chân thật, Giới, Định, Huệ! Trì giới nhằm mục đích đắc Định, giúp cho quý vị đắc Định. Vậy mà người trì giới trong hiện thời chẳng thể đắc Định, vì sao họ chẳng thể đắc Định? Vẫn là một câu nói cũ mèm! Chẳng thật thà! Thế nào là kẻ trì giới chẳng thật thà? Người ấy trì giới khá lắm, nhưng thấy kẻ này chẳng trì giới, thấy kẻ kia phạm giới, trong tâm cảm thấy chẳng thoải mái, làm sao có thể đắc Định cho được? Người ấy chẳng đắc Định! Người thật thà là bản thân ta trì giới của ta, còn người khác trì giới hay chẳng trì giới, ta chẳng thấy, không biết, chẳng quản chuyện người khác. Lục Tổ đã dạy: “*Nếu người thật tu đạo, chẳng thấy lỗi người khác*”, người ấy đã đắc Định. Do vậy nói, vẫn phải là thật thà, ngay cả tham Thiền cũng phải thật thà, vì không thật thà sẽ chẳng thể đắc Định, mà cũng chẳng thể khai ngộ. Vì thế, chuyện thị - phi, thiện - ác của người khác, ta nhất loạt chẳng màng, chẳng liên can gì đến ta thì ta mới có thể đắc Định. Thường chuộng quản chuyện trời ơi của kẻ khác, kẻ ấy chẳng thật thà, là kẻ chẳng thật thà đúng tiêu chuẩn, chẳng thành tựu chuyện gì! Dầu bề ngoài tu hành tốt đẹp cách mấy, đến cuối cùng vẫn là xôi hỏng bỏng không!

Tu hành có công phu thật sự hay không là ở một chiều cuối cùng, tức là coi quý vị ra đi như thế nào? Người thật sự có công phu biết trước lúc mất, chẳng bị bệnh khổ, như nhập Thiền Định, đó là công phu chân thật. Quý vị đọc Lục Tổ Đàn Kinh, Lục Tổ đại sư biết thời điểm vãng sanh từ hai năm trước, tuyệt diệu lắm. Ngài sai người sang chùa Quốc Ân dựng tháp, bảo người ấy: “Ông phải thay tôi xúc tiến công việc cho nhanh”, nhằm chuẩn bị vì Ngài sắp vãng sanh. Trước đó hai năm, Tổ đã sai người dựng tháp, chuẩn bị hậu sự, người ta thật sự có công phu. Thầy Lý vãng sanh cũng là trong khi giảng kinh vào hai năm trước đó, đã tuyên bố cùng mọi người: “Tôi chỉ giảng kinh hai năm nữa thôi!” Đồng tu ở Đài Trung nghe nói vậy liền lên Đài Bắc hỏi tôi: “Thầy nói câu ấy có nghĩa là gì?” Tôi nói: “Hai năm nữa thầy sẽ vãng sanh. Có nghĩa là gì? Thầy trụ thế để giảng kinh. Thầy không giảng kinh sẽ chẳng cần trụ nơi đây nữa, phải ra đi”. Quả nhiên, hai năm sau thầy mất. Từ hai năm trước, thầy đã tuyên bố tin tức ấy với mọi người. Đúng là chẳng thể lừa người được! Suốt đời làm bộ làm tịch có thể gạt kẻ khác, chứ đến cuối cùng vẫn lộ đuôi chồn, là thật hay giả, người khác bèn thấy rõ ràng, minh bạch!

Vì thế, điều thứ nhất là chúng ta phải học thật thà. Thứ hai là phải biết phương pháp tu hành, phương pháp ấy là phải tu Định. Nếu muốn tu Định thì trước hết phải tu bố thí, phải tu nhẫn nhục. Bố thí gì vậy? Buông xuống, buông vọng tưởng xuống, buông ý niệm bất bình xuống, buông ý niệm thích lo chuyện tào lao, thả đều buông xuống, đó là bố thí. Bố thí là buông xuống. Nhẫn nhục là nhẫn nại, trong cuộc sống, xử sự, đãi người, tiếp vật, thứ gì cũng phải nhẫn, mọi chuyện đều phải nhẫn, tu hành cũng phải nhẫn. Vì vậy, cổ nhân dốc sức nơi một bộ kinh, học bộ kinh ấy bao lâu? Học năm năm, suốt năm năm chẳng xem bộ kinh thứ hai. Nhằm huân luyện gì? Huân luyện lòng kiên nhẫn, huân luyện định lực, người ấy chẳng có vọng tưởng. Ta học một bộ kinh này, trong óc chẳng nghĩ đến bộ thứ hai, tâm đã định, định suốt năm năm, như vậy là có cơ sở khá. Dùng cơ sở ấy để nghiên cứu các kinh luận khác, thâm nhập kinh tạng, như vậy thì mới được, mới thật sự có thành tựu. Con người hiện thời chẳng có cơ sở ấy, đừng nói là kinh điển này, đọc một lần còn miễn cưỡng, đọc đôi ba lần sẽ chẳng muốn đọc nữa, lập tức muốn thay đổi. Nếu một năm xem mấy chục loại, xem đến nổi đầu óc rối beng như canh hẹ, chẳng có thuốc nào cứu được, đầu óc đã loạn mất rồi!

Do đó, tâm địa thanh tịnh trọng yếu vô cùng! Thâm nhập một môn! Một bộ kinh này niệm càng nhiều lần càng tốt. Trong các buổi giảng, chúng tôi thường nói với các vị đồng tu, niệm kinh là tu hành, tu hành điều gì? Tu Giới, Định, Huệ. Không chỉ Tam Học Giới, Định, Huệ được bao gồm trong ấy, mà Lục Độ cũng ở trong ấy, mười đại nguyện vương cũng gồm trong ấy, đúng là chẳng thể nghĩ bàn! Dùng tâm cung kính, kiên thành, mở kinh bôn ra, niệm từ đầu đến cuối một lần, Tam Học, Lục Độ, mười nguyện toàn bộ đều được tu viên mãn trong ấy. Khi niệm kinh, chớ nên nghĩ kinh này có ý nghĩa gì, câu này giảng theo cách nào, câu này có nghĩa là gì, như vậy là hỏng rồi. Đó là đọc sách thế gian, Tam Học, Tam Huệ, và Lục Độ thấy đều chẳng có! Do vậy, khi niệm kinh, chớ nên có vọng niệm, hãy cung kính niệm, chớ nên nghĩ tới ý nghĩa, chẳng có vọng niệm. Chẳng có vọng niệm là tu Giới, giới luật là “*chẳng làm các điều ác, vâng làm các điều lành*”. Một vọng niệm cũng chẳng có, đương nhiên là “*chẳng làm các điều ác*”. Kinh điển do đức Phật từ trong Chân Như bôn tánh lưu lộ ngôn ngữ, văn tự, chúng ta mắt thấy, miệng niệm, đó là “*vâng làm các điều lành*”. Đây là chí thiện, “*chỉ u chí thiện*” (đạt tới, an trụ nơi điều lành tốt bậc). Chuyên tâm, chẳng có phân biệt, chẳng có vọng tưởng, đó là Định. Niệm rõ ràng, minh bạch, đó là Huệ. Vì thế, Tam Học Giới, Định, Huệ đều bao gồm trong ấy.

Lục Độ cũng ở trong ấy, quý vị chuyên tâm niệm kinh, thứ gì cũng đều buông xuống, buông xuống là Bồ Thí. Cung kính là Trì Giới. Cung kính, theo đúng quy củ để niệm, niệm một bộ kinh từ đầu đến cuối, đó là Nhẫn Nhục. Quý vị có lòng kiên nhẫn thì mới có thể niệm được. Chẳng có lòng kiên nhẫn sẽ không được. Có kiên nhẫn để niệm là Nhẫn Nhục. Mỗi ngày đều đọc tụng, mỗi ngày đọc đôi ba lượt, đó là Tinh Tấn. Chuyên niệm một bộ này, chẳng nghĩ tới bộ thứ hai, đó là Thiên Định. Niệm đến khi tâm địa thanh tịnh, tự đắc tâm khai, trí huệ Bát Nhã hiện tiền. Vì lẽ đó, niệm kinh là tu Lục Độ, mọi người chẳng biết chỗ tốt đẹp này. Tu Lục Độ bằng cách nào? Mỗi ngày nghĩ nát óc cách tu ra sao, nghĩ kiểu nào cũng tu chẳng giống, một Độ quý vị cũng chẳng tu thành! Tôi bảo quý vị, Tam Học, Lục Độ là niệm kinh, thầy đều được bao gồm trong ấy, tuyệt diệu chẳng thể diễn tả được! Nếu quý vị niệm hai bộ kinh, thừa cùng quý vị, Tam Học lẫn Lục Độ đều chẳng có. Nếu quý vị thật sự chịu tin tưởng lời tôi, một bộ kinh mỗi ngày niệm vài lần, quý vị niệm suốt năm năm, xem thử quý vị có thành tựu hay không? Đối với sự thành tựu của quý vị, tôi có thể nói là trong các đồng tu học Phật trọn một thế hệ này, chẳng ai có thể sánh bằng quý vị. Vì sao? Quý vị đã từng dùng thời gian năm năm để tu Giới, Định, Huệ, tu Lục Độ. Nói thật thà thì kẻ bình phàm ngay cả công phu một tuần cũng chẳng có, họ làm sao có thể sánh bằng quý vị? Vì thế, mọi người phải nghiêm túc, phải nỗ lực, phải thật sự thực hiện. Tôi cũng đã lớn tuổi rồi, cũng sắp ra đi rồi, nên nói với quý vị toàn những câu thật thà, hy vọng mọi người đều có thể đạt thành tựu. Chúng ta lại xem đoạn thứ hai.

(Sao) Đại Bản vân.

(鈔) 大本云。

(Sao: Kinh Đại Bản nói).

Đại Bản là kinh Vô Lượng Thọ.

(Sao) Kỳ võng nhu nhuyển, như Đâu La Miên, tác phi thể bảo, tất đãi điều trác kiều nhu nhi vị nghiêm sức dã, lan thuãn bảo sức, lệ thử khả tri.

(鈔) 其網柔軟，如兜羅棉，則非世寶，必待雕琢矯揉而為嚴飾也。欄楯寶飾，例此可知。

(Sao: Lưới ấy mềm mại như Đâu La Miên, chẳng phải như của báu [tầm thường] trong thế gian cần phải được chạm, khắc, uốn nắn, chỉnh

sửa để trang hoàng. Lan can trang sức bằng các thứ báu, cứ dựa theo đó mà có thể biết).

Kinh Vô Lượng Thọ cho biết: Chất báu bên ấy thật sự là quý báu. Chẳng hạn, như ta thấy “*la võng*” tại Nhật Bản được bện bằng sợi đồng, chẳng mềm mại. Chất báu bên ấy mềm mại như Đâu La Miên. Đâu La Miên là một loại thực vật trồng ở Ấn Độ, giống như bông gòn, cảm nơi tay [cảm thấy] mềm mại. [Thất bảo bên Cực Lạc] là vật báu, nhưng mềm mại. Tuy danh xưng và hình tướng có một chút tương tự với chất báu trong thế gian này, nhưng thể chất hoàn toàn khác nhau, tuyệt đối chẳng phải là thứ trong thế gian này có được, mà cũng chẳng thể nào sánh bằng! Dựa theo đó, cũng biết những thứ trang hoàng nơi lan can [là như thế nào]!

(Sao) Đại Bản vân: “Chư bảo ngọc thượng, hữu vô số Chiên Đàn hương thụ, Cát Tường quả thụ, hàng hàng tương tri, hành hành tương vọng, chi chi tương chuẩn, điệp điệp tương hướng, hoa hoa tương thuận, quả quả tương đương, như thị hàng liệt, số bách thiên trùng. Thị danh vi hàng”.

(鈔)大本云：諸寶岸上，有無數栴檀香樹。吉祥果樹，行行相值，莖莖相望，枝枝相准，葉葉相向，花花相順，果果相當，如是行列，數百千重，是名為行。

(Sao: Kinh Đại Bản chép: “Trên các bờ báu, có vô số cây hương Chiên Đàn, cây cát tường quả. Từng hàng ngang nhau, từng thân cây đối nhau, từng nhánh ngang nhau, từng chiếc lá hướng về nhau, từng bông hoa hòa hợp với nhau, từng trái to bằng nhau. Bày thành hàng như thế mấy trăm ngàn vạn lớp, nên gọi là Hàng”.

Từ đoạn kinh văn này trong kinh Vô Lượng Thọ, có thể thấy chẳng phải chỉ là bảy hàng cây. Đoạn kinh văn này cũng là một đoạn văn chương vô cùng hay, lời văn rất đẹp. Văn tự mô tả cảnh sắc chẳng nhiều lắm, tuy phác họa nhưng đã miêu tả hoàn toàn cảnh tượng ấy. Chúng ta gọi Chiên Đàn (Candana, Sandalwood) là Đàn Hương. Chiên Đàn là loại Đàn Hương tốt nhất, cũng là một thứ trân bảo hết sức hiếm có trong thế gian này! Đối với loại hương nổi tiếng quý báu như thế, trong Phật giáo sử có ghi chép: Vào thời Đường, có một vị cao tăng Tây Vực đến Trung Quốc, khi gặp hoàng đế đã tặng một chút lễ vật. Sư tặng vua loại hương này, chỉ có bốn viên hương, [tức là bột hương] được vò thành hoàn, bốn hoàn thì cũng chẳng nhiều cho mấy, phân lượng rất ít. Khi ấy, trong triều đình quy định,

hương liệu tấn công tôi thiêu là một cân. Phân lượng chưa tới một cân chẳng thể làm lễ vật biếu tặng hoàng đế, quá ít! Người Trung Quốc cũng chẳng biết rốt cuộc loại hương ấy có ưu điểm gì, vị pháp sư ấy chẳng có cách nào, quá ít, chỉ có bốn hoàn. Do vậy, Sư đốt một hoàn. Thủ đô khi đó là Trường An, Sư đốt một hoàn, cả Trường An đều ngửi thấy mùi, mới biết sự trân quý của hương ấy. Do vậy, nhà vua liền tiếp nhận. Thật sự là của báu, hương Chiên Đàn là bảo hương!

(Sao) Hựu vân.

(鈔) 又云。

(Sao: Lại nói).

Đều là kinh văn trong kinh Vô Lượng Thọ.

(Sao) Thất bảo chư thụ, biến mãn thế giới, sở vị kim căn, kim hành, chi, diệp, hoa, quả, diệp giai dĩ kim, tất danh nhất bảo.

(鈔) 七寶諸樹，遍滿世界，所謂金根金莖，枝葉花果，亦皆以金，則名一寶。

(Sao: Các cây bảy báu trọn khắp thế giới, như là gốc vàng, thân vàng, cành, lá, hoa quả cũng đều bằng vàng, nên gọi là một thứ báu).

Cây này thuần bằng một chất báu, là một thứ báu.

(Sao) Kim căn ngân hành, chi, diệp, hoa, quả, diệp phân kim, ngân, tất danh nhị bảo. Như thị tam bảo, tứ bảo, kỳ bảo gián thác, triển chuyển tăng đa, nãi chí thất bảo.

(鈔) 金根銀莖，枝葉花果，亦分金銀，則名二寶，如是三寶四寶，其寶間錯，展轉增多，乃至七寶。

(Sao: Gốc vàng, thân bạc, cành, lá, hoa, quả cũng do vàng bạc hợp thành, nên gọi là “hai thứ báu”. Ba thứ báu, hay bốn thứ báu như thế, các chất báu xen lẫn, lần lượt tăng lên nhiều hơn cho đến bảy thứ báu).

Những hàng cây bên đó đẹp đẽ khôn kể xiết!

(Sao) Hựu vân: “Chư Phật tịnh quốc, thù thắng trang nghiêm, u bảo thụ trung, tất giai xuất hiện, do như minh kính”.

(鈔) 又云：諸佛淨國，殊勝莊嚴，於寶樹中，悉皆出現，猶如明鏡。

(Sao: Lại nói: “Các cõi Phật thanh tịnh thù thắng trang nghiêm thấy đều xuất hiện trong các cây báu, giống như gương sáng”).

Từ ngữ “*chư Phật tịnh quốc*” (các cõi Phật thanh tịnh) chỉ hết thấy các cõi Phật trong mười phương, các cảnh tượng ấy đều hiển hiện trong cây báu và màn lưới. Do vậy, người trong Tây Phương Cực Lạc thế giới thấy rõ ràng, rành rẽ hành động, tư thái, tình trạng của hết thấy chúng sanh trong mười phương thế giới. Thậm chí, bản thân chúng ta cũng rất hồ đồ, đối với chuyện chính mình đã làm còn chẳng biết, nhưng người trong Tây Phương Cực Lạc thế giới đều biết. Chính mình trong tâm đang suy nghĩ điều gì? Chẳng biết! Nhưng người trong Tây Phương Cực Lạc thế giới đều biết, mà cũng hiểu quý vị đang nghĩ gì. Vì vậy, kinh dạy, khi nào chúng sanh trong mười phương thế giới vãng sanh, họ (người trong Tây Phương Cực Lạc thế giới) sẽ biết được. Khởi tâm động niệm họ đều biết. Tới lúc chúng ta vãng sanh, lẽ nào họ chẳng đến tiếp dẫn? Đương nhiên tới tiếp dẫn quý vị. Vì vậy, niệm kinh này cho nhiều, niệm nhuần nhuyễn, quý vị sẽ thật sự hết sức nắm chắc chuyện vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, niệm niệm đều tương ứng với Tây Phương Cực Lạc thế giới A Di Đà Phật, Quán Âm, Thế Chí, hết thấy chư thượng thiện nhân, cảm ứng đạo giao chẳng thể nghĩ bàn!

Vì thế, ở đây, tôi đặc biệt khuyến khích các đồng tu chuyên niệm thì quý vị mới có thể đạt được sự cảm ứng thù thắng ấy. Đối với hết thấy mọi chuyện trong thế gian này, phải giữ tâm thái như thế nào? Chuyện gì cho qua được bèn cho qua, chớ nên quá mức khát khe, quyết định chớ nên tạo nghiệp, chớ nên tạo ác nghiệp. Ác nghiệp là gì? Nghiệp tổn người lợi mình là ác nghiệp; không tổn người nhưng chỉ lợi riêng cho mình vẫn là ác nghiệp! Câu này phải hiểu như thế nào? Quý vị thường có ý niệm lợi mình, sẽ trở thành chướng ngại cho việc vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Vì sao? Thường xuyên nghĩ tới lợi ích của chính mình, thường nghĩ tới cái dầy da thối tha này, đến lúc mạng chung bèn chẳng đi được, [vì] quý vị lưu luyến thế giới này, lưu luyến thân thể này, lưu luyến tất cả những thứ ấy. Tài sản, nhà cửa, đất đai, người nhà, quyền thuộc đều lưu luyến, thôi rồi! A Di Đà Phật thấy quý vị vướng mắc lắm thứ ngàn ấy, thôi đi, chẳng đến đón quý vị nữa! Vì sao? Có đón quý vị, quý vị cũng chẳng đi được, có lôi kéo cũng chẳng động đậy! Vì thế, hết thấy đều phải buông xuống, chớ nên quá khát khe, đừng nên chấp trước, hãy học gì? Thân tâm

tự tại, điều này trọng yếu! Thứ gì cũng đều chẳng có, quý vị bèn đến được Tây Phương Cực Lạc thế giới. Quý vị có một hai thứ ở nơi đây, [chuyện vãng sanh] Tây Phương Cực Lạc thế giới sẽ bị lỡ làng. Phải hiểu rõ ràng sự lợi - hại, được - mất trong ấy.

Do mỗi người trong Tây Phương Cực Lạc thế giới đều nhìn thấu suốt tâm tư của chúng ta, nay chúng ta toàn tâm toàn lực nghĩ tới A Di Đà Phật, niệm A Di Đà Phật, người trong Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng có ai trông thấy mà không vui vẻ, chẳng có ai không tán thán, trong tương lai khi quý vị vãng sanh, chẳng có ai không đến tiếp dẫn quý vị. Đông người như thế đều đến tiếp dẫn, hãy nghĩ xem quý vị là phẩm vị gì? Thượng phẩm thượng sanh mới có đông người ngán ấy đến tiếp dẫn quý vị. Có lẽ quý vị sẽ nghĩ người vãng sanh đông dường ấy, nhưng họ đều đến tiếp dẫn ta thì chẳng phải là ở chỗ kia (chỗ người khác vãng sanh) chẳng có ai đến ư? Người trong Tây Phương Cực Lạc thế giới ai nấy đều có vô lượng vô biên thân thông biến hóa, họ đều có năng lực ấy. Tất cả hết thảy chúng sanh trong mười phương thế giới đồng thời vãng sanh thế giới Cực Lạc, họ đều có thể hiện thân trước mỗi người. Kinh thường tán thán Thích Ca Mâu Ni Phật “*thiên bách ức hóa thân*” (trăm ngàn ức hóa thân), bản lãnh của người Tây Phương Cực Lạc thế giới không chỉ là hóa thân trăm ngàn ức, mà là vô lượng vô biên hóa thân. Do vậy, chúng ta chẳng cần phải bận tâm [chuyện này], chắc chắn [Phật, chư đại Bồ Tát, chư thượng thiện nhân] sẽ đến tiếp dẫn. Lại xem tiếp đoạn thứ sáu:

(Sao) Quán Kinh vân: Thất bảo hàng thụ, nhất nhất thụ cao bát thiên do-tuần, nhất nhất hoa diệp, tác dị bảo sắc, lưu ly sắc trung xuất kim sắc quang, pha lê sắc trung xuất hồng sắc quang đẳng.

(鈔) 觀經云：七寶行樹，一一樹高八千由旬，一一花葉，作異寶色，琉璃色中出金色光，玻璃色中出紅色光等。

(Sao: Quán Kinh chép: Hàng cây bảy báu, mỗi cây cao tám ngàn do-tuần, mỗi một hoa lá đều có màu chất báu khác nhau, trong màu lưu ly tỏa ánh sáng sắc vàng ròng, trong màu pha lê tỏa ánh sáng màu đỏ v.v...)

Cây trong thế giới Cực Lạc cao lớn, những cây cao lớn ấy có thể làm cho người ta khoái mắt sướng lòng. Cuộc đất Đài Loan rất nhỏ, nhưng hãy còn những cánh rừng rậm giống như bên Đại Lục, nhưng có rất nhiều cảnh quan thiên nhiên bị con người phá hoại. Theo tôi biết, người Nhật Bản có thể bảo vệ, biết bảo vệ, đây là chỗ đáng cho chúng ta tôn kính.

Người Nhật Bản thậm chí đôi với một con đường ruột dê (lồi nhỏ ngoằn ngoèo) xa xưa, nếu muốn mở đường, họ sẽ mở một đường khác, vẫn giữ lại con đường cũ. Đối với việc bảo quản sách cổ và vật phẩm văn hóa cổ, sợ rằng họ đứng đầu thế giới, họ thật sự bảo vệ. Không giống như người Trung Quốc, người Trung Quốc thích phá hoại! Tường thành Bắc Kinh đã bị phá tan rôi, cổ tích lưu truyền mấy ngàn năm bị hủy hoại trong một ngày, quá đáng tiếc! Người Nhật bảo tồn các thành thị cổ xưa, họ muốn phát triển đô thị bèn xây dựng một thành thị mới ở nơi khác, họ bảo tồn cổ tích!

Tại Mỹ có những chỗ còn có thể thấy những đại thụ, đích xác là đáng để nhìn ngắm. Sau khi đã nhìn, mới có thể tưởng tượng những điều được nói trong kinh Phật, mới có thể lãnh hội một chút ý vị. Kinh Phật nói cây ấy cao “*tám ngàn do-tuần*”, do-tuần (yojana) là đơn vị đo độ dài. Do-tuần có ba loại là đại do-tuần, trung do-tuần, và tiểu do-tuần. Đại do-tuần ứng với tám mươi dặm Tàu, một do-tuần là tám mươi dặm. Tám ngàn do-tuần thì quá sức, sợ rằng cây ấy đại khái sẽ từ địa cầu cao vượt đến tận mặt trăng. Quý vị mới hiểu sự vĩ đại của thế giới Cực Lạc. Nếu đặt địa cầu và mặt trăng trong thế giới Cực Lạc, sợ rằng sẽ lọt thỏm trong một căn phòng, vẫn chưa ra khỏi một căn phòng. Chúng ta tin tưởng điều này, vì sao? Lấy thể tích của mặt trời để so sánh thì là như vậy, khoảng cách giữa địa cầu và mặt trăng chẳng lớn bằng nửa bán kính của mặt trời, lọt thỏm trong mặt trời, chẳng thể vượt ra ngoài phạm vi diện tích của mặt trời được!

Tây Phương Cực Lạc thế giới là một tinh cầu vô cùng vĩ đại. Các nhà khoa học hiện thời cũng biết, mặt trời là một ngôi sao nhỏ bé trong vũ trụ, vẫn chưa được coi là rất lớn. Còn có những ngôi sao lớn hơn mặt trời rất nhiều lần, còn có những ngôi lớn gấp ngàn vạn ức lần, mặt trời chẳng phải là một ngôi sao lớn. Người bên ấy cũng cao lớn. Kệ Tán Phật có những câu tán thán A Di Đà Phật, [tán thán] thân tướng A Di Đà Phật to lớn: “*Bạch hào uyển chuyển ngũ Tu Di, cảm mục trừng thanh tứ đại hải*”. Hai mắt A Di Đà Phật giống như Thái Bình Dương, quý vị nói xem người như thế ấy to chừng nào? Sợ rằng đầu Ngài còn to hơn địa cầu, phước báo to lớn! Chúng ta sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, thân tướng cũng to lớn dường ấy, Báo Thân đều là to ngàn ấy.

Nhìn từ tỷ lệ này, tám ngàn do-tuần chẳng được coi là rất cao, giống như các cây rất cao trong thế gian của chúng ta, chúng ta có thể tưởng tượng được. Tây Phương Cực Lạc thế giới cũng là như thế. Nếu dùng cảnh

quan trong thế gian này và kích thích thân thể của chúng ta để suy tưởng, đúng là chẳng thể nghĩ bàn.

(Sao) Hữu vân.

(鈔) 又云。

(Sao: Lại nói).

Điều này cũng được nói trong Quán Kinh.

(Sao) Diệu chân châu võng, di phú thụ thượng.

(鈔) 妙真珠網，彌覆樹上。

(Sao: Lưới chân châu màu nhiệm trùm khắp trên cây).

Các lưới mảnh trên các cây dùng chân châu kết thành.

(Sao) Nhất nhất thụ hữu thất trùng võng, nhất nhất võng gian, hữu ngũ bách ức diệu hoa cung điện, như Phạm Vương cung, chư thiên đồng tử, tự nhiên tại trung.

(鈔) 一一樹有七重網，一一網間，有五百億妙華宮殿，如梵王宮，諸天童子，自然在中。

(Sao: Mỗi một cây có bảy tầng lưới, trong mỗi tầng lưới có năm trăm ức diệu hoa cung điện như cung Phạm Vương, chư thiên đồng tử tự nhiên ở trong ấy).

Có thể thấy trong ấy hết sức đẹp đẽ. “Chư thiên đồng tử” ở trong ấy cũng là giảng kinh, thuyết pháp, hành đạo, tham Thiền, kinh hành, đều tu hành trong ấy. Nói cách khác, trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, những gì do sáu căn của quý vị tiếp xúc đều là tăng thượng duyên cho sự tu hành. Vì vậy, chúng ta chẳng quan tâm kẻ khác thích pháp môn nào, chẳng quản họ ưa thích kinh luận nào, tốt nhất là đến Tây Phương Cực Lạc thế giới tu học. Trước hết niệm A Di Đà Phật, đạt được Tây Phương Cực Lạc thế giới. Đã tới Tây Phương Cực Lạc thế giới, quý vị muốn học gì bèn học nấy. Đạt được sự thù thắng đầu tiên là thọ mạng lâu dài, quý vị đạt được vô lượng thọ, có đủ thời gian. Điều thứ hai là tăng thượng duyên thù thắng nhất, Phật, Bồ Tát làm bầu bạn của quý vị.

Tôi lại nhắc nhở các vị đồng tu một câu, trong kinh đức Phật đã cho biết: Pháp vận của Thích Ca Mâu Ni Phật tổng cộng là một vạn hai ngàn năm, một ngàn năm Chánh Pháp đã qua, một ngàn năm Tượng Pháp cũng

đã qua, Mạt Pháp gồm một vạn năm, hiện thời đã qua một ngàn năm, tính ra hãy còn chín ngàn năm nữa, vẫn còn lâu! Tôi lại bảo quý vị, thời gian được nói trong Phật pháp chẳng nhất định, thời gian ngắn có thể biến thành thời gian dài, thời gian dài có thể rút ngắn thành thời gian ngắn. Vì sao kéo dài hay rút ngắn? Do tâm thái của quý vị, do lòng người! Vì vậy, thời gian chẳng phải là pháp nhất định. Nếu lòng người chẳng thể tuân thủ thường đạo (đạo thường hằng), thời gian dài ngay lập tức biến thành thời gian ngắn. Hiện thời đáng sợ lắm, các xã hội trên cả thế giới hầu như đều là như vậy.

Vì lẽ đó, chẳng thể nào không đọc sách cổ. Tả Truyện viết: “*Nhân khí thường tắc yêu hưng*” (con người vút bỏ đạo thường hằng, ắt yêu quái dậy lên), yêu ma quỷ quái đều sô lỏng, vì sao? Người chẳng cần đến đạo thường hằng, yêu ma quỷ quái đều xuất hiện. Đạo thường hằng là gì? Nhân, nghĩa, lễ, trí, tín, Ngũ Thường. Chẳng cần đến năm thứ ấy, yêu ma quỷ quái đều xuất hiện. Quý vị thấy trong xã hội hiện thời, chúng ta phải cảnh giác điều này, yêu ma quỷ quái đều xuất hiện, thời Mạt Pháp của Phật sẽ nhanh chóng kết thúc, tam tai sẽ xảy ra. Trong những năm qua, tai nạn mỗi năm một nhiều hơn, vô duyên vô cớ cả đông người tử vong. Pháp sư Khai Tâm ở Đài Nam nói thế giới bắt đầu loạn từ năm ngoái, mỗi năm một loạn dữ dội hơn, chúng ta phải biết điều này.

Chẳng có cách vãn hồi cộng nghiệp của chúng sanh, nhưng trong cộng nghiệp còn có biệt nghiệp. “*Biệt*” (別) là cá biệt, điều này đáng để chúng ta đặc biệt trân quý. Họ không cần đến Ngũ Thường, nhưng chúng ta cần. Đối với con người phải thật sự có tâm yêu thương, thật sự nhân từ. Không chỉ nhân từ đối với người quý vị ưa thích, mà đối với kẻ ác, đối với oán gia, cừ địch đều phải dùng tâm nhân từ. “*Nhân*”: Tâm từ bi có thể cảm hóa, có thể chuyển nghiệp! “*Nghĩa*” là nghĩa vụ, nghĩa vụ là ta thay người khác phục vụ, chẳng chú trọng báo đáp, ta [chỉ cảm thấy] phải nên làm cho người khác. Vì sao phải nên? Đức Phật nói “*đồng thể Đại Bi, vô duyên Đại Từ*”, chúng ta phải học theo Phật, phục vụ hết thảy chúng sanh chẳng có điều kiện, tận tâm tận lực thực hiện viên mãn, đó là Nghĩa.

“*Lễ*”: Phải giữ lễ, phải hiểu lễ. Hiện thời, điều khổ nhất trong thế hệ của chúng ta là chẳng biết lễ độ. Cổ nhân thường nói: “*Bất tri lễ, vô dĩ lập*” (chẳng biết lễ, chẳng thể thành tựu một điều nào), chẳng có cách nào đặt chân trong xã hội. May mắn là trong xã hội hiện tại, mọi người đều chẳng nói đến lễ, quý vị vẫn có thể tạm sống được, chứ trong xã hội xưa kia, quý vị sẽ chẳng có cách nào, chẳng thể sống sót, chẳng có ai đoái hoài quý vị, nhưng quý vị hiểu lễ thì người ta vẫn tôn kính quý vị. Chẳng hiểu

lễ sẽ bị thiệt thòi, người ta trông thấy quý vị bèn “*kính nhi viễn chi*”, đối đãi với quý vị qua quít mà thôi, chẳng thật sự làm bạn với quý vị. Vì thế, nhất định phải hiểu lễ. Lễ thực hiện từ đâu? Thầy Lý ở Đài Trung đã biên soạn cuốn Thường Lễ Cử Yếu, thầy bảo đó là mức độ thấp nhất, chẳng thể ít hơn được nữa. Tôi nghĩ mỗi vị đồng tu đều nên có một bản sách ấy, hãy khéo học tập.

Phải biết lễ độ ở mức độ tối thiểu! Hiện thời rất nhiều người [hay nói] “ta rất cung kính thầy”, nhưng một chút lễ phép cũng chẳng có! Đó có phải là cung kính thật sự hay không? Chẳng phải. Tôi chưa học lễ, tôi cũng biết có rất nhiều người chưa học lễ, nhưng hề gặp tổng thống [Tuông Giới Thạch] vì sao cung kính ngàn ấy? Chưa học [nhưng gặp tổng thống vẫn cung kính]! Đó là gì? Thật sự có tâm cung kính. Thuở trẻ tôi theo hầu lão tổng thống, tôi đã thấy rất nhiều người, thuở ấy, phòng làm việc của chúng tôi được xây theo kiểu phòng Tatami³⁶ của Nhật, sàn nhà được lót gạch. Bất luận là ai, từ nhân viên cao cấp cho đến người lính truyền lệnh, chỉ cần đi qua con đường ấy, tức các con đường vây quanh khu vực làm việc của tổng thống, nói chung đều nín thở, nhẹ bước, quý vị chẳng nghe thấy tiếng! Họ chưa học lễ, chẳng ai dạy họ, đó là gì? Cung kính. Không ai dạy họ, mà tự nhiên đều rất an tịnh, rất an tường, nhẹ nhàng, chậm rãi đi qua. Thái độ và hành vi thô bạo, dã man, tức là chẳng có mảy may tâm cung kính! Điều thứ hai trong Quán Kinh Tam Phước là “*thọ trì Tam Quy, đầy đủ các giới, chẳng phạm oai nghi*”. Oai nghi là lễ tiết, [chẳng phạm oai nghi] là chẳng trái nghịch lễ tiết. Toàn thể thế gian đều không coi trọng, nay chúng ta thật sự muốn phát tâm từ bi, phát tâm độ đời thì chúng ta

³⁶ Phòng theo kiểu Tatami (còn gọi là Washitu) là kiến trúc đặc sắc của Nhật. Xưa kia, các phòng trong nhà người Nhật đều làm theo kiểu này, nhưng hiện nay nhà ở Nhật thường chỉ có một phòng là còn sử dụng cách kiến trúc theo lối tatami và căn phòng ấy thường được dùng để làm phòng giải trí, phòng tĩnh tâm hoặc phòng riêng cho sinh hoạt gia đình. Phòng Tatami theo truyền thống là loại phòng có trần nhà thấp, trần cách sàn tối đa là 6 feet, sàn nhà vừa đủ rộng để có thể phủ kín sàn từ sáu đến tám chiếc thảm tatami. Thảm tatami là một loại dây (chùng 1,91m x 0,955m), bên bằng rạ xen kẽ với sợi cỏ bắc đèn (soft rush, Igusa). Phòng làm theo kiểu tatami có cửa ra vào theo lối cửa lùa (Fusuma), có thể đẩy cho trượt trên bậu cửa. Cửa làm bằng khung gỗ hay tre, phát giấy trắng đục hay vải trắng để ánh sáng có thể lọt qua. Trong phòng thường có vài tấm bình phong bằng khung gỗ phát giấy gọi là Shoji để có thể ngăn thành vài phòng nhỏ hơn khi cần. Trong phòng thường có một ô lõm vào tường gọi là Tokonoma là chỗ để treo một bức tranh, hoặc một bức thư pháp, dưới tranh thường để một bình hoa đơn sơ, tạo thành tâm điểm cho căn phòng. Trong phòng không đặt ghế mà thường kê bàn thấp, người vào phòng sẽ ngồi trên đệm đặt trực tiếp trên sàn.

phải thực hiện [lễ tiết], nêu gương cho người khác. Đây mới là thật sự từ bi mãn niệm chúng sanh.

Thứ tư là “*Trí*”, Trí là lý trí, chẳng xử sự bằng cảm tình. Quá nửa con người hiện thời bị cảm xúc chi phối. Nói cách khác, đầu óc chẳng tỉnh táo, trấn định. Đầu óc tỉnh táo, trấn định là lý trí, [có lý trí] thì mới có thể thật sự phán đoán chánh, tà, đúng, sai, chân, vọng. Người bị cảm xúc chi phối chắc chắn chẳng thể biện định đúng, sai, chẳng biết tốt, xấu, như vậy thì chẳng có cách nào! Đức Phật cũng chẳng có cách nào dạy người ấy. Kẻ ấy chẳng biết tốt, xấu, hết thấy đều thuận theo tình dục, làm sao được nữa! Phật thuận theo lý trí, lý trí là giác, cảm tình là mê.

Thứ năm là “*Tín*”, ăn nói phải giữ chữ tín, quyết định giữ chữ tín.

Đó là Ngũ Thường. Nếu con người chẳng cần đến Ngũ Thường thì yêu quái sẽ dậy lên, yêu ma quỷ quái là ai? Chính mình là yêu ma quỷ quái! Nếu không nói tới “*nhân, nghĩa, lễ, trí, tín*”, chính mình đã biến thành yêu ma quỷ quái. Tất cả mọi người trong xã hội không nói tới [Ngũ Thường] thì cả xã hội đều là yêu ma quỷ quái, há còn có kết cuộc tốt đẹp hoặc kết quả tốt lành nữa ư? Chẳng thế nào. Vì vậy, phải thật sự giác ngộ! Trước lúc vãng sanh, thầy Lý đã nói rất cảm khái: “*Thế giới này loạn rồi, Phật, Bồ Tát có đến cũng chẳng cứu được, con đường sống duy nhất là nhanh chóng cầu sanh Tịnh Độ*”, cụ để lại cho chúng ta một câu như thế.

Phát đại tâm, tuy độ người, chẳng độ được người khác, lại bị người khác độ! Đầu tiên, điều khẩn yếu là phải độ chính mình trước! Chính mình thật sự đã nắm chắc rồi trở lại giúp đỡ người khác. Khi chính mình chưa nắm chắc, chớ nên khởi vọng niệm ấy. Thật sự độ người, phát tâm đại từ bi độ người, khuyên người khác thật thà niệm Phật là độ người, chắc chắn là tốt đẹp, vô lượng công đức. Dùng các phương pháp khác để độ người, thường là khiến cho người khác bị lầm lạc. Do trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, sáu căn tiếp xúc sáu trần [thì sáu trần] đều là tăng thượng duyên tăng tấn đạo nghiệp, tu hành chúng quả. Lại xem tiếp đoạn dưới:

(Sao) Hựu vân: Nhất nhất thụ diệp, tung quảng chánh đẳng nhị thập ngũ do-tuần.

(鈔) 又云：一一樹葉，縱廣正等二十五由旬。

(Sao: Lại nói mỗi một lá cây dài rộng vừa bằng hai mươi lăm do-tuần).

Cây to, lá cũng to.

(Sao) Kỳ diệp thiên sắc, hữu chúng diệp hoa, tác Diêm Phù Đà kim sắc.

(鈔) 其葉千色，有眾妙華，作閻浮檀金色。

(Sao: Lá ấy ngàn sắc, có các loại hoa đẹp đẽ, có màu như vàng Diêm Phù Đà).

Giữa các lá có hoa.

(Sao) Như toàn hỏa luân, uyển chuyển diệp gian, dững sanh chư quả, như Đé Thích bình. Hữu đại quang minh, hóa thành tràng phan, vô lượng bảo cái. Thị bảo cái trung, ánh hiện tam thiên đại thiên thế giới, nhất thiết Phật sự, diệc ư trung hiện.

(鈔) 如旋火輪，宛轉葉間，涌生諸果，如帝釋瓶。有大光明，化成幢旛，無量寶蓋，是寶蓋中，映現三千大千世界，一切佛事，亦於中現。

(Sao: Như vàng lửa xoay uyển chuyển giữa các lá, sanh ra các quả giống như cái bình của Đé Thích, có đại quang minh, hóa thành tràng phan, vô lượng lọng báu. Trong các lọng báu ấy, hiện bóng tam thiên đại thiên thế giới, hết thấy Phật sự cũng hiện trong ấy).

Đây là chuyện được nói trong Quán Kinh. Ở đây, chúng ta thấy một chuyện vô cùng kỳ diệu, tức là hoa ở giữa các cây báu. Cây trong thế gian này của chúng ta trở hoa, hoa cũng nở rất đẹp, nhưng hoa ở trong trạng thái tĩnh, chẳng động đậy. Hoa bên kia có thể chuyển động, giống như chúng ta thấy những món đồ chơi chạy bằng điện trong hiện thời, điều này rất thú vị! Giống như “toàn hỏa luân”, lửa xoay tròn giống như bánh xe nên gọi là “toàn hỏa luân”. Từ ngữ này nhằm hình dung sự viên mãn. “Luân” là viên mãn, chẳng có khuyết hãm, quang minh rạng rỡ, vô cùng đẹp đẽ, lộng lẫy! “Thụ hoa” là hoa trên các cây [báu].

Cây có quả, quả “như Đé Thích bình”, người Trung Quốc gọi Đé Thích là Ngọc Hoàng Đại Đế, tôi nghĩ Thiên Chúa được tôn xưng trong các tôn giáo khác, đại khái là Đạo Lợi Thiên Chúa. Đạo Lợi (Trāyastriṃśa) là tiếng Phạn, dịch sang nghĩa tiếng Hán là Tam Thập Tam, [tức là] ba mươi ba cõi trời. Tam Thập Tam Thiên là một tầng trời, trong tầng trời này có ba mươi ba khu vực, giống như các quốc gia, tức là ba mươi ba nước; do vậy, ta gọi nó là Tam Thập Tam Thiên. Đây là một tầng trời, tức tầng thứ hai trong Dục Giới Thiên. Kinh Phật thường nói: Có người nhất

tâm cúng dường Đấng Thích Thiên Chúa suốt mười hai năm (có người thờ lạy Ngọc Hoàng Đại Đế, hoặc là các tôn giáo ngoại quốc nhất tâm nhất ý cúng dường Thiên Chúa, lạy Thiên Chúa trọn mười hai năm), Đấng Thích Thiên sẽ cho kẻ ấy một cái bình. Cái bình ấy rất tuyệt diệu, bình ấy là như ý bảo, muốn gì nó sẽ biến hiện thứ ấy. Trái cây trong thế giới Cực Lạc giống như bình Đấng Thích. Quý vị muốn thứ gì nó bèn biến hiện thứ ấy, giống như bình báu trong truyện cổ tích dành cho thiếu nhi ở ngoại quốc, quý vị muốn thứ gì nó sẽ biến hiện thứ ấy. Do đó, Tây Phương Cực Lạc thế giới là “hễ có cầu, ắt ứng, nghĩ áo được áo, nghĩ ăn được ăn”. Bình Đấng Thích là nói về chuyện như vậy đó.

Nơi mỗi cây, bất luận là cành, thân, lá, hoa, quả đều có quang minh, cho đến trong lưới màn cũng đều biến hiện, hiện “*phan tràng*”, vô lượng phan tràng, “*bảo cái*” (lọng báu). Trong ấy lại hiện ra “*tam thiên đại thiên thế giới, nhất thiết Phật sự diệc u trung hiện*” (tam thiên đại thiên thế giới, hết thảy Phật sự cũng đều hiện trong ấy). Hết thảy tình hình trong vô lượng vô biên các cõi Phật giống như chúng ta xem TV, bất cứ lúc nào quý vị cũng đều có thể nhìn thấy. Quý vị chẳng muốn thấy thì nó chẳng còn nữa, muốn thấy nơi nào bèn hiện nơi đó. Vì thế, đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, muốn xem tình hình Đài Loan trên địa cầu ra sao, nó sẽ hiện trọn vẹn ở trong đó, tình cảnh và trạng huống giống như đang đối diện vậy. Trong hết thảy các cõi Phật khắp mười phương đều chẳng có chuyện này, chỉ riêng Tây Phương Cực Lạc thế giới siêu thắng, tức là thù thắng vượt trội!

(Sao) Hựu Đại Bản vân.

(鈔) 又大本云。

(Sao: Kinh Đại Bản lại nói).

Câu này trích lục từ kinh Vô Lượng Thọ.

(Sao) Phật giảng đường, A La Hán xá trạch, các các nội thất bảo trì, ngoại thất bảo thụ, số thiên bách trùng.

(鈔) 佛講堂，阿羅漢舍宅，各各內七寶池，外七寶樹，數千百重。

(Sao: Giảng đường của đức Phật, nhà cửa của A La Hán, mỗi mỗi đều là: Bên trong là ao báu, bên ngoài là mấy trăm ngàn lớp các cây bảy báu).

Trùng trùng vô tận. Hy vọng mọi người thường đọc tụng kinh Đại Bản, chúng ta tu Tịnh Độ nên lấy kinh Đại Bản làm chánh yếu. Trong bản chú giải, lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ đã trích dẫn lời khai thị của cổ đức: Kinh Vô Lượng Thọ là kinh Tịnh Độ bậc nhất, là kinh Tịnh Độ căn bản. Thuở trước, Viên công đại sư sáng lập liên xã tại Lô Sơn, hiệu triệu những người đồng chí hướng cùng nhau niệm Phật cầu sanh Tây Phương là do dựa trên kinh Vô Lượng Thọ.

Đại Kinh cho biết, trong kinh thường nhắc đến A La Hán và chư thiên, [những danh xưng ấy] chẳng phải là thật, kinh Vô Lượng Thọ đã nói rất cặn kẽ. Tây Phương Cực Lạc thế giới là pháp giới chỉ có Bồ Tát, nơi ấy không chỉ chẳng có lục đạo, mà chín pháp giới cũng chẳng có, là thế giới thuần túy Bồ Tát. Đến Tây Phương ai nấy đều là Bồ Tát, hề vãng sanh tới đó, hạ phẩm hạ sanh cũng là Bồ Tát, lại còn đều là Phổ Hiền Bồ Tát, vì sao? Thấy đều tu “*Phổ Hiền đại sĩ chi đức*”, nên nơi ấy là pháp giới thuần nhất Phổ Hiền đại sĩ. Vì sao nói là “nhân, thiên”? Quý vị chưa đoạn Kiến Tư phiền não, giống như trời người trong các thế giới phương khác, nói “nhân, thiên” chính là nói như vậy, chẳng phải là thật sự có “nhân, thiên”. Quý vị đã đoạn Kiến Tư phiền não, nhưng vẫn chưa kiến tánh, giống như A La Hán trong các thế giới phương khác, [nên gọi là A La Hán] chẳng phải là A La Hán thật sự. Kinh đã giảng rõ ràng, [sở dĩ có những danh xưng ấy] là do hai ý nghĩa:

- Một là xưng hô giống như thế giới phương khác.

- Ý nghĩa thứ hai là nói tới thân phận đi vãng sanh trong hiện tại, tức là thân phận trước khi quý vị đến thế giới Cực Lạc, quý vị là nhân, thiên, hay A La Hán, chứ đã vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới thấy đều là Bồ Tát, chúng ta phải hiểu điều này.

Đừng nên nghĩ Tây Phương Cực Lạc thế giới thật sự có trời, người, có A La Hán, quý vị đọc bốn mươi tám nguyện của A Di Đà Phật trong kinh Vô Lượng Thọ sẽ hiểu. Trong bốn mươi tám nguyện cũng có nói cõi ấy thuần nhất là Bồ Tát, hết thấy chúng sanh trong mười phương thế giới hề sanh về đó đều là Bồ Tát. Ở đây nói tới “*A La Hán xá trạch*” (nhà cửa của A La Hán), tức là các vị Bồ Tát ấy ở trong Tây Phương Cực Lạc thế giới chỉ đoạn Kiến Tư phiền não, chứ Trần Sa và Vô Minh đều chưa phá, nên [mức độ đoạn Hoặc] bằng với A La Hán. Chúng ta thường nói là những vị ấy công phu niệm Phật đạt đến Sự nhất tâm bất loạn, còn chưa đạt đến Lý nhất tâm bất loạn, Sự nhất tâm bất loạn bằng với A La Hán. Lý nhất tâm là Pháp Thân đại sĩ, là Bồ Tát thật sự. Thấp hơn A La Hán thì Kiến Tư phiền não chưa đoạn, nên gọi là “nhân, thiên”, mang ý nghĩa này!

Đôi với nơi các Ngài cư trụ như giảng đường [chẳng hạn], hoàn cảnh cư trụ “*các các nội thất bảo trì, ngoại thất bảo thụ*” (mỗi mỗi đều là ao bầy bấu bên trong, cây bầy bấu bên ngoài), mỗi nhà đều có một cái ao nhỏ, giống như hồ bơi vậy. Ở ngoại quốc, chuyện này rất phổ biến. Trong các đô thị lớn tại ngoại quốc, tại những khu nhà hơi sang một chút, nhà nào cũng đều có hồ bơi. Trong thế gian này, hồ bơi tuy đáng ưa, nhưng khổ thì cũng khổ lắm, tốn rất nhiều thời gian để chăm sóc. Mỗi tuần phải thuê người chuyên nghiệp thay nước dơ, chăm sóc rất khó khăn! Tuy sân rất lớn, nhưng cây cối phải cắt xén, cỏ cũng phải cắt. Vì thế, người ngoại quốc tuy nhà cửa đẹp đẽ đường ấy, nhưng nhà là chủ nhân, còn họ là đầy tớ, phải hầu hạ cái nhà! Chúng tôi ở Dallas tuy không lớn lắm, nhưng tôi thấy phải hầu hạ [nhà cửa] như thế khổ quá. Do vậy, chúng tôi lát khắp sân bằng xi-măng hết, chẳng cần cắt cỏ, thầy Ngô Bôn sống ở đó rất thoải mái. Chúng tôi chỉ lưu lại một khoảng đất trống để trồng rau, nên rau do chúng tôi trồng ăn không hết.

Người ngoại quốc mỗi ngày phải đi làm, sau khi về nhà lại phải chăm nom, dọn dẹp quanh nhà, đúng là chẳng có chút thời gian nào! Nếu quý vị chẳng sửa sang, dọn dẹp, hàng xóm sát vách khiêu nại quý vị phá hoại vẻ mỹ quan của quang cảnh. Chính quyền thành phố ngay lập tức gọi điện thoại cảnh cáo, bảo quý vị hãy lập tức sửa sang ngay. Nếu quý vị không làm, chính quyền thành phố sai người đến làm. Khi họ dọn dẹp sạch sẽ tốt đẹp rồi, gọi hóa đơn thanh toán đắt hơn số tiền do quý vị tự mình thuê thợ làm rất nhiều lần! Nhà cửa của họ đích xác là ngăn nắp, sạch sẽ, đẹp mắt, nhưng phải trả giá rất lớn, cái được chẳng bù nổi cái mất, chẳng được tự tại, thanh nhàn như người Hoa! “*Lục mãn song tiền, thảo bất trừ*” (trước song xanh ngắt, cỏ chẳng nhỏ), người ngoại quốc nghe nói vậy, [cảm thấy] đúng là chẳng thể nghĩ bàn! Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng tôi giảng tới chỗ này!

Tập 136

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang hai trăm chín mươi lăm.

(Sao) Cứ thử, tác tam kinh tường lược vi biệt. Thử dẫn ngôn thất trùng, bỉ ngôn sở thiên bách trùng. Thử dẫn ngôn la võng, bỉ ngôn la võng chi trung, xuất thiên cung điện. Thử dẫn ngôn hàng thụ, bỉ ngôn hàng thụ chi trung, hiện đại thiên giới. Hựu thử ngôn tứ bảo, bỉ ngôn thất bảo. Cái kim kinh lược thị, bỉ kinh tường trần. Dĩ giản nhiếp phồn, thử văn tĩnh cố, văn tuy bất túc, nghĩa thật vô khiếm.

(鈔) 據此，則三經詳略為別，此但言七重，彼言數千百重；此但言羅網，彼言羅網之中，出天宮殿；此但言行樹，彼言行樹之中，現大千界；又此言四寶，彼言七寶。蓋今經略示，彼經詳陳，以簡攝繁，取文省故，文雖不足，義實無欠。

(Sao: Dựa theo đó thì ba kinh nói tường tận hay giản lược khác nhau. Ở đây nói bảy tầng, kinh kia nói mấy trăm ngàn tầng. Kinh này chỉ nói “lưới màn”, kinh kia nói trong các lưới màn hiện ra cung điện cõi trời. Kinh này chỉ nói “hàng cây”, kinh kia nói giữa các cây xuất hiện cõi đại thiên. Lại nữa, ở đây nói “bốn báu”, kinh kia nói bảy báu. Đó là vì kinh này nói đại lược, kinh kia trình bày tường tận. Dùng giản lược để gồm thấu rườm rà, nên lời văn tĩnh lược, kinh văn tuy chẳng nói đầy đủ, nhưng ý nghĩa thật sự chẳng thiếu khuyết).

Đoạn này nói đơn giản về sự khác biệt giữa cách nói tường tận hay tĩnh lược giữa ba kinh Tịnh Độ. Trong ba kinh, do kinh A Di Đà giản lược nhất, nên thời cổ, những vị tổ sư đại đức xếp bộ kinh này vào khóa tụng sớm tối vì kinh này đơn giản, nhưng trọng yếu. Tuy văn tự giản lược, ý nghĩa trọn chẳng khiếm khuyết, chúng ta phải biết điều này. Liên Trì đại sư gọi kinh Vô Lượng Thọ và kinh Di Đà là Đại Bản và Tiểu Bản vì hai kinh ấy hoàn toàn giống nhau. Đại Bản là kinh Vô Lượng Thọ, giảng hết sức cặn kẽ. Huống chi trong kinh Quán Vô Lượng Thọ có những chỗ nói càng tường tận hơn. Cổ đức cũng thường khuyến khích chúng ta: Nếu muốn liễu giải Tây Phương Cực Lạc thế giới, tối thiểu là phải hợp ba kinh

lại để tham chiếu, quý vị mới có thể thấy viên mãn, thấy trang nghiêm trọn đủ.

(Sao) Như Linh Chi vân.

(鈔) 如靈芝云。

(Sao: Như ngài Linh Chi nói).

Linh Chi đại sư là người đời Tống, Ngài nói:

(Sao) Thất trùng lan thuấn, phàm Phật, Bồ Tát trụ xứ giai nhiên.

(鈔) 七重欄楯，凡佛菩薩住處皆然。

(Sao: Bảy tầng lan can: Phàm là nơi Phật, Bồ Tát ngự đều là như vậy).

“Phàm” [có nghĩa] “hễ là”. Chỉ cần là trụ xứ của Phật, Bồ Tát thì đều có sự trang nghiêm như vậy.

(Sao) Phi vị nhất quốc chỉ thất trùng dã.

(鈔) 非謂一國只七重也。

(Sao: Chẳng phải là cả nước chỉ có bảy tầng).

Chớ nên nghĩ Tây Phương Cực Lạc thế giới chỉ có bảy tầng như vậy. Có thể nói là mỗi nhà đều có bảy tầng lan can vây quanh. “Bảy” mang ý nghĩa biểu thị pháp, tượng trưng sự viên mãn. Viên mãn là như ý thì mới là viên mãn. Bản thân ta nghĩ như thế nào, nó bèn biến hóa như thế ấy thì mới là viên mãn. Y báo trong Tây Phương Cực Lạc thế giới thù thắng, đều là thuận theo lòng muốn mà tự nhiên hóa hiện, chẳng cần phải suy nghĩ, chẳng cần phải suy tính, hoạch định kiến tạo như thế nào, chẳng cần! Đây là tự nhiên hóa hiện theo lòng mong muốn!

(Sao) Tắc tri số bách thiên trùng giả, đa chủng thất trùng tích nhi thành chi, thất thất tương trùng, trùng trùng vô tận dã, dư khả lệ kiến.

(鈔) 則知數百千重者，多種七重積而成之，七七相重，重重無盡也，餘可例見。

(Sao: Do vậy biết mấy trăm ngàn tầng là có nhiều thứ bảy tầng tích tập thành, bảy lần bảy tầng, tầng tầng vô tận. Những điều khác có thể dựa theo đó mà biết).

Mấy câu này đã nói rất rõ ràng. Tiếp theo đây, đại sư đề cập đại lược ý nghĩa biểu thị pháp.

(Sớ) *Hựu giai ngôn thất giả, biểu Thất Giác Chi, Thất Thánh Tài đẳng.*

(疏) 又皆言七者，表七覺支、七聖財等。

(Sớ: *Lại nữa, đều nói là Bảy nhằm biểu thị Thất Giác Chi, Thất Thánh Tài v.v...*)

Nó mang ý nghĩa biểu thị pháp, chúng ta phải biết điều này. Thất Giác Chi là Thất Bồ Đề Phần.

(Sao) *Thất Giác kiến hậu. Thất Thánh Tài giả.*

(鈔) 七覺見後。七聖財者。

(Sao: *Xem giải thích về Thất Giác trong phần sau. Thất Thánh Tài là...*)

Hiện thời, trong dịp Tết, chúng ta gặp nhau đều nói “*cung hỷ phát tài*”. Người học Phật chúng ta cũng cần phát tài, phải phát Thất Thánh Tài. Thất Thánh Tài đã phát, tối thiểu là quý vị chứng đắc quả vị Bồ Tát. Chẳng phải là quả vị Bồ Tát, sẽ không trọn đủ Thất Thánh Tài. Thất Thánh Tài, Thất là bảy điều, Thánh là thánh nhân, Tài là của báu. [Thất Thánh Tài] là bảy thứ của cải quý báu của bậc thánh nhân. Ở đây, nêu ra danh mục của chúng.

(Sao) *Nhất, Tín.*

(鈔) 一信。

(Sao: *Một là Tín.*)

Thứ nhất là Tín. Bách Pháp Minh Môn Luận nói Tín là môn thứ nhất trong mười một thiện pháp³⁷. Chữ này nên giảng như thế nào? Nó được [sách Diễn Nghĩa] chú giải rất đơn giản: “*U thật đức năng, thâm nhân dục lạc vi nghĩa*” (nghĩa là đối với “thật, đức, năng” có thể nhân dục lạc sâu xa [thì là Tín]). Đối với ba chuyện: Thứ nhất là chân thật, thứ hai là đức, thứ ba năng lực. Nói thật ra, Chân (Thật) là Pháp Thân lý thể, Đức là nói đến Tướng, Năng là nói đến tác dụng, [Thật, Đức, Năng] là Thể,

³⁷ Mười một thiện pháp theo Bách Pháp Minh Môn Luận là Tín, Tinh Tấn, Tàm, Quý, Vô Tham, Vô Sân, Vô Si, Khinh An, Bất Phóng Dật, Hành Xả và Bất Hại.

Tướng, Dụng. Ngài (Thiên Thân Bồ Tát, tác giả Bách Pháp Minh Môn Luận) không nói Thể, Tướng, Dụng, mà nói “Thật, Đức, Năng”, nhằm nói đến ý nghĩa rất sâu: Chỉ có tánh thể là chân thật. Tánh thể là gì? Trong Phổ Hiền Hạnh Nguyên Phẩm Biệt Hành Sớ Sao, Tông Mật đại sư đã giảng hết sức thấu triệt, sâu xa đoạn văn tự thứ nhất mở đầu [tác phẩm chú sớ kinh Hoa Nghiêm] của Thanh Lương đại sư, giảng về Nhất Chân pháp giới. Nhất Chân pháp giới là gì? Đại sư đã trích dẫn kinh điển làm căn cứ hùng nói với chúng ta: “*Pháp giới là nhất tâm*”. Trong các buổi giảng, chúng tôi thường nêu lên sự thù thắng của pháp môn này. Nhất Chân pháp giới là sở chứng, là cảnh giới nơi quả địa Như Lai. Nhất tâm là năng nhập, Nhất Chân là sở nhập. Mục tiêu của pháp môn này là “nhất tâm bất loạn”, có thể thấy pháp môn này là trực tiếp chứng nhập Nhất Chân pháp giới. Chứng nhập Nhất Chân pháp giới là minh tâm kiến tánh, là chứng triệt để Vô Thượng Bồ Đề, là chuyện như thế đó. Do vậy, pháp môn này là pháp môn thành Phật bậc nhất, thù thắng khôn sánh, chúng ta phải tin tưởng điều này. Nói cách khác, Nhất Chân là quả, nhất tâm là nhân. Nay chúng ta phải đặc biệt chú trọng, phải tin tưởng nhất tâm. Quý vị có thể tin vào nhất tâm thì mới có thể thật sự phát tâm tu nhất tâm. Nhất tâm là chân tâm, chân tâm lưu lộ, kinh Lăng Nghiêm nói “*thường trụ chân tâm, diệu tịnh minh thể*” là nói về điều này!

Chúng ta phải phát tâm tu tập, phát tâm chứng nhập, “*chứng*” (證) là chứng thực. Dùng phương pháp gì? Dùng phương pháp trì danh niệm Phật. Nói cách khác, quý vị phải thật sự hiểu rõ chân tướng sự thật này, hiểu đạo lý này, hiểu phương pháp tu hành này. Trong tâm có vọng niệm, đó chẳng phải là nhất tâm; chẳng có vọng niệm, ý niệm gì cũng đều chẳng có, đó là vô minh, cũng chẳng phải là nhất tâm. Trong nhất tâm quyết định chẳng có vọng niệm, mà cũng chẳng có vô minh, nó là chân tâm “*linh minh giác tri*” hiện tiền. Phàm phu có vọng niệm, nên chưa thể chứng đắc. Công phu Thiền Định của người trong Tứ Thiên Thiên và Tứ Không Thiên rất sâu, chẳng có vọng niệm, nhưng còn có vô minh, vẫn chưa thể chứng đắc. Chư vị phải liễu giải: Một câu A Di Đà Phật này có thể đoạn vọng niệm, lại còn có thể phá vô minh. Trong mười hai thời, tức là suốt một ngày từ sáng đến tối, trong tâm chỉ có một câu Phật hiệu, chẳng có vọng niệm, dùng câu Phật hiệu này để thay thế tất cả vọng niệm, vừa lại chẳng có vô minh, Phật hiệu rõ ràng, rành rẽ, quý vị thấy cách này tuyệt diệu lắm! Chư vị phải biết, không niệm Phật thì kẻ ấy nếu chẳng đọa trong vọng niệm bèn đọa trong vô minh, đó là đạo lý quyết định [khiến cho

người ấy] chẳng thể thành tựu điều này (nhất tâm). Phải tin tưởng điều này, tin chúng ta thật sự tu nhất tâm bất loạn, thật sự phát tâm tu tập.

Phải tin vào Đức. Đức, nói theo tông cương lãnh trong Phật pháp sẽ trở thành ba đức: Pháp Thân đức, Bát Nhã đức, và Giải Thoát đức, [ba điều này còn gọi là] tam đức bí tạng. Nói nông cạn, Đức là thiện hạnh. Tuy thiện hạnh chẳng phải là đức, nhưng thiện hạnh là căn cơ của đức hạnh. Niệm niệm chúng ta mong mỗi có thể lợi ích hết thấy chúng sanh, không cầu lợi ích cho chính mình. Đó là Đức, Nho gia gọi điều ấy là Nhân, “*thôi kỹ cập nhân*” (suy từ mình mà nghĩ đến người khác), “*kỷ sở bất dục, vật thi ư nhân*” (điều chính mình chẳng muốn, chớ làm cho người khác). Nếu mỗi cá nhân trong xã hội đều có quan niệm này, xã hội sẽ an tường, hòa hảo, chắc chắn chẳng bị động loạn. Đích xác là trong xã hội hiện thời có lắm kẻ mê hoặc, niệm niệm chỉ tranh giành quyền lực; nói theo Phật pháp, chúng ta có cần phải tranh giành quyền lực hay không? Không cần. Chỉ cần chúng ta gieo nhân tốt đẹp, sẽ tự nhiên thu được quả báo.

Mọi việc đều có nhân và có quả. Ta muốn có thiện quả, nhất định phải gieo thiện nhân. Chẳng gieo thiện nhân mà mong cầu thiện quả, trong Phật pháp nói là “*vô hữu thi xứ*” (chẳng có lẽ ấy), chẳng đạt được! Chúng ta thấy người khác phát tài, người học Phật trọn chẳng hâm mộ, vì sao? Biết người ấy trong đời quá khứ đã nhiều lần hành tài bố thí, người ấy đã gieo nhân đó, nay tự nhiên được hưởng [quả báo]. Người mong phát tài rất nhiều, mỗi ngày đều mong mỗi thì có phát tài hay không? Người phát tài rốt cuộc vẫn là thiểu số. Dầu dùng thủ đoạn phi pháp để đạt được của cải, vẫn là do trong mạng người ấy có. Ví như cướp ngân hàng, cướp được mấy ngàn vạn, chúng ta đi cướp thì có cướp được hay không? Cướp chẳng được! Có thể thấy trong mạng quý vị chẳng có, có cướp cũng chẳng cướp được! Trong mạng chẳng có, vừa cướp đã ngay lập tức bị người ta thộp cổ! Có thể cướp được vẫn là do trong mạng kẻ ấy có. Trong mạng kẻ ấy có, không cướp thì vẫn có thể đạt được nhiều như thế, quý vị nói xem có oan uổng hay không? Do vậy, cổ nhân nói: Thật sự hiểu nhân quả báo ứng, “*quân tử lạc đắc tác quân tử, tiểu nhân oan uổng tác tiểu nhân*” (quân tử vui vẻ làm quân tử, tiểu nhân oan uổng làm tiểu nhân), cho nên nhất định phải hiểu nhân quả báo ứng.

Quý vị thấy Ấn Quang đại sư, đây là một vị đại đức, một vị tổ sư gần thời chúng ta nhất. Lão nhân gia nhiều lượt khuyên lơn chúng ta, nhất định phải làm cho chúng sanh tin tưởng nhân quả báo ứng. Ai này đều có thể tin tưởng nhân quả báo ứng, thiên hạ sẽ thái bình. Mỗi cá nhân đều giữ bản phận, đều chịu gieo nhân tốt. Không hiểu nhân quả báo ứng, cuộc

sống rất khô; hiểu nhân quả báo ứng sẽ sung sướng, biết đủ thường vui! Nội tâm nhân từ, một bầu an tường, hòa hảo, lẽ nào kẻ ấy chẳng vui sướng? Vì thế, nhất định phải biết sự trọng yếu của Đức. Lại càng phải nên hiểu rõ, đức năng của bản thân chúng ta và đức năng của Phật chẳng khác! Trong phẩm Xuất Hiện của kinh Hoa Nghiêm có nói: “*Hết thấy chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của Như Lai*”, đều có! Vì sao nay chúng ta chẳng có? “*Chỉ vì vọng tưởng và chấp trước mà không thể chứng đắc*”, câu này đã nói toạc gốc bệnh của chúng ta. Chúng ta có vọng tưởng, chấp trước, nên quý vị tuy có trí huệ và đức tướng của Như Lai, nhưng chúng chẳng thể hiện tiền. Khi nào quý vị đoạn hết vọng tưởng và chấp trước, trí huệ và đức năng của quý vị thấy đều hiện tiền, chẳng khác gì hết thấy chư Phật, La Hán và Bồ Tát cũng chẳng bằng quý vị!

Chúng ta phải hiểu rõ, nhận biết và ưa thích “*thật, đức, năng*”, đó là Tín. Chúng ta quay đầu xem lại, trong một câu danh hiệu A Di Đà Phật, ba ý nghĩa ấy đều trọn đủ. Vì sao biết là chúng trọn đủ? Trong kinh luận và kinh sách, cổ đức đã bảo chúng ta: Chúng ta niệm Phật thì tâm năng niệm là Thi Giác, Phật hiệu được niệm là Bản Giác của chúng ta. Do vậy, khi nhất tâm xưng niệm là Thi Giác hợp với Bản Giác, Thi - Bản bất nhị, đó gọi là Cứu Cánh Giác. Cứu Cánh Giác là thành Phật. Đây là “*một niệm tương ứng một niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật*”, chúng ta phải tin tưởng điều này.

Quý vị thật sự tin tưởng mới biết hết thấy các pháp thế gian và xuất thế gian đều chẳng thù thắng như niệm Phật, trong hết thấy mọi chuyện, chẳng có gì vui sướng hơn niệm Phật. Người niệm Phật là người hạnh phúc bậc nhất trong thế gian và xuất thế gian, chúng ta phải tin điều này. Nếu quý vị chịu tin tưởng, quý vị bèn phát tài, vì sao? Thật sự phát tài, tôi chẳng nói lời giả với quý vị, pháp môn này được gọi là “*pháp khó tin*”. Nếu quý vị thật sự chịu tin, mười phương chư Phật đều chúc mừng quý vị, đều tới khánh chúc quý vị, quyết định thành tựu trong một đời này, chắc chắn vượt thoát ba cõi. Do vậy, quý vị phải tin tưởng kinh này, phải tin tưởng đạo lý này, phải tin tưởng phương pháp này thì chúng ta mới trọn đủ điều thứ nhất trong Thất Thánh Tài.

(Sao) Nhị Giới.

(鈔) 二戒。

(Sao: Thứ hai là Giới).

Thứ hai là Giới, Bách Pháp [Minh Môn] Luận đã nêu ra tinh thần của Giới: “*Phòng phi chỉ ác, khiết tịnh thân tâm*” (ngừa sai, dứt ác, giữ cho thân tâm trong sạch), đó là giới luật. “*Phòng*” (防) là phòng ngừa, [phòng phi (防非)] là ngăn ngừa hết thảy lầm lỗi. Lầm lỗi bao gồm tư tưởng, kiến giải, ngôn ngữ, tạo tác, bao gồm bốn loại lớn ấy. Trong ấy, nếu có sai lầm, chúng ta phải phòng ngừa sẵn, hễ có lỗi lầm phải biết ngăn cấm ngay lập tức. Người tu hành nói đến công phu, nói đến hảo tướng thì công phu là gì? Hảo tướng là gì? Quý vị hằng ngày thấy Phật, mỗi ngày thấy hoa sen, mỗi ngày thấy trong ấy tỏa ánh sáng, [thấy] nơi ấy chấn động, thưa cùng quý vị, quý vị đã bị ma dựa mất rồi, đó chẳng phải là hảo tướng! Hảo tướng thật sự là gì? Mỗi ngày đều phát hiện lầm lỗi của chính mình. Đó là tướng lành thật sự, là hảo tướng chân chánh!

Vì thế, một người thật sự tu hành, hằng ngày phát hiện lỗi lầm của chính mình; do phát hiện nên mới có thể sửa đổi, sửa lỗi thì mới là tu hành. “*Tu*” là sửa cho đúng, “*Hành*” là hành vi sai lầm. Sửa đổi cho đúng các hành vi sai lầm bèn gọi là “*tu hành*”. Nếu chúng ta một ngày chẳng phát hiện lỗi lầm của chính mình, nói cách khác, quý vị chẳng tu hành ngày đó. Một năm mà trọn chẳng thấy lỗi lầm của chính mình, cả năm ấy quý vị chẳng tu hành. Chư vị phải ghi nhớ, tu hành quyết định chẳng phải là sáng tối đều niệm kinh, niệm Phật, lạy Phật. Đó là hình thức, công phu bề ngoài. Nhất định phải vận dụng những phương pháp hình thức ấy vào thực tế, biết lầm lỗi của chính mình, nghĩ sai, thấy sai, nói sai, làm sai thì phải sửa đổi, đó là tu hành, đó là công phu thật sự, khiến cho thân tâm chúng ta ngày càng thanh tịnh, ngày càng trang nghiêm, đó là ý nghĩa của Giới.

Chúng ta thấy hiện thời có nhiều người học giới luật, tự xưng là [chính mình] giới luật rất tinh nghiêm, mỗi ngày đều tụng giới, mỗi ngày đều nghiên cứu giới kinh; nhưng chúng ta thấy ý nghĩ, cách nhìn, và cách làm của họ trái nghịch tinh thần giới luật, kiêu căng, ngã mạn, xem thường người khác, trật lất rồi! Kiêu căng, ngã mạn là căn bệnh nặng, tức là cách nghĩ sai lầm, cách nhìn sai lầm, cách làm sai lầm! Kẻ ấy chẳng thể sửa đổi những sai lầm ấy, có gì để gọi là trì giới? Trì giới kiêu đó, Thích Ca Mâu Ni Phật nhìn thấy cũng ứa nước mắt! Giới luật vốn nhằm giúp quý vị bỏ tật xấu. Hiện thời, trì giới đâm ra tăng thêm tật xấu! Những người như thế sẽ bị phiền phức to lớn. Đó là chẳng hiểu tinh thần giới luật thật sự, không biết cách hành trì như thế nào!

Lục Tổ đại sư cũng đã một lời nói toạc về chuyện này: “*Nếu người thật tu đạo, chẳng thấy lỗi người khác*”, chính mình thật sự khiêm hư. Như năm mươi ba lần tham học của Thiện Tài đồng tử, quý vị thấy năm

mười ba vị thiện tri thức đều là đại Bồ Tát, mỗi vị Bồ Tát đều là “tự khiêm”, tôn trọng người khác, như vậy thì bèn chẳng có làm lỗi! Nói theo hình tướng, mà chúng ta có thể hành năm giới, hoặc mười giới là tốt đẹp rồi, hành được rồi, khá viên mãn, phải thật sự phát tâm thực hiện.

(Sao) Tam văn.

(鈔) 三聞。

(Sao: Ba là Văn).

Thứ ba là Văn, đây là nói về Đa Văn, có nghĩa là quảng bác thông đạt (thông hiểu, thấu đạt rộng rãi), thường nói là “*quảng học đa văn*”, tức là “*pháp môn vô lượng thế nguyện học*” trong Tứ Hoằng Thệ Nguyện. Giới trong phần trước chính là “*phiền não vô tận thế nguyện đoạn*”. Trong các buổi giảng, chúng tôi cũng thường nhắc nhở các vị đồng tu về điều này: Nếu muốn thật sự thành tựu, nhất định phải có sư thừa. Nếu chẳng có sư thừa, mong tự mình thành tựu, thì thừa quý vị, chẳng có chuyện này, tùy thuộc quý vị tin tưởng hay không? Nếu quý vị không tin, hãy đọc Lục Tô Đàn Kinh. Trong Đàn Kinh, thiền sư Huyền Sách đã bảo thiền sư Vĩnh Gia: “*Oai Âm Vương dĩ tiền tức đắc, Oai Âm Vương dĩ hậu, vô sư tự ngộ, tận thị thiên nhiên ngoại đạo*”, [nghĩa là] trước thời Oai Âm Vương Phật, chính quý vị tu hành thành tựu thì vẫn còn chấp nhận được; sau thời Oai Âm Vương Phật, nếu chẳng có sư thừa, tự mình học mà ngộ đạo thì đều là thiên nhiên ngoại đạo. Theo kinh điển đã nói, Oai Âm Vương Phật là một vị cổ Phật từ nhiều kiếp lâu xa trước. Trên thực tế, điều này nói rõ Phật pháp nhất định phải có sư thừa. Chẳng có sư thừa, nói thật ra, vô cùng nguy hiểm.

Bản thân chúng ta đã tu sai rồi, tương lai đọa lạc, tự làm, tự chịu, chẳng còn gì để nói nữa. Nếu quý vị lãnh đạo hoặc chỉ đạo người khác, thấy đều chỉ sai đường cho người khác, sẽ phải gánh chịu trách nhiệm nhân quả. Cổ nhân nói: “*Nói sai một chữ chuyển ngữ, đọa làm thân chồn hoang năm trăm đời*”. Nói sai một chữ phải chịu trách nhiệm nhân quả to dường ấy, đáng sợ quá! Người ta đến hỏi đường lối, chỉ lối mà chính mình thật sự chẳng nắm vững, chẳng biết đường đích xác, làm sao có thể tùy tiện chỉ dạy người khác? Trong xã hội hiện thời, những kẻ “*vô sư tự thông*” (không có thầy mà tự thông hiểu) quá nhiều, đó chẳng phải là một hiện tượng tốt đẹp, mà là tướng trạng thiên hạ đại loạn, chẳng phải là tướng hưng vượng, mà là tướng suy vi!

Vì vậy, học Phật nhất định phải có sư thừa, mà cũng là nhất định phải tuân thủ sự dạy bảo của thầy thì mới có thể thành tựu. Đặc biệt là giới luật, gần đây nhất, hề tôi nói đến giới luật tức là nói tới sự răn dạy của thầy. Chẳng thể không nghe theo sự răn dạy của thầy, tự mình chủ trương thì còn nói tới giới luật chi nữa? Giới luật trong kinh Phật, quý vị đều thực hiện được, nhưng quý vị chẳng tôn trọng thầy, tức là chẳng có gì hết! Tôn sư trọng đạo, tôn sư là cơ sở của giới luật, giống như dựng nhà, phải xây nền móng. Giới luật do đức Phật đã nói chính là lầu cao, quý vị chẳng có nền tảng, làm sao xây lầu cao, viện lớn cho được? Đó là chuyện chẳng thể được! Vì thế, sư đạo vô cùng quan trọng!

Bác học đa văn có nhiều tầng lớp, chẳng phải là vừa bắt đầu liền có thể học được! Trong Phật pháp gọi bác học đa văn là Hậu Đắc Trí, chẳng phải là Căn Bản Trí. Hậu Đắc Trí do đâu mà có? Từ Căn Bản Trí mà có. Giống như cái cây, trước hết phải có rễ, sau đó có gốc, gốc là thân chánh, sau đây mới có thể trở cành, mới có thể đơm hoa, kết quả. Vì vậy, cành, nhánh, hoa, quả đều do rễ mà ra. Căn Bản Trí do đâu mà có? Căn Bản Trí sanh từ tâm thanh tịnh. Đức Phật dạy chúng ta: “*Nhân Giới sanh Định, nhân Định khai Huệ*”, quý vị chẳng có Định, lấy đâu ra Huệ? Chẳng có Định, Huệ, sẽ là Tà Huệ, Cuồng Huệ! Vì thế, Huệ nhất định phải được kiến lập trên cơ sở Định.

Do vậy, sư thừa là theo một vị thầy, thầy dạy quý vị điều gì? Thầy huấn luyện quý vị Căn Bản Trí. Trong kinh Bát Nhã đã nói về Căn Bản Trí rất hay, “*Bát Nhã vô tri*”, đó là Căn Bản Trí. Vô tri là gì? Là Định. Khi nó khởi tác dụng, “*không gì chẳng biết*”, Bát Nhã vô tri, nhưng không gì chẳng biết. Do đó, nếu quý vị muốn khai trí huệ, yêu cầu trước tiên là vô tri. Quý vị chẳng thể cầu hữu tri trước hết. Từ hữu tri để cầu, vĩnh viễn chẳng thể cầu chân trí huệ. Cầu vô tri bằng cách như thế nào? Cổ nhân dạy chúng ta niệm kinh. Niệm kinh bèn niệm một bộ kinh, niệm bộ kinh này mười năm hay tám năm, tâm bèn định. Mười năm hay tám năm ấy nhằm tu Căn Bản Trí, tu tâm thanh tịnh; đó là tu Định và tu Huệ.

Đồng thời, khi kiến lập cơ sở, phải tu phước cho nhiều, tu phước gì vậy? Tu nhẫn nhục, tu bố thí. Bố thí là buông xuống, buông phân biệt, chấp trước của chính mình xuống, buông sự hưởng thụ đáng nên có của chính mình xuống, vì người khác phục vụ, bỏ mình vì người, đó là tu phước, tu bố thí. Phải tu nhẫn nhục, vì sao tu nhẫn nhục? Vì quý vị chẳng nhẫn nhục, sẽ không thể đắc Định. Nhẫn nhục là phải tu lòng nhẫn nại, đối với hoàn cảnh thuận hay nghịch, chính mình đều có thể chịu đựng. Trong Lục Độ, hai điều này vô cùng trọng yếu. Chẳng hạn như quý vị

niệm một bộ kinh mười năm hay tám năm, phải có tâm nhẫn nại rất lớn, tâm thật sự định!

Con người hiện thời thường nói: “Chúng ta sống trong xã hội hiện đại, xã hội này thiên biến vạn hóa, có rất nhiều chuyện chúng ta chẳng thể không biết”. Lời nói ấy dường như đầy ắp đạo lý, nhưng trên thực tế có đạo lý hay không? Hoàn toàn chẳng có đạo lý gì! Lời ấy do ai nói? Do Ma Vương Ba Tuần nói, vì sao? Hấn sợ tâm quý vị định, sợ quý vị có trí huệ. Vì thế, hằng ngày quý vị tiếp xúc với thông tin hiện thời, khiến cho đầu óc đầy ắp những ý nghĩ lộn xộn, khiến cho quý vị suốt ngày sống trong vọng tưởng và vọng niệm, vĩnh viễn chẳng thể định được. Niệm Phật cũng chẳng chuyên chú niệm, niệm kinh cũng chẳng chuyên tâm niệm, chẳng có đạo lý gì! Người thật sự tu đạo phải như thế nào? Thừa cùng quý vị, chớ nên đọc báo chí, chớ nên xem TV, chớ nên nghe radio, quý vị có thể đoạn hết những thứ ấy, tâm bèn thanh tịnh, tâm thật sự định. Thừa cùng quý vị, tâm thật sự định sẽ có trí huệ. Hễ quý vị tiếp xúc những chuyện ấy, ngay lập tức sẽ có sức phán đoán, biết nên xử sự như thế nào. Định là chúa tể!

Thế giới hiện thời loạn như vậy, không ai có thể giải quyết, vì sao? Đầu óc của vị đứng đầu mỗi quốc gia đều suy nghĩ lung tung, hiểu biết sự việc quá nhiều, quá tạp, nên những người ấy bị phiền toái to lớn. Trước đây, người Hoa làm hoàng đế thì hoàng đế tu gì? Tu tâm thanh tịnh. Quý vị thấy hoàng đế đội mũ, phía trước là rèm cửa sổ, chẳng nhìn thấy rõ điều gì nên tâm nhà vua thanh tịnh, nếu thấy rõ ràng, ông ta đã loạn mất rồi. Cái mũ ấy hai bên còn có hai cái miên hoa cầu (hai trái cầu bằng sợi bông), che tai, nên nghe điều gì cũng không nghe rõ ràng cho lắm³⁸, nên

³⁸ Đây là cách nói biểu thị pháp, chẳng phải thật sự là đội mũ vào sẽ không thể nghe và thấy rõ ràng. Loại mũ được nói ở đây là Miện (冕), tức là loại mũ còn được gọi là mũ bình thiên, hoặc mũ thông thiên. Thân mũ có hình ống, phía trên là một tấm che đặt nằm ngang, hình chữ nhật, phía trước và phía sau đều kết ngọc thành nhiều tua, các tua ấy thường gọi là Lưu (旒). Các tua ngọc rủ xuống, giống như cái rèm cửa sổ. Tương truyền, loại Miện này do Hiên Viên Hoàng Đế chế ra, phía ngoài thường bọc vải, lụa, hay gấm màu đen, phía trong lót vải đỏ. Khi đội Miện, phải búi tóc lên, rồi xuyên qua Miện một cây trâm cài thường gọi là Kê (簪) để giữ cho Miện khỏi tuột. Hai đầu Kê thường có tua dài buộc quả cầu kết bằng bông (tức là “miên hoa cầu” như Hòa Thượng nói đến ở đây), bọc vải quý, thêu thùa, gắn ngọc. Hai quả bông ấy vừa che đúng hai bên tai của người đội, nên chúng được gọi là Tắc Nhĩ (塞耳: lấp tai). Thoạt đầu, hoàng đế và các quan đại phu đều đội Miện trong các đại điển, nhất là khi tế trời. Điểm khác biệt là hoa văn thêu trên Miện cũng như số lượng các tua ngọc. Cổ lễ quy định, Miện của Thiên Tử có mười hai tua, chư hầu chín tua, thượng đại phu bảy

ông ta mới có thể cầm lái, mới có thể hoạch định quyết sách. Vì sao? Tâm ông ta thanh tịnh. Các đại thần tâu trình ý kiến, vua là người cuối cùng phán đoán, quyết định. Ông ta đầu óc sáng suốt, tinh táo, điều này vô cùng quan trọng. Chúng ta chẳng đọc kinh Phật, sẽ không hiểu đạo lý này. Vì thế, dẫu thế giới này loạn đến mấy, ta không loạn là được, thứ gì ta cũng thấy rõ ràng, thứ gì ta cũng thấy minh bạch. Đây là nói rõ về Văn, bắt đầu tu Căn Bản Trí là dốc công sức nơi một bộ kinh, quyết định chớ nên bác học đa văn. [Nếu bác học đa văn, tức là] quý vị đã hiểu lầm ý nghĩa mất rồi! Bác học đa văn là chuyện về sau, tức là khi đã đạt được Căn Bản Trí, sau đấy mới bắt đầu bác học đa văn.

Đã xuất sư, tức là đã tốt nghiệp từ nơi thầy, sau khi tốt nghiệp mới là bác học đa văn. Quý vị thầy Thiện Tài đồng tử, thầy của Thiện Tài đồng tử là Văn Thù Bồ Tát. Thiện Tài đã thành tựu Căn Bản Trí trong hội của Văn Thù Bồ Tát, sau đấy mới đi tham học, đi tham học năm mươi ba lần. Nếu Ngài chẳng đạt được Căn Bản Trí, há có tư cách đi tham học? Chẳng có tư cách! Vì vậy, thầy lẫn trò đều hết sức khó có, vô cùng đáng quý. Có rất nhiều vị thầy suốt đời chẳng gặp được một học trò nào, nên chẳng thể truyền pháp được! Một vị thầy tốt cả đời chỉ truyền được một hai người, tình hình như thế rất nhiều. Một vị thầy có thể truyền rất nhiều học trò, pháp duyên ấy rất thù thắng, như Lục Tổ đại sư chẳng có tiền lệ trong lịch sử Trung Quốc, trước Lục Tổ chẳng có, mà sau Lục Tổ cũng chẳng có, Ngài truyền được bốn mươi ba người. Kể từ khi tổ Đạt Ma đến Trung Quốc, mỗi cá nhân cả đời chỉ truyền được một người, trọn chẳng tìm được hai học trò. Ngũ Tổ có hai người, Thần Tú là một, Lục Tổ là hai. Từ Ngũ Tổ về trước đều là một. Vì thế, hết sức khó khăn! Chẳng theo nhất định một vị thầy mười năm hay tám năm sẽ chẳng được, bởi lẽ, tiêu chuẩn tốt nghiệp là đắc Định - Huệ, đắc Căn Bản Trí. Sau đó, mới đi ra ngoài, đó là bác học đa văn, đi tham học, nhằm thành tựu Hậu Đắc Trí. Trước hết là tu Căn Bản Trí, sau đó tu Hậu Đắc Trí, đó là Bảo (quý báu).

Nay chúng tôi đề xướng, con người hiện thời thường nói là “chẳng thật thà”, kể cả bản thân chúng ta cũng vậy, đọc một quyển sách [trong một thời gian dài] sẽ thấy vô vị, vẫn phải tìm sách khác để xem, đó là chẳng thật thà. Do vậy, chúng tôi mở rộng phạm vi này đôi chút, năm kinh Tịnh Độ, Tịnh Độ Thập Yếu, nếu thật sự [cảm thấy vẫn] chưa đủ thì còn

tua, hạ đại phu năm tua. Sau này, Tần Thủy Hoàng cảm ngại hoàng thân, quốc thích, các quan đội Miện, chỉ có hoàng đế được phép đội Miện, nhưng Miện hầu như chỉ trong các buổi đại triều, đại điển, hay quốc tế (lễ tế của đất nước do vua đứng làm chủ tế).

có Ấn Quang Đại Sư Văn Sao, chớ nên mở rộng hơn nữa. Khi mở rộng ra nữa thì trong một đời này, quý vị chẳng có hy vọng gì. Vì thế nói: Dễ dàng thành tựu nhất là quý vị khẳng khái một mục niệm một thứ, đối với năm kinh hay Thập Yếu, bản thân quý vị thích loại nào bèn chọn loại ấy. Đã chọn nhất định một loại rồi, quý vị thường xuyên niệm tụng chẳng ngừng, chẳng cần mong hiểu rõ, quý vị cứ niệm như vậy, niệm tới mấy ngàn lần. Vì sao niệm nhiều lần như thế? Chẳng có gì khác, nhằm khiến cho tâm quý vị định, dùng phương pháp này giúp quý vị đắc Định. Đó là huấn luyện định, huấn luyện Căn Bản Trí. Phương pháp tu hành Định và Căn Bản Trí là như vậy. Căn Bản Trí đã hiện tiền, khi ấy bèn bác học đa văn, hoàn toàn mở rộng. Vì thế, mở rộng phải có điều kiện: Nếu Căn Bản Trí chưa đạt mà mở rộng thì người ấy sẽ hồng bét, suốt cả đời này chắc chắn người ấy chẳng thể nào thành tựu.

(Sao) Tứ Xả.

(鈔) 四捨。

(Sao: Bốn là Xả).

Thứ tư là Xả. Định nghĩa của Xả là thật sự buông xuống hết thảy, chẳng có mảy may dính nhiễm nào, chẳng có mảy may vướng mắc nào, tâm thật sự sạch lâu. Trong tâm chúng ta còn có mảy may vướng mắc nào, tức là chưa xả, quý vị chưa xả sạch sành sanh. Không xả thì có điều gì bất hảo? Chuyện bất hảo quá nhiều! Nếu quý vị chẳng chịu xả, nói cách khác, chẳng đoạn phiền não, chẳng thoát khỏi tam giới, chẳng thể liễu thoát sanh tử, chuyện này phiền toái to lắm! Đó gọi là “bỏ sạch hết thảy”, tôi lại nói câu này minh bạch hơn một chút, nói rõ ràng hơn một chút thì sẽ là trong tâm chẳng có mảy may vướng mắc nào, đây là thật sự xả! Lục Tổ Huệ Năng đại sư đã nói: “*Vốn chẳng có một vật, chỗ nào nhuộm bụi trần*”, đó là “bỏ hết”. Điều này chẳng dễ gì làm được, nói dễ dàng, nhưng làm rất khó, nhất định phải có huệ giải, hiểu vạn pháp đều là không, biết vô thường, vô ngã, quý vị mới có thể thật sự buông xuống được!

Trong thế gian này, chẳng có gì là chính mình! Phải thật sự giác ngộ điều này. Quý vị cho rằng cái này là chính mình, cái kia cũng là chính mình, thừa cùng quý vị, vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, toàn là giả. Ngay cả thân thể này của chúng ta cũng chẳng phải là chính mình. Trong thân thể chúng ta, vô số tế bào thay cũ, đổi mới, ngồi ở đây một tiếng rưỡi, chẳng biết bao nhiêu tế bào đã chết? Và lại có bao nhiêu tế bào được sanh ra? Tế bào nào là của quý vị? Tế bào nào chẳng phải là của chính mình?

Thân chẳng phải là của chính mình, hưởng gì vật ngoài thân? Do đó, phải buông xuống, phải buông bỏ vọng tưởng, chấp trước. Chỗ khác nhau giữa Phật, Bồ Tát và phàm phu chúng ta là các Ngài thật sự trừ bỏ. Nay chúng ta là phàm phu, chẳng chịu bỏ, thứ gì cũng đều chấp trước, hết thấy các thứ giả đều ngỡ là thật, chịu thiệt thòi to lớn! Căn bản sanh tử từ vô thì kiếp đến nay là không buông xuống được, là bỏ không được, phiền toái to lớn! Vì vậy, chính mình nhất định phải giác ngộ, phải thật sự chịu buông xuống.

(Sao) Ngũ Huệ.

(鈔) 五慧。

(Sao: Năm là Huệ).

Thứ năm là Huệ, Huệ là trí tuệ. Đối với hết thấy các cảnh giới có thể hiểu rõ, thông đạt chính xác, đó là trí tuệ. Chẳng nhìn sai cảnh giới, điều này vô cùng đáng quý. Do quý vị chẳng nhìn sự việc sai lầm, cách làm sẽ chẳng sai lầm, xử lý chắc chắn chính xác, sẽ không làm sai chuyện. Làm việc sai sót là do trong kiến giải lẫn tư tưởng đều có sai lầm, nhìn trật rồi! Vì thế, đòi hỏi phải có trí tuệ. Tôi vừa mới nói, trí tuệ nhất định sanh từ tâm thanh tịnh. Tu học Phật pháp lấy trí tuệ làm mục tiêu chung cục. Giới và Định, đều là những phương tiện để đạt đến mục đích, Huệ là mục đích. Năm thứ trên đây đều là Bảo.

(Sao) Lục tà, thất quý, tiền ngũ như bảo. Hậu nhị như nhân thiện thủ tài cố.

(鈔) 六慚，七愧。前五如寶，後二如人善守財故。

(Sao: Sáu là thẹn, bảy là hổ. Năm món trước như của báu, hai món sau như người khéo gìn giữ của cải).

Vì sao chúng ta không đạt được năm thứ báu ấy? Chúng ta chưa có năng lực Thủ (gìn giữ). Người như thế nào sẽ có thể gìn giữ? Tàm Quý! Hai chữ này vô cùng trọng yếu, chúng ta phải nỗ lực học tập. Trong Bách Pháp, hai chữ ấy là hai điều trong mười một thiện pháp, [thuộc về] Thiện Tâm Sở. Tàm (慚) có nghĩa là “y tự pháp lực, sùng trọng hiền thiện” (nuông vào pháp lực của chính mình, tôn sùng, coi trọng sự hiền thiện), “sùng” (崇) là “tôn sùng, tôn trọng”, chúng ta thường nói là “lương tâm”, Vương Dương Minh bảo là “lương tri”, sức mạnh của lương tri. Tôn sùng,

tôn trọng người hiền, việc thiện, đó là điều phát ra từ nội tâm của chính mình, có thể ước thúc chính mình. “Quý” (愧) có ý nghĩa hơi khác một chút, là do sức mạnh bên ngoài bó buộc, “*y thế gian lực*” (nuông vào sức mạnh của thế gian). Nói theo ngôn ngữ hiện thời là dư luận trong xã hội, chẳng dám làm quấy, làm ác vì sợ kẻ khác đàm tiếu! Một đằng là chẳng dám làm sai, làm ác vì lương tâm của chính mình, đó là Tàm. Đằng khác là sợ dư luận xã hội, nên chẳng dám làm chuyện sai trái, xấu xa, đó là Quý.

Vào đời Minh, tiên sinh Vương Dương Minh là một người rất nổi danh trong giới học thuật Trung Quốc. Năm xưa, tại Đài Loan, lão tổng thống (Trưởng Giới Thạch) đã đề xướng học thuyết Vương Dương Minh, khuyến khích mọi người hãy đọc tác phẩm của Vương Dương Minh, đặc biệt quan trọng là bộ *Truyền Tập Lục*. Còn có một câu chuyện về tiên sinh Vương Dương Minh, do ông ta nói “*trí lương tri*” (lương tri thức tỉnh), người ta ai nấy đều có lương tâm, lương tri. Có lần ông ta giữa đường lữ thứ gặp phải bọn cường đạo, chúng bắt ông ta làm kẻ hầu. Bọn thổ phỉ ấy bảo ông ta: “Nhà ngươi nói ‘trí lương tri’, mọi người đều có lương tâm, ngươi nói sai be bét!” Vương Dương Minh hỏi: “Vì sao ta sai?” Thổ phỉ đáp: “Bọn ta làm cường đạo chẳng có lương tâm. Nếu ngươi có thể chúng tỏ bọn ta cũng có lương tâm, ta sẽ thả ngươi”. Vương Dương Minh nói: “Có thể chứ! Ta sẽ chứng tỏ quý vị xác thực là có lương tri, có lương tâm”. Thổ phỉ hỏi: “Chúng tỏ bằng cách nào?” Vương Dương Minh nói: “Vậy thì quý vị nhất định phải nghe theo lời tôi, tôi nói quý vị làm sao, quý vị bèn làm đúng như vậy, lương tâm nhất định sẽ tỏ lộ”. Thổ phỉ ưng thuận: “Được!” Tiên sinh Vương Dương Minh nói: “Được rồi! Quý vị nghe lời tôi, hãy cởi quần áo bên ngoài ra”. Thổ phỉ cởi ra. Sau đấy lại cởi quần áo bên trong ra. Cởi bỏ sạch quần áo phía trên, lại cởi nốt quần ra, cởi đến cuối cùng luôn! Bọn họ nói: “Vương tiên sinh! Chẳng thể cởi hơn nữa, cởi nữa là không được đâu!” Vương Dương Minh nói: “Quý vị thấy đó, chẳng phải là lương tri tỏ lộ ư?” Bọn chúng tin nhận, thả tiên sinh Vương Dương Minh. Thổ phỉ còn có lương tri, hiện nay thì không được. Trong xã hội hiện thời, chẳng cho họ cởi, họ vẫn muốn cởi tuốt, lại còn muốn chạy long nhong khắp phố, quý vị nói xem còn có cách nào nữa không? Tiên sinh Vương Dương Minh mà gặp xã hội hiện thời bèn lắc đầu, cách nói của ông ta có vấn đề rồi!

Đây là nói tới Tâm Sở Tàm Quý, liên quan đến vấn đề giáo dục. Nói thật tại, hiện thời chúng ta chỉ có giáo dục khoa học kỹ thuật, chứ giáo dục nhân tánh và giáo dục đạo đức chẳng còn nữa; vì thế, thiên hạ mới loạn lạc, trật tự xã hội mới trật khớp, vì chẳng có giáo dục đạo đức. Phương

pháp bổ cứu duy nhất trong hiện thời là cậy vào Phật pháp, mỗi người đều có tâm Tàm Quý. Hễ có tâm Tàm Quý, chắc chắn có thể thành tựu. Chẳng có tâm Tàm Quý, dầu gặp Phật, Bồ Tát, vẫn chẳng thể thành tựu. Vì thế, hai tâm sở này vô cùng quan trọng. Vô Tàm, Vô Quý là Trung Tùy Phiền Não trong hai mươi sáu phiền não.

“*Tiền ngũ như bảo*” (năm món đầu như của báu), hai món sau “*như nhân thiện thủ tài cố*” (như người khéo giữ của cải). Ý nghĩa này rất sâu, chắc chắn là chúng ta chớ nên coi thường. Vì sao? Nếu chẳng có Tàm Quý, năm thứ trước đều chẳng đạt được, dầu có tu vẫn chẳng thể thành tựu. Có thể thấy Thất Thánh Tài có thể trọn đủ hay không, có thể tu được hay không là nhờ vào hai điều kiện sau cùng. Nói thực tại, hai điều kiện ấy chính là thiện căn, phước đức. Người chẳng có thiện căn, phước đức, tu gì cũng đều chẳng thể thành tựu.

Lão pháp sư Ấn Quang suốt đời ký tên đều ghi là Tàm Quý Tăng, lão nhân gia vô cùng khiêm hư, Ngài nói chính mình thiếu đức, vô khả năng, chỉ có trọn đủ tàm quý mà thôi. Chúng ta đọc Văn Sao của Ngài, Văn Sao do đối trị căn bệnh của con người hiện đại mà có. Hiện thời, nói hoằng dương Phật pháp, nói cứu độ chúng sanh, bàn luận cao xa đều chẳng phù hợp thực tế! Có thể đối trị xã hội hiện thời và đối trị lòng người hiện thời tốt nhất thì nói thật thà, không gì bằng Văn Sao! Có thể hoằng dương rạng rỡ Văn Sao, sẽ hữu ích to lớn cho thế đạo, nhân tâm, mà cũng giúp đặt vững vàng cơ sở Phật pháp rất tốt đẹp.

(Sớ) *Hựu Đại Bản ngôn.*

(疏) 又大本言。

(Sớ: *Lại nữa, kinh Đại Bản nói.*)

Đại Bản là kinh Vô Lượng Thọ.

(Sớ) *A Di Đà Phật đạo tràng thụ, cao thập lục ức do-tuần, tứ bố chi diệp bát ức do-tuần, thụ bản long khởi, ngũ thiên do-tuần, nhất thiết chúng bảo, tự nhiên hợp thành.*

(疏) 阿彌陀佛道場樹，高十六億由旬，四布枝葉，八億由旬，樹本隆起，五千由旬，一切眾寶，自然合成。

(Sớ: *Cây đạo tràng của A Di Đà Phật cao mười sáu ức do-tuần, cành lá tỏa rộng bốn phía tám ức do-tuần, gốc cây cao trỗi năm ngàn do-tuần, do hết thấy các thứ báu tự nhiên hợp thành.*)

Chúng ta cũng đã đọc những điều này trong kinh Vô Lượng Thọ. “*Tự nhiên*” là Tánh Đức, chẳng cần phải có kế hoạch kiến tạo, trồng trọt, vun bồi, tự nhiên đều do các thứ báu hợp thành. Trong chú giải kinh Vô Lượng Thọ, lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ đã dẫn chứng kinh điển để nói rất tỉ mỉ. Vì sao có cảnh giới thù thắng như vậy? Do tâm thanh tịnh mà vắng sanh, tâm tịnh ắt cõi tịnh. Chúng sanh vắng sanh đến bên ấy, ai nấy đều là “*phát Bồ Đề tâm, một bề chuyên niệm*” A Di Đà Phật, đều là tâm thanh tịnh nhất tâm bất loạn vắng sanh, cộng nghiệp ấy thù thắng! Chư vị! Chúng ta phải đặc biệt lưu ý những câu này, nhất tâm là tâm thanh tịnh. Trong tâm quý vị còn có vọng niệm, tâm sẽ chẳng thanh tịnh, tâm thanh tịnh bèn vắng sanh. Do vậy, đối với chuyện đời nghiệp, trong kinh luận đã nhiều lượt nói là “mang theo nghiệp quá khứ”, chẳng phải là mang theo nghiệp hiện tiền, chẳng thể mang theo nghiệp hiện hành, mang theo cựu nghiệp, chẳng mang theo tân nghiệp. Vì thế, trong cuộc sống hằng ngày, chúng ta phải nghiêm túc rèn luyện, luyện gì vậy? Luyện tâm thanh tịnh.

Muốn thật sự luyện tâm thanh tịnh, thưa cùng quý vị, chớ nên quản chuyện của người khác. Quản chuyện người khác, tâm sẽ chẳng thanh tịnh. Do đó, gia đình, xã hội, tự viện đạo tràng đều giống nhau, có Chấp Sự. Trước đây, Chấp Sự trong tự viện là phục vụ, vì sao? Người ấy phải lo toan chuyện này chuyện nọ, nói cách khác, phải hy sinh chính mình. Tu hành là hạng người nào? Thanh tịnh chúng! Thanh tịnh chúng chẳng bận tâm sự vụ, thật sự tu hành. Sự tu hành của người quản sự bị phương hại rất lớn, vì thế, Chấp Sự là luân lưu đảm nhiệm, kỳ hạn là một năm, hàng năm đều phải điều chỉnh, thay đổi. Trong tự viện, Chấp Sự tổng cộng là một trăm lẻ tám người, nhưng trong tự viện gần như là mấy ngàn người cư trụ. Một đại tự viện hai ba ngàn người trụ là chuyện rất bình thường. Vì thế, người phục vụ, trên là từ Trụ Trì cho đến dưới là những người nấu cơm, trồng rau, tổng cộng là một trăm lẻ tám người, giống như trừ giáo viên và các nhân viên trong nhà trường ra, thanh tịnh chúng còn lại đều là học trò.

Vì thế, nói phát tâm là tu hành thật sự. “*Nếu người thật tu đạo, chẳng thấy lỗi người khác*”. Hiện thời có thể nói là chẳng có đạo tràng, hiện thời đến đâu để tìm đạo tràng? Quý vị toàn thấy những đạo tràng nhỏ, trụ mấy người. Trụ mấy người thì nói cách khác, chẳng có cách nào mong sao “chuyện gì cũng đều chẳng muốn làm”! Chẳng còn nói đến Chấp Sự và thanh tịnh chúng nữa, hiện thời chẳng còn nữa, đó là chúng ta thiếu phước báo. Tại Đài Loan còn đỡ một chút, trong chùa miếu ít ra còn có sáu, bảy người. Quý vị sang ngoại quốc, chùa miếu một người, hai người,

từ ba người trở lên rất ít, rất hiếm có, đại đa số toàn là một hai người. Hương Cảng, Nam Dương cũng đều như vậy. Chùa ở Tân Gia Ba cũng như thế, rất lớn, nhưng đều là một người.

Pháp sư Diễn Bồi rất cảm khái bảo tôi: “Chúng tôi chết đi, chùa này sẽ lọt vào tay cư sĩ, vì chẳng có người thừa kế”. Thường có những cư sĩ theo hầu pháp sư mỗi ngày, đôi khi có mấy cư sĩ sống trong chùa. Lão hòa thượng vãng sanh, những chùa miếu ấy bèn “*thuận lý thành chương*” đều do các cư sĩ tiếp nhận. Những chuyện này đều là tướng suy trong thời Mạt Pháp, bản thân chúng ta phải cảnh giác. Hiện thời, bất luận xuất gia hay tại gia đều chẳng thể thông dong tán tu như xưa kia, chuyện gì cũng chẳng màng đến để tán tu, không thể làm như vậy nữa rồi! Làm không được thì chúng ta làm như thế nào? Tận hết sức bớt quan tâm, có thể hóa chuyện lớn thành nhỏ, hóa chuyện nhỏ thành không có, như thế thì tâm chúng ta mới có thể đạt đến thanh tịnh đôi chút. Nếu không, sẽ trở thành đại chướng ngại. Bản thân chúng ta phải hiểu rõ điều này.

(Sớ) Phục thù chúng bảo, dĩ vi anh lạc, phục hữu bảo võng, la phú kỳ thượng. Cứ thử, tấc hàng thụ chi ngoại, biệt hữu Phật đạo tràng thụ, kim văn tịnh tiệp, tức hàng thụ trung nhiếp, hựu luận trung công đức thảo, diệc thụ trung nhiếp, Đại Bản kỳ thụ hữu hương, diệc bảo trung nhiếp.

(疏)復垂眾寶，以為瓔珞，復有寶網，羅覆其上。據此，則行樹之外，別有佛道場樹，今文省便，即行樹中攝，又論中功德草，亦樹中攝，大本其樹有香，亦寶中攝。

(Sớ: Lại còn treo rủ các thứ báu để làm chuỗi anh lạc. Lại có lưới báu giăng che phía trên. Căn cứ theo đó, ngoài các hàng cây, còn có một cây đạo tràng của Phật, nay kinh văn này tỉnh lược, gom [cây đạo tràng của Phật] vào trong các hàng cây, và cả công đức nói trong luận [Vãng Sanh] cũng được gom vào trong các hàng cây, “cây có hương thơm” nói trong Đại Bản cũng được gộp trong phần nói về các thứ báu).

Đoạn này sẽ lại được nói [cặn kẽ hơn] trong phần Sao, thấy đều có trích dẫn từ kinh Đại Bản Vô Lượng Thọ nên cũng chẳng khó hiểu. Hôm nay chúng tôi giảng tới đây, hãy niệm Phật hồi hướng.

Tập 137

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang hai trăm chín mươi bảy:

(Sao) Đạo tràng thụ, tức Bồ Đề thụ. Như Thích Ca Phật, diệt tọa thụ hạ nhi thành Chánh Giác, thị dã. Thập lục ức do-tuần giả, Vương thị Đại Bản vân: “Nhất thiên lục bách do-tuần”. Phù hàng thụ thượng cấp bát thiên, Phật thụ hà đắc phản liệt? Kim sở dẫn Bảo Tích bản dã, tức hàng thụ nhiếp giả, dĩ đạo tràng thụ diệt phục căn, hành, chi, diệp, hoa, quả, hàng hàng tương thứ, cổ hàng thụ túc dĩ nhiếp chi dã.

(鈔) 道場樹，即菩提樹。如釋迦佛，亦坐樹下而成正覺，是也。十六億由旬者，王氏大本云：一千六百由旬。夫行樹尚及八千，佛樹何得反劣。今所引，寶積本也。即行樹攝者，以道場樹，亦復根莖枝葉華果，行行相次，故行樹足以攝之也。

(Sao: “Đạo tràng thụ” chính là cây Bồ Đề. Như Phật Thích Ca cũng ngồi dưới gốc cây mà thành Chánh Giác, cây ấy chính là [“đạo tràng thụ”]. “Mười sáu ức do-tuần”: Kinh Đại Bản [bản hội tập] của ông Vương chép là “một ngàn sáu trăm do-tuần”; nhưng các hàng cây [thông thường] đã cao đến tám ngàn [do-tuần], cây của Phật há lại ngược ngạo thấp hơn ư? Nay tôi trích dẫn câu này từ trong kinh Bảo Tích, tức là [cây đạo tràng] được nhiếp trong phần kinh văn nói về các hàng cây. Bởi lẽ, cây đạo tràng cũng là cội, thân, cành, lá, hoa, quả, mỗi hàng đều tương xứng. Vì thế, nói đến hàng cây là đủ để bao gồm).

Đoạn này nhằm là giải thích chữ “đạo tràng thụ” được nhắc đến trong lời Sớ. Chúng ta cũng vừa mới xem đoạn này trong kinh Vô Lượng Thọ, hợp hai kinh lại để xem, càng có thể hiểu cảnh giới này rõ ràng hơn. Trong bản chú giải của cư sĩ Hoàng Niệm Tổ đã nói rất rõ ràng, thế giới Tây Phương là một thế giới xứng tánh chân thật. Không chỉ là Phật, Bồ Tát chẳng thể nghĩ bàn, mà trong thế giới ấy, không thứ gì có thể nghĩ bàn được! Xác thực là một thế giới chẳng thể nghĩ bàn, tuyệt đối chẳng thể dùng tâm lý phàm phu để dò đoán, suy lường, dẫu có suy lường, vẫn chẳng thấu hiểu được! Vì cội ấy là cội Pháp Tánh, là tướng được hiện bởi Chân Như bản tánh, chẳng giống thế giới này của chúng ta. Thế giới bên này

(cõi Sa Bà) tựa tựa như thế giới của mười phương chư Phật, hình tướng của mọi vật bên này là Tướng Phần của A Lại Da, còn thế giới bên kia là Tướng Phần của Chân Như bốn tánh. Nói cách khác, năng biến chẳng giống nhau, nên cảnh giới được biến hiện đương nhiên khác nhau!

Trong kinh [Đại Bản], mỗi bản [dịch hoặc hội tập] nói cây cối có độ cao khác nhau, chúng ta chẳng cần chấp trước, chỉ hiểu là cây ấy vô cùng cao lớn là được rồi, đừng nên chấp trước con số nhất định là bao nhiêu do-tuần, [nếu chấp như vậy] chúng ta sẽ bị chết cứng trong từng hàng chữ. Đức Phật dạy chúng ta “*y nghĩa, bất y ngữ*”, chúng ta hiểu rõ ý nghĩa này. Những văn tự dùng để ghi chép ngôn ngữ chẳng quan trọng, những chỗ giống như thế này chẳng có ảnh hưởng to tát cho lắm!

Trong đoạn này, Liên Trì đại sư đã nói, cây đạo tràng chính là cây Bồ Đề. Cây Bồ Đề trong thế giới của chúng ta là cây Tất Bát La (Pippala, Peepal) của Ấn Độ, vì Thích Ca Mâu Ni Phật thị hiện thành Phật dưới cội cây ấy, nên chúng ta gọi nó là “*Bồ Đề thụ*” (Bodhivrksha). Ngài thành Vô Thượng Chánh Đẳng Bồ Đề dưới cội cây này, nên cây ấy được gọi là “*Bồ Đề thụ*”. Mười phương chư Phật thị hiện thành Phật không nhất định đều ngồi dưới cội Tất Bát La, các Ngài ngồi dưới cây nào, chúng ta bèn gọi cây ấy là “*Bồ Đề thụ*”. Vì thế, chủng loại của Bồ Đề thụ cũng rất nhiều, mỗi thế giới không nhất định giống nhau. Bồ Đề thụ trong Tây Phương Cực Lạc thế giới là bảo thụ.

Cây cao mười sáu ức do-tuần, điều này được nói trong kinh Đại Bản. Tổ lại dẫn “*Vương Thị Đại Bản*”, tức là bản hội tập của cư sĩ Vương Long Thư, bản ấy chép “*một ngàn sáu trăm do-tuần*”. Một ngàn sáu trăm kém hơn mười sáu ức quá nhiều! Đương nhiên, cư sĩ Long Thư hội tập [như vậy] cũng là có căn cứ, ông ta đã dựa trên bốn bản dịch gốc để hội tập, nhưng chưa xem bản kinh Đại Bảo Tích được dịch vào đời Đường. Hiện thời, chúng ta đã in ra bộ Ngũ Kinh Độc Bản, trong bộ sách ấy, năm bản dịch gốc, bốn bản hội tập và tiết bản đều được thu thập toàn bộ. Vậy là kinh Vô Lượng Thọ có tất cả chín phiên bản, mọi người đều được đọc toàn bộ trong quyển sách ấy. Đúng là người trong thời đại này của chúng ta có phước báo vô cùng to tát! Các vị tổ sư đại đức từ xưa đến nay đều chẳng có cách nào đọc hoàn toàn một bản kinh tề chỉnh, hoàn bị như vậy. Ông Vương Long Thư hãy còn có một bản dịch chưa được đọc. Nếu được thấy, nhất định là ông ta sẽ dựa trên năm phiên bản để hội tập, chẳng căn cứ trên bốn bản. Sau khi bản này in ra, hy vọng có thể lưu thông với một số lượng lớn, sẽ giúp tạo dựng tín tâm đối với Tịnh Độ. Pháp môn này là

pháp khó tin, chỉ cần tín tâm được kiến lập, tôi nghĩ [người có tín tâm ấy] sẽ có thành tựu, đây là công đức lợi ích vô lượng vô biên.

Tiếp đó, đại sư nghị luận đôi chút. Ngài nói “*hàng thụ thượng cấp bát thiên*” (hàng cây [thông thường] còn cao đến tám ngàn [do-tuần]). Trong phần trước đã nói các hàng cây đều cao tám ngàn do-tuần, nếu cây đạo tràng cao một ngàn sáu trăm do-tuần, [tức là] cây đạo tràng lùn tịt, thấp chùn, chẳng thể nào có chuyện ấy được! Cây đạo tràng chắc chắn phải cao và trang nghiêm hơn các hàng cây thông thường. Nói “*hàng thụ thượng cấp bát thiên*” chính là dựa theo kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật đã nói. Do vậy, ở đây đại sư nói rõ, cách nói ấy nhất định sẽ khiến cho chúng ta nẩy sanh hoài nghi. “*Kim sở dẫn, Bảo Tích bốn dã*” (nay trích dẫn bản kinh Đại Bảo Tích), tức là hội [Vô Lượng Thọ] Như Lai trong kinh Bảo Tích, đó là bản dịch đời Đường. Nói cách khác, cũng chính là bản cư sĩ Vương Long Thư chưa xem. Kinh Bảo Tích nói [cây đạo tràng cao] “*muội sáu ức do-tuần*”. Trong kinh Bảo Tích, có rất nhiều nội dung mà bốn bản kinh kia chẳng có. Vì thế, bản này cũng hết sức quan trọng.

“*Tức hàng thụ nhiếp giả*” [nghĩa là] giống như các hàng cây [thông thường], [ý nói] tánh chất, tác dụng hoặc công đức [của cây đạo tràng và các hàng cây khác trong cõi Cực Lạc] đều tương đồng. Cây đạo tràng cũng có cội, thân, cành, lá, hoa, quả, cũng là “*hàng hàng tương thứ*”, [nghĩa là các hàng cây ngang nhau], các lá bằng nhau v.v... giống hệt như những điều [kinh Vô Lượng Thọ đã] giảng [về các hàng cây thông thường] trong phần trước. Vì thế, nó cũng là cùng một loại với các hàng cây ấy.

(Sao) Công đức thảo giả.

(鈔) 功德草者。

(Sao): “Cỏ công đức” là...

Trong Luận (Vãng Sanh Luận) có câu: “*Công đức thảo, diệc thụ trung nhiếp*” (cỏ công đức cũng được nói gộp trong “[bảy hàng] cây”); theo Đại Bồn, những cây ấy có mùi thơm, mùi thơm ấy được nói gộp vào trong phần các chất báu. Tiếp đó, Ngài giải thích hai câu ấy.

(Sao) Luận vân: “Bảo tánh công đức thảo, nhu nhuyễn tả hữu toàn, xúc giả sanh thắng lạc, quá Ca Chiên Lô Đà”.

(鈔) 論云：寶性功德草，柔軟左右旋，觸者生勝樂，過迦旃鄰陀。

(*Sao*: *Luận* nói: “Cỏ công đức bảo tánh, mềm mịn xoay hai bên, chạm vào sừng khôn cùng, hơn Ca Chiên Lân Đà”³⁹).

“Thắng” là thù thắng, “thắng lạc” (勝樂) chính là khoái lạc thù thắng.

(*Sao*) **Kim bất ngôn giả, dĩ mộc nhiếp thảo cố.**

(鈔) 今不言者，以木攝草故。

(*Sao*: *Nay [kinh Di Đà] không nói đến là vì đã gộp cỏ vào trong cây*).

Trong kinh chẳng nhắc đến điều này, vì nói tới cây cối trong Tây Phương thế giới là đã bao gồm hoa cỏ trong ấy, đây là tính lược. Trong đại kinh và đại luận có nói bổ sung, [khiến cho người đọc] càng thấy tỉ mỉ hơn!

Ca Chiên Lân Đà là tiếng Phạn, nó là một thứ hàng dệt rất mịn, là một thứ chất liệu để may y phục rất quý giá tại Ấn Độ, nhưng nó chẳng phải là hàng tơ dệt, mà là hàng bông dệt. Tuy là hàng bông dệt, nhưng vô cùng mềm mại, người Ấn Độ hết sức ưa thích. Dùng thứ này để tỷ dụ cây cỏ mềm mại như vải mềm mịn. Thậm chí còn nói đương nhiên [những thứ cây cỏ] trong cõi ấy còn vượt trội những vật chất trong thế giới này, Tây Phương Cực Lạc thế giới hết sức thù thắng như thế đó!

(*Sao*) **Thụ hương giả, Đại Bản Pháp Tạng nguyện vân.**

(鈔) 樹香者，大本法藏願云。

(*Sao*: “*Cây tỏa mùi thơm*”: Trong kinh Đại Bản, ngài Pháp Tạng nguyện rằng).

³⁹ Ca Chiên Lân Đà (Kacillindi, Kacillindika, Kakacincika) là tên một loài chim, còn được phiên âm là Ca Giá Lân Địa, Ca Giá Lân Đê Ca, Ca Chiên Liên Đê Ca, Ca Chân Lân, Ca Chân Lân Đê Ca, Ca Chỉ Lật Na, hoặc Ca Chiên Lân Đê, dịch sang nghĩa tiếng Hán là Khả Ái Nhạo Điểu. Kinh Chánh Pháp Niệm Xứ nói: “*Ca Chiên Lân Đê là loài chim biển, chạm vào nó sẽ cảm thấy vui sướng vô cùng. Khi nào có Luân Vương ra đời thì loài chim này mới xuất hiện*”. Lòng loại chim này hết sức mịn nhuyễn có thể kết thành áo, nên trong phẩm Đà La Ni Hộ Trì Quốc Giới của kinh Đại Thừa Lý Thú Chánh Ba La Mật Đa Kinh có câu: “*Như y phục tốt đẹp dệt bằng lông chim Ca Giá Lân Đê Ca, chạm vào bên vui sướng*”. Trong lời giảng, hòa thượng chỉ dùng ý các thứ y phục dệt bằng lông loại chim này. Về sau, có những loại vải dệt bằng bông rất mịn cũng được gọi là Ca Chiên Lân Đà.

Điều này thuộc trong bốn mươi tám nguyện.

(Sao) Ngã tác Phật thời, quốc trung hoa thụ, câu dĩ vô lượng tạp bảo, bách thiên chủng hương nhi cộng hợp thành. Kỳ hương phổ huân thập phương thế giới, chúng sanh văn giả, giai tu Phật hạnh. Kim bất ngôn giả, dị bảo tất hữu kỳ hương, dĩ bảo nhiếp hương cố.

(鈔) 我作佛時，國中華樹，俱以無量雜寶，百千種香，而共合成，其香普熏十方世界，眾生聞者，皆修佛行。今不言者，異寶必有奇香，以寶攝香故。

(Sao: “Khi tôi thành Phật, các cây có hoa trong nước đều do vô lượng các thứ báu khác nhau, trăm ngàn thứ hương cùng hợp thành. Mùi hương ấy xông ngát mười phương thế giới, chúng sanh nghe thấy đều tu Phật hạnh”. Nay không nói tới là vì dị bảo ấy có mùi hương, dùng chất báu để bao gồm hương).

Đây là nói bổ sung cho rõ hơn. Kinh này giản lược, có nhiều chỗ tron chẳng nhắc tới, chúng ta xem những bản khác sẽ thấy nói cặn kẽ hơn. Vì thế, đại sư chú giải kinh Di Đà, đối với những chỗ kinh Di Đà chẳng nhắc tới, nhưng các kinh luận khác có đề cập, Ngài đều nói bổ sung trong lời chú giải. Nói thật ra, đọc một bộ Di Đà Kinh Sớ Sao này sẽ giống như đọc tất cả kinh luận Tịnh Độ, [vì] tất cả đều được trích lục trong ấy. Đặc biệt là kinh ấy (kinh Vô Lượng Thọ) nói “*kỳ hương phổ huân thập phương thế giới*” (hương ấy xông ngát mười phương thế giới), đây là dùng diệu hương để làm Phật sự, ý nghĩa này đã được nói trong phần trước, chúng ta phải chú tâm thấu hiểu. Đồng thời, chúng ta phải lần lượt hoằng dương rộng rãi hương quang của Phật, đây mới là người thật sự tu Tịnh Độ. Phương pháp để lần lượt hoằng dương thì điều thứ nhất là chính mình y giáo tu hành, chiếu theo lý luận, phương pháp, và cảnh giới ấy để tu hành.

Hai chữ “*tu hành*” vô cùng trọng yếu, hy vọng mọi người phải đặc biệt lưu ý. “*Hành*”, chủ yếu nhất là kiến giải và tư tưởng của chúng ta, tức là đối với những điều chúng ta bình thường thấy, nghĩ, hễ có sai lầm thì phải sửa đổi. Nói thật thà, tất cả tư tưởng và kiến giải của chúng ta đều sai lầm, chỉ là xét coi làm lỗi có lớn hay nhỏ sai khác, chứ đều là làm lỗi. Vì sao? Chúng sanh từ tám thức, mà tám thức chính là sai lầm! Nói nghiêm ngặt, đến khi nào mới chẳng sai lầm? Bát Địa Bồ Tát! Bát Địa Bồ Tát chuyển A Lại Da thành Đại Viên Kính Trí, thật sự là tốt đẹp, đây mới gần như là Chánh Đẳng Chánh Giác bậc cao! Vì đối với Chánh Đẳng Chánh

Giác thì từ hàng Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giác trở lên bèn có thể gọi là Chánh Đẳng Chánh Giác, từ Chánh Đẳng Chánh Giác mãi cho đến khi [chứng đắc] Đẳng Giác Bồ Tát. Bát Địa, Cửu Địa, Thập Địa, Đẳng Giác, quý vị thấy đã hết sức gần với bậc Đẳng Giác Bồ Tát. Do vậy, chúng ta nhất định phải thừa nhận, cách nhìn và cách nghĩ của chính mình là sai lầm thì mới được cứu!

Người bình phàm [cứ nghĩ] kiến giải của ta chẳng sai, [vậy là] chẳng có cách nào hết! Vì sao? Kẻ ấy chẳng thể sửa đổi, chẳng thể uốn nắn! Nếu biết chính mình sai lầm, bèn có cơ hội sửa đổi. Nếu cứ kiên trì “ta chẳng sai, các vị nói sai bét”, sẽ vĩnh viễn chẳng thể sửa đổi! Vì thế, phải sửa đổi từ kiến giải và tư tưởng, cách sửa đổi như thế nào? Bắt đầu từ chỗ nào? Thưa cùng quý vị, niệm kinh. Nói thật thà, niệm kinh là tự sửa đổi kiến giải và tư tưởng của bản thân chúng ta. Niệm kinh có cần hiểu nghĩa hay không? Chẳng cần! Quý vị muốn hiểu nghĩa, sẽ chẳng đạt được hiệu quả do niệm kinh. Tư tưởng và kiến giải chính xác là chẳng có tư tưởng, chẳng có kiến giải, đây mới là chính xác. Lục Tổ đã nói rất rõ ràng, “*vốn chẳng có một vật*”. Quý vị có một niệm tức là “*có một vật*”. “*Có một vật*” là sai mất rồi, vốn chẳng có một vật mà! Do vậy, kinh chỉ cứ niệm mà thôi. Niệm kinh là hoàn thành Tam Học Giới - Định - Huệ một lượt, đó là tu hành chân chánh.

Niệm kinh gì? Chúng ta tu Tịnh Độ, mong mỗi quyết định vãng sanh thế giới Cực Lạc trong một đời này, tốt nhất là đọc Tịnh Độ Ngũ Kinh. Trong ngũ kinh, quý vị thích niệm bộ nào cũng được, công đức đều như nhau. Sự thụ dụng trong đọc kinh chính là ngay trong lúc đọc kinh, tất cả hết thấy vọng tưởng và tạp niệm của chúng ta thấy đều chẳng có. Đó chính là uốn nắn tư tưởng và kiến giải của chúng ta, chẳng có vọng tưởng, chẳng có tạp niệm. Niệm kinh một mạch từ đầu đến cuối, trong khoảng thời gian ấy, chẳng sanh một niệm. Đối với chuyện đọc kinh, chúng tôi vẫn cảm thấy phương pháp xưa cũ là chính xác, phương pháp cũ kỹ ấy đã dùng mấy ngàn năm rồi! Bao nhiêu tổ sư đại đức đều đề ra phương pháp này, chắc chắn là chúng ta chớ nên xem thường, phương pháp của các Ngài chính là đọc một thứ, [chẳng đọc tràn lan nhiều bộ kinh]!

Trong năm kinh, chọn lấy một loại, chớ nên đều niệm trọn hết. Vì quý vị niệm một loại, tâm quý vị sẽ định, sẽ chuyên. Niệm cả năm loại, mỗi kinh có một cách nói riêng, [sẽ khiến cho người chưa hiểu viên dung] vừa niệm vừa sanh nghi hoặc: Cớ sao trong kinh này nói như thế này, trong kinh kia lại nói như thế nọ? Đâm ra, quý vị nầy sanh nghi hoặc, điều

đó không hay! Vì thế, hãy chọn lựa một thứ! Niệm một thứ kinh ấy cho đến khi tâm thanh tịnh, chúng tôi không nói đến khai ngộ, mà là niệm cho tới đắc Định. Nói “niệm cho tới đắc Định” chính là niệm đến mức nhất tâm bất loạn; mức độ thấp nhất là quý vị phải niệm đến mức công phu thành phiến. “Thành phiến” là gì? Đích xác là vọng tưởng chẳng có. Chưa thể hoàn toàn chẳng có, nhưng đã đạt đến mức rất u là ít, tức là đã đạt hiệu quả. Vừa niệm kinh vừa dấy vọng tưởng, thậm chí càng niệm kinh Phật, vọng tưởng càng nhiều, đó là phản hiệu quả (đạt hiệu quả trái ngược), tức là công phu của quý vị vẫn chưa đắc lực. Nói cách khác, quý vị niệm chẳng đúng pháp!

Quý vị thật sự niệm đúng pháp, càng niệm kinh, vọng tưởng nhất định càng ít, vọng tưởng càng ngày càng ít, tâm càng ngày càng thanh tịnh. Tâm thanh tịnh bèn sanh trí huệ, trí huệ ngày càng tăng tấn, sẽ có hiện tượng này. Đến khi đó, có thể đọc kinh điển nhiều hơn một chút, chẳng ràng buộc trong một môn nữa! Thông thường, đối với một bộ kinh, cổ đức phải niệm từ ba năm đến năm năm, niệm lâu như thế, dụng ý ở chỗ nào? Tâm đã định, trong ba năm hoặc năm năm chẳng mong xem bộ kinh thứ hai, tâm bèn định. Định có thể sanh huệ, trong kinh, đức Phật đã dạy: “*Chế tâm nhất xứ, vô sự bất biện*” (chế ngự cái tâm ở một chỗ, không chuyện gì chẳng hoàn thành). Năm năm ấy nhằm không chế cái tâm một chỗ, “*một chỗ*” tức là Định, hết thầy chuyện thế gian và xuất thế gian hề tiếp xúc quý vị bèn hiểu rõ, chẳng xử trí công việc sai lầm, [bởi lẽ] quý vị có công phu Thiền Định, cũng có thể nói là quý vị có trí huệ. Có thể thấy Phật pháp huấn luyện con người, đích xác là có phương tiện thiện xảo. Nếu chúng ta hiểu rõ, tiếp nhận, quý vị sẽ tự nhiên đạt được lợi ích ấy.

Nếu quý vị chẳng tin tưởng, cứ vận dụng các phương pháp khoa học hiện đại của người Tây phương, sẽ rất tệ hại! Nếu quý vị sang ngoại quốc ở lâu một chút, sẽ hiểu nền giáo dục của Tây phương dạy dỗ con người ngày càng ngu độn! [Đương nhiên là] có những kẻ thông minh, nhưng số người thiên tài cực ít, đại khái chín mươi phần trăm đều rất ngu độn. Khi chúng tôi ở chung với họ, đích xác là thấy họ rất đáng thương, thua các đồng bào Đài Loan quá xa. Người ngu nhất của Đài Loan tới chỗ họ sẽ là thông minh nhất. Vì thế, học trò con em Hoa Kiều hề thi cử luôn giành mấy vị trí đầu, người ngoại quốc trông thấy cũng đổ con mắt, bội phục khôn cùng, nhưng mấy đứa học trò đứng đầu ấy, [kể cả] đứa học trò đỗ thủ khoa, hề thi vào trường Đài Loan bèn chẳng đậu. Thật đấy! Chẳng theo kịp trình độ [của học sinh] Đài Loan. Nếu chọn lấy phương pháp này của Phật pháp, con người chúng ta sẽ thông minh hơn, càng có trí huệ hơn,

càng lỗi lạc hơn. Người chẳng học Phật pháp sẽ không biết, đã học Phật pháp thì quý vị chẳng ngại gì mà không thử xem: Quý vị có thể chế tâm nhất xứ, đọc một bộ kinh trong ba năm hoặc năm năm, sẽ thấy trí huệ tăng trưởng hay không? Ba năm sau sẽ hoàn toàn là một người khác hẳn.

Đây là nói tới chuyện “*thế giới Tây Phương dùng hương và quang minh làm Phật sự*”. Vì thế, chúng tôi mở rộng, dùng phương pháp này để hoằng dương rộng rãi “*hương quang*” của Phật pháp, thật sự y giáo tu hành, thật sự hoằng dương pháp môn này, đó là quang minh của Phật! Nhất là hiện thời chúng ta đã in xong Ngũ Kinh Độc Bản, hy vọng có thể lưu thông với một số lượng lớn. Đó là “*hương quang trang nghiêm*” của A Di Đà Phật. Xét theo thực tại, cũng là Tam Bảo gia trì, là một hiện tượng hết sức đáng mừng. Tiếp theo đây là một câu kinh văn để tổng kết:

(Kinh) Thị cố bỉ quốc danh vi Cực Lạc.

(Sớ) Kết tiền lệ hậu.

(Sao) Kết tiền giả, diêu thứ lan, võng, hàng thụ, thanh tịnh trang nghiêm, sở dĩ trân vực biệt u nê sa.

(經) 是故彼國名為極樂。

(疏) 結前例後。

(鈔) 結前者，繇此欄網行樹，清淨莊嚴，所以珍域別於泥沙。

(Kinh:) Vì vậy, cõi ấy gọi là Cực Lạc.

Sớ: Kết phần trước, các phần sau phỏng theo lệ này.

Sao: “*Kết phần trước*”, do lan can, lưới, hàng cây thanh tịnh trang nghiêm, nên cõi quý báu khác với cõi bùn cát).

“*Trân vực*” (珍域) là nói Tây Phương Cực Lạc thế giới, cõi ấy toàn là trân bảo hiển hiện, khác hẳn thế giới này. Thế giới này của chúng ta khắp nơi là bùn cát. Đất của người ta là bầy báu, còn chúng ta chỗ nào cũng là bùn, cát.

(Sao) Quỳnh thụ dị u kinh cức.

(鈔) 瓊樹異於荊棘。

(Sao:) Cây quỳnh khác với gai góc).

Chôn núi hoang ở chỗ chúng ta toàn là gai góc, hễ vô ý, thân thể sẽ thường bị thương. Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng có [gai góc], đều

là cây báu, ngửi toàn mùi hương báu, cảnh giới được tiếp xúc bởi sáu căn đều khiến cho thân tâm quý vị thanh tịnh. Vì thế, đừng nói là thấy A Di Đà Phật, [chỉ cần] thấy Tây Phương Cực Lạc thế giới bèn kiến tánh, vì sao? Tất cả đều do Pháp Tánh biến hiện.

Buổi chiều hôm nay có hai vị tỳ-kheo-ni xuất gia đến gặp tôi, họ từ núi Dương Minh đến thỉnh giáo tôi. Họ tu Thiên, tôi nói: “Mục đích của quý vị là gì?” Họ muốn minh tâm kiến tánh. Tôi thật thà bảo họ: “Tôi thấy quý vị chẳng thể nào [đạt được mục đích ấy] trong một đời này”. Tôi nêu một thí dụ, bảo: “Tham Thiên minh tâm kiến tánh thì đúng là trong ức vạn người mới có một người, quý vị có giống như vậy hay không?” Chúng ta biết thời cận đại kể từ sau lão hòa thượng Hư Vân trở đi, chẳng nghe nói có một người nào kiến tánh, có thể thấy chuyện này rất khó! Các cô ấy muốn nghe băng ghi âm [lời giảng] kinh Viên Giác và kinh Lăng Nghiêm của tôi, tôi khuyên họ không cần nghe, cần gì phải lãng phí thời gian! Tôi nói câu nào cũng thật thà. [Tu Thiên mong thành tựu trong một đời] là điều chẳng thể có, chẳng thể làm được! Tôi nói: “Quý vị gặp một vị thầy giỏi nhất, gặp Thiên Tông Lục Tổ Huệ Năng đại sư, quý vị vẫn chẳng thể kiến tánh! Vì sao? Thuở ấy, trong hội của Huệ Năng đại sư, theo Ngài tham Thiên có tới mấy vạn người, bao nhiêu người kiến tánh? Bốn mươi ba người! Thuở ấy, Ngài giáo hóa suốt ba mươi bảy năm tại Tào Khê, mấy vạn người theo học với Ngài, bốn mươi ba người thành tựu, đó là một chuyện thù thắng nhất trong lịch sử Trung Quốc. Trong hội của những vị tổ sư đại đức khác, suốt đời chỉ có một, hai người thành tựu là đã ghê gớm lắm rồi. Ngũ Tổ giáo hóa tại Hoàng Mai cũng là trọn đời, có mấy người kiến tánh? Chỉ có một mình Huệ Năng đại sư, ngài Thần Tú vẫn chưa kiến tánh. Đạo tràng của Tổ mấy ngàn người, [mà chỉ có] một [người thành tựu]! Do vậy, chẳng dễ dàng! Đi theo con đường này rất ư là khó! Chính quý vị phải thật sự suy nghĩ, [bản thân quý vị] có thể chịu đựng [gian khổ trên con đường ấy] hay không? Quý vị còn phải gặp được bậc cao thủ hay thiện tri thức thật sự. Quý vị chẳng gặp thiện tri thức, [mà gặp phải] “*kẻ đui dẫn đưa mù*”, há có thể thành tựu được ư?

Nói đến chuyện niệm Phật vãng sanh, chúng tôi ở Đài Loan bốn mươi năm qua, biết xác thực người niệm Phật biết trước lúc mất, vãng sanh có thụ tướng gần như ba bốn trăm người, nơi này được gọi là “*bảo đảo*” (đảo báu) là có nguyên nhân. Quý vị thấy nơi nào trên thế giới, trong vòng bốn mươi năm có nhiều người vãng sanh như thế? Chẳng có! Đối với Mật Tông, quý vị thấy trong bài giảng Hoa Nghiêm Niệm Phật Tam Muội Luận, lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ đã giảng Thật Tướng Niệm Phật rất

rõ ràng, minh bạch. Điều khó nói nhất là khi nhắc đến chuyện học Mật tại Đại Lục, trong mười ức người học Mật tại Đại Lục, học Mật suốt bốn mươi năm, chỉ có sáu người thành tựu! Chưa được một người trong một ức người nữa! Quý vị thấy đó, khó lắm! Vì thế, cụ không truyền Mật mà cực lực hoằng dương Tịnh Độ.

Tại Đại Lục, niệm Phật vãng sanh biết trước lúc mất cũng có không ít [trường hợp], nhưng chẳng nhiều như tại Đài Loan; người của họ đông hơn chúng ta rất nhiều, nhưng vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng nhiều lắm. Vì thế, trong thời đại này, xét theo số người vãng sanh thì Đài Loan chiếm tỷ lệ cao nhất, thù thắng lắm! Cho tới hiện thời, có thể nói là Tịnh Độ giáo từ Đài Loan truyền ra khắp thế giới, các sách vở [Tịnh Độ] hoàn chỉnh nhất thấy đều có đủ tại Đài Loan. Người Đài Loan có phước báo chẳng phải là ngẫu nhiên. Chúng ta biết chính mình có phước, vẫn phải nỗ lực gieo phước, hy vọng phước báo ấy tăng trưởng, đó là Tam Bảo gia trì, long thiên gia hộ. Đương nhiên là trong xã hội này có kẻ tạo ác nghiệp, nhưng người thật sự tích lũy công đức cũng có, cho nên thế gian này mới có thể tồn tại ổn định. Nếu ở nơi đây chẳng có ai tích công lũy đức, tương lai của nơi chốn này sẽ chẳng thể nào tưởng tượng được! Tại Đại Lục vẫn có một ít người thật sự tu hành, nên còn được Phật, Bồ Tát hộ trì. Nếu ngay cả những người ấy đều chẳng có, thì sẽ kinh khủng lắm! Tình huống ấy đúng là chẳng thể nào tưởng tượng được! Trong tâm chúng ta đã hiểu rõ những chuyện này thì tốt, gặp những đồng tham đạo hữu chân chánh hãy khuyên lơn, khuyến khích họ. Tuy nghiệp báo có cộng nghiệp và biệt nghiệp, nhưng biệt nghiệp của chúng ta có thể ảnh hưởng cộng nghiệp, nhất là lắm người học Phật, nhiều bậc chân tu, chắc chắn sẽ ảnh hưởng cộng nghiệp. Đây là tỷ dụ hai thế giới chẳng giống nhau.

(Sao) Vô nhất thiết khổ, hữu nhất thiết lạc, danh Cực Lạc dã.

(鈔) 無一切苦，有一切樂，名極樂也。

(Sao: Chẳng có hết thấy khổ, có hết thấy vui, nên gọi là Cực Lạc).

Đây là một nguyên do [khiến cõi ấy có tên gọi là] thế giới Cực Lạc. Không chỉ chẳng có khổ, mà ngay cả cái tên khổ nào cũng không có, huống là thật sự có? Đó là “kết tiền”.

(Sao) Lệ hậu giả, hậu văn công đức trang nghiêm hạ, tuy vô “danh vi Cực Lạc” chi cú, nghĩa tắc hữu chi. Thử trung “danh vi Cực

Lạc” hạ, tuy vô “công đức trang nghiêm” chi cú, nghĩa diệc hữu chi, văn hồ kiến dã.

(鈔) 例後者，後文功德莊嚴下，雖無名為極樂之句，義則有之。此中名為極樂下，雖無功德莊嚴之句，義亦有之，文互見也。

(Sao: “Lệ hậu” là trong phần kinh văn ở phía sau, sau câu “công đức trang nghiêm”, tuy chẳng có câu “tên là Cực Lạc”, nhưng xét theo ý nghĩa thì có. Trong đoạn này, sau câu “tên là Cực Lạc”, tuy chẳng có câu “công đức trang nghiêm” nhưng xét theo nghĩa thì vẫn có, do tham chiếu các đoạn kinh văn với nhau mà có thể thấy được).

Ý nghĩa này rất hay! Trong kinh văn của kinh Phật thường thấy tình hình này, câu văn giản lược, nhưng ý nghĩa vẫn hoàn chỉnh. Tuy kinh Di Đà văn tự ít, vẫn chẳng khác kinh Vô Lượng Thọ. Liên Trì đại sư gọi kinh Vô Lượng Thọ là Đại Bản, tức là nói rộng, chỉ có thể nói văn tự nhiều hay ít khác biệt, chứ ý nghĩa chẳng khác gì nhau! Không chỉ chẳng khác kinh Vô Lượng Thọ, mà thật ra, nghĩa lý của kinh Di Đà không chỉ bao trùm hết thấy các kinh do Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói trong bốn mươi chín năm, mà [nghĩa lý của các kinh ấy] đều chẳng thể vượt ra ngoài kinh A Di Đà. Thậm chí hết thấy các pháp do mười phương tam thế hết thấy chư Phật đã thuyết cho hết thấy chúng sanh đều chẳng vượt ra ngoài bộ kinh A Di Đà này. Kinh này chẳng thể nghĩ bàn! Không chỉ chẳng thể vượt thoát kinh A Di Đà, mà nói thật ra, chẳng thể vượt thoát một câu danh hiệu A Di Đà Phật.

Vì lẽ đó, quý vị chẳng thể vãng sanh thì thôi, chứ vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, thừa cùng quý vị, chính là kiến tánh thành Phật. Quý vị trông thấy cây cối, hoa cỏ trong thế giới Tây Phương bèn kiến tánh. Nhà Thiền thường nói: “*Minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật*”, nên vừa đến Tây Phương Cực Lạc thế giới bèn kiến tánh, bèn thành Phật, hay hơn tham Thiền nhiều lắm, vừa nhanh chóng, mà lại còn ổn thỏa, thích đáng. Do vậy, các bậc đại đức Thiền Tông sau khi giác ngộ bèn vội vã niệm Phật. Vĩnh Minh Diên Thọ đại sư đã nêu gương, sau khi Ngài đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh trong Thiền Tông, bèn quay về chuyên niệm A Di Đà Phật, chuyên hoằng dương A Di Đà Phật, trở thành tổ sư đời thứ sáu của Tịnh Độ Tông.

Quý vị phải thật sự hiểu rõ, phải minh bạch, nguyên lai niệm một câu A Di Đà Phật chẳng khác gì tham Thiền. Trong Tịnh Tu Tiếp Yếu, cư

sĩ Hạ Liên Cư đã nói rõ ràng, không chỉ một câu A Di Đà Phật là Thiên, mà câu A Di Đà Phật còn là vô thượng Mật chú. Bởi lẽ đó, niệm câu A Di Đà Phật thì Thiên lẫn Mật đều cùng tu, mà Giáo cũng tu, tất cả hết thầy các pháp môn đều cùng tu, chẳng sót một pháp môn nào. Quý vị tu pháp môn khác bèn là “chọn một, sót cả vạn”, pháp môn này mọi thứ đều bao gồm. Nói thật ra, trong lời khai thị về niệm Phật, Ngẫu Ích đại sư đã giảng rất rõ ràng, chúng ta nhất định phải tin tưởng, người tin tưởng là người có phước.

(Sớ) Xưng Lý.

(疏) 稱理。

(Sớ: Xưng Lý).

Xưng Lý chính là kiến tánh. Sau mỗi phần chú giải một đoạn kinh văn, sách Sớ Sao đều giảng về kiến tánh, đó là nỗi khổ tâm của Liên Trì đại sư. Vì thuở lão nhân gia tại thế, thuở đó, phong khí nhà Thiên vô cùng hưng thịnh, Ngài đề xướng Tịnh Độ chẳng dễ dàng, bị kẻ khác bài xích, đả kích. Vì thế, trong Sớ Sao, chỗ nào cũng trích dẫn kinh Hoa Nghiêm hoặc trích dẫn [các lời lẽ của] Tông Môn để giải thích, khiến cho mọi người thật sự giác ngộ: Pháp môn Niệm Phật chẳng khác Hoa Nghiêm và Pháp Hoa. Mọi người công nhận Hoa Nghiêm và Pháp Hoa là Nhất Thừa Viên Giáo, [niệm Phật] chẳng khác gì tham Thiên! Nói thật ra, không chỉ chẳng khác, mà còn thù thắng hơn, vì phải là người có căn tánh đặc thù thì mới có thể học pháp môn Thiên, chẳng phải là kẻ bình phàm mà toan học được! Pháp môn [Tịnh Độ] này bất cứ ai cũng đều có thể học, thành tựu trọn chẳng kém Tông Môn và Giáo Hạ, cho nên thật sự là “*thỏa thích bản hoài độ sanh của chư Phật*”.

(Sớ) Xưng Lý, tác tự tánh vạn đức tung hoành, thị lan thuần nghĩa. Tự tánh bao la pháp giới, thị bảo võng nghĩa. Tự tánh trường dưỡng chúng thiện, thị hàng thụ nghĩa.

(疏) 稱理，則自性萬德縱橫，是欄楯義。自性包羅法界，是寶網義。自性長養眾善，是行樹義。

(Sớ: Xưng Lý thì tự tánh vạn đức tung hoành là ý nghĩa của “lan can”. Tự tánh bao la pháp giới là ý nghĩa “lưới báu”. Tự tánh trường dưỡng các điều lành là ý nghĩa “hàng cây”).

Thật ra, những đoạn văn chương này đều từ kinh Hoa Nghiêm biến hiện, toàn là nói tới cảnh giới Hoa Nghiêm. Kinh Hoa Nghiêm chỗ nào cũng nhấn mạnh sự biểu thị pháp. Thấy lan can (lan thuẩn) chính là “*tự tánh vạn đức tung hoành*”. Đọc (tung) là Thuẩn, ngang (hoành) là Lan, phải hiểu ý nghĩa này! Vì chúng là do đức năng của tự tánh biến hiện, nên Lan Thuẩn là Tánh Đức. Trông thấy Lan Thuẩn bèn kiến tánh. La võng là “*tự tánh bao la pháp giới*”. Lưới mảnh ấy chẳng giống những thứ bện bằng sợi dây đồng trong thế gian này, lưới mảnh của họ dùng Lân Đà (lông chim Ca Chiên Lân Đà), trân bảo, hoặc anh lạc kết thành. Những thứ ấy kết thành lưới báu cũng do Tánh Đức biến hiện. “*Hàng thụ*”: Cây báu xếp thành từng hàng một chỉnh tề, đó là “*tự tánh trường dưỡng chúng thiện*”. Cây mọc trên mặt đất, dần dần to lớn, tươi tốt, đơm hoa, kết quả, nên có ý nghĩa “*trường dưỡng*”.

Ở đây, hợp với Đại Kinh để xem, chúng ta mới liễu giải hình tướng của thế giới Cực Lạc: Hết thấy các pháp trong thế giới Cực Lạc, bất luận là hết thấy các pháp hữu tình hay vô tình, thừa cùng quý vị, bất sanh, bất diệt, chẳng có tăng trưởng dần dần. Chúng ta sanh sang đó, khi tướng ấy được hiện [như thế nào, dầu sau bao nhiêu năm tháng] vẫn là y hết như vậy. Nếu phải có [hình tướng] giống như đứa trẻ dần dần trưởng thành thì thừa cùng quý vị, đó là có sanh, trụ, dị, diệt, có sanh, lão, bệnh, tử. Vì thế, hễ sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, hình tướng giống hết A Di Đà Phật, bất sanh, bất diệt, mà cũng vĩnh viễn chẳng bị già yếu. Hết thấy vật chất trong Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng giống như ở nơi đây: Xuân sanh khởi, Hạ tăng trưởng, Thu thu hoạch, Đông thu tàng. Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng có [những hiện tượng ấy], khí hậu chẳng biến hóa, vĩnh viễn trường xuân, nó là một thế giới như thế đó. Quý vị đừng nghĩ là chúng ta đến hóa sanh trong hoa sen, đại khái hiện thời là một đứa bé, từ từ trưởng thành, [nếu là] như vậy, tức là có sanh diệt. Thế giới ấy vô cùng kỳ diệu!

Hơn nữa, ai nấy đều là vô lượng thọ, sự vô lượng thọ này là vô lượng thọ thật sự, tuyệt đối chẳng phải là vô lượng trong hữu lượng. Từ kinh Vô Lượng Thọ, chúng ta đọc thấy đó là vô lượng thật sự, chẳng giống các thế giới ở phương khác. Trong các thế giới ở phương khác, tuy nói là con người thọ vô lượng, nhưng đó là vô lượng trong hữu lượng. Chúng ta phải hiểu rõ những điều này.

(Sao) Tung hoành giả, Lục Độ vạn hạnh, bất ly tự tánh. Như tự tánh bản vô xen tham, thị danh bố thí, dĩ Thí vi tung. Thí vô nhiễm tâm,

tác hoành thành Giới Độ. Thí vô ngạo tâm, tác hoành thành Nhân Độ. Thí vô quỵên tâm, tác hoành thành Tấn Độ. Thiền Định, trí huệ, diệp phục như thí.

(鈔) 縱橫者，六度萬行，不離自性。如自性本無慳貪，是名布施，以施為縱，施無染心，則橫成戒度；施無傲心，則橫成忍度；施無倦心，則橫成進度。禪定智慧，亦復如是。

(Sao: “Tung hoành”: Lục Độ vạn hạnh chẳng lìa tự tánh. Như tự tánh vốn chẳng keo kiệt, tham lam, nên gọi là Bố Thí. Coi Thí là tung, bố thí mà tâm vô nhiễm thì hoành sẽ trở thành Giới Độ. Bố thí nhưng tâm chẳng ngạo mạn, hoành sẽ trở thành Nhân Độ. Bố thí tâm chẳng mệt mỏi, hoành sẽ trở thành Tấn Độ. Thiền Định, trí huệ cũng giống như thế).

Ý nghĩa này rất trọng yếu. Nói thật ra, nội dung của mỗi độ trong Lục Độ đều dung nhiếp năm độ kia, đó mới thật sự gọi là Ba La Mật Đa. Chẳng phải là nói Bố Thí chỉ có Bố Thí, trong Bố Thí chẳng có Trì Giới, Tinh Tấn, Nhân Nhục, Thiền Định, Bát Nhã. [Nếu như vậy thì] chỉ gọi là Bố Thí, chẳng thể gọi là Bố Thí Độ, không thể gọi là Bố Thí Ba La Mật. Nếu gọi là Bố Thí Ba La Mật, trong ấy nhất định nhiếp trọn vẹn năm độ kia. Bất cứ một độ nào cũng đều nhiếp năm độ khác, đây là Tánh Đức, chúng ta phải học tập điều này.

Trong lời giảng, đại sư đã dùng một pháp bố thí để giảng, trong Lục Độ nêu ra một độ. Bố thí có ba loại, gồm tài bố thí, pháp bố thí, và vô úy bố thí. Tôi nói cho các đồng tu biết: In kinh bố thí tức là ba thứ đồng thời trọn đủ. In kinh phải có tiền, đó là tài bố thí; kinh điển là pháp, tức pháp bố thí; người ta sau khi đọc sẽ phá mê khai ngộ, xa lìa hết thảy điên đảo, kinh sợ, đó là vô úy bố thí.

Bố thí “bất ly tự tánh” (chẳng lìa tự tánh). Trong tự tánh, một pháp chẳng lập, Lục Tổ nói “vốn chẳng có một vật nào”, cho nên nói “tự tánh bản vô xan tham”. Xan tham (tham lam, keo kiệt) là phiền não, phiền não ấy do đâu mà có? Từ trong vọng tưởng, chấp trước sanh ra, trong kinh Hoa Nghiêm, đức Phật đã nói căn bệnh này. Lìa khỏi vọng tưởng chấp trước, hết thảy các pháp đều chẳng có. Chẳng có xan tham thì mới gọi là Bố Thí Ba La Mật viên mãn rốt ráo.

Do vậy, khi chúng ta bố thí, Giáo Hạ nhấn mạnh “tam luân thể không”, chớ nên nghĩ có ta là người có thể bố thí, chớ nên nghĩ có người tiếp nhận sự bố thí của ta, chớ nên nghĩ đến những vật ta dùng để bố thí, đó là “tam luân thể không”. [Tam luân thể không thì] cái tâm bố thí của

ta mới thanh tịnh, mới chẳng có nhiễm ô. Tâm chẳng có nhiễm ô chính là giới luật, có nhiễm ô là ác, giới luật nhằm độ ác nghiệp. Trong tâm ta chẳng nhiễm, giới viên mãn, giới phẩm trọn đủ. Trong bố thí chẳng có kiêu căng, ngã mạn, cũng là đã tu Nhân Nhục Độ, cũng được bao gồm trong ấy. Trong bố thí chẳng có mệt mỏi, chán ngán, vĩnh viễn chẳng mệt mỏi, chán chường, thường hành bố thí, đó là Tinh Tấn. Khi bố thí, tâm chẳng loạn, chẳng tán loạn là Thiên Định. Khi bố thí, tâm quý vị chẳng mê, không ngu si, đó chính là Bát Nhã. Có thể thấy một độ nhiếp trọn vẹn sáu độ, sáu độ viên mãn ngay trong một độ, bất luận độ nào cũng đều là viên mãn Lục Độ. Thiên Định, trí huệ cũng đều là như thế.

(Sao) Dư chi ngũ độ, lệ thượng khả tri.

(鈔) 餘之五度，例上可知。

(Sao: Đối với năm độ còn lại, phỏng theo lệ trên đây sẽ biết).

Chẳng cần phải nói từng điều một. Tiếp theo đó là nói.

(Sao) Chúng diệu tất cụ, thị tức mỹ quan, chư vọng bất can, thị tức phòng tổn.

(鈔) 眾妙畢具，是即美觀，諸妄不干，是即防損。

(Sao: Các thứ mâu nhiệm ắt trọn đủ chính là “mỹ quan”, chẳng dính dáng đến các vọng chính là “ngăn ngừa tổn hoại”).

Lan can nhằm hai dụng ý: Tạo vẻ mỹ quan và phòng ngừa tổn hại. Nói xứng tánh, mỹ quan chính là “*chúng diệu tất cụ*”. Đây là nói đức năng xứng tánh, chẳng có gì không trọn đủ. Đúng như Lục Tổ đã nói: “*Nào ngờ tự tánh vốn trọn đủ*”. Trong tự tánh của quý vị chẳng thiếu thứ gì, thứ gì cũng đều chẳng thiếu khuyết. Do đó, y báo và chánh báo trang nghiêm trong Tây Phương Cực Lạc thế giới chính là Tánh Đức hiển hiện toàn thể. Chúng ta ai nấy đều có tự tánh, vì sao ngày nay Tánh Đức của chúng ta đều chẳng hiển hiện tự tại như trong Tây Phương Cực Lạc thế giới? Đó là vì bản thân chúng ta có chướng ngại, khiến cho Tánh Đức của chính mình bị chướng ngại, chẳng thấu lộ được! Kinh Phật thường nói chướng ngại gồm ba loại lớn, tức là Kiến Tư phiền não, Trần Sa phiền não, Vô Minh phiền não. Tam Chướng chướng ngại chúng ta, khiến cho chúng ta tuy có Tánh Đức giống hệt Như Lai, nhưng chẳng thể tỏ lộ, đây là chỗ chúng ta phải thật sự hổ thẹn. Vì sao các Ngài chẳng có chướng ngại, mà ta có chướng ngại? Nếu chướng ngại là thật thì cũng chẳng cần phải nói gì nữa,

có thể chấp nhận được! Nhưng chướng ngại chẳng phải là thật, chướng ngại chính là một niệm mê. Một niệm mê, nhưng quý vị vẫn không biết. Một niệm mê là gì? Lại bảo quý vị, một niệm phân biệt, một niệm chấp trước, quý vị hãy khéo hiểu điều này. Chính vì quý vị có một niệm chấp trước, một niệm phân biệt, nên Tánh Đức của quý vị không thể hiện tiền. Nếu trong hết thấy các pháp, quý vị rời khỏi phân biệt, chấp trước, Tánh Đức sẽ hiện tiền.

Ở chỗ này, nghe kinh phải biết nghe, đừng nghe hiểu sai ý nghĩa. “Chẳng phân biệt, chẳng chấp trước” là từ trong tâm của quý vị, bên ngoài thì như thế nào? Bên ngoài vẫn phải phân biệt, vẫn phải chấp trước. Nếu bên ngoài chẳng phân biệt, chẳng chấp trước, ngay lập tức quý vị biến thành ngây ngốc. Tôi hỏi quý vị “cái gì đây?” Không biết! Như vậy là biến thành ngây ngốc mất rồi! Trong tâm xác thực chẳng có phân biệt, chấp trước, còn bên ngoài thì sao? Quý vị phân biệt, ta thuận theo quý vị phân biệt. Quý vị chấp trước, ta thuận theo quý vị chấp trước, đó là “tùy duyên”. Bên trong thì sao? Bất biến! Bên trong quyết định chẳng phân biệt, chẳng chấp trước. Vì thế, chỗ khác nhau giữa phàm phu và Phật là phàm phu trong hay ngoài đều phân biệt, chấp trước; còn Phật, Bồ Tát trong tâm chẳng có phân biệt, chấp trước, nhưng bên ngoài tùy thuận chúng sanh phân biệt mà phân biệt, tùy thuận chúng sanh chấp trước mà chấp trước. Vì thế, các Ngài cũng giảng kinh, thuyết pháp! Nếu tùy thuộc chính các Ngài thì kinh cũng chẳng cần phải giảng, pháp cũng chẳng cần phải nói. Vì thế, các Ngài ngoài là “*hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức*”, bên trong là như như bất động, chân tâm thường trụ, Phật và chúng sanh khác nhau ở chỗ này. Đây là nói tới vẻ đẹp của Tánh Đức. “*Chư vọng bất can*” (chẳng dính dáng đến các vọng), một vọng niệm cũng chẳng khởi lên. Đó chính là ý nghĩa “*phòng chỉ tổn hoại*” (ngăn ngừa tổn hoại). Điều này cho thấy lan can là Tánh Đức.

(Sao) Bao la giả, tự tánh di mãn thanh tịnh, bao pháp giới cố.

(鈔) 包羅者，自性彌滿清淨，包法界故。

(Sao: “Bao la”: *Tự tánh tràn đầy thanh tịnh, bao trùm khắp pháp giới***).**

Đúng vậy! Tự tánh là chân tâm, chân tâm to cỡ nào? Rất lớn, chẳng có cách nào nói được, chẳng có cách nào tưởng tượng được! Trong kinh Lăng Nghiêm có một tỷ dụ rất hay. Đức Phật tỷ dụ cả thái hư như một áng mây, sánh ví tâm lượng của chúng ta như hư không, quý vị nói xem cái

nào lớn hơn? “*Tâm bao thái hư, lượng châu sa giới*” (tâm bao trùm hư không, lượng bằng các cõi nước nhiều như cát), đó là cái tâm vốn sẵn có của chúng ta. Nay quý vị suy nghĩ, sẽ thấy chúng ta đáng thương quá! Hai người ở chung với nhau bèn chẳng thể dung nạp nhau, đó là vọng tâm. Tâm gì vậy? Tâm phân biệt, tâm chấp trước. Nếu quý vị lìa khỏi hết thấy phân biệt, chấp trước, sẽ chính là “*tâm bao thái hư, lượng châu sa giới*”.

Tận hư không khắp pháp giới, ở nơi đâu? Ở ngay trong tâm chúng ta, Phật pháp thường nói: “*Ngoài tâm chẳng có pháp, ngoài pháp chẳng có tâm*”, hết thấy các pháp đều ở trong tự tâm. Vì thế, chẳng có gần hay xa, mười vạn ức cõi Phật thắm vào đâu? Trong một niệm bèn đến được, vì sao? Chẳng hề rời khỏi, chẳng phải là ở ngoài tâm, mà ở ngay trong tâm của chính mình. Tâm nghĩ như thế nào bèn đến ngay [nơi đó]. Nghĩ muốn sang Tây Phương Cực Lạc thế giới, bèn đến ngay Tây Phương Cực Lạc thế giới. Nghĩ muốn tới thế giới Lưu Ly [của Phật Dược Sư], bèn tới ngay thế giới Lưu Ly. Nghĩ tới cõi nước của một vị Phật nào, bèn tới ngay cõi nước của vị Phật ấy. Do vậy, tận hư không khắp pháp giới, trong một niệm, không chỉ là đến từng cõi một, mà là đồng thời đều đến, chẳng rời khỏi tự tánh, đây là chân tướng sự thật. Đó là cảnh giới Hoa Nghiêm, mà cũng là cảnh giới được nói trong kinh này.

(Sao) Trưởng dưỡng chúng thiện giả, như Hoa Nghiêm Ly Thế Gian Phẩm vân: “Bồ Tát diệu pháp thụ, sanh w trực tâm địa, tín chủng từ bi căn, trí huệ dĩ vi thân, phương tiện vi chi cán, ngũ độ vi phồn mật, định diệp, thần thông hoa, Nhất Thiết Trí vi quả”.

(鈔) 長養眾善者，如華嚴離世間品云：菩薩妙法樹，生於直心地，信種慈悲根，智慧以為身，方便為枝幹，五度為繁密，定葉神通華，一切智為果。

(Sao: “Trưởng dưỡng các thiện căn”): Như phẩm Ly Thế Gian trong kinh Hoa Nghiêm đã nói: “*Cây diệu pháp Bồ Tát, mọc nơi đất trực tâm, tín: hạt; từ bi: gốc. Lấy trí huệ làm thân, phương tiện làm cành nhánh, năm độ làm sự xum xuê, lá Định, hoa thần thông, Nhất Thiết Trí làm quả*”).

Đây là mấy câu trong kinh Hoa Nghiêm. Thanh Lương đại sư giải thích vô cùng tinh tường, gọn ghẽ: Đó là cảnh giới của thế giới Hoa Tạng, là Nhất Chân pháp giới, là cảnh giới trong thế giới Cực Lạc. Nay chúng ta là phàm phu sát đất, nếu hiểu rõ cảnh giới này, đối với cảnh quan trước mắt, khi sáu căn tiếp xúc cảnh giới bèn có thể quán như thế, sẽ có ích rất

lớn cho chúng ta, vì sao? Có thể khai phát công đức trong tự tánh. Đồng thời chúng ta cũng hiểu rõ những thứ trong thế giới Tây Phương do đâu mà có? Hiện thời mọi người đều nói đến khoa học, truy xét nguồn cội, thế giới này do đâu mà có? Hết thấy vạn vật do đâu mà có? Truy cứu cách nào cũng chẳng tìm được căn bản, cũng chẳng tìm được cội nguồn của nó. Cội nguồn thật sự của nó ở [được ghi] trong kinh Hoa Nghiêm [đều do tâm] biến hiện ra. Cảnh giới thù thắng của Phật, Bồ Tát từ tâm thanh tịnh biến hiện, còn thế giới Sa Bà của chúng ta từ tâm nhiễm ô biến hiện. Vì thế, kinh thường dạy “*y báo chuyển theo chánh báo*”.

Nay chúng ta sống trong thế gian này, hết thấy ô nhiễm, khắp nơi là tạp loạn, đó là vì tâm của chính chúng ta chẳng thanh tịnh, “*tâm tịnh, ắt cõi tịnh*”, mọi người chẳng biết điều này. Người thế gian chẳng hiểu cội nguồn thật sự của căn bệnh ấy ở chỗ nào? Cội nguồn thật sự ở trong tâm của hết thấy chúng sanh. Xác thực là người trong thế hệ này của chúng ta thua kém thế hệ trước rất nhiều! Chúng ta đọc cô thư thấy cô nhân tuy sự thấy nghe và kiến thức trong một đời chẳng rộng rãi, nhưng cuộc sống của họ gần như luôn là “*tình thơ, ý họa*”. Văn học, thi ca đều là những tác phẩm tả thực, toàn là mô tả đúng sự thật cuộc sống của người thời ấy. Cuộc sống trước kia đẹp lắm, cuộc sống trong thời đại hiện tại rất đáng thương. Người hiểu Phật pháp sẽ biết rõ vì sao cuộc sống của người thời ấy tốt đẹp ngàn ấy? Tâm thanh tịnh! Vì lẽ đó, cô đức nói: “*Tri sự thiếu thời, phiền não thiếu*” (khi biết ít chuyện thì cũng ít phiền não). Quý vị đừng nên biết quá nhiều chuyện, biết nhiều sẽ lắm phiền não! “*Thức nhân đa xử, thị phi đa*” (biết nhiều người, thị phi càng lắm). Quý vị quen biết nhiều người, thị phi sẽ nhiều. Người chẳng bắt buộc phải quen biết thì chẳng cần thiết, [biết họ] vô ích! [Như vậy thì] mới có thể thường giữ gìn cái tâm thanh tịnh của quý vị. Nay quý vị thật sự muốn gìn giữ cái tâm thanh tịnh, nói cách khác, quý vị đừng coi TV, đừng nên nghe radio, đừng đọc báo chí, tâm bèn thanh tịnh. Suốt ngày hôm nay, chuyện gì cũng đều chẳng có, thiên hạ thái bình, tâm rất thanh tịnh, rất tự tại. Hễ quý vị xem những thứ ấy, [sẽ thấy] thế giới này rất loạn, rất dơ bẩn, phân biệt, chấp trước, vọng tưởng thấy đều dấy lên. Trong có phiền não, bên ngoài là duyên, những thứ ấy đều là duyên, những duyên ấy lôi kéo, dẫn dụ phiền não bên trong, trong lẫn ngoài thấy đều loạn.

Do vậy, người học Phật, niệm Phật đích xác là chẳng dễ gì thành tựu, vì sao niệm nhiều năm ngàn ấy, vẫn chưa thể đạt đến công phu thành phiền? Khoan nói tới nhất tâm bất loạn! Nếu quý vị truy tìm nguyên nhân, [sẽ thấy] chính là do quý vị biết quá nhiều chuyện, quen biết quá nhiều

người, nên quý vị niệm Phật chẳng có cách nào niệm đến mức công phu thành phỉến, chẳng có cách nào niệm đến mức nhất tâm bất loạn, đạo lý ở ngay chỗ này. Quý vị mới biết phạm vi hoạt động của chúng ta càng nhỏ sẽ càng thanh tịnh, mới thật sự có thể đạt đến mục tiêu vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới trong lý tưởng của chúng ta.

“*Bồ Tát diệu pháp thu, sanh u trực tâm địa*” (cây diệu pháp Bồ Tát, sanh nơi đất trực tâm), đó là nói rõ trong Tịnh Độ của Phật, Bồ Tát, những thứ ấy do đâu mà có? Mọi người phải biết: Hễ là người vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, thấy đều là Bồ Tát, bốn mươi tám nguyện trong kinh Vô Lượng Thọ đã nói [như thế]. Tuy kinh nói [trong cõi Cực Lạc] có A La Hán, có trời, có người, nhưng phần sau kinh Vô Lượng Thọ đã nói rõ ràng, minh bạch: Đó là nói theo các thế giới ở phương khác, trọn chẳng phải là thật! Cổ đức chú giải đã có hai cách giảng: Một là thuận theo phẩm số đoạn Hoặc trong các thế giới ở phương khác [mà nói là trời, người hay A La Hán], chứ họ đều là Bồ Tát. Cũng có nghĩa là năm mươi một cấp bậc từ địa vị Sơ Tín Bồ Tát cho đến Đẳng Giác Bồ Tát là phân chia theo phương diện đoạn Hoặc. Thí dụ như đối với Kiến Tư phỉến nào, địa vị Sơ Tín đoạn Kiến Hoặc, phải đạt đến địa vị Thất Tín Bồ Tát mới đoạn sạch Tư Hoặc. A La Hán được nói trong thế giới Cực Lạc ngang bằng với Bồ Tát thuộc địa vị Thất Tín trong các thế giới phương khác. Nói “thiên nhân” thì bằng với thiên nhân chưa đoạn Kiến Tư Hoặc trong các thế giới phương khác. Đây là một cách giảng. Do vậy, Tây Phương Cực Lạc thế giới không chỉ chẳng có tam ác đạo, mà tam thiện đạo cũng chẳng có, chẳng có lục đạo luân hồi, là thế giới thuần nhất Bồ Tát, lại còn là thế giới của Phổ Hiền Bồ Tát.

Những cây báu ấy do đâu mà có? Sanh từ trực tâm của Bồ Tát. Đến bên ấy, mỗi người đều là “*trực tâm chánh niệm Chân Như*”, luận Đại Thừa Khởi Tín nói như vậy. Trực tâm chánh niệm Chân Như thì cách niệm như thế nào? Nay chúng ta là nhất tâm, nhất tâm là trong tâm chắc chắn chẳng có vọng niệm nào. Ta niệm một câu “*Nam-mô A Di Đà Phật*”, đó là trực tâm chánh niệm Chân Như. Cách nói trong các tông khác rất khó thực hiện, rất khó khăn, Tịnh Độ Tông dễ dàng, đúng là “*đạo dễ hành*”. Cổ đức đã giảng rất rõ ràng, tâm năng niệm là Thi Giác, một câu Phật hiệu được niệm là Bồn Giác. Khi niệm Phật, Thi Giác hợp với Bồn Giác, đó là đạt đến Cứu Cánh Giác. Chúng ta dùng câu nói ấy của cổ đức để giải thích câu “*trực tâm chánh niệm Chân Như*” như luận Khởi Tín đã nói. Chúng ta nhất tâm chấp trì danh hiệu bèn trực tâm chánh niệm Chân Như, đó là Thi Giác hợp với Bồn Giác. Thừa cùng quý vị, đó là Thượng

Thượng Thiên trong Thiên Tông, là đại viên mãn trong Mật Tông. Các pháp môn bình thường chẳng thể sánh bằng pháp môn này. Vì thế, pháp môn này thù thắng, chẳng phải là thiện căn, phước đức chân thật thì sẽ chẳng gặp được, thật đấy! Do đó, những cây ấy “*sinh nơi trực tâm*”.

“*Tín chủng, từ bi căn*” (Tín là hạt giống, từ bi là rễ), Chủng (種) là chủng tử (種子: hạt giống), chủng tử là gì? Là Tín. Tín là căn bản, đặc biệt là pháp môn này. Không chỉ riêng pháp môn này, mà các pháp môn Đại Thừa đều lấy Tín làm điều kiện bậc nhất. Kinh Hoa Nghiêm bảo: “*Tín vi đạo nguyên, công đức mẫu*” (tín là nguồn đạo, mẹ công đức), là nguồn của đạo, nguồn cội, là mẹ công đức, “mẹ” có nghĩa là “có thể sanh ra”. Vì thế, Tín là chủng tử, Từ Bi là rễ.

Nếu chẳng có từ bi, đâu có thần thông, có tam-muội, thừa cùng quý vị, đều là ma. Quý vị phải phân biệt gì là ma, gì là Phật! Hiện thời trong thế gian này, rất nhiều kẻ có thần thông. Ở Trung Quốc lẫn ngoại quốc, [có lắm kẻ] trên thân tỏa ánh sáng, [thân hình lơ lửng trên không] cách mặt đất ba thước, chẳng phải là giả, xác thực là có những chuyện ấy; nhưng họ chẳng có lòng từ bi, nên chẳng phải là Phật. Phật, Bồ Tát niệm niệm lợi ích hết thảy chúng sanh, quyết chẳng dối gạt hết thảy chúng sanh. Yêu ma quỷ quái chẳng lợi ích chúng sanh, chúng chỉ tạo lợi ích cho những đối tượng đặc thù. Nói thật ra, những đối tượng đặc thù ấy chính là công cụ của bọn chúng! Chúng muốn lợi dụng quý vị, hễ lợi dụng quý vị được, bèn ban cho quý vị một chút lợi ích, đến ngày nào chẳng dùng được nữa, chúng sẽ vứt bỏ quý vị, kinh Lăng Nghiêm đã dạy như thế. Chư vị phải hiểu: [Những kẻ thích] hiện thần thông, hiện những chuyện kỳ quái, toàn là do yêu ma quỷ quái dựa thân, chẳng phải là năng lực của chính họ. Họ thích gạt gẫm người khác, ma bèn lợi dụng họ, họ lợi dụng ma, đôi bên lợi dụng lẫn nhau. Lợi dụng xong xuôi, ma bỏ đi, kẻ ấy mất sạch tất cả năng lực. Bởi lẽ, năng lực ấy đâu phải do kẻ đó tu được! Phật, Bồ Tát có tâm từ bi, chắc chắn chẳng hại người.

“*Trí huệ dĩ vi thân, phương tiện vi chi căn*” (lấy trí huệ làm thân, phương tiện làm cành nhánh), trí huệ là Căn Bản Trí. Kinh Bát Nhã nói “*Bát Nhã vô tri*”, vô tri là Căn Bản Trí, khi nó khởi tác dụng bèn gọi là Hậu Đắc Trí, “*không gì chẳng biết*”. Phải đến khi nào chúng ta mới là không gì chẳng biết? Đến [khi nào] hết thảy vô tri thì mới không gì chẳng biết. Nay chúng ta dốc hết tánh mạng “cầu tri” (cầu hiểu biết), “cầu tri” chính là đóng bít cửa trí huệ, nên quý vị mới có những điều chẳng biết. Những thứ quý vị chẳng biết quá nhiều, vĩnh viễn học chẳng hết. Nếu quý vị mong thật sự chứng đắc Nhất Thiết Trí, bèn có một phương pháp: Trước

hết, hãy học vô tri, sau khi đã vô tri, bèn khởi tác dụng không gì chẳng biết, thật đấy! Vì sao? Bỏ tánh hiển lộ. Vì hết thấy các pháp do tự tánh biến hiện, há chẳng biết đến đạo lý này?

Tận hư không khắp pháp giới, quá khứ, hiện tại, tương lai, không gì chẳng biết, không gì chẳng thể, đó là bản năng (năng lực sẵn có) của chúng ta, phải biết điều này, lẽ ra quý vị phải có, nhưng nay chúng ta đánh mất năng lực ấy, “đánh mất” là mê mất. Nếu chúng ta chẳng mê, hễ giác ngộ bèn ngay lập tức khôi phục năng lực ấy. Vì thế, chẳng phải là thật sự đánh mất, vì tự tánh vốn trọn đủ, vĩnh viễn chẳng bị đánh mất, chỉ là nhất thời mê, do mê nên chẳng khởi tác dụng. Quý vị thấy cái thân này, thân là chủ, dạy cho chúng ta Bát Nhã, “*phương tiện làm cành nhánh*”, tức là phương tiện khởi tác dụng.

“*Ngũ độ vi phôn mật*”, những điều như trí huệ và phương tiện trong phần trước đều là Bát Nhã. “*Trí huệ*” là Căn Bản Trí, “*phương tiện*” là Hậu Đắc Trí. Khởi tác dụng chính là năm độ trước đó: Bồ Thí, Trì Giới, Nhẫn Nhục, Tinh Tấn, Thiền Định. Trong cuộc sống hằng ngày, chúng ta xử sự, đãi người, tiếp vật, đều phải học những điều này. Quý vị thường dùng những điều này để nhắc nhở chính mình, nay chúng ta gọi là “nhắc nhở”, trong Phật môn gọi là “quán chiếu”, cuộc sống của quý vị sẽ là cuộc sống của Bồ Tát, từ phàm phu biến thành Bồ Tát. Cuộc sống đích xác chẳng khác biệt, nhưng trong hình thái ý thức bèn khác hẳn. Vì thế, trong cuộc sống, quý vị có chân lạc, vì sao? Quý vị chẳng mê, phá mê, khai ngộ, lìa khổ được vui. Mê đã phá, khổ chẳng còn, hễ giác ngộ bèn có lạc. Phá mê khai ngộ, ly khổ đắc lạc, đó là chân lạc. Niềm chân lạc đó giống như sự cực lạc trong thế giới Cực Lạc, chân lạc mà! Đối với hết thấy các pháp thế gian và xuất thế gian, quý vị chẳng có gì không thông đạt, chẳng có gì không hiểu rõ!

“*Định diệp, thân thông hoa*”: Cây có lá, lá là Định, hoa là thân thông. “*Thông*” (通) là thông đạt vô ngại, “*thần*” (神) là thần kỳ chẳng lường được, vượt xa kiến thức thông thường của kẻ bình phàm. “*Nhất Thiết Trí vi quả*”: Quả là quả báo, tức Vô Thượng Bồ Đề. Do vậy, quý vị hiểu những vật chất ấy do đâu mà có, ở đây là lấy một cái cây để nói. Vì sao quý vị trông thấy cây, chạm đến bóng cây, ngửi mùi thơm của cây, nếm quả của cây, quý vị đều có thể khai ngộ, đều có thể minh tâm kiến tánh, điều này có đạo lý đấy nhé!

Chúng ta chẳng học Phật pháp, đích xác là chẳng biết hết thấy vạn vật do đâu mà có. Thật sự học thông đạt Phật pháp, to như thế giới, bé như vi trần, đều biết chúng do đâu mà có, biết chúng có như thế nào, biết tướng

chân thật của chúng thì mới thật sự đạt được tự tại. Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng tôi giảng tới chỗ này!

Tập 138

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang hai trăm chín mươi chín.

(Sao) Hựu Tịnh Danh Phật Đạo Phẩm vân: “Vô lậu pháp lâm thụ, giác ý tịnh diệu hoa, giải thoát trí huệ quả, giai căn bản ư tâm địa, nhi phát sanh vô tận giả dã”.

(鈔)又淨名佛道品云：無漏法林樹，覺意淨妙華，解脫智慧果，皆根本於心地，而發生無盡者也。

(Sao: Lại nữa, phẩm Phật Đạo trong kinh Tịnh Danh Phật có nói: “Rừng cây pháp vô lậu, hoa giác ý tịnh diệu, quả trí huệ giải thoát, đều có căn bản nơi tâm địa, phát sanh vô tận”).

Đây là đại sư trích dẫn mấy câu kinh văn trong kinh Duy Ma Cật nhằm giải thích thâm ý của đoạn này. Đối với các cây báu, lan can, lưới màn trong thế giới Cực Lạc, từ kinh Vô Lượng Thọ và Quán Kinh, cho đến trong nhiều kinh điển nói về cảnh giới Tây Phương, đức Phật luôn dạy chúng ta: Hết thảy chúng sanh đã sanh về thế giới Tây Phương, hễ trông thấy, hoặc ngửi mùi, hoặc nếm hương vị của quả, hạt, đều có thể khiến cho sáu căn của chúng ta thanh tịnh, đây cũng chính là minh tâm kiến tánh như nhà Thiền đã nói, đều có thể đạt tới mục tiêu như vậy. Do thế giới Tây Phương là pháp giới xứng tánh, toàn thể đều do Di Đà Tánh Đức lưu lộ, đoạn kinh này của kinh Tịnh Danh cũng chẳng ra ngoài lộ đó.

“Vô lậu pháp lâm thụ”, “vô lậu” là xứng tánh. Chỉ riêng Tánh Đức mới là vô lậu chân thật. “Thụ” (樹) có hai ý nghĩa:

- Một ý nghĩa là bao trùm, đặc biệt lúc tiết Hè mặt trời rất chói chang, ai nấy đều thích ngồi hóng mát dưới bóng cây. Đó là một dụng ý. Trong sự biểu thị pháp, trí huệ đức năng của Như Lai có thể che rợp hết thảy chúng sanh.

- Ý nghĩa thứ hai là thanh lương (mát mẻ), đặc biệt là cây báu.

“Giác ý tịnh diệu hoa”: Trong Phật pháp, “hoa” tượng trưng nhân hạnh, Cây cối luôn đơm hoa trước, kết quả sau. Vì vậy, hoa tượng trưng cho sự tu nhân của Bồ Tát. Sáu trần trong thế giới Tây Phương đều thuyết pháp. Trên thực tế, thế giới này của chúng ta có khi nào chẳng phải là sáu trần thuyết pháp! Bất quá, bọn chúng sanh chúng ta đang thuộc địa vị mê

muội, nên sáu trần thuyết pháp, chúng ta chẳng dễ gì cảm nhận, nhưng trong thế giới Tây Phương, cảm nhận đặc biệt dễ dàng. Người bên ấy phiền não nhẹ, trí huệ mạnh mẽ. Trong thế gian này của chúng ta, chúng ta trông thấy các thứ trần thiết, cúng dường trong tự viện, giảng đường, bèn biết chúng nhằm biểu thị pháp. Sau khi rời khỏi giảng đường, chúng ta quên sạch các ý nghĩa biểu thị pháp, đó là sai lầm. Vì vậy, đạo nghiệp của chúng ta rất dễ thoái chuyển. Rời khỏi giảng đường, rời khỏi tự viện bèn chẳng còn Phật pháp nữa, quên sạch sành sanh! Như vậy thì phải làm sao để sau khi rời khỏi tự viện, giảng đường, vẫn có thể gìn giữ, công phu của quý vị sẽ miên mật không ngừng, đó là cảnh giới vô cùng tốt đẹp!

Thí dụ như trong Phật đường cúng dường hoa, hoa biểu thị Lục Độ nơi nhân hạnh. Bất cứ chỗ nào, chúng ta trông thấy hoa phải nghĩ đến ý nghĩa này, công phu sẽ chẳng gián đoạn. Quý vị thấy hoa ngoài đồng, thậm chí các thứ hoa giả được lưu hành trong hiện thời, hoa vải, hoa vẽ, hoa thêu hoặc in trên quần áo, chỉ cần thấy hoa bèn nghĩ tới Lục Độ vạn hạnh, há chẳng phải là thế gian này cũng là sáu trần thuyết pháp giống y hệt ư? Hễ trông thấy trái hạt, bèn thật sự nghĩ tới Bồ Đề Niết Bàn, nghĩ chúng ta trong tương lai vắng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Vãng sanh là quả báo, sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới là quả báo vô cùng thù thắng. Nhất định phải hiểu ý nghĩa này!

Đối với chữ “*giác ý*” trong đoạn kinh văn này, cô đức giải thích là Thất Giác Chi và Tứ Như Ý Túc trong ba mươi bảy đạo phẩm. Tứ Như Ý Túc chẳng dễ giảng, mà có giảng thì cũng chẳng dễ hiểu cho lắm. Trong quá khứ, tôi đã dùng ngôn từ thô thiển, thông tục hơn đôi chút để giải thích, tôi giải thích nó là “*tri túc thường lạc*” (biết đủ, thường vui) cho mọi người dễ hiểu. Dục Như Ý Túc là đối với dục vọng phải biết vừa đủ, biết vừa đủ thì mới có thể đạt được thường lạc, tâm an, lý đắc. Định là tâm an, nếu tâm đã thật sự thanh tịnh thì tâm bèn an, hết thấy chuyện thế gian và xuất thế gian quý vị đều hiểu rõ thông đạt, đó là Niệm Như Ý Túc.

“*Giải thoát trí huệ quả*”: Câu này nói đến Giải Thoát Đức và Bát Nhã Đức, nói tới hai thứ ấy. Do vậy ta biết, những thứ tinh hoa được nói trong Phật pháp đều lưu lộ từ tâm địa của chính mình, “*giai căn bản ư tâm địa*” (đều có căn bản là tâm địa), đều lưu xuất từ tâm thanh tịnh của chính mình, “*nhi phát sanh vô tận giả dã*” (phát sanh vô tận). Pháp thế gian và xuất thế gian, y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới đều lưu xuất từ nơi đây. Nếu lưu xuất từ chân tâm, từ tâm thanh tịnh, đó chính là cõi nước Cực Lạc, là y báo và chánh báo trang nghiêm của Phật và đại Bồ Tát. Nếu lưu xuất từ nhiễm tâm, sẽ giống như thế giới Sa

Bà của chúng ta, là nhiệm tịnh đồng cư. Sự thật này đã được giảng rất rõ ràng, rất tỉ mỉ trong kinh Hoa Nghiêm. Đoạn tiếp theo là phần tổng kết của Liên Trì đại sư, cũng là lời cảm thán thật sâu!

(Sao) Nại chi hà lan thuẩn hủy nhi phủ cân nhập, la võng đòì nhi ẩm phú sơ, thượng khô tụy kỳ căn chi, huống phát vinh u hoa quả?

(鈔) 奈之何欄楯毀而斧斤入，羅網頽而蔭覆疏，尚枯瘁其根枝，況發榮於華果。

(Sao: Hiềm rằng, lan can đã hỏng mà búa rìu còn búa vào, lưới màn rách nát, lại che phủ thưa thớt, rễ cành còn bị khô héo, mong chi hoa quả tươi nhuận u?)

“Lan thuẩn” tượng trưng cho ý nghĩa “phòng phi, chỉ quá” (ngừa sai, dứt lỗi). Nó ngăn ngừa sự trái phạm. Nói cách khác, chính là biểu thị ý nghĩa giới luật. Người không tuân thủ giới, không tuân thủ lễ, không tuân thủ pháp, [tức là] chẳng có lan thuẩn, biểu thị ý nghĩa này. Đại sư vô cùng cảm thán, cũng là lời lẽ buốt lòng. Giống như lan can bị kẻ khác dùng những dụng cụ như rìu phá hoại. Chúng ta hành trì chẳng kiểm điểm, chẳng ước thúc, sẽ dẫn đến thế giới đại loạn. Hiện thời [chuyện này được] gọi là “thoát tự” (脫序), tức là trật tự xã hội bị trật khớp, là chuyện rất đáng sợ.

“La võng đòì” (lưới màn rách nát) là nói chân tâm của chúng ta vô cùng rộng lớn, nay chúng ta bị mê mất, ngỡ vọng tâm duyên theo bóng dáng của lục trần là chân tâm. Có thể nói là trong xã hội hiện thời, vô minh và tà kiến đều nghiêm trọng hơn bất cứ thời kỳ nào trong quá khứ. Chuyện này thật giống như chúng ta đã bỏ mất lưới màn. “Ẩm phú sơ”, [nghĩa là] chẳng có gì để che đậy, chẳng tìm được chôn thanh lương để dùng chân, tỷ dụ ý nghĩa này. Điều này liên quan đến lan thuẩn trong phần trước, nói cách khác, chẳng có giới thì tâm thanh tịnh cũng chẳng có, Định cũng mất luôn!

“Thượng khô tụy kỳ căn chi” (rễ cành còn bị khô héo), “căn” là gì? Trong Phật môn thường nói: “Tỳ bì làm gốc, phương tiện làm cửa”. Trong Phổ Hiền Bồ Tát Hạnh Nguyện Phẩm, đức Phật cũng nói: “Đại bì làm gốc”. Ngày nay chúng ta chẳng có tâm đại bi, cũng có thể nói là nhân hạnh tỳ bì phương tiện bị mất đi, tự tư tự lợi bèn thừa thế dấy lên. Vì thế, ngày nay học Phật, chúng ta phải đặc biệt chú trọng nhân quả, phải tin sâu nhân quả, tin tưởng nhân quả báo ứng. “Một hớp uống, một miếng ăn, không gì chẳng định sẵn”. Mọi người nếu muốn thật sự có thành tựu trong

Phật pháp, chẳng uổng công học Phật trong đời này thì quý vị học Phật phải có nền tảng. Quý vị chẳng có nền tảng, sẽ chẳng thể thành tựu. Nền tảng là phải đổ công sức. Chẳng dốc công đổ sức, quý vị vĩnh viễn chẳng thể vun bồi căn cội được. Vun bồi căn cội từ chỗ nào? Từ đọc kinh. Đọc kinh phải chọn kinh nào trọng yếu nhất, tức là kinh đối trị phiền não tập khí của chúng ta trong hiện tiền. Ấn Quang đại sư trọn đời ấn tống kinh sách, ba loại Liễu Phàm Tứ Huân, An Sĩ Toàn Thư, và Cảm Ứng Thiên được Ngài in nhiều nhất, in tổng cộng đến mấy trăm vạn bộ, bất cứ kinh sách nào cũng đều chẳng in nhiều bằng ba loại ấy. Nói thật ra, ba loại sách ấy cũng chẳng phải là kinh điển Phật giáo, nhưng chúng là đại căn bản của sự học Phật.

Chắc chắn chẳng phải là chúng tôi bảo quý vị hãy lấy những sách ấy đọc một hai lượt! Vô dụng! Đọc mười lần, tám lần, một trăm lần, hai trăm lần, thưa quý vị, vẫn chẳng có tác dụng. Vì sao? Phiền não tập khí của chúng ta thâm căn cố đế, đọc một, hai trăm lần, chẳng thể quay đầu! Hãy nên đọc theo cách như thế nào? Nhất định là chính mình phải đọc tới hai ngàn lần, ba ngàn lần, nhất định quý vị sẽ thay đổi. Do vậy, để trừ dẹp phiền não tập khí của chính mình, cần phải dùng tới công phu này. Quý vị chẳng dùng đến công phu này sẽ không được. Phật, Bồ Tát chẳng thể cứu quý vị. Chính quý vị tự cứu! Phật, Bồ Tát có thể dạy quý vị phương pháp. Sau khi đã dạy phương pháp thì chính mình phải tự cứu, vì sao? Đọc tới hai, ba ngàn lần, ấn tượng sâu đậm, hễ khởi tâm động niệm, giáo huấn của thánh nhân bèn lập tức hiện tiền, phát sanh tác dụng, thật sự sanh khởi tác dụng “*phòng phi, chỉ quá*” (ngăn ngừa sai trái, dứt lỗi). Nói cách khác, lan can bảo báu được kiến lập trong tự tánh của quý vị.

Lần này, chúng tôi biên tập, ấn hành Tịnh Độ Ngũ Kinh, đây là một nhân duyên hy hữu. Thưa chư vị đồng tu! Quý vị phước báo to lớn! Trong lần trước, tôi đã thưa cùng quý vị. Từ xưa tới nay, các bậc tổ sư đại đức trong Tịnh Độ Tông rất ít người có thể đọc toàn bộ các kinh luận [Tịnh Độ] ấy. Chúng tôi đem những kinh luận tu học chủ yếu trong Tịnh Độ Tông in hết vào bộ sách này. Chín phiên bản của kinh Vô Lượng Thọ đều có đầy đủ trong ấy, đích xác là một nhân duyên hy hữu. Nếu quý vị đọc kinh, hãy chọn lấy một bản trong bộ sách, một thứ là đủ rồi! Cũng là phải niệm ba ngàn lần, hoặc năm ngàn lần mới được, quý vị mới có thể thật sự kiến lập căn bản. Chẳng có công phu cỡ ấy, đời này sẽ chẳng thể thành tựu. Chư vị đồng tu nhất định phải ghi nhớ điều này.

Đọc tụng còn phải có thời gian tánh. Chẳng thể nói: “Cứ thông thả mà niệm, ta niệm đến già, thời gian hãy còn dài lắm! Thậm chí đã già chết

thì đời sau ta bèn niệm tiếp!” [Nếu nghĩ] như vậy, cả một đời quý vị chẳng thể thành công! Cổ đức định kỳ hạn cho chúng ta là năm năm. Trong năm năm ấy, quý vị nhất định phải làm được. Vì thế, nó có thời gian tánh, ấn định kỳ hạn nhất định để mong chúng nhập. Phương pháp này buộc chúng ta tu Giới - Định - Huệ, có thể nói là “*căn bản Giới - Định - Huệ*”, quý vị chỉ cần thực hiện từ chỗ này, chẳng sai sót chút nào! Xưa nay, trong ngoài nước, những vị đại đức thật sự thành tựu, có thể nói là đều đi theo đường lối này. Không chỉ là lũ chúng ta sống trên quả địa cầu này trong thế giới Sa Bà đều đi theo con đường ấy. Nếu quý vị coi lại những gì kinh đã dạy, [sẽ thấy] hết thấy chư Phật, Bồ Tát trong mười phương thế giới đạt được thành tựu cũng là do đi theo con đường này, chẳng có ngoại lệ! Vì thế, chẳng khởi sự từ con đường này, chúng ta chẳng có cách nào thành tựu, [do vậy], chúng ta mới hiểu sự khẩn yếu của đọc tụng.

Đến Tây Phương Cực Lạc thế giới là để tu hành, quý vị thấy kinh đã giảng về trạng huống của người trong Tây Phương Cực Lạc thế giới. Khéo sao, chúng ta vừa đọc kinh Vô Lượng Thọ, [thấy kinh nói] họ cũng là ngày đêm đọc tụng và niệm Phật không gián đoạn, chẳng ngưng nghỉ, chẳng có phương pháp kỳ lạ nào, mà là một phương pháp bình thường, thật thà ngằn ấy, chỉ cần làm đúng như vậy, có thể nói là từ Sơ Phát Tâm mãi cho đến khi thành Phật chẳng thay đổi, thực hiện phương pháp ấy đến cùng bèn thành công, Giới Học, Định Học, Huệ Học vô lậu đều hoàn thành. Nếu quý vị còn mong muốn pháp môn đặc biệt nào khác, hoặc thứ gì rườm rà bày vẽ đặc biệt thì nói thật thà, quý vị thiếu khuyết thiện căn, phước đức, [những thứ ấy] đều biến thành chướng ngại trên đường Bồ Đề. Do vậy, thật thà đáng quý lắm! Câu này có nghĩa là: Đã khuyết thiếu hoặc có thể nói là chẳng có nhân hạnh từ bi phương tiện, mong chi hoa quả tươi tốt! “*Hoa quả*” là nói đến thần thông diệu huệ, làm sao thần thông diệu huệ có thể hiện tiền cho được?

(Sao) *Nhiên nhi giác lâm như cổ, đạo chủng phi dao.*

(鈔) 然而覺林如故，道種非遙。

(Sao: *Thế nhưng, rừng giác vẫn như cũ, hạt giống đạo chẳng xa xôi.*)

Hai câu này là lời chuyên cơ. Trong phần trước là lời đại sư hết sức cảm thán, khuyên lon, khích lệ chúng ta. “*Giác lâm như cổ, đạo chủng phi dao*” có nghĩa là: Chân Như bản tánh vẫn hiện diện như cũ, trọn chẳng

mất đi, chỉ cần chúng ta nghiêm túc nỗ lực tu trì thì vẫn còn kịp. Đó chính là ý nghĩa được bao hàm trong hai câu này.

Phật môn thường nói: “*Hồi đầu thị ngạn*” (quay đầu là bờ). Quay đầu từ chỗ nào? Từ những thứ tạp tu trước kia, quay về chuyên tu. Từ những phương pháp sai lầm trước kia, quay về phương pháp chính xác. Đó là quay đầu. Ví như tôi dạy quý vị phương pháp này, quý vị thật sự bắt đầu từ hôm nay, mỗi ngày đều lấy Liễu Phàm Tứ Huấn, hoặc Cảm Ứng Thiên, hoặc Văn Xương Đế Quân Âm Chất Văn, [loại nào cũng] đều được, trong ba loại sách này, Liễu Phàm Tứ Huấn dài hơn một chút, Cảm Ứng Thiên và Âm Chất Văn đều chẳng dài, Cảm Ứng Thiên hơn một ngàn chữ, đại khái Âm Chất Văn chỉ có năm sáu trăm chữ, hằng ngày trong khóa tụng sáng tối quý vị có thể niệm nó thêm một biến, chẳng gián đoạn. Coi nó như giới luật, đương nhiên quý vị niệm càng nhiều càng hay. Tôi nghe nói hiện thời có không ít các đồng tu lái taxi, chúng ta chớ nên coi thường họ, những người ấy đều là Bồ Tát. Nếu quý vị thâu âm các bài giảng Cảm Ứng Thiên hoặc Âm Chất Văn vào băng cassette, để họ mở lên trong khi lái taxi, hành khách ngồi trong xe có thể nghe thấy, những câu ấy đều khuyên họ “*hồi đầu thị ngạn*”, còn hiệu quả hơn nghe kinh! Kinh tuy hay, nhưng chẳng thể dùng để cứu vãn nhanh chóng [tình thế xã hội động loạn hiện thời]. Những sách ấy thích hợp để cứu vãn [tình thế hiện thời], vì thực hiện từ giới luật! Kinh Vô Lượng Thọ hay lắm, trên xe, quý vị nên có các băng thâu âm kinh Vô Lượng Thọ, Cảm Ứng Thiên, Âm Chất Văn và Liễu Phàm Tứ Huấn, còn có Tịnh Tu Tiếp Yếu cũng hết sức hay. Quý vị lái xe kiếm sống bên ngoài chính là hành Bồ Tát đạo, phổ độ chúng sanh trong khi đó, vô cùng trọng yếu! Số lượt [tụng niệm các sách ấy và các kinh Tịnh Độ] phải nhiều, không nhiều sẽ chẳng thể quay đầu. Kinh điển hãy đọc một thứ, kinh bậc nhất, trọng yếu nhất trong Tịnh Độ Tông là kinh Vô Lượng Thọ. Chúng ta dùng bản hội tập của cư sĩ Hạ Liên Cư, có thể trong vòng năm năm niệm bản kinh ấy tối thiểu ba ngàn lần thì Phật pháp của chúng ta sẽ thật sự có nền tảng. Nền tảng Phật pháp được kiến lập ở chỗ này.

Hiện thời, nói thật thà, tại Đài Loan, Phật giáo được hoàng dương bốn mươi năm, mở ra rất nhiều Phật Học Viện, nhưng chẳng đào tạo được một học sinh nào, nguyên nhân ở chỗ nào? Chẳng vun bồi căn bản, đều là bèo trôi bồng bênh trên mặt nước, chẳng có rễ! Trước kia, pháp sư Diễn Bồi rất cảm thán bảo tôi: “Thầy coi đó! Những pháp sư giảng kinh ở Đài Loan, vị nào xuất thân từ Phật Học Viện?” Nghĩ lại, chẳng có một ai! Thầy đều xuất thân từ giảng tiểu tòa. Bản thân pháp sư Diễn Bồi cũng xuất thân

từ giảng tiểu tòa, tiểu tòa chính là phức giảng (giảng lập lại lời thầy sau khi nghe giảng). Lúc nhỏ, Ngài làm tiểu sa-di theo hầu pháp sư Đế Nhân. Ngài được pháp sư Đế Nhân đặt vững nền tảng. Sau khi pháp sư Đế Nhân giảng kinh xong, đến hôm sau, Sư phải phức giảng, học thành công là nhờ như vậy!

Bản thân tôi học Phật pháp cũng xuất thân từ tiểu giảng tòa. Tôi học kinh với thầy Lý Bình Nam tại Đài Trung, cũng là mỗi tuần giảng một lần, lập lại lời giảng của thầy một lượt. Quý vị theo thầy, đối với những kinh thầy đã giảng, tôi thiếu quý vị có thể phức giảng một bộ kinh. Đây là cách dạy học xưa cũ thuở trước, chẳng giống như cách dạy học hiện thời, giảng một môn học trong một tiếng đồng hồ, giờ kế tiếp bèn đổi sang môn học khác, cách ấy vô dụng, chẳng hữu dụng tí nào! Một Phật Học Viện trong ba năm học mấy chục thứ, mỗi thứ đều chỉ lướt phớt bên ngoài, thứ gì cũng chẳng thông, thật là đáng tiếc! Đó là phương pháp dạy học sai lầm. Nếu có thể chuyên biến phương pháp, thí dụ như ba năm là sáu học kỳ, mỗi học kỳ học một bộ kinh, học bộ kinh ấy đến mức có thể giảng được. Trong sáu học kỳ bèn có thể học sáu bộ kinh.

Trong quá khứ, khi tôi theo thầy Lý Bình Nam học giảng kinh, phương pháp của thầy là chuyên tu, tức là quý vị chưa học hiểu bộ kinh này, sẽ chẳng thể học bộ kinh thứ hai, chẳng thể học đồng thời hai thứ! Thầy chỉ cho phép học một thứ. Để đạt tiêu chuẩn thì phải lên giảng tòa đối trước đại chúng giảng một lượt mới coi như đã học xong bộ kinh ấy. Giảng viên mãn thì quý vị mới có tư cách xin thầy cho học thêm một bộ nữa. Quý vị chẳng lên bục giảng bộ kinh này một lượt, vĩnh viễn đừng mong học bộ thứ hai. Thuở ấy, tôi mới ba mươi một, ba mươi hai tuổi, tuổi trẻ, trí nhớ cũng mạnh. Thoạt đầu, học với thầy, tôi còn chưa xuất gia, dùng thân phận cư sĩ để theo học giảng kinh với lão nhân gia. Trong vòng một năm ba tháng, tức là mười lăm tháng, tôi học mười ba bộ kinh, gần như là mỗi tháng học một bộ, tốc độ tiến bộ nhanh chóng, pháp hỷ sung mãn, thật sự có thâm hoạch. Vì thế, tôi vừa xuất gia, pháp sư Bạch Thánh kiếm tôi về dạy tại Tam Tạng Học Viện thuộc chùa Thập Phổ, tôi bèn giảng kinh giáo tại Phật Học Viện. Vừa xuống tóc bèn dạy tại Phật Học Viện. Mỗi học kỳ dạy một loại, tôi học mười ba loại, đợi đến khi học ba năm tốt nghiệp, tôi mới dạy sáu thứ, vẫn còn bảy thứ chưa dùng đến, quý vị nghĩ xem Phật Học Viện hữu dụng ở chỗ nào?

Thầy Lý dạy học, nói thật ra, vẫn chưa nghiêm ngặt, nhưng thuở ấy, cụ dùng phương pháp như vậy ngõ hầu chúng tôi có thể tiếp nhận. Nếu quá nghiêm ngặt, sợ chúng tôi sẽ bỏ chạy tuốt! Nay chúng tôi mới thật sự

giác ngộ, thầy quá khoan dung đối với chúng tôi, vì sao? Yêu cầu quá nhẹ nhàng, lên đài giảng một lần! Đối với tôi, điều ấy đích xác là chẳng khó! Tôi nghe thầy giảng một lần, ngay lập tức lên đài có thể giảng được tám mươi hoặc chín mươi phần trăm, chuyện ấy chẳng khó! Nếu thuở ấy, thầy giống như cổ đại đức đòi hỏi một bộ sách phải đọc ba ngàn lần, thưa cùng quý vị, tôi đã thành Phật từ lâu rồi! Nhưng thuở ấy mê hoặc sâu đậm, ngu si, nếu thầy đề ra như thế, sợ rằng tôi cũng chẳng dễ gì tiếp nhận. Nay mới thật sự hiểu dụng tâm sâu xa của cổ đại đức, mới thật sự bội phục năm vóc gieo sát đất.

Bởi lẽ đó, tuân theo phương pháp này để tu học, ba năm quyết định có thành tựu. Vì sao? Quý vị thật sự đắc Giới - Định - Huệ. Thật sự đạt được, tâm đã định, tâm định bèn khai trí huệ, chẳng phải là thông minh bình phàm, mà là trí huệ. Quý vị có Định, Giới bèn trọn đủ, Định Cộng Giới. Khi quý vị có Huệ, Đạo Cộng Giới, giới luật tự nhiên trọn đủ. Do vậy, hy vọng mọi người thật sự có chí tu học, vẫn phải tuân thủ phương pháp xưa cũ, đi theo con đường này của cổ đại đức thì mới chẳng phạm sai lầm. Đây chính là kinh nghiệm tu học nhọc nhằn suốt ba mươi bảy năm của chúng tôi, thật sự nhận biết sự thiện mỹ trong cách dạy học của cổ nhân, thế hệ hiện thời chắc chắn chẳng thể thấu hiểu được! Tôi học Phật bảy năm bèn xuất gia, vừa xuất gia bèn giảng kinh, đến nay tròn ba mươi năm. Có thể nói là bản thân tôi giảng kinh suốt ba mươi năm chưa hề nghỉ ngơi, mỗi ngày đều giảng. Giảng nhiều nhất ước chừng hai ba năm, mỗi tuần giảng kinh khoảng gần ba mươi giờ, dài nhất là một tuần giảng ba mươi bốn giờ. Buổi sáng, buổi chiều, buổi tối đều giảng, Chủ Nhật cũng chẳng nghỉ.

Vì thế, quay đầu thì phải hiểu quay đầu như thế nào! Chúng ta biết trước kia lầm lỗi, đã lầm lỗi bèn vội vã quay đầu, quay đầu là bờ! Chắc có người bảo: “Nay tôi đã lớn tuổi quá rồi, trí nhớ chẳng tốt, sợ rằng chẳng kịp”. Nếu quý vị nghĩ như vậy, đó là tự mình vứt bỏ, coi thường chính mình, rất đáng tiếc! Sáu mươi tuổi quay đầu vẫn chẳng muộn, tức là nói học giảng kinh, thuyết pháp, dẫu sáu mươi tuổi vẫn chẳng trễ! Thuở ấy, chúng tôi học kinh với thầy Lý Bình Nam, có một vị đồng học là cư sĩ Lâm Khán Trị sáu mươi tuổi, học chung với tôi trong lớp ấy. Lớp học ấy chỉ có hai mươi mấy người, bà ta lớn tuổi nhất, cháu nội đã là giáo viên Tiểu Học. Bà ta trình độ Tiểu Học, theo học với cụ Lý Bình Nam nửa năm, bèn có thể giảng kinh, đã có thể lên đài giảng kinh. Hơn nữa, pháp duyên của bà ta vô cùng hưng thịnh. Bà giảng kinh thính chúng đặc biệt đông.

Bà còn có thể viết một cuốn sách mang tựa đề Niệm Phật Cảm Ứng Ký, chẳng dễ dàng!

Thuở ấy, vị lão cư sĩ này đã cổ vũ chúng tôi rất lớn, vì trước đó thầy Lý mong chúng tôi phát tâm giảng kinh, nhưng chúng tôi luôn sợ hãi, nghĩ là khó quá, cho tới khi đó, chưa hề phát tâm ấy! Kết quả là đến lớp học xem thử, thấy bà Lâm Khán Tri tuổi đã cao ngàn ấy, lại còn là trình độ Tiểu Học, so ra, chúng tôi có ưu thế hơn bà ta rất nhiều! Bà ta học được, chúng tôi còn có vấn đề chi nữa? Chuyện ấy đã cổ vũ chúng tôi, [bà Lâm] đúng là ảnh hưởng chúng cho lớp ấy, cho nên đám người trẻ tuổi ai nấy đều hăng hái. Đích xác là “*thiên hạ vô nan sự, chỉ sợ thiếu người có lòng*”, quý vị phải thật sự phát tâm. Huống chi chuyện này còn có Tam Bảo gia trì, chẳng cần đến bằng cấp thế gian, cứ dùng tâm chân thành để tu học, nhất định có cảm ứng! Tiếp theo đây là lời đại sư khuyến khích, cổ vũ chúng ta:

(Sao) Hà bất mãnh dữ tư bồi?

(鈔) 何不猛與滋培。

(Sao: Sao chẳng mạnh mẽ vun bồi?)

Đây là vận dụng tỷ dụ. “*Tư*” là “*tư nhuận*” (滋潤: vun tưới), “*bồi*” là “*bồi dục*” (培育: nuôi nấng, vun quén), “*mãnh*” là dũng mãnh tinh tấn. Biết chính mình tu trì tuy kém cỏi, nhưng “*pháp tánh thượng tôn*” (pháp tánh vẫn còn), chỉ cần chịu nỗ lực, “*bốn chân bất thất*” (sự chân thật vốn có chẳng mất), đúng lý, đúng pháp tu học, chẳng có gì không thành công.

(Sao) Trọng gia chỉnh sức.

(鈔) 重加整飾。

(Sao: Càng thêm sửa đổi, tô bồi).

Câu “*trọng gia chỉnh sức*” chính là phản tà quy chánh, sửa đổi những ý nghĩ và cách làm sai lầm trước kia, bèn thành công. Trước kia, sách gì cũng đều muốn đọc, nay thấy đều chẳng muốn nhìn tới! Chúng tôi in sách rất nhiều, có những người đến đây, sách này cũng cần, sách kia cũng muốn, muốn ôm một đống lớn về, kết quả người ấy đạt được gì? Tôi nói thật thà, chẳng khách sáo, người ấy đạt được tà tri tà kiến! Sách này nói như thế này, sách kia nói như thế nọ, đầu người ấy đặc nghệt một đống Phật pháp to đùng, đó chẳng phải là Phật pháp mà là tà tri tà kiến đầy ứ trong óc! Chúng ta in kinh sách rất nhiều, giống như tiệm thuốc, toàn bán

các dược phẩm rất nổi tiếng và quý báu, người ấy đều muốn mang hết về, uống vào, không chỉ uống thuốc chẳng lành bệnh mà còn ô hô ai tai, xong luôn! Những thứ ấy tăng trưởng tâm tham, tăng trưởng tà kiến, chẳng phải là chuyện tốt đẹp!

Người thông minh làm như thế nào? Đến đây vừa nhìn, kinh sách lắm như thế bèn rút lấy một loại, đem loại ấy về nhà, đọc năm năm, người ấy rất lỗi lạc, là người thông minh hạng nhất. Tôi biết người ấy quyết định thành tựu, là đại Bồ Tát tái lai. Bởi lẽ, có nhiều loại sách như thế nhằm thỏa mãn nhu cầu của con người. Hiện thời, tại Đài Loan, phong khí in kinh sách hết sức thịnh hành. Chúng tôi đề xướng in kinh sách đầu tiên vào năm Dân Quốc 60 (1971), in cuốn đầu tiên là An Sĩ Toàn Thư, bản thứ hai là in kinh Hoa Nghiêm. Qua nhiều năm ngàn ấy đã xướng suất in kinh với số lượng lớn ở các nơi. Người in kinh đông đảo cho nên hiện nay chúng tôi chuyên in kinh điển Tịnh Độ, chuyên hoằng dương kinh điển Tịnh Độ, đó là quy nhất, vun bồi căn cội từ chỗ này.

Thật sự đã vun bồi vững vàng căn cội ấy, khi đó, kinh gì quý vị cũng có thể xem, pháp môn gì cũng có thể tiếp xúc. Vì sao? Như A La Hán đã nói: “*Sở tác dĩ biện, bất thọ hậu hữu*” (việc làm đã xong, chẳng còn nhận lãnh thân sau). Rất tự tại, đã cầm được sổ thông hành vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, muốn đi lúc nào bèn đi, chẳng quan trọng! Chính mình đã thành tựu! Chính mình chưa có thành tựu, trọn chớ nên lãng phí thời gian của chính mình, chớ nên tùy tiện tiêu hao tinh lực của chính mình, phải dùng thời gian và tinh lực để hoàn thành sanh tử đại sự của chính mình, cầu sanh về Tây Phương. Vì vậy, tôi khuyến khích, cổ vũ chư vị đồng tu hãy đọc mấy thứ ấy, trong năm năm nhất định phải niệm từ ba ngàn lần trở lên, quý vị nhất định sẽ đạt được Tây Phương Tịnh Độ, trong năm năm quyết định có thể vãng sanh. Sau năm năm, quý vị ra giảng kinh, thuyết pháp, quyết định chẳng có chướng ngại, vì sao? Giới - Định - Huệ đã thành tựu. Không chỉ là quý vị giảng kinh luận Tịnh Độ chẳng bị chướng ngại, mà [giảng giải] hết thầy kinh điển Đại Thừa đều chẳng có chướng ngại. Đó gọi là “*một kinh thông, hết thầy các kinh đều thông*”, đạo lý ở chỗ này. Chỉ sợ quý vị chẳng thông thứ gì, chớ hề thông một thứ, bèn thông suốt hết thầy. “*Trọng gia chỉnh sức*” có ý nghĩa sâu xa như vậy. Đây là đại sư buốt lòng khuyên chúng ta “*hồi đầu thị ngạn*”. Tiếp đó, Ngài trích dẫn một công án về hòa thượng Triệu Châu trong Thiền Tông:

(Sao) Tiện kiến đình tiền bách thụ, hạm ngoại dược lan, hàng hàng Bát Nhã Chân Như, diện diện Bồ Đề Phật tánh.

(鈔) 便見庭前柏樹，檻外藥欄，行行般若真如，面面菩提佛性。

(Sao: Liền thấy cây bách trước sân, lan can bao quanh hoa cỏ ngoài rào, mỗi hàng đều là Bát Nhã Chân Như, mỗi mặt đều là Bồ Đề Phật tánh).

“Đình tiền bách thụ”: Có một Thiền khách tham Thiền, một hôm đến tham phỏng hòa thượng Triệu Châu, hỏi hòa thượng Triệu Châu: “Như hà thị tổ sư Tây lai ý?” Chữ “tổ sư” chỉ Đạt Ma tổ sư. [Câu hỏi ấy có nghĩa là] Đạt Ma tổ sư từ Tây phương (Ấn Độ) đến Trung Quốc, Ngài đến nơi đây là có ý nghĩa gì? Hòa thượng Triệu Châu chỉ một cội cây bách ngoài sân, đáp: “Đình tiền bách thụ tử” (cây tùng trước sân). Hỏi và đáp đúng là “đầu trâu chảnh khớp hàm ngựa”. Đó là Thiền cơ, trả lời như thế là “ý tại ngôn ngoại”, buộc quý vị phải tự hiểu. Chính mình đã hiểu, đương nhiên chẳng cần phải nói nữa, chẳng cần phải giải thích. “Hạ ngoại dược lan”: Có một vị xuất gia hỏi thiền sư Vân Môn: “Thanh tịnh Pháp Thân là như thế nào?” Nêu ra một câu hỏi như vậy, thiền sư Vân Môn đáp: “Hoa dược lan” (cái lan can vây quanh các loài hoa cỏ, thực dược...) ⁴⁰. Do vậy, hai câu này chính là hai công án Thiền Tông, đều nói về minh tâm kiến tánh. “Hàng hàng Bát Nhã Chân Như”: Hàng cây được nói trong phần trước nói thật ra là “đình tiền bách thụ” của Triệu Châu. “Hoa dược lan” của ngài Vân Môn toàn là giảng về Bát Nhã Chân Như, đều nói rõ “Bồ Đề Phật tánh”. Đoạn này là nói xứng tánh, tuy ý nghĩa sâu xa, nhưng thật ra có thể khiến cho chúng ta đạt được sự thụ dụng chân thật.

Sau đây là khoa thứ hai:

Nhị, trì các liên hoa.

二、池閣蓮華。

(Hai, ao, gác, hoa sen).

Nhằm giới thiệu ao, gác và hoa sen trong thế giới Cực Lạc, kinh văn gồm bốn tiểu đoạn. Đoạn thứ nhất trước hết nói về nước trong ao.

⁴⁰ Theo Phật Học Tự Điển của Đinh Phước Bảo, “hoa dược lan” chính là dùng tre hay gỗ làm hàng rào hay lan can để chặn quanh bốn phía nơi trồng các thứ hoa thực dược, mẫu đơn, hoa cỏ nói chung v.v... Công án trên đây là thiên công án thứ ba mươi chín trong Bích Nham Lục.

(Kinh) Hựu Xá Lợi Phát. Cực Lạc quốc độ, hữu thất bảo trì, bát công đức thủy, sung mãn kỳ trung. Trì để thuận dĩ kim sa bố địa.

(經) 又舍利弗。極樂國土。有七寶池。八功德水。充滿其中。池底純以金沙布地。

(Kinh: Lại nữa Xá Lợi Phát! Cõi nước Cực Lạc có ao bảy báu, nước tám công đức đầy ắp trong ấy, đáy ao thuận dùng cát vàng trải đất).

Các đồng tu chúng ta đều biết Tịnh Độ giáo là pháp môn bậc nhất để mười phương ba đời hết thấy chư Phật độ sanh thành Phật, không chỉ là pháp môn bậc nhất để Thích Ca Mâu Ni Phật độ chúng sanh, mà còn là pháp môn bậc nhất để hết thấy chư Phật độ chúng sanh, vô cùng hy hữu! Vì sao ít người tin tưởng? Ít người hoằng dương? Nguyên nhân là do các kinh sách này chưa được hoằng dương phổ biến đủ mức. Trong bài tựa cho [bản hội tập] kinh Vô Lượng Thọ, lão cư sĩ Mai Quang Hy đã nói rất tỉ mỉ, rất thấu triệt, nguyên nhân là ở chỗ này! Vì thế, người tu Tịnh Độ thông thường chỉ biết đến kinh A Di Đà. Nói thật ra, kinh A Di Đà chưa đủ. Nếu muốn hiểu đại khái Tây Phương Cực Lạc thế giới, tối thiểu phải hợp ba kinh lại để tham chiếu. Vì tông chỉ của kinh này là “khuyến tín, khuyến nguyện, khuyến hành”, nếu chẳng có bộ Sớ Sao của Liên Trì đại sư, người bình phàm sẽ chẳng thể nhìn thấy những nghĩa lý phong phú bao hàm trong kinh văn ngắn ngủi như vậy được! Vì thế, hợp ba kinh lại để xem là điều hết sức tất yếu, [xem cả] năm kinh đương nhiên càng thù thắng, càng viên mãn hơn. Vì lẽ đó, Ngũ Kinh Độc Bản của chúng ta trong hiện thời là một bản vô cùng hoàn bị dành cho mọi người chuyên tu, chuyên hoằng.

Đại kinh là kinh Vô Lượng Thọ, giảng Tây Phương Tịnh Độ hết sức thấu triệt, lý sự viên dung, cảnh giới chẳng khác gì kinh Hoa Nghiêm và Pháp Hoa, đúng như Ngẫu Ích đại sư đã nói: “*Hoa Nghiêm áo tàng, Pháp Hoa bí tủy*” (tàng sâu thẳm của Hoa Nghiêm, cốt lõi kín nhiệm của Pháp Hoa), xác thực ở trong kinh Di Đà, mà cũng ở trong kinh Vô Lượng Thọ. Kinh Di Đà và kinh Vô Lượng Thọ là đồng bộ, nên Liên Trì đại sư gọi [hai kinh ấy] là Tiểu Bản và Đại Bản. Đây là tinh hoa cốt tủy của Nhất Thừa Viên Giáo, có thể gặp gỡ, đó là nhân duyên hy hữu. Do kinh văn của kinh này ngắn ngủi, giới thiệu giản lược, hướng chi bản dịch của La Thập đại sư khá giản lược, nên quý vị đọc bản dịch của Huyền Trang đại sư, gộp hai bản lại để xem, sẽ thấy có nhiều chỗ La Thập đại sư chẳng nói đến, nhưng trong bản dịch của Huyền Trang đại sư thì có. Huyền Trang đại sư trực dịch, tức là nương theo bản tiếng Phạn để dịch trực tiếp [từng

câu văn, chẳng ngại rườm rà], ý nghĩa trọn vẹn, còn La Thập đại sư là nghĩa dịch (khi dịch chỉ chọn lấy ý nghĩa chính), có khá nhiều chỗ tinh lược. Nay trong Ngũ Kinh Độc Bản, hai bản dịch ấy đều có. Không chỉ có hai bản dịch ấy, mà còn có bản hội tập kinh Di Đà của lão cư sĩ Hạ Liên Cư. Xin hãy đọc lời chú giải:

(Sớ) *Hựu giả, thừa thượng. Bất dân lục địa trang nghiêm, hữu như thị lan, vông, hàng thụ, trì thủy trang nghiêm, diệc phục thắng diệu vô tỷ dã.*

(疏) 又者，承上，不但陸地莊嚴，有如是欄網行樹，池水莊嚴，亦復勝妙無比也。

(Sớ: *Chữ Hựu nhằm tiếp nối đoạn trên. Không chỉ mặt đất trang nghiêm, có lưới màn, hàng cây như thế mà nước trong ao cũng trang nghiêm, thù thắng nhiệm mầu khôn sánh.*

Phần trên nói đến sự trang nghiêm trên mặt đất, nay nói đến ao thì sự trang nghiêm trong ao cũng là tuyệt diệu, vì diệu khôn sánh!

(Sớ) *Thất bảo trì giả, thất bảo sở thành, trì trung chi thủy, diệc thất bảo cố.*

(疏) 七寶池者，七寶所成，池中之水，亦七寶故。

(Sớ: *“Ao bảy báu” là do bảy báu hợp thành, nước trong ao cũng bằng bảy báu.*

Điều này rất chẳng thể nghĩ bàn! Nước trong thế giới của chúng ta là vật được kết hợp bởi khinh khí và dưỡng khí (hydrogen và oxygen), nước trong Tây Phương Cực Lạc thế giới mầu nhiệm. Không chỉ chúng ta chưa từng thấy, mà cũng chưa từng nghe nói tới. Nước bên ấy do bảy báu biến hiện, kỳ lạ thay! Nói thật ra, đối với chỗ này, nếu không kết hợp các kinh luận để xem, đúng là chẳng có cách nào thấu hiểu!

(Sao) *Thất bảo sở thành giả, giản dị thử phương thổ thạch sở thành.*

(鈔) 七寶所成者，揀異此方土石所成。

(Sao: [Nói] *“bảy báu hợp thành” nhằm phân biệt với phương này [các ao nước] do đất, đá hợp thành.*

“*Giản*” là “*giản biệt*” (揀別) tức là phân biệt riêng rẽ, chẳng giống thế giới này. Thế giới này của chúng ta là đất, đá, cát, sỏi, nơi họ là bảy báu. “*Bảy*” mang ý nghĩa biểu thị pháp, tượng trưng cho sự viên mãn, chẳng khiếm khuyết, như Đại Kinh có nói: “*Vô lượng các thứ báu hợp thành*”. Bảy báu tượng trưng cho vô lượng các thứ báu. Bảy là nói Đông, Nam, Tây, Bắc, trên, dưới, chính giữa, không phải là con số bảy. Vì thế, bảy và mười đều biểu thị sự viên mãn.

(Sao) Cố Đại Bản vân.

(鈔) 故大本云。

(Sao: Vì thế, kinh Đại Bản nói).

Đại Bản là kinh Vô Lượng Thọ. Tịnh Độ Kinh Độc Bản được biên tập, ấn hành lần này có thể nói là vô cùng hy hữu. Những vị cao tăng đại đức kể cả các vị tổ sư trong Tịnh Độ Tông từ xưa tới nay trong một đời được đọc cả chín phiên bản của kinh Vô Lượng Thọ rất ít. Chẳng phải là các Ngài không muốn đọc, mà chẳng tìm được kinh bản, chẳng có bản lưu hành đơn độc. Quý vị muốn xem thì chỉ có cách đọc trong Đại Tạng Kinh. Trước đây, [xem đọc] Đại Tạng Kinh chẳng thuận tiện cho lắm! Gần như cả chùa mới có một bộ Đại Tạng Kinh, nên rất ít có cơ duyên này. Nay chúng tôi thu thập hết vào một chỗ, mỗi người lấy một cuốn [vê xem], phước báo của quý vị vô lượng vô biên!

Đọc tụng bèn chọn lựa bản hội tập của cụ Hạ Liên Cư. Trừ bản hội tập ấy ra, còn có năm bản dịch gốc, còn có ba thứ tiết bản và hội bản, hy vọng mọi người phải đọc tối thiểu một lần. Tức là đối với năm thứ bản dịch gốc, bản hội tập của Vương Long Thư, tiết bản của Bàn Thiệu Thăng, bản hội tập của Ngụy Nguyên, tối thiểu phải xem một lần, phước báo của quý vị to lớn! Bao nhiêu vị tổ sư đại đức đều chẳng có phước báo ấy. Nay quý vị cầm được mà không xem, rất đáng tiếc! Các vị tổ sư đại đức xưa kia muốn đọc mà chẳng tìm được kinh bản, nay quý vị có kinh bản trong tay mà chẳng xem, mắc tội lỗi mất rồi! Do đó, mọi người nhất định phải quý trọng. Tức là đối với bộ sách ấy, ngoài trừ kinh Vô Lượng Thọ đã được chọn lựa để chính mình phải niệm mỗi ngày, hoặc mỗi ngày niệm hai lần trở lên, niệm càng nhiều càng hay, từ đầu đến cuối quyển sách này, quý vị tối thiểu phải nghiêm túc đọc một lần thì đối với giáo nghĩa Tịnh Độ quý vị mới tin sâu, chẳng ngờ, chữ Tín trong Tín - Nguyện - Hạnh mới có thể thật sự kiến lập. Vì thế, Tín là chánh tín, không phải là mê tín, xác

thực có lý luận để căn cứ. Ở đây, đại sư trích dẫn kinh Đại Bản, tức là điều được nói trong kinh Vô Lượng Thọ:

(Sao) Nội ngoại tả hữu, hữu chư dục trì, hoặc thập do-tuần, hoặc nhị thập, tam thập, nãi chí bách thiên do-tuần, do như đại hải, nhất bảo, nhị bảo, nãi chí thất bảo sở cộng hợp thành.

(鈔) 内外左右，有諸浴池，或十由旬，或二十三十，乃至百千由旬，猶如大海，一寶二寶乃至七寶所共合成。

(Sao: Trong, ngoài, trái, phải, có các ao tắm, hoặc [rộng] mười do-tuần, hoặc hai mươi, ba mươi, thậm chí trăm ngàn do-tuần, giống như biển rộng, do một thứ báu, hai thứ báu, cho đến bảy báu cùng hợp thành).

Liên Trì đại sư dẫn kinh văn Đại Bản, quá nửa dùng bản hội tập của cư sĩ Vương Long Thư, vì thuở ấy, bản hội tập của cư sĩ Long Thư được lưu thông rất rộng. Văn từ của ông ta lưu loát, trôi chảy hơn bản dịch gốc, người ta đọc hiểu dễ dàng, nên bản [hội tập] của ông ta được mọi người hết sức hoan nghênh. Chỗ không được hoàn mỹ là đối với năm bản dịch gốc, cư sĩ Vương Long Thư chỉ xem bốn loại, còn bản Vô Lượng Thọ Hội trong kinh Bảo Tích được dịch vào đời Đường, ông ta chưa đọc. Bản hội tập của lão cư sĩ tuy bị người đời sau phê bình, nhưng ông ta đã hiện thân thuyết pháp, lúc vãng sanh biết trước lúc mất, đứng vãng sanh. Tuy chưa được hoàn mỹ, chắc chắn là có giá trị, [bởi lẽ], nếu ông ta đã biên tập kinh điển sai lầm, làm sao có thể vãng sanh cho được? Cổ đức thường nói: “Thác hạ nhất cá tự chuyển ngữ, đọa ngũ bách thế dã hồ thân” (Nói sai một chữ chuyển ngữ, đọa làm chồn hoang năm trăm đời), ông ta làm sao có thể đứng vãng sanh cho được? Có thể thấy là tuy chẳng hoàn mỹ, nhưng bản hội tập của ông ta nói chung chắc chắn là cũng khá, nương theo bản ấy để tu học, cư sĩ Long Thư có thể đứng vãng sanh, chúng ta có thể tin tưởng điều này. Đúng là ông ta đã thực hiện một màn biểu diễn cuối cùng cho chúng ta xem, khiến cho tín tâm của chúng ta tăng trưởng. Vì thế, bản này quả thật cũng được Ấn Quang đại sư rất tán thán.

Đoạn trên đây nói về hình dạng và kích thước của ao bảy báu, có ao rộng mười do-tuần. Do-tuần (yojana) là đơn vị đo độ dài của người Ấn Độ; một do-tuần bằng tám mươi dặm của Trung Quốc, đó là đại do-tuần. Do-tuần có ba bậc đại, trung, tiểu. Đại thì bằng tám mươi dặm Trung Quốc, trung do-tuần bằng sáu mươi dặm, tiểu do-tuần bằng bốn mươi dặm. “Mười do-tuần”, đầu lấy tiểu do-tuần để nói, một do-tuần bằng bốn mươi dặm, mười do-tuần là bốn trăm dặm, cái ao ấy chẳng nhỏ! Trong Tây

Phương Cự Lạc thế giới là nhỏ, ao lớn còn có hai mươi, ba mươi do-tuần, cho đến trăm ngàn do-tuần. Chúng ta đem quả địa cầu này thả vào trong cái ao to đó, giống như thả một trái bóng rổ vào trong ao, quá ư là lớn! Cõi Tây Phương Cự Lạc thế giới rất lớn, quả thật là chúng ta chẳng thể tưởng tượng được. “*Do như đại hải, nhất bảo, nhị bảo, nãi chí thất bảo sở cộng hợp thành*” (giống như biển cả, một thứ báu, hai thứ báu, cho đến bảy báu cùng hợp thành), không chỉ đáy ao là cát vàng, mà bốn phía ao đều là bảy báu. Nước trong ao cũng là “*bảo thành tựu*” tức là cũng do các thứ báu hợp thành.

(Sao) Hựu vân.

(鈔) 又云。

(Sao: Lại nói).

Câu tiếp theo cũng trích từ kinh Đại Bôn.

(Sao) Nhược bỉ Phật trì, kỳ phương bội thử, giai thất bảo thành.

(鈔) 若彼佛池，其方倍此，皆七寶成。

(Sao: Nếu là ao của đức Phật ấy thì trong cõi đó, số nhiều gấp bội, đều do bảy báu hợp thành).

Đây là nói tới ao bảy báu của A Di Đà Phật. Đến Tây Phương Cự Lạc thế giới, nhà của mỗi người đều có ao bảy báu. Ở đây, đặc biệt giới thiệu ao bảy báu của A Di Đà Phật, ao của Ngài rất lớn. Ao lớn hay nhỏ tỷ lệ thuận với công phu tu tập của chính mình. Nói về chất liệu của ao, ao của tất cả hết thảy chúng sanh và ao của A Di Đà Phật chẳng khác nhau! Ngoại trừ lớn hay nhỏ, chẳng có thứ gì khác nhau. Thế giới Tây Phương là thế giới bình đẳng.

(Sao) Kim kinh bất ngôn Phật trì, tổng nhiếp trì trung cố.

(鈔) 今經不言佛池，總攝池中故。

(Sao: Kinh này chẳng nói đến ao của Phật do đã gộp chung vào trong các ao).

“*Kim kinh*” là kinh Di Đà. Kinh Di Đà văn tự ít, nói tinh lược, chẳng đặc biệt giới thiệu ao báu của A Di Đà Phật. Vì thế, nói đến nước ao tức là đã gộp hết vào trong ấy.

(Sao) Thủy diệc bảo giả.

(鈔) 水亦寶者。

(Sao: Nước cũng là chất báu).

Điều này rất chẳng thể nghĩ bàn, hoàn toàn khác với thế giới này, đơn giản là chúng ta chẳng có cách nào lý giải được!

(Sao) Quán Kinh vân: “Nhất nhất trì thủy, thất bảo sở thành, kỳ bảo nhu nhuyễn, tòng Như Ý Châu Vương sanh, phân thập tứ chi, tác thất bảo diệu sắc, hoàng kim vi cừ.

(鈔) 觀經云：一一池水，七寶所成，其寶柔軟，從如意珠王生，分十四支，作七寶妙色，黃金為渠。

(Sao: Quán Kinh nói: “Nước trong mỗi ao do bảy báu tạo thành, báu ấy mềm mại, sanh từ Như Ý Châu Vương, chia thành mười bốn dòng chảy có màu bảy báu và vàng ròng).

“Cừ” là thân, còn gọi là “cừ cán” (渠幹: dòng chảy). Dòng chảy ấy gồm mười bốn nhánh, nước chảy ra từ mười bốn nhánh ấy là do chất báu hợp thành, hoàn toàn khác với thế gian này. Quán Kinh và Đại Bản đều nói rất tỉ mỉ. Vào đời Đông Tấn, vị tổ sư thứ nhất của Tịnh Độ Tông là Huệ Viễn đại sư mở Niệm Phật Đường tại Lô Sơn, Giang Tây, tức Đông Lâm Niệm Phật Đường, tập hợp những người chí đồng đạo hợp mong cầu sanh Tây Phương gồm một trăm hai mươi ba người niệm Phật tại nơi đó. Viễn công đại sư trong một đời đã ba lần thấy Tây Phương Cực Lạc thế giới, đó là cảm ứng. Ngài thấy cảnh quan Tây Phương Cực Lạc thế giới giống hệt như trong kinh đã giảng, chẳng hạn như từ Như Ý Châu Vương theo mười bốn nhánh chảy ra nước tám công đức, Ngài đều thấy, xác thực là mười bốn nhánh chẳng nhiều, chẳng ít. Khi vãng sanh, lão nhân gia mới kể với mọi người. Như vậy là từ trước đến nay, Ngài chưa hề nói với bất cứ một ai về những gì chính mình đã thấy trong một đời, lúc vãng sanh mới nói với mọi người. Cảnh giới ấy lại hiện tiền, Ngài nói: “*Trong quá khứ, ta đã thấy ba lần, hoàn toàn giống như kinh dạy*”. Thuở ấy, chư vị phải biết, kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật và kinh A Di Đà còn chưa dịch ra, Huệ Viễn đại sư niệm Phật hoàn toàn căn cứ theo kinh Vô Lượng Thọ. Vì vậy, Ngài thấy cảnh giới bèn lấy kinh Vô Lượng Thọ để chứng minh, Ngài nói “*hoàn toàn tương ứng với những điều kinh dạy*” tức là nói tới những điều được giảng trong kinh Vô Lượng Thọ.

Kinh Vô Lượng Thọ được phiên dịch rất nhiều trong thuở ấy. Đại khái là nhiều đến bảy tám thứ. Thuở tại thế, đức Thế Tôn thường giảng bộ kinh này, nên chẳng giống những kinh khác chỉ được giảng một lần trong đời Ngài. Kinh Vô Lượng Thọ được giảng rất nhiều lần, có thể thấy kinh này trọng yếu. Các bản được truyền đến Trung Quốc cũng là các phiên bản khác nhau, nên mới được phiên dịch nhiều lần. Từ đời Hậu Hán đến đời Nam Tống có tất cả mười hai lần phiên dịch, nhưng đáng tiếc là bảy bản đã bị mất, hiện thời còn giữ được năm bản. Cổ đức khảo chứng năm bản ấy, [nhận định] tối thiểu là có ba loại [bản gốc] khác nhau, nên kinh Vô Lượng Thọ mới cần phải hội tập. Hội tập lần đầu tiên là cư sĩ Vương Long Thư đời Tống, bản hội tập của ông ta được gọi là Đại A Di Đà Kinh.

(Sao) Hựu vân: Kỳ ma-ni thủy, lưu chú hoa gian, tâm thụ thượng hạ.

(鈔) 又云：其摩尼水，流注華間，尋樹上下。

(Sao: Lại nói: “Nước ma-ni ấy chảy vòng trong hoa, lên xuống theo các cây”).

Nước ấy rất lạ lùng! Nước trong cõi này chỉ chảy xuống, chẳng chảy ngược lên. Nước trong Tây Phương Cực Lạc thế giới có thể chảy ngược lên, chảy xuống dưới lại chảy ngược lên, rồi lại chảy xuống dưới xong bèn chảy ngược lên, nó có thể chảy ngược lên! Vì thế, nước vô cùng đẹp đẽ.

(Sao) Kim chỉ ngôn bảo trì, bất ngôn thủy diệc bảo thành.

(鈔) 今止言寶池，不言水亦寶成。

(Sao: Nay kinh này chỉ nói tới ao báu, chẳng nói nước cũng do chất báu hợp thành).

Trong kinh này chẳng nói nước cũng là do bảy báu thành tựu.

(Sao) Cập lưu chú thượng hạ.

(鈔) 及流注上下。

(Sao: Và chảy lên, chảy xuống).

Trong kinh này chẳng có những chữ ấy.

(Sao) Tổng nhiếp thủy trung cố.

(鈔) 總攝水中故。

(Sao: Vì [những ý nghĩa ấy] đều được thấu nhiếp trong [phần kinh văn nói về] nước).

Đều được bao hàm trong [phần kinh văn nói về] nước có tám công đức.

(Sao) Thủy bản tựu hạ, tùng hạ thượng lưu, thử phương sở vô cố.
(鈔) 水本就下，從下上流，此方所無故。

(Sao: Nước vốn chảy xuống dưới, từ dưới chảy lên trên, phương này chẳng có).

Trong thế giới này không có [hiện tượng ấy]. Nước trong thế giới này chỉ chảy xuống, chẳng chảy ngược lên. Nước trong Tây Phương Cực Lạc thế giới chảy ngược lên trên.

(Sao) Như Hạ Sanh Kinh vân: Đâu Suất Đà thiên, hữu thủy du lương đồng gian, tức kỳ loại dã.

(鈔) 如下生經云：兜率陀天，有水遊梁棟間，即其類也。

(Sao: Như kinh Hạ Sanh nói: “Cõi trời Đâu Suất Đà có nước chảy luôn trong kèo rường”, tức là thuộc loại này vậy).

Trên quả địa cầu trong thế giới Sa Bà chẳng có, nhưng Đâu Suất Đà Thiên, tức là đạo tràng của Di Lặc Bồ Tát, nước trong cõi trời ấy cũng chảy ngược lên trên, vòng theo kèo cột, vô cùng đẹp đẽ. Nay chúng ta có thể dùng máy móc chạy bằng điện để buộc nước chảy lên trên, nhưng người ta không cần, tự nhiên bèn có cảnh tượng ấy. Trong Quán Kinh và Đại Bồn đã nói tỉ mỉ điều này. Hôm nay, chúng tôi giảng tới đây.

Tập 139

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang ba trăm lẻ một:

(Sớ) Bát công đức giả, Đường dịch vân: Nhất trừng tịnh, nhị thanh lãnh, tam cam mỹ, tứ khinh nhuyễn, ngũ nhuần trạch, lục an hòa, thất trừ cơ khát, bát trưởng dưỡng chư căn. Cụ bát chủng công đức, lợi ích chúng sanh dã.

(疏) 八功德者，唐譯云：一澄淨，二清冷，三甘美，四輕軟，五潤澤，六安和，七除肌渴，八長養諸根，具八種功德，利益眾生也。

(Sớ: “Tám công đức”, bản dịch đời Đường nói: Một là trong lặng, hai là mát lạnh, ba là ngọt ngào, bốn là mềm nhẹ, năm là nhuần thấm, sáu là an hòa, bảy là trừ đói khát, tám trưởng dưỡng các căn. Đủ tám thứ công đức, lợi ích chúng sanh).

Lời Sớ đã đem “tám thứ công đức” nêu ra từng chuyện một. Ở đây, [Liên Trì] đại sư trích dẫn bản “Đường dịch”, “Đường dịch” là bản dịch [kinh A Di Đà] của Huyền Trang đại sư. Chúng ta biết kinh A Di Đà có hai bản dịch từ tiếng Phạn sang tiếng Hán, bản hiện thời chúng ta đang đọc do Cưu Ma La Thập đại sư phiên dịch, bản này được dịch vào đời Hậu Tần thuộc thời Đông Tấn. Đời Đường, Huyền Trang đại sư từ Ấn Độ trở về, cũng đem theo kinh A Di Đà bản tiếng Phạn, lão nhân gia cũng dịch bộ kinh này sang tiếng Hán, nhưng bản này chẳng được lưu thông đơn độc, rất ít người đọc đến. Nay chúng tôi đưa bản ấy vào Tịnh Độ Ngũ Kinh Độc Bản, nên chư vị thấy trong Ngũ Kinh Độc Bản có bản Đường dịch này. Cận đại, lão cư sĩ Hạ Liên Cư đã kết hợp hai bản dịch của La Thập đại sư và Huyền Trang đại sư thành một bản, tức là bản hội tập. Bản ấy cũng có trong Ngũ Kinh Độc Bản. Do vậy, Ngũ Kinh Độc Bản là một điển tịch vô cùng hoàn bị của Tịnh Độ Tông. Hiện thời, mọi người đều đọc tụng bản của ngài La Thập, Ngài dịch hết sức hay!

Cận đại, đúng như đức Phật đã nói trong kinh Lăng Nghiêm: Thời kỳ Mạt Pháp, “tà sư thuyết pháp nhiều như cát sông Hằng”, chúng ta phải đặc biệt lưu ý điều này, vì sao? Do tâm lòng tốt lành, phát tâm học Phật, nếu gặp phải một gã tà sư, quý vị không chỉ chẳng thể thành tựu Phật pháp,

mà còn học trúng ma pháp, đi vào ma đạo, rất oan uổng! Vì sao tôi nói những lời này? Xưa kia, khoảng độ mười mấy năm trước, có một lần tôi đến Phật Quang Sơn, có những học trò tại Phật Quang Sơn hỏi tôi một vấn đề, vấn đề gì vậy? Họ nói có một pháp sư dạy học tại chỗ họ, bảo bọn họ Tây Phương Cực Lạc thế giới là chuyện chẳng có, cái gọi là “A Di Đà Phật” chính là thần mặt trời! Họ hỏi tôi: “Chuyện ấy xuất phát từ kinh nào?” Tôi đáp: “Tôi không biết! Thuở trước, tôi có xem qua Đại Tạng Kinh, nhưng chẳng có ấn tượng về chuyện ấy. Nếu quý vị hỏi chuyện này phát xuất từ bộ kinh nào, hãy đi hỏi vị pháp sư nói chuyện ấy”. Những chuyện này đều là bịa đặt, đồn thổi, hủy báng chánh pháp, tội lỗi khôn cùng! Người nói những lời lẽ đó chẳng phải chỉ có một gã ấy! Tôi ở Mỹ cũng từng nghe có kẻ nói kinh A Di Đà là ngụy tạo, chẳng thật.

May mắn là Huyền Trang đại sư từng đến Ấn Độ, Ngài cũng đem kinh này về. Huyền Trang đại sư có thể chứng minh cho chúng ta thấy: Kinh này là thật, chắc chắn chẳng phải là ngụy tạo. Nếu [bản dịch] kinh này của La Thập đại sư là ngụy tạo, nhất định là thuở ấy Huyền Trang đại sư đã phê phán rồi. Nói thật thà, động cơ (motivation) khiến cho Huyền Trang đại sư sang Ấn Độ cầu học là do hoài nghi những kinh điển đã phiên dịch [tại Trung Hoa vào thời ấy] chưa đủ chân thật, có thể là có những chỗ dịch chẳng đúng cho lắm, chẳng thể [diễn tả] trọn hết ý nghĩa của người giảng, nên Ngài mới qua Ấn Độ. Sau khi trở về nước, đối với những kinh điển do cổ đức đã phiên dịch, Ngài chẳng phê phán một câu nào. Nói cách khác, thầy đều thừa nhận những bản dịch của cổ đại đức chẳng sai lầm!

Khó có hơn nữa, một đại đồ đệ đặc ý của Ngài là Khuy Cơ đại sư. Khuy Cơ đại sư là tổ sư khai sơn của Pháp Tướng Duy Thức Tông của Trung Quốc. Pháp Tướng Duy Thức do Huyền Trang đại sư mang từ Ấn Độ về, truyền cho Trung Quốc, nhưng thành lập tông phái tại Trung Quốc là do công của đồ đệ Ngài. Khuy Cơ đại sư soạn chú giải cho kinh Di Đà, nhưng điều rất lạ lùng là Ngài chẳng dùng bản dịch của thầy, mà ngược lại, dùng bản dịch của Cưu Ma La Thập đại sư, điều này rất kỳ quặc! Người hiện thời vừa nhìn thấy điều này, [ắt sẽ phê phán] “học trò chẳng tôn kính thầy một tí nào!” Bản dịch của thầy tuyệt đối chẳng thể thua kém bản dịch của ngài Cưu Ma La Thập. Nếu dịch kém hơn ngài Cưu Ma La Thập, sẽ chẳng cần phải dịch [thêm] bản [mới] này. Đương nhiên là dịch rất hay, nên bản ấy mới cùng tồn tại trong cõi đời! Thầy trò hai Ngài vẫn là vô cùng tôn trọng cổ đại đức, vẫn y như cũ dùng bản dịch của cổ đức đã được lưu thông. Thế hệ hiện thời chẳng làm được điều này. Từ điều này, ta có thể thấy đức hạnh của thầy trò Ngài. Người ta đúng là tự khiêm,

tôn trọng người khác. Vì thế, bản chú giải kinh Di Đà của Khuy Cơ đại sư được lưu truyền cho tới ngày nay. Chúng ta trông thấy bản chú giải ấy, những lời bịa đặt kia chẳng cần phải đả phá mà tự sụp đổ!

[A Di Đà Kinh] Thông Tán Sớ do Khuy Cơ đại sư soạn, phát xuất từ chính tay của vị tổ sư Pháp Tướng Duy Thức. Cách dịch của Huyền Trang đại sư là trực dịch, cặn kẽ hơn so với bản chúng ta đang đọc hiện thời. Chẳng hạn như trong bản dịch của La Thập đại sư chỉ nói “*bát công đức thủy*”, trọn chẳng nói là tám thứ gì, nhưng trong bản dịch của Huyền Trang đại sư đã nêu rõ danh xưng của tám điều ấy. Vì vậy, có sự giản lược [hay chi tiết] khác nhau! Bởi lẽ đó, hai bản dịch đích xác là có thể dùng để tham khảo lẫn nhau.

(Sớ) Quán Kinh Sớ khai bát đức, dữ thử tiểu dị. Trì để kim sa giả, kim sa vi để, vô nê chỉ dã

(疏) 觀經疏開八德，與此小異，池底金沙者，金沙為底，無泥滓也。

(Sớ: Quán Kinh Sớ nói tám đức hơi khác với ở đây. “Trì để kim sa” là cát bằng vàng trải đáy, chẳng có bùn lầy, chất cặn).

Chẳng có bùn cát.

(Sao) Nhất, trừng tịnh giả, vị trừng đình, khiết tịnh, ly ô trước cố.

(鈔) 一澄淨者，謂澄淨潔淨，離汙濁故。

(Sao: Một là lắng trong, tức là lắng trong, tinh khiết, sạch sẽ, chẳng ô trước).

Nước ở chỗ chúng ta cũng lắng trong, nhưng chẳng nhiều lắm. Chỉ có ở trong núi, như trong dòng suối nhỏ, nước suối lắng trong, chứ nước trong sông ngòi đều đục ngầu. Nước Hoàng Hà vàng quạch, nước Trường Giang cũng vàng khè. Đó là do chất nước chẳng sạch, xen tạp phù sa. Nước trong Tây Phương Cực Lạc thế giới lắng trong, nước trong thế giới chúng ta tuyệt đối chẳng thể nào sánh bằng, vì sao? Trong phần trước, tôi đã thừa cùng quý vị, nước ở chỗ chúng ta do hydrogen và oxygen kết hợp. Nói cách khác, chính ngay bản chất đã chẳng thanh tịnh. Nước trong Tây Phương Cực Lạc do bảy báu hóa hợp, chúng ta rất khó lý giải điều này. Vì sao? Do trong thế giới này chẳng có [tình hình ấy], thế giới của chúng ta há có bảy báu kết hợp thành nước? Chẳng có, mà cũng chưa hề nghe

nói tới! Chỉ ở trong kinh Phật mới có cách nói này, nên chúng ta chẳng có cách nào tưởng tượng được. Chỉ có thể dùng nước của chúng ta để sánh ví, sự sánh ví luôn là mượn tượng, chẳng có cách nào sánh ví khít khao! Đó là điều tốt đẹp thứ nhất. Điều thứ hai...

(Sao) Nhị, thanh lãnh giả.

(鈔) 二清冷者。

(Sao: Hai là trong mát).

Mát mẻ, nước ấy mát mẻ.

(Sao) Vị thanh trạch lương lãnh, vô phiền nhiệt cố.

(鈔) 謂清湛涼冷，無煩熱故。

(Sao: Tức là trong lặng, mát lạnh, chẳng nóng bức).

Không giống như nước bên này. Nước ở đây mùa Đông rất lạnh, mùa Hè hễ bị mặt trời nung nấu, nước bên nóng hôi hổi. Nước bên Tây Phương Cực Lạc thế giới vĩnh viễn giữ được sự mát mẻ, chẳng quá lạnh, mà cũng chẳng quá nóng. Lại nữa, hết thủy đều có thể thuận theo lòng mong muốn, điều này vô cùng khó có!

Lần này, ấn hành Ngũ Kinh Độc Bản, tôi khuyên chư vị đồng tu, đối với chín bản dịch gốc và các bản hội tập ấy, tôi mong mỗi mọi người hãy đọc một lần. Sau khi đã đọc một lần, rất nhiều nghi vấn sẽ chẳng còn nữa. Chẳng hạn như hôm trước có một vị đồng tu dẫn theo hai đứa con, ngay cả đứa nhỏ đã học Đại Học từ phía Nam tới. Họ học Thiên, mong minh tâm kiến tánh, tôi khuyên họ niệm Phật. Họ chẳng có hứng thú gì đối với Tây Phương Cực Lạc thế giới, thưa: “Trong tương lai, A Di Đà Phật cũng phải nhập Niết Bàn, có thể thấy vô lượng thọ trong Tây Phương chẳng phải là vô lượng thọ thật sự!” Những người này đối với pháp môn Tịnh Độ chẳng biết mảy may gì, toàn là nghe kẻ khác nói lại, chẳng có căn cứ, nảy sanh khá nhiều hiểu lầm. Đại Kinh đã nói rất rõ ràng, sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, thọ mạng đúng là vô lượng, vô lượng thật sự, màu nhiệm ở chỗ nào? Màu nhiệm ở chỗ tùy ý, đó là tự tại! Người ấy nói “ta thích thọ mạng là một kiếp” bèn thọ một kiếp, thích [thọ mạng] hai kiếp bèn thọ hai kiếp, thích [thọ mạng] một ngàn kiếp, một vạn kiếp, một ức kiếp, mong mỗi vô lượng vĩnh viễn chân thật, chẳng có điều gì quý vị không thể đạt được! Có thể thấy người trong Tây Phương thế giới thọ mạng tự tại! A Di Đà Phật xác thực là vô lượng chân thật, tuyệt đối chẳng

phải là vô lượng trong hữu lượng, mọi người đọc kinh bốn nhiều một chút đều hiểu rõ điều này! Sự thù thắng trang nghiêm ấy chúng ta tuyệt đối chẳng thể tưởng tượng được! Thứ ba...

(Sao) Tam, cam mỹ giả, vị cam chỉ mỹ diệu, cụ chí vị cố.

(鈔) 三甘美者，謂甘旨美妙，具至味故。

(Sao: Ba là ngon ngọt, tức là ngọt ngào, ngon lành, trọn đủ vị tuyệt diệu).

Đây là nói về vị của nước. Nước trong thế gian này thì nước biển mặn, thô rít, các thứ nước thông thường thì nhạt nhẽo. Cũng có loại ngọt ngào, nhưng vô cùng hiếm. Nước suối ngọt cực ít, quý vị nếm thấy ngọt là chuyện rất hy hữu. Nước trong Tây Phương Cực Lạc thế giới thấy đều ngọt ngon. Sau khi quý vị uống nước đó, sẽ hết đói khát, các căn được tăng trưởng, có công đức như vậy. Thứ tư là...

(Sao) Tứ, khinh nhuyễn giả, khinh dương, nhu nhuyễn, khả thượng hạ cố.

(鈔) 四輕軟者，輕揚柔軟，可上下故。

(Sao: Bốn là “khinh nhuyễn” tức là nhẹ nhàng, mềm mại, có thể chảy lên hay xuống [tùy ý]).

Nước trong thế giới này chẳng có đặc tánh này, ba điều trước còn tương tự đôi chút. Nước trong cõi chúng ta nặng nề, nên chỉ có thể chảy xuống, chẳng thể chảy ngược lên trên. Nước trong Tây Phương Cực Lạc thế giới mềm mại, nhẹ nhàng, không chỉ có thể chảy xuống, mà còn có thể chảy ngược lên trên, điều này rất thú vị. Thứ năm...

(Sao) Ngũ, nhuận trạch giả, vị tân nhuận, hoạt trạch, bất khô sáp cố.

(鈔) 五潤澤者，謂津潤滑澤，不枯澀故。

(Sao: Năm là nhuận trạch, tức là tươi nhuận, trơn láng, chẳng khô rít).

Nước trong thế gian này cũng chẳng có những đặc tánh ấy. Nước ở nơi đây, nếu rửa mặt, tắm gội quá nhiều, có thể khiến cho da dẻ bị tổn thương, vì sao? Vì nó khô rít, có tác dụng ăn mòn. Nước trong Tây Phương

Cực Lạc thế giới tươi nhuận, giống như những mỹ phẩm chúng ta dùng để chăm sóc da hiện thời. Vì thế, đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, mỹ phẩm gì cũng đều hoàn toàn chẳng dùng tới, vì sao? Nước tốt đẹp, nước là thứ dưỡng da tốt nhất. Thứ sáu...

(Sao) Lục, an hòa giả, vị an tĩnh, hòa hoãn, tuyệt tẩn phiếm cố.

(鈔) 六安和者，謂安靜和緩，絕迅汎故。

(Sao: Sáu là an hòa, tức là an tĩnh, hòa hoãn, trọn chẳng chảy xiết, dâng tràn).

“An hòa”: Nước trong thế gian cũng không có đặc tính này. “Tẩn” (迅) là dòng nước chảy xiết. Nước chảy xiết rất nguy hiểm, thế giới Tây Phương chẳng có. “Phiếm” là “phiếm lạm” (汎濫: dâng tràn), trở thành thủy tai. Thế giới Tây Phương cũng chẳng có chuyện này, quyết định chẳng có hiện tượng này. Đây là ưu điểm của nước. Hai điều sau đây đích xác là công đức chân thật của nước.

(Sao) Thất, trừ cơ khát giả, vị thủy cần chỉ khát, kim kiêm liệu cơ, hữu thắng lực cố.

(鈔) 七除飢渴者，謂水僅止渴，今兼療飢，有勝力故。

(Sao: Bảy là trừ đói khát, tức là nước chỉ trừ khát, nay kiêm thêm chữa đói, do có sức thù thắng).

Từ Đại Kinh, chúng ta thấy người trong thế giới Tây Phương muốn ăn gì, thứ ấy đều có. Nếu chẳng muốn ăn, có thể chẳng cần ăn gì. Nay chúng ta chẳng muốn ăn gì thì không ăn bèn không xong! Không ăn sẽ đói. Người trong thế giới Tây Phương có thể khỏi ăn gì hết! Chúng ta hãy suy nghĩ, vì sao họ có thể chẳng ăn gì? Nước tám đức trong ao bảy báu dùng chẳng hết. Nước không chỉ có thể trừ khát, mà còn có thể no bụng. Huống chi nước ấy có vị vô cùng ngon ngọt, thanh lương, cho nên nó có chất dinh dưỡng dồi dào.

Chúng ta biết người trong Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng từ bé dần dần trưởng thành, họ là “*thanh hư chi thân, vô cực chi thể*” (cái thân thanh hư, cái thể vô cực), thân thể vĩnh viễn bất hoại, há cần đến ăn uống! Có sao ở đây nói đến chuyện đói khát? Câu kệ tiếp có hai chữ cần phải chú ý, “*hữu thắng lực cố*” (do có sức thù thắng), đây là nước giúp đỡ quý vị tăng trưởng thể lực. Do thể lực ấy, bèn có thể phi hành mười

phương, trên cùng chư Phật, dưới hóa độ chúng sanh, có thể tăng trưởng sức mạnh ấy. Thứ tám...

(Sao) Bát, trưởng dưỡng chư căn giả, vị tăng trưởng dưỡng dục thân tâm nội ngoại cố.

(鈔) 八長養諸根者，謂增長養育身心內外故。

(Sao: Tám là “trưởng dưỡng các căn”, tức là tăng trưởng, nuôi nấng thân tâm, trong, ngoài).

“Trưởng” (長) là tăng trưởng, “dưỡng” (養) ở đây là dinh dưỡng, giống như thân thể chúng ta hiện thời phải hấp thụ chất dinh dưỡng. “Chư căn” là sáu căn. Chư vị phải hiểu “trưởng dưỡng chư căn” ở chỗ này, nhìn bề ngoài, dường như là nói về sắc thân, trên thực tế chẳng phải là nói đến sắc thân, vì sao? Căn thân của họ chẳng có nhu cầu ấy (tức là nhu cầu được bù đắp chất dinh dưỡng bị hao hụt do các hoạt động). “Trưởng dưỡng chư căn” là tăng trưởng năng lực nơi căn tánh của sáu căn, nói như vậy thì mới thông suốt! Vì quý vị đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, nay chúng ta đều hiểu rõ ràng, minh bạch: Hễ sanh về nơi ấy, địa vị thấp nhất là Sơ Phát Tâm Bồ Tát, là Bồ Tát thuộc địa vị Sơ Tín, từ địa vị Sơ Tín cho đến Đẳng Giác là năm mươi một tầng cấp. Do chúng ta đời nghiệp vãng sanh, nên công đức của nước nơi ấy có thể giúp chúng ta đoạn phiền não, phá vô minh, khai phát công đức trong tự tánh. “Trưởng dưỡng chư căn” có ý nghĩa như vậy!

(Sao) Quán Sớ bát đức giả.

(鈔) 觀疏八德者。

(Sao: “Bát đức” theo Quán Kinh).

“Quán” là Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh, “Sớ” là Sớ Sao, tức là bộ Diệu Tông Sao. Sớ do Trí Giả đại sư viết, Sao là chú giải của Sớ, do Tứ Minh tôn giả soạn. Trong lời Sớ, Ngài giải thích chữ “bát đức” hơi khác với cách Huyền Trang đại sư đã nêu trong kinh Di Đà.

(Sao) Nhất khinh, nhị thanh, tam lãnh, tứ nhuyễn, ngũ mỹ, lục bất xú, thất ẩm thời điều thích, bát ẩm dĩ vô hoạn, cửu thượng đại đồng tiểu dị.

(鈔) 一輕，二清，三冷，四軟，五美，六不臭，七飲時調適，八飲已無患，與上大同小異。

(Sao: Một là nhẹ, hai là trong, ba là lạnh, bốn là mềm, năm là đẹp, sáu là chẳng hôi thối, bảy là khi uống cảm thấy vừa phải, thích hợp, tám là uống rồi chẳng bị bệnh tật, hơi sai khác đôi chút so với phần trên).

Những điều này hơi sai khác với [tám công đức được nói] trong phần trước.

(Sao) *Thử hợp kinh nhuyễn, bỉ phân vi nhị.*

(鈔) 此合輕軟，彼分為二。

(Sao: Kinh này gộp “nhẹ nhàng” và “mềm mại” thành một, sách kia tách thành hai).

Chữ “*thử*” chỉ bản dịch của Huyền Trang đại sư mà chúng ta đang dùng ở đây, còn “*bỉ*” là chú giải kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật của Trí Giả đại sư, trong ấy có tách ra hay gộp vào sai khác. Kinh Vô Lượng Thọ nói hoàn toàn giống như trong bản kinh này (bản dịch của Huyền Trang đại sư).

(Sao) *Thử vô bất xú, bỉ khuyết nhuận trạch, cập dĩ an hòa, nhiên nghĩa tắc hỗ kiến.*

(鈔) 此無不臭，彼缺潤澤，及與安和，然義則互見。

(Sao: Bản này thiếu “chẳng hôi thối”, bản kia thiếu “nhuận trạch” và “an hòa”, nên hai bản có thể dùng để tham chiếu ý nghĩa lẫn nhau).

Ở đây có tách ra hay gộp vào, có [những chỗ] khác nhau và giống nhau, nhưng ý nghĩa đều trọn đủ. Chúng ta xem lời giải thích tiếp theo sẽ biết.

(Sao) *Dĩ trừng tịnh, thanh lãn, tất vô xú ác.*

(鈔) 以澄淨清冷，必無臭惡。

(Sao: Bời lẽ, lắng sạch, trong mát, ắt chẳng hôi thối, tởm lợm).

Đây là đạo lý nhất định.

(Sao) Ký khinh thả nhuyễn, khởi bất an hòa, lược thiếu nhuận trạch, cổ vân “tiểu dị”.

(鈔) 既輕且軟，豈不安和，略少潤澤，故云小異。

(Sao: Đã nhẹ lại mềm, há chẳng an hòa? Chỉ thiếu “nhuận trạch”, nên nói “khác biệt đôi chút”).

Ngoại trừ “nhuận trạch”, những ý nghĩa khác của nước đều trọn đủ.

(Sao) Hựu bỉ phối Lục Nhập.

(鈔) 又彼配六入。

(Sao: Sách ấy, lại phối hợp [tám công đức] với Lục Nhập).

Lục Nhập là sáu căn.

(Sao) Thử tác trùng tịnh Sắc Nhập, cam mỹ Vị nhập. Chí vân “trưởng dưỡng chư căn”, tắc Nhĩ, Ty, Thân, Ý, giai nhiếp chi hĩ.

(鈔) 此則澄淨色入，甘美味入。至云長養諸根，則耳鼻身意，皆攝之矣。

(Sao: So với kinh này thì “lắng sạch” ứng với Sắc, “ngon ngọt” ứng với Vị, cho đến “trưởng dưỡng các căn”, tức là tai, mũi, thân, ý đều được nhiếp vậy!)

Có nghĩa là: “Thanh” (trong trẻo) là do mắt thấy, thấy nước ấy lắng trong. “Chẳng hôi thối” là do mũi ngửi. “Ngon ngọt” là do lưỡi nếm. Trong trẻo, mát lạnh, mềm mại là do thân thể tiếp xúc bèn cảm nhận. “Điều thích”: Điều (調) là trong tâm cảm thấy sướng khoái, thuộc về Ý Căn. Giống như trong phần trước đã nói, gió nhẹ thổi đến, nước hơi gợn sóng, nó cũng vang ra âm thanh, cũng có thể thuyết pháp, tức là có Thanh Nhập, tai cũng có thể nghe thấy. Vì thế, cảnh giới này vô cùng vi diệu chẳng thể nghĩ bàn. Nước trong thế gian này tuy có những điểm tương tự, nhưng chẳng thể trọn đủ công đức chân thật nhiều như vậy.

(Sao) Hựu Đại Bản vân.

(鈔) 又大本云。

(Sao: Lại nữa, kinh Đại Bản nói).

“Đại Bản” là kinh Vô Lượng Thọ. Kinh văn của kinh Vô Lượng Thọ được trích trong bộ chú giải này quá nửa từ bản Hội Tập của ông Vương Long Thư.

(Sao) Đại hà chi hạ, kim sa bố địa, hữu chư thiên hương, thế vô năng du, tùy thủy tán phức, tạp thủy lưu phương, giai hương nhập chi chứng dã.

(鈔) 大河之下，金沙布地，有諸天香，世無能喻，隨水散馥，雜水流芳，皆香入之證也。

(Sao: “Dưới sông lớn, cát bằng vàng trải đáy, có các mùi hương trời, thế gian chẳng thể sánh ví được, theo nước chảy mà tỏa mùi thơm ngát, hòa lẫn cùng nước lan tỏa mùi thơm”, [những điều vừa nói này] đều là bằng chứng về Hương Nhập vậy).

Dẫn kinh văn của kinh Đại Bản để chứng minh. Trong nước ấy có mùi thơm, chắc chắn nhân gian chúng ta chẳng có hương vị ấy. Kinh Đại Bản nói rất tỉ mỉ: Nhân gian không có, mà cõi trời cũng không, nên gọi là “bảo hương”. Hơn nữa, mùi hương ấy theo nước chảy, gió thổi, mà lan tỏa trọn khắp thế giới Cực Lạc, cho đến chúng sanh hữu duyên trong mười phương đều có thể ngửi thấy. Nghe mùi hương lạ là “thụy ứng” (瑞應: điềm ứng hiện tốt lành), một người tu học chân thành có thể gặp được cảnh giới ấy, nhưng cảnh giới ấy chẳng phải là cầu được. Nếu trong tâm quý vị thường mong tưởng: “Có sao ta vẫn chưa ngửi thấy mùi hương ấy?” Khi đó, quý vị cũng sẽ thường ngửi thấy, nhưng sợ rằng mùi hương do quý vị hữu tâm cầu mong ấy chẳng phải là thật! Vì sao? Do quý vị có cầu, nếu yêu ma quỷ quái nhận biết, chúng có thể bỡn cợt, lừa gạt quý vị. Chúng nó cũng có thể đốt hương cho quý vị ngửi thấy, [hương ấy] chẳng phải là từ Tây Phương Cực Lạc thế giới. Quý vị vô tâm mà ngửi thấy, sẽ thường là thật, là cảm ứng đạo giao.

Nhưng chư vị phải ghi nhớ, cảm ứng thụy tướng (tướng tốt lành) chẳng thể nhiều, trong mấy năm mới có một hai lần, đó là hảo cảnh giới. Nếu thường xuyên có, tức là bị ma dựa rôi, chúng ta phải hiểu chuyện này. Phật và ma khác biệt ở chỗ này. Trong cách dạy của đức Phật, hết thảy đều là bình thường, cách dạy của ma là phi thường, toàn là chuyện lạ lùng, kỳ quái, nhằm dụ dỗ, mê hoặc quý vị tham, sân, si, mạn. Nói cách khác, Ma dạy quý vị tăng trưởng tham, sân, si, mạn, còn cách dạy của Phật, Bồ Tát nhằm dạy quý vị tăng trưởng Giới, Định, Huệ, chẳng phải là [tăng trưởng] tham, sân, si, mạn. Vì thế, người học Phật chân chánh, dầu trông

thấy tượng Phật, ngửi được mùi hương lạ, cũng giống như chẳng hề có những chuyện ấy! Giống như trong kinh Kim Cang đã nói: “*Phàm những gì có hình tướng, đều là hư vọng*”, đó là đúng.

Thông thường, khi sự cảm ứng ấy hiện tiền, quá nửa là thuộc vào ba thời kỳ:

1) Thời kỳ thứ nhất là khi quý vị mới học, [thụy tướng] giúp cho quý vị dấy lòng tin tưởng. Quý vị chẳng tin tưởng cho lắm, bèn giúp cho quý vị sanh lòng tin. Sau khi đã thật sự tin tưởng, [những thụy tướng ấy] từ đó trở đi chẳng còn nữa! Vì thế, có những người, hình như năm ngoái còn có một đồng tu hỏi tôi: Lúc mới học, ông ta thường ngửi thấy mùi thơm, nay đã qua nhiều năm ngàn ấy, trước nay chẳng ngửi thấy lần nào nữa, có phải là lui sụt hay không? Tôi bảo người đó: “*Chẳng phải là thụt lùi! Nếu ông thường ngửi thấy là hồng bát. Coi như thôi rồi, ông đã bị ma dựa lâu rồi!*”

2) Thời kỳ thứ hai, có thể có hiện tượng như thế là lúc công phu của quý vị đạt đến một mức độ nào đó, giống như đi thi, giống như học trò nhập học, nhập học bèn có trải nghiệm, học đến một giai đoạn nào đó bèn thi cử. Đó là Phật đến sát hạch.

3) Lần thứ ba là lúc lâm chung vãng sanh, khi ấy, nhất định quý vị thấy thụy tướng, nhất định ngửi thấy mùi thơm. Từ kinh Đại Bồn, chúng ta thấy rất rõ ràng là như vậy. Có những người tâm địa thanh tịnh, công phu thành thực, bèn có thể cho biết: “*Phật đến tiếp dẫn tôi, tôi trông thấy*”. Thậm chí có khi những người đang hiện diện cũng đồng thời đều trông thấy và ngửi thấy, thụy tướng cảm ứng đặc biệt mạnh mẽ, chắc chắn là Thượng Phẩm Thượng Sanh. Đại khái, người trung hạ phẩm vãng sanh, nhất là hạ bói vãng sanh, tức là người vãng sanh trong ba phẩm hạ, khi lâm chung thấy Phật, cũng ngửi thấy mùi hương, nhưng chẳng thể nói, vì sao? Đã chẳng còn có sức lực, muốn nói năng, đại khái chỉ đành mấp máy môi, chẳng có âm thanh, nói không nên lời, nhưng những người như thế cũng vãng sanh.

Điều trọng yếu nhất để vãng sanh là ý niệm phải kiên quyết, quyết định cầu sanh Tịnh Độ, có tín tâm kiên định, tin Phật quyết định chẳng đổi gạt chúng ta, phải có tín tâm như vậy, may may hoài nghi đều chẳng có. Lúc bình thường, phải nhất tâm chuyên niệm A Di Đà Phật; hễ niệm mệt, bèn nghỉ ngơi. Nghỉ khỏe khoản xong, bèn niệm tiếp. Nếu quý vị có việc gì [cần phải làm], hãy buông Phật hiệu xuống, chuyên tâm làm việc ấy. Làm xong việc, lại niệm tiếp, đó là đúng. Ngàn vạn phần chớ nên vừa làm việc vừa niệm Phật, đó là sai mất rồi, đó là xen tạp! Niệm Phật [kiểu

ấy] chẳng tốt đẹp, vừa niệm Phật vừa nghĩ đến công chuyện, xen tạp công chuyện [vào Phật hiệu], niệm Phật chẳng trọn vẹn, mà công chuyện cũng chẳng làm tốt đẹp, hai đàng đều lỡ làng! Vì thế, phải chú ý điều này. Khi làm việc, buông Phật hiệu xuống, chuyên tâm làm việc, nên công việc cũng được thực hiện tốt đẹp. Làm việc xong xuôi, lại khởi Phật hiệu lên. Niệm Phật cũng tốt đẹp luôn, đó mới là đúng! Những điều này là thường thức cơ bản trong sự tu học của chúng ta, nhất định phải biết.

(Sao) Hạ văn thuyết pháp, thị Thanh Nhập dữ Pháp Nhập chứng dã.

(鈔) 下文說法，是聲入與法入證也。

(Sao: Phần kinh văn kế tiếp nói tới thuyết pháp, đó là chứng cứ của Thanh Nhập và Pháp Nhập).

“*Thanh*” cũng nhập vào nước, “*Pháp*” cũng nhập trong nước. Nói tới nước thì kể cả âm thanh thuyết pháp cũng thuộc trong đó. Dưới đây, đại sư giả định một đoạn vấn đáp nhằm giải trừ nghi hoặc.

(Sao) Vấn: Cam mỹ khinh nhuyễn, trừ cơ, trưởng căn, thử phương sở vô, tắc thành nhiên hĩ.

(鈔) 問：甘美輕軟，除飢長根，此方所無，則誠然矣。

(Sao: Hỏi: Ngọt ngào, nhẹ, mềm, trừ đói, tăng trưởng các căn, cõi này chẳng có [những đặc tánh ấy], đúng là như vậy).

Nước trong thế gian này chẳng có mấy đặc tánh ấy.

(Sao) Phàm thủy tất giai thanh lãn, tất giai nhuận trạch, hà bỉ thủy dĩ nhị độc xưng công đức?

(鈔) 凡水悉皆清冷，悉皆潤澤，何彼水以二獨稱功德。

(Sao: Hễ là nước thủy đều trong, mát, thủy đều nhuận thấm, tươi tốt, có sao đối với nước trong cõi ấy lại gọi riêng hai tánh chất ấy là công đức?)

Nước ở chỗ chúng ta cũng mát mẽ, cũng có [đặc tánh] nhuận thấm, có sao nước bên này chẳng được gọi là “công đức”, phải gọi nước trong Tây Phương Cực Lạc thế giới là “công đức”? Đại sư giải thích:

(Sao) Thử thủy tuy diệc thanh lãnh, phùng nhật tắc viêm, ngộ hỏa tắc phí.

(鈔) 此水雖亦清冷，逢日則炎，遇火則沸。

(Sao: Nước trong cối này tuy cũng trong mát, nhưng bị mặt trời chiếu vào bèn nóng bùng, gặp lửa nung bèn sôi sùng sục).

Nước trong cối này có thể biến hóa. Bị mặt trời chiếu rọi bèn nóng lên. Chúng ta đun nó trên lửa, nó sẽ bị đun sôi, sôi sùng sục. So ra chẳng bằng nước trong Tây Phương Cực Lạc thế giới; điều này chẳng sánh bằng nước trong Tây Phương Cực Lạc thế giới luôn trong mát y hệt như vậy.

(Sao) Bỉ túng Kiếp Hỏa lâm chi, thanh lãnh tự như, chung bất viêm phí cố.

(鈔) 彼縱劫火臨之，清冷自如，終不炎沸故。

(Sao: Nước trong cối kia dầu gặp Kiếp Hỏa vẫn trong mát như cũ, trọn chẳng nóng bùng, sôi trào).

Nước trong Tây Phương dầu bị mặt trời nung rọi vẫn mát mẻ; đặt trên lửa, bất luận đun với độ nóng tăng lên bao nhiêu đi nữa, nó vẫn mát mẻ. Những điều này [nước trong cối Sa Bà] chẳng thể sánh bằng! Kiếp Hỏa là lửa to nhất, có thể thiêu rụi thế giới này. Lửa to như thế, nước trong Tây Phương Cực Lạc thế giới vẫn mát mẻ. Vì thế, được gọi là “công đức”! Lại trả lời câu hỏi thứ hai.

(Sao) Thử thủy tuy diệc nhuận trạch, nhật sái tắc can.

(鈔) 此水雖亦潤澤，日曬則乾。

(Sao: Nước trong cối này tuy cũng nhuận thấm, nhưng phơi dưới ánh nắng mặt trời sẽ bị khô cạn).

Mặt trời nung rọi, nước bèn cạn khô.

(Sao) Hỏa bức tắc hạc.

(鈔) 火逼則涸。

(Sao: Bị lửa nung bèn khô queo).

Đến gần lửa, nước biến thành hơi nước, ngay lập tức bốc hơi.

(Sao) Bỉ túng Kiếp Hỏa lâm chi, nhuận trạch tự như, chung bất can hạc cố.

(鈔) 彼縱劫火臨之，潤澤自如，終不乾涸故。

(Sao: Nước trong cõi kia dầu gặp Kiếp Hỏa, vẫn nhuận thấm y như cũ, trọn chẳng khô cạn).

Đây là đặc biệt nói rõ, nước trong ao bảy báu trọn đủ tám thứ công đức.

(Sao) Kim sa giả, Quán Kinh vân: “Chân kim vi cừ”.

(鈔) 金沙者，觀經云：真金為渠。

(Sao: “Cát vàng”, Quán Kinh nói: “Vàng ròng làm thân”).

“Cừ” là cái thân, tức là cuống hoa sen.

(Sao) Cừ hạ giai tạp sắc kim cang nhi vi để sa.

(鈔) 渠下皆雜色金剛而為底沙。

(Sao: Dưới cọng hoa sen⁴¹ là kim cang nhiều màu dùng làm cát lót đáy [ao thất bảo]).

Đúng là ao báu. Đáy những hồ nước ở bên chúng ta đều là bùn cát, còn ao của người ta cát bằng vàng phủ đất!

(Sao) Đại Bản vân: Thuần nhất bảo trì, để sa diệc dĩ nhất bảo.

(鈔) 大本云：純一寶池，底沙亦以一寶。

(Sao: Kinh Đại Bản nói: “Ao thuần bằng một chất báu thì đáy ao cũng dùng [thuần] một chất báu [làm cát trải]”).

Cát bằng vàng phủ đất là nêu ra một thí dụ. Ao bảy báu ấy có thể tùy theo ý nguyện của con người, trong tâm quý vị muốn ao này bằng chất báu nào, ao này sẽ biến thành chất báu như thế ấy, thuận theo lòng muốn, có thể thường xuyên biến hóa. Hết thấy vạn vật đều là do biến hóa mà thành, chẳng cần phải toan tính, chẳng cần phải làm lụng, trong tâm nghĩ thứ gì bèn biến ra thứ ấy. Vì vậy, không có gì chẳng thỏa lòng xứng ý! Nếu muốn ao thuần là vàng, bờ ao ấy sẽ thuần là vàng, đáy cũng là vàng. Quý vị thích thuần là bạc, tất cả đều biến thành màu bạc. Thích vàng bạc xen lẫn, ao bèn trở thành [vàng bạc] xen lẫn.

⁴¹ Ở đây, chúng tôi dịch theo cách giải thích chữ Cừ (渠) của Hòa Thượng. Thông thường, Cừ có nghĩa là cái ngòi, mương, lạch, kênh, máng v.v...

(Sao) Nãi chí thất bảo, diệc phục như thị, kim chỉ kim sa, văn tỉnh tiện cố.

(鈔) 乃至七寶，亦復如是，今止金沙，文省便故。

(Sao: Cho đến bảy báu, cũng đều như thế, nay chỉ nói cát vàng là vì kinh văn nói rút gọn cho tiện vậy).

Nói cặn kẽ trong kinh Vô Lượng Thọ, cát bằng vàng phủ đất là nêu một thí dụ.

(Sớ) Hựu, Đại Bồn tự bảo trì thủy tất, phục khai tam chủng thù thắng diệu dụng.

(疏) 又大本敘寶池水畢，復開三種殊勝妙用。

(Sớ: Lại nữa, sau khi tường thuật về nước trong ao bảy báu xong, kinh Đại Bồn lại nêu ra ba thứ diệu dụng thù thắng).

Đại Bồn là kinh Vô Lượng Thọ. Sau khi giảng về ao bảy báu và nước tám công đức xong, lại đặc biệt nói rõ đức dụng của nước ao, nêu ra ba chuyện.

(Sớ) Nhất, thủy năng tùy ý; nhị, thủy năng thuyết pháp; tam, dục tất tấn nghiệp.

(疏) 一水能隨意，二水能說法，三浴畢進業。

(Sớ: Một là nước có thể tùy ý, hai là nước có thể thuyết pháp, ba là tắm [nước ấy], ắt tăng tấn đạo nghiệp).

Sau khi quý vị tắm rửa trong ấy, thật sự gột sạch phiền não, trí huệ mở mang, rất nhiệm màu! Vì thế, đến nơi ấy tu hành, thường tắm gội trong ao bảy báu là được rồi. Nước có thể khiến cho Kiến Tư phiền não, Trần Sa phiền não và Vô Minh phiền não của quý vị thấy đều gột sạch, chứng đắc Pháp Thân, Bát Nhã, và Giải Thoát, quý vị thấy đó, dễ dàng lắm! Chẳng giống như trong thế gian này, chúng ta tu hành khổ sở trong thế gian này, nói thật sự thì đa số toàn là “tu mù, luyện đui”, quý vị đã từng thấy mấy ai tu thành công? Do điều này, ta biết tu hành chẳng dễ dàng! Tuy thông đạt kinh luận, hiểu rõ Lý, phương pháp cũng thông hiểu, cũng tu đúng như vậy, thật ra, có thành tích hay không? Có thể nói là chẳng có mấy may thành tích nào! Vì sao nói là chẳng có mấy may thành tích nào? Một phẩm tập khí phiền não vẫn chưa đoạn! Vọng tưởng, chấp trước không chỉ là chẳng ít đi, mà mỗi ngày còn tăng trưởng! Vậy thì có tác

dụng gì đâu! Do vậy, cô nhân đã nói một câu, lời ấy càng nghĩ càng thấy có lý: “*Địa ngục môn tiền, tăng đạo đa*” (trước cửa địa ngục, tăng sĩ và đạo sĩ đông đúc). Họ chẳng nói tới người tại gia mà nói là tăng và đạo đông lúc nhúc, điều này chẳng phải là giả!

Đọc những truyện ký trong kinh Phật, thấy chùa Quốc Thanh ở núi Thiên Thai là một đạo tràng hết sức nổi tiếng. Trước đây, ba vị Hàn Sơn, Thập Đắc, và Phong Can làm tạp vụ trong chùa Quốc Thanh, không ai coi trọng họ. Hàn Sơn và Thập Đắc làm việc nặng, đốt lò trong nhà bếp, hòa thượng Phong Can giã gạo. Thuở ấy, có một vị Thứ Sử họ Lu được chánh quyền phái đến đứng đầu nơi ấy, tương đương với chức Thị Trưởng hiện thời. Ông ta ngã bệnh trên đường đi. Bị bệnh rất khổ, tìm rất nhiều thầy lang nhưng vẫn chẳng có cách nào, họ đều bó tay chịu thua. Lúc ấy, có một người xuất gia tìm đến, vị xuất gia ấy chính là ngài Phong Can. Khi Ngài đến nơi, là một người xuất gia ăn mặc rách nát, tả tơi, muốn gặp Thứ Sử, người nhà ngăn cản. Sư nói: “Ông ta bị bệnh, ta đến chữa bệnh”. Vừa nghe nói là chữa bệnh, ngay lập tức mời Sư vào, Sư chữa khỏi bệnh. Trị lành bệnh rồi, hỏi Sư: “Pháp sư từ đâu đến?” Ngài nói: “Tôi từ núi Thiên Thai đến”. Thứ Sử nói: “Đúng là nơi tôi sẽ đến”. Đó là nơi ông ta quản trị, khu vực quản hạt; ông ta hỏi: “Xin hỏi trên núi có cao tăng đại đức hay không?” Sư đáp: “Có chứ! Hai vị đại Bồ Tát Văn Thù và Phổ Hiền đang ở nơi ấy”. Thứ Sử hỏi: “Tôi tìm họ bằng cách nào?” Sư bảo: “Ông hãy tìm Hàn Sơn và Thập Đắc là được!”

Năm ngày sau khi đến nơi trấn nhậm, Thứ Sử lên núi, bái phỏng hai vị cao tăng ấy. Hỏi dò trong chùa, [thì ra] Hàn Sơn và Thập Đắc là hai vị hòa thượng điên điên khùng khùng chuyên nhóm lò. Ông ta chẳng màng giải thích lời thôi, vội vã đến nhà bếp, gặp họ liền si sụp đánh lễ. Hai người dở điên dở khùng ấy cũng chẳng quan tâm tới ông ta, hỏi: “Ngài lạy tôi để làm chi?” Thân phận vừa bị bộc lộ như vậy, biết họ là Văn Thù và Phổ Hiền. Từ miệng Hàn Sơn và Thập Đắc, [người ta] mới biết Phong Can là A Di Đà Phật tái lai. Phật, Bồ Tát làm việc nặng trong đạo tràng để hầu hạ người khác. Điều này được ghi trong Sơn Chí của Thiên Thai Sơn. Nếu triều bái núi Thiên Thai, quý vị sẽ thấy di tích ấy. Thuở đó, trên núi có một khu vườn phóng sanh, chuyên dành cho người ta phóng sanh. Trong vườn phóng sanh có nuôi một bầy ngỗng, Hàn Sơn và Thập Đắc thường đến cho chúng ăn, gọi ngỗng bằng tên, hễ gọi tên con nào, con ấy kêu lên một tiếng đáp lời. Những tên được gọi toàn là tên của những người xuất gia trong chùa Quốc Thanh đã khuất trước kia. Họ gọi tên con nào, con đó bèn chạy tới!

Vì thế, tu hành thì phải thật sự tu. Tu sửa hết mọi vọng tưởng, tật xấu, phiền não, tập khí của chính mình, đó mới là tu hành. “*Hành*” là hành vi. Ý niệm sai lầm, suy nghĩ sai lầm là hành vi trong tâm. Cử chỉ, động tác sai lầm, ăn nói sai lầm là hành vi nơi thân và miệng. Phải sửa đổi, uốn nắn những hành vi sai quấy nơi thân, miệng, ý, đó mới là tu hành. Vì thế, có thể biết chuyện này chẳng liên can gì đến niệm kinh và bái Phật. Dầu quý vị niệm kinh nhiều cách mấy, mỗi ngày niệm tám tiếng đồng hồ, lạy Phật dầu nhiều đến mấy, mỗi ngày lễ mười vạn lạy, nhưng nếu hành vi nơi tam nghiệp thân, miệng, ý của quý vị vẫn y hệt như cũ thì chẳng có chút hữu dụng nào! Hàn Sơn và Thập Đắc đã chê cười người khác, họ cười kẻ niệm Phật: “*Gào toạc cổ họng vẫn uống công*”, vì sao? Miệng có, tâm không! Thật sự biết chính mình sai quấy, đó là khai ngộ, đã thật sự khai ngộ. Mê là gì? Mê là chẳng biết chính mình có sai lầm. Chẳng biết chính mình có lỗi thì quý vị nghĩ xem: Làm sao sửa lỗi cho được? Vĩnh viễn chẳng thể sửa đổi! Do đó, trong Phật môn, khai ngộ là gì? Biết chính mình có lỗi lầm, bèn là khai ngộ, người ấy đã giác ngộ! Đó gọi là “*ngộ hậu khởi tu*”, [nghĩa là] sau khi đã ngộ, quý vị có thể sửa; sửa là tu, tức là tu hành.

Vì vậy, đọc kinh có hai ý nghĩa:

1) Ý nghĩa thứ nhất là tu Giới, Định, Huệ. Ta mở quyển kinh này ra, niệm một giờ mới xong thì một giờ ấy là tu Giới, Định, Huệ.

2) Ý nghĩa thứ hai là kiểm điểm lỗi lầm của chính mình, vì chẳng biết lỗi lầm của chính mình, mà cũng chẳng có ai đến báo cho ta biết. Do vậy, cổ đại đức, hễ có người báo cho các Ngài biết khuyết điểm, đều dập đầu đánh lễ cảm tạ! Chính mình chẳng biết, người ta báo cho mới biết. Ai bằng lòng nói cho quý vị biết lỗi? Chẳng ai nói! Thời cổ, có ba hạng người chịu kể lỗi quý vị: Một là cha mẹ, hai là thầy. Lại còn một loại nữa là các đồng tham đạo hữu tốt nhất của quý vị. Nếu không, ai bằng lòng nói cho quý vị biết lỗi? Không biết chính mình có khuyết điểm, làm cách nào? Đọc kinh! Đọc kinh là kiểm nghiệm lỗi lầm của chính mình. Do vậy, lần này chúng tôi in kinh Vô Lượng Thọ, khắc kèm hai bài Thái Thượng Cảm Ứng Thiên và Văn Xương Đế Quân Âm Chất Văn vào phía sau, hy vọng mọi người đọc đến sẽ kiểm điểm lỗi lầm của chính mình. Mỗi người một ngày có thể sửa một điều sai trái, thưa cùng quý vị, nếu quý vị sửa ba năm, quý vị là Phật, Bồ Tát, đúng vậy, chẳng giả tí nào!

Sửa đổi thì phải là: Sau đây chẳng còn làm nữa. A! Hôm nay ta sửa đổi, ngày mai vẫn làm như cũ thì có tác dụng gì chẳng? Chẳng có tác dụng gì hết! Vì thế, điều quan trọng trong sửa lỗi là sau này chẳng tái phạm. Trong Phật môn, chúng ta sám hối, tinh thần sám hối thật sự là “sau này

chẳng còn tái phạm”. Sau này vẫn còn phạm lỗi làm giống hệt thì chẳng thể nào tha thứ được! Quý vị phạm lỗi chỉ có một lần, chẳng thể có lần thứ hai, đó mới là thật sự tu hành. Vì thế, người thật sự tu hành ít ỏi! Kẻ tu hành giả dối đông lúc nhúc! Làm bộ vờ vĩnh, lừa mình, dối người, nhiều nhan nhản! Người thật sự tu hành chẳng có mấy! Người khác [tu hành] thật hay giả chẳng dính dáng gì đến chúng ta, chẳng ăn nhằm gì đến chúng ta! Điều khẩn yếu là hãy tự vấn, bản thân ta rốt cuộc là đang chân tu hay giả tu? Điều này có quan hệ quá lớn đối với tương lai của chính mình.

(Sao) Tùy ý giả, Đại Bản vân: “Chư thượng thiện nhân nhập thất bảo trì, tháo tuyết thân thể.

(鈔) 隨意者，大本云：諸上善人入七寶池，澡雪身體。

(Sao: “Tùy ý”: Kinh Đại Bản nói: “Các vị thượng thiện nhân vào ao bảy báu gội sạch thân thể”).

Đây là tắm rửa trong ao báu.

(Sao) Ý dục linh thủy một túc, thủy tức một túc, dục linh chí tất, thủy tức chí tất, dục linh chí yếu, chí dịch, chí cảnh, cập quán kỳ thân, tất như kỳ ý, dục linh hoàn phục, thủy tức hoàn phục.

(鈔) 意欲令水沒足，水即沒足，欲令至膝，水即至膝，欲令至腰、至腋、至頸，及灌其身，悉如其意，欲令還復，水即還復。

(Sao: Ý muốn nước ngập chân, nước liền ngập chân. Muốn ngập tới gối, nước liền ngập tới gối. Muốn tới eo, tới nách, tới cổ, và rưới trên thân, thấy đều như ý. Muốn nước trở lại như cũ, nước bèn trở lại).

Nước ấy cạn hay sâu như ý. Quý vị tắm rửa trong ao bảy báu, muốn nước ấy sâu bao nhiêu, nó bèn sâu bấy nhiêu. Mong nước nông một chút, chỉ ngập đến bàn chân, nước bèn dâng ngập bàn chân. Lại sâu hơn một chút, ngập tới gối, nước dâng tới đầu gối. Nó rất nghe lời. Quý vị còn chẳng phải nói ra, nghĩ nước dâng đến đâu, nước ấy tự nhiên thuận theo ý nghĩ của quý vị mà chuyển. Đó là cạn sâu như ý!

(Sao) Điều hòa lãnh noãn, vô bất thuận thích.

(鈔) 調和冷暖，無不順適。

(Sao: Điều hòa, lạnh, ấm, không gì chẳng vừa ý, thích hợp).

Đây là lạnh, âm như ý. Quý vị muốn nước ấy ấm một chút, nó bèn ấm một chút. Muốn nó mát một chút, nó bèn mát một chút.

(Sao) Khai thân duyệt thể, dịch dăng tình lự, thanh minh, trừng khiết, tịnh nhược vô hình.

(鈔) 開神悅體，滌蕩情慮，清明澄潔，淨若無形。

(Sao: Tinh thân sáng suốt, thân thể thoải mái, gột sạch những mối tình chấp ưu lự, trong sáng, lắng, sạch, thanh tịnh dường như vô hình).

Đây là ưu điểm nơi chất nước. “Thân” là tinh thần, “thể” là thân thể. Tắm rửa trong ao bảy báu, không chỉ có thể gột tẩy thân thể rất sạch, tôi vừa mới nói, tập khí phiền não cũng có thể diệt trừ, Thiên Định và trí huệ có thể hiện tiền. Chất nước “tịnh nhược vô hình”, đó là nói nó nhẹ nhàng, mềm mại, chẳng ô trược, nặng nề như nước ở cõi này.

(Sao) Thị thủy bản vô tâm, năng tùy nhân tâm ý sở dục dã.

(鈔) 是水本無心，能隨人心意所欲也。

(Sao: Nước ấy vốn vô tâm mà có thể tùy thuận ý muốn trong lòng người).

So sánh thế giới Cực Lạc và thế giới này của chúng ta thì chúng sanh trong thế giới này mê chẳng ngộ, nên chúng ta bị cảnh giới chuyển, rất đáng thương! Vì sao cảnh giới trong Tây Phương Cực Lạc thế giới cảnh giới luôn có thể thuận theo lòng mong muốn? Tâm họ thanh tịnh. Kinh Lăng Nghiêm nói rất hay: “Tịnh cực quang thông đạt”, lại nói: “Nếu có thể chuyển cảnh, ắt giống như Như Lai”. Chúng ta lại thấy trong kinh Đại Bản, phần bốn mươi tám nguyện của A Di Đà Phật có nói: Chúng sanh trong mười phương thế giới, trên đến Bồ Tát, dưới đến ác đạo, hễ sanh vào Tây Phương Cực Lạc thế giới đều là Bồ Tát, có thân tướng giống như A Di Đà Phật. Nói cách khác, vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, tuy chẳng phải là Như Lai, mà cũng chẳng khác Như Lai cho mấy! Nơi ấy, ai nấy đều có thể chuyển cảnh giới; do đó, hết thảy vạn vật không gì chẳng thuận theo tâm ý của chính mình.

Đúng như Ngẫu Ích đại sư đã nói, trong hết thảy các kinh chẳng có cách nói này, mà trong hết thảy các cõi Phật cũng chẳng có chuyện này. Vì thế, pháp môn này được gọi là “pháp khó tin”. Vì sao có thể thù thắng ngàn ấy? Nói thật ra, cảnh giới này do vô lượng vô biên công đức thành tựu! Nếu chẳng phải là người tích lũy công đức, làm sao có thể [tùy tâm

sở dục] cho được? Làm sao có đại phước báo dường ấy? Phải hiểu, nay chúng ta thật thà niệm câu A Di Đà Phật, đó chính là vô lượng công đức! Trong các kinh sớ đều nói: Chuyên biên công đức của A Di Đà Phật thành công đức của chính chúng ta, nhất tâm chuyên niệm, đó là Tự Lực. Thần lực của Phật Di Đà gia trì là Tha Lực. Pháp môn này gọi là “*nhị lực pháp môn*”.

Vì thế, đối với bản thân chúng ta, điều khẩn yếu là nhất tâm chuyên niệm! Nhất tâm là tâm thanh tịnh, nhất tâm là rời khỏi hết thảy tâm phân biệt, chấp trước, vọng tưởng, chúng ta dùng tâm niệm ấy thì mới có thể cảm ứng. Trong kinh, đức Phật đã giảng rõ ràng, rành mạch, nhưng chính chúng ta hiểu sai ý nghĩa! Hiểu sai ý nghĩa, quý vị niệm Phật suốt một đời, tương lai thậm chí đọa trong tam ác đạo, quý vị nói “kinh Phật chẳng linh, Phật lừa dối quý vị”, như vậy là quý vị tội càng thêm tội. Về căn bản, quý vị đã hiểu sai ý Phật, lại còn nói Phật dối gạt quý vị. Có thể thấy câu Phật hiệu chẳng đơn giản! Chẳng phải là ai cũng biết niệm. Ai nấy đều có thể học, học rất giống, âm thanh [niệm Phật] rất giống, nhưng ý nghĩa khác nhau! Vì sao người ta niệm một tiếng Phật hiệu bèn có thể diệt trọng tội trong tám mươi ức kiếp sanh tử? [Vậy mà] chúng ta niệm một câu Phật hiệu, nghiệp chướng bé tí vẫn chẳng tiêu được! Đó là do quý vị biết niệm hay không? Quý vị dùng tâm gì để niệm? Quý vị căn cứ trên lý luận ra sao để niệm? Những điều này có quan hệ to lớn! Vì thế, quý vị chẳng thông đạt thì làm cách nào được?

Chúng ta xem lại bộ Đại Thế Chí Bồ Tát Niệm Phật Viên Thông Chương Sớ Sao do pháp sư Quán Đảnh soạn. Ngài Quán Đảnh là một vị đại sư rất lỗi lạc, sống vào thời Càn Long nhà Thanh, trước tác rất nhiều. Cuối bộ [Viên Thông Chương] Sớ Sao đã nói rõ, cùng niệm A Di Đà Phật như nhau, nhưng có một trăm thứ quả báo bất đồng. Quả báo thứ nhất là địa ngục A Tỳ. Niệm Phật đi vào địa ngục A Tỳ, oan uổng quá! Thuở ấy, tôi vừa mới học Phật, xem sách ấy, nghi hoặc dấy lên, tôi nói: “Nếu niệm Phật chẳng tốt đẹp, vẫn không thể đọa ngục!” Tôi đem vấn đề này hỏi thầy Lý. Thầy Lý nghe câu hỏi ấy, bảo: “*Đây là một vấn đề lớn, tôi không nói riêng với anh. Khi tôi giảng kinh, sẽ tuyên bố cùng mọi người*”. Trọng yếu đây nhé! Miệng niệm A Di Đà Phật, tâm hạnh hủy báng Phật pháp, đoạn diệt Pháp Thân huệ mạng của chúng sanh, lẽ nào kẻ ấy chẳng đọa địa ngục? Đương nhiên đọa địa ngục! Đó là miệng niệm, nhưng trong tâm lại là chuyện khác, đó là “*miệng đúng, tâm sai*”. Chư vị hãy đọc, nghiên cứu Viên Thông Chương Sớ Sao của pháp sư Quán Đảnh, sẽ liễu giải!

Cuối kinh Vô Lượng Thọ có một đoạn kinh văn rất dài giảng về Ngũ Ác, Ngũ Thống, Ngũ Thiêu. Ngũ Ác là mê hoặc, Ngũ Thống là tạo nghiệp, Ngũ Thiêu là quả báo, nên người niệm Phật chẳng thể không tin tưởng nhân quả báo ứng, thiện có thiện báo, ác có ác báo, chẳng sai sót mảy may! Thật sự tham thấu, chúng ta mới có thể thật sự giác ngộ, thật sự quay đầu. Không chỉ là chẳng dám làm chuyện xấu, mà kể cả một niệm xấu cũng chẳng dám dấy lên. Sau khi thật sự giác ngộ, mới biết chính mình chẳng bằng kẻ khác, mỗi người đều có sở trường, chính mình thật sự thừa nhận “ta chẳng bằng kẻ khác”. Quý vị xem năm mươi ba lần tham học của Thiện Tài Đông Tử trong kinh Hoa Nghiêm, quý vị thấy năm mươi ba vị thiện tri thức ăn nói, chính mình khiêm hư cũng là Thật Đức, tức là đức hạnh chân thật. Chính mình thừa nhận: “Trong hết thầy các pháp môn, ta chỉ biết một pháp; ta chẳng bằng các vị thiện tri thức khác! Trí huệ lẫn đức hạnh của họ đều cao hơn ta”. Tự hạ mình, tôn người khác lên. Người hiện thời hoàn toàn trái ngược, hiện thời là tự đại, khinh người, chẳng để người khác vào mắt, nghĩ mình già dặn, ghê gớm lắm, cuồng vọng mà! Lẽ nào chẳng đọa lạc? Lẽ đâu có thể thành tựu cho được? Nhất là kinh Vô Lượng Thọ vừa mở đầu bèn dạy chúng ta “*đều tuân tu đức của Phổ Hiền đại sĩ*”. Tu đức hạnh của Phổ Hiền đại sĩ thì khuôn mẫu tốt nhất chính là năm mươi ba vị thiện tri thức, họ là khuôn mẫu và điển hình cho sự tu tập mười đại nguyện vương.

Trong giảng đường này, tôi đã nói rất nhiều lần, chúng ta mỗi ngày đều niệm: “*Nhất giả, lễ kính chư Phật. Nhị giả, xưng tán Như Lai*”, niệm những câu ấy giống như ca hát, chứ có làm được hay không? Hoàn toàn chẳng làm được! Chư vị nghĩ xem, nhất là người xuất gia, quý vị có thể làm được một phần vạn [những điều ấy] hay chẳng? Một phần vạn vạn cũng chẳng làm được! Đối với hết thầy chúng sanh, chúng ta thật sự có tâm cung kính hay không? Kinh Hoa Nghiêm dạy “*lễ kính chư Phật*” bao gồm hữu tình lẫn vô tình. Vô tình là hết thầy vật chất, đối với chúng nó, chúng ta có tâm cung kính hay không? Tôi ngồi ở trên bục giảng này, thấy trên cái bàn nơi bục giảng có một vũng nước to, đó là chẳng cung kính! Lư hương, giá nến, tượng Phật chẳng bày ngay ngắn, đều là chẳng cung kính! Giữ cho hết thầy mọi vật chỉnh tề, thanh khiết, đó là lễ kính. Nếu đến liêu phòng của quý vị, sẽ chẳng thể nhìn nổi! Tu lễ kính chư Phật sao được? Vì thế, mỗi ngày khóa sáng xưng [mười đại nguyện vương] một lần, khóa tối xưng một lần. Hàn Sơn, Thập Đắc bảo: “*Hết toạc cổ họng vẫn uống công!*”, chẳng làm mà!

Cổ nhân Trung Quốc nói rất hay: “*Nhất thất chi bất trị, hà dĩ quốc gia thiên hạ vi*” (chẳng thể giữ yên một nhà, làm sao cai quản quốc gia, thiên hạ). “*Thất*” (室) là căn phòng của quý vị. Phòng của quý vị lộn xộn, còn nói gì được nữa? Điều gì cũng chẳng cần phải bàn nữa! Quý vị tu lễ kính thì nhìn từ chỗ nào? Đến phòng quý vị xem sẽ biết công phu lễ kính của quý vị làm được mấy phần. Nói theo Phật pháp, Bồ Tát đạo, nói thật ra, khiến cho kẻ khác hết sức kính phục, là chỉ tu chính mình, chẳng màng xét đoán kẻ khác. Chúng ta cùng ở chung với nhau, kẻ khác chẳng làm, vì sao ta phải làm? Kẻ khác xuống địa ngục, vì sao ta chẳng theo họ xuống địa ngục? Mang ý nghĩa này! Kẻ khác chẳng làm, sẽ đọa địa ngục, ta sanh lên thiên đường của ta, chúng ta ai nấy chẳng liên quan! Nói thật thà, chính quý vị chân tu, đạo tràng có thần hộ pháp, người thật sự có đạo hạnh đang tu trì, kẻ thiếu đạo sẽ chẳng thể ở nơi ấy được! Ai xua đuổi hẳn? Thần hộ pháp xua đuổi hẳn! Thứ nhất là đuổi kẻ ấy vào đâu? Trước hết là xua kẻ ấy vào bệnh viện, khiến cho kẻ ấy ngã bệnh, chỉ đành nằm bệnh viện. Rồi đến bước thứ hai là từ bệnh viện, đẩy kẻ ấy vào địa ngục. Đúng là như thế! Hoặc là nghiệp chướng của kẻ đó hiện tiền, chính kẻ ấy bỏ đi. Đó là trường hợp nhẹ. Nặng thì sẽ rất phiền phức. Đạo tràng của quý vị phải có đạo! Không có đạo, tức là chỉ có “tràng”, chẳng thể gọi là “đạo tràng”. Những điều này chúng ta đều phải biết.

Cho nên đối với pháp môn này, nương theo phương pháp này để tu, quý vị phải hiểu lý luận, hiểu phương pháp, phải biết cảnh giới. Nhất là từ kinh Vô Lượng Thọ, chúng ta thấy phương pháp rõ ràng dường ấy, mới thật sự hiểu kinh này và kinh Hoa Nghiêm chẳng khác nhau! Cổ nhân gọi kinh này là Tiểu Bản Hoa Nghiêm, nói chẳng sai! Tám mươi quyển Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh là Đại Bản Hoa Nghiêm, kinh Vô Lượng Thọ là Trung Bản Hoa Nghiêm, kinh A Di Đà là Tiểu Bản Hoa Nghiêm, đó là cảnh giới Hoa Nghiêm! Vì thế, giới luật trong Phật pháp là để răn dạy chính mình, chẳng nhằm răn dạy người khác. Tu như vậy thì chính mình mới có thể đắc Định, mới có thể khai huệ, mới có thể thành tựu. Nếu trì giới mà [coi] giới luật [như một công cụ] nhằm răn đe kẻ khác, thấy kẻ này phá giới, kẻ kia phạm giới, dẫu quý vị trì giới tốt đẹp đến mấy, chẳng thể đắc Định, tâm quý vị đã loạn! Lục Tổ nói rất hay: “*Nếu người thật tu đạo, chẳng thấy lỗi người khác*”. Tâm chính mình vĩnh viễn thanh tịnh, nên quý vị nhất định có thể thành tựu. Quý vị thấy người này cũng chẳng đúng, kẻ khác cũng có lỗi, tối đa là quý vị tu điều lành trong Phật môn mà thôi, chẳng có cách nào thành tựu công đức! Tu học trong Phật môn, cả đời nhọc nhằn phục vụ, chỉ tu được một chút phước báo hữu lậu.

Đến đâu để hưởng phước báo ấy thì vẫn chưa nhất định, còn phải xét công phu của quý vị. Công phu bất hảo thì cũng có khi hưởng phước trong tam ác đạo!

Do vậy, tu hành, đích xác chẳng phải là chuyện dễ dàng. Chẳng thấu triệt kinh luận, chẳng đặt vững cơ sở căn bản, tu từ chỗ nào? Rốt cuộc tu theo cách nào? Do vậy, chúng tôi mới đề ra, chúng ta căn cứ theo giáo huấn của Thích Ca Mâu Ni Phật, tu pháp môn Tịnh Độ. Từ lời lão nhân gia dạy phu nhân Vy Đề Hy về ba phương tiện trước khi tu niệm Phật, tức là Tam Phước, phải từ *“hiếu dưỡng phụ mẫu, tôn kính sư trưởng, từ tâm chẳng giết, tu mười thiện nghiệp”*, tu tập từ chỗ này. *“Thọ trì Tam Quy, trọn đủ các giới, chẳng phạm oai nghi, phát Bồ Đề tâm, tin sâu nhân quả, đọc tụng Đại Thừa, khuyến tấn hành giả”*. Đó là phu nhân Vy Đề Hy do mong cầu sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, đã hỏi Thích Ca Mâu Ni Phật cách tu như thế nào. Trước hết, đức Phật dạy bà ta ba thứ phương tiện này, tức là Tam Phước, lập cơ sở từ chỗ này, sau đây mới là Tam Học, Lục Độ, mười đại nguyện vương, nhất tâm xưng niệm thì mới đảm bảo quý vị vãng sanh, trọn chẳng luống uổng! Nay chúng ta đã hiểu rõ đường lối, cho nên phải thật sự dốc công sức [nơi đường lối ấy].

Pháp hội này của chúng ta cũng chẳng dễ dàng, đây cũng là do nhân duyên từ vô lượng kiếp nên chúng ta mới có thể cùng nhau tụ hội. Nhất là tụ hội để nghiên cứu bộ đại kinh này, đây là nhân duyên thù thắng khôn sánh, hy vọng mọi người trong một đời này đều có thể nắm chắc, đều có thể vãng sanh Tịnh Độ, mới chẳng cô phụ một hội này. Nhất là duyên của chúng ta trong hiện thời thù thắng hơn quá khứ, kinh sách hoàn bị! Từ xưa tới nay, lịch đại chư tổ sư đại đức đều chẳng thấy kinh điển hoàn bị dường ấy. Vì lẽ đó, thành tựu của chúng ta sẽ tuyệt đối chẳng kém cổ nhân, chỉ sợ bản thân quý vị không dụng công. Nhân duyên đầy đủ chính là thiện căn và phước đức của chính mình. Hôm nay, chúng tôi giảng tới chỗ này.

Tập 140

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang ba trăm lẻ ba:

(Sao) Thuyết pháp giả, Đại Bản vân: “Vi lan hồi lưu, chuyển tương quán chú, bất trì, bất tật, an tường từ thệ, ba dương vô lượng tự nhiên diệu thanh, hoặc văn Phật thanh, hoặc văn Pháp thanh, hoặc văn Tăng thanh, tịch tĩnh thanh, Không Vô Ngã thanh, đại từ bi thanh, Ba La Mật thanh, Thập Lực, Vô Úy, Bất Cộng pháp thanh”.

(鈔) 說法者，大本云：微瀾洄流，轉相灌注，不遲不疾，安詳徐逝，波揚無量自然妙聲，或聞佛聲，或聞法聲，或聞僧聲，寂靜聲，空無我聲，大慈悲聲，波羅密聲，十力無畏不共法聲。

(Sao: “Thuyết pháp”, Đại Bản nói: “Sóng nhẹ vờn quanh, làn lướt tưới rớt lẫn nhau, chẳng chậm, chẳng nhanh, an tường thông thả lan tỏa. Tiếng sóng vỗ phát ra vô lượng âm thanh mâu nhiệm tự nhiên, hoặc nghe tiếng Phật, hoặc nghe tiếng Pháp, hoặc nghe tiếng Tăng, tiếng tịch tĩnh, tiếng Không Vô Ngã, tiếng đại từ bi, tiếng Ba La Mật, tiếng Thập Lực, Vô Úy, Bất Cộng Pháp”).

Đoạn này nói rõ nước trong thế giới Cực Lạc có thể thuyết pháp. Trước hết, Liên Trì đại sư dẫn kinh văn trong kinh Vô Lượng Thọ để giải thích, dùng kinh này để giải thích kinh khác là một phương pháp rất tuyệt diệu. Mấy câu đầu tiên rất dễ hiểu, chúng tôi muốn đề cập những điều được nói phía sau như “Tam Bảo thanh”. Phật, Pháp, Tăng là “Tam Bảo thanh”. Trong hết thảy các kinh, Tịnh Độ Tam Kinh được đặc biệt lưu thông rộng nhất, thù thắng nhất, vừa mở đầu liền nói tới niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng. Không chỉ âm thanh của nước là âm thanh niệm Tam Bảo, mà cho đến [âm thanh của] sáu loài chim thuyết pháp cũng đều xếp Tam Bảo vào hàng đầu. Vì vậy, có thể biết tầm quan trọng của tiếng Tam Bảo.

Tam Bảo là gì? Nhất định phải hiểu rõ. Ở đây nói đến niệm Phật, chúng ta bèn nghĩ đến tượng Phật, [nghe nói] niệm Pháp bèn nghĩ đến kinh điển, [nghe nói] niệm Tăng bèn nghĩ đến người xuất gia. Cách nghĩ ấy đã sai mất rồi, chẳng phải là nói theo kiểu đó! Nếu có ý nghĩ như vậy, hoàn toàn là chấp tướng. Mỗi vị Bồ Tát trong Tây Phương Cực Lạc thế

giới đều nhập Không, Vô Tướng, Vô Nguyện tam-muội, lẽ đâu còn chấp tướng? Tam Bảo ở đây có cùng một ý nghĩa với Tam Bảo trong truyền thọ Tam Quy Y, tức là nói đến Tự Tánh Tam Bảo. Như vậy thì mới có thể khởi tác dụng. Tự Tánh Tam Bảo đã hiển lộ, thừa cùng quý vị, bèn gọi là Bồ Tát. Nếu viên mãn, bèn gọi là “thành Phật”. Nói đơn giản, Phật và chúng sanh sai khác ở chỗ: Một đấng là Tự Tánh Tam Bảo hiển lộ, một đấng là Tự Tánh Tam Bảo bị ẩn tàng trong vô minh, chẳng hiển lộ, nên gọi là phàm phu.

Tự Tánh Phật Bảo là “giác chứ không mê”, sáu căn của chúng ta tiếp xúc cảnh giới sáu trần, niệm niệm giác, đối với hết thảy các pháp chẳng mê hoặc. Tự Tánh Pháp Bảo là “*nhập Phật tri kiến*” như kinh Pháp Hoa đã nói, là Phật tri, Phật kiến. Nói đơn giản là tư tưởng và kiến giải chính xác; đó là Pháp Bảo. Rốt cuộc, tiêu chuẩn của chính xác là gì? Là tự tánh. Hễ tương ứng với tự tánh thì là chính xác, chẳng tương ứng với tự tánh thì là sai lầm. Đây là tiêu chuẩn tuyệt đối. Tự Tánh Tăng Bảo là thanh tịnh, sáu căn thanh tịnh, chẳng nhiễm mảy trần. Mọi người phải ghi nhớ một điều khẩn yếu: Giác, Chánh, Tịnh là một, tuy một mà ba, tuy ba mà một. Có những kẻ cảm thấy ta đã giác, nhưng tâm vẫn chưa thanh tịnh, chẳng thanh tịnh thì giác khởi từ đâu? Chẳng thanh tịnh, chẳng giác! Người đã giác, tâm nhất định thanh tịnh, chẳng thể dấy lên một vọng niệm. Hễ trong tâm vẫn còn dấy lên một vọng niệm, cái tâm ấy chẳng thanh tịnh. Chẳng thanh tịnh là chẳng giác, là tà tri tà kiến. Do đó, tâm người giác ngộ nhất định thanh tịnh, người tâm thanh tịnh nhất định giác ngộ.

Còn có một điều chúng ta cần biết, tu học Phật pháp chính là ba đại cương lĩnh sau đây: Tu Giác, tu Chánh, tu Tịnh. Do ba cương lĩnh ấy “tuy một mà ba, tuy ba mà một”, nên quý vị chẳng cần tu hết cả ba điều Giác, Chánh, Tịnh, hoặc là đối với ba điều, tu tu điều này rồi lại tu điều kia, cũng chẳng cần phải chuốc lấy rắc rối như thế! Vì sao? Tu được một chuyện, [cả ba điều] thấy đều tu được! Vì vậy, đối với ba cương lĩnh Giác, Chánh, Tịnh, quý vị chỉ cần tu một điều là được rồi. Không chỉ Thích Ca Mâu Ni Phật dạy chúng ta như vậy, mà mười phương ba đời hết thảy chư Phật đều giáo hóa chúng sanh theo cách này.

Sau khi đức Phật diệt độ, Phật pháp cũng chia thành từng khoa, thường gọi là “*phân khoa, phán giáo*”, tức là có mười tông phái Đại Thừa. Tạm thời, chúng ta chẳng bàn đến Tiểu Thừa, trong Đại Thừa có tám tông phái, lại có cái gọi là Tông Môn Giáo Hạ. “*Tông Môn*” chuyên chỉ Thiên Tông, vì phương pháp tu hành của Thiên Tông khác Giáo Hạ. Thiên Tông là “*chẳng lập văn tự, chỉ thẳng tâm người*”. Trong Phật môn,

điều này được gọi là Đôn Giáo. “*Chẳng lập văn tự*” là chẳng cần kinh điển, chẳng cần tới sách giáo khoa. Theo cách này, họ tu gì? Họ quy y Phật, đi theo môn này, tức là Giác môn. Giác môn rất cao! Chẳng giác bèn vĩnh viễn là mê, đã mê lại càng mê hơn, chuyện này rất phiền toái. Tuyệt đối chẳng phải là ai tu pháp môn này cũng đều có thể giác chứ không mê! Chúng ta thường nói “*đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh*”, hiện thời mấy ai có thể minh tâm kiến tánh?

Lần này, tôi đến phương Nam, vẫn còn có đồng tu đến hỏi tôi: “Minh tâm kiến tánh là gì?” Vẫn chưa hiểu rõ, làm sao người ấy có thể minh tâm kiến tánh cho được? Vì thế, chẳng dễ dàng! Quý vị thấy trước kia lão pháp sư Đàm Hư thường nói: “Thiền khó lắm!” Cả một đời, lão nhân gia thấy người tham Thiền đắc Định thì có, nhưng chưa nghe nói ai kiến tánh, chớ đừng nói là thấy! Nghe mà còn chưa nghe nói tới, [chỉ nghe thấy] có người đắc Định. Công phu Định ấy khá sâu, người ấy hễ khoan chân tĩnh tọa bèn có thể ngồi mười ngày hoặc nửa tháng chẳng xuất Định, mà cũng chẳng cần ăn cơm, mà cũng chẳng cần uống nước, công phu ấy rất sâu! Người có công phu Thiền Định sâu, thậm chí có thể ngồi suốt một năm, hai năm, ba năm, chim làm tổ trên người, có Định sâu dường ấy, nhưng đã kiến tánh hay chưa? Thừa cùng quý vị, chưa! Do công phu ấy, người đó trong tương lai có thể sanh vào Tứ Thiên Thiên, nhưng chẳng thể thoát khỏi tam giới. Nói cách khác, vẫn chẳng có cách nào thoát ly sanh tử luân hồi! Quý vị hãy suy nghĩ, theo Thiền môn (tức là Giác môn) để vượt thoát khó khăn như thế nào!

Ngoại trừ Tông Môn, đều gọi là Giáo Hạ; tức là trong mười tông phái ấy, trừ Thiền Tông ra, bất cứ tông phái nào cũng đều phải y cứ kinh điển. Nói cách khác, đều phải nương theo sách giáo khoa, do nương theo sách giáo khoa nên là Giáo. Chữ Giáo chỉ kinh bản, [Giáo Hạ] phải nương tựa vào kinh bản. Tịnh Độ Tông chúng ta cũng phải nương theo kinh bản, mở kinh ra để giảng dạy, nên gọi là Giáo Hạ. Giáo Hạ có chín tông phái, chín tông phái này tuyệt đại đa số đều đi theo Chánh môn. “*Chánh*” là chánh tri chánh kiến, nương theo lời Phật răn dạy để sửa đổi, uốn nắn tư tưởng, kiến giải và hành vi của bản thân chúng ta. “*Chánh*” là tiêm tu, nên có lớp Một, lớp Hai, lớp Ba, lên lớp dần dần. Tuy chậm, nhưng rất thực tiễn, rất đặc lực, chỉ cần quý vị nghiêm túc tu học, cảnh giới nhất định là mỗi năm một cao hơn, giống như học hành, mỗi năm đều lên lớp, chậm chạp nhưng thực hiện được. Thiền Tông là một bước lên trời, nhưng phải có bản lãnh, lên không được là không xong, lên không được sẽ rơi

xuông, rất đáng thương! Chẳng bằng leo cầu thang! Do vậy, Giáo Hạ là cầu mong chánh tri chánh kiến, theo Chánh môn để vào.

Trong Giáo Hạ có hai tông rất đặc biệt, một là Tịnh Độ Tông, hai là Mật Tông. Hai tông ấy chẳng theo Chánh môn, mà theo Tịnh môn để vào, tức là cầu tâm thanh tịnh. Tịnh Độ Tông là tu tâm thanh tịnh, Mật Tông cũng tu tâm thanh tịnh; do vậy, hai tông này là theo Tịnh môn để tiến nhập. Tuy Mật và Tịnh đều theo Tịnh môn để tiến nhập, nhưng chư vị phải hiểu: Tịnh Độ Tông là thuần tịnh, còn thanh tịnh hơn Mật. Vì vậy, xét theo khía cạnh pháp phương tiện, Tịnh Tông thuận tiện hơn bất cứ tông phái hay pháp môn nào, kinh điển để y cứ ít nhất, thường nói là “*tam kinh nhất luận*”, nay chúng ta đọc “*ngũ kinh nhất luận*”. Năm kinh là do vào đời Thanh, cư sĩ Ngụy Nguyên đã thêm vào Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm, biến [tam kinh] thành tứ kinh, Ấn Quang đại sư lại thêm Đại Thệ Chí Bồ Tát Niệm Phật Viên Thông Chương vào, biến thành Tịnh Độ Ngũ Kinh. Hiện thời, chúng ta ấn hành bộ Ngũ Kinh [Độc Bản] là sách Tịnh Độ Tông hoàn bị nhất. Do vậy, kinh điển Tịnh Độ Tông là một quyển, tức là Ngũ Kinh do chúng ta ấn hành hiện thời. So với bất cứ tông nào, kinh điển của chúng ta ít nhất. Do ít, nên tâm mới có thể đạt được thanh tịnh. Nhiều hơn, tâm chẳng tịnh được, muốn tịnh cũng chẳng tịnh được! Điền tịch của Mật Tông nhiều hơn chúng ta. Tuy là đi theo Tịnh môn, nhưng họ muốn tịnh chẳng dễ dàng cho lắm, chẳng dễ dàng như chúng ta!

Quý vị hiểu Tam Bảo là ba đường lối minh tâm kiến tánh, hễ vào được cửa bèn hoàn toàn giống như nhau, cũng có thể nói là tâm đã thanh tịnh, chẳng có bất giác, chẳng có bất chánh. Do vậy, trong Phật môn thường nói: “*Một kinh thông, hết thấy các kinh đều thông*”. “*Thông*” là như thế nào? Nếu quý vị thật sự thấy tự tánh từ kinh này, Giác là tự tánh, Chánh là tự tánh, Tịnh vẫn là tự tánh, quý vị chỉ cần đạt được một thứ thì đã kiến tánh. Bốn tánh là Giác, là Chánh, mà cũng là Tịnh. Đó gọi là “một mà ba, tuy ba mà một”. Vì lẽ đó, quý vị chỉ cần kiến tánh thì hết thấy các pháp không gì chẳng quán thông!

Người niệm Phật chúng ta niệm đến mức tâm đã thanh tịnh, tất cả hết thấy kinh điển, không có bộ kinh nào quý vị chẳng hiểu. Mở ra xem, chẳng cần người khác giảng, tự nhiên thông suốt hết thấy, vì sao có thể thông? Vì hết thấy kinh được giảng là từ tự tánh của Phật lưu lộ, quý vị đã kiến tánh, kiến giải của quý vị chẳng khác Phật. Nói cách khác, chính quý vị nói mà chính mình còn chẳng hiểu ư? Chính mình soạn văn chương thì chính mình còn có chướng ngại ư? Đạo lý là như vậy đó! Chẳng kiến tánh, văn chương ấy là của người khác, là của Thích Ca Mâu Ni Phật,

chẳng phải là của ta. Đã kiến tánh bèn biến thành của chính mình, chuyện là như thế đó! Do vậy, quý vị hiểu nguyên lý và nguyên tắc này, biết chân tướng sự thật này, quý vị sẽ biết dùng phương pháp gì để cầu được, trọng yếu lắm!

Tông Môn vừa bắt đầu tu tập bèn tu Định, khai ngộ cầu Giác từ nơi Định, phương pháp ấy rất đặc biệt. Trừ Tông Môn ra, bất luận tông phái nào, kể cả Tịnh Độ Tông và Mật Tông, đều phải dốc sức nơi kinh điển, dốc sức nơi kinh điển là tu gì vậy? Thừa quý vị, vẫn là tu Định! Thiền Tông chẳng dùng kinh điển, xếp bằng tĩnh tọa, ngồi nơi đó tham thoại đầu hay quán tâm, dùng phương pháp ấy để tu Định. Giáo Hạ dùng kinh điển để tu Định, tức là nói “phải đọc kinh”. Chư vị phải hiểu rõ, đọc kinh là tu Định. Đọc kinh chẳng phải là làm gì khác, tuyệt đối chẳng phải là cầu hiểu biết, niệm kinh này, câu này nghĩa là gì, giảng theo cách nào, thôi rồi, chẳng có Định, Tam Học Giới, Định, Huệ thầy đều chẳng có! Vì thế, đọc kinh chẳng cầu hiểu, lấy niệm kinh làm phương pháp để tu Định. Định là trong tâm chẳng có vọng niệm, khi chúng ta đọc kinh, trong tâm chẳng có vọng tưởng, không khởi niệm nào khác, tâm định nơi kinh, chuyện là như thế đó. Nói thật ra, Tam Học Giới, Định, Huệ đều tu một lượt, quý vị mỗi ngày niệm một giờ là tu một giờ, mỗi ngày niệm hai giờ là tu hai giờ, nhưng chư vị phải biết: Mỗi ngày tối thiểu phải tu một giờ. Trong hai mươi bốn giờ, có thể giữ cho tâm định một giờ, chẳng thể ít hơn! Đương nhiên thời gian tu Định càng nhiều càng hay.

Đọc kinh nhiếp tâm hết sức dễ dàng, nhưng phải chọn lựa kinh sao cho phân lượng thích hợp. Quá dài, người bình phàm chẳng dễ thọ trì. Quá ngắn, thời gian quá ít, chẳng thể hàng phục tập khí vọng tưởng của chính mình, chẳng đủ sức mạnh! Vì vậy, phải chọn lựa sao cho thích đáng. Cổ đại đức khuyến khích chúng ta đọc kinh Vô Lượng Thọ, vì kinh văn của kinh Vô Lượng Thọ dài ngắn tương đối thích đáng. Lúc mới niệm, niệm kinh ấy một lần từ đầu đến cuối ước chừng phải mất hai tiếng đồng hồ, sau khi đã niệm quen, đại khái là bốn mươi phút đã niệm được một lần. Nhưng khi niệm, bốn mươi phút khá nhanh, niệm chậm hơn một chút, tốt nhất là một tiếng, trong một giờ ấy, tâm chúng ta định, công phu khá đặc lực. Dùng phương pháp này để niệm trong ba năm hay năm năm, tâm thật sự định, định rồi bèn có thể sanh trí huệ. Sau khi tâm đã định, niệm Phật hiệu mới đặc lực.

Hiện thời, chúng ta niệm Phật hiệu, vì sao niệm Phật mà công phu chẳng thành tựu? Do tâm chúng ta chẳng định, chỉ dùng tâm tán loạn để niệm Phật. Thiện Đạo đại sư bảo tâm tán loạn niệm Phật là “tạp tu”. Nếu

chúng ta dùng tâm thanh tịnh để niệm Phật, sẽ được gọi là “chuyên tu”. Vì vậy, hai người đồng thời cùng niệm A Di Đà Phật, một người tạp tu, người kia chuyên tu. Chuyên tu trừ một câu Phật hiệu ra, người ấy chẳng có tạp niệm. Kẻ tạp tu niệm Phật hiệu, nhưng vẫn còn nghĩ Đông, tưởng Tây, vẫn có rất nhiều vọng tưởng trong đó, đây là “tạp tu”. Tạp tu không nhất định là xen tạp chi khác, chỉ cần có vọng tưởng tạp niệm đều là tạp tu. Tạp tu rất khó thành tựu, Thiện Đạo đại sư bảo là trong một vạn người, khó được dăm ba người vãng sanh, còn chuyên tu là vạn người tu, vạn người đến, chẳng sót một ai!

Chúng ta phải huấn luyện chính mình chuyên tâm, hãy dùng phương pháp đọc tụng kinh điển này sẽ hết sức hữu hiệu. Tôi nghĩ mỗi người đều hy vọng chính mình có thể chuyên, nhưng chẳng chuyên được, nên có người nói: “Nghệp chướng của tôi quá nặng”. Nghệp chướng quá nặng thì có cách nào? Phải nghĩ cách tiêu trừ! Nghệp chướng nặng nề cách mấy cũng tiêu trừ được, chỉ sợ quý vị chẳng chịu làm. Dùng phương pháp gì để tiêu trừ? Dùng phương pháp niệm kinh để tiêu trừ. Nếu quý vị niệm kinh thì niệm kinh phải đúng cách, phải biết niệm; chẳng biết niệm, sẽ chẳng có cách nào! Biết niệm là gì? Niệm nhưng chẳng mong hiểu, biết ta niệm kinh là tu Giới, Định, Huệ, đó là biết niệm. Vừa niệm kinh, vừa nghiên cứu điều này có nghĩa là gì, tức là chẳng biết niệm! Đó là vừa niệm vừa dấy vọng tưởng, suy đoán ý nghĩa của Phật, Bồ Tát, quý vị suy đoán cách nào cũng chẳng đoán được, đó là chẳng biết niệm. Nếu chúng ta hiểu rõ những chỗ này, tu tập đúng lý, đúng pháp, nghiệp chướng của quý vị sẽ tiêu trừ trong một thời gian ngắn!

Nghệp chướng có tiêu trừ hay không, chính mình biết, chẳng cần hỏi ai khác! Hiện tượng nghiệp chướng tiêu trừ là vọng niệm của quý vị ít đi, phiền não ít ỏi, tâm tình vui sướng, pháp hỷ sung mãn. Người học Phật đã rất lâu, càng học càng lắm phiền não, không chỉ là nghiệp chướng chẳng tiêu tan, mà càng tăng trưởng, tuyệt đối chẳng phải là Phật pháp bất hảo, mà do chính quý vị đã học sai lầm, học chẳng đúng pháp. Nếu đúng pháp, chắc chắn tiêu trừ nghiệp chướng. Vì sao người khác học Phật có thể tiêu tan nghiệp chướng, mà ta học Phật chẳng tiêu nghiệp chướng được? Vì thế, chính mình nhất định phải hổ thẹn, nhất định phải phản tỉnh, phải sửa lỗi, đổi mới, phải bắt đầu học lại thì mới có thể đạt tới hiệu quả. Nhất là pháp môn Tịnh Độ thấy hiệu quả nhanh nhất, quý vị nghiêm túc tu học, ba tháng sẽ thay đổi, nửa năm thì chắc chắn là quý vị sẽ cảm nhận thấy mỗi ngày đều tiến bộ, cảnh giới mỗi năm khác nhau, mỗi tháng khác nhau. Dầu mỗi ngày quý vị chẳng nhận biết, nhưng khi so sánh mỗi tháng, sẽ

nhận biết hết sức rõ rệt: Công phu lại tiến thêm một bước, đúng là mỗi tuần khác hẳn. Khi ấy, thật sự đạt được pháp hỷ, đó gọi là “*pháp hỷ sung mãn*”, đạt được khinh an, đắc pháp hỷ! Do vậy có thể biết tánh chất trọng yếu của việc đọc kinh.

Đọc kinh phải có thời gian nhất định. Nếu công việc quá bận rộn, quý vị tìm thời gian rảnh rỗi, dùng thời gian ấy để đọc kinh. Nếu trong gia đình quý vị, nay quý vị là một người đã học Phật, nhưng người trong nhà vẫn chưa hiểu Phật pháp, vẫn chưa học Phật, mỗi ngày quý vị niệm kinh, người trong nhà trông thấy chẳng hoan hỷ, lúc đó phải tu như thế nào? Kinh chẳng thể không đọc, lại chẳng muốn bị người khác chán ghét, tự độ, độ tha mà! Vậy thì ta tự hỏi, vì sao khi ta đọc báo, người trong nhà chẳng chán ghét quý vị? Lúc quý vị xem tiểu thuyết, người nhà cũng chẳng chán ghét quý vị? Vì sao hễ quý vị niệm kinh, người nhà bèn chán ghét? Vì quý vị niệm kinh đọc ra tiếng, họ nghe thấy, bực bội! Quý vị đọc báo chẳng có âm thanh, xem tiểu thuyết cũng chẳng có âm thanh, ta bèn hiểu rõ, lúc đọc kinh bèn giống như cách đọc tiểu thuyết, đừng phát ra tiếng, phải hiểu đạo lý này.

Vì sao? Thông thường, chẳng có một ai không thích hoàn cảnh yên tĩnh, sợ ồn ào. Nhất là ở ngoại quốc, nếu tiểu Phật đường của chúng ta tạo dựng trong khu dân cư, quý vị gõ mõ, đánh dẫn khánh ở đó, hàng xóm sát vách sẽ gọi điện thoại tới sở cảnh sát. Khi đó, cảnh sát tới ngay: “Trong nhà quý vị đang làm chuyện gì vậy? Làm phiền hàng xóm là không được rồi!” Vì thế, học Phật, điều khẩn yếu nhất là gia đình hòa thuận, cả nhà vui vẻ, đừng khiến cho kẻ khác chán ghét, điều này hết sức trọng yếu. Sau khi đã học Phật, phải vận dụng những điều Phật đã giáo huấn vào gia đình, chẳng thể nói chúng ta học Phật, rất nhiều lễ tiết và nghi thức trong Phật môn, trong Phật đường mọi người đều biết, nhưng về nhà bèn quên sạch. Nhất định phải đem những thứ trong Phật đường, Phật đường là lớp học, phải đem những thứ đã học trong lớp về nhà. Đem về đến nhà, đem vào cuộc sống, biết dùng trong cuộc sống, đó là dạy quý vị phải Giác, phải Chánh, tư tưởng lần kiến giải đều phải chính xác.

Điều thứ nhất Phật môn dạy chúng ta là hoan hỷ. Hễ khi bước vào chùa miếu, tiếp xúc đầu tiên là Thiên Vương Điện, đó là điện đường ta thấy ngay khi vừa bước vào cửa Phật. Vào cửa Phật bèn học điều gì? Học vẻ mặt tươi cười đón tiếp người khác. Vì quý vị vào cửa Phật, đầu tiên là thấy Di Lạc Bồ Tát, cười hề hà, nhằm dạy quý vị. Kinh nói: Bồ Tát ở chỗ nào cũng đều khiến cho hết thấy chúng sanh tâm hoan hỷ. Đó là Bồ Tát! Vì thế, A La Hán trong Tiểu Thừa chẳng bằng Bồ Tát, Tiểu Thừa là

tự lợi, chẳng lợi ích chúng sanh; người Đại Thừa coi lợi ích chúng sanh là bậc nhất. Di Lạc Bồ Tát đặc biệt được tạc với hình tượng Bồ Đại hòa thượng, ý nghĩa được tượng trưng càng sâu hơn. Bụng to biểu thị có lượng bao dung, có thể dung nạp, Ngài biểu thị “*sanh tâm bình đẳng, thành tướng hoan hỷ*”, đối với bất cứ ai đều hoan hỷ, hết thầy thị phi, thiện ác đều có thể dung nạp, dạy chúng ta điều ấy. Chúng ta phải áp dụng điều này vào gia đình, vào trong cuộc sống. Tứ Đại Thiên Vương biểu thị pháp: Đông Phương Thiên Vương biểu thị trọn hết trách nhiệm, Nam Phương Thiên Vương biểu thị mỗi ngày đều đổi mới, Tây Phương và Bắc Phương biểu thị đa kiến đa văn, học rộng, nghe nhiều. Thiên Vương Điện chính là bài học đầu tiên cho quý vị khi vừa vào Phật môn. Trong tự viện thờ Di Lạc Bồ Tát nhằm luôn luôn nhắc nhở chúng ta. Vì thế, sự giáo học như vậy không chỉ là cơ sở của việc học Phật, mà còn là cơ sở để làm người.

Bất luận quý vị theo đuổi nghề nghiệp nào trong xã hội; năm trước, tôi sang Vancouver, Gia Nã Đại giảng kinh, có Châu cư sĩ lần đầu tiên đến nghe tôi giảng, nghe tôi nói đến chỗ này, ông ta vô cùng hoan hỷ, thưa với tôi: “Học điều này rất hữu dụng, con là dân kinh doanh, áp dụng phương pháp này vào kinh doanh nhất định kiếm được tiền, khách hàng nhất định có ấn tượng tốt đối với con”. Đúng thế! Chẳng sai tí nào! Ông ta học rồi bèn sử dụng trong thương trường, đó là thương nhân Bồ Tát, là bậc Bồ Tát trong thương trường. Vừa khởi đầu Giác, Chánh, Tịnh, bèn giảng Tam Bảo cho quý vị, nhất định phải biết điều này!

“*Hoặc nghe tiếng Tịch Tĩnh*”: Tam Bảo được nói trong phần trước là cơ sở, căn bản của toàn thể Phật pháp, còn từ Tịch Tĩnh cho đến Không Vô Ngã là nói riêng về Tam Thừa. Tịch Tĩnh, Không, Vô Ngã là ba pháp ấn của Tiểu Thừa, là giáo nghĩa Tiểu Thừa. Tây Phương Cực Lạc thế giới thuần là Đại Thừa, có sao có giáo nghĩa Tiểu Thừa? Trong Đại Kinh đã nói rất tỉ mỉ, thế giới Tây Phương là một thế giới rất đặc biệt. Chúng sanh trong thế giới của hết thầy chư Phật khắp mười phương có căn tánh bất đồng, do A Di Đà Phật tiếp dẫn trọn khắp, họ đều vãng sanh đến Tây Phương Cực Lạc thế giới. Vì thế, trong các chủng tánh nơi đó, có chủng tánh người, trời, có chủng tánh Nhị Thừa. Chẳng hạn như có rất nhiều người tu Tiểu Thừa, Tiểu Thừa Sơ Quả, Nhị Quả, cho đến A La Hán, cho tới Bích Chi Phật, đã tu nhiều đời, nhiều kiếp, tập khí rất sâu, thấy A Di Đà Phật, vẫn muốn biết Tịch Tĩnh, Không, Vô Ngã, vẫn nghĩ tới những pháp ấy. A Di Đà Phật thỏa mãn nguyện vọng của họ. Tây Phương Cực Lạc thế giới A Di Đà Phật giáo học trọn chẳng áp đặt kẻ khác, quý vị muốn học gì, Ngài sẽ dạy quý vị pháp ấy; bất quá Ngài có phương tiện thiện xảo,

từ từ dẫn dụ quý vị nhập pháp Nhất Thừa, đó là chỗ cao minh của Ngài. Vì vậy, quý vị muốn nghe Tiểu Thừa, Ngài sẽ dạy quý vị Tiểu Thừa.

“*Đại từ bi thanh, Ba La Mật thanh*”, đây là pháp Bồ Tát, Bồ Tát phải tu Lục Độ, phải tu đại từ đại bi. Đó là nói thông thường, nhà Phật là “*từ bi làm gốc, phương tiện làm cửa*”. Ở đây có đại từ bi, phương tiện là gì? Thừa cùng quý vị, Lục Ba La Mật là phương tiện, Phương (方) là phương pháp, Tiện (便) là thuận tiện, tiện lợi, thích hợp, phương pháp ấy sử dụng rất hợp. Đó là “*phương tiện*”, sử dụng hết sức có hiệu quả, khít khao.

Pháp Bồ Tát vô lượng vô biên, Lục Độ là quy nạp vô lượng pháp Bồ Tát thành sáu loại lớn, loại thứ nhất là bố thí. Bố thí là Xả, là buông xuống, tuyệt đối chẳng phải là vừa thấy bố thí, [liền nghĩ] chúng ta bỏ ra một chút tiền tài, [hiều như vậy] là sai mất rồi! Quý vị bỏ tiền tài bèn có thể thành Bồ Tát ư? Có thể thành Phật ư? Có thể minh tâm kiến tánh ư? Chẳng thể được! Do vậy, mọi người ngàn vạn phần chớ nên hiểu lầm. Bố thí trọng yếu nhất là phải buông xả phiền não, bố thí hết, bỏ hết, buông xuống, bỏ sạch tập khí. Phẩm kinh giảng về [địa vị] Đệ Lục Hồi Hướng [Bồ Tát] trong kinh Hoa Nghiêm⁴² đã nói hơn bảy mươi loại bố thí, nói hết sức tỉ mỉ, nhưng hơn bảy mươi loại ấy là nói đề cương, khái yếu, vẫn chưa phải là nói chi tiết. Chúng tôi đã giảng chương Lục Hồi Hướng ấy suốt một năm!

Tu hành, chư vị nhất định phải hiểu, bản thân chúng ta có loại phiền não nào nặng nhất, loại tập khí nào nặng nhất, trước hết phải dốc sức từ chỗ đó. Giống như chữa bệnh, trên thân quý vị có rất nhiều thứ bệnh, không phải chỉ là một loại! Bệnh nào nguy hiểm đến tánh mạng, bệnh nào gây mất mạng thì phải trị lành căn bệnh ấy trước, sau đó mới trị các bệnh khác, mới trị các bệnh nhẹ hơn, trước hết, hãy đối phó chứng bệnh nặng nhất, đó mới là biện pháp [đúng đắn]. Nếu quý vị điên đảo đầu đuôi, trị bệnh nhẹ trước, đối với bệnh nặng vẫn chẳng nghĩ là khẩn yếu, bệnh nhẹ còn chưa trị lành, bệnh nặng bộc phát liền ô hô ai tai, chẳng có cách nào

⁴² Đây là phẩm thứ hai mươi lăm trong bộ Bát Thập Hoa Nghiêm Kinh do ngài Thật Xoa Nan Đà dịch, dài đến bốn quyển kinh văn. Trong phẩm này, Thập Tràng Bồ Tát (tức mười vị Bồ Tát có chữ Tràng trong danh hiệu như Kim Cang Tràng, Kiên Cố Tràng, Dũng Mãnh Tràng, Quang Minh Tràng v.v...) từ mười phương đến dự pháp hội. Trong số đó, Kim Cang Tràng Bồ Tát làm thượng thủ, tuyên nói mười địa vị hồi hướng. Đệ Lục Hồi Hướng Bồ Tát có tên gọi đầy đủ là Tùy Thuận Bình Đẳng Thiện Căn Hồi Hướng, còn gọi là Tùy Thuận Kiên Cố Nhất Thiết Thiện Căn Hồi Hướng, hoặc Nhập Nhất Thiết Bình Đẳng Thiện Căn Hồi Hướng.

trị được, chỉ có một con đường chết! Nhất định phải là trước hết tìm được căn bệnh nặng nhất của chính mình, dốc sức sửa đổi nơi đó, trừ bỏ ở chỗ đó trước!

Vì thế, bỏ thí hết phiền não, bỏ thí sạch sanh tử. Phiền não đã bị bỏ thí hết, chẳng còn phiền não. Sanh tử đã bỏ thí sạch, bèn bắt sanh, bắt diệt. Có thể thấy là đối với hai điều này, quý vị đều chẳng thể bỏ thí, nên hằng ngày sanh phiền não, còn có sanh tử luân hồi! Vì sao không thể buông sanh tử luân hồi xuống? Có thể buông những thứ ấy xuống, sẽ được gọi là đại trượng phu trong Phật môn, lỗi lạc thay! Những thứ ấy đều buông xuống, hưởng gì vật ngoài thân? Vật ngoài thân đều là lông gà, vỏ tỏi, có gì là chẳng thể bỏ? Trong Niệm Phật Đường, vị chủ trì Phật Thất thường nói: “*Buông thân tâm thế giới xuống*”. Đó là thật sự bỏ thí, phải buông xuống, trong tâm quý vị mới được thanh lương tự tại. Nói cách khác, trong tâm quý vị có ưu lự, có vướng mắc, những thứ ấy đều là bệnh, đều là gốc bệnh của sự luân hồi trong sáu đường. Quý vị phải buông sạch những thứ vướng mắc xuống, bỏ càng nhiều càng hay! Lục Tổ nói trong cái tâm thanh tịnh của quý vị “*vốn chẳng có một vật*”, đó mới là chân tâm và bản tánh của quý vị. Nếu quý vị chẳng thể bỏ sạch sanh, chân tâm bản tánh sẽ chẳng thấu lộ, Thiên Tông nói “*minh tâm kiến tánh*”, chắc chắn quý vị chẳng minh tâm, mà cũng chẳng kiến tánh, vì sao? Quý vị không chịu buông xuống, chẳng bỏ những thứ đó.

Có thể thấy trong pháp môn của Bồ Tát, pháp môn này được gọi là pháp căn bản, Bồ Tát tu gì? Từ đầu tới cuối, từ Sơ Phát Tâm mãi cho đến khi thành Phật là tu bỏ thí, cũng là tu buông xuống. Quý vị nói Phật pháp rắc rối, nhưng Phật pháp chẳng rắc rối mà rất đơn giản! Thuở ấy, tôi gặp Chương Gia đại sư, thỉnh giáo lão nhân gia, Ngài khai thị sáu chữ: “*Khán đắc phá, phóng đắc hạ*” (thấy thấu suốt, buông xuống được). Buông xuống là bỏ thí, thấy thấu suốt là Bát Nhã, là trí huệ. Trí huệ khai từ chỗ nào? Phải buông xuống, trí huệ mới khai. Trí huệ đã khai, quý vị thật sự chịu buông xuống. Bởi lẽ, hai phương pháp ấy giúp đỡ, thành tựu lẫn nhau. Càng bằng lòng buông xuống, trí huệ càng tăng trưởng. Trí huệ càng tăng trưởng, buông xuống càng triệt để.

Bồ Tát khác chúng ta, Bồ Tát biết đạo lý này, nghiêm túc thực hiện. Phàm phu chúng ta chẳng hiểu đạo lý này, mà cũng chẳng chịu làm! Người sơ học nói nghiệp chướng nặng nề, nặng ở chỗ nào? Đã biết đạo lý này mà vẫn chẳng chịu làm, đúng là nghiệp chướng nặng nề! Hiểu đạo lý, học thuyết hiện đại gọi là “*tri dị hành nan*” (biết dễ làm khó), thật ra, đạo lý thật sự là “*tri nan hành dị*”, biết khó, làm chẳng khó! Biết nguyên lý,

nguyên tắc, chân tướng sự thật này, rất khó! Nếu đức Phật chẳng xuất thế, làm sao chúng ta biết cho được? Người biết điều này, ngay lập tức buông xuống, đó là “*phóng hạ đồ đao, lập địa thành Phật*” (buông dao đồ tể xuống, lập tức thành Phật), “*dao đồ tể*” là tỷ dụ, “*dao đồ tể*” là tạo nghiệp, [“*buông dao đồ tể xuống*”] là quý vị buông hết thả những thứ tạo nghiệp xuống, bèn thành Phật, mang ý nghĩa ấy. Đó là từ bi và Ba La Mật, Ba La Mật là phương tiện.

Nói thực tại, vẫn chẳng thể không nói đại lược, hy vọng mọi người hiểu rõ. Đích xác là chúng ta phải vận dụng Phật pháp trong cuộc sống thì mới thật sự có thể lìa khổ, được vui. Nói cách khác, khiến cho chúng ta sống một đời này thật sự hạnh phúc mỹ mãn. Nếu người học Phật mà chẳng làm được điều này chút nào, những điều khác chẳng cần phải bàn tới nữa, chắc chắn là quý vị chẳng có phần nơi thế giới Cực Lạc. Nay quý vị đang học, học khổ sở dường ấy, há còn có thể đến thế giới Cực Lạc? Thế giới Cực Lạc là hoan hỷ đi đến đó, chẳng có chuyện nhịu mày nhăn mặt đi về đó, [nếu ra đi mà khổ sở như vậy] thì sẽ chẳng thể đến đó thành công được! Do vậy, nhất định phải giác ngộ, phải tu Lục Độ, đầu tiên là phải biết buông xuống, phải biết xả.

“*Trì giới*” là tuân giữ pháp. Mọi người đừng chết cứng nơi giới điều, [chấp chặt từng giới điều] vô dụng! Giới là pháp, [giống như] hiến pháp hoặc pháp luật quốc gia, chúng ta phải tuân thủ, quyết định đừng phạm pháp. Trừ những điều này ra, [tức là] ngoài việc tuân thủ pháp luật do các cơ cấu lập pháp của quốc gia chế định ra, còn có những luật lệ bất thành văn, hoặc các luật chẳng viết ra, đó là gì? Là gì vậy? Phong tục, tập quán, lễ phép, phải tuân thủ những thứ ấy. Đó gọi là: “*Nhà có gia quy, nước có quốc pháp*”, vào nước nào phải tuân theo phong tục [nước đó]. Chúng ta vào nhà nào, nhà ấy có những quy củ gì, chúng ta phải tuân thủ, chẳng thể phá hoại; đến quốc gia khác, trước khi đến, phải liễu giải tình hình trong quốc gia ấy, chỗ nào cần phải chú ý, phải tuân thủ, những điều này đều thuộc về trì giới.

Chư vị phải hiểu trì giới trọn chẳng phải là “ta giữ năm giới hay mười giới”, thực hiện cứng nhắc như thế, quý vị học Phật xong chẳng thể vận dụng. Trong các phương diện của đời sống như gia đình, sự nghiệp, xử sự, đãi người, tiếp vật, thấy đều chẳng dùng được! Nói cách khác, không đạt được lợi ích trước mắt từ Phật pháp, nói “sau khi đã chết mới đạt được” chính là gạt người, chẳng có đạo lý ấy! Bao nhiêu tỷ dụ trong kinh Phật, khai hoa trước, kết quả sau, những gì đạt được trong hiện tại là “hoa báo”. Hoa đã nở tốt đẹp, sau này nhất định kết thành quả tốt đẹp.

Hiện tại khổ sở cay đắng chẳng có hoa, làm sao về sau có quả cho được? Chẳng thể có quả! Nhất định là đơm hoa trước rồi mới kết quả sau, điều này vô cùng trọng yếu. Hiện thời, chúng ta thấy nhiều người học Phật sai lầm, toàn là học chết cứng, nói khó nghe hơn là học ngây ngốc, [giống như] kẻ học hành chẳng hiểu, biến thành kẻ cuồng chữ. Chúng ta học Phật mà chẳng thông suốt cũng trở thành hạng ngây ngốc trong nhà Phật. Vì vậy, phải hiểu trì giới là gì, phải hiểu rõ định nghĩa này, phải học [Phật pháp một cách] sống động!

“*Nhẫn nhục*”, nhẫn nhục là bồi dưỡng lòng nhẫn nại của chính mình. Pháp thế gian và xuất thế gian, nếu quý vị chẳng kiên nhẫn, sẽ không thể thành tựu, đó cũng là “*hằng tâm, nghị lực*” như người thế gian thường nói. Quý vị phải có chí thường hằng, “*hữu hằng vi thành công chi bản*” (có chí thường hằng là cái gốc để thành công). Nhẫn Nhục Ba La Mật là bồi dưỡng hằng tâm của quý vị. Tu học Phật pháp phải tốn thời gian khá dài, tuyệt đối chẳng phải là có thể thành tựu trong một thời gian ngắn. Hiện thời, người bình phàm học Phật, nói thật ra, chẳng bằng người trong thế hệ trước, tuyệt đối chẳng phải là thế hệ chúng ta thông minh và trí huệ chẳng bằng cổ nhân. Quý vị nói như vậy là sai mất rồi. Con người hiện thời chắc chắn thông minh hơn người trong quá khứ, vì sao thành tựu chẳng bằng cổ nhân? Do phương pháp sai lầm, tự cậy thông minh, chẳng chịu nương theo phương pháp truyền thống để tu học, chính mình sáng chế một phương pháp khác, đó gọi là “*tự cậy thông minh*”. “*Thông minh đâm ra bị làm lẫn bởi thông minh*”, đáng tiếc thay! Do cổ nhân thật thà, tuân thủ giáo huấn của thầy, có thể tuân thủ kinh nghiệm của tiền nhân, nên thành tựu rất dễ dàng!

Người xưa kia, nói thật ra, chẳng có bản lĩnh chi khác. Bản lĩnh của họ là Chuyên. Tam Tự Kinh có nói: “*Giáo chi đạo, quý dĩ chuyên*” (trong đường lối dạy học, cốt yếu là chuyên). “*Giáo*” là giáo học, đạo lý giáo học là chuyên. Người hiện thời bày vẽ hoa hòe, hoa sói, đạo dạy học hiện thời là “*quý dĩ bác*” (cốt sao cho rộng), hễ là rộng thì hết thầy đều hỏng. Trong nhà trường hiện thời, mỗi ngày học mấy lớp khác nhau. Một học kỳ phải học thật nhiều thứ, thời cổ không có chuyện ấy. Dạy học thời cổ là kẻ có thiên bẩm hết sức cao chỉ có thể học đồng thời hai môn. Hai môn cũng không thể học cùng một lúc, tối đa là cách một ngày mới đổi sang thứ khác. Chẳng hạn như một ngày học Kinh, một ngày học Sử, mỗi ngày tâm đều chuyên, tâm chẳng phân biệt. Ngày thứ hai đổi sang môn khác, tuyệt đối chẳng phải là trong một ngày học hai môn, chẳng thể được!

Nếu là kẻ bầm tánh trung bình, chẳng thể học hai môn, chỉ có thể học một môn. Học một môn ấy xong rồi mới có thể học môn thứ hai, chuyên mà!

Đó là kinh nghiệm và tâm đắc giáo dục mấy ngàn năm của Trung Quốc, thành quả bày ra ngay trước mặt. Người hiện thời chẳng tin, muốn học rộng, thật ra, rộng là tạp, là loạn, nói “rộng” là nói cho dễ nghe hơn một chút! Hiện thời là tạp loạn, tạp loạn bèn chẳng có lẽ lối, lẽ nào có thể thành tựu cho được? Vì lẽ đó, nhấn nhục là chuyên, có ý nghĩa này. Chuyên thì phải nhấn, nhất là trong xã hội hiện thời, thấy người ta học nhiều như thế, trong tâm rất khó chịu. Quý vị thấy người ta học nhiều như thế, [bèn so đo] “ta học một thứ, khô cần, vô vị”. Nếu quý vị chẳng kiên nhẫn thì làm sao được? Nếu quý vị học một thứ suốt ba năm sẽ là người nổi trội, vì sao? Một vị chuyên gia. Người khác trong ba năm học rất nhiều thứ. Thứ gì cũng biết chút chút, thứ gì cũng hiểu biết nửa vời, chẳng có cách nào vượt trội, quý vị học một thứ tuyệt diệu lắm!

Thí dụ như có nhiều Phật Học Viện ngàn ấy, nhưng có Phật Học Viện nào xuất hiện nhân tài? Vì sao chẳng đào tạo nổi nhân tài? Vì họ học tạp loạn. Trong quá khứ, tôi cũng lập Phật Học Viện, sau khi đã giác ngộ, mới hiểu lỗi lầm ấy, có lỗi với học trò! Sau đó, chẳng có dũng khí làm nữa! Không chỉ chẳng dám làm, mà Phật Học Viện mời tôi đến dạy, tôi cũng không dám đến. Tôi cảm thấy tới đó lên lớp giảng dạy tức là nhiều loạn học trò. Đã có lắm kẻ nhiều loạn họ ngàn ấy, tôi lại đến nhiều loạn họ một phen, há nữ lòng nào? Do vậy, tôi không đến. Vì thế, nhất định phải chuyên, chuyên học.

Tôi khuyên chư vị đồng tu, phải thật sự đặt vững cơ sở nơi Phật pháp. Sau khi đặt vững cơ sở, sẽ không chỉ hiểu xuyên suốt Phật pháp, mà pháp thế gian cũng thông đạt. Vì sao? Quý vị có Định và Huệ, làm bất cứ nghề nghiệp gì trên thế gian cũng đều là bậc nhất, đều là người vượt trội. Quý vị gặp bất cứ cảnh giới nào, trong tâm có chủ tể, chẳng động tâm, cách nhìn và kiến giải của quý vị cao minh hơn người khác. Phương pháp tu học là từ ba năm đến năm năm, quý vị niệm một quyển kinh sách, cách này đơn giản lắm, vô cùng hữu dụng. Nếu quý vị tin tưởng tức là quý vị có phước. Chẳng tin tức là quý vị thiếu phước báo, vẫn muốn tạp loạn, như vậy thì chẳng có cách gì cả! Dễ dàng và đơn giản dường ấy! Điềm vô cùng hay của kinh Vô Lượng Thọ là dài ngắn thích hợp. Nếu quý vị nếu muốn dài hơn một chút, bèn niệm Tịnh Độ Ngũ Kinh, phân lượng đủ rồi. Điều này chắc chắn có lợi cho quý vị, đó là nhấn nhục.

Chỉ có nhấn nhục mới là tinh tấn. Tấn (進) là cầu tiến bộ. Điều trọng yếu nhất trong tiến bộ là thuần chứ không tạp, như vậy là tiến bộ. Ta niệm

mỗi ngày, đó là Tấn. Mỗi ngày niệm một thứ là Tinh (精: chuyên ròng). Ta niệm rất nhiều thứ, tuy Tấn nhưng chẳng có Tinh, Tấn thì phải là Tinh Tấn. Hai điều sau là thâm hoạch của quý vị, những điều trước là buông xuống, tuân thủ pháp, kiên nhẫn, cầu tiến bộ, tức tinh tấn, quý vị sẽ đắc Định, đạt được trí huệ, hai điều sau là Thiên Định và Bát Nhã sẽ tự nhiên đạt được.

Tôi giải thích với mọi người về Lục Độ như vậy, quý vị sẽ dễ hiểu hơn, chẳng đến nỗi thấy Lục Độ chẳng biết là chuyện gì, mà cũng chẳng biết cách tu ra sao? Giống như thấy [kinh điển dạy] bớ thí, bèn vội vã đến chùa cúng mấy đồng tiền. Nếu chùa ấy chẳng phải là [nơi tu hành chân chánh theo đúng] Phật pháp, quý vị [cúng dường chính là] giúp họ tạo ác. Đã mất tiền, lại còn phải chịu trách nhiệm nhân quả, tương lai còn bị đọa lạc. Quý vị chẳng bỏ ra món tiền ấy, chẳng đọa lạc; [thế mà] bỏ tiền ra còn bị đọa lạc, vì sao? Giúp kẻ khác làm ác, giúp họ làm chuyện xấu! Thấy [nói] trì giới, vội vã nghĩ nếu ta chẳng sát sanh, chẳng trộm cắp [là được rồi]. Tuy hằng ngày nghĩ như thế, nhưng thứ gì cũng chẳng làm được, vì chẳng hiểu ý nghĩa của chúng! Đó là nói về pháp Bồ Tát.

“*Thập Lục, Vô Úy, Bát Cộng Pháp thanh*” là pháp Nhất Thừa, pháp Nhất Thừa là Phật pháp. Nơi quả địa Như Lai có mười loại năng lực đặc thù, Bồ Tát không có, có Tứ Vô Úy, có mười tám pháp Bát Cộng, Bát Cộng là chẳng có chung với Bồ Tát, [nghĩa là] Bồ Tát chẳng có [những pháp ấy], chỉ trong quả địa Như Lai là có. Mấy câu này là nói về sự thành Phật, mức độ này cao hơn [mức độ trước] một bậc. Điều này nói rõ Tây Phương Cực Lạc thế giới là sáu trần thuyết pháp, nội dung những điều được nói đương nhiên phải là có trọn hết [tất cả các pháp]. Quý vị muốn nghe pháp gì, bèn nói pháp đó. Lúc quý vị chẳng muốn nghe, sẽ chẳng nghe thấy. Đúng là tự tại!

Đoạn kế tiếp nói cặn kẽ về pháp Bồ Tát, vì rốt cuộc là Đại Thừa. Tiểu Thừa và Phật Thừa tạm thời gác lại, đối với pháp Bồ Tát, phải nói nhiều hơn đôi chút. Vì người tu học pháp môn này là Bồ Tát vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, trong phần trước, tôi đã thưa cùng quý vị, toàn là Phổ Hiền Bồ Tát, có thể thấy pháp môn này thù thắng khôn sánh.

(Sao) Chư thông huệ thanh, vô sở tác thanh, bất khởi diệt thanh, vô sanh nhẫn thanh, nãi chí cam lộ quán danh, chúng diệu pháp thanh, xứng kỳ sở dục, vô bất văn giả, phát thanh tịnh tâm, thành thực chư căn, vĩnh bất thoái u Vô Thượng Bồ Đề, thị thủy bản vô tình, thiện năng thuyết chư diệu pháp dã.

(鈔) 諸通慧聲，無所作聲，不起滅聲，無生忍聲，乃至甘露灌頂，眾妙法聲，稱其所欲，無不聞者，發清淨心，成熟諸根，永不退於無上菩提，是水本無情，善能說諸妙法也。

(Sao: Tiếng các thông huệ, tiếng vô sở tác, tiếng chẳng khởi diệt, tiếng vô sanh nhẫn, cho đến tiếng cam lộ quán đảnh, tiếng các diệu pháp, xứng hợp lòng mong muốn, không gì chẳng nghe, phát tâm thanh tịnh, thành thực các căn, vĩnh viễn chẳng thoái chuyển Vô Thượng Bồ Đề, nước ấy vốn vô tình, khéo có thể nói các diệu pháp).

Vô tình thuyết pháp. “Chư thông huệ thanh”, “thông” (通) là thông thường, theo đường lối thông thường. “Thông huệ” (trí huệ thông thường) là nói tới địa vị Tam Hiền trong Biệt Giáo. Chúng ta nói Tam Hiền Thập Thánh, thường nói tới Bồ Tát Ma Ha Tát. Tam Hiền là Bồ Tát, Thông Huệ là Bồ Tát; Thập Thánh là Ma Ha Tát. Ma Ha là Đại, [Ma Ha Tát] là Đại Bồ Tát. Thông Huệ là nói đến những vị Bồ Tát thông thường, tức là nói đến các hàng Bồ Tát thuộc các pháp môn thông thường. “Vô sở tác thanh, vô khởi diệt thanh”, từ đây trở đi là nói tới hàng Đại Bồ Tát, tức là Ma Ha Tát. “Vô sở tác, vô khởi diệt” là cảnh giới từ Sơ Địa cho đến Thất Địa trong Biệt Giáo. Đẳng Địa là Ma Ha Tát, là Đại Bồ Tát.

Mỗi vị đồng tu chúng ta đang hiện diện tại đây, đều được đức Phật thọ ký trong kinh. Đòi đòi kiếp kiếp trong quá khứ quý vị đều học Phật, cũng từng cúng dường vô lượng chư Phật, Bồ Tát, đòi đòi kiếp kiếp tu hành. Như trong phần đầu kinh Vô Lượng Thọ đã nói, cúng bốn trăm ức Phật, nay còn bị mê khi cách âm, còn thoái chuyển. Trước kia là Bồ Tát, nay lui sụt đến nông nổi này, thoái chuyển rồi! Nói cách khác, đòi đòi kiếp kiếp tu hành đều thất bại, đều chẳng đạt đến địa vị Sơ Tín trong Viên Giáo. Nếu quý vị tu đến địa vị ấy, đâu bị thoái chuyển, chẳng sợ, vì sao? Địa vị Sơ Tín là giới hạn, quyết định sẽ không lui xuống [các địa vị] thấp hơn nữa. Đâu lui sụt, lùi xuống địa vị Sơ Tín [là cùng], cho nên gọi là Vị Bất Thoái, địa vị này bảo đảm quý vị chẳng sụt lùi! Kinh điển có nói: Tính từ địa vị Sơ Trụ trong Viên Giáo, phải tu một A-tăng-kỳ kiếp mới có thể tu mãn địa vị Tam Hiền; trong A-tăng-kỳ kiếp thứ hai, tu bảy địa vị, từ Sơ Địa của Viên Giáo cho đến Thất Địa. [Tu hành suốt] ba A-tăng-kỳ kiếp mới thành Phật, chúng ta phải biết chuyện này quả thật chẳng dễ dàng! Đoạn sạch tám mươi tám phẩm Kiến Hoặc mới là Sơ Tín vị Bồ Tát. Nói cách khác, chúng ta đòi đòi kiếp kiếp chẳng thể đoạn Kiến Hoặc, chuyện

này rất phiền toái, do chưa đoạn sạch. Đã đoạn được tám mươi bảy phẩm trong tám mươi tám phẩm, hãy còn sót một phẩm. Phẩm này chẳng đoạn được, đời sau nó sẽ dần dần tăng trưởng, lại tăng trưởng thành tám mươi tám phẩm, phiền phức to tát do vì chưa đoạn sạch lầu. Đã đoạn sạch thì đương nhiên là nó sẽ không còn tăng trưởng. Chẳng đoạn sạch, nó sẽ từ từ khôi phục, lại khôi phục tình trạng như cũ, chuyện vô cùng rắc rối.

Đến Sơ Địa, đúng là “*đoạn vô minh, chứng Pháp Tánh*”. Nói Sơ Địa đoạn vô minh, chứng Pháp Tánh, tức là theo nghĩa Biệt Giáo, là Biệt Giáo Bồ Tát, theo Viên Giáo thì là Sơ Trụ. Sơ Trụ Bồ Tát đoạn một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Tánh, từ đây trở đi, phương pháp tu hành chẳng giống như người khác, vì là vô công dụng đạo. Trong Phật môn thường nói: “*Thử xứ dụng bất đắc lực*” (chẳng thể áp dụng đắc lực ở nơi đây) là nói về ý nghĩa này, vì sao? Hễ dùng sức thì là hữu tác, chẳng phải là vô tác, tức là có khởi diệt (dậy lên và diệt mất), có cái được làm (hữu sở tác). Vô sở tác rất khó hiểu. Trước kia, khi thầy Lý giảng đến chỗ này, cụ đã nêu một tỷ dụ, [tức là tỷ dụ] thuyền buồm. Thuyền buồm chạy nhờ sức gió. Khi sắp đến bờ, chúng ta hạ buồm xuống, dùng sào trúc chống từ từ, đưa thuyền vào bờ. Đó vẫn là “*có làm*”. Khi sắp đến gần sát bờ, lúc ấy, chẳng thể chống sào trúc được nữa! Hễ chống, thuyền sẽ va vào bờ. Buông sào ra, thuyền tự nhiên cập bờ, đó là “*vô tác*”, là “*vô công dụng đạo*”. Tỷ dụ ấy rất hay, khi ấy là vô công dụng đạo, đúng là hoàn toàn vô tác.

Trong vô tác có bốn mươi một cảnh giới, từ Sơ Trụ của Viên Giáo cho đến Đẳng Giác toàn là dụng công như vậy. Sự dụng công ấy đích xác là một tí dấu vết cũng chẳng có. Không chỉ chẳng có vết tích, mà một tí ý niệm cũng không có, nên gọi là “*vô công dụng đạo*”. Đó là cách tu học cao cấp nhất, hoàn toàn tương ứng với giáo nghĩa Nhất Thừa. Đây là kiến tánh, “*tánh*” là chân tánh, là như Lục Tổ đã nói “*vốn chẳng có một vật*”. Nếu quý vị nói ta dụng công như thế nào, tức là vẫn có một vật. Quý vị nói ta tu Thiền Định, lại là một vật! Ấn Tông thỉnh giáo Lục Tổ, hỏi: “Ngũ Tổ có nói Thiền Định và giải thoát hay không?” Đương nhiên là có nói, nhưng Lục Tổ chẳng trả lời theo cách như vậy, Ngài bảo: “*Thiền Định và giải thoát là hai pháp, Phật pháp là pháp bất nhị, hai pháp chẳng phải là Phật pháp*”. Giải thích kiểu ấy nghĩa là gì? Hoàn toàn là giải thích dựa theo vô công dụng đạo. Có dùng phương pháp này hay không? Có! Đã có dùng, vì sao là pháp bất nhị? Ngài chẳng chấp tướng, tức là “*làm mà vô làm, không làm mà làm*”, công phu của Ngài được sử dụng theo cách này! Chẳng giống như chúng ta chấp tướng, khởi tâm động niệm, dụng công thật sự là dụng công, chẳng đạt được tiêu chuẩn của các Ngài, nhưng chur

vị phải hiểu: Phải đạt đến Sơ Địa Bồ Tát trong Biệt Giáo (tức Sơ Trụ trong Viên Giáo) thì mới được! Nay chúng ta chẳng phải là bậc Địa Thượng Bồ Tát trong Biệt Giáo mà nếu cũng dùng phương pháp ấy, sẽ hỏng bét. Đúng là mỗi cảnh giới có cách làm riêng của cảnh giới ấy, chúng ta tuyệt đối chẳng học được! Chúng ta vẫn là hữu công dụng đạo, như vậy thì mới nên, mới chẳng bị lỡ làng. Đó là nói về Vô Tác.

Không chỉ là Vô Tác, mà khởi diệt cũng chẳng có. Khởi diệt là sanh diệt, là khởi tâm động niệm. Nay ý niệm của chúng ta có sanh diệt, niệm này sanh, niệm kia diệt, đó là tâm ý thức. Đạt đến cảnh giới ấy, hoàn toàn không chế ý thức, có Thiên Định và Quán Chiếu Bát Nhã rất sâu. Tuy vẫn chưa thể chuyển Thức thành Trí, Thất Địa Bồ Tát đã gần như vậy, Bát Địa Bồ Tát đã chuyển được, chuyển A Lại Da thành Đại Viên Kính Trí, khởi diệt cũng chẳng còn!

Vì thế, “*vô sở tác thanh*” là Sơ Địa, “*vô khởi diệt thanh*” là Thất Địa. Nói một địa vị trước và một địa vị sau, tính lược những địa vị trung gian. Từ vô sở tác đến vô khởi diệt, đó là cảnh giới từ Sơ Địa cho đến Thất Địa, dần dần đạt đến bất sanh bất diệt. Do đó, nếu tiến hơn một bước, bèn chứng Vô Sanh Pháp Nhãn. Vô Sanh Pháp Nhãn là Bát Địa. Theo như kinh Nhân Vương đã giảng về Vô Sanh Pháp Nhãn, Thất Địa Bồ Tát là hạ phẩm Vô Sanh Nhãn, Bát Địa Bồ Tát là trung phẩm Vô Sanh Nhãn, Cửu Địa là thượng phẩm Vô Sanh Nhãn. Thất Địa bất khởi diệt cũng bằng với hạ phẩm Vô Sanh Nhãn, Bát Địa là Bất Động Địa, thật sự chứng đắc Vô Sanh Pháp Nhãn. Đó là sơ chứng, sơ chứng được gọi là “*bất khởi diệt thanh*”.

Đoạn này có ý nghĩa rất sâu, nói thật ra, cũng rất thú vị. Tuy chúng ta chẳng đạt được, nhưng phải hiểu. Hiểu cảnh giới này bèn không mê hoặc, chúng ta tu học Phật pháp mới có thể thật sự đoạn nghi sanh tín, mới chẳng bị cảnh giới bên ngoài xoay chuyển, chẳng bị cảnh giới bên ngoài lay động. Người ta làm theo cách nào, chúng ta thấy rõ ràng, rành rẽ như vậy, bản thân chúng ta phải biết làm như thế nào để không bị cảnh giới chuyển, công phu mới có thể đắc lực. Thường bị xoay chuyển bởi cảnh giới bên ngoài, tức là công phu chẳng đắc lực, không có tác dụng.

Vì thế, đối với sự học Phật, ba thứ lý luận, phương pháp, cảnh giới, đều phải hiểu rõ. Có thứ nào chẳng hiểu rõ, sẽ chẳng có cách nào, đều chẳng thể thành tựu! Ba thứ ấy giống như ba chân của cái đỉnh, khuyết một chân, [cái đỉnh] sẽ đổ kênh! Quý vị phải có đủ ba thứ ấy, nhất định phải thâm nhập kinh tạng. Kinh tạng của Tịnh Độ Tông chúng ta ít ỏi, nhưng được chú sớ tỉ mỉ như kinh Di Đà thì chẳng nhiều lắm, Liên Trì đại

sur và Ngẫu Ích đại sư đã chú giải rất tỉ mỉ, rõ rệt, đọc chú giải này giống như xem mấy trăm bộ kinh điển. Vì lẽ đó, đích xác là chúng ta chẳng cần tìm phiền phức nữa, tuân giữ những bản chú sớ ấy là đủ rồi, chúng ta có thể chẳng bị chuyên bởi cảnh giới là được rồi, công phu có thể đắc lực. Hôm nay thời gian đã hết, chúng tôi nói tới đây.

Tập 141

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang ba trăm lẻ bốn:

(Sao) Vô Sanh Nhân thanh, nãi chí cam lộ quán đảnh, chúng diệu pháp thanh, xứng kỳ sở dục, vô bất văn giả, phát thanh tịnh tâm, thành thực chư căn, vĩnh bất thoái u Vô Thượng Bồ Đề. Thị thủy bốn vô tình, thiện năng thuyết chư diệu pháp dã.

(鈔) 無生忍聲，乃至甘露灌頂，眾妙法聲，稱其所欲，無不聞者，發清淨心，成熟諸根，永不退於無上菩提，是水本無情，善能說諸妙法也。

(Sao: Tiếng Vô Sanh Nhân, cho đến [tiếng] cam lộ quán đảnh, các âm thanh màu nhiệm, xứng với lòng mong muốn, không gì chẳng nghe, phát tâm thanh tịnh, thành thực các căn, vĩnh viễn chẳng thoái chuyển nơi Vô Thượng Bồ Đề. Nước ấy vốn vô tình mà có thể khéo nói các diệu pháp).

Mấy loại [âm thanh] nói trong phần đầu đều là nói về [các địa vị] Tam Hiền Bồ Tát trong Biệt Giáo, từ Sơ Địa cho đến Thất Địa. Vô Sanh Nhân là Bồ Tát từ Bát Địa trở lên, thật sự đoạn hết Câu Sanh Ngã Chấp (Ngã Chấp bảm sinh). Có thể thấy [đoạn trừ] Câu Sanh Ngã Chấp thật sự rất khó, đạt đến Bát Địa mới hoàn toàn đoạn hết, mới thật sự thấy hết thấy các pháp bất sanh bất diệt, đó là Vô Sanh Nhân, mà cũng là thật sự thấy chân tướng của hết thấy các pháp, tức là tướng chân thật của hết thấy các pháp. “Cam lộ quán đảnh” là Đẳng Giác Bồ Tát, mà cũng là âm thanh [thuyết pháp dành cho hàng] Đẳng Giác. Khi Đẳng Giác Bồ Tát sắp thành Phật, mười phương chư Phật dùng nước trí huệ rưới lên đỉnh đầu vị ấy, chứng minh cho Ngài, chứng thực Ngài thành Phật. Trên đây là nước thuyết pháp, thuyết pháp gì? Có thể nói từ Sơ Phát Tâm cho đến khi thành Phật, trong ấy có vô lượng vô biên pháp môn, kinh điển chỉ quy nạp [các pháp môn ấy] thành mấy giai đoạn. Phải hiểu chúng tượng trưng cho vô lượng vô biên pháp môn, chẳng có một pháp môn nào không nói, có thể thấy được sự nhiệm màu của nước ấy! Câu cuối cùng là tổng kết, “chúng diệu pháp thanh” (các tiếng pháp nhiệm màu), tổng kết những điều trước đó, thật ra là vô lượng vô biên pháp môn, chẳng có pháp nào mà nước không tuyên thuyết.

“*Xứng kỳ sở dục, vô bất văn giả*” (xứng theo lòng mong muốn, không gì chẳng nghe), chữ Kỳ (其) chỉ người vãng sanh thế giới Cực Lạc. Hễ sanh vào Tây Phương Cực Lạc thế giới, đích xác là quý vị muốn nghe pháp gì, nó bèn nói pháp đó. Muốn học gì, nó bèn dạy quý vị pháp ấy. Có thể thấy thế giới ấy mới là chân thật viên mãn. Do sức đại oai thần của A Di Đà Phật gia trì, chẳng có chuyện học mà không hiểu. Quý vị không chỉ có thể học hiểu, mà còn có thể học hiểu rất nhanh chóng. “*Phát tâm thanh tịnh, thành thực chư căn*”, “*chư căn*” là những thứ căn tánh khác nhau đã nói trong phần trước, như Nhị Thừa, người, trời, Quyền Giáo Bồ Tát, rất nhiều căn tánh khác nhau. “*Thành thực*” là khiến cho tất cả những căn tánh khác nhau đều quy hồi một tánh chân thật thì mới có thể cùng chứng Bồ Đề, cùng thành Phật đạo. “*Vĩnh bất thoái u Vô Thượng Bồ Đề*” (vĩnh viễn chẳng thoái chuyển nơi Vô Thượng Bồ Đề) là đã quy nhất, các thứ căn tánh bất đồng hễ đến Tây Phương Cực Lạc thế giới thấy đều quy nhất. Nói theo Lý thì thường là như vậy, mà nói theo Sự thì cũng là như vậy! Phật Phật đạo đồng, trí huệ và đức năng chẳng có sai biệt, nhưng Tây Phương Cực Lạc thế giới A Di Đà Phật có chỗ khác với hết thầy chư Phật, nguyện của Ngài khác biệt! Mười phương chúng sanh vãng sanh Tây Phương thế giới, do phương pháp tu hành khác nhau, nên thành tựu quả báo cũng chẳng giống nhau. Do tới Tây Phương Cực Lạc thế giới, ai nấy đều thành Vô Thượng Bồ Đề; chính vì như thế, nên Đại Kinh mới ca ngợi A Di Đà Phật là “*quang trung cực tôn, Phật trung chi vương*” (quang minh tôn quý nhất, vua trong các Phật). Cũng chính vì như thế, hết thầy chư Phật đều tôn sùng A Di Đà Phật, khiến cho hết thầy chúng sanh trong mười pháp giới có tâm quy hướng. Nếu Phật chẳng tán thán, làm sao tâm chúng sanh có thể hướng về A Di Đà Phật? Do mười phương chư Phật đều giúp đỡ hết thầy chúng sanh, nên các Ngài đều tán thán A Di Đà Phật, các Ngài cũng niệm A Di Đà Phật, dẫn đầu niệm, công đức ấy thật sự chẳng thể nghĩ bàn.

“*Thủy bốn vô tình, thiện năng thuyết chư diệu pháp*” (nước vốn vô tình, mà khéo có thể nói các diệu pháp), chúng sanh trong thế giới này mê mất tự tánh, nên tâm luôn phan duyên cảnh giới lục trần. Vì thế, căn tánh bết tắc, đó gọi là “*vô minh phiền não*”. Trong hội Lăng Nghiêm, Văn Thù Bồ Tát đã nói: Trong sáu căn của chúng sanh trong thế giới này, chỉ có Nhĩ Căn nhạy bén đôi chút. Tuy nhạy bén đôi chút, tôi thấy cũng chẳng nhạy bén cho lắm! Vì sao? Nghe đã lâu năm ngàn ấy mà vẫn chưa nghe hiểu rõ ràng, có thể thấy Nhĩ Căn mạnh hơn các căn khác một chút, nhưng

vấn đề vẫn rất lớn, sáu căn bế tắc! Chúng ta phải hiểu nguyên nhân là do mê mất tự tánh.

Nếu chúng ta muốn sáu căn thông lợi, nhất định phải dốc sức nơi tự tánh, nhà Phật thường nói “*xứng tánh khởi tu*” thì mới được! Đương nhiên, chúng ta cũng đã từng nghe nói tới “xứng tánh”, cũng từng thấy những chữ này trong chú sớ kinh luận, trong tâm cũng hết sức ngưỡng mộ, rất mong có thể tu hành đúng pháp, nhưng chẳng biết dốc sức từ chỗ nào, tu như thế nào thì mới có thể xứng tánh. Nói thật ra, đại đạo chẳng khó! Đại đạo càng chân thật thì càng đơn giản, càng dễ dàng, nhưng quý vị chẳng chịu tin tưởng, chẳng chịu làm, như vậy thì chẳng có cách nào! Cổ nhân hiểu rõ nên chịu làm, con người chúng ta hiện thời chẳng hiểu rõ, mà cũng chẳng chịu làm. Không chịu làm thì tệ hại ở chỗ nào? Tệ hại ở chỗ tự cây thông minh, cổ nhân thường nói: “*Thông minh ngược ngạo bị làm lẫn bởi thông minh*”, khuyết điểm phát sanh ở chỗ này. Phương pháp là “*đọc tụng Đại Thừa*”. Do vậy, bất luận là tông nào hay pháp môn nào, chúng ta thấy sự thành tựu của cổ nhân đều là phi thường, khiến cho kẻ khác kính nể. Quý vị hãy nghiên cứu kỹ càng để thấy họ nhập môn từ đâu! Chẳng sai! Mỗi vị nhập môn khác nhau, nhưng phương pháp và nguyên tắc xác thực là như nhau, đều từ đọc kinh để nhập môn, quý vị phải có lòng kiên nhẫn đọc kinh.

Niệm kinh là tu Giới, Định, Huệ. Giới, Định, Huệ là Tánh Đức, nên quý vị tu Giới, Định, Huệ là xứng tánh khởi tu. Huống chi các vị đại đức trong Tịnh Độ Tông dạy chúng ta: Niệm câu Phật hiệu này thì tâm năng niệm là Thi Giác, câu Phật hiệu được niệm là Bản Giác, quý vị nói xem có tương ứng hay không? Đây chẳng phải là xứng tánh khởi tu thì điều gì mới là xứng tánh khởi tu? Nhưng nói nghiêm ngặt, chẳng đơn giản như vậy, vì sao? Vì chúng ta thấy người niệm Phật rất đông, niệm suốt một đời, nhưng chẳng kiên tánh. Niệm suốt đời nhưng chẳng tương ứng với tâm tánh, vì sao? Tánh là thanh tịnh, trong tánh chẳng có tham, sân, si, trong tánh chẳng có phiền não, họ niệm suốt đời nhưng vẫn có phiền não, vẫn có tham, sân, si, có thể thấy họ niệm Phật chẳng tương ứng với tâm tánh, chẳng phải là xứng tánh khởi tu.

Phải niệm câu Phật hiệu như thế nào mới là xứng tánh khởi tu? Điều này cho thấy chẳng thể nào không đọc kinh, tối thiểu là [phải đọc] Tịnh Độ Tam Kinh. Nói thật ra, tam kinh vẫn chưa thể tuyệt đối bảo đảm quý vị có thành tựu, nguyên nhân ở nơi đâu? Vấn đề ở nơi kinh Vô Lượng Thọ. Kinh Vô Lượng Thọ là kinh căn bản, bộ kinh căn bản ấy lại nảy sanh vấn đề: Có nhiều loại bản dịch, nhưng chẳng bản dịch nào ý nghĩa viên mãn,

trong mỗi bản dịch đều có những khuyết điểm. Do vậy, nếu quý vị đọc hết các bản dịch ấy thì sẽ chẳng có tiếc nuối gì, vấn đề ấy đã được giải quyết; nhưng nhiều bản dịch như thế, quý vị chẳng dễ gì gặp được, đó là vấn đề duyên phận. Hiện thời, duyên phận của chư vị đã viên mãn, nhân đã viên mãn thì sau đây phải xét xem cái quả của chúng ta có viên mãn hay không? Năm kinh Tịnh Độ, mọi người nhất định phải niệm. Quý vị thấy [năm kinh, bèn nghĩ phải đọc kinh] nhiều ngàn ấy! Quý vị có muốn vãng sanh hay không? Muốn vãng sanh mà niệm đôi chút như thế đã kêu là nhiều! Trong thế gian này há có chuyện nào lằm tiện nghi ngàn ấy để cho quý vị chiếm hữu? Đây là đã tiện nghi lằm rồi, chẳng có gì thuận tiện hơn chuyện này!

Vì thế, đối với Tịnh Độ Ngũ Kinh Độc Bôn, chư vị đọc từ đầu đến cuối chẳng sót một chữ nào, tối thiểu là đọc ba lần; sau đây, quý vị niệm Phật hiệu A Di Đà Phật bèn xứng tánh, câu Phật hiệu mới có thể đắc lực. Trong năm kinh, chọn ra một bộ để thường niệm, xem đó là thường khóa của chính mình. Suốt đời, quý vị niệm một bộ, được! Đó là biện pháp. Ta niệm một bộ ấy dăm ba năm rồi lại đổi sang một bộ khác cũng được, nhưng chẳng thể thay bằng kinh khác, chỉ là [giới hạn] trong năm kinh. Thí dụ như ta phát tâm niệm kinh Vô Lượng Thọ năm năm rồi lại phát tâm niệm Quán Kinh năm năm, rồi lại phát tâm niệm kinh Di Đà năm năm. Mỗi bộ quý vị đều phát tâm niệm năm năm, được! Phương pháp ấy áp dụng được! Quyết định đừng niệm kinh điển khác, đó là chuyên tu! Như vậy thì mới có thể tương ứng, hiểu rõ và thông đạt ý nghĩa trong kinh.

Trong mỗi câu Phật hiệu, Phật hiệu là tựa đề kinh, là tổng đề mục của cả năm kinh, chúng ta niệm một câu Phật hiệu là niệm trọn vẹn bộ kinh này. Nay quý vị niệm bộ kinh này, niệm từ đầu đến cuối tốn rất nhiều thời gian. Sau khi quý vị đã niệm thuần thục, niệm Nam-mô A Di Đà Phật là đã niệm trọn năm kinh Tịnh Độ, quý vị thấy đều niệm hết, lẽ đâu chẳng tương ứng? Quý vị chẳng đọc năm kinh, chẳng hiểu rõ, chẳng thông đạt ý nghĩa của năm kinh, quý vị niệm câu A Di Đà Phật này, rốt cuộc chẳng biết ý nghĩa là gì, vừa niệm vừa hoài nghi, làm sao có thể thành công cho được? Sau khi quý vị đã thông đạt, niệm Phật hiệu là niệm toàn bộ kinh, trong mỗi tiếng Phật hiệu trọn đủ công đức chẳng thể nghĩ bàn. Do vậy, [niệm kinh] vô cùng trọng yếu!

Nếu hành mà hãy còn có sức, tức là quý vị có thời gian rảnh rỗi, có thể nghiên cứu chú sớ. Chúng ta cũng giới hạn [đọc tụng, nghiên cứu] chú sớ trong số các bản chú giải của năm kinh một luận, phân lượng hết sức đáng kể. Đến khi đã thật sự nắm chắc vãng sanh, quý vị có thể xem [những

kinh sách của] các tông các phái khác, chẳng sao cả! Vì sao? Chẳng chướng ngại ta vãng sanh. Hễ vãng sanh chưa nắm chắc, đừng học những thứ khác, vì sao? Lỡ làng thời gian của quý vị, sợ trong tương lai, sự tu hành của chính mình bị chướng ngại. Do vậy, quyết định không học gì khác, ta chuyên học một thứ. Tôi nghĩ, dù thật sự đã nắm chắc sự vãng sanh, quý vị cũng đừng nên xem những thứ ấy! Vì sao không xem? Ta chuyên thì phẩm vị của ta sẽ cao! Hễ ta xen tạp, tuy có thể vãng sanh, sợ rằng phẩm vị sẽ bị chiết khấu khá lớn, thật đấy! Chẳng giả đâu nhé! Trừ phi là nhằm giúp đỡ hết thảy chúng sanh, bỏ mình vì người, hy sinh chính mình như Trí Giả đại sư. Vì Trí Giả đại sư hoằng dương kinh Pháp Hoa, điều này khiến cho [phẩm vị vãng sanh của đại sư] bị giảm sút. Nếu Ngài chẳng hoằng dương Pháp Hoa, mà chuyên hoằng dương Tịnh Độ, [phẩm vị vãng sanh của Ngài] sẽ chẳng bị sút giảm. Không chỉ chẳng suy giảm, ngược lại, phẩm vị còn tăng cao. Đáng tiếc là Ngài chẳng hoằng dương Tịnh Độ Tông, mà hoằng dương Thiên Thai Tông. Tuy hoằng dương Thiên Thai Tông, nhưng chính Ngài tu Tịnh Độ, cho nên cuối cùng Ngài vẫn vãng sanh Tịnh Độ. Ngài bảo học trò: Ngài vãng sanh trong địa vị Ngũ Phẩm, địa vị Ngũ Phẩm là sanh trong cõi Phạm Thánh Đồng Cư. Đây là bi tâm đặc biệt, tâm đại từ bi.

Các thứ vô tình trong Tây Phương Cực Lạc thế giới thuyết pháp. Ở bên ấy, mọi người đều đạt tới nhất tâm, mà cũng đều có thể “*hội cảnh quy tâm*”, “*cảnh*” là cảnh giới, [“*hội cảnh quy tâm*”] là đều có thể từ cảnh giới mà quay đầu, cho nên mỗi căn trong sáu căn đều nhạy bén, A Di Đà Phật giáo học thuận lợi. “*Lục trần giai vi giáo thể, căn căn tận nhập viên thông*” (Sáu trần đều là giáo thể, mỗi căn đều nhập hết vào viên thông). Trong hội Lăng Nghiêm, Quán Âm Bồ Tát chỉ có Nhĩ Căn nhập viên thông; trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, bất cứ căn nào cũng đều nhập viên thông, nên nơi ấy không chỉ là hữu tình thuyết pháp, mà vô tình cũng thuyết pháp.

(Sao) Dục tất tấn nghiệp giả.

(鈔) 浴畢進業者。

(Sao: Tắm [nước ấy] ắt đạo nghiệp tăng tấn).

Từ Đại Kinh, chúng ta thấy người trong Tây Phương Cực Lạc thế giới “*thanh hư chi thân, vô cực chi thể*”, thân thể ấy trong sạch đến tột bậc, cần gì phải tắm rửa nữa? Chẳng cần! Đơn giản là trên thân chẳng nhiễm mây trần, còn phải tắm rửa chi nữa? Trong cõi này, trời nóng, chúng

ta chảy mồ hôi, phải tắm rửa; Tây Phương Cực Lạc thế giới chắc chắn chẳng chảy mồ hôi. Tắm rửa ở bên ấy là hưởng thụ niềm vui, giống như chúng ta chơi đùa trong cõi này, là vui vẻ, là sung sướng, nhưng nó có công đức, công đức ở chỗ nào? Có thể gột trừ phiền não trong tâm tánh. Như chúng ta hiện thời là đời nghiệp vãng sanh, đến bên kia, thân thanh tịnh, chẳng còn phải bàn cãi chi nữa! Chúng ta chưa đoạn Kiến Tư phiền não, Trần Sa phiền não cũng chẳng đoạn, Vô Minh phiền não cũng chưa đoạn, đáng ngạc nhiên là sang bên kia, gột rửa một lần, phiền não nhẹ hơn một chút. Lại tắm rửa lần nữa, lại nhẹ hơn một chút. Vì thế, tắm rửa trong ao bảy báu của Tây Phương Cực Lạc thế giới thật sự là để đoạn phiền não, xác thực là có thể đạt được thân tâm thanh tịnh, phiền não nhẹ nhàng, trí huệ tăng trưởng, có những điều tốt đẹp ấy, đó là “*tán nghiệp*” (tăng tấn đạo nghiệp).

(Sao) Đại Bản vân: “Ký giai dục dĩ, hoặc các tọa u liên hoa chi thượng.

(鈔) 大本云：既皆浴已，或各坐於蓮華之上。

(Sao: Kinh Đại Bản chép: “Đã tắm xong, hoặc là ai nấy đều ngồi trên hoa sen”).

Mọi người tắm rửa trong ao bảy báu xong, trở lại chỗ ngồi của chính mình, ngồi trên hoa sen.

(Sao) Hựu vân: “Hữu tại địa giảng kinh giả, tụng kinh giả, tự thuyết kinh giả, thọ kinh giả, thỉnh kinh giả, niệm kinh giả, tư đạo giả, tọa Thiền nhất tâm giả, kinh hành giả”.

(鈔) 又云：有在地講經者，誦經者，自說經者，授經者，聽經者，念經者，思道者，坐禪一心者，經行者。

(Sao: Lại nói: “Trên mặt đất, có người giảng kinh, tụng kinh, tự nói kinh, truyền dạy kinh, nghe kinh, niệm kinh, suy nghĩ về đạo, tọa Thiền nhất tâm, kinh hành”).

Có thể thấy cuộc sống của họ vô cùng thanh thản, nhàn nhã, hết sức tự tại. Nay chúng ta gọi “*giảng kinh*” là nghiên cứu thảo luận, đó là một loại. Loại khác là đại Bồ Tát giảng cho các tiểu Bồ Tát nghe, đây là hữu tình thuyết pháp. Trong phần trước [kinh nói đến chuyện] nước bên ấy thuyết pháp, [đó là] vô tình thuyết pháp. Giống như chúng ta đến bên đó,

đổi nghiệp vãng sanh, những thứ chúng ta muốn học quá nhiều, A Di Đà Phật giảng cho chúng ta, đôi khi chúng ta cảm thấy Phật là thầy, gặp Phật thì phải giữ quy củ, có câu hỏi bèn e ngại cũng chẳng dám hỏi, luôn cảm thấy thầy quá oai nghiêm, chẳng dám thân cận, chỉ đành tìm bạn học. Quán Âm Bồ Tát, Đại Thế Chí Bồ Tát là bạn học, tìm các Ngài để nói chuyện hơn. Kinh gọi những vị đại Bồ Tát ấy là “*chư thượng thiện nhân*”. “*Thượng thiện*”: Kinh nói rõ ràng, Đẳng Giác Bồ Tát được gọi là “*thượng thiện*”. Trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, các vị Đẳng Giác Bồ Tát như Quán Âm, Thế Chí vô lượng vô biên, những vị ấy đều là Bồ Xứ Bồ Tát, đều là Hậu Bồ Phật. Các Ngài hết sức ưa thích giáo học, nên những vị ấy thường giảng kinh. Nói thật ra, Quán Âm Bồ Tát trong Tây Phương Cực Lạc thế giới không phải là một vị. Từ Đại Kinh, chúng ta thấy dưới mỗi gốc cây báu đều có hóa thân của Tây Phương Tam Thánh. Vì thế, trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, Tây Phương Tam Thánh hóa thân khắp chốn, bất luận ở chỗ nào, quý vị muốn thấy, các Ngài đều ở trước mặt, chẳng thể nào không thấy. Cảnh giới ấy vô cùng chẳng thể nghĩ bàn!

“*Tụng kinh giả*” (người tụng kinh), quá nửa là riêng biệt, một mình quý vị tụng kinh tại đó. “*Tự thuyết kinh giả*” (người tự nói kinh), một số ít người, vài người, dăm ba người nghiên cứu thảo luận. “*Thọ kinh giả*”, “*thọ*” (授) là truyền dạy. “*Thỉnh kinh giả, niệm kinh giả*”: Niệm kinh và tụng kinh rất tương tự, nhưng trên thực tế, hoàn toàn khác nhau. Tụng kinh là niệm kinh văn, nhìn vào kinh bản để niệm cũng được, hoặc chẳng cần kinh bản, đọc thuộc lòng. Niệm thì khác, niệm là nghĩ tới những công đức của Phật, Bồ Tát đã được nói trong kinh, đó là “*ức niệm*”. Nghĩ tới những lý luận, sự tu hành và các thứ công đức trang nghiêm phổ độ chúng sanh, nghĩ nhớ những chuyện ấy thì gọi là Niệm.

“*Tư đạo giả, tọa Thiền nhất tâm giả, kinh hành giả*”: Ở đây, Tư (思) trong “*tư đạo*” không phải là tư duy, chỉ mượn dùng chữ này [để nói cho tiện]. Trong thế gian này, chúng tôi giảng cho quý vị điều gì, quý vị chẳng hiểu rõ, [quý vị bèn tự nhủ] “ta suy nghĩ kỹ càng liền hiểu rõ”. Sự suy nghĩ ấy là ý thức. Người trong Tây Phương Cực Lạc thế giới đã lìa tâm ý thức nên “*tư*” của họ chẳng giống với “*tư*” (suy tư) của chúng ta ở nơi đây. [Tư của họ] rất giống với “*tham cứu*” như thường nói trong thế gian, nhà Thiền [gọi “*tư*”] là “*tham Thiền*”, chẳng thể gọi là “*tư Thiền*”. “*Tham*” (參) là gì? Chẳng dùng đến tâm ý thức là Tham; tâm ý thức là gì? Nói đơn giản, Thức là phân biệt, Ý là chấp trước, Tâm là hàm tàng, chúng ta còn gọi [chuyện này] là “*lưu lại ấn tượng*”. Nói cách khác, chẳng phân biệt, không chấp trước, không lưu lại ấn tượng, đó là Tham (參). Trong kinh

Phật còn có một thuật ngữ là “*tu duy tu*” (思惟修) cũng có cùng ý nghĩa này. Vì thế, chúng phải hiểu hàm ý của nó. Dùng phương pháp này mới có thể kiến đạo, đạo là gì? Là Chân Như bốn tánh, nhà Thiên nói “minh tâm kiến tánh”, “*tu đạo*” là minh tâm kiến tánh.

“*Tọa Thiên*”, Thiên có nghĩa là “*ngoài chẳng chấp tướng, trong chẳng động tâm*”, đó là Thiên. Chư vị phải ghi nhớ, tọa Thiên thật sự ở mức độ cao chẳng nhất định phải ngồi tại đó, vì sao? Đi, đứng, ngồi, nằm đều là Thiên, đều là “*tọa Thiên*”. Tọa có nghĩa là “*bất động*”, ngồi ở nơi ấy mà [tâm] chẳng động, [tâm] quý vị chẳng động bèn gọi là Tọa. Quý vị đi đường, trong tâm chẳng động, vẫn gọi là Tọa. Bởi lẽ, Tọa chẳng phải là thân bất động, mà là tâm bất động. Tâm bất động mới thật sự là Tọa. Chúng ta ngồi ở nơi đây, trong tâm suy tưởng loạn cào cào. Không được! Chẳng gọi là Thiên! Đối với ý nghĩa [của từ ngữ “*tọa Thiên*”] ở chỗ này, chúng tôi nghĩ nhất định phải hiểu theo hình thức, [tức là người ấy thật sự] đã tọa (tĩnh tọa). Đó chẳng phải là “*tọa Thiên*” [hiểu theo ý nghĩa “tâm bất động là tọa Thiên”] vì chữ “*tu đạo*” [như đã nói trong câu kinh văn] trước đó mới là tọa Thiên chân chánh. Tọa Thiên ở đây có thể là người ấy ngồi nơi đó, [tức là tọa Thiên] hiểu theo hình thức, có người ngồi dưới cội cây, bên bờ ao, hoặc trên hoa sen. “*Hữu nhất tâm*” là [có người] đang tu nhất tâm.

“*Kinh hành*” là nhiều Phật, khi chúng ta niệm Phật, đi nhiều Phật, nói thông tục là “tán bộ”. Vì sao gọi tán bộ là “*kinh hành*”? Vì người ấy vừa tán bộ, vừa niệm kinh, hoặc niệm Phật, hoặc niệm chú, thấy đều gọi là “*kinh hành*”. Những điều vừa nói trên đây đều ở trên mặt đất. Tiếp theo đây là nói đến hư không.

(Sao) Hữu tại hư không trung giảng kinh giả, nãi chí tọa Thiên, kinh hành giả.

(鈔) 有在虛空中講經者，乃至坐禪經行者。

(Sao: Có người giảng kinh, cho đến tọa Thiên, kinh hành trên hư không).

Trên hư không cũng rất trang nghiêm. Trên hư không có lầu các, cũng có rất nhiều Bồ Tát ở trên không trung, giống như [những vị đang tu tập] trên mặt đất. Đây là nói các Ngài thật sự tự tại, muốn ở chỗ nào bèn ở chỗ đó.

(Sao) Các tùy kỳ chất nhi hữu sở đắc.

(鈔) 各隨其質而有所得。

(Sao: Mỗi vị đều tùy theo tánh chất của mình mà có sở đắc).

Câu này là nói tổng quát. Nói cách khác, quý vị mỗi ngày đều có tiên bộ, mỗi ngày đều có chứng đắc. Dưới đây là nêu thí dụ.

(Sao) Vị đắc Tứ Quả giả, nhân đắc Tứ Quả.

(鈔) 未得四果者，因得四果。

(Sao: Người chưa đắc Tứ Quả do đó bèn đắc Tứ Quả).

Tứ Quả là nói tới Tiểu Thừa. Bên ấy chẳng có Tiểu Thừa, đây là tỷ dụ. Thí dụ như chúng ta chưa đoạn Kiến Tư phiền não, tu hành bên đó, chẳng bao lâu bèn đoạn Kiến Hoặc. Đoạn được Kiến Hoặc sẽ bằng với Sơ Quả. Tư Hoặc đã đoạn, Tư Hoặc đã đoạn thì nếu đoạn ba phẩm đầu của Tư Hoặc sẽ bằng với Nhị Quả. Lại đoạn sáu phẩm [Tư Hoặc] nữa, sẽ bằng với Tam Quả. Đoạn sạch mọi Tư Hoặc sẽ bằng với Tứ Quả. Ở đây là nói tới đoạn Hoặc chứng Chân, mượn dùng những danh từ trong các thế giới phương khác. Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng có những danh từ ấy, trong Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng nghe những danh từ đó, vì sao? Tây Phương Cực Lạc thế giới là một thế giới bình đẳng. Người trong Tây Phương Cực Lạc thế giới đông dường ấy mà chẳng có tên họ. Nhà cửa và cung điện nhiều ngàn ấy, nhưng chẳng có số nhà hay tên đường. Quý vị nghe xong, cảm thấy phiền phức quá, tìm một người quen biết sẽ tìm ở chỗ nào? Nói thật ra, cảnh giới ấy thật sự chẳng thể nghĩ bàn. Nếu quý vị muốn tìm một người quen biết, sẽ giống như máy computer, trong tâm vừa động niệm, người ấy đang ở đâu quý vị biết liền ngay lập tức, chắc chắn tìm trật! Do vậy, Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng có phân biệt! Quý vị có tên tuổi, chẳng phải là có phân biệt ư? Có đường, có số nhà, đều là có phân biệt, đều là có chấp trước. Thế giới ấy chẳng có phân biệt, chẳng có chấp trước, trong Đại Kinh đã nói chuyện này rất tỉ mỉ. Hy vọng quý vị có thể đọc Ngũ Kinh Độc Bản nhiều lượt, đến Tây Phương Cực Lạc thế giới quý vị bèn hiểu rõ. Người ta hỏi, quý vị cũng có thể trả lời được. Quý vị xem càng nhuần nhuyễn càng tốt, tín tâm quyết định kiên cố. Quý vị có thể tin tưởng, chắc chắn vãng sanh trong một đời này, chẳng có mảy may hoài nghi nào. Do vậy, dùng danh từ trong các thế giới ở phương khác để nói, vì Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng có [những danh từ ấy].

(Sao) Vị đắc bất thoái chuyển địa Bồ Tát, đắc bất thoái chuyển.

(鈔) 未得不退轉地菩薩，得不退轉。

(Sao: Bồ Tát chưa đạt địa vị Bất Thoái Chuyển liền đắc Bất Thoái Chuyển).

Bất Thoái Chuyển Địa Bồ Tát là nói tới [các địa vị Bồ Tát] từ Bát Địa trở lên. Do các thế giới phương khác thường nói Bất Thoái Chuyển là Bát Địa Bồ Tát. Bát Địa Bồ Tát được gọi là Bất Động Địa, thật sự bất thoái. Đây là nói những người chưa đạt đến trình độ Bát Địa, bèn chứng đắc Bát Địa. Vì thế, ta biết người và trời trong Tây Phương Cực Lạc thế giới tiến bộ hằng ngày, chẳng lui sụt, đó gọi là “*viên chứng Tam Bất Thoái*”.

(Sao) Thị thủy bất dẫn dĩ khả dụng vi công, hựu năng lợi ích ư ký dụng chi hậu dã.

(鈔) 是水不但以可浴為功，又能利益於既浴之後也。

(Sao: Nước ấy không chỉ có công năng tắm gội, mà còn có thể lợi ích sau khi tắm).

Trong thế giới này, nước của chúng ta là do nghiệp báo [của chúng ta tạo ra], hiện thời, chúng ta sống trên địa cầu đều là nghiệp báo. Trong ba mươi năm gần đây nhất, đối với sự hưởng thụ vật chất và khoa học kỹ thuật [chúng ta] càng mê sâu hơn, do đã mê nên tạo nghiệp. Tạo nghiệp thì trong tương lai nhất định phải hứng chịu quả báo. Hiện thời đã có những nhà khoa học phát hiện quả báo ấy sắp chín muồi, nên lo lắng, nhưng lo lắng cũng vô dụng! Mấy hôm trước, TV và radio có nói: Hiện thời có những khoa học gia phát hiện tầng xú dưỡng (khí ozone) trên bầu trời Bắc Cực bị thủng! Nam Cực đã xuất hiện vấn đề, nay thì Bắc Cực lại nảy sinh vấn đề. Vấn đề ấy vừa xuất hiện, địa cầu phải gặp nạn. Trong ba bốn mươi năm gần đây nhất, những sản phẩm hóa học do chúng ta sử dụng nảy sinh tác dụng phụ. Sau khi tầng ozone bị thủng, tia tử ngoại từ mặt trời vốn rất mạnh, do chẳng có gì ngăn che, băng ở hai địa cực sẽ tan chảy, nước biển dâng lên, rất nhiều nơi hiện thời là đất liền sẽ trở thành đáy biển. Dân cư trên thế giới ngày càng nhiều, đất đai ngày càng ít, rắc rối to!

Hiện thời vẫn là truy cầu hưởng thụ vật chất không ngừng. Các nhà khoa học đã nói rất hay, vật chất tích tập trên địa cầu vài tỷ năm bị thế hệ hiện thời xài hết sạch trong vài chục năm! Nói thế hệ chúng ta trong hiện thời có phước báo hơn cổ nhân, tôi chẳng biết phước ở chỗ nào? Quý vị hãy suy nghĩ kỹ, thế hệ hiện thời chẳng có phước báo như người thuở

trước. Nếu quý vị nói bốn mươi năm qua có tiến bộ, sự tiến bộ ấy chẳng thật! Người tuổi cao còn có thể nhớ lúc nhỏ, vẫn còn hoài niệm tuổi ấu thơ. Văn minh vật chất thuở bé chẳng phát triển bằng hiện thời, nhưng thuở ấy tình người rất nồng đậm. Thời ấy đúng là cuộc sống của con người, là sự hưởng thụ trong cuộc đời.

Con người hiện thời là máy móc, cơ khí, con người hiện thời chẳng phải là người! Đáng thương quá! Giá trị và ý nghĩa của con người chẳng còn nữa. Quan hệ xử giữa người và người là gì? Lợi - hại! Chẳng giống như xưa kia! Trước kia, giữa người và người đích xác là đạo nghĩa. Đạo nghĩa phát xuất từ tự nhiên, xuất hiện từ trong tâm, chẳng phải do con người miễn cưỡng tạo ra. Hiện thời, những điều ấy hoàn toàn chẳng còn nữa. [Tình nghĩa giữa] cha con cũng chẳng còn nữa, con cái hiếu thuận với cha là do cha còn để lại tài sản chẳng ít, nên chẳng thể không hiếu thuận một phen! Nếu cha mẹ chẳng có của cải để lại, con cái bèn chẳng ngó ngang tới. Khác hẳn! Vì lẽ đó, xã hội hiện tại hoàn toàn điên đảo, xác thực là gần mập mé bờ vực băng hoại.

Người phương Tây tiên đoán thế giới tận thế vào năm 1999, tôi thấy phát triển kiêu này sợ rằng [lời tiên đoán ấy] chẳng sai cho lắm. Trong quá khứ, tôi nghĩ có thể là chiến tranh nguyên tử; [hiện thời tôi nghĩ] nếu nhằm thời kỳ Băng Hà⁴³ thì thôi rồi, toàn thế địa cầu bị hủy diệt, rất có thể xảy ra! Nếu tầng ozone ở hai cực hoàn toàn chẳng còn, băng hà lập tức xảy ra. Nếu băng ở hai cực đều tan thì thành phố Đài Bắc chẳng còn nữa, thành phố Đài Bắc chìm xuống đáy biển. Sợ rằng Đài Loan chỉ còn chót núi A Lý nhô lên một chút, trừ núi ấy ra, sợ rằng [tất cả mọi thứ] đều chẳng còn nữa! Bình nguyên (đồng bằng) và thành thị e rằng chẳng còn nữa, đó là một vấn đề lớn. Nhiều năm dường ấy đã tạo nghiệp nặng nề ngàn ấy, ai có năng lực bù đắp? Vấn đề này nghiêm trọng lắm! Khi tạo nghiệp, chẳng biết hậu quả nghiêm trọng, nay ta đã thấy hậu quả rồi!

Mọi người chúng ta coi như còn may mắn, vì sao? Tìm được một con đường. Coi như tối thiểu là năm 1999 [là tận thế] thì hãy còn mười

⁴³ Thời kỳ Băng Hà (Glacial Age) là một thời kỳ rất dài trong lịch sử địa cầu. Khi ấy, nhiệt độ trên mặt đất và không khí đều giảm rất thấp khiến toàn bộ lục địa bị bao phủ bởi băng giá. Theo các nhà khoa học, trong quá khứ, địa cầu đã trải qua năm thời kỳ băng giá là Huronian (tên gọi của thời kỳ này đặt theo tên hồ Huron, nơi phát hiện dấu tích băng hà cổ nhất), Cryogenian, Andean-Saharan, Karoo, và Quaternary. Nguyên nhân gây nên thời kỳ Băng Hà bao gồm những biến đổi về không khí (chẳng hạn nồng độ khí carbon dioxide và methane tăng cao), trái đất thay đổi quỹ đạo, các mảng lục địa trôi giạt khiến các dòng hải lưu bị đổi dòng, các thiên thạch va chạm...

năm, mười năm thì còn kịp, chắc chắn chẳng có vấn đề. Chúng ta tu học pháp môn này quyết định thành công; thế giới này tận thế thì chúng ta có thể về Tây Phương Cực Lạc thế giới. Nếu quý vị chẳng gặp nhân duyên này, chẳng hiểu đường nẻo này, đúng là khó lắm! Quyết định phải nương cậy con đường này, nó không chỉ là sanh lộ, mà còn là con đường để đạt tới sự sống đời đời. Vì lẽ đó, đối với thế giới hiện thời, nếu quý vị suy nghĩ cận kề, lắng lòng suy nghĩ, [sẽ thấy] chẳng có gì đáng để lưu luyến. Chẳng như trong quá khứ, thời đại quá khứ đích xác là còn có rất nhiều thứ đáng để lưu luyến, nay chẳng còn nữa. Chúng ta phải thật sự giác ngộ, phải triệt để giác ngộ.

Đây là nói tới nghiệp báo của chúng ta. Nước nghiệp báo thì hết mức là chỉ có thể gột rửa bụi đất dơ bẩn trên thân thể chúng ta, chỉ có năng lực ấy, chẳng có lợi ích to lớn. Nước trong Tây Phương Cực Lạc thế giới là nước tám công đức. Nước tám công đức do đâu mà có? Sanh từ trí huệ trong tâm tánh của A Di Đà Phật, đó là nước trí huệ! Vì thế, chúng ta tắm gội trong ao bảy báu, có thể “*khai thân duyệt thể*” (sảng khoái tinh thần, thân thể vui sướng), đoạn Hoặc, chứng Chân, đạt được lợi ích to lớn!

(Sao) Dĩ thượng tam chủng thù thắng, giai nhiếp bảo trì đức thủy trung cố.

(鈔) 以上三種殊勝，皆攝寶池德水中故。

(Sao: Ba thứ thù thắng trên đây đều bao gồm trong nước công đức trong ao báu).

Nước tám công đức trong ao bảy báu.

(Sao) Hậu Xuất Kinh Kệ vân.

(鈔) 又後出經偈云。

(Sao: Lại nữa Hậu Xuất Kinh Kệ có nói).

Tức là Hậu Xuất A Di Đà Phật Kệ, nay chúng tôi cũng đưa bản này vào trong Tịnh Độ Ngũ Kinh Độc Bản.

(Sao) Đản hữu hà thủy lưu, âm hưởng như thuyết kinh, thị dã.

(鈔) 但有河水流，音響如說經，是也。

(Sao: “Chỉ có nước sông chảy, vang tiếng như nói kinh”, chính là [nói về công đức của nước trong cõi Cực Lạc vậy]).

Tán thán nước trong Tây Phương Cực Lạc thế giới có thể thuyết pháp, có thể tẩy trừ phiền não của chúng ta. Đoạn sau đây là Xưng Lý:

(Sớ) Xưng Lý, tác tự tánh uông dương xung dung, thị bảo trì nghĩa. Tự tánh tất bị nhất thiết công đức, thị đức thủy nghĩa.

(疏) 稱理，則自性汪洋冲融，是寶池義。自性悉備一切功德，是德水義。

(Sớ: Xưng Lý thì tự tánh sâu xa, mênh mông, bình ôn là ý nghĩa của ao báu. Tự tánh tất trọn đủ hết thảy công đức là ý nghĩa của nước công đức).

Đoạn này thường được gọi là “*tiêu quy tự tánh*”. Đây là chỗ thù thắng khôn sánh trong bộ sách chú giải do Liên Trì đại sư trước tác, câu nào cũng đều tiêu quy tự tánh. Chúng ta đọc lời giải thích của đại sư, tức là những phần văn tự giải thích lời kinh, nếu chính mình có thể lãnh hội sâu xa thì sẽ đạt được những sự thụ dụng giống hệt như vậy. Có nghĩa là ao báu và nước công đức toàn là từ tự tánh biến hiện, nên nó có công đức to lớn như vậy. Chúng ta thấy tất cả hết thảy vật chất trong thế gian này, thấy nước là do nghiệp báo của chúng ta biến hiện, còn cõi kia là từ tự tánh biến hiện. Vì vậy, nói theo căn bản thì chẳng giống nhau. Hiểu rõ đạo lý này, chúng ta tu hành nhất định phải dùng chân tâm, chân tâm tiếp cận bốn tánh, tức là dùng sự thành thật. Chân thành thực tại bèn có thể tiếp cận bốn tánh.

Chúng ta thấy những vị đại Bồ Tát ấy xưng tánh khởi tu, toàn tu tại tánh, [điều này] dường như đã huyền diệu lại còn huyền diệu cao vời chẳng thể thấu suốt được, chúng ta chẳng có cách nào thực hiện. Thật ra, nếu quý vị thật sự hiểu rõ thì ai nấy đều có thể tu. Nay sáu căn của chúng ta tiếp xúc cảnh giới sáu trần từ sáng đến tối sinh sống, xử sự, đãi người, tiếp vật, chúng ta chỉ dùng chân tâm, thành tâm, đó là xưng tánh khởi tu, chẳng đối gạt chính mình, chẳng lừa bịp người khác. Phật, Bồ Tát dụng tâm chân thành, chúng ta cũng sử dụng tâm chân thành, chẳng khác gì Phật, Bồ Tát. Thế nhưng, Chân là gì? Thành là gì? Phải hiểu rõ điều này! Hiện thời, quý vị luôn nghe nói: “Ta luôn dùng chân tâm đối đãi người khác”, khoe chính mình đối đãi kẻ khác bằng chân tâm, hoặc “ta thành tâm, thành ý”; thật ra, kẻ ấy chẳng chân, mà cũng chẳng thành! Kẻ ấy chẳng hiểu hai chữ Chân Thành phải giảng như thế nào, đã hiểu sai be bét rồi!

Trong bút ký đọc sách, Tăng Quốc Phiên đã định nghĩa chữ “Thành”. Định nghĩa rất hay, rất đơn giản, mà cũng rất dễ hiểu. Cụ nói: “*Một niệm chẳng sanh bèn gọi là Thành*”. “Niệm” ấy là vọng niệm. Trong tâm sạch lâu chẳng có vọng niệm, tâm ấy là thành tâm, thành tâm là chân tâm. Do vậy, trong chân tâm chẳng có vọng tưởng, chẳng có tạp niệm. Hễ quý vị có vọng tưởng, có tạp niệm, tâm ấy chẳng chân, chẳng thành! Quý vị biết dùng chân tâm, dùng thành tâm, tức là quý vị đã phát Bồ Đề tâm. Vậy thì quý vị là Bồ Tát, chẳng cần phải thọ Bồ Tát giới. Thọ Bồ Tát giới chưa chắc là Bồ Tát! Nếu quý vị dùng chân tâm đối xử với người khác, quý vị là Bồ Tát thật sự, chẳng giả! Vì sao? Đã phát Bồ Đề tâm. Thọ Bồ Tát giới mà vẫn dùng hư tình giả ý để đối đãi người khác, đó là Bồ Tát gì vậy? Nói khó nghe thì vị Bồ Tát ấy lừa dối Phật. Nói thật ra, đó là tự gạt mình, chứ làm sao có thể lừa Phật được! Chẳng thể lừa Phật, mà là tự gạt mình! Làm lẫn to tát quá đời! Phải dùng cái tâm chân thành.

Tâm chân thành chẳng phải là ta vừa phát liền dấy lên, chẳng đơn giản như vậy đâu nhé! Nho gia nói “*thành ý, chánh tâm*” giống như Bồ Đề tâm trong nhà Phật, chẳng sai khác; nhưng Nho gia tu thành ý chánh tâm từ chỗ nào? Từ “*cách vật trí tri*”, quý vị thấy vẫn là thực hiện công phu ấy. Nhà Phật gọi “*cách vật*” là “*đoạn Phiền Não Chướng*”, gọi “*trí tri*” là “*phá Sở Tri Chướng*”. Quý vị có hai thứ chướng tồn tại thì tâm quý vị làm sao có thể chân được? Làm sao có thể thành? Quý vị có nhị chướng thì tâm quý vị là mê, chẳng giác! Chân tâm là giác tâm. Do vậy, quý vị muốn sử dụng chân tâm, nhất định phải trừ nhị chướng. Trước hết là đoạn Phiền Não Chướng, tham, sân, si, mạn, nghi, chớ nên có những thứ ấy, chẳng thể có Thân Kiến, Biên Kiến, Kiến Thủ, Giới Thủ, Tà Kiến.

Nói tới những điều ấy, chúng ta lại cảm thấy mông lung, chẳng có kỳ vọng gì! Đúng là chẳng có hy vọng, tuyệt đối chẳng phải là chúng ta có thể đoạn được ngay trong một đời này. Sở Tri Chướng chẳng cần nói tới, chứ đối với Phiền Não Chướng thì chúng ta chẳng có cách nào, chẳng đoạn được, Bồ Đề tâm còn có hy vọng gì nữa? Nhưng trong pháp môn Tịnh Độ của chúng ta, vẫn còn lưu lại một tia hy vọng. Nói thật thà, tu các pháp môn khác, nói chẳng khách sáo thì đúng là chẳng có hy vọng gì, bất cứ một pháp môn nào cũng đều chẳng có hy vọng cho quý vị! Chỉ riêng Tịnh Độ là đời nghiệp vãng sanh, tức là chẳng đoạn phiền não. Chẳng đoạn phiền não thì chẳng có Bồ Đề tâm thật sự, nhưng chúng ta có Tương Tự Bồ Đề tâm, từ tương tự sẽ tự nhiên biến thành chân thật. Nếu biến hóa nhanh một chút, sẽ biến được trong đời này. Nếu biến chậm, không gấp gì, đến Tây Phương Cực Lạc thế giới sẽ biến. Hễ vãng sanh Tây Phương

Cực Lạc thế giới bèn biến đổi, tu học bất cứ một pháp môn nào đều chẳng thể nhanh chóng, đơn giản, dễ dàng bằng!

Vì thế, chúng ta phải bồi dưỡng lòng chân thành, dùng phương pháp gì? Dùng đọc tụng, dùng niệm Phật! Cổ nhân dạy chúng ta: “*Thuyết thiểu nhất cú thoại, đa niệm nhất thanh Phật*” (Ít nói một câu chuyện, niệm nhiều một câu Phật), những thứ gì chẳng cần phải nghĩ tới bèn gắng hết sức đừng nghĩ. Những thứ gì chẳng bắt buộc phải nói bèn tận hết sức chẳng nói, dành thời gian niệm Phật. Nếu quý vị nghĩ, hãy nghĩ tới y báo và chánh báo trang nghiêm trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, nghĩ những điều ấy, nghĩ tới công đức của A Di Đà Phật từ lúc phát tâm tu hành đã kiến lập Tây Phương Cực Lạc thế giới hồng phổ độ hết thảy chúng sanh thành Phật, nghĩ chuyện ấy. Quý vị nghĩ chuyện này là thật, nghĩ những điều khác là giả, vì sao? Nói “nghĩ điều này là thật” là vì quý vị nghĩ đến những thứ có thể đạt được trong tương lai. Quý vị nghĩ tới những thứ khác, trong tương lai thấy đều chẳng đạt được. Chẳng đạt được thì là giả; có thể đạt được thì là thật. Nếu chúng ta có thể phân biệt thật - giả, những thứ khác như tà - chánh, đúng - sai, lợi - hại, đều chẳng cần bàn tới, chúng ta chỉ bàn về thật - giả. Phải nhận lấy thật, đừng nhận giả, cuộc đời này của chúng ta hết sức có giá trị, hết sức có ý nghĩa, đời này chẳng luống uổng!

Đời đời kiếp kiếp từ quá khứ vô thủy kiếp đến nay đều luống uổng, đời này nhân duyên tốt đẹp, duyên trọn đủ. Nhân duyên thù thắng như vậy mà nếu chúng ta chẳng thể nắm vững, quả thật quá đáng tiếc. Nếu quý vị nói đời sau lại gặp gỡ duyên này, rất khó khăn! Hiện tại khoa học kỹ thuật rất phát triển, chúng ta in kinh sách rất nhiều lại rẻ, phổ biến lưu thông trên cả thế giới, trong tương lai há lẽ còn chẳng được gặp gỡ ư? Nếu băng ở hai địa cực tan hết, dầu chúng ta in các thứ nhiều đến mấy vẫn uổng công, đều chẳng còn nữa! Chỉ đành đợi tới sau khi Di Lạc Bồ Tát xuất hiện nói kinh thì trên thế giới này mới có ba kinh hoặc năm kinh Tịnh Độ lưu thông, chẳng phải là chuyện dễ dàng! Vì thế, nhất định phải nắm vững hiện tại, đừng nghĩ tới tương lai, tương lai chẳng đáng trông cậy!

Di Lạc Bồ Tát đến thành Phật trong thế gian này, khi đó, quý vị có vừa khéo được làm thân người hay không? Nếu khi đó, quý vị chẳng ở trong nhân đạo, chẳng phải là Phật Di Lạc thành Phật mà quý vị vẫn trôi hồng bồng không hay sao? Dầu quý vị được sanh làm thân người trong nhân đạo, nhưng quý vị có ở rất gần Di Lạc Bồ Tát hay không? Quý vị có thể gặp Ngài hay không? Quý vị hãy nghĩ thuở Thích Ca Mâu Ni Phật xuất hiện tại Ấn Độ, ngay cả người Ấn Độ cũng có nhiều kẻ chẳng có duyên phận, chẳng thể thấy Phật, cùng ở trong một thành, mà chưa chắc

có thể trông thấy, thật sự khó lắm! Vì thế, quý vị hãy suy nghĩ, cơ duyên gặp gỡ khó có lắm! Không nắm vững cơ duyên, đi làm chuyện khác, như thế là lầm lẫn to lớn quá đời!

(Sao) *Uông dương xung dung giả, uông, thâm mạo.*

(鈔) 汪洋冲融者，汪，深貌。

(Sao: “Uông dương xung dung”, Uông là dáng vẻ sâu thẳm).

Bốn chữ này là hình dung từ, Uông là sâu, sâu thẳm.

(Sao) *Tự tánh thâm huyền vô tận, như trì để cố.*

(鈔) 自性深玄無盡，如池底故。

(Sao: Tự tánh sâu màu, vô tận, như đáy ao).

Hễ nói tới Lý, nói đến tâm tánh, chính là như kinh Hoa Nghiêm nói “*biểu pháp*”. “*Biểu pháp*” là mỗi pháp đều nhằm biểu hiện của Tánh Đức chúng ta. Ở đây cũng chẳng ra ngoài lệ ấy, nói tới Tánh Đức. Tánh Đức theo chiều dọc cùng tột ba đời, quá khứ vô thi, tương lai vô chung, sâu màu giống như đáy ao bảy báu.

(Sao) *Dương, quảng mạo.*

(鈔) 洋，廣貌。

(Sao: Dương là dáng vẻ rộng lớn).

“Dương” là nói về rộng, rộng lớn.

(Sao) *Tự tánh quảng viễn vô tế, như trì lượng cố.*

(鈔) 自性廣遠無際，如池量故。

(Sao: Tự tánh rộng xa không ngăn mé, như dung lượng của ao).

Ao trong Tây Phương Cực Lạc thế giới rất lớn. “*Quảng viễn vô tế*”: Theo chiều ngang trọn khắp pháp giới, theo chiều dọc tột cùng ba đời, theo chiều ngang trọn khắp mười phương, đó là tự tánh của chúng ta. Hết thấy các pháp trong tam giới mười phương đều là vật được biến hiện bởi tự tánh. Tự tánh biến hiện bất cứ vật thể nào thì nó vẫn giống như tự tánh, điều này rất tuyệt vời, tuyệt diệu chẳng thể diễn tả được. Nhỏ như một vi trần, vi trần là tự tánh, trong vi trần hiển thị tướng viên mãn lưu xuất từ tự tánh. Chúng ta chẳng có cách nào lý giải điều này, hoàn toàn là cảnh giới Hoa Nghiêm, Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại. Toàn thể tự tánh nhìn từ chỗ

nào? Từ trong một vi trần! Một vi trần và toàn thể tự tánh là chẳng hai, chẳng khác!

Chúng ta nói một vi trần rất nhỏ, tự tánh rất lớn. Nói thật ra, [có thấy vi trần và tự tánh sai khác như vậy] là vì quý vị có phân biệt lớn nhỏ, là do quý vị có tâm phân biệt, chấp trước. Quý vị đã mê nên trong tự tánh mới nói có lớn hay nhỏ. Đã ngộ tự tánh thì trong tự tánh chẳng có lớn hay nhỏ. Vì chẳng có lớn nhỏ, nên theo chiều ngang trọn khắp mười phương, theo chiều dọc tột cùng ba đời, có thể bỏ vào giới tử. “*Giới tử*” (芥子) là hạt cải, nó nhỏ bé [mà tự tánh có thể] đi vào trong ấy. Hạt cải có phồng to hay không? Chẳng có. Tự tánh có rút nhỏ hay không? Cũng chẳng có. Nó có thể nhét vào được là vì nó chẳng có lớn hay nhỏ. Nếu có lớn - nhỏ thì lớn chẳng vào được nhỏ. Chẳng có lớn - nhỏ; chẳng có vuông - tròn, mà cũng chẳng có dài hay ngắn! Có thể thấy chúng ta hiện thời chẳng thể kiến tánh, là do phân biệt, chấp trước chướng ngại bản thân chúng ta, mê mất tự tánh. Tự tánh rộng xa không ngần mé, giống như dung lượng của cái ao.

(Sao) Xung dung giả, trung hòa mạo.

(鈔) 冲融者，中和貌。

(Sao: Xung dung là dáng vẻ hòa hoãn).

Dáng vẻ hòa hoãn.

(Sao) Tự tánh phi chân, phi tục, thuần túy chí thiện, như trì thuần dĩ bảo thành cố.

(鈔) 自性非真非俗，純粹至善，如池純以寶成故。

(Sao: Tự tánh không phải chân, không phải tục, thuần túy chí thiện, như ao thuần dùng chất bảo tạo thành).

Nói tới tự tánh, nhà Thiên thường nói là “*hương thượng nhất trước*” (đạt tới hương thượng)⁴⁴. “*Hương thượng nhất trước*” là như thế nào? “*Ngôn ngữ dứt bật, tâm hành xú diệt*”, chẳng có cách nào nói được, ngôn ngữ chẳng thể diễn tả được, mà chúng ta cũng chẳng thể tư duy, tưởng tượng hòng tiếp xúc được! Nhưng nếu quý vị lìa khỏi ngôn ngữ, lìa khỏi

⁴⁴ Theo bài giảng về thiền Thoại Đầu của pháp sư Thánh Nghiêm: “*Hương thượng nhất trước là minh tâm kiến tánh, là Vô Thượng Bồ Đề Tâm. Đã thấu đạt bốn tánh của Vô Thượng Bồ Đề Tâm là gì, cũng đã thấy Phật tánh là gì thì gọi là Hương Thượng Nhất Trước. Hương thượng nhất trước là tiến nhập Đệ Nhất Nghĩa Đế*”.

tư duy, tưởng tượng, những thứ ấy sẽ hiện thành, ở ngay trước mặt, sáu căn sẽ cảm nhận rõ ràng, rành rẽ, minh bạch, nên nhà Thiên nói: “*Như người uống nước, lạnh, nóng tự biết*”, chẳng thể nói được!

Ở đây, đại sư dạy chúng ta: “*Chẳng phải chân, chẳng phải tục*”, vì sao? Vì chân - tục là hai pháp, Lục Tổ bảo “*hai pháp chẳng phải là Phật pháp*”. Ta tư duy, tư duy và không tư duy là hai pháp, ngôn thuyết và vô ngôn thuyết là hai pháp. Nói chung, dùng hai pháp chắc chắn chẳng có cách nào có thể thấu hiểu. Lìa khỏi hai pháp, tự tánh ở ngay trước mặt. Ta rời khỏi ngôn thuyết, tư duy. Được chớ! Dễ dàng! Vậy thì chẳng nói năng, chẳng tư duy, lìa như thế nào? Ta lìa ngôn thuyết, chẳng phải là không có ngôn thuyết. “Không có ngôn thuyết” cũng phải lìa, hai bên đều phải lìa. Lìa một bên, chấp vào một bên khác, chẳng được!

Phàm phu chấp trước bên Có; hàng Tiểu Thừa lìa Có, nhưng chấp trước bên Không. Vì thế, hàng Tiểu Thừa chẳng thấy tánh. A La Hán và Bích Chi Phật đều chẳng thể kiến tánh, nguyên nhân là do chấp trước Không, vẫn là sai lầm. Bỏ Tát đối với hai bên Có và Không đều chẳng chấp trước, đó là Trung Đạo. Do vậy, tu hành gọi là Trung Quán, cảnh giới là Trung Đế, ở đây gọi là Trung Hòa. “*Chẳng phải chân, chẳng phải tục, thuận túy chí thiện*” đó là xa lìa nhị biên. Thiện ở đây chẳng phải là thiện trong thiện ác, thiện trong thiện ác là nhị biên, ác là một bên, thiện là một bên. Nhị biên đều rời khỏi chính là chân thiện; nói thật ra, chẳng thể diễn tả được! Bất đắc dĩ dùng chữ này, hy vọng từ ngôn thuyết quý vị sẽ tự mình thấu hiểu, đúng là “*ý tại ngôn ngoại!*”

Có thể hiểu ý ở ngoài lời, người ấy có trí huệ, thật sự có ngộ xứ. Nếu quý vị rớt vào ngôn ngữ, sẽ rất phiền phức, những gì quý vị sở đắc là ngôn ngữ, văn tự, đạt được sáu trần. Quý vị nghe thanh trần, mắt thấy sắc trần, những thứ quý vị đạt được là sáu trần. Nếu quý vị hiểu “ý ở ngoài lời”, sẽ chẳng đạt được sáu trần, mà là sáu tánh, tai nghe là Văn Tánh (tánh Nghe), mắt thấy Sắc Tánh, đó là minh tâm kiến tánh. Nói đơn giản, phải hiểu ý ở ngoài lời, đây là chỗ khó khăn trong Phật pháp, quyết định đừng nên chết cứng trong ngôn ngữ, văn tự. Hôm nay chúng tôi giảng tới chỗ này.

Tập 142

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang ba trăm lẻ năm:

(Sao) Bị chur công đức giả, tự tánh vô nhiễm, tức trừng tịnh đức. Tự tánh vô phiền, tức thanh lương đức. Tự tánh vô ác, tức cam mỹ đức. Tự tánh vô ngã, tức khinh nhuỷễn đức. Tự tánh vô kiết, tức nhuận trạch đức. Tự tánh vô bạo, tức an hòa đức. Tự tánh vô phạp, tức trừ cơ khát đức. Tự tánh xuất sanh nhất thiết vạn thiện, tức trưởng dưỡng đức.

(鈔) 備諸功德者，自性無染，即澄淨德；自性無煩，即清涼德；自性無惡，即甘美德；自性無我，即輕軟德；自性無竭，即潤澤德；自性無暴，即安和德；自性無乏，即除飢渴德；自性出生一切萬善，即長養德。

(Sao: “Trọn đủ các công đức”: Tự tánh vô nhiễm là phẩm đức “láng sạch”. Tự tánh vô phiền là phẩm đức “trong mát”. Tự tánh vô ác, tức là phẩm đức ngon ngọt. Tự tánh vô ngã, tức phẩm đức mềm, nhẹ. Tự tánh chẳng cạn kiết, tức là phẩm đức nhuận trạch. Tự tánh chẳng bạo liệt, tức là phẩm đức an hòa. Tự tánh chẳng thiếu, tức là phẩm đức trừ đói khát. Tự tánh sanh ra hết thảy vạn thiện, tức là phẩm đức trưởng dưỡng).

Đoạn văn này giải thích câu “bị chur công đức” trong lời Sớ. Trong Đàn Kinh, Lục Tổ đại sư khi khai ngộ, đã trần thuật kiến địa như Ngài đã thấy: “Nào ngờ tự tánh, vốn sẵn trọn đủ”, đó chính là ý nghĩa của đoạn kinh văn ở đây. Tám công đức đều sẵn có trong tự tánh, “bị” (備) là vốn sẵn trọn đủ. Nói thật ra, công đức trong tự tánh vô lượng vô biên, ở đây, nêu đại lược tám thứ mà thôi. Do vậy, ta có thể biết: Sáu trần thuyết pháp trong Tây Phương Cực Lạc thế giới đều nhằm khai hiển công đức trong tự tánh của chúng ta; vì vậy, thế giới ấy mới là thế giới viên mãn trang nghiêm rốt ráo.

Trong tám thứ ấy, trước hết nói đến “tự tánh vô nhiễm”. Trong bộ [chú giải] kinh này, Liên Trì đại sư đã giảng rất tỉ mỉ, tu hành tuyệt đối không phải là chúng ta niệm câu Phật hiệu này, hoặc niệm quyển kinh Di Đà này bèn có thể thành công. Người nương theo phương pháp này tu tập rất nhiều, vì sao những người đó không vãng sanh? Thường nói là “trong một vạn người niệm Phật, chỉ có mấy người vãng sanh”, vì sao không

phải là ai nấy đều vãng sanh? Nguyên nhân là do họ chẳng hiểu rõ giáo lý. Nói cách khác, “miệng có, tâm không”. Niệm tám công đức ấy, niệm tám công đức chẳng sai lầm, nhưng công đức trong nội tâm của chính mình chẳng hiển lộ, chẳng tương ứng với tám thứ công đức ấy. Vì vậy, khi niệm thì phải tương ứng. Cổ đức thường nói: “*Một niệm tương ứng một niệm Phật*”, một niệm ấy của quý vị chẳng tương ứng thì chẳng phải là Phật, mà cũng chẳng thể vãng sanh! Do vậy, niệm phải tương ứng. Niệm một câu “*nước tám công đức*” bèn tương ứng với tám đức trong tự tánh thì mới hữu dụng! Do vậy, kinh là một tấm gương, đọc kinh là soi gương, dùng kinh đối chiếu với tâm hạnh của bản thân chúng ta, mang ý nghĩa ấy! Cách nghĩ và cách nhìn của chúng ta giống hệt như kinh đã dạy thì gọi là “tương ứng”. Cách nghĩ và cách làm của chúng ta chẳng giống như kinh đã dạy bèn là chẳng tương ứng. Chẳng tương ứng thì dù có niệm nhiều cách mấy vẫn uổng công, cổ nhân bảo: “*Gào toạc cổ họng vẫn uổng công*”!

Do điều này, có thể biết tương ứng là trọng yếu! Tương ứng là chuyển biến cảnh giới của chính mình. Muốn chuyển biến cảnh giới của chính mình, đương nhiên, trước hết là phải biết chính mình đã làm lỗi. Kẻ chẳng chịu nhận lỗi thì hạng người như thế chắc chắn chẳng thể thành tựu, Phật cũng chẳng thể giúp kẻ ấy được! Người nào thành tựu nhanh nhất? Người nào thành tựu thù thắng nhất? Người mạnh mẽ nhận lỗi. Vì thế, nói đến tín tâm thì cơ bản nhất là nói tới hai chuyện:

- Thứ nhất, phải tin tưởng sâu xa chính mình tội nghiệp sâu nặng. Từ vô thủy cho đến đời này, mỗi ngày đều tạo tội nghiệp, tội nghiệp sâu nặng! Quý vị thừa nhận điều này thì mới có thể sửa lỗi.

- Thứ hai, phải tin tưởng nguyện lực, trí huệ, và công đức của A Di Đà Phật chẳng thể nghĩ bàn, Ngài quyết định có thể cứu bạt chúng ta. Tin tưởng Phật lực có thể giúp đỡ chúng ta. Người như vậy thì mới có thể vãng sanh, người như vậy thì tự tánh mới có thể hiển lộ.

Tám câu ấy rất trọng yếu, chớ nên coi nhẹ lướt qua, [tám câu ấy] đều nói về tự tánh. Tự tánh vốn chẳng bị nhiễm ô, hiện thời có bị nhiễm ô hay không? Hiện thời vẫn chẳng bị nhiễm ô! Nếu tự tánh bị nhiễm ô, sẽ chẳng thể gọi là “chân tánh”. Trong kinh Phật thường nói tới nhiễm ô, sự nhiễm ô ấy “*chẳng nhiễm mà nhiễm*”, thứ gì bị nhiễm? Mê! Mê nên bèn nhiễm. Giác bèn khai ngộ, giác là phá mê! Phá mê, quý vị bèn kiến tánh. Khi quý vị mê bèn chẳng kiến tánh; do đó, hoàn toàn chẳng biết tới trí huệ và đức năng trong tánh. Khi mê, Tánh Đức bị chuyển biến thành phiền não. Nghiệp chướng là gì? Phiền não là nghiệp chướng, phiền não là chướng ngại. Nay chỉ cần quý vị có phiền não, chắc chắn là mê; đã giác

ngộ bèn chuyển phiền não thành Tánh Đức. Bồ Đề là Tánh Đức, nói thật ra, Tánh Đức chẳng biến đổi, mà là mê hay ngộ. Do mê hay ngộ bèn khởi tác dụng khác nhau; khi ngộ, phiền não là Bồ Đề, trọn đủ vô lượng vô biên đức dụng. Khi mê, Bồ Đề biến thành phiền não, nếu tạo tội nghiệp nhiều thì phải thọ báo, tạo tác lục đạo luân hồi. Mê và ngộ có mối quan hệ to tát dường ấy!

Chư vị còn phải hiểu, mê hay ngộ là do chính mình, chẳng do ai khác, chẳng ở bên ngoài, mà là ở bên trong. Phật pháp đặc biệt được gọi là Nội Học, chẳng phải là bên ngoài. Cảnh giới bên ngoài chẳng có mê hay ngộ. Cảnh giới bao gồm cảnh giới nhân sự và cảnh giới vật chất, giống như chúng ta nằm mộng, mê hay ngộ trong mộng cũng đều là chính mình, tất cả hết thấy người và vật trong mộng đều chẳng có mê hay ngộ, mê hay ngộ là một mình ta, chư vị dễ dàng thấu hiểu điều này. Quý vị hãy chú tâm lãnh hội, lại lắng lòng quan sát cảnh giới trước mắt chúng ta, cảnh giới trước mắt là mê hay ngộ vẫn là một mình ta, chẳng dính dáng gì đến ngoại cảnh! Do chẳng liên quan đến ngoại cảnh, nên đối với cõi Phạm Thánh Đồng Cư trong thế gian này, phạm phu ở nơi đây thấy [cõi này] là uế độ, nhưng thánh nhân ở trong thế giới này lại thấy là Tịnh Độ, hai người hai cách nhìn khác nhau, khác nhau như thế nào? Một người tự tánh thanh tịnh, người kia tự tánh chẳng thanh tịnh; do vậy, cách nhìn khác nhau. Do vậy, có thể biết: Tu hành là tu tự tâm, chẳng phải là tu cho người khác!

Vì sao phạm phu chúng ta tu hành khó khăn dường ấy? Nói thật thà, đó gọi là “*tâm chuyển theo cảnh*”. Cảnh giới vốn chẳng xoay chuyển quý vị, mà chính quý vị cam tâm vâng chịu để cho nó xoay chuyển, quý vị nói xem có cách gì hay không? Cảnh chẳng mê người, mà người tự mê, chẳng có cách nào, chính quý vị chấp mê, nó chẳng đến làm mê quý vị, đây là chỗ chúng ta phải tỉnh ngộ. Có người khai ngộ thì ngộ từ chỗ nào? Ngộ từ chỗ này. Người ngộ chẳng bị cảnh giới chuyển, kinh Lăng Nghiêm nói rất hay: “*Nếu có thể chuyển cảnh, ắt giống như Như Lai*”, giống như Phật! Phật có bản lãnh gì? Phật là chẳng bị ngoại cảnh xoay chuyển. Không bị ngoại cảnh xoay chuyển, quý vị sẽ tự tại trong cảnh giới. Bị ngoại cảnh chuyển thì quý vị chẳng tự tại, chẳng tự tại thì sao? Phiền não trói buộc, chẳng được tự tại! Những chỗ giống như thế này là chỗ để chúng ta thật sự dốc sức dụng công tu hành.

Tự tánh vô nhiễm, vô nhiễm là “*trùng tịnh*”; vì vậy, tự tánh có phẩm đức trùng tịnh. Phải biết trùng tịnh là chân thật, là vĩnh hằng chẳng thay đổi. Nhiễm ô là giả, vì sao? Khi mê mới có, khi giác bèn chẳng có, nên có thể thấy được nhiễm ô chẳng phải là thật. Do đó, phiền não là giả,

Bồ Đề là chân thật. Người học Phật phải trừ bỏ giả, phải dùng chân thật. Có lẽ, sẽ có kẻ nói: “Chúng ta hết thấy đều dùng chân thật thì sẽ bị thua thiệt, bị lường gạt trong xã hội”. Quý vị hãy nghĩ xem, kẻ ấy nói lời ấy đúng hay sai? Kẻ nói lời ấy đang mê, vì sao? Kẻ ấy còn có bị lừa, còn bị thua thiệt, còn có sợ hãi, quý vị nói xem có hỏng bét hay là không? Vì sao sợ bị thua thiệt, bị lừa dối? Kẻ ấy ngỡ hết thấy cảnh giới trước mắt là thật, đó là mê! Kẻ ấy chẳng hiểu “*phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng*”.

Phát khởi ý viên thành, công đức viên mãn, đừng nói là quý vị làm, quý vị chẳng làm, nhưng phát khởi một tâm niệm ấy, công đức đã viên mãn. Sự phát tâm ấy hễ có điều còn phải kiêng dè, sẽ chẳng có công đức, vì sao? Vì công đức là tâm thanh tịnh, tuy làm chuyện tốt, nhưng tâm chẳng thanh tịnh, bèn chẳng phải là công đức, mà là phước đức, quý vị tu phước đức chứ chẳng phải là công đức. Chư vị phải biết: Công đức là tu tâm thanh tịnh, đó là công đức. Bồ Tát tu các công đức, trong cảnh giới thuận hay nghịch đều có thể thành tựu viên mãn. Ngài tu công đức trong thuận cảnh, mà trong nghịch cảnh vẫn tu công đức, vì sao? Tâm Ngài thanh tịnh, thuận hay nghịch đều chẳng nhiễm ô, thuận lẫn nghịch đều không mê! Không mê, bất nhiễm, tự tánh hiện tiền, đó chẳng gọi là công đức thì gọi là gì? Do vậy, kẻ mê dấu làm việc thiện to tát đến mấy, vẫn là phước đức, chẳng có công đức.

Kinh Phật chỗ nào cũng đều nói tới chuyện hồi hướng công đức, hồi hướng có tác dụng hay không? Nếu hồi hướng chẳng có tác dụng thì trong kinh luận, Phật, Bồ Tát sẽ chẳng đặc biệt nhấn mạnh chuyện hồi hướng. Điều cuối cùng trong mười đại nguyện vương của kinh Hoa Nghiêm là “*phổ giai hồi hướng*”, có thể thấy hồi hướng rất trọng yếu! Phải hồi hướng như thế nào? Niệm bài văn hồi hướng một lượt chẳng phải là hồi hướng, như thế thì hồi chẳng được, mà hướng không xong! Thừa cùng quý vị, hồi hướng là chẳng chấp tướng; tâm chẳng chấp tướng mới thanh tịnh! Hồi hướng có nghĩa là “*làm mà chẳng làm*”, ta làm những chuyện ấy vô tâm, tức là coi giống như chẳng làm. Nếu ta làm chuyện tốt, thường nghĩ ta đã làm bao nhiêu chuyện tốt đẹp, thế thì công đức lại chẳng còn nữa, lại mê rồi, mê càng sâu hơn, chẳng giác ngộ! Hồi hướng nhằm giúp quý vị giác ngộ, hết thấy các công đức đã làm đều không cần tới, thấy đều quên sạch. Hồi hướng Thật Tế, Thật Tế là Chân Như bản tánh. Chân Như bản tánh chẳng lập một pháp, thanh tịnh vô vi. Hồi hướng Bồ Đề, Bồ Đề là giác, hồi hướng Bồ Đề là không mê; hồi hướng chúng sanh là chẳng nhiễm! Phước báo thiện hạnh là của hết thấy chúng sanh, chẳng

phải là của ta, quên mất ta, đó là hồi hướng. Tuyệt đối chẳng phải là nói hiện thời chúng ta niệm kinh, đối với người đã chết, chúng ta mới hồi hướng cho họ, chẳng cần hồi hướng cho người sống, vậy thì quý vị nay đang còn sống nhân, mỗi ngày niệm kinh đều chẳng cần hồi hướng ư?

Đối với pháp môn Niệm Phật này, trong kinh còn gọi nó là “*pháp môn chẳng hồi hướng*”, trong quá khứ, thầy Lý thường bảo chúng tôi điều này. Vì sao gọi là “*pháp môn không hồi hướng*”? Trong chú giải kinh Vô Lượng Thọ, Hoàng lão cư sĩ đã giảng đoạn này rất cặn kẽ, chư vị hãy tự xem. Không hồi hướng là đại hồi hướng, không hồi hướng là hồi hướng khôn sánh. Vì người niệm Phật chỉ có một mục tiêu, ta niệm câu Phật hiệu này để làm gì? Nhằm cầu sanh Tây Phương Tịnh Độ! Nói cách khác, tuy người ấy chẳng hồi hướng, niệm niệm đều là hồi hướng. Ta vì điều này mà niệm, niệm niệm cầu sanh Tịnh Độ.

Nhưng chư vị nhất định phải ghi nhớ, niệm Phật nhằm mục đích cầu sanh Tịnh Độ, vì sao niệm Phật có thể sanh về Tịnh Độ? Trong ấy là nhị lực pháp môn, một là Phật có nguyện lực, khuyên bảo chúng ta, chúng ta niệm Phật, lão nhân gia đến tiếp dẫn chúng ta. Nếu quý vị chỉ có một kiến giải đơn giản như thế, vậy thì tôi hỏi quý vị, tất cả người niệm Phật lẽ ra đều nên vãng sanh, người cả đời chỉ niệm Phật hiệu một tiếng cũng phải vãng sanh, vì kinh đã dạy: “*Một niệm hay mười niệm, nhất định vãng sanh*”. Người ấy khi còn sống đã niệm mười câu hoặc một câu Phật hiệu, đáng lẽ nên vãng sanh, có sao chẳng vãng sanh? Nhất định là đoạn kinh văn ấy còn có ý nghĩa sâu xa trong đó. Chúng ta nhìn vào văn tự suy đoán ý nghĩa, chẳng phải là đức Phật nói sai, mà là chúng ta nghe lời Phật dạy bèn hiểu sai. Đức Phật chẳng giảng sai! Lỗi ở nơi bản thân chúng ta.

Câu Phật hiệu phải dùng nhất tâm để niệm, nhất tâm xưng niệm, nhất tâm là tâm gì? Tâm thanh tịnh. Nhất tâm là chẳng có nhị niệm, chẳng có tạp niệm. Tâm chẳng có tạp niệm là gì? Là tự tánh. Vì vậy, chớ nên dùng loạn tâm để niệm, chẳng phải là dùng tâm vọng tưởng để niệm, chẳng phải là dùng tâm thức thứ sáu là ý thức để niệm, vì sao? Dùng tâm thức thứ sáu tức là tâm ý thức để niệm Phật, chẳng thể đoạn phiền não. Nhất tâm xưng niệm, có thể đoạn phiền não, có thể phá vô minh. Trong chú giải, Liên Trì đại sư đã giảng rất tỉ mỉ, đến phần sau, trong chương “*nhất tâm bất loạn*”, lão nhân gia đã chú giải bốn chữ “*nhất tâm bất loạn*” rất nhiều. Sớ Sao có tổng cộng bốn quyển, [phần giảng giải] một câu ấy chiếm hết nửa cuốn. Nói cách khác, nó chiếm đến một phần tám cả bộ chú giải, phần ấy giảng về “*nhất tâm bất loạn*” rất đặc sắc.

Đối với cách niệm, nhất niệm là nhất tâm niệm. Nhất tâm [ở đây] là loại nhất tâm như thế nào? Liên Trì đại sư đặc biệt nhấn mạnh “*Lý nhất tâm*”, loại nhất tâm này hoàn toàn tương ứng với tự tánh. Vì thế, đích xác là chẳng còn bàn cãi gì nữa, thật sự là “*một niệm tương ứng một niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật*”. Lão nhân gia dẫn lời kinh Đại Bồn: “*Niệm một tiếng A Di Đà Phật, diệt trọng tội trong tám mươi ức kiếp sanh tử*”, cách niệm là như thế đó! Không phải là như chúng ta nay đang ca xướng ngoài miệng, ca xướng đôi chút bèn diệt trọng tội trong tám mươi ức kiếp sanh tử! Chẳng có đạo lý ấy! Có lúc, không chỉ là khi niệm chẳng thể diệt tội, mà ngược lại còn tăng trưởng tội nghiệp! Đó là vì chẳng biết niệm, chưa hiểu rõ! Do vậy, ta biết: Niệm Phật chẳng thể không biết giáo nghĩa cơ bản. “*Giáo nghĩa cơ bản*” chỉ tam kinh, nay chúng ta nói là năm kinh. Bởi vậy, quý vị nhất định phải đọc bộ Ngũ Kinh Độc Bồn do chúng tôi mới biên tập cho nhiều thì mới có thể thật sự hiểu rõ.

Vì vậy, phải hiểu ý nghĩa của hồi hướng ở chỗ nào! Tại Trung Quốc lẫn ngoại quốc, người cầu tiêu tai, miễn nạn, tiêu trừ nghiệp chướng rất nhiều; tâm cầu nguyện rất khẩn thiết, nhưng tai nạn và nghiệp chướng của họ đều chẳng thể tiêu tan! Ở chỗ này, tôi đặc biệt nhắc nhở các đồng tu, quý vị ít phiền não thì nghiệp chướng sẽ ít. Quý vị ít tri kiến thì chướng ngại sẽ ít. Quý vị lắm phiền não, phiền não nặng nề, tri kiến quá nhiều, nghiệp chướng và tai nạn của quý vị chẳng có cách gì tiêu trừ! Vì sao đọc kinh, niệm Phật có thể tiêu tan nghiệp chướng? Vì lúc quý vị niệm kinh, niệm Phật, tâm thanh tịnh, trong tâm thanh tịnh chẳng có nghiệp chướng. Nếu quý vị thường gìn giữ tâm thanh tịnh, nghiệp chướng tự nhiên tiêu trừ, đạo lý là như vậy đó! Vì thế, niệm kinh, niệm Phật, tham Thiền, trì chú đều có thể tiêu tan nghiệp chướng. Phương pháp nào tiêu trừ nghiệp chướng tốt nhất? Chẳng nhất định. Phương pháp nào có thể khiến cho tâm quý vị thanh tịnh, đó là phương pháp tốt nhất.

Người chuyên tu pháp môn Niệm Phật không nói tới hồi hướng, chỉ sợ là chúng ta vẫn chưa thể làm được [chuyện ấy], vì sao? Chúng ta niệm kinh, niệm Phật vẫn chưa thể mười phần tương ứng với chân tánh. Không chỉ chẳng thể mười phần tương ứng, mà sợ rằng một hai phần tương ứng vẫn chưa làm được. Vậy thì làm cách nào? Nhất định phải tu thêm pháp môn hồi hướng, phải hồi hướng. Chúng ta hồi hướng thay cho người khác cũng được, người nhà của tôi ở Đại Lục, tôi ở đây niệm kinh, niệm Phật hồi hướng cho họ, có hiệu quả hay không? Chắc chắn có hiệu quả; hiệu quả do Tu Đức của chính mình, từ chỗ này mà cảm quả. Nếu chính mình chẳng có Tu Đức, dẫu mỗi ngày quý vị niệm nhiều đến mấy đi nữa, đều

chẳng được, cổ nhân bảo: “*Gào toạc cổ họng cũng uống công*”. Bản thân quý vị thật sự tu, hằng năm, hằng tháng cảnh giới đều khác nhau, mỗi ngày tiếp cận Phật, Bồ Tát, hồi hướng bèn có sức mạnh này. Hồi hướng hết thầy chúng sanh, tự nhiên có thể xoay chuyển kiếp vận. Chư vị nghĩ xem, kiếp vận cũng có thể xoay chuyển thì có việc nhỏ nhặt nào mà chẳng thể chuyển được?

Ở đây, tôi kể cho quý vị nghe một câu chuyện cũ. Thuở ấy, tôi đang học trong nhà trường, lúc đó tôi mười mấy tuổi, trong thời Kháng Chiến, học tại trường Trung Học Quốc Lập thứ ba, hiệu trưởng là tiên sinh Châu Bang Đạo. Chúng tôi gọi vợ ông ta là Châu sư mẫu. Nhà ông ta ở ngay sau trường, trường ấy thu nhận toàn là học sinh lưu vong, đều chẳng có nhà để về, nên chánh phủ thu nhận, lập ra trường học ấy. Vì thế, học trò trong trường ấy đều được chánh phủ trợ cấp, cơm áo và chỗ ở đều do quốc gia [đài thọ], giống như quân đội, cấp phát lương thực và tiền tiêu vặt cho chúng tôi. Con gái ông ta cũng học trong trường chúng tôi, người con thứ tư của ông ta là bạn học cùng lớp với tôi. Phạm có những thứ gì cần phải chia cho học sinh, [chẳng hạn như] cái ăn, cái mặc thì những đứa con trong nhà ông ta [đang theo học trong trường ấy] được xếp cuối cùng, học trò được ưu tiên hàng đầu. Chia cho học trò xong, hễ còn thừa thì họ (con ông ta) mới được nhận. Tâm địa đại công vô tư, khiến cho mỗi đứa học trò chúng tôi đều cảm động, ông chăm nom học sinh còn hơn con ruột của chính mình. Vì thế, chúng tôi thật sự cảm ơn đội đức vị thầy ấy, coi trọng ông ta hơn cha mẹ, ông ta thật sự chiếu cố chúng tôi.

Từng có một bạn học ngã bệnh, bệnh rất nặng, bác sĩ ở nơi ấy khám xong đều nói chẳng thể cứu được; nhưng đứa nhỏ ấy là con một, trong nhà nó, [cha nó] có đến mấy vợ mà chỉ có một đứa con trai như vậy. Khi đó, Châu sư mẫu còn chưa học Phật, bà ta nói: “Đứa nhỏ này chẳng thể chết, nó chết thì nhà nó tuyệt hậu. Mấy bà mẹ mà chỉ có một đứa con!” Khi chẳng thể cứu, bà ta miếu nào cũng đến lễ, miếu nào cũng tới hứa nguyện. Bà nói: “Tôi thà chết thay cho nó, chứ chẳng để cho nó chết”. Phát tâm như thế đó! Tâm ấy là tâm chân thành. Đến cuối cùng, bệnh viện chẳng nhận nữa, bà đem đứa học trò ấy đến miếu Quan Đế, phát trọng thệ ở đó: “Tôi bằng lòng chết thay cho nó”. Một hai ngày sau, đứa học trò ấy tỉnh lại, bà ta phi thường hoan hỷ! Nó kể lại: Giống như nó gặp ác mộng, bị người ta nhốt trong một căn nhà nhỏ, tối đen, chẳng có một tia sáng nào, chỉ nghe Châu sư mẫu gọi nó, nó nghe âm thanh ấy, sau đấy, thấy một chút ánh sáng, bèn chạy ra khỏi đó. Thừa quý vị, đó là hồi hướng! Đúng là thọ mạng của nó đã hết rồi, bà ta dùng sức mạnh tinh thần của

chính mình để kéo nó lại, kéo dài thọ mạng cho nó, chẳng dễ dàng! Vì vậy, bọn học sinh chúng tôi thấy tấm gương ấy, [nhận biết] sư mẫu có thể bỏ mình để cứu đứa học trò ấy.

Bà ta đến Đài Loan mới học Phật. Sau khi đã học Phật, bà niệm chú Đại Bi vô cùng có cảm ứng, nước Đại Bi của bà hết sức linh, quả thật có thể trị bệnh, cấy vào đâu? Tâm từ bi chân thật! Tâm chân thành, tâm đại từ đại bi lưu lộ nên có sức mạnh như vậy. Nếu quý vị đọc Liễu Phàm Tứ Huấn nhiều lượt, sẽ hiểu, trong Phật pháp đã nói: Tuy thọ mạng của con người là nhất định, [thọ mạng dài hay ngắn là kết quả của nghiệp] do quý vị đã tu trong đời trước, nhưng nếu trong kiếp này, chính quý vị chịu tu, sẽ có thể kéo dài thọ mạng. Nếu quý vị tạo ác nhiều, thọ mạng cũng có thể bị rút ngắn. Vì thế, nhà Phật nói đến vận mạng, chẳng nói theo kiểu “*định mạng luận*” (số mạng nhất định), [mà nói] vận mạng do chính mình điều khiển, nhất định phải biết điều này!

“*Tự tánh vô phiền*”, Phiền (煩) là phiền não. Nói đại lược thì phiền não là tham, sân, si, mạn, nghi, đó là năm món Tư Hoặc nặng nhất. “Nghi” ở đây là hoài nghi giáo huấn của Phật, Bồ Tát, cũng có nghĩa là đối với kinh luận và giáo huấn của Phật, quý vị không tin, chẳng thể tin nhận, vâng hành. Tồn thất ấy quá lớn, vì sao? Vì giáo huấn của Phật là cơ hội để chúng ta đắc độ trong một đời này, hễ quý vị hoài nghi bèn bỏ sót cơ hội này, quá đáng tiếc! Bỏ lỡ lần này, lần sau gặp lại chẳng biết là đời nào, kiếp nào? Tuyệt đối chẳng phải là đời sau ta vẫn có thể gặp gỡ! Đời sau quý vị có được làm thân người hay không? Vô cùng khó khăn! Được làm thân người rất khó, mất thân người hết sức dễ dàng! Trong kinh Phật có rất nhiều khai thị và tỷ dụ, giảng rõ thân người khó được, dễ mất, được làm thân người lần nữa chẳng dễ dàng! Được làm thân người lại còn có thể nghe Phật pháp, càng khó khăn hơn!

Trong thế gian này, lúc có Phật pháp ít ỏi lắm! Thích Ca Mâu Ni Phật xuất hiện trên thế gian thì thế gian này mới có Phật pháp. Huống chi Phật pháp còn có kỳ hạn nhất định, Chánh Pháp, Tượng Pháp, Mạt Pháp, tổng cộng một vạn hai ngàn năm. Sau một vạn hai ngàn năm, Phật pháp chẳng còn nữa, sau đấy phải sống rất lâu thì vị Phật kế tiếp mới lại xuất hiện trong thế gian này. Trong kinh Phật có nói, tính theo năm tháng trên địa cầu này, sau năm mươi sáu ức bảy ngàn vạn năm, Di Lặc Phật xuất thế, thế gian này lại có Phật pháp. Quý vị thấy thời gian chẳng có Phật pháp trong khoảng giữa [sự xuất hiện của hai vị Phật] dài bao nhiêu? Năm mươi sáu ức bảy ngàn vạn năm, [thời gian] có Phật pháp chỉ là một vạn hai ngàn năm. Quý vị được làm thân người là chuyện phù hợp khéo léo

dường ấy, chẳng phải là chuyện dễ dàng! Chúng ta lần này có thể được làm thân người, sanh nhằm thời Mạt Pháp của đức Phật, đích xác là chẳng dễ dàng! Giống như tử dụ trong kinh Phật: “*Manh quy đại hải thân đầu*” (con rùa mù vươn đầu trong biển cả), con rùa đen mù mắt, trong biển cả chỉ có một khối gỗ, con rùa đen vừa vươn cổ khéo sao liền chui lọt vào bọng rỗng trong khối gỗ ấy, cơ hội ấy quá khó có! Nay chúng ta được làm thân người, gặp gỡ Phật pháp giống như cơ hội ấy, đúng là chẳng dễ gì đạt được! Nếu quý vị bỏ lỡ, quá đáng tiếc! Vì thế, phải biết: Gặp được [Phật pháp, nhất là pháp môn Tịnh Độ] rất khó khăn. Do vậy, đã gặp thì phải trân quý, quyết định chớ nên hoài nghi Phật pháp!

Phải nghiêm túc phản tỉnh, đoạn trừ Tam Độc phiền não, nói thông tục là “*sửa lỗi, đổi mới*”. Nghiệp chướng là gì? Tam Độc là nghiệp chướng, là căn bản to lớn của sự tạo nghiệp chướng ngại, tham, sân, si, mạn. Trong kinh, đức Phật dạy những phiền não ấy là “*dữ sanh câu lai*” (sanh ra đã có), chẳng phải là học [những thứ ấy] trong đời này, quý vị đời đời kiếp kiếp tích lũy, ai nấy đều có. Nếu quý vị chẳng có, sẽ chẳng đến nhân gian. Nếu quý vị chẳng có, chẳng thể nào luân hồi trong lục đạo, mà đã sớm thoát khỏi tam giới. Chẳng thoát khỏi tam giới; nói cách khác, quý vị nhất định có những phiền não này. Chúng ta phải thừa nhận chuyện này, phải giác ngộ, phải sửa đổi. Do vậy, Bồ Tát tu Lục Độ, độ gì? Độ Tam Độc phiền não, Bồ Thí độ xan tham, độ tham phiền não, Nhân Nhục độ sân khuê, Bát Nhã độ ngu si, ngạo mạn cũng thuộc trong sân khuê. Do vậy, phiền não được quy nạp lại bèn gọi là Tam Độc.

Trong Tam Độc, đặc biệt nêu ra ngạo mạn, điều này rất có lý, vì sao? Con người chỉ cần có kiêu căng, ngã mạn thì điều gì cũng đều học chẳng thành. Nếu quý vị muốn học thành công pháp thế gian lẫn xuất thế gian, đều phải khiêm hư, đều phải cung kính! Do vậy, điều thứ nhất trong mười đại nguyện vương là “*lễ kính chư Phật*”, câu đầu tiên trong sách Lễ Ký của Nho gia là: “*Khúc Lễ viết, vô bất kính*” (Khúc Lễ nói: “Không gì chẳng kính trọng”). Giáo học pháp thế gian và xuất thế gian thì điều thứ nhất là dạy gì? Điều thứ nhất dạy về kính, Kính là gì? Là đoạn ngã mạn. Trước hết là phá trừ ngã mạn, quý vị mới có thể trở thành pháp khí, mới có thể học thứ này, thứ nọ. Chỉ cần có ngã mạn tồn tại, dầu Phật, Bồ Tát làm thầy quý vị, quý vị vẫn chẳng thể thành tựu một điều gì, chẳng thể học được gì, [nguyên nhân là vì] tự cho mình là đúng, chẳng để ai vào mắt! Hạng người như vậy ai có thể dạy dỗ được? Vì vậy, đây là đại chướng ngại trong sự cầu học thế gian và xuất thế gian. Vì thế, khi dạy học, trước hết, phải phá ngã mạn, rồi phá tham, sân, si. Do vậy, Lục Độ nhằm độ

phiền não! Trì giới nhằm độ ác nghiệp, Tinh Tấn nhằm độ giải đãi, Thiên Định nhằm độ tán loạn.

Do lẽ đó, quý vị tu những pháp môn này, quý vị nói xem rốt cuộc chính mình có thành tựu hay không? Quý vị có thể kiểm thảo từ thành quả. Ta tu Bồ thí đã nhiều năm ngàn ấy, còn có tâm tham hay chẳng? Nếu chẳng có tâm tham, quý vị đã tu Bồ Thí Độ rất thành công. Có kẻ chẳng biết tu, càng tu, tâm tham càng tăng trưởng, vì lẽ gì mà kẻ ấy tu Bồ thí? Vì tham mà tu Bồ thí. Vì sao nói “vì tham mà tu Bồ thí”? Nghe trong Phật môn dạy “*xả nhất, đắc vạn báo*” (bỏ một, được quả báo cả vạn), [bền hơn hờ, nghĩ Bồ thí đúng là] “một vốn, vạn lời”, nên kẻ ấy mới Bồ thí. Bồ thí là gì? Giống như ta làm kinh doanh, đầu cơ, ta bỏ ra một món tiền vốn, sẽ tóm về một món tiền lớn. Mục đích của kẻ ấy là tâm tham, cho nên không chỉ chẳng thể đoạn tâm tham, mà tâm tham còn tăng trưởng, hồngбет! Phật, Bồ Tát thấy tình cảnh ấy đều phải ứa lệ, kêu oan! Hoàn toàn hiểu lầm ý nghĩa. Bồ thí là bỏ tâm tham, trì giới là bỏ ác nghiệp, “*đừng làm các việc ác, vâng làm các điều lành*”, đó là Giới.

Nhẫn Nhục độ sân khuể, quả báo của sân khuể là địa ngục, hết sức đáng sợ! Tuy kinh Kim Cang nói đến Lục Độ, chỉ có Bồ Thí và Nhẫn Nhục là được giảng nhiều nhất, những Độ khác chỉ nói sơ lược, có thể thấy trong Lục Độ, hai Độ này vô cùng trọng yếu, nhằm độ tham sân. Nhất định phải học nhẫn nhục! Huống chi kinh còn dạy: “*Nhất thiết pháp đắc thành ư Nhẫn*” (hết thấy các pháp do Nhẫn mà thành tựu), nếu quý vị muốn thành tựu hết thấy các pháp thế gian và xuất thế gian thì làm thế nào mới có thể thành tựu? Nhẫn bền có thể thành tựu. Cô đại đức của Phật giáo Trung Quốc giáo học, quý vị đọc bộ Thiên Lâm Bảo Huấn sẽ hiểu rõ. Trong Thiên Lâm Bảo Huấn có rất nhiều vị chuyên môn dạy học trò tu nhẫn nhục, chứ chẳng dạy gì khác! Quý vị theo vị sư phụ ấy mười năm hay tám năm, đúng là chẳng dạy gì hết, mỗi ngày vị sư phụ ấy kiếm chuyện, vô duyên vô cớ đánh chửi quý vị, luôn chường ra bản mặt hàm hừ. Đó là gì? Đó là giáo học, là lên lớp. Dạy điều gì? Nhẫn! Dạy quý vị nhẫn nại, cảnh giới gì cũng đều có thể nhẫn! Mười năm hay tám năm sau, người ấy học Nhẫn Nhục Ba La Mật thành công, đắc Định, trí huệ tự nhiên khai. Lão hòa thượng truyền pháp bền truyền cho người ấy, cử hành nghi thức, trao y bát cho người ấy: “Ông làm Đương Gia hoặc Trụ Trì chùa này”, giao phó như thế. Sư huấn luyện người ta chẳng có gì khác, chuyên môn huấn luyện sự nhẫn nại. Điều này rất có lý!

Thường có kẻ thưa: “Bạch lão hòa thượng! Con theo học với thầy đã lâu năm ngàn ấy, thứ gì con cũng đều chẳng học thành”. Lão hòa

thượng cười cợt: “Ông còn chưa học thành ư?” Đã học thành, nhưng chính người ấy chẳng biết. “Ồ [trong chùa này] lâu năm ngàn ấy, ông có thể chịu đựng được, vẫn chưa bỏ đi, đó là thành công!” Vừa chỉ điềm như vậy, người ấy liền nghĩ, quả nhiên chẳng sai, hoá nhiên đại ngộ, lúc bình thường [thầy] vui, giận, mắng nhiếc vốn là đang dạy bảo [học trò]. Cách dạy dỗ vốn là như vậy đó! Đặc biệt là trong Thiên Tông Trung Quốc, Giáo Hạ đương nhiên là phải giảng kinh, chẳng rời khỏi sách vở, biện pháp của Thiên Tông rất đặc thù, thường dùng phương pháp này để thành tựu Giới, Định, Huệ cho học trò. Do vậy, phiền não chẳng còn, đức thanh lương của tự tánh bèn hiển lộ.

“*Tự tánh vô ác, tức cam mỹ đức*” (tự tánh chẳng ác, tức là phẩm đức ngon ngọt). Ác, chẳng phải chỉ là nói tới ác nghiệp hay ác hạnh, mà còn vi tế hơn một chút là nói tới ác ý, ác niệm, những thứ này đều chẳng có. Do vậy, chân chánh tu hành thì phải dốc sức ở chỗ này. Chúng ta tu Bồ Đề tâm, chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, từ bi của chính mình, tu như vậy, quý vị sẽ đi theo Bồ Tát đạo. Bất luận làm chuyện gì, đều phải dùng tâm chân thành để làm. Các đồng tu trong đạo tràng nghe kinh đã nhiều, có thể nói là trong toàn bộ thế giới hiện thời, đã có trình độ rất cao, trình độ khá, nguyên nhân là do được huân tập trong một thời gian dài. Tuy là như vậy, người thật sự thành tựu vẫn rất ít, nguyên nhân ở chỗ nào? Tuy hiểu rõ Lý, vừa nói liền hiểu ngay, nhưng không chuyên cảnh giới được! Hễ gặp cảnh giới lại mê, đó là do những ác tập khí trong quá khứ quá sâu, chẳng thể chuyển được, đó gọi là “biến hóa khí chất”, [tức là] biến đổi một phần, vẫn chưa thể biến đổi triệt để, nên vẫn còn mang theo tập khí. Tập khí ấy là phiền não, chướng ngại của quý vị. Nay quý vị hiện tại tu hành vẫn có phiền não, vẫn có chướng ngại. Tuy so với quá khứ thì tốt hơn một tí, nhưng vẫn có. Điều này nói rõ: Chúng ta vô ác, [có nghĩa là] không chỉ chẳng có ác hạnh và ác ý, mà ác ý và ác niệm cũng chẳng có. Đó là phẩm đức “ngon ngọt” trong tự tánh.

“*Tự tánh vô ngã*”, lần này chúng ta đọc Đại Kinh mới biết thế giới vô ngã là như thế nào. Tây Phương Cực Lạc thế giới là thế giới vô ngã, người đông như thế, nhưng đều chẳng có tên, chẳng có họ, đúng là vô ngã, đích xác là coi hết thầy đều như nhau. Bên cõi ấy, thân thể cũng giống nhau, tướng mạo cũng như nhau, thật sự là một thế giới chẳng thể nghĩ bàn. Thế giới của hết thầy chư Phật trong mười phương đều chẳng có tình hình này! Thành Phật mới hoàn toàn giống nhau, Phật Phật đạo đồng, nên diện mạo của mỗi vị Phật đều giống nhau. Nào ngờ trong Tây Phương Cực Lạc thế giới ai nấy đều giống nhau. Nói cách khác, ai nấy trong Tây

Phương Cục Lạc thế giới đều thành Phật! Đây là nguyện lực chẳng thể nghĩ bàn của A Di Đà Phật, nên mười phương chư Phật tán thán là có lý! Tự tánh vô ngã là phẩm đức “*khinh nhuyển*”.

“*Tự tánh vô kiết*” là như trong năm câu do Lục Tổ đại sư thốt ra khi khai ngộ đã có những ý nghĩa này: “*Nào ngờ tự tánh vốn trọn đủ*”, “*nào ngờ tự tánh có thể sanh ra vạn pháp*”, câu cuối cùng là “*xuất sanh hết thấy muôn điều thiện*”, đó là phẩm đức có thể sanh ra vạn pháp. Y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới vốn trọn đủ trong tự tánh. Trí huệ, đức năng, và tài nghệ của người ấy (người đã khai ngộ) vĩnh viễn dùng chẳng hết, đó là nói về Tánh Đức! Thật sự là vô lượng trong vô lượng, vô lượng trí huệ, vô lượng đức năng, vô lượng tài nghệ. Chính vì như vậy, trong Phật pháp, bất luận tu học pháp môn nào, đều nhằm mục đích mong cầu kiến tánh. Đối với pháp môn Niệm Phật, Lý nhất tâm bất loạn là kiến tánh. Chỉ có kiến tánh mới thật sự là viên mãn công đức, mới thật sự chẳng có tơ hào khiếm khuyết trong cuộc sống, thật sự đạt đến rốt ráo viên mãn. Nếu quý vị chẳng kiến tánh, sẽ luôn có khuyết hãm, nói chung là chẳng viên mãn. Điều này đúng là giống như phẩm đức “*nhuận trạch*” của nước.

“*Tự tánh vô bạo, tức an hòa đức*” (tự tánh chẳng bạo ác, chính là phẩm đức an hòa). “*Bạo*” (暴) là tánh tình hung bạo, dữ dằn, trong tự tánh chẳng có [khuyết điểm ấy]. Tự tánh thanh tịnh, bình đẳng, bạo ác ở chỗ nào? Chẳng có! Vì thế, tự nhiên là an và hòa. An hòa được pháp thế gian lẫn xuất thế gian cùng coi trọng, hiện thời chánh phủ cũng đề xướng “*an hòa, lợi lạc*”. Nhưng nếu tâm bất an, sẽ chẳng thể hòa. An là nhân, Hòa là quả; Hòa là nhân, Lạc là quả; Lạc là nhân, lợi ích là quả. An hòa, Lạc và lợi ích làm nhân và quả lẫn nhau. Như thế nào thì mới có thể an? Quý vị thấy trước chữ An có chữ Bình, bình an! Kẻ nào tâm bất bình thì làm sao có thể an cho được? Tâm con người như thế nào thì mới có thể bình? Chuyện này phiền phức khá lớn!

Chư vị phải hiểu giáo học trong Phật pháp và Nho gia nhắm đến mục đích nào? Mục đích là cầu Bình, tức là cầu bình an, hòa lạc (hòa thuận, vui vẻ), cầu điều này. Như thế nào thì mới đạt đến mục tiêu giáo học ấy? Thừa cùng quý vị, pháp thế gian và xuất thế gian đều giảng về nhân quả, quý vị thật sự hiểu rõ nhân quả, tâm bèn bình. Đó gọi là “*phú quý yên vui phú quý, nghèo hèn an phận nghèo hèn*”, đã hiểu rõ Lý. Trong Phật pháp nói “quả báo ba đời”. Đời này, ta được phú quý là do đời trước đã tu, nên đời này phải nên đạt được. Đời này ta nghèo hèn là do đời quá khứ chẳng tu, nay bị nghèo hèn là đúng rồi! Vì vậy, đối với kẻ phú quý cũng chẳng hâm mộ, mà cũng chẳng ganh ghét, chẳng oán hận. Chúng ta thường nói

là “*tâm an, lý đắc*”, tâm vì sao an? Đã hiểu rõ đạo lý, tâm ta bèn an. Vì thế, đọc sách nhằm hiểu rõ Lý.

Báo chí hai bữa nay đăng cả nửa trang báo, đăng tải về Tài Thần Pháp⁴⁵ của Mật Tông, chuyên nhân mạnh chuyện cầu phát tài. Nếu [người theo] Mật Tông hể tu pháp Tài Thần bèn phát tài, quốc gia nên thỉnh họ làm Bộ Trưởng Tài Chánh, nhân dân cả nước chẳng cần phải làm việc, hể tu liền có tiền bạc đưa đến, còn phải làm lụng chi nữa? Khoa trương rùm beng! Vì thế báo chí đăng tải những bài quảng cáo ấy đều mắc tội lỗi, vì sao? Đề xướng mê tín, mê hoặc lòng người, phá hoại sự an định và hòa bình trong xã hội, tội ấy rất nặng! Báo chí nhận lệ phí đăng quảng cáo ấy phải gánh trách nhiệm nhân quả!

Đồng tiền xưa kia, ở giữa có lỗ thủng, gọi là “*tiền nhân*” (mắt tiền), nay tôi thấy mọi người đều mê, luôn dốc sức nơi tiền nhân, đổ công sức vào đó vĩnh viễn chẳng thoát ra được, chỉ có đường chết! Đây chẳng phải là sanh lộ, mà là tử lộ! Dồn sức nơi đó, đúng là đáng thương! Chư vị phải hiểu: Giảng giải Mật Tông theo kiểu đó (cầu tài, cầu lộc, cầu quan vị, cầu phú quý, vinh hoa, trường thọ v.v...) là giả, chẳng phải là thật! Mật Tông là Phật pháp, Phật pháp dạy chúng ta buông xuống, Phật pháp dạy chúng ta cầu thanh lương tự tại. Phật pháp chẳng dạy chúng ta mỗi ngày cầu phát tài. Tôi nghe nói: Khi cầu chẳng được, [kẻ hành pháp ấy do tức tối] bèn bừa đầu [tượng] Bồ Tát, chặt thân, đều quăng bỏ. Nếu họ thật sự phát tài bèn cúng dường, còn có những kẻ cầu mà chẳng phát tài bèn muốn đến trả đũa, oán hận càng sâu! Xã hội này đầy ắp tham, sân, si, mạn, toàn là làm những chuyện ấy! Vì thế, chư vị phải biết là xã hội hiện thời đang xuống dốc, chẳng bằng mấy năm trước. Điều này đúng là đáng cho chúng ta kiêng dè!

Vì vậy, chúng ta phải hiểu những mối quan hệ nhân quả, làm thế nào để được bình. Để được bình thì nhất định phải hiểu lý, phải hiểu rõ nhân quả, phải thông hiểu Phật pháp. Nếu hiểu rõ ý nghĩa tinh hoa trong Phật pháp, chúng ta thật sự đạt được cơ sở của sự bình đẳng. Tự tánh của chúng ta là bình đẳng, mức độ mê hay ngộ là bất bình đẳng, nhưng tự tánh là bình đẳng. Do vậy, Lý Túc Phật trong thuyết Lục Túc Phật của tông Thiên Thai là hoàn toàn nói theo tự tánh, chúng sanh và Phật chẳng hai,

⁴⁵ Đây là pháp tu chuyên trì tụng mật chú, quán tưởng, cúng dường Hoàng Tài Thần (Dzambala, Jamabala) của Mật Tông Tây Tạng. Jamabala là tên gọi bằng tiếng Tây Tạng của Bắc Phương Tỳ Sa Môn thiên vương (Vaisravana, Đa Văn Thiên Vương). Mật Tông Tây Tạng quan niệm có năm vị Tài Thần (tương ứng với Ngũ Bộ Phật), nhưng Hoàng Tài Thần được tôn sùng nhất.

vạn pháp nhất như. Đó là nói theo lý luận, quyết định là bình đẳng. Xét theo sự tướng bèn là bất bình đẳng. Xét theo sự tướng, do chúng sanh đang mê, nên họ có tướng bất bình đẳng, tác dụng bất bình đẳng; nhưng xét theo thể tánh, quyết định là bình đẳng. Vì sao Phật tôn trọng hết thảy chúng sanh dường ấy? Phật chẳng thấy tướng, chẳng nhìn vào tác dụng, chẳng chấp tướng, Phật thấy tánh, thấy hết thảy chúng sanh xét theo bản tánh đều là Phật, nên Phật đối với hết thảy chúng sanh chẳng có một ai là không cung kính. Chỉ có kẻ mê hoặc, điên đảo thì mới chẳng cung kính. Người thật sự giác ngộ chẳng hề không cung kính người, kính sự, kính vật, quyết định là cung kính. Thế gian lấy Không lão phu tử làm đại biểu. Quý vị đọc các sách của Không lão phu tử [sẽ thấy] suốt đời, Không lão phu tử xử sự, đãi người, tiếp vật, có bao giờ chẳng cung kính một ai hay không? Từ sách vở, chúng ta chẳng tìm được [chứng cứ nào chứng tỏ Ngài chẳng cung kính], đối với trẻ nhỏ, Ngài cũng cung kính.

Quý vị lại nhìn đức Phật, đọc Thích Ca Phương Chí, Thích Ca Phổ, đó là những bộ truyện ký về Thích Ca Mâu Ni Phật chép từ kinh điển. Quý vị thấy: Thuở tại thế, đức Phật đối với bất cứ một người nào đều chẳng hề không cung kính. Không chỉ đối với người thông thường, mà đối với ngoại đạo Ngài cũng đều cung kính. Lý do cung kính là nhìn từ tự tánh, họ là bình đẳng, hết thảy chúng sanh đều có Phật Tánh, nên đều coi như Phật. Nay họ là một vị Phật mê hoặc, điên đảo, họ mê, ta chẳng mê; họ bất kính, ta phải kính trọng họ. Nếu họ bất kính ta, ta cũng chẳng cần phải kính trọng họ, vậy là họ mê mà ta cũng mê luôn, làm mất rồi! Vì thế nói: Kẻ khác mê, ta không mê. Kẻ khác bất kính ta là chuyện đương nhiên! Nếu kẻ ấy kính trọng ta, chẳng phải là kẻ ấy đã thành Phật ư? Họ là phàm phu, chẳng kính trọng ta là đúng rồi! Mười phần chính xác, chẳng sai tí nào! Ta cũng chẳng kính trọng họ thì trật rồi, chẳng phải là ta cũng mê ư? Phật kính trọng chúng sanh là đúng, chúng sanh chẳng kính trọng Phật cũng đúng, chẳng sai! Hai đảng đều chẳng sai, tâm bèn bình. Vì thế, phải hiểu rõ chân tướng sự thật.

“*Tự tánh vô pháp*”: Pháp (法) là khuyết thiếu, tự tánh chẳng khuyết thiếu, đúng là giống như “*trừ cơ khát đức*” (phẩm đức trừ đói khát), không thiếu khuyết là no đủ. Do vậy, tám câu này hiển thị [lý do] vì sao chúng ta nhất định phải cầu minh tâm kiến tánh, không minh tâm kiến tánh có được hay không? Quý vị mới biết điều tốt đẹp do minh tâm kiến tánh, mới biết chẳng thể không cầu những điều này. Mục đích giáo học Phật pháp nhắm ngay chỗ này, tức là dạy chúng ta minh tâm kiến tánh, dạy chúng ta khai phát Tánh Đức. Tánh Đức là cái quý vị vốn sẵn có. Vốn sẵn có thì lẽ

đâu chẳng thể khai phát? Mê nhiệm vốn là Không. Do vốn là Không, nên chắc chắn có thể lia khỏi, vốn có thì quyết định có thể đạt được. Nhưng công cụ để khai phát, trong các buổi giảng, chúng tôi thường nhắc tới, chính là hiếu kính, đó là công cụ để khai phát. Chẳng có hai chữ ấy, Tánh Đức của quý vị vĩnh viễn chẳng thấu lộ. Do đó, tu học Phật pháp khởi đầu bằng kinh Địa Tạng, Địa là đại địa, tức là tự tánh, Tạng là kho báu, tức là trí huệ và đức năng trong tự tánh, giống như đại địa ẩn tàng nhiều khoáng sản, chúng ta dùng phương pháp nào để khai thác? Công cụ là hiếu kính. Kinh Địa Tạng là Hiếu Kinh của Phật môn, hiếu thảo cha mẹ, tôn trọng thầy thì Tánh Đức mới có thể khai phát.

Cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới cũng xếp hai chữ “hiếu kính” hàng đầu. Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật giảng về phương pháp, lý luận, và nhân quả tu Tịnh Độ, giảng ba chuyện ấy. Vừa mở đầu Tịnh Nghiệp Tam Phước bèn dạy chúng ta: “Hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự sư trưởng, từ tâm chẳng giết, tu Thập Thiện Nghiệp”. Hiếu thân tôn sư được xếp hàng đầu. Không đổ công sức từ chỗ này, làm sao có thể khai phát tự tánh cho được? Cũng có nghĩa là quý vị mong nhất tâm bất loạn, mong minh tâm kiến tánh, mà chẳng đổ công sức nơi đây, sẽ vĩnh viễn chẳng đạt được. Trong quá khứ, có người hỏi pháp sư Ấn Quang, trong Văn Sao có [chép lời hỏi đáp này], người ấy hỏi: “Học Phật có bí quyết gì hay không, có thể dạy chúng con được hay không?” Ấn Quang đại sư nói: Có, đó là hai chữ Thành Kính. “Một phần thành kính được mười phần lợi ích, mười phần thành kính được mười phần lợi ích”. Quý vị chẳng có thành kính thì điều gì cũng chẳng đạt được. Ngài nói hai chữ Thành Kính là “bí thược” (chìa khóa bí mật) để nhập Phật môn. Nếu quý vị thật sự làm được, sẽ có được cái chìa khóa ấy. Quý vị nhìn vào hiện thời, xem lại quá khứ, đọc lịch sử, có người nào thành tựu mà chẳng tán thán thầy, chẳng hoài niệm thầy? Thầy đã mất, người ấy vẫn tán thán, vẫn hoài niệm, ta có thể suy ra khi thầy còn sống, sẽ có thái độ [tôn kính, luyến mộ thầy] như thế nào. Điều này có ý nghĩa rất sâu, hiếu thảo cha mẹ, kính trọng thầy là cửa ngõ để nhập đức. Vì thế, tự tánh hiển hiện, đây mới là đại viên mãn (Mật Tông nói là “đại viên mãn”), còn ở đây nói là “trừ cơ khát đức”.

“Tự tánh xuất sanh nhất thiết vạn thiện, tức trưởng dưỡng đức” (tự tánh sanh ra hết thảy muôn điều thiện chính là phẩm đức trưởng dưỡng). Trưởng dưỡng chur căn, chính là như Lục Tổ đã nói: “Nào ngờ tự tánh, có thể sanh ra vạn pháp”, hết thảy các pháp đều do tự tánh biến hiện. Nay chúng ta bị khuyết thiếu, hãy cầu ở nơi đâu? Cầu nơi tự tánh, đừng cầu từ bên ngoài, cầu bên ngoài chẳng đạt được. Nhà Phật thường nói: “Trong

cửa nhà Phật, có cầu ắt ứng”. Có thể cầu của cải hay không? Có thể. Cầu của cải ở nơi đâu? Cầu từ trong tâm, chẳng phải cầu từ bên ngoài. Hễ là cầu pháp ngoài tâm bèn là ngoại đạo. Phật pháp gọi là Nội Học, chúng ta muốn cầu của cải, đức Phật dạy chúng ta, đoạn tâm tham thì của cải trong tự tánh sẽ lưu lộ. Hiện tại của cải trong tự tánh của quý vị chẳng tỏ lộ vì quý vị có tâm tham ngăn lấp, nên của cải trong tự tánh chẳng thể lưu xuất. Những gì quý vị thụ dụng là bên ngoài, là làm việc vất vả tạm thời, hôm nay ta làm việc kiếm một chút tiền mỗi ngày, rất khổ! Chẳng phải là vật báu trong nhà chính mình. Vật báu trong nhà lấy ra chẳng hết, dùng chẳng cạn, nhưng kẻ ấy chẳng biết! Đóng lấp rồi, chẳng lấy được, chỉ đành làm việc vất vả bên ngoài, khổ chẳng thể nói nổi!

Do vậy, đức Phật dạy chúng ta khai phát bảo tạng trong tự tánh. Đối với tài, xả tài thì của cải tự nhiên hiển lộ viên mãn, chúng thuộc về tự tánh, chẳng đến từ bên ngoài. [Đề cầu] trí huệ thì tu pháp bố thí, chẳng tiếc pháp, những gì ta biết đều rất hoan hỷ chỉ dạy người khác, chẳng giấu nghề. Sợ người khác trong tương lai vượt trội ta, quý vị có ý niệm ấy thì pháp quý vị đã học cũng là pháp tạm thời học ở bên ngoài, chẳng phải là pháp trong tự tánh, pháp bảo trong tự tánh chẳng thấu lộ. Xác thực là “*trong cửa nhà Phật, có cầu ắt ứng*”, câu này nói chẳng sai tí nào! Nếu quý vị cầu đúng lý, đúng pháp, chẳng có gì không ứng. Nếu quý vị trái nghịch lý luận, dùng sai phương pháp, chắc chắn là chẳng cầu được! Do vậy, phải thật sự thâm nhập Kinh Tạng, thông đạt sự lý, tu học đúng giáo, đúng lý, một đời này quý vị nhất định hạnh phúc vô cùng mỹ mãn, đời sau viên thành Phật đạo, quý vị xem như vậy sẽ tự tại biết bao! Hôm nay chúng tôi giảng tới chỗ này!

Tập 143

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang ba trăm lẻ sáu:

(Sao) Hựu tự tánh thuận vạn vật nhi vô tình, thượng hành tắc nhập thánh lưu, thánh vô sở tăng, hạ hành tắc nhập phàm lưu, phàm vô sở giảm, bất biến tùy duyên, châu biến pháp giới, sở vị “lưu chú hoa gian, cập chư lương đồng” giả dã.

(鈔)又自性順萬物而無情，上行則入聖流，聖無所增；下行則入凡流，凡無所減。不變隨緣，周遍法界，所謂流注華間，及諸梁棟者也。

(Sao: Lại nữa, tự tánh thuận theo vạn vật nhưng vô tình. “Chảy lên trên” tức là nhập dòng thánh, thánh chẳng hề tăng. “Chảy xuống” là vào dòng phàm, phàm chẳng bị giảm. Bất biến nhưng tùy duyên, trọn khắp pháp giới. Đó gọi là “chảy luôn trong hoa và các kèo cột” vậy!)

Một chương kinh văn này giảng về “vô tình thuyết pháp”, hiển thị sự thù thắng của thế giới Tây Phương, hữu tình và vô tình cùng tuyên diệu pháp. Đoạn này nói theo lý luận. Có Lý thì mới có Sự. Hễ có Sự, nhất định có căn cứ lý luận. Có thể nói: Trong thế giới Tây Phương, Lý và Sự đều viên dung tột bậc, nên cổ đức thường bảo cảnh giới của kinh Di Đà và cảnh giới trong kinh Vô Lượng Thọ hoàn toàn là cảnh giới Hoa Nghiêm, tức là “tứ vô ngại pháp giới”, Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại, là một pháp giới trọn đủ thập huyền và tứ vô ngại giống như kinh Hoa Nghiêm. Trong quá khứ, cư sĩ Bàn Tế Thanh đã gọi kinh Vô Lượng Thọ là Trung Bản Hoa Nghiêm, điều này rất có lý!

“Thuận vạn vật nhi vô tình giả” (thuận theo vạn vật, nhưng vô tình), “tình” (情) là nói tới hữu tình chúng sanh, tức là động vật, “vô tình” là thực vật và khoáng vật. Đây là cách phân chia của con người hiện thời. Nếu quý vị vạch một giới tuyến thật rõ ràng giữa hữu tình và vô tình sẽ khá khó khăn! Trong thực vật và khoáng vật cũng có hữu tình. Chúng ta phân chia theo các phương diện dễ thấy, bèn gọi những thứ dễ biểu lộ “mừng, giận, buồn, vui” là hữu tình. Đối với những thứ tuy có thể biểu hiện [những cảm xúc ấy], nhưng chẳng rõ rệt cho lắm, chúng ta bèn quy nạp chúng vào vô tình. Nếu chư vị học Duy Thức, sẽ hiểu rõ đạo lý này.

Vì sao khó tách rời? Vì hữu tình và vô tình vốn là một Thể, nên khó tách bạch. Dầu là hữu tình, kinh Kim Cang cũng nói rất hay: “*Phàm những gì có hình tướng, đều là hư vọng*”, “*hết thảy các pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng*”. Nói xuyên suốt, hữu tình lẫn vô tình đều chẳng chân thật, chúng ta nhất định phải hiểu điều này. Thứ gì chân thật? Tự tánh của chúng ta là chân thật, nơi hữu tình chúng sanh, nó được gọi là Phật Tánh, đó là thật, vĩnh viễn chẳng bị biến đổi. Nơi vô tình, nó được gọi là Pháp Tánh. Tuy danh xưng khác nhau, nhưng trên thực tế là cùng một chuyện. Phật Tánh và Pháp Tánh là một tánh, chẳng phải là hai tánh, đó gọi là “*nhất tánh, vô nhị tánh*”. Nói theo kiểu hiện thời, nó chính là Bản Thể như trong triết học đã nói. Trong Phật pháp, bản thể của vạn hữu trong vũ trụ được gọi là Tánh. Hết thảy các pháp đều biến hóa từ Tánh.

Ở nơi ấy (Cực Lạc), tuy là vô tình, nhưng nước có thể chảy lên trên, mà cũng có thể chảy xuống dưới. Trong thế giới này của chúng ta, nước chỉ chảy xuống, chẳng chạy ngược lên. Nước trong cối kia có thể chảy vòng quanh kèo cột, chẳng cần dùng đến sức mạnh của máy móc, nó tự mình chảy ngược lên trên. Ở đây, Liên Trì đại sư giải thích, nước chảy lên trên giống như chúng ta nhập bốn thánh pháp giới, dự vào hàng thánh nhân, đó gọi là “*thượng hành tắc nhập thánh lưu*”. “*Chân Như tùy tịnh duyên, tắc vi tứ thánh*” (Chân Như thuận theo tịnh duyên bèn trở thành bốn thánh pháp giới). Ở đây có ý nghĩa biểu thị pháp. Vì sao có lục phàm và tứ thánh? Do Chân Như bốn tánh của chúng ta tùy duyên, tùy thuộc quý vị thuận theo duyên nào. Quý vị thuận theo tịnh duyên bèn là thánh nhân, thuận theo nhiễm duyên bèn là phàm phu. Trong nhiễm duyên có thiện và ác; thuận theo thiện duyên bèn là ba thiện đạo, thuận theo ác duyên thì là ba ác đạo. Có thể thấy Phật pháp nói hết thảy các pháp được gọi là “*duyên sanh*”, điều này rất có lý. Trên thực tế, mâu chốt của mười pháp giới là duyên, tức là “*tùy duyên*”. Bất luận quý vị tùy thuận duyên nào, Chân Như bốn tánh bất biến. Quý vị tùy thuận thánh duyên, “*thánh vô sở tăng*”, [nghĩa là] Chân Như bốn tánh của quý vị trọn chẳng tăng thêm một chút gì. Quý vị thuận theo nhiễm duyên, bèn đọa lạc, trở thành phàm phu, nhưng Chân Như bốn tánh của quý vị cũng chẳng giảm chút nào!

Nhìn từ bốn tánh, Phật và chúng sanh quyết định là bình đẳng, bốn tánh của Phật chẳng nhiều hơn chúng ta chút nào, mà bốn tánh của bọn phàm phu chúng ta cũng chẳng ít hơn Phật tí nào, hoàn toàn như nhau! Bốn tánh của chúng sanh trong địa ngục A Tỳ và bốn tánh của Thích Ca Mâu Ni Phật hay A Di Đà Phật cũng là chẳng hai, chẳng khác, giống hệt

như nhau. Vì thế, Phật thành Phật, thành Phật là kiến tánh, thấy tự tánh của hết thảy vạn pháp. Nói theo [phương diện] kiến tánh, hết thảy chúng sanh cùng thành Phật đạo. Ta đã thành Phật, mọi người đều thành Phật, vì sao mọi người đều thành? Vì ta thấy tự tánh của mọi người hoàn toàn như nhau; tôi đã thành Phật, vậy thì quý vị cũng thành Phật. Nếu nói “tôi thành Phật, quý vị chưa thành Phật”, [tức là] vẫn chưa kiến tánh. Trong Thiên Tông thường nói “*minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật*”, thành Phật là kiến tánh, kiến tánh là thành Phật. Đây là thấy bản lai diện mục của hết thảy chúng sanh, chẳng còn thấy giả tướng nữa!

Sau khi kiến tánh, tướng cũng biến. Nói thật ra, trọn chẳng phải là thật sự biến, mà là người kiến tánh biết trạng huống chân thật của hết thảy các tướng, nên gọi là “*thấy Thật Tướng*”. Có tướng nào chẳng phải là Thật Tướng? Đều là Thật Tướng! Khi chưa kiến tánh, “*phàm những gì có tướng đều là hư vọng*”, tướng hư vọng. Sau khi đã kiến tánh, “*phàm những gì có tướng đều là Thật Tướng*”, lạ lùng thay! Đều là Thật Tướng. Nói xuyên suốt thì chẳng có chút kỳ quái nào! Vì sao chẳng kỳ quái? Vì Thật Tướng chính là tướng hư vọng, tướng hư vọng mới là Thật Tướng. Thay đổi danh từ, chữ Thể, Tướng, Dụng (tác dụng) đích xác là hoàn toàn chẳng đổi khác. Đó là một đàng đang mê, khi quý vị mê, bèn bảo quý vị “*tướng là hư vọng*”. Nếu quý vị đã ngộ, đã ngộ tướng thì tướng vẫn là hình trạng như vậy. Vì lẽ đó, tướng cũng là bất tăng, bất giảm, cũng chẳng bị biến đổi; nhưng cách nhìn giữa mê và ngộ khác nhau! Kẻ mê chấp trước, kẻ mê tạo nghiệp, rất khổ sở, có phiền não, có ưu lự, có vương mắc, rất khổ sở! Người giác ngộ thì hết thảy phiền não, ưu lự, vương mắc, thảy đều chẳng có, nên người ấy biết hết thảy các tướng. Hết thảy các tướng có cùng một hình trạng, nên gọi là Thật Tướng.

“*Bất biến tùy duyên, châu biến pháp giới*” (bất biến nhưng tùy duyên, trọn khắp pháp giới) là nói về Chân Như bản thể. Bản thể vĩnh viễn không thay đổi; bất luận quý vị thành Phật, hay thành Bồ Tát, hoặc đang luân hồi trong lục đạo, [Chân Như bản thể] quyết định chẳng biến đổi. Không chỉ chẳng biến đổi, mà trước nay chẳng động, trước nay chẳng nhiễm. Khi Lục Tổ kiến tánh đã nói: “*Nào ngờ tự tánh vốn thanh tịnh*”, “*nào ngờ tự tánh vốn chẳng lay động*”. Chẳng có đến, đi, chẳng có sanh diệt, đó là thật. Đúng là bất động! Phàm những gì động thì đều là hư vọng. Chân tâm bất động! Cái tâm của chúng ta có niệm; hễ tâm có niệm bèn là vọng tâm, chẳng phải là chân tâm. Định là chân tâm, tâm đã định. Trong tâm chẳng có niệm, tâm liền định, định là chân tâm. Nó có thể tùy thuận

hết thấy các duyên nhiễm hay tịnh, lại còn trọn khắp mười phương thế giới, quý vị thấy tự tánh to cỡ nào!

Nếu quý vị hiểu rõ chuyện này, thế giới Tây Phương cách xa chúng ta mười vạn ức cõi Phật há thấm vào đâu? Thế giới Tây Phương chẳng ở ngoài tự tánh, đều ở trong tự tánh. Trong tự tánh, quý vị chỉ động một niệm, toàn thể tự tánh chẳng có mảy may “cách chướng”, [nghĩa là] chẳng có gián cách (gián đoạn, ngăn cách), chẳng có chướng ngại! Vì thế, quý vị vừa động một niệm bèn tới mười phương hằng sa chư Phật quốc độ. Quý vị nói xem: Tốc độ nhanh chóng ngàn ấy! Nói thật ra, nói tốc độ như thế vẫn là lời lẽ gạt người, [vì] căn bản là chẳng có tốc độ! Nó là chuyện trong tự tâm của chính quý vị, chẳng phải là chuyện ở ngoài tâm. Đây là nói rõ [ý nghĩa biểu thị pháp của chuyện] “*lưu chú hoa gian, cập chư lương đông*” (chảy vòng quanh trong hoa và các kèo cột), tức là nước chảy lên trên.

(Sao) Vĩnh Minh vân: “Thủy hữu thập đức, đồng chân tánh cố”, ý chánh như thị. Định thủy trạm nhiên mãn, dục thử vô cấu nhân, vô cấu, diệc vô tịnh, thị danh “bát công đức”.

(鈔) 永明云：水有十德，同真性故，意正如是。定水湛然滿，浴此無垢人，無垢亦無淨，是名八功德。

(Sao: Ngài Vĩnh Minh nói: “Nước có mười đức vì có cùng một tánh với Chân Như”, chính là ý nghĩa này. Nước Định lắng trong, tràn đầy, người tắm nước ấy bèn chẳng có trần cấu, mà cũng chẳng nhơ, chẳng sạch, nên gọi là “tám công đức”).

Vĩnh Minh đại sư bảo “*thủy hữu thập đức*”, tức là [nước trong cõi Cực Lạc] có mười loại công đức. Trong phần trước, chúng ta nói tám công đức, tức là tám thứ, lão nhân gia tăng thêm hai thứ, đó là ý nghĩa viên mãn. “Mười” tượng trưng cho sự viên mãn. Kinh Hoa Nghiêm thường dùng “mười” để biểu thị sự viên mãn, tức là công đức viên mãn. “*Đồng chân tánh cố*” [nghĩa là] giống như Chân Như bản tánh, chẳng bị khiếm khuyết mảy may. [Do lời ngài Vĩnh Minh] có ý nghĩa tương đồng [với những điều đang được trình bày ở đây, nên bảo là] “*ý chánh như thị*”.

“*Định thủy trạm nhiên mãn, dục thử vô cấu nhân*”, hai câu này trích từ kinh Duy Ma. “*Định thủy*” là nước tám công đức, nói đến chuyện người trong Tây Phương Cực Lạc thế giới tắm rửa trong ao bảy báu. Kinh Vô Lượng Thọ đã giảng rất rõ ràng, người trong thế giới Tây Phương là “*thanh hư chi thân, vô cực chi thể*” (thân thanh hư, thể vô cực), thân thể

há có dơ bẩn? Chẳng thể nào có chuyện đó! Không chỉ là thân chẳng dơ bẩn, mà quần áo cũng chẳng bị dơ bẩn, chẳng nhiễm mảy trần, chắc chắn chẳng cần giặt quần áo. Không chỉ Tây Phương Cực Lạc thế giới là như vậy, mà chư thiên cũng như thế. Y phục của chư thiên Dục Giới chẳng bị dơ bẩn. Trong kinh, đức Phật đã dạy: Trong năm tướng suy của Dục Giới Thiên, có tướng quần áo dơ bẩn. Chư thiên Dục Giới thấy y phục của chính mình dơ bẩn liền đau khổ tột bậc, khổ não xảy tới liền. Ở nơi đây, quần áo chúng ta bị bẩn chẳng sao cả, nhưng quần áo của họ bị bẩn là điềm báo họ sắp chết, thọ mạng sắp chấm dứt, nên họ hết sức đau đớn, lo nghĩ! Trời và người trong thế giới Cực Lạc thọ vô lượng. Thọ mạng ấy là vô lượng chân thật, chẳng phải là vô lượng hữu hạn!

Phải niệm kinh Vô Lượng Thọ nhiều lượt thì quý vị mới nhận biết, mới liễu giải Tây Phương Tịnh Độ, chúng ta phải thật sự phát nguyện cầu sanh, quyết định thành tựu trong một đời này, chẳng có mảy may hoài nghi. Chúng ta phát tâm ở nơi đây, A Di Đà Phật liền biết. Không chỉ A Di Đà Phật biết, mà mỗi người trong Tây Phương Cực Lạc thế giới đều biết. Họ đều có Thiên Nhãn, Thiên Nhĩ, Tha Tâm Thông, Túc Mạng Thông, chúng ta khởi tâm động niệm họ đều biết. Nếu ý niệm của chúng ta kiên quyết, tới lúc đó, họ nhất định đến tiếp dẫn vãng sanh. Vì sao có lòng tự tin kiên cường ngàn ấy? Dựa vào chuyện này: Chúng ta khởi tâm động niệm, người ta liền biết rành rẽ. Do đó, chỉ cần quý vị thật sự phát tâm, Phật chẳng khi nào không đến tiếp dẫn, chẳng có chuyện Phật, Bồ Tát không gia trì. Trừ khi quý vị chẳng trọn đủ tín tâm, vừa niệm Phật, vừa mong vãng sanh, vừa sợ “do nghiệp chướng sâu nặng, nên chẳng thể vãng sanh”, [hoặc hoài nghi] Tây Phương Cực Lạc thế giới rốt cuộc là thật hay giả? Vấn đề bèn to lớn! Gần đây, trong các trước tác của người Nhật, họ có cách nhìn hoài nghi đối với kinh điển Tây Phương Tịnh Độ. Đọc những tác phẩm của họ, tín tâm của chúng ta bị dao động toàn bộ. Vì thế, chớ nên đọc [những tác phẩm ấy]. Trước tác của con người hiện thời toàn là bịa đặt, đồn thổi; đọc những thứ ấy, chắc chắn bị hại. Có thời gian [rảnh rỗi], hãy đọc sách của cổ nhân. Trong sách của cổ nhân cũng là chuyên tu Tịnh Độ. Quý vị đọc năm kinh là đủ rồi, chẳng cần đọc những thứ khác, quyết định vãng sanh! Thậm chí, kinh gì ta cũng đều chẳng muốn xem, mà cũng chẳng muốn nghe, ta niệm một câu A Di Đà Phật đến cùng, vẫn được! Quý vị cũng quyết định vãng sanh. Những trường hợp như vậy rất nhiều! Có thể thấy điều này chắc chắn chẳng phải là giả!

Theo cách giải thích thông thường, nước có tác dụng thanh khiết. Nước trong mát, và cũng có tác dụng tiêu trừ năng gát. “*Cổ thích vân:*

Thủy chi vi dụng, trừ cấu, khử nhiệt, giải thoát chi tánh diệt nhiên” (Cô nhân giải thích: “Nước có tác dụng trừ dơ, khử nóng, tánh của giải thoát cũng giống như thế”), cũng có điểm giống nhau. Trong bốn tánh có ba đức là Pháp Thân, Bát Nhã, Giải Thoát. Giải Thoát là tự tại. “*Giải thoát chi trung, Định Huệ ý túc, trạm nhiên mãn hĩ*” (trong Giải Thoát, ý Định Huệ trọn đủ, nên lắng trong, đầy tràn). Trong Giải Thoát nhất định là “*Định Huệ ý túc*”. Quý vị chẳng có Định, chẳng có Huệ, làm sao đạt được tự tại? Đó là đạo lý nhất định. Tiểu Thừa A La Hán có Cửu Thứ Đệ Định. Tuy chúng ta nói họ chưa khai trí huệ, tức là trí huệ Bát Nhã chưa khai, nhưng trí huệ của A La Hán cao hơn chúng ta rất nhiều, chúng ta đừng mong bèn gót họ! Họ có sáu món thần thông; nói thật ra, nói “*thần thông*” là nói tới tác dụng của trí huệ. Họ có Thiên Nhãn, Thiên Nhĩ, Túc Mạng, biết năm trăm đời quá khứ, biết năm trăm đời vị lai. Chuyện ngày hôm qua có khi chúng ta quên bẵng, chuyện ngày mai hoàn toàn không biết, nhưng họ biết quá khứ và vị lai, [do tác dụng của] trí huệ đầy mà! Trí huệ sanh từ trong Định, cũng chính là tác dụng của Định, nên nhất định là “*Định Huệ ý túc*”. “*Định thủy trạm nhiên mãn*”, “*trạm nhiên*” (湛然) nghĩa là thanh tịnh, “*mãn*” là “*mãn túc*” (満足: trọn đủ, thỏa thích).

“*Dục thử vô cấu nhân*”, người trong Tây Phương Cực Lạc thế giới thanh tịnh, đều là Bồ Tát, vì sao vẫn phải thường xuyên đến tắm gội trong ao bảy báu? Đại Kinh đã giảng rất rõ ràng, công đức của nước ấy vô cùng to lớn. Tuy các vị Bồ Tát trong Tây Phương Cực Lạc thế giới trọn chưa đoạn hết vô minh phiền não, nước ở cõi này chỉ có công đức gột sạch những thứ dơ bẩn trên thân chúng ta, chẳng thể gột trừ phiền não trong bốn tánh. Nước trong Tây Phương Cực Lạc thế giới là “*tánh thủy*”, có thể gột sạch mê hoặc, điên đảo, tà tri, tà kiến trong tự tánh, có thể gột sạch những thứ ấy. Chúng ta là kẻ đời nghiệp vãng sanh, Trần Sa, Kiến Tư thấy đều còn nguyên, một phẩm Vô Minh cũng chẳng đoạn, sang bên đó, nhất định phải thường xuyên tắm gội, đạo lý là như thế đó. Đẳng Giác Bồ Tát cũng tắm rửa trong ấy, vì sao? Ngài còn có một phẩm Sanh Tướng Vô Minh chưa đoạn, nguyên nhân là ở chỗ này! “*Vô cấu, diệt vô tịnh*”: Cấu và Tịnh cùng mất, đó mới là công đức chân thật. Đoạn này bàn luận xứng tánh, nghĩa lý hết sức sâu xa. Có những đạo lý này để duy trì những sự thật đã nói trong phần trước, chúng ta rất dễ thấu hiểu. Lại xem tiếp khoa thứ hai.

Nhị, giai các.

二、階閣。

(Hai, thêm bậc, lầu gác).

“Các” là lầu gác, “giai” là giai đạo (階道: thêm bậc và lối đi), nói tới những thứ ở bên cạnh ao bảy báu.

(Kinh) *Tứ biên giai đạo, kim, ngân, lưu ly, pha lê hợp thành. Thượng hữu lầu các, diệp dĩ kim, ngân, lưu ly, pha lê, xa cừ, xích châu, mã não nhi nghiêm sức chi.*

(Sớ) *Tứ biên giả, trung vi trì thủy, châu vi tứ biên vi giai đạo dã.*

(經) 四邊階道。金銀琉璃玻璃合成。上有樓閣，亦以金銀琉璃。玻璃碑磬。赤珠瑪瑙。而嚴飾之。

(疏) 四邊者，中為池水，周圍四邊為階道也。

(Kinh: Bốn bên là bậc lên xuống, đường đi, do vàng, bạc, lưu ly, pha lê hợp thành. Phía trên có lầu gác, cũng dùng vàng, bạc, lưu ly, pha lê, xa cừ, xích châu, mã não để trang hoàng).

Sớ: “Bốn bên”: Chính giữa là nước ao, vây quanh bốn bên là bậc lên, lối đi).

Chính giữa là ao bảy báu. Vây quanh bốn phía ao bảy báu là bậc lên xuống và lối đi.

(Sớ) *Kim giả, Phạn ngữ Tô Phật La. Ngân giả, Phạn ngữ A Lô Ba.*

(疏) 金者，梵語蘇伐羅。銀者，梵語阿路巴。

(Sớ: Vàng, tiếng Phạn là Tô Phật La (Suvarṇam); bạc, tiếng Phạn là A Lô Ba (Rūpyam)).

Những thứ này được người Trung Quốc phiên dịch là “kim, ngân”.

(Sớ) *Lưu ly giả, thứ vân Thanh Sắc Bảo.*

(疏) 琉璃者，此云青色寶。

(Sớ: Lưu ly, cõi này dịch là Thanh Sắc Bảo).

“Lưu ly” (Vaidūryam) nay được gọi là ngọc Phi Thúy (Jadeite), loại ngọc này màu xanh, là một loại bảo thạch rất quý giá, nổi tiếng.

(Sớ) *Pha lê giả, thứ vân Thủy Ngọc.*

(疏) 玻璃者，此云水玉。

(Sớ: “Pha lê”, côi này dịch là Thủy Ngọc).

Nay chúng ta gọi Pha Lê (Sphaṭikāḥ) là thủy tinh.

(Sớ) 𧄲 cừ giả, thử vân Đại Bối.

(疏) 碑磬者，此云大貝。

(Sớ: “Xa cừ”(Musaragva), côi này dịch là Đại Bối).

Đây là vỏ [của một loại] sò. Vỏ sò cũng có thể làm thành vật trang sức rất quý giá, nổi tiếng.

(Sớ) 𧄲 châu giả, Phạn ngữ Bát Ma La Già. Mã não giả, Phạn ngữ Bát Ma La Già Lê.

(疏) 赤珠者，梵語鉢摩羅伽。瑪瑙者，梵語鉢摩羅伽隸。

(Sớ: “Xích châu”, tiếng Phạn là Bát Ma La Già (Padmarāgaḥ), “mã não”, tiếng Phạn là Bát Ma La Già Lê).

Xích Châu là một thứ xích trùng châu⁴⁶. Mã Não tương đối phổ biến, ở Trung Hoa cũng có thứ này. Kinh thường gọi những thứ này là “thất bảo”.

(Sớ) 𧄲 tư thất bảo trang nghiêm hiệu sức dã.

(疏) 以斯七寶莊嚴較飾也。

(Sớ: Dùng bảy thứ báu ấy để trang hoàng đẹp đẽ).

Bạc lên, lồi đi, lồi gác đều trang hoàng bằng bảy báu.

(Sao) 𧄲 đạo giả, ly địa viết 𧄲, 坦途 𧄲 道。

(鈔) 階道者，離地曰階，坦途曰道。

(Sao: “Giai đạo”, nhô lên khỏi mặt đất là Giai (bạc thêm), đường phẳng gọi là Đạo).

⁴⁶ Trùng Châu là một loại trùng theo truyền thuyết. Theo sách Cách Trí Cảnh Nguyên, loại trùng này có sáu chân, hai mắt, sinh ra một thứ ngọc, phần nhiều có sắc đỏ, nên gọi là Xích Trùng Châu hoặc gọi tắt là Xích Châu.

“Giai” là cầu thang, bậc cấp.

(Sao) *Lâu các giả, trùng ốc viết Lâu, sầm lâu viết Các.*

(鈔) 樓閣者，重屋曰樓，岑樓曰閣。

(Sao: “Lâu các”: Nhà nhiều tầng là Lâu, lầu cao nhất là Các).

Nói thật ra, Các và Lâu giống nhau, chỉ là cách thức xây dựng khác nhau.

(Sao) *Như Quán Kinh ngôn: “Hoàng kim địa thượng, nhất nhất bảo trung, ngũ bách sắc quang, kỳ quang như hoa, thành quang minh đài, lâu các thiên vạn, bách bảo hợp thành”. Đại Bản vân: “A Di Đà Phật, giảng đường, tinh xá, cung điện, lâu các, giai dĩ thất bảo, thẳng w thử giới đệ lục thiên thượng Thiên Đế sở cư, bách thiên vạn bội. Bồ Tát sở cư, diệc phục như thị. Chư thiên cập nhân, cung vũ, lâu các, xứng kỳ hình sắc cao, hạ, đại, tiểu, hoặc dĩ nhất bảo, nhị bảo, chí vô lượng bảo”.*

(鈔) 如觀經言：黃金地上，一一寶中，五百色光，其光如華，成光明臺，樓閣千萬，百寶合成。大本云：阿彌陀佛，講堂精舍，宮殿樓閣，皆以七寶，勝於此界第六天上天帝所居，百千萬倍；菩薩所居，亦復如是；諸天及人，宮宇樓閣，稱其形色高下大小，或以一寶二寶，至無量寶。

(Sao: *Như Quán Kinh nói: “Vàng ròng phủ đất, trong mỗi thứ báu, có năm trăm tia sáng có màu. Quang minh ấy giống như hoa, hợp thành đài quang minh. Lâu gác số đến ngàn vạn, do trăm thứ báu hợp thành”. Kinh Đại Bản chép: “Giảng đường, tinh xá, cung điện, lầu gác của A Di Đà Phật đều bằng bảy báu, trôi vượt chỗ ở của Thiên Đế trong tầng trời thứ sáu trăm ngàn vạn lần. Chỗ ở của Bồ Tát cũng giống như thế. Cung điện, lầu gác của chư thiên và nhân loại tương xứng với hình sắc của họ mà cao, thấp, lớn, nhỏ, hoặc do một thứ báu, hai thứ báu, cho đến vô lượng thứ báu [hợp thành]”).*

Những đoạn kinh văn này đều là đại sư trích dẫn kinh luận hồng giảng rõ trạng huống trang nghiêm khôn sánh trong Tây Phương Cực Lạc thế giới. [Phần đầu] trong đoạn này là những điều được nói trong kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật. “Hoàng kim địa thượng”, trên mặt đất, người ta lót đường chẳng phải bằng nhựa đường mà bằng vàng ròng! Tài nguyên

trong thế giới đó phong phú ngàn ấy! Hiện thời, trong thế giới của chúng ta, vàng là kim loại hiếm có, mọi người thấy nó rất quý báu, nhưng trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, vàng ở khắp mọi nơi, dùng để lót đường! Kinh cho biết: Dem loại vàng tốt nhất trong thế giới này sánh với vàng trong thế giới Cực Lạc thì ngay cả đồng cũng còn chẳng bằng! Độ tinh thuần của vàng bên chỗ người ta quá tốt đẹp, quá thuần. Đất trong cõi chúng ta là bùn, cát, đá, là đất lẫn đá; đất của người ta ở bên kia là đất lưu ly. “*Nhất nhất bảo trung*” (trong mỗi thứ báu), trên đất bằng vàng còn khảm nhiều thứ trân bảo hiếm có, tạo thành đồ trang sức trên đường, giống như đường đi của chúng ta phải kẻ đường chia tuyến, đèn chiếu buổi tối phải tỏa ánh sáng. Người ta dùng châu bảo để làm vạch ngăn chia, tự nhiên tỏa quang minh. Trong mỗi món báu có “*năm trăm ánh sáng có màu, quang minh ấy giống như hoa*”. Vạch chia đường tỏa ánh sáng giống như hoa, hình dung sự đẹp đẽ tột bậc, “*thành quang minh đài*”.

“*Lâu các thiên vạn, bách bảo hợp thành*” (lâu gác số đến ngàn vạn, do trăm thứ báu hợp thành), “*bách bảo*” là vật liệu để xây dựng lâu các. Vật liệu xây dựng ở chỗ chúng ta là xi-măng, cốt thép. Nay chúng ta có được một tí trân bảo bèn coi là rất quý báu, đeo trên thân như đồ trang sức. Người trong Tây Phương Cực Lạc thế giới trông thấy sẽ [cảm thấy] rất buồn cười, đó là vật liệu xây dựng của họ. Chúng ta đeo một cái vòng vàng khá to [bền rất hãnh diện], đó là thứ họ dùng để lót đường! Nay đức Phật dạy chúng ta phải bỏ sạch hết thảy những thứ tạp nhạp trong thế gian này, sau khi bỏ sạch sẽ đến Tây Phương Cực Lạc thế giới hưởng thụ, đó là vĩnh viễn chân thật. Xưa kia, văn nhân hình dung cung điện của đế vương là “*lan điêu, ngọc thê*” (lan can chạm trổ, bậc thềm bằng ngọc). Chúng ta đến Bắc Kinh viếng hoàng cung, có phải là thềm ngọc hay chẳng? Chẳng có, bất quá là đá Đại Lý⁴⁷ chạm khắc, gọi hoa mỹ là “thềm ngọc”! Há có lấm ngọc đường ấy? Chẳng có! Nhưng đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, [thềm ngọc, tường ngà] sẽ là thật, chẳng giả tí nào! Vì thế, từ chỗ này, quý vị thấy tài nguyên trong Tây Phương Cực Lạc thế giới phong

⁴⁷ Đá Đại Lý là một loại đá hoa (cảm thạch) vốn phát xuất từ vùng Đại Lý của tỉnh Vân Nam, thường có màu từ trắng đục đến xám nhạt. Về sau, tất cả các loại cảm thạch đều được gọi chung là “đá Đại Lý”. Tùy theo vân đá có màu sắc, hình thái khác nhau, mà lại chia thành rất nhiều loại nhỏ, như Đan Đông Lục (vân đá có tia đỏ lẫn xanh đậm), Thiết Lãnh Hồng, Tuyết Hoa Bạch, Ngải Diệp Thanh, Thu Cảnh, Hải Lãng v.v... Loại đá này bền chắc, lại dễ điêu khắc, nên rất được ưa chuộng trong các công trình xây dựng mỹ thuật, chế thành những vật dụng thượng ngoạn như bình phong, nghiên mực, bình hoa, lò hương, giá treo bút v.v...

phú. Do vậy, ở bên đó chỉ là vui sướng, chẳng có khổ sở! Mỗi người đến đó đều có thể thành tựu, vấn đề là chính quý vị có chịu đến đó hay không? Vì lẽ đó, đến thế giới Cực Lạc dễ dàng, chứ đến nước Mỹ xin được quyền cư trú vẫn chẳng dễ dàng cho lắm!

“*Đại Bản vân*” (Kinh Đại Bản nói), Đại Bản là kinh Vô Lượng Thọ, “*A Di Đà Phật, giảng đường, tinh xá, cung điện, lầu gác, giai dĩ thất bảo*” (giảng đường, tinh xá, cung điện, lầu gác của A Di Đà Phật đều bằng bảy báu), đều tạo bằng thất bảo. Điều này giống hệt như Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh đã nói. Chỗ khác biệt là như dưới đây: “*Thăng u thử giới đệ lục thiên thượng Thiên Đế sở cư, bách thiên vạn bội*” (Trỗi vượt chỗ ở của Thiên Đế trong tầng trời thứ sáu của cõi này trăm ngàn vạn lần), đơn giản là chẳng thể so sánh! Đệ Lục Thiên là tầng trời cao nhất trong Dục Giới, tức là Tha Hóa Tự Tại Thiên (Parinirmita-vaśavartin). Phước báo của Tha Hóa Tự Tại Thiên Vương vô cùng to lớn, hết thấy chẳng cần chính mình phải tự lo liệu, hết thấy sự hưởng thụ hễ nghĩ tới bèn xuất hiện. Nghĩ tới thứ gì, nó bèn ở trước mặt; chẳng cần thì nó sẽ chẳng còn nữa. Đó là Tha Hóa Tự Tại Thiên. Tầng trời thứ năm là Hóa Lạc Thiên (Nirmānarati), phước báo của Hóa Lạc Thiên rất lớn, nhưng những thứ để họ hưởng thụ do chính mình biến hóa tạo ra. Họ vẫn phải biến hóa, nhưng Đệ Lục Thiên chẳng cần phải tự mình biến hóa, những thứ ấy do đâu mà có? Do Đệ Ngũ Thiên biến hóa cúng dường họ. Tây Phương Cực Lạc thế giới cũng là như vậy, hết thấy chẳng cần do chính mình biến hóa, nhưng trong tâm chính mình vừa động niệm, tự nhiên liền biến hóa cho quý vị thụ dụng. Ai biến hóa cho quý vị? Tuyệt diệu thay! Chẳng phải do Đệ Ngũ Thiên biến hóa, mà do A Di Đà Phật biến hóa để cúng dường quý vị, thật sự chẳng thể nghĩ bàn! Đệ Ngũ Thiên há có năng lực to như A Di Đà Phật? Đây là đạo lý nhất định! Vì thế, sự thụ dụng của họ trong cõi kia tuyệt đối chẳng phải là Tha Hóa thiên vương có thể sánh bằng!

Câu tiếp theo hết sức quan trọng: “*Bồ Tát sở cư, diệc phục như thị*” (chỗ ở của Bồ Tát cũng giống như thế). Câu này quan trọng như thế nào? Trong phần trước đã nói về giảng đường, tinh xá của A Di Đà Phật. Khi chúng ta đến nơi ấy, nhà cửa để chúng ta ở sẽ là như thế nào? Câu này có liên quan đến chúng ta. Hễ là người sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, ai nấy đều là Bồ Tát. Từ bốn mươi tám nguyện trong kinh Vô Lượng Thọ, chư vị có thể thấy điều này! Thấy đều là Bồ Tát. Đối với hàng Bồ Tát đang được nói ở đây, chúng ta có phần. Hạ hạ phẩm vãng sanh cũng là Bồ Tát! Ở bên ấy, chẳng có mười pháp giới, chỉ có một pháp giới, [tức là] Bồ Tát pháp giới. Quý vị ở trong cung điện hoặc lầu gác hoàn toàn giống như A

Di Đà Phật, [kinh đã dạy rõ] “*diệc phục như thị*” (cũng giống như thế) mà! Bởi lẽ đó, thế giới ấy là một thế giới bình đẳng, chẳng giống các cõi nước của hết thầy chú Phật trong mười phương. Mười phương các cõi Phật do nghiệp lực biến hiện; do nghiệp lực của mỗi cá nhân khác nhau, nên hoàn cảnh y báo và chánh báo của quý vị khác hẳn. Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng phải do nghiệp lực, mà là xứng tánh, do tánh đức biến hiện, tánh là bình đẳng. Phật Tánh và chúng sanh tánh bình đẳng, từ trong tự tánh hiển hiện, đương nhiên giống hệt nhau, quyết định chẳng sai khác, nguyên lý ở chỗ này! Tây Phương Cực Lạc thế giới là Pháp Tánh Độ, còn các quốc độ trong mười phương thế giới là Tướng Phần của A Lại Da Thức nên khác nhau, cảm nhận của mỗi người đều khác nhau!

“*Chư thiên cập nhân, cung vũ, lâu các, xứng kỳ hình sắc cao, hạ, đại, tiểu, hoặc dĩ nhất bảo, nhị bảo, chí vô lượng bảo*” (cung điện, lầu gác của chư thiên và nhân loại xứng hợp với hình sắc của họ mà cao, thấp, lớn, nhỏ, hoặc dùng một thứ báu, hai thứ báu, cho đến vô lượng thứ báu [hợp thành]). Câu này nêu rõ “*trong đồng, có bất đồng*”, đến nơi ấy, hết thầy sự thụ dụng tự tại giống như A Di Đà Phật, Quán Âm, Thế Chí, nhưng trong sự giống nhau, còn có đôi chút bất đồng, bất đồng ở chỗ nào? Bất đồng ở chỗ lầu gác cư trụ lớn hay nhỏ, khác nhau ở chỗ này. Chất liệu lầu gác hoàn toàn giống nhau, lầu gác A Di Đà Phật bằng bảy báu, quý vị ở trong lầu gác cũng bằng bảy báu. Có thể là lầu gác của A Di Đà Phật to hơn, lầu gác của quý vị nhỏ hơn. Còn có lầu gác của những vị đại Bồ Tát có thể thăng lên không trung, lầu gác của quý vị chẳng thăng lên được, chỉ đành ở trên mặt đất. Trừ điều đó ra, chẳng có gì khác, hoàn toàn giống nhau.

Vì sao ở chỗ này có đôi chút sai biệt? Là vì tập khí phiền não của chúng ta ở nơi đây dày hay mỏng khác nhau. Tập khí phiền não mỏng, [tức là những người] đặc nhất tâm bất loạn trở lên, lầu gác có thể cao lớn tự tại, cao lớn thuận theo lòng muốn. Từ thế giới Sa Bà của chúng ta vừa mới sanh về đó, một phẩm phiền não còn chưa đoạn, e rằng chẳng thể cao lớn tùy ý. Đến nơi ấy, hoàn cảnh cư trụ là do công phu tu hành của chúng ta trong hiện tại [cảm vời], phải biết điều này, giống như nói tùy thuộc phẩm vị [vãng sanh] của quý vị mà [lầu gác, cung điện] lớn hay nhỏ khác nhau. Trừ điều này ra, kinh đã nói rõ ràng, tương tợ “*chẳng khác gì nhau*”. Do vậy, hiện thời, nhất định phải nghiêm túc niệm Phật. Công phu niệm Phật của quý vị siêng năng, công phu đặc lực, nói “*công phu đặc lực*” tức là Phật hiệu của quý vị thật sự có thể chế phục phiền não. Có năng lực ấy, quý vị đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, hoa sen của quý vị liền to, đương

nhiên cung điện và lầu gác của quý vị cũng to. Hoa to, lầu gác to; hoa bé, lầu gác nhất định cũng bé theo, chắc chắn là tuân theo tỷ lệ thuận. Do vậy, phải nghiêm túc niệm Phật, phải niệm cho hết tập khí vô minh phiền não của chính mình, đó là chân thật, chính quý vị có thể vĩnh viễn đạt được.

Trong thế gian hiện thời, tất cả hết thảy những thứ trong thế gian quý vị đều chẳng đạt được. Tục ngữ có câu: “*Sanh chẳng mang gì đến, chết chẳng đem gì đi*”. Không chỉ là vật ngoài thân quý vị chẳng đạt được, mà thân thể cũng chẳng phải là của chính mình, quý vị cũng chẳng đạt được! Quý vị mới hiểu: Chẳng có thứ gì trong thế gian này là của chính mình, kể cả cái thân xác thịt cũng chẳng phải, đều là giả, hư huyền, chẳng phải là thực tại, chúng ta chớ nên coi trọng những thứ ấy! Khi nào phải nên buông xuống bèn buông xuống, giữ lấy thứ chân thật, thứ gì trong Tây Phương Cực Lạc thế giới cũng đều là chân thật, vì sao? Xứng tánh, y báo và chánh báo trang nghiêm chẳng có gì không xứng tánh. Tánh là chân thật, nên cõi ấy là cõi Pháp Tánh. Người thông minh phải biết giữ lấy cõi Pháp Tánh, cũng là nhất định phải giữ lấy Tây Phương Cực Lạc thế giới. Phần kế tiếp nói về cây báu số lượng bao nhiêu, chúng đều thuận theo lòng mong muốn, quý vị thích loại trân bảo nào, nó liền hiện ra loại trân bảo ấy. Đối với điều này, Phật và hết thảy Bồ Tát đều chẳng khác nhau.

(Sao) Hựu Phật Địa Luận vân: “Thả thuyết thất bảo, kỳ thật Tịnh Độ vô lượng diệu bảo”. Cố tri viết “tứ bảo” giả, văn tiền tiện dã.

(鈔) 又佛地論云：且說七寶，其實淨土無量妙寶，故知曰四寶者，文省便也。

(Sao: Lại nữa, Phật Địa Luận nói: “Lại nói đến bảy báu thì thật ra, Tịnh Độ có vô lượng diệu bảo”. Do đó biết: Nói “bốn báu” là lời văn giản lược cho thuận tiện vậy).

Đây là nói cho chúng ta biết tướng chân thật. Thật ra, Quán Kinh và Đại Bôn Vô Lượng Thọ Kinh đã nói rất rõ ràng, các thứ báu trong Tây Phương Cực Lạc thế giới là vô lượng vô biên. Đức Phật đã nói, nhân dân trong mười phương thế giới, giả sử các chúng sanh ấy đều chúng Bích Chi Phật quả, trí huệ và thần thông đều giống như Đại Mục Kiền Liên, cùng nhau tính toán, đều tính chẳng ra. Chúng loại trân bảo trong Tây Phương Cực Lạc thế giới là bao nhiêu? Chẳng có cách nào tính toán, quá ư là nhiều! Chúng loại nhiều, số lượng nhiều, chẳng ai có thể tính toán được. Kinh Đại Bôn đã nói như vậy.

Trong kinh, đức Phật thường nói đến bảy báu, hoặc bốn báu, đó là nói đại lược, [tức là] trong các thứ trân bảo nhiều ngàn ấy, chỉ nêu tượng trưng mấy thứ để nói. Mấy thứ được nêu tượng trưng là do trong thế gian này có những thứ tương tự. Hơn nữa, người trong thế gian này hết sức quý trọng mấy thứ ấy, nên đức Phật đặc biệt kể ra mấy thứ ấy, nhằm dạy cho chúng ta biết trân bảo bên kia quá nhiều. Vì thế, [nói bảy báu hay bốn báu] là nói tinh lược.

(Sao) Hựu Hoa Nghiêm Nhập Pháp Giới phẩm vân.

(鈔) 又華嚴入法界品云。

(Sao: Lại nữa, phẩm Nhập Pháp Giới của kinh Hoa Nghiêm có nói).

Đây là trích dẫn phẩm cuối cùng của kinh Bát Thập Hoa Nghiêm, tức Phổ Hiền Bồ Tát Hạnh Nguyên Phẩm.

(Sao) “Nguy lâu huỳnh đới, các đạo bàng xuất, đồng vũ tương thừa, song thất giao ánh, giai trì hiền hạm, chủng chủng mãn túc, nhất thiết giai dĩ diệu bảo trang nghiêm”, tức tư nghĩa dã.

(鈔) 危樓迴帶，閣道傍出，棟宇相承，窗闥交暎，階墀軒檻，種種滿足，一切皆以妙寶莊嚴，即斯義也。

(Sao: “Lầu cao chót vót, hành lang vây quanh, điện tòa san sát, cửa sổ và cửa cái chiếu ngời lẫn nhau, bậc thềm, lan can, các thứ trọn đủ, hết thảy đều được trang nghiêm bằng diệu bảo”, chính là nói về ý nghĩa này vậy).

Thế giới Hoa Tạng được nói trong kinh Hoa Nghiêm chẳng khác gì Tây Phương Cực Lạc thế giới. Nếu quý vị muốn biết nhiều hơn về y báo và chánh báo trang nghiêm trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, tốt nhất là nên đọc kinh Hoa Nghiêm. Trong Tịnh Tu Tiệp Yếu, cư sĩ Hạ Liên Cư đã bảo: “*Cực Lạc chẳng khác Hoa Tạng*”, giống hệt như Hoa Tạng. Quý vị thấy thế giới Hoa Tạng tức là thấy thế giới Cực Lạc. Vì thế, Liên Trì đại sư cũng trích dẫn đoạn kinh văn này trong kinh Hoa Nghiêm, dùng thế giới Hoa Tạng để nhìn Tây Phương Cực Lạc thế giới, chẳng khác gì nhau.

“Nguy lâu huýnh đới” là nói về lầu cao⁴⁸. “Các đạo bàng xuất, đồng vũ tương thừa”⁴⁹ (hành lang vây quanh, điện tòa san sát): Chúng ta rất khó tưởng tượng cảnh giới này. Trong tương lai, nếu có dịp, quý vị đến thăm cảnh Bắc Kinh, thăm hoàng cung nhà Thanh, sẽ thấy những điều viết ở đây là nói về hoàng cung. Tuy vật liệu xây dựng hoàng cung hết sức đẹp đẽ, vẫn thua xa bảy báu! “Song thất giao ánh” (cửa sổ và cửa cái chiếu ngời lẫn nhau), Thất (闔) là cửa. “Giai trì”: Trì (墀) là “đan trì” (丹墀: thềm son)⁵⁰. Nói thông thường, bậc thềm trong các sân trời (thiên tỉnh)⁵¹ hoặc cung điện hết sức to. “Hiên hạm” (軒檻) là lan can. “Chủng chủng mãn túc” (trọn đủ các thứ), hết sức tương tự Tây Phương Cực Lạc thế giới, đều là “diệu bảo trang nghiêm”.

(Sao) Hựu Đại Bản vân: “Thị chư lâu các, hữu tùy ý cao đại, phù ư không trung, nhược vân khí giả. Hữu bất năng tùy ý cao đại, chỉ tại địa thượng giả, dĩ cầu đạo thời, đức hữu hậu bạc sở trí”.

(鈔) 又大本云：是諸樓閣，有隨意高大，浮於空中，若雲氣者，有不能隨意高大，止在地上者，以求道時，德有厚薄所致。

(Sao: Lại nữa, kinh Đại Bản nói: “Các lầu gác ấy, có cái cao lớn tùy ý, nổi lơ lửng trên không như hơi mây. Có cái chẳng thể cao lớn tùy ý, chỉ ở trên mặt đất. Đó là do lúc cầu đạo, đức có dày hay mỏng mà ra”).

Chúng ta đều đã đọc kinh Vô Lượng Thọ, đây chính là “trong tương đồng, có những điểm bất đồng nho nhỏ”, nguyên nhân là do “đức hữu hậu bạc sở trí” (do đức có dày hay mỏng mà ra), [nguyên nhân] ở ngay trong câu này. Chữ Đức chỉ điều gì? Nói thật ra, Đức là công phu niệm Phật. Có

⁴⁸ “Huýnh đới” là một thành ngữ diễn tả sự cao chót vót, dường như chọc trời hay dính vào trong mây.

⁴⁹ “Các đạo” còn là “phục đạo” (复道) hoặc “thông đạo” (通道) là các lối đi trong các tòa điện đài, hoặc đường hành lang dưới mái thềm các tòa điện vũ, hay các đường đi bao quanh các tòa nhà. “Đổng vũ” (棟宇) là từ ngữ chỉ chung các tòa điện đường to lớn.

⁵⁰ Trong kiến trúc cổ, trước các tòa nhà lớn thường xây thềm cao, tối thiểu là ba bậc, quét sơn màu đỏ, gọi là “đan trì”.

⁵¹ Đây là cái sân ở giữa các tòa kiến trúc vây quanh bốn mặt. “Thiên tỉnh” có tác dụng thông gió và lấy độ sáng, đồng thời tạo không gian riêng tư cho người trong tòa nhà, nhất là trong khu vực cư ngụ dành riêng cho nữ quyến của các gia tộc lớn thời cổ.

thể niệm đến nhất tâm bất loạn thì là đức dày; chưa đạt tới nhất tâm bất loạn thì là đức mỏng. Chư vị bèn hiểu: Trong cõi Phạm Thánh Đồng Cư, [lầu gác] chẳng có cách nào cao lớn tùy ý, lầu gác để cư trú chỉ dành ở trên mặt đất. Nếu là nhất tâm bất loạn, [sẽ sanh trong] cõi Phương Tiện hoặc cõi Thật Báo, lầu gác của họ bèn cao lớn tùy ý, được đại tự tại. Nếu quý vị nói Bồ Tát trong thế giới Tây Phương bất đồng thì là một tí bất đồng như vậy; trừ điều ấy ra, chẳng có gì khác nhau!

(Sao) Hựu vân: “Lâu quán lan thuẫn, anh lạc phú thượng, giai tác ngũ âm”.

(鈔) 又云：樓觀欄楯，瓔珞覆上，皆作五音。

(Sao: Lại nói: “Lầu, đền, lan can, đều có chuỗi anh lạc phủ lên trên, [những chuỗi anh lạc ấy] đều vang ra [tiếng nhạc] ngũ âm”).

Đây là nói về âm nhạc, chúng ta nói là “*thiên nhạc doanh không*” (nhạc trời vang rền khắp hư không). “*Ngũ âm*”: Thời cổ, âm giai Trung Quốc chỉ có năm âm⁵² là Cung, Thương, Giốc, Chủy, Vũ, ngũ âm! Hiện thời Tây Dương dùng bảy âm (bảy notes nhạc). “*Ngũ âm*” [trong câu kinh văn trên đây] hiện thời gọi là “nhạc giao hưởng” (symphony). Thiên nhạc trong Tây Phương Cực Lạc thế giới không lúc nào, không chỗ nào chẳng tồn tại. Các khúc nhạc được diễn tấu đều khiến cho quý vị nghe hết sức hoan hỷ. Chúng không chỉ là âm nhạc, mà còn thuyết pháp. Nói cách khác, tất cả các kinh văn đều dùng phương thức ca xướng để xướng lên, nghe rất dễ chịu! Niệm kinh sẽ khô khan, vô vị, chẳng dễ nghe, bèn xướng lên cho quý vị nghe. Vì thế, Phật môn hết sức coi trọng âm nhạc. Nói theo cách bây giờ là hết sức coi trọng giáo học nghệ thuật; vì vậy, giáo học

⁵² Ngũ âm còn gọi là “ngũ thanh âm giai”, gồm Cung, Thương, Giốc, Chủy, Vũ, gần như tương ứng với năm note nhạc Do, Re, Mi, Sol, La trong âm nhạc Tây phương. Về sau này, nhạc lý Trung Quốc thêm vào hai note nữa là Đê (Đê Bán Âm Cung, Bán Cung, gần tương ứng với note Si) và Biến Chủy (Bán Chủy). Theo cách định nghĩa truyền thống, trong thang âm của một cây sáo trúc, âm Cung chiếm 81 đơn vị, Thương là 72 đơn vị, Giốc là 64 đơn vị, Chủy là 54 đơn vị, và Vũ là 48 đơn vị. Đây chính là cách định nghĩa dựa trên trường độ của sóng âm và tần suất dao động. Quan điểm Ngũ Âm do mô phỏng âm thanh trong tự nhiên và tương ứng với Ngũ Hành (sau này lại được mở rộng thêm ra, tương ứng với Ngũ Tạng, chẳng hạn như Cung tương ứng với Tỳ, Thương tương ứng với Phôi v.v...) Thiên Địa Viên trong sách Quán Tử đã viết: “Nghe âm Vũ như tiếng chim hót ngoài đồng, nghe âm Cung như tiếng trâu kêu trong chuồng, nghe âm Thương như tiếng dê kêu khi lia bầy, nghe âm Giốc như tiếng chim Trĩ đậu trên cây đang hót, tiếng hót rất nhanh nhưng thật rõ ràng...”

Phật giáo chẳng phải là cứng nhắc, vụng về, chẳng phải chỉ là giảng giải trên giảng đường. Quý vị thích nghe giảng trên giảng đường? Được rồi! A Di Đà Phật cũng biểu diễn một màn giảng kinh, thuyết pháp đúng quy củ trên giảng đường cho quý vị. Quý vị thích dạo chơi khắp nơi, A Di Đà Phật cũng có thần thông khác biệt, có thể làm cho pháp âm theo chân quý vị. Quý vị đến chỗ nào, nó theo đến đó, giống như hiện thời chúng ta mang theo máy nghe nhạc vậy. Máy nghe nhạc của chúng ta đôi khi còn bị trục trặc, có lúc hết pin (battery), hoặc chẳng phát ra tiếng; ở bên kia, chẳng cần đến những thứ ấy, nhạc trời tự nhiên vang rền không trung.

Hoàn cảnh ấy đúng là được mười phương chư Phật đều tán thán. Nơi chốn tốt đẹp như thế mà không sanh về đó, oan uổng quá! Thầy Lý bảo “[*kẻ chẳng phát nguyện vãng sanh Cực Lạc*] nếu chẳng phải là ngu thì cũng là cuồng”, quý vị chẳng phải là ngu si thì là cuồng vọng, nói lên ý nghĩa sau đây: Phàm là một người bình thường, chẳng có ai không mong sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới. Quyết định phải sanh về đó. Có lẽ quý vị cảm thấy ta sang bên ấy, đất khách, quê người, chẳng có một ai quen biết, há có ý nghĩa gì? Nếu quý vị sợ gặp cảnh đất khách, quê người, hãy khuyến thêm mấy người cùng vãng sanh! Do vậy, nhất định phải đem pháp môn này phổ biến, khuyến cáo mọi người, để mọi người đều sanh về đó; khi sang đó, người mà ta quen biết sẽ rất nhiều.

Nói thật ra, hễ sang tới bên đó, thần thông liền trọn đủ, quý vị có Thiên Nhân, Tha Tâm, Túc Mạng Thông; thân thích, bằng hữu, quyến thuộc của quý vị trong đời quá khứ, đời đời kiếp kiếp từ vô thủy đến nay, có chẳng ít người đã ở Tây Phương Cực Lạc thế giới, quý vị đều nhận biết: “Các vị đã đến từ sớm, nay tôi mới đến!” Còn có những kẻ luân hồi trong lục đạo, khi ấy, quý vị đều thấy, họ ở nơi đâu, quý vị đều biết. Do vậy, quý vị chẳng cần hoài nghi, đến nơi ấy lạ nước lạ cái, chẳng có ai chiêu cố, chẳng cần phải hoài nghi những điều ấy! Hễ đến nơi đó, bèn tự nhiên hiểu, nguyên lai quý vị có rất nhiều người quen!

(Sao) Hựu Quán Kinh vân: “Lâu các lưỡng biên, các hữu hoa tràng, vô lượng nhạc khí, dĩ vi trang nghiêm, bát chủng thanh phong, cổ thử nhạc khí, diễn thuyết Khổ, Không, Vô Thường, Vô Ngã chi âm”.

(鈔) 又觀經云：樓閣兩邊，各有華幢，無量樂器，以為莊嚴，八種清風，鼓此樂器，演說苦空無常無我之音。

(Sao: Lại nữa, Quán Kinh nói: “Hai bên lầu gác, đều có tràng hoa, vô lượng nhạc khí dùng để trang nghiêm, tám thứ gió mát thổi các thứ nhạc khí ấy, diễn thuyết các tiếng Khổ, Không, Vô Thường, Vô Ngã).

Đoạn này là nói về chuyện gió tầu các nhạc khí. “Tràng” (幢) là hình tròn, hơi giống như cây cột. Vật này vốn được dùng làm tín hiệu trong Phật môn, gọi là “phan tràng”. Phan (幡) có hình dáng đẹp, còn Tràng hình tròn, hơi giống những ống thông gió tại phi trường, ở giữa rỗng tuếch, có hình trụ. Xưa kia, truyền đạt tin tức chẳng thuận tiện, nên trong đạo tràng hề có giảng kinh, thuyết pháp, bèn dựng cột cờ, từ nơi rất xa vẫn có thể thấy được! Hiện thời chúng ta giảng kinh ở đây, liền đem cái tràng hình ống treo lên, nó giống như cờ hiệu, người ở ngoài xa thấy cột cờ treo tràng, liền biết hôm nay có giảng kinh, thuyết pháp. Giảng kinh, thuyết pháp được gọi là “cao thụ pháp tràng” (dựng cao tràng pháp) là do ý nghĩa này. Hiện thời, chúng ta đăng báo quảng cáo, in rất nhiều thông cáo gọi đi, gọi điện thoại, dùng những cách ấy để thay thế. Còn có những đạo tràng thuyết pháp quanh năm thì họ dùng đá [để làm tràng], tràng đá hơi giống như một cây cột, chung quanh đôi khi khắc tượng Phật, tượng Bồ Tát, còn có kinh văn.

Ở đây, [Quán Kinh nói] tràng được làm bằng hoa, tức là kết rất nhiều loại hoa hết sức đẹp để thành “hoa tràng”. Trên hoa tràng có nhiều loại nhạc khí, chúng ta có thể tưởng tượng đó là những nhạc khí vốn có trong thế gian này. Nói thật ra, nhạc khí cũng nhiều vô lượng vô biên, có rất nhiều loại là nhạc khí trong các thế giới phương khác mà chúng ta chưa hề nghe nói tới, đương nhiên càng chưa hề thấy. Quý vị chưa nghe nói, chưa trông thấy, nên đức Phật chẳng nói, nói ra phiền thêm! Quý vị hỏi đức Phật, đức Phật giải thích nửa ngày, quý vị vẫn không hiểu, nên đức Phật chẳng nói. Đức Phật thuyết pháp là khế cơ, tức là muốn quý vị vừa nghe bèn hiểu ngay. Các đồng tu học giảng kinh phải ghi nhớ điều này! Hễ giảng mà kẻ khác nghe không hiểu, quý vị đừng giảng. Những gì chính quý vị nghi hoặc, đừng nên giảng! Những điều quý vị giảng ra phải là [những thứ] chính mình quyết định chẳng có nghi hoặc. Đó là một nguyên tắc.

Tôi có một người bạn lâu năm, là một vị tướng quân, tuổi rất cao, trong quá khứ, cụ là thị vệ của tiên sinh Tôn Trung Sơn. Cụ bảo tôi Quốc Phụ hết sức vĩ đại. Thuở ấy, Tôn tiên sinh giảng Tam Dân chủ nghĩa, tiên sinh Thái Nguyên Bồi ghi lại. Khi đó, ông Thái Nguyên Bồi là hiệu trưởng trường đại học. Sau khi ghi xong bản thảo, trong ấy có một đoạn ông Thái cũng chẳng hiểu rõ ràng cho lắm, bèn hỏi Quốc Phụ về ý nghĩa cặn kẽ, Quốc Phụ liền gạch bỏ hoàn toàn đoạn ấy trong bản thảo, chẳng cần đoạn ấy nữa! Quốc Phụ nói: “Ông là hiệu trưởng trường đại học mà nghe còn

chẳng hiểu, người khác làm sao hiểu được, hãy bỏ đoạn ấy đi!” Thật vĩ đại, tuyệt vời! Ông ta nói: “Những thứ tôi nói phải khiến cho hết thảy mọi người đều có thể nghe hiểu. Phàm những thứ nào nghe không hiểu thì đều chẳng cần đến!” Người học giảng kinh phải chú ý điều này, nhất định phải khiến cho người nghe thấu hiểu, chứ nghe mà không hiểu thì có ý nghĩa gì đâu! Trong quá khứ, tôi cũng nghe [một vị] lão pháp sư giảng kinh. Sau khi giảng xong, có những vị lão cư sĩ, họ đều là đại hộ pháp, đến thưa với thầy: “Su phụ! Thầy giảng hay lắm, nhưng con nghe không hiểu”. Su phụ nói: “Nếu ta giảng kinh này mà nghe hiểu [dễ dàng] thì còn có giá trị gì nữa?” Sai lầm mất rồi! Nhất định phải khiến cho người khác nghe hiểu thì họ mới được lợi ích, mới đạt được điều tốt đẹp. Giảng mà khiến cho kẻ khác nghe chẳng hiểu thì gọi là “nói thừa thãi, nói uông công”, làm mất thời gian của kẻ khác, sai mất rồi!

Nhất định phải giữ gìn tiêu chuẩn như cổ nhân Trung Quốc đã nói “*giản, yếu, tường, minh*” (đơn giản, ngắn gọn, cặn kẽ, rõ ràng). Giữ vững bốn nguyên tắc ấy, đơn giản, ngắn gọn, tỉ mỉ, rõ ràng, chớ nên tràn lan dây cà, dây muống! Nói cách khác, người ta phải tốn mười câu mới nói rõ, ta có thể dùng năm câu liền nói rõ ràng, quý vị cao minh hơn kẻ ấy, càng đơn giản càng hay! Do một câu liền nói rõ ràng, rất cao minh! Đó là cao minh tột bậc! Người ta nói khá lâu mà vẫn chưa nói rõ ràng được, quý vị nói mấy câu liền rõ ràng, cao minh lắm! Do đó, ăn nói hay viết văn chương đều phải tuân thủ nguyên tắc này. Tuyệt đối không phải là văn chương viết cả đống chữ mới là có giá trị. Hiện thời, điều này là thật, hiện nay [thiên hạ] luận định số chữ, chẳng luận định văn chương hay dở, tiêu chuẩn khác hẳn trước kia. Theo tiêu chuẩn trước kia, viết tràn lan cà kê dê ngỗng như vậy, căn bản là người ta chẳng đọc tác phẩm của quý vị. Đại chúng bình phàm chuộng đơn giản, ngắn gọn, cặn kẽ, rõ ràng. Hơn nữa, trong thời đại công nghiệp, phải tranh thủ từng giây, từng phút, đâu có thời gian dài ngàn ấy để nghe quý vị cà kê dê ngỗng!

Chúng tôi giảng kinh trong nước khác với giảng kinh ở ngoại quốc. Trong nước có thời gian, thông thả giảng. Ở ngoại quốc, không được! Người ở ngoại quốc chặn ngay: “Pháp sư! Tốt nhất là thầy giảng xong bộ kinh này trong năm ngày”, chỉ dành năm ngày bèn giảng xong. Giống như kinh Vô Lượng Thọ, hoặc Di Đà Kinh Yếu Giải phải giảng xong trong năm ngày. Vì sao? Họ chẳng có thời gian đến nghe. Phải là có thể dài, có thể ngắn, có thể cạn, có thể sâu thì mới được, mới có thể ứng phó căn tánh bất đồng. Có thời gian nói cặn kẽ đương nhiên là hay, nói rõ ràng, giống như lần này chúng tôi giảng Di Đà Kinh Yếu Giải Đại Ý trong năm ngày

tức mười tiếng đồng hô tại Vĩnh Hòa. Trong quý vị, có người đến nghe, liền biết: Người thường nghe ở nơi đây, nghe giảng chẳng thấy thỏa mãn lắm, nhưng người chưa đến nghe [mà nghe giảng lần đầu] thì rất thỏa ý, cảm thấy rất hiếm lạ, trong thời gian ngắn ngủi ấy, họ hiểu được; nhưng người thường đến đạo tràng này liền biết: [Nghe giảng trong thời gian ngắn ngủi] chẳng được! Chẳng có thời gian để trình bày rất nhiều ý nghĩa khẩn yếu!

“*Bát chủng thanh phong*” (tám thứ gió mát) là tám loại gió trong thế gian: Điều phong (gió Xuân), Minh Thứ phong (gió Đông), Thanh Minh phong (gió Đông Nam), Cảnh phong (Tường phong, gió Nam), Lương phong (gió Tây Nam), Xương Hạp phong (gió Thu), Bát Châu phong (gió Tây Bắc), Quảng Mạc phong (gió Bắc, gió Bắc)⁵³. “*Cổ thử nhạc khí*” [nghĩa là] chẳng cần người diễn tấu, các thứ nhạc khí có thể tự diễn tấu, toàn bộ là tự động. Nó còn có thể thuyết pháp, có thể “*diễn thuyết Khổ, Không, Vô Thường, Vô Ngã chi âm*” (diễn thuyết âm thanh Khổ, Không, Vô Thường, Vô Ngã). Hết thấy các pháp đều được chúng diễn tấu, vô lượng vô biên pháp Tiểu Thừa và Đại Thừa, chẳng có pháp nào không được diễn tấu. Ở đây chỉ nêu vài tỷ dụ, như Khổ, Không, Vô Thường, Vô Ngã, [các pháp này] thường được gọi là pháp Tiểu Thừa và pháp nhân thiên. Thuở ấy, trong số thánh chúng hiện diện, người Tiểu Thừa chiếm đa số, đức Phật giảng kinh bèn tùy thuận thánh chúng lúc ấy để giảng, nên nêu lên những thí dụ này!

(Sao) Dĩ thị thôi chi, tắc thử chỉ ngôn lâu các, bất phân Phật cập Bồ Tát, thiên, nhân, diệc bất phân tại không, tại địa, diệc bất ngôn nhạc âm diễn pháp, tất văn tĩnh dã.

(鈔) 以是推之，則此止言樓閣，不分佛及菩薩天人，亦不分在空在地，亦不言樂音演法，悉文省也。

(Sao: Do vậy, suy ra: Kinh này chỉ nói đến lầu gác, chẳng phân biệt là [lầu gác] của Phật, Bồ Tát, trời, người [to nhỏ khác nhau], cũng

⁵³ “*Bát phong*” là tên gọi chung cho các thứ gió từ tám phương. Tên gọi này dựa theo sự phối hợp tám phương với tám tiết khí. Các danh xưng trên đây dựa theo sách Dịch Vỹ Thông Quái Nghiệm: “*Gió trong tám tiết khí được gọi là Bát Phong. Tiết Lập Xuân, Điều Phong thổi. Tiết Xuân Phân là Minh Thứ phong, tiết Lập Hạ là Thanh Minh phong. Tiết Hạ Chí là Cảnh phong, tiết Lập Thu là Lương phong, tiết Thu Phân là Xương Hạp phong, tiết Lập Đông là Bát Châu phong, tiết Đông Chí là Quảng Mạc phong*”.

chẳng phân biệt là ở trên hư không hay trên mặt đất, cũng chẳng nói tiếng nhạc diễn thuyết pháp, tức là kinh văn nói tinh lược vậy).

Những điều này đều được tinh lược nơi văn tự, phải hợp ba kinh lại để tham chiếu, quý vị mới biết tình hình cặn kẽ, xem trọn năm kinh là lý tưởng nhất. Giống như Sớ Sao của Liên Trì đại sư, Yếu Giải của Ngẫu Ích đại sư và Viên Trung Sao của U Khê đại sư, các tác phẩm chú giải ấy trích dẫn kinh điển hồng giải thích rất nhiều điều. Vì thế, đọc Sớ Sao giống như đọc mấy trăm bộ kinh luận, Ngài trích dẫn rất nhiều. Có như vậy thì chúng ta mới liễu giải Tây Phương Cực Lạc thế giới rõ ràng, tín tâm và nguyện tâm mới có thể thật sự sanh khởi, điều này vô cùng trọng yếu. Hôm nay, chúng tôi giảng tới chỗ này!

Tập 144

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang ba trăm lẻ tám.

(Sao) Kim giả tứ nghĩa, nhất sắc vô biến, nhị thể vô cấu, tam chuyển tác vô ngã, tứ năng linh nhân phú.

(鈔) 金者四義，一色無變，二體無垢，三轉作無我，四能令人富。

(Sao: Vàng có bốn ý nghĩa: Một là màu sắc chẳng biến đổi, hai là Thể chẳng nhơ, ba là tuy lần lượt được chế biến thành các thứ khác nhau, vàng vẫn vô ngã, bốn là có thể khiến cho con người giàu có).

Bảy báu đều chú trọng sự biểu thị pháp. “*Vô biến*” có nghĩa là Thường. Kinh thường nói Thường, Lạc, Ngã, Tịnh. Vàng biểu thị ý nghĩa này. Màu sắc của vàng chẳng thay đổi, có ý nghĩa Thường (thường hằng). “*Vô cấu*” là ý nghĩa thanh tịnh, trong sạch. “*Chuyển tác vô ngã*” là ý nghĩa Ngã trong Thường, Lạc, Ngã, Tịnh. “*Năng linh nhân phú*” (có thể làm con người giàu có) là ý nghĩa Lạc. Do vậy, nó bao hàm bốn ý nghĩa Thường, Lạc, Ngã, Tịnh.

(Sao) Ngân tứ nghĩa đồng, nhi công sảo liệt.

(鈔) 銀四義同，而功稍劣。

(Sao: Bạc có bốn nghĩa giống như vậy, nhưng công năng hơi kém hơn).

Bạc cũng có bốn ý nghĩa ấy, nhưng nói theo mặt thể chất, bạc chẳng bằng vàng!

(Sao) Lưu Ly thanh sắc, thị kỳ chánh dịch.

(鈔) 琉璃青色，是其正譯。

(Sao: Lưu Ly màu xanh, nên [tiếng Hán dịch là Thanh Sắc Bảo] là chính xác).

Đây là cách giải thích thông thường trong hiện thời.

(Sao) Hựu danh Bất Viễn giả. Bất Viễn, sơn danh, sơn xuất thử bảo, dĩ cận Ba La Nại thành cố.

(鈔) 又名不遠者，不遠，山名，山出此寶，以近波羅奈城故。

(Sao: Lại còn có tên là Bất Viễn. Bất Viễn là tên núi. Núi này sanh ra thứ báu ấy, do núi ấy gần thành Ba La Nại).

Nó còn có tên gọi là Bất Viễn. Quả núi có quặng Lưu Ly chẳng xa thành Ba La Nại (Vārāṇasī, Benares) cho mấy. Chỗ chẳng xa [kinh thành Ba La Nại] bèn có [thứ báu ấy, nên gọi chất báu ấy là Bất Viễn] là do ý nghĩa này.

(Sao) Thủy ngọc giả, kim thủy tinh dã.

(鈔) 水玉者，今水晶也。

(Sao: Thủy ngọc nay được gọi là thủy tinh).

“Kim” là cận đại, “cận đại” ở đây chính là những năm cuối đời Minh. Vì Liên Trì đại sư sống vào cuối đời Minh, Ngài nói “kim” là nói về thời đó, thời ấy đã gọi [pha lê] là “thủy tinh”.

(Sao) Xa cừ ngôn đại bôi giả.

(鈔) 碑磔言大貝者。

(Sao: “Xa cừ” là một loại sò lớn).

Tức là vỏ sò, [xa cừ là] vỏ của một loại sò lớn.

(Sao) Bồi vi hải trung giới trùng, đại giả danh bảo, nhất vân phi Phạn ngữ, dĩ kỳ tự xa chi cừ. Cừ giả, vông dã.

(鈔) 貝為海中介蟲，大者名寶，一云非梵語，以其似車之渠。渠者，輞也。

(Sao: Sò là một loài trùng có vỏ trong biển cả. Thứ to được gọi là Bảo. Có thuyết nói [xa cừ] không phải là tiếng Phạn, mà là do [vỏ của] nó giống như “vành bánh xe”. “Cừ” là cái vành bánh xe).

“Vông” là bánh xe, ở đây là nói tới đường vân trên vỏ sò, giống như bánh xe.

(Sao) Xích châu giả, Phật Địa Luận vân: “Xích trùng sở xuất. Hữu thiên xích châu, danh Nhân Đà La, phi thể sở hữu”. Đại Luận: “Chân châu hoặc xuất ngư phúc, hoặc xuất xà não, hoặc xuất bạng thai, hoặc sanh trúc trung, tất sắc phi định xích”. Cố dĩ tiền dịch vi chánh.

(鈔) 赤珠者，佛地論云：赤蟲所出，有天赤珠，名因陀羅，非世所有。大論，真珠或出魚腹，或出蛇腦，或出蚌胎，或生竹中，則色非定赤，故以前譯為正。

(Sao: “Xích châu”, Phật Địa Luận nói: “[Xích châu] do loài xích trùng sanh ra. Có loài xích châu cõi trời tên là Nhân Đà La, trong cõi đời chẳng có”. Theo Đại Luận, chân châu sanh từ bụng cá, hoặc sanh từ óc rắn, hoặc xuất phát từ thai sò, hoặc sanh trong tre, nên màu sắc không nhất định là đỏ. Do vậy, [xích châu hiểu] theo cách dịch trước (tức cách giải thích trong Phật Địa Luận) thì đúng hơn).

“Xích châu” do loài xích trùng sanh ra. Thứ này rất hiếm, nên rất quý báu, nổi tiếng, là một trong bảy thứ báu. Đại Trí Độ Luận giảng xích châu là một loại chân châu (真珠), nhưng thông thường, trân châu (珍珠) sanh từ trai sò, cũng có loại kết tinh trong bụng cá, hoặc óc rắn, còn có loại sanh trong cây trúc, nên màu sắc không nhất định là đỏ. Vì thế, giảng [chữ “xích châu”] theo cách trước (thuyết của Phật Địa Luận) sẽ đúng hơn.

(Sao) Mã não giả, hoặc vân Đan Khâu chi dã, quỷ huyết sở hóa.

(鈔) 瑪瑙者，或云丹丘之野，鬼血所化。

(Sao: Mã não, có người nói là do máu của loài quỷ ở chốn đồng nội Đan Khâu⁵⁴ hóa thành).

Đây là cách nói của cổ nhân, nay chúng ta biết nó là một loại hóa thạch.

(Sao) Nhất vân như mã não cố.

(鈔) 一云如馬腦故。

⁵⁴ Đan Khâu là một địa phương trong truyền thuyết, là nơi thần tiên ở, thường sáng bùng, chẳng bao giờ tối tăm. Danh xưng này xuất hiện lần đầu tiên trong bài Viên Du của bộ Sở Từ: “Nhưng vũ nhân ư Đan Khâu hề, lưu bất tử chi cự hương” (người mặc áo lông (thần tiên) ở chốn Đan Khâu, ở chốn quê nhà bất tử).

(Sao: Có thuyết nói nó trông giống như óc ngựa).

“Mã não”: Các loài ngựa khác nhau, óc của chúng có màu đỏ, vàng xanh, đen, trắng v.v... phân biệt, mùi phân trân quý.

(Sao) Trang nghiêm giả, hữu chỉnh tề nghĩa. Hiệu súc giả, hữu văn thái nghĩa. Dĩ tư nghiêm súc, tắc như tiền, hoặc dĩ nhất bảo, nhị bảo, nãi chí thất bảo chi loại, thị dã.

(鈔) 莊嚴者，有整齊義。較飾者，有文彩義。以斯嚴飾，則如前或以一寶二寶，乃至七寶之類是也。

(Sao: “Trang nghiêm” có nghĩa là chỉnh tề. “Hiệu súc” có nghĩa là rực rỡ. Có nghĩa là dùng những thứ ấy để trang hoàng tôn nghiêm, rực rỡ, tức là giống như trong phần trên [đã nói], dùng một thứ báu, hai thứ báu, cho đến bảy thứ báu vân vân).

“Trang nghiêm”: “Mỹ lệ” như phạm nhân chúng ta thường nói chính là ý nghĩa “trang nghiêm” trong Phật pháp. Đẹp thì nhất định phải chỉnh tề, rồi ren sẽ chẳng thể đẹp được! “Hiệu súc” là rực rỡ, lộng lẫy, “hiệu” là cân nhắc, “súc” là trang hoàng. Đã trang hoàng lại còn cân nhắc, tức là thiết kế tỉ mỉ. Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng cần người tỉ mỉ thiết kế, nó tự nhiên đẹp đẽ như vậy. “Dĩ tư nghiêm súc” là dùng bảy báu để trang nghiêm, tô chuốt.

(Sao) Hựu thử thất bảo, cô thủ danh đồng thử phương, thật tắc bất loại.

(鈔) 又此七寶，姑取名同此方，實則不類。

(Sao: Lại nữa, bảy thứ báu này chỉ là gọi tên giống như trong thế giới này, chứ thật ra chúng chẳng tương đồng).

“Bảy báu” nói trong kinh là lấy những thứ hiếm có, được chúng ta coi là trân bảo trong thế gian này để nói so sánh đó thôi! Trên thực tế, thế gian chúng ta chẳng có những vật chất như trong Tây Phương Cực Lạc thế giới. Nói cách nào thì chúng ta cũng chẳng cách nào thật sự liễu giải! Chưa từng thấy, mà cũng chưa từng nghe nói. Nói đến bảy báu trong thế gian này thì chúng ta đã từng thấy, tưởng tượng hình trạng đại khái. Thật ra, hình trạng [của các thứ báu trong cõi Cực Lạc] khác hẳn. Khác biệt ở chỗ nào? Ở đây nói:

(Sao) Như thiên kim, thiên ngân, dĩ phi nhân thế sở hữu, hà huông bỉ độ!

(鈔) 如天金天銀，已非人世所有，何況彼土。

(Sao: Như vàng bạc cõi trời, trong cõi người đã chẳng có, huông gì [các thứ báu] trong cõi kia!)

Đây là nói đến cõi trời. Dục Giới Thiên cũng có vàng, bạc, nhưng vàng, bạc của họ có mức độ tinh thuần chắc chắn chẳng giống như trong thế gian này, vàng bạc của chúng ta chẳng thể sánh bằng, huông gì [những chất báu] trong thế giới Cực Lạc. Kinh Vô Lượng Thọ nói vật chất trong Tây Phương Cực Lạc phong phú, trang nghiêm, trân bảo của Lục Dục Thiên (Tha Hóa Tự Tại Thiên) so với Tây Phương Cực Lạc thế giới khác biệt ngàn vạn ức lần, chẳng có cách nào so sánh. Chúng ta phải biết điều này.

(Sớ) Hựu thất bảo giả, thường dụ thủ quý trọng nghĩa, như Phạm Võng trung thuyết.

(疏) 又七寶者，常喻取貴重義，如梵網中說。

(Sớ: Lại nữa, bảy báu là thường dùng để tỷ dụ ý nghĩa quý trọng, như trong kinh Phạm Võng có nói).

Kinh Phật thường nói bảy báu là dựa theo ý nghĩa “quý trọng”, kinh Phạm Võng nói điều này.

(Sao) Quý trọng giả, Phạm Võng kinh Bồ Tát Tâm Địa phẩm, ngôn “khí xả Đại Thừa kinh luật bất học, nhi học ngoại đạo, Nhị Thừa, tà kiến đẳng giả, như xả thất bảo, phản thủ ngôa lịch”. Đối ngôa lịch ngôn, cố tri Bảo giả, thủ “quý trọng” nghĩa.

(鈔) 貴重者，梵網經菩薩心地品，言棄捨大乘經律不學，而學外道二乘邪見等者，如捨七寶，反取瓦礫，對瓦礫言，故知寶者取貴重義。

(Sao: “Quý trọng”, phẩm Bồ Tát Tâm Địa trong kinh Phạm Võng có nói: “Vứt bỏ kinh luật Đại Thừa để học ngoại đạo, Nhị Thừa, tà kiến v.v... giống như bỏ bảy báu để ngược ngạo giữ lấy ngôi sạn”. Do so với ngôi sạn để nói, nên biết [kinh nói] “bảo” theo ý nghĩa “quý trọng”).

Nêu rõ [lý do] vì sao kinh Phật thường nói “bảy báu”, dụng ý tuyệt đối chẳng phải là khiến cho chúng ta tham cầu hưởng thụ vật chất, mà trong ấy có ý nghĩa rất sâu. Ở đây, [lời Sao] đã giảng rõ: Đây là nói hết thấy chúng sanh, nếu quý vị chẳng gặp duyên này, tức là quý vị chẳng có phước báo! Nếu gặp được duyên này, quý vị là người có phước báo. Người có phước báo gặp duyên, nay chúng ta gọi duyên là “cơ hội”, quý vị gặp cơ hội mà không thể nắm giữ, chẳng thể nắm vững cơ hội, bỏ lỡ cơ hội, thật sự quá đáng tiếc. Có thể thật sự nắm vững cơ hội, đó là ý nghĩa bảy báu, là quý trọng. Quý vị gặp gỡ Phật pháp, chẳng học pháp Đại Thừa, mà học ngoại đạo! Hiện thời, kẻ học theo ngoại đạo rất nhiều! Hoặc là quý vị học Tiểu Thừa, hai thừa Thanh Văn và Duyên Giác là Tiểu Thừa. Ngoại đạo và Tiểu Thừa đều gọi là tà kiến, vì tri kiến đều chẳng chánh. Điều này giống như bỏ bảy báu để lấy ngói sạn. “*Ngõa lịch*” (瓦礫) là miếng gạch, mảnh ngói, làm sao có thể sánh bằng bảy báu? Điều này giống như kẻ chẳng biết giá trị, chẳng biết sang, hèn, dùng điều này để so sánh. Nói trở lại, nay chúng ta gặp được Đại Thừa, chư vị có thật sự giữ lấy Đại Thừa hay không? Tôi cảm thấy chẳng hề! Tuy quý vị chẳng học theo ngoại đạo, chẳng học theo Tiểu Thừa, nhưng hiện thời quý vị vẫn y như cũ, do tà kiến mà học Đại Thừa, nên quý vị vẫn chưa học được Đại Thừa! Con người hiện thời nhận giả, chẳng nhận thật! Quý vị nói chuyện giả với họ, họ hoan hỷ! Quý vị nói lời thật với họ, họ bèn cự tuyệt, ngược ngạo chẳng cần, rất tệ hại! Tuy Đại Thừa phổ biến như vậy, họ chẳng thể học!

Học Phật phải có điều kiện học Phật, cổ nhân gọi [người thỏa mãn các điều kiện ấy] là “*pháp khí*”. Quý vị có phải là pháp khí hay không? Nếu quý vị chẳng phải là pháp khí, ban pháp ấy cho quý vị vô ích! Thí dụ như chúng ta muốn có nước, hỏi quý vị: “Có dụng cụ để đựng nước hay không?” “Tôi có một cái chén”. Cái chén ấy chính là pháp khí, ta có thể đựng nước. Quý vị đem cái bát lớn đến, tôi cho quý vị đựng được nhiều nước hơn một chút. Quý vị đem cái chén nhỏ đến, tôi cho quý vị ít nước một tí, mỗi người tương xứng với khả năng nhận lãnh. Quý vị nói: “Tôi chẳng có dụng cụ đựng nước”, vậy thì tôi cho quý vị nước, quý vị chẳng lấy được! Do vậy, quý vị phải là pháp khí thì mới có tư cách học Phật pháp. Pháp khí là gì? Tức là quý vị có điều kiện, có năng lực để nhận lãnh Phật pháp thì mới có thể thành tựu. Cổ đức thích nhất hai loại người: Một là loại người thượng trí, hai là hạng hạ ngu. Thiệt tri thức chân chánh coi hai loại người này như bảo bối, vì sao? Họ là pháp khí, rất có thể thành tựu. Người thượng trí vừa nói liền thông suốt, chẳng hoài nghi, liền hiểu rõ, có thể y giáo phụng hành. Kẻ hạ ngu biết chính mình chẳng có trí huệ,

biết chính mình chẳng bằng người khác, nên người ấy cũng rất khiêm hạ, rất thật thà, dạy kẻ ấy làm như thế nào, kẻ ấy làm như thế ấy, rất ngoan ngoãn chịu nghe lời, kẻ ấy ham học. Hạng căn tánh nửa vời sẽ phiền lắm, tự cậy chính mình thông minh, tục ngữ gọi họ là “*cao chẳng với tới, thấp chẳng bèn gót*”. Quý vị nói với họ, họ cũng có thể hiểu, nhưng bảo họ làm, họ có quá nhiều ý kiến! Người như vậy đâm ra chẳng thể thành tựu, tục ngữ nói: “*Thông minh đâm ra bị làm lẫn bởi thông minh*”, Thế Trí Biện Thông đây mà!

Trong thời đại hiện tại, Thế Trí Biện Thông quá nhiều. Từ bé, trẻ nhỏ xem TV mỗi ngày, đầu óc đầy ứ tà tri tà kiến, làm sao nó có thể học Phật pháp? Chẳng có [bẩm tánh] thiên chân như người thời cổ. Cổ nhân chẳng có nhiều thông tin như thế. Nếu sống ở nông thôn, mặt trời mọc bèn ra đồng làm lưng, mặt trời lặn bèn nghỉ ngơi, trừ chuyện ấy ra, chuyện gì cũng chẳng biết, đầu óc đơn thuần, học điều gì cũng đều dễ dàng. Con người hiện thời đầu óc rất phức tạp, trở thành đại chướng ngại trong việc học Phật pháp. Trong xã hội đơn thuần như trước kia, thông thường vẫn phải chịu huấn luyện năm năm. Vừa mới vào Phật môn, bắt luận xuất gia hay tại gia đều phải chịu huấn luyện năm năm, trong Phật môn thường nói là “*năm năm học giới*”. Giới ở đây chẳng phải là giới luật trong kinh điển, mà là tuân giữ lời răn dạy của thầy, tu phước, tu huệ.

Phật là đấng Phước Huệ Nhị Túc Tôn, tức là đấng phước và huệ đều viên mãn, phước viên mãn, huệ cũng viên mãn. Học Phật là học phước, học huệ, học phước huệ như thế nào? Phải tu! Phải nghiêm túc tu phước, tu huệ. Phật pháp từ đầu tới cuối đòi hỏi chúng ta tu phước, tu huệ. Huệ học từ chỗ nào? Học từ Căn Bản Trí. Căn Bản Trí là gì? Căn Bản Trí là vô tri; kinh Đại Bát Nhã nói “*Bát Nhã vô tri*”, trước tiên hãy học từ đây. Nay chúng ta điên đảo, hiện thời đang học “*hữu tri*”, chỉ sợ chính mình chẳng biết, [luôn mong mỏi] thứ gì cũng đều phải biết, sai mất rồi! Đó chẳng phải là trí huệ chân thật, mà là gì? Vọng tưởng! Hiện thời chẳng phải là cầu trí huệ trong Phật pháp, mà là cầu vọng tưởng. Suốt ngày từ sáng đến tối đầy vọng tưởng, vẫn sợ chưa đủ vọng tưởng, dốc hết tánh mạng để học vọng tưởng, hỏng bét! Tu phước thì phải phục vụ đại chúng, phục vụ xã hội, phục vụ hết thầy chúng sanh; tu phước từ chỗ này, tối thiểu phải dùng thời gian năm năm để tu học. Tu phước thì hai mươi bốn môn oai nghi trong Sa Di Luật Nghi đều là tu phước. Tuy đức Phật nói hai mươi bốn môn oai nghi với người xuất gia, người tại gia có thể tu học giống hệt như vậy.

Đôi với việc tu Căn Bản Trí, cũng có thể nói là trước hết, quý vị phải định cái tâm, khiến cho cái tâm đạt đến thanh tịnh rồi mới dùng tâm thanh tịnh để nghe pháp, đọc kinh, quý vị sẽ có thể khai ngộ. Nếu quý vị chẳng có tâm thanh tịnh, quý vị nghe kinh suốt đời, niệm kinh suốt đời, chẳng thể nào khai ngộ! Ngộ là từ trong tâm thanh tịnh phát ra, chứ vị nhất định phải biết điều này. Nếu chúng ta từ đọc tụng mà đạt được trí huệ, kinh Phật gọi đó là Thế Trí Biện Thông. Người thế gian đọc sách rất nhiều, ghi nhớ rất nhiều, nói đến nổi hoa trời rơi tán loạn, trước tác đồ sộ, trong Phật pháp gọi điều đó là Thế Trí Biện Thông, chẳng phải là trí huệ chân thật. Vì sao? Đầu óc kẻ ấy hằng ngày [bận bịu] suy tưởng, hằng ngày tư duy. Nói cách khác, tất cả sự thông minh, trí huệ của kẻ ấy đều lưu lộ từ tâm ý thức, cũng tức là từ phân biệt, chấp trước, vọng tưởng sanh ra, đó chẳng phải là trí huệ được nói trong nhà Phật! Trí huệ như trong nhà Phật đã nói lưu lộ từ Chân Như bản tánh, sanh từ tâm thanh tịnh, lìa hết thảy vọng tưởng, phân biệt, chấp trước; đó là trí huệ. Hoàn toàn khác hẳn! Pháp thế gian và Phật pháp khác nhau ở chỗ này. Do đó, quyết định chẳng thể dùng phương pháp thế gian để tu học Phật pháp.

Làm thế nào mới có thể đạt đến tâm thanh tịnh? Tức là [làm thế nào] để đạt được Căn Bản Trí? Phương pháp hết sức nhiều. Các tông phái Phật giáo dùng các phương pháp khác nhau, nhưng nguyên lý giống nhau, mục tiêu như nhau! Phương pháp được dùng trong Giáo Hạ là đọc thuộc lòng kinh điển, không giảng ý nghĩa. Vì sao? Hễ giảng ý nghĩa, quý vị lại có phân biệt, chấp trước. Chẳng giảng ý nghĩa mà bảo quý vị niệm, niệm để làm gì? Niệm cho cái tâm đặc định. Niệm cho hết sạch tất cả hết thảy phân biệt, vọng tưởng, chấp trước, dùng phương pháp niệm kinh [để đạt mục đích ấy]. Vì lẽ đó, phương pháp niệm kinh là tu định, tu tâm thanh tịnh. Quý vị vừa niệm kinh vừa nghĩ tưởng ý nghĩa trong kinh, tâm quý vị chẳng thanh tịnh. Vì thế, quý vị niệm một giờ là tu một giờ, niệm hai giờ bèn tu hai giờ, mọi người phải hiểu đạo lý này. Niệm kinh là tu hành. Trong các buổi giảng, chúng tôi đã nói với chư vị quá nhiều, niệm kinh là hoàn thành Tam Học Giới - Định - Huệ cùng một lúc. Không chỉ là tu Định, mà còn có Giới ở trong ấy, Huệ cũng ở trong ấy, có thể thấy niệm kinh trọng yếu lắm!

Phương pháp của Thiên Tông là chẳng dùng niệm kinh, mà dùng đả tọa (tĩnh tọa), tham cứu, hoặc dùng quán tâm, tham thoại đầu, dùng các phương pháp ấy, mục đích như nhau, cũng là khiến cho quý vị bỏ sạch phân biệt, chấp trước, vọng tưởng. Mật Tông dùng trì chú, thậm chí Tịnh Độ Tông dùng niệm A Di Đà Phật, phương pháp khác nhau, nhưng mục

đích hoàn toàn như nhau. Mật Tông vừa nhập môn vẫn chưa trì chú, mà bảo quý vị lễ mười vạn lạy trong ba tháng, dập đầu mười vạn lần. Nếu trong ba tháng, quý vị không thể lễ mười vạn lạy, vậy thì khỏi cần học, chẳng dạy nữa! Những phương pháp này đều nhằm làm cho quý vị vút sạch hết thảy phân biệt, vọng tưởng, chấp trước, khiến cho tâm quý vị chuyên chú. Lễ mười vạn lạy phải đếm số, khi quý vị đếm số, trong tâm chẳng thể nghĩ tới chuyện gì khác. Nghĩ tới chuyện khác sẽ đếm trật. Đếm trật bèn chẳng tính, làm lại từ đầu! Vì thế, chuyện này rất phiền, nhất định phải tập trung tinh thần để tính đếm, để khỏi bị đếm trật. Đều là dùng các phương pháp ấy để chúng ta đạt được cái tâm thanh tịnh.

Đối với Giáo Hạ, thông thường là niệm ba ngàn lần các bộ kinh có phân lượng kha khá như kinh Pháp Hoa, kinh Lăng Nghiêm, mỗi ngày niệm một bộ. Niệm một bộ, niệm thuần thực, nhanh nhất phải mất bốn giờ. Nếu chưa thuần thực, có thể mất đến tám tiếng. Sau khi niệm như vậy, tâm quý vị mới có nền tảng, nghe kinh có thể khai ngộ. Tôi giảng kinh ở thành phố Đài Bắc đến năm nay là ba mươi năm, chưa thấy một ai khai ngộ! Vì sao chẳng có người nào khai ngộ? Là vì chẳng có người nào tâm thanh tịnh, trong tâm đều rất loạn! Không chỉ là pháp thế gian đã khiến cho quý vị loạn, mà Phật pháp cũng khiến cho quý vị loạn! Hôm nay nghe kinh này, ngày mai nghe kinh khác; hôm nay nghe vị pháp sư này giảng, ngày mai nghe vị đại đức kia giảng, đầu óc loạn tung phèo! Tâm chẳng thanh tịnh thì đọc kinh, nghe giảng đều là tăng trưởng tà kiến. Như vậy thì chẳng thể coi là đọc kinh, mà là nghiên cứu kinh. Nghiên cứu kinh là tăng trưởng tà kiến.

Tâm thanh tịnh đọc kinh, nghe giảng, bèn tăng trưởng trí huệ. Lục Tổ đại sư thừa với Ngũ Tổ: *“Trong tâm đệ tử thường sanh trí huệ”*. Vì sao thường sanh trí huệ? Tâm Ngài thanh tịnh. Vì sao chúng ta thường sanh phiền não? Tâm chẳng thanh tịnh, máu chốt ở ngay chỗ này. Trọn chẳng phải là Ngài có sở trường đặc biệt gì, mà chúng ta chẳng có! [Nếu nghĩ như vậy] thì chẳng hợp lý! Ngài có, chúng ta cũng có, chúng ta có cái tâm giống hệt, nhưng tâm Ngài thanh tịnh, tâm chúng ta chẳng thanh tịnh. Chúng ta vút bỏ hết thảy vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, tâm chúng ta cũng thanh tịnh. Ngài có thể thường sanh trí huệ, thì chúng ta cũng giống vậy, *“thường sanh trí huệ”*, chẳng có sai biệt! Bởi lẽ đó, tâm thanh tịnh là trọng yếu.

Đương nhiên, hiện thời chúng ta chẳng phải là kẻ mới học, nay đã là từ tuổi trung niên trở lên, chẳng thể làm học trò Tiểu Học nữa, nhưng chúng ta đã bỏ lỡ giai đoạn cầu học, nay bắt đầu làm lại. Nếu hiện thời bắt

đầu làm lại thì cũng phải nghĩ đến chuyện “*mất dê mới lo sửa chuồng*”. Một mặt nghe kinh ở đây, một mặt phải tu từ căn bản, tu căn bản chính là phải tu tâm thanh tịnh. Nghe kinh, nghiên cứu giáo, nhà Phật có một nguyên tắc: “Nghe hiểu thì rất tốt; nghe không hiểu bèn chẳng nghiên cứu, chẳng suy lường”. Vì sao? Nghe không hiểu, nếu quý vị mong hiểu kinh, càng nghĩ càng xa, càng nghĩ càng sai bét, vì sao? Quý vị đã hiểu, tức là quý vị dùng trực tâm để trực tiếp thấu hiểu; hễ rớt vào trong phân biệt liền rơi vào ý thức. Rơi vào ý thức sẽ biến thành tà tri, tà kiến. Do vậy, chớ nên suy nghĩ, chớ nên tư duy, chớ nên nghiên cứu những thứ ấy! Không chỉ là Thiên Tông lia tâm ý thức, mà Giáo Hạ cũng phải lia tâm ý thức giống hệt. Tâm là vọng niệm, ý là chấp trước, thức là phân biệt. Lia tâm ý thức; nói cách khác, quý vị chớ nên phân biệt, chớ nên chấp trước, chớ nên dấy vọng tưởng, như vậy thì quý vị mới có thể đạt được nghĩa chân thật của Như Lai. Bài kệ Khai Kinh có câu: “*Nguyên giải Như Lai chân thật nghĩa*”, quý vị mới có thể thật sự hiểu được. Quý vị dùng tư duy, suy lường, dùng phân biệt, chấp trước, chắc chắn là tà tri tà kiến.

Do điều này biết, người học Phật đáng quý ở chỗ trong mười hai thời (suốt ngày từ sáng đến tối) gìn giữ cái tâm thanh tịnh. Ta muốn gìn giữ, nhưng giữ chẳng được, vọng niệm tự nhiên sanh khởi. Chúng ta dùng phương pháp niệm Phật, Mật Tông dùng phương pháp trì chú, Thiên Tông dùng phương pháp tham cứu, Giáo Hạ dùng phương pháp đọc kinh, dùng những phương pháp ấy để khắc phục vọng niệm của chính mình, khiến cho cái tâm của chính mình có thể đạt tới thanh tịnh; đó gọi là “*pháp môn bình đẳng, chẳng hai, chẳng khác*”, đạo lý như vậy. Pháp môn thật sự bình đẳng, quý vị dùng phương pháp khác nhau, nhưng đạt tới mục đích hoàn toàn giống nhau. Còn như chọn lựa phương pháp nào thì căn tánh mỗi người mỗi khác, mỗi người có sở thích khác nhau, quý vị thích dùng phương pháp nào, bèn dùng phương pháp ấy, phương pháp chẳng có nhất định. Nhưng quý vị dùng phương pháp nào thì phải dùng đến cùng, chớ nên thường xuyên thay đổi. Thường xuyên thay đổi, công phu chẳng dễ gì đắc lực! Dùng một phương pháp đến cùng thì mới có thể đắc lực, mới có thể sanh ra tác dụng. Tác dụng là khiến cho phân biệt, vọng tưởng, chấp trước của quý vị ngày càng ít đi, trí huệ ngày càng tăng trưởng. Chư vị nhất định phải hiểu đạo lý này. Công phu tu hành chân chánh là ở chỗ nào? Ở ngay trong huấn luyện cái tâm thanh tịnh. Trong pháp môn này gọi là “*huấn luyện nhất tâm bất loạn*”, đây là công phu chân chánh. Công phu thuận tiện nhất là Phật hiệu, [tức là] chấp trì danh hiệu! Vọng niệm mới vừa sanh khởi, [bèn dùng danh hiệu] A Di Đà Phật để đè nén; trừ một

niệm A Di Đà Phật ra, chẳng có niệm thứ hai, quý vị đạt tới nhất tâm bất loạn, đó là công phu chân chánh.

Đương nhiên đối với người sơ học rất khó khăn, vì sao khó khăn? Thành kiến của quý vị rất sâu, ý kiến quá nhiều, chẳng chịu thật thà thực hiện! Vừa mới bảo quý vị niệm kinh thì niệm kinh nhằm mục đích nào? Hai mục đích: Một là nhằm đạt tới mục đích huân luyện cho cái tâm thanh tịnh, mục đích kia là khiến cho quý vị hiểu biết lý luận, phương pháp và cảnh giới, sau đây quý vị mới khẳng khăng một mục niệm Phật. Niệm kinh nhằm đạt tới hai mục đích trọng yếu ấy. Niệm Phật là “*đơn đao trực nhập*”, một mục tiêu, một phương hướng, như vậy thì mới có thể niệm thành công, niệm đến công phu thành phiền, niệm đến nhất tâm bất loạn.

Chúng ta đọc đến đoạn kinh văn này, thật sự hết sức cảm khái! Hiện thời, phương pháp học Phật sai lầm, cho nên tu học nhọc nhằn, vất vả, tu thật lâu mà chẳng đạt được kết quả, hết sức đáng tiếc. Nếu hiểu phương pháp, nương theo phương pháp ấy để hành, thưa quý vị, ba tháng sẽ hữu hiệu. Huân luyện trong ba tháng ấy, tâm của quý vị thanh tịnh rất nhiều. Sáu tháng, quý vị nhất định sanh pháp hỷ, ba năm bèn có thành tựu, khác hẳn! Ba năm, nhân sinh quan và vũ trụ quan của quý vị khác hẳn, khí chất con người biến đổi. Nếu quý vị chẳng chịu làm như vậy, học ba mươi năm vẫn y như cũ, chẳng có biến hóa gì!

Nếu chư vị muốn thật sự thành tựu, chớ nên không chú tâm thấu hiểu lời này; đây là nói lời thật cùng quý vị. Ấn Quang đại sư suốt đời chẳng lừa ai, luôn chân thật. Theo học với Ngài, Ngài khai thị cho quý vị một lượt, bảo quý vị trở về nhà thật thà tu tập suốt một đời. Ngài quyết định chẳng bảo quý vị đến chùa miếu khắp các nơi, hoặc đi khắp nơi nghe kinh, hoặc đến khắp nơi nghiên cứu kinh điển. Ngài bảo quý vị về nhà niệm một quyển kinh, niệm A Di Đà Phật, thật thà tu tập suốt một đời. Nếu quý vị thừa dịp rảnh rỗi đến thăm lão pháp sư, quý vị đọc Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao [sẽ thấy] khi học trò đến gặp Ngài, Ngài quở kẻ đó: “Người chẳng ở nhà thật thà niệm Phật, đến đây để làm gì?” Học trò thưa: “Con đến gặp sư phụ”. [Ngài mắng]: “Sư phụ đã gặp rồi, còn có gì hay ho để xem nữa?” Quở mắng, đuổi về! Khởi lên một niệm đến gặp thầy là suy nghĩ tán loạn. Không ở nhà thật thà niệm Phật, mà lãng phí thời gian, lãng phí tinh lực, lãng phí tiền tài!

Do vậy, mọi người tôn kính pháp sư Ấn Quang, nhưng chẳng có ai đề xướng. Vì sao? Đề xướng thì chùa miếu chẳng có tín đồ, ai nấy đều về nhà thật thà niệm Phật, đâu làm pháp hội cũng chẳng có ai đến. Chùa miếu hiện thời phải cậy vào tín đồ cúng dường, nên mọi người “*kính nhi viễn*

chi” pháp sư Ấn Quang, chẳng nhắc đến Ngài. Ngài là người nói lời chân thật, chẳng lừa người. Lôi kéo quý vị thường đến chùa tụ họp, đó là lừa người, chẳng thể có thành tựu, đó là tu một chút phước báo nhân thiên hữu lậu, làm chuyện này mà thôi, chẳng có mảy may liên quan đến Phật pháp, đến “liễu sanh tử, thoát tam giới”, đến vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới! Chư vị nhất định phải nhớ kỹ chuyện này. Nếu quý vị mong trong tương lai sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới thì những lời tôi nói ở đây rất hữu dụng!

(Sao) Chánh minh nhị độ tịnh uế bất đồng, linh hân yếm cố.

(鈔) 正明二土淨穢不同，令忻厭故。

(Sao: Nêu rõ hai cõi tịnh uế khác nhau, khiến [người nghe] ưa thích và chán nhàm).

Ở đây, Ngài nêu ra ý nghĩa này. Hai thế giới hoàn toàn khác nhau, chỗ khác biệt lớn nhất, thưa quý vị, là người trong Tây Phương Cực Lạc thế giới vô lượng thọ. Thọ mạng của hết thầy chúng sanh trong mười phương các cõi Phật đều có hạn lượng, dẫu dài cách mấy thì vẫn là có hạn lượng. Thọ mạng của chư thiên trời Phi Tướng Phi Tướng trong thế giới Sa Bà là tám vạn đại kiếp, vẫn là thọ lượng hữu hạn. Kinh Vô Lượng Thọ nói: Thuở ấy, Thế Tự Tại Vương Như Lai trụ thế bốn mươi hai kiếp, vẫn là thọ lượng hữu hạn. Chỉ riêng nhân dân trong Tây Phương Cực Lạc thế giới là vô lượng thọ, thật sự vô lượng. Chẳng cần nói tới những chuyện khác, nếu quý vị thật sự hiểu rõ điều này, đương nhiên giữ lấy Tây Phương Cực Lạc thế giới. Ai muốn sanh tử luân hồi? Sanh tử luân hồi vô cùng khổ sở! Quý vị phải thấy rành rẽ hiện tượng luân hồi! Trẻ thơ được sanh ra, đưa bé ấy đến đầu thai là đến [thế giới này]. Khi chết, lại ra đi, [dầu đến hay đi] đều ở trong luân hồi. Sống sống chết chết, chết chết sống sống, khổ khôn kể xiết, phải giác ngộ điều này!

Quý vị nói quý vị là một người sống rất sung sướng trong thế gian này, quý vị biết mình sung sướng lúc nào? Khi nào quý vị nhận biết sự sung sướng ấy đã qua đi? Thời gian rất ngắn. Coi như thọ mạng của quý vị khá lắm, có thể sống tới tám mươi tuổi, hai mươi năm đầu lo học hành, chẳng có thành tựu gì để nói tới. Hai mươi năm cuối già nua, mắt cũng hoa, tai cũng điếc, răng cũng rụng, chuyện gì cũng đều bất tiện, ngày càng khổ hơn. Tính ra trong bốn mươi năm thuộc khoảng giữa, tối ngủ mất một nửa, còn lại hai mươi năm. Hai mươi năm, quý vị mỗi ngày ăn cơm, làm lung, nên lại phải trừ đi một nửa, trừ mất mười năm, thọ mạng của quý vị

thật sự chỉ có mười năm. Nếu mười năm mà nghiêm túc làm việc thì chỉ sợ lại phải khấu trừ một nửa, quý vị chỉ còn có năm năm. Thời gian để quý vị có thể thật sự dụng công trong một đời, trên thực tế chỉ có năm năm. Coi như quý vị sống đến tám mươi tuổi, trừ qua, bớt lại, cuối cùng chỉ còn năm năm, quý vị phải giác ngộ! Vui ở chỗ nào? Đời người chẳng vui, chỉ có khổ, chẳng có vui sướng gì! Vì ăn, mặc, ở, đi lại mà bươn chải, đối với những gì quý vị đạt được, phải trả một cái giá to lớn cỡ nào thì mới được no ấm?

Quay đầu nhìn lại Tây Phương Cực Lạc thế giới, nếu muốn nhận biết và liễu giải Tây Phương Cực Lạc thế giới, ít nhất quý vị phải đọc Tịnh Độ Ngũ Kinh Độc Bản từ đầu đến cuối ba lần. Trong tâm quý vị có sự hiểu biết đại khái về Tây Phương Cực Lạc thế giới, mới hiểu chỗ tốt đẹp trong thế giới ấy, chẳng giống như trong thế giới này. Thế giới ấy chẳng có ưu lự, chẳng có vướng mắc, chẳng có phiền não, ăn, mặc, ở, đi lại tự nhiên, không cần phải sắp đặt, lo liệu, không cần quan tâm, tâm quý vị mới có thể vĩnh viễn giữ được sự thanh tịnh quang minh. Người trong thế giới ấy thần thông quảng đại, Thiên Nhân thấy thấu suốt, Thiên Nhĩ nghe thấu triệt, năng lực của họ do đâu mà có? Vì họ chẳng có phiền não, tâm họ thanh tịnh. Nói thật ra, chúng ta cũng có năng lực ấy, nhưng đã đánh mất. Vì sao đánh mất? Mỗi ngày lo ăn, lo mặc, mỗi ngày bụng dạ đều vướng mắc, chuyện này phiền lăm, khiến cho cái tâm thanh tịnh của chúng ta bị khuấy trộn nháo nhào, khuấy trộn đến nổi mê hoặc, điên đảo, nên toàn bộ bản năng (năng lực sẵn có) của chính mình bị mất đi!

Nếu quý vị nói thế giới Cực Lạc tốt đẹp, nói thật ra thì là hoàn cảnh sống của họ tốt đẹp. Chúng ta ở trong thế giới này, có khi cuộc sống khổ sở, vẫn phải nghĩ trọn hết phương pháp để di dân, hòng tìm một nơi có cuộc sống tốt đẹp hơn, công việc tốt đẹp hơn, đãi ngộ cao hơn, nghĩ trọn hết mọi phương pháp để đến đó. Sao quý vị chẳng nghĩ tới chuyện về Tây Phương Cực Lạc thế giới? Di dân đến thế giới Cực Lạc mới là người thông minh nhất. Trong thế giới này, chuyện tới đâu đều chẳng sai khác cho lắm, do cộng nghiệp cảm vùi mà! Thế giới này chẳng có chỗ tốt đẹp, chỗ tốt đẹp thật sự là ở Tây Phương Cực Lạc thế giới.

“*Nhi độ*” là thế giới Sa Bà và thế giới Cực Lạc, một là Tịnh Độ, một là uế độ. Nói thật ra, cõi nước chẳng có tịnh hay uế, mà do lòng người có tịnh hay uế. Tâm thanh tịnh cảm vùi Tịnh Độ, tâm xấu ác cảm vùi uế độ. “Cõi nước” là y báo, y báo chuyển theo chánh báo. Mỗi người trong thế giới Tây Phương đều là tu tâm thanh tịnh vãng sanh, cho nên cõi ấy là

thuần tịnh vô uế, chẳng giống các thế giới của mười phương chư Phật do nhiễm nghiệp của chúng sanh cảm vùi, là những cõi cảm vùi bởi uế nhiễm.

Đối với chúng sanh trong thế giới này, quý vị bảo mọi người tu tâm thanh tịnh, có làm được hay không? Là chuyện chẳng làm được! Mọi người không chịu tu, chúng ta chỉ đành phải di dân. Trừ di dân ra, chẳng có cách nào tốt đẹp để thực hiện, chẳng có biện pháp! Ta mong thanh tịnh, họ không muốn! Ở trong đại vũ trụ này, chỉ có một thế giới vô cùng đặc thù như thế, người tu tâm thanh tịnh trong mười phương thế giới chư Phật đều đến đó. Vì vậy, chúng ta nhất định phải hiểu sự thật chân tướng này. Tiếp theo đây, đại sư nêu ra một sự so sánh nhằm tháo gỡ mọi nghi hoặc có thể phát sanh.

(Sao) Vấn: Nghiêu xử mao từ, Cơ gián tượng ngọc, thế gian vương thần, thả sùng tổ phác, Tịnh Độ Bồ Tát, hà quý bảo nghiêm?

(鈔) 問：堯處茆茨，箕諫象玉，世間王臣，且崇素樸，淨土菩薩，何貴寶嚴。

(Sao: Hỏi: Vua Nghiêu sống trong lều tranh, Cơ Tử can gián [vua Trụ] dùng dùng chén đĩa bằng ngà, bằng ngọc. Vua tôi trong thế gian còn chuộng đơn giản, chất phác, sao Bồ Tát trong cõi Tịnh Độ lại chuộng những thứ trân bảo trang nghiêm?)

Lời hỏi này rất hay! Vì chúng ta nhìn vào Tây Phương Cực Lạc thế giới, dường như cuộc sống bên ấy quá choáng lộn, quá xa xỉ, quá phú quý. Chúng ta thấy thánh nhân trong thế giới này đều tôn trọng cuộc sống đơn giản, thuần phác, trọn chẳng chú trọng hưởng thụ cuộc sống vật chất, mà chú trọng hưởng thụ cuộc sống tinh thần. Vì thế, nêu ra câu hỏi này hay lắm.

“Nghiêu” là vua Nghiêu. Thuở vua Nghiêu tại thế, suốt đời sống trong lều tranh, đắp đất làm tường, phía trên lợp cỏ tranh. Cung điện của vua Nghiêu lợp bằng cỏ tranh, nên gọi là Mao Từ (茆茨). “Cơ” là Cơ Tử⁵⁵,

⁵⁵ Cơ Tử, họ Tử, tên Tư Du, thuộc hoàng tộc nhà Ân Thương, là con của Văn Đinh, em trai của Đế Ất, tức là chú của Trụ Vương (vua Trụ có thụy hiệu là Đế Tân, tên là Tử Thọ. Trụ Vương là thụy hiệu do nhà Châu đặt cho ông sau khi diệt nhà Ân). Cơ Tử giữ chức Thái Sư, được phong ở đất Cơ (nay là huyện Thái Cốc và Du Xã, tỉnh Sơn Tây), nên sử sách thường gọi ông là Cơ Tử. Theo Sử Ký, khi can gián, ông từng bị Trụ Vương giam giữ mãi cho đến khi Châu Văn Vương diệt Trụ mới được thả. Ông cùng với Vi Tử và Tỷ Can được người đời xưng tụng là Ân Đại Tam Nhân (ba vị nhân từ đời Ân), nhưng đã sử thường chép ông bị đui khỏi nước, bèn sang đất Cổ Triều

là đại thân của Trụ Vương nhà Ân. Ân Trụ Vương quá chuộng hưởng thụ, chén rượu đều làm bằng vàng, ngọc, ngà voi, hết sức tìm tòi sao cho hoa mỹ, tinh xảo. Cơ Tử can gián, chê hoàng đế quá xa xỉ. Ân Trụ Vương không nghe lời, đuổi Cơ Tử ra khỏi nước. Cơ Tử trốn tới Hàn Quốc, nghe nói người Đại Hàn chính là hậu duệ của Cơ Tử. Do vậy, trong thế gian này, Nghiêu là vua, Cơ Tử là đại thân, vua tôi trong thế gian đều tôn trọng chất phác, đôn sơ. Dường như Phật, Bồ Tát trong Tịnh Độ chẳng bằng các vị vua chúa, đại thân trong thế gian, họ sống cuộc đời lộng lẫy, hoa lệ, xa xỉ như vậy, dường như chẳng phải lẽ! “*Hà quý bảo nghiêm*” [nghĩa là] sao lại coi trọng những thứ trân bảo trang nghiêm ấy? Liên Trì đại sư giải thích:

(Sao) Đáp: Thử hữu nhị nghĩa.

(鈔) 答：此有二義。

(Sao: Đáp: Ở đây có hai nghĩa).

Trong lời đáp có hai ý nghĩa, một ý nghĩa là...

(Sao) Nhất giả, thượng trí chi sĩ, tri tâm tịnh tắc độ tự tịnh, chánh thắng tắc y tất cường, lý cố hữu nhiên, tâm thật vô trước.

(鈔) 一者，上智之士，知心淨則土自淨，正勝則依必強，理固有然，心實無著。

(Sao: Một là bậc thượng trí, biết tâm tịnh ắt cõi nước tự tịnh, chánh báo thù thắng, ắt y báo mạnh mẽ là lẽ đương nhiên, tâm thật sự chẳng chấp trước).

Trong tâm quyết định chẳng có chấp trước. Đây là nói theo người có trí huệ cao nhất, “*thượng trí*”, người ấy đã thông đạt, đã hiểu rõ. Tâm đã tịnh, cõi nước nhất định thanh tịnh, y báo quyết định chuyển theo chánh báo. “*Chánh thắng*” là chánh báo thù thắng, “*y tất cường*” [nghĩa là] y báo nhất định cũng thù thắng. “*Lý cố hữu*” [nghĩa là]: Đây là đạo lý đương nhiên! Những sự trang nghiêm bằng bảy báu trong Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng phải do toan tính. Nói thật thà, vua Nghiêu thuở ấy muốn cất một cái lầu tranh vẫn phải trù tính, vẫn phải có sắp đặt, tính toán để thực hiện như thế nào. Tây Phương Cực Lạc thế giới không cần! Chẳng

Tiên (nay là vùng Mãn Châu và bờ Nam sông Áp Lục), trở thành thủy tổ của cổ vương quốc Cao Cú Ly. Người Đại Hàn cũng tin như vậy, nhưng điều này vẫn còn đang trong vòng tranh luận, vì Triều Tiên thời cổ không bao gồm địa bàn của Hàn Quốc hiện thời.

cần thiết! Hết thấy là tự nhiên. Chúng ta ở nơi đây tôn trọng y báo, cảm thấy đó là phú quý khôn sánh. Trong Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng có ý niệm ấy, phải biết điều này!

“*Tâm thật vô trước*”, quyết định chẳng có chấp trước. [Sách Diễn Nghĩa giảng]: “*Thượng trí chi sĩ, ngộ cảnh duy tâm, tâm bất kiến tâm, vô tướng khả đắc*” (Bậc thượng trí ngộ cảnh là duy tâm, tâm chẳng thấy tâm, nên không có tướng gì để đạt được). Vì vậy, trong quan niệm của họ, hết thấy trần bảo trang nghiêm hoàn toàn giống như huyễn hóa. Thật ra, nói thật sự thì cũng là huyễn hóa, vì sao? Hết thấy sự thụ dụng của họ là tùy thuận lòng ưa muốn; ta trụ trong cung điện này, muốn to một chút, nó bèn to hơn một chút; muốn nó nhỏ hơn một chút, nó bèn nhỏ đi một chút, chẳng phải là giống như huyễn hóa ư? Ta nghĩ là màu vàng ròng, sẽ thấy toàn thể biến thành màu vàng ròng. Ta không thích sắc vàng ròng; ta muốn là màu bạc, toàn bộ biến thành màu bạc, chẳng cần phải bận tâm tí nào, chẳng cần phải ra tay! Tâm tướng gì biến ra đó, đúng là huyễn hóa tạo thành, thuận theo lòng muốn, họ chẳng có chấp trước. Họ cũng chẳng có cách nghĩ hay ý niệm quý, hèn, vì sao? Mỗi người đều thuận theo tâm nguyện của chính mình mà biến hóa thành tự. Nhưng phàm phu chúng ta chẳng như vậy, những điều được giảng trong kinh là do Thích Ca Mâu Ni Phật vì bọn phàm phu chúng ta mà nói. Phàm phu có phân biệt, có chấp trước, chẳng biết hết thấy các pháp “*duy tâm sở hiện, duy thức sở biến*”, chẳng biết y báo chuyển theo chánh báo, họ chẳng biết! Vì vậy, họ chỗ nào cũng chấp trước! Chấp tướng? Được rồi! Đối với hai tướng ấy, [phàm phu] bèn có phân biệt, liền chọn lựa, như vậy thì để cho họ hoan hỷ lìa bỏ thế giới Sa Bà, cầu lấy thế giới Cực Lạc. Đây là dụng ý thuyết pháp của đức Phật, chẳng phải nói với người trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, mà là để nói với chúng ta!

(Sao) Dụ như Thuần tại khuyến mẫu, cung hà lê sừ, nhất thừa Nghiêu thiện, cảnh tất miện lưu, bất kỳ tự biện, Thuần hà nhạo yên?

(鈔) 喻如舜在畎畝，躬荷犁鋤，一承堯禪，警蹕冕旒，不期自辨，舜何樂焉。

(Sao: Ví như vua Thuần ở chốn rẫy bái, khiêng vác cày cuốc, một khi được vua Nghiêu nhường ngôi, ra vào có kẻ canh gác, dẹp đường, đội mũ miện rủ tua ngọc, chẳng mong tự đạt được, vua Thuần há có ham thích gì!)

Lão nhân gia nêu ra so sánh cũng vô cùng hay! Vua Nghiêu tuổi đã già, muốn truyền lại ngôi vua phải tìm một người tốt đẹp, tìm một người thật sự hiền năng. Đến đâu để tìm? Đi thăm dò khắp nơi! Thời cổ tìm hiền nhân là tìm người như thế nào? Tìm người hiếu thuận, chẳng cần xét gì khác, người ấy có thể hiếu thuận thì nhất định là người tốt. Tại Trung Quốc, từ đời Hán trở về sau; nói thật ra, cũng thực hành chuyện tuyển cử. Từ xưa đến nay, coi trọng tuyển cử, nhưng tuyển cử không nhất định là do dân chúng tuyển cử, mà do quốc vương, đại thần đi khắp nơi thăm dò để tuyển chọn, đề bạt người hiền, gọi là “*cử hiếu liêm*”. Cử (舉) là tuyển cử, tiến cử kẻ ấy. Người như thế nào? Hiếu liêm, liêm (廉) là liêm khiết. Người liêm khiết tuyệt đối chẳng tham ô, dẫu cuộc sống khổ sở, cũng chẳng đòi hỏi người khác một đồng nào! Người như vậy thay dân chúng làm việc mới là công chánh, nghiêm minh. Tuyển cử người như vậy.

Quan lại địa phương trước đây là tri huyện, tri phủ, giống như hiện thời chúng ta gọi là huyện thị trưởng, điều thứ nhất trong thành tích chánh trường của ông ta là vì quốc gia tiên cử, đề cử nhân tài. Tuyển chọn, đề bạt nhân tài, quốc gia có ban thưởng, [điều ấy được gọi là] “*tiến hiền thọ thưởng*” (đề cử người hiền tương thưởng trọng hậu). Vinh dự cao nhất của đất nước ban thưởng cho ai? Thưởng cho người thay quốc gia đề bạt nhân tài. Người làm huyện thị trưởng, thường ra ngoài thăm dò, con cái nhà nào hiếu thuận, bèn chọn lấy, dùng kinh phí của quốc gia để lo cho nó học hành, vun bồi nó. Nếu gia cảnh nó thanh bần, quốc gia sẽ bù đắp. Cổ nhân thường nói: “*Trung thân xuất thân từ hiếu tử*”. Người có thể hiếu thuận cha mẹ, sẽ chẳng làm chuyện xấu. Làm chuyện xấu sợ có lỗi với cha mẹ. Vì thế, trong nền giáo dục xưa kia, mọi người có quan niệm “*vinh tông diệu tổ*” (rạng mào nở mặt tổ tiên), hành vi của ta trong suốt một đời luôn có thể làm cho cha mẹ, tổ tiên tăng thêm vinh dự, chẳng khiến cho tổ tiên, cha mẹ mất mặt. Hễ nghe nói kẻ nào đó làm chuyện xấu, hẳn là con cái của người nào đó, cha mẹ kẻ ấy lắm nỗi sợ sùng! Vì thế, con cái ở bên ngoài quyết định chẳng dám làm sai, làm quấy. Quốc gia tuyển cử lấy điều này làm tiêu chuẩn; hiện thời, tiêu chuẩn tuyển cử chẳng còn nữa.

Vua Thuần là bậc đại hiếu. Người Hoa hễ nói đến hiếu đạo, nhất định là nói đến vua Thuần. Quý vị đọc Sử Ký thấy có ghi chép [tiểu truyện của vua Thuần]. Thiên thứ nhất trong bộ Lịch Sử Cảm Ứng Thống Ký là truyện vua Thuần. Ông ta là người thật sự hiếu thuận, đã thật sự thực hiện được chữ “*thuận*”. Ông ta sống trong hoàn cảnh gia đình hết sức khổ sở. Mẹ ruột ông ta mất rất sớm. Cha cưới dì ghẻ, dì ghẻ ngược đãi vua Thuần. Cha vua Thuần lại nghe lời dì ghẻ, điều này rất khó chịu đựng. Dì ghẻ lại

sanh con trai, đương nhiên yêu thương con đẻ, coi con vợ trước như đây tở, dùng đủ mọi cách ngược đãi vua Thuấn. Ngược đãi vẫn chưa đủ, còn toan nghĩ cách hại chết ông ta. Vua Thuấn rất thông minh, biết họ dùng kế gì. Dì ghẻ muốn đẩy ông ta xuống giếng để chìm cho chết, vua Thuấn đã sớm khoét một cái ngạch bên giếng, khoét lối thông ra ngoài. Quả nhiên, có một hôm họ đẩy ông ta xuống giếng, ông ta theo lối ngạch thoát ra. Do ông ta đã sắp đặt dự phòng trước, nên giữ được tánh mạng. Cha, mẹ, anh em ngược đãi như vậy, nhưng ông ta chưa hề nói xấu họ một lời nào, luôn nói họ tốt đẹp, luôn bảo chính mình sai trái, [luôn tự vấn] vì sao chính mình chẳng thể khiến cho cha mẹ vui lòng, luôn luôn quay lại tự trách chính mình. Đến cuối cùng, cha mẹ ông ta bị cảm động, cả một nhà bị ông ta cảm động.

Vua Nghiêu nghe kể chuyện người ấy, tuyệt quá! Nếu người ấy làm vua, dân chúng cả nước sẽ đều được ông ta cảm hóa. Do vậy, vua Nghiêu cho vời ông Thuấn đến, gả hai cô con gái cho. Ông Thuấn cũng chẳng ngờ từ một kẻ bình dân, là một nông phu ở chôn ruộng nương, bỗng nhiên làm hoàng đế, nghĩ cách nào cũng chẳng nghĩ ra được. Đang vác cuốc trên đồng, vừa được vua Nghiêu nhường ngôi vua, “*cảnh tất, miện lưu*” (ra vào có kẻ canh gác, dẹp đường, đội mũ miện rủ tua ngọc)⁵⁶ là nói đến sự tôn nghiêm của đế vương. “*Bất kỳ tự biện*” [nghĩa là] chẳng phải do chính ông ta mong mỏi đạt được, mà là chuyện tự xảy đến, chẳng phải là điều ông ta mong cầu, chẳng có ý niệm ấy! “*Thuấn hà nhạo yên?*”: Vua Thuấn có ưa thích hay không? Vua Thuấn chẳng ham! Vì sao chẳng ham? Biết trách nhiệm quá to lớn, nặng nề, ông ta phải trọn hết sức làm tốt công việc, há còn tâm tình gì để hưởng lạc? Chẳng có! Niệm niệm suy tưởng làm thế nào để cai trị đất nước cho tốt đẹp, làm thế nào để dân chúng sống tốt đẹp. Đúng là hy sinh, dâng hiến, há có gì để hưởng lạc ư?

Thời cổ, những vị quan tham chánh trong đất nước, từ trường quan địa phương cho đến nguyên thủ quốc gia mang tâm thái gì? Thật sự vì dân chúng phục vụ, mang tâm thái ấy. Thường nói là “*học nhi ưu tắc sĩ*”, [nghĩa là] học vấn và đạo đức đều đã thành tựu rồi mới ra làm quan. Làm quan có phải là chính mình muốn ra làm hay không? Chẳng phải, nhất định là do người khác mời quý vị ra. [Do họ] thành tâm thành ý mời, nên

⁵⁶ “*Cảnh tất*” nói đầy đủ là “*xuất cảnh, nhập tất*” (出警入蹕). Đây là một thành ngữ diễn tả sự phòng vệ và tỏ rõ sự tôn nghiêm của hoàng đế khi ra vào. “*Cảnh*” là trước khi vua đến cũng như trong khi vua đi đường, các thị vệ phải lục soát, cảnh giới nghiêm ngặt chung quanh để ngăn ngừa thích khách. “*Tất*” là dẹp đường hòng ngăn xa giá khỏi bị ngăn trở, dân chúng hoặc những kẻ vô phận sự phải nép vào bên lề.

nê tình, chẳng thể không ra. Gia Cát Lượng cũng là một người làm ruộng, đọc sách, Lưu Bị ba lượt đến thỉnh, thấy tâm ông ta rất chân thành, nên nê tình phải ra. Quý vị đọc Tam Quốc Chí, thấy khi Gia Cát Lượng sắp ra đi, bảo em trai: “Ta đi giúp Lưu tướng quân đôi chút, em hãy trông nom nhà cửa cẩn thận, ta sẽ trở về rất nhanh”. Lòng người ta đâu muốn làm quan! Đi giúp họ Lưu, khi giúp xong liền vội vã trở về, chẳng muốn làm nữa, từ chức! Tuyệt đối chẳng giống như hiện thời, “ta ngon lành cỡ nào, các người phải chọn ta làm quan chức này nọ!” [Xưa kia] chẳng có, chẳng thể nào có chuyện ấy, dầu được thỉnh vẫn bất động! Vì sao? Không làm quan thật là sung sướng! Hưởng an vui là dân chúng hưởng an vui, người giữ chức vị khổ sở phục vụ nhọc nhằn để chúng ta hưởng thụ, họ tạo phước, dân chúng hưởng phước! Đó là chuyện xưa kia, đương nhiên cũng có lúc hủ hóa, nhưng vẫn có chừng hạn... Chính mình bỏ mất những thứ tốt đẹp của Trung Quốc, học lấy những thứ trời ơi đất hỡi của ngoại quốc, nên chúng ta mới chịu tội, mới bị khổ sở!

Trước kia, tôi theo tiên sinh Phương Đông Mỹ, thầy Phương thường hét sức ca ngợi chế độ nhà Châu. Hiến pháp nhà Châu gọi là Châu Quan, còn gọi là Châu Lễ. Châu Lễ do Châu Công soạn ra, tức là lý tưởng trị quốc (cai trị đất nước) của ông ta. Thầy Phương nói nếu con cháu đời sau của nhà Châu đều có thể làm theo pháp điển ấy, chỉ sợ cho tới hiện thời [vương triều cai trị Trung Hoa] vẫn là nhà Châu, chẳng bị vong quốc! Cụ nói bộ pháp điển ấy, hiến pháp của bất luận quốc gia hay dân tộc nào trên cả thế giới đều chẳng có cách nào sánh bằng! Lúc ấy, thầy bảo tôi xem, tôi mua một bộ nhưng chưa đọc. Sau này học Phật, căn bản là chẳng xem tới sách ấy. Khi tôi theo thầy, tôi còn chưa học Phật, thầy khuyên tôi đọc sách ấy, bảo sách ấy vô cùng hay. Thầy hét sức tán thán, nói lời ấy với tôi tối thiểu mười mấy lượt. Thầy hét sức tôn sùng chế độ nhà Châu, coi đó là một pháp điển tốt nhất thế giới, là nguyên lý và nguyên tắc để trị quốc, bình thiên hạ. Từ đời Hán trở đi, tuyển cử ở Trung Quốc là chức trách của quan lại địa phương, nên điều trọng yếu nhất trong thành tích chánh trị của quan lại địa phương là tuyển cử, đề bạt nhân tài cho quốc gia. Điều này được thực hiện mãi cho đến đời Mãn Thanh, quý vị thấy nó có sức ảnh hưởng to lớn! Gần như [kéo dài] đến hai ngàn năm!

(Sao) Cố viết hữu thiên hạ nhi bất dĩ dã.

(鈔) 故曰有天下而不與也。

(Sao: Vì thế nói: “Có thiên hạ mà chẳng màng”).

Cho nên mới có một câu nói như thế! “*Có*” tức là tại vị, đang ở địa vị làm vua một nước, đó là “*có thiên hạ*”, nói theo cách hiện thời là “*có chánh quyền*”. Có chánh quyền bèn giống như người trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, tâm thật sự chẳng chấp trước! Tâm địa người ấy thanh tịnh, trọn chẳng coi đó là chuyện nở mày nở mặt, trọn chẳng coi đó là điều để hưởng thụ. Người ấy ở vị trí đó, biết mưu cầu hạnh phúc cho hết thầy chúng sanh. Do vậy, Phật, Bồ Tát ở địa vị Phật, Bồ Tát, trách nhiệm của các Ngài là phải phổ độ hết thầy chúng sanh, hy vọng hết thầy chúng sanh đều khai ngộ, ai nấy đều thành Phật. Vì Phật pháp là sư đạo; Phật, Bồ Tát có thân phận là thầy, đã là thân phận thầy thì phải dạy học. Do vậy, chẳng có một vị Phật, Bồ Tát nào chẳng giảng kinh, hoằng pháp; chẳng có! Tìm không ra! A La Hán có vị chẳng giảng kinh, thuyết pháp, nhưng Bồ Tát chẳng vậy, nhất định là giảng kinh, hoằng pháp. Dầu chẳng chánh thức giảng kinh, hoằng pháp, Ngài cũng hộ trì đạo tràng giảng kinh, hoằng pháp. Giống như trong một trường học, lên lớp trong nhà trường là giáo viên, không lên lớp là các nhân viên, [những nhân viên ấy] cũng chẳng thể khuyết thiếu! Chẳng có các nhân viên, ai lo công chuyện? Bởi lẽ, cần có người lo liệu công việc!

Quý vị ai nấy đều làm giáo viên, có khi Bồ Tát cũng làm nhân viên. Xưa kia, chùa Quốc Thanh núi Thiên Thai, mọi người đều dốc hết tánh mạng dụng công tu học, rốt cuộc là chân học hay giả học, chẳng biết! Cho dù là giả vờ học, vẫn khiến cho A Di Đà Phật, Văn Thù Bồ Tát, và Phổ Hiền Bồ Tát đến làm lụng trong chùa. A Di Đà Phật ở hậu viện giã gạo cúng dường đại chúng, làm việc lao dịch. Văn Thù và Phổ Hiền nấu cơm trong nhà bếp. Văn Thù, Phổ Hiền là Hàn Sơn, Thập Đắc, A Di Đà Phật là hòa thượng Phong Can. Chân tướng cũng do chính các Ngài bộc lộ. Quan đứng đầu địa phương là Lư Thứ Sử đến nhận chức, nửa đường bị bệnh nặng, rất nhiều thầy thuốc đều bó tay, ngài Phong Can đến chữa bệnh cho ông ta. Sau khi chữa khỏi, ông Lư hỏi Sư: “Pháp sư, thầy ở nơi đâu?” Sư đáp: “Tôi ở chùa Quốc Thanh núi Thiên Thai”, ông Lư nói: “Đó là nơi ta cai trị”. Ông ta là trưởng quan của địa phương, quản hạt khu vực ấy, liền thỉnh giáo Sư: “Trong chùa của thầy có cao tăng hay không?” “Có! Hàn Sơn là Văn Thù Bồ Tát, Thập Đắc là Phổ Hiền Bồ Tát”.

Ông ta vừa đến nhiệm sở, ngày hôm sau liền vội vã đến chùa Quốc Thanh bái phỏng hai vị Bồ Tát. Đến chùa Quốc Thanh liền hỏi Văn Thù và Phổ Hiền, mọi người chẳng biết Văn Thù và Phổ Hiền là ai? Lại hỏi đến Hàn Sơn và Thập Đắc, họ nghĩ cả nửa ngày [cũng không biết là ai]! Có hai người điên điên, khùng khùng nhóm lửa trong nhà bếp, một gã là

Hàn Sơn, gã kia tên là Thập Đắc. Ông ta đến đó, vừa gặp mặt liền sụp lạy. Hai người ấy chẳng màng đến ông ta, vội vã bỏ chạy ngay, ông ta đuổi theo sau. Đuổi tới một quả núi, núi ấy liền tách ra, hai người bọn họ bước vào đó, quay lại nói: “*Di Đà lăm môm*”. “*Lăm môm*” tức là đã nói toạc bí mật của bọn họ. Ông Lư mới biết Phong Can là A Di Đà Phật. Bọn họ vừa bước vào, núi bèn khép lại, chẳng thấy người đâu nữa! Sau đó, [ông Lư] đi tìm Phong Can, nhưng Phong Can cũng không thấy. Vì thế mới biết A Di Đà Phật, Văn Thù, Phổ Hiền làm việc nặng phục vụ mọi người, chuyện người ta không muốn làm, Phật, Bồ Tát bèn đến làm. Do vậy, Phật, Bồ Tát chẳng giảng kinh, thuyết pháp, bèn làm việc nặng nề hồng cúng dường đại chúng, đều là làm khuôn mẫu, nêu gương cho chúng ta thấy. Chúng ta thấy những chuyện ấy chẳng muốn làm, Phật, Bồ Tát chịu làm. Đó là giải thích mười phần cụ thể câu “*có thiên hạ mà chẳng màng*”.

Đây là ý nghĩa thứ nhất, nêu rõ bọn họ đạt được tự nhiên, quyết định chẳng có tâm [mong cầu, toan tính], quyết định chẳng hưởng lạc, hề có vui sướng thì trật mất rồi. Hai bên khổ và lạc đều bỏ, tâm người ấy là thanh tịnh, tâm chẳng mê, tâm đầy ấp trí huệ, chúng ta phải hiểu điều này. Ý nghĩa thứ hai là “*khúc vị độn căn phàm phu*” (chiều theo phàm phu độn căn), tức là vì chúng ta mà nói. Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng tôi giảng tới đây.

Tập 145

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang ba trăm lẻ chín:

(Sao) Nhị giả, khúc vị độn căn phàm phu, tu thị khổ lạc, linh sanh hân yếm, tiên dĩ dục câu khiên, hậu linh nhập Phật trí.

(鈔) 二者，曲為鈍根凡夫，須示苦樂，令生忻厭，先以欲鉤牽，後令入佛智。

(Sao: Hai là thuận theo kẻ độn căn phàm phu, cần phải chỉ ra sự khổ và vui, khiến cho họ ưa thích và chán nhàm, trước hết là dùng dục để lôi kéo, sau đó làm cho họ nhập Phật trí).

Đoạn trước là nói với bậc thượng căn lợi trí, đoạn này nhằm nói với hàng phàm phu. Đương nhiên, từ kinh Vô Lượng Thọ, chúng ta thấy đối tượng chủ yếu của pháp môn này là lục đạo phàm phu, còn Bồ Tát và Thanh Văn là những căn cơ được độ kèm thêm. Do điều này mà biết là “*khúc vị độn căn phàm phu*” (nhằm tùy thuận độn căn phàm phu), quả thật lấy điều này làm chủ yếu. Phàm phu chẳng có tầm nhìn xa rộng như bậc thượng trí, trí huệ cũng chẳng cao như thế. Quý vị nói chân tướng của nhân sinh và vũ trụ với họ, họ rất khó thể lý giải, [do họ chấp] những gì họ trông thấy là hiện thực. Nếu luận định theo hiện thực, phàm phu vui thích nhất và cũng bằng lòng tiếp nhận; do vậy, phải phô bày, hiển thị. Nay chúng ta gọi Thị (示) là “*triển hiện*” (phô bày, chỉ rõ) hai thứ cảnh giới khổ và vui khác nhau; phàm phu trông thấy những cảnh giới ấy sẽ tự nhiên biết lấy và bỏ như thế nào!

Thế giới này thật sự rất khổ, có một người lái taxi nói với tôi: “Trong thế giới hiện tại, dường như con người chẳng thể nào sống được!” Ông ta có cảm xúc như vậy, nói thế giới dường như chẳng còn là thế giới nữa. Tôi khuyên ông ta: “Nếu ông đã biết thế giới này chẳng phải là cuộc sống của con người, vậy thì hãy nhanh chóng niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Còn có một thế giới tốt đẹp, chúng ta có thể đến đó thành công”. Có cảm xúc ấy tức là bắt đầu giác ngộ, tâm “*hân yếm*” (ưa thích và chán nhàm) tự nhiên sanh khởi. Hân (忻) là vui thích, tức là vui thích Tây Phương Cực Lạc thế giới, sanh lòng chán ngán, nhàm lìa thế giới này. Vì lẽ này, kinh mới nói đến y báo và chánh báo trang nghiêm trong Tây Phương Cực Lạc

thế giới. Nếu không, chỉ giảng lý luận và đạo lý là được rồi, cần gì phải nói những sự trang nghiêm nơi y báo và chánh báo trong Tây Phương Cực Lạc thế giới? Dụng ý đều là vì hạ căn phàm phu mà nói, nhưng những điều Ngài đã nói đều là sự thật, trọn chẳng phải là vọng ngữ, chẳng phải là lừa gạt chúng ta, những câu ấy đều là lời chân thật.

“*Tiên dĩ dục câu khiên, hậu linh nhập Phật trí*” (trước hết, dùng dục để lôi kéo, sau đó làm cho họ nhập Phật trí), đây là phương cách hóa độ chúng sanh của đức Phật. Nhưng trước hết dùng lạc dục để dẫn dắt quý vị, Ngài chẳng lừa dối quý vị, chẳng phải là những lời lẽ khi ấy chẳng đáng coi trọng, chẳng phải vậy! Lời đức Phật đã nói tuyệt đối là chân thật ngữ. Kinh Kim Cang dạy chẳng sai: “*Như Lai là bậc chân ngữ, thật ngữ, như ngữ, chẳng nói sai khác, chẳng nói dối gạt*”, chắc chắn là như vậy. Tuy nói “[dùng] dục để lôi kéo”, nhưng Ngài chẳng lừa gạt, những sự dục lạc ấy là chuyện chân thật. Đúng như trong kinh Hoa Nghiêm, đức Phật đã nói về y báo và chánh báo trang nghiêm của thế giới Hoa Tạng; tục ngữ có câu: “*Chẳng đọc Hoa Nghiêm, chẳng biết sự phú quý trong nhà Phật*”. Có phải là Phật, Bồ Tát thật sự ham thích phú quý như vậy hay không? Chẳng phải! Đó là tự nhiên, phước báo của các Ngài là tự nhiên, chẳng phải giống như chúng ta phải mong cầu. Ở trong hoàn cảnh ấy, các Ngài cũng trọn chẳng biết hoàn cảnh ấy là lạc, các Ngài cũng chẳng có lạc thọ (cảm nhận vui sướng). Nếu có lạc thọ thì lạc thọ là phiền não, các Ngài há có phiền não? Các vị Phật, Bồ Tát đến thăm địa ngục, trông thấy núi đao, vạc dầu, nếu tới đó, các Ngài cũng chẳng cảm thấy khổ, năm thứ “khổ, lạc, ưu, hỷ, xả”, các Ngài đã đều lìa khỏi, đều chẳng có. Vì sao có cảnh giới ấy? Kinh đã giảng rất rành mạch, đó là do Tánh Đức tự nhiên hiển hiện, chẳng tới từ bên ngoài, mà cũng chẳng phải do chính quý vị mong mỏi như thế này, như thế nọ. Chẳng phải vậy! Hết thấy đều là tự nhiên, là Chân Như bản tánh lưu lộ. Bởi lẽ, trong bản tánh vốn trọn đủ vạn đức, vạn năng, Tánh Đức là như vậy đó!

Lạc dục phàm phu chúng ta, nếu nói sâu hơn một chút, kể cả Thanh Văn, Duyên Giác, và Quyền Giáo Bồ Tát đều chưa kiến tánh. Chưa kiến tánh thì quý vị tuy có Tánh Đức, nhưng bị vô minh phiền não chướng ngại, chẳng thể hiện tiền, nên sự thụ dụng liền biến thành Tu Đức. Hiện thời, chúng ta phải tu. Quý vị chẳng tu điều lành, sẽ chẳng thể có phước báo, đó là “*thiện có thiện báo, ác có ác báo*”. Quả báo thiện ác do tu mà có, chẳng phải là Tánh Đức, Tánh Đức chẳng cần phải tu. Bậc kiến tánh Bồ Tát, trong Viên Giáo là từ Sơ Trụ trở lên, trong Biệt Giáo là từ Sơ Địa trở lên, thụ dụng giống như trong kinh Hoa Nghiêm và kinh Di Đà đã nói, thụ

dụng tự nhiên, chẳng cần lo liệu, chẳng cần cầu lấy, mà do Tánh Đức tự nhiên lưu lộ. Chúng ta hãy nên hiểu điều này. Hiểu chuyện này thì mới biết vì sao học Phật nhất định phải kiến tánh. Chẳng kiến tánh có được hay không? Chẳng kiến tánh thì vẫn được, nhưng chưa kiến tánh thì trong cuộc sống, quý vị vẫn phải suy tính, phải nghĩ cách tìm kiếm, lo liệu. Nếu kiến tánh thì hết thấy đều chẳng cần; điều này cho thấy tầm trọng yếu của sự kiến tánh.

Tu học theo lời thông thường, kiến tánh khó lắm! Trong tám vạn bốn ngàn pháp môn, nếu muốn tu đến mức kiến tánh, chẳng phải là chuyện dễ dàng! Dựa vào năng lực của bản thân chúng ta, chắc chắn chẳng thể làm được trong một đời. Chỉ riêng pháp môn này, pháp môn này cạy vào Phật lực gia trì, nguyện lực của A Di Đà Phật gia trì chúng ta, oai đức của hết thấy Như Lai trong mười phương gia trì, giúp chúng ta đời nghiệp vãng sanh, sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, tuy chưa kiến tánh, nhưng hoàn cảnh sống chẳng khác người đã kiến tánh cho mấy! Đây là pháp khó tin, nói theo Giáo Hạ sẽ chẳng thấy thông suốt. Trong Yếu Giải, Ngẫu Ích đại sư đã nói: “*Giáo vãng sở bất năng nhiếp*” (chẳng thuộc vào trong phạm vi của giáo lý thông thường). Trong Giáo, chẳng có cách giảng như thế, mà trong mười phương cõi Phật cũng chẳng có chuyện này, chỉ riêng Tây Phương Cực Lạc thế giới là đặc biệt. Đây là một hoàn cảnh, một cảnh giới rất đặc thù, nên mười phương chư Phật đều tán dương.

Xét theo lý luận [thông thường] thì chẳng có [hoàn cảnh đặc thù như vậy], chẳng dễ gì tin tưởng, nhưng xét theo sự thật, quý vị hãy nghĩ xem, trong nhiều năm ngàn ấy, đã có bao nhiêu người vãng sanh? Nhiều gương ngàn ấy bày ra trước mặt, nếu chúng ta chẳng tin thì đúng là rất ngu si. Xét theo Giáo, hoàn toàn chẳng phải là nói theo lý luận bèn chẳng thông; hề ai thật sự quán thông sẽ tin tưởng. Người nào quán thông? Liên Trì đại sư quán thông. Nếu Liên Trì đại sư chẳng quán thông, làm sao Ngài có thể tin tưởng cho được? Chúng ta đọc những phần trích dẫn kinh điển để làm chứng cứ trong bộ chú giải này, sẽ thấy Liên Trì đại sư đã quán thông. Ngẫu Ích đại sư cũng quán thông. Thuở đầu, Ngẫu Ích đại sư học [giáo nghĩa] Thiên Thai, cuối cùng quy hướng Tịnh Độ, chuyên tu, chuyên hoằng, trở thành tổ sư của Tịnh Độ Tông. Liên Trì đại sư Giáo cũng thông, mà Thiên cũng thông. Ngài từng tham Thiên, cuối cùng cũng quy hướng Tịnh Độ. Nhưng người thật sự thông đạt giáo lý đúng là chẳng nhiều nhận gì! Kẻ chưa thông đạt thấu triệt luôn biểu lộ sự hoài nghi đối với pháp môn này. Dầu chẳng hoài nghi, họ cũng không chịu tu học pháp

môn này. Nói thật thà, sở dĩ họ không chịu tu học pháp môn này, cũng là do chưa nhận thức triệt để rõ ràng pháp môn này.

Chúng ta phải tin tưởng lời Phật dạy, tuy nói là “*dùng đục để lôi kéo*”, nhưng đều là chân thật, đều là sự thật. “*Hậu linh nhập Phật trí*” là mục đích, đó là nhập Phật trí kiến, là tông chỉ của kinh Pháp Hoa, mà cũng là Vô Thượng Bồ Tát được nói trong Tịnh Độ. Vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới để làm gì? Để thành tựu Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, làm chuyện này.

(Sao) *Dụ như chánh ách cơ hàn chi quốc.*

(鈔) 喻如正厄饑寒之國。

(Sao: *Ví như nước đang gặp phải nạn đói lạnh.*)

Đây là tỷ dụ một địa phương gặp lúc thiên tai, dân chúng mất mùa, nơi đó gặp nạn đói, đói và lạnh nhất định liên đới, chẳng có cái ăn, chẳng có cái mặc, cuộc sống khổ sở!

(Sao) *Hốt văn bão noãn chi hương.*

(鈔) 忽聞飽暖之鄉。

(Sao: *Chợt nghe nói có chỗ no ấm.*)

Bỗng nhiên nghe nói ở nơi khác có hoàn cảnh sống hết sức tốt đẹp; nói chung, họ sẽ nghĩ trọn hết phương cách để rời khỏi chỗ đói lạnh, tìm đến nơi no ấm. Nếu so sánh giữa thế giới Sa Bà và thế giới Cực Lạc, bên đó là chỗ no ấm, nơi đây là nước đói lạnh.

(Sao) *Phương trầm u ám chi nhai, sạ đổ quang minh chi cảnh.*

(鈔) 方沈幽暗之崖，乍睹光明之境。

(Sao: *Đang chìm đắm dưới vách núi tối tăm, chợt thấy cảnh quang minh.*)

“*Trầm*” là trầm luân, “*u ám*” là tối đen. Nơi vách núi tối tăm, vừa thấy quang minh, lẽ đâu người ấy chẳng bò lên?

(Sao) *Khởi bất thân tâm dũng được, xả cố tức tân.*

(鈔) 豈不身心踊躍，舍故即新。

(Sao: *Há chẳng thân tâm hơn hờ, bỏ cái cũ, theo cái mới.*)

Đây là lẽ thường tình của con người. Đức Phật đặc biệt nói cặn kẽ, rõ ràng về y báo và chánh báo trang nghiêm của Tây Phương như vậy, dụng ý là muốn cho chúng ta giác ngộ. Ngẫm lại, hiện thời cuộc sống của chúng ta ở nơi đây khổ quá, thế giới này chẳng có chỗ nào tốt đẹp. Trong quá khứ, tại Đài Loan, cuộc sống vẫn chưa thật sự ném trái nõi khổ đến mức này. Hiện thời, tuy lắm tiền, nhưng sự khổ xộc tới, có thể thấy tiền chẳng phải là thứ tốt đẹp. Nếu Đài Loan chẳng có lắm tiền như thế, mọi người còn sống tốt lành. Lắm tiền nhiều của sẽ tác oai tác quái. Xã hội hiện thời chệch choạc, chúng ta tra xét cặn kẽ nguyên nhân [sẽ thấy vấn đề ở chỗ] tiền bạc, nhiều tiền lắm bạc quá, khiến cho xã hội động loạn bất an, chúng ta cảm thấy khổ sở! Quý vị liền biết thế giới này chẳng phải là một thế giới tốt đẹp!

(Sao) Đản đắc vãng sanh, chung thành giải thoát, phương tiện tiếp dẫn, đương như thị nhĩ.

(鈔) 但得往生，終成解脫，方便接引，當如是耳。

(Sao: Chỉ cần được vãng sanh, sẽ rốt cuộc thành tựu giải thoát, phương tiện tiếp dẫn phải nên là như vậy).

Mấy câu này quy kết về vấn đề chánh yếu: Chỉ cần quý vị có thể vãng sanh, chắc chắn được giải thoát! Giải Thoát là một trong ba đức, tức là Pháp Thân, Bát Nhã, và Giải Thoát, hễ quý vị đạt được một điều, nhất định đạt được hai điều kia. Nói cách khác, chỉ cần vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, nhất định chứng đắc Tam Đức Bí Tạng. Phật Di Đà và mười phương Như Lai tiếp dẫn hết thảy chúng sanh, đặc biệt là lục đạo phàm phu, phương thức phải nên là như vậy. Cách giảng của đại sư vô cùng thích hợp.

Trong lời chú giải ở đây, đại sư đã trình bày đại ý của đoạn kinh văn nói về “giai đạo”. Tiếp theo đây là đoạn xưng lý, tức là nói đến chuyện tiêu quy tự tánh. Những phần trước là “*tiêu văn*” (消文), tức là giải thích những ý nghĩa được bao hàm trong văn tự, còn đoạn này giảng về “*tiêu quy tự tánh*” tức là nói đến sự thụ dụng chân thật. Đây là thể lệ trong bộ Di Đà Sớ Sao, chỗ khác biệt với các bộ chú giải thông thường.

(Sớ) Xưng Lý, tác tự tánh bình trực, thị giai đạo nghĩa. Tự tánh cao thúy, thị lâu các nghĩa. Tự tánh cụ túc công đức pháp tài, thị thất bảo nghĩa.

(疏) 稱理，則自性平直，是階道義。自性高邃，是樓閣義。自性具足功德法財，是七寶義。

(Sớ: Xưng Lý thì tự tánh bình đẳng, chánh trực là ý nghĩa của “bậc thêm, lối đi”. Tự cánh cao chót vót là ý nghĩa của “lầu gác”. Tự tánh trọn đủ công đức pháp tài là ý nghĩa của “bảy báu”).

Nói thật ra, nếu chúng ta truy hỏi một câu: Vì sao trong Tánh Đức có những thứ y báo và chánh báo trang nghiêm? Y báo và chánh báo trang nghiêm là sự thật, trong sự thật luôn có đạo lý, đoạn này nhằm nêu bày đạo lý. Ba câu này đều nói về tự tánh, tức là xứng tánh, xứng tánh mà nói, trở về tự tánh.

(Sao) Bình trực giả, tự tánh giải thoát tự tại, ly chư cấu ô, khoáng khoáng thản di, vô hữu thiên pha, thị danh “giai đạo”.

(鈔) 平直者，自性解脫自在，離諸垢汙，曠闊坦夷，無有偏陂，是名階道。

(Sao: “Bình trực”: Tự tánh giải thoát tự tại, lia các cấu ô, rộng rãi, bằng phẳng, chẳng nhấp nhô, nên gọi là “thêm bậc, lối đi”).

Mấy câu này có ý nghĩa khá sâu, mấu chốt của toàn bộ Phật pháp là “bình đẳng, chánh trực”, bình đẳng tâm, trực tâm. Đại Thừa Khởi Tín Luận nói Bồ Đề tâm là trực tâm, thâm tâm, và đại bi tâm. Trực tâm là chân tâm, chân tâm là bình đẳng tâm, bình đẳng tâm là nhất tâm. Tông Môn thường nói: “Thức đặc nhất, vạn sự tất” (Biết được một, vạn sự hoàn tất). Thật sự giác ngộ Một thì chuyện gì cũng đều chẳng có, thiên hạ thái bình. Tịnh Độ Tông gọi cái Một ấy là “nhất tâm bất loạn”. Chỉ cần quý vị đạt được nhất tâm thì bình đẳng tâm, thanh tịnh tâm, và chánh trực tâm đều hiện tiền. Vì sao? Chúng đều là một chuyện, là nhất tâm bất loạn, do Chân Như bản tánh của chính mình bèn hiển lộ. Giải Thoát là Tánh Đức trong tự tánh, nên “giải thoát tự tại”.

“Ly chư cấu ô”, hai chữ này (“cấu ô”) tượng trưng cho phiền não vô minh. “Cấu” là vô minh phiền não, “Ô” là Trần Sa và Kiến Tư phiền não. Trong bốn tánh, vốn chẳng có những thứ ấy, chúng do vọng tâm mà có, trong chân tâm không có những thứ ấy. Chân tâm tại thánh (nơi Phật) chẳng tăng, dầu đọa trong tam đồ cũng chẳng giảm, chẳng tăng, chẳng giảm, chẳng sanh, chẳng diệt, đó là nhất tâm, đây là nguyên tắc cao nhất trong Phật pháp. Nếu chúng ta có thể nắm vững nguyên tắc này, thành tựu

trong một đời chắc chắn chẳng phải là chuyện khó. Hễ vi phạm nguyên tắc này, tu hành suốt một đời rất khó thành tựu! Bất luận quý vị học pháp môn nào, đều có thể nói là chẳng có ngoại lệ. Do vậy có thể biết: Tu hành trong Phật pháp, không gì chẳng là tu tâm thanh tịnh mà thôi. Tu tâm thanh tịnh từ chỗ nào? Tu trong hết thấy cảnh giới, nhưng phàm phu chúng ta chẳng thể. Phàm phu muốn trốn tránh hết thấy cảnh giới, hễ cảm thấy chẳng phải là cảnh giới chính mình mong muốn cho lắm, bèn vội vã sẽ tránh né, vậy thì làm sao có thể tu thành công cho được? Vĩnh viễn dùng phân biệt, chấp trước, vọng tưởng trong hoàn cảnh, nên tu chẳng thành công. Người thật sự tu hành, thuận cảnh cũng thế, mà nghịch cảnh cũng thế, họ tu điều gì trong hoàn cảnh? Trừ bỏ phân biệt, chấp trước, vọng tưởng của chính mình, khiến cho cái tâm của chính mình khôi phục sự thanh tịnh. Trong thuận cảnh chẳng nhuốm bản, trong nghịch cảnh cũng chẳng nhuốm bản. Trong thuận cảnh, chẳng có tham ái, hay tâm hoan hỷ. Trong nghịch cảnh, cũng chẳng có tâm ưu lự. Bất luận trong cảnh giới nào, tâm người ấy bình đẳng, chánh trực. Đó là biết dụng công, biết tu hành. Đây cũng là điều đức Phật thường dạy chúng ta trong giáo pháp Đại Thừa: “*Tùy duyên, nhưng chẳng phan duyên*”. Chúng ta phân biệt, chấp trước cảnh giới, đó là phan duyên; lìa khỏi hết thấy phân biệt, chấp trước, vọng tưởng, đó là tùy duyên. Tùy duyên thì mới có thể kiến tánh, phan duyên chắc chắn chẳng thể kiến tánh.

“*Ly chư cấu ô*” (lìa các cấu ô), chư vị phải hiểu: Quý vị ưa thích hoàn cảnh này, đó là cấu ô, vì sao? Tâm quý vị bị sự ưa thích ấy nhuốm bản. Người Hoa nói “thất tình, ngũ dục”, thất tình là mừng, giận, buồn, vui, yêu, ghét, ham muốn. Điều thứ nhất là ưa thích, Dục là ngũ dục, tức tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ. Chỉ cần trong tâm dấy lên thất tình, cái tâm của quý vị đã bị nhuốm bản. Nếu quý vị chẳng bị thất tình, ngũ dục nhuốm bản, thừa cùng quý vị, pháp giới là bình đẳng, bèn giống như Phật, Bồ Tát. Pháp giới của Phật, Bồ Tát, thiên đường và địa ngục là bình đẳng, thiện - ác bình đẳng, đúng - sai bình đẳng, chân - vọng bình đẳng, chẳng có gì không bình đẳng, người ấy thật sự nhập pháp môn Bát Nhị nên mới có thể kiến đạo. Đó là sự kiến đạo trong Đại Thừa.

Địa vị kiến đạo trong Đại Thừa là thấy vạn pháp như nhau, vạn pháp bình đẳng, đó là sự kiến đạo của địa vị ấy. Trong hết thấy các pháp, quý vị vẫn là bất bình đẳng, tức là quý vị chưa kiến đạo! Địa vị kiến đạo trong Đại Thừa là Sơ Trụ Bồ Tát của Viên Giáo. Sự phát khởi tín tâm đối với Đại Thừa như được nói trong Đại Thừa Khởi Tín Luận chính là địa vị kiến đạo. Cảnh giới như kinh Kim Cang đã nói cũng là địa vị kiến đạo, vì sao?

Lìa bốn tướng; hễ lìa bốn tướng bèn bình đẳng. Nếu quý vị thật sự chẳng có các tướng ta, tướng người, tướng chúng sanh, tướng thọ giả, tâm quý vị bình đẳng, tâm thanh tịnh. Quý vị có bốn tướng ấy bèn chẳng kiến đạo. Có bốn tướng ấy thì chẳng phải là Bồ Tát, [nói đúng ra], chẳng phải là hàng Bồ Tát thuộc địa vị kiến đạo. Vị Bồ Tát ấy chẳng kiến đạo, mà cũng chẳng kiến tánh (kiến đạo là kiến tánh). Trong Tịnh Độ Tông, Lý nhất tâm bất loạn là địa vị kiến đạo; Sự nhất tâm bất loạn vẫn chưa được, chưa kiến đạo.

Nếu muốn thật sự đạt tới địa vị ấy, phải tu hành. Đối với sự tu hành, quan trọng nhất là hoàn cảnh nhân sự, tục ngữ có câu: “*Xử sự khó, đối xử với người khác càng khó hơn!*” Trong cách xử sự với người khác, phải rèn giữa cho tâm cảnh của chúng ta bình lặng trong hoàn cảnh nhân sự. Đắc thanh tịnh tâm trong hoàn cảnh nhân sự thì hoàn cảnh vật chất chẳng cần phải nói nữa, tự nhiên thanh tịnh. Do vậy, tu hành là tu ở chỗ nào? Bồ Tát tu hành trong chốn hồng trần. Người Tiểu Thừa bảo: “Hoàn cảnh nhân sự quá phức tạp, thôi đi, ta vào chốn núi sâu, xa lìa xã hội”. Vì thế, họ vĩnh viễn chẳng thể kiến đạo. Họ có thể đắc Định, có thể đạt được thanh tịnh, nhưng sự thanh tịnh của họ là tịnh trong “nhiễm, tịnh”, là đối lập, là thanh tịnh tương đối, chẳng phải là thanh tịnh chân chánh. Họ đến ở tại thành thị vài ngày, lại bị loạn, lại bị nhuốm bẩn. Nói cách khác, sự thanh tịnh ấy chẳng chịu nổi sự khảo nghiệm, không được rồi! Nhất định phải thật sự khảo nghiệm và rèn giữa hằng ngày, thành tựu sự thanh tịnh của chính mình trong đó. Đây là thanh tịnh chân chánh. Sự thanh tịnh ấy là sự thanh tịnh rời khỏi hai bên nhiễm và tịnh. Đó là vô lượng công đức. Do vậy, Ngài nói câu này có ý nghĩa rất sâu.

“*Khoáng khoáng thản di, vô hữu thiên pha*” (rộng rãi, bằng phẳng, chẳng nhấp nhô), “*pha*” (坡) là cuộc đất chông chênh, có độ dốc. “*Thị danh giai đạo*” (nên gọi là “giai đạo”), “*đạo*” (道) là con đường [bằng phẳng], “*giai*” (階) là bậc thềm. “*Giai đạo*” trong Tây Phương Cực Lạc thế giới do công đức của tự tánh hiển hiện.

(*Sao*) *Cao thúy giả*.

(鈔) 高遷者。

(*Sao*: *Cao chót vót*).

“*Cao thúy*”: Lầu gác biểu hiện Tánh Đức nơi ấy.

(Sao) Tự tánh huýnh siêu trần cảnh, quán chiếu bất di, nang quát hư không, quảng bác vô tận, thị danh lâu các.

(鈔) 自性迴超塵境，觀照不遺，囊括虛空，廣博無盡，是名樓閣。

(Sao: Tự tánh vượt thoát trần cảnh, quán chiếu chẳng sót, bao quát hư không, bát ngát vô tận, nên gọi là “lâu gác”).

Toàn là nói về Tánh Đức. “Huýnh” (迴) nghĩa là xa xôi, “huýnh siêu” (迴超) là vượt xa, vượt trội quá nhiều. “Trần” (塵) là lục trần, ngũ dục lục trần, “cảnh” (境) là cảnh giới, bao gồm cảnh giới vật chất và cảnh giới nhân sự, thầy đều vượt trội. Cách vượt thoát ra sao? Người ta dùng quán chiếu, Tâm Kinh có nói: “Chiếu kiến Ngũ Uẩn giai không” thì phải hiểu theo ý nghĩa “vượt thoát trần cảnh”. “Nang quát hư không, quảng bác vô tận” (bao quát hư không, bát ngát vô tận), tỷ dụ chân tánh. Trong kinh Lăng Nghiêm, đức Phật đã dạy chúng ta tâm tánh vô lượng: “Tâm bao thái hư (tức là hư không), lượng châu sa giới”, đó chính là ý nghĩa “nang quát hư không” ở đây. Bên trong “lâu các” là trống rỗng, trống rỗng thì mới có thể bao dung. Bao dung người khác. Nếu lâu gác đặc ruột, chẳng trống rỗng, lâu gác ấy vô dụng! Sở dĩ nhà cửa có thể dùng được là vì bên trong trống không. Chân Như bản tánh của chúng ta cũng giống như thế, bao trọn hư không, chứa khắp hư không, pháp giới. “Quảng bác vô tận” là bao trùm pháp giới, [câu nói ở] phía trên (“nang quát hư không”) là bao trùm hư không. Lâu gác hiển thị ý nghĩa này.

Nếu chúng ta hiểu rõ đạo lý này, quý vị mới biết mỗi pháp, chẳng có pháp nào không phải là Phật pháp. Chúng ta nhìn thấy đường sá, bèn nghĩ tâm chúng ta phải bằng phẳng, thẳng thắn, đường bằng phẳng mà! Tâm chúng ta phải giống như con đường bằng phẳng. Nhìn thấy nhà lầu, tâm chúng ta phải trống không giống như vậy, phải rỗng không thì mới có thể bao dung! Sáu căn của quý vị tiếp xúc cảnh giới lục trần, có cảnh giới nào chẳng phải là Phật pháp? Như vậy thì sẽ tiêu quy tự tánh, tự tánh bèn khởi lên vô lượng công đức. Trong tâm chẳng thể có một vật, phải sạch lâu lâu!

(Sao) Công đức pháp tài giả, tự tánh thường nhi bất thiên, tịnh nhi bất nhiễm, ngã nhi tùy duyên bất ngại, lạc nhi phú hữu bất khuy, thị danh kim ngân.

(鈔) 功德法財者，自性常而不遷，淨而不染，我而隨緣不礙，樂而富有不虧，是名金銀。

(Sao: “*Công đức pháp tài*”: Tự tánh thường, chẳng đổi dời; tịnh mà bất nhiễm, ngã (làm chủ thể) mà tùy duyên không ngại, lạc mà giàu có chẳng thiếu, nên gọi là “kim ngân”).

Giải thích pháp tài. “*Thường*” (常) là trạng huống vĩnh viễn, vĩnh viễn chẳng thay đổi; giống như vàng ròng, màu sắc chẳng thay đổi. “*Bất thiên*”: Thiên (遷) là biến đổi. “*Tịnh nhi bất nhiễm*”, Thê thanh tịnh, Thê vô cấu, Lục Tổ đại sư nói: “*Vốn chẳng có một vật, chỗ nào nhuộm bụi trần*”, chính là nói về ý nghĩa này! Bồn tánh vốn là như thế!

Trong Phật môn cũng nhận mạnh những món trang sức, quý vị thầy Phật, Bồ Tát đeo đeo anh lạc, giắt châu báu, Đại Thừa khác Tiểu Thừa! Tiểu Thừa chẳng cần những thứ ấy. Đại Thừa Phật, Bồ Tát đeo rất nhiều chuỗi châu bảo, gọi là “*anh lạc*” (瓔珞), còn to và đẹp đẽ hơn dây chuyền. Đeo những thứ vàng, bạc, châu báu ấy nhằm khiến cho quý vị thường nhìn thấy chúng, không phải là vì chúng đẹp đẽ, mà là khiến cho quý vị nhìn thấy những thứ ấy, bèn nghĩ tới bất biến, nghĩ tới thanh tịnh. Đây cũng là sự biểu thị pháp. Kẻ thế tục đeo châu báu nhằm phô trương thân phận và của cải, người học Phật đeo những thứ ấy có ý nghĩa khác hẳn: [Đeo trang sức để] thường xuyên nhắc nhở chính mình tâm phải thanh tịnh, phải vô nhiễm, phải bất biến, tùy duyên nhưng bất biến, bất biến mà tùy duyên, mang ý nghĩa ấy. Người Tiểu Thừa chẳng chấp nhận như vậy, Đại Thừa Phật pháp và Tiểu Thừa hoàn toàn chẳng giống nhau. Trong kinh Pháp Hoa, đức Phật nói thời kỳ Mạt Pháp, nhất định phải đề xướng pháp Đại Thừa. Đại Thừa là cởi mở, chẳng giống như Tiểu Thừa. Hiện thời rất nhiều người chẳng muốn tiếp nhận pháp Tiểu Thừa, tiếp nhận chẳng nổi! Pháp Đại Thừa chẳng trở ngại cuộc sống của ta, ngược lại còn khiến cho cuộc sống hiện tiền mỹ mãn hơn, khiến cho cuộc sống của chúng ta càng tràn đầy, họ đương nhiên thích tiếp nhận!

Tiểu Thừa không có ca múa, Đại Thừa có ca múa. Ca múa biểu thị ý nghĩa gì? Biểu thị mộng, huyễn, bọt, bóng. Quý vị hằng ngày xem TV, có thể xem mỗi ngày, khi xem liền hiểu là mộng, huyễn, bọt, bóng, nhìn lại toàn thể nhân sinh là mộng, huyễn, bọt, bóng bày ra đó, có gì phải chấp trước? Vì thế, xem TV là đang tu hành, tu Nhất Tâm Tam Quán, tức Không, tức Giả, tức Trung. Người thế gian làm sao hiểu được! Quý vị mới hiểu trong pháp Nhất Thừa, Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại, cuộc sống đúng

là “chân, thiện, mỹ, huệ”. Quyết chẳng phải là hưởng thụ; sống kiêu ấy sẽ chẳng trở ngại đạo, mà còn có thể thành tựu đạo nghiệp. Vấn đề là quý vị chuyên biên quan niệm theo cách nào? Nếu quý vị ở trong đó tham cầu hưởng thụ, có mừng, giận, buồn, vui, yêu, ghét, ham muốn, vậy là quý vị bị đọa lạc, đã bị cảnh giới xoay chuyển. Nếu quý vị chẳng bị cảnh giới xoay chuyển thì kinh Lăng Nghiêm nói: “*Nếu có thể chuyển cảnh, ắt giống như Như Lai*”; giống như Như Lai thì tôi thiếu là bậc Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo, có cùng chân tánh với Như Lai.

Người ngoại quốc rất thích học Phật pháp, vì nó hay hơn Cơ Đốc giáo, hay hơn Thiên Chúa giáo. Họ rất dễ tiếp nhận, hoan hỷ tiếp nhận, họ càng nghĩ càng thấy có lý. Ở bất cứ nơi đâu, quý vị phải luôn luôn dấy lên quán chiếu; hề bỏ mất quán chiếu, nhất định bị đọa lạc. Từ quán chiếu mà chiếu trụ, lại tiến hơn một bước nữa là chiếu kiến, chiếu kiến bèn nhập cảnh giới này; nhưng nhất định phải khởi đầu bằng quán chiếu. Quán chiếu là ở trong cảnh giới có thể thời thời khắc khắc dấy lên tâm cảnh giác. Dấy lên tâm cảnh giác cũng là dấy khởi ý nghĩa biểu thị pháp, đó là cảnh giác! Biết bất cứ pháp nào cũng đều từ tự tánh biến hiện, hết thấy các pháp đều trở về tự tánh. “Trở về tự tánh” chính là quý vị liễu giải ý nghĩa này, giống như chúng ta nhìn thấy nền, bèn nghĩ: “Hãy nên thiêu đốt chính mình hồng chiếu sáng người khác”. Đó là trở về tự tánh.

Kinh Hoa Nghiêm giảng về tướng cảnh giới rất hay, “tánh khởi”! Đây là Bản Chất Tướng như trong Duy Thức đã nói, Bản Chất Tướng là tánh khởi. Sau khi quý vị mê, nó mới biến thành duyên khởi, sau khi đã mê thì gọi là “duyên khởi”. Nói thật ra, duyên khởi và tánh khởi là một, không hai, chỉ đổi tên. Đã giác ngộ bèn chẳng gọi là duyên khởi, mà gọi là tánh khởi. Nói cách khác, trong bản tánh vốn tròn đủ đức năng, Lục Tổ đã nói: “*Nào ngờ tự tánh có thể sanh ra vạn pháp*”; vạn pháp do tự tánh biến hiện, [tự tánh] có thể sanh! Biến hiện những cảnh giới ấy giống như mộng, huyễn, bọt, bóng. Trong hết thấy các cảnh giới, quý vị quyết định chớ nên mê, quyết định đừng chấp trước. Chẳng phải là nói không có cảnh giới, cảnh giới có chứ! Mộng, huyễn, bọt, bóng, có chứ! Tuy có, nhưng quý vị biết chúng chẳng phải là thực tại, chẳng thể chấp trước chúng nó.

Đức Phật nêu lên tỷ dụ ấy, nhằm dạy chúng ta đừng nên chấp trước hết thấy các pháp, chớ nên vọng tưởng. Lìa hết thấy phân biệt, chấp trước, vọng tưởng, quý vị đối diện hết thấy các pháp bèn thụ dụng hết thấy [vạn sự vạn vật] chẳng khác chư Phật, Bồ Tát. Sự thụ dụng ấy chỉ có lạc, chẳng có khổ, là sự thụ dụng thanh tịnh, quyết định chẳng tạo nghiệp. Nghiệp từ đâu mà tạo? Tạo nghiệp từ phân biệt, chấp trước, vọng tưởng! Lìa khỏi

hết thầy phân biệt, chấp trước, vọng tưởng, lấy đâu ra nghiệp? Không chỉ chẳng có nghiệp, mà tạo tác cũng không có. Vì vậy, phải hiểu đạo lý này. Điều này hết sức dễ thấy, đó là Phật pháp chân chánh. Do đó, Tiểu Thừa quả thật dễ tiếp dẫn kẻ sơ cơ, do họ mê hoặc quá nặng, chẳng hiểu giải đạo lý này.

“*Ngã nhi tùy duyên bất ngại*” (ngã tùy duyên, nhưng chẳng trở ngại), đây là “*chuyển tác vô ngã*” (chuyển thành vô ngã). Vô ngã ở chỗ nào? Ngã là vô ngã. Nếu ngã và vô ngã là hai pháp thì phỏng theo lời Lục Tổ, “*hai pháp chẳng phải là Phật pháp*”. Ngã và vô ngã là một! Phật pháp là pháp Bất Nhị, “*nhị*” thì chẳng phải là Phật pháp. Chúng ta tu pháp môn này thì phải tu nhất tâm bất loạn, “*hai*” thì làm sao có thể nhất tâm cho được? Vì vậy, quý vị phải biết: Hết thầy các pháp đều là pháp bất nhị. Quý vị có thể nắm vững nguyên tắc này, quý vị tu học đâu chẳng gặp thiện tri thức, cũng không đến nỗi lạc lối. Phàm những ai lạc lối đều do phân biệt, chấp trước, tách Nhất Chân ra làm hai, hai chia thành bốn, bốn chia làm tám, càng chia càng phức tạp, làm chuyện ấy!

Do vậy, học Phật bèn học từ đâu? Hãy khởi sự bằng chuyện tịnh hóa đầu óc của chính mình. Đầu óc quý vị quá phức tạp, vọng tưởng, phân biệt, chấp trước quá nhiều! Tu hành Phật pháp hãy khởi sự từ chỗ này, đầu tiên dạy quý vị lìa khỏi hết thầy phân biệt, chấp trước, vọng tưởng. Thiên Tông nói thẳng thừng, thỏa đáng, vừa bắt tay vào liền làm chuyện này, kinh cũng chẳng cho nghe, mà cũng chẳng cho phép xem, đó gọi là “*bất lập văn tự*”, vì sao? Xem kinh bèn phân biệt! Xem kinh bèn khởi chấp trước, dấy vọng tưởng! Kinh cũng không cho phép xem, nhiều nhất là đường chủ Thiên đường giảng đôi chút khai thị cho quý vị nghe mà thôi! Giảng khai thị vẫn chẳng thể hỏi. Hễ hỏi, liền lập tức xáng cho một cây hương bản, mà cũng chẳng trả lời quý vị, do nguyên nhân nào? Khiến cho đầu óc quý vị trống tuênh trống toàng, hễ nghe hiểu thì cứ hiểu, chẳng hiểu thì thôi, chẳng cần truy cứu, chẳng cần suy nghĩ nó có ý nghĩa gì. Chẳng cần suy nghĩ, chẳng cần phân biệt, chẳng cần chấp trước. Hễ quý vị nêu câu hỏi, tức là còn có phân biệt, chấp trước, nên [vị đường chủ] hung hăng phang liền, nhằm khiến cho quý vị xóa sạch phân biệt, chấp trước, mang ý nghĩa ấy, khiến cho đầu óc quý vị khôi phục rỗng rang, khôi phục đến tiêu chuẩn “*vốn chẳng có một vật*” của Lục Tổ. Vì lẽ đó, dùng hương bản để đánh tan những thứ lộn xộn nháo nhào trong đầu quý vị.

Thuở sinh tiền, pháp sư Chử Vân vào lúc tuổi già thường đả Phật Thát. Người tham gia Phật Thát đều muốn được Sư đánh hương bản. Sư nói: “Tôi đánh họ xong, còn được họ cúng dường tôi”. Nói thật ra, lão hòa

thương đánh thì quý vị liền tiêu tai, miễn nạn ư? Chẳng có lẽ ấy! Đập chết quý vị, quý vị vẫn chẳng tiêu tai nạn được! Do vậy, quý vị nhất định phải hiểu ý nghĩa. Trong Thiên đường đánh hương bản, có phải là hòa thượng hề gặp người khác liền đánh hay chẳng? Chẳng phải vậy! Quý vị chẳng phải là pháp khí, người ta chẳng đánh quý vị, vì sao? Càng đánh, quý vị càng phiền não, chẳng có hiệu quả! Người ấy phải nên đánh, đáng đánh, vì sao? Hề đánh thì người ấy chẳng còn ý niệm gì nữa, thật sự buông xuống, loại người ấy nên đánh! Có thể đánh, vì có thể khiến cho người ấy khai ngộ! Nếu quý vị phân biệt, chấp trước nặng nề, dẫu đánh chết cũng chẳng thể khai ngộ, đánh có tác dụng gì đâu? Nguyên tắc của Thiên gia căn cứ trên “*ngôn ngữ đạo đoạn, tâm hành xứ diệt*”, dạy quý vị hành công phu ấy nhằm khôi phục sự thanh tịnh chân thật nơi tâm địa.

Do đó, Giáo Hạ và Tông Môn khác nhau. Tông Môn chẳng dùng văn tự, Giáo Hạ dùng văn tự, dùng kinh điển. Phương pháp dùng kinh điển là dạy quý vị đọc tụng, trong đọc tụng chẳng có phân biệt, chẳng có chấp trước, cũng chẳng cho phép dấy lên vọng tưởng. Năm năm xuất gia đầu tiên là làm chuyện này, không cho phép nghe kinh, không cho phép xem kinh, mà bắt làm chuyện phục vụ thường trụ. Làm những việc cực nhọc, làm việc nặng nhằm vun bồi phước, tu phước! Điều gì cũng chẳng cho phép quý vị tiếp xúc, chẳng cho phép quý vị nghe kinh, trong Niệm Phật Đường cũng chẳng cho phép quý vị niệm Phật, Thiên Đường cũng không cho phép quý vị tham Thiên, tu Căn Bản Trí mà! Bảo quý vị niệm một bộ kinh, quy định mỗi ngày phải niệm bộ kinh ấy mấy tiếng đồng hồ, niệm suốt năm năm, tâm bèn thanh tịnh, chẳng nghĩ gì khác. Những điều này đều nhằm tu thanh tịnh tâm, đó là nhập môn Phật pháp.

Thế hệ chúng ta hiện thời, bất luận tại gia hay xuất gia đều chẳng sánh kịp thế hệ trước, nguyên nhân ở chỗ nào? Chúng ta chẳng vun bồi cơ sở này, chẳng tu từ căn bản. Vừa học Phật liền nghe kinh, liền nghiên cứu kinh điển. Nói thật thà, nghe kinh, nghiên cứu kinh điển, chẳng phải là đoạn phân biệt, chấp trước, vọng tưởng, mà là tăng trưởng phân biệt, chấp trước, vọng tưởng, đó là điên đảo. Do vậy, làm sao quý vị có thể thành tựu cho được? Chẳng thể thành tựu! Không bằng kẻ thật thà niệm một câu A Di Đà Phật, chuyện gì cũng chẳng cần, niệm một câu A Di Đà Phật ba năm, có thể đứng vãng sanh, hoặc có thể ngồi vãng sanh, có thể biết trước lúc mất. Chúng ta mỗi ngày nghiên cứu kinh này, kinh nọ, cả đống kinh luận, nếu nghiên cứu vài chục năm, khi chết vẫn là chân tay luống cuống, cuối cùng vẫn phải gặp Diêm Vương! Quý vị gặp Diêm Vương, ta đã đọc bao nhiêu bộ kinh lớn, thứ gì cũng vô dụng, đáng phải sanh tử thế nào thì

vẫn sanh tử như thế ấy, chẳng có cách nào! Vì sao? Sở học của quý vị toàn là pháp thế gian, chẳng phải là Phật pháp. Vì là pháp thế gian nên mê, càng mê sâu hơn! Thanh Lương đại sư dạy: “Quý vị niệm kinh, nghe giáo, tăng trưởng tà kiến. Chẳng niệm kinh, nghiên cứu giáo, bèn tăng trưởng vô minh”. Nói tóm gọn là chẳng dễ sống! Phải hiểu đạo lý cơ bản này thì chúng ta mới biết chính mình phải nên làm theo cách như thế nào! Do vậy, cách chuyển biến là hiểu ngã và vô ngã là một, không hai, xác thực có thể đạt đến tùy duyên bất biến, đó là đúng!

“*Lạc nhi phú hữu bất khuy*” (lạc mà giàu có, chẳng thiếu), đây là nói tới bốn tịnh đức Thường - Lạc - Ngã - Tịnh. Giàu có, chẳng thiếu thốn. Giàu chẳng phải là khiến cho chính mình giàu có, mà là làm cho người khác giàu có, chẳng thiếu thốn. “*Bất khuy*” (不虧) là chẳng thiếu sót. Nếu bản thân chúng ta hưởng lạc, người khác chịu tổn thất, sự sung sướng của quý vị tạo dựng trên nỗi thống khổ của kẻ khác thì trật mất rồi! Sự sung sướng của ta hãy nên kiến lập trên phương diện giàu có của chúng sanh, đó là chân lạc! Quý vị suy nghĩ ý vị này, đó là gì? Thấy chúng sanh sung sướng, người [tu Phật] bèn thấy sung sướng. Thấy chúng sanh đang khổ, người ấy chẳng sung sướng, chẳng khác gì Phật, Bồ Tát. Niềm vui của Phật, Bồ Tát khác với chúng ta. Đặc biệt là Phật, Bồ Tát thấy nhiều người giác ngộ, thấy nhiều người niệm Phật, chư Phật, Bồ Tát sung sướng nhất, vì sao? Mắt thấy nhiều người ngàn ấy đều niệm Phật vãng sanh, bất thoái thành Phật; đó là ý nghĩa “*giàu có, chẳng thiếu thốn*”. Ý nghĩa được bao hàm trong đây vô cùng sâu rộng, tôi nói ra điểm này để quý vị dần dần thấu hiểu điều này, biết chúng ta phải nên tu học như thế nào. Bảy báu tượng trưng cho sự phú quý, giàu có. “*Thị danh kim ngân*” (nên gọi là vàng, bạc), hai thứ đầu tiên trong bảy báu biểu thị ý nghĩa này.

(Sao) Tự tánh nội ngoại minh triệt, vô chướng, vô ngại, thị danh lưu ly.

(鈔) 自性內外明徹，無障無礙，是名琉璃。

(Sao: Tự tánh trong ngoài sáng ngời, trong suốt, chẳng chướng, chẳng ngại, bèn gọi là Lưu Ly).

“*Lưu ly*” trong suốt, biểu thị trong ngoài như nhau, trong ngoài như một! Tại Trung Quốc, vào đời Tống, tể tướng Tư Mã Quang đã soạn bộ Tư Trị Thông Giám, có một câu danh ngôn để lại cho người đời. Ông ta nói cả một đời “*sự vô bất khả cáo nhân ngôn*” ([chính mình] không có chuyện gì chẳng thể nói với người khác), quý vị thấy tâm địa ông ta quang

minh chánh đại. Những chuyện ông ta đã làm trong một đời, chẳng có chuyện gì không thể nói với người khác. Đó là trong ngoài như nhau, ở đây nói là “*nội ngoại minh triệt, vô chướng, vô ngại*”, tâm và miệng giống hệt như nhau.

(Sao) *Tự tánh bốn thể khiết bạch, ly quá, tuyệt phi, thị danh xa cừ.*

(鈔) 自性本體潔白，離過絕非，是名磳磳。

(Sao: *Tự tánh bản thể trắng sạch, lìa lỗi, dứt sai, nên gọi là Xa Cừ.*)

Thể tánh của xa cừ là trắng, sạch, bạch tịnh. Trong Phật pháp, Bạch thường tượng trưng cho Thiện. Người Hoa nói “thiện, ác”, còn người Ấn Độ nói là “*bạch pháp, hắc pháp*”, dùng hắc bạch để biểu thị thiện ác. Xa cừ biểu thị thiện đức thanh tịnh. Đoạn ác tu thiện, tam luân thể không, đó là tịnh. Tuy ta tu thiện, nhưng tam luân chẳng không, “chẳng không” là chấp tướng tu thiện, nên tu thiện chẳng thanh tịnh. Tu thiện phải lìa tướng, chẳng chấp trước tu thiện bèn là thanh tịnh, biểu thị ý nghĩa này.

(Sao) *Tự tánh quang minh xí nhiên, thị danh xích châu.*

(鈔) 自性光明熾然，是名赤珠。

(Sao: *Tự tánh quang minh chói rực, nên gọi là Xích Châu.*)

Xích Châu có quang minh, giống như các loại đờc chúng ta gọi là “bảo thạch” trong hiện tại. Đương nhiên, bảy báu trong thế gian này chẳng thể tự tỏa sáng, chẳng giống như trong thế giới Tây Phương. Bảy báu trong thế giới Tây Phương tự tỏa ánh sáng. Bảy báu trong thế gian này nhờ vào sự phản xạ ánh sáng bên ngoài [mà sáng lấp lánh], chúng có sức phản xạ [ánh sáng] rất mạnh. Một tia sáng rất nhỏ yếu chiếu vào chúng liền bị phản xạ, mạnh hơn ánh sáng bên ngoài, nên đờc gọi là Bảo. Dùng chuyện này để tỷ dụ “*tự tánh quang minh*”.

Quý vị hiểu những điều này, liền biết chẳng có một pháp nào chẳng biểu thị pháp, chẳng có pháp nào không thể tiêu quy tự tánh! Không chỉ chúng ta đọc kinh phải tiêu quy tự tánh, mà thấy sắc, nghe tiếng, lục căn tiếp xúc cảnh giới lục trần đều có thể tiêu quy tự tánh, quý vị hãy nghĩ xem: Quý vị có khác gì những vị đại Bồ Tát? Đại Bồ Tát chẳng giống chúng ta ở ngay chỗ này. Lục căn của các Ngài tiếp xúc lục trần là giác chứ không mê, giác là trở về tự tánh! Hết thấy các pháp lưu xuất từ tự tánh, trở về tự tánh, công phu của các Ngài ở ngay chỗ này! Phàm phu chúng ta chẳng giống các Ngài, phàm phu đã mê, lục căn tiếp xúc cảnh giới lục trần

bên ngoài, tâm liền bị cảnh giới chuyền, chẳng thể quay đầu! Trong chương Viên Thông của kinh Lăng Nghiêm, Quán Âm Bồ Tát dạy “*phản văn văn tự tánh*” (xoay tánh Nghe để nghe tự tánh). “*Phản văn văn tự tánh*” có cùng một ý nghĩa với “*tiêu quy tự tánh*” ở đây, Ngài thấy hết thấy các pháp bèn lập tức nghĩ đến công đức trong tự tánh.

Công đức trong tự tánh có thể cùng với tướng của các vật bên ngoài đồng thời lưu lộ, tác dụng ấy quá lớn, nên đại từ, đại bi, cứu khổ, cứu nạn! Hiện thời, chúng ta chẳng thể [làm như vậy], đối trước cảnh giới bèn mê. Sau khi đã mê bèn khởi tham, sân, si, mạn, phản ứng trong tâm là những thứ ấy. Phản ứng của Phật, Bồ Tát là thanh tịnh, quang minh, trí huệ, từ bi, các Ngài phản ứng bằng những thứ ấy. Đúng như Lục Tổ khi gặp Ngũ Tổ đã thưa: “*Trong tâm đệ tử thường sanh trí huệ*”. Lục căn của Ngài tiếp xúc cảnh giới lục trần thường sanh trí huệ! Quý vị đã hiểu rõ đoạn này thì há chẳng phải là thường trí huệ ư? Phàm phu chẳng thể, thường sanh phiền não! Đeo giắt vàng, bạc, châu báu cũng thường sanh phiền não, vì sao? Sợ kẻ khác trộm mất, sợ ngày nào đó chúng sẽ hư hoại, suốt ngày từ sáng đến tối phải bận lòng chăm chút những thứ ấy, rất đáng thương! Tánh Đức chẳng thể thấu tỏ, mà toàn là lộ ra tham, sân, si, mạn! Chỗ thụ dụng thật sự trong việc học Phật pháp là ở ngay tại chỗ này!

(Sao) *Tự tánh kiên thật bất dịch, thị danh mã não.*

(鈔) 自性堅實不易，是名瑪瑙。

(Sao: *Tự tánh cứng chắc, chân thật, chẳng thay đổi, gọi là Mã Não*).

Mã Não là bảo thạch, chất liệu khá kiên cố, biểu thị “*tự tánh kiên thật*”, “*Thật*” là chân thật kiên cố; “*bất dịch*” là không biến đổi. [Dùng Mã Não] để tỷ dụ phương tiện này của Tánh Đức.

(Sao) *Chúng mỹ tất cụ, tư thành Pháp Thân, thị danh “nghiêm sức” dã.*

(鈔) 眾美畢具，資成法身，是名嚴飾也。

(Sao: *Các thứ đẹp đẽ đều đầy đủ, bồi đắp thành Pháp Thân, nên gọi là “trang hoàng mỹ lệ”*).

“*Pháp Thân*”: “*Pháp*” là chư pháp, “*Thân*” là bản thân. Bản thân của ta là gì? Bản thân là hết thấy các pháp, hết thấy các pháp là bản thân của ta. Quý vị hãy suy nghĩ, cái thân này có sanh diệt hay không? Vì vậy, Pháp Thân bất sanh, bất diệt, vĩnh viễn thường trụ. Ý nghĩa này rất khó

hiếu; nếu quý vị thật sự hiểu, sẽ nhập cảnh giới ấy, quý vị là Sơ Trụ Bồ Tát, trong pháp môn Niệm Phật sẽ đắc Lý nhất tâm bất loạn, từ nay về sau chẳng còn coi thân này là chính mình, mà toàn thể vũ trụ là ta.

Trong các buổi giảng, tôi thường dùng mộng làm tỷ dụ, do chuyện này dễ hiểu, có thể lãnh hội đôi chút. Quý vị nằm mộng, khi tỉnh mộng, hãy suy nghĩ, tất cả cảnh giới trong mộng có phải do cái tâm của chính quý vị biến hiện hay không? Không chỉ cái Ta trong mộng là ta, mà hết thấy mọi người trong mộng cũng là ta, hết thấy vạn vật trong mộng cũng là ta, hư không trong mộng vẫn là ta, toàn là do tâm ta biến hiện! Toàn bộ cái tâm biến thành mộng cảnh, toàn bộ mộng chính là tâm, tâm là chính mình, cảnh cũng là chính mình, nên mới hoảng nhiên đại ngộ, tận hư không khắp pháp giới vốn là ta! Tất cả hết thấy chư Phật, Bồ Tát trong mộng của quý vị vẫn là ta, đều do ta biến hiện. Quý vị hãy thấu hiểu ý nghĩa từ chỗ này.

Hiện thời, vạn pháp trong tận hư không khắp pháp giới do Chân Như bản tánh của chúng ta biến hiện. Y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới “duy tâm sở hiện, duy thức sở biến”, tâm và thức đều là chính mình. Chư Phật chứng đắc Pháp Thân thanh tịnh, chứng đắc như thế nào? Chứng đắc điều này. Các Ngài triệt để hiểu rõ. Sau khi hiểu rõ bèn đối với hết thấy vạn pháp chẳng còn phân biệt thị phi, nhân ngã, nên tướng ta, tướng người, tướng chúng sanh, tướng thọ giả đều chẳng còn; ngã kiến, nhân kiến, chúng sanh kiến, thọ giả kiến cũng chẳng có. Đức Phật nói [người như vậy] là Bồ Tát thật sự. Đó là gì? Bồ Tát chứng đắc Pháp Thân, khẳng định toàn thể hư không vũ trụ và chính mình là một người. Hết thấy vạn pháp là hình ảnh tự tánh của ta, ta hiện cái thân này cũng là hình ảnh. Kinh Kim Cang dạy: “*Mộng, huyễn, bọt, bóng, như sương, cũng như chớp, hãy nên quán như thế*”, đó là Sơ Trụ Bồ Tát trở lên trong Viên Giác, là Bồ Tát minh tâm kiến tánh, mà cũng là bậc Bồ Tát đắc Lý nhất tâm bất loạn trong Tịnh Độ Tông. Còn có sai biệt, còn có phân biệt, chấp trước, chắc chắn chưa đạt tới cảnh giới ấy. Hễ đạt tới cảnh giới ấy, tâm và cảnh như một, vạn pháp bình đẳng.

Quý vị thấy sư Ấn Tông hỏi Lục Tổ, Lục Tổ trả lời. Ấn Tông thỉnh giáo: “Bình thường Ngũ Tổ thuyết pháp cho các thầy, có nói tới Thiền Định và giải thoát hay không?” Đây là một đề mục trọng yếu trong Thiền Tông. Lục Tổ trả lời: “*Thiền Định và giải thoát là hai pháp, Phật pháp là pháp Bất Nhị*”. Cảnh giới của Lục Tổ cao hơn sư Ấn Tông. Một đàng đã chứng đắc Pháp Thân thanh tịnh, một đàng vẫn chưa chứng đắc. Chưa chứng đắc, nên mới có phân biệt, chấp trước, mới rớt trong hai, ba, còn

người ta (Lục Tô) chẳng rơi vào hai, ba! Ngài dùng câu này để chỉ điểm, cảnh tỉnh Ấn Tông! Đó là “*nhập pháp môn Bất Nhị*”. Nhập pháp môn Bất Nhị là minh tâm kiến tánh trong Thiên Tông, là đại khai viên giải trong Giáo Hạ.

Vì sao giảng pháp môn này? Phật pháp là phải gột sạch lậu ý niệm, chẳng chấp nhận phân biệt, chấp trước, chẳng chấp nhận có vọng tưởng, khôi phục sự thiên chân! Trong Bồ Tát hạnh có một loại hành pháp gọi là Anh Nhi Hạnh, trẻ thơ (anh nhi) chẳng có tâm phân biệt. Quý vị cho nó ăn đường, nó cũng ăn; để mặc cho nó ăn phân, nó cũng ăn. Nó chẳng có tâm phân biệt, nó ăn ngon lành, chẳng cự tuyệt. Đó là Anh Nhi Hạnh, tức là hết thấy phân biệt, chấp trước đều chẳng có. Vì sao biến thành phàm phu? Do quý vị có phân biệt, chấp trước. Hiện tại, phải từ phàm phu trở lại thánh nhân, quý vị lìa khỏi hết thấy phân biệt, chấp trước, vọng tưởng thì sẽ thành công, chẳng có cách nào khác! Ngàn kinh vạn luận, vô lượng pháp môn, đều là cùng một tiêu, một phương hướng này, [chỉ là] phương cách, cách thức khác nhau mà thôi!

Sở dĩ pháp môn Tịnh Độ đặc biệt là do sợ rằng tu các phương pháp khác thì quý vị chẳng thể đạt được [liễu sanh tử, thoát tam giới] trong một đời, nên dạy quý vị đời nghiệp vãng sanh, đến Tây Phương Cực Lạc thế giới rồi lại tu từ đầu, pháp môn này thù thắng ở chỗ này. Nhưng nếu muốn thành tựu nơi pháp môn này, quý vị cũng chẳng thể dùng loạn tâm để niệm Phật, loạn tâm niệm Phật bèn chẳng tương ứng. Quý vị phải dùng cái tâm thanh tịnh để niệm Phật, tâm thanh tịnh nghĩa là “*một bề chuyên niệm*”! Quý vị chớ nên niệm quá nhiều thứ. Niệm quá nhiều thứ sẽ chẳng chuyên! Chẳng chuyên sẽ không tương ứng. Do vậy, quý vị phải chuyên niệm, những thứ khác đều buông xuống hết, buông thể duyên xuống, hết thấy Phật pháp cũng buông xuống, niệm một bộ kinh, niệm một câu Phật hiệu suốt đời là được rồi thì mới có thể đi thông suốt con đường này; ai chịu đi, người đó thành tựu. Thật sự chịu đi cũng không phải là chuyện dễ dàng, người nào chịu đi? Kẻ ngốc nghếch. Tục ngữ có câu: “*Kẻ ngốc có phước của người ngốc*”. A Di Đà Phật tiếp dẫn người ấy đến Tây Phương, [do người ấy] thật sự chịu buông xuống! Người bình thường tự cậy chính mình thông minh, chẳng chịu buông xuống, thứ gì cũng đều muốn học, cuối cùng chính kẻ ấy bị thua thiệt. Vì thế, nhất định phải giác ngộ, nhất định phải chuyên tu, phải thật sự chịu quay đầu.

“*Chúng mỹ tất cụ*” (các điều tốt lành ắt trọn đủ), Tây Phương Cực Lạc thế giới y báo và chánh báo trang nghiêm. Hết thấy mọi sự trong cuộc sống nơi thế gian này đều chẳng có chướng ngại; vì thế, Đại Thừa Bồ Tát

sống cuộc đời “chân, thiện, mỹ, huệ”. “Chân, thiện, mỹ, huệ” của con người trong thế gian này là hữu danh vô thực, vì sao? Tâm địa thanh tịnh mới biết “chân, thiện, mỹ, huệ”, mới có thể hưởng thụ “chân, thiện, mỹ, huệ”. Tâm địa chẳng thanh tịnh, đó là hữu danh vô thực, quyết định chẳng thể thụ dụng. “*Tư thành Pháp Thân*” (vun bồi thành tựu Pháp Thân), đã hiểu rõ ý nghĩa của Pháp Thân, Pháp Thân là y báo và chánh báo trang nghiêm. Đó gọi là “*nghiêm sức*”, Nghiêm (嚴) là trang nghiêm, Sức (飾) là trang hoàng. Tây Phương thế giới được trang hoàng đẹp đẽ kỳ diệu bởi vô lượng trân bảo, là công đức xứng tánh.

(Sao) *Thả Thiện Tài biến lịch trùng thành, bác tham quần ngạn, tối hậu ư Di Lặc lâu các, đàn chỉ nhi dăng.*

(鈔) 且善財遍歷重城，博參群彥，最後於彌勒樓閣，彈指而登。

(Sao: Hơn nữa, Thiện Tài đến khắp các thành, tham báii rộng rãi các vị thiện tri thức, cuối cùng ở lâu các của ngài Di Lặc, khảy ngón tay để bước lên).

Sau đây là tổng kết. Trong lời tổng kết, [Liên Trì đại sư] bèn khuyên bảo chúng ta. Trong chú giải, đại sư trích dẫn kinh Hoa Nghiêm nhiều nhất, nhằm mục đích khiến cho chúng ta biết: Giáo nghĩa của kinh điển Tịnh Độ ngang hàng với Hoa Nghiêm, nên dùng Hoa Nghiêm để giải thích. Thiện Tài đồng tử tham học năm mươi ba lần, lần lượt đi qua một trăm thành, tham phỏng năm mươi ba vị thiện tri thức. Cuối cùng tham phỏng Di Lặc Bồ Tát, Di Lặc Bồ Tát là vị thứ năm mươi hai, vị cuối cùng là Phổ Hiền Bồ Tát. Lâu các của ngài Di Lặc tráng lệ khôn sánh, giống như những chỗ hiện thời chúng ta gọi là “viện khoa học” hoặc “viện bảo tàng”. Tiến nhập lâu các của Ngài đúng là các cõi Phật trong mười phương thế giới đều hiển hiện trong ấy. Quý vị muốn thấy bất luận vị Phật nào, hoặc một thế giới nào, bèn ngay lập tức bèn hiện cho quý vị thấy, giống như trong viện bảo tàng hoặc sở triển lãm, đẹp đẽ khôn xiết! “*Đàn chỉ nhi dăng*”, đó là lên quả giác. Di Lặc là Đẳng Giác Bồ Tát, sắp viên mãn, đạt đến địa vị ấy. Thiện Tài đồng tử rất siêng khổ, thành tựu trong một đời.

(Sao) *Kim dẫn trì danh, bất thiệp hồi塗, tiện cư diệu cảnh.*

(鈔) 今但持名，不涉迴塗，便居妙境。

(Sao: Nay chỉ trì danh, chẳng phải bôn ba, mà liền ngự nơi diệu cảnh).

Nay chúng ta dùng phương pháp trì danh niệm Phật, hạnh phúc hơn Thiện Tài nhiều! Thiện Tài tu học gian nan, khổ sở quá! Chúng ta dùng một câu Phật hiệu, chẳng cần phải chuốc lấy lăm nổi phiền phức như vậy, chẳng cần chịu nhiều vất vả ngàn ấy, mà cũng đạt đến cảnh giới đó. “*Tiên cư diệu cảnh*”, “*diệu cảnh*” là địa vị Diệu Giác. Những pháp môn khác của hàng Bồ Tát chẳng thể sánh bằng. So với Hoa Nghiêm, [pháp Niệm Phật] mau chóng hơn nhiều! Do một câu Phật hiệu mà thành tựu quả đức bằng với người ấy (người tu theo Hoa Nghiêm), pháp môn này chẳng thể nghĩ bàn!

(Sao) Kỳ như chung nhật bảo giai hành, tự xưng mê lộ hán.

(鈔) 其如終日寶階行，自稱迷路漢。

(Sao: Điều này giống như suốt ngày đi trên thềm báu, mà tự bảo là kẻ lạc đường).

Tiếp đó là lời cảm thán. Bao nhiêu kẻ niệm Phật, quý vị mỗi ngày niệm Phật giống như đang bước trên thềm báu. Tuy ở trên thềm báu, chẳng biết chính mình đang đi trên thềm báu. Đúng là chính mình tu vô thượng đạo, mà chẳng biết đó là vô thượng đạo. Chính mình mỗi ngày niệm kinh này là kinh bậc nhất, được hết thầy chú Phật hoàng dương, nhưng chẳng biết! Không biết đây là kinh bậc nhất. Vẫn nghĩ là có rất nhiều kinh điển cao hơn kinh này, cho rằng pháp môn này của chúng ta chẳng bằng ai, [những cách nghĩ như vậy] đều là mê hoặc, điên đảo, đó là vô tri.

(Sao) Khả vị “ỷ môn đàn chỉ, bất tri thân tại ngọc lâu trung” giả dã, tích tai!

(鈔) 可謂倚門彈指，不知身在玉樓中者也，惜哉。

(Sao: Có thể nói là “dựa cửa khảy ngón tay, chẳng biết thân đã ở trong lầu ngọc”, tiếc thay!)

Đáng tiếc thay! Vì sao người niệm Phật đông như vậy, người vãng sanh ít dường ấy? Tuy họ niệm Phật, nhưng chẳng biết trạng huống chân thật của Tây Phương Cực Lạc thế giới, cũng chẳng biết chính mình đang tu hành điều gì! Chẳng biết, cho nên niệm suốt đời, nhưng chẳng thể vãng sanh. Nguyên nhân ở chỗ nào? Ý chí do dự, tâm không chuyên nhất, tạp tâm xung danh, loạn tâm niệm Phật, như vậy thì chẳng thể thành tựu, hết sức đáng tiếc!

Liên Trì đại sư chú giải kinh Di Đà tử mĩ ngân ấy, mục đích là ở chỗ này: Ngài hy vọng chúng ta sẽ thật sự liễu giải, nhận thức Tây Phương, nhận thức chính mình, quyết định thành tựu trong một đời này. Đó là mục đích khổ tâm của lão nhân gia, chúng ta phải thấu hiểu! Hôm nay đã hết thời gian rồi!

Tập 146

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang ba trăm mười một.

Tam, liên hoa.

(Kinh) Trì trung liên hoa, đại như xa luân, thanh sắc thanh quang, hoàng sắc hoàng quang, xích sắc xích quang, bạch sắc bạch quang, vi diệu hương khiết.

三、蓮華。

(經) 池中蓮華。大如車輪。青色青光。黃色黃光。赤色赤光。白色白光。微妙香潔。

(Ba là hoa sen.

Kinh: Hoa sen trong ao to như bánh xe, màu xanh, ánh sáng xanh; màu vàng, ánh sáng vàng; màu đỏ, ánh sáng đỏ; màu trắng, ánh sáng trắng; vi diệu thơm sạch).

Đoạn kinh văn này nói về hoa sen trong Tây Phương Cực Lạc thế giới. Hoa sen trong Tây Phương Cực Lạc thế giới vô cùng trọng yếu, nên thế giới Cực Lạc còn có tên là thế giới Liên Hoa. Thế giới ấy hoa sen đặc biệt nhiều, có quan hệ hết sức mật thiết với mỗi người cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, vì Đại Kinh đã dạy rõ ràng: Vãng sanh thế giới Tây Phương là liên hoa hóa sanh, cho nên chỗ để sanh vào là hoa sen, mà chỗ cư trụ cũng là hoa sen. Vì thế, đoạn kinh văn này phải giới thiệu tỉ mỉ. Xin hãy xem chú giải:

(Sớ) Thượng ngôn trì ngoại, kim biểu trì trung.

(疏) 上言池外，今表池中。

(Sớ: Phần trên nói về [sự trang nghiêm] bên ngoài ao, nay nói đến [những sự trang nghiêm] trong ao).

Đoạn trước nói đến sự trang nghiêm phía ngoài ao bảy báu, ở đây là nói đến sự trang nghiêm trong ao bảy báu.

(Sớ) Liên hoa, Phạn ngữ Phàn Đà Lợi, diệc vân Ưu Bát La, diệc vân Bát Đặc Ma, diệc vân Câu Vật Đầu.

(疏) 蓮華，梵語芬陀利，亦云優鉢羅，亦云鉢特摩，亦云拘勿頭。

(Sớ: Hoa sen tiếng Phạn là Phân Đà Lợi (*Puṃḍarīkaṃ*), còn gọi là Ưu Bát La (*Utpala*), còn gọi là Bát Đặc Ma (*Padma*), còn gọi là Câu Vật Đầu (*Kumuda*)).

Đây là dịch âm từ tiếng Phạn của Ấn Độ. Trong phần trước đã nói đến bốn màu, [tức là hoa sen] gồm có bốn loại màu sắc [khác nhau]. Phân Đà Lợi là hoa sen trắng.

(Sao) Phạn ngữ Phân Đà Lợi, thử vân Bạch Liên Hoa, vị khai danh Khuất Ma La, tương lạc danh Ca Ma La.

(鈔) 梵語芬陀利，此云白蓮華，未開名屈摩羅，將落名迦摩羅。

(Sao: Tiếng Phạn là Phân Đà Lợi, cõi này dịch là Bạch Liên Hoa, chưa nở gọi là Khuất Ma La (*Kuvala*), sắp rụng gọi là Ca Ma La (*Kamala*)).

Những danh xưng này đều là cách gọi cổ xưa tại Ấn Độ. Đại chúng chúng ta ở nơi đây thật sự phát tâm cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, trong ao bầy báu liền trở một đóa sen. Nếu quý vị ngã lòng, chẳng muốn vãng sanh, hoặc là đổi sang học pháp môn khác, hành tham Thiền, niệm chú, đóa sen ấy liền khô héo, chẳng còn nữa, tiêu mất! Do vậy, hoa sen trong Tây Phương Cực Lạc thế giới có héo rữa, nhưng chư vị phải biết: Hễ sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, hoa sen ấy cũng là hoa sen tồn tại đời đời, vĩnh viễn chẳng diệt, giống như kinh Vô Lượng Thọ đã dạy: Hoa sen tươi đẹp, vĩnh viễn chẳng bị biến đổi. Có thể thấy hoa sen tàn héo, rơi rụng là lúc chúng ta chưa vãng sanh vì tâm quý vị biến đổi, thái độ biến đổi; chứ sau khi vãng sanh sẽ không có [những chuyện tàn héo, rơi rụng ấy].

(Sao) Xử trung chánh khai, danh Phân Đà Lợi.

(鈔) 處中正開，名芬陀利。

(Sao: Ngay trong lúc hoa sen đang nở thì gọi là Phân Đà Lợi).

Phân Đà Lợi là danh xưng trong khi hoa sen nở.

(Sao) Ưu Bát La giả, thanh liên hoa dã. Bát Đặc Ma giả, hồng liên hoa dã. Câu Vật Đầu giả, hoàng liên hoa dã.

(鈔) 優鉢羅者，青蓮華也；鉢特摩者，紅蓮華也；拘勿頭者，黃蓮華也。

(Sao: Ưu Bát La là hoa sen xanh. Bát Đặc Ma là hoa sen đỏ. Câu Vật Đầu là hoa sen vàng).

Kinh nêu ra bốn loại màu, bốn màu ấy thế gian này đều có. Theo như Đại Kinh đã nói, hoa sen trong Tây Phương Cực Lạc thế giới có vô lượng màu, không chỉ là bốn thứ này. Do vậy, kinh này nói đại lược. Hoa ấy to như bánh xe.

(Sớ) Xa luân giả, ngôn kỳ hình dã, đại tiểu vô định.

(疏) 車輪者，言其形也，大小無定。

(Sớ: “Bánh xe” là nói đến hình dáng, [chứ hoa sen] lớn hay nhỏ không nhất định).

Hoa có hình tròn, không chỉ là tròn, mà còn là viên mãn, chẳng có mảy may khiếm khuyết, nên dùng “xa luân” làm tỷ dụ. Trong hết thấy các dụng cụ, bánh xe viên mãn nhất. Nó có tâm, có vành, có trục; trong hết thấy các pháp, nó biểu thị sự viên mãn, lại còn biểu thị Không và Có chẳng hai! Tâm bánh xe trống không, chắc chắn chẳng tìm được. Hiện thời, học Toán, học Hình Học đều biết, đường tròn có tâm hay không? Chắc chắn là có, nhưng ở đâu? Chẳng tìm được! Vì thế, nói là Không. “Không” được nói trong Phật pháp chẳng phải là Vô. “Không” chẳng phải là không có, Không là Có. Đã có thì sao gọi là Không? Mắt chẳng thấy được, tai cũng chẳng nghe được, sáu căn của chúng ta chẳng có cách nào tiếp xúc, nên gọi là Không. Nó xác thực là Có. Vì thế, [hình tròn, bánh xe] biểu thị Có và Không bất nhị, biểu thị tánh và tướng bất nhị. Tâm hình tròn tượng trưng Chân Như bốn tánh, chu vi hình tròn tượng trưng cho tướng. Tâm hình tròn chẳng thể tách lìa đường tròn, đường tròn chẳng thể tách rời tâm hình tròn. Vì thế, nó biểu thị tánh và tướng bất nhị, Không và Có bất nhị. Đó là ý nghĩa viên mãn. Trong hết thấy các pháp, rất khó tìm được một thứ cụ thể như vậy, có thể hiển thị rất rõ rệt ý nghĩa này, chỉ có hình tròn là có thể hiển thị. Vì thế, dùng bánh xe để biểu đạt.

Hoa sen trong thế gian này là vật chất, hoa sen trong thế giới Cực Lạc là đại viên mãn, thật sự chẳng thể nghĩ bàn! Hoa sen bên đó có thể tỏa ánh sáng, trong ánh sáng có thể hiện vô lượng vô biên cảnh giới, có thể

hiện tượng Phật, chẳng giống hoa sen trong thế gian này. “Đại tiểu vô định” nghĩa là hoa sen lớn hay nhỏ không nhất định.

(Sớ) Bà Sa đẳng thuyết, chủng chủng bất đồng, các tùy cơ hiện.

(疏) 婆沙等說，種種不同，各隨機現。

(Sao: Các thứ hoa sen khác nhau được nói trong luận Tỳ Bà Sa v.v... đều tùy theo căn cơ mà ứng hiện).

“Bà Sa” là Tỳ Bà Sa Luận (Abhidharma Mahāvibhāṣa Śāstra), một quyển sách trong kinh điển Phật giáo.

(Sao) Xa luân đại tiểu giả, Bà Sa Luận vân: “Luân Vương thiên bức kim luân, châu viên thập ngũ lý”. Hoa Nghiêm Sao vân: “Kim luân đại nhất do-tuần”. Quán Kinh vân: “Nhất nhất trì trung, hữu lục thập ức thất bảo liên hoa, đoàn viên chánh đẳng thập nhị do-tuần”. Đại Bản vân: “Trì trung liên hoa, hoặc nhất do-tuần, nãi chí bách do-tuần, thiên do-tuần”. Nhi nhân thế xa luân, đại bất du trọng, bất khả dĩ thử nhi vi định chuẩn.

(鈔) 車輪大小者，婆沙論云：輪王千輻金輪，周圓十五里。華嚴鈔云：金輪大一由旬。觀經云：一一池中，有六十億七寶蓮華，團圓正等十二由旬。大本云：池中蓮華，或一由旬，乃至百由旬，千由旬。而人世車輪，大不逾丈，不可以此而為定準。

(Sao: “Bánh xe lớn hay nhỏ”: Tỳ Bà Sa Luận viết: “Kim luân ngàn cặm của Luân Vương, tròn xoe mười lăm dặm”. Hoa Nghiêm Sao viết: “Kim luân to một do-tuần”. Quán Kinh chép: “Trong mỗi một ao, có sáu mươi ức hoa sen bằng bảy báu, tròn trặn vừa đúng mười hai do-tuần”. Kinh Đại Bản chép: “Hoa sen trong ao, hoặc một do-tuần, cho đến trăm do-tuần, ngàn do-tuần”. Nhưng bánh xe trong cõi đời, to nhất không hơn một trọng, chẳng thể lấy nó làm định chuẩn).

Tỳ Bà Sa Luận nói đến Luân Vương, tức là nói đến Kim Luân Vương trong bốn loại Luân Vương. Trong thế gian này, từ thuở Thích Ca Mâu Ni Phật xuất hiện tới nay, suốt ba ngàn năm chưa ai từng thấy luân bảo của Kim Luân Vương. Không chỉ là [luân bảo của] Kim Luân Vương, sợ rằng luân bảo của vị nhỏ nhất là Thiết Luân Vương cũng chưa có ai trông thấy. Trong kinh, đức Phật bảo chúng ta: Người có phước báo lớn

nhất trong thế gian này là Luân Vương. Phạm vi thống trị của Kim Luân Vương là một thái dương hệ, đại vương của thái dương hệ là Kim Luân Vương. Ông ta có thể thống trị tứ thiên hạ, nay chúng ta gọi một tứ thiên hạ là thái dương hệ, tất cả những tinh cầu trong thái dương hệ ấy đều do ông ta thống trị.

Muốn thống trị hệ thống các tinh cầu, nhất định phải có công cụ giao thông nhanh chóng nhất, công cụ giao thông là luân bảo. Luân bảo rất giống đĩa bay do rất nhiều người hiện thời phát hiện, hình dạng của nó giống như bánh xe, tốc độ vô cùng mau chóng, vừa là công cụ giao thông vừa là vũ khí. To chừng nào? Chu vi là mười lăm dặm, nó có chu vi là mười lăm dặm Tàu⁵⁷, to ngàn ấy! Nhưng hiện thời chúng ta chẳng phát hiện đĩa bay nào trên thế giới to chừng ấy. Đó là nói luân bảo của Kim Luân Vương. Hiện thời, đĩa bay ở ngoài vũ trụ đến thám hiểm địa cầu có thể là luân bảo của Đờng Luân Vương hoặc Thiệt Luân Vương đã nói trong kinh Phật, nhỏ hơn [luân bảo của Kim Luân Vương] đôi chút, nhưng điều này là thật, tuyệt đối chẳng giả!

Hoa Nghiêm Sớ Sao nói: “*Kim luân to một do-tuần*”, luân bảo của Luân Vương lớn hay nhỏ cũng chẳng thể hoàn toàn giống hệt nhau. Giống như trong thế gian này, phi cơ có lớn hay nhỏ, cũng chẳng phải là hoàn toàn giống hệt nhau. Có thể thấy là luân bảo của luân vương tuyệt đối chẳng phải chỉ là một cái, nhất định là có rất nhiều, có lớn, có nhỏ. Một do-tuần là bốn mươi dặm, lớn hơn [luân bảo chỉ to] mười lăm dặm như đã nói trong phần trước. Hai câu này đều nói về luân bảo của Luân Vương trong thế gian này.

Điều được nói [trong câu kinh văn trích dẫn từ] Quán Kinh là nói về hoa sen trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, khác hẳn! “*Nhất nhất trì trung*” (trong mỗi một ao), Tây Phương Cực Lạc thế giới có vô lượng ao bảy báu, chẳng phải là chỉ có một ao bảy báu. “*Hữu lục thập ức thất bảo liên hoa, đoàn viên chánh đẳng thập nhị do-tuần*” (có sáu mươi ức hoa sen bảy báu, tròn trặn vừa bằng mười hai do-tuần), trong mỗi ao báu đều có sáu mươi ức hoa sen bảy báu. Do vậy có thể biết: Ao to lớn chẳng thể nghĩ bàn! Tây Phương Cực Lạc thế giới to lớn, không có cách nào tương tượng được! Hoa sen trong ao lớn hay nhỏ cũng khác nhau. “*Chánh đẳng*

⁵⁷ Thông thường, một dặm (Lý) trong các sách tiếng Hán được hiểu là dài chừng 5.000 xích (thước). Do Xích trải qua các triều đại có độ dài khác nhau, nên Lý cũng dài ngắn khác nhau. Tính đến hiện thời, một Lý bằng 500 mét và thường được gọi là Hoa Lý (dặm Tàu) để phân biệt với Anh Lý (dặm Anh (mile) tức 1.6 km) và Công Lý (km, cây số).

thập nhị do-tuần”, có thể là hoa sen to cỡ mười hai do-tuần nhiều nhất, có hoa sen nhỏ hơn, mà cũng có hoa lớn hơn. Mười hai do-tuần là bốn trăm tám mươi dặm, đường kính đại khái là từ Nam đến Bắc Đài Loan, còn to hơn Đài Loan.

“*Đại Bản*” là kinh Vô Lượng Thọ. Trong kinh Vô Lượng Thọ giảng hết sức tỉ mỉ, nên là một bộ kinh điển trọng yếu nhất trong Tịnh Độ Tông. “*Trì trung liên hoa, hoặc nhất do-tuần*” (hoa sen trong ao, hoặc to một do-tuần), kẻ vãng sanh thiện căn ít, hoa sen nhỏ nhất, to một do-tuần. Một do-tuần là bốn mươi dặm, nói chung to cỡ thành phố Đài Bắc, đây là hoa sen bé nhất, “*nãi chí bách do-tuần, thiên do-tuần*” (cho đến một trăm do-tuần, một ngàn do-tuần). Một ngàn do-tuần thì lớn hơn địa cầu của chúng ta, có thể thấy lớn nhỏ chẳng như nhau. “*Nhi nhân thế xa luân, đại bất du trượng*” (nhưng bánh xe trong nhân gian, chẳng to hơn một trượng), bánh xe lớn nhất trong thế gian này, tối đa là một trượng⁵⁸. Do vậy, chẳng thể dùng bánh xe trong thế gian này, hoặc dùng hoa sen trong thế gian để làm tiêu chuẩn, chẳng thể! Phải biết cảnh giới ở bên ấy chẳng thể nghĩ bàn. Kinh Đại Bản nói “*hoa diệp vô lượng vô biên*” (cánh hoa vô lượng vô biên). Kinh Như Lai Tạng nói: “*Hoa trung hóa Phật, quang minh vô số*” (trong hoa hóa hiện chư Phật, quang minh vô số), nên đúng là chẳng thể nghĩ bàn.

(Sao) Hựu vân: “*Chúng bảo liên hoa, châu biến thế giới, nhất nhất bảo hoa, hữu vô lượng bách thiên ức diệp*”. Án kinh biệt liên hoa thắng liệt tam chủng, thập diệp, bách diệp, thiên diệp, kim viết “*vô lượng bách thiên ức diệp*”, diệp ký vô lượng, tác hoa chi đại, diệp vô lượng hĩ!

(鈔) 又云：眾寶蓮華，周遍世界，一一寶華，有無量百千億葉。按經別蓮華勝劣三種，十葉、百葉、千葉。今曰無量百千億葉，葉既無量，則華之大，亦無量矣。

(Sao: Lại nói: “*Hoa sen bằng các thứ chất báu trọn khắp thế giới. Mỗi một hoa báu có vô lượng trăm ngàn ức cánh*”. Xét ra, kinh phân biệt hoa sen hơn kém thành ba loại: Mười cánh, trăm cánh, ngàn cánh; nay nói “*vô lượng trăm ngàn ức cánh*”, cánh đã là vô lượng thì hoa cũng phải to vô lượng vậy!)

Cánh hoa sen trong Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng giống cánh hoa sen trong thế gian này. Hoa sen trong thế gian này ít cánh, chẳng có

⁵⁸ Một Trượng là mười Xích, bằng khoảng 3m3 hiện thời.

nhiều cánh, mà cánh hoa lại rất to. Trong kinh thường nói mắt Như Lai giống như cánh hoa sen xanh. Nếu [người nghe hiểu là mắt Phật] giống như cánh hoa sen trong thế gian này, con mắt ấy sẽ khó coi lắm! Người ấy chẳng biết hoa sen Tây Phương Cực Lạc thế giới có nhiều cánh. “*Thiên diệp*” là một đóa sen có ngàn cánh, cánh sen dài và nhỏ giống như cánh hoa cúc; vì vậy, hết sức đẹp. Mắt Phật, Bồ Tát giống như cánh hoa sen ấy, dài và nhỏ. Hoa sen trong thế gian này mà “*trăm cánh, ngàn cánh*” giống như vậy rất hiếm hoi. Hoa sen mười mấy cánh, hai mươi mấy cánh thì khá nhiều, hoa mười mấy cánh thì thường thấy. Hoa sen càng nhiều cánh càng lạ lùng, mà cũng càng trân quý. Hoa sen trong Tây Phương Cực Lạc thế giới có vô lượng cánh, “*diệp*” là cánh hoa, nhiều vô lượng, nên hoa cũng phải to!

(Sao) Hựu Như Lai Tạng kinh vân: “Nhĩ thời, Thế Tôn ư Chiên Đàn Trùng Các, chánh tọa đạo tràng, nhi hiện thân biến, hữu thiên diệp liên hoa, đại như xa luân, hoa trung hóa Phật, các phóng vô số bách thiên quang minh”. Cố tri xa luân bất khả tư nghị, ninh đắc cực dĩ nhân thế thường sở ngữ xa nhi vi hạn lượng.

(鈔) 又如來藏經云：爾時世尊於旃檀重閣，正坐道場，而現神變，有千葉蓮華，大如車輪，華中化佛，各放無數百千光明。故知車輪不可思議，寧得局以人世常所御車而為限量。

(Sao: Lại nữa, kinh Như Lai Tạng nói: “Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn ở trong Chiên Đàn Trùng Các, hiện thân thông biến hóa, có hoa sen ngàn cánh to như bánh xe. Trong hoa hóa ra chư Phật, mỗi vị đều phóng vô số trăm ngàn quang minh”. Do vậy, biết “bánh xe” chẳng thể nghĩ bàn, há nên lấy [kích thước của] bánh xe người đời thường ngồi để đoán định kích thước của [hoa sen trong Cực Lạc] ư?)

Đây là một đoạn kinh văn trong kinh Như Lai Tạng⁵⁹, cho chúng ta biết: Đức Phật thị hiện thân biến, dùng sức thần thông của Phật, chuyển

⁵⁹ Kinh này có tên gọi đầy đủ là Đại Phương Đẳng Như Lai Tạng Kinh, một quyển, do ngài Phật Đà Bạt Đa La dịch vào thời Đông Tấn. Kinh chép đức Thế Tôn ngự tại Chiên Đàn Trùng Các trong giảng đường Bảo Nguyệt tại thành Vương Xá, có sáu mươi Hằng hà sa Bồ Tát Ma Ha Tát vân tập, Kim Cang Huệ Bồ Tát làm Thượng Thủ, Trong kinh này, đức Phật giảng giải về Như Lai Tạng và Phật Tánh. Kinh này về sau được ngài Bất Không dịch lần nữa vào đời Đường với danh xưng Đại Phương Quảng Như Lai

cảnh giới Tây Phương Cực Lạc thế giới đến trước mặt chúng ta, khiến cho mỗi kẻ phàm phu chúng ta cũng có thể trông thấy. Chúng ta thường gọi chuyện này là “*thần thông biến hóa*”. Nhưng các hiện tượng này chắc chắn chẳng phải là ảo thuật. Ảo thuật là giả, chẳng thật! Những tướng cảnh giới do đức Phật đã hiện đều là thật, Ngài đem cảnh giới của chư Phật nơi các phương khác đặt trước mặt chúng ta, khiến cho chúng ta cậy vào thần lực của Phật bèn có thể tiếp xúc, có thể thấy, thậm chí có thể nghe chư Phật, Bồ Tát giảng kinh, thuyết pháp; những điều này đều phải cậy vào oai thần của Phật. Ngài hiện hoa sen trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, đúng như kinh Đại Bồn đã nói: Hoa tỏa ánh sáng, trong ánh sáng hóa hiện chư Phật. Do vậy có thể biết: Chắc chắn chẳng thể dùng hoa sen trong thế gian này để luận định hoa sen báu trong Tây Phương Cực Lạc thế giới. [Kinh nói] “to như bánh xe” thì cũng chẳng thể lấy bánh xe trong cõi này để so sánh, hiểu là hình dáng bên ngoài tương tự thì được, chứ công đức lợi ích biến hóa chẳng có cách nào tương tự được!

(Sao) Tùy cơ giả, dĩ hoặc tiểu, hoặc đại, diêu kỳ nhân địa niệm Phật, công hữu thắng liệt, cơ cảm tự trí nhĩ.

(鈔) 隨機者，以或小或大，繇其因地念佛，功有勝劣，機感自致爾。

(Sao: “Tùy cơ”: Do [hoa sen] lớn hoặc bé tùy thuộc sự niệm Phật trong lúc tu nhân, công phu có thù thắng hay hèn kém, nên tùy theo căn cơ mà tự cảm vờ thành ra như vậy).

Câu này rất trọng yếu. Hoa sen trong Tây Phương thế giới chẳng phải do A Di Đà Phật gieo trồng, nên hoa sen lớn hay bé, ánh sáng và màu sắc của nó chẳng dính dáng gì đến A Di Đà Phật. Hoa sen do đâu mà có? Do người niệm Phật trong các cõi Phật ở mười phương trong lúc tu nhân đã sanh ra. Pháp môn này là pháp môn hy hữu thù thắng bậc nhất, người có thể thật sự nhận thức thấu triệt pháp môn này chẳng nhiều lắm. Lão cư sĩ Hạ Liên Cư nói: “*Ức vạn nhân trung, nhất nhị tri*” [nghĩa là] trong ức vạn người, chỉ được một, hai kẻ hiểu biết! Pháp môn này là pháp môn bậc nhất để mười phương ba đời hết thấy chư Phật độ chúng sanh thành Phật đạo, nên nói kinh Vô Lượng Thọ và kinh A Di Đà được gọi là “*kinh bậc nhất trong hết thấy các kinh*”. Cũng có thể nói là mười phương ba đời hết

Tạng Kinh, nhưng đa số những người nghiên cứu, đọc tụng kinh này, đều lấy bản của ngài Phật Đà Bạt Đà La làm chính.

thầy chú Phật Như Lai, không có vị Phật nào chẳng giảng bộ kinh này, không có vị Phật nào chẳng khuyên mọi người niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Do vậy, pháp môn này là pháp môn được chư Phật chung nhau hoằng dương, ta có thể suy ra được sự thù thắng của nó vậy!

Nhưng chúng sanh có người tin, có kẻ chẳng tin, người tin ít ỏi, kẻ không tin đông đảo. Vì sao không tin? Nghĩ pháp này quá dễ dàng, họ nói “liễu sanh tử, thoát tam giới, thành Phật đạo há dễ dàng như vậy ư?” Họ chẳng tin tưởng. Phàm những người có thể tin tưởng đều do thiện căn, phước đức, nhân duyên nhiều đời nhiều kiếp chín muồi, nên quý vị mới có thể tin tưởng, điều này chẳng dễ dàng! Nếu quý vị thật sự tin tưởng, bèn liễu sanh tử ngay trong đời này, được sống đời đời ngay trong đời này. Các tôn giáo thường nói đến chuyện sống đời đời; thật vậy, từ nay trở đi, bất sanh, bất diệt. Chúng ta vãng sanh là vãng sanh trong khi còn sống, chẳng phải là chết rồi mới vãng sanh. Ra đi trong khi còn sống, đến Tây Phương Cực Lạc thế giới vô lượng thọ. Thọ mạng là vô lượng thật sự, chẳng phải là vô lượng có hạn lượng, mà là chân thật vô lượng. Nếu chẳng phải là phước đức, thiện căn, nhân duyên trong vô lượng kiếp đã chín muồi, chắc chắn chẳng thể nào gặp gỡ pháp môn này; dầu có gặp gỡ, cũng chẳng thể tin tưởng.

Tín thì có tin nông cạn và tin sâu xa. Có người tuy đã tin, nhưng vẫn còn hoài nghi, chẳng phải là khẳng khẳng một mực tin tưởng. Nguyên cũng có cạn hay sâu khác nhau. Hạnh thì công phu cũng chẳng như nhau. Có người mỗi ngày niệm mười vạn tiếng Phật hiệu, có người mỗi ngày chỉ niệm mười câu, mười niệm! Làm sao có thể như nhau được? Vì thế, sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, hoa sen sẽ lớn hay nhỏ khác nhau. Nếu quý vị thật sự hiểu rõ chuyện này, nay chúng ta phải giữ lấy điều gì? Phải giữ lấy những gì có thể vĩnh viễn đạt được, vĩnh viễn chẳng mất đi. Quý vị giữ lấy những thứ ấy sẽ là thông minh, đó chính là hoa sen trong Tây Phương Cực Lạc thế giới. Quý vị thật sự tin tưởng, thật sự phát nguyện, nỗ lực niệm Phật, hoa sen của quý vị ngày càng to hơn. Nửa tin nửa ngờ, dường như niệm, dường như chẳng niệm, dầu được vãng sanh thì đến bên kia, hoa sen chỉ to một do-tuần, rất nhỏ!

Chúng ta chớ nên lưu luyến ngũ dục lục trần trong thế gian này, vì sao? Hết thầy các pháp trong thế gian này chẳng mang thứ nào theo được! Mọi người đều biết: “*Sanh không mang gì đến, chết chẳng đem gì theo*”. Nếu biết chết không mang được thứ gì theo thì cần gì phải tranh giành những thứ ấy? Hiện thời, quý vị còn chưa chết, đúng vậy, hôm nay vẫn còn chưa chết, nhưng ngày mai có thể còn sống hay không, ai dám bảo

đảm? Không ai dám bảo đảm cả! Tai nạn bất ngờ quá nhiều! Chúng ta có được sanh mạng một ngày thì phải nỗ lực tu hành một ngày, chẳng cần tranh giành những thứ trong thế gian, chúng đều là giả.

Gần đây nhất, tôi gặp một vị đồng tu, rất phát tâm, và cũng là một Phật giáo đồ kiên thành, tính tự mình xây dựng một đạo tràng nhỏ để tu hành, đến hỏi tôi có nên hay không? Tôi nói: “Đài Loan có rất nhiều đạo tràng, ông đã thấy rồi đó. Ông cảm thấy có tốt đẹp hay không? Nếu ông có tiền, bây giờ mua một căn nhà nhỏ, đừng nói là mua chỗ lớn lao! Mua một nơi to bằng Thư Viện của chúng tôi, chỉ sợ cũng phải trên ngàn vạn. Nếu ông dùng số tiền một ngàn vạn ấy in kinh Vô Lượng Thọ, tặng một trăm vạn bản cho hết thầy chúng sanh để kết duyên, tức là ông tu được một đạo tràng to lớn, chắc chắn ông sẽ vãng sanh. Ông tự mình mua nhà lập đạo tràng, nói không chừng là đạo tràng đấu tranh, sợ là chẳng có cách nào vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới!”

Hiện thời, chúng tôi biên tập bộ kinh ấy hết sức hoàn chỉnh, phần đầu là kinh văn [của kinh Vô Lượng Thọ], chính giữa là Bảo Vương Tam Muội Sám và Tịnh Tu Tiếp Yếu, phía sau in kèm Âm Chất Văn và Thái Thượng Cảm Ứng Thiên, nương theo một quyển ấy để tu hành, đủ rồi! Bảo Vương Tam Muội Sám và Tịnh Tu Tiếp Yếu là “*hành kinh*” (kinh điển để hành trì), còn hay hơn Lương Hoàng Sám và Thủy Sám, hai bộ sám ấy do cổ nhân biên soạn vào thời đại ấy. Cư sĩ Hạ Liên Cư là người thuộc thời đại hiện tại, từ lúc Ngài vãng sanh cho đến hiện thời bất quá là hai mươi lăm năm, cho nên những điều được viết trong bộ sám ấy đều là tật xấu của thế hệ chúng ta. Quý vị tu theo sám pháp ấy, phát lộ sám hối thì Lý Sám và Sự Sám thấy đều trọn đủ. Do vậy, sám pháp ấy vô cùng hay, hãy nên chiếu theo phương pháp ấy để tu tập. Nếu chẳng thể tu mỗi ngày, tốt nhất là mỗi tuần tu một lần. Tịnh Tu Tiếp Yếu có thể tu mỗi ngày, dùng Tịnh Tu Tiếp Yếu làm khóa lễ sáng tối. Bảo Vương Tam Muội Sám mỗi tuần tu một lần, tối thiểu là mỗi tháng tu một lần. Âm Chất Văn và Cảm Ứng Thiên do pháp sư Ấn Quang đề xướng. Lão nhân gia dùng này hai thứ ấy để thay thế giới luật, khiến cho chúng ta thường đọc, thường phản tỉnh, chỗ nào chúng ta đã làm đúng, chỗ nào đã làm trật. Dùng hai thứ ấy để làm tiêu chuẩn, hồng sửa đổi những hành vi sai trái nơi thân tâm của chúng ta. Chúng tôi đều chép hết vào tập sách nhỏ ấy, hết sức hoàn chỉnh. Hoa sen lớn hay nhỏ do bản thân chúng ta, đã hiểu đạo lý này thì phải nỗ lực, phải nghiêm túc tu học.

Nói theo nguyên lý, kinh điển liễu nghĩa đã nói rất rõ ràng: “*Tâm tịnh, ắt cõi Phật tịnh*”, nguyên lý này vĩnh viễn chẳng thể biến đổi, cầu

sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới cũng giống như thế. Vì sao Phật, Bồ Tát, tổ sư đại đức muốn chúng ta một ngày phải niệm bao nhiêu câu Phật hiệu? Nhằm mục đích dạy chúng ta tu cái tâm thanh tịnh. Chúng ta chẳng niệm Phật bèn dấy vọng tưởng, vọng tưởng là nghiệp luân hồi, quý vị đang tạo tác lục đạo luân hồi. Hằng ngày tạo tác lục đạo luân hồi, làm sao có thể thoát khỏi lục đạo luân hồi cho được? Quý vị chẳng thoát được! Vì thế, bảo quý vị niệm Phật. Trong tám vạn bốn ngàn pháp môn, niệm Phật là bậc nhất. Bất luận cầu tiêu tai, trừ chướng, miễn nạn, công đức niệm Phật đều to lớn bậc nhất. Vì thế, yêu cầu quý vị mỗi ngày niệm mười vạn tiếng, niệm năm vạn tiếng, niệm ba vạn tiếng, niệm một vạn tiếng. Tôi thiểu là một ngày phải niệm một vạn tiếng Phật hiệu, chẳng thể ít hơn. Niệm một vạn tiếng Phật hiệu chẳng khó, niệm bốn chữ, A Di Đà Phật, A Di Đà Phật, niệm theo cách như vậy thì mất hai tiếng đồng hồ. Chẳng thể niệm một lần thì ta chia làm hai lần niệm. Chẳng thể niệm hai lần thì ta chia ra niệm bốn lần, mỗi lần nửa tiếng. Có thể niệm chừng hai tiếng đồng hồ thì đại khái sẽ đủ một vạn tiếng. Vì vậy, quý vị niệm Phật càng nhiều càng hay, lúc niệm Phật, quý vị sẽ không dấy vọng tưởng. Do tu Tây Phương Cực Lạc thế giới Tịnh Độ, nên mỗi ngày phải niệm kinh, tối thiểu phải niệm kinh một lần mỗi ngày, Phật hiệu tối thiểu phải niệm một vạn tiếng.

Công khóa sáng tối chuyên tu tịnh nghiệp, dùng Tịnh Tu Tiệp Yếu là tốt nhất, chẳng cần dùng nghi thức tụng niệm thông thường. Khóa tụng bình thường vốn do cổ đức đặt ra cho các tự viện thông thường, chẳng dành cho người chuyên tu Tịnh nghiệp. Lão cư sĩ Hạ Liên Cư tuổi già đề xướng Tịnh Độ Tông, chuyên tu, chuyên hoằng. Tịnh Tu Tiệp Yếu và Bảo Vương Tam Muội Sám là trước tác sau cùng của cụ vào lúc tuổi già. Trong thế gian hiện thời, người tin pháp môn này rất ít, kẻ bài xích, hủy báng pháp môn này hết sức nhiều. Ở hải ngoại, chúng tôi thường gặp kẻ bảo: “Niệm Phật là pháp Tiểu Thừa, [người tu Tịnh Độ] là kẻ chỉ cầu giải thoát cho riêng mình. Niệm Phật là tiêu cực”, nghe thấy những ngôn luận giống như vậy rất phổ biến. Nếu bản thân chúng ta tín tâm chẳng đủ, chẳng liễu giải Tịnh Độ, nghe lời lẽ ấy cảm thấy rất có lý, chính mình ngay lập tức ngã lòng, chẳng niệm nữa. Còn nghe có kẻ nói: “Bản hội tập của cư sĩ Hạ Liên Cư chẳng phải là bản dịch gốc, Ấn Quang đại sư phản đối”. Tuy Ấn Quang đại sư phản đối, Ngài chẳng phản đối bản của cụ Hạ Liên Cư. Khi cụ Hạ Liên Cư soạn ra bản này, Ấn Quang đại sư đã vãng sanh, Ngài chẳng đọc đến! Vì sao Ngài phản đối những bản hội tập trước đó? Hội tập lần đầu là cư sĩ Vương Long Thư, Ấn Quang đại sư cũng rất bội phục cư

sĩ Vương Long Thu. Cư sĩ Vương Long Thu đứng vãng sanh, biết trước lúc mất. Nếu quý vị nói bản kinh này chẳng thể hội tập, lẽ ra ông ta chẳng đứng vãng sanh. Ông ta có thể đứng vãng sanh, chúng tỏ hội tập kinh này là điều chính xác.

Vì sao Ấn Quang đại sư phản đối ba bản hội tập trong quá khứ? Là vì người hội tập sử dụng ý nghĩ của chính mình để sửa chữa kinh văn. Ngài không phản đối hội tập, mà là phản đối quý vị tùy tiện sửa đổi kinh văn, chẳng thể mở ra lộ này! Vì sau khi quý vị lập ra tiền lệ, về sau sẽ có kẻ bắt chước, [tùy tiện] sửa kinh, đến cuối cùng, kinh bị biến đổi thành tình trạng nào [chẳng ai có thể tưởng tượng được], điều này chẳng thể [chấp nhận được]! Đối với bản [hội tập] này của cụ Hạ Liên Cư, quý vị hãy đối chiếu bản hội tập ấy với năm bản dịch gốc, [sẽ thấy] cụ chẳng sửa một chữ nào. Do vậy, nếu pháp sư Ấn Quang nhìn thấy, nhất định sẽ hoan hỷ, tán thán, quý vị chẳng tìm thấy khuyết điểm! Bản hội tập trước kia của Vương Long Thu có những khuyết điểm, ông ta thường sửa chữ, đương nhiên ông ta sửa theo ý nghĩa đúng, nhưng vẫn là [tùy tiện] thay đổi chữ. Các bản của cư sĩ Bàn Tế Thanh và cư sĩ Ngụy Mặc Thâm đều phạm khuyết điểm ấy. Vì vậy, cư sĩ Hạ Liên Cư mới phát tâm [hội tập một bản mới], chẳng động đến một chữ nào! Hiện thời, ấn hành Tịnh Độ Ngũ Kinh Độc Bản, chín phiên bản bày trước mặt quý vị, quý vị hãy tự mình đối chiếu. Sau khi quý vị đối chiếu, sẽ bội phục năm vóc gieo sát đất, chẳng còn nói gì được nữa! Vì thế, lần này chúng tôi đặc biệt ấn hành toàn bộ chín phiên bản, là vì sợ có người lại phê bình, lại hoài nghi bản của cụ Hạ Liên Cư có những khuyết điểm. Chín phiên bản bày ra trước mặt, quý vị chẳng còn nói gì nữa. Quý vị hãy tự nhìn xem. Đây là lý do vì sao chúng ta phải in Tịnh Độ Ngũ Kinh Độc Bản, lý do là ở ngay chỗ này, hy vọng mọi người đối với bản này [tin tưởng] kiên định, chẳng đổi dời. Hạ lão cư sĩ vãng sanh cũng là biết trước lúc mất. Do vậy, kẻ thiện căn, phước đức mỏng sẽ hoài nghi; người thiện căn, phước đức sâu dày “*một phen thoáng qua tai, vĩnh viễn trở thành hạt giống đạo*”, sẽ chẳng hoài nghi.

Theo băng ghi âm lời khai thị trong Phật Thất tại Hương Cảng của lão pháp sư Đàm Hư, lão nhân gia có nhắc tới một đồ đệ của pháp sư Đệ Nhàn. Vị đồ đệ ấy mù chữ, điều gì cũng chẳng biết. Tuy xuất gia, [cụ Đệ Nhàn] cũng chẳng cho ông ta thọ giới, mà cũng chẳng bảo ông ta ở trong chùa. Vì ông ta tuổi tác đã cao, nên Sư tìm một ngôi chùa hư nát ở vùng quê thành phố Ninh Ba cho ông ta ở, dạy ông ta [gắng niệm] một câu Nam-mô A Di Đà Phật. Sư dạy: “*Ông cứ thẳng thừng mà niệm, niệm mãi, niệm mệt bèn nghỉ ngơi. Nghỉ khỏe khoản rồi lại niệm*”. Người đồ đệ ấy

thật sự nghe lời, đúng là khó có! Thật thà niệm Phật, niệm một câu ấy suốt ba năm, ông ta cũng đứng vãng sanh, biết trước lúc mất. Đã chết rồi mà vẫn đứng sững ba ngày, đợi sư phụ đến lo liệu hậu sự. Pháp sư Đế Nhân thấy tình cảnh ấy, ca ngợi ông ta. Sư nói: *“Pháp sư giảng kinh, thuyết pháp đương thời, trụ trì các đạo tràng chốn danh sơn, không ai có thể sánh bằng ông ta”*. Ông ta chỉ biết một câu Nam-mô A Di Đà Phật sáu chữ, trừ câu ấy ra, chuyện gì cũng chẳng biết. Đã chết rồi mà vẫn đứng sững ở đó ba ngày, chẳng dễ dàng! Do vậy, học Phật phải nghiêm túc tu! Ông ta vãng sanh chắc chắn là thượng phẩm thượng sanh, công phu ba năm đấy nhé! Nay chúng ta chẳng bằng người ta, người ta đúng là thật thà niệm Phật, chúng ta chẳng thật thà! Đầu óc suốt ngày từ sáng đến tối suy nghĩ lung tung! Nói ra những lời này [nhằm khẳng định] hoa sen lớn hay nhỏ do chính chúng ta quyết định. Chúng ta phải nghiêm túc nỗ lực, phải tu công đức chân thật, chớ nên giả vờ!

Trong Cốc Hương Tập, lão cư sĩ Hoàng Nịem Tổ đã viết mấy câu rất trọng yếu trong đoạn cuối bài Tịnh Độ Tư Lương, tôi hết sức tán đồng! Cụ nói: Tu hành trong hiện tại, thứ nhất là *“đồng tu quý tinh, chớ không quý nhiều”*. *“Tinh”* là gì? Thật sự tu! Chúng ta gồm mười người cùng tu, trong tương lai mười người đều có thể vãng sanh, rất tuyệt vời! Hiện thời, đạo tràng chúng ta có mấy trăm người, mấy ngàn người, nhưng một người cũng chẳng thể vãng sanh, trong tương lai đều tạo ác nghiệp phải đọa trong tam đồ, vậy thì dẫu nhiều, có ích gì? Vô ích! Do đó, các đồng tu quý tinh, chẳng quý nhiều. Thứ hai là *“đạo tràng trọng thực chất, không trọng hình thức”*, *“thực chất”* là thật sự tu, thật sự phát Bồ Đề tâm, thật sự tụng kinh, niệm Phật, không do hình thức. Kiến trúc trang nghiêm, chung dọn lộng lẫy, bệ thế, hương khói rất nhộn nhịp, đồ chúng rất đông, đều là hình thức, những hình thức ấy là gì? Đạo tràng náo nhiệt, chẳng phải là thật sự tu hành. Trước kia, thầy Lý bảo tôi: *“Thật sự đả Phật Thát, chẳng thể đông hơn mười người”*. Nhiều hơn mười người là đã bị biến chất, biến thành pháp hội, chẳng phải là niệm Phật! Năng lực tinh thần của vị Chủ Thất Sư có thể chiếu cố mười người thì còn được; người đông quá, Chủ Thất Sư là hình thức, chẳng có cách nào chiếu cố được! Đối với mỗi cá nhân, Chủ Thất Sư đều phải quan sát và hiểu cảnh giới của người ấy, khiến cho trong bảy ngày, người ấy thật sự có thể đạt được lợi ích, thật sự có thể đạt được một chút thành tựu, như công phu thành thiền hay nhất tâm bất loạn. Đả Phật Thát nhằm cầu điều này, đông người sẽ chẳng có cách nào, đều biến thành hình thức. Con người hiện thời chuộng hình thức, chẳng trọng thực chất. Thứ ba, *“chân tu phải chú trọng nhất tâm, chú trọng tâm thanh tịnh”*,

không xem trọng cảnh giới, không đặt nặng thân thông, không coi trọng Thiên Định, không xem trọng cảm ứng, những thứ này đều chẳng cần! Ta đến đây để cầu gì? Cầu tâm thanh tịnh.

Do vậy, ba điều cụ Hoàng đã khai thị vô cùng quan trọng. Nếu có thể tuân thủ ba điều khai thị ấy, tuy sống trong thời kỳ Mạt Pháp, cũng chẳng bị đi vào ngõ rẽ, chẳng bị lạc lối. Tuy là Mạt Pháp, nhất định có thành tựu chẳng thể nghĩ bàn! Nhưng đại đa số người hiện thời đều phạm khuyết điểm, đều nói tới bề ngoài, đều nói tới chuyện dễ coi, toàn là nói tới hình thức. Nói đạo tràng hưng vượng thì “chùa to, người đông” có phải là hưng vượng hay không? Sai mất rồi! Sai làm quá đỗi! Chúng ta đọc Tây Phương Xác Chỉ, nhóm đồ đệ của Giác Minh Diệu Hạnh Bồ Tát tất cả chỉ có mười hai người tu hành, mười hai người ai nấy vãng sanh, lỗi lạc thay, đạo tràng Bồ Tát đấy nhé! Do vậy, quyết định chẳng phải là đông người, chư vị nhất định phải nhớ kỹ điều này! Chúng ta phải kết hợp những người thật sự chí đồng đạo hợp, thật sự chí đồng đạo hợp là gì? Chúng ta chỉ có một mục tiêu, cầu sanh Tây Phương, cầu sanh Tịnh Độ; chúng ta cùng một nguyện vọng, hoằng dương Tịnh Độ. Có thể phát tâm như vậy, không chỉ là đồng tâm đồng nguyện với A Di Đà Phật, mà nói thật ra còn là “đồng tâm, đồng nguyện, đồng hạnh” với mười phương hết thảy các đức Như Lai, có lẽ nào chẳng vãng sanh?

(Sao) Nãi hữu dĩ hoa như xa luân, ức thử kinh tán thiện, cái vị khảo luận nghĩa.

(鈔) 乃有以華如車輪，抑此經散善，蓋未考於輪議。

(Sao: Có kẻ viện cớ [kinh này nói] “hoa sen to như bánh xe” để gièm chê kinh này là tán thiện, ấy là vì chưa xét đến ý nghĩa của chữ Luân).

Cổ đại đức bảo pháp môn Niệm Phật là tán thiện, đó là vì chưa thâm nhập nghiên cứu ý nghĩa của kinh, nhìn sai ý nghĩa.

(Sớ) Đại như xa luân, thử dụ hình thể, dĩ luân dụ đức, diệc hữu đa nghĩa.

(疏) 大如車輪，且喻形體，以輪喻德，亦有多義。

(Sớ: To như bánh xe, là tỷ dụ hình thể, dùng bánh xe để tỷ dụ đức, cũng có nhiều nghĩa).

Bởi lẽ, mỗi chữ, mỗi câu trong Phật pháp đều bao hàm vô lượng nghĩa. Nếu chúng ta muốn liễu giải Phật pháp, nói thật ra, chẳng phải là chuyện dễ dàng! Thật sự có thể thấu hiểu Phật pháp, nhất định phải dốc

sức nơi tâm địa, tuyệt đối chẳng ở nơi văn tự, hoặc nơi chú giải! Quý vị muốn thông đạt Phật pháp bằng văn tự hoặc chú giải, đó là chuyện chẳng thể nào có! Từ xưa tới nay, chẳng dùng phương pháp ấy, chỉ có con người hiện thời mới dùng phương pháp ấy, tức là nghiên cứu kinh luận, nghiên cứu chú sớ. Trong bộ Hoa Nghiêm Kinh Sớ Sao, nơi phần giải thích tựa đề bộ kinh, Thanh Lương đại sư lão nhân gia đã nói rất minh bạch: “*Tăng trưởng tà kiến*”. Chúng ta đọc rất nhiều kinh điển, xem rất nhiều chú sớ, Phật pháp đầy ắp trong đầu, đó là tà tri, tà kiến!

Những kinh luận chẳng phải là do đức Phật nói ra ư? Đức Phật chẳng nói một câu nào! Quý vị đọc kinh Kim Cang, [thấy chép]: Nếu kẻ nào nói đức Phật thuyết pháp, kẻ đó báng Phật! Đức Phật chẳng nói một câu nào! Nói thật thà, Phật pháp chẳng có ý nghĩa, Phật pháp chẳng nói được. Tâm Phật là tâm thanh tịnh. Trong tâm thanh tịnh, chẳng sanh một niệm, há có pháp để nói? Chẳng có pháp để nói. Đức Phật thuyết pháp bốn mươi chín năm, nói lắm kinh như vậy, trong kinh đã nói rất minh bạch: “*Chẳng nói mà nói, nói mà không nói*”. Nếu quý vị có thể hiểu ý nghĩa này, mới là thật sự nhập Phật tri kiến. Phật chẳng nói! Đó là lời thật thà, là lời chân thật, đức Phật chẳng nói một câu nào. Vì chúng sanh có bệnh (khuyết điểm), nên đức Phật bảo cho quý vị biết lỗi này, lỗi nọ! Quý vị nói “đức Phật nói một câu”, đức Phật chẳng nói một câu nào, chỉ nói ra lỗi này, lỗi nọ của quý vị. Vì thế, phải chú tâm thấu hiểu.

Phật pháp dạy chúng ta Giác, Chánh, Tịnh. Đạt được một chữ trong ba chữ Giác, Chánh, Tịnh thì cả ba đều đạt được! Thiên Tông dốc sức nơi Giác. Hễ đã Giác, đương nhiên là đạt được Chánh và Tịnh. Giáo Hạ dốc sức nơi Chánh, người niệm Phật đổ công nơi Tịnh. Trong ba chữ ấy, Tịnh tương đối thù thắng, tương đối dễ dàng hơn. Tịnh là cầu tâm thanh tịnh, dốc sức từ chỗ này. Chỉ cần cái tâm đã thanh tịnh, quyết định là chánh tri chánh kiến, quyết định là đại giác rạng ngời, đó là đạo lý nhất định! Do vậy, cầu tâm thanh tịnh. Nay chúng ta niệm Phật, tụng kinh, mục đích đều nhằm cầu tâm thanh tịnh. Do vậy, trong niệm Phật, tụng kinh, chớ nên có vọng tưởng, chớ nên nghĩ tưởng ý nghĩa trong kinh. Chẳng cần suy tưởng ý nghĩa trong kinh thì tâm mới thanh tịnh. Nếu vừa niệm vừa nghĩ đến ý nghĩa trong kinh, tâm sẽ chẳng thanh tịnh, tức là coi kinh Phật như sách thể gian để đọc. Do đó, phải hiểu kinh Phật chẳng có ý nghĩa gì, chúng ta chỉ niệm, chẳng cầu hiểu ý nghĩa. Niệm kinh như vậy thì Tam Học Giới, Định, Huệ thấy đều trọn đủ.

Vì lẽ đó, niệm kinh, niệm Phật là tu Giới, Định, Huệ, ta mỗi ngày niệm kinh này từ đầu đến cuối một lần là tu Giới, Định, Huệ một lần. Ta

niệm Phật niệm hai giờ là tu Giới, Định, Huệ hai giờ. Huệ ấy là trí huệ chân thật, là Căn Bản Trí. Căn Bản Trí là như trong kinh Bát Nhã đã nói: “*Bát Nhã vô tri*”, tu gì? Tu vô tri; khi khởi tác dụng, lục căn tiếp xúc cảnh giới lục trần bên ngoài, “*không gì chẳng biết*”. Không gì chẳng biết do đâu mà có? Từ vô tri mà có! Nay chúng ta phạm khuyết điểm, nên gọi là điên đảo. Trong kinh, đức Phật thường bảo chúng ta là “*kẻ đáng thương xót*”, là “*kẻ điên đảo*”, điên đảo là gì? Chúng ta dốc hết tánh mạng “*cầu tri*”. Dốc hết tánh mạng “*cầu tri*” thì kết quả là có điều không biết, thứ gì cũng đều chẳng biết! Do vậy, đức Phật dạy chúng ta: Trước hết, quý vị phải cầu vô tri, thật sự đạt đến vô tri thì sẽ “*chẳng gì không biết*”. Con người hiện thời chẳng chịu cầu vô tri, đòi hỏi “*có biết*”, điên đảo ở chỗ này! Khi thật sự thanh tịnh đạt được vô tri thì lúc mở kinh ra sẽ là vô lượng nghĩa. Nếu quý vị giảng cho người khác, trong ấy sẽ là vô lượng nghĩa. Nếu quý vị chẳng giảng thì trong ấy một tí ý nghĩa cũng đều chẳng có! Vì thế, chúng ta chẳng thể cầu hữu tri, mà hãy cầu vô tri.

Trong lúc tâm quý vị thanh tịnh, sẽ giống Lục Tổ đã nói: “*Vốn chẳng có một vật*”, trí huệ của quý vị liền sanh. Khi Lục Tổ gặp Ngũ Tổ, đã thưa cùng Ngũ Tổ: “*Trong tâm đệ tử thường sanh trí huệ*”. Trong tâm con người chúng ta hiện thời thường sanh phiền não. Người ta thường sanh trí huệ, vì sao thường sanh trí huệ? Tâm thanh tịnh, trong tâm thứ gì cũng đều chẳng có! Tâm giống như nước phẳng lặng, giống như một tấm gương, chiếu kiến! Tâm Kinh có nói: “*Chiếu kiến Ngũ Uẩn đều Không*”. Trong tâm chúng ta là gió to, sóng lớn, thứ gì cũng chẳng thấy được! Thấy chẳng được, bèn suy nghĩ lung tung, chỗ nào cũng suy lường, gốc bệnh ở ngay chỗ này. Vì lẽ đó, pháp môn Tịnh Độ là pháp môn xảo diệu nhất, là pháp môn thiện xảo nhất, tức là dạy chúng ta lìa khỏi phân biệt, chấp trước, vọng tưởng bằng phương pháp dùng niệm Phật, tụng kinh để bài trừ. Quý vị công phu lâu ngày, tự nhiên phân biệt, chấp trước, vọng tưởng ít đi. Vọng tưởng ít, trí huệ liền sanh, trí huệ liền tăng trưởng.

(Sao) Hình thể giả, luân thể vi viên, hữu liên tượng dã.

(鈔) 形體者，輪體圍圓，有蓮象也。

(Sao: “Hình thể”: Bánh xe tròn xoay, giống như hình dáng của hoa sen).

“*Hình*” là hình trạng. Nói theo phương diện “*hình thể*”, bánh xe là tròn. Nhìn từ phía trên, hoa sen cũng là tròn. Hình tượng tương tự, mang ý nghĩa này.

(Sao) Đa nghĩa giả.

(鈔) 多義者。

(Sao: Nhiều nghĩa).

Trong Luân, quả thật có rất nhiều ý nghĩa.

(Sao) Hựu Luân hữu chuyển nghĩa.

(鈔) 又輪有轉義。

(Sao: Lại nữa, Luân có nghĩa là chuyển động).

Nói thật ra, tác dụng lớn nhất của bánh xe là xoay tròn, có thể nói là nhân loại tiến bộ, mãi cho đến ngày nay, phát triển đến tận vũ trụ đều cậy vào sự xoay tròn. Nếu nó chẳng chuyển động thì thứ gì chẳng thể chuyển động. Nếu bánh xe hơi không xoay được thì xe có tác dụng gì nữa? Nếu động cơ máy bay chẳng chuyển động, máy bay cũng chẳng thể bay được! Tất cả hết thảy khoa học kỹ thuật đều dựa vào sự chuyển động của bánh xe. Bánh xe có ý nghĩa động, có ý nghĩa chuyển!

(Sao) Thử liên hoa giả, thác dụng chúng sanh, dịch phàm thành thánh, tức Chuyển nghĩa cố.

(鈔) 此蓮華者，托孕眾生，易凡成聖，即轉義故。

(Sao: Hoa sen này là nơi để chúng sanh gửi thân sanh về, đổi phàm thành thánh, chính là ý nghĩa Chuyển).

Từ nơi này sanh sang nơi khác là ý nghĩa Chuyển. Đối với hoa sen trong thế giới Cực Lạc, chúng sanh sanh vào hoa sen là phàm phu, nhưng vừa vào hoa sen bèn thành thánh nhân, thánh nhân như thế nào? Thừa cùng quý vị, bậc đại thánh nhân phi phàm, thành Phật! Trong tám vạn bốn ngàn pháp môn chẳng có chuyện này, chỉ riêng Tây Phương Cực Lạc thế giới thù thắng, nó là pháp môn thành Phật trong một đời. “*Dịch phàm thành thánh*” là ý nghĩa Chuyển.

(Sao) Hựu Luân hữu triển nghĩa.

(鈔) 又輪有輓義。

(Sao: Luân lại có nghĩa là nghiền nát).

“*Triển*” (輓) là giống như xe hủ lô (xe lu, rouleau-compresseur, road roller), nó có thể cán bằng, nghiền phẳng mặt đất, mang ý nghĩa này.

(Sao) Thử liên hoa giả, bất nhiễm ô trước, phá trừ phiền não, tức Triền nghĩa cố.

(鈔) 此蓮華者，不染汙濁，破除煩惱，即輟義故。

(Sao: Hoa sen này chẳng nhiễm ô trước, phá trừ phiền não, tức là ý nghĩa Nghiền Nát).

Hoa sen trong sạch, thơm sạch vi diệu. Nếu chúng ta có Phiền Não Chướng thì bốn ý nghĩa “vi diệu hương khiết” đều không có. Do vậy, người sanh vào hoa sen, tất cả hết thấy phiền não tự nhiên chẳng còn. Chúng ta vãng sanh mang theo phiền não, đời nghiệp vãng sanh, tới Tây Phương Cực Lạc thế giới, những phiền não ấy tự nhiên đều chẳng còn, chúng đi đâu rồi? Chuyển biến thành trí huệ. Đó gọi là “*phiền não tức Bồ Đề*”, đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, phiền não hễ biến đổi liền biến thành trí huệ, rất mau nhiệm! Do vậy, chẳng cần đoạn phiền não, mà phiền não tự nhiên chẳng còn! Điều này giống như ý nghĩa Nghiền Nát.

(Sao) Hựu Luân hữu phi hành nghĩa.

(鈔) 又輪有飛行義。

(Sao: Luân lại có ý nghĩa bay đi).

“Phi hành nghĩa”, người xưa đã có thể nói như vậy, chúng ta là người hiện tại đọc đến, [cảm thấy] chẳng thể nghĩ bàn! Người hiện thời nhìn vào nghĩa “phi hành” còn tương đối hiểu được, khoa học kỹ thuật phát triển mà! Trước đây làm sao có phi hành? Có thể thấy đại khái là vào thời cổ đã có đĩa bay.

(Sao) Thánh vương kim luân.

(鈔) 聖王金輪。

(Sao: Kim luân của thánh vương).

Đây là nói tới luân bảo của Chuyển Luân Thánh Vương, nói thật ra, ngày nay chúng ta gọi nó là đĩa bay.

(Sao) Nhất nhật chi trung, viễn tứ thiên hạ.

(鈔) 一日之中，遠四天下。

(Sao: Trong một ngày, giáp vòng tứ thiên hạ).

“*Nhật nhật*” là hai mươi bốn giờ, luân bảo của Kim Luân Thánh Vương có thể nhiều quanh thái dương hệ một vòng.

(Sao) *Thử liên hoa giả, biên chí thập phương.*

(鈔) 此蓮華者，遍至十方。

(Sao: *Hoa sen ấy tới khắp mười phương*).

Luân bảo của Kim Luân Thánh Vương chẳng thể sánh bằng hoa sen trong Tây Phương Cực Lạc thế giới. Luân bảo của Kim Luân Thánh Vương vòng quanh thái dương hệ phải mất một ngày, hoa sen trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, trong một cái khảy ngón tay hay một sát-na, có thể đến trọn khắp mười phương pháp giới, chẳng thể sánh bằng! Tận hư không khắp pháp giới, trong một niệm có thể đến trọn khắp, hoa sen trong Tây Phương Cực Lạc thế giới có tốc độ như vậy, thù thắng ngàn ấy!

(Sao) *Tiếp bỉ niệm Phật chúng sanh.*

(鈔) 接彼念佛眾生。

(Sao: *Tiếp dẫn chúng sanh niệm Phật*).

Người niệm Phật trong lúc vãng sanh, Phật đến tiếp dẫn. Đóa sen đức Phật cầm trên tay chính là hoa sen do chính quý vị niệm thành. Ở đây, chúng ta thờ tượng A Di Đà Phật tiếp dẫn, tay Ngài cầm một đóa sen, hoa sen ấy do chính người vãng sanh tự niệm Phật, trong ao bảy báu bèn sanh một đóa sen, lớn hay nhỏ do công phu niệm Phật của chính mình sâu hay cạn. Đức Phật cầm đóa sen ấy đến tiếp dẫn quý vị. Hơn nữa, trên hoa sen ấy có tên của chính quý vị, chắc chắn chẳng lầm lẫn!

(Sao) *Quy w Cực Lạc, tức phi hành nghĩa cố, dư bất phiền cử.*

(鈔) 歸於極樂，即飛行義故。餘不煩舉。

(Sao: *Trở về Cực Lạc, tức là nghĩa “phi hành”. Những điều khác chẳng phải mất công kể ra*).

Trong đây có quá nhiều ý nghĩa, nói chẳng hết! Chỉ nêu ra mấy điều khá trọng yếu để quý vị hiểu được ý nghĩa.

Chuyện vãng sanh là sự thật rõ rệt từ xưa đến nay. Chúng ta đích thân mắt thấy, tai nghe rất nhiều! Ngàn vạn phần chớ nên nghĩ những điều được nói trong Tịnh Độ Tông và tôn giáo chưa chắc là thật. Nếu quý vị có lòng hoài nghi thì đúng là đáng tiếc quá, quý vị lại bỏ lỡ cơ hội trong đời

này mất rồi! Thuở đầu tôi mới học Phật cũng chẳng thể tin tưởng sâu xa pháp môn này, thầy Lý khuyên nhủ tôi, thầy khuyên theo cách nào? Thầy nói: “*Từ xưa tới nay, khá nhiều người nương theo pháp môn này tu học, [giả sử] những người đó đều bị lừa thì chúng ta bị lừa một lần có sao đâu?*” Thầy dùng phương pháp ấy để khích lệ tôi phải tin tưởng, nghiêm túc tu học. Bị lừa ư? Được! Đời này để cho pháp ấy lừa ta một lần cũng được. Nếu pháp ấy là thật, chúng ta đạt được lợi ích to lớn! Nếu nó chẳng thật, chúng ta cũng chẳng bị thua thiệt gì!

Nhưng tôi bảo quý vị, nếu giữ thái độ ấy để niệm Phật, cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới có thể vãng sanh hay không? Có thể chứ, nhưng sanh về đâu? Biên địa nghi thành, chúng ta biết điều này. Biên địa nghi thành cũng còn khá, cũng rất khó có! Bất quá sau năm trăm năm mới có thể hoa nở thấy Phật, phải ở đó năm trăm năm, bỏ lỡ năm trăm năm mà thôi! Nhưng quý vị sẽ chẳng bị thoái chuyển, biên địa nghi thành cũng chẳng thoái chuyển, rất khó có! Dầu là [vãng sanh trong] biên địa nghi thành, vẫn vượt trội các pháp môn khác. Tám vạn bốn ngàn pháp môn, bất cứ pháp môn nào cũng đều chẳng sánh bằng, công đức thù thắng của biên địa nghi thành cũng chẳng thể nghĩ bàn!

(Sớ) Thanh, hoàng, xích, bạch, ngôn kỳ sắc dã.

(疏) 青黃赤白，言其色也。

(Sớ: Xanh, vàng, đỏ, trắng là nói đến màu sắc của hoa sen).

Đây là nói tới màu sắc của hoa sen, có màu xanh, màu vàng, màu đỏ, màu trắng, bốn loại màu.

(Sớ) Bất duy cử sắc, nhi ngôn quang giả, thử độ liên hoa, hữu sắc vô quang cố, dẫn cử tứ sắc giả, tỉnh văn dã.

(疏) 不唯舉色，而言光者，此土蓮華，有色無光故。但舉四色者，省文也。

(Sớ: Không chỉ nói tới màu, mà còn nói tới ánh sáng. Hoa sen trong cõi này (Sa Bà) có màu nhưng không có ánh sáng. Kinh chỉ nói bốn màu là nói đại lược).

“*Thanh sắc thanh quang, hoàng sắc hoàng quang*”: Hoa sen trong thế gian này có màu, chẳng có ánh sáng. Hoa sen trong Tây Phương Cực Lạc thế giới vừa có màu, vừa có ánh sáng. Màu sắc và quang minh tươi đẹp đều liên quan mật thiết với sự niệm Phật của chúng ta trong hiện tại. “*Dẫn cử tứ sắc giả, tỉnh văn*”, nói tỉnh lược, trên thực tế, hoa sen trong

Tây Phương Cực Lạc thế giới có vô lượng màu, vô lượng quang, tuyệt đối chẳng phải là bốn thứ.

(Sao) Tứ sắc giải kiến tiền sớ.

(鈔) 四色解見前疏。

(Sao: Xem giải thích về “bốn màu” trong lời Sớ ở trên).

Trong vô lượng màu, đức Phật nêu ra đơn giản bốn màu. Nêu ra bốn màu ấy cũng có lý, vì thế gian này cũng có bốn loại màu ấy. Nếu thế gian này chẳng có, đức Phật nói ra, chúng ta khó thể tin tưởng. Nêu ra những màu này, thế gian cũng có, chúng ta liền dễ dàng tin tưởng, dễ dàng lãnh hội. Đồng thời, chúng có ý nghĩa biểu thị pháp.

(Sao) Quang giả, tùng sắc nhi phát, như châu oánh khiết, tắc năng phát quang.

(鈔) 光者，從色而發，如珠瑩潔，則能發光。

(Sao: Quang minh từ màu phát ra, giống như hạt châu trong ngần, tinh khiết, bèn có thể tỏa ánh sáng).

Đây là tỷ dụ bảo châu trong thế gian này, chỉ cần có một tia sáng yếu ớt chiếu đến nó, nó liền sanh ra tác dụng phản xạ, phản xạ ánh sáng. Tây Phương Cực Lạc thế giới do vô lượng chất báu hợp thành, Tây Phương Cực Lạc thế giới là cõi Pháp Tánh, do Tánh Đức của Chân Như bản tánh hiển hiện, nên mỗi một loại vật chất đều tỏa ánh sáng. Trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, thân Phật phóng quang, Bồ Tát phóng quang, trên thân mỗi người đều có quang minh, nên thế giới ấy còn gọi là thế giới Quang Minh. Không chỉ là thế giới Liên Hoa, mà còn là thế giới Quang Minh.

(Sao) Bỉ độ liên hoa chí vi thanh tịnh, cố hữu quang dã.

(鈔) 彼土蓮華至為清淨，故有光也。

(Sao: Hoa sen trong cõi ấy, thanh tịnh tột bậc, nên có quang minh).

Ở chỗ chúng ta, hoa sen là thân thảo⁶⁰, hoa sen trong cõi kia do trân bảo hợp thành; vì thế, có quang minh.

⁶⁰ Nguyên văn là “thảo bản”, đây là cách người Hoa dịch chữ Herbaceous, ta dịch là “thân thảo” để phân biệt với thân mộc (thân gỗ, woody). Thân thảo là những loài thực

(Sao) Đại Bản vân: “Thanh sắc thanh quang, bạch sắc bạch quang, huyền, hoàng, châu, tử chi sắc, kỳ quang diệc nhiên”.

(鈔) 大本云：青色青光，白色白光，玄黃朱紫之色，其光亦然。

(Sao: Kinh Đại Bản chép: “Màu xanh ánh sáng xanh, màu trắng ánh sáng trắng, màu đen, vàng, son, tía, ánh sáng cũng giống như thế).

Kinh Vô Lượng Thọ nói cặn kẽ, chẳng phải chỉ là bốn loại ấy, “huyền, hoàng, châu, tử” tượng trưng rất nhiều màu trong ấy.

(Sao) Vĩ diệp hoán lạn, minh diệp nhật nguyệt.

(鈔) 煒燁煥爛，明耀日月。

(Sao: Chói tỏa, rực rỡ, sáng ngời che lấp ánh mặt trời, mặt trăng).

“Vĩ diệp” là dáng vẻ hết sức rực rỡ, đẹp đẽ, “minh diệp nhật nguyệt” là quang minh vượt trội ánh sáng của mặt trời, mặt trăng.

(Sao) Nhất nhất hoa trung, xuất tam thập lục bách thiên ức quang, nhất nhất quang trung, xuất tam thập lục bách thiên ức Phật.

(鈔) 一一華中，出三十六百千億光，一一光中，出三十六百千億佛。

(Sao: Trong mỗi hoa tỏa ra ba mươi sáu trăm ngàn ức ánh sáng, trong mỗi ánh sáng xuất hiện ba mươi sáu trăm ngàn ức Phật).

Trong quang minh có hóa Phật.

(Sao) Nhất nhất chư Phật, hựu phóng bách thiên quang minh, phổ vị thập phương chúng sanh thuyết vi diệu pháp.

(鈔) 一一諸佛，又放百千光明，普為十方眾生說微妙法。

vật thân mềm, có cành, hoặc không cành, nhưng thân và cành đều không có chất gỗ cứng. Đặc điểm của loài thân thảo thường là không có thân gỗ thường trực nằm trên mặt đất. Cây có thể rụng khi hết mùa, nhưng thân ngầm (phần củ) vẫn sống dưới mặt đất, rồi lại mọc lên khi đến mùa. Các loài thân thảo thường thấy là cà-rôt, khoai lang, phòng phong (parsnip), khoai tây, mẫu đơn (peony), bạc hà, dương xỉ, các loại cỏ, sen, súng, lục bình, hướng dương, v.v...

(Sao: Mỗi đức Phật lại phóng trăm ngàn quang minh, khắp vì mười phương chúng sanh nói pháp vi diệu).

Đây là sự thù thắng của hoa sen. “Vi diệu pháp” là pháp gì? Là pháp niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, là pháp vi diệu bậc nhất trong các pháp do hết thầy chư Phật đã nói! Vì pháp môn này, bất luận căn tánh nào, bất luận chúng sanh như thế nào, nam, nữ, già, trẻ, các nghề nghiệp, trình độ cạn hay sâu, từ Đẳng Giác Bồ Tát cho tới A Tỳ địa ngục, hữu tình trong chín pháp giới nương theo pháp môn này thầy đều đắc độ, đều bình đẳng thành Phật, điều này chẳng thể nghĩ bàn! Đây là vi diệu pháp chân thật.

(Sao) Cừ thử, tặc thanh, bạch, huyền, hoàng, châu, tử, dĩ thành lục sắc.

(鈔) 據此，則青白玄黃朱紫，已成六色。

(Sao: Dựa theo điều ấy, xanh, trắng, đen, vàng, son, tím, đã thành sáu màu).

Theo như kinh Vô Lượng Thọ đã giảng, chẳng phải chỉ có bốn màu.

(Sao) Nhi Phật Địa Luận phục vân thất bảo, cố tri tứ sắc, kỳ văn tinh cố.

(鈔) 而佛地論復云七寶，故知四色，其文省故。

(Sao: Nhưng Phật Địa Luận lại nói tới bảy báu, nên biết “bốn màu” là nói vắn tắt).

La Thập đại sư dịch kinh này, dịch “bốn màu” là nói tinh lược. Sáu phương Phật trong phần sau cũng là tinh lược, nguyên văn là mười phương.

(Sao) Kỳ thật, liên hoa cụ vô lượng sắc, cụ vô lượng quang dã. Hựu bất ngôn thuyết pháp giả, diệc văn tinh cố.

(鈔) 其實蓮華具無量色、具無量光也。又不言說法者，亦文省故。

(Sao: Thật ra, hoa sen có đủ vô lượng màu, có đủ vô lượng quang. Lại chẳng nói [hoa sen phóng quang, quang minh hiện Phật, Phật] thuyết pháp, tức là nói vắn tắt vậy).

Quý vị đọc kinh Vô Lượng Thọ, mới biết xác thực là hoa sen “vô lượng sắc, vô lượng quang”, “quang trung hóa Phật”, Phật lại vì hết thầy chúng sanh thuyết pháp, “thuyết vi diệu pháp”. Trong Tiểu Bản, những

chuyện này đều tinh lược. Cùng đọc tụng nghiên cứu Đại Bản và Tiểu Bản, sẽ có thể nhìn thấy ý nghĩa khá viên mãn. Hôm nay tôi giảng tới chỗ này!

Tập 147

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang ba trăm mười bốn:

(Sớ) Vi diệu hương khiết, ngôn kỳ đức dã. Cử tứ đức giả, diệc văn tinh cố.

(疏) 微妙香潔，言其德也。舉四德者，亦文省故。

(Sớ): “Vi diệu hương khiết” là nói về đức. Nêu lên Tứ Đức cũng là nói tinh lược).

Phẩm đức của hoa sen cũng là vô lượng vô biên, nói tới bốn đức này là nêu ra đại lược, nói vắn tắt.

(Sao) Tứ đức giả, ly cấu thị liên hoa chánh nghĩa, thôi quảng kỳ nghĩa, lược thuyết vi tứ.

(鈔) 四德者，離垢是蓮華正義，推廣其義，略說為四。

(Sao): “Bốn đức”: “Lìa nhơ” là ý nghĩa chánh yếu của hoa sen, do mở rộng ý nghĩa ấy bèn nói đại lược bốn đức).

“Vi diệu hương khiết” đều có thể nói theo Lý. Trước hết, lời Sao nói đến ý nghĩa Ly Cấu. Trong thế gian này, [rễ củ của] hoa sen mọc trong đất bùn, hoa nở trên mặt nước; đức Phật thường dùng hoa sen để biểu thị pháp, tượng trưng [ý nghĩa] “hai bên nhiễm và tịnh đều chẳng trụ”. Đất bùn trong ao tượng trưng cho nhiễm, nhiễm là cảnh giới lục phàm, lục đạo. Phía trên đất bùn là nước, nước là thanh tịnh, tượng trưng cho bốn thánh pháp giới: Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, và Phật. Hoa sen nở trên mặt nước, tức là hai bên nhiễm và tịnh đều lìa, tượng trưng Nhất Chân pháp giới vượt trội mười pháp giới. Trong mười pháp giới, Phật pháp giới cao nhất, nhưng chẳng rốt ráo, vì sao? “Phật” [trong mười pháp giới] là nói tương đối, “vượt thoát” [mười pháp giới] mới là lìa khỏi tương đối, thật sự nhập cảnh giới viên mãn rốt ráo. Đó là “chánh nghĩa” (ý nghĩa chủ yếu) được biểu thị bởi hoa sen. Từ hình tượng của hoa sen, có thể lãnh hội “tứ đức” vi diệu hương khiết.

(Sao) Nhất ngôn vi giả, phục hữu tứ nghĩa, nhị đồng, nhị biệt. Nhất giả, căn tiềm trì để, bất khả khuy thị, thị vi “u vi”.

(鈔) 一言微者，復有四義，二同二別。一者，根潛池底，不可窺視，是為幽微。

(Sao: Một là nói đến ý nghĩa Vi, lại có bốn nghĩa, hai nghĩa đồng và hai nghĩa biệt. Một là rễ ẩn kín dưới đáy ao, chẳng thể nhìn ngó, đó là “u vi”).

Ý nghĩa thứ nhất là Vi. Rễ hoa sen mọc trong đất bùn, nhục nhãn của chúng ta chẳng thấy. Vì thế, nó có ý nghĩa “u vi” (ẩn kín, huyền nhiệm). Ao bảy báu trong Tây Phương Cực Lạc thế giới cát vàng trải đất, đáy ao thanh tịnh, chẳng bị nhuộm bẩn. Nhưng nói thật ra, hoa sen ấy lại càng u vi, vì sao? Hoa sen ấy chẳng phải do con người gieo trồng, mà cũng chẳng do A Di Đà Phật biến hiện, mà do hết thảy chúng sanh trong mười phương thế giới phát tâm niệm Phật, trong ao liền nảy sanh một đóa hoa sen, đương nhiên hoa sen ấy cũng sanh từ cát vàng, nên ý nghĩa “u vi” lại càng sâu hơn ý nghĩa trong thế gian này nhiều lắm!

(Sao) Nhị giả, bất sanh cao nguyên, lục địa, dĩ phồn hoa lệ nhụy nhi tranh nghiên diễm, thị vi “ẩn vi”.

(鈔) 二者，不生高原陸地，與繁華麗蕊而爭妍艷，是為隱微。

(Sao: Hai là chẳng sanh nơi cao nguyên hay đất liền, chẳng đua tranh sắc vóc đẹp đẽ cùng các loài hoa rực rỡ chốn phồn hoa, đó là “ẩn vi”).

Hoa sen thanh cao, khiết bạch, chẳng tranh sắc đua hương cùng những loài hoa khác. Nó mọc trong ao nước, đó là ý nghĩa “ẩn vi”. Chúng ta xem Nhị Thập Ngũ Sử⁶¹, những nhân vật lịch sử trong ấy đều có công

⁶¹ Nhị Thập Ngũ Sử là hai mươi lăm bộ Sử được coi là sử chánh thống của Trung Hoa, gồm: Sử Ký (do Tư Mã Thiên soạn), Hán Thư (do Ban Cố soạn), Hậu Hán Thư (do Phạm Việp soạn), Tam Quốc Chí (do Trần Thọ soạn), Tấn Thư (do Phòng Huyền Linh chủ biên), Tống Thư (do Thảm Ước soạn), Nam Tề Thư (do Tiêu Tử Hiên soạn), Lương Thư (do Điều Tư Liêm soạn), Trần Thư (cũng do Điều Tư Liêm soạn), Ngụy Thư (do Ngụy Thâu soạn), Bắc Tề Thư (do Lý Bách Dục soạn), Châu Thư (do Lệnh Hồ Đức Phân chủ biên), Tùy Thư (do Ngụy Trung soạn), Nam Sử (do Lý Diên Thọ soạn), Bắc Sử (cũng do Lý Diên Thọ soạn), Cựu Đường Thư (do Lưu Hủ chủ biên), Tân Đường Thư (do Âu Dương Tu và Tống Kỳ soạn), Cựu Ngũ Đại Sử (do Tiết Cư Chánh chủ biên), Tân Ngũ Đại Sử (do Âu Dương Tu soạn), Tống Sử (do Thoát Thoát chủ biên), Liêu Sử (do Thoát Thoát chủ biên), Kim Sử (do Thoát Thoát chủ biên),

hiên rất lớn đối với quốc gia, dân tộc thì mới có thể lưu danh trong sử xanh. Những vị ẩn sĩ tuy có học vấn và đạo đức, nhưng cả đời chẳng ra mặt làm chuyện gì, lịch sử cũng phải chép về họ, vì sao? Nói chung là nghĩ không ra! Những người ấy chẳng có công hiến gì cho quốc gia, dân tộc, xã hội, hằng ngày du sơn ngoạn thủy, uống rượu, làm thơ, họ sống cuộc đời như thế. Sau này, chúng tôi mới thật sự hiểu rõ vì sao [các sử gia] chép truyện của họ? Nói thật ra, những người ấy đều có năng lực, thật sự có đức hạnh, nhưng chẳng ra làm việc, ẩn cư trong chốn núi rừng, chẳng hỏi đến thế sự, đại biểu điều gì? Thiên hạ thái bình. Thông thường, những kẻ chẳng có đức hạnh kha khá, tự mình có bản lãnh, mà nếu chẳng đạt được địa vị trong xã hội, ắt muốn làm loạn, muốn tạo phản! Nhưng các vị ấy chẳng tạo phản, chẳng dấy loạn, lỗi lạc thay! Tiến chẳng bằng thoái, có những người ấy thị hiện: Trong xã hội, họ có thể lùi một bước, an phận giữ đúng bản phận, đó là giáo dục người khác hết sức tốt đẹp bằng hành động gương mẫu (thân giáo). Thật sự hiểu rõ nhân quả, có thể tiên bèn tiến, không thể tiên bèn lui, trọn chẳng miễn cưỡng! Vì thế, vô cùng khó có, đáng quý, lịch sử chép truyện của họ là có lý. Đó là ý nghĩa “*ẩn vi*”.

(Sao) Tam giả, Quán Kinh ngôn nhất nhất diệp thượng hữu bát vạn tứ thiên mạch, do như thiên họa, thị vi “tế vi”.

(鈔) 三者，觀經言一一葉上有八萬四千脈，猶如天畫，是為細微。

(Sao: Ba là Quán Kinh nói trên mỗi cánh sen, có tám vạn bốn ngàn đường mạch, giống như nét vẽ cõi trời, đó là “tế vi”).

Hoa sen trong thế gian này chẳng có nhiều đường mạch như thế. Hoa sen trong Tây Phương Cực Lạc thế giới to lớn, cánh đã nhỏ lại dài. Hơn nữa, mỗi cánh đều có tám vạn bốn ngàn đường gân, nên là “*tế vi*”.

(Sao) Tứ giả, thất bảo sở thành, trân kỳ túy mỹ, thị vi “tinh vi”.

(鈔) 四者，七寶所成，珍奇粹美，是為精微。

(Sao: Bốn là do bảy báu hợp thành, hiếm quý, đẹp đẽ tột bậc, đó là “tinh vi”).

Hoa sen trong thế gian này là thân thảo, hoa sen nơi Tây Phương do bảy báu tạo thành.

(Sao) Tiền nhị thông u thử phương, hậu nhị bỉ quốc độc thiện, cố nhị đồng, nhị biệt.

(鈔) 前二通於此方，後二彼國獨擅，故二同二別。

(Sao: Hai điều đầu giống như phương này, hai điều sau chỉ riêng cõi kia là có, nên [nói là] “hai điều đồng, hai điều biệt”).

Bốn ý nghĩa này, hai ý nghĩa đầu “thông” (cùng chung, tương thông) với phương này (thế giới Sa Bà). Hoa sen trong thế gian này có ý nghĩa “u vi” và “ân vi”; còn như “tế vi” và “tinh vi” thì thế gian này chẳng có, chỉ riêng Tây Phương Cực Lạc thế giới mới có. “*Nhị đồng, nhị biệt*”, “*đồng*” là giống như trong thế giới Sa Bà, “*biệt*” là khác với thế giới Sa Bà, thế giới Sa Bà chẳng có [những đặc tánh ấy]. Như vậy, chữ Vi bao gồm bốn ý nghĩa này.

Nếu nói theo Lý, nói thật ra, hoa ấy là Tướng Phần của Chân Như tự tánh. Nhất Thiết Trí, Đạo Chứng Trí, Nhất Thiết Chứng Trí, chỉ sợ là đều chẳng có cách nào hồng có thể lý giải nó. Dầu là ngũ nhãn viên minh của Như Lai, cũng chẳng có cách nào quan sát đến rốt ráo, đó là ý nghĩa “u vi”. Sách Diễn Nghĩa có nói: “*Bất dữ chư trần tác đối*” (chẳng đối ứng với các trần), nó do Pháp Tánh biến hiện, chẳng do sáu trần biến hiện, chẳng thuộc vào sáu trần. Do vậy, nó cũng chẳng thuộc vào hết thảy các pháp, hết thảy các pháp đều là vật được biến hiện bởi sáu trần; đó là ý nghĩa “ân vi”. Tứ Đức là nêu đại lược, thật ra, phẩm đức của hoa chẳng thể nghĩ bàn. “*Tùy cử nhất đức*” (nêu bất cứ một đức nào), nhất định bao hàm trọn vẹn các đức, đó là cảnh giới Hoa Nghiêm, “*một tức là hết thảy, hết thảy tức là một*”, đó là ý nghĩa “tế vi”. Thể của hoa do “*hết thảy công đức diệu bảo*” thành tựu, “*vô tác vạn hạnh dĩ vi trang nghiêm*” (vạn hạnh vô tác để trang nghiêm), đó là ý nghĩa “tinh vi”. Đây là quan sát hoa sen theo Lý.

(Sao) Nhị ngôn diệu giả, phục hữu thập nhị nghĩa, tứ đồng, bát biệt.

(鈔) 二言妙者，復有十二義，四同八別。

(Sao: Hai là nói đến Diệu thì lại có mười hai nghĩa, bốn nghĩa tương đồng, tám nghĩa khác biệt).

Đây là nói đến ý nghĩa Diệu của hoa sen. Trong ba kinh, kinh Vô Lượng Thọ và kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật đều hết sức coi trọng hoa sen, vì nó có quan hệ vô cùng mật thiết với chúng ta. Hãy nên biết điều này: Vãng sanh Tây Phương, hoa ấy là chỗ để chúng ta sanh vào, trong tương lai là chỗ để chúng ta ở. Nói cách khác, [hoa sen] có quan hệ mật thiết với chánh báo và y báo của chúng ta, nên ba kinh đều nói cặn kẽ. “Diệu” có mười hai nghĩa, ở đây cũng nói rất rõ ràng.

(Sao) Nhất giả, phương hoa tức quả, bất đãi hoa lạc, thị vi “nhân quả đồng thời diệu”.

(鈔) 一者，方華即果，不待華落，是為因果同時妙。

(Sao: Một là vừa đơm hoa liền có quả, chẳng đợi đến khi hoa rụng, đó là điều mâu nhiệm “nhân quả đồng thời”).

“Nhân quả đồng thời” là thật, đây là sự thật. Trong Duy Thức Học [gọi chuyện này] là “hiện hành và chủng tử đồng thời”. Tập khí chúng ta đẩy lên hiện hành, thí dụ như mừng, giận, buồn, vui phát tác thì sự phát tác là hiện hành. Những điều ấy vừa phát tác liền lập tức in bóng trong A Lại Da Thức, đó là chủng tử. Chủng tử gặp duyên lại khởi hiện hành. Hiện hành và chủng tử làm nhân và quả lẫn nhau, quý vị nói xem cái gì là nhân? Hiện hành là nhân của chủng tử, chủng tử là nhân của hiện hành, làm nhân và quả lẫn nhau, nên “nhân quả đồng thời”. Trong vạn vật, cái có thể biểu thị ý nghĩa này, đích xác là hoa sen, hoa sen biểu thị “nhân quả đồng thời”. Khi sen trở hoa, trong búp sen bên có hạt sen, chẳng cần chờ đến khi hoa rụng mới có quả, hạt. Những loài hoa khác, nhân quả chẳng đồng thời, đơm hoa trước, kết quả sau. Chỉ riêng hoa sen là nhân quả đồng thời, ý nghĩa này nhằm nói với chúng ta “trong nhân có quả, trong quả có nhân”, biểu thị ý nghĩa này.

Nếu nói theo sự biểu thị pháp, “sơ phát tâm thời, tiện thành Chánh Giác” (lúc mới phát tâm, liền thành Chánh Giác), kinh Hoa Nghiêm nói như vậy. Đức Phật nói lời này, kẻ bình phàm chúng ta rất khó tin tưởng, thành Chánh Giác là thành Phật, chúng ta vừa phát tâm liền thành Phật ư? Thừa cùng quý vị, vừa phát tâm, xác thực là thành Phật, điều này chẳng giả. Vấn đề ở chỗ nào? Quý vị chẳng thể gìn giữ lâu dài cái tâm đã phát ấy! Nay quý vị vừa phát, được mấy phút lại biến đổi. Mới thành Phật trong một giây này, đến giây sau lại biến thành phàm phu. Nếu quý vị có thể vĩnh viễn giữ vững sơ phát tâm, quý vị chẳng phải là Phật thì là gì vậy? Cổ nhân thường nói: “Lúc sơ phát tâm, thành Phật có dư!” Tâm ấy thanh

tịnh, chân thật, nhưng ý niệm vừa chuyển, tâm ấy lại biến đổi, lại thoái chuyển, lại đọa lạc, nên chẳng dễ duy trì lâu dài!

Trong kinh này, cũng như trong Tịnh Độ giáo, câu nói này của đức Thế Tôn có ý nghĩa đặc biệt sâu xa, mà cũng đặc biệt rõ rệt. Chúng ta niệm câu Phật hiệu, tâm niệm Phật là Phật tâm. Cổ đức đã nói rất rõ ràng: “*Tâm năng niệm là Thi Giác, đức Phật được niệm là Bốn Giác của chúng ta. Khi niệm Phật là Thi Giác hợp với Bốn Giác. Thi Giác hợp với Bốn Giác thì Thi - Bốn chẳng hai*”. Nói thật ra [Thi và Bốn hợp lại, chẳng hai] là Cứu Cánh Giác. Trong các pháp môn khác, tu đến Cứu Cánh Giác chẳng dễ dàng; pháp môn này tu đến Cứu Cánh Giác vô cùng nhanh chóng, mà cũng vô cùng ổn thỏa, thích đáng, vì trong nhân có quả, trong quả có nhân. Pháp môn Niệm Phật là tu từ quả, chẳng phải là từ nhân tu đến quả; nó là nhân quả đồng thời, nhanh chóng lắm! Vì thế, chẳng giống các pháp môn khác, nó là nhân quả đồng thời mà!

Hiện thời, thế giới loạn lạc, đời ác Ngũ Trược, trược ác tới tột cùng, nhưng người niệm Phật vãng sanh đặc biệt nhiều, chư vị hãy chú ý quan sát, so với bất cứ triều đại trước đây đều nhiều hơn. Càng trược ác, vãng sanh thành tựu càng nhiều hơn, do nguyên nhân gì? Nguyên nhân cũng chẳng khó lý giải! Do trong thời đại thái bình, người tu pháp môn khác đông đảo; hiện thời, thế gian loạn động, tuy có năng lực, nhưng [người học Phật] cảm thấy thời gian chẳng kịp, nên vội vã niệm Phật, đây là một nhân tố rất lớn. Dầu có năng lực tu học pháp môn khác, họ cũng tạm thời buông xuống, nghiêm túc niệm Phật, nên niệm Phật thành tựu nhiều hơn thời xưa. Đó là ý nghĩa thứ nhất “*nhân quả đồng thời diệu*”.

(Sao) Nhị giả, nhiễm nhi bất nhiễm, bất nhiễm nhi nhiễm, thị vi “câu tịnh song phi diệu”.

(鈔) 二者，染而不染，不染而染，是為垢淨雙非妙。

(Sao: Hai là nhiễm mà chẳng nhiễm, chẳng nhiễm mà nhiễm, đó là điều mâu nhiệm “câu và tịnh đều chẳng có”).

“*Phi cấu, phi tịnh*” là chẳng nhơ, chẳng sạch. Quý vị nói nó thanh tịnh, rồi nó mọc trong đất bùn. Nếu quý vị bảo nó chẳng thanh tịnh, hoa nở trên mặt nước. Từ những điều trên đây, có thể thấy nó xác thực là “*liạ khỏi hai bên cấu và tịnh*”. Điều này giống như tự tánh của chúng ta. Chân Như là bản tánh của chúng ta. Nếu mê bản tánh thì phải luân hồi trong lục đạo, tức là chẳng thanh tịnh. Vốn sẵn thanh tịnh, bèn biến thành chẳng thanh tịnh. Tuy luân hồi trong lục đạo, dầu đọa trong địa ngục A Tỳ, bản tánh

của chúng ta trọn chẳng nhuôm bản, tự tánh bất biên, nên giống như những ý nghĩa được biểu thị bởi hoa sen, biểu thị ý nghĩa này. Bốn tánh của chúng ta là thanh tịnh, nếu tùy duyên lục đạo bèn là nhuôm bản; tuy nhuôm bản, nhưng chẳng trở ngại tự tánh. Kinh Lăng Nghiêm có một đoạn kinh văn gọi là Thập Phiên Hiền Kiến (mười lượt chỉ ra cái Thấy) đã giảng đạo lý này rất rõ ràng!

(Sao) Tam giả, nhất hoa biến vi u tử ngoại, chúng tử la liệt u hoa trung, thị vi “tổng biệt tề chương diệu”.

(鈔)三者，一華遍圍於子外，眾子羅列於華中，是為總別齊彰妙。

(Sao: Ba là một hoa, cánh hoa bọc khắp phía ngoài hạt, các hạt la liệt trong hoa, đó là điều màu nhiệm “tổng và biệt cùng phơi bày”).

Hoa là một đóa, có rất nhiều hạt sen. Cánh hoa bọc quanh phía ngoài hạt sen, hạt sen sanh trong hoa. Tổng là nói về hoa, Biệt là nói về hạt; Tổng và Biệt đồng thời phô bày rõ rệt. “*Chương*” (彰) nghĩa là rõ rệt. Ý nghĩa này cũng có thể ví như Chân Như bốn tánh của chúng ta, nó có thể tùy thuận các duyên của mười pháp giới. Pháp giới vốn là một tướng, là Nhất Chân. Tuy là Nhất Chân, nó chẳng ngại tùy duyên, mà cũng chẳng ngại hiện khởi mười pháp giới. Nhất Chân là tổng tướng, mười pháp giới là biệt tướng; mười pháp giới giống như hạt sen, Nhất Chân giống như hoa sen. Trong Tổng có thể hiện Biệt, trong Biệt có thể hiện Tổng, Tổng và Biệt bất nhị, chẳng trở ngại nhau, nên kinh Hoa Nghiêm mới nói: “*Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại*”. Nhất Chân pháp giới ở chỗ nào? Nhất Chân pháp giới ở ngay trước mắt chúng ta, ở ngay tại trước mặt. Chỉ cần quý vị nhất tâm, liền thấy Nhất Chân. Vì sao nay chúng ta chẳng thấy Nhất Chân? Vì tâm chúng ta chẳng nhất! Niệm Phật nhằm mục đích nào? Nhằm cầu nhất tâm bất loạn. Nếu quý vị chúng đắc nhất tâm bất loạn, cảnh giới hiện tại bèn là Nhất Chân pháp giới, đích xác là chẳng lìa khỏi ngay chỗ này.

(Sao) Tứ giả, trú tắc khai phu, dạ tắc hoàn hợp, thị vi “ẩn hiển tùy nghi diệu”.

(鈔)四者，晝則開敷，夜則還合，是為隱顯隨宜妙。

(Sao: Bốn là ngày ắt xòe nở, đêm ắt khép cánh, đó là sự màu nhiệm “ẩn hiển tùy nghi”).

Hoa sen, đặc biệt là loài Thụy Liên⁶², ban ngày nở xòe, buổi tối khép lại. Khi hoa nở là Hiện, khi khép lại là Ẩn. “*Ẩn hiển tùy nghi*”, “*tùy nghi*” là tùy duyên. Ý nghĩa này hiển thị nhất tâm chân tánh chẳng rời khỏi chỗ này, ở ngay trước mắt, nhưng quý vị chẳng tìm thấy. Vì sao tìm chẳng thấy? Vì quý vị khởi tâm động niệm để tìm thì sai mất rồi; chẳng khởi tâm, không động niệm thì nó bèn hiện tiền. Kinh Đại Thừa thường nói: “*Ngôn ngữ dứt bất, tâm hành xứ diệt*”. Tâm hành xứ diệt là chẳng thể nghĩ, chẳng thể động niệm, cảnh giới ấy mới hiện tiền, rành mạch, rõ ràng. Vừa mới động một niệm, cảnh giới ấy liền mất đi. Chỉ cần động một niệm liền biến Nhất Chân pháp giới thành mười pháp giới, biến thành vô lượng vô biên pháp giới.

Do vậy, tu hành thật sự thì như trong phần cuối kinh Hoa Nghiêm, Thiện Tài đồng tử đã nêu gương tu hành cho chúng ta thấy, đó là khuôn mẫu cho người tu hành, năm mươi ba lần tham học. Năm mươi ba lần tham học nhằm tu gì? “*Lịch sự luyện tâm*” (Luyện tâm bằng cách trải qua sự việc). “*Sự*” là cảnh giới sự thật bên ngoài, đối với mỗi một sự tướng, Ngài đều trải nghiệm, đều đích thân thể nghiệm một phen, luyện điều gì trong cảnh giới? Luyện chẳng phân biệt, không chấp trước, không khởi tâm, không động niệm. Nói cách khác, trong cảnh giới rèn luyện [sao cho chính mình có thể] vĩnh viễn gìn giữ Nhất Chân pháp giới. Chỉ cần quý vị khởi tâm động niệm, liền rớt vào mười pháp giới, liền biến chất. Năm mươi ba lần tham học của Thiện Tài đã trải nghiệm các thứ cảnh giới khác nhau, có thuận cảnh, nghịch cảnh, có thiện cảnh, có ác cảnh giới. Năm mươi ba vị thiện tri thức đại diện cho các nghề nghiệp trong xã hội, nam, nữ, già, trẻ, ở trong các cảnh giới tà, chánh, nhiễm, tịnh, thứ gì cũng chẳng nhiễm, nên Ngài vĩnh viễn trụ trong Nhất Chân pháp giới. Thứ gì cũng trải nghiệm, nhưng thứ gì cũng chẳng nhiễm trước; ở trong cảnh giới chẳng khởi tâm, không động niệm, chẳng phân biệt, chẳng chấp trước, đó là ý nghĩa “*ẩn hiển tùy nghi*”. Hễ khởi tâm động niệm, nhất tâm chân tánh của quý vị liền ẩn. Chẳng khởi tâm động niệm, nó liền hiện tiền, tức là

⁶² Thụy Liên (睡蓮, *Nymphaea Tetragona*), còn gọi là Tý Ngộ Liên, Thủy Càn Hoa, Thụy Liên (瑞蓮), Vĩnh Tường Hoa, hoặc Tiểu Liên Hoa, là một loài hoa thuộc họ Súng (Thụy Liên Hoa Khoa, *Nymphaea*), đặc điểm là lá và hoa đều nổi ngay trên mặt nước, chứ không vươn lên khỏi mặt nước như các loài hoa thuộc họ Sen (Hả Hoa Khoa, *Nelumbonaceae*). Loài này có nhiều loại, thường nở xòe vào giữa trưa, đến tối cuộn lại. Hoa Thụy Liên nhỏ, sắc trắng phớt hồng, có hương thơm, rất xinh xắn, nên thường được gọi bằng mỹ danh “*hoa trung thủy mỹ nhân*” (người đẹp ngủ trong hoa).

hoa sen lại nở. Khởi tâm động niệm giống như buổi tối hoa khép lại, nó có ý nghĩa này. Vì vậy, ý nghĩa này rất sâu, vô cùng trọng yếu.

Do vì các đồng tu niệm Phật chúng ta, có ai chẳng mong niệm đến Lý nhất tâm bất loạn, tương lai vãng sanh là Thượng Thượng Phẩm vãng sanh, nhưng cách tu Lý nhất tâm bất loạn như thế nào? Phải tu tâm thanh tịnh. Rèn luyện, trải nghiệm trong hết thủy cảnh giới, rèn luyện cái tâm thanh tịnh. Lìa khỏi cảnh giới thì đến chỗ nào để tu? Chẳng có chỗ nào để tu cả! Thật sự tu hành, phải tu trong chón hòng trần! Lìa khỏi hòng trần là rời khỏi đô thị, rời khỏi hết thủy nhân quần, tìm chón núi sâu hẻo lánh không ai lai vãng để tu hành, đó là Tiểu Thừa! Tu thành công, nhưng cái tâm thanh tịnh đó chẳng đáng tin cậy, vì sao? Chưa trải qua thí nghiệm, chưa trải qua khảo thí. Vì thế, kéo người tu hành ấy từ trên núi về chón đô thị ở vài ngày, tâm người ấy ngay lập tức biến đổi, đó là giả, chẳng thật! Chuyện này từ xưa đã có! Trong tập Trúc Song Tùy Bút của Liên Trì đại sư có chép một câu chuyện, Ngài nói với một vị lão pháp sư: “Tôi từng gặp một vị xuất gia, tu hành trong chón núi sâu hết sức tốt đẹp, tôi vô cùng kính phục vị ấy. Về sau, ông ta ở nơi đô thị vài năm, hoàn toàn biến đổi khác hẳn, bị thoái chuyển, hết sức đáng tiếc!” Vị pháp sư ấy liền hỏi Ngài: “Ai vậy?” Ngài Liên Trì đáp: “Chính là lão huynh!” Vì thế, chuyện này là chuyện khá khó khăn!

Vì lẽ đó, thật sự tu hành thì phải luyện tâm bằng cách trải qua sự việc. Năm mươi ba lần tham học là luyện tâm bằng cách trải qua sự việc! Ai là Bồ Tát? Nếu quý vị biết dụng tâm, chẳng có một ai không phải là Bồ Tát, thiện nhân là Bồ Tát, ác nhân cũng là Bồ Tát, ai nấy đều là Bồ Tát, đều là đại thiện tri thức của ta, thành tựu cái tâm thanh tịnh của chính mình, thành tựu nhất tâm bất loạn cho chính mình, lẽ nào chẳng phải là Bồ Tát? Ai nấy đều là! Do vậy, trong hội Hoa Nghiêm, người tu hành chỉ có một mình Thiện Tài, chẳng tìm được đồng bạn. Trừ chính Ngài ra, thấy đều là thiện tri thức. Đó gọi là *“hết thủy cảnh duyên, không gì chẳng phải là thiện duyên”*, vì sao? Ngài biết dụng tâm. Biết dùng tâm gì? Biết dùng chân tâm, chẳng dùng vọng tâm. Ngài chẳng phân biệt, chẳng chấp trước, không khởi tâm, không động niệm, những thứ ấy là vọng tâm, Ngài đều chẳng dùng, mà dùng chân tâm. Biết dùng chân tâm, tận hư không khắp pháp giới đều là chư Phật, Bồ Tát, *“chư Phật thường vây quanh”*, suốt ngày từ sáng đến tối vây quanh quý vị. Nếu quý vị chẳng biết dụng tâm, khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước, chúng ma thường vây quanh quý vị, vây quanh quý vị toàn là yêu ma quỷ quái! Yêu ma quỷ quái từ cái tâm của chính mình biến hiện, chứ cảnh giới bên ngoài chẳng có Phật mà

cũng chẳng có ma, chư vị nhất định phải hiểu rõ điều này. Là Phật hay là ma do từ trong tâm của chính quý vị biến hiện. Quý vị một niệm giác, bên ngoài thấy đều là Phật, Bồ Tát. Một niệm mê, bên ngoài toàn là yêu ma quỷ quái, dẫu mười phương chư Phật có đến cũng biến thành yêu ma quỷ quái. Kinh Hoa Nghiêm đã dạy một nguyên lý cao nhất: “*Ung quán pháp giới tánh, nhất thiết duy tâm tạo*” (hãy nên quán tánh của pháp giới, hết thấy chỉ do tâm tạo). Chư Phật, Bồ Tát do tâm ta tạo, yêu ma quỷ quái cũng do tâm ta tạo! Một niệm của ta là giác liền tạo thành hết thấy chư Phật, Bồ Tát, một niệm mê liền tạo ra yêu ma quỷ quái. Do đó, khi chư Phật, Bồ Tát đến, quý vị khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước, hết thấy chư Phật đều thành yêu ma quỷ quái, chớ nên không biết nguyên lý này!

(Sao) Ngũ giả, cự liên tại trung, nhi hữu bách thiên vạn ức liên hoa dĩ vi quyển thuộc, thị vi “chủ bạn tương tham diệu”.

(鈔) 五者，巨蓮在中，而有百千萬億蓮華以為眷屬，是為主伴相參妙。

(Sao: Năm là hoa sen lớn ở giữa, có trăm ngàn vạn ức hoa sen [vây quanh] làm quyển thuộc, đó là điều màu nhiệm “chủ và bạn xen lẫn nhau”).

Hoa sen to là chỗ trụ của A Di Đà Phật, đức Phật công đức viên mãn, nên hoa sen của Ngài to nhất. Hoa sen to hay nhỏ là do công phu tu hành của chúng ta cạn hay sâu; quý vị niệm Phật càng siêng năng, hoa sen càng to lớn, ánh sáng và màu sắc càng đẹp đẽ. Vì thế, đúng là rất miệng buốt lòng khuyên mọi người niệm Phật, hy vọng mọi người chẳng dấy lên vọng niệm, ngoài niệm A Di Đà Phật ra, tất cả hết thấy các niệm không gì chẳng phải là chánh niệm.

Chính chúng ta hãy suy nghĩ, từ sáng đến tối, rốt cuộc chúng ta niệm A Di Đà Phật được mấy giờ? Khi chẳng niệm A Di Đà Phật, liền dấy vọng tưởng! Đúng là một phần quang âm là một phần mạng quang, trong thế gian chẳng có gì trân quý hơn! Chân thật thấu hiểu thì phải dùng thời gian để niệm Phật, đó là chẳng sai. Quý vị dùng [thời gian quý báu ấy] để suy lường bất cứ sự việc nào, thưa cùng quý vị, đều là làm chuyện lục đạo. Nếu nói là quý vị làm chuyện tốt đẹp hơn một chút thì cũng là chuyện thuộc mười pháp giới. Tuyệt đại đa số đều rốt trong lục đạo luân hồi, tạo nghiệp sanh tử trong lục đạo. Chỉ riêng niệm Phật là thiện nghiệp thù thắng nhất, có sao chẳng nỗ lực niệm Phật? Liên Trì đại sư bảo chúng ta: “*Có*

thể vãng sanh hay không được quyết định bởi có tín nguyện hay không?” Quý vị thật sự tin tưởng pháp môn này, chân thật nguyện sanh, đó là điều kiện vãng sanh, “*phẩm vị cao thấp do công phu niệm Phật sâu hay cạn*”, phẩm vị cao hay thấp cũng là hoa sen lớn hay nhỏ. Vì thế, nhất định phải nỗ lực niệm Phật. Tụng kinh cũng là niệm Phật, vì kinh này luôn giảng về y báo và chánh báo trang nghiêm của Tây Phương Cực Lạc thế giới. Vì lẽ đó, khuyến khích mọi người hãy đọc kinh, niệm Phật.

Trong quá khứ, trong bài Duy Thức Nghiên Cứu của cư sĩ Đường Đại Viên có một đoạn [nhận định]. Ông Đường Đại Viên chuyên môn nghiên cứu Duy Thức, trong thời Kháng Chiến, ông ta là giáo sư tại đại học Tây Nam; lúc đó, tiên sinh Phương Đông Mỹ cũng dạy học tại Tây Nam Liên Đại⁶³. Thầy Phương từng bảo tôi, khi thầy ở trường Tây Nam Liên Đại, cùng Đường Đại Viên rất thân thuộc. Cụ Phương nói Đường tiên sinh lớn hơn cụ hai mươi tuổi. Khi cụ Phương [dạy học] ở Tây Nam Liên Đại, [cụ Đường] đã gần năm mươi tuổi. Phương tiên sinh thành danh rất sớm, hai mươi mấy tuổi đã là giáo sư đại học. Trong đoạn văn ấy, [cụ Đường] nói: “*Tại Trung Quốc, từ thời Dân Quốc tới nay, điều hết sức đáng tiếc là chúng ta tự mình vứt bỏ phương pháp giáo học truyền thống để chọn lựa phương pháp giáo học của Tây Dương*”. Cụ nói phương pháp của Tây Dương vừa mở đầu bèn dạy quý vị cầu hiểu, nên đối với trình độ Tiểu Học, dạy những thứ rất nông cạn để trẻ nhỏ có thể hiểu ngay. Quý vị nói “chú mèo con kêu”, nó hiểu ngay, nói “con cún sữa”, nó cũng hiểu ngay. Những điều này trẻ nhỏ có thể hiểu, nhưng chẳng biết cầu Căn Bản Trí.

Cụ nói cách giáo học của Trung Quốc thời cổ hoàn toàn tương phản cách giáo học của Tây phương. Phật pháp cũng là như thế, mở đầu bèn bảo quý vị đọc kinh, chẳng mong hiểu kỹ, căn bản là chẳng giảng giải, cứ bảo quý vị đọc. Sau khi đã đọc đến một mức độ, đọc kinh chẳng mong cầu hiểu cho lắm là Căn Bản Trí, kinh Bát Nhã giảng Căn Bản Trí là “*Bát Nhã vô tri*”. Vô tri là gì? Chẳng suy nghĩ loạn xạ! Bảo quý vị niệm kinh mỗi ngày, vì niệm kinh sẽ chẳng suy nghĩ lung tung. Vì thế, khi trẻ nhỏ đi học, mỗi ngày dạy chúng nó học thuộc sách một trăm lượt hay hai trăm lượt,

⁶³ Tây Nam Liên Đại là tên gọi tắt của trường Quốc Lập Tây Nam Liên Hợp Đại Học, được thành lập vào thời Kháng Chiến chống Nhật tại thành phố Côn Minh, tỉnh Vân Nam. Sở dĩ có tên gọi này là do các trường đại học Bắc Kinh, Thanh Hoa và Nam Khai đều theo chân chánh phủ Quốc Dân Đảng rút lui về hậu cứ khi Nhật Bản xâm lăng Trung Hoa. Hiệu trưởng và các giáo viên thuộc ba trường đại học cùng nhau lập ra trường này, trường hoạt động từ năm 1938 đến 1946.

tự nhiên chúng nó chẳng suy nghĩ lung tung. Quý vị chẳng bảo trẻ học thuộc sách, nó sẽ suy nghĩ lung tung, nghĩ cách chơi đùa như thế nào. [Bắt chúng thuộc sách] là để chúng khỏi suy nghĩ loạn xạ; nói cách khác, đọc kinh nhằm mục đích trừ vọng tưởng! Đó là cầu Căn Bản Trí. Sau đây mới giảng giải, giảng giải là cầu Hậu Đắc Trí, đó là trí huệ viên mãn. Vì thế, cụ Đường phê bình phương pháp của người Tây phương là phá hoại Căn Bản Trí, mà cũng chẳng đạt được Hậu Đắc Trí. Bởi lẽ, Tây phương theo đuổi tri thức, chứ không có trí huệ.

Trí huệ sanh từ tâm thanh tịnh, Phật pháp nhất định phải có trí huệ. Không có trí huệ, quý vị chẳng thể khai ngộ. Dầu quý vị tri thức phong phú, xem kinh luận rất nhiều thì vẫn là “*ký vấn chi học*” (cái học do ghi nhớ, tìm hiểu, hỏi han) như Lễ Ký đã nói. Quý vị ghi nhớ nhiều, nghe nhiều, đọc nhiều, nhưng đều là [kiến thức] của người khác, chẳng phải từ tự tánh của quý vị lưu lộ. Tự tánh lưu lộ là thật, là học vấn thật sự, là trí huệ chân thật! “*Ký vấn chi học*” là những thứ của người khác, phần sau Lễ Ký có nói: “*Ký vấn chi học, bất túc dĩ vi nhân sự*” (cái học do ghi nhớ, tìm hiểu, chẳng đáng để làm thầy người khác), nhất định phải coi trọng khai ngộ. Nếu muốn khai ngộ thì nhất định là trước hết phải tu Căn Bản Trí. Nói cách khác, phải nghĩ cách để trước hết trừ khử hết vọng tưởng, phân biệt, chấp trước của chính mình, khôi phục sự thanh tịnh nơi tự tánh, đó là cách giáo học nhập môn Phật pháp trước kia.

Chẳng giống như hiện thời! Phật giáo hiện thời cũng vứt bỏ phương pháp truyền thống, vừa tiếp xúc Phật pháp bèn cầu giải, hỏng mất rồi! Cầu biết, cầu giải, phương pháp ấy đi theo con đường tri thức (kiến thức), chẳng phải là theo con đường trí huệ, chắc chắn chẳng liên can gì với “*liễu sanh tử, thành Phật đạo*”. Nếu quý vị chú tâm quan sát sẽ liễu giải. Các vị đại đức hiện thời, bất luận là tại gia hay xuất gia, giảng rất hay, viết rất khá, trước tác phong phú, nhưng quý vị chuyện trò cùng họ, họ có một đồng phiền não to đùng! Do vậy, có thể biết: Họ trước tác nhiều ngàn ấy, nói hay ho dường ấy, nhưng chẳng thể đoạn phiền não, vô dụng! Chẳng thể đoạn phiền não, sẽ không thể liễu sanh tử. Không thể đoạn phiền não, niệm Phật sẽ chẳng thể đắc nhất tâm. Không cần nói tới đắc nhất tâm, [ngay cả] công phu thành thiền cũng chẳng đạt được!

Lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ nói thật sự tu hành thì “*đồng tham đạo hữu quý tinh, chẳng quý nhiều*”, đồng đạo thì thị phi nhiều. Mọi người ở cùng một chỗ mà tâm xen tạp, lo bàn tán họ Trương giỏi, họ Lý dở, cái này tốt lắm, cái kia phiền lắm, mỗi ngày làm chuyện ấy! “*Đạo tràng trọng thực chất, chẳng coi trọng hình thức*”, hình thức không quan trọng. “*Tu*

hành trọng nhất tâm bất loạn”, cảm ứng, cảnh giới, thần thông gì cũng đều chẳng khăn yếu, có hay không có những thứ ấy chắc chắn chẳng sao cả! Tâm ta ngày càng thanh tịnh hơn, mỗi năm một thanh tịnh hơn, thật sự có thể buông xuống, thật sự có thể thấy thấu suốt, đó là công phu, là cảnh giới tốt đẹp. Do vậy, cụ Hoàng nói những lời ấy là lời chân thật, chẳng phải là lừa người. Đây cũng là những điều chúng tôi thường nhắc nhở các đồng tu trong những buổi giảng, phải nghiêm túc, phải nỗ lực, ngàn vạn phần chớ nên xen tạp.

(Sao) Lục giả, thượng trung hạ phẩm, các tam thành cửu, cửu cửu vô lượng, tùy kỳ túc tu, bất tương thác mậu, thị vi “thắng liệt phân minh diệu”.

(鈔) 六者，上中下品，各三成九，九九無量，隨其宿修，不相錯謬，是為勝劣分明妙。

(Sao: Sáu là thượng trung hạ phẩm, trong mỗi phẩm lại gồm có ba phẩm, [ba nhân với ba] thành chín, chín nhân với chín [tiếp tục như thế mãi] thành vô lượng phẩm, tùy thuộc sự tu tập trước kia [trong lúc tu nhân, mà phẩm vị khác biệt] chẳng hề làm loạn. Đó là điều nhiệm mầu “hơn kém phân minh”).

Cảnh giới Tây Phương xét theo Lý là “phi nhân, phi quả” (chẳng phải nhân, chẳng phải quả), về sự tướng thì vẫn “chẳng làm nhân quả”. “Thượng, trung, hạ” là tam bối (ba bậc) được nói trong kinh Vô Lượng Thọ, Quán Kinh nói là chín phẩm. Trong thượng bối lại chia thành ba phẩm, trung bối ba phẩm, hạ bối ba phẩm; trong [mỗi phẩm thuộc] chín phẩm lại chia thành chín phẩm, tiếp tục chia mãi sẽ thành vô lượng vô biên. Chúng ta nói “tam bối, cửu phẩm” đều là nói quy nạp, đại lược, luận định sai biệt đại lược. Nếu nói chi tiết, có thể nói là do công phu tu hành của mỗi cá nhân khác nhau, nên [phẩm vị] cũng chẳng giống nhau. Do vậy, hoa sen trong Tây Phương Cực Lạc thế giới lớn hay nhỏ khác nhau, quang minh và màu sắc khác nhau do mỗi cá nhân dụng công khác nhau, đều tùy thuộc sự tu hành của người ấy trong đời quá khứ, [thường gọi là] “túc thế tu hành”. Nói thật ra, thì là đời này, [phẩm vị vãng sanh] có liên quan đến [sự tu hành trong] đời trước hay không? Tuy liên quan đến đời trước, nhưng đó là [mối liên quan] gián tiếp, chứ liên quan trực tiếp nhất [với phẩm vị vãng sanh] là [sự tu hành của chúng ta] trong một đời này!

Do vậy, chúng ta đối với người lúc lâm chung mười niệm vãng sanh, cả đời tạo tác tội nghiệp như vậy, chớ nên khinh thường! Từ kinh Vô

Lượng Thọ, chúng ta đọc thấy nhân tố (yếu tố) để vãng sanh có hai loại lớn: Loại thứ nhất là lúc bình thường tu hành nên vãng sanh, loại thứ hai là lâm chung sám hối bèn vãng sanh. Kẻ ấy cả đời tạo tác tội nghiệp, chẳng nghe Phật pháp, đến khi lâm chung mới nghe, thật sự sám hối bèn vãng sanh. Phẩm vị của người ấy do sức mạnh sám hối, quyết định đích xác là rất chẳng thể nghĩ bàn. Giống như vua A Xà Thế trong Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh, tạo trọng tội Ngũ Nghịch, Thập Ác, đó là tội nghiệp địa ngục, tới cuối cùng, nhà vua cũng giác ngộ, niệm Phật vãng sanh, đó là sám hối vãng sanh. Có lẽ chúng ta sẽ nói: Hạng người Ngũ Nghịch Thập Ác như vậy đến cuối cùng mười niệm vãng sanh, nói chung là hạ phẩm hạ sanh! Ngoài dự liệu của chúng ta, ông ta là thượng phẩm trung sanh. Do vậy, chẳng thể khinh thường, chớ nên coi rẻ người khác. Loại người ấy tạo tác tội nghiệp, đến cuối cùng sám hối, tùy thuộc sức mạnh sám hối của người ấy [mà phẩm vị vãng sanh khác biệt]. Nếu thành tâm, thành ý, triệt để sám hối, phẩm vị liền cao hơn, thường còn là vượt trội bọn người suốt đời tu hành như chúng ta! Sám hối cũng là ba bậc chín phẩm, chúng ta tu thiện vãng sanh ba bậc, chín phẩm; người tạo tác tội nghiệp, lâm chung nhờ vào sức mạnh sám hối cũng thành tựu ba bậc, chín phẩm. Vì thế, pháp môn này thật sự chẳng thể nghĩ bàn, thù thắng khôn sánh!

Phẩm vị vãng sanh và hoa sen của quý vị lớn hay nhỏ quyết định chẳng sai lầm. Đây là “*thắng liệt phân minh*”, công phu tu hành của quý vị chắc chắn chẳng phí uổng. Đối với Tây Phương Cực Lạc thế giới, từ Đại Kinh chúng ta đã đọc rất nhiều, đó là một pháp giới thật sự bình đẳng, chẳng có gì là bất bình đẳng, chỉ riêng hoa sen là lớn hay nhỏ khác nhau. Trừ hoa sen lớn hay nhỏ, ánh sáng và màu sắc khác biệt ra, phẩm chất của hoa sen là bình đẳng, đều là bảy báu. Đức hạnh của hoa sen là bình đẳng, hoa sen lớn vì diệu hương khiết, hoa sen bé vẫn là vì diệu hương khiết; đức dụng bình đẳng, thể tánh bình đẳng, chỉ là lớn nhỏ bất bình đẳng, lớn nhỏ khác biệt.

Đọc những điều này, chúng ta phải thật sự nỗ lực, mong cầu chân thật, cầu vĩnh hằng, quý vị thật sự có thể đạt được. Phải biết trong thế gian này không có thứ gì mà quý vị có thể đạt được, cổ nhân nói là: “*Muôn thứ chẳng mang được, chỉ có nghiệp theo thân*”. Người thế gian cũng hiểu: “*Sanh chẳng mang gì đến, chết chẳng đem gì đi*”, chẳng có thứ gì để có thể mang theo được; nhưng công đức niệm A Di Đà Phật hoàn toàn mang đi được, đó là chân thật.

(Sao) Thất giả, đại nhất do-tuần, nãi chí bách thiên vạn ức do-tuần, thị vi “tiểu đại vô định diệu”.

(鈔) 七者，大一由旬，乃至百千萬億由旬，是為小大無定妙。

(Sao: Bảy là, [hoa sen] to bằng một do-tuần cho đến trăm ngàn vạn ức do-tuần, đó là điều mâu nhiệm “lớn nhỏ không nhất định”).

Câu này nói Tây Phương Cực Lạc thế giới tùy theo phẩm vị, tùy thuộc công phu tu hành cạn hay sâu mà hoa sen hiện ra lớn hay nhỏ không nhất định. Nhưng chư vị phải hiểu hoa sen nhỏ ở Tây Phương Cực Lạc thế giới do tu tập, dần dần sẽ cũng biến thành hoa sen to, vì sao? Cảnh chuyển theo tâm. Quý vị đến Tây Phương Cực Lạc thế giới lại tu, tâm quý vị ngày càng thanh tịnh hơn, y báo của quý vị ngày càng to hơn. Tuyệt đối chẳng phải là nói đến nơi đó, hoa sen to một do-tuần vĩnh viễn là một do-tuần, chẳng có đạo lý ấy! Hoa sen chỉ có dần dần trở thành to, chẳng biến thành nhỏ, vì sao? Vì sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới sẽ chẳng thoái chuyển, nên nó sẽ không biến thành nhỏ.

Nhưng chưa sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, giống như chúng ta hiện nay đang phát tâm niệm Phật, trong ao bầy bấu bên thế giới Cực Lạc bèn có một đóa hoa sen cho chúng ta. Nhưng ngày nào đó, chúng ta đổi ý, học Mật, tu Thiền, đóa sen ấy bèn khô tàn, chẳng còn nữa, như vậy là nó có thể bị thoái chuyển. Tới Tây Phương Cực Lạc thế giới mới là thật sự chẳng thoái chuyển. Chưa đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, chưa thật sự vãng sanh, hễ quý vị bị mê khi cách ám, hoa sen ấy liền khô tàn, chẳng còn nữa. Do vậy có thể biết: Đối với chuyện hoa sen lớn hay nhỏ, quang minh và màu sắc [của hoa như thế nào] thì đích xác là do “túc thế tu hành” như trong phần trên đã nói, có nghĩa là sự tu hành của chúng ta ngay trong một đời này [đóng vai trò quyết định] trọng yếu nhất.

(Sao) Bát giả, bất dĩ xuân sanh, bất dĩ thu tụy, cẳng cổ thường tân, thị vi “hàn thử bất thiên diệu”.

(鈔) 八者，不以春生，不以秋瘁，亙古常新，是為寒暑不遷妙。

(Sao: Tám là chẳng phải là mùa Xuân sanh trưởng, mùa Thu tàn tạ, mà luôn vĩnh viễn tươi mới, đó là điều mâu nhiệm “nóng lạnh chẳng thay đổi”).

Những thực vật trong thế gian này biến hóa theo khí hậu, mùa Xuân trở mầm, mùa Hạ tăng trưởng, mùa Thu thu hoạch, mùa Đông ẩn tàng, cho nên hết thảy vạn vật đều biến hóa theo khí hậu. Tây Phương Cực Lạc thế giới không có [tình hình ấy], đúng là xanh tươi mãi mãi, bên ấy chẳng có biến hóa. Con người thọ vô lượng, chẳng có biến hóa, thọ vô lượng nhưng chẳng già, tốt đẹp ở chỗ này. Trong thế gian này, người sống thọ bèn già khom! Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng già, dầu thọ mạng dài đến mấy đi nữa, chẳng già, chẳng suy! Hết thảy vạn vật vạn tượng trong thế giới Tây Phương cũng vĩnh viễn chẳng biến đổi. Đó là sự thù thắng đặc biệt của thế giới Tây Phương, trong các thế giới chư Phật ở những phương khác chẳng có sự đặc biệt ấy.

(Sao) Cửu giả, châu, tử, huyền, hoàng, hoặc phục thuần bạch, tạp sắc, tạp quang, diệc phục như thị, thị vi “thái tổ giao huy diệu”.

(鈔) 九者，朱紫玄黃，或復純白，雜色雜光，亦復如是，是為彩素交輝妙。

(Sao: Chín là son, tía, đen, vàng, hoặc là thuần trắng, hoa nhiều màu tỏa ánh sáng nhiều màu cũng giống như thế, đó là điều màu nhiệm “trắng và màu chói ngời lẫn nhau”).

Ý nghĩa này có cùng nghĩa thú biểu thị pháp trong tựa đề kinh Hoa Nghiêm. Tựa đề kinh Hoa Nghiêm là Đại Phương Quảng Phật Tạp Hoa Nghiêm Súc Kinh, đề mục nguyên gốc là như vậy. Người Hoa chuộng đơn giản, bèn bỏ chữ Tạp, bỏ chữ Súc, nên gọi là Hoa Nghiêm. Tạp Hoa Nghiêm Súc (các thứ hoa trang hoàng đẹp đẽ) là giống như một đại hoa viên, các phẩm loại thảy đều có đủ, những gì đáng có đều có hết, đẹp đẽ khôn xiết, mang ý nghĩa này. Tây Phương Cực Lạc thế giới cũng giống như thế, những hoa ấy không chỉ là một màu. Tuy nói là “bốn màu”, nhưng bốn màu là nói đại lược, quá nhiều màu sắc, vô cùng đẹp đẽ. Đây cũng là nói rõ tâm địa chúng ta thanh tịnh. “*Thanh tịnh nhất sắc, bất phương vạn đức giao la*” (một màu thanh tịnh, chẳng trở ngại muôn đức trùng trùng giao xen). Pháp giới tuy Nhất Chân, nhưng Nhất Chân pháp giới chẳng ngại mười pháp giới xen chiếu; mười pháp giới ở trong Nhất Chân pháp giới, trọn chẳng lìa khỏi! Giác ngộ thì mười pháp giới là Nhất Chân pháp giới. Mê thì đối với pháp giới nào trong mười pháp giới cũng đều có chướng ngại; khi ngộ thì pháp giới nào cũng viên dung, chẳng có chướng ngại, Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại.

(Sao) Thập giả, sanh u bỉ quốc, nhi năng tùng không lai chí thử độ, nghênh thủ đương sanh, thị vi “động tĩnh nhất nguyên diệu”.

(鈔) 十者，生於彼國，而能從空來至此土，迎取當生，是為動靜一源妙。

(Sao: Mười là sanh trong cõi ấy, mà có thể từ không trung đến cõi này, tiếp đón người sẽ vãng sanh. Đó là điều mâu nhiệm “động và tĩnh có cùng một nguồn”).

Đây là nói “tịch nhiên bất động”, cảm ứng đạo giao. “*Sanh u bỉ quốc*” là nói những người đã vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, “*nhi năng tùng không lai chí thử độ*” (mà có thể từ hư không đến cõi này), từ Tây Phương Cực Lạc thế giới trở lại thế giới Sa Bà, đến tiếp dẫn người vãng sanh. Ở đây không nói đức Phật đến [tiếp dẫn], mà là nói những người đã vãng sanh trước, những người vãng sanh trước do thấy có đồng bạn [sắp vãng sanh] nên phải đến. A Di Đà Phật đến tiếp dẫn, họ theo A Di Đà Phật cùng đi. Mười vạn ức cõi Phật, trong một niệm liền đến nơi, đây là sự thật.

Thuở ấy, khi Huệ Viễn đại sư vãng sanh, thấy những đồng tu đã vãng sanh trước theo A Di Đà Phật cùng đến nghênh tiếp. Do vậy, niệm Phật hay lắm! Niệm Phật thì quyết định chớ nên nghĩ: “Tới Tây Phương Cực Lạc thế giới, lạ nước, lạ cái, dường như chẳng quen thuộc lắm”. Trọn chẳng biết Tây Phương Cực Lạc thế giới mới là nơi náo nhiệt nhất, vì sao? Người quen đông lắm, mọi người đều hội ngộ tại đó. Nếu quý vị chẳng vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, người nhà quyến thuộc của quý vị sau khi đã chết chắc chắn chẳng thể gặp lại, hoặc là sau nhiều đời nhiều kiếp mới có thể gặp gỡ, rất khó gặp gỡ. Chỉ riêng đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, hễ đến đó liền gặp; không chỉ gặp gỡ, mà quý vị sắp vãng sanh ở nơi đây, họ đã biết, nên tới nghênh tiếp.

Chúng ta không chỉ có thể gặp gỡ những người quen biết trong một đời này, mà còn là đời đời kiếp kiếp, chúng ta không biết họ, nhưng họ biết ta, năm trăm đời quá khứ họ có quan hệ gì với chúng ta, đều nói cho quý vị nghe. Khi ấy, quý vị trong tâm suy nghĩ rồi cũng nhớ được! Đến Tây Phương Cực Lạc thế giới [ai nấy] đều có thần thông, đạo lực. Bốn mươi tám nguyện trong kinh Vô Lượng Thọ có nói những chuyện trong vô lượng kiếp quá khứ, quý vị đều có thể ghi nhớ: “*Thiên Nhãn đồng thị, Thiên Nhĩ triệt thính, Tha Tâm biến tri*” (Thiên Nhãn thấy thấu suốt, Thiên Nhĩ nghe thông suốt, Tha Tâm biết trọn khắp). Do vậy, trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, người quen đông nhất. Nếu quý vị muốn kết duyên nhiều

một chút, đọc Tịnh Độ Thánh Hiền Lục và Vãng Sanh Truyện, đọc mấy lượt, biết tên những người ấy, khi quý vị vãng sanh, họ nhất định đến đón quý vị. Họ nói: “Ta là người nào đó”, vừa gặp mặt liền quen biết. Vì thế, thường đọc Tịnh Độ Thánh Hiền Lục, Vãng Sanh Truyện, sẽ quen nhiều người hơn, đến khi đó, họ đều theo A Di Đà Phật cùng đến đón tiếp. Do vậy, quý vị chẳng cảm thấy cô độc, chẳng cảm thấy tịch mịch, đến Tây Phương Cực Lạc thế giới có quá nhiều người chí đồng đạo hợp. Điều này rất trọng yếu! Quý vị thường đọc Vãng Sanh Truyện sẽ có lợi rất lớn, có thể khích lệ, rèn giũa chính mình. Quý vị thấy người vãng sanh nhiều như vậy, đều đã ra đi, chúng ta phải mau chóng đi. Nếu không đi thì đáng tiếc quá! Đây là nói về “*động tĩnh có cùng một nguồn*”.

(Sao) Thập nhất giả, chư Phật, Bồ Tát, kết già kỳ trung, niệm Phật chúng sanh, thác chất kỳ nội, thị vi “phàm thánh kiêm thành diệu”.

(鈔) 十一者，諸佛菩薩，結跏其中，念佛眾生，托質其內，是為凡聖兼成妙。

(Sao: Mười một, chư Phật, Bồ Tát, ngồi kết già trong đó, chúng sanh niệm Phật gởi thân trong ấy. Đó là điều mâu nhiệm “phàm lẫn thánh đều thành tựu”).

Chư Phật, Bồ Tát ở trong hoa sen, người niệm Phật vãng sanh chúng ta cũng ở trong hoa sen, nên hoa sen là “*phàm thánh kiêm thành*”. Trong mỗi đóa sen, thừa cùng quý vị, đều có A Di Đà Phật, đều có Quán Âm, Thế Chí, đều có Bồ Tát hải hội vây quanh, đó là hóa Phật. Vì chúng ta vãng sanh tới đó là đời nghiệp vãng sanh, hoa chưa nở, nên thấy hóa Phật. Hoa nở thấy Phật là thấy Báo Thân Phật. Đến khi nào hoa nở? Khi niệm đến Lý nhất tâm bất loạn. Lý nhất tâm bất loạn thì hoa nở thấy Phật; khi ấy, sẽ thấy Báo Thân Phật. Trước khi thấy Báo Thân Phật thì thấy Hóa Thân Phật trước, Hóa - Báo bất nhị! Do vậy, mỗi ngày đức Phật cũng đều thuyết pháp cho quý vị, Bồ Tát hải hội vây quanh. Tuyệt đối chẳng phải là chỉ một cá nhân cô đơn trong hoa sen, chẳng phải vậy! Quý vị đã nghĩ sai rồi! Trong hoa sen ấy rất náo nhiệt, hoa sen vô cùng to lớn.

(Sao) Thập nhị giả, thử phương niệm Phật, hoa tức tiêu danh, căn nọa tài phân, vinh khô đốn dị, thị vi “cảm ứng minh phù” diệu.

(鈔) 十二者，此方念佛，華即標名，勤惰纔分，榮枯頓異，是為感應冥符妙。

(*Sao*: Mười hai là phương này niệm Phật, hoa [trong cõi Cực Lạc] liền đề tên, do siêng năng hay lười nhác vừa mới sai khác, hoa liền tươi tốt hay héo khô khác biệt, đó là điều mẫu nhiệm “cảm ứng ngầm phù hợp”).

Chúng ta phải đặc biệt coi trọng câu này. Chúng ta ở đây vừa mới phát tâm niệm Phật, vừa mới dấy một niệm “ta muốn sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới”, trong ao bảy báu liền sanh một đóa sen, trên đóa sen ấy có tên của quý vị. Chuyện này là thật, chẳng giả. Ở Los Angeles có một đồng tu đích thân trông thấy, trong khi ông ta tĩnh tọa niệm Phật, bỗng nhiên thấy trước mặt có một đóa sen. Ông ta kể với tôi, hoa sen ấy quang minh và màu sắc đẹp đẽ trước nay chưa từng thấy, chẳng thể nào diễn tả được, chưa bao giờ thấy mà! Ông ta nói trên hoa sen ấy có tên của chính mình, chẳng phải là thấy do nhập Định, cũng chẳng phải thấy trong giấc ngủ, mắt đang mở to mà trông thấy. Ông ta kể cho tôi nghe chuyện này, tôi khích lệ ông ta: “Ông chắc chắn vãng sanh, hãy khéo niệm”. Xác thực là thật, chẳng giả. Chúng ta thấy hay không thấy, chẳng sao cả! Thấy thì là thật, mà chẳng thấy vẫn là thật, quyết định là có. Quý vị nhất định phải nghiêm túc niệm Phật, phải thật sự phát tâm cầu sanh Tịnh Độ.

Ở Cựu Kim Sơn (San Francisco) có một vị nữ đồng tu, năm nay ngoài bốn mươi tuổi, chẳng kết hôn, chuyên tu Tịnh Độ. Cô ta cũng đi làm, công việc cũng hết sức bận rộn. Phương pháp niệm Phật của cô ta chẳng giống như người khác, rất đặc biệt! Bình thường chẳng niệm Phật, mỗi tuần niệm một lần, mỗi lần tối thiểu là một ngày một đêm, có lắm khi là ba ngày ba đêm chẳng gián đoạn, cô ta niệm theo cách như vậy. Hễ không niệm bèn chẳng niệm, Phật cũng quên mất, nhưng hễ niệm liền chuyên tâm niệm. Do vậy, cô ta niệm Phật đúng là còn tinh tấn hơn chúng ta đã Phật Thất. Cô ta không tiếp khách, không nhận điện thoại, mẹ cô ta làm hộ pháp, nấu này nọ cho bà ta ăn, [nấu xong] cũng chẳng gọi cô ta [ra ăn]. Sau khi nấu xong, đến bữa ăn bèn bày ra đó, cô ta tự ăn. Ăn xong, bà mẹ thu dọn. Đúng là giống như bé quan, mỗi tuần niệm một lần. Do vậy, cô ta đúng là tinh tấn niệm Phật, đúng là buông xuống vạn duyên, nhất tâm xưng niệm, niệm như vậy, niệm hết sức dũng mãnh. Bình thường cô ta cũng chẳng tụng niệm khóa sớm, khóa tối gì cả! Phương pháp của cô ta khá đặc biệt. Vì thế, [hoa sen] có ghi tên là thật, chẳng giả.

“*Cần nọa tài phân*” (Siêng năng hay biếng nhác vừa mới khác biệt), “*nọa*” (惰) là giải đãi. Quý vị càng chuyên tinh, siêng năng, hoa càng ngày càng to, quang minh và màu sắc ngày càng đẹp hơn. Quý vị niệm Phật

biếng nhác, thoái chuyên, ánh sáng và màu sắc của hoa ấy chẳng còn nữa, từ từ héo rũ. Chúng ta dùng phương pháp gì để vun quén hoa sen ấy? Chính là mỗi ngày không ngừng nỗ lực niệm Phật nhằm vun bồi hoa sen ấy. Nếu quý vị thay đổi giữa chừng, không niệm Phật nữa, đổi sang tu pháp môn khác, tham Thiền, học Mật, hành pháp khác, hoa ấy liền khô héo, tiêu mất. Vì lẽ đó, đây là cảm ứng đạo giao, “*thị vi cảm ứng minh phù diệu*” (đó là điều mâu nhiệm “cảm ứng ngầm phù hợp”). Nói theo Lý sẽ là: “*Như Lai Tạng trung, vô pháp bất cụ*” (trong Như Lai Tạng, không pháp nào chẳng trọn đủ). Khi Lục Tổ khai ngộ đã nói: “*Nào ngờ tự tánh vốn sẵn trọn đủ*”, vốn là đầy đủ. Trọn đủ những gì? Trọn đủ hết thấy các pháp, y báo và chánh báo trang nghiêm của mười pháp giới đều trọn đủ trong tự tánh. Hoa sen trong Tây Phương Cực Lạc thế giới cũng chẳng phải là ngoại lệ, cũng là những thứ vốn sẵn trọn đủ trong tự tánh của chúng ta. Tuy vốn sẵn trọn đủ, nhưng hiện bóng giống như kinh Lăng Nghiêm đã nói: “*Tùy chúng sanh tâm, ứng sở tri lượng*” (thuận theo tâm của chúng sanh mà xứng hợp với khả năng lãnh hội của họ). Ý niệm trong tâm của chúng ta là duyên, Chân Như bản tánh là nhân, là cái nhân có thể sanh ra vạn pháp. Trong tâm chúng ta tưởng gì, đó là duyên, quý vị nghĩ muốn điều gì liền hiện điều ấy. Chẳng nghĩ, những thứ ấy đều không có, nghĩ gì hiện nấy. Vì thế, đúng là “*cảm ứng minh phù*” (cảm ứng ngầm phù hợp), “*minh*” (冥) là âm thầm, [*cảm ứng minh phù*] là âm thầm] quyết định phù hợp. Lục Tổ lại nói: “*Nào ngờ tự tánh có thể sanh ra vạn pháp*”. Năm câu nói ấy của Ngài có cùng một ý nghĩa với lời đức Phật dạy trong kinh Hoa Nghiêm: “*Hãy nên quán tánh của pháp giới, hết thấy chỉ do tâm tạo*”, hoàn toàn giống như câu ấy.

(Sao) Tiền tứ, hậu bát, đồng biệt khả tri.

(鈔) 前四後八，同別可知。

(Sao: Có thể biết bốn nghĩa đầu là đồng, tám nghĩa sau là biệt).

“*Đồng*” là hoa sen trong thế gian này cũng có những ý nghĩa ấy. “*Bát đồng*” (biệt) là trong thế gian này chẳng có, nhưng Tây Phương Cực Lạc thế giới bèn có. Thí dụ như ở phương này niệm Phật, hoa [bên Cực Lạc] bèn ghi tên, do siêng năng hay biếng nhác mà sai khác, tươi tốt hay khô héo khác biệt, những điều này trong Tây Phương Cực Lạc thế giới thì có, nhưng thế giới này không có. Trong Thánh Hiền Lục và Vãng Sanh Truyện có ghi chép, người trong thuở quá khứ, trước khi vãng sanh trông thấy cảnh giới ấy. Không ngờ chúng ta trong thời hiện tại, vẫn có người

như vậy, bà ta cũng đích thân trông thấy sự thật này. Vì thế, [sách ghi chép người niệm Phật thấy hoa sen bên Cự Lạc] là chuyện thật.

Đương nhiên, mỗi cá nhân chúng ta học Phật đều có nghiệp chướng, lời này [có thể nói thẳng thừng như vậy], chẳng kiêng kỵ gì! Không chỉ là có nghiệp chướng, mà nghiệp chướng còn rất nặng! Nếu chẳng thể tiêu trừ nghiệp chướng, nó sẽ chướng ngại chúng ta tinh tấn. Dùng phương pháp gì để tiêu trừ nghiệp chướng? Thừa cùng quý vị, phương pháp tốt nhất không gì hơn niệm Phật. Niệm Phật chưa được [vì có chướng ngại] thì vẫn phải dốc hết tánh mạng niệm Phật. Niệm Phật chưa được là do nghiệp chướng quá nặng, vẫn dùng phương pháp niệm Phật để tiêu nghiệp chướng. Một người sẽ dễ giải đãi, đại chúng cùng nhau cộng tu là biện pháp tốt đẹp, hãy tu cùng mọi người!

Không có cơ duyên này thì tôi nói cho quý vị biết một phương pháp: Dùng máy nghe nhạc cá nhân để nghe Phật hiệu, mở máy nghe nhạc sao cho âm thanh lớn nhất, tai quý vị nghe thấy giống như chúng ta đang nghe âm thanh của ngàn vạn người cùng hét lên, tạp âm gì ở bên ngoài cũng đều chẳng lọt vào được, chấn động tai quý vị, đẩy khởi tinh thần, đó là phương pháp tốt đẹp. Khi tinh thần đã phấn chấn rồi, chúng ta vận nhỏ tiếng xuống. Dù quý vị vận lớn hay nhỏ, người khác đều chẳng nghe thấy, chỉ có chính quý vị có thể nghe tiếng, đây là phương pháp hết sức hay. Trong khi chính mình giải đãi, tinh thần chẳng thể phấn chấn được, [vận máy] lớn tiếng sẽ có hiệu quả giống như chính mình đang ở trong một ngôi Niệm Phật Đường to lớn niệm Phật cùng đại chúng.

Chính quý vị phải nghĩ cách để đối trị. Nếu chính mình chẳng biết đối trị, sẽ chẳng có cách gì hết. Hiện thời, tuy phước báo của chúng ta chẳng bằng cổ nhân, nhưng lợi dụng những công cụ khoa học thì cũng chẳng kém hoàn cảnh của cổ nhân. Vì thế, tôi hy vọng mọi người hãy nỗ lực. Hôm nay đã hết thời gian rồi!

Tập 148

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang ba trăm mười sáu:

(Sao) Tam ngôn hương giả, thử phương bỉ quốc tương giáo thắng liệt, diệc hữu nhị nghĩa.

(鈔) 三言香者，此方彼國相較勝劣，亦有二義。

(Sao: Ba là nói về hương, so sánh sự hơn kém giữa phương này và cõi kia thì cũng có hai nghĩa).

Đây là nói về hoa sen “*vi diệu hương khiết*”, trong phần trước, đã giới thiệu ý nghĩa “*vi diệu*”. Dưới đây, chúng ta xem ý nghĩa của hai chữ “*hương khiết*”. Trong chú giải, đại sư đã giảng rõ: Hương của hoa sen trong thế giới Sa Bà đem so với hương trong thế giới Cực Lạc thì cũng có hai ý nghĩa:

(Sao) Nhất giả, thử phương tắc xuất ô nê trung, nghi vị sở hõn, nhi thanh hình chiêm nhiên, thị vi “uế trung hương”.

(鈔) 一者，此方則出汙泥中，宜為所潤，而清馨澹然，是為穢中香。

(Sao: Một là [hoa sen] nơi cõi này mọc từ bùn nhơ, lẽ ra phải nhuốm bẩn, mà lại nghiêm nhiên thơm sạch. Đó là Hương trong chốn ô uế).

Hoa sen trong thế gian này cũng có hương, nhưng kém hơn thế giới Cực Lạc.

(Sao) Nhị giả, bỉ quốc tắc như Đại Bản ngôn.

(鈔) 二者，彼國則如大本言。

(Sao: Hai là nước kia thì như kinh Đại Bản đã nói).

Đại Bản là kinh Vô Lượng Thọ, giảng rất tỉ mỉ.

(Sao) Quang sắc ký dị, hương khí diệc dị, phân phương phức úc, bất khả thắng ngôn. Cổ thanh liên hoa hương, bạch liên hoa hương. Tụng tư kệ giả, thượng trí khẩu xuất liên hoa chi hương, siêu nhất thiết

huong, hương vô dũ tử, thị vi “hương trung hương”. Tắc tri thử phương chi hương, dĩ thắng dư hoa, bỉ quốc nãi thắng nhi hựu thắng giả dã.

(鈔) 光色既異，香氣亦異，芬芳馥郁，不可勝言，故青蓮華香，白蓮華香。誦斯偈者，尚致口出蓮華之香，超一切香，香無與比，是為香中香。則知此方之香，已勝餘華，彼國乃勝而又勝者也。

(Sao: Quang minh và màu sắc đã lạ lùng, hương thơm cũng lạ, thơm tho, ngào ngạt, chẳng thể kể xiết. Vì thế, hương hoa sen xanh, hương hoa sen trắng, người tụng bài kệ ấy còn đến nỗi miệng có mùi thơm hoa sen, vượt trội hết thảy các thứ hương, chẳng có hương nào sánh bằng. Đó là “hương thơm nhất trong các loại hương”. Vì thế biết hương sen trong cõi này (Sa Bà) đã trội vượt [mùi hương của] các thứ hoa khác, nhưng cõi kia lại còn thù thắng hơn nữa).

Đoạn văn này chẳng khó hiểu. Nói thực tại thì thế giới Tây Phương cảm ứng đạo giao chẳng thể nghĩ bàn. Nói đến cảm ứng thì hôm qua có một đồng tu ở Tân Trúc gọi điện thoại cho tôi, tôi và ông ta chưa gặp mặt, ông ta nghe băng thu âm lời giảng kinh của tôi, nghe rất hoan hỷ. Ông ta hỏi tôi một câu: “Phật, Bồ Tát hóa thân có phải là thật hay không?” Tôi nói: “Xác thực là có chuyện ấy”. Ông ta kể: Cách đây không lâu, vợ ông ta qua đời, do niệm Phật mà vãng sanh. Có một vị xuất gia đến đưa tiền (nghĩa là hộ niệm) vợ ông ta, trong miệng cũng niệm liên tục, nhưng nghe chẳng ra ông ta đang niệm điều gì. Vị xuất gia ấy tướng mạo hết sức đoan nghiêm, trước nay chưa hề thấy, cũng chẳng biết vị ấy trụ nơi đâu, cũng chẳng biết tên gì. Vị ấy ngồi trong nhà rất lâu, còn chơi giỡn với cháu nội ông ta. Khi vị ấy đã rời đi, hỏi dò hàng xóm, chưa có ai trông thấy vị ấy. Vì lẽ đó, ông ta hỏi về chuyện này, hết sức lạ lùng, có người như vậy đến viếng!

Tôi liền kể: Xưa kia, phu nhân Châu Bang Đạo khi ở Nam Kinh đã gặp Địa Tạng Vương Bồ Tát đến nhà bà ta hóa duyên, đó cũng là hóa thân. Do vậy, tôi hỏi ông ta: “Vợ ông nhất định hết sức thiện lương, thiện căn sâu dày?” Ông ta đáp: “Đúng vậy, lời ấy chẳng sai tí nào! Tôi và bà ta kết hôn ba mươi năm, miệng bà ta trước nay chưa hề thốt lời thô tháo, trước nay chưa từng tranh cãi với người nhà”. Tôi nói: “Nếu không phải là thiện căn khá sâu dày, lâm chung sẽ chẳng thể cảm Phật, Bồ Tát hóa thân hiện tiền. Đó là thụy tướng vô cùng tốt đẹp, là vị Phật, Bồ Tát nào hóa thân hiện đến, chẳng biết, nhưng quyết định là hóa thân”. Nói thật ra, Phật, Bồ

Tất thường thị hiện trong nhân gian, nhưng chúng ta là phàm phu mắt thịt chẳng thể nhận biết. Đó là nói về sự cảm ứng.

Hoa sen trong thế giới Tây Phương, không chỉ là quang minh chiếu khắp, mà còn là “*bảo hương phổ huân*” (hương báu xông khắp), nên thế giới ấy được gọi là thế giới Hương Quang, tất cả hết thảy các chất báu đều có mùi thơm. Chẳng giống như chất báu trong thế gian này có ánh sáng, nhưng không có mùi thơm. Mùi thơm có thể khác nhau, nhưng xác thực là thật sự có mùi thơm. Chúng ta niệm kinh, niệm kinh Di Đà, kinh Vô Lượng Thọ, niệm A Di Đà Phật, trong miệng đều tỏa hương, đều có sự cảm ứng ấy. Người học Phật hơi miệng còn hôi thì chính mình phải cảnh giác, nghiệp chướng nặng nề, một chút cảm ứng nhỏ nhặt cũng không có. Mùi hôi có thể biến đổi, người tu hành thật sự chẳng cầu mà tự nhiên có.

Xưa kia, Trần lão cư sĩ, tôi xuất gia lúc ba mươi ba tuổi tại chùa Lâm Tế, ông ta là [cư sĩ] hộ pháp của chùa Lâm Tế. Có lần, tôi và ông ta mười mấy năm chưa gặp mặt, ông ta đến thăm Đồ Thư Quán, gặp tôi rất hoan hỷ, bảo: “Thầy học Phật giảng kinh nhiều năm như thế có cảm ứng?”. Tôi nói: “Có cảm ứng gì vậy?” Ông ta nói: “Xưa kia miệng thầy rất thối, nay hoàn toàn chẳng còn nữa”. Đó là thật, khá nhiều thứ cảm ứng, có khi chính mình biết, có lúc chính mình chẳng biết. Do vậy, nhất định phải nghiêm túc tu học, chẳng cần cầu cảm ứng, mà tự nhiên có cảm ứng. Cầu cảm ứng, tâm sẽ chẳng thanh tịnh. Quý vị không cầu, tự nhiên xoay chuyển! Đó là quý vị tiêu nghiệp chướng, hết thảy điều tốt lành tự nhiên hiện tiền.

Thế giới Cực Lạc đúng như Liên Trì đại sư đã nói, mùi hương chẳng thể nghĩ bàn. Đó gọi là “*hương trung chi hương*” (hương thơm nhất trong các mùi hương), chẳng thể sánh tày. Bản thân chúng ta đang lễ Phật, hoặc đang niệm kinh, niệm Phật, có khi cảm ứng, ngửi thấy mùi hương lạ. Mùi hương ấy quý vị cũng chẳng thể diễn tả được! Vì sao? Trước nay chưa từng ngửi thấy, cũng chẳng biết mùi hương ấy tỏa ra như thế nào? Một người ngửi thấy, [hoặc] rất nhiều người cùng nhau ngửi thấy, đều có! Mùi hương ấy chẳng thuộc về thế gian này. Năm xưa, tôi ở Ôn Ca Hoa (Vancouver), ông Trần Đại Xuyên kể, ông ta từng ở Đạp Lạp Tư (Dallas), nước Mỹ, mấy đồng tu buổi tối tán gẫu Phật pháp trong sân, bỗng nhiên có một làn hương lạ, năm, sáu người đều ngửi thấy, thời gian khá dài, chẳng biết là mùi thơm gì, tuyệt đối chẳng phải là mùi các loài hoa trồng trong sân. Ông ta đem chuyện ấy kể với tôi, đó là cảm ứng!

Tuy chưa đến thế giới Cực Lạc, nhưng hương báu trong thế giới Cực Lạc xông khắp, thế gian này cũng có thể ngửi thấy. Chẳng thấy quang

minh, chẳng ngửi thấy hương báu, tức là bản thân chúng ta có nghiệp chướng. Chướng ngại phát sanh từ nơi chính chúng ta, chứ chẳng phải là hương thơm và quang minh chẳng thấu đến thế gian này. Tâm địa chúng ta thanh tịnh một chút, sẽ đúng như kinh thường dạy: “*Một niệm tương ứng một niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật*”. Chỉ cần quý vị có một niệm tương ứng, trong một sát-na, quý vị liền có thể thấy quang minh, ngửi mùi hương; nhưng chúng ta chớ nên cầu! Hễ có tâm mong cầu thì tâm ấy là chướng ngại, chẳng thanh tịnh. Do vậy, hãy thành tâm thành ý niệm Phật là được!

(Sao) Tứ ngôn khiết giả, thử bỉ thắng liệt, diệc hữu nhị nghĩa.

(鈔) 四言潔者，此彼勝劣，亦有二義。

(Sao: Bốn là nói đến Khiết thì so sánh hơn kém giữa phương này và cõi kia, cũng có hai nghĩa).

“*Này*” là thế giới Sa Bà. “*Kia*” là thế giới Cực Lạc. Luận về Khiết Tịnh thì hai thế giới cũng chẳng giống nhau.

(Sao) Nhất giả, thử phương tắc xuất ô nê trung, nghi vị sở nhiễm.

(鈔) 一者，此方則出汗泥中，宜為所染。

(Sao: Một là phương này, [hoa sen] mọc từ bùn lầy, lẽ ra phải nên dơ bẩn).

Rễ của hoa sen trong thế gian này sanh trưởng từ bùn lầy, bùn lầy đương nhiên là nhơ bẩn.

(Sao) Nhi oánh nhiên thanh tịnh, thị vi cấu trung khiết.

(鈔) 而瑩然清淨，是為垢中潔。

(Sao: Nhưng rạng ngời, thanh tịnh, đó là trong sạch trong dơ bẩn).

Hoa nở trên mặt nước, nhưng rễ mọc trong bùn lầy, nên là khiết tịnh trong chốn nhơ bẩn.

(Sao) Nhị giả, bỉ quốc tắc căn tự kim sa, dị trược thổ cố.

(鈔) 二者，彼國則根自金沙，異濁土故。

(Sao: Hai là, cõi kia rễ sen mọc từ cát vàng, khác với đất bẩn).

Chúng ta thấy ao bảy báu cát vàng phủ đất, đáy ao là cát bằng vàng, chẳng giống đáy ao của chúng ta là bùn cát.

(Sao) Sanh từ đức thủy, dị thường lưu cố.

(鈔) 生從德水，異常流故。

(Sao: Sanh từ nước tám công đức, khác với nước thông thường).

Nước ấy có tám thứ công đức, chẳng giống nước trong thế gian này. “*Thường lưu*” là nước thông thường trong thế gian này!

(Sao) Chất thành diệu bảo, dị phàm hủy cố.

(鈔) 質成妙寶，異凡卉故。

(Sao: Thể chất do chất báu nhiệm màu tạo thành, khác với những loài cây cỏ tầm thường).

Chất liệu của hoa là do các thứ báu màu nhiệm hợp thành. “*Phàm hủy*”: Hoa sen trong thế gian này là loài thân thảo.

(Sao) Siêu nhất thiết khiết, khiết vô dũ tỷ, thị vi khiết trung khiết.

(鈔) 超一切潔，潔無與比，是為潔中潔。

(Sao: Vượt trội hết thảy các thứ thanh khiết, thanh khiết chẳng thể sánh bằng, là thanh khiết nhất trong các thứ thanh khiết).

Ý nghĩa này cũng rất dễ hiểu.

(Sao) Thắng nhi hựu thắng, lệ thượng khả tri. Dĩ thượng tòng kỳ thiết cận, lược biểu tứ đức, nhược quảng diễn chi, diệc ưng vô lượng.

(鈔) 勝而又勝，例上可知。以上從其切近，略表四德，若廣演之，亦應無量。

(Sao: Đã thù thắng lại càng thù thắng hơn, chuẩn theo những điều trên đây bèn có thể biết. Những điều vừa nói trên đây chỉ là dựa theo những gì thiết thực, gần gũi, để nêu bày đại lược bốn đức. Nếu giảng rộng thì các đức cũng phải là vô lượng).

Ở đây, Liên Trì đại sư nêu kết luận, nói rõ phẩm đức của hoa sen là vô lượng vô biên, bốn thứ “*vi diệu hương khiết*” là nói đại lược. Đối với hai ý nghĩa “*hương khiết*” nếu nói theo Lý thì hoa do tự tánh biến hiện;

chúng sanh trong mười phương thế giới chỉ cần phát tâm niệm Phật, có ý nguyện cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, ao bảy báu liền trở một đóa hoa sen. Nay chúng ta đang ở trong thế giới Sa Bà thế giới, luân hồi trong lục đạo, phiền não chưa đoạn, Tánh Đức chẳng hoàn toàn hiển hiện, hoa sen vẫn sanh từ bùn lầy, nhưng chẳng nhiễm. Nói cách khác, chẳng bị phiền não nhuốm dơ. Có phiền não hay không? Có. Giống như người niệm Phật chúng ta chưa đoạn Kiến Tư phiền não, có phiền não! Tuy chưa đoạn, nhưng một câu Phật hiệu của chúng ta quyết định chẳng nhiễm phiền não. Chúng ta niệm quyển kinh Vô Lượng Thọ mỗi ngày, tâm quyết định chẳng nhiễm phiền não. Không chỉ tâm chẳng nhiễm, mà miệng cũng chẳng nhiễm, thân - ngữ - ý ba nghiệp đều chẳng nhiễm phiền não. Tuy chẳng đoạn phiền não, mà chẳng nhiễm phiền não, giống như hoa sen trong thế gian này, đó gọi là *“uế trung chi hương”*.

Sanh sang Tây Phương Cực Lạc thế giới, thân chúng ta sẽ khác hẳn, sang bên kia là liên hoa hóa sanh, giống như trong Đại Kinh đã nói: *“Kim Cang Na La Diên thân, tử ma kim sắc, tam thập nhị tướng, bát thập chủng hảo”*, giống như thân tướng của A Di Đà Phật, hoàn mỹ chẳng thiếu sót. Thân tướng trong Tây Phương Cực Lạc thế giới tốt đẹp dường ấy, đó gọi là *“viên cụ ngũ phần Pháp Thân hương”* (đầy đủ trọn vẹn năm phần Pháp Thân hương), trọn đủ năm phần. Chúng ta trong khi niệm Phật, tụng kinh, lễ sám, bèn cùng một lúc đầy đủ. Năm phần Pháp Thân là Giới Hương, Định Hương, Huệ Hương, Giải Thoát Hương, Giải Thoát Tri Kiến Hương. Đặc biệt là trong pháp môn Niệm Phật, quý vị niệm kinh Di Đà, niệm kinh Vô Lượng Thọ, niệm A Di Đà Phật, đúng là đầy đủ năm phần [Pháp Thân]. Không chỉ là năm phần Pháp Thân trọn đủ, mà nói thật ra, trong hết thấy Phật pháp, chẳng có pháp nào không trọn đủ. Vì Liên Trì đại sư nói một câu Phật hiệu *“cai la bát giáo, viên nhiếp ngũ tông”* (bao trùm tám giáo, nhiếp trọn năm tông). Một câu Phật hiệu thông nhiếp hết thấy Phật pháp, là cương lĩnh của hết thấy Phật pháp, quý vị mới biết Phật hiệu chẳng thể nghĩ bàn.

Hiện thời chúng ta thấy có rất nhiều người phát sóng các chương trình Phật pháp trên đài truyền thanh, phát sóng [các chương trình] giảng kinh của pháp sư. Giảng kinh nếu nói sai một câu sẽ phải chịu trách nhiệm nhân quả, phải gánh trách nhiệm nhân quả rất nặng! Cổ đức thường nói: *“Niệm kinh không bằng niệm chú, niệm chú không bằng niệm Phật”*. Chúng tôi thật sự có một nguyện vọng, hy vọng trong tương lai có cơ hội sẽ mua một số giờ [phát sóng] trên đài truyền thanh, để làm gì? Niệm kinh, chẳng phải là giảng kinh. Giống như nay chúng ta đem băng thâu âm tiếng

niệm kinh Vô Lượng Thọ phát trên đài phát thanh, công đức vô lượng vô biên, chắc chắn chẳng có lỗi lầm. Trừ chuyện ấy ra, còn có một điều có thể làm là phát thanh băng thâu âm tiếng niệm Phật hiệu “*Nam-mô A Di Đà Phật*” trên đài truyền thanh, khiến cho mọi người mở radio lên đều có thể nghe thấy, công đức ấy lớn lắm! Công đức phát sóng băng thâu âm to hơn công đức mời pháp sư giảng kinh rất nhiều, lại vừa đơn giản, vừa thuận tiện. Niệm Phật thì điều niệm Phật nào hay bèn dùng điều ấy để phát sóng; làm như vậy sẽ có thể độ vô lượng vô biên chúng sanh, Đài Loan sẽ là phước địa, là đảo báu thật sự.

Giảng kinh đôi khi còn có mấy câu giảng trật, [ví như] trong Đề Hồ xen lẫn thuốc độc, chẳng dễ dàng! Thí dụ như chúng ta phát tâm làm chuyện tốt, khá lắm, có những chuyện tốt tuy không có tội, nhưng trong ấy có lỗi lầm thì cũng có thể hại người. Đọc kinh chẳng hại người, niệm kinh rành mạch, rõ ràng. Ở đây, chúng ta in kinh sách biếu tặng, sau khi nghe xong, họ vui thích, hãy bảo cho họ biết chỗ nào có kinh sách: “*Hãy gọi điện thoại cho chúng tôi, chúng tôi liền gửi cho quý vị*”. Vì thế, quá nhiều chỗ có thể làm công đức thật sự, ngàn vạn phần chớ đăm quàng vào lỗi rẽ.

Đây là hương báu vô lượng Ba La Mật trong tự tánh của chúng ta. Tuy tự tánh ở trong tam giới lục đạo luân hồi, nhưng nó tùy duyên bất biến, Chân Như bản tánh của chúng ta trước nay chưa hề biến đổi, đó là gì? Đó là khiết tịnh giữa chỗ cấu uế. Giống như thế giới Sa Bà, đối với cái thân hiện tại, chúng ta có thể đúng lý đúng pháp tu học, thân tâm thanh tịnh; sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, viên chứng ba món Bất Thoái, thanh tịnh viên mãn, đó là “*Khiết trung Khiết*” nơi tự tánh. Nếu chẳng sanh về Tây Phương, làm được bốn chữ ấy (“*vi diệu hương khiết*”) khá khó khăn. Chưa sanh về Tây Phương, tu học pháp môn này, hiện thời có thể đạt được ít phần, quý vị mới biết pháp môn này chẳng thể nghĩ bàn.

Thế giới hiện thời hết sức hỗn loạn, vô duyên vô cớ cả đồng người tử vong. Đừng nghĩ những ngày tháng tốt lành của chúng ta rất dài! Ngẫm lại, người ngoại quốc tiên đoán tận thế nhằm ngày nào? Năm 1999, năm nay là 1989, [theo dự đoán ấy] còn mười năm nữa tận thế sẽ xảy ra. Nói kiểu ấy là nhìn vào cái tâm và động thái của của người trên cả thế giới trong hiện thời, có lý, chẳng phải là vô lý! Phật pháp nói đến nhân quả, thiện có thiện báo, ác có ác báo, tâm con người trên cả thế giới chẳng tốt đẹp, đầy ắp tham, sân, si, mạn, lừa mình, dối người. Thế giới hiện thời là thế giới lừa người, thường nói là “*nghe lừa, chẳng nghe lời khuyên*”. Thế giới lừa người thì thế giới này còn có tương lai [tốt đẹp] nữa hay chẳng?

Vì thế, trước khi vãng sanh, thầy Lý đã bảo: “*Chư Phật, Bồ Tát, tất cả thần tiên đều chẳng cứu được*”, chẳng có cách nào cả! Vì thế, cụ chẳng giảng kinh Hoa Nghiêm nữa. Cụ vốn tính giảng kinh Hoa Nghiêm viên mãn xong, bèn giảng thêm một bộ kinh A Di Đà nữa rồi mới vãng sanh. Cụ bảo chỉ có một con đường sống là “niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ”. Trừ con đường ấy ra, chẳng có con đường nào dễ đi! Chúng ta phải đặc biệt cảnh giác điều này. Lại xem tiếp đoạn dưới, do sợ có người nghi hoặc, ở đây, đại sư giả lập một đoạn vấn đáp:

(Sao) Vấn: “*Hữu vị hạ phẩm hạ sanh, sanh thiết liên hoa, kỳ thuyết nhiên phủ?*”

(鈔) 問: 有謂下品下生，生鐵蓮華，其說然否。

(Sao: Hỏi: Có kẻ hỏi hạ phẩm hạ sanh bèn sanh trong hoa sen bằng sắt. Lời ấy đúng hay không?)

Liên Trì đại sư là người sống vào cuối đời Minh, [thuở ấy] có những kẻ bịa chuyện đặt điều, [đồn đại] hạ phẩm hạ sanh bèn sanh trong hoa sen sắt, nên hỏi cách nói ấy đúng hay sai!

(Sao) Đáp: “*Vị kiến Phật thuyết*”.

(鈔) 答: 未見佛說。

(Sao: Đáp: Chưa thấy đức Phật nói).

Tra khắp ba kinh Tịnh Độ chẳng có cách nói này! Hạ phẩm hạ sanh trong Tây Phương Cực Lạc thế giới đều là hoa sen bảy báu, đều là bảo hoa, chẳng nghe nói có hoa sen bằng sắt. Vì thế, người học Phật nhất định phải ghi nhớ Tứ Y Pháp của đức Phật. “*Y pháp, bất y nhân*”, Pháp là gì? Kinh điển. Kinh điển quan trọng nhất để người tu Tịnh Độ chúng ta y cứ là kinh Vô Lượng Thọ, kinh ấy giảng tỉ mỉ nhất. Tịnh Độ Tam Kinh là kinh Vô Lượng Thọ, kinh Di Đà, kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật, chúng ta dựa vào những kinh này. Trong các kinh điển hiện nay vẫn còn [gìn giữ được], có năm bản dịch gốc [của kinh Vô Lượng Thọ]. Hiện thời cuốn Tịnh Độ Ngũ Kinh Độc Bản do chúng tôi mới ấn hành, nội dung rất hoàn chỉnh, đây là [kinh văn đề] chúng ta y cứ. Bất luận kẻ nào nói gì, chỉ cần tra trong năm kinh mà không thấy thì chúng ta chẳng cần phải tin tưởng kẻ đó, những lời lẽ đó là bịa đặt đồn thổi! Mười phương chư Phật giới thiệu Tịnh Độ, cũng quyết định chẳng nói trái nghịch những gì [Thích Ca Mâu Ni Phật] đã nói trong ba kinh. Tuy là ngôn ngữ sử dụng khác nhau,

nhưng ý nghĩa quyết định giống nhau. Đức Phật dạy chúng ta phải “*y pháp, bất y nhân*”, bất luận kẻ khác nói gì đi nữa, chúng ta không cần tin tưởng.

Hiện thời có kẻ nói: “Quý vị niệm một câu A Di Đà Phật bèn có thể vãng sanh ư?” Có sao không thể vãng sanh? Người niệm câu A Di Đà Phật được vãng sanh nhiều lắm, ngồi mát, đứng vãng sanh, rất nhiều! Câu này có căn cứ hay không? Có! Trong kinh Vô Lượng Thọ có nói: “*Lâm chung mười niệm hoặc một niệm đều có thể vãng sanh*”. Đại Kinh đã dạy rõ: “*Phát Bồ Đề tâm, một bề chuyên niệm*”, đây là điều kiện vãng sanh cần phải hội đủ. “*Phát Bồ Đề tâm*” là Tín Nguyện, “*một bề chuyên niệm*” là Hạnh, ba điều Tín - Nguyện - Hạnh trọn đủ. Trong Tịnh Độ Tông nói “*phát Bồ Đề tâm*” có điểm khác biệt với những nghĩa thú thường nói [trong các tông phái hoặc pháp môn khác]. Trong Yếu Giải, Ngẫu Ích đại sư đã nói rất hay: “Thật sự phát tâm cầu nguyện vãng sanh Tịnh Độ, tâm ấy là Vô Thượng Bồ Đề tâm”. Vì vậy, chúng ta có thể nói “Vô Thượng Bồ Đề tâm là tín nguyện”. Quý vị trọn đủ tín nguyện, tức là quý vị đã phát Vô Thượng Bồ Đề tâm. Nhất tâm chuyên niệm, ba tư lương trọn đủ, chẳng ai không vãng sanh. Vì thế, đại sư đáp là “*chưa thấy đức Phật nói*” [hạ phẩm hạ sanh sẽ sanh trong hoa sen bằng sắt].

(Sao) Như thượng sở minh, sắc bất chỉ tứ.

(鈔) 如上所明，色不止四。

(Sao: Như những điều đã nói trên đây, [hoa sen] không phải chỉ có bốn màu).

Phản trên đã nói hoa sen không phải là chỉ có bốn màu.

(Sao) Hữu thất bảo hoa, tắc tri kim liên hoa giả, hoàng sắc sở nhiếp.

(鈔) 有七寶華，則知金蓮華者，黃色所攝。

(Sao: Có hoa bảy báu, nên biết là hoa sen vàng thuộc vào hoa màu vàng).

Màu vàng, ánh sáng vàng. Màu trắng, ánh sáng trắng. Hoàng kim là màu vàng, nên [hoa sen bằng vàng] thuộc về màu vàng.

(Sao) Pha lê, xa cừ, cập dĩ ngân liên, bạch sắc sở nhiếp.

(鈔) 玻璃碑磔，及與銀蓮，白色所攝。

(Sao: Hoa sen bằng pha lê, xa cừ, và bạc, thuộc về sắc trắng).

Nay chúng ta gọi “pha lê” là thủy tinh, còn gọi là thủy ngọc. “Xa cừ” là loài trai lớn, vỏ trai rất lớn, rất dày, màu trắng, rất đẹp mắt. “Ngân” cũng là màu trắng. Hoa sen màu trắng thuộc về các loại báu ấy.

(Sao) Xích châu, mã não, hồng sắc sở nhiếp, nãi chí lưu ly, diệp hoàng sắc nhiếp.

(鈔) 赤珠瑪瑙，紅色所攝，乃至琉璃，亦黃色攝。

(Sao: Xích châu, mã não, thuộc về màu hồng, cho đến lưu ly, cũng thuộc về màu vàng).

Lưu Ly giống như Phỉ Thúy trong hiện thời; thật ra, nó màu xanh. [Đất trong] Tây Phương Cực Lạc thế giới là đất lưu ly, nó cũng trong suốt. Ở đây nói là màu vàng thì đại khái cũng có loại ngọc Phỉ Thúy màu vàng, tức là ngọc màu vàng.

(Sao) Thôi nhi quảng chi, đế thanh liên hoa, thanh sắc sở nhiếp, như chân châu đẳng, diệp bạch sắc nhiếp. Dĩ thị tham hợp, ưng vô thiết liên.

(鈔) 推而廣之，帝青蓮華，青色所攝，如真珠等，亦白色攝，以是參合，應無鐵蓮。

(Sao: Mở rộng ra, hoa sen màu đế thanh⁶⁴ thuộc về màu xanh, như [các loài hoa bằng] chân châu v.v... cũng thuộc về sắc trắng. Hợp các điều này lại để tham chiếu, ắt là chẳng thể có hoa sen bằng sắt).

⁶⁴ “Đế thanh” có hai cách hiểu:

1. Đế Thanh là tên gọi khác của một loại ngọc màu xanh da trời. Sách Nhất Thiết Kinh Âm Nghĩa giảng: “Đế Thanh, tiếng Phạn là Nhân Đà La Ni La Mục Đa, dịch là Đế Thích Bảo, còn dịch là Thanh Sắc, do màu xanh này đẹp nhất nên gọi là Đế Thích Thanh... Chữ ‘Mục Đa’ được cõi này dịch là Châu, bởi loại chất báu này thuộc loại Châu”.

2. Đế Thanh chỉ màu xanh da trời. Ý nghĩa này thường được dùng trong văn học cổ, chẳng hạn bài Cổ Ý của Vương An Thạch có câu: “Đế thanh cửu vạn lý, không động, vô nhất vật” (trời xanh chín vạn dặm, rộng tuếch, chẳng vật gì).

Dù hiểu theo nghĩa nào, chữ Đế Thanh đều chỉ màu xanh da trời.

Nhìn từ kinh thì dù xét cách nào cũng chẳng thấy có hoa sen bằng sắt, nghĩ thế nào cũng chẳng ra ý nghĩa này! Chẳng thể nào có hoa sen bằng sắt.

(Sao) Thiết u ngũ kim, kim sở tiện cố.

(鈔) 鐵於五金，金所賤故。

(Sao: Trong ngũ kim, sắt rẻ hơn vàng).

“Ngũ kim” là vàng, bạc, đồng, sắt, thiếc. Sắt chẳng trân quý, là thứ rất tầm thường.

(Sao) Thiết u thất bảo, bảo sở vô cố.

(鈔) 鐵於七寶，寶所無故。

(Sao: Sắt chẳng thuộc vào bảy báu).

Trong bảy báu không có sắt. Tây Phương Cực Lạc thế giới đã do các chất báu hợp thành, chúng tôi nghĩ chắc chắn là không có sắt, vì sắt chẳng được coi là chất báu, nên chẳng thể nào có thứ này xuất hiện, kinh chẳng hề nhắc tới.

(Sao) Cửu phẩm hạ sanh, do thắng thiên cung.

(鈔) 九品下生，猶勝天宮。

(Sao: Hạ phẩm vãng sanh trong chín phẩm còn vượt trời thiên cung).

Nói theo kinh văn, hoàn cảnh [cư trụ] của người hạ phẩm hạ sanh vượt trời cung trời Dạ Ma.

(Sao) Thiên cung giai dĩ bảo thành, bất văn hữu thiết.

(鈔) 天宮皆以寶成，不聞有鐵。

(Sao: Cung trời đều do chất báu tạo thành, chưa nghe nói có sắt).

Cung trời Dạ Ma toàn bằng chất báu hợp thành, chẳng phải do sắt tạo thành. [Cực Lạc] vượt trời cung trời Dạ Ma, há có hoa sen bằng sắt? Chẳng có lẽ ấy! “*Bất văn hữu thiết*” (chưa nghe nói có sắt), các cung trời Dạ Ma và Đạo Lợi trong thế giới Sa Bà này chẳng nghe nói có thứ gì bằng sắt, mà toàn do các chất báu hợp thành! Huống hồ Tây Phương Cực Lạc

thế giới, há có hoa sen bằng sắt? Đoạn này nhằm biện định những điều hiểu lầm của một số người.

Đối với Tịnh Độ, nói thật ra, người hiểu lầm rất nhiều. Có những người rất thông đạt Phật pháp, nói cũng rất khá, thậm chí có kẻ trước tác phong phú, nhưng chưa từng tu tập Tịnh Độ, ôm lòng hoài nghi. Nói thật thà, nghiên cứu giáo lý càng nhiều, càng không tin tưởng pháp môn này, vì sao? Dường như nói theo Lý [thì cách giảng giải trong pháp môn Tịnh Độ] chẳng hợp lý, há có phàm phu sát đất thành Phật trong một đời? Chẳng có đạo lý này! Tra khắp Đại Tạng Kinh, chẳng có cách nói này! Người ta tu hành đều phải đoạn Kiến Tư phiền não, đoạn Trần Sa phiền não, phá vô minh, phải trải qua ba đại A-tăng-kỳ kiếp, khó khăn ngàn ấy mới thành công. Lẽ đâu quý vị nói chẳng cần tốn công phí sức bèn thành công ngay lập tức? Đúng là chẳng hợp lý! Vì thế, càng nghiên cứu giáo pháp này nhiều hơn, càng chẳng tin tưởng pháp môn này, đó là bị “*giáo võng*” (lưới giáo pháp) làm mê! Do đó, mười phương hết thầy chư Phật đều nói pháp môn này là pháp khó tin, đúng là chẳng dễ gì tin tưởng! Thật sự tin tưởng, tất nhiên là thâm nhập một môn, chẳng còn hành môn thứ hai. Kẻ nào còn muốn hành pháp khác thì nói cách khác, vẫn chưa thể khẳng định một dạ nơi pháp môn này, cổ nhân bảo là “*tử tận thâm tâm*” (chết sạch cái tâm chộp giựt, đứng núi này trông núi nọ), [tu Tịnh Độ mà còn hành thêm pháp khác] tức là cái tâm đầu cơ thủ lợi vẫn chưa chết hẳn! Do vậy, hễ thật sự tin tưởng, nhất định sẽ chết sạch tám lòng mong ngóng, so đo, chỉ thâm nhập một bộ kinh này, những thứ khác đều chẳng cần nữa! Những điều này đều đáng cho chúng ta phản tỉnh sâu xa! Chúng ta có thể gặp gỡ pháp môn này, có thể lý giải đôi chút, có thể phát nguyện nghiêm túc tu học, quả thật là chẳng thể nghĩ bàn.

(Sớ) *Hựu liên hoa giả, vãng sanh bỉ quốc thác chất chi sở, niệm Phật chi nhân, đặc nghi tri thử.*

(疏) 又蓮華者，往生彼國托質之所，念佛之人，特宜知此。

(Sớ: *Lại nữa, hoa sen là chỗ để người vãng sanh gửi thân trong cõi ấy. Người niệm Phật phải nên đặc biệt biết điều này.*)

Kinh luận giới thiệu hoa sen trong Tây Phương Cực Lạc thế giới rất nhiều, giới thiệu rất cặn kẽ, chính vì nguyên nhân này. Pháp môn này, nói thật ra, là pháp môn bậc nhất nhằm độ chúng sanh trong thời kỳ Mạt Pháp, là pháp môn thù thắng khôn sánh, chính chúng ta nhất định phải lý giải

thấu triệt. Quý vị thật sự hiểu, sẽ tự nhiên có thể nói rõ ràng. Nay ta giới thiệu pháp môn này với kẻ khác mà chẳng thể nói rõ ràng cho lắm, thì nói cách khác, chính mình chưa hiểu rõ ràng! Nếu quý vị hiểu rõ, làm sao có thể chẳng giới thiệu [rõ ràng] cho được? Có thể giới thiệu pháp môn này với người khác, công đức ấy to lớn, như vậy thì mới có thể “*xứng với bốn hoài của Phật, thỏa thích bốn nguyện của Phật*”. Không chỉ A Di Đà Phật dùng pháp môn này để nhiếp thọ hết tất cả chúng sanh trong mười phương, mà mười phương hết tất cả chư Phật Như Lai cũng dùng pháp môn này để độ hết tất cả chúng sanh viên thành Phật đạo trong một đời. Do vậy, trong thời Mạt Pháp hiện nay, chúng ta phải nghiêm túc đồ công đức sức nơi Tịnh Độ Ngũ Kinh, phải thâm nhập cầu giải, thật sự lý giải thì mới có thể đoạn nghi sanh tín, mới có thể giúp người khác sanh khởi lòng tin, mới tương ứng với Phật tâm, Phật nguyện, Phật hạnh. Vì lẽ đó, chẳng thể không giảng kinh này. Không giảng thì chúng sanh chẳng có cơ duyên đắc độ ngay trong một đời này! Tuy họ có thiện căn và phước đức, nhưng chẳng có cơ duyên, đời này chẳng gặp gỡ, [cho nên] không biết cách tu như thế nào? Điều này hết sức đáng tiếc.

Giống như lần này chúng tôi ở Tân Gia Ba, người Tân Gia Ba học Phật rất nhiều, nhưng phần nhiều cầu phước, người giảng kinh rất ít. Nhất là trước nay chưa có ai giảng về Tịnh Độ, nên chúng tôi sang bên đó giảng Tịnh Độ, muốn đi thử xem, không ngờ cơ duyên Tịnh Độ của chúng sanh bên ấy đã chín muồi, nên hiệu quả vượt ngoài dự liệu của chúng tôi. Thoạt đầu, chúng tôi ước đoán thính chúng đại khái chỉ có hai ba trăm người, không ngờ thính chúng đông tới sáu, bảy trăm người. Nếu kể cả những người khi đến, khi không, chẳng thể đến mỗi ngày, chỉ đôi khi đến dự, thì tính gộp chung trong một tháng ấy, đại khái có khoảng một hai ngàn người. Vì thế, bọn họ làm một ngàn cuốn băng thâu tiếng đọc tụng kinh Vô Lượng Thọ, trong hai tuần liền bán hết sạch. Phòng đoán dè dặt nhất, chúng tôi bỏ ra ba mươi ngày để giảng bộ kinh Vô Lượng Thọ tại đó, nay ở bên ấy, tối thiểu có ba ngàn người niệm Phật, niệm kinh, cầu sanh Tịnh Độ. Cơ duyên ấy quá thù thắng, đúng là chẳng thể nghĩ bàn! Giảng giải suốt một tháng, giảng đại lược bộ kinh ấy, chẳng giảng cặn kẽ như chúng ta ở nơi đây. Càng giảng kỹ lưỡng, càng dễ hiểu rõ thấu triệt. Nhưng nói đại lược lại có ưu điểm là những chỗ cương lĩnh khẩn yếu đều có thể nắm được. Tôi mang băng thâu âm ấy về, trong tương lai, sau khi đã chỉnh lý hoàn hảo, cũng sẽ phổ biến lưu thông, tổng cộng là sáu mươi giờ, giảng viên mãn bộ kinh ấy!

Hoa sen và chúng ta có quan hệ rất lớn, trong tương lai, chúng ta sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, nơi sanh về là hoa sen, chỗ ở cũng là hoa sen, tất cả hết thảy hoạt động đều chẳng tách rời hoa sen. Vì vậy, “*niệm Phật chi nhân, đặc nghi tri thử*” (người niệm Phật phải đặc biệt biết điều này), phải nên đặc biệt biết tường tận!

(Sao) Thác chất giả.

(鈔) 托質者。

(Sao: Gởi thân...)

“*Chất*” (質) là thân, [hoa sen] là chỗ để gởi thân, là chỗ nương nhờ. Chúng ta sanh vào thế giới này, nương nhờ tinh cha, huyết mẹ, đến đầu thai, sanh nở bằng bào thai. Tây Phương Cực Lạc thế giới là hoa sen hóa sanh, sanh đến Tây Phương Cực Lạc thế giới là sanh trong đâu? Sanh trong hoa sen.

(Sao) Vị chứng vô sanh, sanh tất hữu thác.

(鈔) 未證無生，生必有托。

(Sao: Chưa chứng vô sanh, nên sanh bèn ắt phải có chỗ nương gởi).

Đây là nói theo Lý, quý vị chưa thật sự chứng đắc Vô Sanh. Nói cách khác, quý vị nhất định có sanh, có sanh thì nhất định có một chỗ để nương gá cái thân. Vô Sanh, nói nghiêm ngặt, từ Bát Địa Bồ Tát trong Viên Giác trở lên mới thật sự chứng đắc Vô Sanh Pháp Nhãn. Nói cách khác, trước khi đạt tới Bát Địa đều có chỗ “*thác chất*”.

(Sao) Lục thú chúng sanh, tắc Trung Âm chi thân, tự cầu phụ mẫu.

(鈔) 六趣眾生，則中陰之身，自求父母。

(Sao: Chúng sanh trong sáu đường thì thân Trung Âm tự tìm cha mẹ).

Người Trung Quốc thường gọi Trung Âm là “*linh hồn*”. Sau khi đã chết, nó sẽ đi đầu thai. Người Hoa gọi là “*linh hồn*”, kinh Phật gọi nó là “*thần thức*”, hoặc còn gọi là Trung Âm. Vì sao gọi là Trung Âm? Vì nó vẫn thuộc loại thân Ngũ Âm, bất quá nó là Vô Biểu Sắc, chúng ta nhục nhãn chẳng thấy. Nó có Sắc hay không? Có Sắc. Vì sao có Sắc mà chúng ta chẳng nhìn thấy? Chúng tôi nêu một tỷ dụ: Quý vị đêm ngủ nằm mộng, mộng có sắc tướng hay không? Quý vị đang nằm mộng, có sao người bên

chạnh chẳng thấy sắc tướng trong giấc mộng của quý vị? Chính quý vị hiểu rõ ràng, nhưng người khác chẳng thấy. Còn nữa, Tướng có sắc tướng, thí dụ như hiện thời chúng ta nghĩ tới một người nào, ấn tượng về người ấy liền rõ rệt, vì sao người bên cạnh chẳng nhìn thấy? Thừa cùng chư vị, phàm phu chẳng nhìn thấy, chứ người có công phu Thiên Định trông thấy. Có rất nhiều người có công phu Thiên Định, chẳng phải là có Tha Tâm Thông, chẳng dễ gì đắc Tha Tâm Thông, Thiên Nhân Thông thì dễ đạt được. Người đắc Thiên Nhân Thông, trong tâm quý vị nghĩ gì bèn có tướng, người ấy thấy được. Quý vị nằm mộng, người ấy thấy rõ rệt sắc tướng trong giấc mộng của quý vị. Thiên Nhân thấy được, chứ lũ phàm phu mắt thịt chúng ta chẳng thấy. Có thể thấy tướng của Tướng trong tâm chúng ta, hễ nghĩ đến chuyện gì bèn hiện tướng ấy. Quý vị thấy chữ Tướng, trên chữ Tâm là chữ Tướng, trong tâm bèn có Tướng, trong tâm có tướng bèn gọi là Tướng. Hễ tướng bèn có tướng; chẳng tướng bèn không có tướng. Hễ tướng bèn có tướng, người đắc Thiên Nhân Thông sẽ thấy rành rành. Phải ghi nhớ, kinh Vô Lượng Thọ có nói: Người trong Tây Phương Cực Lạc thế giới “*thiên nhân đồng thị, thiên nhĩ triệt thính*” (thiên nhân thấy thấu suốt, thiên nhĩ nghe thấu suốt). Thấy rõ ràng, rành mạch, chẳng thấy sai tí nào! Thậm chí chính mình chẳng nhận biết mà kẻ khác trông thấy rõ ràng!

Trung Âm thật sự có tướng. “*Trung Âm, vị Tiên Âm dĩ tạ, Hậu Âm vị thành*” (Trung Âm, ý nói Tiên Âm đã tan, Hậu Âm chưa thành), Hậu Âm còn chưa sanh, ở trong khoảng giữa. Thí dụ như người ấy đã chết, Tiên Âm là thân thể trước đó, linh hồn người ấy thoát ly thân xác, nhưng còn chưa đi đầu thai, chúng ta gọi giai đoạn trung gian ấy là Trung Âm. Giai đoạn trung gian ấy dài bao lâu? Trong kinh, đức Phật bảo, thông thường là bốn mươi chín ngày. Sau bảy thất, tức bốn mươi chín ngày, người ấy đi đầu thai. Trong bốn mươi chín ngày, có khi vẫn chưa vào quý đạo, mà cũng chẳng vào đường nào trong lục đạo, lúc đó bèn gọi là Trung Âm. Trong kinh, đức Phật dạy chúng ta: Chỉ có hai hạng người không có Trung Âm. Một là đại thiện nhân, tắt thở nơi đây bèn sanh lên trời; lên hưởng phước trong cõi trời; [hoặc là] người vãng sanh cũng chẳng có Trung Âm, vừa tắt thở nơi đây bèn đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, đó là đại thiện! Một loại khác là kẻ đại ác, tạo tội nghiệp địa ngục, vừa tắt thở bèn ngay lập tức đọa địa ngục, đọa địa ngục thì không có Trung Âm. Ngoài hai loại này ra, đều có Trung Âm. Thời gian Trung Âm dài hay ngắn khác nhau, không nhất định, tùy thuộc cơ duyên của chính người đó. Thân Trung Âm “*tự cầu cha mẹ*”, đi tìm cha mẹ trong lục đạo. Trong đời quá

khứ, người ấy có những nghiệp [dính lú] đến cha mẹ, nên Phật pháp nói [giữa cha mẹ và con cái] có bốn thứ duyên: Báo ân, báo oán, đòi nợ, và trả nợ. Không có những mối quan hệ ấy, kẻ đó chẳng đến [đầu thai làm con]. Do có bốn mối quan hệ ấy, nên mới đến [đầu thai]. Trung Âm tự câu cha mẹ, điều này tuyệt đối là sự thật.

Do vậy, chúng ta nhất định phải hiểu: Chúng ta làm người trong thế gian này mấy chục năm ngắn ngủi, người sống đến một trăm tuổi rất ít! Vì thế, quyết định chớ nên làm ác, quyết định đừng kết oán cừu với kẻ khác. Quý vị tạo ác thì nói thật thà “*cái được chẳng thể bù đắp cái mất*”, trong tương lai còn phải tự hứng chịu quả báo, ai cũng chẳng thể thay thế được! Vì vậy, có gì phải tạo ác? Có gì phải va chạm với người khác? Trung Quốc có câu tục ngữ: “*Lượng to, phước lớn*”. Phật môn chúng ta đắp tượng Di Lặc Bồ Tát dưới hình dạng Bồ Đại hòa thượng đặt ở cửa chánh của chùa miếu, nhằm dạy người ta điều gì? Lượng to, phước lớn, phải nên bao dung. Phước do chính mình cầu, chính mình tu, chẳng phải là từ trên trời rớt xuống, chẳng phải do may mắn mà hồng có được, nhất định phải do chính mình tu, phải nên bao dung người khác. Quý vị có thể bao dung người khác, người khác cũng có thể bao dung quý vị. Quý vị có thể đối xử vui vẻ với người khác, người khác cũng có thể đối đãi vui vẻ với quý vị, đó là đạo lý nhất định. Vì thế, nhân quả báo ứng chẳng sai suyên mảy may! Chiến tranh, tai nạn trong thế gian này vì sao mà có? Oan oan tương báo, mê hoặc, điên đảo, càng báo thù càng thâm, vì sao? Chẳng phải là báo thù đúng mức mà luôn vượt trội đôi chút! Kẻ bị báo thù cũng chẳng phục! Đòi sau lại báo thù! Quý vị đọc bộ An Sĩ Toàn Thư, đầu bài Âm Chất Văn của Văn Xương Đế Quân có câu: “*Ngô nhất thập thất thế vi sĩ đại phu*” (ta mười bảy đời làm sĩ đại phu⁶⁵), quý vị đọc đoạn ấy, Ngài nói tới nhân quả báo ứng đời đời kiếp kiếp. Nếu chẳng gặp gỡ Phật pháp, thật sự sám hối, nguy hiểm, quả báo là trong địa ngục A Tỳ.

Nói tới “*Trung Âm tự câu cha mẹ*” thì chư thiên là hóa sanh, Tây Phương Cực Lạc cũng là liên hoa hóa sanh. Lại bảo chư vị, địa ngục cũng là hóa sanh. Trừ những trường hợp ấy ra, người, Tu La, quỷ, súc sanh đều

⁶⁵ “*Sĩ đại phu*” là danh xưng chung để gọi hàng quan lại bậc trung thời cổ, và cũng thường dùng như một danh xưng khiêm chỉ những người có học thức, danh vọng và địa vị trong xã hội. Khái niệm này xuất hiện từ thời Chiến Quốc; theo đó, Sĩ được xếp dưới hàng Khanh Đại Phu, trên thứ dân (dân thường). Sau này, chữ Sĩ Đại Phu còn được dùng để nói tới những văn nhân có học thức rộng, tính tình khoan hòa, rộng rãi, được người đời trọng vọng.

có cha mẹ, trong kinh Lăng Nghiêm, đức Phật đã giảng chuyện này rất cặn kẽ, rất thấu triệt.

(Sao) Vãng sanh thiện sĩ.

(鈔) 往生善士。

(Sao: Người lành vãng sanh).

Có thể vãng sanh bèn là người thuần thiện, là bậc thiện nhân chân chánh! Tâm hạnh bất thiện sẽ chẳng thể vãng sanh. Kinh dạy: “*Chư thượng thiện nhân câu hội nhất xứ*”, chúng ta bất thiện thì làm sao có thể ở cùng một chỗ với họ cho được? Phải chú ý điều này! Nói chung là chẳng thể sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, đến nơi đó mỗi ngày vẫn cãi nhau với các Bồ Tát, chẳng có lẽ ấy! Vì thế, Lục Hòa Kính vô cùng trọng yếu, không riêng gì Tăng đoàn xuất gia phải tuân thủ, mà đồng tu tại gia cũng phải thật sự tuân thủ, phải hòa, phải kính. Người khác chẳng kính trọng ta là chuyện đương nhiên, ta phải kính trọng người khác, đừng đòi hỏi người khác phải đối đãi với ta như thế nào, mà phải xét xem ta đối đãi người khác ra sao thì đạo nghiệp mới có thể thành tựu. Tu chính mình!

Người khác đối xử với ta bằng ác ý, ta nghĩ kẻ ấy là thiện tri thức của ta, thay ta tiêu nghiệp chướng. Người khác đối xử với ta bằng thiện ý, kẻ ấy cũng là thiện tri thức của ta, muốn ta học khiêm tốn, hòa thuận, học cung kính! Do vậy, hết thấy thiện nhân hay ác nhân, thuận cảnh hay nghịch cảnh, chuyện tốt hay chuyện xấu đều là thiện tri thức của chính mình, tu cái tâm thanh tịnh, tu tâm bình đẳng, tu tâm đại từ bi trong cảnh duyên, đó mới là thiện, quý vị mới có tư cách đến Tây Phương Cực Lạc thế giới. Nếu không, dầu quý vị suốt đời niệm Phật tốt đẹp cách mấy đi nữa, nhưng tâm hạnh bất thiện, chỉ là gieo thiện căn với Tây Phương Cực Lạc, chứ đời này chẳng thể thành công. Vì sao? Quý vị đến Tây Phương Cực Lạc thế giới nhất định sẽ cãi lầy với kẻ khác, người trong Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng thể dung nạp quý vị. Dầu A Di Đà Phật từ bi hoan nghênh quý vị đến đó, nhưng bên kia có rất nhiều đại chúng: “Hắn đến nhiều loạn trật tự, mỗi ngày gây rối. Hễ gây rối thì thế giới Tây Phương bị rối beng, trật tự đại loạn!” Do vậy, chắc chắn chẳng thể dung nạp quý vị. Vì lẽ đó, nếu quý vị muốn quyết định nắm chắc vãng sanh trong một đời này; trước hết, phải rèn luyện tánh nhẫn nại. “*Vãng sanh thiện sĩ*”, chúng ta phải coi trọng chữ Thiện này.

(Sao) Tắc nhất đàn chỉ khoảnh, liên hoa hóa sanh.

(鈔) 則一彈指頃，蓮華化生。

(Sao: Bèn trong một cái khảy ngón tay, hóa sanh trong hoa sen).

“*Nhất đàn chỉ*” là nói tới một thời gian ngắn ngủi, thời gian khảy ngón tay một cái rất ngắn. Nói thật ra, lâm chung, tâm thanh tịnh, chẳng kinh hãi, chẳng sợ sệt. Người bình phàm khi lâm chung hoảng hốt, sợ sệt, vì sao? Tham sống, sợ chết, nên người ấy kinh hoàng. Người niệm Phật đối với sanh tử chẳng kinh sợ, tâm ấy là Định. Định tâm là tâm thọ sanh Tịnh Độ; vì vậy, một niệm khi ấy chính là lúc sanh về Tịnh Độ, khi [niệm xong] một câu Nam-mô A Di Đà Phật cuối cùng chính là lúc sanh về Tịnh Độ.

(Sao) Hạ văn nhất tâm bất loạn, tức đắc vãng sanh A Di Đà Phật Cực Lạc quốc độ, tức thị sanh tử liên hoa trung dã.

(鈔) 下文一心不亂，即得往生阿彌陀佛極樂國土，即是生此蓮華中也。

(Sao: Trong phần “nhất tâm bất loạn” về sau có nói “liền được sanh sang cõi nước Cực Lạc của A Di Đà Phật”, tức là sanh trong liên hoa ấy).

Sanh đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, sanh ở chỗ nào? Sanh trong hoa sen. Hoa sen ấy do chính quý vị vun bồi, sanh từ tự tánh của quý vị, hiển hiện ra. Vãng sanh, Phật, Bồ Tát nhất định đến tiếp dẫn. Người phước báo lớn khi lâm chung tinh táo, chẳng mê hoặc, chẳng đau khổ. Khi Phật đến tiếp dẫn, người ấy trông thấy, có thể nói: “Đức Phật và đại chúng đến tiếp dẫn tôi, Ngài đã đến rồi, tôi phải theo Ngài ra đi”. Đó là vãng sanh ngàn vạn phần xác thực, chẳng sai tí nào! Người phước báo kém hơn một chút, khi lâm chung mắc chút bệnh khổ, thể lực yếu ớt. Lâm chung, Phật đến tiếp dẫn, người ấy trông thấy, mở miệng nói cùng mọi người, tuy môi mấp máy, nhưng chẳng có âm thanh, chẳng có hơi sức. Vì thế, lâm chung vãng sanh quyết định là Phật đến tiếp dẫn.

Người vãng sanh có tướng lành như vậy rất đông, hoặc là thấy tượng Phật, hoặc thấy ánh sáng, hoặc nghe nhạc trời, hoặc có mùi hương lạ, những điều này đều là thụy tướng rất tốt đẹp. Nhưng có thể chúng tỏ xác thực vãng sanh, tốt nhất là do chính người ấy có thể nói ra, chẳng giả tí nào, đáng tin cậy một trăm phần trăm. Vì vậy, trên thế gian, chúng ta

nhất định phải tu phước. Tu phước quyết định không thể tự gạt mình, càng chẳng thể gạt người khác, phải nghiêm túc tu học.

(Sao) Thị liên hoa giả, nãi tá phàm xác chi huyền cung, an huệ mạng chi thần trạch.

(鈔) 是蓮華者，乃卸凡殼之玄宮，安慧命之神宅。

(Sao: Hoa sen ấy là cung điện u huyền để phá vỡ cái vỏ phàm, là nhà thần để an huệ mạng).

Hoa sen ấy, “tá” là tá trừ (卸除: xé bỏ, gạt bỏ), “phàm” (凡) là phàm phu. Phàm phu giống như chim ở trong vỏ trứng, lúc ấy mới phá vỡ, xé rách vỏ trứng, dùng điều này làm tỷ dụ. Sau khi phá vỡ cái vỏ vô minh, vĩnh viễn phá vô minh. Tuy là đời nghiệp vãng sanh, vô minh chưa phá cũng giống như đã phá, vì sao? Tới Tây Phương Cực Lạc thế giới, quyết định viên mãn thành Phật trong một đời. Vì thế, pháp môn này chẳng thể nghĩ bàn. Tu pháp môn khác rất u khó khăn, Ngẫu Ích đại sư thường nói: “*Một cửa ải Đồng Cư, khó vượt thoát nhất*”. Cửa ải Phàm Thánh Đồng Cư cũng là lục đạo luân hồi. Phàm phu thông thường mong vượt thoát lục đạo luân hồi quả thật hết sức khó khăn. Nếu không do pháp môn này, nói thật thà, chúng ta học Phật đều chẳng có gì để nương cậy.

Chẳng thể vãng sanh thì chúng ta học Phật đời đời kiếp kiếp đều là trình độ này, đều là như vậy, vì sao biết [như vậy]? Vì mỗi người đều tu hành trong vô lượng kiếp trước, đời đời kiếp kiếp đều tu, thành tích là gì? Nay chúng ta tự ngẫm bản thân liền biết ngay. Vì sao nhiều đời nhiều kiếp vẫn là tình trạng như vậy? Hễ luân hồi bèn bị mê khi cách ảm, những gì đã tu trong đời trước liền quên sạch sành sanh. Không chỉ bị mê khi cách ảm, mà còn bị thoái chuyển, duyên thoái chuyển trong thế gian này quá nhiều, lùi nhiều, tiến ít, bản thân chúng ta chẳng có cách nào thành tựu! Lìa khỏi thế giới Sa Bà thì còn có cách, [vì] giống như Phật, Bồ Tát. Do vậy, hoa sen là “*an huệ mạng chi thần trạch*”, Pháp Thân huệ mạng của chúng ta an trụ trong hoa sen.

(Sao) Vãng nghệ chi quốc, hiệu viết Liên Bang.

(鈔) 往詣之國，號曰蓮邦。

(Sao: Nước để tiến về được gọi là Liên Bang).

Tây Phương Cực Lạc thế giới là thế giới Liên Hoa, nên chúng ta gọi nó là Liên Bang.

(Sao) Đồng tu chi hữu, hiệu viết “liên hữu”.

(鈔) 同修之友，號曰蓮友。

(Sao: Bạn đồng tu gọi là “liên hữu”).

Mọi người ở cùng nhau, cùng tu pháp môn này, đạo tràng ấy được gọi là Liên Xã. Thời Đông Tấn, Huệ Viễn đại sư là người đề xướng đầu tiên, mọi người ở cùng một chỗ cùng tu pháp môn này. Thuở đó, có một trăm hai mươi ba người hợp thành Liên Xã, ai nấy vãng sanh, thù thắng khôn sánh. Những người đã vãng sanh từ sớm đều theo A Di Đà Phật đến tiếp dẫn người vãng sanh sau. Tịnh Độ Thánh Hiền Lục và Vãng Sanh Truyện đều có ghi chép rất rõ ràng, chi tiết. Vì thế, phạm là đạo tràng Niệm Phật đều dùng [danh xưng] Liên Xã.

(Sao) Ước Thiên tụng chi kỳ, hiệu viết Liên Lậu.

(鈔) 約禪誦之期，號曰蓮漏。

(Sao: Dụng cụ để ước định thời gian tụng niệm, tĩnh tọa, gọi là Đồng Hồ Sen).

“Lậu” là dụng cụ để tính giờ thời cổ, giống như đồng hồ hiện thời, [để biết] mấy giờ rồi. Xưa kia, chưa có đồng hồ thì dùng cách thức nào? Dùng Lậu, tức là dùng nước để nó từ từ nhỏ giọt, từ thùng này nhỏ giọt sang thùng khác. Phía trên thùng có khắc vạch định mức, coi nước đã rỉ cạn bao nhiêu bèn biết là mấy giờ. Đây là phương pháp tính thời gian vào thời cổ tại Trung Quốc. Cái Lậu để đo giờ trong Niệm Phật Đường được gọi là Liên Lậu, cũng chẳng lìa khỏi chữ Liên!

(Sao) Định xu hướng chi cực, hiệu viết Liên Tông.

(鈔) 定趨向之極，號曰蓮宗。

(Sao: Mục tiêu chung cực để quyết định hướng về thì gọi là Liên Tông).

Tịnh Độ Tông được gọi là Liên Tông. Vì sao? Vì hoa sen là chỗ chúng ta hướng về, là mục tiêu của chúng ta. Mục tiêu chúng ta muốn hướng tới là thế giới Liên Hoa, chúng ta muốn sanh trong hoa sen, nên gọi là Liên Tông.

(Sao) Trọng kỳ sự dã.

(鈔) 重其事也。

(Sao: [Gọi như vậy là vì] coi trọng chuyện ấy).

Thầy đều dùng chữ Liên là do chúng ta coi trọng chuyện này.

(Sao) Tu Tịnh Độ giả, nhược lễ Phật thời, đương tưởng kỹ thân tại liên hoa trung tác lễ, Phật tại liên hoa trung thọ ngã lễ kính.

(鈔) 修淨土者，若禮佛時，當想己身在蓮華中作禮，佛在蓮華中受我禮敬。

(Sao: Người tu Tịnh Độ, nếu lúc lễ Phật, hãy nên tưởng thân mình đang ở trong hoa sen, Phật ở trong hoa sen, tiếp nhận sự lễ kính của ta).

Đây là dạy chúng ta khi đang lễ Phật, hãy quán tưởng thêm: Bản thân chúng ta đang niệm Phật ở đâu? Chính mình niệm Phật ở trong hoa sen, đức Phật cũng ở trong hoa sen tiếp nhận sự lễ bái của ta. Vì thế, khi chúng ta lễ Phật, trong tâm phải tưởng chỗ ta đứng là hoa sen, ở trong hoa sen lạy Phật. Thậm chí người niệm Phật thường tưởng hoa sen. Chúng ta đi đường, từng bước đều bước trên hoa sen; tụng kinh là tụng kinh trong hoa sen; lạy Phật là lạy Phật trong hoa sen; đi, đứng, ngồi, nằm đều ở trong hoa sen. Trong tâm quý vị nghĩ tưởng hoa sen, xác thực là có hoa sen, tuy quý vị chẳng thấy, người có Thiên Nhân trông thấy: “Vì sao dưới chân quý vị có một đóa sen to như vậy?”, họ thấy được. Vì quý vị quán tưởng, tưởng hoa sen to cỡ nào, tưởng hoa sen màu gì, người có Tha Tâm Thông, hoặc có Thiên Nhân Thông trông thấy rõ ràng, thấy quý vị chẳng giống người khác. Quý vị đứng trong hoa sen, ngồi trong hoa sen. Chúng ta quán tưởng đạo tràng là một hoa sen to, trong hoa sen to ấy có rất nhiều hoa sen nhỏ hơn. Mỗi chỗ ngồi đều là một đóa sen, quý vị thường quán tưởng như vậy.

(Sao) Nhược niệm Phật thời, đương tưởng kỹ thân tại liên hoa trung, kết già phu tọa, Phật tại liên hoa trung, tiếp dẫn u ngã.

(鈔) 若念佛時，當想己身在蓮華中，結跏趺坐，佛在蓮華中，接引於我。

(Sao: Nếu là lúc niệm Phật, hãy nên nghĩ mình đang ở trong hoa sen, ngồi xếp bằng, Phật ở trong hoa sen, tiếp dẫn ta).

Đây là mong Phật tiếp dẫn, “*hãy nên nghĩ mình đang ở trong hoa sen, ngồi xếp bằng*”, Phật đèn tiếp dẫn ta.

(Sao) *Nhiên hậu nhất tâm trì danh.*

(鈔) 然後一心持名。

(Sao: *Sau đấy, nhất tâm trì danh.*)

Trước hết là quán tưởng rồi mới niệm Phật hiệu, hoặc là trước khi tụng kinh hay lễ bái đều quán tưởng. Khi lễ bái, đứng trước cái đệm để quỳ lễ, trước hết bèn quán tưởng, quán tưởng ta ở trong hoa sen, Phật cũng ở trong hoa sen rồi mới lạy. Khi tụng kinh cũng quán tưởng như thế. Quán tưởng trước rồi mới nhất tâm tụng kinh, nhất tâm niệm Phật.

(Sao) *Tích hữu nhị tăng.*

(鈔) 昔有二僧。

(Sao: *Xưa kia có hai vị Tăng.*)

Đây là nói đến chuyện trong quá khứ, có hai vị xuất gia.

(Sao) *Tác liên hoa khai hợp tưởng.*

(鈔) 作蓮華開合想。

(Sao: *Tưởng hoa sen khép nở.*)

Họ thường tưởng hoa sen nở xòe, hoa sen cuộn lại, chính mình ở trong hoa sen, suốt ngày từ sáng đến tối nghĩ tới chuyện ấy. Nói thật ra, đây là một cách hành trì thuộc loại Quán Tưởng Niệm Phật, chuyên quán hoa sen khép nở.

(Sao) *Toại đắc vãng sanh.*

(鈔) 遂得往生。

(Sao: *Liền được vãng sanh.*)

Họ tu cách này cũng có thể vãng sanh. Họ tương ứng với hoa sen, nhất tâm nhất ý cầu sanh về liên hoa Phật quốc, nên họ cũng có thể vãng sanh.

(Sao) *Hướng phục gia chi nhất tâm trì danh nhi bất sanh giả!*

(鈔) 況復加之一心持名而不生者。

(Sao: Huống là người còn có thêm nhất tâm trì danh mà chẳng được vãng sanh ư?)

Liên Trì đại sư nói: “Huống gì quý vị còn có thể tín nguyện trì danh, lẽ nào chẳng được vãng sanh?” Chỉ tu đơn độc “*liên hoa khai hợp tướng*” mà cũng có thể vãng sanh thì tín nguyện trì danh chẳng cần phải nói nữa, quyết định vãng sanh! Câu chuyện này hết sức hay, là một chứng minh mạnh mẽ cho chuyện cầu sanh Tây Phương Tịnh Độ, chứng thực pháp môn này quyết định chân thật, đáng tin cậy, đơn giản, dễ dàng, ổn thỏa, thích đáng. Nói thật ra, chúng ta suốt ngày từ sáng đến tối không nghĩ tới hoa sen, không nghĩ tới y báo và chánh báo trang nghiêm trong thế giới Cực Lạc, mà cứ suy nghĩ loạn xạ. Nghĩ tới ngũ dục lục trần trong thế gian là suy tưởng loạn xạ, nghĩ tới hết thấy kinh điển đều là suy tưởng loạn xạ, chư vị phải biết điều này. Nghĩ tưởng hoằng pháp lợi sanh cũng là suy tưởng loạn xạ. Có thật sự hoằng pháp hay chẳng? Có lợi sanh hay chẳng? Chẳng thấy! Lợi ích chúng sanh, ngoại trừ khuyến người ta niệm Phật ra là chân thật, những thứ khác đều chẳng đáng trông cậy! Quý vị khuyến người khác nghiên cứu Giáo, họ nghiên cứu cả đời vẫn chẳng hiểu rõ Giáo, đến cuối cùng là tà tri tà kiến.

Quý vị dạy họ trì chú, trì chẳng tốt đẹp sẽ bị ma dựa, vì trong chú có rất nhiều danh hiệu quý thân. Quý vị niệm tên quý thân, gọi họ đến, lại chẳng có cách nào đưa họ đi, chuyện này phiền phức to lớn. Tục ngữ có câu: “*Thỉnh thần dễ, tiễn thần khó*”. Quý vị thỉnh họ đến, cuối cùng chẳng có bản lãnh tiễn họ đi, do chuyện này phải chuốc lấy phiền phức. Vì tôi đã thấy có mấy vị đồng học học Mật, tôi không thể khuyến bảo họ. Lần trước, tôi ra ngoại quốc, lần này trở về nước, thời gian chưa lâu, cũng chưa đầy hai tháng, tôi thấy vẻ mặt lẫn tinh thần của họ không khá lắm, người khác kể với tôi là những người đó học Mật, tôi liền hiểu vì sao có điềm bất bình thường!

Còn có một đồng tu kể cho tôi biết, nay ông ta niệm Phật, lúc buổi tối niệm Phật thân tâm bất an, hoảng sợ, càng niệm càng sợ hãi. Người ấy cũng không nói cho tôi biết duyên cớ, người khác bảo tôi người ấy đang học Mật, khó trách được! [Do quý vị học Mật], nên quý vị niệm Phật mới có hiện tượng ấy. Vì sao? Quý vị đã qua lại với quý thân, quý thân không thích quý vị niệm A Di Đà Phật, nên quý vị niệm A Di Đà Phật, họ ở bên cạnh uy hiếp quý vị, sau đó sẽ có phiền phức to. Nhưng chúng tôi nói thì ông ta cũng chẳng tin tưởng, ông ta [nghĩ mình đã] có Thượng Sư, có thầy

giới giang chỉ dạy [nên chẳng coi lời tôi nói ra gì]. Nếu chẳng tích cực quay đầu, sau này sẽ bị phiền phức to. Nhưng chúng tôi không thể khuyên ông ta, nhân duyên của mỗi người bất đồng, chỉ đành để mặc ông ta. Duyên phận của mỗi người khác nhau, thiện căn, phước đức của mỗi người chẳng giống nhau!

Do vậy, quý vị mới biết khăng khăng một mực tu pháp môn này là phước huệ to tát dường nào! Chẳng có đại phước huệ, cả đời này quý vị chẳng gặp gỡ! Giống như cư sĩ Hạ Liên Cư đã nói: “Nếu đời quá khứ chẳng tu phước, tu huệ, gặp pháp môn này, quý vị muốn tạm thời nghe, nhưng chẳng có duyên phận ấy!”, [nguyên văn là] “*tuy ngộ, tạm vẫn diệc bất năng*”. Vì vậy, các đồng tu nhất định phải quý trọng chính mình. Đối với các đồng tu đi lạc vào ngõ rẽ, chúng ta cũng nhắc nhở họ vừa mức thì thôi. Vì sao? Nếu không, họ bèn hủy báng chánh pháp, khiến tội nghiệp của họ nặng thêm. Do vậy, Phật, Bồ Tát đời đời độ người, chẳng gấp rút trong một chốc, chớ nên khiến cho hành vi tội lỗi của họ nặng hơn, đừng khiến cho họ hủy báng, như vậy là tốt! Hôm nay chúng tôi giảng tới đây.

Tập 149

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang ba trăm mười tám:

(Sao) Vấn: Thử kinh bất kiêm sắc tượng, kim hồ nãi nhĩ?

(鈔) 問：此經不兼色像，今胡乃爾。

(Sao: Hỏi: Kinh này chẳng kiêm sắc tượng là vì sao như vậy?)

“*Bất kiêm sắc tượng*” là nói: “*Văn Thù Nhất Hạnh tam-muội, bất thủ tướng mạo, chuyên xưng danh tự*” (Nhất Hạnh tam-muội của ngài Văn Thù chẳng giữ lấy tướng mạo, chuyên xưng niệm danh tự), có ý nghĩa này. Cũng có thể nói là phương pháp tu hành được đề xướng trong bộ kinh này chú trọng trì danh, chẳng cần quán tưởng, mà cũng chẳng cần quán tượng. Ở đây, Liên Trì đại sư giả thiết một nghi vấn; tuy là giả thiết, nhưng trong số các đồng tu đọc Tịnh Độ Tam Kinh, quả thật có người có nghi vấn như vậy. Thí dụ như Quán Kinh chú trọng quán tưởng, có Quán Tượng Niệm Phật, Quán Tượng Niệm Phật, cuối cùng mới nói đến Trì Danh Niệm Phật, còn kinh này chuyên giảng về trì danh. Dưới đây là lời giải đáp:

(Sao) Đáp: Hữu chuyên chủ cố, kiêm diệc vô ngại.

(鈔) 答：有專主故，兼亦無礙。

(Sao: Đáp: Do vì chuyên chú trọng một môn chủ yếu, nếu tu kèm thêm [các pháp niệm Phật khác] thì cũng chẳng trở ngại).

Kinh Di Đà và kinh Vô Lượng Thọ đồng bộ, nên chủ trương của hai kinh hoàn toàn nhất trí, chuyên lấy Trì Danh làm chủ yếu, nhưng trong quá trình tu học, nếu quý vị tu kèm thêm Quán Tượng hoặc Quán Tượng cũng chẳng trở ngại, vẫn được! Trong Vãng Sanh Luận, Thiên Thân Bồ Tát đề xướng Ngũ Niệm Pháp, có quán tưởng, xưng danh, phát nguyện, hồi hướng và sám hối, năm phương pháp đều có thể tu, cũng vô ngại.

(Sao) Như Bồ Tát thiên hành Lục Độ thời, dĩ thí vi chuyên chủ, dư phi bất tu, nhưng phi bất tu, dẫn tùy lực, tùy phận.

(鈔) 如菩薩偏行六度時，以施為專主，餘非不修，但隨力隨分。

(*Sao: Như Bồ Tát lúc chú trọng tu Lục Độ, lấy Bồ Thí làm chủ yếu, chẳng phải là không tu những hạnh khác, chỉ tùy sức, tùy phận [mà tu tập]).*

Đây là nêu ra một thí dụ, “*Bồ Tát thiên hành Lục Độ*” là nói tới Thập Địa Bồ Tát trong kinh Hoa Nghiêm. Thập Địa Bồ Tát là [các địa vị Bồ Tát] từ Sơ Địa cho đến Thập Địa. Tuy mười Độ đều tu, nhưng trong mỗi giai đoạn, Ngài chú trọng một Độ. Thí dụ như Sơ Địa Bồ Tát thiên trọng Bồ Thí Ba La Mật, Nhị Địa Bồ Tát chuyên tu Trì Giới Ba La Mật, Tam Địa Bồ Tát chuyên tu Nhẫn Nhục Ba La Mật, cho đến Thập Địa Bồ Tát, mỗi địa vị có sự chuyên tu riêng. Tuy chuyên tu một hạnh ấy, nhưng chẳng phải là các hạnh khác không tu, thấy đều tu. Tuy đều tu, nhưng trong đó, lấy một hạnh làm chủ yếu. Ở đây nói Lục Độ, “*dĩ Thí vi chuyên chủ*” (lấy Bồ Thí làm pháp tu chủ yếu) là nói về Sơ Địa. Quý vị đọc kinh Hoa Nghiêm liền biết Sơ Địa Bồ Tát chuyên dùng Bồ Thí Ba La Mật làm hạnh chuyên chủ, tức là [dùng Bồ Thí Độ] để chuyên tu, chủ tu, nhưng Ngài vẫn phải tu chín Độ kia, trọn chẳng phải là không tu!

“*Dẫn tùy lực, tùy phận*” (chỉ tùy sức, tùy phận), đối với Thập Ba La Mật, ở đây chỉ nói Lục Độ, tức là đại sư tinh lược, vì trong kinh Hoa Nghiêm, quả thật có những độ ấy. Vì sao kinh Hoa Nghiêm có Thập Độ? Thông thường, kinh Đại Thừa đều nói Lục Độ, kinh Hoa Nghiêm nói Thập Độ, nhưng nội dung của Thập Độ và Lục Độ chẳng sai khác! Thập Độ là Độ thứ sáu [trong Lục Độ], tức Bát Nhã Ba La Mật, được triển khai thành năm Độ; do vậy, năm Độ sau hoàn toàn là Bát Nhã. Bởi lẽ, Bát Nhã Ba La Mật là Căn Bản Trí, bốn thứ sau là Phương Tiện Ba La Mật, Nguyễn Ba La Mật, Lực Ba La Mật và Trí Ba La Mật (trí này là Quyền Trí), bốn loại này thuộc về Hậu Đắc Trí.

Chẳng có Bát Nhã Ba La Mật, nói cách khác, quyết định chẳng có phương tiện. Phương tiện thiện xảo sanh từ Bát Nhã Ba La Mật; phương tiện thiện xảo chẳng dễ dàng! Nếu chẳng có Bát Nhã Ba La Mật, quý vị muốn dùng phương tiện thiện xảo sẽ bị rắc rối to! Trong Phật môn thường nói “*Phương tiện thành hạ lưu!*” Vì sao phương tiện trở thành hạ lưu? Kể ấy chẳng có Bát Nhã Ba La Mật, học đòi hành theo phương tiện của Bồ Tát, chắc chắn trở thành hạ lưu. Đó gọi là “*từ bi làm họa hại, phương tiện thành hạ lưu*”. Lại nói: “*Từ bi làm gốc, phương tiện làm cửa*”. Chúng ta nghe như vậy, dường như rất mâu thuẫn; thật ra, nó có đạo lý, từ bi và phương tiện đều phải kiến lập trên cơ sở Bát Nhã Ba La Mật. Vì thế, có thể biết, sau khi viên mãn Lục Độ thì mới có thể tu phương tiện từ bi,

chẳng có Lục Độ, làm sao có phương tiện từ bi cho được? Đây là Bồ Tát tu học, lấy Lục Độ làm chủ; Lục Ba La Mật đang được nói ở đây chính là Thập Ba La Mật.

Kinh Hoa Nghiêm nói Sơ Địa Bồ Tát “*ư nhất thiết vật, vô sở lận tích*” (đối với hết thảy mọi vật, chẳng keo kiệt, tiếc nuối), có thể bỏ bất cứ lúc nào, có thể thí xả, chẳng keo kiệt, tiếc nuối. Vì sao? Vì Ngài cầu trí huệ! Đại trí cũng là trí huệ viên mãn rốt ráo, trí huệ do đâu mà có? Trong các buổi giảng, chúng tôi thường thưa trình cùng quý vị, trí huệ sanh từ tâm thanh tịnh. Tâm địa thanh tịnh quang minh giống như trong Tâm Kinh, nó liền khởi tác dụng Chiêu, có thể chiêu kiến! Tâm chúng ta một mực hồ đồ, chẳng thanh tịnh, không quang minh, nên chẳng chiêu kiến! Vì thế, mê hoặc, điên đảo. Nếu muốn khôi phục tâm thanh tịnh, nhất định phải xả. Xả là quý vị phải buông xuống. Quý vị không buông xuống được, tâm chẳng thanh tịnh; thứ gì cũng đều phải buông xuống! Lục Tổ đã nói: “*Vốn chẳng có một vật*”, phải buông xuống sạch sành sanh, tâm quý vị liền khôi phục thanh tịnh, trí huệ viên mãn mới có thể hiện tiền.

Do vậy có thể biết, bố thí vô cùng trọng yếu, chẳng có gì không thể xả, chẳng có gì không thể bố thí. Bởi lẽ, đây là đại sự tu hành, hết thảy tất cả đều có thể thí. Trong Thập Ba La Mật của Bồ Tát, Bố Thí Ba La Mật tăng thượng, chuyên tu Bố Thí Ba La Mật, xếp nó [thành hạnh tu chủ yếu của] địa vị thứ nhất, tức Sơ Địa. Quý vị cũng hiểu, chúng ta học Phật thì phải thực hiện từ chỗ nào? Thực hiện từ buông xuống. Lúc tôi mới học Phật, lần đầu tiên gặp Chương Gia đại sư, tôi thỉnh giáo Ngài, tôi thưa: “Phật pháp tốt đẹp, mỗi người chúng ta đều biết Phật pháp tốt đẹp. Từ chỗ nào thì sẽ có thể tiến nhập?” Chúng tôi hy vọng có thể tiến nhập rất nhanh, lão nhân gia dạy tôi sáu chữ: “*Thấy thấu suốt, buông xuống được*”. Tôi thỉnh giáo Ngài: “Thực hiện từ chỗ nào?” Ngài bảo tôi: “Bố thí”. Quý vị thấy đó, hoàn toàn giống như kinh Hoa Nghiêm đã dạy. Do vậy nói: Quý vị muốn học Phật thì học bắt đầu từ chỗ nào? Bắt đầu học bằng bố thí. Không chỉ là thân, tâm, thế giới có thể buông xuống, mà thưa cùng quý vị, quan trọng nhất là phải buông phân biệt xuống, buông chấp trước xuống, buông vọng tưởng xuống, quý vị sẽ thành tựu nhanh chóng, tâm quý vị mới thật sự đạt được thanh tịnh.

Vì thế, đối với những pháp môn khác bèn tùy phần, tùy sức mà tu. Tu bố thí đến một giai đoạn kha khá, Bố Thí Ba La Mật viên mãn, Bồ Tát liền tiến cao hơn, từ Sơ Địa tiến lên Nhị Địa, Nhị Địa Bồ Tát tu Trì Giới Ba La Mật. Thưa cùng chư vị, có thể dùng một câu để nói trọn hết Thập

Ba La Mật, câu gì vậy? Tâm thanh tịnh. Càng tiến cao hơn, tâm địa càng thanh tịnh, mười Ba La Mật đều nhằm tu tâm thanh tịnh!

(Sao) Kim niệm Phật diệc nhiên.

(鈔) 今念佛亦然。

(Sao: Nay niệm Phật cũng thế).

Pháp môn Niệm Phật cũng giống như thế, cũng có từng giai đoạn, và cũng có chuyên tu.

(Sao) Chuyên chủ quán tưởng giả, thiếu thời trì danh. Chuyên chủ trì danh giả, thiếu thời quán tưởng, diệc “tùy lực, tùy phận” chi ý dã.

(鈔) 專主於觀想者，少時持名；專主於持名者，少時觀想，亦隨力隨分之意也。

(Sao: Chuyên tu chủ yếu quán tưởng thì ít dành thời gian để trì danh. Chuyên tu chủ yếu trì danh thì ít dành thời gian để quán tưởng, cũng là ý nghĩa “tùy phần, tùy sức” vậy).

Nếu dùng phương pháp mười sáu phép Quán, Trí Giả đại sư dùng mười sáu phép Quán, Ngài có niệm A Di Đà Phật hay không? Niệm! Thời gian Ngài tu Quán nhiều, thời gian niệm Phật ít. Nếu chuyên nương theo kinh A Di Đà, hoặc kinh Vô Lượng Thọ, bèn lấy niệm Phật làm chủ, thời gian niệm Phật nhiều, thời gian tu Quán ít. Cận đại, lão cư sĩ Hạ Liên Cư đề xướng, quý vị thấy cụ biên soạn Tịnh Tu Tiệp Yếu, phương pháp là lấy niệm Phật làm Chủ, lấy quán tưởng làm Trợ. Tịnh Tu Tiệp Yếu là sáng tối tu một lần.

Bình thời, phải giữ sao cho một câu A Di Đà Phật không gián đoạn. Quý vị niệm càng nhiều càng tốt, mỗi ngày phải niệm tối thiểu một vạn câu Phật hiệu. Một vạn câu Phật hiệu thì quý vị nhớ số cũng rất tốt, mà “nhớ thời” cũng được. “Nhớ thời” thì đại khái niệm một vạn câu sẽ là hai tiếng đồng hồ. Mỗi ngày quý vị có thể niệm đủ hai giờ, đại khái là có thể niệm được một vạn câu Phật hiệu. Hai giờ ấy không nhất định phải niệm xong trong một lần. Quý vị có thể chia thành hai lần, ba lần, hoặc bốn lần chẳng sao cả, nhưng phải sắp xếp thành công khóa cố định. Công khóa cố định là mỗi ngày nhất định phải niệm, không nhất định là phải sáng tối, tức là không nhất định phải niệm trong khóa tụng sáng tối, phải như vậy

thì mới được, mới là chuyên tu. Nếu sáng tới chúng ta dùng phương pháp trong Tịnh Tu Tiếp Yếu thì ba mươi hai lạy hết sức hay. Trong ba mươi hai lạy ấy, còn có quán tưởng, xưng danh, lễ bái. Tinh thần của ba mươi hai lạy là dựa trên Ngũ Niệm Pháp trong Vãng Sanh Luận của Thiên Thân Bồ Tát. Năm khoa này thầy đều có, có sám hối và phát nguyện.

(Sao) Sở vị bất kiêm sắc tượng giả, cái khũng nhất tâm chấp trì danh hiệu, hựu nhất tâm quán tưởng sắc tượng, bất duy tâm vô nhị dụng, nhi lưỡng sự song hành, khinh trọng bất phân, câu vô thành tựu nhĩ.

(鈔) 所謂不兼色像者，蓋恐一心執持名號，又一心觀想色像，不唯心無二用，而兩事雙行，輕重不分，俱無成就耳。

(Sao: Nói “không kiêm sắc tượng” là vì sợ đã nhất tâm chấp trì danh hiệu, lại còn nhất tâm quán tưởng sắc tượng thì không gì chẳng phải là do tâm không có hai tác dụng, mà hai sự đều cùng hành, chẳng phân nặng, nhẹ, sẽ đều chẳng thành tựu).

Mấy câu này rất quan trọng, nói rõ lợi ích sai khác giữa chuyên tu và kiêm tu. Kiêm tu là gì? Quý vị nhất tâm nhị dụng! Các đồng tu chúng ta đến nay đã học Phật bao nhiêu năm? Đừng nói tới nhất tâm, ngay cả công phu thành phiên còn chưa đạt được, nguyên nhân ở chỗ nào? Nhất tâm đa dụng! Vì thế, chẳng tương ứng, chẳng thể nhất tâm chuyên chú. Quý vị mới biết nhất tâm chuyên chú có công đức chẳng thể nghĩ bàn! Do vậy, cố đức niệm Phật, trong Niệm Phật Đường của chính mình chỉ thờ một bức tượng A Di Đà Phật, [ngay cả] Quán Âm và Thế Chí đều chẳng thờ, [làm như vậy] có lý, chuyên nhất mà! Nhìn thấy [hình tượng] Quán Thế Âm Bồ Tát hoặc Đại Thế Chí Bồ Tát sẽ phân tâm, đạo lý ở chỗ này. Lãnh chúng niệm Phật bèn lạy Tây Phương Tam Thánh, nhưng trong Niệm Phật Đường của chính mình chỉ thờ một bức tượng Phật, [ngõ hầu] chẳng bị phân tâm. Người học Phật chúng ta trong hiện thời vọng niệm đúng là quá nhiều. Không chỉ muốn thờ rất nhiều Phật, Bồ Tát, mà còn mong mỗi đọc tụng rất nhiều kinh điển. Dầu chẳng đọc tụng, trong tâm vẫn mong đọc tụng, kinh này cũng hay, kinh kia cũng khá. Không chỉ là Phật pháp, mà còn có rất nhiều pháp thế gian cũng vướng mắc, pháp thế gian và xuất thế gian cả một đồng lớn! Đó là đa tâm. Niệm Phật kiểu ấy

chẳng phải là chuyên tâm niệm Phật, mà là đa tâm niệm Phật, không thể chuyên chú!

Trong đoạn khai thị này, Liên Trì đại sư thật sự đại từ đại bi, đã chỉ điểm những khuyết điểm của chúng ta. Vì sao “*không kiêm sắc tượng*”, mà bảo quý vị hãy chuyên chú? Là vì chỉ sợ “nhất tâm chấp trì danh hiệu, lại vừa nhất tâm quán tưởng sắc tượng”, đó là nhất tâm nhị dụng. Nhất tâm nhị dụng, “*nhi lưỡng sự song hành, khinh trọng bất phân*” (mà cùng hành hai sự, chẳng phân nặng nhẹ), niệm Phật chẳng niệm tốt đẹp, quán tưởng cũng chẳng quán tốt đẹp, hai phương diện đều chẳng thực hiện tốt đẹp. Chúng ta suy nghĩ, [nhận thấy] thật sự có lý! Vì thế, cô nhân tu hành có Chánh, có Trợ, lấy Trì Danh làm Chánh Hạnh, lấy quán tưởng làm Trợ Hạnh, có chủ và khách, chẳng đều xem trọng hết. Nếu đều xem trọng hết, rất khó đắc lực, nhất định phải thiên trọng một pháp môn nào đó. Nếu quý vị chuyên tu tập một pháp môn, coi đó là chủ yếu, chẳng dùng các pháp môn khác, ta chuyên niệm Phật, chẳng dùng tới quán tưởng, càng tốt đẹp hơn! Nhưng chúng ta đang là kẻ sơ học, đôi khi chuyên niệm một câu Phật hiệu chưa thể hàng phục phiền não, vọng niệm hãy còn rất nhiều, bèn thêm vào một chút quán tưởng, vọng niệm sẽ bớt đi một chút. Khi ấy có thể dùng, có thể thêm vào một chút quán tưởng nhằm đối trị vọng niệm. Vọng niệm ít đi, ta chuyên tu chủ yếu trì danh, chẳng cần quán tưởng nữa, làm như vậy là đúng. Vì thế, thỉnh thoảng có thể dùng quán tưởng, hoặc quán tượng, nhằm mục đích giúp chúng ta hàng phục vọng tưởng, tạp niệm, phải hiểu mục đích ở chỗ này, chẳng phải là đồng thời tu hai hay ba pháp môn!

Bốn pháp môn Niệm Phật trong Tịnh Tông cũng chẳng thể đồng thời kiêm tu, há còn có thể kiêm tu Thiền Tịnh ư? Còn có thể kiêm tu Thiền, Tịnh, Mật ư? Chẳng thể nào! Chư vị phải hiểu điều này. Vĩnh Minh đại sư nói: “*Có Thiền, có Tịnh Độ, giống như cọp đội sừng*”. Ngài nói với ai? Chẳng phải là nói với quý vị, lời ấy nhằm nói với người tham Thiền trong thuở đó. Người tham Thiền vô cùng chấp trước! Vĩnh Minh đại sư thấy Thiền không thể thành tựu, khuyên họ niệm Phật, họ chẳng tiếp nhận, nên mới dùng pháp phương tiện: “Quý vị tham Thiền, nếu tu thêm Tịnh Độ sẽ rất lỗi lạc”, cô vũ, khích lệ họ niệm Phật. Đó là cách nói bất đắc dĩ, tuyệt đối chẳng nhằm nói với người niệm Phật. Người niệm Phật thấy đoạn khai thị ấy của Vĩnh Minh đại sư [bèn nghĩ]: “Ta niệm Phật kèm thêm một chút Thiền, chẳng phải là càng tốt hơn ư?” Vậy là quý vị đã hoàn toàn hiểu lầm ý nghĩa của Vĩnh Minh đại sư mất rồi! Quý vị nhất định phải biết vì sao Ngài nói lời ấy, nói với ai, phải hiểu rõ ràng!

Chuyện này, trong phần trước, chúng tôi đã trình bày, trong cuộc sống hằng ngày, bất luận làm chuyện gì đều phải chuyên tâm. Khi chúng ta làm việc, bèn chuyên tâm làm việc, chớ nên niệm Phật, buông Phật hiệu xuống. Khi làm việc xong, bèn chuyên tâm niệm Phật, buông công việc xuống, như vậy thì quý vị niệm Phật cũng tốt đẹp, mà công việc cũng thực hiện tốt đẹp! Vừa làm việc, vừa niệm Phật, cả hai đằng đều lơ lửng, công chuyện chẳng làm tốt đẹp, niệm Phật chẳng chuyên tâm, mà chính mình vẫn ngỡ bản thân rất tinh tấn: “Hôm nay Phật hiệu của ta chẳng gián đoạn”. Thật ra, cả hai đằng đều chẳng đạt được! Việc phải dùng sức, chẳng cần dùng đầu óc thì việc ấy có thể [vừa làm] vừa niệm Phật. Phàm những việc phải dùng đầu óc, phải chuyên chú tinh thần, quyết định chẳng thể [vừa làm] vừa niệm Phật.

Các đồng tu lái xe phải rất chú ý! Vừa lái xe vừa chuyên tâm niệm Phật, xảy ra tai nạn cũng chẳng biết. Đừng nghĩ tai nạn xảy ra bèn vãng sanh Tây Phương, tuyệt đối chẳng thể có chuyện ấy! Vì vậy, trong tình huống quý vị phải chuyên tâm chú ý lái xe, đừng niệm Phật hiệu! Trên xe có mở máy niệm Phật là để cho khách ngồi xe nghe, tự mình chớ nên nghe, hãy dốc sức chú ý đường sá thì mới là đúng. Chúng tôi có một người bạn lái xe, có lần kể: Khi ông ta lái xe, chuyên tâm niệm Phật, lái taxi lộn đường, lái quanh một vòng lớn, rất có lỗi với khách hàng. Vừa làm việc, vừa niệm Phật, nhất định sẽ bị rối loạn, hai đằng đều chẳng thể thành tựu. Phải nhớ kỹ điều này!

(Sao) Cầu minh w Chánh Trợ chi nghĩa, tắc nhất tâm trì danh dĩ vi kỳ Chánh, thiểu thời chi Trợ, Trợ diệc quy Chánh.

(鈔) 苟明於正助之義，則一心持名以為其正，少時之助，助亦歸正。

(Sao: Nếu hiểu rõ nghĩa Chánh và Trợ, sẽ coi nhất tâm trì danh là Chánh, thời gian tu Trợ Hạnh ít hơn, Trợ cũng quy vào Chánh).

Chánh Trợ song tu, Trợ Tu vẫn nhằm giúp Chánh, vẫn lấy Chánh làm chủ yếu, vẫn là quy hoàn Chánh.

(Sao) Như hỏa ích tân, phục hữu hà ngại?

(鈔) 如火益薪，復有何礙。

(Sao: Giống như thêm củi vào lửa, há còn trở ngại chi?)

Đốt lửa. “*Tân*” (薪) là củi, than. Thêm [củi, than] vào lửa đang cháy, lửa càng hùng hực, chẳng bị trở ngại.

Do vậy có thể biết, công phu nhất định phải chuyên! Hạnh môn phải chuyên, giải môn cũng phải chuyên. Trong khoảng thời gian gần đây nhất, tôi phản tỉnh, quan sát rất sâu, vì sao người học Phật trong thời đại này chẳng thành tựu? Do giải môn không chuyên, họ muốn làm bậc thông gia, thứ gì cũng đều thông đạt, kết quả là học đến một trăm năm vẫn chẳng thông môn nào! Bởi lẽ đó, cổ nhân cầu học là thâm nhập một bộ kinh. Không chỉ kinh phải chọn một thứ, trong quá khứ, khi tôi học kinh với thầy Lý ở Đài Trung, thầy Lý chỉ dạy chúng tôi: “*Chú giải cũng là chọn một thứ!*” Thầy chẳng cho phép chúng tôi xem hai bản chú giải cùng một lúc. Chúng tôi giảng kinh, kẻ mới học giảng kinh nhất định phải nương vào chú giải. Thầy nói rõ, cùng giảng một bộ kinh giống nhau, nhưng viết chú giải cho bộ kinh ấy, mỗi vị pháp sư có đường lối suy nghĩ riêng, chẳng thể nào giống hệt nhau! Nếu giống nhau, những bản chú giải sau đó chẳng có giá trị, làm sao có thể lưu thông cho được? Vì thế, nhất định là hai tư tưởng bất đồng. Hai bản chú giải quý vị đều chọn thì rốt cuộc dựa theo ai? Chẳng nương cậy được! Khi chính quý vị giảng, chính mình nói nước đôi, người nghe sẽ do dự, chẳng quyết đoán. Bởi vậy, chọn lấy chú giải của một vị, học theo một vị, đó là chính xác!

Các vị tổ sư đại đức chưa thành Phật; nói cách khác, đối với nghĩa lý trong kinh Phật, [các Ngài] quyết định chẳng thể thông đạt viên giải một trăm phần trăm, nên trong các bộ chú giải, có chỗ chú giải tỉ mỉ, có chỗ sơ sài, lướt qua. Chúng ta đọc kinh văn, [cảm thấy có những chỗ] dường như rất trọng yếu, vì sao giải thích đơn giản như thế? Thầy Lý nói: Đối với đoạn đó, chính vị ấy vẫn chưa hiểu rõ. Chưa hiểu rõ, vị ấy liền viết sơ sài lướt qua, chẳng bỏ công giải thích tỉ mỉ. Vị ấy chẳng có lỗi, chẳng lừa gạt người khác. Đó gọi là “*tri chi vi tri chi, bất tri vi bất tri*” (biết thì nói biết, không biết bèn nói không biết). Đó là có thể lợi ích người khác, chẳng hại người, quyết định chớ nên “chẳng biết mà cứ gượng ép coi như biết!” Cổ nhân thật sự làm được điều này, điều ấy đáng cho chúng ta tôn kính. Chúng ta xem đến chỗ đó, có thể tìm bản chú giải khác để tham khảo, tham khảo phần chú giải câu đó, tham khảo xem người khác giảng câu ấy như thế nào, giúp cho chúng ta lý giải; đó là Trợ Tu. Vì thế, phải chọn lựa chú giải, hãy chọn chú giải của một người làm [tài liệu tham khảo cơ bản] chủ yếu. Đối với chú giải của vị ấy, chúng ta gặp khó khăn, lại tra cứu chú giải của một vị khác để xem câu ấy được giảng như thế nào, dùng làm tham khảo, như vậy thì được! Đây cũng là Chánh và Trợ phải

phân định rành mạch. Đối với các bản chú giải trợ tu để giúp đỡ trong phương diện tham khảo, chớ nên chọn quá nhiều, tối đa chỉ nên chọn hai loại. Chớ nên chọn lầy quá nhiều! Quá nhiều, chắc chắn sẽ rối loạn, không thành lẽ lối! Phải dựa theo một bản chú giải làm chánh yếu.

Thật ra, những vị [chú giải kinh luận] trong thời cận đại, công phu sâu xa. Chẳng hạn như bộ Kim Cang Kinh Giảng Nghĩa của cư sĩ Giang Vị Nông nói thật ra là một bộ đại từ điển của kinh Kim Cang. Ông Giang thâm thập hết những bản chú giải kinh Kim Cang từ xưa tới nay, nên quý vị đọc tác phẩm ấy, sẽ giống như đọc hơn một trăm tác phẩm chú giải kinh Kim Cang. Chiếu theo [tác phẩm chú giải của] ông ta để tu học cũng rất khó khăn, vì sao? Tác phẩm ấy là đại từ điển, nói chung, quý vị chẳng thể giảng từ điển. Quý vị bùng từ điển ra giảng sẽ gây khó khăn cho nhiều người. Vì thế, học giảng kinh Kim Cang, tôi khuyên các vị đừng dùng bản Giảng Nghĩa của cư sĩ Giang Vị Nông. Tôi giảng kinh Kim Cang dùng bản chú giải của pháp sư Đệ Nhân, quyết định chẳng dùng chú giải của ông Giang Vị Nông. [Tuy vậy, vẫn] có thể giảng Giảng Nghĩa, coi như giảng Phật Học thường thức, các nội dung được ông ta thâm thập trong tác phẩm ấy vô cùng phong phú.

Sách Chú Giải kinh Vô Lượng Thọ của lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ có tánh chất phảng phất cuốn Kim Cang Giảng Nghĩa của Giang Vị Nông, chú giải của cụ là đại từ điển về kinh Vô Lượng Thọ. Vì sao cụ không tự mình soạn một bản chú giải, mà phải dùng phương thức này? Thật sự có nỗi khổ bất đắc dĩ, cụ chú giải như vậy sẽ chẳng mắc khuyết điểm! “Nếu quý vị cật vấn, [thì những nghĩa lý được nêu ra trong sách ấy] đều là sao lục, toàn là ý nghĩa của tổ sư, đại đức, đều chẳng phải là ý nghĩa của chính tôi”. Nói cách khác, bộ sách ấy của cụ cung cấp cho chúng ta nhiều tài liệu của tổ sư đại đức [chú giải] kinh Vô Lượng Thọ từ xưa tới nay. Vì thế, chư vị học giảng kinh Vô Lượng Thọ, hãy chú ý chọn lọc những chú giải trong ấy, chỉ có thể chọn lựa một phần mười, còn chín phần mười kia phải hạ quyết tâm bỏ đi, như vậy thì mới được! Nếu đều chọn hết, chẳng có ai thích nghe, sẽ khiến cho người ta chạy mất. Bản chú giải ấy cung cấp tài liệu, đương nhiên có ưu điểm. Nếu quý vị khéo lầy, bỏ, đối với người trình độ sâu, quý vị chọn ý nghĩa sâu xa trong bản chú giải; đối với kẻ sơ học, quý vị chọn lầy ý nghĩa nông cạn nhất để giảng. Do vậy, [giảng giải] kinh này có thể sâu, có thể cạn, có thể dài, có thể ngắn. Đối với đồng tu sơ học, xác thực là hữu ích rất lớn, chuyên môn đọc bản chú giải này, có khá nhiều kiến thức thông thường về Phật học, các danh từ thuật ngữ,

quý vị đều hiểu. Đúng là một bộ sách đầy đủ, toàn bộ giáo nghĩa Phật giáo và những kiến thức thông thường về Phật học đều có.

Đoạn cuối cùng là Xưng Lý, cũng là như Giáo Hạ trong nhà Phật thường bảo: “*Tiêu quy tự tánh*”. Cổ đức dạy chúng ta: “*Nghe kinh phải tiêu quy tự tánh, tu hành phải chuyển thức thành trí*”. Quý vị thật sự được thụ dụng; “*thức*” là tình thức, “*trí*” là trí huệ Bát Nhã. Chuyển biến tình thức thành lý trí, đó là tu hành; dốc công đổ sức tu hành thì mới có thể đạt được. Nghe giảng phải tiêu quy tự tánh, dung hội trong nội tâm, chúng ta thường nói là “*tâm đắc*”. Quý vị nghe xong, xác thực là có tâm đắc. Đoạn này chính là tâm đắc của Liên Trì đại sư.

(Sớ) Xưng Lý, tắc tự tánh thanh tịnh quang minh, thị liên hoa nghĩa.

(疏) 稱理，則自性清淨光明，是蓮華義。

(Sớ: Xưng Lý thì tự tánh thanh tịnh quang minh là ý nghĩa của hoa sen).

Câu giải thích trong lời Sớ nói thật ra đã giải thích rất rõ ràng, Tô Liên Trì sợ kẻ sơ học chúng ta chẳng thể hiểu ý nghĩa, nên lại dùng [điều này] làm đề mục để soạn văn chương. Lời Sao chính là văn chương.

(Sao) Thanh tịnh, biểu Sắc, tự tánh tiêm trần bất lập cố. Quang minh, biểu quang, tự tánh vạn pháp lãng nhiên cố.

(鈔) 清淨，表色，自性纖塵不立故。光明，表光，自性萬法朗然故。

(Sao: “Thanh tịnh” biểu thị Sắc, tự tánh chẳng lập mây trần. “Quang minh” biểu thị quang minh, tự tánh vạn pháp rạng ngời).

Trong tự tánh thanh tịnh tâm, chẳng lập một pháp, chẳng có một pháp, đó mới là thanh tịnh chân chánh. Có một pháp, sẽ chẳng thanh tịnh. Cảnh giới ấy chẳng thể diễn tả được, mà cũng chẳng có cách nào tương tượng được, vì sao? Hễ quý vị nghĩ, bèn là một pháp. Tuy Lục Tổ nói: “*Vốn chẳng có một vật*”, nếu chấp trước “*ta vốn chẳng có một vật*” thì quý vị có hay không? Quý vị có, có gì vậy? Quý vị còn có “*vốn chẳng có một vật*”, vẫn có một pháp tồn tại, tâm quý vị vẫn chẳng thanh tịnh! Nếu “*vốn chẳng có một vật*” cũng không có thì có thanh tịnh hay không? Vẫn chưa thanh tịnh, vì sao? Vì kẻ ấy còn có [ý niệm chấp trước] “*vốn chẳng*

có một vật cũng chẳng có”. Thiên Tông nói rất hay: “*Khởi tâm liền trật, động niệm đã sai*”, “*ngôn ngữ dứt bật, tâm hành xứ diệt*”, đó mới là thật sự thanh tịnh. Nếu quý vị hiểu rõ đạo lý này, đức Phật có thuyết pháp hay không? Nếu trong tâm Phật còn có pháp, sẽ chẳng thanh tịnh, đức Phật nói những pháp ấy vẫn là có ý nghĩa, càng chẳng thanh tịnh! Đức Phật không có pháp nào để có thể nói. Đức Phật trụ thế bốn mươi chín năm, chẳng nói một câu pháp nào, kinh Kim Cang nói như vậy, đúng thế! Nếu quý vị nói đức Phật từng thuyết pháp, đó là báng Phật. Đức Phật chưa từng nói một câu pháp nào, vì sao? Tâm Phật thanh tịnh, há có pháp nào để có thể nói? Đức Phật thấy quý vị có khuyết điểm, bèn bảo cho quý vị biết chỗ nào làm lỗi, hãy nên sửa chữa như thế nào, chẳng liên can gì đến tâm Phật. Vì thế, đức Phật thuyết pháp là ứng theo căn cơ để nói. “*Nói mà không nói, không nói mà nói*”, đó là đức Phật thuyết pháp.

Do vậy, người biết học thì quý vị phải học “*nghe mà không nghe, không nghe mà nghe*”, như vậy thì quý vị sẽ hội quy tự tánh, sẽ khai ngộ, xác thực là như thế. Trong Đại Thừa Khởi Tín Luận, Mã Minh Bồ Tát đã khai thị chúng ta, nghe kinh phải dùng thái độ gì? Phải “*lìa tướng ngôn thuyết*”, chớ nên chấp trước ngôn ngữ. “*Lìa tướng danh tự*”, đối với những danh từ, thuật ngữ, những thứ như thanh tịnh, tự tánh, hoa sen, phải lìa những tướng ấy, chớ nên chấp trước những thứ đó. “*Lìa tướng tâm duyên*”, tâm duyên là gì? Ta nghĩ, tư tưởng, có nghĩ cũng chẳng được. Chẳng chấp âm thanh, chẳng chấp danh tự, chẳng có một niệm, trong tâm chẳng sanh một niệm, nghe như vậy thì câu nào cũng đều tiêu quy tự tánh. Nếu quý vị nghe kinh, tôi ở đây thấy rất rõ ràng, khi nào giảng đến chỗ hứng thú, quý vị cười, đó là gì? Quý vị bị âm thanh chuyển, tâm chẳng bất động đối với âm thanh (tức là trong cảnh giới)! Nhất định phải huấn luyện sao cho trong cảnh giới chẳng động tâm, chẳng bị cảnh chuyển. Kinh Lăng Nghiêm nói rất hay: “*Nếu có thể chuyển cảnh, ắt giống như Như Lai*”. Ta không bị cảnh giới chuyển, mà còn có năng lực chuyển biến cảnh giới. Có năng lực chuyển biến cảnh giới, ắt chẳng khác gì chư Phật Như Lai. Phàm phu bị cảnh giới chuyển; Phật và đại Bồ Tát chuyển cảnh giới, nên trong cảnh giới, các Ngài làm chủ, đắc đại tự tại trong cảnh giới. Đạo lý là như thế đó.

Tịnh Độ Tông đặc biệt chú trọng thanh tịnh, hoa sen tượng trưng cho thanh tịnh, nên chúng ta dùng hoa sen để biểu thị pháp. Trông thấy hoa sen, trong tâm phải khôi phục sự thanh tịnh, pháp thế gian và xuất thế gian đều chẳng nhiễm. Hoa sen biểu thị pháp, vì rễ nó mọc trong bùn lầy, bùn lầy tượng trưng lục phàm. Phía trên bùn là nước trong, nước trong

tượng trưng tứ thánh; do vậy, [lục phàm và tứ thánh] là mười pháp giới. Hoa sen vươn lên khỏi mặt nước, biểu thị ý nghĩa “pháp thế gian và pháp xuất thế gian thấy đều chẳng nhiễm”, đây mới là thật sự thanh tịnh. Do vậy có thể biết, tinh thần tu học thật sự trong Phật pháp là phá chấp trước, chấp trước là nhiễm. Tuy không chấp trước, đối với hết thảy các pháp, sanh tâm cung kính, chí thành cung kính. Chí thành cung kính, chẳng chấp Không! Trong hết thảy các pháp, chẳng phân biệt, không chấp trước, chẳng chấp Có! Cũng chẳng chấp hai bên Không và Có; đó mới là Trung Đạo, mới là Đệ Nhất Nghĩa, mới là hạnh phúc chân thật viên mãn, là hưởng thụ cao nhất trong đời người. Nếu biết hết thảy các pháp Không, hết thảy đều chẳng chấp trước, tâm thanh tịnh, nhưng chẳng có tâm cung kính đối với hết thảy chúng sanh, đó là rớt vào một bên. Rớt vào bên Không bên là sai lầm, có Thể mà chẳng có Dụng, chẳng viên mãn! Quý vị chỉ được một nửa. Phàm phu vương bên Hữu, chỗ nào cũng chấp trước Có. Nhị Thừa chấp Không. Bồ Tát đối với hai bên Có và Không đều chẳng chấp trước, nên Bồ Tát thụ dụng tự tại. Phải biết điều này, “*trong tự tánh, chẳng lập một pháp*”!

Khi Lục Tổ khai ngộ, đã thưa trình cùng thầy, Ngài chỉ nói năm câu, thầy bèn nói: “Chẳng cần nói nữa, ta đã biết”. Câu đầu tiên Ngài nói: “*Hà kỳ tự tánh, bốn lai thanh tịnh*”, câu này ý nói tự tánh vốn thanh tịnh, nơi phàm chẳng giảm, nơi thánh không tăng, bất tăng, bất giảm, vốn thanh tịnh. Lại nói: “*Hà kỳ tự tánh, bốn lai cụ túc*”, [nghĩa là tự tánh] trọn đủ hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian. Nếu chẳng trọn đủ, sẽ không thể biến hiện, tự tánh trọn đủ. Có Tây Phương Cực Lạc thế giới hay không? Đương nhiên là có, [tự tánh] trọn đủ mà! Nếu trong tự tánh chẳng có Tây Phương Cực Lạc thế giới, lấy đâu ra Tây Phương Cực Lạc thế giới? Trong tự tánh chẳng có núi, sông, đại địa, đông đảo chúng sanh, lấy đâu ra núi, sông, đại địa, đông đảo chúng sanh? Toàn là do tự tánh biến hiện! Trong tự tánh vốn trọn đủ, chẳng có một pháp nào chẳng trọn đủ, tận hư không khắp pháp giới thấy đều bao hàm trong tự tánh. Sau đó, Tổ lại nói: “*Hà kỳ tự tánh, năng sanh vạn pháp*”, do tự tánh trọn đủ, nên gặp duyên nó liền biến hiện. Hoàn toàn có cùng một ý nghĩa với những điều đang được nói ở đây!

“*Quang minh, biểu quang*”, “*quang*” là trí huệ, “*tự tánh vạn pháp lãn nhiên có*” (vì tự tánh vạn pháp rạng ngời). Trí huệ do đâu mà có? Trong tự tánh vốn trọn đủ, trí huệ chẳng do từ bên ngoài mà có. Nói cách khác, toàn là những thứ trong nhà mình sẵn có, chẳng cần cầu từ bên ngoài! Vô lượng vô biên trí huệ và đức năng, chỉ cần quý vị khôi phục tự tánh,

toàn bộ đều hiển lộ. Nếu chúng ta hỏi: “Hiển lộ tự tánh như thế nào?” Nếu quý vị muốn hiển lộ tự tánh, đức Phật bảo mấu chốt trọng yếu nhất là Định. Trong pháp môn Niệm Phật, [Định] là nhất tâm, trong Tam Quy là tâm thanh tịnh. Tâm quý vị đã định, Tánh Đức liền hiện tiền, vì sao? Định ấy là chân tâm, chân tâm là thanh tịnh.

Trong tâm tồn tại một thứ gì đó, tức là chẳng Định. Có một thứ đã là chẳng Định, hưởng gì có vô lượng vô biên? Trong tâm phàm phu là vô lượng vô biên, một niệm sau khởi, niệm trước diệt, ý niệm sanh diệt trong từng sát-na, chẳng có cách nào tính đếm. Nghĩ Đông, tưởng Tây, nghĩ trước, nghĩ sau, nghĩ tới quá khứ, nghĩ tới vị lai, nghĩ tới hiện tại, khởi vọng tưởng rối lung tung beng, làm sao đắc Định cho được? Vì vậy, nhất định phải tu Định. Tám vạn bốn ngàn pháp môn trong Phật pháp, nói thật ra là tám vạn bốn ngàn phương pháp khác nhau, các phương pháp ấy nhằm tu gì? Đều nhằm tu Định. Vì thế mới nói “*pháp môn bình đẳng, chẳng có cao thấp*”. Vì sao? Phương pháp, đường lối nhiều như thế, nhằm đạt tới cùng một mục đích, mục tiêu hoàn toàn tương đồng! Định có thể sanh ra huệ, trí huệ mới hiện tiền. Trí huệ quang minh sanh từ tâm thanh tịnh. Do vậy, thanh tịnh nhất định có quang minh.

Tác dụng của quang minh được hiển thị nơi lục căn. Lục căn thông lợi, “*thông*” (通) là thông đạt, chẳng có chướng ngại. Mắt có năng lực thấy, thấy đến tận hư không khắp pháp giới, có năng lực to như vậy, chẳng có chướng ngại! Đối với hết thảy vật chất, có thể nhìn xuyên qua, chẳng có chướng ngại, nay chúng ta nói là Thiên Nhãn. Đó là bản năng, tức năng lực sẵn có. Thiên Nhĩ, chúng ta ngồi ở nơi đây, Tây Phương Cực Lạc thế giới cách xa chúng ta mười vạn ức cõi Phật, A Di Đà Phật giảng kinh, thuyết pháp bên đó, chúng ta ngồi nơi đây, mắt thấy rõ ràng, tai nghe rõ rệt, đó là Thiên Nhĩ Thông. Những điều ấy đều là năng lực sẵn có, trong Phật pháp nói tới lục căn thì “*lục căn thông lợi*” chính là sáu món thần thông. Những năng lực ấy bị mất đi, nguyên nhân căn bản là vọng tưởng và chấp trước. Trong kinh Hoa Nghiêm, đức Phật đã bảo chúng ta, “*chỉ vì vọng tưởng, chấp trước, nên không thể chứng đắc*”, chúng ta đánh mất như thế nào? Do có vọng tưởng, chấp trước, nên công đức và trí huệ trong tự tánh thầy đều bị mất đi, nguyên nhân ở chỗ này!

Học Phật chẳng có gì khác, Phật đích xác là chẳng phải cầu từ bên ngoài. Phật pháp được gọi là nội học, kinh Phật được gọi là nội kinh, cầu nơi tự tánh, cầu trong tự tánh. Niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ cũng là cầu từ tự tánh, chẳng phải là cầu pháp ngoài tâm! Niệm Phật cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, lâm chung A Di Đà Phật tiếp dẫn, có phải là

câu pháp ngoài tâm hay không? Không phải. Nếu quý vị hiểu lầm là câu pháp ngoài tâm, hãy đọc Di Đà Kinh Sớ Sao, xem có phải là câu pháp ngoài tâm hay không? Vì thế, so với đại kinh Nhất Thừa Liễu Nghĩa, chẳng có sai khác gì! Kinh điển Nhất Thừa Liễu Nghĩa câu từ trong tự tánh, là liễu nghĩa rốt ráo; từng câu từng chữ trong kinh Di Đà đều quy vào tự tánh. Tiếp theo đây, Tôi dẫn những câu rất hay trong Phật Địa Luận, nêu lên những chuyện thực tế để thuyết minh.

(Sao) Phật Địa Luận vân: “Như thị giả thật chi sắc, giai bất ly Phật tịnh tâm, tức thử tịnh tâm, năng hiển giả thật chi sắc”.

(鈔) 佛地論云：如是假實之色，皆不離佛淨心，即此淨心，能顯假實之色。

(Sao: Phật Địa Luận viết: “Sắc giả thật như vậy, đều chẳng lìa tịnh tâm của Phật. Do chính ngay tịnh tâm ấy mà có thể hiện sắc giả và thật”).

Đây là một đoạn dẫn chứng, trích dẫn kinh để chứng minh. Phật Địa Luận là một loại kinh luận trong Phật giáo. Vào thời Đông Tấn, pháp sư Đạo An và các vị Cưu Ma La Thập đại sư, Huệ Viễn đại sư, Đào Uyên Minh, Tạ Linh Vận đều là người cùng thời. Tôi nêu tên những vị này vì họ rất thân thuộc với nhau. Pháp sư Đạo An chia kinh Phật thành ba phần là Tự Phần, Chánh Tông Phần, và Lưu Thông Phần, nhưng thuở ấy có rất nhiều người không đồng ý. [Họ phản đối, bảo] kinh Phật là lời dạy của thánh nhân, chẳng thể chia thành từng đoạn, làm kiểu đó chính là chẳng cung kính kinh điển của Phật, nên họ chẳng tán thành. Về sau, Phật Địa Luận được truyền đến Trung Quốc, được phiên dịch sang tiếng Hán. Phật Địa Luận chia kinh Phật thành bốn phần, nó có Tự Phần, Lưu Thông Phần, Chánh Tông Phần lại được chia thành hai phần, nên [toàn bộ bản kinh được chia] thành bốn phần! Vì thế, mọi người đều nói ngài Đạo An đúng là rất lỗi lạc, có kiến giải giống như bậc Bồ Tát của Ấn Độ thời cổ, nên mới xưng tụng Ngài là “*di thiên cao phán*” (phán định cao ngất trời). Cao lắm! Mọi người đều phục. Khi Phật Địa Luận chưa truyền đến Trung Quốc, mọi người chẳng phục. Đó là kiến giải của các vị đại đức tại Trung Quốc chẳng khác kiến giải của các vị Bồ Tát tại Ấn Độ thời cổ. Sau đó, [khi chú giải], [toàn bộ kinh văn của một bộ] kinh đều chia thành ba phần. Đó là cội nguồn của cách Khoa Phán.

Ở đây, Tôi dẫn một câu nói trong Phật Địa Luận. “*Giả thật chi sắc*”, những gì là giả sắc? Những gì là thật sắc? Nói theo hình trạng, những thứ dài, ngắn, vuông, tròn đều là giả, chẳng phải là thật tại. Kinh Kim Cang

nói “*mộng, huyền, bọt, bóng*”, chúng có hay không? Có, nhưng chẳng thật, là giả; đó là giả sắc. Vì sao là giả sắc? Vì chúng là tương đối. Ví dụ như nói [một vật là] dài, nhưng gặp vật dài hơn, nó sẽ biến thành ngắn, chẳng gọi là dài. Quý vị nói ngắn, gặp vật ngắn hơn, nó lại biến thành dài. Nói dài thì nó chẳng phải là tuyệt đối dài. Nói ngắn, nó chẳng tuyệt đối ngắn. Nói vuông, nó chẳng tuyệt đối vuông. Nói tròn, nó cũng chẳng phải tuyệt đối tròn. Những thứ như vậy đều là giả, do tương đối mà thành lập. Do vậy, nó chẳng phải là nhất định, chẳng phải là một thứ nhất định. Nói theo màu sắc, xanh, vàng, đỏ, trắng. Xanh sẽ chẳng biến thành vàng, vàng sẽ chẳng biến thành đỏ, màu sắc chẳng thay đổi. Do chẳng thay đổi, nên chúng ta gọi nó là thật. “*Giả thật*”: Giả là bất định, Thật có thể xác định. Ví như thân thể của chúng ta là thật hay giả? Nói theo tiêu chuẩn này, thân thể của chúng ta là giả, vì sao? Nó bị biến đổi, mỗi năm một già hơn. Chẳng biến đổi là thật. Biến đổi thì là giả. Giả và thật dùng tiêu chuẩn này để xét.

Hai thứ sắc giả và thật ấy, có thể nói là trong sáu căn, năm căn đầu đối với giả và thật đều có thể duyên, Ý Căn chỉ duyên giả, chẳng duyên chân thật. Ý là tưởng tượng, cảm thụ, sở duyên (cái được nó duyên) đều chẳng phải là thật sắc, đều thuộc loại giả sắc. Nói theo cách hiện thời, đối với hết thảy hiện tượng vật chất, trong hiện tượng có cụ thể và trừu tượng. Thật sắc là cụ thể, giả sắc là trừu tượng. Trọng điểm là câu tiếp theo: “*Giai bất ly Phật tịnh tâm*” (đều chẳng lìa khỏi tịnh tâm của Phật). Hết thảy các sắc tướng giả thật, những hiện tượng vật chất ấy đều từ đâu mà có? Do tâm thanh tịnh biến hiện. Tâm là năng biến (có thể biến), hết thảy hiện tượng vật chất là sở biến (cái được biến); [hay nói cách khác], tâm là cái có thể biến, sắc là cái được biến. Có thể biến thì chẳng bàn thật hay giả, vì sao? Vì thật và giả là tương đối. Cái tâm có thể biến chẳng phải là tương đối; do vậy, thật và giả đều chẳng áp dụng cho nó được! Đối với cảnh giới được biến hiện, có thể nói chân hay giả; còn tâm do có thể biến, nên chẳng thể nói là chân hay giả, chẳng chân, chẳng giả.

“*Giả thật chi sắc*” thảy đều do cái tâm này biến hiện. Vì thế, tận hư không khắp pháp giới đều chẳng thể rời khỏi cái tâm có thể biến. Hư không pháp giới do đâu mà có? Duy tâm sở hiện. Tâm của ai? Tâm của chính mình, do tự tánh của quý vị hiện. Trong tất cả hết thảy kinh giáo Đại Thừa liễu nghĩa đều nói như vậy. “*Tức thử tịnh tâm, năng hiển giả thật chi sắc*” (dùng ngay tịnh tâm này bèn có thể hiển lộ sắc giả, thật). Tự tánh thanh tịnh tâm có thể hiển lộ sắc giả và thật, có thể biến, có thể hiển. Tâm có thể biến thì chẳng thật, chẳng giả.

Hết thấy các pháp được quy nạp thành hai loại lớn, một loại là tinh thần, loại kia là vật chất. Trong Phật pháp, vật chất dùng Sắc làm đại biểu, tinh thần dùng Tâm làm đại biểu, đó gọi là “*Sắc Tâm nhị pháp*”, tức là hai loại lớn gồm sắc pháp và tâm pháp. Hai thứ sắc (giả sắc và thật sắc) đều chẳng lìa tâm thanh tịnh, có nghĩa là tất cả hết thấy hiện tượng vật chất và tự tánh thanh tịnh tâm là một, không hai. Cổ nhân nói đến những chỗ này, người khác rất khó thấu hiểu, bắt buộc phải dùng tỷ dụ để nói. Chẳng hạn như Hiền Thủ quốc sư đã nói: “*Dùng vàng làm đồ vật, món nào cũng đều là vàng*”, sánh ví vàng như tự tánh thanh tịnh tâm, sánh ví các món vật như hai pháp giả và thật, đó là sắc pháp. Chúng ta dùng vàng làm thành nhiều món vật, ngàn vạn các loại kiểu dáng khác nhau. Nhìn từ phương diện này, vàng có màu vàng, vàng là thật, chẳng thay đổi, nhưng hình dáng của các món vật có thể biến đổi. Hình dạng là giả sắc, màu sắc là thật sắc; đó là hai sắc thật và giả. Hai sắc thật và giả đều chẳng lìa khỏi vàng, toàn là do vàng hiện ra. Hết thấy các món đồ vật đều là vàng, vàng chẳng lìa khỏi đồ vật, đồ vật chẳng lìa khỏi vàng. Vàng là đồ vật, đồ vật là vàng! Tỷ dụ này dễ hiểu!

Nếu từ tỷ dụ này, quý vị tỉnh ngộ, nay lục căn của chúng ta tiếp xúc cảnh giới lục trần trước mắt, có pháp nào chẳng phải là tự tánh? Thiên Tông nói minh tâm kiến tánh, họ kiến tánh gì vậy? Tánh ở chỗ nào? Nếu quý vị thật sự giác ngộ, hiểu rõ, mắt quý vị thấy hết thấy sắc là tánh, tai nghe hết thấy âm thanh đều là tánh, chẳng có gì không phải là tự tánh. Tâm và cảnh là một, tâm và cảnh như nhau, tánh - tướng bất nhị, tánh là tâm thanh tịnh của chính mình, tướng là sâm la vạn tượng bên ngoài, là một, không hai, tánh và tướng bất nhị mà! Nếu quý vị nhập cảnh giới này, liền có thể minh tâm kiến tánh. Nói ra cảnh giới ấy, quý vị có thể tiến nhập hay không? Vì sao quý vị không tiến nhập được? Vì quý vị có phân biệt, chấp trước, vọng tưởng. Lìa khỏi hết thấy phân biệt, chấp trước, vọng tưởng, hết thấy cảnh là tánh cảnh, những ý nghĩa ở đây liền hiển lộ.

Cổ đức có tỷ dụ sóng và nước, có ý nghĩa giống như tỷ dụ vàng và đồ vật. Sánh ví nước với tự tánh, sánh ví sóng như sắc giả và thật, chúng ta hiểu sóng là nước, nước là sóng! Nước và sóng chẳng một, chẳng khác. Vì thế, mười pháp giới vô lượng trang nghiêm, các thứ sai biệt, đều là tác dụng của Chân Như tự tánh.

Ý nghĩa chủ yếu của mấy câu này nói rõ: Hết thấy hiện tượng vật chất là chân tâm tự tánh của chúng ta. Chân tâm tự tánh của chúng ta có thể hiển hiện hết thấy vạn pháp, hết thấy hiện tượng, đúng như Lục Tổ đã nói: “*Nào ngờ tự tánh có thể sanh ra vạn pháp*”. Chư vị phải hiểu thế giới

Sa Bà là do uế tâm, tức tâm nhiễm ô của chúng ta biến hiện, Tây Phương Cực Lạc do tâm thanh tịnh của chúng ta biến hiện. Trong tâm chúng ta có tịnh, có uế, tâm thanh tịnh bèn cảm ứng Tịnh Độ, chẳng đến mà tự nhiên đến. Tâm quý vị đã thanh tịnh, tâm tịnh, cõi nước tịnh, tự nhiên liền hiện Tịnh Độ. Tâm chẳng thanh tịnh, tự nhiên liền hiện uế độ. Vì thế, tịnh hay uế, cảnh giới bên ngoài nhiễm hay tịnh, do đâu mà có? Do tự tánh biến hiện. Nếu muốn cảnh giới bên ngoài thanh tịnh, quý vị chẳng thể đổ công dốc sức thanh tịnh bên ngoài, phải làm từ chỗ nào? Đổ công dốc sức nơi nội tâm; tâm tịnh, cõi nước liền thanh tịnh.

Giống như thế giới hiện thời rất loạn, các vị đại chánh trị gia, đại khoa học gia, đại triết học gia nghĩ trọn mọi phương pháp, dùng đủ mọi phương pháp, mong cho thế giới này có thể đạt đến hòa bình, an tĩnh, nhưng có làm được hay không? Thừa cùng quý vị, chắc chắn chẳng làm được, càng làm càng loạn! Kẻ này nói chủ ý này hay, kẻ kia nói chủ ý nọ tốt, càng làm càng loạn. Phương pháp gì mới có thể khiến cho thiên hạ thái bình? Tâm mỗi người đều khôi phục thanh tịnh, thiên hạ liền thái bình. Chân lý được giảng trong Phật pháp, giáo học của Nho gia Khổng Mạnh đều là công phu nơi tâm địa, nên chẳng cầu từ bên ngoài. Vì thế, thiên Học Ký [trong sách Lễ Ký] mới đặc biệt nhấn mạnh: “*Kiến quốc, quân dân, giáo học vi tiên*” (xây dựng đất nước, cai trị nhân dân, giáo học làm đầu), dạy điều gì? Dạy quý vị khôi phục tự tâm thanh tịnh. Tâm quý vị thanh tịnh, tâm mỗi người đã thanh tịnh, lẽ đâu thiên hạ chẳng thái bình? Tâm thanh tịnh, cảnh giới liền thanh tịnh, tâm có thể chuyển cảnh! Tự nhiên mưa thuận, gió hòa, quốc thái, dân an, tự nhiên liền đạt được. Đó gọi là “*vô vi nhi trị*”, hữu vi sẽ chẳng bình trị, thiên hạ đại loạn.

Hiện thời, ai nấy đều rất thông minh, đều có một loạt biện pháp riêng, các thứ biện pháp ấy là các biện pháp nhiễu loạn khiến cho thiên hạ đại loạn. Thật sự muốn đạt tới thiên hạ thái bình, chẳng cần tới biện pháp nào cả, thiên hạ bèn thái bình, vô sự. Quý vị hãy suy nghĩ đạo lý này cặn kẽ một chút, chẳng khó hiểu đâu! Hôm nay đã hết thời gian rồi.

Tập 150

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang ba trăm mười chín:

(Sao) Cổ kinh vân: “Thanh sắc thanh quang, hoàng sắc hoàng quang” đẵng, thị quang sắc bất nhị, Tịch Chiếu song dung dã.

(鈔) 故經云：青色青光，黃色黃光等，是光色不二，寂照雙融也。

(Sao: Vì thế, kinh nói “sắc xanh, ánh sáng xanh; sắc vàng, ánh sáng vàng” v.v... chính là nói quang minh và màu sắc bất nhị, Tịch và Chiếu cùng viên dung).

Kê đó là phân tổng kết, nhằm quy kết vào kinh này. “Thanh sắc, thanh quang”, thanh sắc là thật sắc, thanh quang là giả sắc. Giả sắc và thật sắc đều chẳng lìa tâm thanh tịnh, trong kinh nói là “quang sắc bất nhị”, tức là ý nghĩa tự tánh “Tịch - Chiếu song dung”. Còn có một cách giải thích khác, trong màu xanh có ánh sáng xanh, màu trắng có ánh sáng trắng, quang sắc bất nhị, Tịch Chiếu song dung, tức là nói quang có ý nghĩa Chiếu, sắc có ý nghĩa Tịch. Quang minh và màu sắc của hoa bất nhị, cũng nhằm hiển thị Tánh Thể Tịch - Chiếu cùng viên dung. Dưới đây là lời giải thích rất tường tận.

(Sao) Hựu tự tánh tịch, thị hoa hợp nghĩa. Tự tánh chiếu, thị hoa khai nghĩa.

(鈔) 又自性寂，是華合義；自性照，是華開義。

(Sao: Lại nữa, tự tánh tịch là ý nghĩa hoa cup lại. Tự tánh chiếu là ý nghĩa hoa nở).

Đây là nói tới hoa sen khép lại hay xòe nở. Trong tự tánh bao hàm vạn đức, Lục Tổ đại sư nói “vốn sẵn tròn đủ”, vô lượng nghĩa lý, vô biên sắc tướng, tự tánh thấy đều tròn đủ. Trong Phật pháp, vô lượng vô biên được quy nạp lại thì chẳng ngoài Thể và Dụng. Tịch là nói đến Thể, Thể là thanh tịnh, tịch diệt. Nói Chiếu là nói tới tác dụng của nó. Nói Sắc thì Sắc cũng nhằm tỷ dụ bản thể của tự tánh. Nói Quang là nói tới tác dụng Chiếu của nó. Bất luận nói như thế nào, nếu quý vị hiểu rõ đạo lý này, quy nạp chúng lại thì một đặng là nói theo Thể, một đặng là nói theo Dụng.

Vạn pháp trong vũ trụ, vô lượng vô biên Thế, Dụng, rốt ráo do đâu mà có? Chúng ta hiểu rõ, toàn là do tự tánh biến hiện. Sau khi hiểu đạo lý này, mục đích học Phật của chúng ta là muốn kiến tánh. Tánh Đức không thể hiện tiền; nói cách khác, Tánh Đức có vô biên diệu dụng, nhưng chúng ta làm thế nào cũng chẳng đạt được, dùng phương pháp gì cũng đều chẳng học được!

Người trong thế gian hiện thời, bất luận người Trung Hoa hay ngoại quốc đều rất thích thần thông, thần thông là tác dụng. Thần thông có thể học được hay không? Thừa chư vị, chẳng học được! Nhưng có người học liền có [thần thông]. Thần thông là có, vì sao nói là “chẳng học được”? Tôi bảo quý vị, hễ quý vị học thì sẽ học chẳng được! Nếu quý vị học liền đắc thần thông thì sẽ phiền phức to lớn. Thần thông do đâu mà có? Yêu ma quỷ quái dựa vào thân quý vị để hiển lộ, sức thần thông ấy chẳng phải là của chính quý vị, mà là của kẻ khác. Chư vị đọc kỹ kinh Lăng Nghiêm sẽ hiểu. Kinh Lăng Nghiêm nói năm mươi thứ Âm Ma. Tâm quý vị ưa chuộng thần thông, sẽ kết hợp với bản lãnh của yêu ma, quỷ quái [tạo thành thần thông, nhưng quý vị chẳng biết], quý vị lại ưa chuộng, hoan hỷ. Nói cách khác, rất dễ bị ma gạt gẫm. Ma có thể nhờ vào thân thể của quý vị để hiện một chút thần thông, quý vị đắc ý, ma cũng đắc ý! Nhưng ngày nào đó, nếu ma rời khỏi thân quý vị, năng lực ấy hoàn toàn bị mất đi. Tôi tin tưởng các đồng tu đã đọc kỹ kinh Lăng Nghiêm, hiểu khá rõ chuyện này. Rốt cuộc thần thông do đâu mà có? Thừa cùng chư vị, từ trong tâm thanh tịnh mà có. Sáu thứ thần thông là bản năng (năng lực sẵn có) của chúng ta, chẳng có một chút hiềm hoi, lạ lùng nào, chúng là những thứ phải nên có! Hiện thời, những năng lực ấy bị mất đi, chẳng có, là do nguyên nhân gì? Do tâm quý vị chẳng thanh tịnh. Do vậy, học Phật là học gì? Khôi phục tâm thanh tịnh mà thôi. Tịch là trọng yếu!

Trong các đồng tu chúng ta, cũng có một số người học giảng kinh. Quý vị lên đài giảng kinh, giảng đến mức hoa trời rơi lá tả, đó là Chiếu! Vì sao quý vị có thể giảng? Tâm nhất định phải tịch, tâm địa đạt đến mức thanh tịnh tịch diệt, liền tương ứng với tâm Phật. Tâm Phật là tâm thanh tịnh tịch diệt, tâm quý vị cũng là tâm thanh tịnh tịch diệt, quý vị và Phật “*tâm tâm tương ứng*”. Những kinh do đức Phật đã giảng, quý vị vừa nhìn vào liền hiểu rõ, vì sao? Giống hệt như từng thứ hiển hiện trong tâm của chính mình, chẳng hai, chẳng khác. Vì thế, từ xưa tới nay, các tổ sư đại đức hoằng pháp lợi sanh chẳng có một vị nào tâm không thanh tịnh. Trước đây, giảng đại tòa, mở đầu là hương tán, sau đó là tụng kinh, rồi hô chúng sanh kệ, rồi lại niệm Phật, rồi niệm kệ khai kinh, gần như là mất từ nửa

giờ đến bốn mươi phút, trong lúc ấy, pháp sư giảng kinh ở trên giảng đài làm gì? Nhập định! Tâm đã định, do nhập Định, đã định rồi thì mới có thể quán sát căn cơ, mới có thể tương ứng. Hiện thời, do mọi người chẳng muốn lãng phí nhiều thời gian như thế, nên đơn giản hóa nghi thức, chỉ niệm Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật ba lần xong bèn niệm kệ Khai Kinh [rồi bắt đầu giảng kinh].

Vì vậy, Tịch và Chiêu vô cùng trọng yếu, ngàn muôn phần chẳng thể coi nhẹ! Tuy nay chúng ta là kẻ thuộc lứa tuổi trung niên trở lên mới học Phật, đối với những chữ này, chớ nên chẳng coi trọng. Nếu quý vị chẳng coi trọng, nói cách khác, phiền não chẳng thể giảm bớt, niệm Phật không thể đắc nhất tâm. Đừng nói là đắc nhất tâm, công phu thành phẩm cũng chẳng đạt được, vấn đề này hết sức nghiêm trọng. Công phu chân chánh, chính mình có năng lực liễu sanh tử, thoát tam giới, có thể giúp đỡ người khác. Học Phật có thành tựu toàn là do công phu định lực của chính mình, nên tôi hy vọng mọi người hãy đặc biệt chú ý chuyện này. Tâm bất định, tâm chẳng thanh tịnh, sẽ chẳng khởi tác dụng.

(Sao) Tự tánh cụ túc nhất thiết thiện pháp, thị vi diệu hương khiết nghĩa.

(鈔) 自性具足一切善法，是微妙香潔義。

(Sao: Tự tánh trọn đủ hết thảy thiện pháp là ý nghĩa vi diệu hương khiết).

Tự tánh vốn trọn đủ “*hết thảy thiện pháp*”, nhưng chư vị phải biết: Nếu quý vị mê mất tự tánh, hết thảy thiện pháp vốn có trong tự tánh đều biến thành ác pháp. Nhất Chân pháp giới vốn sẵn có trong tự tánh, ngã quý, súc sanh và địa ngục cũng vốn sẵn có trong tự tánh. Tự tánh tịnh liền hiện Nhất Chân pháp giới; tự tánh mê liền hiện mười pháp giới, hiện ra lục đạo, hiện ra tam ác đạo.

(Sao) Nhiên tắc bất ly trần cảnh, vị dục bảo trì, thường tại liên hoa trung, kinh hành cập tọa.

(鈔) 然則不離塵境，未浴寶池，常在蓮華中，經行及坐臥。

(Sao: Vậy thì chẳng lìa trần cảnh, chưa tắm trong ao báu, mà thường kinh hành và ngồi, nằm trong hoa sen).

Đây là nói về chúng ta trong hiện tại. Trước mắt, chúng ta chẳng lìa khỏi thế giới Sa Bà. Thế giới Sa Bà là trần cảnh, chưa vãng sanh Tây

Phương Cực Lạc thế giới. Tây Phương Cực Lạc là ao báu, [vãng sanh Cực Lạc là] hóa sanh trong ao sen bảy báu. Nay chúng ta đầy đủ tín nguyện, thật sự có tín, có nguyện, tâm thanh tịnh, tuy chưa rời khỏi Sa Bà, chưa vãng sanh Cực Lạc, vẫn giống như đang kinh hành trong hoa sen, vì sao? Thân tâm thanh tịnh, chẳng có vọng niệm, chỉ có một niệm A Di Đà Phật. Trừ A Di Đà Phật ra, quyết định chẳng có tạp niệm. Khi tâm đạt đến mức khá thanh tịnh, đối với hết thảy sự biến hóa trong thế gian này, hết thảy nhân quả, quý vị tự nhiên hiểu rõ, tự nhiên thông đạt. Vì thế, chân tu thực tiễn là chuyện khẩn yếu bậc nhất. Chúng ta xem đoạn lớn cuối cùng.

Tứ, tổng kết.

(Kinh) Xá Lợi Phất, Cực Lạc quốc độ, thành tựu như thị công đức trang nghiêm.

(Sớ) Như thượng lan võng, hàng thụ, trì, các, liên hoa, chủng chủng trang nghiêm, giai thị A Di Đà Phật nhân trung sở phát đại nguyện, cập nguyện hậu sở tu đại hạnh, vô lượng công đức chi sở thành tựu dã, như Hoa Nghiêm trung nguyện hạnh, diệc đồng thử ý.

四總結。

(經) 舍利弗。極樂國土。成就如是功德莊嚴。

(疏) 如上欄網行樹，池閣蓮華，種種莊嚴，皆是阿彌陀佛因中所發大願，及願後所修大行，無量功德之所成就也。如華嚴中願行，亦同此意。

(Bốn, tổng kết.

Kinh: Đây Xá Lợi Phất! Cõi nước Cực Lạc thành tựu công đức trang nghiêm như thế.

Sớ: Các thứ trang nghiêm như lan can, lưới, hàng cây, ao, gác, hoa sen trên đây đều do A Di Đà Phật trong lúc tu nhân đã phát đại nguyện và đại hạnh do Ngài đã tu sau khi phát nguyện, vô lượng công đức thành tựu. Như các nguyện hạnh trong kinh Hoa Nghiêm cũng có cùng ý nghĩa này).

Đối với đoạn giải thích này, nếu đã đọc kinh Vô Lượng Thọ sẽ hiểu rõ ràng, minh bạch. Chúng ta hiểu rất rõ quá trình A Di Đà Phật kiến tạo Tây Phương Cực Lạc thế giới: Ngài được Thế Tự Tại Vương Như Lai giáo huấn, tư duy năm kiếp, tham phỏng hai trăm mười ức chư Phật quốc độ. “Hai trăm mười ức” là biểu thị pháp, chẳng phải là con số, bỏ khuyết điểm, chọn lấy ưu điểm của người khác, kiến lập một thế giới viên mãn

rốt ráo trong hết thảy các cõi Phật, nên gọi là thế giới Cực Lạc. Đó là đại nguyện, đại hạnh của Ngài, vô lượng công đức thành tựu.

(Sao) Nguyện dĩ khởi hạnh, hạnh dĩ thật nguyện.

(鈔) 願以起行，行以實願。

(Sao: Nguyện để khởi hạnh, hạnh để thực hiện nguyện).

Hai câu này vô cùng trọng yếu. Sau khi quý vị phát nguyện, đương nhiên sẽ làm, làm thì gọi là Hạnh. Phải dùng sự hành trì của quý vị để viên mãn đại nguyện, đó là Thật. “Thật” (實) là thực hiện. Trong Phật môn cũng thường nói “dĩ nguyện đạo hạnh” (以願導行: Dùng hạnh để hướng dẫn nguyện), nguyện dẫn đường cho chúng ta. Nguyện là chí nguyện, quý vị có phương hướng, mục tiêu; sau đây mới là “dĩ hạnh điền nguyện” (以行填願: Dùng hạnh đền bồi nguyện). Nếu quý vị chẳng có hạnh, nguyện ấy là rỗng tuếch, nguyện suông, chẳng thể mãn nguyện. Nếu muốn mãn nguyện, nhất định phải khởi hạnh. Hạnh nhất định phải có nguyện; chẳng có nguyện, hạnh của quý vị chẳng có mục tiêu, chẳng có phương hướng, tuy tinh tấn, tuy nỗ lực, đến cuối cùng chẳng có kết quả. Do vậy, hạnh đó là hạnh oan uổng, rất đáng tiếc! Do vậy có thể biết, nguyện và hạnh có mối quan hệ hết sức chặt chẽ.

Nếu chúng ta suy nghĩ, nguyện ta đã phát có thiết tha hay không? Phát nguyện có giống như Bồ Tát hay không? Quý vị chớ nên quan sát nơi sự phát nguyện, chẳng thấy được đâu nhé! Quan sát từ chỗ nào? Quan sát từ hạnh sẽ có thể nhận biết. Ví dụ như ta thật sự phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ, [sẽ là] trong mười hai thời, ta chẳng chịu buông lỏng Phật hiệu một khắc nào, chứng tỏ nguyện của quý vị khẩn thiết. Nếu ta phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ, mà trong mười hai thời vẫn đầy vọng tưởng, nguyện ấy chẳng thiết tha. Tuy có nguyện, nguyện ấy chẳng thể sanh ra sức mạnh, cũng có nghĩa là ý nguyện của quý vị chẳng mạnh mẽ, mà rất bạc nhược, do quý vị chẳng làm được! Nếu ý nguyện của quý vị hết sức mạnh mẽ, nhất định sẽ trong từng phút, từng giây đều tranh thủ, chẳng để luống qua! Từ chỗ này có thể thấy được nguyện tâm và tín tâm của chính mình. Nguyện do đâu mà có? Nguyện do tín mà có. Không có tín, lấy đâu ra nguyện? Vì thế, có tín trước rồi sau đó có nguyện, dùng nguyện hướng dẫn hạnh, lãnh đạo chúng ta tiến hành, lãnh đạo chúng ta tu tâm.

(Sao) Bồ Tát nhân địa, mạc bất giai nhiên.

(鈔) 菩薩因地，莫不皆然。

(Sao: Bồ Tát trong lúc tu nhân, không vị nào chẳng vậy).

Mười phương ba đời hết thấy các vị Bồ Tát trong lúc tu nhân đều là như vậy. Nói đến chỗ này, chúng ta thấy trạng huống thực tế của nhiều kẻ tu hành, bèn hiểu đây chẳng phải là chuyện dễ dàng, nguyên nhân ở chỗ nào? Nói thật thà, vẫn là do cơ sở, cơ sở là gì vậy? Là phước huệ. Người ấy chẳng có phước, chẳng có huệ, chẳng được! Vì vậy, kinh đã nói rất rõ ràng: “*Không thể do chút thiện căn, phước đức, nhân duyên, mà được sanh về cõi ấy*”. Có thể tin, có thể nguyện, đó đều là đại thiện căn, đại phước đức. Nay chúng ta tín nguyện chẳng thiết, tỏ lộ điều gì? Thiện căn và phước đức của chúng ta chẳng đủ, mà cũng là trí huệ chẳng đủ, phước báo quá ít. Bởi lẽ đó, tín chẳng sâu, nguyện chẳng thiết, hạnh cũng vô lực, đều tỏ lộ rất miên cưỡng. Học Phật kiểu đó, học suốt một đời cũng chỉ là gieo một chút thiện căn trong A Lại Da Thức mà thôi, đời này có thể thành tựu hay không? Có rất nhiều vấn đề! Do vậy có thể biết, tu phước và tu huệ là vấn đề vô cùng bức thiết của chúng ta trong hiện tại. Hiện thời, dù sao chúng ta chẳng phải là kẻ sơ học! Cổ đức đã nói “*mắt dê sửa chuông, vẫn chưa kể là chậm*”! Nay tín, nguyện, hạnh, phước, huệ, thấy đều phải tu, phải hành đồng loạt, nhằm bổ sung căn cơ chẳng đủ trong quá khứ, phải học theo cách như vậy. Vì thế, đặc biệt phải biết tu phước và tu huệ, làm như vậy thì mới có phản tương ứng với nhân địa của hết thấy chư Bồ Tát.

(Sao) Hạnh mãn, nguyện toại, danh vi thành tựu.

(鈔) 行滿願遂，名為成就。

(Sao: Hạnh mãn, nguyện toại, gọi là thành tựu).

Quý vị hành trì viên mãn, đạt được nguyện vọng, đó là “*thành tựu*”. Trong kinh Vô Lượng Thọ, A Di Đà Phật đã hiển thị công đức trang nghiêm thành tựu, đều do sức hạnh nguyện rộng lớn của Ngài trong lúc tu nhân, chẳng phải là một sớm một chiều. Nay chúng ta tu học quả thật vô cùng khổ sở, đó là vì thiện căn và phước đức của các đồng tu quá mỏng. Trong hết thấy các pháp môn, chúng ta chẳng nhận thức rõ ràng cho lắm, thường coi chánh pháp là tà pháp, coi tà pháp như chánh pháp, tà - chánh chẳng thể phân biệt, đúng - sai không thể phân biệt, chân - vọng không thể phân biệt, chịu thiệt thòi quá to! Do chúng ta suốt đời chẳng gặp thiện tri thức; dẫu gặp gỡ, cũng bỏ lỡ, suốt một đời chẳng nắm vững cơ hội.

Trong Phật pháp nói là “cơ duyên”, chẳng nắm vững cơ duyên này, bỏ lỡ. Vì sao quý vị chẳng nắm được? Vì sao quý vị chẳng thể thật sự thân cận thiện tri thức? Tà sư quá nhiều, vọng tưởng quá nhiều, thường sanh nghi hoặc, chẳng thể quyết đoán, trong một đời, rất nhiều cơ duyên ở ngay trước mặt mà bỏ lỡ. Đời này đã là như thế thì chúng ta có thể suy đoán đời kiếp kiếp trong quá khứ đều là tình hình như vậy! Các đồng tu chúng ta đang hiện diện chẳng phải là đời này mới bắt đầu học Phật, mà là như trong kinh đã nói, chẳng biết trong quá khứ quý vị đã thân cận bao nhiêu vị Phật, Bồ Tát! Chẳng có thành tựu, do phạm những lỗi lầm giống hệt như trong hiện tại, nên đời đời kiếp kiếp chẳng thể thành tựu. Từ nay về sau tu học, có thể nói là ở trong hoàn cảnh ngày càng khó khăn. Thế gian này ngày càng loạn, đến nơi đâu để tìm một hoàn cảnh tu học [tốt đẹp]? Tìm chẳng thấy! Cá nhân chúng ta mua một căn nhà để tu, có được hay không? Chẳng được! Có rất nhiều ác duyên. Quý vị nghĩ không ra, quý vị tưởng là thanh tịnh, phiền phức bèn tìm đến, chẳng dễ dàng! Đó là gì? Nghiệp chướng!

Tu phước và tu huệ thì tu ở nơi đâu? Trong các buổi giảng, chúng tôi thường nhiều lượt khuyên lơn, khích lệ các vị đồng tu, hãy khăng khăng một mực niệm một câu A Di Đà Phật. Quý vị có thể niệm một câu A Di Đà Phật đến mức tâm thanh tịnh thì Tín, Nguyện, Hạnh, phước huệ của quý vị thấy đều được bao gồm trong đó. Nói như thế thì cũng chẳng khó! Khó ở chỗ quý vị có chịu làm hay không, có chịu khăng khăng một mực thực hiện hay không! Thật sự buông xuống vạn duyên, nhất tâm nhất ý niệm Phật. Niệm kinh bèn chuyên niệm Tịnh Độ Ngũ Kinh, hoặc trong Tịnh Độ Ngũ Kinh, chọn ra một thứ để chuyên niệm, nhất định phải niệm đến mức tâm thanh tịnh hiện tiền, phước đức và trí huệ đều hiện tiền, phải làm như vậy thì mới được. Hãy nghĩ tới quyết tâm và nghị lực tu học của đức Di Đà trong khi tu nhân, chúng ta nên bắt chước, hãy nên học tập. Thời kiếp dài lâu, chúng ta phải có lòng kiên nhẫn, người ta năm kiếp tu hành, nghe Phật thuyết pháp ngàn ức năm, đúng là thọ mạng lâu dài, ngàn ức năm mà! Tu học như vậy thì mới gọi là xứng tánh, tánh là gì? Tánh là chẳng có phân biệt, chấp trước, vọng tưởng; tánh là tâm thanh tịnh. Nếu hạnh nguyện của chúng ta đều có thể tương ứng với tâm thanh tịnh thì cũng là hạnh nguyện sanh từ tâm thanh tịnh, sự tu hành ấy là xứng tánh.

(Sao) Nhân trung giả, vi Pháp Tạng tỳ-kheo thời dã.

(鈔) 因中者，為法藏比丘時也。

(Sao: “Trong lúc tu nhân”): Khi Ngài là tỳ-kheo Pháp Tạng).

Trong lúc A Di Đà Phật tu nhân, lúc Ngài là tỳ-kheo Pháp Tạng.

(Sao) Ngôn nguyện giả, sở phát tứ thập bát nguyện dã. Hữu nguyện vân: “Ngã tác Phật thời, sanh ngã sát giả, giai ư thất bảo thủy trì, liên hoa hóa sanh”. Hựu nguyện vân: “Ngã tác Phật thời, ngã sát trung, tự địa dĩ thượng, chí ư hư không, giai hữu cung điện, lầu các, trì lưu, hoa thụ, tất dĩ vô lượng chúng bảo, bách thiên chủng hương nhi cộng hợp thành”. Hựu vân: “Nhược ngã thành Phật, châu biến quốc trung chư trang nghiêm cụ, vô hữu chúng sanh năng tổng diễn thuyết”, thị vi đại nguyện.

(鈔) 言願者，所發四十八願也。有願云：我作佛時，生我剎者，皆於七寶水池，蓮華化生。又願云：我作佛時，我剎中自地以上，至於虛空，皆有宮殿樓閣，池流華樹，悉以無量眾寶，百千種香而共合成。又云：若我成佛，周遍國中諸莊嚴具，無有眾生能總演說，是為大願。

(Sao: Nói tới nguyện thì Ngài đã phát bốn mươi tám nguyện. Ngài có nguyện như sau: “Khi tôi làm Phật, người sanh về cõi tôi đều hóa sanh trong hoa sen nơi ao bảy báu”. Lại nguyện rằng: “Khi tôi làm Phật, trong cõi tôi, từ mặt đất trở lên cho đến hư không, đều có cung điện, lầu gác, ao suối, cây hoa, đều dùng vô lượng các thứ báu, trăm ngàn các thứ hương cùng hợp thành”. Lại nói: “Nếu ta thành Phật, các thứ vật trang nghiêm trọn khắp cõi nước, chẳng có chúng sanh nào có thể diễn nói”, đại nguyện như thế đó).

Trong bốn mươi tám nguyện, nêu đại lược ba điều. Nguyện nào trong các nguyện của đức Di Đà cũng đều được thực hiện, sự thực hiện ấy chính là dùng hành để thỏa nguyện.

(Sao) Đại Bản vân.

(鈔) 大本云。

(Sao: Kinh Đại Bản nói).

“Đại Bản” là kinh Vô Lượng Thọ.

(Sao) Pháp Tạng tỳ-kheo, ư Thế Tự Tại Vương Phật sở, nhiếp thủ nhị bách nhất thập ức Phật sát thanh tịnh chi hạnh.

(鈔) 法藏比丘，於世自在王佛所，攝取二百一十億佛剎清淨之行。

(Sao: Tỳ-kheo Pháp Tạng, ở nơi Thế Tự Tại Vương Phật đã nhiếp thủ các hạnh thanh tịnh trong hai trăm mười ức cõi Phật).

Nói theo kiểu hiện thời, “*nhiếp thủ*” (攝取) là khảo sát, tham phỏng. Chọn lấy ưu điểm, bỏ khuyết điểm của người khác. Người khác có điểm hay, chúng ta phải học theo. Người khác có chỗ xấu, chúng ta phải phản tỉnh chính mình có [khuyết điểm ấy] hay không. Nếu có, phải sửa đổi, cách tu hành là như thế đó! Trong kinh Hoa Nghiêm và Trí Độ Luận, con số “*hai trăm mười*” đều dùng để biểu thị pháp, biểu thị sự viên mãn rất ráo, nên nó chẳng phải là một con số thật sự. Nếu chúng ta muốn tu cái hạnh viên mãn thì nói cách khác, suốt ngày từ sáng đến tối, sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần bên ngoài, chúng ta phải học theo tỳ-kheo Pháp Tạng. Bất luận quý vị tiếp xúc người, tiếp xúc sự, tiếp xúc vật, hễ thấy điều tốt đẹp thì chúng ta phải học tập. Thấy những khuyết điểm, chúng ta phải phản tỉnh chính mình có [những khuyết điểm ấy] hay không? Đó cũng là như Khổng lão phu tử đã nói: “*Tam nhân hành, tất hữu ngã sư*” (Ba người cùng đi, ắt có người là thầy ta). Ba người thì chính mình là một, hai người kia chính là hết thầy mọi người trong thiên hạ được chia thành hai loại lớn: Một loại là thiện nhân, loại kia là ác nhân. Do đó, chớ nên nghĩ “*ba người*” chỉ là ba cá nhân, quý vị đã hiểu sai ý của Khổng lão phu tử mất rồi!

“*Tam nhân hành*” là quý vị đối xử với tất cả hết thầy mọi người, thấy thiện nhân, quý vị học tập theo người ấy. Thấy kẻ bất thiện, tự mình phản tỉnh, ta có [những lỗi lầm ấy] hay không. Vì vậy, thiện nhân là thầy ta, bất thiện nhân vẫn là thầy của ta. Thiện nhân nêu gương tốt, dạy ta thiện pháp, ta học theo người ấy. Kẻ bất thiện dạy ta phản tỉnh, dạy ta sửa lỗi, đổi mới. Vì thế, người thiện lẫn kẻ ác thầy đều là thầy ta. Thuận cảnh hay nghịch cảnh đều là đạo tràng để tu hành tốt nhất. Năm mươi ba lần tham học trong kinh Hoa Nghiêm mang ý nghĩa này: Trong năm mươi ba vị thiện tri thức, có thiện, có ác, nhưng thầy đều là Bồ Tát. Đó là ý nghĩa “*nhiếp thủ*”. Đối với “*Phật sát thanh tịnh chi hạnh*”, quý vị có thể học tập như vậy, nhất định thành tựu cõi Phật thanh tịnh.

(Sao) Như bử tu trì.

(鈔) 如彼修持。

(Sao: Tu trì giống như Ngài).

Đây là dạy chúng ta phải tu học giống như ngài Pháp Tạng thuở ấy.

(Sao) **Hựu vân: Pháp Tạng tỳ-kheo, phát tứ thập bát nguyện dĩ, trụ Chân Thật Huệ, dũng mãnh tinh tấn, A-tăng-kỳ kiếp tu Bồ Tát hạnh, hộ thân khẩu ý, tu hành Lục Độ, liễu Không, Vô Tướng, Vô Tác, dĩ hành giáo hóa, trí vô lượng chúng sanh phát Bồ Đề tâm”, thị vi đại hạnh.**

(鈔) 又云：法藏比丘，發四十八願已，住真實慧，勇猛精進，阿僧祇劫修菩薩行，護身口意，修行六度，了空無相無作，以行教化，致無量眾生發菩提心，是謂大行。

(Sao: Lại nói: Tỳ-kheo Pháp Tạng đã phát bốn mươi tám nguyện xong bèn trụ trong Chân Thật Huệ, dũng mãnh tinh tấn, trong A-tăng-kỳ kiếp tu Bồ Tát hạnh, giữ gìn thân, miệng, ý, tu hành Lục Độ, liễu đạt Không, Vô Tướng, Vô Tác, dùng hạnh giáo hóa, khiến cho vô lượng chúng sanh phát Bồ Đề tâm”, đó là đại hạnh).

Trong lúc tu nhân, A Di Đà Phật trước hết phát nguyện, sau khi phát nguyện bèn thật sự tiến hành, nguyện nào cũng chẳng suông rỗng, đó là “trụ Chân Thật Huệ”. Kinh Vô Lượng Thọ dạy chúng ta ba điều chân thật, “Chân Thật chi tế”, tức là Chân Như Bồn Tánh, Chân Thật Huệ là trí huệ Bát Nhã, “chân thật lợi ích” là rốt ráo thành Phật, trong các kinh khác chẳng có ba món chân thật ấy! Chân Thật Huệ, đầu tiên là phải khai ngộ. Quý vị chẳng khai ngộ, lấy đâu ra Chân Thật Huệ? Lại còn phải “dũng mãnh tinh tấn”, kinh Vô Lượng Thọ nói là “năm kiếp tu hành”. Ở đây nói là “A-tăng-kỳ kiếp tu Bồ Tát hạnh”. Kinh văn dạy rõ: Trước là phát nguyện, sau là tu hành; đó gọi là “dĩ nguyện đạo hạnh, dĩ hạnh điền nguyện” (dùng nguyện dẫn dắt hạnh, dùng hạnh đền bồi nguyện).

“Hộ thân khẩu ý”, câu này là trì giới. “Giới vi Vô Thượng Bồ Đề bản” (Giới là gốc của Vô Thượng Bồ Đề), trong ba nghiệp thân, ngữ, ý, lấy ý nghiệp làm chủ. Ý đã thanh tịnh, thân và ngữ chẳng thể nào không thanh tịnh. Thân và ngữ rất thanh tịnh, nhưng ý chẳng thanh tịnh thì không được. [Thanh tịnh kiêu đó] là hình thức, là bề ngoài. Bề ngoài làm ra vẻ rất thanh tịnh, bên trong chẳng thanh tịnh, chẳng được rồi. Do vậy, trọng yếu nhất là ý nghiệp thanh tịnh. Tu học trong Tịnh Độ Tông là một câu A Di Đà Phật, trong tâm quý vị thường có A Di Đà Phật, bèn thanh tịnh. Trong tâm có A Di Đà Phật, quý vị giống như A Di Đà Phật, trong tâm

quý vị đã có, thường xuyên nghĩ tới. Do thường xuyên nghĩ tới, dần dần sẽ biến thành A Di Đà Phật, lẽ nào thân ngữ của A Di Đà Phật chẳng thanh tịnh? Phương pháp này thật sự thuận tiện, ôn hòa, thích đáng, thù thắng hơn hết thảy các hạnh môn quá nhiều!

“*Tu hành Lục Độ*”, Lục Độ là nói đến cuộc sống của chúng ta, nay chúng ta chưa đến Tây Phương Cực Lạc thế giới. Trong thế gian này, chúng ta chẳng thể rời khỏi xã hội, không thể thoát ly nhân quần, trong cuộc sống, chúng ta phải biết thực hiện như thế nào? Đức Phật dạy chúng ta phải tuân thủ sáu nguyên tắc ấy, sáu điều ấy. Quý vị giữ gìn sáu điều ấy, chẳng sai! Sáu điều ấy là sáu đại cương lãnh, ý nghĩa trong ấy chẳng có cùng tận, cảnh giới rộng lớn vô biên! Trong xã hội hiện thực, phải tu Lục Độ như thế nào? Hai chữ “*tu hành*” là sửa đổi hành vi, sửa đổi uốn nắn tư tưởng và hành vi của chúng ta.

Trong Lục Độ, thứ nhất là Bồ Thí. Bồ Thí là buông xuống. Nói cách khác, xử sự, đãi người, tiếp vật đều phải dễ dãi một chút, chớ nên quá ngặt nghèo, chớ nên rất chấp trước, đó là Bồ Thí. Đối với thứ gì, quý vị cũng đều khắt khe, thứ gì cũng chấp trước; nói cách khác, phiền não và vọng tưởng của quý vị chẳng dễ đoạn. Nếu quý vị coi nhẹ hết thảy vạn pháp trong thế gian này, sẽ đoạn dễ dàng. Vì thế, Bồ Thí là buông xuống. Trong Niệm Phật Đường thường nói: “*Buông thân, tâm, thế giới xuống*”, chỉ khởi lên một câu Phật hiệu thì mới có thể niệm Phật tốt đẹp, mới có thể niệm tương ứng. Vừa niệm Phật vừa nghĩ trước, tưởng sau, thì niệm Phật hiệu chẳng tốt đẹp, niệm chẳng tương ứng. Do vậy, nhất định phải buông xuống vạn duyên; buông xuống vạn duyên là bồ thí. Vì sao bảo quý vị buông xuống? Nói theo hết thảy chân tướng sự thật, đúng như kinh Kim Cang đã nói: “*Phàm những gì có tướng đều là hư vọng*”, hư vọng! Chẳng chân thật! “*Hết thảy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng*”. Từ ba ngàn năm trước, đức Phật đã nói [như thế], ba ngàn năm sau, những nhà khoa học thông minh trong thế gian này đã chứng minh lời ấy. Trước kia, họ luôn thừa nhận vật chất tồn tại, nhưng hiện tại, gần đây nhất, các khoa học gia chẳng thừa nhận thế gian này có vật chất! Những hiện tượng vật chất là gì? Hiện thời, họ phát hiện, những hiện tượng vật chất ấy là chân động, tức là hiện tượng dao động ánh sáng, chẳng phải là thực tại! Nếu nói đến hiện tượng dao động, há chẳng phải là mộng, huyễn, bọt, bóng? “*Như sương, cũng như chớp, hãy nên quán như thế*”. Các nhà khoa học cận đại đã phát hiện hoàn toàn giống hệt. Do vậy, chẳng có vật chất tồn tại! Quý vị chấp trước, phân biệt vào đó, đúng là vọng tưởng, chẳng phải là sự thật, đây là nói theo Lý, quý vị phải buông xuống. Nói theo sự tướng,

tục ngữ nói: “*Sanh chẳng mang theo gì đến, chết không mang theo gì đi*”. Không sao, ta vẫn chưa chết mà! Quý vị có thể bảo đảm ngày mai vẫn còn sống hay không? Chẳng có ai dám nói chắc chắn ngày mai ta vẫn còn sống! “*Trên đường hoàng tuyền, chẳng có già hay trẻ*”! Hiểu rõ chân tướng sự thật này, chúng ta phải nắm chặt mỗi phút mạng quang, phải nghiêm túc nỗ lực học tập, tu hành. Đây là dạy chúng ta vì sao phải buông xuống, buông xuống là chân thật. Quý vị chẳng bỏ được, bèn là hư vọng. Quý vị có thể buông xuống bèn là Chân Thật Huệ. Quý vị chẳng buông xuống, tức là vô minh, tà kiến.

Thứ hai là Trì Giới, tuân thủ pháp tắc, tuân thủ những điều đức Phật răn dạy, tuân thủ pháp luật của quốc gia, tuân thủ quan niệm đạo đức trong xã hội, tuân thủ những thứ ấy. Đó gọi là “*nước có quốc pháp, nhà có gia quy*”, tuân thủ quy củ là trì giới. Trì giới, ngàn muôn phần chớ nên chết cứng nơi giới điều, [nếu chấp chết cứng] là sai mất rồi! Vì vậy, ý nghĩa này rất sâu, phạm vi hết sức to lớn.

Thứ ba là Nhẫn Nhục, tức là phải có lòng kiên nhẫn. Kinh Kim Cang đã dạy chúng ta: “*Hết thảy các pháp được thành tựu bởi Nhẫn*”. Nhẫn là kiên nhẫn, là tâm thường hằng. Có tâm thường hằng chính là cội rễ của thành công. Một người chẳng có lòng kiên nhẫn, chẳng có tâm thường hằng, chuyện gì cũng chẳng thành! Tỳ-kheo Pháp Tạng nghe kinh ngàn ức năm, người chẳng có lòng kiên nhẫn làm sao có thể thành tựu? Năm kiếp tu hành, có lòng kiên nhẫn rất lớn. Hiện thời sai phạm, khuyết điểm lớn nhất của chúng ta là thiếu kiên nhẫn, làm sao có thể thành công cho được? Gần đây, có không ít các đồng tu trong ngoài nước khuyên tôi lập Phật Học Viện, tôi cũng rất vui thích. Quý vị hãy thay tôi chiêu sinh, xem có thể chiêu sinh được hay không? Điều kiện làm học sinh của tôi là phải có lòng kiên nhẫn, vì sao? Tối thiểu trong ba năm đầu, tôi chẳng giảng kinh. Học trò trong Phật học viện mỗi ngày làm chuyện gì? Mỗi ngày niệm kinh cho tôi, mỗi ngày niệm tám tiếng đồng hồ, niệm suốt ba năm, một bộ kinh niệm đủ ba ngàn biến. Quý vị tìm xem, có thể tìm được học trò như vậy hay không? Có thể tìm được, tôi sẽ mở Phật Học Viện. Cách giáo học này là phương pháp giáo học trong trường tư thục xưa kia, mỗi ngày đều lớn tiếng niệm, học thuộc sách.

Chúng tôi khôi phục phương pháp thời đầu Dân Quốc, chẳng cần giảng kinh, mà bảo quý vị niệm. Mỗi ngày niệm kinh này một trăm biến, đương nhiên chẳng phải là niệm một bộ mà là niệm từng đoạn! Hôm nay hãy niệm cho tôi đoạn này một trăm lần. Sử dụng phương pháp này, niệm hết ba năm sẽ khai ngộ! Niệm tròn ba năm, Nhẫn Nhục Ba La Mật thành

tự, Thiên Định Ba La Mật thành tự, Tinh Tấn Ba La Mật cũng ở trong ấy, ba thứ ấy đều tu tốt đẹp. Đã tu thành công ba thứ ấy, nếu Phật Học Viện quy định chương trình là bốn năm thì năm cuối cùng giảng kinh suốt một năm bèn viên mãn, thành công, ai nấy đều khai ngộ! Nhưng trong suốt ba năm ấy, quý vị có thể chịu đựng hay không? Nếu chẳng chịu được, đọc ba ngày bèn chạy mất, làm sao có thể thành công cho được? Vì thế, cơ sở giáo dục trong ba năm ấy là tu phước, tu huệ, phước huệ song tu.

Tu phước như thế nào? Phước là làm việc cho thường trụ, làm những chuyện vụn vặt trong chốn thường trụ. Thuở trước, Lục Tổ đại sư ở núi Hoàng Mai tám tháng, hằng ngày giã gạo, bửa củi, làm những việc ấy là tu phước, phục vụ thường trụ. Tu tâm thanh tịnh trong công việc nặng nề. Tu tâm thanh tịnh là tu Định, tu Huệ. Do đó, phước, định, huệ cùng tu! Đối với cách làm trong các Phật Học Viện thông thường, tôi nhất quyết chẳng làm theo, [làm theo cách của họ sẽ] khiến cho con em người khác bị lầm lẫn!

Vì thế, Lục Độ là khuôn mẫu cho cuộc sống của chúng ta. Bất luận làm chuyện gì cũng phải có lòng kiên nhẫn, phải tinh tấn, phải cầu tiến bộ, phải có chủ ý, tâm phải định. Thường xuyên thấy lạ, nghĩ khác, tâm chẳng trọn đủ, chẳng có cách nào thành tựu. Tâm nhất định phải định, ta học bộ kinh này, tâm liền định trong bộ kinh này. Ta chưa học tốt đẹp bộ kinh này, tuyệt đối chẳng dấy lên ý niệm học bộ kinh thứ hai. Do tâm định, nên mới có thể học tốt đẹp, thật sự thành tựu. Niệm một bộ kinh tôi thiểu ba ngàn lần, niệm càng nhiều càng hay, niệm khiến cho tâm đắc định. Nếu chẳng dùng phương pháp xa xưa này, cứ miễn cưỡng dùng phương pháp hiện thời, nói thật thà thì Nhẫn và Định đều chẳng có, đều làm không được.

Xưa kia, tôi theo học với thầy Lý, thầy đúng là rất dễ dãi, chẳng nghiêm ngặt cho lắm! Quý vị học một bộ kinh, chỉ cần quý vị lên bục giảng, giảng một lần là được rồi, kể như tốt nghiệp, có thể học bộ thứ hai. Tuy thầy yêu cầu chúng tôi giảng một lần, nhưng một lần chẳng đủ, ấn tượng chẳng sâu đậm, nên tôi khuyên các bạn đồng học, tôi nói “phải giảng mười lượt”. Mười lượt, đương nhiên là giảng trên bục giảng một lần, những lần khác không nhất định phải lên bục giảng, mà tìm các bạn thân. Mỗi tuần tôi giảng cho quý vị một lần, giảng trọn vẹn từ đầu đến cuối, thậm chí mỗi tuần giảng nhiều lượt. Hôm nay đến giảng ở nhà này, ngày mai đến nhà khác giảng, hôm sau nữa đến nhà khác để giảng, đồng thời giảng cùng một thứ, mỗi tuần có thể giảng hai lượt, ba lượt, dùng phương thức ấy. Gắng sức giảng mười biến, giảng đã quen rồi thì do quen thuộc

bền sanh khéo léo; nhưng có cách nào chế phục phiền não hay không? Chẳng có cách nào!

Càng thâm nhập, càng có cảm xúc. Chẳng đi theo con đường của cổ nhân, chẳng thể thành công, mới hiểu thật sâu câu nói của cổ nhân: “*Chẳng nghe lời người già, chịu thua thiệt trước mắt*”. Người hiện thời chẳng chịu nghe theo người già, nghĩ người già đầu óc lạc hậu, thời đại đã qua, hiện thời mới mẻ hơn! Thật chẳng biết mới là do cũ hình thành, chẳng có cũ, lấy đâu ra mới? Cũ là cầu Căn Bản Trí, kinh Bát Nhã nói “*Bát Nhã vô tri*”; trước hết, quý vị phải cầu vô tri rồi mới có thể đạt tới “*không gì chẳng biết*”. Vừa mở đầu liền cầu có biết, hỏng rồi! Định, Huệ, phước đức của quý vị hoàn toàn bị phá hoại, thành tựu của quý vị trong tương lai chẳng có Huệ, chẳng có Định, mà cũng chẳng có phước. Quý vị mới biết Thiên Định rất trọng yếu!

Đối với Thiên Định, chúng ta không nói tới chỗ sâu xa, mà nói là quý vị phải định nơi một môn! Quý vị làm việc thì tâm phải định nơi công việc. Nay ta đang nấu thức ăn, tâm ta định nơi nấu nướng thức ăn, món ăn ấy nhất định nấu rất ngon. Ta đọc kinh, tâm định nơi đọc kinh, kinh ấy nhất định niệm rất khá! Phàm khi gặp chuyện, tâm nhất định phải chuyên chú, chuyên chú là Thiên Định, đó gọi là “*tâm vô nhị dụng*”, như vậy thì mới có thể thành công! Thiên Định chẳng phải là bảo quý vị mỗi ngày ngồi xếp bằng nhìn vào tường, chẳng phải vậy! Thiên Định kiểu ấy vô dụng, chẳng khởi tác dụng! Tu tập chẳng đàng hoàng còn bị ma dựa, phiền phức to lớn! Vì thế, tôi dạy quý vị Thiên Định là phải chuyên chú nơi sự tướng, đó là Thiên Định. Tâm định bền sanh trí huệ, ứng dụng trí huệ vào cuộc sống. Nói đơn giản theo thuật ngữ hiện tại là “*sử dụng lý trí, chẳng dùng cảm tình*”. Lý trí là trí huệ, là trí huệ Bát Nhã. Chớ nên xử sự theo cảm tình, phải bình tĩnh, khách quan, đó là trí huệ. Vì thế, nhất định phải tu hành Lục Độ.

“*Liễu Không, Vô Tướng, Vô Tác*”, Không, Vô Tướng, Vô Tác (Vô Nguyên) là tam đại không tam-muội. “*Liễu*” (了) là hiểu rõ, Không, Vô Tướng, Vô Tác là ba môn giải thoát của Pháp Thân đại sĩ. Thật sự thông đạt hiểu rõ thì mức độ thấp nhất cũng là Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giác. Nói theo phía người niệm Phật, quý vị đạt đến cảnh giới này, liền chứng đắc Lý nhất tâm không loạn, chứ Sự nhất tâm chưa đạt tới cảnh giới này. “*Không*” là nói về Thể, tức là bản thể của vạn pháp trong vũ trụ. “*Tướng*” là nói đến tướng hiện ra, Tướng có, Thể không. Tâm Kinh dạy: “*Sắc chẳng khác Không, Không chẳng khác Sắc. Sắc chính là Không, Không chính là Sắc*”. Sắc là tướng, Không là bản thể, là một, không hai. “*Nguyên*”

là nguyện cầu, trong hết thảy các pháp vô cầu. Chân thật tu đạo, đối với hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian chẳng cầu, tâm chúng ta liền thanh tịnh. Người khác cho chúng ta hết thảy các pháp, chúng ta chẳng cần. Đối với hết thảy các pháp, chúng ta chẳng nghĩ tưởng, thật sự có thể đạt đến mức vô cầu, chẳng cần, chẳng nghĩ tới, tâm như vậy mà niệm A Di Đà Phật bèn có thể tương ứng. Trong hết thảy các pháp, quý vị còn cầu, còn muốn, hằng ngày nghĩ tưởng, sẽ chẳng niệm A Di Đà Phật tốt đẹp, rất khó tương ứng! Vô Tác trong ba đại không tam-muội còn gọi là Vô Nguyện.

“*Dĩ hạnh giáo hóa*”, giáo hóa là chỉ dạy hết thảy chúng sanh. Đã là vô cầu, vô nguyện, vì sao còn muốn giáo hóa? Giáo hóa cũng là vô cầu, vô nguyện, vì sao? Kinh Lăng Nghiêm nói rất hay: “*Thuận theo tâm chúng sanh mà ứng với khả năng tiếp nhận của họ*”. Tùy duyên, nhưng chẳng phan duyên, hết thảy là tự nhiên. Giáo hóa hết thảy chúng sanh như vậy, chẳng đánh mất tâm thanh tịnh của chính mình, trong Phật pháp cũng bất đắc dĩ nói một danh từ là “*vô duyên đại từ, đồng thể đại bi*”. Thưa quý vị, cách nói này là vì chúng sanh chẳng có cách nào thấu hiểu chân tướng, Phật bất đắc dĩ nói hai câu ấy để an ủi mọi người, đó gọi là “*hoàng diệp chỉ đề*”. “*Hoàng diệp chỉ đề*” (lá vàng đỗ trẻ đùng khóc) là gì vậy? Trẻ nhỏ khóc nhe, người lớn bảo trẻ đùng khóc, dỗ cách nào cũng chẳng được, bèn nhặt một chiếc lá trên mặt đất, dùng chiếc lá ấy gạt trẻ. “Chiếc lá này có giá lắm, bé đừng khóc, đem đi đổi lấy kẹo ăn”. Trẻ nghe chiếc lá ấy rất có giá, đổi được kẹo, nó sẽ thôi khóc, mục đích bèn đạt được!

Tôi lại thưa cùng quý vị, hết thảy các kinh pháp do đức Phật đã nói đều là “*hoàng diệp chỉ đề*”, cũng nhằm làm cho quý vị đừng suy nghĩ loạn xạ, đừng dấy vọng tưởng. Chỉ cần quý vị chẳng suy nghĩ lung tung, liền minh tâm kiến tánh, khai ngộ, khôi phục bản lai diện mục. Do vậy, đức Phật có từng thuyết pháp hay không? Đúng là đức Phật chẳng nói một câu pháp nào! Mọi người phải hiểu rõ đạo lý này. Tuy chúng ta thấy Phật, Bồ Tát đúng là đại từ đại bi, nhưng trong tâm các Ngài chắc chắn chẳng có những ý niệm ấy. Nếu trong tâm các Ngài có một [ý niệm] đại từ đại bi, các Ngài là phàm phu, vì trong tâm các Ngài còn có một pháp, còn có một vật! Lục Tổ nói “*vốn chẳng có một vật*”, nhưng trong tâm các Ngài còn đại từ đại bi, hồng rồi! Liền biến thành phàm phu. Phật chẳng có [những ý niệm ấy]! Quý vị phải chú tâm thấu hiểu ý nghĩa chân thật.

Phật là gì? Là tự tánh của chúng ta. “*Phật hết thảy chẳng có*”, tức là trong tự tánh của chúng ta thứ gì cũng đều chẳng có. “*Dĩ hạnh giáo hóa*” như vậy, Ngài giáo hóa, bản thân Ngài cũng thường tu các hạnh,

trợn chẳng phải là không tu hành, Ngài một mặt tu hành, một mặt giáo hóa chúng sanh, chẳng rớt vào Không! Tuy tu hành giáo hóa chúng sanh, tâm địa sạch lâu lâu, chẳng nhiễm mảy trần, lại chẳng chấp trước Có. Hai bên Không và Có đều chẳng chấp, Thế, Tướng, tác dụng của tự tánh mới hiển lộ toàn thể, đó là Tánh Đức hiển hiện, kinh Phật bảo là “*pháp nhĩ như thị*”, tức là tự nhiên nó là như thế.

“*Trí vô lượng chúng sanh phát Bồ Đề tâm*” (khiến cho vô lượng chúng sanh phát Bồ Đề tâm). Đức Phật giáo hóa, giúp đỡ nhiều chúng sanh như vậy, khơi gợi, hướng dẫn nhiều chúng sanh giác ngộ. “*Bồ Đề tâm*” là giác tâm, nói cách khác, giúp chúng sanh phá mê khai ngộ, cái tâm khai ngộ là Bồ Đề tâm. Giúp các chúng sanh khai ngộ, đó là “*đại hạnh*”. Lại thừa rõ cùng quý vị, giác ngộ triệt để nhất, viên mãn nhất là tin tưởng “*niệm Phật vãng sanh thành Phật*”, cũng có nghĩa là quý vị tiếp nhận pháp môn Tịnh Độ. Đó là đại triệt đại ngộ, còn triệt để, còn viên mãn hơn “*minh tâm kiến tánh*” trong Thiên Tông. Vì sao? Trong Thiên Tông, đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, sau khi đã ngộ còn phải khởi tu, tu hành còn bị thoái chuyển, còn bị mê khi cách ảm. Trong Tịnh Độ, tuy chẳng minh tâm kiến tánh, Kiến Tư phiền não cả một đống lớn, một phẩm cũng chẳng đoạn, nhưng quý vị có thể thật sự tin tưởng, nguyện thiết tha, đời này chắc chắn quý vị vãng sanh! Sau khi vãng sanh sẽ bất thoái thành Phật, đại triệt đại ngộ trong Thiên Tông làm sao có thể sánh bằng? Chẳng có cách nào so sánh! Hễ vãng sanh, quý vị quyết định chẳng thoái chuyển, quyết định chẳng bị mê khi cách ảm. Dầu là nguyện tâm của quý vị rất lớn, đến Tây Phương Cực Lạc thế giới tuy chưa có thành tựu, đã mong đến thế giới phương khác làm Bồ Tát hồng hóa độ chúng sanh, có bị mê khi cách ảm hay không? Chẳng có. Phàm là Bồ Tát đến từ Tây Phương Cực Lạc thế giới đều chẳng bị mê khi cách ảm. Trong bốn mươi tám nguyện có điều này, kinh Vô Lượng Thọ đã nói rõ. Có thể tin tưởng pháp môn này, có thể nương theo pháp môn này để tu học, tức là đạt đến giác ngộ triệt để rất ráo. Ngẫu Ích đại sư nói: “*Phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ là Vô Thượng Bồ Đề tâm*”, lời ấy nói chẳng sai tí nào, đó là đại hạnh.

(Sao) Ngôn công đức giả, tức thử hạnh nguyện, danh vi công đức. Đại Bôn vân: “Như thị tích công lũy đức, vô lượng thiên vạn ức kiếp, công đức viên bị, phương đắc thành tựu tư nguyện, nhi nhập Phật vị”.

(鈔)言功德者，即此行願，名為功德。大本云：如是積功累德，無量千萬億劫，功德圓備，方得成就斯願，而入佛位。

(Sao: Nói tới công đức thì hạnh nguyện này được gọi là công đức. Kinh Đại Bản nói: “Tích lũy công đức như thế trong vô lượng ngàn vạn ức kiếp, công đức trọn đủ, nên mới thành tựu nguyện ấy, bèn dự vào địa vị Phật”).

Đoạn này nói rõ tỳ-kheo Pháp Tạng công đức viên mãn, thành Phật. “Công” là công phu, “đức” có cùng một ý nghĩa với “đắc”. Quý vị đồ công đốc sức, tự nhiên liền có thể đạt được. Chẳng có công phu, sẽ chẳng đạt được! Công được nói ở đây là tu hành, “đức” là chứng quả, mà “đức” cũng là khôi phục tự tánh. Trong bộ kinh này, cũng là nói theo pháp môn Tịnh Độ, nói tới công đức là nói tới hạnh nguyện, “*phát Bồ Đề tâm, một mực chuyên niệm*”, đó là công đức. Bản thân chúng ta tu như vậy, thành tựu công đức của chính mình, khuyên người khác tu, giúp người khác thành tựu công đức.

“*Như thị tích công lũy đức*” (tích lũy công đức như thế). Trong lúc tu nhân, Phật Di Đà đã tích lũy công đức, thật sự chẳng thể nghĩ bàn! Nay chúng ta tích lũy công đức rất dễ dàng! Vì sao? Dùng một câu danh hiệu A Di Đà Phật, biến công đức đã tu trong vô lượng kiếp của A Di Đà Phật thành công đức của ta, điều này chẳng thể nghĩ bàn. Có lẽ chư vị sẽ nói, điều này làm sao có thể thực hiện được? Tôi nêu tỷ dụ, khoa học kỹ thuật hiện tại tân tiến nhất là ngành hàng không. Quý vị thấy máy bay được phát minh bao nhiêu năm? Bao nhiêu người [miệt mài] trong viện nghiên cứu, tốn bao nhiêu thời gian, bao nhiêu tinh lực, chế tạo thành công. Nếu chúng ta muốn chế tạo máy bay, cũng chẳng cần phải nghiên cứu, chỉ cần chiếu theo sơ đồ thiết kế (blueprint) bèn làm được. Thành quả trong vài thập niên của người khác, chúng ta đạt được trong chốc lát. Cùng một đạo lý, những gì A Di Đà Phật bao kiếp đã tu trong đời đời kiếp kiếp, chúng ta liền viên mãn trọn đủ ngay trong một niệm, đạt được toàn bộ, đó là Phật Di Đà đem công đức gia trì chúng ta. Tâm chúng ta phải tương ứng với tâm Phật Di Đà thì công đức của câu Phật hiệu mới viên mãn trọn đủ. Tâm chẳng giống A Di Đà Phật, niệm câu danh hiệu này “miệng có, tâm không”, công đức lợi ích rất khó đầy đủ, trọn vẹn. Chẳng thể nói là không có. Có! Nhưng chẳng viên mãn.

(Sao) Hoa Nghiêm nguyện hạnh giả, Hoa Tạng Thế Giới phẩm vân: “Thử Hoa Tạng Trang Nghiêm Thế Giới Hải, thị Tỳ Lô Giá Na vãng tích vi trần số Phật sở, tu vi trần số đại nguyện chi sở nghiêm tịnh”.

(鈔) 華嚴願行者，華藏世界品云：此華藏莊嚴世界海，是毗盧遮那往昔微塵數佛所，修微塵數大願之所嚴淨。

(Sao: “Hoa Nghiêm nguyện hạnh”: Phẩm Hoa Tạng Thế Giới [trong kinh Hoa Nghiêm] có nói: “Hoa Tạng Trang Nghiêm Thế Giới Hải này là do đức Tỳ Lô Giá Na trong quá khứ đã ở chỗ vi trần số Phật tu vi trần số đại nguyện chỗ để nghiêm tịnh”).

Kinh Hoa Nghiêm nói tới thế giới Hoa Tạng, chúng ta còn gọi thế giới ấy là Nhất Chân pháp giới. Đối với phần kinh văn được trích dẫn ở đây, quý vị cũng thấy rất dễ hiểu, thế giới Hoa Tạng do đâu mà có? Do Tỳ Lô Giá Na tu thành, chẳng khác A Di Đà Phật. A Di Đà Phật tham phòng hai trăm mười ức cõi nước, còn Tỳ Lô Giá Na Phật tại “vãng tích vi trần số Phật sở”, vi trần số Phật sở và hai trăm mười ức Phật sát chẳng khác nhau, ý nghĩa tương đồng. Phương pháp tu học hết sức phù hợp khái niệm khoa học hiện đại, nhất định phải tham phòng, nhất định phải khảo sát. Người Hoa nói: “*Đọc vạn cuốn sách, đi vạn dặm đường*”, chẳng ra khỏi cửa chẳng được! Tầm mắt chẳng thể mở mang! Đến thăm mỗi nơi, mở mang tầm mắt, mới thật sự liễu giải tướng thế gian. Sau đây, chúng ta đọc kinh, tự nhiên ngộ xứ khác hẳn, vì sao? Vì quý vị đã thấy rất nhiều khuyết điểm, xem kinh, thấy câu này có thể đối trị tật xấu ấy, ngay lập tức giác ngộ. Quý vị chẳng hiểu căn bệnh của chúng sanh, khi xem kinh, chẳng thể nhận biết, nên những gì quý vị nói và lãnh hội đều nằm trong chú giải của cổ nhân, chẳng có cách nào vận dụng trong cuộc sống hiện tại. Vì thế, quý vị phải xem nhiều, đến khắp nơi của Trung Hoa và ngoại quốc để xem cho nhiều! Đối với các tầng lớp nhân sự ở những nơi đó, tốt nhất là quý vị đều có thể tiếp xúc, đều có thể cùng họ trò chuyện thì mới có thể liễu giải. Sau đó, quý vị đọc kinh, ngộ xứ sẽ khác hẳn. Quý vị giảng Phật pháp cho người khác, cách giảng cũng khác hẳn, người khác nghe giảng, rất dễ tiếp nhận. Do vậy, trong Phật môn coi trọng tham học. Kinh Hoa Nghiêm đến cuối cùng là năm mươi ba lần tham học. A Di Đà Phật nhiếp thủ hai trăm mười ức quốc độ chính là tham học. Trong quá khứ, Tỳ Lô Giá Na Phật ở chỗ vi trần số Phật chính là tham học. Quý vị chẳng tham học thì làm sao được? Làm sao có thể thành tựu trí huệ cho được? Đó là dùng vô số đại nguyện để nghiêm tịnh, nên mới có thể giới Hoa Tạng.

(Sao) Hựu hạ vân: Phổ Hiền trí địa hạnh tất thành, nhất thiết trang nghiêm tùng thứ xuất, lệ Pháp Tạng nguyện hạnh, diệc do thị dã.

(鈔) 又下云：普賢智地行悉成，一切莊嚴從此出，例法藏願行，亦猶是也。

(Sao: Sau đó lại nói: “Trí địa của Phổ Hiền ắt phải do hạnh thành, hết thấy sự trang nghiêm từ đây mà ra”, phỏng theo lệ đó, nguyện hạnh của ngài Pháp Tạng cũng phải giống như vậy).

“*Phổ Hiền trí địa hạnh tất thành*”, trí địa của Phổ Hiền Bồ Tát cũng nương vào Hạnh thì mới có thể thành tựu. Trước có nguyện, sau có hạnh, đều nhằm nói rõ thứ tự giữa nguyện và hạnh. Phổ Hiền Bồ Tát là như thế, mà Tỳ Lô Giá Na Phật cũng là như thế. Có thể thấy ngài Pháp Tạng thành Phật cũng chẳng ra ngoài lệ ấy! Những câu này đều nhằm khích lệ chúng ta, nhất định là phải trước hết phát đại nguyện, dùng hạnh để đền đáp nguyện thì mới có thể thành tựu. Hôm nay chúng tôi giảng tới chỗ này!